TIẾN SĨ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

VIETNAMESE CONTEMPORARY DOCTORS

2

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
HÀ NỘI 2003

PHẠM VĨNH

TIẾN SĨ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

VIETNAMESE CONTEMPORARY DOCTORS

2

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
HÀ NỘI - 2003

PHẠM VĨNH

TIẾN SĨ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

TẬP 2

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
HÀ NỘI 2003

VIETNAMESE CONTEMPORARY DOCTORS

Volume 2

CULTURE AND INFORMATION PUBLISHING HOUSE
HANOI 2003

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Dân tộc Việt Nam có truyền thống hiếu học rất vẻ vang. Ngày nay truyền thống ấy đang được phát huy để xây dựng đất nước giàu đẹp, văn minh.

Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin xuất bản bộ sách Tiến sĩ Việt Nam hiện đại, *đây là công trình tổng hợp đầu tiên giới thiệu toàn cảnh chân dung tiến sĩ Việt Nam từ năm 1945 đến nay với nội dung phong phú, chân thực về tiểu sử và quá trình hoạt động khoa học.*

Bộ sách là nguồn tư liệu quý giá, là pho "từ điển" về một bộ phận trí thức Việt Nam đương đại thuộc đủ các ngành khoa học với nhiều nhà khoa học hàng đầu. Đồng thời cũng là công trình khuyến học, khuyến tài để tôn vinh, khích lệ nền học vấn nước nhà.

Bộ sách gồm nhiều tập được in với tiêu chuẩn kỹ thuật, mỹ thuật cao. Mỗi tập trên 1.000 trang sẽ giới thiệu 1.000 tiến sĩ.

Tiến sĩ Việt Nam hiện đại *được biên soạn công phu, khoa học sẽ rất hữu ích cho mọi tầng lớp bạn đọc hôm nay và mai sau.*

Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin xin trân trọng giới thiệu Tiến sĩ Việt Nam hiện đại *cùng bạn đọc trong và ngoài nước.*

Hà Nội 2003
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

PUBLISHER'S NOTE

The Vietnamese nation has a glorious tradition of studiousness. Today that tradition is being brought into full play in order to build the country into a rich, beautiful and civilised one.

The Culture and Information Publishing House publishes the book entitled Vietnamese Contemporary Doctors, *the first comprehensive work introducing the portraits of Vietnamese doctors from 1945 until now with a rich and true content about their biographies and process of scientific activity.*

The book is a precious source of materials , a dictionary about part of the contemporary Vietnamese intelligentsia belonging to all branches of science with leading scientists . It is at the same time a work of encouraging learning and encouraging talented people with a view to venerating and encouraging the country's learning .

The book comprises many volumes printed with high technical and artistic standards . Each volume consists of over 1,000 pages introducing 1,000 doctors.

Vietnamese Contemporary Doctors, *elaborately and scientifically compiled , will be of great use for all strata of readers today and tomorrow. The Culture and Information Publishing House has the honour to introduce* Vietnamese Contemporary Doctors *to readers inside and outside Vietnam.*

Hanoi, 2003

CULTURE AND INFORMATION PUBLISHING HOUSE

LỜI NÓI ĐẦU

Lịch sử loài người là lịch sử các nền văn minh nối tiếp nhau không cùng. Con người đã đi từ đêm đen nguyên thuỷ đến ánh sáng của lửa và điện, từ hang sâu hái lượm đến đô thị công nghiệp, từ tiếng hú gọi bầy mông muội thuở hồng hoang đến Internet toàn cầu. Trong tích tắc con người có thể đưa tay lên đầu, nhưng phải mất nhiều triệu năm mới đi được từ văn minh cơ bắp tới văn minh trí thức.

Sức mạnh con người là trí tuệ. Sức mạnh quốc gia cũng là trí tuệ.

Trước đây gần một ngàn năm, vào năm 1076 vua Lý Nhân Tông đã cho xây dựng Quốc Tử Giám, trường đại học đầu tiên của nước ta để đào tạo nhân tài. Trong hơn 800 năm khoa bảng ông cha ta đã tuyển chọn được 2.898 tiến sĩ. Năm 1484 vua Lê Thánh Tông đã cho khắc Bia Tiến sĩ đặt ở Văn miếu Quốc Tử Giám Thăng Long. Trải qua bao cuộc bể dâu, đến nay còn lại 82 bia ghi danh 1.306 tiến sĩ. Những tấm bia này đã trở thành báu vật quốc gia, là niềm tự hào dân tộc.

"... Hiền tài là nguyên khí quốc gia. Nguyên khí vững thì thế nước mạnh và thịnh, nguyên khí kém thì thế nước yếu và suy, cho nên các thánh đế minh quân không ai không chăm lo xây dựng nhân tài ". (Bia khoa thi năm 1442).

"... Kẻ sĩ được khắc tên lên bia đá này phải làm sao cho danh xứng với thực. Sửa đức hạnh. Người nắm việc kỷ cương thì nghĩ sao cho chính sự trong sạch. Người cai trị địa phương thì lo làm sao tỏ đức vua mà thấu tình dân..." (Bia khoa thi năm 1463).

Truyền thống hiếu học và trọng trí thức của dân tộc ta như một dòng sông lớn không bao giờ ngừng chảy, dẫu có nhiều khúc quanh co, ghềnh thác.

Năm 1945 nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã coi giặc dốt cũng nguy hiểm như giặc đói và giặc ngoại xâm. Sau gần 100 năm mất nước, 95% dân ta bị mù chữ. Việt Nam thời ấy chỉ có vài ba tiến sĩ do thực dân đào tạo. Sau hơn 50 năm giành độc lập hiện nay nước ta đã có hàng ngàn tiến sĩ. Con số ấy đã xoá đi bao nỗi mặc cảm. Con số ấy cũng phần nào thể hiện tầm vóc học vấn của dân tộc ta. Tên tuổi Việt Nam đã vang lên trong các kỳ thi trí tuệ quốc tế. Nhiều người Việt Nam đã ngẩng cao đầu bước lên bục giảng các trường đại học danh tiếng thế giới. Nhiều người trở thành chuyên gia bậc thầy ở các nước tiên tiến. Nhân loại nhận ra một Việt Nam hiếu học chứ không hiếu chiến.

Chúng ta biết ơn nhân dân ta đã đổ bao mồ hôi, xương máu trong lửa đạn chiến tranh khốc liệt, trong vất vả đói nghèo để nuôi con em mình ăn học nên người. Bởi vì nhân dân hiểu rằng tri thức là tài sản vô giá, là vốn quý nhất của mình. Chúng ta thấm thía không có tri thức không thể thoát khỏi đói nghèo. (Nghìn năm Nho giáo chỉ dạy làm quan, không dạy làm khoa học).

Nhà nước ta đã coi sự nghiệp giáo dục, khoa học là quốc sách hàng đầu. Chúng ta hy vọng nhiều tinh hoa, trí tuệ dân tộc sẽ được tích tụ, thăng hoa vào khoa học. Tiềm lực đất nước sẽ được đầu tư thoả đáng cho khoa học. Mong sao những nhà khoa học không còn phải bươn trải mưu sinh, hoặc bị phân thân quá nhiều trong quản lý, để toàn tâm, toàn lực cống hiến cho khoa học, làm giầu cho đất nước.

Bộ sách Tiến sĩ Việt Nam hiện đại *giới thiệu toàn cảnh chân dung các tiến sĩ Việt Nam đương đại từ năm 1945 đến nay trên toàn quốc và ở nước ngoài, với nội dung khái quát về tiểu sử, quá trình công tác, luận án tiến sĩ, những thành tựu khoa học tiêu biểu đã đạt được, những dự định khoa học tương lai, những lời tâm huyết của các tiến sĩ với đất nước...*

Sau nhiều năm sưu tầm, ghi chép, tập hợp tư liệu từ các nguồn khác nhau, được sự đồng tình hưởng ứng và giúp đỡ nhiệt thành của rất nhiều tiến sĩ, giáo sư, nhà khoa học, nhà văn hoá, nhiều đồng chí lãnh đạo, nhiều cơ quan, đơn vị, trường đại học, học viện... và các phương tiện thông tin đại chúng, chúng tôi đã có được nguồn tư liệu quý giá, đáng tin cậy, đủ phong phú để biên soạn xuất bản bộ sách Tiến sĩ Việt Nam hiện đại. *Nhân đây chúng tôi xin chân thành cảm ơn các quý vị và quý cơ quan. Tuy nhiên cũng còn một số tiến sĩ chưa kịp gửi hồ sơ vì chưa có thông tin về bộ sách. Chúng tôi mong sớm nhận được tư liệu của quý vị để biên soạn xuất bản vào các tập sau.*

Tiến sĩ Việt Nam hiện đại *được biên soạn theo nguyên tắc : công khai, dân chủ, khách quan, khoa học. Có tư liệu trước, biên soạn xuất bản trước. Có tư liệu sau, biên soạn xuất bản sau. Các tập đều bình đẳng như nhau. Vì là sách tư liệu nên tính trung thực được đặt lên hàng đầu. Mỗi tập trên 1.000 trang khổ lớn, giới thiệu 1.000 tiến sĩ, theo thứ tự A, B, C, cuối sách có mục lục tiến sĩ chuyên ngành.*

Mỗi trang sách mang nặng một tấm lòng, chứa đựng một sự nghiệp, dấu ấn một cuộc đời. Nhiều tiến sĩ đã trở thành những nhà khoa học đầu ngành, tên tuổi quen thuộc trong, ngoài nước. Nhiều tiến sĩ không màng danh lợi, đã và đang miệt mài, lặng lẽ dồn hết tâm lực làm khoa học trong khó khăn thiếu thốn vật chất, cống hiến bao thành tựu cho đất nước mà tên tuổi ít được ai biết đến. Có tiến sĩ đã đi được trọn vẹn cuộc đời. Có tiến sĩ tuy tuổi cao, sức yếu nhưng vẫn còn tràn đầy nhiệt huyết nghiên cứu, sáng tạo.

Rất nhiều tiến sĩ mới bắt đầu sự nghiệp với bao hoài bão lớn lao... Tất cả đều xứng đáng được trân trọng trước những chân trời khoa học, trước biển cả tri thức mênh mông.

Vì khuôn khổ chật hẹp của trang sách, chúng tôi lấy làm tiếc đã không thể giới thiệu được nhiều hơn nữa về các tiến sĩ. Chắc chắn bộ sách không tránh khỏi những khiếm khuyết, mong bạn đọc và các tiến sĩ thông cảm, góp ý để các tập sau hoàn hảo hơn.

Tiến sĩ Việt Nam hiện đại *như một bức phác thảo chân dung, tuy chưa thật trọn vẹn, nhưng công trình đã được làm nên từ lòng tự trọng dân tộc và văn hoá Việt Nam, với niềm khát vọng góp phần xây dựng xã hội ta thành xã hội học tập, đất nước ta thành đất nước tri thức, dân tộc ta thành dân tộc thông thái, sánh vai cùng các cường quốc năm châu trong thế kỷ 21.*

Hà Nội 2003
PHẠM VĨNH

FOREWORD

The history of mankind is that of endlessly continuous civilisations. Man has gone from the darkness of the primitive age to the light of fire and electricity. From the deep caves of fruit collecting to industrial cities, from the wild call for herd of the times of great antiquity to global Internet. In a tick tack man can raise his hand to his head, but it will take millions of years to go from muscular civilisation to knowledge civilisation.
Man's strength is wisdom. The strength of the nation is also wisdom.
Nearly one thousand years ago, in 1076 King Ly Nhan Tong had the Quoc Tu Giam built. Quoc Tu Giam was our country's first university to train talented people. During 800 years of academical training our forefathers managed to select 2,898 doctors. In 1484 King Le Thanh Tong had the stelae of doctors erected at Quoc Tu Giam, Thang Long, the capital. After so many changes there remain 82 stelae bearing the names of 1,306 doctors. These stelae have become the nation's treasure and pride.

"...Virtuous and talent people constitute the vitality of the nation. If the vitality is strong, the country's position is solid. If the vitality is weak, the country's position is weak and feable, therefore, no clearsighted kings did not care to train talents". (Stele on the occasion of the 1442 royal examination).
"...The student whose name is engraved on this stele should be worthy of his name and improve his morality. The man who holds the rules of conduct should think how to make his business healthy. The local administrator should care about illuminating the king's virtues and understand the people's feelings". (Stele erected on the occasion of the 1463 royal examination).
Our nation's tradition of studiousness and respect for the intellectuals is like an endless large wave, despite the many bendings, boulders and water falls

The Democratic Republic of Vietnam was born in 1945. President Ho Chi Minh regarded illiteracy as dangerous as famine and foreign invaders. After nearly one hundred years

of losing the country's independence, 95% of the people were illiterates. At that time in Vietnam there were only a few doctors trained by the colonialists. After over fifty years of independence our country counts a thousand of doctors. That figure has erased so many complexes. That figure partly represents the learning stature of our nation. The name of Vietnam, resounded in many international intellectual competitions. Many Vietnamese, their heads high, stepped into the auditorium of world famous universities. Many have become master experts in advanced countries. Mankind has come to know a studious, not warlike Vietnam.

We are grateful to our people who have shed much sweat, blood and bones in the fierce fire of war, in hardships and poverty, so that their children could have a good schooling .

It is because the people understand that knowledge is their most precious asset. We fully understand that without knowledge we cannot escape hunger and poverty. (During one thousand years under Confucianism we were taught to be mandarins, not scientists) Our State regards education and science as leading State policies. We hope that national quintessence and wisdom will be accumulated into science. The nation's potentials will be adequately invested into science. We hope that scientists will not have to make efforts to earn their living or be too much divided in management so that they can devote their heart and strength to science and enriching the country.

The book Vietnamese Contemporary Doctors *introduces the panorama of portraits of Vietnamese contemporary doctors from 1945 until now in the whole country and outside the country, with a generalised content about their biographies, working process, doctorate theses, the typical scientific achievements recorded, their scientific intentions in the future, and the confidential words of those doctors to the nation.*

After years of documentation and annotation from different sources, with the sympathy and welcoming and support of many doctors, professors, scientists, people of culture, leaders, offices, units, universities, institutes and mass media, we have gathered valuable and reliable documents enough to compile and publish the book Vietnamese Contemporary Doctors. *We would like to take this opportunity to sincerely thank you and your offices. However, some doctors have not sent their dossiers as they are not informed about the book . We hope to receive documents from you as soon as possible to compile and publish them subsequently.*

Vietnamese Contamporary Doctors *is compiled according to the open, democratic, and scientific principle. The documents we receive first are published first. The documents we receive later are published later. All the volumes are equal. As it is a documentary book, its honesty is placed above all. Each volume comprises over 1000 pages in big format. One thousand doctors are introduced in the alphabetical order . At the end of each volume there is an index of doctors by speciality.*

Each page contains a heart, carries a career and the hallsmark of a life. Many doctors have become leading scientists whose names are familiar in the world and the country. Many doctors do not care about fame and profits. They have been quietly devoting their heart and soul to science in difficult material conditions. Although their contributions to the nation are so great their names are barely known. Some doctors have gone through their life. Some others, though advanced in age and in poor health, are full of energy in their passion for research and creativity. Many doctors have just started their career with

many great expectations . All of them deserve to be respected in face of the horisons of science and the immense sea of knowledge .

Owing to the limited space of the book we regret that we cannot give more information about the doctors. Certainly the book cannot avoid shortcomings. We hope that our readers and doctors will understand us and make suggestions so that we can improve our work in the next volumes.

Vietnamese Contemporary Doctors *is a sketch of the portraits. Though it is nor perfect, the work has been compiled on the basis of national self respect of Vietnamese culture, with the desire to contribute to building our society into a society of learning, to building our country into a country of knowledge, to building our nation into a unified nation that can match with other powers on the five continents in the 21st century.*

Hanoi, 2003

PHAM VINH



ĐỖ VĂN ÁI

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 22 - 05 - 1939
Quê quán: Đáp Cầu - thị xã Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh
Chỗ ở hiện nay: P.206 Nhà B1 Trần Huy Liệu - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu
Vụ kỹ thuật, Tổng cục Địa chất.
Đoàn nghiên cứu Địa chất 45 (Tổng cục Địa chất).
Viện Nghiên cứu Địa chất và khoáng sản, Bộ Công nghiệp.
Trưởng phòng Phân tích thí nghiệm.
Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.
Giám đốc Trung tâm Địa sinh thái - Viện Địa chất và Môi trường - Hội Địa chất Việt Nam.
Thực tập sinh và nghiên cứu sinh tại Viện Địa hoá và Hoá phân tích Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô; Matxcơva.
Thành viên Hội Địa chất Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972
Tại Viện Địa hoá và Hoá phân tích - Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, Matxcơva.
Ngành Địa chất - Khoáng vật học.
Chuyên ngành Địa hoá học.

Đề tài luận án

Quy luật phân bố, Bor (B) trong đất, nước, thực vật vùng Tây Kazakxtan và Bắc Turkmenia.

Nội dung

Nghiên cứu quy luật phân bố của Bor (B) và một số vi nguyên tố khác trong đất, nước và thực vật vùng Trung Á Tây Kazakxtan. Tác giả nghiên cứu những đặc điểm địa hoá của Bor (B) cũng như Đồng (Cu), Mangan (Mn), Niken (Ni), Stronxi (Sr) và Bari (Ba) trong các kiểu đất khác nhau thuộc các đới thảo nguyên khô, bán sa mạc và sa mạc, trong các nguồn nước sông, hồ và nước dưới đất, trong những thực vật chủ yếu của vùng Tây Kazakxtan và Bắc Turkmenia. Đã phát hiện được vùng cao nguyên Uxtiurt khá giàu Bor (B) và Stroxi (Sr), đó là tiền đề cho vấn đề nghiên cứu tỉnh sinh địa hoá dư thừa B và Sr ở đây.

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm sáng tỏ một số quy luật địa hoá của Bor (B) trong đới biển sinh vùng Trung Á Liên Xô, có ý nghĩa thực tiễn trong phương pháp luận tìm kiếm Bor (B) cũng như những giải pháp khắc phục tai biến môi trường địa chất trong lĩnh vực nông nghiệp và bảo vệ sức khoẻ cộng đồng.

Thành tựu khoa học

Chủ biên một số công trình nghiên cứu:
Đặc điểm địa hoá của Bor (B), Brom (Br), Iod (I) trong các nham thạch trầm tích Neogen miền võng Hà Nội và ý nghĩa tìm kiếm dầu khí.
Bản đồ cảnh quan địa hoá Việt Nam theo điều kiện áp dụng các phương pháp địa hoá tìm kiếm mỏ, tỷ lệ 1: 1.000.000.
Nghiên cứu đặc điểm địa hoá Iod (I) và một số nguyên tố vi lượng khác trong các thành tạo địa chất liên quan đến bệnh bướu cổ và đần độn của con người thuộc một số tỉnh miền núi phía Bắc.
Đồng tác giả một số công trình nghiên cứu khác và nhiều bài báo, báo cáo thuộc lĩnh vực địa chất - địa hoá đã công bố trong và ngoài nước.
Huy chương kháng chiến hạng hai.

Dự định khoa học

Nghiên cứu địa hoá ứng dụng trong công tác địa chất, đặc biệt trong lĩnh vực phục vụ phát triển nông nghiệp, y tế và bảo vệ môi trường.



TRƯƠNG CÔNG AM

Tiến sĩ Luật học

Sinh ngày: 10 - 02 - 1955.
Quê quán: Bảo Khê - Kim Động - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 414/C3 Tập thể Thành Công - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học An ninh nhân dân, Bộ Công an.
Giáo viên Trường Đại học An ninh nhân dân, Bộ Công an.
Học Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Học cao học an ninh tại Trường Đại học An ninh nhân dân.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học An ninh nhân dân.
Hiện là Phó Chủ nhiệm bộ môn Tâm lý, Trường Đại học An ninh nhân dân.
Hội viên Hội Tâm lý học và Giáo dục học Việt Nam; Hội Thông tin tư liệu khoa học và công nghệ Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000.
Tại Trường Đại học An ninh Nhân dân.
Ngành Luật học.
Chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự.

Đề tài luận án

Tác động tâm lý trong hoạt động điều tra hình sự các vụ án phạm các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia.

Nội dung

Luận án trình bày lý luận về tác động tâm lý trong hoạt động điều tra hình sự: Khái niệm, mục đích, chủ thể, khách thể, các nguyên tắc, phương pháp tác động tâm lý trong hoạt động điều tra vụ án. Thực tế áp dụng tác động tâm lý của cơ quan an ninh điều tra, Bộ Công an trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; những ưu, nhược điểm, nguyên nhân của tình hình trên... Trên cơ sở đó đề xuất hệ thống các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả tác động tâm lý của cơ quan an ninh điều tra trong quá trình điều tra hình sự đối với các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia. Bao gồm các biện pháp về tổ chức, bồi dưỡng, xây các phẩm chất tâm lý phù hợp cho điều tra viên; Xây dựng quy trình tác động tâm lý trong quá trình điều tra hình sự vụ án; Đề xuất cách giải quyết các tình huống tác động tâm lý đối với bị can, người làm chứng, người nhận dạng và người tham gia đối chất trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia...

Thành tựu khoa học

Các đề tài khoa học đã nghiệm thu và các giáo trình đã biên soạn:
Tính cách người cán bộ trinh sát.
Động cơ khai báo của bị can phạm tội trốn đi nước ngoài ở HP. và những vấn đề cần chú ý trong quá trình hỏi cung.
Những đặc điểm tâm lý của điều tra người H' và những vấn đề cần chú ý trong công tác lãnh đạo, sử dụng.
Tâm lý hoạt động điều tra.
Đấu tranh động cơ ở bị can phạm các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia và tác động tâm lý hướng dẫn đấu tranh động cơ đối với bị can đó trong quá trình hỏi cung.
Hỏi cung bị can phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia trong tình hình hiện nay ở Việt Nam.
Giáo trình Tâm lý hoạt động điều tra.
Sách đã xuất bản:
Tác động tâm lý trong hoạt động điều tra hình sự
Nxb Công an nhân dân.
Huy chương Vì an ninh Tổ quốc;
Huân chương chiến công hạng ba.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tâm lý hoạt động điều tra, tâm lý học tội phạm, tâm lý học nghiệp vụ an ninh.



ĐẶNG THỊ AN

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 05 - 01 - 1955.
Quê quán: Phù Đổng - Gia Lâm - Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: Tổ 8 - phường Nghĩa Đô - quận Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Phòng Tài nguyên thực vật (Viện Sinh vật), nay thuộc Viện Sinh Thái và Tài nguyên sinh vật.
Trưởng phòng Hoá Môi trường và Tài nguyên sinh vật
Hội viên Hội Phân tích Lý - Hoá - Sinh Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991
Tại Viện Sinh vật - Viện Khoa học Việt Nam (nay là Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia)
Chuyên ngành Sinh hoá thực vật

Đề tài luận án

Động thái sinh khối và tích luỹ tinh dầu ở cây sả Gia va (Cymbopogon Winterianus Jowitt) trồng ở Việt Nam.

Nội dung

Thành phần hoá học của tinh dầu sả Gia va trồng ở Việt Nam

Sự biến động của sinh khối, hàm lượng và chất lượng tinh giầu ở sả Gia va trong mối quan hệ với các giai đoạn sinh trưởng và phát triển, các yếu tố sinh thái cũng như quá trình bảo quản.

Dự định khoa học

Đi sâu nghiên cứu các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tìm cơ hội ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực môi trường vào thực tiễn nhằm góp phần bảo vệ môi trường.

Lời Tiến sĩ .

Nhà nước cần dành riêng kinh phí hàng năm cho đào tạo cán bộ khoa học, đặc biệt ưu tiên cho các cán bộ khoa học trẻ.
Cần có biện pháp quản lý và giám sát việc thực hiện các đề tài, đề án nghiên cứu sao cho đạt hiệu quả cao một cách đích thực.
Tạo điều kiện cho các nhà khoa học phát huy năng lực, giữ được niềm say mê thực sự trong nghiên cứu khoa học.



HOÀNG TƯ AN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 02 - 07 - 1940
Quê quán: Nhân Thành - Yên Thành - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học Thuỷ Lợi - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Thuỷ Lợi.
Cán bộ giảng dạy Đại học Thuỷ Lợi
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô cũ.
Trưởng bộ môn Thuỷ Lực - Đại học Thuỷ Lợi.
Hội viên Hội Cơ học Việt Nam, Hội Cơ học Thuỷ Khí Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1975
Tại Trường Đại học Bách Khoa Lêningrat - Liên Xô.
(nay là Trường Đại học Kỹ thuật Tổng hợp Xanh Pêtecbua, Liên Bang Nga).
Chuyên ngành Khoa học Kỹ thuật.

Đề tài luận án

Nối tiếp hạ lưu các công trình tháo nước có độ dốc lớn.

Nội dung

Luận án đã mở rộng lý thuyết dòng tia rối và lớp biên để nghiên cứu một số đặc trưng thuỷ động lực học và hình học của hiện tượng nối tiếp bằng nước nhảy đáy sau các công trình tháo nước có độ dốc lớn thuận và nghịch cũng như hiện tượng nước nhảy ở giữa hai kênh có độ dốc thay đổi. Các đặc trưng đó được biểu diễn ở dạng các công thức giải tích có thể ứng dụng dễ dàng trong thực tiễn xây dựng công trình thuỷ lợi.

Thành tựu khoa học

Đã công bố trên 40 bài báo và báo cáo khoa học trên các tạp chí khoa học trong, ngoài nước và các tuyển tập của các hội nghị cơ học và cơ học thuỷ khí toàn quốc.
Các đề tài cấp Bộ (chủ trì, chủ trì đề mục hoặc tham gia) đã nghiệm thu:
Xử lý vi khí hậu khu vực Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh;
Quy hoạch phòng lũ hệ thống sông Cả, Nghệ An;
Tương tác giữa chất lỏng với vật rắn tuyệt đối, biến dạng và đàn hồi;
Thành lập bản đồ dự báo ngập lụt tỉnh Thừa Thiên Huế và các đề tài ứng dụng khác.
Sách và tài liệu tham khảo:
Giáo trình thuỷ lực (dùng cho tại chức ở Lào).
Tham gia biên soạn *Từ điển Bách khoa Nông nghiệp* và *Từ điển Bách khoa Việt Nam.*
Dòng tia rối và ứng dụng (bài giảng cho cao học Đại học Thuỷ Lợi).
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
Vì sự nghiệp giáo dục và sự nghiệp thuỷ Lợi.
Nhà giáo ưu tú - 1992.
Được phong Giáo sư năm 1996.



HOÀNG VĂN AN

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 26 - 9 - 1945
Quê quán: Đại An - Văn Quan - Lạng Sơn.
Chỗ ở hiện nay: Đường Giếng Tiên - Phường Chi Lăng - Thị xã Lạng Sơn

Quá trình công tác

Giảng viên Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc (Thái Nguyên).
Chủ nhiệm Khoa Ngữ văn Đại học Sư phạm Việt Bắc.
Nghiên cứu sinh ở Liên Xô.
Hiệu trưởng Trường Sư phạm 12+3 Lạng Sơn, Hiệu trưởng Trường Sư phạm Lạng Sơn.
Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Lạng Sơn.
Hội viên: Hội Ngôn ngữ học Việt Nam; Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam; Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam; Hội Nhà báo Việt Nam.
Ủy viên: BCH Hội Ngôn ngữ Việt Nam khoá 3. Chi Hội trưởng chi hội Ngôn ngữ học tỉnh Lạng Sơn. Chi Hội trưởng Chi hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam tỉnh Lạng Sơn. Uỷ viên UBMTTQ Việt Nam tỉnh Lạng Sơn.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1978.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Varônhet Liên Xô cũ.
Ngành Ngữ văn

Đề tài luận án

Tiếng Nga - Ngôn ngữ giao tiếp chung giữa các dân tộc trong tình hình ngôn ngữ ở Việt Nam.

Nội dung

Tình hình nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội, thành tựu và những vấn đề chưa được nghiên cứu.
Quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội. Sự phát triển đa ngữ, song ngữ, chức năng xã hội của ngôn ngữ. Tiếng Nga là ngôn ngữ giao tiếp chung giữa các dân tộc ở Liên Xô. Quan hệ ngôn ngữ và chữ viết. Tình hình ngôn ngữ ở Việt Nam. Sự hình thành và phát triển ngôn ngữ giao tiếp chung giữa các dân tộc ở Việt Nam. Chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam... Âm chuẩn và phương ngôn cơ sở tiếng Tày Nùng. Cải tiến chữ viết Tày Nùng...

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Nét đẹp văn hoá trong thơ văn và ngôn ngữ dân tộc.
Tập 1, 2. *Một vùng thơ văn của đất nước.* Nxb Văn hoá dân tộc
Các nhà thơ nhà văn dân tộc và miền núi. Nxb Văn hoá dân tộc
Những vấn đề phân tích khoa học trong sự nghiên cứu khoa học ngữ văn (tiếng Nga, viết chung). Varônhet.
Nghiên cứu ngữ nghĩa so sánh của tiếng Nga (tiếng Nga, viết chung). Varônhet.
Tình hình ngôn ngữ ở Việt Nam dưới ánh sáng của ngôn ngữ học xã hội Mác-xít.
Ngôn ngữ học xã hội Xô viết và sự hình thành ngôn ngữ giao tiếp chung giữa các dân tộc ở Việt Nam.
Những vấn đề ngữ văn trong nhà trường (viết chung) Đại học Sư phạm Việt Bắc - Sở Văn hoá thông tin Bắc Thái.
Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ vựng Tập 1, (viết chung) Viện Ngôn ngữ, UBKH xã hội.
Một số vấn đề lịch sử - văn hoá các dân tộc ở Việt Bắc (viết chung). Bộ Văn hoá - Bảo tàng Việt Bắc.
Cuối thế kỷ XX nhìn lại Tập 3 (viết chung). Hội Văn học nghệ thuật Lạng Sơn.
Nhiều bài viết và công trình nghiên cứu, phê bình văn học, thơ đã đăng trên sách, báo, trung ương, địa phương...
Huy chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục đào tạo
Vì sự nghiệp văn học nghệ thuật
Vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tiếng Dao Tràng Định Lạng Sơn
Nghiên cứu sưu tầm văn hoá dân gian dân tộc Nùng.
Nghiên cứu tiếng dân tộc thiểu số và tiếng Việt.
Sưu tầm, nghiên cứu, thơ ca danh lam, thắng cảnh xứ Lạng.
Giới thiệu thành tựu văn học nghệ thuật Lạng Sơn.



NGUYỄN HỮU AN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 25 - 11 - 1942.
Quê quán: Ngọc Lâm - Mỹ Hào - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay:
113 ngõ Gốc Đề - Minh Khai - Hà Nội.

Qúa trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Xây dựng - Đại học Bách khoa Hà Nội.
Khoa Công trình thuỷ - Đại học Xây dựng Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Bách khoa Lêningrat - Liên Xô cũ.
Trưởng bộ môn Xây dựng công trình trên sông và Nhà máy thuỷ điện - Đại học Xây dựng Hà Nội.
Uỷ viên thường trực Hội đồng khoa học và đào tạo.
Trưởng phòng Đào tạo - Đại học Dân lập Văn Lang thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Cơ học Việt Nam.
Hội Xây dựng Việt Nam.
Hội Thuỷ lợi Việt Nam.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984
Tại Đại học Bách khoa Lêningrát - Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Xây dựng công trình thuỷ.

Đề tài luận án

Nghiên cứu vị trí hợp lý của kết cấu chống thấm trong đập bằng đất, đá.

Nội dung

Trên cơ sở đảm bảo điều kiện làm việc tốt nhất về thấm và ổn định, luận án đề xuất cách xác định vị trí hợp lý của các kết cấu chống thấm (lõi giữa, tường nghiêng) trong thân đập đất, đá.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu:

Đánh giá hiện trạng các công trình trong hệ thống thuỷ nông Bắc Hưng Hải.

Đánh giá về thấm và ổn định thấm qua các số liệu thực đo của đập thuỷ điện Hoà Bình.

Phương pháp đo lưu lượng qua tổ máy của Nhà máy thuỷ điện Hoà Bình.

Nghiên cứu các giải pháp nâng cao sự an toàn cho hệ thống đê sông đồng bằng Bắc Bộ.

Công trình đã được ứng dụng:

Thiết kế sửa chữa, đắp mới và xử lý sự cố trên một số đoạn đê sông thuộc các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên.

Đồng chủ trì thiết kế kè bảo vệ biển Viện 378 Bộ Nội vụ (Nha Trang - Khánh Hoà).

Đánh giá ổn định sườn núi bờ phải đập thuỷ điện Hoà Bình, nơi đặt tượng đài Bác Hồ.

Chủ trì thẩm định và thiết kế bổ sung các phương án bậc thang của dự án thuỷ điện Sơn La trong giai đoạn luận chứng kinh tế kỹ thuật.

Chuyên gia Hội đồng cấp Nhà nước an toàn đập Hoà Bình - Cục Phòng chống lụt bão và Quản lý đê điều.

Thành viên nhiều Hội đồng cấp Nhà nước, cấp Bộ về thẩm định và an toàn công trình thuộc lĩnh vực xây dựng thuỷ lợi.



NGUYỄN MẠNH AN

Tiến sĩ Toán - Lý

Sinh ngày: 01 - 08 - 1958.
Quê quán: Quảng Tân - Quảng Xương - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 72 - Lê Lai - Thành phố Thanh Hoá.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Đại học Tây Nguyên.
Học cao học tại Đại học Sư phạm Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Trường Cao đẳng Sư phạm Thanh Hoá.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Sư phạm - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Đại học Hồng Đức
Hiện là Trưởng khoa Kỹ thuật Công nghệ - Trường Đại học Hồng Đức - Thanh Hoá.
Hội viên Hội Vật lý Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Quốc gia Hà Nội
Ngành Toán Lý
Chuyên ngành Vật lý lý thuyết và Vật lý toán

Đề tài luận án:

Phương pháp toán tử thống kê không cân bằng và ứng dụng của nó vào động hoá học.

Nội dung

Trên cơ sở nghiên cứu phương pháp toán tử thống kê không cân bằng của D.N. Zubarev, luận án đi sâu giải quyết bài toán sự phụ thuộc của tốc độ phản ứng hoá học vào nhiệt độ một cách trọn vẹn bằng nhiều phương pháp khác nhau, cụ thể là xây dựng phương trình vi phân tổng quát mô tả sự phụ thuộc đó, giải phương trình vi phân này bằng phương pháp tích phân trực tiếp và bằng phương pháp lặp Picard.
Luận án khảo sát bài toán về sự phụ thuộc của tốc độ phản ứng hoá học vào nồng độ số hạt, mà thực chất là xét động học phản ứng đơn phân tử trên cơ sở lý thuyết toán tử thống kê không cân bằng.
Phần cuối luận án dành cho việc tích phân số hệ phương trình vi phân mô tả cơ chế các phản ứng hoá học phức tạp trên máy tính điện tử đủ mạnh.

Dự định khoa học

Tham gia nghiên cứu cùng với Viện Khoa học Vật liệu nhằm sử dụng phương pháp toán sử thống kê không cân bằng cũng như cơ học thống kê lượng tử để nghiên cứu khoa học vật liệu, đặc biệt là vật liệu từ và siêu dẫn.



NGUYỄN THÚC AN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 25 - 02 - 1939.
Quê quán: Tảo Dương Văn - Ứng Hoà - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 101 nhà 9 Tập thể Đại học Thuỷ Lợi - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên, Trưởng bộ môn Cơ học lý thuyết Trường Đại học Thuỷ Lợi.
Hội viên Hội Cơ học Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1971.
Tại Trường Đại học xây dựng Mátxcơva Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Cơ học ứng dụng

Đề tài luận án

Áp dụng lý thuyết sóng dẻo và sóng đàn hồi để xác định đặc trưng năng lượng của búa cọc.

Nội dung

Trên cơ sở lý thuyết va chạm dọc của vật rắn vào thanh đàn hồi, đàn dẻo, tác giả đã giải trọn vẹn 4 bài toán va chạm của búa vào cọc.
Va chạm của búa vào cọc tự do.
Va chạm của búa vào cọc tựa trên nền cứng.
Va chạm của búa vào cọc với lực chống ở đáy cọc không đổi.
Va chạm của búa vào cọc đàn dẻo tuyến tính bán vô hạn.
Các kết quả đạt được nhằm bổ sung hoàn thiện về lý thuyết va chạm dọc của vật rắn vào thanh, mặt khác kết quả này có khả năng ứng dụng để thi công cọc nhằm chọn đệm, đầu búa để cọc đóng được an toàn, hiệu quả cao.

Thành tựu khoa học

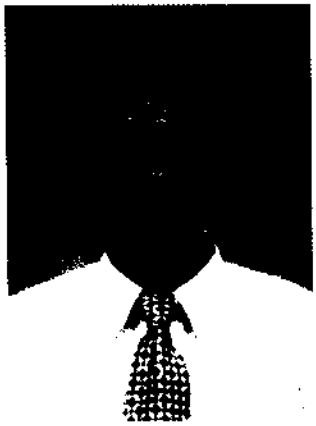
Chủ nhiệm một số đề tài nghiên cứu về khoa học cơ bản cấp Nhà nước:
Viết một số sách chuyên khảo.
Trên 40 bài báo đã đăng.
Tham gia đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.
Được phong Nhà giáo ưu tú năm 1990.
Được phong Giáo sư năm 1992
Huân chương Lao động hạng ba

Dự định khoa học

Tham gia nghiên cứu và hoàn thiện lý thuyết va chạm dọc của thanh và ứng dụng các kết quả lý thuyết đã đạt được vào thi công móng cọc.

Lời Tiến sĩ

Muốn cả cuộc đời cho khoa học và đào tạo.



PHAN AN

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 19 - 5 - 1941.
Quê quán: Kim Bình - Kim Bảng - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 11 Ngõ Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy, Trường Đại học Y Hà Nội.
Phó Trưởng bộ môn Hoá Trường Đại học Y Hà Nội.
Phó Trưởng bộ môn Hoá - Hoá sinh Trường Đại học Y Hà Nội.
Trưởng bộ môn Hoá - Hoá sinh Trường Đại học Y Hà Nội.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996
Thành viên Hội Y sinh hoá.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972.
Tiến sĩ khoa học năm 1990.
Tại Trường Tổng hợp Rôxtôp na Đôn - Liên Xô.
Ngành Sinh học,
Chuyên ngành Hoá sinh.

Đề tài luận án Tiến sĩ

Enzim arginaza của não trong trạng thái hiperoxi và những tính chất động học của chế phẩm đã được tinh chế.

Luận án Tiến sĩ Khoa học

Chuyển hoá của arginin và tác dụng bảo vệ của nó trong trạng thái hipoxi.

Nội dung

Nghiên cứu ảnh hưởng của trạng thái hipoxi (0,029 và 0,019 MPa) lên quá trình chuyển hoá arginin nội sinh và ngoại sinh trong cơ thể.
Nghiên cứu những biến đổi của màng tế bào và bào quan trong trạng thái hipoxi và ảnh hưởng của arginin lên những biến đổi đó.
Chứng tỏ tác dụng bảo vệ đối với cơ thể (tác dụng antihipoxi) của arginin và các sản phẩm chuyển hoá của nó trong trạng thái hipoxi, tác dụng này liên quan đến vai trò chống oxi hoá của chúng.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu:
Áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc nghiên cứu protein - enzym và đặc điểm chuyển hoá ở người bình thường và một số trường hợp bệnh lý.
Các công trình khoa học:
Những công trình nghiên cứu cơ bản về enzym arginaza gan, não người và động vật: tính chất động học, các izoenzym trong một số trạng thái cực đoan (hiperoxi, hipoxi) và bệnh lý (ung thư). (12 thông báo khoa học).
Những nghiên cứu về tác động của yếu tố cực đoan (hiperoxi, hipoxi) lên cơ thể, những biến đổi hoá sinh và tác dụng bảo vệ của một số chất chuyển hoá nội sinh và ngoại sinh. (10 thông báo khoa học).
Sách đã xuất bản:
Giáo trình hoá học đại cương cho sinh viên (2 cuốn).
Thực tập hoá học, giáo trình hoá lý cho các đối tượng sau đại học của trường Đại học Y Hà Nội, một số sách chuyên đề...
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp bảo vệ sức khoẻ nhân dân.
Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Hoàn thành bộ giáo trình hoá học cho các đối tượng của trường Đại học Y Hà Nội: cao đẳng, đại học, cao học và nghiên cứu sinh.



ĐẶNG ANH

Tiến sĩ Luật học

Sinh ngày: 12 - 10 - 1952.
Quê quán: Thụ Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 247 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học năm 1976.
Công tác tại Vụ Pháp chế - Bộ Công an.
Hiện là Phó vụ trưởng Vụ Pháp chế - Bộ Công an.
Hội viên Hội Luật gia Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Học viện Bộ Nội vụ Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Luật học.

Đề tài luận án

Phòng chống tội trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa.

Nội dung

Những dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa.
Đặc điểm tội phạm học.
Nguyên nhân, điều kiện, thời gian, địa điểm phạm tội, đặc điểm của chủ thể.
Thực trạng của tội phạm.
Biện pháp phòng ngừa và đấu tranh với tội trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu:
Thực trạng hoạt động của công an xã và giải pháp (cấp Bộ).
Về thiếu niên phạm pháp đưa vào trường giáo dưỡng (cấp cơ sở).
Về các biện pháp tư pháp đối với người chưa thành niên.
Bác Hồ với pháp luật trấn áp phản cách mạng (tiểu đề tài KY-03).
Sách đã xuất bản:
Tìm hiểu quy chế dân chủ trong lực lượng CAND (chủ biên).
Hướng dẫn pháp luật cho lực lượng công an xã (lưu hành nội bộ).
Tham gia viết giáo trình cho trường Đại học Cảnh sát và Đại học An ninh.
Hướng dẫn một số luận án thạc sĩ, tiến sĩ luật học.
Tham gia giảng dạy pháp luật đại học và cao học.
Báo cáo tham luận khoa học tại hội nghị phòng chống tội phạm thế giới lần thứ 10 tại Bắc Kinh 10-2000.
Trên 20 bài viết về các chuyên đề trên các tạp chí trong và ngoài ngành.
Tham gia soạn thảo một số dự án luật, pháp lệnh an ninh trật tự.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về vi phạm hành chính và tham nhũng.



HOÀNG THỊ ANH

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 29 - 7 - 1945.
Quê quán: Hoài Hương - Hoài Nhơn - Bình Định
Chỗ ở hiện nay: 54A/4H Tập thể văn phòng Chính phủ - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hiện là Phó chủ nhiệm bộ môn Tâm lý học đại cương Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Tại Trường Đại học Sư phạm - Hà Nội.
Chuyên ngành Tâm lý học

Đề tài luận án

Kỹ năng giao tiếp sư phạm của sinh viên

Nội dung

Thực tế đào tạo của nhà trường sư phạm ở nước ta cũng như trên thế giới, ngày càng chú ý nhiều hơn đến vấn đề rèn luyện năng lực sư phạm, trong đó có vấn đề giao tiếp sư phạm.
Mặt khác, dưới góc độ lý luận, vấn đề giao tiếp là một trong những vấn đề được quan tâm trong giới tâm lý học.
Giao tiếp và hoạt động có mối quan hệ với nhau như thế nào?
Vai trò của giao tiếp đối với quá trình hình thành và phát triển tâm lý, nhân cách v.v...
Luận án nhằm giải quyết 3 nhiệm vụ:
Khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về giao tiếp và giao tiếp sư phạm (bản chất, vai trò, chức năng...).
Xác định hiện trạng và kỹ năng giao tiếp sư phạm của sinh viên
Đề xuất và thể nghiệm một chương trình rèn luyện cụ thể nhằm hình thành kỹ năng giao tiếp sư phạm cho sinh viên.
Việc hình thành kỹ năng giao tiếp sư phạm ở sinh viên không thể tách rời việc hình thành các phẩm chất nhân cách của người giáo viên.
Sách đã xuất bản:
Luyện giao tiếp sư phạm
Giao tiếp sư phạm (đồng tác giả)
Bộ Giáo dục và đào tạo
Nxb Giáo dục.



LÊ HOÀNG ANH

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 25 - 10 - 1950.
Quê quán: Quảng Hoá - Quảng Xương - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 58 Vân Hồ 3 - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Toán, Trường Đại học Tổng hợp, Hà Nội.
Đi chiến trường;
Cán bộ Thông tấn xã Việt Nam;
Cán bộ Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước;
Nghiên cứu sinh tại Hungari;
Cán bộ Vụ Tài chính - Tiền tệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Budapet, Hungari.
Ngành Khoa học Kinh tế.
Chuyên ngành Kinh tế vĩ mô

Đề tài luận án

Kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân và quá trình điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Nội dung

Nghiên cứu hệ thống quản lý kinh tế, trước hết là các phương pháp kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân, nhấn mạnh đến sự phát triển các công cụ quản lý nền kinh tế.
Trong các giai đoạn phát triển kinh tế khác nhau, cần phải có các công cụ quản lý khác nhau.
Luận án nhằm nghiên cứu một cách cụ thể nhất cho một giai đoạn đặc biệt, tác động đến quản lý kinh tế; đó là thời kỳ quá độ từ chiến lược quản lý extenziv sang intenziv; trong đó có những thay đổi về phương thức kế hoạch hoá và quản lý kinh tế, những mâu thuẫn và những vấn đề phát sinh trong giai đoạn quá độ này.
Luận án chỉ ra hệ thống các quan hệ kế hoạch hoá và quản lý giữa các cơ quan quản lý và các công ty.
Luận án đề xuất kiến nghị để hoàn thiện các phương pháp kế hoạch hoá và quản lý vĩ mô nền kinh tế quốc dân cũng như quản lý các công ty (doanh nghiệp).
Đặc biệt, luận án đã chỉ ra những kinh nghiệm trong quá trình quản lý nền kinh tế của Hungary có thể sử dụng trong công cuộc cải cách kinh tế ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Đề tài cấp Nhà nước:
Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội địa bàn trọng điểm Bắc Bộ.
Phó chủ nhiệm đề tài nhánh:
Nghiên cứu quy hoạch lĩnh vực tài chính - tiền tệ trên địa bàn trọng điểm Bắc Bộ.
Quá trình đổi mới quản lý kinh tế ở Việt Nam từ sau Đại hội VI đến nay (đề tài KX 03-01, chuyên đề 4, tham gia).
Đề tài cấp Bộ
Sử dụng công cụ tài chính - tiền tệ trong quản lý vĩ mô (thư ký).
Đổi mới chi tiêu ngân sách nhà nước (Phó Chủ nhiệm).

Dự định khoa học

Xuất bản một số cuốn sách về khoa học quản lý kinh tế.



NGUYỄN NGỌC ANH

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 20 - 10 - 1958.
Quê quán: Phúc Khánh, Hưng Hà, Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học Sư phạm 2 Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy, khoa Toán, Đại học Sư phạm 2 Hà Nội.
Nhân viên đồ bản, Phòng tác chiến, Bộ tham mưu, Quân đoàn 29.
Hiện là giảng viên khoa Toán, Đại học Sư phạm 2 Hà Nội.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam
Hội Nghiên cứu phương pháp giảng dạy toán

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000
Tại Viện Khoa học Giáo dục, Việt Nam
Ngành Giáo dục.
Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy toán.

Đề tài luận án

Ứng dụng phép tính vi phân (phần đạo hàm) để giải các bài tập cực trị có nội dung liên môn và thực tế trong dạy học toán lớp 12 trung học phổ thông.

Nội dung

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, ứng dụng toán học, đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường ứng dụng toán học trong giảng dạy ở trường phổ thông. Xây dựng hệ thống bài tập cực trị có nội dung liên môn và thực tế. Tính khả thi và hiệu quả của các giải pháp đã được kiểm nghiệm.

Thành tựu khoa học

Một số nghiên cứu đã công bố:
Vấn đề liên môn trong dạy toán ở trường phổ thông.
Vấn đề cực trị trong dạy toán ở trường phổ thông.
Ứng dụng đạo hàm để giải Bài tập cực trị trong Vật lý.
Xây dựng hệ thống bài tập cực trị có nội dung liên môn và thực tế.
Tình hình ứng dụng toán học trong trường phổ thông.
Rèn luyện kỹ năng giải toán cực trị bằng công cụ đạo hàm.
Phương pháp dạy bài tập toán.
Vấn đề phân ban ở trưởng phổ thông.
Một số đề tài cấp cơ sở:
Vấn đề cực trị qua một cuộc thăm dò.
Khai thác ứng dụng phép tính vi phân trong mối liên hệ liên môn.
Tăng cường mạch toán ứng dụng và ứng dụng toán học trong dạy toán (cấp Bộ).
Thực nghiệm rèn luyện kỹ năng giải toán cực trị cho học sinh lớp 12.
Vấn đề ứng dụng toán học.



PHẠM KỲ ANH

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 09 - 11 - 1949.
Quê quán: Tân Tiên - Duy Tiên - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 42A Võ Thị Sáu - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Chủ nhiệm khoa Toán - Cơ - Tin học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1980.
Tiến sĩ Khoa học năm 1988.
Tại Viện Toán, Viện Hàn lâm Khoa học Ukraina.
Ngành Toán học.
Chuyên ngành Phương trình vi phân.

Đề tài luận án

Về sự hội tụ của các quá trình lặp trong điều kiện không duy nhất nghiệm của phương trình toán tử.

Đề tài luận án

Phương pháp toán tử khảo sát phương trình vi phân, tích phân suy biến.

Nội dung

Đề xuất một số phương pháp lặp và chiếu - lặp giải phương trình toán tử phi tuyến với phần chính tuyến tính suy biến. Áp dụng để khảo sát một số bài toán biên cho phương trình vi phân thường, như bài toán biên tuần hoàn, bài toán biên nhiều điểm, v.v... bài toán biên cho phương trình đạo hàm riêng, phương trình tích phân. Thiết lập mối liên hệ giữa hội tụ địa phương và hội tụ toàn cục của các quá trình lặp, giữa cấu trúc của miền hội tụ của quá trình lặp với cấu trúc của tập nghiệm của phương trình toán tử.

Thành tựu khoa học

Đã công bố hơn 30 bài báo khoa học trên các tạp chí trong và ngoài nước.
Tác giả và đồng tác giả 4 giáo trình đại học.
Chủ trì một số đề tài nghiên cứu khoa học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu một số vấn đề toán học trong xử lý ảnh.
Nghiên cứu một số vấn đề định tính và gần đúng của lý thuyết phương trình vi phân - đại số, phương trình sai phân ẩn.



PHẠM THỊ KIM ANH

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 27 - 09 - 1965.
Quê quán: Thăng Long - Kinh Môn - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Q164 Xuân Đỉnh - Từ Liêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên trường Phổ thông trung học Phúc Thành - Kinh Môn - Hải Dương
Học thạc sĩ và nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Công tác tại Trung tâm Giáo dục học Viện Khoa học giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Hội viên Hội Giáo dục Lịch sử;
Hội Tâm lý Giáo dục Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy lịch sử.

Đề tài luận án

Sách giáo khoa lịch sử ở trường phổ thông trung học Việt Nam từ 1954 đến nay.

Nội dung

Hệ thống quá trình biên soạn, chỉnh lý sách giáo khoa lịch sử từ trước và sau 1954 đến nay, phân tích những ưu điểm, nhược điểm của sách giáo khoa lịch sử qua từng thời kỳ lịch sử, khái quát, một số bài học kinh nghiệm về việc biên soạn sách giáo khoa lịch sử ở trường phổ thông, đề xuất phương pháp biên soạn sách giáo khoa lịch sử trong thời gian tới.
Luận án đã góp phần nào việc nghiên cứu biên soạn sách giáo khoa lịch sử.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Bài học lịch sử ở trường phổ thông trung học - Đại học Sư phạm Huế.
Đổi mới việc dạy học lịch sử lấy học sinh làm trung tâm.
Để dạy tốt môn lịch sử ở trường trung học chuyên ban.
Kênh hình trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông. Nxb. Đại học Quốc gia.
Đề tài nghiên cứu cấp Bộ:
Mô hình tổ chức, quản lý trường phổ thông trung học tư ở Việt Nam đầu thế kỷ XXI.
Các giải pháp thực hiện có hiệu quả sự nghiệp phổ cập giáo dục ở Việt Nam.

Dự định khoa học

Nghiên cứu và viết sách giáo dục, lịch sử giáo dục.

Lời Tiến sĩ

Là một nhà giáo dục tôi cảm thấy rất sốt ruột trước sự đổi mới chậm chạp của giáo dục nước nhà. Những bức xúc của giáo dục vẫn chưa được giải quyết. Những tiêu cực trong dạy và học, trong thi cử, trong quản lý giáo dục. Số mệnh của quốc gia tuỳ thuộc vào nền học vấn đích thực. Muốn vậy, giáo dục phải có cuộc cách mạng lớn, chấn chỉnh lớn. Nhà khoa học giáo dục chân chính phải thấy đó là nhiệm vụ và bổn phận của mình.



PHAN THỊ THU ANH

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 20 - 05 - 1943.
Quê quán: Sài Sơn - Quốc Oai - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Số 8 Hoàng Văn Thái - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy bộ môn Sinh lý bệnh - Đại học Y Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Tiệp Khắc.
Cán bộ giảng dạy bộ môn Miễn dịch - Sinh lý bệnh Đại học Y Hà Nội.
Giảng viên chính.
Hiện là Phó trưởng bộ môn Miễn dịch - Sinh lý bệnh Đại học Y Hà Nội.
Được phong Phó Giáo sư năm 1992.
Nhà giáo ưu tú năm 2000.
Hội viên Hội Sinh lý học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979
Tại Viện Ung thư thực nghiệm - Viện Hàn lâm Khoa học Sloven, Tiệp Khắc.
Ngành Y sinh học.
Chuyên ngành Miễn dịch ung thư Việt Nam.

Đề tài luận án

Tính chất của các dòng tế bào đã ổn định in vitro tách từ những khối u của tổ chức trung mô người.

Nội dung

Nghiên cứu tính chất của các dòng tế bào đã ổn định in vitro tách từ những khối u của tổ chức trung mô người.

Kết quả:
Các dòng tế bào ung thư lấy từ khối u của tổ chức trung mô người phát triển một cách không có giới hạn, có nhiều tế bào khổng lồ, tế bào nhiều nhân, nhân chồng chéo lên nhau và phát triển thành nhiều lớp.
Đậm độ tế bào và % số lượng các dòng tế bào ung thư sử dụng H3-thymidin cao hơn hẳn các dòng tế bào bình thường.
Hoạt tính tiêu protein của hầu hết các dòng tế bào ung thư tăng và có khả năng ức chế sự kết dính những cụm tế bào.võng mạc phôi gà.
Các dòng tế bào ung thư phát triển và tạo được cụm tế bào trên đơn lớp tế bào Fibroblast nhiều và to hơn các dòng tế bào bình thường.
Có các "dấu ấn" nhiễm sắc thể riêng cho từng dòng tế bào ung thư và sự di chuyển điện di của G.6P dehydrogenase như nhau.

Thành tựu khoa học

Đã tham gia một số đề tài cấp Nhà nước,
6 đề tài cấp Bộ.
50 công trình khoa học đã công bố thuộc các lĩnh vực: hằng số huyết học và miễn dịch, ung thư gan và vòm họng, sốt rét, HIV/AIDS và HIV/AIDS trong lao, tác dụng của một số cây con thuốc trên hệ thống miễn dịch, dioxin.
Tham gia viết sách giáo khoa: *Sinh lý bệnh, Miễn dịch, HIV/AIDS.*
Huân chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sức khoẻ nhân dân.

Dự định khoa học

Nghiên cứu cơ chế miễn dịch của Flavonoid chay, chất chiết từ cây chay.
Sản xuất tiêu bản kháng nguyên dùng chẩn đoán sớm ung thư vòm họng.

Lời Tiến sĩ

Trong hoàn cảnh kinh tế của đất nước sau chiến tranh còn khó khăn vì vậy để có thể tránh được lãng phí, nhà nước nên có kế hoạch đào tạo đồng bộ để có thể phát huy được những kiến thức đã học.
Trong đầu tư nghiên cứu không nên trải đều, cần tập trung vào các lĩnh vực có khả năng ứng dụng thực tiễn.



VŨ QUANG ANH

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 07 - 09 - 1932.
Quê quán: Thị trấn Phúc Thọ - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 17/173/175 Hoàng Hoa Thám - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Học viên Trường Thuỷ quân Việt Nam.
Cán bộ tiểu đội, trung đội quan trắc - thông tin.
Thiếu uý, giáo viên xạ kích, Trường Sĩ quan pháo binh Việt Nam.
Công tác tại Bộ Vật tư, Bộ Thương mại, Phó Viện trưởng Viện Khoa học - Kỹ thuật và kinh tế vật tư, Phó Viện trưởng Viện kinh tế - kỹ thuật thương mại (nay là Viện Nghiên cứu thương mại).
Hiện là Phó chủ nhiệm khoa Thương mại, trường Đại học dân lập Quản lý và Kinh doanh Hà Nội.
Hội viên Hội khoa học kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Thương mại.

Đề tài luận án

Công cụ kế hoạch, giá cả, tổ chức trong quản lý thương mại vật tư của Nhà nước.

Nội dung

Quản lý kinh tế thị trường, trong đó có thương mại vật tư là công việc mới, là yêu cầu cấp bách đối với nhà nước ta. Luận án nghiên cứu:
Tự do lưu thông vật tư theo pháp luật định hướng thị trường.
Bãi bỏ kế hoạch pháp lệnh
Mở cửa thị trường vật tư với mạng lưới kinh doanh đa dạng, nhiều thành phần kinh tế tham gia.
Dân chủ kinh tế cần có dân chủ chính trị.

Thành tựu khoa học

Những đề tài khoa học cấp Nhà nước:
Sơ đồ phát triển và phân bố mạng lưới cung ứng vật tư thời kỳ 1986 - 2000 (thư ký).
Những vấn đề đổi mới cơ chế quản lý vật tư ở Việt Nam (chủ nhiệm).
Chiến lược phát triển sản xuất và lưu thông muối ở Việt Nam đến năm 2000 và 2010 (đồng chủ biên).
Tổ chức lại hệ thống thương nghiệp quốc doanh trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường có điều tiết (chủ nhiệm).
Tham gia nghiên cứu nhiều công trình khoa học.
Huy chương chiến thắng.
Huân chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học - công nghệ.
Bằng lao động sáng tạo.

Lời Tiến sĩ

Muốn cho dân giàu, nước mạnh chúng ta phải xây dựng nền kinh tế tri thức. Nhưng thật đau đớn khi vẫn nạn học giả, mua bằng, bán điểm đang hoành hành, không chỉ làm xói mòn truyền thống hiếu học của dân tộc mà còn cản đường dựng xây nền kinh tế tri thức.



ĐÀO TUẤN ẢNH

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 5 - 9 - 1952.
Quê quán: Tiên Lữ - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 4B Tôn Thất Thiệp - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Ban Văn học thế giới - Viện Văn học - Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia.

Tốt nghiệp tiến sĩ năm 1985
Tại Trường Đại học Tổng hợp Lômônôxôp, Matxcơva Liên Xô.
Ngành Ngữ văn

Đề tài luận án

Cảm hứng nhân đạo trong văn xuôi Xô Viết viết về chiến tranh (so sánh với văn học Việt Nam giai đoạn 60 - 70 viết về chiến tranh).

Nội dung

Trên cơ sở phương pháp so sánh loại hình, luận án đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận văn học và mỹ học, chủ yếu là thuyết cảm hứng nghệ thuật nổi tiếng của Belinski. Tính nhân đạo nghệ thuật được xem vừa như là đặc trưng của văn học, vừa là cảm hứng sáng tác, vừa là khuynh hướng tư tưởng thể hiện trong văn xuôi Xô Viết và Việt Nam hiện đại viết về chiến tranh. Tính phức tạp, đa diện của vấn đề đặt ra đòi hỏi sự nghiên cứu toàn diện nội dung của nó trên bình diện hình tượng xúc cảm thẩm mỹ.

Vấn đề cảm hứng nhân đạo của văn học nghệ thuật được xem xét trong mối quan hệ với chủ nghĩa hiện thực - một phương pháp sáng tác và trong các dạng cụ thể của nó như cảm hứng anh hùng và lãng mạn, cảm hứng bi - hài.
Vấn đề cảm hứng nhân đạo đã được luận án lý giải trên bình diện lý luận thông qua sự phân tích những tác phẩm tiêu biểu của văn xuôi Xô Viết và Việt Nam viết về chiến tranh, qua đó thấy được những đóng góp của mảng văn xuôi này vào quá trình phát triển và hiện đại hoá văn học hai quốc gia.

Thành tựu khoa học

3 đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu.
4 công trình khoa học đã được in thành sách
Trên 20 bài phê bình, nghiên cứu trong các tạp chí và các báo chuyên ngành.
Những công trình tiêu biểu:
Chủ nghĩa hình thức Nga, trong *Những vấn đề khoa học về văn học*. Nxb Khoa học xã hội.
Văn học Nga - cách nhìn mới, trong *Đổi mới trong văn học thế kỉ XX*.
Tsêkhốp và Nam Cao - một sáng tác hiện thực kiểu mới, trong *Nghĩ tiếp về Nam Cao*. Nxb. Khoa học xã hội.
Puskin và Gogol - hai kiểu sáng tác trong văn học Nga, trong *Những vấn đề lý luận và lịch sử văn học* - Viện Văn học.
Văn học phương Tây, những trào lưu, trường phái, thuật ngữ. Chủ biên.
Chiến công của một nhà văn (về tác phẩm *Chuyện thường ngày ở huyện* của Ovetckin).
Văn học Nga trong thế giới hiện đại.
Các cuộc tranh luận trong văn học Xô Viết những năm 20 và 30.
Muốn làm rung động người đọc, nhà văn không được thương xót trái tim mình.
Dmitri Sergeievich Likhachev.
Ở nước Nga nhà thơ còn lớn hơn nhà thơ (về cuộc đời và sáng tác của nhà thơ giải Nobel Nga Iusiv Broski).
Văn học Nga thế kỉ XX - Truyền thống và kinh nghiệm.
Văn xuôi Nga viết về nông thôn.
Nhìn lại văn học Xô Viết viết về chiến tranh.

Dự định khoa học

Giới thiệu tinh hoa văn học Nga.
Bằng phương pháp nghiên cứu so sánh loại hình, giải quyết một trong vấn đề cấp thiết hiện nay của nghiên cứu văn học Việt Nam - *quá trình hiện đại hoá văn học dân tộc.*



ĐÀO THANH ÂM

Tiến sĩ Sư phạm Tâm lý

Sinh ngày: 14 - 6 - 1942.
Quê quán: Lương Bằng - Kim Động - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 3-H2-Tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

Học đại học tại Liên Xô
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hiện là Chủ nhiệm khoa Giáo dục mầm non - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Lý luận và lịch sử sư phạm học.

Đề tài luận án

Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền trẻ em xét dưới góc độ giáo dục.

Nội dung

Trình bày cơ sở nảy sinh tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền trẻ em.
Xác định nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền trẻ em.
Nghiên cứu giá trị lịch sử và thời đại của tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền trẻ em.
Luận án đã chứng minh tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền trẻ em nói riêng là sự kết tinh của tinh hoa văn hoá thế giới với truyền thống giáo dục Việt Nam và tư duy sáng tạo của Người được hình thành trong cuộc sống và suốt quá trình tìm đường cứu nước.
Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền trẻ em đã hoà nhập với tư tưởng thời đại (trong Công ước quốc tế về quyền trẻ em - 1990 và Luật chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em - 1991 của Việt Nam).

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Giáo dục học mẫu giáo Nxb. Giáo dục.
Giáo dục học mầm non (chủ biên).
Lịch sử giáo dục.
Giáo dục dân số Đại học Sư phạm Hà Nội 1.
Hồ Chí Minh về chăm sóc và giáo dục trẻ em Đại học Quốc gia Hà Nội.
Giáo dục học.
Lịch sử giáo dục thế giới. Nxb Giáo dục.
Chủ trì và tham gia 5 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường và Bộ.
Tham gia đào tạo thạc sĩ và hướng dẫn nghiên cứu sinh.

Dự định khoa học

Viết sách, báo khoa học chuyên ngành.
Tham gia đào tạo đại học, trên đại học.
Tham gia nghiên cứu khoa học.

Lời Tiến sĩ

Để trưởng thành về khoa học và nghề nghiệp phải luôn kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học; giữa đào tạo với tự đào tạo và phải thực sự có "tâm" với nghề dạy học của mình.



HÀ ĐÀM ÂN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 31 - 8 - 1936.
Quê quán: An Ninh - Bình Lục - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 1 ngách 124 ngõ 389 - Đường Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Học viện Nông Lâm và Trường đại học Lâm nghiệp.
Nghiên cứu sinh ở Liên Xô.
Phó Chủ nhiệm - Văn phòng kỹ thuật Tổng cục Đường sắt.
Phó Trưởng ban khoa học kinh tế kỹ thuật Tổng Cục Đường sắt.
Kỹ sư trưởng Viện Nghiên cứu thiết kế Đường sắt (Công ty tư vấn đầu tư và xây dựng thuộc Liên Hiệp Đường sắt Việt Nam).
Giám đốc Trung tâm nghiên cứu thử nghiệm Đường sắt - Liên hiệp Đường sắt Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1971.
Tại Trường Đại học ô tô - đường ô tô Matxcơva Liên Xô.
Ngành Cơ khí.
Chuyên ngành Cơ khí giao thông vận tải.

Đề tài luận án

Nghiên cứu và xây dựng công nghệ phục hồi bề mặt dạng ren của các chi tiết máy bằng phương pháp mạ thép (ứng dụng trong công nghiệp sửa chữa ô tô).

Nội dung

Nghiên cứu trạng thái các bề mặt ren của một số chi tiết ô tô khi xe vào đại tu; bằng phương pháp thống kê xác suất xác định mức độ hư hại thông thường của bề mặt ren, thử nghiệm và xác định mức độ và phương pháp gia công chuẩn bị bề mặt ren phù hợp (góc đỉnh ren, chiều cao ren...) trước khi mạ thép để phục hồi.
Nghiên cứu quá trình hình thành lớp mạ và chất lượng lớp mạ phục hồi trên bề mặt ren, ảnh hưởng của các thông số cơ học và điện tới cấu trúc và cơ tính của lớp mạ, sử dụng dòng điện xoay chiều không đối xứng với các hệ số khác nhau $\beta = Dk/Da$ để mạ phục hồi và khẳng định tính hơn hẳn của loại dòng điện này đối với quá trình kết tinh kim loại mạ, quá trình phân bố mật độ dòng điện trên các đỉnh nhọn và cuối cùng, tới cơ lý tính của lớp mạ. Các nghiên cứu và thí nghiệm tiếp theo chỉ sử dụng điện xoay chiều không đối xứng.
Nghiên cứu lý thuyết và thí nghiệm để xác định ảnh hưởng của chế độ mạ điện phân thép (hệ số β, mật độ dòng điện, nồng độ dung dịch $FeCl_2$, $4H_2O$, nồng độ axít HCl, nhiệt độ dung dịch...) tới quá trình hình thành profin ren chất lượng ren sau khi phục hồi và lựa chọn chế độ mạ phục hồi tối ưu. Xác định hiệu suất dòng điện khi mạ bằng dòng điện xoay chiều không đối xứng làm cơ sở để tính toán năng suất và hiệu quả kinh tế.
Thử nghiệm cơ lý tính của lớp ren và của chi tiết sau khi mạ phục hồi. Xây dựng quy trình công nghệ phục hồi chi tiết ôtô, có phần ren bị hư hỏng mòn bằng phương pháp mạ thép. Công nghệ đặc biệt đắc dụng đối với các chi tiết có phần ren bị mòn hỏng không thể phục hồi bằng phương pháp khác như hàn đắp, gia công theo kích thước sửa chữa mới v.v...

Thành tựu khoa học

Đề tài cấp Bộ: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mạ thép trong dung dịch chảy lưu thông để phục hồi chi tiết lỗ.
Đề tài cấp Nhà nước: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trong chế tạo và sửa chữa đầu máy toa xe.
Chủ trì 2 đề mục: ứng dụng công nghệ mạ để phục hồi séc măng đông cơ đầu máy điêzen và ứng dụng công nghệ hàn đắp để phục hồi mặt lăn bánh xe đầu máy.

Dự định khoa học

Viết sách về các công nghệ phục hồi (lý thuyết và thực tiễn) các chi tiết máy bị hao mòn hư hỏng.

Lời Tiến sĩ

Mong muốn đất nước mình thực sự phát huy nội lực khai thác khả năng tiềm ẩn, sử dụng người có đức có tài, xây dựng thành công nền kinh tế tri thức độc lập tự chủ không lệ thuộc vào nước ngoài.



NGUYỄN BÁ ÂN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 29 - 7 - 1952.
Quê quán: Thái Đô - Thái Thuy - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Số 1 - C1 Hoàng Ngọc Phách - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Xây dựng Rostov, Cộng hoà Liên bang Nga.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Xây dựng Maxtcova.
Công tác tại Viện Phân vùng Quy hoạch TƯ (tiền thân của Viện Chiến lược phát triển ngày nay).
Phó trưởng phòng.
Phó trưởng ban.
Hiện là Trưởng ban, Ban Vùng và Lãnh thổ.
Thành viên Hội Kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.
Tại Trường Đại học Xây dựng Matxcơva - Cộng hoà Liên bang Nga.
Chuyên ngành Kinh tế và tổ chức xây dựng.

Đề tài luận án

Tăng cường phát triển theo chiều sâu để nâng cao hiệu quả sản xuất và tổ chức thi công xây dựng.

Nội dung

Phân tích tình hình sản xuất, kinh doanh của ngành xây dựng Bắc Cápcadơ thuộc Cộng hoà Liên bang Nga trong vòng 20 năm trở lại đến năm 1975 và đưa ra những nguyên nhân làm chậm trễ quá trình phát triển. Trên cơ sở đó luận án đã đưa ra các giải pháp, trước hết là giải pháp tăng cường phát triển theo chiều sâu. Để thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Luận án đã nghiên cứu cả khía cạnh lý luận và thực tiễn của vấn đề phát triển theo chiều sâu. Đưa ra các khái niệm, định nghĩa, nội dung và hệ thống các chỉ tiêu đánh giá trình độ phát triển theo chiều sâu... và áp dụng hệ thống chỉ tiêu đó vào phân tích kinh tế, đánh giá hiệu quả sản xuất và hoạch định kế hoạch phát triển của Tổng Công ty xây dựng Bắc Cáp ca dơ. Kết quả luận án đã được thực tế kiểm nghiệm và Tổng Công ty Xây dựng Bắc Capcadơ và Hội đồng chấm luận án quốc gia đánh giá cao.

Thành tựu khoa học

Thư ký đề tài khoa học cấp Nhà nước về lập sơ đồ phát triển và phân bố lực lượng sản xuất vùng đồng bằng sông Hồng thuộc chương trình 70-01 về Tổng sơ đồ phát triển và phân bố lực lượng sản xuất Việt Nam 1986 - 2000.
Chủ trì nghiên cứu về thể tổng hợp sản xuất lãnh thổ Quảng Ninh.
Thư ký đề tài cấp Nhà nước về phương pháp nghiên cứu quy hoạch vùng trong điều kiện nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường.
Phó chủ nhiệm thường trực các đề án cấp Nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam...
Phó chủ nhiệm, chủ nhiệm nhiều đề tài cấp Bộ về nghiên cứu đổi mới phương pháp quy hoạch, nghiên cứu vùng gò đồi, nghiên cứu vùng ven biển, nghiên cứu vùng biên giới...

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện hệ thống lý luận về phân vùng, quy hoạch vùng trong điều kiện nền kinh tế thị trường phục vụ công tác hoạch định chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế của đất nước.

Lời Tiến sĩ

Đất nước ta tuy còn nghèo, song ngân sách nhà nước đã dành không ít cho công tác nghiên cứu khoa học, nhưng rất nhiều công trình khoa học không gắn được với thực tiễn, hoặc ứng dụng vào thực tiễn rất chậm, nhất là các công trình nghiên cứu khoa học ứng dụng. Cần nhanh chóng thay đổi cơ chế quản lý nghiên cứu khoa học ứng dụng, gắn nghiên cứu với sản xuất theo hình thức đơn đặt hàng... để khoa học thiết thực phục vụ cuộc sống.



TRẦN VĂN ÂN

Tiến sĩ Toán lý

Sinh ngày: 12 - 01 - 1955.
Quê quán: Gia Phố - Hương Khê - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Khối 22 - phường Hưng Bình - Thành phố Vinh - Nghệ An.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Toán, Trường Đại học Vinh.
Trưởng Bộ môn Giải tích.
Phó Chủ nhiệm khoa Toán Đại học Sư phạm Vinh.
Chủ nhiệm khoa Toán Trường Đại học Vinh.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Viện Toán học Việt Nam.
Chuyên ngành Giải tích toán học.

Đề tài luận án

Tính chất điểm bất động và tính chất AR đối với các tập lồi trong không gian mêtric tuyến tính.

Nội dung

Luận án trình bày tính chất *AR* đối với các không gian Roberts, tính chất điểm bất động và tính chất *AR* đối với các tập lồi Kalton và chứng minh tập lồi compact *LC* - chấp nhận được yếu và tập *LC*- phân tích được yếu có tính chất điểm bất động. Kết quả này chứng tỏ rằng: Ví dụ của Roberts không thể dùng làm phản thí dụ cho bài toán *AR* hay giả thuyết Schauder đối với các không gian không lồi địa phương. Kết quả luận án đã được công bố qua 6 bài báo đăng ở các tạp chí toán học trong và ngoài nước.

Thành tựu khoa học

Biên soạn một số giáo trình dùng cho sinh viên ngành toán các trường đại học sư phạm.
Chủ nhiệm một số đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu.
Hướng dẫn luận văn tốt nghiệp thạc sĩ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu cấu trúc của một số fractal và các tính chất tôpô của chúng.

Lời Tiến sĩ

Được cống hiến nhiều cho ngành giáo dục đào tạo nước nhà.



VŨ HOÀI ÂN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 10 - 6 - 1946.
Quê quán: Thị xã Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: Nhà 33 - khu K121, Trung Kính - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Công nghiệp nhẹ Việt Trì.
Nghiên cứu sinh tại trường TU Dresden CHDC Đức cũ.
Giảng viên chính Khoa Cơ khí, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Trưởng phòng thiết kế dụng cụ - Viện Máy và dụng cụ công nghiệp.
Thư ký dự án UNDP/UNIDO VIE/87/021 "Chuyển giao công nghệ thiết kế, phát triển và chế thử khuôn mẫu".
Hiện là Giám đốc Trung tâm đào tạo, kiêm thư ký Hội đồng Khoa học kỹ thuật Viện Máy và dụng cụ công nghiệp, Bộ Công nghiệp.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.
Tại Trường Đại học Kỹ thuật TU Dresden, CHDC Đức cũ.
Chuyên ngành Công nghệ chế tạo máy.

Đề tài luận án

Nghiên cứu các hiệu ứng trong mài rung siêu âm.

Nội dung

Nghiên cứu các hiệu ứng xảy ra trong quá trình mài phẳng khi có đặt một số tần số siêu âm theo phương ngang của phôi được mài. Luận án là một đóng góp vào sự hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của công nghệ mài rung siêu âm.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu thiết kế chế tạo đầu cán ren tự mở DCR-20.
Nghiên cứu ứng dụng CAD/CAM cho các sản phẩm cơ khí có độ phức tạp cao (Chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước KHCN-04-02).
Nghiên cứu ứng dụng công nghệ gia công CNC và công nghệ gia công EDM ở Việt Nam.
Sách đã xuất bản:
Nhập môn gia công CNC
Gia công tia lửa điện CNC
Thiết kế khuôn cho sản phẩm nhựa
Nền sản xuất CNC và các hệ thống CAM
Công nghệ các hệ thống Mechatronics

Dự định khoa học

Tham gia đào tạo tiến sĩ kỹ thuật tại Viện Máy và dụng cụ công nghiệp.



CHÂU NGỌC ẨN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 26 - 11 - 1952.
Quê quán: Long An.
Chỗ ở hiện nay: 59/42 Sư Vạn Hạnh - quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh .

Quá trình công tác

Giảng dạy tại khoa Xây dựng Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Trợ lý Giáo vụ khoa
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Địa Cơ Nền Móng.
Hội viên Hội Xây dựng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Viện Quốc gia Bách khoa Grenoble (INPG), Cộng hoà Pháp.
Ngành Cơ học Công trình - đất - vật liệu.

Đề tài luận án

Phân tích ảnh hưởng những tính chất thuỷ học và cơ học lên ứng xử của các công trình đất - đá đắp.

Nội dung

Phân tích ảnh hưởng những tính chất thuỷ học và cơ học lên sự phân tán áp lực nước lỗ rỗng thặng dư trong thân đập đất đá khi có sự dao động mức nước trong hồ chứa, từ đó xác định ổn định đập đất khi tháo nước trong hồ chứa nhanh, đây là điểm chưa rõ ràng trong tính toán công trình đắp được đưa ra trong hội nghị Florence - Ý (1997). Dù đã có rất nhiều tiến bộ trong lý thuyết, thực nghiệm và thi công công trình đắp nhưng vẫn còn nhiều đập đất bị trượt trên nhiều miền của thế giới. Trong các bài toán thuần thuỷ học và cơ học đã phân tích đầy đủ các ảnh hưởng hệ số thấm, độ bão hoà, tính nén của nước còn có bọt khí, module đàn hồi đất, các đặc trưng mặt giới hạn dẻo (Mohr - Coulomb; Hujeux) của đất - đá đắp lên ứng xử công trình đắp để có thể hiểu rõ vấn đề nêu ra trong hội nghị Florence.

Thành tựu khoa học

Chống trượt mái dốc bằng vỉ tầm vông (tre) cho đường vào cầu Xáng Hóc môn (1993);
Móng bè trên hệ *cọc nhồi chất lượng quá kém* cho công trình nhà tuổi trẻ 41 Nguyễn Thị Minh Khai thành phố Hồ Chí Minh;
Tham gia thực hiện cọc nhồi và thi công theo phương pháp Top-down nhà 19 tầng 3 hầm số 35 Nguyễn Huệ thành phố Hồ Chí Minh.
Giáo trình Nền móng.

Dự định khoa học

Mong sao có thể đóng góp hết sức cá nhân nhỏ bé cho công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước trong phần xây dựng nền móng công trình.
Sửa chữa các giáo trình cơ học đất; nền móng;
Các phương pháp thi công nền móng mới sao cho ngang tầm với các nước trong khu vực và thế giới.
Nghiên cứu các vật liệu và phương pháp xây dựng nền móng cho các công trình trong vùng đất yếu và ngập lũ.



ĐẶNG VĂN BA

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 27 - 7- 1945.
Quê quán: Thạch Lâm - Thạch Hà - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Số 9 - F207- tập thể Đại học Thuỷ lợi - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Thuỷ lợi.
Nghiên cứu sinh tại Bungari.
Hiện là giảng viên môn Thuỷ lực Trường Đại học Thuỷ lợi, Hà Nội.
Hội viên Hội cơ học chất lỏng và chất khí Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986
Tại Viện Hàn lâm Khoa học Bungari, Xôphia.
Ngành xây dựng
Chuyên ngành Thuỷ công.

Đề tài luận án

Giải bài toán thấm không ổn định qua đập đất bằng phương pháp phần tử hữu hạn.

Nội dung

Bài toán thấm không ổn định qua đập đất được mô tả bằng phương trình But-xi-net với hai biến không gian x, y trong mặt cắt ngang và biến thời gian t. Giải phương trình But-xi-net này với các điều kiện và điều kiện ban đầu cho trước, ta sẽ tìm được vị trí đường bão hoà và trường phân bố lưu tốc trong thân và nền đập đất tại các thời điểm khác nhau. Từ đó ta sẽ xác định được lưu lượng thấm qua đập, đồng thời tìm được độ dốc thuỷ lực J tại những nơi nguy hiểm trong thân và nền đập để xử lý các hiện tượng trượt mái và xói ngầm có thể xảy ra khi mực nước thượng hạ lưu thay đổi. Bài toán trên đã được tác giả xấp xỉ bằng phương pháp phần tử hữu hạn cả hai biến không gian x, y và biến thời gian t với chương trình tính theo ngôn ngữ FORTRAN-77 có thể tính toán dễ dàng trên máy vi tính.
Năm 1978, tác giả đã sử dụng một phần chương trình tính của luận án này với ngôn ngữ FORTRAN-4 trên máy tính Minsk-32 của Tổng cục Thống kê để tính toán thấm, nhằm thẩm định thiết kế mặt cắt đập chính Thuỷ điện sông Đà do các chuyên gia Liên Xô lúc đó đưa ra.

Thành tựu khoa học

Đã chứng minh được bằng lý thuyết hiện tượng tổn thất năng lượng cục bộ trong dòng chất lỏng không nhớt và không nén được (lý tưởng) khi nó chảy qua lòng dẫn đột ngột biến dạng. Đây là một thành tựu lý thuyết góp phần hoàn thiện phương trình Bernoulli của chất lỏng lý tưởng-Một trong những phương trình cơ bản nhất của lý thuyết cơ học chất lỏng.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chương trình giảng dạy cơ học chất lỏng thích hợp cho sinh viên trường Đại học Thuỷ lợi.
Viết tài liệu hướng dẫn sinh viên.

Lời Tiến sĩ

Muốn có một nền khoa học tiên tiến, bên cạnh việc đào tạo ra những cán bộ khoa học có khả năng tiếp thu công nghệ hiện đại của thế giới, chúng ta phải đào tạo được một đội ngũ trí thức trẻ, giỏi về lý thuyết cơ bản như toán trừu tượng, cơ học ứng dụng, vật lý lý thuyết, hoá đại cương, điều khiển học...



TRẦN VĂN BA

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 24 - 7 - 1951.
Quê quán: Nam Hưng - Tiền Hải - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 27 - nhà B9 - Tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Sinh-Kỹ thuật nông nghiệp, Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Rừng ngập mặn quốc tế (ISME)
Hội Sinh thái học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Sinh thái học

Đề tài luận án

Đặc điểm sinh học, sinh thái, kỹ thuật trồng và khai thác cây dừa nước (Nypa fruticans) ở Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu những đặc điểm sinh học của cây dừa nước: đặc điểm hình thái của thân, rễ, lá, hoa và quả; Đặc điểm cấu tạo giải phẫu của rễ, thân lá, hoa và quả.

Sinh trưởng và phát triển của dừa nước ở các vùng sinh thái khác nhau: Nam Bộ, vùng miền Trung (Quảng Nam) và miền Bắc (Quảng Ninh, Thái Bình).
Diễn thế tự nhiên và diễn thế nhân tác của rừng dừa nước ở Việt Nam.
Kỹ thuật ươm trồng.
Kỹ thuật khai thác nhựa dừa nước (Sap) từ cuống buồng hoa, quả để sản xuất đường, rượu, nước giải khát...
Xây dựng các mô hình kinh tế hộ gia đình: trồng dừa nước kết hợp nuôi trồng thuỷ sản ở huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu một số đề tài khoa học:
Điều tra cơ bản vùng ven biển Thuận Hải-Minh Hải.
Điều tra, nghiên cứu ảnh hưởng của chất độc hoá học trong chiến tranh chống Mỹ lên thiên nhiên và con người Việt Nam.
Sử dụng bền vững và có hiệu quả rừng ngập mặn trong việc nuôi tôm.
Cố vấn kỹ thuật cho các dự án trồng và khôi phục rừng ngập mặn ở vùng ven biển một tỉnh miền Bắc Việt Nam. Dự án của SCF/UK; Oxfam/UK; Chữ thập đỏ Đan Mạch. Cho đến nay hàng chục ngàn hecta rừng ngập mặn đã được trồng.
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Rừng ngập mặn dễ trồng mà nhiều lợi.
Rừng ngập mặn của chúng ta.
Rừng ngập mặn - kỹ thuật trồng và chăm sóc...

Lời Tiến sĩ

Nhà nước cần có chính sách khuyến khích nghiên cứu, trồng, bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá rừng ngập mặn - một trong những nhân tố góp phần ngăn ngừa thảm hoạ thiên tai và bảo vệ môi trường.



ĐỖ TRỌNG BÁ

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 20 - 3 - 1940
Quê quán: Đồn Xá - Bình Lục - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 33 Thanh Xuân Trung - quận Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Phiên dịch tiếng Nga ở Cục Điện lực, Bộ Công nghiệp nặng.
Biên dịch ở Bộ Công nghiệp nhẹ.
Phó phòng Tư liệu thư viện.
Phó phòng quản lý khoa học Trường Tuyên huấn T.Ư.
Phó Tổng biên tập Tạp chí *Thông tin lý luận*, Viện Mác-Lênin - Hồ Chí Minh.
Tổng biên tập Tạp chí *Thông tin lý luận* Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam.
Thành viên câu lạc bộ giám đốc T.Ư.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Kinh tế chính trị học.

Đề tài luận án

Vấn đề sở hữu trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam.

Nội dung

Lý luận chung về sở hữu; đi sâu vào bản chất, sự vận động nội tại, mối tương quan giữa hình thức pháp lý và nội dung kinh tế của sở hữu, chế độ sở hữu, các quyền năng và kết cấu bên trong của sở hữu.
Phân tích sự hình thành, vận động và biến dạng của các quan hệ sở hữu trước đổi mới.
Tóm tắt các quan điểm có tính lịch sử của các nhà kinh điển về chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa.
Trình bày phương pháp tiếp cận mới.
Phân tích và khái quát quá trình vận động của sở hữu tư bản chủ nghĩa, từ đó nêu lên quan niệm mới về sở hữu tập thể và sở hữu toàn dân.
Luận giải các hình thức sở hữu của thời kỳ quá độ ở Việt Nam.
Phân tích những nét mới và những vướng mắc trong các hình thức sở hữu đã và đang xuất hiện, đồng thời nêu lên các kiến nghị để khắc phục vướng mắc và tạo điều kiện cho nền kinh tế nước ta phát triển.

Thành tựu khoa học

Nhiều bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí.

Dự định khoa học

Nghiên cứu kinh tế, chính trị.

Lời Tiến sĩ

Ông cha ta đã dạy: "Nhân tài là nguyên khí quốc gia" muốn phát triển đất nước thì phải trọng nhân tài.



LÊ HUY BÁ

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 13-03-1947.
Quê quán: Bắc Sơn - Đô Lương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 350/5 Nguyễn Trọng Tuyển - quận Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp. Cán bộ Viện NHTN, Hà Nội. Giáo viên trường Đại học Nông nghiệp 4, Thủ Đức TP Hồ Chí Minh. Nghiên cứu sinh và thực tập sinh cao cấp tại Bungari.
Phó chủ nhiệm khoa Địa, Chủ nhiệm bộ môn Môi trường Trường ĐHTH. Hiện công tác tại Viện Môi trường & TNĐHQG TP HCM.
Thành viên: Hội Khoa học đất Việt Nam. Hội Bảo vệ Môi trường và tài nguyên thiên nhiên Việt Nam. Chủ tịch HĐ KH khoa Môi trường, Trường ĐH KTCN TP HCM và hội viên một số hội chuyên ngành nước ngoài.

Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học năm 1988.
Tại Viện Puskarov. Sofia, Bulgari.
Ngành Độc học môi trường (Ecotoxicology)

Đề tài luận án

Biến động và ảnh hưởng của các độc chất trong đất trong nước lên một số đặc tính sinh lý sinh hoá (enzime) của một số giống lúa và cây chỉ thị Eleocharis Dulcis.

Nội dung

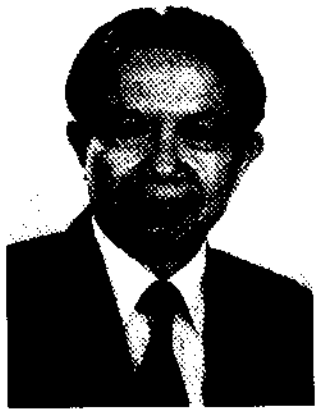
Đã xác định được mức độ biến động khác nhau của các ion độc như Al^{3+}, Fe^{2+}, SO_4^{2-} và Fe^{3+} trong điều kiện pH = 2,45-4,65, giữa các tầng đất và giữa các ion với nhau, cùng với sự tác động của lượng mưa, độ ẩm, vi sinh vật đất, các cây trồng, cây phủ đất khác nhau. Nồng độ gây hại trong dung dịch được xác định Al^{3+} là độ nhất so với các ion khác, và nồng độ gây chết cây (135 ppm) thấp hơn rất nhiều so với trong dung dịch đất (500 ppm). Ảnh hưởng đến sinh trưởng rõ nhất là thời kỳ 3 lá thật và rõ nhất ở rễ. Al^{3+} làm giảm trọng lượng, chiều dài và lông hút rễ nhưng rễ vẫn trắng; còn Fe^{2+} lại làm chóp rễ bị vẹt và đen. Đã tìm ra hệ số tương quan 2, 3 chiều giữa các nồng độ ion độc trong dung dịch đất: thuận và chặt: còn giữa các ion độc với nhau trong cây cũng là những tương quan thuận, nhất là giữa nhôm với sắt, còn giữa các ion độc với P chủ yếu là tương quan nghịch, chặt. Sự tích luỹ của các độc chất trong cây phụ thuộc tuổi, bộ phận cây và nhất là với đặc tính giống chống chịu phèn. Điều đó biểu hiện rất rõ ở cây chỉ thị Eleocharis Dulcis. Các giống cây chịu độc cao thì tích luỹ Al, Fe cao ở rễ, ít ở thân lá. Bên cạnh đó giống chịu độc cao cũng có khả năng tích luỹ rất nhiều P và hoạt tính enzime Catalase. Phosphatasa có khả năng phục hồi cây sau khi ngộ độc. Peroxydasa trong lá có khả năng giúp giống cây chịu độc chống lại ảnh hưởng của độc chất.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiệm thu:
Nghiên cứu ảnh hưởng nguyên tố vi lượng lên phẩm chất lúa nàng thơm xuất khẩu ở Mỹ Lệ, Cần Đước, Long An (cấp Bộ).
Nghiên cứu quá trình laterite và thoái hoá môi trường đất miền Đông Nam Bộ (cấp Bộ). Nghiên cứu ảnh hưởng của độc chất phèn lên hệ sinh thái ĐBSCL (cấp nhà nước). Nghiên cứu sự lan truyền ô nhiễm hữu cơ, kim loại nặng từ nước thải thành phố ra vùng hạ lưu - nhà bè và ảnh hưởng của nó lên đất và cây trồng (cấp TP HCM). Nghiên cứu ảnh hưởng nuôi tôm lên sinh thái môi trường đất Đầm Dơi, Cà Mau (cấp Bộ). Nghiên cứu hiện trạng môi trường đất, nước nuôi tôm trong rừng ngập mặn Tây Ngọc Hiển, Cà Mau (cấp tỉnh). Nghiên cứu hiện trạng môi trường và đề xuất phương án tối ưu quản lý rác thải, nước thải tỉnh Vĩnh Long (cấp tỉnh). Nghiên cứu các điều kiện môi trường thích hợp nhằm nâng cao sản lượng và chất lượng mía đường vùng đất phèn Tây Nam TP HCM (cấp TP).
Xác định hiện trạng môi trường, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội quận 8, TP HCM. Nghiên cứu ảnh hưởng của tồn dư phân bón và thuốc BVTV lên một số cây trồng và sức khoẻ nhân dân tỉnh Tây Ninh. Xây dựng mô hình làng sinh thái cho 100 hộ dân, thuộc xã Đồng Tâm, tỉnh Bình Phước (cấp tỉnh). Nghiên cứu ảnh hưởng của tồn dư thuốc BVTV trong môi trường đất, nước lên cây lúa cao sản tỉnh Long An.
Nghiên cứu HST lưu vực thuộc Vĩnh An, Đồng Nai (Dự án hợp tác quốc tế với ĐH Manchester, Thái Lan, Indonesia, Malaisya). Trao đổi, hội thảo tại nhiều nước. Tham gia, đọc báo cáo tại trên 20 hội nghị quốc tế. Hơn 50 bài báo đăng trong các tạp chí trong và ngoài nước. Hướng dẫn nhiều thạc sĩ, tiến sĩ...
Sách đã xuất bản:
Những vấn đề đất phèn chua Nam Bộ. Nxb TP HCM.
Chủ biên: *Môi trường khí hậu thay đổi - mối hiểm hoạ toàn cầu*. Nxb TP HCM. *Quản trị môi trường trong Nông lâm, ngư nghiệp*. Nxb NN.
Quản trị môi trường (cơ bản). Nxb KH. *Môi trường*. Nxb KH&KT. *Sinh thái môi trường đất (tác giả)*. Nxb Nông nghiệp. *Sinh thái môi trường cơ bản*. Nxb ĐH ĐH QG TP HCM. *Sinh thái môi trường ứng dụng. Nxb KH &KT. Độc lập môi trường*. Nxb ĐH QG TP HCM. *Tài nguyên môi trường*. Nxb KH&KT. *Kinh tế môi trường*. Nxb ĐHQG TP HCM.

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học, giảng dạy đại học, cao học.
Hoàn thành bộ *Từ điển Anh - Việt Môi trường*.
Xuất bản: *Tài nguyên môi trường đất Việt Nam*.
Hoàn thiện công nghệ xử lý nước nhiễm phèn và nước ô nhiễm bằng công nghệ sinh học.



NGUYỄN BÁ

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 06 - 5 - 1936.
Quê quán: Nam Yên - Nam Đàn - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Chủ nhiệm bộ môn Thực vật học
Chủ nhiệm khoa Sinh học
Trưởng môn học Sinh học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy khoa Sinh học, Đại học Khoa học tự nhiên.
Chủ tịch Hội đồng ngành Sinh học (ĐHQG Hà Nội).
Chủ tịch Hội đồng khoa học Sinh học (Bộ Khoa học, công nghệ và môi trường).
Tổng biên tập tạp chí *"Thông tin những vấn đề sinh học ngày nay"* - Hội các ngành Sinh học Việt Nam.
Ủy viên Hội đồng bộ môn Sinh học (Bộ Giáo dục và Đào tạo).
Phó Chủ tịch Hội các ngành Sinh học Việt Nam.
Chủ tịch Hội những người giảng dạy Sinh học.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1966
Tại trường Kỹ thuật Lâm nghiệp Lenigrat, Liên Xô.
Ngành Sinh học, Thực vật học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu cấu tạo giải phẫu một số đại diện họ Dẻ (Fagaceae) ở Việt Nam nhằm mục đích phân loại.

Nội dung

Nghiên cứu các đặc điểm cấu tạo bên trong chủ yếu là gỗ và lá, xây dựng khoá phân loại để xác định tên trên cơ sở các đặc điểm đó và xác định mối quan hệ họ hàng tiến hoá của họ này với các họ lân cận.

Thành tựu khoa học

Chủ trì đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên về sinh học.
Ủy viên Ban chủ nhiệm chương trình nghiên cứu cơ bản KT-04.
Chủ tịch Hội đồng khoa học sinh học chương trình nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên.
Chủ trì đề tài hợp tác quốc tế Việt Nam - Hà Lan VH3 giai đoạn 1992 - 1995 về nghiên cứu khoa học và phát triển giảng dạy ở khoa Sinh học Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chủ trì đề tài:
Nghiên cứu những cây hoang dại ăn được phục vụ bộ đội tại các chiến ở chiến trường.
Chủ trì biên soạn tài liệu:
Những cây mọc hoang dại ăn được (Nxb Quân đội nhân dân.
Hướng dẫn thực tập thực vật, tập 1. Nxb Giáo dục.
Hình thái học thực vật, 1,2. Nxb Đại học & THCN.
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Huân chương Lao động hạng ba, hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ
Nhà giáo ưu tú 1992.

Dự định khoa học

Viết chuyên khảo về cấu tạo giải phẫu các cây gỗ Việt Nam.



NGUYỄN QUANG BÀI

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 03 - 02 - 1938.
Quê quán: Đỗ Động - Thanh Oai - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 7 nhà B3 - Tập thể Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Giảng viên Đại học Y Hà Nội.
Phẫu thuật viên Bệnh viện Việt Đức.
Trưởng phòng điều trị A3 - Khoa Ngoại Bệnh viện Bạch Mai
Trưởng đoàn chuyên gia Y tế Việt Nam tại Algerie.
Hiện là giảng viên Trường Đại học Y Hà Nội.
Chủ nhiệm khoa Phẫu thuật Thần kinh Bệnh viện Xanh Pôn Hà Nội.
Hội viên Hội phẫu thuật Thần kinh châu Á.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Phẫu thuật thần kinh.

Đề tài luận án

Nghiên cứu điều trị bệnh não úng thuỷ thứ phát ở trẻ em bằng cầu nối não thất - ổ bụng.

Nội dung

Não - úng - thuỷ (còn gọi là não nước) là hiện tượng ứ thừa dịch trong hệ thống não thất hoặc cả khoang dưới nhện não tuỷ.
Biểu hiện lâm sàng: đầu đứa trẻ ngày một to ra, nếu không được điều trị thì đa số trẻ tử vong, số ít còn sống sót mang theo di chứng (mù mắt, chân yếu không đi lại được...).
Bệnh do 3 nhóm nguyên nhân gây ra: 1. Do đa tiết dịch não tuỷ; 2. Tắc nghẽn sự lưu thông dịch từ hệ thống não thất ra khoang dưới nhện não tuỷ; 3. Sự tái hấp thu dịch kém.
Về điều trị: thế giới nghiên cứu điều trị bệnh này từ thời Hyppocrate với nhiều phương pháp khác nhau: chọc hút dịch, dẫn lưu dịch ra các khoang khác trong cơ thể (từ não thất ra khoang dưới nhện; từ não thất hoặc từ khoang dưới nhện xuống khoang lồng ngực, xuống đường tiết niệu, xuống đường tiêu hoá...). Từ năm 1952 các tác giả dẫn lưu dịch vào mạch máu, xuống nhĩ phải. Tổng kết các phương pháp trên đều không mang lại kết quả mong muốn nên từ thập kỷ 70 đến nay xu thế dẫn lưu dịch xuống ổ bụng.
Ở Việt Nam cho đến trước năm 1995 chưa có công trình nào công bố về điều trị bệnh này.
Năm 1995 tác giả công bố luận án với 2 mục đích nghiên cứu:
Tự tạo van dẫn lưu não thất - ổ bụng để mổ cho trẻ Việt Nam (vì mua van ở ngoài quá đắt: 500 - 1.000 đôla/1 van).
Cố định đầu cuối ống dẫn vào mặt dưới cơ hoành trái ngay dưới mỏm tim nhằm chống dính, làm tắc ống (các tác giả khác để đầu cuối ống tự do trong ổ bụng dễ bị dính tắc ống do mạc nối lớn bám vào ống và chọc thủng vào các tạng trong ổ bụng mà các tác giả đã gặp).

Thành tựu khoa học

Một số đề tài cấp thành phố đã nghiệm thu.
Sách đã xuất bản:
Bệnh não úng thuỷ.
45 công trình đã đăng trên các tạp chí y học
Huy chương vì sự nghiệp giáo dục.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu bệnh não úng thuỷ.
Xuất huyết não do tai biến mạch não.
U tuyến tùng là thể u não khó mổ nhất, hiện nay ở ta chưa có một công trình nào công bố về điều trị loại u này.

Lời Tiến sĩ

Trong điều kiện đất nước khó khăn, phương tiện nghiên cứu khoa học còn thiếu so với các nước các nhà khoa học hãy phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, tự tạo cho mình những phương tiện tối thiểu để tiến hành nghiên cứu khoa học một cách tối ưu.



THÁI TRẦN BÁI

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 30 - 05 - 1936.
Quê quán: Đức Lâm - Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: A11 - phòng 307 - Thanh Xuân Bắc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học sư phạm Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Động vật học
Chủ nhiệm khoa Sinh - Kỹ thuật Nông nghiệp.
Hiệu phó Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1
Hiện phụ trách Trung tâm nghiên cứu động vật đất Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Động vật học, Sinh thái học, Sinh học đất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học năm 1983.
Tại Trường Đại học Lômônôxốp, Matxcơva, Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Sinh vật học.

Đề tài luận án

Giun đất Việt Nam (hệ thống học, khu hệ, phân bố và địa động vật học).

Nội dung

Giun đất là nhóm động vật quan trọng trong hình thành lớp đất trồng trọt. Trên cơ sở mẫu lượm từ nhiều vùng của đất nước, luận án đã thống kê 109 loài giun đất ở Việt Nam. Bổ sung cho khu hệ giun đất Việt Nam 79 loài và 5 phân loài, kể cả 39 loài và 4 phân loài mới cho khoa học. Lần đầu tiên, dựa trên các số liệu định tính và định lượng, tác giả đề xuất các quy luật phân bố của giun đất theo vùng cảnh quan, sinh cảnh trong từng vùng và theo địa lý, quy luật trao đổi nhóm loài giữa các vùng. Đồng thời luận án cho các nhận định về tính chất địa động vật học và tiềm năng ứng dụng giun đất ở Việt Nam. Luận án đề xuất nguyên tắc phân loại học giống Pheretima, giống chiếm trên 85% số loài giun đất hiện có ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

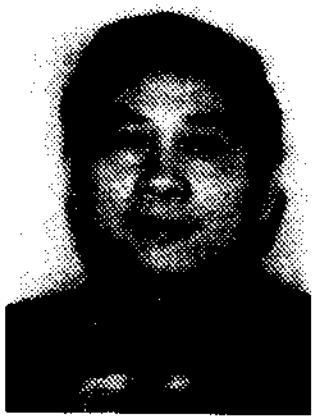
Đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu:
Đa dạng sinh học động vật đất Việt Nam.
Công trình khoa học đã ứng dụng:
Khoá định loại các loài giun ít tơ nước ngọt miền Bắc Việt Nam. Trong *"Định loại động vật không xương sống nước ngọt miền Bắc Việt Nam"* - Nxb Khoa học kỹ thuật (tham gia biên soạn).
Khoá định loại giun đất thuộc đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long. Trong "Thực hành động vật không xương sống" (chủ biên).
Khoá định loại nhóm giun đất không có manh tràng (Acoecata) ở Việt Nam. Trong bài - Mô tả các loài Pheretima không có manh tràng (Acoecata) mới gặp ở Việt Nam và khoá định loại Acoecata ở khu vực Đông Phương.
Khoá định loại các loài giun lá ở Việt Nam.
Khoá định loại các loài giun đất trong họ Ocnerodrilidae ở Việt Nam.
Sách đã xuất bản (đồng tác giả)
Động vật học không xương sống - Nxb Giáo dục, 2 tập.
Định loại động vật không xương sống nước ngọt Bắc Việt Nam - Nxb Khoa học kỹ thuật.
Động vật học không xương sống - Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
Sinh học 7 - Nxb Giáo dục.
Thực hành động vật không xương sống - Nxb Giáo dục.
Động vật học không xương sống. Sách cao đẳng sư phạm. NXB Giáo dục.
Động vật học không xương sống - Nxb Giáo dục.
Huân chương Kháng chiến hạng nhì.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Viết chuyên khảo về giun đất Việt Nam.
Nghiên cứu động vật đất Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Thanh thiếu niên Việt Nam không thua kém các nước về năng lực trí tuệ. Tuy nhiên giáo dục của ta, kể cả về nội dung, phương pháp, cơ sở vật chất và tổ chức còn quá nhiều bất cập so với yêu cầu khoa học kỹ thuật. Có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan gây nên tình trạng trên, trong số này có không ít nguyên nhân chủ quan do thiếu tầm nhìn hoặc chưa đầy đủ trách nhiệm của các cấp về giáo dục. Đất nước muốn tiến nhanh và vững chắc cần sớm rút kinh nghiệm về giáo dục trong thời gian qua và có quyết sách đúng đắn trong thời gian tới.



LƯƠNG GIA BAN

Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 04 - 08 - 1945.
Quê quán: Tân Tiến - Văn Giang - Hưng Yên
Chỗ ở hiện nay: Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Phòng Kế hoạch Ty thương nghiệp - Sơn La.
Bộ đội Quân khu Tây Bắc.
Hiện là giảng viên Trường Đại học Thương mại Hà Nội.
Phó chủ nhiệm bộ môn Lịch sử Đảng Trường Đại học Thương mại.
Phó Phòng Tổ chức Hành chính Trường Đại học Thương mại.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Đề tài luận án

Sự thống nhất giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản trong cách mạng Việt Nam.

Nội dung

Sự thống nhất giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn, mang tính cấp bách của cách mạng nước ta.

Con đường phát triển biện chứng của chủ nghĩa yêu nước, từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống đến chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa qua các bước nhảy vọt về chất và các giai đoạn trung gian của nó trong cách mạng Việt Nam.
Mối quan hệ biện chứng giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản và sự thể hiện nó trong các mối quan hệ phái sinh trên tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam từ cận đại đến hiện đại.
Vạch ra những nét đặc trưng nhất trong việc xây dựng và giáo dục con người Việt Nam yêu nước và quốc tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài khoa học cấp Bộ đã nghiệm thu.
Sách đã xuất bản: *Chủ nghĩa yêu nước trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá* - Nxb Chính trị quốc gia.
150 năm tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - lý luận và thực tiễn (tham gia) - Nxb Chính trị quốc gia.
Nhiều bài trên các tạp chí, báo Nhân dân.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba.
Nhiều bằng khen khác.



ĐÀO TIẾN BẢN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 01 - 10 - 1955.
Quê quán: Đông Cao - Yên Phong - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 39 Lê Đại Hành - thị xã Lạng Sơn.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế kế hoạch Hà Nội.
Giảng viên khoa Kinh tế Đại học Lâm nghiệp Quảng Ninh.
Học tiếng Nga tại Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Kỹ thuật Lâm nghiệp thành phố LVOV, Ucraina Liên Xô cũ.
Chuyên viên Ban kinh tế đối ngoại tỉnh Lạng Sơn.
Trưởng phòng kinh tế đối ngoại văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.
Phó giám đốc Sở Thương mại và du lịch tỉnh Lạng Sơn.
Phó giám đốc Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.
Hiện là Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại trường Đại học Kỹ thuật Lâm nghiệp thành phố LVOV, Ucraina Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Kinh tế, kế hoạch hoá và tổ chức quản lý công nghiệp và các ngành.

Đề tài luận án

Đánh giá kinh tế - sinh thái các hậu quả của việc tàn phá rừng Việt Nam do cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ và các vấn đề khôi phục chúng.

Nội dung

Ý nghĩa kinh tế và sinh thái toàn cầu của rừng nhiệt đới và lâm nghiệp Việt Nam. Phân tích các đặc điểm tự nhiên lịch sử, ý nghĩa kinh tế sinh thái và sự cần thiết phải bảo vệ rừng nhiệt đới, đồng thời cũng chỉ ra các đặc điểm, tính chất của nền lâm nghiệp Việt Nam.
Các cơ sở phương pháp luận của việc đánh giá kinh tế - sinh thái và hậu quả phá hoại rừng Việt Nam do cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ. Phân tích các phương pháp đang được sử dụng để đánh giá tài nguyên rừng và kinh tế sinh thái cụ thể hậu quả việc phá hoại rừng Việt Nam do tác động chiến tranh của Mỹ. Đánh giá tài nguyên rừng và đánh giá việc phá hoại rừng tổng hợp theo 4 nhân tố chính: Tài nguyên gỗ (D), thực vật không có nguồn gốc gỗ (M), động vật rừng (F), các chức năng hữu ích nhiều mặt của rừng (R).
Các vấn đề kinh tế khôi phục rừng bị phá hoại ở Việt Nam. Tác giả xây dựng luận cứ khoa học nhằm xác định chi phí cho việc khôi phục hệ thống sinh thái DMFR và sử dụng máy tính điện tử lập ra các phương án hữu hiệu để khôi phục tài nguyên rừng.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài, dự án tiêu biểu:
4 dự án do Bộ Khoa học Công nghệ Môi trường quản lý.
1 đề tài trong chương trình Việt Nam - Hà Lan.
5 đề tài khoa học cấp tỉnh.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trên thế giới đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học quản lý, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin,... để nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ tỉnh Lạng Sơn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc trong tỉnh.
Đất nước ta còn nghèo, do vậy trách nhiệm của mỗi nhà khoa học là phải đem kiến thức của mình phục vụ nâng cao đời sống nhân dân, đưa đất nước tiến kịp bè bạn trên thế giới.



MAI VĂN BẠN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 29 - 6 - 1945.
Quê quán: Nga Thạch - Nga Sơn - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 94 ngõ 164 Lê Trọng Tấn - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên Trường Trung cấp Ngân hàng Trung ương.
Thực tập sinh giảng dạy về ngân hàng tại Liên Xô cũ
Giáo viên, Phó phòng giáo vụ Trường Trung cấp Ngân hàng Trung ương.
Cán bộ giảng dạy Trường cao cấp nghiệp vụ ngân hàng Trung ương - Hà Nội.
Cán bộ Ngân hàng Nhà nước Hà Nội.
Phó Giám đốc Ngân hàng Công thương 2, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Chuyên viên, Trưởng phòng, Phó vụ trưởng Ngân hàng Trung ương.
Hiện là Phó vụ trưởng Vụ chính sách tiền tệ Ngân hàng Trung ương.
Giảng viên kiêm chức Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Tài chính Hà Nội. Tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh, sinh viên.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Chuyên ngành Tài chính - Lưu thông tiền tệ và tín dụng.

Đề tài luận án

Giải pháp chủ yếu đảm bảo an toàn vốn đối với hoạt động của các ngân hàng thương mại trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Nội dung

Đảm bảo an toàn vốn tiền gửi, vốn đầu tư trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng có tính quyết định đến sự tồn tại phát triển của các ngân hàng thương mại Việt Nam, nhất là hoạt động trong điều kiện nền kinh tế đang chuyển đổi - thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Thực tế đã và đang gặp rất nhiều rủi ro, nợ quá hạn, nợ khó đòi chiếm tỷ trọng lớn, nguy hiểm đến hoạt động, an toàn của các ngân hàng thương mại.
Sự cần thiết phải đảm bảo an toàn vốn, điều kiện cần có; kinh nghiệm của các nước đi trước và bài học mà mỗi ngân hàng có thể nghiên cứu vận dụng trong quá trình thực thi.
Sự hình thành hoạt động và phát triển của ngân hàng thương mại Việt Nam thời gian qua.
Định hướng, giải pháp kiến nghị vĩ mô và vi mô nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam như: hoàn thiện quy chế đảm bảo an toàn các chính sách về lãi suất, tỷ giá, công nghệ ngân hàng, kiểm tra, giám sát hoạt động; thực hiện bảo hiểm tiền gửi, bảo hiểm tín dụng, chính sách về thuế, tài chính đối với Ngân hàng thương mại.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu:
Hoàn thiện cơ chế tổ chức thanh toán trong điều kiện nền kinh tế ở Việt Nam (chủ biên).
Huy chương chống Mỹ.
Huy chương Vì sự nghiệp ngân hàng.

Dự định khoa học

Chủ nhiệm đề tài cấp ngành:
Thanh toán ngân hàng trong thương mại điện tử.
Tham gia nghiên cứu đề tài cấp quốc gia: "An ninh tài chính".
Sẽ ứng dụng các chính sách: nghị định séc, các văn bản có tính pháp quy về thanh toán...



ĐẶNG TRẦN BẢNG

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 13 - 11 - 1937.
Quê quán: Tây Tựu - Từ Liêm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 28 Trung Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Kỹ sư địa chất Liên đoàn địa chất 9 Cẩm Phả - Quảng Ninh.
Kỹ thuật trưởng đoàn địa chất 9C Mông Dương.
Công tác tại phòng Kiểm tra trữ lượng Tổng cục địa chất.
Chuyên viên Hội đồng xét duyệt trữ lượng khoáng sản của Chính phủ.
Trợ lý ủy viên Thường trực Hội đồng xét duyệt trữ lượng khoáng sản.
Phó văn phòng Uỷ ban Khoa học kỹ thuật Nhà nước.
Vụ phó phụ trách Tổ xét duyệt trữ lượng khoáng sản.
Chánh văn phòng Hội đồng xét duyệt trữ lượng khoáng sản, nay là Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản.
Thành viên Hội địa chất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983.
Tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất - Hà Nội.
Chuyên ngành Địa chất khoa học và thăm dò các khoáng sản nhiên liệu rắn.

Đề tài luận án

Phân nhóm mỏ địa chất công nghiệp và mạng lưới công trình thăm dò tỉ mỉ cho các khu thăm dò thuộc bể than Quảng Ninh.

Nội dung

Để góp phần giải quyết một cách tích cực những tồn tại trong thăm dò địa chất than ở bể than Quảng Ninh, tác giả đề nghị cần phải xem xét giải quyết 3 vấn đề cơ bản sau:

Xác định nguồn gốc thành hệ than Quảng Ninh làm cơ sở dự đoán cấu trúc của các mỏ chưa được phát hiện hoặc chưa được nghiên cứu nhiều, nhằm vạch ra một số điểm chung có tính chất nguyên tắc trong nghiên cứu các mỏ than khi tiến hành thăm dò chúng.
Phân chia nhóm mỏ địa chất công nghiệp và mỏ than với mục đích để thăm dò. Kết quả cho thấy các khu thăm dò thuộc bể than Quảng Ninh thuộc nhóm III. Những yếu tố địa chất cơ bản có ý nghĩa trong việc phân nhóm mỏ là kiến tạo khu mỏ và mức độ ổn định chiều dày vỉa.
Khoảng cách giữa các công trình thăm dò tỉ mỉ cho các khu thăm dò được xác định từ 100 - 200 mét, khu mỏ đơn giản từ 200 - 400 mét. Yêu cầu cấp trữ lượng cho thiết kế khai thác ở các mỏ Quảng Ninh chủ yếu thăm dò cấp C1.

Thành tựu khoa học

Đồng soạn thảo:
Công tác tìm kiếm Casitêrit Sơn Dương - Tuyên Quang.
Công tác tìm kiếm than Tiên Yên - Đầm Hà - Hà Cối - Quảng Ninh.
Phương án thăm dò bổ sung phần nam khu nam Quảng Lợi - Quảng Ninh.
Phương án thăm dò nghiên cứu đứt gãy đối K Cọc 6
Báo cáo kết quả công tác nghiên cứu đứt gãy đối K Cọc 6.
Báo cáo trình lại trữ lượng khu Cọc 6 Quảng Lợi làm cơ sở cho thăm dò bổ sung và điều chỉnh thiết kế.
Báo cáo địa chất kết quả công tác thăm dò tỉ mỉ khu Mông Dương - Quảng Ninh 1966. Dùng thiết kế khai thác mỏ Mông Dương.
Soạn thảo quy phạm về yêu cầu nghiên cứu mức độ tìm kiếm thăm dò và phân cấp trữ lượng các mỏ than.
Hội đồng xét duyệt trữ lượng khoáng sản ban hành năm 1975.
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Khoanh định ranh giới tính trữ lượng - Nxb Khoa học kỹ thuật.
Tính trữ lượng khoáng sản rắn - Nxb Khoa học kỹ thuật.
Các đề tài tham gia:
Hiện trạng khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản.
Xây dựng căn cứ khoa học phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.
Định hướng chiến lược về khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản.
Tài nguyên khoáng sản Việt Nam và phương hướng phát triển.
Tiềm năng khoáng sản vùng đồng bằng sông Hồng
Khả năng khai thác và phương pháp khai thác các khoáng sản vùng đồng bằng sông Hồng.
Xây dựng cơ sở khoa học cho việc phân chia cấp bậc tài nguyên trữ lượng khoáng sản rắn.
Đánh giá tiềm năng, hiện trạng khai thác sử dụng nước dưới đất và tác động của mỏ đến môi trường vùng Hà Nội.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huân chương Vì sự nghiệp khoa học kỹ thuật.
Vì sự nghiệp địa chất.



ĐỖ VĂN BẢNG

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 6 - 2 - 1943.
Quê quán: Phú Thịnh - Phú Cường - Ba Vì - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay
Phú Thịnh - Phú Cường - Ba Vì - Hà Tây.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Nông nghiệp 1 Hà Nội.
Đoàn chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp tỉnh Hoà Bình.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Nông nghiệp 1 Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Rumani.
Nghiên cứu sinh tại Bungari.
Trưởng phòng Nông - Lâm nghiệp, huyện Ba Vì.
Phó Tổng giám đốc Công ty liên doanh TNHH Chính Nhân, Ba Vì.
Giám đốc Khuyến nông Ba Vì.
Hội viên Hội VAC Ba Vì.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984.
Tại Trường Đại học Nông nghiệp V.Kolarốp - Plốpđíp Bungari.
Ngành Thổ Nhưỡng.

Đề tài luận án

Thành phần và tính chất của đất phát sinh trên đá mẹ Zeolit sườn phía đông dãy núi Rodôpi của Bun-ga-ri.

Nội dung

Đánh giá độ phì tiềm tàng của đất. Xu thế tiến hoá của chúng dưới tác động của các yếu tố vũ trụ và con người.

Nghiên cứu hình thái đất, lấy mẫu phân tích.
Nghiên cứu trong phòng
Định lượng các tính chất vật lý chung của đất.
Định lượng thành phần cơ giới đất, hoá học, lý hoá học đất.
Riêng thành phần hoá học được phân tích đối với mẫu đất và cả đối tượng từng nhóm cơ giới tương ứng (cát vật lý, sét vật lý).
Sử dụng phương pháp phân tích hoá học cổ điển, kết hợp với phân tích điện quang: Kính hiển vi tán xạ, phân tích cấu trúc rơn gen, phân tích nhiệt phân lý, chụp ảnh kính hiển vi điện tử phóng đại 50.000 lần.
Đặc điểm địa chất vùng nghiên cứu vật liệu chủ yếu hình thành nền đất là đá geolit có độ tinh khiết cao > 85 - 90% được xem như là một khoáng đơn chất. Đá zeolít có 3 phần khoáng chủ yếu: Khí Noptilônít, Analsimop và Modernet.
Trong thành phần Silicát, F_eO thấp (< 1%) chứa khối lượng đáng kể kim loại kiềm và kiềm thổ.
Thành phần đơn khoáng chứa khối lượng nhỏ khoáng hỗn hợp và thuỷ tinh núi lửa.
Dung tích hấp thụ cao. Có chứa nhiều lỗ nhỏ.
Có nguồn gốc núi lửa.
Về thực vật mang tính chất của đới thực vật cực nam pha trộn thực vật vùng núi. Cây bụi xen lẫn cây rừng thưa thớt rụng lá về mùa đông, trảng cỏ. Ở các thung lũng hẹp có trồng lúa mì, mạch, khoai tây, thuốc lá, hoa hồng.

Thành tựu khoa học

Tham gia hướng dẫn luận văn tốt nghiệp đại học.
Chỉ đạo công tác điều tra, chỉnh lý bản đồ thổ nhưỡng huyện Ba Vì.
Xây dựng cơ cấu cây trồng cho một số hợp tác xã.
Xây dựng dự án cây chè vùng đồi núi Ba Vì.
Chỉ đạo các chương trình:
Cải tạo đàn bò dé Ba Vì theo hướng sinh hoá, sữa hoá.
Cải tạo vườn tạp theo mô hình sinh học bền vững, cho giá trị hàng hoá cao.
Trồng cà phê ở Ba Vì (1999).
Xây dựng mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào đồng ruộng Ba Vì. Giống, phân bón, biện pháp canh tác.
Huy chương Vì sự nghiệp giai cấp nông dân. Bằng khen của UBKH thành phố Hà Nội, UBND tỉnh Hà Tây về công tác chỉ đạo đưa tiến bộ khoa học vào đồng ruộng Ba Vì.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.

Dự định khoa học

Đưa ra được mô hình canh tác nông nghiệp bền vững cho giá trị hàng hoá cao, trên đất vùng đồi núi Ba Vì.



NGUYỄN ĐÌNH BẢNG

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 02 - 01 - 1945.
Quê quán: Thăng Long - Đông Hưng - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 67 Quốc Tử Giám - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy bộ môn Hoá vô cơ, khoa Hoá Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Hoá vô cơ, khoa Hoá Đại học khoa học tự nhiên.
Phó chủ nhiệm khoa Hoá - Đại học khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hội viên Hội Hoá học Việt Nam.
Được phong Phó giáo sư năm 1991

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1977.
Tại Trường Hoá kỹ thuật Pardubice - Tiệp Khắc cũ
Chuyên ngành Hoá học - Hoá vô cơ.

Đề tài luận án

Nghiên cứu phản ứng của ion Ferrocenium.

Nội dung

Nghiên cứu động học, cơ chế phản ứng của ion Ferrocenium ($FeCp_2$ +) với hydroferoxyt trong các môi trường khác nhau.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu:
Nghiên cứu tách, tách riêng các nguyên tố đất hiếm từ quặng đất hiếm Việt Nam.
Nghiên cứu phước đất hiếm với aminoaxit và thăm dò hoạt tính sinh học của chúng.
Nghiên cứu tách loại Fe, Mn khỏi nước nguồn.
Nghiên cứu chế tạo vật liệu để tách kim loại nặng khỏi nước thải.
Sách đã xuất bản:
Giáo trình *Hoá đại cương* cho sinh viên ngành Hoá - Đại học khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Đồng dịch giả: *Hoá đại cương* của Dikier (Pháp)
Hoá vô cơ của Axmetop (Nga).

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các nguyên tố hiếm, đất hiếm trong các lĩnh vực khác nhau.
Nghiên cứu góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.



PHẠM QUỐC BẢO

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 19 - 01 - 1949.
Quê quán: Tân Việt - Thanh Hà - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: 48A Tăng Bạt Hổ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Dược Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy, Trường Đại học Dược Hà Nội.
Chuyên viên Vụ Khoa học - Đào tạo, Bộ Y tế.
Hiện là Phó vụ trưởng Vụ Khoa học - Đào tạo, Bộ Y tế.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Trường Đại học Dược Hà Nội.
Ngành Dược.
Chuyên ngành Công nghệ dược phẩm và bào chế.

Đề tài luận án

Nghiên cứu tinh dầu hai loài Tràm Melaleuca sp ở Bình Trị Thiên và dạng bào chế có chứa tinh dầu Tràm.

Nội dung

Nghiên cứu sinh thái, thành phần hoá học của hai loài Tràm mọc ở miền Trung Việt Nam: *Melaleuca leucadendron* và *Melaleuca alternifolia*. Họ Myrtaceae và dạng bào chế có chứa tinh dầu Tràm. Cây Tràm gió (*M. leucadendron*) mọc phổ biến ở các vùng đồi miền Trung, tinh dầu có thành phần chính là Cineol, nhưng nay ít được quan tâm bảo vệ, khai thác. Cây Tràm Úc (*M. alternifolia*) di thực, được nghiên cứu cho thấy hàm lượng tinh dầu rất cao (2,0%/lá tươi), thành phần chủ yếu là Terpineol, có tính kháng khuẩn tốt (tương tự với công bố của một số tài liệu nước ngoài). Tinh dầu của cả hai loài tràm đều có thể sử dụng làm thuốc chữa bệnh.
Nghiên cứu hai dạng bào chế có chứa tinh dầu Tràm: viên nang Eucaseptil có tác dụng chữa ho và dạng kem Mecaseptil có tác dụng chữa bỏng. Cả hai dạng bào chế đã được ứng dụng sản xuất tại xí nghiệp liên hiệp Dược Thừa Thiên - Huế (Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương Huế), làm cơ sở phát triển cho một số chế phẩm bào chế có chứa tinh dầu tràm hiện nay.

Thành tựu khoa học

Tham gia và chủ trì một số đề tài cấp Bộ.
Tham gia Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp Nhà nước, thư ký Hội đồng khoa học kỹ thuật Bộ Y tế.
Tham gia biên soạn chương trình, tài liệu giảng dạy, đánh giá đào tạo đại học và sau đại học ngành y tế.

Dự định khoa học

Nghiên cứu lĩnh vực bào chế, nguyên liệu làm thuốc và đào tạo cán bộ y - dược.



TRẦN BẢO

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 02 - 11 - 1941.
Quê quán: Đông Mỹ - Thanh Trì - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: P. 325, C5 Tô Hiệu - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học tổng hợp Hà Nội.
Tổ trưởng tổ Lý thuyết Viện Đo lường và Tiêu chuẩn.
Phó phòng Tổng hợp Cục Đo lường Trung ương.
Trưởng phòng nghiệp vụ - Đào tạo Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lương.
Phó giám đốc Trung tâm Đo lường Tổng cục TC-ĐL-CL;
Trưởng ban kỹ thuật tiêu chuẩn
TCVN/TC/M3 Các vấn đề chung về đo lường.
TCVN/TC12 Đại lượng và đơn vị đo lường.
TCVN/TC69/SC6 Phương pháp và kết quả đo.
TCVN/TC176 Quản lý chất lượng và đảm bảo chất lượng.
Hiện là Tổng thư ký Hội Đo lường Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;
Chuyên ngành Kinh tế quản lý và kế hoạch hoá kinh tế quốc dân.

Đề tài luận án

Hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về đo lường phù hợp với nền kinh tế thị trường ở nước ta.

Nội dung

Làm rõ vai trò, tác dụng đo lường đối với đời sống, sản xuất và nghiên cứu khoa học. Sự hình thành và phát triển của quản lý đo lường ở nước ta và trên thế giới, từ đó rút ra những đặc điểm chung của quản lý đo lường.
Hệ thống hoá những vấn đề về lý luận của quản lý đo lường. Đưa ra cách tiếp cận thích hợp về mục đích, nội dung, đối tượng và các cơ sở quản lý đo lường nói chung và quản lý Nhà nước (QLNN) về đo lường nói riêng.
Nêu lên các thành tựu, những vấn đề tồn tại của QLNN về đo lường thời gian qua. Phân tích cơ chế quản lý đo lường trong thời kỳ bao cấp và các nhược điểm khi chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Từ đó đề xuất các quan điểm để đổi mới, hoàn thiện công tác QLNN về đo lường ở nước ta.
Kiến nghị cơ chế, những giải pháp cụ thể đổi mới từng nội dung quan trọng của QLNN về đo lường: quản lý chuẩn đo lường; kiểm định phương tiện đo; quản lý sản xuất phương tiện đo; thanh tra đo lường; hệ thống cơ quan QLNN về đo lường.
Từ phương hướng và biện pháp hoàn thiện công tác QLNN về đo lường nói chung, xem xét việc ứng dụng QLNN về đo lường vào lĩnh vực cung ứng và sử dụng điện năng, một lĩnh vực quan trọng đối với nhiều ngành kinh tế quốc dân và đời sống của đông đảo người dân.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Đo lường học, Cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng Nhà nước 1983 và Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng 2000 (chủ biên).
Tiêu chuẩn hoá và quản lý đo lường chương V sách *Cơ sở tiêu chuẩn hoá* - Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
Một số bài viết đã công bố:
Công tác quản lý đo lường.
Cơ chế QLNN về đo lường trong tình hình mới.
Vấn đề quản lý đo đếm điện năng.
Đo lường học và quản lý đo lường.
Đo lường học. Thuật ngữ chung và cơ bản.
Thành tựu mới về đơn vị và chuẩn đơn vị đo lường trên thế giới và ở nước ta.
Bộ tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6398: 1999, 2000/ISO: 1992 Đại lượng và đơn vị (chủ biên).
Đo lường trong doanh nghiệp.
Đề tài "Nghiên cứu và ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng toàn diện ở Việt Nam".

Dự định khoa học

Nghiên cứu về quản lý đo lường.
Viết sách:
Quản lý đo lường và chất lượng sản phẩm.
Giải thích và hướng dẫn sử dụng đơn vị đo lường hợp pháp ở Việt Nam.
Tính toán và trình bày độ không đảm bảo của phép đo.



TRẦN KIM BẢO

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 30 - 03 - 1956.
Quê quán: Thanh Văn - Thanh Oai - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Số 23 - dãy N5 - ngõ 10 - Phùng Chí Kiên - Tập thể Viện Lịch sử quân sự - Nghĩa Đô - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy tại khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Nga, Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Viện tiếng Nga quốc gia Puskin, Matxcơva, Liên bang Nga. Trong thời gian nghiên cứu sinh tại Liên bang Nga là Tổng thư ký Hội Khoa học - kỹ thuật Việt Nam ở Nga.
Phó Chủ tịch Phân hội Nga học.
Phó chủ nhiệm Câu lạc bộ các nhà khoa học trẻ.
Hội viên Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam tại LB Nga.
Hiện là cán bộ Vụ Tổ chức - Cán bộ, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Tự nhiên Liên bang Nga năm 2000.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997

Đề tài luận án

Liên từ như một phương tiện liên kết văn bản.

Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học năm 2000.
Tại Viện tiếng Nga quốc gia Puskin, Matxcơva, Liên bang Nga.

Đề tài luận án

Văn bản như một hiện tượng ngôn ngữ (qua lăng kính triết học ngôn ngữ thuyết âm - dương).

Nội dung luận án Tiến sĩ Khoa học

Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến văn bản và ngôn bản. Văn bản là một hiện tượng của ngôn ngữ, được cấu thành từ hai đơn vị hệ thống ngôn ngữ là từ (cụm từ) và câu (cụm câu). Ngôn bản là văn bản đang hoạt động dưới chức năng giao tiếp. Vận dụng tư tưởng triết học thuyết âm - dương vào nghiên cứu văn bản và ngôn bản cho phép ta xem xét văn bản không phải như một đơn vị ngôn ngữ có tầng bậc cao hơn câu, mà là một hiện tượng ngôn ngữ bao hàm trong mình sự thống nhất của cái ảo (yếu tố hàm ẩn - từ và câu như những đơn vị cấu trúc - hệ thống) và cái thực (yếu tố tường minh - ngôn bản).
Trên cơ sở thuyết âm - dương luận án đưa ra giải pháp nghiên cứu ngôn bản trong mối liên hệ chặt chẽ với văn bản có tính đến các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ tham gia vào việc tổ chức, sử dụng văn bản như một phương tiện giao tiếp.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Văn bản như một hiện tượng ngôn bản (tổng hợp các quan điểm Đông Tây trong nghiên cứu ngôn ngữ) - Nxb Sáng tạo Matxcơva.
Văn bản và ngôn bản - Nxb Sáng tạo Matxcơva.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Tiếp tục tham gia biên soạn từ điển song ngữ, đa ngữ.
Đi sâu, mở rộng và áp dụng những kết quả nghiên cứu vào công tác giảng dạy.
Tham gia biên soạn giáo trình và hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh các trường chuyên ngữ.



LÊ THÁI BẠT

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 27 - 6 - 1941.
Quê quán: Yên Hoà - Yên Mỹ - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: Số 24 tổ 14B - Thanh Lương - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Kỹ sư nông học, học viên cao học, Bộ Nông trường.
Cán bộ Cục Quy hoạch, Bộ Nông nghiệp.
Cán bộ Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp (QHTKNN), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
Phó phòng thổ nhưỡng, Viện QHTKNN, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
Trưởng phòng Khoa học, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
Nghiên cứu viên cao cấp, Viện QHTKNN, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
Uỷ viên Ban chấp hành, Chánh văn phòng Hội Khoa học đất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.
Ngành Nông nghiệp.
Chuyên ngành Thổ nhưỡng học.

Đề tài luận án

Một số đặc điểm đất vùng Tây Bắc và hướng sử dụng trong nông nghiệp.

Nội dung

Phản ánh các quá trình, quy luật hình thành đất chủ đạo ở Tây Bắc. Chia đất Tây Bắc ra 6 nhóm, 24 loại đất. Tổng kết các đặc điểm phát sinh và nông học đặc thù. Sự biến động về định lượng môi trường đất theo xu thế thoái hoá, chia Tây Bắc ra 8 vùng và 26 tiểu vùng sinh thái nông nghiệp. Đề xuất hướng sử dụng đất hợp lý trên quan điểm sinh thái và phát triển bền vững. Kiến nghị một số nội dung cho các công trình nghiên cứu tiếp theo ở Tây Bắc.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài đã thực hiện:
Quy trình điều tra lập bản đồ đất đồng bằng.
Cây ăn quả cam quýt và vấn đề phân bón
Bản đồ đất K5 Ba Vì tỷ lệ 1/10.000 và chú giải.
Quy trình điều tra lập bản đồ đất vùng duyên hải Nam Trung Bộ.
Tài nguyên đất Tây Bắc 1978 - 1980 (cấp Nhà nước).
Bản đồ đất tỉnh Cửu Long tỷ lệ 1/50.000.
Một số kết quả điều tra đất ở Việt Nam.
Quy phạm điều tra lập bản đồ đất tỷ lệ lớn (cấp ngành).
Đất các tỉnh giáp biển miền Trung 1986 - 1988 (cấp Nhà nước).
Một số đặc điểm đất vùng Tây Bắc và hướng sử dụng trong nông nghiệp.
Bản đồ đất huyện Tây Sơn (Bình Định) tỷ lệ 1/50.000 và chú giải.
Bản đồ đất tỉnh Bình Định tỷ lệ 1/50.000 và chú giải.
Bản đồ đất Việt Nam và chú giải (viết chung).
Nghiên cứu phân loại đất Việt Nam theo phương pháp quốc tế FAO - UNESCO (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu ứng dụng phân loại đất của FAO - UNESCO trong điều tra phân loại lập bản đồ đất tỷ lệ lớn ở Việt Nam (cấp ngành) viết chung.
Quản lý sử dụng bền vững đất phèn.
Bản đồ đất tỉnh Cao Bằng tỷ lệ 1/100.000 và chú giải.
Bản đồ đất tỉnh Sóc Trăng tỷ lệ 1/50.000 và chú giải.
Quy phạm đánh giá đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp (cấp ngành).
Môi trường đất Việt Nam.
Mô hình cải tạo đất đồi núi thoái hoá Lương Sơn, Hoà Bình (viết chung).
Đất Việt Nam (biên soạn 4 chương).
Sổ tay điều tra phân loại đánh giá đất đai (viết chung).
Bằng lao động sáng tạo.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp nông nghiệp.
Bằng khen của Chính phủ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về phân loại, đánh giá đất đai, môi trường đất, sử dụng cải tạo đất, sinh thái và phát triển nông nghiệp bền vững.
Tham gia giảng dạy và đào tạo, giúp đỡ các cán bộ khoa học trẻ.



ĐÀO ĐÌNH BẮC

Tiến sĩ Địa lý

Sinh ngày: 20 - 06 - 1942.
Quê quán: Văn Lý - Lý Nhân - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay:
340 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Kỹ sư Cục Đo đạc và Bản đồ, Phủ thủ Tướng.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội.
Phó Giáo sư, chuyên gia giáo dục đại học tại Angiêri.
Phó chủ nhiệm bộ môn Địa mạo kỳ.
Hiện là thư ký Hội đồng khoa học khoa Địa lý Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội.
Hội viên Hội Địa lý Việt Nam.
Phân Hội Địa Mạo & Địa chất đệ tứ thuộc Hội Địa chất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Lomônôxôp, Liên Xô cũ.
Ngành Địa lý.
Chuyên ngành Địa mạo.

Đề tài luận án

Phân vùng địa mạo và các quá trình ngoại sinh vùng đất cao Stavrropolie.

Nội dung

Phân vùng địa mạo trên cơ sở sự phân hoá của lãnh thổ về địa mạo cấu trúc và những tập hợp các quá trình động lực ngoại sinh. Góp phần hoàn thiện lý thuyết đưa ra ví dụ về phương pháp thành lập bản đồ địa mạo theo nguyên tắc lịch sử - nguồn gốc.

Thành tựu khoa học

Tham gia thực hiện nhiều đề tài khoa học cấp Nhà nước và đề tài độc lập.
Chủ trì đề tài "Nghiên cứu tai biến lũ lụt miền Trung trên cơ sở phương pháp địa mạo".
Đồng tác giả nhiều bản đồ địa mạo Việt Nam, Đông Dương và châu Á.
Công bố nhiều bài viết trên các báo ở trong và ngoài nước, nhấn mạnh các công trình nghiên cứu về tương quan tạo hình thái - tạo trầm tích trong kỉ Đệ Tứ ở Việt Nam (qua đó chứng minh được khả năng áp dụng lý thuyết về băng hà - gian băng, biostasie - rhexistasie, pluvial - interpluvial vào việc nghiên cứu kỷ Đệ tứ ở Việt Nam) và những nghiên cứu về địa mạo nhiệt đới trên tư liệu Việt Nam.
Sách đã xuất bản:
Địa mạo Đại cương - Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội .
Dịch và xuất bản ba cuốn từ tiếng Pháp phục vụ giảng dạy và nghiên cứu.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp địa chất.

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu địa mạo nhiệt đới, nghiên cứu tai biến thiên nhiên.
Làm từ điển.
Dịch sách kinh điển về địa lý.

Lời Tiến sĩ

Các nhà địa lý nên tập trung sức lực để đưa khoa học của mình làm giàu cho đất nước.



NGUYỄN DUY BẮC

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 03 - 08 - 1965.
Quê quán: Làng Lim - Tiên Du - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 413 nhà K2 tập thể Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Giáo viên Trường Sư phạm 12+3 Lạng Sơn.
Học sau đại học tại khoa Ngữ văn Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Nghiên cứu sinh tại khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Giảng viên Trường cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn, Chủ nhiệm khoa Xã hội.
Uỷ viên Ban thường vụ Hội Văn học Nghệ thuật Lạng Sơn khoá IV.
Hiện là Giảng viên chính khoa Văn hoá XHCN, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
Hội viên:
Hội Văn học dân gian Việt Nam.
Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.
Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.
Hội Văn học Nghệ thuật Lạng Sơn.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994
Tại Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Ngành Ngữ văn.
Chuyên ngành Lý thuyết và Lịch sử văn học.

Đề tài luận án

Truyền thống văn hoá dân tộc trong thơ ca cách mạng Việt Nam (1945 - 1975) qua một số hình tượng nghệ thuật cơ bản.

Nội dung

Luận án nghiên cứu truyền thống văn hoá dân tộc trong thơ ca cách mạng (1945 - 1975). Hướng sự chú ý tới mối tương quan giữa các hình tượng nghệ thuật với văn cảnh văn hoá rộng, truyền thống văn hoá và quá trình văn hoá hiện đại mới hình thành. Khám phá cắt nghĩa thế giới văn hoá tinh thần (thế giới tâm linh, tâm thức dân tộc) kết tinh trong các hình tượng nghệ thuật, góp phần hiểu sâu bản chất văn hoá tinh thần của hình tượng văn hoá.
Luận án tập trung nghiên cứu những truyền thống cảm nhận về thế giới con người (trên cấp độ văn hoá, tâm lý xã hội, tâm thức) hình thành lâu đời trong lịch sử dân tộc Việt Nam đã ảnh hưởng chi phối việc sáng tạo nên những hình tượng nghệ thuật trong thơ ca cách mạng giai đoạn này: hình tượng Tổ quốc, hình tượng người anh hùng cách mạng, hình tượng kẻ thù.
Luận án khám phá và phân tích các biểu trưng, biểu tượng, mô típ, chi tiết, hình ảnh nghệ thuật mang truyền thống cảm nhận lâu đời, xuất hiện phổ biến, được lặp đi lặp lại tạo thành diện mạo độc đáo của các hình tượng đó.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm và tham gia một số đề tài khoa học cấp Nhà nước, Bộ và tỉnh.
Sách đã xuất bản:
Bản sắc dân tộc trong thơ ca Việt Nam hiện đại (1945 - 1975) - Nxb Văn hoá Dân tộc.
Truyện cổ Xứ Lạng - Nxb Văn hoá Dân tộc.
Truyện ngắn Xứ Lạng (Văn tuyển chọn) - Nxb Văn hoá dân tộc.
Thơ ca dân gian Xứ Lạng - Nxb Văn hoá dân tộc.
Một số vấn đề về lãnh đạo và quản lý văn hoá nghệ thuật trong công cuộc đổi mới - Nxb Chính trị Quốc gia.
Sách in chung:
Địa chí Lạng Sơn - Nxb Chính trị Quốc gia.
Lý luận văn hoá và đường lối văn hoá của Đảng (giáo trình cử nhân chính trị) - Nxb Chính trị Quốc gia.
Những vấn đề văn hoá Việt Nam hiện đại - Nxb. Giáo dục.
Nhiều bài đăng trên báo chí chuyên ngành.
Giải A giải thưởng Văn học nghệ thuật Hoàng Văn Thụ tỉnh Lạng Sơn lần II.
Giải 3, giải thưởng năm 1997 và năm 2000 Hội văn nghệ dân gian Việt Nam.

Dự định khoa học

Nghiên cứu và giảng dạy lý luận và lịch sử văn hoá; Mỹ học; lý luận văn học; văn học việt Nam; văn hoá, văn học các dân tộc thiểu số...
Hoàn thành một số sách lý luận và lịch sử văn hoá Việt Nam.



PHẠM VĂN BẮC

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 08-10-1960.
Quê quán: Hưng Công - Bình Lục - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 17 Hạ Hồi - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Hoá học Công nghiệp - Bộ Công nghiệp.
Cán bộ phòng Công nghệ và Môi trường - Công ty liên doanh Nhà máy lọc dầu Việt - Nga.
Hội viên phân hội Xúc tác và hấp thụ - Hội Hoá học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999
Tại Đại học Kỹ thuật Dầu khí Gubkin - Matxcơva - Liên bang Nga.
Ngành Chế biến hoá dầu.
Chuyên ngành Công nghệ chế biến nhiên liệu.

Đề tài luận án

Sử dụng hỗn hợp các ôxit kim loại làm xúc tác cho quá trình Reforming nâng cao chỉ số octan của Gasoline và tăng hoạt tính xúc tác bằng phức chất Aluminum - Phenyl - Volphram - Siloocxan.

Nội dung

Nghiên cứu quá trình Reforming xúc tác gasoline có trị số octan thấp thành gasoline có trị số octan cao trong điều kiện áp suất khí quyển. Giúp việc giảm vốn đầu tư xây dựng các xí nghiệp chế biến nhiên liệu loại vừa và nhỏ. Đề tài đã nghiên cứu nâng cao hiệu quả hỗn hợp xúc tác sử dụng trong quá trình Reforming bao gồm Zeolite, oxit nhôm, coban, molipden. Kết quả thí nghiệm đã tìm ra thành phần tối ưu của xúc tác tăng cường các phản ứng dehydro hoá và dehydro hoá đóng vòng tăng hiệu suất sản phẩm và trị số octan của gasoline, giảm thành phần khí và coke.
Kết quả nghiên cứu được ứng dụng trong một số nhà máy hoá dầu của Cộng hoà Liên bang Nga.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu tổng hợp phức chất của sắt làm xúc tác.
Một số báo cáo khoa học:
Động học và nhiệt động học nghiên cứu quá trình chuyển hoá nguyên liệu trong nhà máy lọc dầu loại nhỏ. (Hội nghị khoa học quốc tế lần thứ IV "Công nghệ hoá tinh vi" tổ chức tại Volgagrat - Liên bang Nga 1996).
Mô hình toán học đánh giá quy trình Reforming gasoline dưới áp suất khí quyển. (Hội nghị khoa học quốc tế lần thứ 18 "Hoá học và Công nghiệp" tổ chức tại Praha - Cộng hoà Séc 1998).
Sử dụng oxit kim loại làm xúc tác cho quá trình Reforming gasoline. (Hội nghị khoa học "Công nghệ hiện đại phát triển ngành công nghiệp dầu khí" tổ chức tại Matxcơva - Liên bang Nga 1999).
Ứng dụng từ tính nâng cao độ chọn lọc xúc tác, phương án thu hồi lưu huỳnh và xử lý khói thải cho nhà máy lọc dầu. (Hội nghị xúc tác và hấp phụ lần thứ 2 tại Hà Nội 2001).

Dự định khoa học

Nghiên cứu tập hợp Zeolite từ nguyên liệu tự nhiên và tổng hợp sản xuất xúc tác Cracking nguyên liệu cặn chưng cất khí quyển cho nhà máy lọc dầu.
Sử dụng oxit nhôm và silic trong khoáng vật Việt Nam cho quá trình hấp phụ clo trong phân xưởng reforming xúc tác.
Ứng dụng quy trình công nghệ Alkyl hoá và polimer hoá nâng cao trị số octan cho olefin và ISO - Parafin làm cấu tử pha xăng. Nghiên cứu giảm hàm lượng Benzen trong xăng hạn chế thành phần khí thải độc hại của động cơ ô tô.
Tổng hợp một số phụ gia chống ăn mòn cho các phân xưởng công nghệ nhà máy lọc dầu.
Phương án xử lý chất thải rắn trong công nghiệp hoá chất và lọc dầu.

Lời Tiến sĩ

Nhà nước cần đầu tư xây dựng một số phòng thí nghiệm điển hình trang bị máy móc và phương tiện hiện đại, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu. Kinh phí nghiên cứu khoa học cần ưu tiên cho các đề tài có thể ứng dụng thực tế.



TRẦN ĐÌNH BẮC

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 18 - 8 - 1950.
Quê quán: Hồng Việt - Đông Hưng - Thái Bình
Chỗ ở hiện nay: 102 - nhà C24 tập thể Kim Giang - Thanh Xuân - Hà Nội

Quá trình công tác

Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu KHKT Bảo hộ lao động.
Nghiên cứu sinh, trường Đại học Xây dựng Mátxcơva Liên Xô.
Trưởng phòng Kỹ thuật ánh sáng.
Nghiên cứu viên chính
Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động.
Hội viên Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội khoa học kỹ thuật An toàn và Vệ sinh lao động.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Trường Đại học Xây dựng Mátxcơva Liên Xô.
Chuyên ngành Vật lý Kiến trúc.

Đề tài luận án

Đánh giá không gian chiếu sáng tự nhiên trong các nhà công nghiệp có các cửa nhận ánh sáng bên.

Nội dung

Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết, xây dựng các mô hình toán - vật lý tác giả đã đưa ra các chỉ tiêu không gian đánh giá toàn diện môi trường ánh sáng trong phòng được tạo ra bởi ánh sáng tự nhiên vào trong phòng qua cá cửa nhận ánh sáng bên và ảnh hưởng của các chỉ tiêu này (độ rọi không gian, độ rọi cầu, độ rọi bán cầu, độ rọi phẳng, độ rọi trụ và các véctơ sáng...) đến chế độ chiếu sáng tự nhiên hiệu quả trong các nhà công nghiệp ở các vùng có khí hậu ánh sáng khác nhau đem lại hiệu quả kinh tế bằng giải pháp quy định thời gian sử dụng ánh sáng tự nhiên ban ngày cho từng dạng kiến trúc nhà công nghiệp.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài:
Chiếu sáng ngành dệt thoi sợi bông.
Chiếu sáng ngành may mặc công nghiệp.
Chiếu sáng ngành tơ tằm.
An toàn - vệ sinh lao động trong các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống.
Chiếu sáng học đường Hà Nội (phó chủ nhiệm).
Nâng cao hiệu quả chiếu sáng trong các xí nghiệp công nghiệp (đề tài nhánh).
Tham gia đề tài Nhà nước 58A.01.01.
Các Dự án:
Chủ nhiệm phần An toàn vệ sinh lao động trên công trường xây dựng.
Chủ tịch Tiểu ban Kỹ thuật ánh sáng của dự án: Xây dựng tiêu chuẩn Hiệu quả Năng lượng.
Chiếu sáng công cộng hiệu suất cao ở Việt Nam (tham gia).
Chủ nhiệm:
Tiêu chuẩn chiếu sáng nhân tạo ngành dệt thoi sợi bông.
Tiêu chuẩn chiếu sáng nhân tạp ngành may mặc công nghiệp.
Tham gia nhiều đều tài xây dựng tiêu chuẩn chiếu sáng nhân tạo và tự nhiên.
Chủ hiệm và tham gia thiết kế nhiều công trình chiếu sáng công nghiệp, dân dụng.
Sách đã xuất bản:
Khí hậu ánh sáng Việt Nam và hướng dẫn tính toán thiết kế sử dụng ánh sáng (tham gia biên soạn) - Nxb Khoa học kỹ thuật.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sử dụng hiệu quả năng lượng trong chiến lược tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.



ĐỖ KIM BẰNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 20 - 01 - 1940.
Quê quán: Tả Thanh Oai - Thanh Trì - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 7 Trần Nguyên Hãn - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Kỹ thuật Thông tin Liên lạc, Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Giao thông Dresden (HFV), Cộng hoà dân chủ Đức.
Giáo viên Trường Công nhân Bưu điện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
Nghiên cứu viên chính Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
Trưởng bộ môn Khoa học mạng Viễn thông, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
Phó trưởng phòng Đào tạo, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn Thông.
Trưởng phòng Tạp chí và Xuất bản, Trung tâm Thông tin Bưu điện, Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
Thư ký toà soạn tạp chí *Bưu chính Viễn thông*, Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1980
Tại Đại học Giao thông Cộng hoà dân chủ Đức
Ngành Kỹ thuật Thông tin
Chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông

Đề tài luận án

Phân tích và tổng hợp mạch lọc chắn băng LC ít cuộn cảm.

Nội dung

Trong thiết bị viễn thông, đặc biệt là thiết bị tải ba, việc chặn các tần số có dải thông hẹp là một việc hết sức khó khăn. Nhiều phương pháp thiết kế bộ lọc nói chung và bộ lọc chắn băng nói riêng, trong đó có bộ lọc chắn băng, dựa trên cơ sở thuận toán Kontinuante và sử dụng máy tính để tính toán với điều kiện bộ lọc phải ít cuộn cảm, nhưng vẫn đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật (dải thông, dải chắn, số lượng cuộn cảm so với số lượng tụ, mức suy hao trong dải thông, dải chắn...). Luận văn đã trình bày hoàn chỉnh lý thuyết và xây dựng một tập kết quả cho các bộ lọc chắn băng từ bậc 6 đến bậc 10. Kết quả của luận văn đã được đưa vào sản xuất.

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài: "Nghiên cứu cáp dã chiến IFF của Cộng hoà dân chủ Đức sử dụng ở Việt Nam".
Thành viên nhóm nghiên cứu thiết kế bộ lọc phục vụ sản xuất máy tải ba của Cộng hoà dân chủ Đức.
Thành viên ban điều hành chương trình cấp Nhà nước: "Nghiên cứu, thiết kế mạng viễn thông thống nhất quốc gia của Việt Nam".
Chủ nhiệm đề tài: "Mạng điện thoại đường dài Việt Nam".
Thành viên ban soạn thảo "Kết quả nghiên cứu của Chương trình cấp Nhà nước về mạng viễn thông thống nhất quốc gia Việt Nam".
Giáo trình: "Kỹ thuật Digital - Lý thuyết và ứng dụng" cho sinh viên Học viện công nghệ Bưu chính Viễn thông.
Chủ biên *"Mạng viễn thông digital"* - Nxb Bưu điện.

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu, viết báo, viết sách về công nghệ viễn thông, đặc biệt công nghệ thông tin di động W-CDMA, công nghệ thông tin di động thế hệ thứ III và thế hệ thứ IV.

Lời Tiến sĩ

Đất nước ta có truyền thống hiếu học. Dân tộc ta có nhiều người học rộng tài cao. Tuy nhiên, chúng ta đã mất nhiều thế kỷ cho lối học từ chương, coi thường công nghệ. Việt Nam chỉ trong vòng 20 năm nữa sẽ là một đất nước có hơn 100 triệu dân. Một đất nước như vậy muốn xây dựng để trở thành một nước công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chúng ta cần xây dựng nền khoa học cơ bản, con người cơ bản, coi trọng thực tiễn và học tập, vận dụng các thành tựu khoa học của nhân loại nhằm đưa nền khoa học công nghệ của Việt Nam sánh vai cùng các nước tiên tiến trên thế giới.



LÊ VĂN BẨM

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 10 - 10 - 1953.
Quê quán: Thiệu Dương - Thiệu Hoá - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 126 Lê Trọng Tấn - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Nông nghiệp II, Hà Bắc.
Công tác tại:
Vụ quản lý ruộng đất Bộ Nông nghiệp.
Vụ khoa học kỹ thuật, Bộ Nông nghiệp.
Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm.
Vụ Khoa học Công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
Học tại khoa Kinh tế, Trường Đại học Vanderbilt, chuyên ngành Kinh tế phát triển, U.S.A.
Hiện là Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
Phó Chủ tịch Hội khoa học bảo quản và chế biến lương thực.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
Chuyên ngành Kinh tế, quản lý và kế hoạch hoá kinh tế quốc dân (kinh tế nông nghiệp).

Đề tài luận án

Những vấn đề kinh tế chủ yếu để phát triển sản xuất lúa ở vùng đồng bằng Sông Hồng.

Nội dung

Phân tích nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ở vùng có ảnh hưởng đến sản xuất lúa. Xác định những thuận lợi, địa hình, khí hậu, tập quán sản xuất, hệ thống thuỷ lợi tưới tiêu, lực lượng lao động, cán bộ khoa học. Đồng thời xác định những khó khăn chủ yếu: mưa bão, cơ sở vật chất kỹ thuật lạc hậu, thị trường tiêu thụ hạn chế, sức ép tăng dân số... ảnh hưởng đến phát triển sản xuất lúa.

Luận án đã chia ra các giai đoạn và phân tích tăng trưởng sản xuất lúa từng giai đoạn về các mặt diện tích, năng suất và sản lượng. Nghiên cứu hiệu quả kinh tế sản xuất lúa của vùng, khẳng định các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế đạt được còn thấp, có nơi sản xuất còn lỗ, hiệu quả chưa tương xứng với tiềm năng. Phân tích bốn biện pháp chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả sản xuất ở vùng ĐBSH là: thực hiện thâm canh tăng năng suất lúa; mở rộng diện tích vụ Đông Xuân để tăng sản lượng; Các hình thức tổ chức và quản lý; các chính sách kinh tế. Sản xuất lúa ở ĐBSH đã có nhiều ưu điểm chọn thâm canh tăng năng suất là con đường cơ bản, chuyển đổi nhanh cơ chế tổ chức quản lí, xác lập hộ gia đình nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ và là trào lưu tiến hoá, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông dân, đổi mới hệ thống cung ứng dịch vụ cho nông nghiệp. Tuy vậy trong sản xuất lúa còn bộc lộ một số tồn tại về công tác giống lúa, chính sách ruộng đất, vấn đề tổ chức tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, v.v...
Dự báo mấy xu thế:
Ưu tiên sản xuất lương thực, chú trọng cả lúa và màu, thâm canh mở rộng diện tích (khai hoang và tăng vụ).
Mở rộng diện tích, thâm canh lúa, hạn chế phát triển màu, tiếp cận mục tiêu tối thiểu, không khai hoang để mở rộng diện tích.
Ổn định quỹ đất trồng lúa, đầu tư thâm canh cao, sản lượng tối đa trong cơ cấu cây trồng hợp lý. Khai hoang 6.000 ha để ổn định đất lúa, tăng vụ trên đất lúa 6.500 ha.

Thành tựu khoa học

Những công trình khoa học đã công bố và áp dụng:
Vấn đề tranh chấp đất đai và việc xét giải quyết.
Vận dụng phương pháp tình huống để giải quyết các vi phạm pháp luật đất đai.
Mấy vấn đề về đất làm kinh tế gia đình trong hợp tác xã và tập đoàn sản xuất.
Tăng cường đầu tư cho công tác chọn tạo giống lúa.
Một số vấn đề chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.
Một số giải pháp chủ yếu về tiêu thụ sản phẩm.
Đổi mới cơ chế kế hoạch hoá khoa học và công nghệ.
Một số đề tài nghiên cứu:
Chủ trì đề tài cấp ngành: Đất làm kinh tế gia đình.
Tham gia nghiên cứu đề tài kinh tế sản xuất lúa và hiệu quả kinh tế của nó ở Việt Nam.
Sách đã xuất bản:
Sổ tay công tác quản lý ruộng đất xã - đồng tác giả.

Dự định khoa học

Nghiên cứu đổi mới cơ chế, chính sách khoa học và công nghệ, khắc phục nhanh chóng cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp.
Nghiên cứu một số vấn đề kinh tế về tiêu thụ nông sản, chất lượng nông sản, mô hình tổ chức sản xuất, một số chính sách để thúc đẩy sản xuất và tham gia hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Lời Tiến sĩ

Hoạt động khoa học là hoạt động trí tuệ, đòi hỏi người làm khoa học phải có năng lực, kỹ năng, có lòng yêu nghề, kiên trì, luôn luôn tìm tòi, học hỏi, sáng tạo, phải biết hy sinh thì mới đi đến kết quả.



NGUYỄN TIẾN BÂN

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 24 - 12 - 1939.
Quê quán: Lương Lỗ - Thanh Ba - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: Số 3 - ngõ 87/5 - Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Phân viện nghiên cứu Lâm nghiệp Cúc Phương, Ninh Bình.
Nghiên cứu sinh tại Viện Thực vật Kômarốp, Lêningrat, Liên Xô.
Cán bộ nghiên cứu khoa học Viện Sinh vật học, Viện Khoa học Việt Nam.
Hiện là cán bộ nghiên cứu Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Khoa học Việt Nam, nay là Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.
Chủ tịch Hội đồng khoa học Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.
Phó Tổng biên tập *Tạp chí Sinh học.*
Chủ tịch Hội đồng biên tập *Thực vật chí Việt Nam;*
Chủ tịch Hội đồng biên tập tu chỉnh *Sách đỏ Việt Nam.*
Chủ nhiệm chương trình quốc tế về tài nguyên thực vật Đông Nam Á (PROSEA) tại Việt Nam.
Chủ tịch Hội Thực vật học Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội các ngành Sinh học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1974.
Tiến sĩ Khoa học năm 1975.
Tại Viện Thực vật Kômarốp Lêningrat, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.
Chuyên ngành Thực vật học.

Đề tài luận án

Họ Na (Annonaceae) trong hệ thực vật Việt Nam.

Nội dung

1. Phân tích có phê phán các hệ thống phân loại họ Na (Annonaceae) đã có. Đánh giá các đặc điểm hình thái và làm rõ xu hướng tiến hoá của chúng.
2. Làm rõ mối quan hệ thân cận có thể của các đại diện họ Na ở châu Á. Xác lập các tiêu chuẩn phân loại chủ yếu và tổng quan tóm tắt về các đại diện được nghiên cứu.
3. Phân loại họ Na trong hệ thực vật Việt Nam (công bố 1 chi mới và một số loài mới cho khoa học; tu chỉnh tên khoa học cho nhiều loài).

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Danh lục thực vật Tây Nguyên (chủ biên);
Một số rau dại ăn được ở Việt Nam (đồng chủ biên);
Sách đỏ Việt Nam, phần thực vật (chủ biên);
Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín (Magnoliophyta, Angiospermae) ở Việt Nam;
PROSEA, 12 (1): Medicinal and poisonous plants, 1 [*Tài nguyên thực vật Đông Nam Á*, tập 12 (1): *Những cây thuốc và cây độc*, phần 1] (Associate editor, 1999, 711 trang);
Thực vật chí Việt Nam, tập 1: Họ Na-Annonaceae;
Tên cây rừng Việt Nam (đồng biên tập).
Huy chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ và môi trường.

Dự định khoa học

Biên soạn Thực vật chí Việt Nam.
Cộng tác với các nhà tin học, hoàn thiện chương trình phần mềm phục vụ việc tra cứu và quản lý dữ liệu liên quan đến hệ thực vật và tài nguyên thực vật Việt Nam.



NGUYỄN ĐÌNH BÉ

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 12 - 12 - 1935.
Quê quán: Thị xã Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Nhà D2 - Trung tâm nghiên cứu Đại học Mỏ địa chất - đường Hoàng Quốc Việt.

Quá trình công tác

Làm việc tại bộ môn Trắc địa, khoa Mỏ trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy tại khoa Trắc địa. Phó chủ nhiệm bộ môn Trắc địa mỏ Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Nghiên cứu sinh tại Học viện mỏ thành phố Leningrat Liên Xô cũ.
Cán bộ giảng dạy, Chủ nhiệm bộ môn Trắc địa mỏ trường Đại học Mỏ địa chất.
Hội viên:
Hội Mỏ Việt Nam.
Hội cơ học đá Việt Nam.
Hội trắc địa và viễn thám.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1977.
Tại Học viện Mỏ Lêningrat.
Ngành Trắc địa mỏ.

Đề tài luận án

Nghiên cứu dịch chuyển và biến dạng đất đá mỏ trong điều kiện đứt gãy kiến tạo dạng khối, ứng dụng đối với bể than Quảng Ninh.

Nội dung

Dịch chuyển và biến dạng đất đá mỏ do khai thác hầm lò cũng như lộ thiên có ý nghĩa rất lớn về kinh tế, kỹ thuật, an toàn và sinh thái môi trường trong lĩnh vực công nghiệp mỏ.
Việc nghiên cứu tính chất quy luật của quá trình dịch chuyển biến dạng đất đá do khai thác mỏ gây nên để xác định các thông số cơ bản giúp xử lý việc bảo vệ công trình và các đối tượng khác trên bề mặt khu mỏ cũng như chống trượt lở bờ mỏ là vô cùng quan trọng và cấp thiết. Nghiên cứu được đặt ra đối với vùng mỏ Quảng Ninh, đặc biệt trong điều kiện ở đây có nhiều phay phá (đứt gãy) tạo khối.
Một phần kết quả nghiên cứu được vận dụng để giải quyết các vấn đề về bảo vệ công trình và quan trắc nghiên cứu ở mỏ Mông Dương trong thập niên 80 và trong giảng dạy ở trường đại học.

Thành tựu khoa học

Đã viết các giáo trình:
Trắc địa mỏ hầm lò.
Trắc địa mỏ lộ thiên và xây dựng mỏ.
Dịch chuyển và biến dạng đất đá.
Hướng dẫn làm đồ án tốt nghiệp.
Sách đã xuất bản:
Từ điển trắc địa bản đồ (đồng tác giả) - Nxb Khoa học kỹ thuật.
Chủ biên các giáo trình:
Trắc địa mỏ.
Dịch chuyển và biến dạng đất đá - Nxb Giao thông.
Nhiều bài đăng ở các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.
Chủ trì và tham gia một số đề tài cấp Bộ:
Nghiên cứu lựa chọn chỉ tiêu kỹ thuật tiêu chuẩn mẫu phát triển các lưới trắc địa ở mỏ than (chủ trì).
Nghiên cứu nhu cầu khả năng sử dụng máy móc, thiết bị và công nghệ hiện đại đo đạc xử lý số liệu trong lĩnh vực trắc địa mỏ ở Việt Nam (tham gia và chủ trì phần trắc địa mỏ hầm lò).
Quy phạm trắc địa mỏ (tham gia).
Sổ tay trắc địa mỏ (tham gia)
Tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh và cao học.
Tham gia vào các tiểu ban tuyển chọn nghiên cứu sinh trong và ngoài nước.
Chủ tịch và tham gia Hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ, thạc sỹ.
Hội đồng nghiệm thu các đề tài cấp Bộ.
Huân chương kháng chiến hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Nhà giáo ưu tú (1996).

Dự định khoa học

Viết sách chuyên môn.



ĐÀO HUY BÍCH

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 02 - 01 - 1937.
Quê quán: Công Luận - thị trấn Văn Giang - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: P.509 - B2 - Vĩnh Hồ - Đống Đa - Hà Nội

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Toán Đại học Tổng hợp Hà Nội, Khoa Toán Cơ Đại học Tổng hợp Lômônôxốp Matxcơva Liên Xô.
Cán bộ giảng dạy, Phó Chủ nhiệm khoa Toán - Cơ - Tin học Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Cơ học - Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Được phong Giáo sư năm 1991
Phó Chủ tịch Hội Cơ học Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Trường Đại học tổng hợp Lômônôxốp Matxcơva, Liên Xô.
Ngành Toán - Lý.
Chuyên ngành Cơ học

Đề tài luận án

Nghiên cứu các bài toán biên của lý thuyết quá trình biến dạng đàn - dẻo.

Nội dung

Nhằm tiếp cận giải quyết các bài toán kỹ thuật khi vật thể chịu quá trình biến dạng đàn dẻo phức tạp. Luận án đặt ra mục tiêu xây dựng hệ thức hoàn chỉnh của lý thuyết quá trình đàn dẻo dựa trên định đề đẳng hướng Iiyushin và giả thuyết xác định địa phương. Thiết lập nghiên cứu tính giải được các bài toán biên của lý thuyết quá trình đàn dẻo. Đề xuất phương pháp giải các bài toán phi tuyến này và ứng dụng để giải quyết bài toán xác định trạng thái ứng suất, biến dạng của kết cấu, bài toán ổn định ngoài giới hạn đàn hồi của kết cấu mỏng chịu tải phức tạp và truyền sóng trong môi trường đàn dẻo.

Thành tựu khoa học

Công bố hơn một trăm công trình trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.
Viết nhiều giáo trình và sách chuyên khảo.
Chủ trì 02 đề tài cấp Bộ (đã nghiệm thu) và 03 đề tài cấp Nhà nước, đề tài nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên.
Một số công trình khoa học đã được ứng dụng. (Tính toán bể chứa, tính toán thiết kế vỏm chứa máy bay bằng vật liệu composite...)
Đã xuất bản trên 16 đầu sách.
Tham gia đào tạo tiến sĩ
Huân chương kháng chiến hạng ba.
Huân chương lao động hạng ba, hạng nhì.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.
Giải thưởng và bằng khen của Bộ Đại học và THCN Liên bang Nga
Và nhiều giải thưởng khoa học khác.
Bằng Lao động sáng tạo
Nhà giáo nhân dân (1998)

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu lý thuyết dẻo và cơ học vật liệu composite
Tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng thực tiễn
Giảng dạy, đào tạo cán bộ khoa học trẻ
Viết sách chuyên môn



HÀ VĂN BÍCH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 30 - 12 - 1958.
Quê quán: Thiệu Tân - Thiệu Hoá - Thanh Hoá
Chỗ ở hiện nay: 29 - Lê Phụng Hiểu - TP. Vũng Tàu

Quá trình công tác

Kỹ sư phòng Khoan khai thác - Viện Dầu khí Hưng Yên (Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam).
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học dầu hoả Ba-cu Liên Xô cũ
Công tác tại Viện nghiên cứu khoa học và thiết kế dầu khí biển (Viện NCH&TK);
Kỹ sư trưởng;
Phó Trưởng phòng thí nghiệm thu gom, xử lý và vận chuyển dầu.
Hiện là Phó Trưởng phòng kỹ thuật và công nghệ khai thác dầu khí của Viện NCKH&TK.
Thành viên Hội đồng khoa học Viện NCKH&TK dầu khí biển, XNLD Vietsovpetro.
Hội đồng Khoa học - Công nghệ Tổng Công ty dầu khí Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986
Tại Trường Đại học Dầu hoả Ba-cu
Chuyên ngành Kỹ thuật và Công nghệ khai thác các mỏ dầu khí

Đề tài luận án

Tăng cường quá trình rửa cát trong các giếng khai thác dầu được trang bị bơm cần sâu.

Nội dung

Trong quá trình khai thác các mỏ dầu sự tạo thành các nút cát trong giếng khai thác sẽ làm giảm sản lượng của giếng, đẩy nhanh tốc độ ăn mòn thiết bị bơm, cần ống khai thác và số lần sửa chữa giếng. Điều đó sẽ nâng cao giá thành khai thác một tấn dầu và giảm hiệu quả kinh tế quá trình khai thác. Việc tìm kiếm các biện pháp mới, hữu hiệu để khắc phục sự xuất hiện cát trong giếng khai thác là nhiệm vụ thiết thực.
Kết quả nghiên cứu thí nghiệm tiến hành trên các mô hình mô phỏng giếng khai thác và đường ống chứng minh rằng dùng hiệu ứng sụng áp suất âm trong chất lỏng có thể đẩy nút cát-sét trong lòng giếng và cát tích tụ trong đường ống dẫn dầu ra ngoài.
Đề cập đến kết quả nghiên cứu thí nghiệm dùng ảnh hưởng của từ trường và các chất hoạt động bề mặt để điều chỉnh gia tăng giá trị áp suất âm trong chất lỏng nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng.
Kết quả nghiên cứu được kiểm chứng và ứng dụng thành công trong sản xuất, khẳng định dùng sụng áp suất âm cho phép giảm thiểu khả năng tạo thành các nút cát trong giếng khai thác bằng bơm cần ngầm, làm sạch cần ống khai thác và đường ống dẫn sản phẩm khỏi cát tích tụ.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu đã thực hiện:
Hoàn thiện công nghệ thu gom, xử lý và vận chuyển dầu khí trên các mỏ của XNLD Vietsovpetro (chủ nhiệm).
Chủ biên hàng chục đề tài góp phần giải quyết thu gom, xử lý và vận chuyển dầu nhiều paraffin trong điều kiện thềm lục địa Nam Việt Nam.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước.
5 sáng kiến cải tiến kỹ thuật được XNLD Vietsovpetro công nhận (đồng tác giả).

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu công nghệ vận chuyển dầu nhiều paraffin.

Lời Tiến sĩ

"Tri thức là nguyên khí của đất nước". Và nếu vậy, thì nó cần phải được trân trọng, giữ gìn và tạo điều kiện để phát huy sáng tạo. Ngược lại, những người mang danh đó phải cố gắng tự rèn luyện tu dưỡng để xứng đáng với niềm tin của nhân dân. Đáng buồn, là những năm gần đây việc đào tạo ồ ạt ở các bậc đại học và trên đại học đã và đang thay đổi căn bản bản chất của vấn đề trên. Ngày nay, nhiều người chỉ quan tâm đến vài chữ hư danh trên tấm danh thiếp, mà không hề quan tâm đến thực lực.
Về phát triển nền khoa học nước nhà, theo ý kiến cá nhân tôi, chúng ta nên nghiên cứu mô hình Nhật Bản: phát triển khoa học ứng dụng là chủ yếu, có thể thành lập các trung tâm, xí nghiệp liên hiệp khoa học - sản xuất để tìm tòi nghiên cứu và chọn lọc các phát minh sáng chế của thế giới để áp dụng vào điều kiện cụ thể của nước nhà.



NGUYỄN NGỌC BÍCH

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 06 - 01 - 1952.
Quê quán: Phương Liễu - Quế Võ - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 9 tổ 56 phường Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Bác sĩ nội trú bệnh viện hệ Ngoại khoa.
Thực tập sinh tại Cộng hoà Pháp.
Học chuyên khoa cấp 2 hệ Ngoại khoa tại Trường Đại học Y Hà Nội: chuyên khoa phẫu thuật gan - mật.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Thực tập sinh tại Cộng hoà Pháp: phẫu thuật nội soi.
Thực tập sinh tại Nhật: phẫu thuật tiêu hoá.
Hiện là cán bộ giảng dạy Trường Đại học Y Hà Nội.
Bác sỹ phẫu thuật khoa Ngoại Bệnh viện Bạch Mai, Hà Nội.
Thành viên Hội Ngoại khoa Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại trường Đại học Y Hà Nội.
Ngành Y Dược.
Chuyên ngành Phẫu thuật đại cương.

Đề tài luận án

Nghiên cứu kỹ thuật tạo van chống trào ngược trên thực nghiệm và kết quả áp dụng để điều trị và dự phòng nhiễm trùng đường mật ngược dòng cho bệnh nhân được nối mật - ruột kiểu "ROUX en Y".

Nội dung

Bệnh sỏi đường mật rất phổ biến ở Việt Nam, điều trị chủ yếu bằng phẫu thuật nhưng tái phát cao nên người bệnh phải chịu nhiều lần mổ nặng nề, tốn kém, tử vong cao. Sau khi mở đường mật lấy sỏi có thể nối đường mật với ống tiêu hoá để tránh sỏi tái phát nhưng có nhiễm trùng đường mật sau mổ do luồng trào ngược từ đường tiêu hoá.
Tác giả đã tạo 1 loại van sinh lý trên các quai ruột của chó trên thực nghiệm. Các van được nghiên cứu áp lực, X quang và vi thể, kết quả: van có tính 1 chiều và an toàn. Sau đó tác giả đã áp dụng tạo loại van này trên quai Y của các bệnh nhân đã được nối mật - ruột kiểu "ROUX en Y" sau mổ sỏi đường mật giai đoạn 1980 - 1990 có biểu hiện nhiễm trùng đường mật ngược dòng nặng, kết quả điều trị tốt: 92,08%.
Từ năm 1990 với các bệnh nhân được nối kết mật ruột kiểu "ROUX en Y" sau mổ sỏi mật, tác giả đã áp dụng tạo loại van này, kết quả dự phòng tốt: 95,2%.
Van mà tác giả đã làm có thể được ứng dụng trong các phẫu thuật chuyên ngành khác như tiêu hoá, tiết niệu.

Thành tựu khoa học

Tham gia thực hiện đề tài cấp Bộ:
Ứng dụng laser CO_2 trong phẫu thuật.
Tham gia hướng dẫn cao học, nghiên cứu sinh, bác sĩ chuyên khoa I, II.
Tham gia viết sách: *Bệnh học Ngoại khoa.*
Một số công trình khoa học được công bố và áp dụng:
Điều trị ngoại khoa u tụy (insulinome)
Điều trị xơ gan tăng áp lực tĩnh mạch cửa bằng phẫu thuật động mạch hoá tĩnh mạch cửa trong gan sau nối cửa-chủ, phẫu thuật Warren.
Điều trị sỏi đường mật bằng phẫu thuật nối mật-ruột kiểu ROUX en Y.
Điều trị sỏi đường tụy bằng phẫu thuật.
Nang đường mật ở người lớn.
Nang giả tụy sau viêm tụy cấp và chấn thương.
Vỡ cơ hoành sau chấn thương.
Nghiên cứu tạo van chống trào ngược trên thực nghiệm và áp dụng trong điều trị nhiễm trùng đường mật ngược dòng sau nối mật-ruột kiểu ROUX en Y.
Tạo van chống nhiễm trùng đường mật ngay khi nối mật ruột kiểu ROUX en Y.
Ứng dụng Laser CO_2 trong ngoại khoa - phẫu thuật không dùng kháng sinh.
Tắc tá tràng - Lồng ruột ở người lớn - Bệnh túi Meckel...

Dự định khoa học

Nghiên cứu và tìm phương pháp tối ưu trong điều trị sỏi mật ở Việt Nam.
Áp dụng phẫu thuật nội soi trong điều trị sỏi đường mật và tiêu hoá.
Viết sách chuyên đề.



NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 13 - 04 - 1962.
Quê quán: Nam Hà.
Chỗ ở hiện nay: 228 Nguyễn Chí Thanh - Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Công tác tại bộ môn Hữu cơ, khoa Hoá, Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Nghiên cứu sinh tại Viện Quốc gia Bách khoa Grenoble (INPG) Cộng hoà Pháp.
Cán bộ khoa Hoá Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Thực tập sau tiến sĩ tại Viện Kỹ thuật Giấy, Cộng hoà Pháp.
Hiện là cán bộ giảng dạy Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Viện Quốc gia Bách khoa Grenoble (INPG) Cộng hoà Pháp.
Chuyên ngành Công nghệ Giấy.

Đề tài luận án

Tẩy trắng bột giấy bằng một số quy trình không chứa Clo. Khảo sát phản ứng cắt mạch Xenlulo trong giai đoạn tẩy trắng bằng Oxygen và Peroxyt Hydrogen.

Nội dung

Bột hoá giữ vai trò quan trọng trong thành phần nhiều loại giấy nhờ vào tính năng cơ lý cao độ trắng bền. Từ lâu, Clo, Dioxyt Clo, Hypoclorit Natri (Canxi) được xem là những tác chất tẩy trắng hiệu quả và chọn lọc nhất. Nhưng việc sử dụng chúng dẫn đến sự tạo thành những dẫn xuất Clo hữu cơ độc hại. Để giải quyết vấn đề này, Clo đã được thay thế bằng những tác chất mới ở một số nhà máy trên thế giới.
Trong luận án này, tác giả đã nghiên cứu sử dụng Oxy, Ozon, Peroxyt Hydrogen, Dioxyt Clo trong những quy trình tẩy trắng mới. Cần khống chế tốt phản ứng cắt mạch Xenlulo, đặc biệt trong giai đoạn tẩy bằng Oxy và Peroxyt Hydrogen.
Kết quả đã chứng minh được tính ưu việt của một số quy trình tẩy trắng như OZD, OZP đối với phản ứng hoà tan Lignin, phản ứng cắt mạch Xenlulo và hiện tượng hồi màu của bột giấy. Đặc biệt, ảnh hưởng của một số ion kim loại (Cu, Fe...) trong giai đoạn tẩy bằng Oxygen và Pyroxyt Hydrogen cũng được làm sáng tỏ.

Dự định khoa học

Thiết lập hệ thống phương pháp đánh giá hàm lượng tạp chất loại AOX có trong giấy đặc biệt ở nước thải từ các nhà máy giấy, làm phương tiện đánh giá kết quả khảo sát các quy trình xử lý nước thải hoặc quy trình tẩy trắng cải tiến ít ô nhiễm.
Khảo sát nguyên nhân và tìm biện pháp khắc phục hiện tượng hồi màu của bột giấy trong quá trình bảo quản, sử dụng.



PHẠM THỊ NGỌC BÍCH

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 06 - 11 - 1942.
Quê quán: Đông Ngạc - Từ Liêm - Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: 1 Trần Thánh Tông - Hà Nội

Quá trình công tác

Công tác tại Viện Quân y 108 Hà Nội.
Trưởng khoa Nội cán bộ A1 Bệnh viện 108
Hội viên Hội Thấp khớp học Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Nội khoa Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Học viện Quân y Hà Nội.
Ngành Y khoa.

Đề tài luận án

Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh viêm khớp dạng thấp trên bệnh nhân Việt Nam.

Nội dung

Những đặc điểm chung về bệnh khớp mãn tính thường gặp ở Việt Nam. Bệnh viêm khớp dạng thấp ở nước ta có nhiều điểm giống và khác so với nước ngoài như nhiều triệu chứng không điển hình, thường được chẩn đoán muộn hơn, tiến triển nhanh chóng dẫn đến tàn phế.
Dựa trên những đặc điểm này, luận án đã xây dựng một tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh đơn giản, dễ áp dụng trong thực tế các tuyến dưới, đồng thời cũng so sánh với các tiêu chuẩn chẩn đoán của nước ngoài, tìm ra độ nhạy, độ đặc hiệu của tiêu chuẩn chẩn đoán đạt khá cao. Qua thực tế tiêu chuẩn chẩn đoán này đã được áp dụng ở các cơ sở điều trị, giúp thày thuốc lâm sàng chẩn đoán xác định được bệnh.

Thành tựu khoa học

Chủ trì và tham gia nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở các bệnh nội khoa Bệnh viện 108.
Nhiều bài viết được đăng trong các tạp chí Y học.
Một số tài liệu huấn luyện chuyên môn cho các bác sĩ và hộ sĩ.

Dự định khoa học

Tổng kết những kinh nghiệm trong công tác điều trị và quản lý trong môi trường quân đội.

Lời Tiến sĩ

Hiện nay có rất nhiều cán bộ khoa học về hưu, nhưng vẫn còn sức khoẻ, phần lớn chưa được sử dụng để phục vụ cho xã hội, đặc biệt là trong ngành y.
Đào tạo cán bộ, nói chung còn chưa có kế hoạch lâu dài và tổng thể, nhất là trong ngành y, do đó dẫn đến tình trạng hụt hẫng, không có đội ngũ kế tục, thiếu cán bộ đầu ngành.
Tiêu chuẩn đánh giá và chọn lựa cán bộ còn mang nặng tính bao cấp, xưa cũ, kìm hãm nhân tài, gần đây xuất hiện bệnh hình thức dựa vào bằng cấp dẫn đến tình trạng mua bán bằng...



LÊ KIM BIÊN

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 20 - 8 - 1938.
Quê quán: Yên Phụ - Tây Hồ - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 23 Ngõ 64 Nguyễn Lương Bằng - Đống Đa - Hà Nội

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước (Vụ Nông - Sinh - Y).
Đã công tác tại:
Viện nghiên cứu Ăn mặc Cục Quân nhu, Tổng Cục Hậu cần.
Chiến trường B, C
Viện Sinh vật, Viện khoa học Việt Nam.
Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật - Viện Khoa học Việt Nam.
Trung tâm Địa học tại thành phố Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Việt Nam.
Phân viện Địa lý tại thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Nghiên cứu viên chính, Trưởng phòng Tài nguyên Thực vật - Phân viện Địa lý thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Sinh vật Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985
Tại Viện Sinh vật - Viện Khoa học Việt Nam.
Ngành Sinh vật.
Chuyên ngành Thực vật học.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu phân loại họ Cúc (Asteraceae Dumort) ở Việt Nam.

Nội dung

Họ Cúc là một trong những họ lớn và quan trọng của hệ thực vật Việt Nam. Trên cơ sở mẫu vật thu được, tác giả đã định loại và cho biết: ở Việt Nam họ Cúc có 2 phân Họ, 12 Tông, 114 Chi và 325 loài. Có khoá định loại phân Họ, Tông và các Chi. Phân loại họ Cúc ở Đông Dương của F.Gagnepain (1922 - 1924), Việt Nam chỉ có 73 chi, 185 loài.
Định loại Tông Inuleae ở Việt Nam: 16 chi, 57 loài, là Tông có nhiều loài nhất, đặc biệt chi Blumea số loài chiếm 45% so với thế giới, nhiều loài có giá trị kinh tế.
Một số dẫn liệu về phân bố và sinh thái của họ Cúc ở Việt Nam.
Công dụng của các loài họ Cúc ở Việt Nam. Trong số 325 loài thì 162 loài có ý nghĩa kinh tế, chiếm gần 50%. Luận án là cơ sở cho việc biên soạn họ Cúc của thực vật chí Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu đã xuất bản:
Thảm thực vật và tài nguyên thực vật Đồng Tháp Mười. Trong sách *"Điều tra cơ bản vùng Đồng Tháp Mười"* - Phân viện Địa lý.
Đồng tác giả:
Sổ tay rau rừng - Nxb Quân đội Nhân dân.
Một số rau dại ăn được ở Việt Nam. Nxb Quân đội nhân dân.
Nghiên cứu chiết tách Artemisinin từ thanh hao hoa vàng.
Giải thưởng khoa học năm 1990 của Viện Khoa học Việt Nam.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
Huy chương chiến sĩ giải phóng hạng ba.
Huân chương chiến thắng hạng ba.
Huân chương kháng chiến hạng ba.

Dự định khoa học

Sẽ xuất bản:
Họ Cúc (Asteraceae) ở Việt Nam.
Tham gia viết:
Thực vật chí Việt Nam.
Sách đỏ Việt Nam.
Tham gia chương trình hợp tác quốc tế: kiểm kê và bảo tồn thực vật của vườn Quốc gia Cúc Phương.



CAO DUY BÌNH

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 20 - 10 - 1938.
Quê quán: Nghệ An
Chỗ ở hiện nay: 290/58 Nam Kỳ khởi Nghĩa - Quận 3 - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp ngành Toán Đại học Sư phạm.
Giảng dạy toán
Nghiên cứu và giảng dạy Khoa học Quản lý Trường Cán bộ quản lý giáo dục - đào tạo 2 (CBQLGD-ĐT 2) - Bộ GD-ĐT Thành phố Hồ Chí Minh.
Thực tập nghiên cứu tại Cộng hoà dân chủ Đức.
Nghiên cứu sinh tại Viện Nghiên cứu tổ chức và Quản lý Giáo dục quốc dân thuộc Viện Hàn lâm Sư phạm CHDC Đức.
Thực tập khoa học tại Cộng hoà Pháp.
Giảng viên cao cấp, Chủ nhiệm khoa trường CBQLGD-ĐT2 Bộ GD-ĐT.
Hiện là Hiệu trưởng trường Trung học Dân lập Hữu nghị TP Hồ Chí Minh, Giảng viên thỉnh giảng đào tạo thạc sĩ Giáo dục tại trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Viện Nghiên cứu Tổ chức và Quản lý Giáo dục Quốc dân (ILO) thuộc Viện Hàn lâm khoa học Sư phạm CHDC Đức.
Ngành Giáo dục học
Chuyên ngành Tổ chức và Quản lý giáo dục.

Đề tài luận án

Hoàn thiện việc quản lý trường trung học phổ thông Việt Nam qua công tác kế hoạch hoá giáo dục.

Nội dung

Nhà trường, với vai trò là cơ sở đào tạo giáo dục con người, nơi trực tiếp thực hiện mục tiêu giáo dục do xã hội quy định. Quản lý nhà trường là quản lý hệ thống các mục tiêu. Hiệu quả công tác giáo dục của nhà trường phụ thuộc vào công tác kế hoạch ở tầm vĩ mô và vi mô.
Đề tài nghiên cứu vai trò, chức năng, nhiệm vụ của kế hoạch hoá giáo dục cũng như vai trò nhiệm vụ của các cấp quản lý giáo dục. Đồng thời xây dựng cách tiếp cận trong việc soạn thảo thực hiện các loại kế hoạch giáo dục. Trên cơ sở phân tích thực trạng kế hoạch hoá giáo dục ở Việt Nam và kinh nghiệm của một số nước phát triển để xác định việc đổi mới hoàn thiện công tác quản lý thông qua công tác kế hoạch hoá, hướng tới nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường.
Nội dung luận án gồm 7 phần: 1 - Kế hoạch hoá và kế hoạch hoá giáo dục: bản chất, chức năng, nhiệm vụ, các loại kế hoạch hoá giáo dục. 2 - Thông tin trong kế hoạch hoá. 3 - Phương pháp tiếp cận trong hoạt động kế hoạch hoá giáo dục và vai trò, nhiệm vụ của các cấp quản lý giáo dục và hiệu trưởng trường học. 4 - Nhà trường trong hệ thống giáo dục - quản lý nhà trường. 5 - Kế hoạch hoá giáo dục trong các trường học ở một số nước. 6 - Kế hoạch hoá giáo dục trong nhà trường trung học ở Việt Nam và công tác quản lý của người hiệu trưởng. 7 - Sự hoàn thiện kế hoạch hoá giáo dục trong trường trung học phổ thông ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Đã có bài đăng ở tạp chí *Giáo dục học so sánh* - Viện Hàn lâm Khoa học Sư phạm CHDC Đức.
Nhiều bài trong các tạp chí *Nghiên cứu Giáo dục*.
Chủ trì 2 đề tài nghiên cứu cấp Bộ đã nghiệm thu.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Chỉnh lý, hoàn thiện các bài giảng để xuất bản tài liệu dùng cho học viên cao học về quản lý giáo dục.

Lời Tiến sĩ

Tôi sinh ra và lớn lên ở miền Trung có truyền thống hiếu học, nhưng rất nghèo. Và chính nhờ biết rằng, nếu không chịu cố gắng học hành thì cứ nghèo khổ mãi, nên dù gian khổ đến đâu chúng tôi vẫn quyết chí học thật nhiều, học để biết sống, biết làm người để phục vụ đất nước, để làm gương cho con cháu. Hiện nay, một bộ phận thanh thiếu niên, thường là con nhà khá giả, không chịu học hành, thật đáng lo lắng!



ĐỖ QUANG BÌNH

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 01 - 5 - 1964.
Quê quán: Tam Xuân - Tam Kỳ - Quảng Nam.
Chỗ ở hiện nay: 2C2 KP3 - Phường Thanh Lộc - Quận 12 - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ khoa học Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt.
Cán bộ khoa học tại Trung tâm Hạt nhân thành phố Hồ Chí Minh - Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, Việt Nam.
Chuyên ngành Vật lý hạt nhân nguyên tử.

Đề tài luận án

Nghiên cứu các đặc trưng động học lò và bố trí nhiên liệu tối ưu cho lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt.

Nội dung

Nghiên cứu khảo sát các đặc trưng động học của lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt. Xây dựng phương pháp thực nghiệm mới xác định phân bố độ cháy của nhiên liệu hạt nhân dùng trong các lò phản ứng. Đồng thời nghiên cứu lý thuyết và xây dựng các chương trình tính toán vật lý nơtron lò phản ứng, dự báo phân bố cháy nhiên liệu và tính toán tối ưu hoá bố trí nhiên liệu vùng hoạt. Trên cơ sở phân tích các số liệu tính toán lý thuyết và đo đạc thực nghiệm, luận án đã giải quyết các bài toán liên quan đến việc quản lý nhiên liệu vùng hoạt cho lò phản ứng hạt nhân duy nhất ở nước ta, góp phần làm chủ và đảm bảo hoạt động an toàn cho thiết bị hiện đại này.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu vật lý kỹ thuật lò, các biện pháp đảm bảo an toàn nâng cao hiệu quả sử dụng của lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt.
Nghiên cứu thay đảo nhiên liệu cho lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt.
Nghiên cứu một số vấn đề liên quan đến lão hoá lò phản ứng, thay đảo nhiên liệu và các giải pháp kỹ thuật nhằm đảm bảo vận hành an toàn lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt.
Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các kỹ thuật xác định phân bố cháy nhiên liệu trên lò phản ứng nghiên cứu Đà Lạt.
Báo cáo khoa học:
Tính toán cháy nhiên liệu và tái nạp nhiên liệu cho lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt.
Xác định các mức công suất tới hạn tối thiểu của lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt.
Tính toán dự báo cháy nhiên liệu cho lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt.
Áp dụng lý thuyết nhiễu loạn để tính toán tối ưu hoá bố trí nhiên liệu cho lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt.
Tính toán và thực nghiệm xác định phân bố cháy nhiên liệu hạt nhân của lò phản ứng nghiên cứu Đà Lạt.
Đánh giá lý thuyết các đặc trưng vật lý nơtron của ô mạng nhiên liệu lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt.

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu khoa học, kỹ thuật hạt nhân, đặc biệt là khoa học và kỹ thuật lò phản ứng hạt nhân ở Việt Nam. Thúc đẩy việc triển khai ứng dụng khoa học kỹ thuật hạt nhân phục vụ công cuộc xây dựng đất nước.



ĐỖ QUỐC BÌNH

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 03 -10 - 1960.
Quê quán: Tả Thanh Oai - Thanh Trì - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay:
119 Đông Các - Ô Chợ Dừa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học
Cán bộ nghiên cứu Viện nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản - Bộ Công nghiệp.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Viện nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản - Bộ Công nghiệp.
Chuyên ngành Địa chất học tìm kiếm thăm dò khoáng sản kim loại và không kim loại.

Đề tài luận án

Đặc điểm khoáng hoá vàng ở các đới sông Hiến và An Châu

Nội dung

Luận án nghiên cứu chuyên sâu về đặc điểm khoáng hoá vàng ở các đới sông Hiến và An Châu thuộc lãnh thổ Đông Bắc Việt Nam.

Phân tích tổng hợp tài liệu, cấu trúc địa chất, cùng số liệu thực tế thu nhập được và nhiều số liệu phân tích phong phú, luận án đã xác lập được các loại hình quặng hoá vàng, đặc điểm phân bố, quy mô cũng như triển vọng về vàng trong hai đới cấu trúc nêu trên.
Giải quyết vấn đề xác lập đới cấu trú sông Hiến là một trong số không nhiều đới cấu trúc có tiềm năng về vàng của lãnh thổ Việt Nam. Song khoáng hoá vàng có quy luật phân bố theo đứt gẫy sâu trong đó rìa tây của đới là diện tích có tiềm năng lớn nhất. Còn đới cấu trúc An Châu, ít có tiềm năng và triển vọng về vàng.
Luận án đã đánh giá độ bóc mòn của quặng hoá để dự báo tiềm năng quặng ẩn sâu, định hướng việc tìm kiếm, thăm dò vàng trên diện tích của đới.

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài: "Nghiên cứu và xây dựng bộ mẫu sưu tập quặng vàng và đá quý Việt Nam" - phần quặng vàng.
Qua đề tài đã sưu tập và tổng hợp được các loại hình quặng hoá vàng có mặt trên lãnh thổ Việt Nam cùng một bộ mẫu quặng vàng đại diện cho chúng để phục vụ cho công tác nghiên cứu và tham khảo lâu dài.

Dự định khoa học

Nghiên cứu địa chất - khoáng sản.

Lời Tiến sĩ

Chúng ta khâm phục các nhà khoa học chân chính được đào tạo ngay cả trong chế độ cũ, các nhà trí thức này có một tâm huyết khoa học cùng với lòng yêu nước. Cả cuộc đời lao động khoa học và hy sinh quên mình của nhiều trí thức đã tạo nên bao thành tựu khoa học mà tên tuổi của họ sống mãi với thời gian.



ĐỖ THANH BÌNH

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 02 - 04 - 1953.
Quê quán: Phúc Thành - Vũ Thư - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Nhà 22 - dãy B8 - Tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

Phó Chủ nhiệm khoa Lịch sử Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Sử học Hà Nội.
Hội Sử học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Taskent - Udobêkixtan.
Ngành Lịch sử.

Đề tài luận án

Phong trào giải phóng dân tộc ở một số nước Đông Nam Á trong và sau chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1954).

Nội dung

Nghiên cứu cuộc nổi dậy chống phát xít - thực dân của nhân dân các nước Đông Nam Á từ khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, đặc biệt sau thắng lợi của Liên Xô và các lực lượng đồng minh. Đây là điều kiện khách quan thuận lợi đã tạo điều kiện cho các cuộc nổi dậy giành độc lập ở Đông Nam Á như: Việt Nam, Inđônêxia, Lào.
Luận án lấy mốc thời gian năm 1954 với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ của Việt Nam đánh dấu bước ngoặt cho các dân tộc thuộc địa có khả năng đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Các con đường cứu nước giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á (cuối thế kỷ XIX - nửa đầu thế kỷ XX). (cấp Bộ)
Ảnh hưởng và tác động của chiến thắng Điện Biên Phủ đối với phong trào giải phóng dân tộc thế giới.
Báo động của chiến thắng Điện Biên Phủ đối với chiến lược quân sự Mỹ trong cuốn *Chiến thắng Điện Biên Phủ - sức mạnh dân tộc và tầm vóc thời đại.*
Sách đã xuất bản:
Hồ Chí Minh - những hoạt động quốc tế - Nxb Quân đội nhân dân.
Đồng tác giả:
Hồ Chí Minh - Chiến sĩ cách mạng quốc tế - Nxb Quân đội nhân dân.
Lịch sử thế giới hiện đại (1917 - 1995) - Nxb Giáo dục.
Lịch sử thế giới hiện đại (1917 - 1995) - Nxb Giáo dục.
Lịch sử thế giới hiện đại (1917-1995) - Nxb Đại học Quốc gia.
Một số vấn đề về lịch sử thế giới (chủ biên) - Nxb Giáo dục, 1996.
Con đường cứu nước trong đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á những năm cuối thế kỷ XIX đến 1945 - Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội (chủ biên).

Dự định khoa học

Sách sẽ viết: *Lịch sử Đông Nam Á từ thế kỷ XVII đến 1945*
Lịch sử thế giới thế kỷ XX.
Chuyên khảo: *Quan hệ quốc tế*
Chủ nghĩa tư bản hiện đại.



HÀ THỊ THANH BÌNH

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 10 - 10 - 1954.
Quê quán: Vĩnh Phong - Vĩnh Bảo - Hải Phòng.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Bộ môn canh tác - Khoa Trồng trọt - Trường Đại học Tổng hợp Martin - Luther Halle - Wittenberg Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Tham gia khoá học Phương pháp giảng dạy đại học tại Cộng hoà Liên bang Đức.
Hiện là cán bộ giảng dạy, Phó bộ môn Thuỷ nông - Canh tác, trường Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991
Tại Đại học tổng hợp Martin - Luther Halle - Wittenberg BRD, Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Chuyên ngành Canh tác học

Đề tài luận án

Nghiên cứu biện pháp sinh học chống tuyến trùng hại củ cải đường Hetterodera - schacttii SCHMIDT 1871 trong luân canh củ cải đường bằng cây trồng trung gian và ảnh hưởng của nó tới năng suất củ cải đường.

Nội dung

Tuyến trùng hại củ cải đường Hetterodera - schacttii SCHMIDT là tác nhân chủ yếu làm giảm năng suất củ cải đường vì ấu trùng tuổi 2 xâm nhập vào rễ, sinh trưởng và để trứng trong rễ hạn chế khả năng hút nước, hút dinh dưỡng và hình thành củ của rễ.
Do được bảo vệ trong vỏ bọc (Zyste) bền vững, không thấm nước nên trứng có thể sống được nhiều năm trong đất và chỉ nở thành ấu trùng khi bị kích thích bởi các chất tiết ra từ cây ký chủ. Dựa vào đặc điểm sinh học này, đề tài đã nghiên cứu ảnh hưởng của chu kỳ luân canh và ảnh hưởng của cây ký chủ họ cải đến mật độ tuyến trùng trong đất và tác động của chúng tới năng suất củ cải đường trong luân canh.

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài:
Nghiên cứu quy trình công nghệ đánh giá đất thông qua việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng.
Chủ nhiệm đề tài:
Nghiên cứu biện pháp trừ cỏ cho mía trên đất Ba Vì - Hà Tây.

Dự định khoa học

Nghiên cứu biện pháp trừ cỏ trên đất trồng cây trồng cạn.
Nghiên cứu hệ thống canh tác ở miền núi phía Bắc và đồng bằng ven biển.



HOÀNG NGUYỄN BÌNH

Tiến sỹ Sinh học

Sinh ngày: 18 - 12 - 1954.
Quê quán: Tiên Tân - Duy Tiên - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội II.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội I, ngành Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp.
Công tác tại Đại học Sư phạm Hà Nội II
Hiện là Trưởng khoa Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội II.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Ngành Sinh học.

Đề tài luận án

Cơ sở sinh học và sinh thái của nghề rắn (hổ mang, cạp nong và cạp nia) ở đồng bằng miền Bắc Việt Nam.

Nội dung

Tìm hiểu cơ sở sinh học và sinh thái của nghề rắn (hổ mang, cạp nong và cạp nia) ở miền Bắc Việt Nam qua các dấu hiệu sinh học và sinh thái học của 3 loài rắn độc như: đặc điểm hình thái học, đặc điểm thức ăn (thành phần thức ăn ưa thích, độ no, khẩu phần thức ăn) theo mùa vụ, đặc điểm sinh sản, tập tính lột xác, chu kỳ hoạt động ngày - đêm, mùa vụ ở và sự phân bố nơi ở; giá trị kinh tế, từ đó tìm ra quy luật nhằm khai thác và bảo tồn hợp lý ba loài rắn độc quý hiếm ở miền Bắc Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Đề tài khoa học cấp Bộ đã nghiệm thu:
Góp phần quy hoạch vùng rừng du lịch Đại Lải và phụ cận.
Góp phần nghiên cứu giun sán ký sinh trên người và gia súc ở huyện Mê Linh - Vĩnh Phúc.
Bằng khen của Liên đoàn Lao động thành phố Hà Nội về thành tích nghiên cứu khoa học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá nhân 990 năm Thăng Long - Hà Nội.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sinh học cơ bản kết hợp với khoa học bảo vệ môi trường để bảo vệ sự đa dạng sinh học ở Việt Nam và phát triển bền vững tài nguyên sinh vật.



NGUYỄN BÌNH

Tiến sỹ Kỹ thuật

Sinh ngày: 16 - 01 - 1952.
Quê quán: Việt Hưng - Gia Lâm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể T5C - Bộ Tư lệnh Thông tin - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Học viên khoa Vô tuyến Điện tử, Học viện Kỹ thuật Quân sự.
Giáo viên khoa Vô tuyến Điện tử, Học viện Kỹ thuật Quân sự.
Nghiên cứu sinh tại Học viện Kỹ thuật Quân sự.
Trung tâm phó Trung tâm đảm bảo kỹ thuật M86, Binh chủng Thông tin.
Viện phó Viện Kỹ thuật Thông tin, Binh chủng Thông tin.
Cán bộ Học viện Công nghệ Bưu chính - Viễn Thông.
Được phong Phó giáo sư năm 1996.
Đại tá năm 1998.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984
Tại Học viện Kỹ thuật Quân sự.

Đề tài luận án

Một số hạn chế của phương pháp giải mã ngưỡng đại với các mã tự trực giao.

Nội dung

Nghiên cứu các phương pháp giải mã ngưỡng đại số bao gồm giải mã đa số, giải mã trên đa số i biểu quyết... và tính toán ngưỡng (giới hạn trên) xác suất sai trong kênh đối xứng nhị phân không nhớ phù hợp cho từng phương pháp. Trên cơ sở tính lượng thông tin tối đa thu nhận được từ các tổng kiểm tra trực giao, luận án tính được giới hạn dưới cho xác suất sai sau giải mã khi bộ giải mã sử dụng các tổng kiểm tra trực giao để giải mã.

Thành tựu khoa học

Giáo trình.
Cơ sở lý thuyết truyền tin, Học viện Kỹ thuật Quân sự.
100 bài tập Lý thuyết truyền tin, Học viện Kỹ thuật Quân sự.
Mật mã học - Lý thuyết và thực hành (sách dịch), Ban Cơ yếu Chính phủ.
Tài liệu giảng dạy môn lý thuyết thông tin và mã hoá. Học viện Công nghệ Bưu chính - Viễn thông.
Tác giả và đồng tác giả trên 40 bài báo khoa học đăng trong các tạp chí khoa học, báo cáo ở hội nghị khoa học trong nước và quốc tế.
Chủ trì và tham gia 5 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Binh chủng cấp Bộ Quốc phòng.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học - công nghệ.
Tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh.

Dự định khoa học

Nghiên cứu và hướng dẫn nghiên cứu sinh hoàn chỉnh các mã xyclic và mã xyclic cục bộ trên cơ sở phân hoạch của vành đa thức theo các nhóm nhân xyclic.
Nghiên cứu một số vấn đề về mật mã có liên quan.



NGUYỄN VĂN BÌNH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 04 - 06 - 1932.
Quê quán: Tam Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 14, B17 - Nam Thành Công B - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Đường sắt Đường Sơn, Trung Quốc.

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Phụ trách lớp đại học tại chức về đầu máy, toa xe tại Cục đầu máy toa xe Tổng cục đường sắt.

Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Bách khoa Khácốp Liên Xô.

Chủ nhiệm khoa Động lực Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Trưởng tiểu ban xét chọn nghiên cứu sinh đi nước ngoài của ngành động lực.

Thành viên phái đoàn Chính phủ Việt Nam sang Pháp và Ý đàm phán xây dựng nhà máy ô tô trọng tải lớn.

Hiệu trưởng Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp Việt Bắc (Đại học công nghiệp Thái Nguyên hiện nay).

Uỷ viên Hội đồng xét phong học hàm liên ngành cơ khí và động lực.

Uỷ viên Ban chấp hành Hội cơ khí Việt Nam.

Vụ trưởng Vụ Trung học chuyên nghiệp - Bộ Đại học và chuyên nghiệp.

Được phong Giáo sư năm 1984.

Tuỳ viên giáo dục tại đại sứ quán Angiêri.

Chuyên viên Vụ Trung học chuyên nghiệp - dạy nghề.

Hiện là Phó Trưởng phòng đào tạo Trường Đại học Quản lý và Kinh doanh Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1966.
Tại Trường Đại học Bách khoa Khácốp.
Ngành Động cơ đốt trong.

Đề tài luận án

Nghiên cứu sự ảnh hưởng của áp suất, nhiệt độ và độ ẩm cao của không khí (môi trường xung quanh) đến các thông số, chỉ thị và có ích của động cơ điêzen công suất lớn.

Nội dung

Môi trường không khí xung quanh, đặc biệt tại các nơi điều kiện khắc nghiệt: các vùng nhiệt đới ẩm, hầm máy của các tàu biển v.v... nhiệt độ và độ ẩm không khí thường rất cao. Vì vậy, không khí môi trường xung quanh khi hút vào động cơ sẽ cùng với nhiên liệu đã được phun ở dạng sương mù sẽ tạo nên quá trình cháy của động cơ diezen ảnh hưởng đến các thông số chỉ thị và có ích của động cơ (Pi, Ni, Gi, Pe, Ne, Ge...).

Kết luận: Nhiệt độ và độ ẩm lớn của không khí môi trường xung quanh đã làm giảm công suất và tăng suất tiêu hao nhiên liệu của động cơ điezen công suất lớn. Tuy nhiên đối với loại động cơ điêzen có tăng áp bằng tuốc bin khí thì mức độ ảnh hưởng là không đáng kể".

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản
Nguyên lý động cơ đốt trong
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục và đào tạo.



NGUYỄN VĂN BÌNH

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 01 - 07 - 1946.
Quê quán: Thanh Tiên - Thanh Chương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Nhà B5 - Tập thể Đại học Mỏ Địa chất - Cổ Nhuế - Từ Liêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội.
Phó chủ nhiệm bộ môn Khoáng thạch - Khoa Địa chất, Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội.
Thực tập sinh, nghiên cứu sinh tại Đại học Địa chất thăm dò Mátxcơva, CHLB Nga.
Giảng viên chính Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội.
Hiện là Phó chủ nhiệm bộ môn Khoáng thạch - khoa Địa chất - Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội.
Hội viên Hội Địa chất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Đại học Địa chất thăm dò Mátxcơva, CHLB Nga.
Chuyên ngành Địa chất học tìm kiếm và thăm dò mỏ kim loại và không kim loại.

Đề tài luận án

Tính phân đới, thành phần khoáng vật các đới ôxi hoá các mỏ Sunphua Pyrit Giáp Lai, Minh Quang và Bản Gôn của miền Bắc Việt Nam.

Nội dung

Phân tích thành phần hoá đa lượng và vi lượng, thành phần khoáng vật, đặc điểm cấu tạo và kiến trúc quặng từ các sản phẩm vỏ phong hoá phát triển trên các thân quặng của mỏ Sunphua Pyrit: Giáp Lai, Minh Quang và Bản Gôn miền Bắc Việt Nam. Luận án chứng minh sự phân đới thành phần vật chất các đới trong mặt cắt vỏ phong hoá các mỏ Pyrit trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm của nước ta. Đặc biệt luận án đã chứng minh cơ chế và điều kiện thành tạo đới quặng Pyrit vun trong mặt cắt vỏ phong hoá các mỏ quặng. Đây là đới quặng có sản phẩm quặng pyrit đạt hàm lượng quặng cao và chất lượng tốt.

Thành tựu khoa học

Đồng tác giả đề tài khoa học cấp Nhà nước:
Vỏ phong hoá nhiệt đới ẩm ở Việt Nam và đánh giá tiềm năng khoáng sản có liên quan.
Tham gia đề tài cấp Bộ:
Đặc điểm biến đổi thành phần vật chất và cơ chế thành tạo các khoáng sản liên quan trong vỏ phong hoá các đá siêu Mafic ở miền Bắc Việt Nam.
Chủ trì đề tài cấp Bộ:
Đặc điểm thành phần vật chất, các yếu tố môi trường địa hoá và tác động của chúng với cây trồng vật nuôi của lớp bùn đáy ở một vài vùng đất ngập mặn ven biển đồng bằng Bắc bộ.
Sách đã xuất bản
Đồng tác giả:
Từ điển Tinh thể học Nga - Việt.
Từ điển *Tinh thể học Anh - Việt* - Nxb Khoa học và kỹ thuật.
Bài giảng *Tinh thể học.*
Tinh thể - Khoáng vật học. Đại học Mỏ - Địa chất.

Dự định khoa học

Nghiên cứu đánh giá tiềm năng đất và sản phẩm vỏ phong hoá phát triển trên các thành tạo địa chất khác nhau.
Nghiên cứu khả năng ứng dụng vào sản xuất công nghiệp nguồn nguyên liệu khoáng của Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Nhà nước cần có những chương trình khoa học đồng bộ dài hạn giao cho các trường đại học và viện nghiên cứu thực hiện, tránh tản mạn chạy theo hình thức, số lượng mà chất lượng không tốt, không đạt mục tiêu đề ra.
Nhà nước cần tập trung đầu tư xây dựng các cơ sở, trung tâm phân tích cấp quốc gia có trang thiết bị hiện đại với đội ngũ cán bộ giỏi, tâm huyết.



PHẠM THANH BÌNH

Tiến sỹ Kỹ thuật

Sinh ngày: 09 - 07 - 1957.
Quê quán: Gia Trấn - Gia Viễn - Ninh Bình.
Chỗ ở hiện nay
5 Thịnh Yên - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Bách khoa, Hà Nội.
Trắc thủ tên lửa, Tiểu đoàn 41, Trung đoàn 263, Sư đoàn 367, Quân chủng Phòng không - Không quân.
Kỹ sư kiểm định đo lường - phòng Đo lường nhiệt độ, Trung tâm Đo lường, Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng.
Nghiên cứu sinh và thực tập sinh cao cấp tại Trường Đại học Năng lượng Mátxcơva.
Công tác tại phòng Đo lường nhiệt, Trung tâm đo lường, Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng - Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường.
Hội viên Hội Khoa học - Kỹ thuật Việt Nam tại Liên bang Nga.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại trường Đại học Năng lượng Mátxcơva (nay là trường Tổng hợp Kỹ thuật Mátxcơva), Cộng hoà Liên bang Nga.

Chuyên ngành Điều khiển và Tự động hoá các quá trình công nghệ và sản xuất.

Đề tài luận án

Nghiên cứu các phương pháp tính toán hiệu chỉnh bền vững hệ thống điều khiển tự động các quá trình công nghệ và sản xuất.

Nội dung

Một thực tế sử dụng các hệ thống điều khiển tự động là sự xuất hiện độ không xác định (các loại Nhiễu) của đối tượng thực sự so với đối tượng thiết kế. Các Nhiễu này chỉ được nhận dạng gần đúng vì chúng thay đổi thường xuyên trong quá trình vận hành. Khi tính toán hệ thống mà bỏ qua các Nhiễu sẽ dẫn đến hệ thống làm việc không hiệu quả, chất lượng điều chỉnh xấu, thậm trí hệ thống không làm việc được.
Luận án phân tích các phương pháp tính toán hiệu chỉnh tối ưu và bền vững hệ thống điều chỉnh tự động, đề nghị một phương pháp tính mới, hiệu quả thuận tiện đối và hệ thống thực với bộ điều chỉnh Tỉ - Tích - Vi (T-T-V) có tính đến độ không xác định của Model đối tượng điều chỉnh. Dựa trên sự phân tích và đưa ra các khái niệm "Đặc tính tần số bao của đối tượng điều chỉnh, của hệ thống ở trang thái hở...".
Luận án đưa ra phương pháp tính toán bền vững hệ thống điều khiển tự động trong trường hợp đối tượng điều chỉnh ở dạng xấu nhất...



TRẦN THỊ THANH BÌNH

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 04 - 06 - 1969.
Quê quán: Đông Hưng - Đông Sơn - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay:
11 - tổ 32 - Yên Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Vinh.
Giáo viên trường Trung học cơ sở Đông Quang, Đông Sơn, Thanh Hoá.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hiện là biên tập viên - Nhà xuất bản Giáo dục.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000.
Tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Động vật học.

Đề tài luận án

Biến đổi tiến hoá của hệ bài tiết và cơ quan sinh dục cái của giun đất trong giống Pheretima Kinberg, 1867.

Nội dung

Cung cấp chi tiết và có hệ thống các dẫn liệu về hệ bài tiết và cơ quan sinh dục cái của 71 loài trong giống Pheretima.

Bổ sung một số đặc điểm chi tiết trong sơ đồ cấu tạo hệ bài tiết của giun đất giống Pheretima đã được Bahl đề xuất năm 1943.
Chỉnh lý một nhận xét của Easton, 1979 về vị trí đổ của vi thận vách ở Ph. elongata.
Xác định xu hướng tiến hoá của các đặc điểm cấu tạo hệ bài tiết và cơ quan sinh dục cái của giun đất giống Pheretima.
Bổ sung các dẫn liệu về hệ bài tiết và cơ quan sinh dục cái trong hình dung quan hệ phát sinh của các loài trong một số nhóm giun đất trong giống Pheretima (Posthuma và Planapheretima).
Hệ bài tiết và cơ quan sinh dục cái là dẫn liệu mới cùng cố sơ đồ tiến hoá của giống Pheretima.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu đã công bố:
Dẫn liệu thành phần loài bộ Protococcales một số thuỷ vực ở Vinh và thành phố Thanh Hoá.
Dẫn liệu mới về hệ bài tiết của giun đất giống Pheretima Kinberg, 1867 và quan hệ phát sinh của các loài trong nhóm Posthuma (đồng tác giả).
Hệ bài tiết của giun lá (Planapheretima sensu Sims et Easton, 1972) và quan hệ phát sinh của các loài giun lá ở lục địa châu Á.
Biến dị cá thể của hệ bài tiết và cơ quan sinh dục cái của giun đất giống Pheretima Kinberg, 1867.
Kỷ yếu hội thảo khoa học *Cấu trúc quần xã sinh vật đất và phát triển bền vững hệ sinh thái đất.* Nxb Nông nghiệp.
Xu hướng tiến hoá của vi thận vách của giun đất giống Pheretima Kinberg, 1867.

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

Lời Tiến sĩ

Là nữ giới, làm khoa học đã khó, làm khoa học cơ bản lại càng khó hơn. Thực tế, trong xã hội có không ít người coi thường và không ủng hộ nữ giới làm khoa học. Nhưng nếu có niềm say mê và nghị lực thì vẫn có cơ hội làm khoa học dù bạn là nữ giới.



VŨ THỊ BÌNH

Tiến sỹ Nông nghiệp

Sinh ngày: 15 - 05 - 1951.
Quê quán: Cẩm Định - Cẩm Giàng - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Quản lý đất đai, Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Hiện là Trưởng bộ môn Quy hoạch sử dụng đất - khoa Quản lý đất đai.
Hội viên Hội Khoa học đất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Ngành Nông nghiệp.
Chuyên ngành Thổ nhưỡng học và quy hoạch sử dụng đất.

Đề tài luận án

Đánh giá tiềm năng đất đai phục vụ định hướng quy hoạch nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp huyện Gia Lâm, vùng đồng bằng sông Hồng.

Nội dung

Đánh giá tiềm năng đất đai huyện Gia Lâm theo phương pháp đánh giá đất thích hợp của FAO (tổ chức nông nghiệp - lương thực Liên Hiệp quốc).
Xây dựng bản đồ đơn vị đất đai, đánh giá mức độ thích hợp của từng đơn vị đất đai đối với các loại hình sử dụng đất được lựa chọn.
Từ kết quả đánh giá mức độ thích hợp đất đai xây dựng, định hướng quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp theo quan điểm sinh thái và phát triển bền vững.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ:
Đánh giá hiện trạng và tiềm năng đất đai phục vụ quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp huyện Châu Giang tỉnh Hưng Yên.
Ứng dụng phương pháp quy hoạch của FAO vào quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội huyện Từ Sơn - Bắc Ninh.
Giáo trình:
Quy hoạch phát triển nông thôn - Nxb Nông nghiệp.

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu về đất, sử dụng đất nông nghiệp và phát triển nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, huyện, xã.
Giảng dạy đại học, sau đại học về quy hoạch sử dụng đất, kinh tế sử dụng đất, quy hoạch tổng thể phát triển nông thôn.



LÊ TRẦN BỈNH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 10 - 10 - 1946
Quê quán: Hoằng Quí - Hoằng Hoá - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: P1 - K15 - khu tập thể Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên bộ môn Máy và thiết bị công nghiệp thực phẩm, Trường Đại học Bách khoa, Hà Nội.
Khoa Thiết bị Viện nghiên cứu ăn mặc Quân đội - Tổng cục Hậu cần.
Khoa cơ khí, Viện nghiên cứu ăn mặc Quân đội - Tổng cục Hậu cần.
Đoàn 871, Bộ Quốc phòng.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô cũ.
Giám đốc Xí nghiệp 24, Cục Quân lương, Tổng cục Hậu cần.
Đại tá, Trưởng phòng Kinh tế - Tổng cục Hậu cần.
Hội viên Hội Máy và Thiết bị công nghiệp thực phẩm và hoá chất.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984.
Tại Trường Đại học Công nghệ Công nghiệp Thực phẩm, Kiev Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm.

Đề tài luận án

Những đặc điểm quá trình sấy sản phẩm dạng liên kết keo phân tán khi dẫn năng lượng bằng bức xạ hồng ngoại.

Nội dung

Nghiên cứu đặc tính nhiệt vật lý, đặc tính chuyển khối các sản phẩm dạng liên kết keo phân tán khi dẫn năng lượng bằng bức xạ hồng ngoại. Mô tả toán học sự phụ thuộc của các đặc tính nhiệt vật lý, chuyển khối nêu trên vào nhiệt độ và độ ẩm của vật liệu.
Nghiên cứu trường bức xạ và đại lượng bức xạ cho phép lớn nhất phụ thuộc vào độ ẩm ban đầu của đối tượng sấy. Xác định sự phụ thuộc nhiệt độ trung bình lớp vật liệu vào đại lượng dòng nhiệt bị hút bởi sản phẩm trong quá trình sấy bức xạ hồng ngoại.

$$T = a\,E^n h^m$$

Nghiên cứu động học quá trình sấy bức xạ hồng ngoại kiểu "tối". Thiết lập sự phụ thuộc thời gian sấy vào các đại lượng bức xạ E và các thông số bên trong (độ ẩm ban đầu của vật liệu sấy) dưới dạng phương trình hồi qui:

$$t = a_0 + a_1E + a_2U_d + a_3EU_d$$

Ứng dụng kết quả nghiên cứu để thảo ra đề tài liệu tính toán thiết kế kĩ thuật thiết bị sấy hồng ngoại dạng mô hình thực nghiệm - công nghiệp sấy thực phẩm với chế độ sấy tối ưu đạt hiệu quả kinh tế cao...

Thành tựu khoa học

Nhiều bài báo liên quan đến luận án đã đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành ở Liên Xô cũ.
Chủ nhiệm đề tài: Lý luận và thực tiễn tổ chức sản xuất tạo nguồn vật chất hậu cần trong cơ chế mới quản lý kinh tế (cấp Bộ).

Dự định khoa học

Nghiên cứu quá trình và công nghệ thiết bị thực phẩm và hoá học.



NGUYỄN HỒNG BỈNH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 23 - 11 - 1933.
Quê quán: Thị trấn An Thạnh - Thuận An - Bình Dương.
Chỗ ở hiện nay: 226/40 Lê Văn Sỹ - Quận Tân Bình - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.
Trưởng phòng Kỹ thuật Ty Thuỷ lợi tỉnh Cao Bằng.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Nông nghiệp Bucaret - Rumani.
Cán bộ Ban Nông nghiệp Trung ương cục miền Nam - Ban quân quản - phụ trách.
Tổng Cục Thuỷ lợi - Cục phó Cục KTCB Bộ Thuỷ lợi.
Giám đốc Sở Thuỷ lợi thành phố Hồ Chí Minh.
Uỷ viên Ban chấp hành Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.
Hội Xây dựng Việt Nam.
Phó giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh.
Phó Chủ tịch Hội KHKT Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972.
Tại Trường Đại học Nông nghiệp Nicolae Bălecscu Bucaret Rumani.
Ngành Cải tạo đất.

Đề tài luận án

Tiêu thoát nước hạ thấp mức nước ngầm cải tạo đất vùng Rădăuti - Mondova Rumani.

Nội dung

Khu vực Rădăuti - Mondova là vùng đất thấp sản xuất nông nghiệp chủ yếu là củ cải đường và bắp. Nhưng vào mùa mưa và tuyết tan thường gây ngập lụt, xói mòn sông suối do nước từ vùng cao đổ xuống và mực nước ngầm dâng cao tăng độ ẩm đất làm chết cây hoặc không phát triển, năng suất thấp.
Nghiên cứu động thái nước dưới đất, đề xuất giải pháp tiêu thoát hạ mực nước ngầm bằng hệ thống ống nhựa dưới kết cấu lỗ, khe khác nhau, xác định độ sâu đặt ống vào khoảng cách hệ thống ống, nhằm thu nước hiệu suất cao đảm bảo độ ẩm thích hợp cho đất và sinh lý cây trồng đạt hiệu quả, năng suất cao nhất.

Thành tựu khoa học

Công trình ứng dụng: Nghiên cứu thực hiện dự án Tiêu thoát nước cải tạo đất trũng phèn ngập nước, hoang hoá vùng Thầy Cai - An Hạ, Củ Chi (tham gia).
Nghiên cứu thực hiện dự án khai thác nguồn nước kênh Đông, hồ Dầu Tiếng (tham gia).
Nghiên cứu dự án bảo trữ lượng nước ngầm bằng phương pháp đồng vị phóng xạ vùng chuyên canh rau thành phố Hồ Chí Minh.
Nghiên cứu tiêu thoát nước, cải tạo nguồn nước ô nhiễm trên các khu vực kênh rạch thành phố Hồ Chí Minh.
Lập luận chứng kinh tế kỹ thuật, đề án tiêu thoát nước và cải tạo ô nhiễm nước khu vực kênh Nhiêu Lộc Thị Nghè thành phố Hồ Chí Minh.
Dùng cát đắp đập ngăn sông, thay cầu bê tông cốt thép dài gần 400m qua sông Hào Vỏ.
Nghiên cứu chế phẩm cải tạo sét trong vật liệu đất cát đá tại chỗ.
Nghiên cứu chế phẩm xử lý cát mặn, nước mặn dùng làm cốt liệu cho vữa, bêtông xi măng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật vùng ven biển, hải đảo.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ môi trường của Bộ Khoa học công nghệ môi trường.

Dự định khoa học

Chuyển giao công nghệ vữa bê tông xi măng với chế phẩm cải tạo sét trong đất cát tại chỗ.
Hoàn thiện chế phẩm cải tạo nguồn nước có ô nhiễm, phân chuồng trại, hầm cầu, rác thải làm sạch môi trường khu vực gia đình ở nông thôn và tận dụng làm phân bón.
Nghiên cứu xây dựng công trình tạo nguồn nước ngọt trên các vùng đất phèn, đất mặn xử lý cấp nước sạch cho dân cư nông thôn.



NGÔ ĐÌNH BÍNH

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 20 - 05 - 1949.
Quê quán: Diễn Hoa - Diễn Châu - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Nhà E5B - Tập thể Khoa học - Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Sofia, Bungari.
Thực tập sau đại học tại Đại học Tổng hợp Sofia Bungari.
Cán bộ nghiên cứu khoa học Viện Công nghệ sinh học (CNSH) Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia (TTKHTN&CNQG).
Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Sofia, Bungari.
Trưởng phòng Di truyền Vi sinh vật, viện CNSH, TTKHTN&CNQG.
Tập huấn về Nội độc tố diệt côn trùng tại Trung tâm Công nghệ Sinh học và Công nghệ Di truyền quốc tế, New Delhi Ấn Độ.
Thực tập sinh sau tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc.
Nghiên cứu viên chính viện CNSH, TTKHTN&CNQG.
Thực tập sinh sau tiến sĩ tại Đại học Hokkaido, Nhật Bản.
Hội viên Hội Sinh học Việt Nam.
Hội viên Hội Nấm học Hàn Quốc.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990.
Tại Đại học Tổng hợp Sofia, Bungari.
Ngành Sinh học
Chuyên ngành Vi sinh vật học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu sinh học chủng Streptomyces rimosus TH17 và thu nhận chế phẩm kháng sinh Terravit và oxytetracylin hydrochlorit.

Nội dung

Từ các mẫu đất thu nhập ở Việt Nam đã phân lập được chủng xạ khuẩn Streptomyces rimosus TH17 sinh kháng sinh oxytetracyclin. Những nghiên cứu về hình thái sinh lý sinh hoá, di truyền quần thể cho thấy chủng S. rimosus TH17 bao gồm 5 type khuẩn lạc, trong đó khuẩn lạc type I chiếm 90% và có hoạt tính kháng sinh cao nhất.
Bằng phương pháp chọn lọc bậc thang với tia UV kết hợp với phương pháp tế bào trần đã thu nhận được biến chủng S. rimosus TH17-12 có hoạt lực hơn 3.500 đơn vị/ml.
Nghiên cứu động thái và xác định được nguồn cacbon và nitơ thích hợp cho sinh trưởng phát triển và sinh tổng hợp oxytetracyclin của S. rimosus TH17-12.
Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm Terravit và tinh chế kháng sinh oxytetracyclin, hoạt lực của OTC-HCL tự sản xuất đạt tiêu chuẩn quốc tế (980 đơn vị/mg).
Chế phẩm Terravit bổ sung vào thức ăn chăn nuôi để phòng chống bệnh cho gia súc, gia cầm, tăng trọng cho lợn và gà 10 - 15%, tăng năng suất trứng ở gà đẻ Lơ gi 10%, giảm tỷ lệ còi cọc 5-7%. Giảm tỷ lệ gà chết 5 - 8%. Giảm chi phí thức ăn 8 - 10%.

Thành tựu khoa học

Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm kháng sinh thô (Biovit, Terravit) làm thức ăn chăn nuôi bổ sung; Quy trình công nghệ kháng sinh thô để phòng chống bệnh cho cây trồng nông lâm nghiệp; Quy trình công nghệ sản xuất thuốc sâu sinh học Bacillus thuringiensis (Bt) diệt sâu và diệt ấu trùng muỗi truyền bệnh bảo vệ sức khoẻ cộng đồng; Quy trình xử lý nước thải và chất thải nông công nghiệp.
Nghiên cứu nâng cao hoạt tính sinh học của các chủng vi sinh vật bằng các phương pháp di truyền kinh điển, phương pháp sinh học phân tử và công nghệ gen (Tách dòng và biểu hiện gen diệt sâu ở B. thuringiensis, gen kháng kháng sinh oxytetracyclin ở S. rimosus).

Dự định khoa học

Cải tiến các quy trình công nghệ và nâng cao chất lượng chế phẩm sinh học cho phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội điều kiện sinh thái của Việt Nam.
Tạo các chủng vi sinh vật mang gen tái tổ hợp có hoạt tính sinh học cao (kháng sinh, enzym, endotoxin) ứng dụng trong y học, nông lâm nghiệp và bảo vệ môi trường.

Lời Tiến sĩ

Để phát triển khoa học của nước ta, Nhà nước cần có chính sách ưu tiên phát triển khoa học cơ bản, đầu tư cho khoa học cơ bản là nuôi được "con gà đẻ trứng vàng".



VŨ THƯỜNG BỒI

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 08 - 02 - 1947
Quê quán: Nam Xá - Nam Trực - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 31 ngõ 62 Nguyễn Viết Xuân - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

Quá trình công tác

Giảng viên khoa Hoá Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ nghiên cứu hoá vật liệu.
Trưởng phòng Hoá Vật liệu hàng không - Viện Kỹ thuật không quân.
Hiện là Phó trưởng phòng Vật liệu Hàng không - Nhiên liệu tên lửa Viện kỹ thuật Phòng không - không quân.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Viện Kỹ thuật Quân sự Bộ Quốc phòng.
Ngành Hoá học.
Chuyên ngành Công nghệ điện hoá.

Đề tài luận án

Khảo sát tính chất ăn mòn mỏi của hợp kim nhôm có độ bền cao sử dụng trên máy bay trong môi trường nhiệt đới ẩm.

Nội dung

Máy bay có kết cấu thân cánh bằng hợp kim nhôm D16 và B95 dạng bản mỏng ghép nối phức tạp, chịu ứng suất kéo nén thay đổi với tần số thấp dễ mất độ bền trong điều kiện ăn mòn mỏi.
Đề tài góp phần tìm hiểu tác động của môi trường nhiệt đới ẩm gần biển của ta đến ăn mòn mỏi hợp kim nhôm kết cấu máy bay và tìm biện pháp nâng cao độ bền, độ tin cậy sử dụng, đảm bảo an toàn bay.
Ăn mòn mỏi là lĩnh vực khoa học kỹ thuật liên ngành rất phức tạp liên quan đến vật liệu trong kết cấu chịu tác động đồng thời của môi trường ăn mòn và tải lặp.
Luận án đã khảo sát các yếu tố liên quan trực tiếp đến cơ chế phá huỷ vật liệu trong điều kiện ăn mòn mỏi, tìm cách dự báo dự trữ tuổi thọ mỏi của vật liệu, tìm biện pháp khả thi hạn chế ăn mòn máy bay nâng cao độ bền và độ tin cậy sử dụng máy bay ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Đã thực hiện một số công trình nghiên cứu liên quan đến bảo vệ vật liệu trong môi trường nhiệt đới ẩm
Huy chương vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu lĩnh vực nhiệt đới hoá, nâng cao độ bền tin cậy sử dụng máy bay ở Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Các nhà khoa học giúp đất nước tiếp thu tinh hoa văn minh nhân loại, làm giàu nó bằng hoạt động trung thực quên mình, thực sự tôn trọng lao động sáng tạo trí tuệ, để xây dựng đất nước ta ngày càng có vị trí xứng đáng hơn trong cộng đồng thế giới.



LÊ THỊ BỪNG

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 22 - 12 - 1945
Quê quán: Phổ Thạnh - Đức Phổ - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: Số 16 - nhà H17 - Khu tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Tâm lý - Giáo dục. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Hội viên Hội Tâm lý - Giáo dục Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Tâm lý học Sư phạm.

Đề tài luận án

Biểu hiện tình cảm đối với tập thể của học sinh phổ thông cơ sở (cấp II) và những tác động tâm lý để hình thành chúng.

Nội dung

Tình cảm đối với tập thể thường được hình thành rõ nét nhất ở lứa tuổi thiếu niên. Cảm xúc về người khác (nhất là bạn cùng lứa tuổi) được hình thành ở các em qua các hoạt động tập thể: học tập, lao động và vận thể.
Tác giả đã nghiên cứu ở 4 lớp 178 học sinh hai trường phổ thông cơ sở Mai Dịch (Từ Liêm) và Yên Lãng (Đống Đa) Hà Nội trên cùng một khách thể nghiên cứu trong suốt 3 năm từ lớp 6 - lớp 8.
Phương pháp:
Điều tra, viết
Thực nghiệm sư phạm
Thực nghiệm hình thành với 3 giai đoạn. Giai đoạn 1: Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành tình cảm đối với các mối quan hệ: Gia đình, lớp, trường bằng một hệ thống bài tập có tính thực nghiệm sơ bộ. Giai đoạn 2: Phát hiện những em có biểu hiện tình cảm đối với tập thể qua những tình huống có thật. Giai đoạn 3: Tổ chức những hoạt động cùng nhau nhằm tạo điều kiện hình thành tình cảm đối với tập thể.
Kết quả nghiên cứu:
Chỉ có 25/178 học sinh (22.7%) có tình cảm thật sự đối với tập thể qua 3 hình thức hoạt động: học tập, lao động, vui chơi.
Tất cả các loại hình hoạt động trong nhà trường đều có khả năng hình thành tình cảm tập thể cho học sinh phổ thông cơ sở.
Tình cảm đối với tập thể của học sinh phổ thông cơ sở không tự hình thành. Muốn hình thành tình cảm đối với tập thể ở học sinh cần phải tác động thông qua hoạt động cùng nhau nghĩa là thông qua tập thể, trong tập thể và bằng tập thể có tổ chức mang tính sư phạm cao. Bởi vì trong hoạt động tập thể, mỗi cá nhân sẽ đưa cách nhìn nhận của mình vào việc giải quyết vấn đề mà tập thể đặt ra và góp phần cái "tôi" của mình vào hoạt động cùng nhau. Kết luận này càng có ý nghĩa trong tình hình kinh tế xã hội hiện nay.

Thành tựu khoa học

Tham gia một số đề tài nghiên cứu:
Chiến lược phát triển nhân cách con người ở Việt Nam trong thế kỷ 21.
Những điều quan tâm của đại biểu quốc hội trước và trong kỳ họp thứ 6 Quốc hội khoá VIII.
Nghiên cứu tình hình dân số và kế hoạch hoá gia đình của Ủy ban Dân số Kế hoạch hoá gia đình.
Tham gia và phản biện đề tài: *"Nghiên cứu sự nhận thức của cán bộ Đảng cấp cơ sở về sinh đẻ có kế hoạch"*.
Luật nghĩa vụ và thanh niên với việc thi hành luật (cấp thành phố)
Định hướng giá trị nghề nghiệp của thanh niên học sinh (cấp Bộ)
Sự phát triển trí tuệ và nhân cách của trẻ trong những quy mô gia đình khác nhau.
Chăm sóc sức khoẻ vị thành niên tại Hà Nội.
Chủ nhiệm đề tài cấp Trường:
Nghiên cứu sự lựa chọn ứng xử của sinh viên trong các tình huống giao tiếp sư phạm.
Nhiều bài đăng trên tạp chí và kỷ yếu khoa học
Sách đã xuất bản:
Hồ Chí Minh về vấn đề tình cảm trong cấu trúc nhân cách trong sách: *Hồ Chí Minh những vấn đề tâm lý học nhân cách* - Viện Tâm lý học - Hội Tâm lý - Giáo dục Việt Nam.
Phương pháp dạy con theo lứa tuổi từ 7-11 tuổi và từ 12-15 tuổi, in trong sách Sổ tay công tác nữ công.
Tình yêu nhìn từ góc độ giáo dục - Nxb Giáo dục
Gia đình trường học đầu tiên của lòng nhân ái - Nxb Giáo dục.
Giáo trình: *Công tác xét xử của toà án với trẻ em vi phạm pháp luật* (đồng tác giả)
Huy chương kháng chiến hạng nhì
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục

Dự định khoa học

Viết sách về những vấn đề tâm lý



NGÔ VĂN BƯU

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 01 - 06 - 1935.
Quê quán: Xuân Khê - Lý Nhân - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 44, ngõ 30 Tạ Quang Bửu - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng dạy địa vật lý Trường Đại học Bách khoa
Chủ nhiệm bộ môn Địa vật lý, Trường Đại học Mỏ Địa chất
Phó Chủ nhiệm khoa Dầu khí
Phó giáo sư
Ủy viên Hội đồng khoa học ngành các Khoa học trái đất và biển, Viện Khoa học Việt Nam
Trưởng phòng Khoa học - Đại học Mỏ địa chất
Chuyên gia giáo dục tại An giê ri.
Giám đốc Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường thuộc Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam
Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng địa vật lý trong địa chất và môi Trường thuộc Trường Đại học Mỏ Địa chất
Ủy viên Ban chấp hành Hội Khoa học Kỹ thuật Địa vật lý Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983.
Tại Trường Đại học Địa chất thăm dò Matxcơva, Liên bang Nga.
Ngành Địa Vật lý.

Đề tài luận án

Xây dựng cơ sở lý thuyết cho việc ứng dụng phương pháp trường chuyển nhằm khảo sát tỉ mỉ và đánh giá dự đoán tài nguyên quặng pirit đặt sít ở Tây bắc Việt Nam.

Nội dung

Tín hiệu trường chuyển của vật dẫn điện tốt suy giảm theo quy luật tổng các hàm số mũ. Số mũ của hàm mũ thứ nhất của vật thể hình cầu, hình trụ phụ thuộc vào tính số độ dẫn điện và tiết diện của chúng, do vậy nghiên cứu số mũ đó sẽ giúp cho việc phân loại dị thường theo độ dẫn và dự báo tài nguyên quặng. Luận án nghiên cứu phương pháp tính số mũ cho các vật đối xứng trục khi được kích thích bằng vòng dây phát có cùng trục đối xứng nhằm đánh giá hình dạng, độ kéo dài, sự gián đoạn của vật dẫn tới tín hiệu trường chuyển. Đề ra phương pháp đơn giản để đánh giá ảnh hưởng của vật dẫn kém vây quanh. Lập ra các thuật toán giải bài toán thuận cho các lưỡng cực từ phát và thu có hướng bất kỳ khi có lớp mỏng nằm trên lớp dẫn. Lập ra phương pháp và thuật toán giải thích kết quả cho hệ đo đạc theo tuyến với những vòng dây kế nhau trong khảo sát chi tiết bằng phương pháp trường chuyển.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước:
Ảnh hưởng độ ẩm tới điện trở suất các đất đá mặt đất Việt Nam
Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật tìm kiếm nhanh quặng pirit giấu ở Việt Nam
Huân chương kháng chiến hạng ba
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục, vì sự nghiệp Địa chất Việt Nam

Dự định khoa học

Nghiên cứu phương pháp địa vật lý nhằm tìm kiếm khoáng sản có hiệu quả, tìm kiếm trực tiếp nước ngầm bằng phương pháp trường chuyển kết hợp với cộng hưởng từ hạt nhân, khảo sát môi trường, thiên tai, độ thấm (trong dầu khí, hồ chứa nước, đê điều...)



NGUYỄN TIẾN BỬU

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 16 - 07 - 1949.
Quê quán: Hợp Đồng - Chương Mỹ - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 307 - A6 Tập thể
Thanh Nhàn - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Kiến trúc sư - Viện Xây dựng Công nghiệp - Bộ Xây dựng.
Nghiên cứu sinh tại Cộng hoà dân chủ Đức (cũ)
Hiện là Trưởng phòng công tác - Công ty Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam (VCC) - Bộ Xây dựng.
Hội viên Hội Kiến trúc sư Việt Nam.
Hội Xây dựng Việt Nam.
Thành viên hội đồng khoa học công nghệ - VCC.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985.
Tại Trường Đại học Kiến trúc và Xây dựng Waimar - Cộng hoà dân chủ Đức (cũ).
Chuyên ngành Kiến trúc và xây dựng công nghiệp.

Đề tài luận án

Phương pháp thiết kế hiện đại cho các công trình công nghiệp xây dựng ở Việt Nam.

Nội dung

Phương pháp thiết kế điển hình, thiết kế mẫu cho các công trình công nghiệp xây dựng ở Việt Nam.

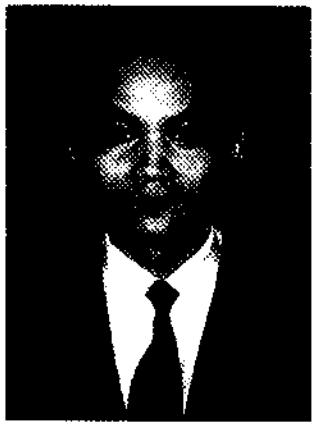
Trên cơ sở đó nhằm thống nhất điển hoá, các công trình và cấu kiện để xây dựng hàng loạt các công trình công nghiệp có cùng chức năng sử dụng.
Tạo điều kiện cho các nhà thiết kế rút ngắn được thời gian thiết kế và lập dự án. Các cấu kiện xây dựng cho nhà công nghiệp được sản xuất hàng loạt theo phương pháp công nghiệp. Góp phần quan trọng công nghiệp hoá và hiện đại hoá ngành xây dựng Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu cấp Bộ:
Điển hình hoá Katalog hoá các cấu kiện xây dựng bằng kết cấu thép cho nhà một tầng.
Biên soạn các quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế của ngành xây dựng
Nhiều công trình công nghiệp, dân dụng được xây dựng ở Việt Nam

Dự định khoa học

Biên soạn tập chi tiết, cấu tạo của các cấu kiện xây dựng bằng thép cho các công trình dân dụng và công nghiệp.



PHẠM VĂN CA

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 06 - 01 - 1955.
Quê quán: Hải Trung - Hải Hậu - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 6B/B13 - Tập thể Bệnh viện Bạch Mai - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Bác sỹ Bệnh viện Bạch Mai, Hà Nội.
Bác sỹ, Viện Y học Lâm sàng các bệnh nhiệt đới, Thư ký chương trình Giám sát quốc gia về tính kháng thuốc của vi khuẩn.
Thành viên đội Hỗ trợ quốc tế thử nghiệm tính kháng thuốc.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Viện Vệ sinh Dịch tễ Hà Nội.
Chuyên ngành Vi sinh học.

Đề tài luận án

Tìm hiểu căn nguyên vi khuẩn gây nhiễm khuẩn huyết tại Bệnh viện Bạch Mai.

Nội dung

Từ 1989 - 1993 có 5.572 bệnh nhân được chỉ định cấy máu tại Bệnh viện Bạch Mai với 6.153 mẫu máu. Có 778 mẫu dương tính của 656 bệnh nhân (chiếm tỷ lệ 11,8%) nam 53,8%, nữ 46,2%. Nhóm tuổi mắc nhiễm khuẩn huyết cao nhất từ 16-40 (57,77%), thứ hai từ 41-60 tuổi (23,93%), thứ ba trên 60 tuổi (10,37%) và nhóm bệnh nhi dưới 15 tuổi chiếm tỷ lệ thấp (7,93%).
Tỷ lệ nhiễm khuẩn huyết mùa hè cao hơn các mùa khác.
Căn nguyên gây bệnh gồm 30 loài vi khuẩn, đứng đầu là Staphylococcus aureus (35,06%), tiếp đến Escherichia coli (19,05%), Enterobacter aerogenes (8,08%), Streptococcus viridans (7,47%), Entero coccus spp. (5,03%), Pseudomonas aeruginosa (4,11%), Seratia liquefaciens (2,9%), Hafnia alvei (2,44%), Staphylococcus epidermidis (2,44%) v.v...
Tỷ lệ vi khuẩn gây bệnh chiếm 21,81% trong tổng số vi khuẩn gây nhiễm khuẩn huyết. Các bệnh nhân có những bệnh kèm theo thường dễ mắc nhiễm khuẩn huyết như: viêm nội tâm mạc và các dị vật của tim mạch (16,31%), bệnh về gan mật (12,5%), cơ xương khớp (9,45%), đường hô hấp dưới (5,79%), thận - tiết niệu (5,64%) v.v...

Thành tựu khoa học

Khảo sát tình hình kháng thuốc của một số vi khuẩn có khả năng gây bệnh ở Hà Nội, Huế, thành phố Hồ Chí Minh năm 1998.

Dự định khoa học

Khảo sát tình hình mang và kháng thuốc của một số vi khuẩn gây bệnh và vẽ bản đồ dịch tễ kháng thuốc ở các vùng khác nhau.
Nghiên cứu Plasmid kháng penicilin của Streptococcus pneumoniae.



BÙI DUY CAM

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 20 - 12 - 1953
Quê quán: Lai Vu - Kim Thành - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học Tổng hợp - phố Cảm Hội - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội
Cán bộ giảng dạy
Trưởng phòng Đào tạo sau Đại học - Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Trưởng phòng Đào tạo Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chuyên ngành Hoá vô cơ.

Đề tài luận án

Tách tổng hợp nguyên tố đất hiếm và Ytri từ quặng đất hiếm Yên Phú bằng phương pháp chiết.

Nội dung

Nghiên cứu phương pháp chiết nhiều bậc với TBP để tách lượng lớn tổng nguyên tố đất hiếm từ dung dịch hoà tách tinh quặng đất hiếm Yên Phú trong sự có mặt của muối đẩy NH_4NO_3.
Xác định hệ số làm sạch tổng đất hiếm Yên Phú khỏi một số tạp chất chủ yếu như Fe, Al, Mn, Ca, Mg.
Xây dựng quy trình tối ưu để tách Ytri từ tổng nguyên tố đất hiếm Yên Phú bằng phương pháp chiết với TBP và HDEHP.
Sản phẩm thu được có chứa 95% Y_2O_3.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Xác định hàm lượng một số kim loại nặng và phóng xạ trong các mẫu môi trường của vùng than Quảng Ninh.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ô nhiễm môi trường bởi các kim loại nặng và phóng xạ.
Nghiên cứu công nghệ xử lý kim loại nặng và phóng xạ khỏi nguồn bị ô nhiễm.



NGUYỄN CAM

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 8 - 8 - 1954.
Quê quán: Tư Nghĩa - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 95/3 Lê Văn Sỹ - Phú Nhuận - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Khoa Toán - Tin học Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Phó Trưởng Khoa Toán - Tin học Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.
Hội ứng dụng Toán học toàn quốc.
Hội Toán học thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
Ngành Giải tích.
Chuyên ngành Bài toán ngược.

Đề tài luận án

Bài toán ngược và lời giải xấp xỉ ổn định - ứng dụng vào phương trình tích phân.

Nội dung

Luận án bao gồm hai phần:
Phần 1 là bài toán xác định miền cho phương trình elliptic. Đây là bài toán không chỉnh theo nghĩa Hadamard và là bài toán phi tuyến. Luận án thiết lập sự duy nhất nghiệm của bài toán đồng thời đề ra cách xây dựng lời giải chỉnh hoá (phụ thuộc liên tục vào các dữ kiện đo đạc).
Phần 2 là xét bài toán Stefan ngược. Đây là bài toán không chỉnh. Bài toán được chuyển về phương trình tích phân (loại tích chập) rồi dùng phương pháp chỉnh hoá Tikhonov xây dựng lời giải chỉnh hoá. Sai số giữa lời giải chỉnh hoá và lời giải chính xác đã được đánh giá. Hai bài toán ngược được khảo sát trong luận án có ý nghĩa ứng dụng trong kỹ nghệ và địa vật lý.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu:
Bài toán ngược trong lý thuyết thế vị và bài toán nhiệt ngược thời gian (cấp Bộ) - chủ nhiệm.
Soạn thảo bảng từ toán học Pháp - Việt và Việt - Pháp dùng trong các trường song ngữ tại Việt Nam (cấp Bộ) - tham gia.
Sách đã xuất bản:
Giáo trình Đại học - Nxb Đại học Quốc gia.
Sách tham khảo bậc Đại học - Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
Từ điển toán học Pháp - Việt và Việt - Pháp - Nxb Giáo dục.
Sách tham khảo về toán bậc PTTH
Nhiều bài đăng trên các báo, tạp chí trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học. Tạo điều kiện cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và xem đây là cách tốt nhất để xây dựng lực lượng khoa học kế thừa. Đưa các thành tựu công nghệ thông tin vào hoạt động dạy và học toán ở trường trung học và đại học.



NGUYỄN THƠ CÁC

Tiến sĩ Địa lý

Sinh ngày: 18 - 10 - 1940.
Quê quán: Uyên Hưng - Tân Uyên - Bình Dương.
Chỗ ở hiện nay: 214/B2 Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Chuyên viên Cục Đo đạc Bản đồ Nhà nước.
Trưởng Ban biên tập Bản đồ địa lý, Cục Đo đạc Bản đồ.
Giám đốc Xí nghiệp Bản đồ.
Chuyên viên Trung tâm Viễn thám, Cục Đo đạc Bản đồ.
Viện trưởng Viện Nghiên cứu địa chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
Hội viên Hội Địa lý Việt Nam.
Hội Trắc địa - Bản đồ - Viễn thám Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1970.
Tại Đại học Tổng hợp Lômônôxốp Matxcơcva- Nga.
Ngành Khoa học Địa lý.

Đề tài luận án

Về điều tra cơ bản tổng hợp tự nhiên Việt Nam. Thí dụ trên dự án Tập bản đồ quốc gia Việt Nam.

Nội dung

Xuất phát từ quan điểm nghiên cứu tổng hợp lãnh thổ và đo vẽ bản đồ chuyên đề, lập dự án xây dựng Tập bản đồ quốc gia Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Atlas - *Việt Nam 30 năm đấu tranh và xây dựng* Cục Đo đạc bản đồ Việt Nam.
Atlas *Tài nguyên thiên nhiên và kinh tế - xã hội Việt Nam.* Ban phân vùng kinh tế Trung ương.
Atlas *Quốc gia Việt Nam* 1981 - 1985.
(Uỷ viên Ban chủ nhiệm Hội đồng Khoa học, Ban Biên tập, Tác giả của một số bản đồ.

Dự định khoa học

Biên soạn Atlas quốc gia điện tử Việt Nam.
Tham gia Atlas điện tử tỉnh Đồng Nai.

Lời Tiến sĩ

Đã làm người trí thức thì dù thời đại nào, sống ở đâu; suốt đời cần phải tự hỏi: Làm được gì cho đất nước và dân tộc mình.



VÕ TỬ CAN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 28 - 4 - 1954.
Quê quán: Xuân Lãnh - Đồng Xuân - Phú Yên.
Chỗ ở hiện nay: K17 - P106 - Tập thể Bách khoa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy, Trưởng bộ môn, Phó chủ nhiệm khoa Quản lý đất đai, Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Phó Viện trưởng kiêm Giám đốc Trung tâm Tài nguyên đất và Môi trường, Viện Điều tra Quy hoạch đất đai, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
Hội viên Hội Khoa học đất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Học viện Nông nghiệp Gorki-Bêlarutxia.
Ngành Khoa học kinh tế.
Chuyên ngành Quy hoạch và Quản lý đất đai.

Đề tài luận án

Nâng cao hiệu quả sử dụng và bảo vệ đất trong các xí nghiệp nông nghiệp.

Nội dung

Nghiên cứu những đặc trưng cơ bản về sử dụng và bảo vệ đất trong điều kiện đẩy mạnh thâm canh sản xuất nông nghiệp.

Điều chỉnh nội dung, nguyên tắc cơ bản về chu chuyển đất đai trên cơ sở các yêu cầu mới.
Xác định tiềm năng đất đai, hướng chu chuyển cho sản xuất nông nghiệp và các mục đích khác.
Đề xuất phương pháp luận chứng hướng và trình tự thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng và bảo vệ đất.
Hoàn thiện phương pháp tổ chức sử dụng đất nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả có tính đến các yêu cầu về môi trường.

Thành tựu khoa học

Biên soạn giáo trình:
Quy hoạch sử dụng đất đai.
Hướng dẫn nghiệp vụ về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai các cấp.
Hướng dẫn nghiệp vụ xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 1995 - 2000.
Phương pháp luận cơ bản của quy hoạch sử dụng đất đai. (Chương trình hợp tác Việt Nam - Thụy Điển về đổi mới hệ thống địa chính).
Nâng cao nghiệp vụ cán bộ địa chính huyện, xã (Chương trình hợp tác Việt Nam - Thụy Điển về đổi mới hệ thống địa chính).
Chủ trì và tham gia nhiều dự án quy hoạch sử dụng đất đai các cấp.
Đề tài nghiên cứu:
Tác động của một số chính sách đến việc sử dụng đất đai bảo vệ môi trường.
Nội dung, ký hiệu bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo lãnh thổ hành chính các cấp.
Dự báo chiến lược sử dụng tài nguyên đất ở Tây Nguyên.

Dự định khoa học

Nghiên cứu quy hoạch sử dụng quản lý đất đai và môi trường đất.



NGUYỄN TRUNG CANG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 5 - 5 - 1939.
Quê quán:
Tân Thuận Tây - Cao Lãnh - Đồng Tháp.
Chỗ ở hiện nay:
7 Trương Định - Cao Lãnh - Đồng Tháp.

Quá trình công tác

Tổ trưởng bộ môn - Đại học Thương nghiệp Hà Nội.

Phó Hiệu trưởng Trường Trung học Ăn uống công cộng thành phố Hồ Chí Minh.

Giám đốc Sở Nông nghiệp Đồng Tháp.

Giám đốc Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng tại chức tỉnh Đồng Tháp.

Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ - Môi trường Đồng Tháp.

Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp.

Ủy viên Ủy ban Khoa học và công nghệ Môi trường của Quốc hội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1973.

Tại Viện Nông nghiệp Đimitơrốp, Sôphia, Bungari.

Ngành Kinh tế nông nghiệp.

Đề tài luận án

Những vấn đề kinh tế và tổ chức sản xuất rau trong liên hợp sản xuất công nông nghiệp ở nước Cộng hoà nhân dân Bungari.

Nội dung

Nghiên cứu hiệu quả kinh tế ngành sản xuất rau của Bungari trong điều kiện liên hiệp công nông nghiệp, sản phẩm công nghiệp là sản phẩm cuối cùng, còn sản phẩm nông nghiệp là sản phẩm trung gian. Trước đây, hiệu quả kinh tế được tính riêng cho từng ngành.

Xác định mặt hàng và quy mô sản xuất để đạt được lợi nhuận tối đa.

Dùng phương pháp toán, xây dựng mô hình toán kinh tế để thực hiện mục tiêu nghiên cứu.

Đây là giá trị khoa học chủ yếu của luận án.



NGUYỄN TIẾN CẢNH

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 02 - 11 - 1938.
Quê quán: Dị Sử - Mỹ Hào - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 4A ngõ 190 Lê Lai - Hải Phòng.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Phụ trách bộ môn Thuỷ sinh vật Trạm Nghiên cứu cá biển, nay là Viện Nghiên cứu Hải sản.
Nghiên cứu sinh bậc I và bậc II tại Trường Đại học Nông nghiệp, Szczecin, Ba Lan.
Trưởng phòng Nghiên cứu môi trường, Viện Nghiên cứu Hải sản.
Hiện là cán bộ nghiên cứu theo Chỉ thị 668/Ttg.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972.
Tiến sĩ Khoa học năm 1989.
Tại Học viện Nông nghiệp, Szczecin, Ba Lan.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Thuỷ sinh vật trong lĩnh vực nghề cá.

Đề tài luận án

Xác định trữ lượng và khả năng khai thác cá biển Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu sinh vật phù du và sinh vật đáy.

Nội dung

Sinh khối động vật phù du trong cả khu biển (781.705 km^2) nghiên cứu từ 0m đến 200m có 4.008.505 tấn, riêng vùng thềm lục địa Việt Nam có 1.305.164 tấn, trong đó ở lớp nước 0-100m có 1.245.603 tấn.
Sinh khối động vật đáy cả khu biển (200m trở lại) có 1.282.384 tấn.
Năng suất sinh học của động vật phù du và động vật đáy trên thềm lục địa Việt Nam hàng năm là 57.737.669 tấn. Vịnh Bắc Bộ 24.596.672 tấn, Trung Bộ 9.850.482 tấn, Đông Nam Bộ 19.276.372 tấn, Tây Nam Bộ 4.014.134 tấn.
Năng suất sinh học tiềm tàng của cá vùng thềm lục địa Việt Nam là 5.322.916 tấn.
Trữ lượng cá trên thềm lục địa Việt Nam được xác định là 2.885.049 tấn.
Hàng năm được phép khai thác 532.292 tấn sẽ không gây tổn hại đến cân bằng sinh thái. Nếu tính cả diện tích biển được nghiên cứu, Việt Nam có thể đánh bắt 933.988 tấn cá.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Điều tra nguồn lợi cá nổi vùng biển Thuận Hải - Minh Hải (phó chủ nhiệm).
Nghiên cứu sinh vật phù du. Chương trình hợp tác Việt - Xô về điều tra nguồn lợi cá biển Việt Nam (phó chủ nhiệm).
Điều tra tổng hợp nguồn lợi sinh vật biển quần đảo Trường Sa (chủ nhiệm).
Dự án Việt Nam - Thái Lan hợp tác nghiên cứu, đánh giá và quản lý nguồn lợi vịnh Thái Lan (tham gia).
Công trình đã công bố:
Khối lượng sinh vật phù du và động vật đáy vịnh Bắc Bộ.
Phân bố mặt rộng của tảo Silic (Bacillariophyta) và chân mái chèo (Copepoda) trong những vùng sinh thái khác nhau ở biển Việt Nam.
Sinh vật phù du.
Sinh vật phù du và động vật đáy biển Việt Nam.
Distribution, Abundance and Species composition of phytoplankton in the Vietnamese seawaters.
Huân chương kháng chiến hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp phát triển nghề cá.
Giải thưởng Nhà nước (tập thể): Đánh giá nguồn lợi hải sản vùng biển Việt Nam.

Dự định khoa học

Thực hiện dự án đánh giá nguồn lợi sinh vật biển và hiện trạng môi trường vùng biển quần đảo Trường Sa.



ĐỖ MINH CAO

Sông Đào

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 10 - 2 - 1952.
Quê quán: Yên Lộc - Ý Yên - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: E1 - Tập thể Khoa học xã hội - Kim Mã Thượng - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Vôrônhét, Liên Xô cũ.
Cán bộ Ban Đông Nam Á, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam.
Viện Sử học, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia.
Nghiên cứu sinh tại Viện Phương Đông, Mátxcơva.
Cán bộ Trung tâm hoạt động Văn hoá Văn Miếu - Quốc Tử Giám.
Hiện là cán bộ Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.
Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin Văn hoá các dân tộc.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990.
Tại Viện Phương Đông, Mátxcơva Nga.

Đề tài luận án

Chính sách của Mỹ đối với Đông Dương thời kỳ cuối những năm 70 - đầu những năm 80.

Nội dung

Đông Dương trong chiến lược của Mỹ.
Chính sách của Mỹ đối với Đông Dương thời kỳ cuối những năm 70 và đầu những năm 80.
Đông Dương có vị trí chiến lược quan trọng. Mỹ coi Đông Dương là bàn đạp tiến vào Đông Nam Á, nhằm thực hiện mưu đồ toàn cầu của mìn, đặc biệt là Việt Nam. Mỹ đã bộc lộ âm mưu từ những năm 40-50, muốn thay chân Pháp làm chủ bán đảo giàu có này.
Đỉnh điểm cuộc can thiệp của Mỹ vào Đông Dương diễn ra vào những năm 70.
Mỹ đã bị thất bại nặng nề trước nhân dân Đông Dương, phải rút khỏi đây.

Thành tựu khoa học

Đã xuất bản 7 đầu sách (viết chung).
Gần 100 bài đăng trên các tạp chí khoa học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sử học, dân tộc học, văn hoá dân gian...



NGÔ ĐỨC CÁT

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 3 - 2 - 1942.

Quê quán: Đại Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh

Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học Kinh tế quốc dân - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân.

Cán bộ giảng dạy khoa Nông nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân.

Nghiên cứu sinh tại Bungari.

Chủ nhiệm bộ môn Tổ chức quản lý xí nghiệp nông nghiệp, Đại học Kinh tế Quốc dân.

Thực tập sinh cấp II tại Bungari.

Hiện là Phó giám đốc Trung tâm Phát triển nông thôn thuộc Đại học Kinh tế Quốc dân.

Hội viên Hội Kinh tế nông lâm nghiệp - Hội Kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1974

Tại Học viện Nông nghiệp G.Dimitrov - Sophia - Bungari.

Ngành Kinh tế nông nghiệp.

Đề tài luận án

Tổ chức sử dụng máy kéo, máy móc nông nghiệp trong nông nghiệp Bungari.

Nội dung

Vai trò của máy móc và những vấn đề lý luận cơ bản về quá trình cơ giới hoá nông nghiệp. Hiệu quả cơ giới hoá và việc sử dụng máy kéo, máy móc nông nghiệp trong các xí nghiệp nông nghiệp: nông trường quốc doanh, hợp tác xã, các liên hợp nông công nghiệp.

Tình hình, thực trạng quá trình cơ giới hoá trong nền nông nghiệp Bungari, việc sử dụng rộng rãi máy kéo và máy móc hoá trong các nông trường quốc doanh D3C và hợp tác xã nông nghiệp (TK3C), liên hợp nông - công nghiệp (APK).

Xây dựng phương án giải pháp nâng cao hiệu quả trang bị và sử dụng máy móc nông nghiệp trong nông nghiệp Bungari những năm 70 và đầu thập kỷ 80. Đặc biệt trong các TK3C và các liên hợp nông công nghiệp APK.

Thành tựu khoa học

Trên 20 giáo trình, tài liệu tham khảo (chủ biên - tham gia)

Nhiều bài viết đăng trên các báo, tạp chí và kỷ yếu khoa học.

12 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp tỉnh (tham gia, chủ nhiệm).

Hướng dẫn nghiên cứu sinh bảo vệ luận án thạc sĩ, tiến sĩ.

Huy chương chống Mỹ hạng nhì.

Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.

Được phong Phó giáo sư năm 1992.

Nhà giáo ưu tú năm 2000.

Lời Tiến sĩ

Đã tham gia đào tạo nhiều thế hệ sinh viên và nghiên cứu sinh, học sinh cao học, tôi mong muốn được tiếp tục làm tốt hơn công tác này. Tôi đã được đến nhiều vùng đất nước, thấy được sự đổi thay của đời sống nhân dân, sự tiến bộ của nông nghiệp nước nhà. Tôi mong muốn tham gia tổng kết đánh giá lại những thành tựu và những điều chưa đạt được trong sự phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân nước ta, đặc biệt là những tác động ảnh hưởng của chính sách đối với vấn đề đó...



VŨ NGỌC CÂN

Vũ Thanh Xuân

Tiến sĩ Ngôn ngữ học

Sinh ngày: 11 - 11 - 1949

Quê quán: Châu Sơn - Phủ Lý - Hà Nam.

Chỗ ở hiện nay: 6 ngõ 73 Chính Kinh - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội (phụ trách bộ môn tiếng Hung).

Cán bộ phòng Quản lý Khoa học Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.

Giảng viên môn Dẫn luận ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Lịch sử văn minh thế giới.

Chuyên gia giảng dạy tiếng Việt cho sinh viên Trung Quốc tại Trường Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh.

Hiện là chủ nhiệm bộ môn Ngữ văn Việt Nam Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.

Hội viên Hội Hung học quốc tế (NHT).

Hội ngôn ngữ học Việt Nam.

Hội Việt - Hung hữu nghị.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.

Tại Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.

Ngành Ngôn ngữ học

Chuyên ngành So sánh đối chiếu.

Đề tài luận án

Nghiên cứu so sánh đối chiếu trạng ngữ nơi chốn trong tiếng Hung và tiếng Việt.

Nội dung

So sánh đối chiếu ngữ pháp Hung - Việt, phục vụ trước hết và trực tiếp cho người Việt học tiếng Hung và người Hung học tiếng Việt.

Phát hiện những đặc thù về trạng ngữ chỉ nơi chốn trong tiếng Hung, tiếng Việt, những đồng nhất và khác biệt, những đặc điểm có tính phổ niệm, có ý nghĩa về mặt ngôn ngữ học đại cương.

Ngoài ra công trình có đóng góp về khoa học dịch thuật mà tác giả đã thể hiện, vận dụng trực tiếp trong các tác phẩm dịch thuật của mình.

Thành tựu khoa học

Dẫn luận ngôn ngữ học (tham gia).

Giáo trình tiếng Hung cho người Việt Nam (tham gia).

Sách đã xuất bản

Đồng tác giả:

Nhập môn ngôn ngữ học.

Nxb Giáo dục - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.

Lịch sử văn minh thế giới.

Nxb Giáo dục - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.

Hội thoại Hung - Việt.

Nxb Tankonyv (SGK) Budapet

Nhiều bài nghiên cứu khoa học đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.

Dịch nhiều truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ Hungari sang tiếng Việt và tiếng Việt sang tiếng Hung.



ĐẶNG NGỌC CẦN

Đặng Đình Ngọc

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 7 - 11 - 1952.
Quê quán: Yên Tân - Ý Yên - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: A1 Tập thể Viện Khoa học Việt Nam - ngõ 106 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Sinh vật, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ nghiên cứu khoa học Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Hải sản, Hải Phòng.
Cán bộ nghiên cứu khoa học Viện Sinh vật học và Trung tâm Sinh thái - Tài nguyên Sinh vật - Viện Khoa học Việt Nam.
Thực tập sinh tại Viện Hình thái tiến hoá và Sinh thái Động vật Mátxcơva Liên xô cũ.
Hiện công tác tại Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật - Trung tâm Khoa học Tự nhiên Công nghệ Quốc gia.
Hội viên Hội Động vật học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Trung tâm Khoa học Tự nhiên Công nghệ Quốc gia, Hà Nội.
Ngành Sinh vật học
Chuyên ngành Động vật học.

Đề tài luận án

Cơ sở sinh học, sinh thái học của một số biện pháp nuôi hươu sao ở Việt Nam.

Nội dung

Hươu sao là loài động vật có giá trị kinh tế đã được đưa vào sách đỏ Việt Nam. Luận án nghiên cứu tương đối hoàn chỉnh về đặc điểm sinh học, sinh thái học của hươu sao trong điều kiện nuôi, đặc biệt đã bổ sung và cung cấp những dẫn liệu về hình thái, nhung, thức ăn ưa thích, nhu cầu dinh dưỡng, khẩu phần ăn, sự sinh sản, tập tính hoạt động, tập tính ăn, tập tính động dục, tập tính sinh sản và nuôi con.
Những kết quả của luận án phục vụ giảng dạy, học tập và xây dựng các phương pháp kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm phục hồi, bảo vệ, khai thác hợp lý đáp ứng nhu cầu sử dụng nhung và các sản phẩm khác từ hươu trên thị trường.

Thành tựu khoa học

Tham gia một số chương trình nghiên cứu quốc gia:
Xây dựng cơ sở khoa học cho việc sử dụng hợp lý tài nguyên động vật của hệ sinh thái rừng thường xanh nhiệt đới.
Bảo vệ phát triển hợp lý đa dạng sinh học Việt Nam.
Điều tra hậu quả chiến tranh hoá học của Mỹ ở Việt Nam.
Phát triển chăn nuôi động vật hoang dại ở Tây Nguyên và các tỉnh miền Bắc Việt Nam.
Nhận nuôi bảo vệ, phục hồi và phát triển một số loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng và giá trị kinh tế cao.
Sách đã xuất bản:
Nuôi hươu sao ở Việt Nam
Tác giả, đồng tác giả của hơn 30 công trình khoa học đăng trên các tạp chí khoa học, tuyển tập các công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sinh học, sinh thái một số loài động vật hoang dại quý hiếm ở Việt Nam.
Nghiên cứu khu hệ và đa dạng sinh vật của các loài thú hoang dại ở Việt Nam.



LÊ HỮU CẦN

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 17 - 8 - 1954.
Quê quán: Thiệu Duy - Thiệu Hoá - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 21 - Tân An 1 - Ngọc Trạo - thành phố Thanh Hoá.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học.
Giảng dạy và làm quản lý tại Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh.
Giảng dạy và quản lý tại Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật Thanh Hoá.
Học Cao học tại Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam.
Trưởng khoa Nông - Lâm nghiệp Trường Đại học Hồng Đức.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998.
Tại Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam.
Ngành Nông nghiệp.
Chuyên ngành trồng trọt.

Đề tài luận án

Cơ sở khoa học của sự hình thành hệ thống cây trồng mới ở các huyện vùng ven biển tỉnh Thanh Hoá.

Nội dung

Nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của vùng. Phát hiện những ưu điểm và hạn chế của các điều kiện đến hệ thống cây trồng.
Nghiên cứu hệ thống cây trồng hiện có trên các loại đất chính của vùng. Qua đó đề xuất giải pháp kỹ thuật cần tác động để tạo ra năng suất cao và ổn định. Đưa ra phương án cây công nghiệp là thế mạnh của vùng để phục vụ Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá. Xác định bộ giống tốt thích hợp với điều kiện sinh thái của vùng.
Thử nghiệm, áp dụng các công thức luân canh cây trồng và hệ thống canh tác mới vào sản xuất góp phần hoàn thiện cơ cấu cây trồng của vùng.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Mô hình VAC ở Thanh Hoá.
Xác định cơ cấu cây trồng hợp lý ở Tĩnh Gia, Thanh Hoá.
Ảnh hưởng của điều kiện khí hậu đối với cây trồng vùng biển Thanh Hoá.
Vai trò vụ lúa hè thu trong cơ cấu mùa vụ ở các huyện vùng biển Thanh Hoá.
Thực trạng sản xuất và tiềm năng phát triển cây lạc ở các huyện vùng biển Thanh Hoá.
Vai trò của cây vừng trong cơ cấu cây trồng ở các huyện vùng biển Thanh Hoá.
Nghiên cứu ứng dụng chế phẩm vi sinh diệt chuột trên đồng ruộng.
Nghiên cứu cơ sở khoa học của các mô hình nông lâm kết hợp trên đất gò đồi huyện Hà Trung Thanh Hoá.
Điều tra hiện trạng hệ sinh thái và môi trường, bảo vệ, phát triển vườn cò Tiến Nông, Triệu Sơn, Thanh Hoá.

Dự định khoa học

Nghiên cứu xác định cơ cấu cây trồng hợp lý có hệ thống cho các vùng khó khăn của Thanh Hoá.
Xây dựng nền sản xuất nông lâm nghiệp phát triển bền vững theo hướng sản xuất hàng hoá.



LƯƠNG SỸ CẦN

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 09 - 12 - 1928.

Quê quán: Bùi Xá - Đức Thọ - Hà Tĩnh.

Chỗ ở hiện nay: 101 Tập thể Y tế - dốc Thọ Lão - Lò Đúc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.

Bác sỹ khoa Tai Mũi Họng, Bệnh viện Bạch Mai.

Viện trưởng Viện Tai Mũi Họng.

Chủ tịch Hội Tai Mũi Họng Việt Nam.

Hiện là cán bộ nghiên cứu, Uỷ viên Ban chấp hành Tổng hội Y dược Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972.

Tại Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.

Ngành Y.

Chuyên ngành Tai Mũi Họng.

Đề tài luận án

Chẩn đoán bệnh xốp xơ, quá trình viêm dính và dị dạng nhỏ của tai giữa. Đánh giá vấn đề đo kháng trở bằng cầu điện - âm học.

Nội dung

Chẩn đoán bệnh xốp xơ, quá trình viêm dính và dị dạng nhỏ của tai giữa dựa vào tiền sử, thăm khám lâm sàng... Tuy nhiên không ít trường hợp cần dựa vào các xét nghiệm cận lâm sàng như đo trở kháng tai. Một số tác giả chủ trương đo trở kháng tuyệt đối và tương đối. Đo trở kháng tuyệt đối không giúp ích cho chẩn đoán. Trái lại, đo trở kháng tương đối tức là đo nhĩ lượng và đo phản xạ cơ bàn đạp có ích lợi thiết thực. Nhĩ đồ với các hình chóp loe, đỉnh ở vùng áp lực - 50 + 50mmH_2O gặp trong các trường hợp tai bình thường và bệnh xốp xơ; đỉnh xê dịch sang trái, hình đồi, chỏm ở vùng áp lực (-) hoặc hình thẳng chếch lên phía trái gặp trong các quá trình xơ dính; nhĩ đồ nhiều đỉnh, thất thường có thể gặp trong các dị dạng nhỏ tai giữa. Phản xạ cơ bàn đạp giúp chẩn đoán điếc giả vờ, điếc có hồi thính và có thể xác định vị trí tổn thương dây thần kinh VII khi bị liệt mặt.

Thành tựu khoa học

Công trình nghiên cứu đã công bố.

Trên 50 tư liệu đã công bố về các chuyên đề:

Thính học bệnh lý tai và xương chũm,

Điếc và phẫu thuật điếc,

Bệnh lý dây thần kinh mặt,

Tiền đình học,

Thanh khí phế quản thực quản,

Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính.

Bằng lao động sáng tạo.

Huân chương Kháng chiến hạng nhì

Thầy thuốc ưu tú

Được phong Giáo sư năm 1991.

Dự định khoa học

Hướng dẫn nghiên cứu sinh và chấm luận án tiến sĩ, thạc sĩ.

Tham gia Hội đồng Dược thư quốc gia.

Viết sách, báo khoa học.



PHAN VĨNH CẨN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 20 - 11 - 1945.
Quê quán: Cầu Giấy - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 74 Liên Cơ - Quan Hoa - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Xây dựng Kiép - Ucraina.
Kỹ sư, Chủ nhiệm dự án, Viện thiết kế công trình kỹ thuật thành phố - Bộ Xây dựng.
Trưởng đoàn khảo sát công trình kỹ thuật thành phố tại Lào.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden Đức.
Công tác tại Công ty Xây dựng cấp thoát nước Bộ Xây dựng.
Phó giám đốc công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp khảo sát thiết kế cấp thoát nước và môi trường.
Tham gia đoàn chuyên gia Đan Mạch về chiến lược cấp nước và vệ sinh nông thôn Việt Nam.
Hiện là Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng - Bộ Xây dựng.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Cấp thoát nước Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden Cộng hoà Dân chủ Đức cũ.
Chuyên ngành Cấp thoát nước và môi trường.

Đề tài luận án

Tối ưu hoá hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước đô thị.

Nội dung

Mạng lưới đường ống cấp nước thành phố chiếm tỷ trọng từ 50-60% tổng kinh phí toàn hệ thống nên vấn đề: quy hoạch, bố trí các tuyến đường ống có tính toán phân phối lưu lượng trong mạng với tiêu chí "đường đi ngắn nhất" mang ý nghĩa quan trọng, quyết định đối với kinh phí đầu tư của hệ thống. Việc phân bố lưu lượng gắn liền với việc lựa chọn đường kính ống trong mạng lưới là nội dung chính của việc tính toán thuỷ lực mạng lưới và chứa đựng ý nghĩa kinh tế, trong điều kiện có tính đến các yếu tố giá thành, khấu hao, tuổi thọ, và các điều kiện khác: như sự gia tăng về nhu cầu dùng nước và giá điện năng... Trong quá trình lựa chọn đường kính tối ưu của mạng lưới đường ống, việc xác định tốc độ kinh tế và áp dụng các tốc độ đó, trong các tính toán sơ bộ phục vụ "tối ưu hoá mạng lưới đường ống" có ý nghĩa thực tiễn to lớn, làm đơn giản hoá quá trình toán thuỷ lực mạng lưới.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm dự án thiết kế các công trình cấp nước lớn đã được xây dựng:
Hệ thống cấp nước sông Diễn Vọng, Quảng Ninh.
Hệ thống cấp nước khu vực Nakay (Lào).
Hệ thống cấp nước thị xã Bắc Ninh, Hà Tĩnh (hợp tác và viện trợ của Australia).
Hệ thống cấp nước thị xã Điện Biên Phủ, Lào Cai, Hoà Bình, Cao Bằng (hợp tác và viện trợ của Chính phủ Pháp).
Hệ thống xử lý nước thải nhà máy Cao su Phú Riềng (Đồng Nai).
Hệ thống xử lý rác và chế biến phân compost cho thành phố Nam Định (hợp tác và viện trợ của Chính phủ Pháp).
Nghiên cứu khử sắt và Măng gan hàm lượng lớn có trong nước ngầm (chủ trì).
Khôi phục và cải tạo các giếng khoan nước ngầm bằng phương pháp nổ mìn (chủ nhiệm).
Nghiên cứu áp dụng chất xúc tác Ferosel để khử sắt hàm lương cao trong nước ngầm ở Bắc Ninh (chủ trì).
Nghiên cứu thi công cấp thoát nước với công nghệ - thiết bị mới cho năm 2000 và những năm tiếp theo (chủ trì).
Chống suy thoái giếng khoan khai thác nước ngầm ở Hà Nội (tham gia).
Tham gia đề tài và đánh giá nghiệm thu nhiều công trình cấp thoát nước và môi trường khác.
Tham gia giảng dạy chuyên đề và hướng dẫn nghiên cứu sinh, tiến sĩ, thạc sĩ tại các Trường Đại học Xây dựng, Đại học Kiến trúc Hà Nội.

Dự định khoa học

Tham gia đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường.
Viết sách về tối ưu hoá áp dụng trong ngành nước.

Lời Tiến sĩ

Để cho cấp thoát nước và môi trường trở thành một ngành kinh tế kỹ thuật phát triển. Cần có một cơ quan chuyên trách ở trung ương để quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp thoát nước và môi trường. Đồng thời xây dựng mạng lưới các cơ quan nghiên cứu đầu ngành về tư vấn khảo sát, khoa học công nghệ, quy phạm tiêu chuẩn, thiết bị vật liệu... phục vụ chuyên ngành này, có sự quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương.



NGUYỄN TRẦN CẦU

Tiến sĩ Địa lý

Sinh ngày: 8 - 1 - 1940.
Quê quán: Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 1 Lê Phụng Hiểu - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học, công tác tại bộ phận nghiên cứu Ban Sinh vật - Địa học thuộc Uỷ ban Khoa học Nhà nước (nay là Bộ Khoa học - Công nghệ).
Cán bộ nghiên cứu Phòng Địa lý - Viện Khoa học Tự nhiên Uỷ ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước.
Công tác đặc biệt ở chiến trường B2.
Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Địa lý và Bản đồ Viện Khoa học Việt Nam.
Phó Giám đốc Trung tâm Địa lý - Tài nguyên Viện Khoa học Việt Nam.
Phó Viện trưởng Viện Địa lý - Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.
Hiện là Nghiên cứu viên cao cấp Viện Địa lý - Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.
Tổng thư ký Hội Địa lý Việt Nam.
Hội viên Hội Địa lý Quốc gia - Mỹ.
Uỷ viên Ban chấp hành Trung ương Hội Trắc địa, bản đồ và Viễn thám Việt Nam.
Hội viên Hội Bản đồ Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985
Tại Viện Địa lý thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô cũ.
Ngành Địa lý
Chuyên ngành Địa lý Kinh tế và Xã hội.

Đề tài luận án

Bảo đảm bản đồ cho công tác quy hoạch lãnh thổ trong thời kỳ xây dựng XHCN hiện nay ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nội dung

Nêu những khái niệm, quan điểm về bản đồ và phương pháp bản đồ trong nghiên cứu quy hoạch lãnh thổ. Xác định một hệ thống các thể loại bản đồ trong nghiên cứu quy hoạch lãnh thổ và thể loại bản đồ chuyên đề cần thiết cho công tác nghiên cứu quy hoạch lãnh thổ cùng với những yêu cầu về cấu trúc nội dung của chúng như: tập bản đồ Quốc gia, tập bản đồ tổng hợp khu vực (địa phương), tập bản đồ chuyên đề, các nhóm (Series) bản đồ chuyên đề, chuyên ngành phục vụ quy hoạch lãnh thổ. Luận án tập trung đến các thể loại bản đồ đánh giá tài nguyên, dự báo sự biến động tài nguyên và sự phát triển kinh tế - xã hội. Hướng nghiên cứu được chú trọng trình bày là khả năng, tính ưu việt của việc áp dụng máy tính điện tử trong tự động xử lý tài liệu, số liệu, thành lập các bản đồ kinh tế - xã hội, dân cư theo các yêu cầu của công tác quy hoạch lãnh thổ. Những kết quả thử nghiệm được thể hiện trong serie bản đồ phân tích vận trù về các lĩnh vực dân cư - dân số. Luận án nêu lên 5 kết luận về những kết quả đạt được, những đóng góp mới, những tồn tại cần tiếp tục nghiên cứu, phát triển.

Thành tựu khoa học

Bản đồ dân số và dân tộc miền Bắc Việt Nam, tỷ lệ 1/500.000 (đồng tác giả).
Tập bản đồ Nam Đông Dương, (uỷ viên ban chủ nhiệm).
Bản đồ Sơn văn Việt Nam, (chủ biên).
Đề cương Tập bản đồ Quốc gia Việt Nam (đồng tác giả).
Tập bản đồ tỉnh Lai Châu (tham gia).
Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Atlas Quốc gia (tổng thư ký khoa học của chương trình, uỷ viên hội đồng biên tập).
Xây dựng và sử dụng một cơ sở dữ liệu địa lý để quản lý đất đai và môi trường, áp dụng cho các tỉnh vùng núi Việt Nam (phó chủ nhiệm).
Sách đã xuất bản:
Bản đồ học - (đồng tác giả). Nxb Giáo dục.
Nhiều bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước.
Tham gia giảng dạy chuyên đề cho học viên cao học và hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện luận án tiến sĩ.
Tham gia Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ, thạc sĩ của các trường đại học, viện nghiên cứu...
Tham gia Hội đồng đánh giá nghiệm thu và phản biện các chương trình, đề tài nghiên cứu trọng điểm Nhà nước.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học bản đồ, về địa lý - đặc biệt về ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu địa lý.
Nghiên cứu lý luận bản đồ học hiện đại.
Tham gia đào tạo nghiên cứu sinh và viết sách về địa lý và bản đồ.



PHAN ĐĂNG CẦU

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 6 - 1 - 1951.
Quê quán: Yên Thành - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 49 Vạn Bảo - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Viện Công nghệ - Thông tin, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.
Hiện là giảng viên khoa Công nghệ Thông tin, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
Thành viên Hội Toán học.
Hội Tin học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Viện Tự động hoá và Điều khiển học, Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.
Chuyên ngành Toán ứng dụng.

Đề tài luận án

Giải chập tín hiệu số và ứng dụng vật lý.

Nội dung

Trên cơ sở nghiên cứu mô hình giải chập dự báo của giáo sư Enders Robinson (Mỹ), được ứng dụng trong thăm dò dầu khí, tác giả đưa ra một mô hình toán học mới với tên gọi "quá trình tựa dừng", đã khảo sát quá trình này và đưa ra các kết quả mới về tính ước lượng được, tốc độ hội tụ, phân bố tiệm cận.

Thành tựu khoa học

Nhiều kết quả nghiên cứu về giải chập tín hiệu số được công bố trên tạp chí trong nước và quốc tế, các hội nghị toán học toàn quốc.
Tham gia một số đề tài cấp quốc gia và cấp cơ sở về các phương pháp số, thống kê trong xử lý thông tin và phần mềm toán học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu "Cấu trúc dữ liệu và giải thuật", "Phương pháp số", "Các phương pháp xử lý số liệu thống kê" để ứng dụng vào ngành bưu chính viễn thông.



NGUYỄN CHÁNH

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 10 - 11 - 1941.
Quê quán: Nam Trung - Nam Đàn - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 5 ngõ 814 Láng Thượng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Đại tá, Phó Giáo sư.
Chủ nhiệm khoa Ngoại dã chiến, Học viện Quân y.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Học viện Quân y.
Ngành Y Dược.

Đề tài luận án

Nghiên cứu điều trị ngoại khoa bệnh loét mạn tính bờ cong nhỏ dạ dày bằng phẫu thuật cắt đoạn dạ dày giữ lại môn vị.

Nội dung

Phẫu thuật điều trị bệnh loét mạn tính bờ cong nhỏ đương thời là cắt đoạn dạ dày theo phương pháp Billroth I và II.
Gần đây đã có những thay đổi sáng tạo về phẫu thuật dạ dày, vẫn có thể giữ lại dạ dày gần như nguyên vẹn về chức năng lẫn thể hình, trong đó phải kể đến phương pháp cắt bán phần dạ dày - giữ lại môn vị.
Bằng những cải tiến qua vận dụng kỹ thuật cắt dây thần kinh X siêu chọn lọc, không gây tổn thương nhánh thần kinh Latarjet và các mạch máu tuỷ hành nuôi dưỡng vùng môn vị - tá tràng, nhằm đảm bảo chức năng và giải phẫu dạ dày.
Tại Bệnh viện 103 đã tiến hành mổ 60 bệnh nhân (1987 - 1995) với kết quả xa từ 2-5 năm đạt tỉ lệ rất tốt 52-29%, tốt 40-74%m, trung bình 6,35%, không có trường hợp xấu.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Đa chấn thương.
Chạm thương và vết thương bụng.
Một số vấn đề ngoại khoa trong y học quân sự.
Huân chương Chiến công hạng nhất.
Huân chương Kháng chiến hạng ba.
Huân chương Giải phóng.



ĐÀO NGỌC CHÂN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 10 - 02 - 1940
Quê quán: Xuân Lũng - Lâm Thao - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: 136/29 phố Hải Phòng - thành phố Đà Nẵng.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Tổ trưởng bộ môn Kỹ thuật Nhiệt.
Chủ nhiệm khoa Điện, khoa Năng lượng.
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng.
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Đà Nẵng.
Hiện là giảng viên Trường Đại học Kỹ thuật Đà Nẵng.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Khoa học kỹ thuật Nhiệt Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972.
Tại Trường Đại học Bách khoa Praha, Tiệp Khắc cũ.
Ngành Chế tạo máy và thiết bị năng lượng.
Chuyên ngành Lò hơi và thiết bị nhiệt.

Đề tài luận án

Những đóng góp để giải thích các quy luật nghiền vật liệu trong máy nghiền bi và ứng dụng để chuẩn bị nhiên liệu trong nhà máy nhiệt điện.

Nội dung

Tổng quan lý thuyết quá trình nghiền vật liệu trong máy nghiền bi. Mô tả thống kê quá trình nghiền, mô tả toán học bao gồm: phương trình nghiền, xác suất va đập và nghiền nát vật liệu do bi gây ra. Rút ra những yếu tố ảnh hưởng đến năng suất máy nghiền, hiệu quả nghiền và suất tiêu thụ điện năng.

Trong phần thực nghiệm đã xây dựng mô hình thiết bị và tiến hành nghiền nhiều mẫu than để xác định ảnh hưởng số vòng quay của máy nghiền, kích thước viên bi và hạt vật liệu được nghiền, khối lượng vật liệu trong máy nghiền, độ ẩm vật liệu, thời gian nghiền năng suất máy nghiền, độ mịn vật liệu sau khi nghiền và suất tiêu thụ điện năng.

Đưa ra các điều kiện tối ưu khi thiết kế máy nghiền bi mới và các biện pháp trong vận hành.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài cấp Bộ:

Tính nhiệt lò hơi nhà máy Nhiệt điện Uông Bí để tiến hành cải tạo buồng đốt có thể đốt than xấu hơn.

Nghiên cứu và triển khai ứng dụng thực tế Biogas ở các tỉnh miền Trung.

Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các kiểu lò hơi nhỏ và thiết bị đốt nhiên liệu địa phương.

Nghiên cứu công nghệ đốt than xấu trong buồng đốt tầng sôi của lò hơi công suất lớn.

Gần 40 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành.

Bằng Lao động sáng tạo.

Được phong Phó Giáo sư năm 1984.

Nhà giáo ưu tú năm 1990.

Dự định khoa học

Nghiên cứu công nghệ và thiết bị đốt than xấu của Việt Nam trong buồng lửa tầng sôi ở lò hơi công suất lớn đặt trong các nhà máy nhiệt điện.



HOÀNG MINH CHÂU

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 28 - 10 - 1941
Quê quán: Dưỡng Phú - Kim Động - Hưng Yên
Chỗ ở hiện nay: 57 Phan Chu Trinh - Q. Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Dược Hà Nội.
Giám đốc Trung tâm Khoa học Công nghệ Dược Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Công nghiệp Dược Đại học Y Dược, thành phố Hồ Chí Minh.
Thành viên Hội Dược học thành phố Hồ Chí Minh.
Được phong Phó Giáo sư năm 1992.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1971.
Tại Viện Hoá Hữu cơ và Sinh hoá, Viện Hàn lâm Khoa học Tiệp Khắc cũ.
Ngành Hoá.
Chuyên ngành Hoá hữu cơ.

Đề tài luận án

Những hàm chất của một số Jatrovek (có thể hiểu là nghiên cứu chiết xuất một số cây Jatrovky Tiệp Khắc).

Nội dung

Nghiên cứu chiết xuất những hợp chất của một số cây Jatrovky (Hepaticae) tại Tiệp Khắc. Thăm dò sàng lọc từ nhiều cây, đi sâu nghiên cứu 3 cây: Gymnocolea inflata (Huds) Dum. Pellia fabbroniana Raddi và Mylia taylorii (Hook) Gray. Thuộc lớp Hepaticae. Từ hàng trăm phân đoạn chiết xuất, thu được kết quả đáng khích lệ bao gồm những nhóm HC: Carbuahydro, hỗn hợp của các ester, Hydroxyaldehyd lỏng, Alcol sesquiterpenic-Myliol và β - Sitosterol. Trong đó nhóm Alcol sesquiterpenic - Myliol có nhiều triển vọng. Tạo ra một số chất có liên quan tác dụng sinh học. Đã sử dụng những phương pháp sắc ký khí, phổ hồng ngoại, tử ngoại, cộng hưởng từ hạt nhân, khối phổ,... kết hợp các phản ứng hoá học nhằm xác định chứng minh cấu trúc và tạo các chất mới.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài: Canhkina (cấp Nhà nước).
Thiết kế công nghệ Xí nghiệp Dược phẩm Hà Nội (cấp Bộ).
Đồng chủ nhiệm: Nghiên cứu kỹ thuật bào chế và tính khả dụng sinh học của các vi nang tác dụng kéo dài với các hoạt chất kháng viêm và kháng Histamin... (cấp Bộ).
Một số đề tài cấp cơ sở:
Bước đầu khảo sát công nghệ thuốc dán,
Chuyển dạng (tân dược) một số bài thuốc cổ truyền dân tộc.

Dự định khoa học

Nghiên cứu nâng cao chất lượng thuốc.
Hiện đại hoá y học cổ truyền.
Nghiên cứu mỹ phẩm, thực phẩm thuốc.



LÊ THỊ CHÂU

Tiến sĩ Luật học

Sinh ngày: 30-3-1959
Quê quán: Thị trấn Vạn Hà - huyện Thiệu Hoá - Thanh Hoá
Chỗ ở hiện nay: 93 ngõ 167 Tây Sơn - Đống Đa - Hà Nội

Quá trình công tác

Tốt nghiệp trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Hiện là giảng viên chính Trường Đại học Công đoàn Việt Nam.
Luật sư Đoàn luật sư Bắc Ninh.
Hội viên Hội Luật gia Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2001
Tại Trường Đại học Luật Hà Nội.
Chuyên ngành Luật học.

Đề tài luận án

Xác lập, thực hiện và chấm dứt quyền sở hữu tài sản của công ty đối vốn.

Nội dung

Ở Việt Nam, khi nền kinh tế chuyển sang kinh tế thị trường, công ty là mô hình doanh nghiệp mới mử được thừa nhận trên cơ sở pháp lý là Luật Công ty. Tuy ra đời muộn nhưng mô hình doanh nghiệp này đã và đang khẳng định vị trí, vai trò của nó nhằm đáp ứng những đòi hỏi của sự phát triển kinh tế xã hội hiện nay.
Việc nghiên cứu và lý giải những vấn đề liên quan đến địa vị pháp lý của công ty là nhu cầu đặt ra cho các ngành khoa học, trong đó có khoa học pháp lý. Đề tài đã làm rõ vai trò của pháp luật trong việc điều chỉnh các quan hệ liên kết, bùn vốn theo mô hình công ty. Đánh giá thực trạng pháp luật, phương hướng và giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về quyền sở hữu và thiết lập một hệ thống các hình thức pháp lý thích hợp về các quan hệ trong nội bộ công ty, giữa công ty với bên thứ ba... về các giao dịch tài sản.
Luận án đã góp phần nâng cao ý thức pháp luật trong hoạt động kinh doanh ở nước ta hiện nay.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản
Quyền sở hữu tài sản của công ty. Nxb Lao động.
Tìm hiểu pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh - Nxb Lao động (đồng tác giả).
Địa vị pháp lý của lao động nữ theo Luật Lao động - Nxb Lao động (đồng tác giả).
Giáo trình Luật kinh tế, Nxb Đại học quốc gia (đồng tác giả).
Xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền sở hữu tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần ở Việt Nam - Nxb Lao động.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về địa vị pháp lý của tổ chức công đoàn Việt Nam.



NGÔ QUÝ CHÂU

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 22 - 6 - 1960.
Quê quán: Phố Mỹ Độ - thị xã Bắc Giang.
Chỗ ở hiện nay: 21 Phó Đức Chính - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên bộ môn Nội Tổng hợp - Trường Đại học Y Hà Nội.
Hội viên Hội Lao - Bệnh phổi Việt Nam.
Hội Hen, Dị ứng miễn dịch lâm sàng Việt Nam.
Hội Nội khoa Việt Nam.
Hội Phổi học Pháp - Việt.
Hội Phổi học các nước nói tiếng Pháp.
Hiệp Hội quốc tế nghiên cứu ung thư phổi.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Bệnh học nội khoa.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu giá trị chẩn đoán ung thư phổi của sinh thiết phổi hút kim nhỏ qua thành ngực.

Nội dung

Nghiên cứu tiến cứu nhằm tìm hiểu giá trị của sinh thiết phổi hút kim nhỏ (STPHKN) trong chẩn đoán ung thư phổi. Đánh giá kỹ thuật để có thể STPHKN trúng những tổn thương có kích thước nhỏ. Chúng tôi tiến hành 120 lần STPHKN với kim cỡ 21G trên 102 bệnh nhân (BN). Trong số 86 BN bị ung thư phổi, soi phế quản ống cứng (SPQ) được làm ở 58 BN , xét nghiệm tế bào đờm được làm ở 54 BN . STPHKN có độ nhậy cao (87,4% đối với lần thứ nhất), xác định được đúng loại tế bào ở 76,7% các trường hợp ung thư phổi. Xét nghiệm tế bào đờm có tế bào ung thư ở 15 BN (22,7%). Sinh thiết tổn thương trong SPQ thấy có tổ chức ung thư ở 12/52 BN. Ở 9 BN với đường kính tổn thương nhỏ hơn 4cm, kỹ thuật dùng hai thước nhôm cắt khía cách nhau 5mm gắn lên thành ngực rồi chụp phim phổi kiểm tra để xác định vị trí và chiều sâu cần chọc kim có kết quả tốt.

Thành tựu khoa học

Các công trình nghiên cứu đã công bố:
Kỹ thuật đặt Catheter qua màng nhẫn giáp cải tiến - Giá trị chẩn đoán. Y học thực hành (đồng tác giả).
Giá trị của sinh thiết phổi hút kim nhỏ (tác giả).
Đồng tác giả:
Nhân một trường hợp bệnh nhân Sarcoidosis (Besnier - Boeck - Schaumann).
Kỹ thuật sinh thiết màng phổi bằng kim cải tiến.
Kỹ thuật sinh thiết phổi qua thành ngực bằng kim nhỏ.
Sinh thiết phổi hút kim nhỏ qua thành ngực, soi phế quản và tế bào học ở đờm trong chẩn đoán ung thư phổi.
Nhân một trường hợp nấm phổi điều trị có kết quả bằng Amphotericine.
Nhân một trường hợp u quái trung thất lành tính vỡ vào màng tim.
Tác giả:
Nhân một trường hợp tràn dưỡng chấp màng phổi do huyết khối tĩnh mạch cảnh trong và tĩnh mạch cảnh dưới đòn trái trên bệnh nhân ung thư dạ dày.
Nhân một trường hợp viêm phổi - tiểu phế quản bít tắc tổ chức hoá. Hội nghị khoa học về lao và bệnh phổi thành phố. Hồ Chí Minh.
Nhân hai trường hợp bệnh Sarcoidosis.
Nhiều công trình nghiên cứu đã công bố ở nước ngoài.
Nhiều giải thưởng cấp trường và cấp thành phố.

Dự định khoa học

Nghiên cứu vận dụng những kỹ thuật hiện đại vào chẩn đoán, điều trị ung thư phổi.
Và dự phòng các bệnh hô hấp, nhất là bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính (viêm phế quản mãn, giãn phế nang).



NGUYỄN NGỌC CHÂU

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 27 - 8 - 1954.
Quê quán: Hà Châu - Hà Trung - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 49 Quán Thánh - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Hiện là Trưởng phòng nghiên cứu Tuyến trùng học, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Ký sinh trùng học Việt Nam.
Thành viên Hội Tuyến trùng học châu Âu (ESN).
Hội Tuyến trùng học Mỹ (SON)
Hội Tuyến trùng học Á - Phi (AASN).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987
Tại Viện Sinh học, Viện Khoa học Việt Nam (nay là Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia).
Chuyên ngành Sinh học.

Đề tài luận án

Giun tròn ký sinh cây lúa miền Bắc Việt Nam.

Nội dung

Công trình nghiên cứu đã xác định 65 loài tuyến trùng ký sinh trên cây lúa ở các tỉnh miền Bắc Việt Nam. Các loài tuyến trùng ký sinh chủ yếu thuộc các giống Hirschmanniella, Helicotylenchus, Tylenchorhynchus, Pratylenchus, Criconemella, Scutellonema và Xiphinema, trong đó đã mô tả 6 loài tuyến trùng mới cho khoa học. Các loài tuyến trùng ký sinh giống Hirschmanniella ký sinh phổ biến tại các vùng lúa nước và gây bệnh thối rễ lúa, đây là nhóm ký sinh quan trọng nhất ở cây lúa các tỉnh miền Bắc Việt Nam. Bước đầu đã nghiên cứu sinh học phát triển của nhóm tuyến trùng Hirschmanniella trong điều kiện đồng ruộng Việt Nam và đề xuất các giải pháp canh tác đơn giản: vệ sinh đồng ruộng, cày ải phơi đất, gieo thẳng và sử dụng các giống chống chịu nhằm hạn chế tác hại do nhóm tuyến trùng này gây ra.

Thành tựu khoa học

Tham gia và chủ trì 15 đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp tỉnh...
Một số công tình đã được ứng dụng:
Phòng trừ tổng hợp tuyến trùng gây bệnh sần rễ ở hồ tiêu.
Phòng trừ sinh học sâu hại nho bằng thuốc sinh học tuyến trùng.
Phương pháp cải tiến tách tuyến trùng từ đất và mô thực vật.
Đã công bố trên 70 công trình khoa học ở trong và ngoài nước.
Giải nhất Tuổi trẻ sáng tạo khoa học kỹ thuật 1981.

Dự định khoa học

Áp dụng các kỹ thuật sinh học phân tử cho phân loại tuyến trùng.
Nghiên cứu sử dụng nấm và vi khuẩn phòng trừ tuyến trùng ký sinh gây hại cho cây trồng.
Sử dụng tuyến trùng ký sinh gây bệnh côn trùng để phòng trừ sinh học sâu hại ở quy mô lớn.
Góp phần xây dựng ngành tuyến trùng học ở Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Đất nước nghèo là nỗi đau và sự hổ thẹn đối với các nhà khoa học chân chính.
Phẩm chất cao quý nhất của một nhà khoa học chân chính là trung thực và sáng tạo.



NGUYỄN THỊ DIỄM CHÂU

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 10 - 11 - 1943.
Quê quán: Mỹ Thọ - Cao Lãnh - Đồng Tháp.
Chỗ ở hiện nay: V10 cư xá Bắc Hải - Quận 10 - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Khoa học tài chính - Bộ Tài chính.
Nghiên cứu sinh Trường Kinh tế quốc dân Plekhanov Mátxcơva, Liên Xô cũ.
Phó Trưởng Khoa kế toán. Trưởng khoa Tài chính doanh nghiệp - Đại học Tài chính - Kế toán thành phố Hồ Chí Minh.
Phó Hiệu trưởng Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là trợ lý Hiệu trưởng Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh - Giảng viên.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1975.
Tại Trường Kinh tế quốc dân Plekhanôp Mátxcơva - Liên Xô cũ.
Ngành Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng.

Đề tài luận án

Phân phối lợi nhuận, các quỹ kích thích kinh tế trong công nghiệp Liên Xô và việc ứng dụng kinh nghiệm của Liên Xô vào Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu lý luận và thực tiễn trong việc hoàn thiện phân phối lợi nhuận. Hình thành, sử dụng quỹ khuyến khích kinh tế trong công nghiệp Liên Xô, điều kiện cải cách kinh tế để ứng dụng kinh nghiệm của Liên Xô vào quản lý các xí nghiệp công nghiệp ở Việt Nam với mục đích nâng cao hiệu quả nền sản xuất xã hội, đời sống người lao động, tạo nguồn thu vững chắc cho ngân sách, đảm bảo an ninh, quốc phòng... Có ý nghĩa sâu sắc về lý luận và tổ chức thực hiện trong thực tiễn ở tầm vĩ mô và vi mô.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài đã nghiệm thu.
Xây dựng mô hình hạch toán nội bộ ở các đơn vị:
Xí nghiệp cơ khí xăng dầu thuộc Công ty xăng dầu khu vực II.
Xí nghiệp quốc doanh chế biến hàng xuất khẩu Cầu Tre.
Tổng đội thanh niên xung phong thành phố Hồ Chí Minh.
Tổ chức bộ máy liên hiệp xí nghiệp công nghiệp thực phẩm và điều lệ hoạt động của liên hiệp thành phố Hồ Chí Minh.
Kiện toàn bộ máy quản lý tài chính, hạch toán kế toán ở Cơ khí 27/7 Sở Thương binh - Xã hội thành phố Hồ Chí Minh; Công ty xây dựng cơ bản Tổng cục cao su; Nhà máy dầu Tường An thuộc Liên hiệp các xí nghiệp dầu thực vật miền Nam.
Xây dựng phương án tổ chức hoạt động liên doanh của Xí nghiệp liên doanh Cavixô ở Công ty cây công nghiệp xuất khẩu thuộc Tổng đội thanh niên xung phong thành phố Hồ Chí Minh.
Đổi mới cơ chế quản lý tài chính đảm bảo quyền tự chủ của các xí nghiệp quốc doanh, nhằm đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.
Các giải pháp cải tổ xí nghiệp quốc doanh ở Việt Nam (cấp Bộ).
Cơ chế tài chính các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (cấp Bộ).
Xây dựng mô hình Tổng công ty (cấp Bộ). Các giải pháp tạo vốn cho doanh nghiệp trong giai đoạn đầu hình thành thị trường chứng khoán ở thành phố Hồ Chí Minh.
Các giải pháp hoàn thiện việc trích lập và sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ Bảo hiểm.
Hướng dẫn tốt nghiệp tiến sĩ, thạc sĩ.
Sách đã xuất bản:
Chủ biên và viết các sách:
Tài chính xí nghiệp công nghiệp dùng giảng dạy cho sinh viên.
Tài chính xí nghiệp công nghiệp dùng giảng dạy cho sinh viên tại chức.
Phân tích hoạt động kinh tế.
Phân tích hoạt động kinh doanh.
Tài chính doanh nghiệp.
Thị trường tài chính.
Phân tích tài chính.
Tham gia *Từ điển Tài chính - Tín dụng* - Nxb Sự thật.
Nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.
Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp tài chính Việt Nam.
Nhà giáo ưu tú năm 1994.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tài chính doanh nghiệp.



NGUYỄN VĂN CHÂU

Hồng Dân

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 20 - 8 - 1935.
Quê quán: Sơn Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: P509/D3 Trung Tự - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội.
Phó Trưởng phòng Kiểm nghiệm thực phẩm Cục Cảnh vệ Bộ Công an.
Phó Trưởng phòng Hoá Viện Khoa học hình sự Bộ Công an.
Trưởng phòng An ninh kinh tế - Tổng cục I Bộ Công an.
Biệt phái Phó Vụ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường.
Giám đốc Trung tâm chiếu xạ, Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường.
Hiện là Hội viên Hội Bảo quản thực phẩm và nông sản thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1971.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Carl - Schorlemmer - Leuna Merseburg Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Ngành Hoá phóng xạ.

Đề tài khoa học

Xác định nhanh các đồng vị phóng xạ Cs^{137}, I^{131}, Ce^{144} và Sr^{90}/90 trong thực phẩm.

Nội dung

Ngành năng lượng nguyên tử ngày càng phát triển, nên các đồng vị phóng xạ tồn tại trong không khí, nước, thực phẩm ngày càng nhiều. Đó là chất thải ngành công nghệ hạt nhân và sản phẩm phân huỷ từ các vụ nổ hạt nhân, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sống và sức khoẻ con người. Do vậy việc xác định nhanh chóng, chính xác các đồng vị phóng xạ trong môi trường (không khí, nước, thực phẩm và các chất hữu cơ...) được nhiều nước nghiên cứu bằng những phương pháp khác nhau. Hoá bức xạ là một phương pháp tiên tiến được nghiên cứu ứng dụng trong những thập niên cuối của thế kỷ 20.

Phương pháp hoá bức xạ cho phép xác định nhanh, chính xác các đồng vị phóng xạ trong không khí, nước, thực phẩm và môi trường hữu cơ... bằng cách đo liều lượng phóng xạ các đồng vị trong các mẫu sau khi xử lý bằng vật lý, hoá học. Từ liều lượng đo được dựa vào năng lượng bức xạ, chu kỳ bán hủy, xác định chính xác đồng vị cụ thể.

Thành tựu khoa học

Lập bản đồ phân bố các đồng vị phóng xạ đầu tiên ở miền Bắc Việt Nam theo chương trình hạt nhân (Bộ Công an).

Ứng dụng kỹ thuật bức xạ trong thực tiễn.

Ứng dụng công nghệ bức xạ trong thực phẩm và môi trường Việt Nam.

Huân chương chống Mỹ

Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ, Vì an ninh tổ quốc.

Dự định khoa học

Tiếp tục tham gia triển khai ứng dụng công nghệ bức xạ ở Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Hiện nay nước ta đang xem xét việc xây dựng nhà máy điện nguyên tử. Mặc dầu có nhiều ý kiến khác nhau, song vấn đề phải cân nhắc là an toàn hạt nhân.

Là một cán bộ trong ngành tôi hy vọng vấn đề này được nghiên cứu giải quyết một cách đồng bộ từ chuẩn bị đến đầu tư và tổ chức triển khai.



NGUYỄN VĂN CHÂU

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 16 - 02 - 1947.
Mất ngày: 8 - 6 - 1998.
Quê quán: Nghĩa Phú - Nghĩa Hưng - Nam Định.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tài chính - Kế toán.
Giảng dạy tại Trường Đại học Tài chính - Kế toán.
Vụ phó Vụ Hành chính - Văn xã - Bộ Tài chính.
Vụ trưởng Vụ Hành chính - Văn xã - Bộ Tài chính.
Thành viên Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam.
Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Tài chính lưu thông tiền tệ và tín dụng.

Đề tài luận án

Đổi mới và hoàn thiện cơ chế và chính sách huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư cho y tế trong bước chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ở nước ta.

Nội dung

Luận án khẳng định sức khoẻ con người đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển. Phân tích lý giải vai trò của y tế trong phát triển nguồn nhân lực và qua đó chứng minh đầu tư cho y tế là một bộ phận chi đầu tư cho tiêu dùng xã hội. Luận án giới thiệu có chọn lọc kinh nghiệm huy động, quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư y tế của một số nước để tham khảo, vận dụng vào điều kiện Việt Nam. Qua đánh giá thực trạng nguồn vốn và sử dụng vốn đầu tư cho y tế ở Việt Nam (1976 - 1995). Luận án dự báo sự thiếu hụt nguồn vốn nói chung và nguồn vốn ngân sách nhà nước nói riêng đầu tư cho y tế đến năm 2000 thông qua 3 phương án để chọn 1 phương án thích hợp. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất 4 quan điểm đổi mới về huy động, sử dụng nguồn vốn đầu tư cho y tế và 15 kiến nghị cụ thể có căn cứ khoa học và thực tiễn thuộc 3 lĩnh vực: huy động vốn, quản lý và sử dụng nguồn vốn, tổ chức đào tạo cán bộ y tế.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu cấp Bộ:
Đổi mới chính sách và cơ chế quản lý tiêu dùng xã hội trong ngân sách nhà nước.
Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá xã hội
Sách đã xuất bản:
Đổi mới chính sách và cơ chế quản lý tiêu dùng xã hội trong ngân sách nhà nước. Nxb Chính trị Quốc gia.
Nhiều bài đăng trên tạp chí.
Một số công trình nghiên cứu khác.



NGUYỄN VĂN CHÂU

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 12 - 11 - 1949.
Quê quán: Sơn Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Viện Sốt rét - ký sinh trùng, côn trùng Trung ương - Từ Liêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Sinh vật, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Công tác tại khoa Côn trùng Viện Sốt rét - ký sinh trùng, côn trùng Trung ương.
Thực tập sinh tại Viện Ký sinh trùng và Y học nhiệt đới Maxinopskii Mátxcơva Liên Xô cũ.
Tổ trưởng bộ môn Côn trùng Y học khoa Côn trùng - Viện sốt rét Ký sinh trùng - Côn trùng.
Hội viên Ký sinh trùng. Hội Côn trùng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Côn trùng học.

Đề tài luận án

Khu hệ mò - Họ Tronbieulidae (Acariformes) ở Việt Nam.

Nội dung

Trên cơ sở phân tích 51.630 ấu trùng mò ở 206 địa điểm thuộc 40 tỉnh, thành trong cả nước từ năm 1962-1990 đã xác định được 106 loài mò thuộc 23 giống, 2 phân họ của họ Trombiculidae Ewing, 1929. Khu hệ mò Việt Nam có các đặc điểm sau:
Phong phú về số giống và loài chiếm 62,2% số giống và 30,3% số loài mò khu vực Đông Nam Á. Có 28 loài mới cho khoa học và 17 loài đặc hữu của Việt Nam.
Các giống và loài mò Việt Nam tập trung ở phân họ Trombicalirae (20 giống, 106 loài) số loài tập trung ở 2 giống chính là Leptotrombidium (28 loài) và Gahliepia (20 loài).
93,4% số loài mò ký sinh trên thú (Mammolia), 18,17% ký sinh trên chim (Arec) 5,8% ký sinh trên bò sát (Reptilia) và 0,9% ký sinh trên côn trùng (Insecta).
Luận án đề cập đến đặc điểm phân bố của khu hệ mò Việt Nam theo miền địa lý và cảnh quan
Miền Bắc - Đông Bắc có 60 loài, chiếm tỷ lệ 56,6%.
Tây Bắc - Bắc Trung Bộ 54 loài, chiếm tỷ lệ 46,3%.
Nam Trung Bộ - Nam Bộ 62 loài, chiếm tỷ lệ 58,5%.
Cảnh quan rừng núi có 102 loài (tỷ lệ 96,2%). Cảnh quan đồng bằng có 21 loài (chiếm 19,8%).
5 loài mò tuyến sốt mò là Leptotrombidium (L.) deliense, L.CL, akamushi, L. (L.) seutellare, A. (Lau.) audyi và A. (Lau.) indica.

Thành tựu khoa học

Đã xuất bản *Tài liệu phân loại mò (Acaiformes: Trombieulidae)* ở Việt Nam - Nxb Y học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu nhóm côn trùng y học: muỗi cát - phlebotomus, ruồi vàng Simuliadae và các loại tiết túc y học khác.
Ứng dụng kỹ thuật gen vào việc xác định loài (và phân loại).
Nghiên cứu biện pháp phòng trừ côn trùng y học.
Sẽ xuất bản 2 tập *Động vật chí Việt Nam.*

Lời Tiến sĩ

Trong kinh tế thị trường, khoa học cơ bản (phân loại học, điều tra khu hệ của sinh vật nói chung và tiết túc y học nói riêng, có phần bị coi nhẹ, thiếu kinh phí, không được chú trọng đầu tư, do vậy đội ngũ cán bộ thuộc lĩnh vực chuyên môn này đang dần bị mai một.
Đề nghị Nhà nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường chú ý phát triển, đầu tư cho điều tra cơ bản nguồn tài nguyên cũng như những loài có hại đến sức khoẻ nhân dân - đó là tiết túc hút máu.



PHAN ĐÌNH CHÂU

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 02 - 2 - 1949.
Quê quán: Hạ Trạch - Bố Trạch - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay:
59/c - tổ 4 - Láng Thượng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Budapet - Hungari.
Thực tập sinh khoa học ở Hungari.
Giảng viên Trường Đại học Dược Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Hungari.
Cộng tác viên khoa học Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Dược Hà Nội.
Hội viên Hội Việt Nam - Hungari.
Hội Hoá học.
Hội Dược học.
Hội Sở hữu Công nghiệp Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.
Tại Viện Hàn lâm Khoa học Hungari
Chuyên ngành Hoá ancaloit - Hoá dược.
Tiến sĩ khoa học năm 1995.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chuyên ngành Hoá học hữu cơ.

Đề tài luận án Tiến sĩ:

Nghiên cứu tổng hợp 3-oxovincadifformin và 3-oxominovin.

Tiến sĩ khoa học

Nghiên cứu tổng hợp một số hợp chất khung aspidosperman và các hợp chất có liên quan.

Nội dung

Luận án tiến sĩ khoa học là sự phát triển, nâng cao luận án tiến sĩ.
Tổng hợp được trên 100 hợp chất (81 chất có trong luận án) 69 chất mới, 7 chất cũ.
Bằng phương pháp phỏng sinh học theo giả thuyết của A.I Scott với các chuỗi phản ứng hoá học định hướng (12 đến 17 bước) đã xây dựng những phương pháp hoàn toàn mới để tổng hợp ra các ancaloit hoặc hợp chất kiểu ancaloit chứa khung aspidosperma và Ψ-aspidosperma như Vincadiformin, minovin, Ψ-aspidosperma, tabersonin, 3-oxovincadifformin, 3-oxominovin, 3-oxotabersonin và bằng phản ứng nối đã điều chế được ancaloit anhidrovinblastin - tiền chất quan trọng trong tổng hợp các thuốc trị ung thư nhóm vinblastin, vincristin.

Thành tựu khoa học

Chủ trì và tham gia nhiều đề tài cấp trường, 8 đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước.
Đã công bố 93 công trình khoa học trên các tạp chí và báo cáo tại hội nghị khoa học quốc gia và quốc tế.
2 bằng sáng chế độc quyền Việt Nam.
Chủ trì và tham gia biên soạn nhiều giáo trình đại học, sau đại học.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.

Dự định khoa học

Xây dựng chuyên ngành công nghệ hoá dược và hoá chất bảo vệ thực vật.

Lời Tiến sĩ

Đứng trước tình trạng tụt hậu của ngành công nghiệp sản xuất hoá chất hữu cơ nói chung và công nghiệp hoá dược nói riêng của Việt Nam. Chúng ta cần xem xét lại sách lược, chiến lược phát triển để nền công nghiệp dược phẩm được vững mạnh.



TRẦN ĐÌNH CHÂU

Trần Đình, Hồng Châu

Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 2 - 4 - 1949.
Quê quán: Xuân Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Học triết học tại Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng.
Nghiên cứu sinh tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Hiện là cán bộ nghiên cứu, biên tập *Tạp chí Quốc phòng toàn dân.*
Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Ngành Triết học.
Chuyên ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Đề tài luận án

Tư tưởng nhân văn trong di sản quân sự của Hồ Chí Minh.

Nội dung

Phân tích tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh: Lòng nhân ái trong gia đình, tình yêu quê hương. Truyền thống nhân ái trong nền văn minh phương Đông và phương Tây.
Nội dung chủ yếu của tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh: lòng yêu thương quý trọng con người gắn với tình yêu nước, thương dân. Niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh, phẩm giá con người. Khát vọng giải phóng dân tộc. Sự thống nhất biện chứng giữa tư tưởng nhân văn và tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh.
Phân tích biểu hiện tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh trong khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh nhân dân và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng: Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh thể hiện trong mục đích chính trị, trong phương pháp khởi nghĩa vũ trang và tiến hành chiến tranh cách mạng ở Việt Nam. Nội dung tư tưởng nhân văn trong di sản Xuân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của đường lối độc lập dân tộc - chủ nghĩa xã hội do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Sự thống nhất biện chứng giữa tư tưởng nhân văn và tư tưởng quân sự là một trong những di sản quý giá Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho đời sau.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Tư tưởng nhân văn trong di sản quân sự Hồ Chí Minh - Nxb Chính trị Quốc gia.
Tham gia giảng dạy, đào tạo và chấm luận văn thạc sĩ, tiến sĩ.
Viết nhiều bài báo khoa học trên *Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Nghiên cứu lý luận, Tư tưởng - văn hoá.*

Dự định khoa học

Nghiên cứu lý luận triết học.
Tham gia giảng dạy đại học, hướng dẫn nghiên cứu sinh.



TRẦN THỌ CHÂU

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 10 - 4 - 1950.
Quê quán: Nghi Hải - Nghi Lộc - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Ký túc xá Mễ Trì - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Toán - Cơ - Tin học, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Thực tập sinh tại Đại học Tổng hợp Greifswald, Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Cán bộ giảng dạy khoa Toán - Cơ - Tin học, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chuyên gia tin học tại Đại học Tổng hợp Fianarantsoa, Madagatca.
Hiện là Phó phòng máy tính, khoa Toán - Cơ - Tin học, Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Chuyên ngành Đảm bảo toán học cho máy tính và các hệ thống tính toán.

Đề tài luận án

Lưới Petri - có thời gian và đặc trưng ngôn ngữ của lưới Petri suy rộng.

Nội dung

Các khái niệm lưới Petri, lưới Petri - có thời gian, lưới Petri - suy rộng và các lớp đặc trưng ngôn ngữ của chúng.
Ứng dụng của lưới Petri trong điều khiển hệ thống: phân tích tính chất xung đột, tắc nghẽn, tính chất an toàn, tính chất sống và tính chất trở lại từ đầu của hệ thống.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Lưới Petri - mờ và ứng dụng của nó trong điều khiển hệ thống.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sâu về lưới Petri - mờ và một số vấn đề về độ phức tạp NP, NP - complete trên trường số thực theo mô hình BLUM - SHUB - SMALE.



TRỊNH NGỌC CHÂU

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 21 - 8 - 1953.
Quê quán: Xuân Yên - Thọ Xuân - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học Tổng hợp Cầm Hội - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Khoa học tự nhiên.
Phó chủ nhiệm khoa.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành Hoá học.
Chuyên ngành Hoá vô cơ.

Đề tài luận án

Tổng hợp, nghiên cứu cấu tạo của các phức chất coban, niken, đồng và molipđen với một số thiosemi cacbazon và thăm dò hoạt tính sinh học của chúng.

Nội dung

Tổng hợp, nghiên cứu cấu tạo một số phức chất của Thiosemi cacbazon salixilandehit, thiosemi cacbazon isatin và thiosemicae bazon axetylexeton với Ni (II), Cu (II), Co (II) và (III), phức chất của Mo (III), Mo (v) với thiosemi carbazit. Nghiên cứu phản ứng ngưng tụ của MoO_2L_2 (L_2: Salixilandehit và axetylaxeton) với thiosemiacbazit.
Từ dữ kiện thu được bằng các phương pháp phổ hấp thụ electron, phổ hấp thụ hồng ngoại, phân tích nguyên tố, phân tích nhiệt đưa ra công thức cấu tạo giả thiết của các phức chất tổng hợp được. Đã thử hoạt tính kháng khuẩn của các phối tử và các phức chất thấy phức chất có khả năng kháng khuẩn cao hơn. Đã thử khả năng ức chế sự phát triển của các tế bào ung thư bóng nước đối với một phức chất của đồng và một phức chất của Mo (III) cho thấy cả 2 đều có tác dụng kìm hãm đáng kể sự phát triển của tế bào ung thư.

Thành tựu khoa học

Tham gia một số đề tài nghiên cứu.
Sách đã xuất bản.
Giáo trình thực tập Hoá vô cơ (chủ biên). Nxb Đại học Quốc gia.



VÕ TRUNG CHÂU

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 12 - 5 - 1948.
Quê quán: Phổ Cường - Đức Phổ - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 58 ngõ 41 Đông Tác - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Vật lý vô tuyến và điện tử, Đại học Tổng hợp Quốc gia Lênin, Mátxcơva, Nga.
Công tác tại Viện Tin học (Viện Công nghệ thông tin) Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.
Nghiên cứu sinh tại Đại học năng lượng Mátxcơva.
Phó Giám đốc văn phòng phát triển và chuyển giao công nghệ cao cấp (HI-TECHBURO).
Giám đốc văn phòng HI-TECHBURO.
Hiện là Giám đốc công ty phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư Viexim.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985.
Tại Đại học Năng lượng Mátxcơva, Liên Xô.
Ngành Máy tính điện tử.

Đề tài luận án

Nghiên cứu các phương pháp chẩn đoán sai cho các thiết bị tổ hợp số.

Thành tựu khoa học

Các công trình khoa học đã công bố:
Phương pháp kiểm tra chức năng vòng các vi mạch số.
Phương pháp kiểm tra chức năng vòng các tập hợp vi mạch có các mạch con bên trong giống nhau.
Khả năng xây dựng đồ thị mở rộng các mạch tổ hợp số bằng phương pháp đạo hàm hàm đại số lôgic.
Ứng dụng phương pháp kiểm tra vòng các thiết bị hiệu chỉnh tối thiểu.



ĐẶNG XUÂN CHẾ

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 19 - 05 - 1953.
Quê quán: Trường Thịnh - Ứng Hoà - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 4 - tổ 33 - Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Hiện là Chánh Văn phòng Trung tâm Thông tin tư liệu khoa học và Công nghệ Quốc gia.

Uỷ viên Ban chấp hành Hội Thông tin tư liệu khoa học Công nghệ Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.

Tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia Nga.

Ngành Các Hệ thống quản lý tự động hoá.

Đề tài luận án

Nghiên cứu - triển khai mô hình mô tả công nghệ phục vụ đảm bảo thông tin chuyển giao công nghệ.

Nội dung

Luận án nghiên cứu xây dựng mô hình mô tả các công nghệ.

Mô hình xây dựng các cơ sở dữ liệu thông tin công nghệ.

Giải bài toán lựa chọn công nghệ.

Thành tựu khoa học

Tham gia xây dựng khung đề mục hệ thống thông tin khoa học kỹ thuật quốc gia.

Chủ trì đề án Tăng cường quản lý tài liệu kết quả nghiên cứu và hội thảo khoa học tại Việt Nam.

Tham gia một số đề tài về ngân hàng dữ liệu khoa học công nghệ quốc gia.



NGÔ THẾ CHI

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 10 - 11 - 1954.
Quê quán: Xuân Cẩm - Hiệp Hoà - Bắc Giang.
Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể Đại học Tài chính - Từ Liêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Bộ đội sư đoàn 304B.
Tốt nghiệp Đại học Tài chính - Kế toán.
Công tác tại Trường Đại học Tài chính - Kế toán.
Phó trưởng bộ môn Kế toán.
Phó trưởng khoa Sau đại học.
Hiện là Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Kế toán.
Hội viên Hội kinh tế Việt Nam.
Được phong Phó giáo sư năm 1996.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại trường Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội.
Ngành Kinh tế.
Chuyên ngành Kế toán.

Đề tài luận án

Tổ chức kế toán chi phí lưu thông ở các xí nghiệp thương nghiệp trong điều kiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Thành tựu khoa học

Trên 50 công trình nghiên cứu.
Một số công trình khoa học đã ứng dụng.
Sách đã xuất bản:
15 giáo trình và 19 đầu sách chuyên khảo.
Một số bài đăng trên các báo, tạp chí.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Nhà giáo ưu tú năm 1998.

Dự định khoa học

Nghiên cứu lý luận tài chính kế toán, góp phần hoạch định các chính sách tài chính kế toán của Nhà nước, phục vụ công tác đào tạo cán bộ tài chính kế toán cho đất nước.
Nghiên cứu vận dụng tin học trong công tác kế toán, góp phần hiện đại hoá công tác kế toán.

Lời Tiến sĩ

Đất nước ta còn nghèo, kinh phí nghiên cứu khoa học còn hạn hẹp. Song, để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đòi hỏi các nhà khoa học phải khắc phục khó khăn, tìm tòi, nghiên cứu những giải pháp hữu hiệu với tấm lòng thực sự vì đất nước, vì khoa học. Đồng thời phải thường xuyên bồi dưỡng thế hệ trẻ, dẫn dắt họ vươn lên làm chủ tri thức khoa học, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế đất nước.



CAO VĂN CHÍ

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 05 - 06 - 1936.
Quê quán: Điền Hải - Phong Điền - Thừa Thiên - Huế.
Chỗ ở hiện nay: Số 10 - ngõ 8 - Khương Thượng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Thuỷ lợi - Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Địa kỹ thuật.
Chủ nhiệm khoa Công trình.
Ủy viên Hội đồng khoa học Trường Đại học Thuỷ lợi, Hà Nội.
Ban chấp hành Hội Cơ học đất và Địa kỹ thuật công trình Việt Nam.
Hội Cơ học đất và Địa kỹ thuật công trình quốc tế.
Ban chấp hành chi hội Cơ học Hà Nội.
Hội viên Hội Cơ học Việt Nam.
Hội Xây dựng Việt Nam.
Hội Thuỷ lợi Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990.
Tại Ba Lan.
Ngành Địa kỹ thuật công trình.

Đề tài luận án

Lý thuyết tính toán áp lực đất lên vật chắn.

Nội dung

Nghiên cứu và phát triển lý thuyết cân bằng giới hạn của môi trường rời áp dụng vào tính toán áp lực đất lên vật chắn và công trình. Thành công nổi bật của luận án là hoàn thiện thêm một bước lý thuyết áp lực đất của viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô B.B. Cokoa^bcku. Kết quả nghiên cứu có giá trị mở rộng lý thuyết cho nhiều bài toán áp lực đất khác nhau với những điều kiện khác nhau, góp phần mở rộng phạm vi ứng dụng một lý thuyết hiện đại vào thực tiễn xây dựng. Sản phẩm cuối cùng của luận án là phần mềm tính toán áp lực đất theo hướng hiện đại với độ chính xác cao.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Lý thuyết tính toán áp lực đất lên vật chắn. Nxb Bách khoa Gdan'sk Ba Lan.
Giáo trình cơ học đất. Nxb Nông thôn.
Địa kỹ thuật công trình - Trường Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.
Đất đỏ Basalt trong dùng đắp đập (cấp Bộ).
Đào tạo nhiều học sinh giỏi đạt giải quốc gia về môn Địa kỹ thuật công trình.
Nhiều bằng khen của các bộ, ngành.

Dự định khoa học

Hướng dẫn nghiên cứu sinh và cao học.
Viết sách chuyên ngành địa kỹ thuật công trình.
Xây dựng trung tâm thí nghiệm mô hình địa kỹ thuật công trình.



NGUYỄN HỮU CHÍ

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 26 - 12 - 1951.
Quê quán: Hiền Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: 60A - tổ 1A Trung Liệt - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Lịch sử Trường Đại học Sư phạm Vinh.
Giảng viên khoa Lịch sử Trường Đại học Sư phạm Vinh.
Nghiên cứu sinh tại Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Hiện là cán bộ nghiên cứu Viện Khoa học giáo dục.
Hội viên Hội Giáo dục lịch sử.
Hội Tâm lí - Giáo dục Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Đại học Sư phạm Dresden, Cộng hoà dân chủ Đức.
Chuyên ngành Phương pháp dạy học lịch sử.

Đề tài luận án

Xây dựng cơ sở lý luận và biên soạn sách giáo viên lịch sử lớp 10 trường trung học phổ thông Việt Nam.

Nội dung

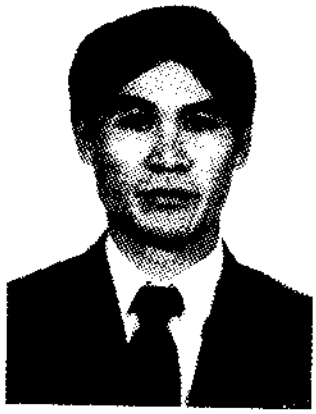
Xây dựng hệ thống lý luận, xác định các tiêu chí sách giáo khoa lịch sử góp phần nâng cao hiệu quả bài học lịch sử.
Xây dựng mô hình cấu trúc sách giáo viên lịch sử (qua nội dung chương trình lịch sử lớp 10).

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Đồng tác giả.
Giáo trình phương pháp dạy học lịch sử.
Lịch sử tiểu học, trung học phổ thông.
Sách giáo viên: *Lịch sử tiểu học, trung học phổ thông.* Nxb Giáo dục.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy học lịch sử ở các cấp học, bậc học.



NGUYỄN TRUNG CHÍ

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 02 - 02 - 1957.
Quê quán: Quảng Long - Quảng Trạch - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: 316 - I.17 - khu IF Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Hiện công tác tại phòng nghiên cứu Thạch luận, Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản - Bộ Công nghiệp.
Hội viên Hội Địa chất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
Ngành Địa chất.
Chuyên ngành Thạch học, Khoáng vật học, Trầm tích học.

Đề tài luận án

Thạch luận các đá granitoid kiềm vùng Tây Bắc Việt Nam.

Nội dung

Phân tích xử lý hàng ngàn mẫu thạch học và hàng trăm mẫu hoá học của nguyên tố chính, vết và đồng vị của các đá kiềm vùng nghiên cứu do tác giả thu thập trong 17 năm. Đồng thời sử dụng có kế thừa, chọn lọc các tài liệu của công trình nghiên cứu trước đây. Luận án đã làm sáng tỏ quy luật hoạt động của các granitoid kiềm vùng Tây Bắc Việt Nam và các đá kiềm liên quan, trên cơ sở bối cảnh kiến tạo, nguồn gốc magma lịch sử địa động hình thành chúng trong sự tiến hoá của vỏ trái đất khu vực.
Luận án bước đầu nêu lên một khả năng về sự hình thành magma kiềm trong cơ chế địa động lực tách giãn - trượt xoay liên quan tới sự va chạm của 2 mảng lục địa.
Kết quả nghiên cứu đã được vận dụng trong công tác đo vẽ bản đồ địa bản chất tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Bắc Tú Lệ - Văn Bàn (1997), nhờ đó xác lập được 1 phức hệ granitoid kiềm mới trong đới cấu trúc Tú Lệ, đồng thời dự báo được tiềm năng khoáng sản phóng xạ - đất hiếm và khoáng sản quý hiếm liên quan với granitoid kiềm và các đá kiềm khác trong vùng Tây Bắc Việt Nam.

Thành tựu khoa học

6 công trình nghiên cứu (tác giả, chủ biên).
14 công trình nghiên cứu (đồng tác giả)
Sách đã xuất bản:
Thành hệ địa chất và địa động lực Việt Nam (đồng tác giả). Nxb Khoa học kỹ thuật.
Bản đồ *thành hệ - kiến trúc Việt Nam tỷ lệ 1/1.500.000* (đồng tác giả). Cục Địa chất Việt Nam.

Dự định khoa học

Nghiên cứu thạch luận các đá kiềm toàn lãnh thổ Việt Nam và khu vực Đông Nam Á để so sánh liên hệ với đá kiềm trên thế giới và nghiên cứu địa động lực Manti.



ĐẶNG NGỌC CHIẾN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 12 - 12 - 1946
Quê quán: Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định
Chỗ ở hiện nay: 11/156 Phương Liệt - Hà Nội

Quá trình công tác

Học Đại học tại Liên Xô.
Thứ ký riêng của Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Tổng Công đoàn Việt Nam.
Nghiên cứu sinh Trường Cao cấp Công đoàn Liên Xô.
Hiện là Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989
Tại Trường Cao cấp Công đoàn Liên Xô.
Chuyên ngành Kinh tế.

Đề tài luận án

Lựa chọn, đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo công đoàn.

Nội dung

Đưa ra những tiêu chuẩn đội ngũ cán bộ lãnh đạo công đoàn từng cấp, phương pháp lựa chọn quy hoạch dân chủ và đào tạo sử dụng trong trường lớp và thực tế.

Thành tựu khoa học

Đề tài cấp Nhà nước:
Xây dựng hệ thống chính trị của Việt Nam.
Đề tài cấp Bộ:
Mô hình tổ chức công đoàn Việt Nam.
Đề án cải cách tiền lương của nhà nước.



ĐINH VĂN CHIẾN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 18 - 05 - 1952.
Quê quán: Ngọc Lâm - Mỹ Hào - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 459 Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Giảng dạy bộ môn Chế tạo máy mỏ.
Phó giám đốc Trung tâm hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Phó Tổng giám đốc Liên hiệp khoa học sản xuất vật liệu và công nghệ mới - Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam.
Phó chủ nhiệm khoa Mỏ Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Hiện là trưởng bộ môn Máy và Thiết bị mỏ Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Hội viên Hội Cơ học máy Việt Nam.
Hội Cơ học đá Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Chuyên ngành Máy mỏ.

Đề tài luận án

Nghiên cứu điều chỉnh và tối ưu hoá việc áp dụng vì chống cơ khí cho các mỏ hầm lò Việt Nam.

Nội dung

Để chống giữ khoảng không gian lò chợ trong khai thác ngầm, từ trước đến nay người ta dùng gỗ. Theo thống kê của Bộ Công nghiệp, để sản xuất ra 1000 tấn than nguyên khai phải tiêu hao 60 - 65m^3 gỗ. Theo số liệu của ngành than, sản lượng khai thác hầm lò khoảng vài triệu tấn/năm. Như vậy không có đủ gỗ cung cấp cho khai thác, đó là chưa nói đến việc cân bằng sinh thái môi trường khi chặt phá rừng. Việc nghiên cứu cột chống kim loại thay gỗ nhằm giảm bớt khó khăn cho việc cung cấp gỗ, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, tăng giá trị than xuất khẩu.
Luận án đưa ra các kết quả:
Xây dựng mô hình tính toán cột chống kim loại, nghiên cứu xác lập các thông số có liên quan đến sự làm việc của cột chống kim loại dùng trong lò chợ các hầm lò Việt Nam.
Nghiên cứu tìm ra phương pháp tính tiết diện ngang của cột chống kim loại, đồng thời nghiên cứu lựa chọn hệ số phân phối năng lượng giữa cột và đất đá vùng cột đảm nhận chống giữ.
Đề ra phương pháp tính ổn định cho cột chống kim loại từ những phương pháp tính ổn định đã có trong cơ học.
Nêu phương pháp xác định tối ưu tiết diện và trọng lượng cột chống kim loại.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu chế tạo cột chống ma sát dùng cho lò chợ và các mỏ hầm lò Việt Nam (chủ trì cấp Bộ).
Xử lý thấm tầng ngầm công trình đặc biệt tại Hà Nội.
Gia cường trụ đỡ cầu đường sắt qua sông Hương (cầu Bạch Hổ - Giã Viên) bằng phương pháp khoan phun.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chế tạo bạc và xi lanh bằng phương pháp biến dạng dẻo (đề tài cấp Bộ).
Nghiên cứu sản xuất vật liệu mới thay gỗ từ các phế thải sợi thực vật và đất hiếm.
Nghiên cứu chế tạo cột chống thuỷ lực.

Lời Tiến sĩ

Nhà nước cần xây dựng các phòng thí nghiệm để giúp cho việc nghiên cứu ở các trường đại học, viện nghiên cứu.



LÊ VĂN CHIẾN

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 26 - 10 - 1947.
Quê quán: An Hoà - Quỳnh Lưu - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Khối 8 - phường Trường Thi - thành phố Vinh - Nghệ An.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Kỹ sư nông nghiệp.
Giảng viên khoa Sinh, Đại học Vinh.
Công tác ở nước ngoài.
Hiện là giảng viên Đại học Vinh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990.
Tại Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chuyên ngành Đất - Môi trường.

Đề tài luận án

Mô hình cơ bản phản ánh năng suất độ phì thực tế trên đất trồng lúa tỉnh Nghệ An.

Nội dung

Trên nền kiến thức hệ sinh thái nông nghiệp và chuyên ngành đất: sử dụng phương pháp mô hình hoá bằng công cụ toán học, nhờ các thông tin trong điều tra, phân tích năng suất lúa và chỉ tiêu chất lượng đất (mùn %., lân %, độ chua thuỷ phân, chế độ nước, thành phần cơ giới..., để xây dựng mô hình cụ thể bằng số.

Mô hình có khả năng định lượng năng suất của từng khoảnh ruộng có đặc tính nông hoá khác nhau: đánh giá kinh tế và phân hạng ruộng đất; kiểm tra diễn biến độ phì nhiêu; xây dựng chế độ bón phân và cải tạo các yếu tố dinh dưỡng hạn chế đến năng suất.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm một số đề tài cấp Bộ.
Huy chương kháng chiến hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.



NGUYỄN CHIẾN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 16 - 08 - 1951.
Quê quán: Đồng Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 61 Khương Thượng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Thuỷ lợi.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô.
Hiện là giảng viên chính Trường Đại học Thuỷ lợi.
Phó trưởng bộ môn
Hội viên Hội Xây dựng Việt Nam.
Hội Thuỷ lợi Việt Nam.
Hội Cơ học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Trường Đại học Thuỷ lợi Matxcơva - Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Công trình thuỷ lợi.

Đề tài luận án

Đặc trưng khí hoá và khí thực của cửa vào đường xả nước có áp mặt cắt ngang chữ nhật.

Nội dung

Nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm để tìm quy luật phân bố áp suất, mạch động áp lực, hệ số khí hoá và đặc trưng khí thực của một lớp rộng rãi các cửa vào dạng elíp của đường xả nước dưới sâu có áp mặt cắt ngang chữ nhật, phục vụ cho việc thiết kế công trình xả nước loại này được an toàn và kinh tế.

Thành tựu khoa học

Biên soạn và tham gia biên soạn:
2 giáo trình chuyên ngành giảng dạy ở bậc đại học.
3 chuyên đề giảng dạy sau đại học, cao học và nghiên cứu sinh.
Đề tài khoa học:
Dự báo xói lở bờ biển và các cửa sông ven biển và biện pháp phòng chống (cấp Nhà nước).
Tham gia các đề tài khoa học cấp Bộ:
Bảo vệ mái đập thượng lưu.
Điều tra cơ bản các công trình thuỷ lợi Tây Nguyên.
Tổng kết và viết hướng dẫn thiết kế cống thép bọc bê tông, bê tông cốt thép dưới đập.
Cải tiến hiện đại hoá giáo trình thuỷ nông.
Xây dựng chương trình phần mềm tính thuỷ lực đường tràn xả lũ.
Thiết kế 7 công trình phục vụ sản xuất.
Thiết kế 12 công trình và nhiều hạng mục khác (tham gia).

Dự định khoa học

Biên soạn giáo trình thuỷ công chất lượng cao.
Viết tài liệu chuyên đề về công trình tháo lũ.
Tham gia biên soạn tiêu chuẩn thiết kế đê và công trình bảo vệ bờ.
Chủ trì biên soạn chỉ dẫn về tính toán khí thực các công trình thuỷ lợi.

Lời Tiến sĩ

Các đề tài khoa học cấp Nhà nước cần gắn liền với dự án sản xuất cụ thể, lấy khả năng ứng dụng thực tiễn làm một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất để đánh giá kết quả nghiên cứu.



VIÊN CHINH CHIẾN

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 24 - 12 - 1966.
Quê quán: Thành phố Vinh - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Viện Pasteur - 16B Pasteur - Thành phố Nha Trang - Khánh Hoà.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Phó trưởng phòng.
Phó trưởng khoa.
Hiện là Phó trưởng khoa Y học lao động Viện Pasteur Nha Trang.
Thành viên Hội Vệ sinh phòng dịch Việt Nam.
Hội Y học lao động Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Viện Vệ sinh Dịch tễ học Hà Nội.
Ngành Y Dược.
Chuyên ngành Dịch tễ học.

Đề tài luận án

Tìm hiểu tình hình nhiễm virút viêm gan B tại một số thành phố ở miền Trung và góp phần đánh giá hiệu quả sử dụng của vắcxin.

Nội dung

Nghiên cứu tỷ lệ mang HBsAg và tỷ lệ nhiễm HBV trong cộng đồng dân cư tại một số thành phố miền Trung. Kết quả: tỷ lệ mang HBsAg và tỷ lệ nhiễm HBV trong quần thể dân cư là: 10,6% và 48%, trong nhóm nhân viên y tế là 17,6% và 70,5%, nhóm sản phụ tại Nha Trang là 14,16% và 62,2%, trẻ sơ sinh là 5,6% và có anti-HBs là 33,6%. Thử nghiệm vắcxin viêm gan B cho trẻ dưới 1 tuổi thấy: tỷ lệ có đáp ứng kháng thể sau khi tiêm 3 mũi đạt 96,97% và GMT đạt 1047 UI/1. Sáu tháng sau khi tiêm mũi 3, GMT vẫn duy trì ở mức 670 UI/1. Tỷ lệ đáp ứng kháng thể của trẻ sơ sinh và trẻ từ 6-12 tháng tuổi là như nhau, song GMT của nhóm trẻ sơ sinh cao hơn và thời gian duy trì GMT sáu tháng sau mũi 3 cũng lớn hơn. Do đó, nên tiêm vắcxin sớm cho trẻ trong vòng 24 giờ sau khi sinh.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Điều tra tình hình nhiễm vi rút viêm gan B tại thành phố Nha Trang và góp phần đánh giá đáp ứng miễn dịch của vắcxin viêm gan B.
5 đề tài cấp cơ sở về: Sinh lý học (02).
Ô nhiễm phóng xạ (01).
Nhiễm viêm gan vi rút (02).

Dự định khoa học

Nghiên cứu bệnh mạn tính nghề nghiệp, đặc biệt là các bệnh ung thư, di chứng thần kinh - khớp.

Lời Tiến sĩ

Cần cải tổ triệt để hệ thống giáo dục quá lỏng lẻo hiện nay. Chế độ thi cử phải nghiêm ngặt, chấm dứt việc cấp văn bằng, chứng chỉ dễ dãi để tránh những hậu quả khôn lường cho đất nước.



ĐẶNG CHIỂU

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 26 - 08 - 1943.
Quê quán: Nam Hồng - Nam Trực - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 16 - tổ 26A - Dịch Vọng, Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Học khoa Toán, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Nghiên cứu khoa học trong quân đội.
Hiện là giảng viên Học viện Khoa học quân sự.
Được phong đại tá năm 1999.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Học viện Kỹ thuật quân sự.
Chuyên ngành Điều khiển học toán học.

Đề tài luận án

Đoán nhận một lớp ô tô mát và ứng dụng.

Nội dung

Luận án trình bày một số kết quả nghiên cứu bài toán phiên dịch tự động và bài toán đoán nhận lớp ô tô mát hữu hạn với ma trận ràng buộc chặt và ứng dụng.

Thành tựu khoa học

Đề tài đã nghiệm thu:
Phiên dịch tự động văn bản một ngôn ngữ nước ngoài sang tiếng Việt Nam.
Nhiều đề tài nghiên cứu đã được ứng dụng trong khoa học quân sự.
Hai công trình được thưởng huân chương chiến công.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học quân sự.



HỒ VĂN CHIỂU

Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 01 - 08 - 1944.
Quê quán: Ngũ Lão - Kim Động - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 4 Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương.
Nghiên cứu sinh tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Liên Xô.
Phó Tổng biên tập *Tạp chí Giáo dục lý luận* sau đổi là *Tạp chí Tư tưởng - Văn hoá.*
Tổng biên tập *Tạp chí Thông tin công tác tư tưởng* kiêm phó Vụ trưởng Vụ quản lý khoa học (Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương).
Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Triết học.

Đề tài luận án

Công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ quá độ tiến lên Chủ nghĩa xã hội.

Nội dung

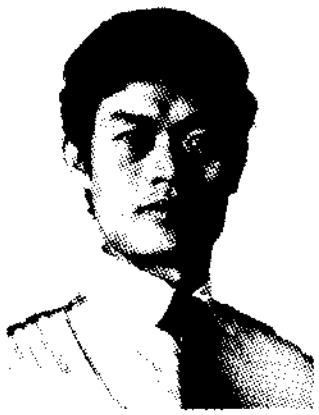
Sau khi trình bày vai trò của công tác tư tưởng trong tiến trình lịch sử, luận án đề cập tới quá trình tư tưởng xã hội chủ nghĩa nói chung và quá trình tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam nói riêng, chứng minh lý thuyết về quá trình tư tưởng là cơ sở lý luận của công tác tư tưởng. Trên cơ sở đó, xác định ba khâu của công tác tư tưởng: nghiên cứu lý luận, tuyên truyền và cổ động. Tác giả nêu ra phương hướng và những biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tư tưởng trong suốt thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Lý luận và nghiệp vụ công tác tư tưởng (Phó chủ nhiệm - cấp Bộ).
Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng (cấp Nhà nước - Phó chủ nhiệm).
Sách đã xuất bản:
Những vấn đề lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội - tập 5. Nxb Sự thật.
Một số vấn đề lý luận và nghiệp vụ công tác tư tưởng (đồng tác giả). Nxb Chính trị Quốc gia.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí khoa học.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp báo chí Việt Nam.

Dự định khoa học

Hoàn thành công trình nghiên cứu Hồ Chí Minh với công tác tư tưởng.
Tham gia biên soạn bộ giáo trình lý luận nghiệp vụ công tác tư tưởng.



ĐẶNG NAM CHINH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 22 - 02 - 1950.
Quê quán: Thành phố Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: B10 tập thể Đại học Mỏ - Địa chất - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Trắc địa Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Nghiên cứu sinh tại Ba Lan.
Phó chủ nhiệm bộ môn Trắc địa cao cấp.
Phó chủ nhiệm khoa Trắc địa Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Hội viên Hội Trắc địa - Bản đồ - Viễn thám Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990.
Tại Học viện Mỏ luyện kim (AGH) Kracov, Ba Lan.
Chuyên ngành Trắc địa.

Đề tài luận án

Hiện đại hoá các mạng lưới trắc địa thi công cho các nhà máy xí nghiệp công nghiệp.

Nội dung

Trong quy trình xây dựng và mở rộng quy mô hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, cần thiết phải xây dựng mạng lưới trắc địa thi công có đủ độ chính xác và bố trí điểm thích hợp. Hiện nay có thể ứng dụng các thiết bị đo dài điện tử độ chính xác cao để xây dựng mới hoặc nâng cấp độ chính xác cho các mạng lưới đã có trên khu vực xây dựng. Đề tài nghiên cứu khả năng nâng cấp độ chính xác các mạng lưới nhờ thiết bị đo, đạc hiện đại, nghiên cứu phân bố trị đo hợp lý và khả năng nâng cao độ chính xác cho nhiều phương án đo. Đề tài nghiên cứu phương pháp xử lý sai số đo, bình sai mạng lưới theo hai giai đoạn.
Kết quả nghiên cứu đã gắn liền với công trình nâng cấp lưới trắc địa thi công phục vụ mở rộng hoạt động của nhà máy hoá chất Police-Szczencin - Ba Lan (1989 - 1990).

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu Geoid và mặt khởi tính độ cao trên lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam (chủ trì - cấp Nhà nước).
Nghiên cứu quy trình đo đạc, xử lý số liệu trong quan trắc chuyển dịch thẳng đứng mặt đất trên phạm vi cục bộ (cấp Bộ - chủ trì).
Nghiên cứu khả năng ứng dụng công nghệ mới trong công tác trắc địa mỏ ở Việt Nam (cấp Bộ - tham gia).
Tham gia xây dựng lưới trắc địa thi công, phục vụ xây dựng nhà máy xi măng Bút Sơn Hà Nam.
Viết một số giáo trình, bài giảng cao học và đại học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng hệ thống định vị vệ tinh GPS trong thực tiễn công tác trắc địa ở Việt Nam.
Nghiên cứu đặc trưng của bề mặt Geoid trên lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam.
Biên soạn và xuất bản 2 giáo trình hoặc tài liệu tham khảo cho đại học và cao học.

Lời Tiến sĩ

Lớp trẻ hãy tích cực học tập, nghiên cứu để làm chủ những công nghệ mới nhất và phát huy có hiệu quả trong thực tiễn của đất nước Việt Nam chúng ta.



LÊ VĂN CHINH

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 26 - 3 - 1935.
Mất ngày: 8 - 7 - 1993.
Quê quán: Vạn Thiện - Nông Cống - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay của gia đình:
P203 - K1 - Hào Nam - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Mátxcơva Liên Xô cũ.
Cán bộ Vụ Thống kê Nông nghiệp - Tổng cục Thống kê.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Kinh tế Mátxcơva.
Công tác tại Tổng cục Thống kê.
Phó Trưởng phòng - Vụ Thống kê Nông nghiệp.
Phó Viện trưởng Viện Khoa học Thống kê.
Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông nghiệp.
Trưởng đoàn chuyên gia thống kê tại Lào.
Phó Vụ trưởng. Vụ trưởng Vụ Thống kê Tổng hợp.
Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.
Tổng biên tập Tạp chí *Con số và Sự kiện.*
Uỷ viên Uỷ ban quốc gia Dân số - Kế hoạch hoá gia đình.
Uỷ viên Ban cán sự Đảng - Tổng cục Thống kê
Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1970.
Tại Đại học Kinh tế Mátxcơva.
Chuyên ngành Thống kê Nông nghiệp.

Đề tài luận án

Những vấn đề nghiên cứu thống kê sử dụng lao động và năng suất lao động ở các nông trang Liên Xô và các hợp tác xã nông nghiệp Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước:
Cải tiến phương pháp và quy trình tính tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân.
Chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở:
Cải tiến phương pháp điều tra lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật trong kỹ năng hợp tác hoá.
Tham gia một số hội đồng chấm đề tài khoa học cấp Bộ, Tổng cục.
Giúp đỡ nhiều cán bộ bảo vệ luận án tiến sĩ.
Nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành.
Huân chương chống Mỹ.



NGUYỄN HỮU CHINH

Tiến sĩ Ngôn ngữ học

Sinh ngày: 9 - 6 - 1947.
Quê quán: Gia Lạc - Gia Viễn - Ninh Bình.
Chỗ ở hiện nay: 1/A7 - tập thể Đại học Ngoại ngữ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Nga, Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội.
Chuyên tu tiếng Anh tại Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Quốc gia Lêningrat Liên Xô cũ.
Giảng dạy khoa Tiếng Nga, Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Chủ nhiệm bộ môn THT - 2 khoa Nga.
Phó chủ nhiệm khoa Tiếng Nga.
Hiện là Chủ nhiệm khoa Tiếng Nga Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
Ủy viên Hội đồng ngành tiếng Nga Bộ Giáo dục - Đào tạo.
Hội viên Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.
Hội hữu nghị Việt - Nga.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981
Tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Lêningrat Liên Xô cũ.
Ngành Ngôn ngữ học.
Chuyên ngành Ngôn ngữ Nga.

Đề tài luận án

Câu phức hợp có phương thức liên hệ từ vựng - cú pháp.

Nội dung

Nghiên cứu cú pháp câu phức tiếng Nga - câu phức hợp có phương thức liên kết từ vựng - cú pháp giữa các phần câu.
Nghiên cứu những cấu trúc cố định được tạo nên trên cơ sở những tập hợp từ gồm các yếu tố từ vựng và cú pháp nhất định. Luận án đưa ra những đặc điểm về cấu trúc và ngữ nghĩa, những nét đặc trưng của phương thức liên kết giữa các phần trong câu, phân chia chúng theo những nhóm chức năng - ngữ nghĩa cơ bản và phân tích những nhóm đó.
Luận án góp phần giải quyết việc phân loại câu phức, hiểu rõ hơn quá trình thành ngữ hoá các yếu tố từ vựng, thực hiện chức năng liên kết các phần câu, xác định rõ phạm vi những loại câu này trong hệ thống câu phức tiếng Nga và phương thức truyền đạt chúng sang tiếng Việt.

Thành tựu khoa học

Chương trình cải tiến (cấp Bộ - tham gia)
Chiến lược dạy học ngoại ngữ xuyên suốt các bậc học (cấp Bộ - tham gia).
Đào tạo cử nhân ngoại ngữ theo quy trình mới của trường ĐHSPNN Hà Nội (cấp Bộ - phó chủ nhiệm).
Liên từ YTO trong tiếng Nga và phương thức truyền đạt ý nghĩa của nó sang tiếng Việt (cấp trường - chủ nhiệm).
Rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Nga ở giai đoạn (cấp trường - chủ nhiệm).
Sách đã xuất bản:
Tiếng Nga lớp 11 (đồng tác giả).
Tiếng Nga lớp 12, (đồng tác giả). Nxb Giáo dục.
Giáo trình dạy đọc tiếng Nga - tập 1, tập 2.
Giáo trình dạy viết tiếng Nga - tập 1, tập 2.
Giáo trình dạy nói tiếng Nga.
Giáo trình dạy nghe tiếng Nga - Đại học Sư phạm Ngoại ngữ, tập 1-2.
Nhiều giáo trình bằng tiếng Nga.
Tiếng Nga trên truyền hình, tập 1, 2. Đài Truyền hình Trung ương.
Và một số bài đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.
Huy chương chống Mỹ hạng hai.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.
Nhà giáo ưu tú 1996.

Dự định khoa học

Mở rộng phạm vi nghiên cứu theo hướng đề tài đã chọn, so sánh đối chiếu với tiếng Việt, ứng dụng kết quả nghiên cứu trong việc giảng dạy tiếng nước ngoài cho người Việt Nam.



NÔNG QUỐC CHINH

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 20 - 05 - 1956.
Quê quán: Nà Giàng - Hà Quảng - Cao Bằng.
Chỗ ở hiện nay: 193 Lương Ngọc Quyến - Thành phố Thái Nguyên.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Toán Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc.
Cán bộ giảng dạy khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc.
Học viên Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp Brno, Cộng hoà Séc.
Cán bộ giảng dạy khoa Toán Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
Hiện là Chủ nhiệm khoa Toán Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Karluv (UK), thành phố Praha, Cộng hoà Séc.
Ngành Toán học.
Chuyên ngành Hình học và Tôpô.

Đề tài luận án

Bó của các dạng contact và giải thức axyclic trên jet kéo dài hữu hạn của đa tạp thớ.

Nội dung

Nghiên cứu tính chất của bó các k_ dạng vi phân và dãy biến phân trên các đa tạp thớ; xây dựng khái niệm bó $\Omega^k_{r(s)}$ của các k_ dạng vi phân với bậc contact ≥ (s+1) hoặc ≥ (k-n+s+1). Đây là các bó con của bó các k_ dạng vi phân Ω^k_r trên r_ jet kéo dài J'Y của đa tạp thớ (Y, π, X), đưa ra chứng minh chính xác tính nhão của các bó dạng $\Theta^k_{r(s)} = d\Omega^{k-1}_{r(s)} + \Omega^k_{r(s)}$, và chỉ ra sự biểu hiện cụ thể của lớp $[\rho] \in \Omega^k_r/\Theta^k_r$ trong dãy biến phân; chứng minh các khẳng định:
(k-1)_ dạng $\rho \in \Omega^{k-1}_{r(s)}$ thoả mãn điều kiện $d\rho \in \Omega^k_{r(s)}$ khi và chỉ khi ρ thoả mãn điều kiện $\rho = d\gamma + \beta$ trong đó $\gamma \in \Omega^{k-2}_{r(s)}$ và $\beta \in \Omega^{k-1}_{r(s+1)}$.
Với mỗi số nguyên dương s thoả mãn $0 \le s \le n-1$ ta có dãy sau đây là khớp:

$$0 \to \Theta^{s+1}_{r(s)} \xrightarrow{d_{s+1}} \Theta^{s+2}_{r(s)} \xrightarrow{d_{s+2}} \dots \longrightarrow \Theta^{p-1}_{r(s)} \xrightarrow{d_{p-1}} \Theta^{p}_{r(s)} \to 0$$

Các bó $\Theta^k_{r(s)}$ là bó nhão.
Dãy thương.

$$0 \to R \to \Omega^0_r \to \Omega^1_r \to \dots \to \Omega^s_r \to \Omega^{s+1}_r/\Theta^{s+1}_{r(s)} \to \dots \to \Omega^p_r/\Theta^p_{r(s)} \to \Theta^p_{r(s)} \to \dots \to \Omega^N_r \to 0$$

là giải thức axyclic của bó hằng R trên Y.
Chỉ ra sự biểu diễn cụ thể của lớp $[\rho] \in \Omega^k/\Theta^k_r$ trong dãy biến phân.

Thành tựu khoa học

Xây dựng chương trình đào tạo cử nhân sư phạm tại Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên (cấp Bộ - tham gia) - 1998.
Việc dạy và học ở các trường trung học miền núi vùng Đông Bắc - Thực trạng và giải pháp (cấp Bộ - chủ nhiệm) - 2001 và một số đề tài cấp trường.

Dự định khoa học

Học tập và nghiên cứu lĩnh vực đại số giao hoán.
Nghiên cứu giải pháp phổ cập việc đào tạo tin học ở các tỉnh miền núi.

Lời Tiến sĩ

Tôi mong muốn được đóng góp thật nhiều vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo của đất nước, đặc biệt là ở các tỉnh miền núi phía Bắc.



BÙI XUÂN CHỈNH

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 15 - 03 - 1963.
Quê quán: Đông Hưng - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Thành phố Phan Thiết - Bình Thuận.

Quá trình công tác

Cán bộ ngân hàng tỉnh Thuận Hải, Bình Thuận.
Học cao học.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Kinh tế Quốc dân.
Hiện là Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Thuận.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng.

Đề tài luận án

Giải pháp góp phần củng cố và nâng cao vai trò các trung gian tài chính trong chiến lược tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam Bộ.

Nội dung

Khái quát hoá cơ sở hình, nội dung và nguyên tắc hoạt động của các trung gian tài chính, vai trò của các trung gian tài chính trong chiến lược tăng trưởng kinh tế và một số bài học kinh nghiệm trong thiết lập, quản lý hệ thống trung gian tài chính ở một số nước có điều kiện kinh tế tương đồng với Việt Nam.
Phân tích, đánh giá vai trò, tác động của các trung gian tài chính trên địa bàn Đông Nam Bộ đối với sự phát triển kinh tế vùng này, làm rõ những tồn tại, vướng mắc cần giải quyết.
Những vấn đề đặt ra đối với dịch vụ tài chính trong chiến lược tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam Bộ và hướng phát triển hoàn thiện các định chế tài chính trung gian.
Luận án đưa ra hệ thống giải pháp, hoàn thiện mô hình tổ chức mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ hiện có của các trung gian tài chính và một số kiến nghị.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng những thành tựu khoa học vào quá trình quản lý và điều hành hoạt động tiền tệ ngân hàng.



ĐINH VĂN CHỈNH

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 09 - 10 - 1954.
Quê quán: Mỹ Thành - Mỹ Đức - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể Bệnh viện Đa khoa Gia Lâm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy.
Trưởng bộ môn Di truyền - Giống gia súc.
Trưởng phòng Đào tạo Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.
Hội viên Hội Chăn nuôi Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại trường Đại học Tổng hợp Lepzig, Cộng hoà liên bang Đức.
Chuyên ngành Nhân giống gia súc.

Đề tài luận án

Nghiên cứu về mối tương quan giữa các chỉ tiêu được đo bằng siêu âm của lợn đực giống được kiểm tra năng suất cá thể và giá trị thân thịt của đời sau.

Nội dung

Kiểm tra độ chính xác của phương pháp đo siêu âm để xác định độ dày mỡ và độ dày cơ dài lưng.
Đánh giá độ chính xác của phương pháp đo siêu âm ở các lớp khối lượng khác nhau.
Xác định tương quan giữa độ dày mỡ lưng, độ dày cơ với tỷ lệ nạc ở lợn.
Xác định tương quan giữa độ dày mỡ lưng, độ dày mỡ phần bên, độ dày cơ dài lưng của lợn đực giống với tỷ lệ nạc của đời sau.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu về lai giống giữa lợn nội và lợn ngoại, góp phần nâng cao năng suất và tỷ lệ nạc trong ngành chăn nuôi lợn.
Nghiên cứu hoạt tính enzym máu và gen Halothan ở lợn (chủ trì - cấp Nhà nước).
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Ứng dụng di truyền học phân tử trong việc đánh giá tính năng sản xuất của gia súc, góp phần chọn lọc gia súc giống đạt năng suất, chất lượng và an toàn về dịch bệnh.



HOÀNG THỊ CHỈNH

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 28 - 05 - 1954.
Quê quán: Tam Thanh - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: 160/8 Võ Thị Sáu - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng dạy khoa Kinh tế nông nghiệp Trường Đại học Kinh tế Kế hoạch Hà Nội (nay là trường Kinh tế Quốc dân).
Giảng dạy - Chủ nhiệm bộ môn khoa Kinh tế phát triển Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
Thành viên của VAPEC, SEAMEO

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986
Tại Viện Nông nghiệp Trimiriazép Mátxcơva Liên Xô cũ.
Ngành Kinh tế nông nghiệp.

Đề tài luận án

Hoàn thiện thù lao lao động trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam có tính đến kinh nghiệm của các nông trang tập thể ở Liên Xô.

Nội dung

Dựa trên cơ sở nền tảng của học thuyết Mác-Lênin, phân tích quy luật phân phối theo lao động có tính đến những đặc điểm trong nền sản xuất hợp tác. Đồng thời đề cập đến các nguyên tắc, hình thức và hệ thống thù lao lao động áp dụng trong các nông trang tập thể và hợp tác xã.
Phân tích thực trạng quá trình phát triển các nông trang tập thể ở Liên Xô các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam, đặc biệt là vấn đề phân phối thu nhập và thù lao lao động của các hình thức tổ chức sản xuất này. Phân tích các điều kiện để áp dụng lương tháng ứng trước trong các nông trang tập thể và quá trình chuyển sang thù lao bằng tiền, không trả theo ngày công như trước.
Xem xét thực trạng thù lao lao động ở Việt Nam, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện thù lao lao động ở Việt Nam có tính đến kinh nghiệm của Liên Xô, bao gồm: thay đổi trình tự phân phối thu nhập bằng hiện vật; chuyển từ thù lao theo ngày công sang thù lao bằng tiền; tăng cường các biện pháp nhằm gắn chặt mối quan hệ giữa thù lao lao động với kết quả sản xuất cuối cùng...

Thành tựu khoa học

Một số đề tài đã chủ trì và tham gia:
Quy hoạch sản xuất hợp tác xã An Lạc huyện Bình Chánh thành phố Hồ Chí Minh.
Điều tra cơ bản tổng hợp đồng bằng sông Cửu Long.
Đề án chuyển Công ty tài chính cổ phần Seaprodex thành Ngân hàng thương mại cổ phần thuỷ sản Việt Nam.
Hoàn thiện công tác tổ chức quản lý ngành cao su Việt Nam.
Lộ trình tham gia vào AFTA đối với một số ngành công nghiệp chế biến chủ yếu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
Những biện pháp nâng cao trình độ dân trí và phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn huyện Ô Môn tỉnh Cần Thơ.
Sách đã xuất bản:
Giáo trình tổ chức quản lý xí nghiệp nông nghiệp - Trường Đại học Kinh tế.
Hiểu để làm ăn thành công với người Mỹ - Nxb Khoa học kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.
Giáo trình kinh tế quốc tế - Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
Bài tập kinh tế quốc tế - Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
Giáo trình kinh tế quốc tế - Nxb Giáo dục.
Và nhiều tài liệu tham khảo, bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành.

Dự định khoa học

Nghiên cứu lĩnh vực kinh tế học quốc tế, kinh tế khu vực và sự hội nhập của Việt Nam. Đồng thời nghiên cứu những vấn đề liên quan đến chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp và định hướng phát triển một số ngành.

Lời Tiến sĩ

Mong rằng đất nước ngày càng phồn vinh, điều đó phụ thuộc nhiều vào lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật - nguồn chất xám quý báu nhất của một quốc gia. Tuy nhiên để đội ngũ này phát huy tốt năng lực của mình, ngoài sự cố gắng của từng cá nhân thì một chính sách đãi ngộ thoả đáng của Chính phủ là rất quan trọng.



NGUYỄN HỮU CHỈNH

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 07 - 03 - 1946.
Quê quán: Gia Phú - Gia Viễn - Ninh Bình.
Chỗ ở hiện nay: 20 Đặng Kim Nở - Thành phố Hải Phòng.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội
Trợ giảng, giảng viên, tổ trưởng bộ môn - Đại học Y Thái Bình.
Nghiên cứu sinh tại Viện Hàn lâm Y học Liên Xô cũ.
Cán bộ giảng dạy Đại học Y Hải Phòng.
Phó trưởng bộ môn Giải phẫu.
Phó hiệu trưởng Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng.
Phó hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng.
Trưởng bộ môn Giải phẫu.
Hiện là Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng.
Phó Chủ tịch Hội Hình thái học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983.
Tại Viện Phẫu thuật thần kinh Burdenko, Mátxcơva thuộc Viện Hàn lâm Y học Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Ngoại thần kinh.

Đề tài luận án

Vai trò CT trong chẩn đoán, xác định đường vào và theo dõi trong điều trị u tuyến yên.

Nội dung

Xác định lợi ích của ứng dụng CT trong theo dõi, chẩn đoán u tuyến yên, và đường tối ưu vào mổ u tuyến yên. Kiểm tra, đánh giá kết quả phẫu thuật xây dựng nguyên tắc và thực hiện phối hợp thăm khám u tuyến yên bằng X quang cổ điển và CT để đạt kết quả tối ưu.

Thành tựu khoa học

Đã có trên 40 công trình nghiên cứu khoa học được công bố gồm các nhóm:
Các công trình về chẩn đoán, điều trị u tuyến yên.
Các công trình về chấn thương sọ não.
Các công trình về tổn thương trong tai nạn giao thông.
Các công trình về nghiên cứu phát triển thể chất theo lứa tuổi.
Các công trình về bệnh tật ở tuổi học đường.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sức khoẻ nhân dân.
Nhà giáo ưu tú.
Giải nhất Hội nghị khoa học - công nghệ trẻ các trường đại học y dược toàn quốc 1998.
Giải nhì tại Hội nghị khoa học - công nghệ trẻ y dược thành phố Hồ Chí Minh 2000.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về phát triển thể chất và bệnh tật theo lứa tuổi ở học sinh.
Bệnh nghề nghiệp.

Lời Tiến sĩ

Tôi mong muốn Đảng và Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho việc đào tạo cán bộ đại học, sau đại học; tạo điều kiện làm việc tốt hơn cho các nhà khoa học để họ có thể cống hiến nhiều hơn cho đất nước, cho khoa học.



VŨ ĐÀO CHỈNH

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 21 - 11 - 1934
Quê quán: Vĩnh Hồng - Bình Giang - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: 104 - A11 - Đồng Xa - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên Vật lý Trường cấp 3 Hải Dương.
Giảng viên Vật lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Học tập tại Cộng hoà dân chủ Đức.
Chuyên gia giáo dục tại Cămpuchia.
Hội viên Hội Vật lý Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Sư phạm - Tâm lý.
Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy vật lý.

Đề tài luận án

Phát triển tư duy học sinh bằng cách bồi dưỡng cho họ phương pháp nhận thức của vật lý thông qua dạy quang hình học ở lớp 12 trường phổ thông trung học.

Nội dung

Nghiên cứu cơ sở lý luận của các vấn đề: tư duy và phát triển tư duy, dạy học nêu vấn đề, phương pháp giả thiết thực nghiệm, phương pháp mô hình hoá, hộp đen, thí nghiệm trực diện nghiên cứu và một vài phương pháp riêng của quang hình học.
Kết quả thực nghiệm sư phạm cho thấy kiến thức về các phương pháp khoa học, quá trình tư duy quan trọng nhất, và việc sử dụng các dụng cụ vật lý - kỹ thuật cần được truyền thụ cho học sinh khi giảng dạy tất cả các phân môn của vật lý, như vậy sẽ có tác dụng phát triển tư duy.
Phương pháp nhận thức vật lý là nội dung kiến thức cơ bản của vật lý cần được hình thành cho học sinh ngay từ khi bắt đầu học vật lý. Việc làm này chắc chắn sẽ nâng cao chất lượng giáo dục.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu, ứng dụng:
Dạy học nêu vấn đề.
Nghiên cứu giảng dạy quang hình học ở Cộng hòa dân chủ Đức và vận dụng vào trường phổ thông trung học Việt Nam.
Áp dụng phương pháp giả thuyết - thực nghiệm vào giảng dạy vật lý
Giảng dạy các khái niệm và định luật vật lý.
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Bài giảng quang học - Nxb Giáo dục.
Phương pháp giảng dạy vật lý ở trường phổ thông trung học. Đại học Sư phạm Hà Nội 1.
Vật lý lớp 12 - Nxb Giáo dục.
Phương pháp giải bài tập vật lý sơ cấp. Đại học Sư phạm Hà Nội 1.
90 bài tập vật lý luyện thi đại học. Sở Giáo dục thành phố Hồ Chí Minh.
Ôn tập vật lý lớp 12 - Nxb Giáo dục.
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Lời Tiến sĩ

Để nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và chất lượng dạy học vật lý ở trường phổ thông nói riêng. Đối tác chủ yếu trong giờ dạy là học sinh, phương pháp giảng dạy cần phát huy tính tích cực chủ động của học sinh. Khi học vật lý học sinh phải được tiếp xúc với thí nghiệm vật lý nhiều hơn, tránh việc giảng dạy buồn tẻ, lý thuyết xuông không kích thích hứng thú học tập của học sinh.



LÊ ĐỨC CHÍNH

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 24 - 04 - 1932.
Quê quán: Hải Phòng.
Chỗ ở hiện nay:
D6B - 12 Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Chủ nhiệm khoa Nội.
Trưởng phòng Y vụ Bệnh viện tỉnh Thanh Hoá.
Phó Vụ trưởng Vụ Điều trị, Bộ Y tế.
Phó giám đốc Bảo hiểm y tế Việt Nam.
Cố vấn ngắn hạn Tổ chức y tế thế giới khu vực Tây Thái Bình Dương.
Hội viên sáng lập chống nhiễm khuẩn Châu Á - Thái Bình Dương.
Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ phòng chống HIV/AIDS.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Học viện Quân y.
Ngành Vệ sinh xã hội học và tổ chức y tế.

Đề tài luận án

Nghiên cứu một số vấn đề kinh phí y tế hiện nay ở Việt Nam.

Nội dung

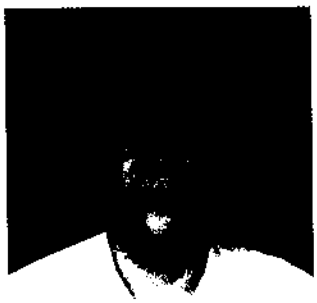
Điều tra tình hình kinh phí y tế bao gồm các nguồn ngân sách, thu một phần viện phí, bảo hiểm y tế và kinh phí cộng đồng tại các xã và bệnh viện các cấp.
Qua đánh giá tác động của mỗi nguồn kinh phí đến hoạt động y tế, đề xuất định hướng giải quyết kinh phí y tế ở nước ta là huy động tối đa tất cả các nguồn kinh phí hiện có, tiến tới ổn định kinh phí theo định hướng bảo hiểm y tế bắt buộc.

Thành tựu khoa học

Công trình nghiên cứu:
Đề án về thu một phần viện phí tại các bệnh viện.
Đề án hành nghề y dược tư nhân tại Việt Nam.
Phản xạ đồ gân gót.
Sách đã xuất bản:
Quản lý chương trình y tế tại tuyến xã.
Hướng dẫn thực hành điều trị
Sách dịch.
Cán bộ y tế cộng đồng - WHO geneve.
Hướng dẫn quản lý - Nxb Y học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu hoạt động của các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam.
Nghiên cứu về phòng chống HIV/AIDS tại Việt Nam.



LÊ VĂN CHÍNH

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 03 - 03 - 1958.
Quê quán:
Bản Quyến - Tú Đoạn - Lộc Bình - Lạng Sơn.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 11 khối 9 - phường Vĩnh Trại - thị xã Lạng Sơn.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Lâm nghiệp Quảng Ninh.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Kinh tế Bratislav, Cộng hoà Slovakia.
Chuyên viên phòng Tổng hợp, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Đại học Tổng hợp Kinh tế Bratislav, Cộng hoà Slovakia.
Ngành Kinh tế.
Chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

Đề tài luận án

Công cuộc chuyển đổi nền kinh tế Tiệp Khắc trong thời kỳ quá độ từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường.

Nội dung

Đánh giá, nhận xét có tính phê phán những khuyết tật của một nền kinh tế tập trung quan liêu ở Tiệp Khắc những năm trước 1990.
Tính tất yếu phải chuyển sang nền kinh tế thị trường ở Tiệp Khắc từ sau năm 1989.
Những điều kiện tiên quyết để chuyển một nền kinh tế tập trung quan liêu sang kinh tế thị trường.
Tư nhân hoá nền kinh tế quốc dân Tiệp Khắc, một điều kiện không thể thiếu của quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường.
Một số nhận định ban đầu về quá trình chuyển đổi nền kinh tế Tiệp Khắc sau năm 1990.

Dự định khoa học

Nghiên cứu những vấn đề chuyển đổi một nền kinh tế tập trung quan liêu sang kinh tế thị trường.



NGUYỄN CHÍNH

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 08 - 04 - 1952.
Quê quán: Quốc Tuấn - Nam Sách - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay
Giáp Bát - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Phó Trung tâm Bảo dưỡng dây máy bưu điện Hà Nam Ninh.
Trưởng đài Báo thoại bưu điện Hà Nam Ninh.
Giám đốc công ty Báo thoại bưu điện Hà Nam Ninh.
Phó giám đốc Bưu điện tỉnh Hà Nam Ninh, Nam Hà.
Hiện là Phó Giám đốc Công ty Thông tin di động Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2001.
Tại Viện nghiên cứu Kinh tế và Chính trị thế giới Viện Hàn lâm Khoa học Nga.
Chuyên ngành Kinh tế thế giới.

Đề tài luận án

Sự phát triển của ngành bưu chính viễn thông Việt Nam trên cơ sở thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Nội dung

Luận án đã tổng quát hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực bưu chính và viễn thông.
Đề xuất cải tiến hệ thống quản lý nhà nước, doanh nghiệp, các chính sách và chiến lược phát triển để thu hút vốn đầu tư nước ngoài đặc biệt là hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh.
Phân tích động thái phát triển hiện tại của ngành bưu chính - viễn thông Việt Nam và hướng phát triển của ngành trong chiến lược phát triển tổng thể tới 2010.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề án cấp Tổng công ty:
Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý, điều hành mạng thông tin di động.
Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện việc chuyển đổi mã tín hiệu C7 trên toàn mạng thông tin di động.
Lựa chọn thiết bị và xây dựng phương án triển khai hệ thống Prepaid trên mạng thông tin di động VMS.
Nghiên cứu, đổi mới nội dung quy trình đầu tư xây dựng để nâng cao hiệu quả đầu tư.
Báo cáo khoa học Nâng cao hiệu quả thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với nước ngoài của ngành bưu chính viễn thông Việt Nam.
Một số bài đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.
Chiến sỹ thi đua ngành bưu điện.
Huy chương Vì sự nghiệp bưu điện Việt Nam.

Dự định khoa học

Nghiên cứu hướng phát triển ngành bưu chính - viễn thông Việt Nam.
Đặc biệt nghiên cứu liên doanh và công ty cổ phần trong kinh doanh điện thoại di động.



NGUYỄN THỊ CHÍNH

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 14 - 02 - 1951.
Quê quán: Liên Minh - Vụ Bản - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 28 DH Điện Biên Phủ - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y khoa Pirogova Ôđetxa Liên Xô cũ.

Bác sĩ khoa Tim mạch Bệnh viện Hữu nghị Việt Xô.

Bác sĩ khoa Cấp cứu trung tâm Bệnh viện Hữu Nghị Việt Xô.

Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Y khoa Matxcơva - Pirogova - Liên Xô cũ.

Bác sĩ khoa Tim mạch Bệnh viện Hữu Nghị.

Phó trưởng khoa Tim mạch Bệnh viện Hữu Nghị.

Hiện là trưởng khoa Tim mạch Bệnh viện Hữu Nghị Hà Nội.

Giáo viên kiêm nhiệm các trường Đại học Thể dục Thể thao; Viện Quân y 103; Viện Khoa học giáo dục; Đại học Y - Dược thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy viên Ban chấp hành Hội những người học và làm việc tại Liên Xô cũ (Vinacorrvus).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.

Tại Trường Đại học Y khoa số 2 Pirogov - Matxcơva Liên Xô cũ.

Ngành Y

Đề tài luận án

Những thay đổi chuyển hoá canxi và đường ở bệnh nhân nhồi máu cơ tim.

Nội dung

Những chuyển hoá quan trọng nhất của cơ tim trong lúc thiếu oxy là chuyển hoá đường, nó là chất xúc tác chính tạo năng lượng cơ tim, còn canxi chuyển hoá tạo điều kiện cho các sợi cơ tim (miophibrin) co và giãn.

Luận án làm rõ mối quan hệ giữa rối loạn chuyển hoá đường và canxi ở bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp và đánh giá tác dụng của thuốc chẹn dòng canxi trong điều trị nhồi máu cơ tim cấp.

Kết quả nghiên cứu:

Bệnh nhồi máu cơ tim giai đoạn cấp làm giảm c-peptit, insulin dẫn đến đường huyết cao. Trong giai đoạn này ion canxi giảm rõ. Những bệnh nhân có rối loạn dung nạp đường lúc đói thì ion canxi thấp hơn so với bệnh nhân không có rối loạn dung nạp đường.

Điều trị corinfar (chẹn dòng canxi) không có kết quả rõ ràng trong việc làm giảm diện tích nhồi máu cơ tim giai đoạn cấp.

Thành tựu khoa học

Điều trị đau thắt ngực bằng oxy cao áp (cấp Nhà nước - tham gia).

Theo dõi bệnh nhân sau nhồi máu cơ tim (cấp Bộ - tham gia).

Sách đã xuất bản:

Bệnh tăng huyết áp nhồi máu cơ tim và các bệnh khác. Nxb Y học.

Nhiều bài nghiên cứu về tim mạch, về khoa học thường thức đăng trên các báo, tạp chí.

Hướng dẫn tốt nghiệp cho một số nghiên cứu sinh.

Huy chương Vì sức khoẻ nhân dân.

Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.



PHẠM LIÊM CHÍNH

Tiến sĩ Luật học

Sinh ngày: 18 - 03 - 1954.
Quê quán: Đông Ngạc - Từ Liêm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay:
Số 8 Nguyễn Bỉnh Khiêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Chuyên viên Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.
Hiện là luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.
Trưởng Văn phòng Luật sư chính và cộng sự Chinh & Associates Attomeys at Law.
Tham gia dạy luật kinh doanh và thương mại quốc tế tại một số trường đại học và các doanh nghiệp.
Hội viên Hội Sở hữu công nghiệp Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Paris II Panthéon-Assas, Cộng hoà Pháp.
Ngành Luật quốc tế.

Đề tài luận án

Trọng tài thương mại quốc tế ở Việt Nam.

Nội dung

Luận án đề cập các khía cạnh của trọng tài thương mại quốc tế ở Việt Nam về phương diện thể chế cũng như thực tế diễn biến của một vụ xét xử trọng tài.
Nghiên cứu về trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (TTTTQTVN), tổ chức trọng tài quy chế hàng đầu ở Việt Nam. Tác giả phân tích các giai đoạn của một vụ xét xử trọng tài thông qua so sánh các giải pháp được lựa chọn bởi các trọng tài viên của trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam với giải pháp thuộc các hệ thống pháp luật khác. Tác giả đã phân tích chi tiết 65 phán quyết của trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam.
Giới thiệu sự mở rộng và phát triển của trọng tài quốc tế ở Việt Nam, nghiên cứu các triển vọng, tương lai và cơ hội đánh giá, bình luận về chế độ công nhận thi hành ở Việt Nam các phán quyết của trọng tài nước ngoài.
Công trình nghiên cứu sự tiến triển tích cực trong lĩnh vực trọng tài thương mại quốc tế ở Việt Nam và hy vọng pháp luật về trọng tài sẽ hoàn thiện, đủ khả năng đưa trọng tài Việt Nam hoà nhập cộng đồng quốc tế để trọng tài trở thành công lý bảo đảm sự công bằng, thoả đáng và hữu hiệu ở Việt Nam và các nước.

Thành tựu khoa học

Tổng kết sự phát triển và trưởng thành của trọng tài thương mại quốc tế của Việt Nam.

Dự định khoa học

Viết sách và tư vấn về luật kinh doanh và thương mại quốc tế.

Lời Tiến sĩ

Mong Việt Nam ngày càng phát triển thịnh vượng và thành công trong quá trình hội nhập quốc tế. Mong đất nước có một hệ thống pháp luật hoàn thiện, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế và mọi công dân ứng xử theo pháp luật để Việt Nam trở thành một nhà nước pháp quyền.



PHẠM QUỐC CHÍNH

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 01 - 09 - 1963.
Quê quán: Phương Trung - Thanh Oai - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 25B - phường Hoàng Văn Thụ - Thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình công tác

Cán bộ Sở Tài chính Bắc Thái.
Cán bộ Cục thuế Bắc Thái.
Phó phòng Thuế sản xuất - xây dựng cơ bản, Cục thuế Thái Nguyên.
Hiện là chuyên viên văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Kinh tế, quản lý và kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân.

Đề tài luận án

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả của đầu tư chiều sâu trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Bắc Thái khi chuyển sang nền kinh tế thị trường.

Nội dung

Khái quát những vấn đề lý luận về đầu tư và hiệu quả đầu tư chiều sâu ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nền kinh tế thị trường.

Đánh giá thực trạng của đầu tư, hiệu quả đầu tư chiều sâu trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Bắc Thái (trước và sau đổi mới).

Những quan điểm, phương hướng và biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư chiều sâu trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Hoàn thiện đổi mới cơ chế quản lý quá trình đầu tư chiều sâu.

Huy động và sử dụng nguồn vốn phát triển thị trường đầu tư và thị trường các yếu tố sản xuất.

Đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:

Vốn đầu tư cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nền kinh tế thị trường. Nxb Thống kê.

Phát triển nông - công nghiệp ở một huyện miền núi - Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế nông thôn nước ta hiện nay.

Vài nét về cơ cấu công - nông nghiệp ở Bắc Thái - Về phát triển kinh tế nông thôn nước ta hiện nay.

Xí nghiệp chế biến thực phẩm Bắc Thái - Thực trạng và những vấn đề cần giải quyết.

Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ - Sự tồn tại và phát triển - Nxb Nông nghiệp

Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng ở Bắc Thái - Thực trạng và những giải pháp - Nxb Thống kê.

Dự định khoa học

Nghiên cứu cải thiện môi trường đầu tư ở tỉnh Thái Nguyên.

Lời Tiến sĩ

Tôi mong rằng những nhà khoa học hãy trở về với khoa học.



TRẦN VĂN CHÍNH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 19 - 08 - 1954
Quê quán: Hưng Tiến - Hưng Nguyên - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Hoà Khánh - Liên Chiểu - Đà Nẵng.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng.
Học tiếng Đức tại Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại TU Chemnitz Karl-Marx-Stadt, Cộng hòa dân chủ Đức cũ.
Phó chủ nhiệm khoa Điện Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng.
Hiện là Phó hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Đà Nẵng.
Hội viên Hội Tự động hoá Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988
Tại TU Karl-Marx-Stadt (nay là TU Chemnitz), Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Chuyên ngành Điện kỹ thuật.

Đề tài luận án

Nghiên cứu sự già hoá cách điện của máy điện hạ áp.

Nội dung

Nghiên cứu độ bền cơ điện và nhiệt của lớp cách điện của dây dẫn dùng trong các máy điện hạ áp. Kết quả nghiên cứu được dùng làm giá trị chuẩn trong các bộ bảo vệ thông minh động cơ. Luận án đã chỉ ra rằng bên cạnh cơ chế đánh thủng cách điện do lớp cách điện bị hao mòn do nhiệt còn xảy ra hiện tượng đánh thủng cơ học. Các kết quả thực nghiệm đã đồng nhất với mô hình tính toán. Công trình cũng chỉ ra chất lượng các loại dây được dùng trong máy điện hạ áp và đưa ra giá trị chuẩn để có thể kết luận và dự đoán về tuổi thọ của thiết bị điện.

Thành tựu khoa học

Đề tài (cấp Bộ) mã số: B94-15-05.
Đề tài (cấp Bộ) mã số: B96-15-09.
Đề tài (cấp Bộ) mã số B01-15-05.
Sách đã xuất bản:
Giáo trình máy điện.
Giáo trình tin học và ứng dụng trong tính toán - Nxb Giáo dục.
Một số bài đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tối ưu hoá điện máy.



VŨ ĐÌNH CHÍNH

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 15 - 02 - 1954.
Quê quán: Nhân Quyền - Bình Giang - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: 90 Bạch Đằng - Trần Phú - Thành phố Hải Dương.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Học viện Quân y.
Chủ nhiệm Quân y R910 Thuận Hải.
Trợ lý phòng Quân y quân chủng không quân.
Bác sỹ, chủ nhiệm khoa.
Học viên lớp chuyên khoa cấp 1 Học viện Quân y.
Học viên lớp chuyên khoa cấp 2 Trường Đại học Y Hà Nội.
Thượng tá - Phó giám đốc Bệnh viện 7 Quân khu 3.
Phó Hiệu trưởng, Hiệu trưởng trường Trung học kỹ thuật Y tế I.
Hiện là Hiệu trưởng Trường Cao đẳng kỹ thuật Y tế I.
Hội viên Hội Thấp khớp học Việt Nam.
Hội Tim mạch học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Bệnh học nội khoa.

Đề tài luận án

Nghiên cứu loãng xương và một số yếu tố liên quan tới loãng xương ở phụ nữ sau mãn kinh thuộc huyện Cẩm Bình tỉnh Hải Hưng.

Nội dung

Nghiên cứu ngẫu nhiên 3653 trường hợp phụ nữ sau mãn kinh (MK) thuộc vùng nông thôn Hải Hưng để tìm hiểu đặc điểm về tuổi, thể lực, tình hình sinh đẻ, tình trạng kinh nguyệt và mối liên quan tới những đặc điểm lâm sàng của bệnh lý loãng xương (LX), các dấu hiệu lâm sàng của LX tương quan một cách có ý nghĩa với tuổi, thể lực và thời gian MK. Bằng phương pháp lâm sàng, X-quang, sinh hoá trên 200 phụ nữ MK chọn ngẫu nhiên trong mẫu nghiên cứu thấy tỷ LX chiếm 19%. Tỷ lệ này tăng theo tuổi và thời gian MK. Tốc độ mất xương trung bình là 1,96%/năm, số phụ nữ có tốc độ mất xương nhanh chiếm 37,4%, tốc độ mất xương cao nhất ở độ tuổi 50 - 65 trong vòng 10 - 15 năm đầu sau MK.
Đề xuất:
Phụ nữ sau MK có một số yếu tố nguy cơ của LX như: chiều cao, cân nặng, chỉ số khối cơ thể thấp, MK sớm trước tuổi 45, đẻ nhiều, có tốc độ mất xương nhanh trên 2%/năm nên được theo dõi và hướng dẫn điều trị dự phòng.
Đối với nước ta hiện nay để chẩn đoán xác định LX trên X quang, đặc biệt ở những phụ nữ sau MK chỉ cần chụp phim cột sống nghiêng từ D_7 - L_4 (phương pháp của Meunieer).

Thành tựu khoa học

Gần 20 đề tài được công bố trên tạp chí chuyên ngành trong nước.
Nhiều lần báo cáo ở hội nghị khoa học toàn quốc, có quốc tế tham dự.
Bằng lao động sáng tạo.
Thầy thuốc ưu tú.

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu mở rộng đề tài bệnh Gút.
Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực kỹ thuật viên y tế trong 5 năm (1996 - 2000) ở khu vực miền Bắc Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Là một thầy thuốc trưởng thành trong quân đội, tôi hy vọng sẽ đóng góp nhiều hơn nữa cho công tác đào tạo kỹ thuật viên y tế và nghiên cứu khoa học.



VŨ ĐÌNH CHÍNH

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 26 - 11 - 1955.
Quê quán: Đồng Cam - Sông Thao - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay
Tập thể Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy.
Trưởng bộ môn Cây công nghiệp và Cây thuốc Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Ngành Trồng trọt
Chuyên ngành Chọn giống và nhân giống.

Đề tài luận án

Nghiên cứu tập đoàn để chọn tạo giống đậu tương thích hợp cho vụ hè vùng đồng bằng trung du Bắc Bộ.

Nội dung

Đối với vùng đồng bằng trung du Bắc Bộ, vụ đậu tương hè chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng góp phần tăng vụ, tăng thu nhập, cải tạo đất. Tuy nhiên năng suất đậu tương hè còn thấp. Một trong những nguyên nhân là bộ giống đậu tương hè còn ít, đặc biệt giống ngắn ngày.

Góp phần giải quyết vấn đề trên, tác giả đã nghiên cứu chọn tạo ra một số dòng giống đậu tương có năng suất cao, thích hợp trong điều kiện vụ hè.

Xác định mối tương quan giữa một số chỉ tiêu sinh trưởng với năng suất, trên cơ sở đó xây dựng mô hình cây đậu tương trong hè có năng suất cao.

Kết quả, đã tham gia lai tạo ra giống đậu tương ĐT93 ngắn ngày thích hợp cho vụ đậu tương hè sớm tăng vụ giữa hai vụ lúa ở vùng đồng bằng trung du Bắc Bộ là lúa xuân - đậu tương hè sớm - lúa mùa muộn.

Thành tựu khoa học

Được cấp bằng sáng tạo về kết quả chọn tạo giống lạc B5000.

Lai tạo được giống đậu tương D140 năng suất cao thích hợp gieo trồng ba vụ mùa mỗi năm ở các tỉnh phía Bắc.



NGUYỄN HỮU CHU

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 09 - 12 - 1940.
Quê quán: Duy An - Duy Xuyên - Quảng Nam
Chỗ ở hiện nay: 41/9 Trần Quý Cáp - thành phố Đà Nẵng.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Viện Hàn lâm Mỏ Freiberg Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Cán bộ giảng dạy Đại học Bách khoa Đà Nẵng cũ và Đại học Kỹ thuật Đà Nẵng.
Thực tập sinh cao cấp tại INP Grenoble Cộng hoà Pháp.
Trưởng phòng Đào tạo - Công tác chính trị Đại học Đại cương - Đại học Đà Nẵng.
Thực tập sinh cao cấp tại Viện Hàn lâm Mỏ Freiberg - Germany.
Hiện là Phó trưởng ban Thanh tra giáo dục - CTTĐ Đại học Đà Nẵng.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Đúc - Luyện kim Việt Nam.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1973.
Tại Viện Hàn lâm Mỏ Freiberg - Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Chuyên ngành Kim loại học

Đề tài luận án

Cường hoá quá trình tạo thành lớp gỉ bảo vệ ăn mòn trên bề mặt thép kết cấu hợp kim thấp bền ăn mòn trong khí quyển.

Nội dung

Luận án có mục đích giải quyết vấn đề về quá trình hình thành lớp gỉ bảo vệ ăn mòn trên bề mặt thép kết cấu hợp kim thấp bền ăn mòn trong khí quyển và tìm ra phương pháp Test đặc trưng trong phòng thí nghiệm áp dụng cho thép này.
Qua đó đã chứng minh được: sau mười ngày làm Test trong những điều kiện nhất định của phòng thí nghiệm, có thể mô phỏng quá trình ăn mòn của thép này trong tự nhiên dài 12 tháng tại Freiberg. Tính chất của lớp gỉ bảo vệ ăn mòn trên bề mặt thép kết cấu hợp kim thấp bền ăn mòn trong khí quyển được đánh giá bằng những phương pháp phân tích vật lý hiện đại.
Chứng minh được lớp gỉ bảo vệ ăn mòn trên bề mặt thép được tạo ra trong phòng thí nghiệm gần giống lớp gỉ bảo vệ ăn mòn được hình thành trong điều kiện tự nhiên trên bề mặt thép cùng loại.

Dự định khoa học

Nghiên cứu hợp kim hoá cục bộ bề mặt thép để nâng cao chất lượng lớp bề mặt chi tiết máy.



THÁI BÁ CHU

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 11 - 07 - 1955.

Quê quán: Thị trấn Cầu Giát - Quỳnh Lưu - Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Tập thể Viện Khoa học công nghệ xây dựng - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Kỹ sư phòng Hàn và kim loại Viện Khoa học kỹ thuật xây dựng (nay là Viện Khoa học công nghệ xây dựng).

Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp kỹ thuật Xanh Pêtécbua - Liên bang Nga.

Hiện công tác tại phòng thí nghiệm công trình (bộ môn hàn và kim loại). Viện Khoa học công nghệ xây dựng.

Hội viên Hội Hàn Việt Nam.

Hội NDT (không phá huỷ).

Thành viên Tiểu ban kỹ thuật hàn Việt Nam.

TCVN/TC 44/SC11.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.

Tại Trường Đại học Tổng hợp kỹ thuật Xanh Pêtécbua - Liên bang Nga.

Ngành Cơ khí

Chuyên ngành Thiết bị và Công nghệ hàn.

Đề tài luận án

Nghiên cứu những ảnh hưởng hình dạng và kích thước kết cấu tới tốc độ dẻo của các liên kết hàn.

Nội dung

Mức độ dẻo đối với kết cấu thép phần lớn được thiết lập trên cơ sở thực nghiệm và phụ thuộc vào kích thước hình học, hình dạng và ứng suất trong liên kết. Vì vậy, để ngăn ngừa sự phá huỷ giòn cần phải xác định được phương pháp tính yêu cầu độ dẻo có kể đến các nhân tố ảnh hưởng nêu trên. Mục tiêu của đề tài là thiết lập chương trình tính toán yêu cầu độ dẻo của một số dạng kết cấu hàn dạng phẳng và dạng không gian. Phương pháp được sử dụng trong đề tài là phương pháp phần tử biên. Các điểm mới của đề tài là: lập trình tình trạng thái ứng suất biến dạng của các liên kết hàn không gian bằng phương pháp phần tử biên; tính độ lún đàn hồi cho liên kết hàn; thiết lập tính cộng tác dụng để tính độ lún đàn hồi khi có tổng trường ứng suất; xác định các sai số trong các công thức gần đúng hiện có để tính độ lún đàn hồi.

Thành tựu khoa học

Tổng kết các phương pháp hàn chính đã sử dụng trong ngành xây dựng.

Nghiên cứu ứng dụng phương pháp hàn bán tự động trong môi trường khí bảo vệ cácbonnic.

Đánh giá tình trạng thép cốt đã sử dụng ở khu vực miền Bắc.

Phương pháp thử uốn và thử uốn lại thép cốt trong bê tông.

Hàn hồ quang tay thép cốt trong bê tông.

Dự định khoa học

Nghiên cứu để đưa ra các dạng liên kết mới, mối nối mới trong kết cấu thép.

Lời Tiến sĩ

Mong muốn Nhà nước thành lập một Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam có quy mô và tầm cỡ quốc tế.



TRẦN VĂN CHU

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 21 - 11 - 1929.
Quê quán: Đông Hưng - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 127 - Nhà B1 Thành Công - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tham mưu trưởng tiểu đoàn cao xạ.
Cán bộ Bộ Ngoại thương (Tổng Công ty nhập máy và kỹ thuật).
Tốt nghiệp Đại học Quan hệ quốc tế Matxcơva Liên Xô cũ.
Trưởng phòng Giáo vụ Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Quan hệ quốc tế Matxcơva (IMO)
Phó Vụ trưởng Vụ xã hội chủ nghĩa Bộ Ngoại thương.
Tham tán Ngoại thương tại Hội đồng Tương trợ kinh tế Matxcơva (SEV).
Vụ trưởng Liên Xô và SEV Bộ kinh tế đối ngoại.
Viện trưởng Viện Kinh tế đối ngoại Bộ Thương mại.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.
Hiện là Phó Hiệu trưởng Trường Đại học dân lập Quản lý và Kinh doanh Hà Nội.
Uỷ viên Trung ương Hội Khoa học kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1974.
Tại Trường Đại học Quan hệ quốc tế Matxcơva (IMO) Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Kinh tế đối ngoại và ngoại thương.

Đề tài luận án

Thị trường và ngoại thương các thiết bị về năng lượng điện thế giới (nhiệt điện, thuỷ điện và điện nguyên tử).

Nội dung

Vai trò và sự phát triển lực lượng sản xuất, khoa học kỹ thuật của xã hội loài người, sự tiến bộ khoa học kỹ thuật và sản xuất thiết bị điện năng của thế giới từ khi phát minh ra điện. Độc quyền sản xuất thiết bị, thị trường thiết bị thế giới nói chung và thiết bị điện năng.
Sự phân công quốc tế và phát triển thiết bị ở các nước trên thế giới, thị trường thiết bị điện năng thế giới. Chính sách của các nước xuất nhập khẩu thiết bị điện năng, các tổ chức quốc tế về thiết bị điện năng thế giới phát triển ngoại thương, hàng thiết bị điện năng, vấn đề giá cả thiết bị.
Các tổ chức hiện đại, hình thức và phương thức tiêu thụ thiết bị; tổ chức và các kỹ thuật buôn bán thiết bị điện năng thế giới, cạnh tranh ở thị trường thiết bị và thực hiện mục bán hiện đại về, hàng thiết bị điện năng ở thế giới.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài:
Điều kiện chung giao hàng giữa các thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).
Dự án phát triển khu công nghiệp Quy Nhơn (Bình Định).
Sách đã xuất bản:
Phát triển ngoại thương Việt Nam in bằng tiếng Nga, dịch ra tiếng Đức ở Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV).
Cung cấp phụ tùng, bảo dưỡng kỹ thuật máy thiết bị của các nước thành viên Hội đồng Tương trợ kinh tế SEV (tiếng Nga).
Các khu chế suất châu Á.
Từ điển Ngoại thương Anh Việt. Nxb Khoa học.
Nghiệp vụ xuất nhập khẩu và đầu tư Licosa. Nxb Hà Nội.
Nghiệp vụ kinh doanh thương mại quốc tế. Nxb Đại học Quốc gia.
Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV) khen thưởng về thành tích nghiên cứu ứng dụng ngoại thương các nước SEV.
Huân chương chống Pháp và chống Mỹ.

Dự định khoa học

Chủ trì và viết 6 giáo trình cho khoa Thương mại Trường Đại học Quản lý và Kinh doanh Hà Nội.
Viết sách về kinh tế đối ngoại và nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu.



BÙI ĐÌNH CHỦ

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 1 - 1 - 1958.
Quê quán: Thuận Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 13 Lý Nhật Quang - Thành phố Vinh - Nghệ An.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học và nghiên cứu sinh tại Đại học Quản lý Kinh tế Matxcơva - Liên Xô cũ.
Công tác tại Ban Kinh tế Quân khu 4 và Công ty Hợp tác Kinh tế Quân khu 4.
Hiện công tác tại Phòng kinh tế Quân khu 4.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Đại học Quản lý Kinh tế Matxcơva - Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Kinh tế, kế hoạch, tổ chức quản lý công nghiệp và năng lượng.

Đề tài luận án

Tổ chức hệ thống sửa chữa thiết bị ngành điện lực Việt Nam.

Nội dung

Phân tích thực trạng ngành điện lực Việt Nam, những điểm yếu trong tổ chức, kế hoạch hoá sửa chữa thiết bị các nhà máy phát điện và hệ thống trạm, đường dây chuyển tải, phân phối điện.

Từ đó, tìm ra các giải pháp tối ưu trong việc tổ chức hệ thống các trung tâm bảo trì, sửa chữa của ngành điện lực Việt Nam, đảm bảo độ tin cậy, hiệu quả cho hoạt động của hệ thống điện quốc gia.
Phân tích các vấn đề lý luận, thực tiễn tổ chức, quản lý hoạt động bảo trì, sửa chữa thiết bị năng lượng.
Dự báo khả năng, chiến lược phát triển hệ thống điện Việt Nam.
Nghiên cứu kinh nghiệm tổ chức, quản lý, dự báo, kế hoạch hoá hoạt động bảo trì, sửa chữa thiết bị ngành điện của nước ngoài.
Đề xuất cơ cấu, hình thức tổ chức hệ thống bảo trì, sửa chữa thiết bị ngành điện Việt Nam trong tương lai.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Cải tiến tổ chức và công tác quản lý ở các doanh nghiệp quân đội.
Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc tự động hoá lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ở doanh nghiệp.



NGUYỄN TRỌNG CHUẨN

Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 18 - 12 - 1940.
Quê quán: Hà Lĩnh - Hà Trung - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: Phòng 6 - Nhà C3 - Khu tập thể Khoa học xã hội - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ Viện Triết học - Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia.
Uỷ viên Tổ biên tập Chiến lược kinh tế - xã hội của Chính phủ và Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
Hiện là Viện trưởng Viện Triết học kiêm Tổng biên tập *Tạp chí Triết học.*
Uỷ viên Hội đồng học hàm Nhà nước chuyên ngành triết học - xã hội học.
Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam.
Được phong Giáo sư năm 1986.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.
Tại Viện Triết học - Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.
Ngành Các khoa học Triết học.

Đề tài luận án

Vai trò của sinh học trong tiến bộ khoa học - kỹ thuật (Những khía cạnh triết học - xã hội).

Nội dung

Những biến đổi quan trọng trong tri thức sinh học hiện đại; các tiền đề của những biến đổi này dựa trên nguyên tắc tính kế thừa trong sự phát triển các cơ sở lý thuyết và triết học của sinh học; Các yếu tố khoa học xã hội quyết định sự phát triển của sinh học; xem xét sự tác động lẫn nhau giữa sinh học và các khoa học khác với tính cách là động lực của sự phát triển sinh học; chỉ ra mối liên hệ qua lại giữa sinh học và tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong thời đại ngày nay, vai trò của sinh học trong việc thúc đẩy tiến bộ khoa học - kỹ thuật và sự phát triển kinh tế - xã hội

Thành tựu khoa học

Những đề tài nghiên cứu:
C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về chủ nghĩa xã hội và về thời kỳ quá độ (chủ nhiệm cấp Nhà nước).
Hồ Chí Minh về con người và chính sách xã hội (tham gia - cấp Nhà nước).
Vấn đề phát huy và sử dụng đúng đắn vai trò động lực của con người trong sự phát triển kinh tế - xã hội (phó chủ nhiệm - cấp Nhà nước).
Giáo trình quốc gia về triết học (tham gia - cấp Nhà nước).
Chủ nghĩa xã hội - từ lý luận đến thực tiễn. Những bài học kinh nghiệm (phó chủ nhiệm - cấp Nhà nước).
Điều tra cơ bản nguồn nhân lực các tỉnh miền Trung phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Tiến bộ xã hội: một số vấn đề lý luận cấp bách (cấp Bộ).
Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên trong sự phát triển xã hội (cấp Bộ).
Sách đã xuất bản:
Vai trò phương pháp luận của triết học Mác - Lênin đối với sự phát triển của khoa học tự nhiên (đồng tác giả). Nxb. Khoa học xã hội.
Cách mạng khoa học - kỹ thuật trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (Đồng tác giả).
Cách mạng khoa học - kỹ thuật và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (chủ biên). Nxb Tiến bộ. Matxcơva, (tiếng Nga).
Về sự phát triển của xã hội ta hiện nay (chủ biên).
Tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công cuộc đổi mới (chủ biên). Đêcáctơ.
Cantơ - người sáng lập nền triết học cổ điển Đức (chủ biên). Nxb. Khoa học xã hội.
Quan niệm của Hêghen về lịch sử triết học.
Vấn đề tư duy trong triết học Hêghen.
Sức sống của một tác phẩm triết học (chủ biên).
Quan niệm của Hêghen về lịch sử triết học. Nxb. Chính trị Quốc gia.
Và trên 100 công trình đã công bố ở trong và ngoài nước.
Tham gia đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.

Dự định khoa học

Nghiên cứu triết học.

Lời Tiến sĩ

Nhà nước cần đầu tư thích đáng cho nghiên cứu khoa học cơ bản.



LƯU VĂN CHÚC

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 15-2-1950
Quê quán: Đồng Tân - Ứng Hoà - Hà Tây
Chỗ ở hiện nay: 13/84 đường Lĩnh Nam - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Ham Hưng, CHDCND Triều Tiên.
Công tác tại Viện Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật Bảo hộ Lao động - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
Nghiên cứu viên Phòng Nghiên cứu Phương tiện Bảo vệ cá nhân, Viện nghiên cứu Khoa học kỹ thuật Bảo hộ Lao động.
Thực tập khoa học tại các Viện Bảo hộ Lao động Liên Xô.
Nghiên cứu sinh trường Đại học kỹ thuật Carl Schorlemmar - Leuna-Merseburg, CHDC Đức.
Nghiên cứu viên chính, Trưởng phòng Nghiên cứu phương tiện bảo vệ cá nhân, Viện Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật Bảo hộ Lao động.
Giáo viên kiêm chức Trường Đại học Công đoàn.
Giảng viên kiêm chức của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO).
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Khoa học kỹ thuật An toàn và Vệ sinh lao động (VOSHA).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986
Tại Trường Đại học Kỹ thuật Carl Schorlemmar - Leuna-Merseburg, CHDC Đức.
Ngành Kỹ thuật vật liệu.
Chuyên ngành Vật liệu Polyme.

Đề tài luận án

Nghiên cứu mối quan hệ giữa cấu trúc trên phân tử và tính chất của Polyvinylclorid (PVC) chịu lực được biến tính bằng cao su.

Nội dung

Polyvinylchlorid (PVC) là loại chất dẻo được sử dụng rộng rãi nhất. Song PVC có độ bền va đập rất thấp ở nhiệt độ thấp (dưới 273K), dễ bị lão hoá do tác dụng của nhiệt, do vậy bị hạn chế sử dụng làm các cấu kiện xây dựng. Để nâng cao được các tính chất trên, cần phải biến tính PVC bằng một số loại cao su.
Tác giả đã dùng công nghệ hoà trộn để biến tính PVC bằng 2 loại cao su: Methylmethacrylat-Butadien-Styren (MBS) và Polyacrylester phân tán dạng hình cầu, dùng kính hiển vi điện tử, các thiết bị đo độ bền cơ lý, các thiết bị xác định tính chất nhiệt, chảy, điện để nghiên cứu định tính và định lượng mối quan hệ giữa điều kiện gia công, cấu trúc và các tính chất của PVC được biến tính. Trên cơ sở đó đã xác định được điều kiện hợp lý nhất cho quá trình biến tính nhằm tạo được loại vật liệu có độ bền va đập cao, ít bị lão hoá do nhiệt, dễ gia công.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm trên 10 đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ.
Nghiên cứu đưa vào sản xuất giầy, ủng chống xăng, dầu mỡ (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu soạn thảo danh mục phương tiện bảo vệ cá nhân cung ứng cho các chuyên nghề khác nhau (cấp Nhà nước).
Chủ trì soạn thảo, dịch và hiệu đính 24 tiêu chuẩn Nhà nước (TCVN) về Phương tiện BVCN.
Nhiều bài viết, báo cáo khoa học và giáo trình chuyên ngành.
Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.
Bằng lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
Huy chương Vì sự nghiệp công đoàn.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng những thành tựu khoa học mới về công nghệ tin học, vật liệu mới trong xây dựng.
Viết giáo trình chuyên ngành.



BÙI ĐÌNH CHUNG

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 10 - 02 - 1940.
Quê quán: Nam Thanh - Nam Trực - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 1A/190 Lê Lai - Hải Phòng.

Quá trình công tác

Cán bộ Trạm nghiên cứu cá biển.
Trưởng phòng.
Phó Viện trưởng.
Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hải sản.
Nghiên cứu viên cao cấp.
Phó chủ tịch Hội đồng Khoa học công nghệ thành phố Hải Phòng.
Uỷ viên Ban chấp hành:
Liên hiệp các Hội Khoa học Hải Phòng.
Thường vụ Hội Nghề cá Việt Nam.
Trung ương Hội Khoa học kỹ thuật biển Việt Nam.
Tổng hội Sinh học Việt Nam.
Thành viên:
Hội các nhà khoa học biển Đông Nam Á.
Viện Hàn lâm Khoa học New York, Mỹ.
Giám đốc dự khuyết Hội đồng trung tâm phát triển nghề cá Đông Nam Á (SEAFDEC).
Phó chủ tịch Hội đồng khoa học công nghệ Bộ Thuỷ sản.
Được phong Giáo sư năm 1991.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.
Tại Trường Đại học Rostock Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Chuyên ngành Sinh học nghề cá.

Đề tài luận án

Nguồn lợi nghề cá biển Việt Nam và những vấn đề sử dụng hợp lý (có so sánh với các vùng biển nhiệt đới khác).

Nội dung

Nghiên cứu về tập tính và sự phân bố các đàn cá, sự di cư thẳng đứng ngày đêm. Đánh giá trữ lượng và khả năng khai thác cá bằng phương pháp thuỷ âm lần đầu tiên được thực hiện ở biển Việt Nam.
Đặc điểm hải dương - sinh vật học và khu hệ cá kinh tế vùng biển Đông.
Khu hệ cá kinh tế trên toàn vùng biển Việt Nam.
Tình hình phát triển nghề cá của một số nước nhiệt đới - những kinh nghiệm.
Những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả khai thác cá: gió, hướng kéo lưới, thời gian đánh bắt và tốc độ kéo lưới...), phương pháp và công cụ đánh bắt, biện pháp tổ chức đánh bắt.
Các biện pháp lớn để bảo vệ nguồn lợi.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài cấp Nhà nước:
Nghiên cứu nguồn lợi cá nổi vùng biển Thuận Hải - Minh Hải.
Biên tập các bản đồ nghề cá trong chương trình Atlas quốc gia.
Hoàn thiện đánh giá trữ lượng cá biển Việt Nam.
Nghiên cứu nguồn lợi đặc sản (mực, tôm vỗ) ở biển Việt Nam.
Điều tra nguồn lợi và môi trường vùng biển gần bờ phục vụ phát triển nghề cá bền vững.
Tham gia biên tập một số công trình về khoa học biển và nguồn lợi biển.
Giải thưởng khoa học Nhà nước (tập thể) cho cụm công trình nghiên cứu về nguồn lợi hải sản Việt Nam.
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp phát triển nghề cá.

Dự định khoa học

Nghiên cứu nguồn lợi sinh vật biển Việt Nam.



ĐẶNG HỮU CHUNG

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 21 - 7 - 1957.
Quê quán: Hoà Thọ - Hoà Vang - Đà Nẵng.
Chỗ ở hiện nay: 5/4/3/10 Hoàng Quốc Việt - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Toán Cơ, Đại học Tổng hợp Huế.
Nghiên cứu sinh tại Viện Cơ học Hà Nội.
Nghiên cứu sau tiến sĩ tại HR Wallingford (Anh Quốc).
Nghiên cứu tại Đại học Utrecht (Hà Lan).
Hiện là cán bộ nghiên cứu Viện Cơ học.
Hội viên Hội Cơ học Việt Nam.
Hội Nghiên cứu Thuỷ lực quốc tế (IAHR).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Viện Cơ học, Hà Nội.
Ngành Toán lý.
Chuyên ngành Cơ học chất lỏng, chất khí và plasma.

Đề tài luận án

Lý thuyết khuếch tán suy rộng về dòng vận tải bùn cát có tương tác với đáy.

Nội dung

Trên cơ sở lý thuyết khuếch tán suy rộng xây dựng hệ phương trình toán học mô tả dòng chảy có vận tải các hạt lơ lửng trong kênh hở có chú ý đến quá trình trao đổi với đáy. Từ hệ phương trình thu nhận được đã tiến hành khảo sát đặc trưng toán học và đã xác định được năm tốc độ đặc trưng khác nhau tuỳ thuộc vào trạng thái của dòng chảy. Sóng nhiễu do biến dạng đáy chỉ truyền đi với một tốc độ đặc trưng, trong khi đó các nhiễu động đối với pha lỏng và pha rắn đều truyền đi với hai tốc độ khác nhau. Đặc biệt, khi dòng chảy không chứa các hạt lơ lửng các giá trị tìm được trùng với các kết quả thu nhận trước đây bởi de Vries (1965) và J.A.Cunge và N.Perdreau (1973). Một số vấn đề mất ổn định phi tuyến đối với dòng chảy trong kênh hở nghiêng mang theo các hạt lơ lửng chịu kích động bé đã được nghiên cứu và xác định được điều kiện tới hạn của mất ổn định.

Thành tựu khoa học

Các công trình khoa học tiêu biểu đã công bố:
Phương pháp khuếch tán đối với vận tải bùn cát lơ lửng chịu tác động của sóng (đồng tác giả).
Mô phỏng số quá trình địa mạo đối với vùng bờ biển miền Trung Việt Nam.
Kết quả thí nghiệm về vận chuyển bùn cát dưới tác động của sóng trong máng sóng lớn.
Mô hình một chiều đứng vận tải bùn cát lơ lửng dưới tác động của sóng trong điều kiện đáy gợn sóng.
Vận tải bùn cát lơ lửng do sóng không đều trong điều kiện đáy gợn sóng (đồng tác giả).
Phân tích vận tải bùn cát do sóng đều và không đều trong máng sóng.
Tốc độ tải bùn cát trung bình tích phân độ sâu trong đới sóng đổ (đồng tác giả).
Mô phỏng số lớp bùn lỏng vùng cửa sông và ven biển dưới tác động của dòng và sóng.
Mô hình toán về sự lắng bùn ở bãi triều của vùng cửa sông Severn (đồng tác giả).
Đối lưu tự nhiên liên hợp của chất lượng quy luật mũ trong kênh thẳng đứng có thành dày chịu ảnh hưởng của nguồn nhiệt.
Sự ổn định của dòng chảy thay đổi dần trong kênh hở có đáy.

Dự định khoa học

Nghiên cứu lý thuyết và ứng dụng mô hình toán học trong việc tính toán dự báo sự vận tải bùn cát và biến dạng đáy các vùng ven biển và cửa sông.

Lời Tiến sĩ

Lao động khoa học nghiêm túc là việc làm cần thiết cho mọi thời đại.



HOÀNG CHUNG

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 3 - 1 - 1942.
Quê quán: Hà Hiệu - Chợ Rã - Bắc Cạn.
Chỗ ở hiện nay: 37 tổ 17 - Hoàng Văn Thụ - Thành phố Thái Nguyên.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Matxcơva.
Chuyên gia giáo dục tại Đại học Sư phạm Lào.
Trưởng phòng Khoa học Đại học Sư phạm Việt Bắc.
Thực tập sinh tại Đại học Tổng hợp Matxcơva.
Chủ nhiệm khoa sinh - Kỹ thuật nông nghiệp, Đại học Sư phạm Việt Bắc.
Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng uỷ Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1974.
Tại Đại học Tổng hợp Matxcơva Liên Xô cũ.
Ngành Sinh vật.
Chuyên ngành Sinh thái học.

Đề tài luận án

Cấu trúc và năng suất của cả 2 phần trên và dưới mặt đất của quần xã thảo nguyên đồng cỏ.

Nội dung

Nghiên cứu năng suất sơ cấp của một sinh cảnh đó là thảo nguyên đồng cỏ. Đặc biệt tập trung nghiên cứu cấu trúc và năng suất ở mức độ loài của phần dưới đất, cùng quá trình tích luỹ của nó, sự biến động và mối quan hệ của nó với phần trên mặt đất.
Để nghiên cứu phần dưới đất ở mức độ loài, tác giả đã làm ra khoá phân loại cho phần dưới đất theo những đặc điểm hình thái và giải phẫu.

Thành tựu khoa học

Đề tài khoa học cấp Bộ:
Hình thái phân loại và năng suất sơ cấp đồng cỏ vùng núi bắc Việt Nam.
Thực hiện trồng thanh hao hoa vàng trên đất vùng đồi trung du Bắc Thái.
Nghiên cứu trồng cỏ ngọt trên đất đồi trung du và miền núi.
Xây dựng khung chương trình và chương trình đào tạo đại học hệ bốn năm Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
Đánh giá các mô hình phục hồi rừng sau nương rẫy ở hai tỉnh Bắc Cạn và Thái Nguyên.
Đồng cỏ vùng núi Bắc Việt Nam và vấn đề sử dụng.
Sách đã xuất bản:
Dân số và môi trường - Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
Huân chương lao động hạng ba.
Huy chương hữu nghị của Lào
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì thế hệ trẻ.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.
Nhà giáo ưu tú năm 1997.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về đặc điểm và phân loại hình đồng cỏ, sa van của Việt Nam, phương hướng sử dụng...



NGUYỄN THỊ CHUNG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 10 - 10 - 1943.
Quê quán: Niềm Xá - Kinh Bắc - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 57 Phan Chu Trinh - Quận. Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Dược Hà Nội.
Phó Chủ nhiệm, Phụ trách bộ môn Bào chế Trường Đại học Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Trưởng tiểu ban bào chế (phía Nam) Hội đồng dược điển.
Thành viên Chi hội dược quận Bình Thạnh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Trường Đại học Dược Hà Nội.
Ngành Dược.
Chuyên ngành Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc.

Đề tài luận án

Nghiên cứu chiết xuất và dạng bào chế các FLAVONOID từ vỏ quả một số loài thuộc chi Citrus Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu tận dụng các nguồn nguyên liệu phế thải phong phú (vỏ quả cam, chanh, quýt, bưởi...) để sản xuất nguyên liệu làm thuốc và một số chế phẩm trị bệnh tim mạch rất ít độc mà nay vẫn phải nhập của nước ngoài.
Kết quả:
Xác định định lượng các nguồn nguyên liệu để đưa vào sản xuất citroflavonoid.
Phân lập và xác định một số flavonoid chính từ vỏ quả một số loài citrus: Naringin có nhiều trong vỏ bưởi (phần cùi trắng) hesperidin có nhiều trong vỏ cam, chanh, quýt.
Xây dựng các quy trình chiết xuất citroflavonoid với hiệu quả kinh tế cao và phù hợp với điều kiện kinh tế Việt Nam.
Xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm cho 2 loại nguyên liệu citroflavonoid chiết được.
Xác định độc tính, tác dụng dược lý và tác dụng điều trị của các chế phẩm citroflavonoid.
Các chế phẩm nghiên cứu có tác dụng làm giảm tính thấm mao mạch (bền mao mạch) hạ huyết áp nhẹ. Dùng để phòng và trị tai biến chảy máu mắt.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu chiết papain từ nhựa đu đủ; mangiferin từ lá xoài; saponin từ ngưu tất... và xây dựng quy trình tối ưu chiết các hoạt chất từ các dược liệu trên.
Chủ nhiệm đề tài nhánh cấp Nhà nước:
Nghiên cứu hiện đại hoá bài thuốc đông y trị bệnh cao huyết áp.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chiết xuất và bào chế các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu.
Nghiên cứu xác định công thức và quy trình điều chế các dạng thuốc lỏng, thuốc mềm (thuốc mỡ, cream thuốc).



NGUYỄN VĂN CHỪNG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 18 - 10 - 1949.
Quê quán: Đức Thạnh - Mộ Đức - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 744 Hưng Phú - Quận 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng viên chính.
Trưởng bộ môn Gây mê hồi sức Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Gây mê hồi sức Việt Nam.
Chủ tịch Hội Gây mê hồi sức thành phố Hồ Chí Minh.
Thành viên Hội đồng Ghép tạng quốc gia.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Ngành Y khoa.
Chuyên ngành Gây mê hồi sức.

Đề tài luận án

Gây tê tuỷ sống giảm trọng với Pontocaine: ưu điểm, nhược điểm và các chỉ định.

Nội dung

Dùng Pontocaine là một loại thuốc tê thuộc nhóm Amino Ester dạng bột tuyết pha với nước cất tinh khiết vô trùng với nồng độ 0,5%, dung dịch này có tỷ trọng nhỏ hơn tỷ trọng của dịch não tuỷ, khi chích vào khoang dưới màng nhện của tuỷ sống thuốc tê sẽ nổi lên trên tác dụng vào rễ thần kinh sẽ ngăn chặn dẫn truyền thần kinh gây ra hiệu quả tê và liệt tạm thời trong một thời gian nhất định khoảng 2 - 3 giờ.
Ưu điểm:
Người bệnh không mất tri giác trong khi phẫu thuật.
Dùng một lượng thuốc nhỏ nên ít gây nguy hại cho người bệnh.
Không phải thay đổi vị thế người bệnh nếu mổ ở tư thế nằm sấp.
Tỷ lệ thành công cao: 92,44% tốt; 7,56% trung bình; không có thất bại.
Nhược điểm:
Có thể gây rối loạn huyết động và hô hấp nếu mức tê quá cao.
Có thể gây đau đầu sau mổ nếu dùng kim chọc dò tuỷ sống lớn.
Các chỉ định:
Các phẫu thuật từ vùng bụng trở xuống chân, đặc biệt thuận lợi cho các phẫu thuật mà người bệnh phải nằm sấp trong khi phẫu thuật.

Thành tựu khoa học

Trên 50 đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu
6 đầu sách đã xuất bản:
Huân chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Nhà giáo ưu tú năm 1998.
Được phong Phó Giáo sư năm 2001.

Dự định khoa học

Nghiên cứu đào tạo cán bộ và hiện đại hoá ngành gây mê hồi sức.



NGUYỄN VĂN CHƯƠNG

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 02 - 05 - 1952.
Quê quán: Ninh Giang - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay:
36/125 Thuỵ Khuê - Tây Hồ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Kỹ sư Cảng Hải Phòng.
Viện Khoa học kinh tế giao thông vận tải.
Nghiên cứu sinh và thực tập sinh cao cấp tại Học viện Hàng hải quốc gia - Liên bang Nga.
Hiện làm việc tại Viện Chiến lược phát triển giao thông vận tải.
Thành viên Hội đồng Khoa học Viện chiến lược phát triển giao thông vận tải.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Liên bang Nga
Ngành kinh tế và khai thác vận tải biển.

Đề tài luận án

Khái niệm phát triển vận tải biển Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường.

Nội dung

Nghiên cứu cơ sở lý luận, các khái niệm cơ bản liên quan đến hoạt động và phát triển giao thông hàng hải thế giới trong điều kiện kinh tế thị trường; áp dụng phương pháp trí tuệ nhân tạo để phân tích và dự báo xu hướng phát triển thị trường vận tải biển quốc tế, trên cơ sở đó liên hệ với quá trình phát triển của ngành vận tải biển Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu nhiều đề tài khoa học
Hướng dẫn cao học và nghiên cứu sinh.
Sách đã xuất bản:
Phương thức vận tải tiên tiến trong đường biển thế giới - vận chuyển container- Nxb. Giao thông vận tải.
Và nhiều bài đăng trên các báo và tạp chí.

Dự định khoa học

Viết sách chuyên ngành.

Lời Tiến sĩ

Mong muốn được đóng góp nhiều hơn nữa cho khoa học và đào tạo; cho sự phát triển của ngành hàng hải, ngành giao thông vận tải và nền kinh tế nước nhà.



NGUYỄN VĂN CHƯƠNG

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 02 - 07 - 1959.
Quê quán: Yên Phong - Ý Yên - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: Phường Nguyễn Văn Cừ - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định.

Quá trình công tác

Công tác tại Viện Sốt rét ký sinh trùng - côn trùng Quy Nhơn.
Phó Phòng dịch tễ - Viện Sốt rét ký sinh trùng - côn trùng Quy Nhơn.
Hiện là Trưởng khoa Ký sinh trùng - Viện Sốt rét ký sinh trùng - côn trùng Quy Nhơn.
Thành viên Ban chủ nhiệm dự án phòng chống giun sán Bộ Y tế.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Ký sinh trùng học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu một số đặc điểm của ổ bệnh sán lá gan nhỏ mới được phát hiện ở ven biển miền Trung Việt Nam.

Nội dung

Loài sán lá gan nhỏ mới được phát hiện ở miền Trung là loài sán lá gan nhỏ Opisthorchis viverrini.
Đóng góp thêm vào khu hệ sán lá ký sinh ở người tại Việt Nam.
Xác định được vật chủ trung gian truyền bệnh sán lá gan nhỏ ở ven biển miền Trung Việt Nam là ốc mút Melania tuberculata và cá giếc Cacasius cacasius.
Xác định được nguyên nhân gây bệnh sán lá gan ở miền Trung là do tập quán ăn gỏi cá giếc sống có chứa ấu trùng sán.
Nghiên cứu áp dụng điều trị người bệnh sán lá gan bằng thuốc đặc hiệu Praziquantel liều 25mg/kg/24h x 3 ngày đạt hiệu quả 80%.

Thành tựu khoa học

Đề tài luận án tiến sĩ phát hiện thêm một loài sán lá gan nhỏ mới ở miền Trung. Đóng góp thêm vào khu hệ sán lá ký sinh ở người tại Việt Nam.
Nghiên cứu sự phân bố các bệnh giun sán ở 10 tỉnh miền Trung Việt Nam (cấp Bộ).

Dự định khoa học

Hoàn thành bản đồ dịch tễ về phân bố các bệnh giun sán ở miền Trung Việt Nam.
Nghiên cứu ký sinh trùng: Sán lá gan lớn, sán lá gan nhỏ...
Xây dựng labô nghiên cứu về các ký sinh trùng đồng ruộng bằng các phương tiện hiện đại.
Xây dựng và đào tạo màng lưới phòng chống giun sán cho cả khu vực.



PHẠM ĐỨC CHƯƠNG

Tiến sĩ Thú y

Sinh ngày: 01 - 06 - 1946.
Quê quán: Thanh Long - Thanh Chương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 30 - Phường Đồng Quang - Thành phố Thái Nguyên.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
Công tác tại Xí nghiệp thuốc Thú y Trung ương.
Nghiên cứu sinh tại Bungari.
Trưởng khoa Chăn nuôi - Thú y Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.
Hiện là giảng viên chính Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.
Thành viên Hội Thú y Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Trường Đại học Chăn nuôi - Thú y Starazagora - Bungari.
Ngành Thú y.

Đề tài luận án

Nhiễm độc toan dạ cỏ và mối liên hệ của nó đối với tổn thương gan.

Nội dung

Do khẩu phần nuôi dưỡng gia súc nhai lại không cân đối, cho ăn thức ăn có hàm lượng đường quá cao gây nhiễm độc toan dạ cỏ. Kiểm tra các chỉ tiêu về lâm sàng, tần số hô hấp, mạch đập đều tăng, cả chỉ tiêu phi lâm sàng như đường huyết, các enzym GOT và GPT đều tăng; kiểm tra bệnh lý thấy gan tổn thương nặng.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Truyền nhiễm và quản lý dịch bệnh (giáo trình cao học). Nxb Nông nghiệp.
Đề tài nghiên cứu:
Lai cải tạo đàn bò thịt Bắc Thái bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo tinh bò đực nhập nội (cấp Bộ).
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Biên soạn sách thú y.



PHẠM KHẮC CHƯƠNG

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 7 - 4 - 1943.
Quê quán: Hưng Nhân - Hưng Nguyên - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay:
202-B3-Tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy khoa Tâm lí giáo dục - Đại học Sư phạm Hà Nội
Hiện là giảng viên ngành lý luận giáo dục và lịch sử sư phạm học - Đại học Sư phạm Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng tư tưởng A.X.Macarencô đối với giáo dục gia đình Việt Nam.

Nội dung

A.X.Macarencô (1888 - 1939) nhà giáo dục lỗi lạc Liên Xô. Sau 15 năm (1920 - 1935) làm giám đốc giáo dục ở trại Goocky và công xã Decginxki ông đã cải tạo được hàng ngàn trẻ em phạm pháp trở thành những người công dân ưu tú.
Sách của ông có ảnh hưởng lớn lao đến việc xây dựng, phát triển lý luận giáo dục học Việt Nam nói chung trong đó có giáo dục gia đình với các quan điểm: Bản chất của giáo dục gia đình là tổ chức cho trẻ hoạt động; ủy quyền của cha mẹ trong giáo dục phải xây dựng từ nghĩa vụ trách nhiệm của người công dân chân chính; càng tôn trọng càng yêu cầu cao... Nghiên cứu hệ thống lý luận của A.X.Macarencô nhằm góp phần đào tạo thế hệ trẻ thành những người công dân chân chính.

Thành tựu khoa học

Tham gia một số đề tài cấp Nhà nước, cấp trường, Sách đã xuất bản:
Giải pháp tình huống giáo dục gia đình. Nxb Chính trị quốc gia.
Người già - Tiềm năng to lớn trong giáo dục gia đình. Nxb Khoa học kỹ thuật.
Ông bà cha mẹ trong gia đình.
Chỉ nam nhân cách học trò.
Những câu chuyện lịch sử nổi tiếng của Trung Quốc Nxb Thanh niên.
Giáo dục gia đình (giáo trình bồi dưỡng thường xuyên).
J.A.Cômenxki - Nhà sư phạm lỗi lạc.
142 tình huống trong giáo dục gia đình.
Đạo đức học.
Giáo dục gia đình.
Lịch sử triết học.
Đạo đức học.
J.A.Cômenxki - Ông tổ của nền sư phạm cận đại.
Cách rèn đạo đức, ý thức công dân. Nxb Giáo dục.

Lời Tiến sĩ

Các bậc cha mẹ ở bất kỳ cương vị nào trong xã hội cũng cần quan tâm dành thời gian giáo dục con cái của mình từ tuổi ấu thơ. Đặc biệt trong điều kiện của nền kinh tế thị trường và đặc trưng "ô nhiễm văn hoá" trong xã hội văn minh công nghiệp tin học rất bề bộn... Nếu gia đình lơ là, không phát huy kế thừa được những truyền thống tốt đẹp của dân tộc thì thế hệ trẻ sẽ dễ sa vào các tệ nạn xã hội, khó trở thành những người công dân chân chính hữu ích làm cho cha mẹ lúc tuổi già không khỏi ân hận.



TRƯƠNG VĂN CÓ

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 01 - 08 - 1956.
Quê quán: Quy Nhơn - Bình Định.
Chỗ ở hiện nay: 121 Lê Hồng Phong - Quy Nhơn - Bình Định.

Quá trình công tác

Cán bộ khoa Côn trùng, Viện Sốt rét - ký sinh trùng - côn trùng Quy Nhơn.
Phó phòng Nghiên cứu.
Trưởng khoa Côn trùng.
Uỷ viên Hội đồng Khoa học kỹ thuật Viện Sốt rét - ký sinh trùng - côn trùng Quy Nhơn.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Hà Nội.
Chuyên ngành Sinh học.

Đề tài luận án

Muỗi Anopheles (Diptera: Culicidae) ở Trung Trung Bộ - Tây Nguyên trong quá trình phòng chống sốt rét, giai đoạn 1976 - 1995.

Nội dung

Muỗi Anopheles có 43 loài. Bằng kỹ thuật ELISA đã xác định 3 loài dương tính với kháng thể đơn dòng: An. dirus, An. aconitus, An. vagus, kết hợp với khả năng nhiễm KSTSR trong cơ thể muỗi đã xác định An. dirus và An. minimus là 2 loài chính truyền bệnh sốt rét. Việc xây dựng hệ thống thuỷ lợi đã tạo điều kiện phục hồi các loài muỗi truyền bệnh. An.minimus là loài truyền bệnh mạnh ở các vùng trồng cao su Tây Nguyên. Khai hoang rừng rậm đã làm giảm thành phần loài Anopheles và đẩy chúng ra xa nhà. Tác giả đề xuất 4 vùng sốt rét lưu hành và biện pháp phòng chống.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài cấp Bộ:
Sự liên quan giữa muỗi Anopheles truyền bệnh sốt rét và các hệ thống thuỷ lợi ở miền Trung - Tây Nguyên.
Tính ngạy cảm và tồn lưu các loại hoá chất, đề xuất các biện pháp phòng chống sốt rét.
Sự thay đổi sinh thái véctơ, mùa truyền bệnh sốt rét, đề xuất lại phân vùng dịch tễ sốt rét ở miền Trung - Tây Nguyên.
Một số đặc điểm sinh học vector, các yếu tố thời tiết liên quan đến lan truyền của các véctơ truyền bệnh sốt rét.
Đánh giá hiệu quả sau 1 năm áp dụng biện pháp phun tồn lưu Icon 10WP, permethrine 40 EC tẩm màn, DEET (Kem xua) tại Vĩnh Thạnh (hợp tác với Mỹ).
Đánh giá hiệu quả màn tẩm Permethrine để phòng chống bệnh sốt rét tại huyện Sơn Hoà - Phú Yên. Hợp tác với Hà Lan.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phòng chống và điều trị bệnh sốt rét.



NGUYỄN THỊ CÔI

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 16 - 12 - 1950.
Quê quán: Kỳ Sơn - Thuỷ Nguyên - Hải Phòng.
Chỗ ở hiện nay: 32, tổ 1 phường Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên cấp 3.
Cán bộ giảng dạy khoa Lịch sử Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Phương pháp dạy học lịch sử.
Hội viên Hội Giáo dục Lịch sử thuộc Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Viện Hàm lâm Khoa học giáo dục Matxcơva, Liên Xô cũ.
Ngành Giáo dục.

Đề tài luận án

Nâng cao hiệu quả bài học lịch sử Việt Nam hiện đại trên cơ sở học tập kinh nghiệm của nhà trường Xô viết.

Nội dung

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm dạy học nói chung, dạy học lịch sử nói riêng của nhà trường Xô viết.

Phân tích thực trạng dạy học lịch sử ở nhà trường Việt Nam, chương trình, sách giáo khoa, từ đó rút ra những điều cần đổi mới.
Đề xuất, phân tích các biện pháp nâng cao hiệu quả bài học lịch sử ở nhà trường phổ thông Việt Nam qua ví dụ khoá trình lịch sử Việt Nam hiện đại và tiến hành thực nghiệm sư phạm ở 10 trường phổ thông Việt Nam để khẳng định tính khả thi của những dự kiến.

Thành tựu khoa học

Sử dụng tư liệu bảo tàng trong dạy học lịch sử (chủ trì - cấp Bộ).
Tham gia một số đề tài cấp Nhà nước và nhiều đề tài cấp Bộ, cấp đại học quốc gia.
Sách đã xuất bản
Phương pháp luận sử học (đồng tác giả) Đại học quốc gia.
Phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông (đồng tác giả).
Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm môn lịch sử (chủ biên).
Bảo tàng lịch sử, cách mạng trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông (chủ biên).
Kênh hình trong dạy học lịch sử (chủ biên).
Nxb Đại học quốc gia.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu những vấn đề quan trọng của phương pháp dạy học lịch sử góp phần đổi mới việc đào tạo giáo viên lịch sử ở các trường đại học, cao đẳng sư phạm và nâng cao chất lượng dạy học lịch sử ở trường phổ thông.

Lời Tiến sĩ

Những năm tháng khủng hoảng kinh tế xã hội trước đây và công cuộc mở cửa hội nhập với thế giới hiện nay đã dạy cho chúng ta một bài học quý là phải quan tâm giáo dục truyền thống dân tộc cho thế hệ trẻ. Bộ môn lịch sử có ưu thế tuyệt đối, phải thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

Dân ta phải biết sử ta
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.



NGUYỄN NGỌC CƠ

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 01 - 07 - 1951.
Quê quán: Hương Lâm - Hiệp Hoà - Bắc Giang.
Chỗ ở hiện nay: 14/42 tập thể Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Sử Đại học Sư phạm Hà Nội 1.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô.
Phó chủ nhiệm khoa Sử, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.
Phó hiệu trưởng Đại học Quốc gia Hà Nội.
Phó Giám đốc Nhà xuất bản Đại học Quốc gia.
Hiện là cán bộ giảng dạy khoa Sử, Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hội Giáo dục Lịch sử Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.
Tại trường Đại học Tổng hợp Tôbilixi (Grudia) Liên Xô cũ.
Ngành Khoa học Lịch sử.

Đề tài luận án

Chính sách thuộc địa của Pháp và phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Dương từ 1918 - 1929.

Nội dung

Quá trình xác lập nền thống trị thực dân của Pháp ở Đông Dương.
Các chính sách thống trị của Pháp về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá ở Đông Dương từ sau chiến tranh thế giới lần thứ I.
Phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam, Lào, Căm Phu Chia từ 1918 - 1919.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Về Chủ tịch Hồ Chí Minh (tham gia - cấp Nhà nước).
Hội Nông dân Hà Nội (chủ trì và tham gia - cấp thành phố).
Sách đã xuất bản:
Sách giáo khoa lớp 11 PTTH.
Giáo trình và chuyên khảo bậc đại học.
Lịch sử cao đẳng sư phạm.
Chương trình cải cách giáo khoa PTTH cơ sở (tham gia).
Chuyên khảo về lịch sử Việt Nam (tham gia).

Dự định khoa học

Giảng dạy, nghiên cứu lịch sử Việt Nam cận hiện đại (bậc đại học).
Viết công trình chuyên khảo.
Viết sách giáo khoa lịch sử (đại học và phổ thông).



PHAN TỪ CƠ

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 02 - 03 - 1943.
Quê quán: Phú Cường - Ba Vì - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: E4 Tập thể Đại học Mỏ - Địa chất - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên.
Phó phòng Quản lý khoa học.
Chủ nhiệm bộ môn - Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979.
Tại Trường Dầu khí Ploiesti - Rumani.
Ngành Địa chất - Khai thác dầu khí.

Đề tài luận án

Đóng góp vào sự hiểu biết ảnh hưởng các tính chất của đá chứa đến trữ lượng khai thác dầu khí.

Nội dung

Luận án đã nêu rõ các thông số địa chất - cơ lý của đá ảnh hưởng đến trữ lượng khai thác dầu khí và các phương pháp xác định những thông số này. Tác giả đã chế tạo hai thiết bị xác định thành phần khoáng vật (tách khoáng trong điện trường không đều và theo hệ số điện môi) và một thiết bị xác định thành phần hạt của đá với đường kính < 5μm; và đã thành lập một sơ đồ xây dựng phòng thí nghiệm phân tích thông thường và phân tích đặc biệt đối với các mẫu đá lấy từ giếng khoan.

Thành tựu khoa học

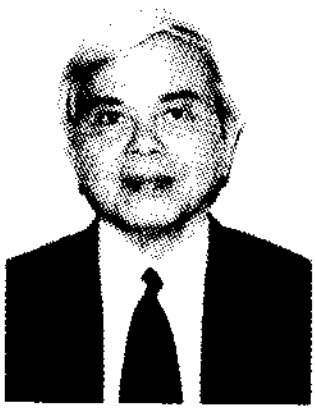
Biên soạn 3 tài liệu bồi dưỡng kiến thức nghiên cứu sinh ngành địa chất dầu khí (địa chất khai thác dầu khí, vật lý vỉa dầu khí, tính toán trữ lượng dầu khí).
Hướng dẫn trên 150 sinh viên làm luận án tốt nghiệp và một số nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ.
Huy chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp địa chất.
Vì sự nghiệp giáo dục - đào tạo.

Dự định khoa học

Xây dựng bộ môn địa chất dầu khí.
Viết sách và tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo đại học và trên đại học.

Lời Tiến sĩ

Phải trọng dụng những người thực sự có tài, có đức; tạo mọi điều kiện để cán bộ khoa học có thể cống hiến cho chuyên môn, và sống bằng chuyên môn đã được đào tạo, cần mạnh dạn loại trừ các phần tử cơ hội trong hoạt động khoa học.



TRẦN VĂN CƠ

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 15 - 11 - 1936.
Quê quán: Thanh Lương - Hương Trà - Thừa Thiên.
Chỗ ở hiện nay: T4 Cư xá Nguyễn Đình Chiểu - Quận Phú Nhuận - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng dạy tại khoa Nga Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội.
Phó chủ nhiệm khoa Nga, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
Cộng tác viên Phân viện tiếng Nga Puskin tại thành phố Hồ Chí Minh.
Cộng tác viên khoa học Viện ngôn ngữ học - Viện Hàn lâm Khoa học Nga.
Chủ tịch Hội Nga học thuộc Hiệp hội khoa học - kỹ thuật Việt Nam tại Liên bang Nga.
Được phong Phó Giáo sư năm 1984.
Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học tự nhiên Nga năm 2000.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998.
Tại Viện Tiếng Nga Puskin, Matxcơva, Nga.
Chuyên ngành Ngữ văn học.

Đề tài luận án

Mô hình lý thuyết ngôn ngữ học của ngữ pháp sư phạm tiếng Nga như một ngoại ngữ (miêu tả song ngữ).

Nội dung

Nghiên cứu mô hình ngữ pháp sư phạm tiếng Nga. Trên cơ sở thuyết âm - dương trong triết học cổ phương Đông phân chia ngữ pháp tiếng Nga thành hai bình diện có quan hệ biện chứng với nhau: Thể học ngữ pháp và Dụng học ngữ pháp. Các phạm trù ngữ pháp tiếng Nga đều được khảo sát trên hai bình diện này. Luận án chú trọng phân tích hai phạm trù ngữ pháp điển hình của tiếng Nga: Phạm trù cách và phạm trù thế - là cơ sở để thành lập câu (đơn vị thể học) và phát ngôn (đơn vị dụng học).

Thành tựu khoa học

Những công trình đã công bố:
Thuyết âm - dương và ngữ pháp tiếng Nga.
Nguyên lý ngữ pháp học âm - dương . Nxb Sáng tạo Matxcơva - Nga.
Nhiều bài đăng trên các báo, tạp chí Việt Nam và Nga.

Dự định khoa học

Nghiên cứu triết học phương Đông với ngôn ngữ học.



PHẠM THỊ CÚC

Tiến sĩ Dược học

Sinh ngày: 06 - 02 - 1948.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 282 Trương Định - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Tốt nghiệp Đại học Dược Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy vật lý, Đại học Dược Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Szemmel Wei Budapet Hungari.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Vật lý - Toán Trường Đại học Dược Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985.
Tại Viện Hoá dược Trường Đại học Y Szemmel Wei - Budapet Hungari.

Đề tài luận án

Góp phần xác định một số Alkeloid trong các chế phẩm hỗn hợp thuốc bằng các phương pháp sắc ký.

Nội dung

Định tính các Alkaloid nhân Tropan (Atropin, Scopolamin, Apoatropin) và các sản phẩm phân huỷ trong một số hỗn hợp thuốc bột, thuốc tiêm bằng sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao.
Định lượng một số Alkaloid nhân Tropan trong các hỗn hợp thuốc... bằng phương pháp sắc ký khí.
Định lượng trực tiếp Ephedrin. Clohydral trong một số thuốc hỗn hợp bằng sắc ký khí, không phải qua giai đoạn chiết, tách.

Thành tựu khoa học

Giảng dạy đại học.
Hướng dẫn nghiên cứu sinh chuyên ngành dược.



TẠ THU CÚC

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 13 - 08 - 1937.
Quê quán: Nguyễn Trãi - Thường Tín - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Số 45 - Tập thể Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Học viện Hoa Nam, Quảng Châu, Trung Quốc.
Giảng viên Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Trưởng bộ môn Rau quả - Dâu tằm.
Trưởng bộ môn Cây trồng - Trường Đại học Nông nghiệpl Hà Nội.
Nguyên uỷ viên Uỷ ban MTTQ thành phố Hà Nội.
Uỷ ban Khoa học và kỹ thuật thành phố Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985.
Tại Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Ngành Nông nghiệp.

Đề tài luận án

Khảo sát một số giống cà chua nhập nội trồng trong vụ xuân hè trên đất Gia Lâm, Hà Nội.

Nội dung

Đánh giá đặc điểm nguồn gốc của các mẫu giống, phát hiện những đặc trưng, đặc tính tốt của giống như: khả năng sinh trưởng và phát triển của các giống trong mùa nóng ẩm, khả năng chống chịu bệnh hại, tính chín sớm và chín tập trung, tiềm năng năng suất của các giống. Đặc biệt chú ý đến tình trạng sắc tố quả v.v... thích hợp trồng trong vụ xuân hè thuộc vùng đồng bằng sông Hồng.

Thành tựu khoa học

Những đề tài khoa học đã được ứng dụng:
Cà chua xuân hè (1967 - 1970).
Khảo sát một số giống cà chua nhập nội trồng trong vụ xuân hè trên đất Gia Lâm Hà Nội (1973 - 1984).
Chuyển giao kỹ thuật trồng hành tây xuất khẩu tại Mê Linh Hà Nội (1988 - 1990).
Nghiên cứu rau sạch (gồm các đề tài: ảnh hưởng của liều lượng đạm vô cơ đến dư lượng nitrat (HO_3) trên các cây rau: hành tây, cải bắp, cà chua, dưa chuột, đậu cô ve và cà rốt 1988 - 1996).
So sánh một số dòng, giống cà chua dùng cho chế biến (1991 - 1993).
Sách đã xuất bản:
Giáo trình đại cương về nghề trồng rau và kỹ thuật trồng cải bắp, cà chua, khoai tây. Trường Đại học Nông nghiệp (chủ biên).
Hỏi đáp về thâm canh rau Nxb Khoa học kỹ thuật (đồng tác giả).
Kỹ thuật trồng cà chua (in lần 2), Nxb. Nông nghiệp (đồng tác giả).
Giáo trình trồng rau "Cây rau" Nxb. Nông nghiệp (chủ biên).
Giải thưởng Kovalepskaia (1991).
Bằng lao động sáng tạo.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Nhà giáo ưu tú.

Dự định khoa học

Tiếp tục tham gia công tác đào tạo và viết sách báo về nông nghiệp.

Lời Tiến sĩ

Mỗi một nhà khoa học chân chính phải nỗ lực phấn đấu cho một nền kinh tế tri thức Việt Nam phát triển không ngừng.
Những vấn đề khoa học trọng yếu cần giao cho những người có chuyên môn và những nhà khoa học đích thực.



PHAN TRỌNG CUNG

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 1 - 9 - 1930.
Quê quán: Kim Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 61/61 Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy.
Chủ nhiệm bộ môn, Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Chuyên gia giảng dạy tại Algeri.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Ký sinh trùng học Việt Nam.
Hội viên Hội Sinh học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1978.
Tại Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Ngành Sinh học

Đề tài luận án

Ve Ixodoidea miền Bắc Việt Nam.

Nội dung

Ve Ixodoidea là những loài ve cứng và ve mềm ký sinh truyền bệnh cho người và gia súc, gia cầm.

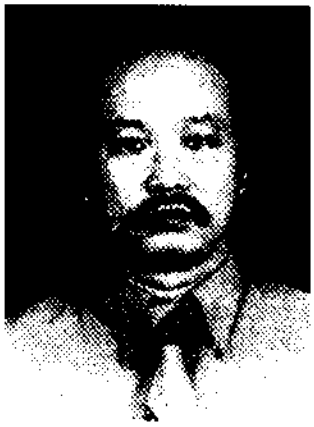
Luận án nghiên cứu về các loài ve miền Bắc Việt Nam một cách hệ thống.
Tác giả đã thống kê và mô tả được 47 loài ve phân loài, trong đó có 7 loài và phân loài mới cho khoa học, nhiều loài mới cho Việt Nam và trên nhiều loài vật chủ mới.
Những phát hiện trên không những có giá trị về khoa học mà còn đóng góp nhiều để phòng chống dịch bệnh cho người và gia súc, gia cầm.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Giáo trình về động vật học, sinh học.
Ve bét và côn trùng ký sinh ở Việt Nam tập I, II.

Dự định khoa học

Viết chuyên khảo Ve bét, côn trùng thú y và y học.



BÙI QUANG CƯ

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 20 - 4 - 1951.
Quê quán: Trung Giang - Gio Linh - Quảng Trị.
Chỗ ở hiện nay: 32 A, 53 - 55 Bà Huyện Thanh Quan - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Nghiên cứu viên, phòng Hoá phân tích, Viện Hoá học, Viện Khoa học Việt Nam.
Nghiên cứu viên chính.
Trưởng phòng Hoá môi trường.
Phó Viện trưởng Viện Công nghệ Hoá học, Trung tâm khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Hội viên Hội Hoá học Việt Nam.
Hội xúc tác Việt Nam, Vinatest.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.
Tại Viện Hoá đại cương và vô cơ Kurnakov, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô cũ.
Ngành Hoá vô cơ.
Chuyên ngành Phức chất

Đề tài luận án

Tổng hợp và tính chất hoá lý các phức chất phối trí mới của nguyên tố Rhodium (III) và Rutenium (III) với các complexon.

Nội dung

Lần đầu tiên tổng hợp phức chất phối trí của Rh (III) và Ru (III) với Ethylendiamin - N, N, N', N' - tetramethylphosphonic axit (EDTP) và 1, 2, 3 - Triazino - 2, 4, 6 - triamino - N, N, N', N', N'', N'' - hexaacetat (TTAHA) thu được 5 chất mới của Rh (III) với EDTP, 3 phức chất mới của Rh (III) với TTAHA, 6 phức chất của Ru (III) với EDTP và 2 phức chất của Ru (III) với TTAHA. Nghiên cứu tính chất hoá lý của các chất thu được. nghiên cứu cấu trúc liên kết cho thấy liến kết kim loại với các nhóm chức phosphonic và iminoacetat thông qua O và N. Thành phần các phức chất mới có tỷ lệ khác nhau giữa kim loại và ligand. Đặc tính nhiệt phân và sản phẩm nhiệt phân của các phức mới phụ thuộc nhiều vào mức độ proton hoá hoặc ion hoá các mối liên kết. Nghiên cứu tính chất điện hoá của các sản phức chất mới cho thấy chúng rất khác nhau. Những tính chất khác nhau này rất có thể là cơ sở để ứng dụng các phương pháp điện hoá phân tích các nguyên tố Ru và Rh.

Thành tựu khoa học

Xây dựng các phương pháp phân tích tiêu chuẩn Việt Nam.
Phương pháp phân tích quặng đất hiếm chương trình 24C-2-11.
Xử lý quặng phi kim loại Việt Nam thành các sản phẩm có giá trị cao.
Điều tra đánh giá hiện trạng ô nhiễm môi trường do chất thải các nhà máy sản xuất hoá chất thuộc ngành hoá chất điển hình tại thành phố Hồ Chí Minh.
Chương trình giảm thiểu ô nhiễm tại các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh.

Dự định khoa học

Nghiên cứu xây dựng các phương pháp xử lý chất thải.
Nghiên cứu các tác nhân ô nhiễm và tác động qua lại của chúng với môi trường.
Tham gia đào tạo cán bộ ngành hoá và hoá môi trường.
Tham gia các chương trình bảo vệ môi trường.



LƯU ĐÀM CƯ

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 8 - 3 - 1954.
Quê quán: Trực Nghĩa - Trực Ninh - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 24 ngõ 44 Hào Nam - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Uỷ ban Khoa học kỹ thuật Nhà nước.
Viện Sinh vật học, Viện Khoa học Việt Nam.
Nghiên cứu sinh Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.
Phó trưởng phòng Tài nguyên thực vật.
Trưởng phòng Thực vật dân tộc học.
Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Vườn thực vật chính Matxcơva, Viện Hàn Lâm Khoa học Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Thực vật học.

Đề tài luận án

Quy luật biến đổi hàm lượng và thành phần hoá học của tinh dầu trong phát sinh cá thể cây bạc hà.

Nội dung

Giải quyết cơ sở lý thuyết của quá trình biến đổi hàm lượng và thành phần hoá học tinh dầu bạc hà trong phát sinh cá thể.
Ở mỗi giống bạc hà, quá trình phân hoá và hoạt động tích luỹ tinh dầu của cơ quan tiết ít bị chi phối bởi yếu tố ngoại cảnh, trong khi đó quá trình tăng sinh của cơ quan và cơ thể bị ảnh hưởng rất lớn. Sự biến động hàm lượng tinh dầu trong cây chủ yếu phụ thuộc vào quy luật biến đổi của mối tương quan hai quá trình nêu trên. Chất lượng tinh dầu trong cây liên quan tới sự hoạt hoá của hệ men trong quá trình sinh tổng hợp tinh dầu. Đối với các giống thuộc loài Mentha arvansis hàm lượng menthol phụ thuộc vào các hệ men hoạt hoá tổng menthol từ menton và pulegon. Hệ men hoạt hoá phản ứng tổng hợp menton thành menthol hoạt động trong mọi điều kiện, trong khi hệ men hoạt hoá phản ứng tổng hợp menthol từ pulegon chỉ hoạt động trong điều kiện ngày dài (12 giờ sáng/ngày). Như vậy, các quá trình trên xảy ra trong cây bị kiểm soát bởi yếu tố di truyền "kiểu gen" và bị tác động của các yếu tố sinh thái "môi trường". Hiệu ứng "kiểu gen - môi trường" có vai trò quan trọng trong sinh tổng hợp tinh dầu của cơ thể thực vật. Phát hiện ra sự hình thành tuyến tiết tinh dầu ở thân rễ cây bạc hà và con đường tổng hợp tinh dầu trong điều kiện không chiếu sáng từ các chất dự trữ. Đã đề xuất "mô hình hình thái giống bạc hà có năng suất cao".

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Nhập nội và thuần hoá các giống bạc hà cho công nghiệp trong nước và xuất khẩu.
Tuyển chọn và tiêu chuẩn hoá giống bạc hà Việt Nam.
Điều tra, nghiên cứu kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của dân tộc Dao và Hmông phục vụ công tác kế hoạch hoá gia đình.
Cơ sở khoa học để phát triển các loài thực vật quý hiếm có giá trị kinh tế cao.
Điều tra, đánh giá tiềm năng tài nguyên thực vật các tỉnh miền núi phía Bắc.
Cơ sở khoa học để sử dụng hợp lý các nhóm tài nguyên thực vật quan trọng ở các tỉnh trung du - miền núi phía Bắc.
Xây dựng mô hình bản kinh tế - sinh thái vùng Tây Bắc.
Là tác giả các giống bạc hà có hàm lượng menthol cao TN-8, TN-10 và TN-26.
Sách đã xuất bản
Tài nguyên cây tinh dầu của Việt Nam (đồng tác giả).

Dự định khoa học

Nghiên cứu phát triển và bảo tồn tri thức, kinh nghiệm sử dụng thực vật của các cộng đồng thiểu số Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Hầu hết cán bộ khoa học đều say mê và tận tuỵ với sự nghiệp, nhưng còn quá khó khăn về điều kiện sống để nghiên cứu phục vụ đất nước.



LƯƠNG MINH CỪ

Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 19 - 05 - 1952.
Quê quán: Hồng Việt - Đông Hưng - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 191 Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Triết Trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
Học Trường Đại học Tài chính - Kế toán thành phố Hồ Chí Minh.
Giảng dạy tại Trường Đại học Tài chính - Kế toán thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Nhà văn thành phố Hồ Chí Minh.
Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Viện Triết học, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia Việt Nam.
Chuyên ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Đề tài luận án

Những quan niệm của K.Marx, F.Enghen và V.I.Lênin về sở hữu trong chủ nghĩa xã hội.

Nội dung

Về mặt lý luận, mục đích của luận án nhằm khôi phục lại một cách trung thực, có hệ thống và tương đối đầy đủ những tư tưởng cơ bản của K.Marx - F.Enghen - V.I.Lênin về vấn đề sở hữu trong chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở đó xem xét sự đa dạng, tính đan xen của các hình thức sở hữu tư liệu sản xuất trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.
Sự dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu khác nhau, luận án đã góp phần hệ thống hoá những quan niệm của K.Marx, F.Enghen, V.I.Lênin về vấn đề sở hữu trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, theo tiến trình phát triển của những quan niệm đó.
Góp phần vào việc nhận thức lại tư tưởng xoá bỏ chế độ tư hữu trong chủ nghĩa xã hội dựa trên những quan niệm đích thực của K.Marx, F.Enghen và V. I.Lênin về vấn đề này.
Phân tích những nét đặc thù của các quan hệ sở hữu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và vai trò của chúng trong việc xây dựng một nền kinh tế hàng hoá đa thành phần với nhiều hình thức sở hữu, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.
Về thực tiễn, luận án góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận của đường lối đổi mới, đường lối xây dựng kinh tế và phát triển đất nước của Đảng ta trong giai đoạn hiện tại.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu một số đề tài khoa học cấp Bộ, cấp tỉnh, thành.
Chủ biên giáo trình xã hội học của Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
Tham gia viết sách:
Lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại.
Lịch sử các học thuyết chính trị thế giới.
Kinh tế tri thức đặc điểm và giải pháp.
Nhiều bài đăng trong các kỷ yếu và tạp chí trong nước.

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu quá trình vận dụng các nguyên lý triết học nói chung và vai trò to lớn của sở hữu tư liệu sản xuất nói riêng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay. Góp phần làm rõ nguyên lý khoa học của nền kinh tế sản xuất hàng hoá trong cơ chế thị trường và nền kinh tế tri thức trong điều kiện công nghệ hiện đại.

Lời Tiến sĩ

Thế kỷ 21 là thế kỷ của công nghệ và kỹ thuật cao, thế kỷ của nền kinh tế tri thức... Vì vậy, tuổi trẻ Việt Nam cần phải nỗ lực cao hơn nữa, vươn lên trong lao động và học tập để có đủ kiến thức, trí tuệ và bản lĩnh làm chủ thời thế, góp phần xây dựng đất nước tiến nhanh, tiến mạnh vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá.



NGUYỄN CỬ

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 14 - 03 - 1941.
Quê quán: Sơn Tân - Hương Sơn - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 24 xóm Duệ - Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Công tác tại Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Thực tập về bảo tàng động vật, Viện Động vật, Lêningrat.
Học khoa Sinh vật, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ nghiên cứu, Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật - Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Ủy viên Hội đồng khoa học Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.
Hội viên Hội Động vật, Sinh học và Sinh thái học Việt Nam.
Thành viên nhiều tổ chức quốc tế về sinh thái và tài nguyên sinh vật.
Tham gia đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987
Tại Viện Sinh vật học Việt Nam

Đề tài luận án

Phân tích sinh thái học các loài chim họ chèo bẻo (Dicruridae, Passeriformes) trong hệ sinh thái rừng nhiệt đới Kon Hà Nừng (Tây Nguyên).

Nội dung

Kon Hà Nừng là vùng rừng ẩm nhiệt đới đặc trưng, là nơi được chọn làm khu vực nghiên cứu hệ sinh thái rừng nhiệt đới Tây Nguyên.
Nhóm chim chèo bẻo, thuộc nhóm chim ăn côn trùng, phân bố và làm tổ ở các tầng tán khác nhau của rừng, có vai trò quan trọng trong cấu trúc hệ sinh thái rừng nhiệt đới, có ý nghĩa to lớn trong đời sống của rừng.
Đề tài đã nghiên cứu về cấu trúc thành phần loài, quy luật phân bố, so sánh các đặc điểm về sinh học và sinh thái học, sự phân hoá ổ sinh thái ở rừng, và ảnh hưởng sự tác động của con người lên hệ sinh thái và khu hệ chim.
Đề xuất và áp dụng kết quả phương pháp tính số lượng chim ở rừng ẩm nhiệt đới nói chung.

Thành tựu khoa học

Tư vấn chương trình Birdlife quốc tế tại Việt Nam.
Điều tra bảo tồn đa dạng sinh học khu vực bắc Trường Sơn.
Điều tra bảo tồn đa dạng sinh học chim các vùng rừng địa hình núi thấp miền Trung Việt Nam.
Điều tra khu hệ động vật các tỉnh vùng Tây Nguyên và hệ sinh thái rừng nhiệt đới Kon Hà Nừng, Gia Lai, Kon Tum (chương trình nhà nước và hợp tác Việt Xô).
Tham gia trên 15 hội nghị quốc tế và khu vực về bảo tồn chim và đa dạng sinh học.
Tác giả và đồng tác giả.
Trên 75 công trình xuất bản trong và ngoài nước.
Tham gia biên tập *Sách đỏ Việt Nam, Danh mục chim Việt Nam, Sách chim Việt Nam,* sách thông tin về hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam.
Huy chương chiến sỹ vẻ vang.
Huân chương kháng chiến hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.



ĐẶNG VĂN CƯƠNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 3 - 3 - 1940.
Quê quán: Sơn Thịnh - Hương Sơn - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Nhà M1 - Phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Hội viên Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội.
Ngành Mỏ

Đề tài luận án

Nghiên cứu một số thông số cơ bản của hệ thống khai thác phá nổ phân tầng để khai thác các vỉa than dốc dày 2-5m trong điều kiện địa chất phức tạp ở vùng than Quảng Ninh.

Nội dung

Hệ thống khai thác phá nổ phân tầng là một trong những hệ thống cơ bản để khai thác các vỉa than dốc dày 2-5m trong điều kiện chiều dày và thế nằm của vỉa biến đổi phức tạp.
Nhằm hoàn thiện hệ thống khai thác phá nổ phân tầng trong điều kiện của Việt Nam, đồng thời góp phần giảm giá thành khai thác than.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Nghiên cứu lựa chọn công nghệ khai thác vỉa than dày dốc.
Nghiên cứu thay thế vì chống gỗ bằng vì chống kim loại trong gương lò chợ dài... và một số đề tài nghiên cứu công nghệ khai thác, môi trường mỏ phục vụ sản xuất (cấp Nhà nước và cấp Bộ).
Sách đã xuất bản:
Những thí dụ về công nghệ khai thác hầm lò (lược dịch).
Mở vỉa và khai thác than hầm lò
Công nghệ khai thác hầm lò (đồng tác giả).



HUỲNH CƯỜNG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 22 - 7 - 1958.
Quê quán: Phổ Minh - Đức Phổ - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: Phường Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Ban quản lý đường sắt II - Tổng cục Đường sắt.
Trạm phó trạm Long Biên ga Hà Nội.
Giám sát vận tải Xí nghiệp toa xe khách.
Phó Phòng dịch vụ - kinh doanh Xí nghiệp toa xe khách.
Xưởng trưởng Xưởng sản xuất suất ăn trên tàu.
Hiện là Trạm trưởng Trạm công tác trên tàu Hà Nội, Xí nghiệp toa xe khách, Liên hiệp đường sắt Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Chuyên ngành Quản lý và kế hoạch hoá kinh tế quốc dân.

Đề tài luận án

Những giải pháp cơ bản nâng cao hiệu quả kinh tế và chất lượng vận tải của Liên hiệp vận tải đường sắt khu vực II.

Nội dung

Nghiên cứu nâng cao hiệu quả kinh tế và chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp công nghiệp nhà nước và doanh nghiệp vận tải đường sắt.
Hệ thống hoá và hoàn thiện những lý luận khoa học để nâng cao hiệu quả kinh tế.
Nguyên tắc xác định hiệu quả kinh tế, hệ thống (7 chỉ tiêu) tính toán hiệu quả kinh tế đối với doanh nghiệp vận tải đường sắt.
Sử dụng các phương pháp nghiên cứu để phân tích đánh giá đúng thực trạng sản xuất, kinh doanh, chất lượng vận tải của Liên hiệp vận tải đường sắt khu vực II (miền Trung) từ thời kỳ đổi mới đến 1995.
Đề xuất 2 phương hướng, 5 giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế, chất lượng vận tải của Liên hiệp vận tải đường sắt khu vực II trong tương lai.

Dự định khoa học

Nghiên cứu kinh tế, quản lý giao thông vận tải, đặc biệt là vận tải đường sắt.



LÊ VĂN CƯỜNG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 6 - 2 - 1954.
Quê quán: Phổ Quang - Đức Phổ - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 252 Đề Thám - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Phó trưởng khoa Ngoại Bệnh viện Bình dân.
Phó trưởng ban sau đại học, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Phó chủ nhiệm bộ môn Ngoại tổng quát (kiêm nhiệm).
Trung tâm đào tạo cán bộ Y tế thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Phó trưởng đơn vị đào tạo giáo viên Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Hình thái học Việt Nam.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.

Đề tài luận án

Các dạng và dị dạng của động mạch ở người Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu (tác giả và đồng tác giả):
Những dạng bình thường và các dị dạng của các động mạch chi trên.
Các dạng và dị dạng của động mạch cảnh ngoài.
Nguyên uỷ của các động mạch vai dưới, thân động mạch mủ, động mạch cánh tay sau và các đoạn nguy hiểm của nó.
Góp phần nghiên cứu sự phân bố thần kinh X ở dạ dày.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các dạng bình thường và dị dạng mạch máu ở chi dưới, ngực và bụng ở người Việt Nam.



NGUYỄN TẤN CƯỜNG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 11 - 02 - 1953.
Quê quán: Mai Động - Kim Động - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 129/90 Trần Bình Trọng - Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là giảng viên chính Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Tiêu hoá Việt Nam.
Hội Phẫu thuật nội soi châu Á.
Hội Phẫu thuật nội soi tiêu hoá Hoa Kỳ.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Phẫu thuật đại cương.

Đề tài luận án

Điều trị sỏi túi mật bằng phẫu thuật cắt túi mật qua soi ổ bụng.

Nội dung

Cắt túi mật qua đường mở bụng dài bị đau đớn nhiều, dễ biến chứng phổi và tắc ruột sau mổ, phải mang các ống dẫn lưu v.v... Năm 1987, Mouret (Pháp) lần đầu tiên trên thế giới đã cắt túi mật qua các lỗ nhỏ ở thành bụng sử dụng camera và các dụng cụ nhỏ.
Bệnh viện Chợ Rẫy đã tiến hành mổ theo kỹ thuật này từ 1992 lần đầu tiên tại Việt Nam.
Các tai biến và biến chứng đều ngang bằng hoặc thấp hơn phẫu thuật.
Có thể giảm chi phí bằng cách sử dụng lại các dụng cụ dùng một lần, cột chỉ thay vì dùng clip, chụp X quang trên bàn mổ chọn lọc thay vì thường quy, khâu chỉ dưới da thay vì khâu da.
Thời gian nằm viện sau mổ còn 4,6 ngày thay vì 8,2 ngày.
98,3% là sỏi cholesterol hỗn hợp, chỉ có 1,7% là sỏi cholesterol đơn thuần, do đó uống thuốc tan sỏi ở nước ta cho kết quả rất kém.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu đã công bố:
Xuất huyết tiêu hoá do loét dạ dày - tá tràng tại Bệnh viện Chợ Rẫy năm 1987.
Phẫu thuật điều trị XHTH do loét dạ dày - tá tràng tại Bệnh viện Chợ Rẫy (1980 - 1985).
Xử trí chấn thương - vết thương tá tràng tại Bệnh viện Chợ Rẫy.
Kết quả điều trị chấn thương và vết thương tá tràng tại Bệnh viện Chợ Rẫy qua 32 trường hợp.
Kết quả 20 ca cắt túi mật qua soi ổ bụng.
Cắt túi mật qua soi ổ bụng.
Kết quả 300 trường hợp cắt túi mật qua soi ổ bụng trong 3 năm 1992 - 1995 tại Bệnh viện Chợ Rẫy.
Cắt ruột thừa nội soi.
Tình hình mổ nội soi tại Bệnh viện Chợ Rẫy từ 1993 - 1997.
Ung thư túi mật gặp ngẫu nhiên trong mổ nội soi.
Cắt lách qua nội soi.
Sách đã xuất bản:
Chấn thương và vết thương bụng - Trường Đại học Y Dược.
Viêm túi mật và sỏi túi mật, Nxb. Y học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu điều trị sỏi trong gan.



TÔN QUANG CƯỜNG

Tiến sĩ Ngôn ngữ học

Sinh ngày: 19-10-1970.
Quê quán: Tịnh Sơn - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: Số 4, A11 khu tập thể Trường Cán bộ Thanh thiếu nhi Trung ương - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Quốc gia Voronhet, Liên bang Nga.
Thực tập sinh tại Đại học Sư phạm Quốc gia Voronhet, Liên bang Nga.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Sư phạm Tổng hợp Quốc gia Voronhet, Liên bang Nga.
Nghiên cứu sinh bậc II, cộng tác viên Viện Ngôn ngữ Viện Hàn lâm Khoa học Nga.
Giảng viên khoa Sư phạm - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hội viên Hội Liên hiệp khoa học kỹ thuật Việt Nam tại Liên bang Nga.
Hội viên Hội Nga học.
Hội viên Hội Hữu nghị Việt - Nga.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Voronhet, Liên bang Nga.
Ngành Ngôn ngữ học.

Đề tài luận án

Cấu trúc hệ thống của Zoomorphism trong tiếng Nga.

Nội dung

Đưa ra định nghĩa tương đối chi tiết về zoomorphism (có thể là từ độc lập, cụm từ hay thành ngữ): đó là một thủ pháp của ẩn dụ học, dùng tên gọi của động vật để chỉ đặc trưng, tính cách con người trong mọi lĩnh vực của đời sống, được dùng với tần suất cao trong các hành động lời nói và tác phẩm văn học.
Xét về cấu trúc zoomorphism có cấu trúc bên trong gắn với cơ chế hình thành nghĩa chuyển (nghĩa bóng) dựa vào 3 thành tố: Biểu cảm, hình tượng và đánh giá; các zoomorphism mang đậm những đặc điểm của ngôn ngữ, văn hoá, dân tộc.
Xét về hệ thống zoomorphism như một từ độc lập một cụm từ hay thành ngữ được chia ra thành từng nhóm.
Các nhóm có liên quan chặt chẽ với nhau theo hệ dọc và ngang.

Thành tựu khoa học

Một số bài phát biểu tại hội nghị quốc tế.
Nhiều bài đăng trên tạp chí chuyên ngành.

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu về nghĩa của các từ chỉ không gian và khoảng cách trong tiếng Việt (có so sánh với tiếng Nga, Anh).
Nghiên cứu xây dựng quy trình đào tạo giáo viên ngôn ngữ chất lượng cao.
Nghiên cứu phương pháp, thiết bị công nghệ để đánh giá, tổ chức thi cho sinh viên học tiếng Nga.



TRẦN TIẾN CƯỜNG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 4 - 3 - 1951.
Quê quán: Lãng Công - Lập Thạch - Vĩnh Phúc.
Chỗ ở hiện nay: Nhà 77 - khu C2 - đường Nam Thăng Long - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Làm việc tại mỏ than Thống nhất Quảng Ninh; Viện khoa học kỹ thuật Than; Viện Kinh tế mỏ; Viện quy hoạch và thiết kế than.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô.
Cán bộ Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương.
Phó trưởng ban công nghiệp Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương.
Hiện là Trưởng ban nghiên cứu quản lý doanh nghiệp, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
Hội viên Hội khoa học kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Trường Kỹ sư kinh tế Khắc cốp, Ucraina.
Ngành Kinh tế, kế hoạch hoá và tổ chức quản lý công nghiệp.

Đề tài luận án

Các tiềm năng đẩy mạnh sản xuất theo chiều sâu trên cơ sở hoàn thiện các hình thức tổ chức lao động tập thể.

Nội dung

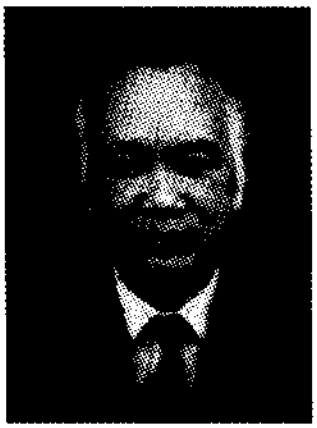
Nghiên cứu tiềm năng sản xuất trên cơ sở hoàn thiện các yếu tố tổ chức sản xuất, tổ chức lao động khoa học và các động lực khuyến khích phát triển sản xuất.
Luận án nghiên cứu tính tất yếu khách quan các hình thức tổ chức lao động tập thể dưới các hình thức tổ đội, đưa ra phương pháp đánh giá định tính và định lượng về ảnh hưởng của các điều kiện sản xuất đến hiệu quả tổ chức lao động tổ đội, đề xuất phương hướng sử dụng các ưu điểm của tổ chức lao động tổ đội, nghiên cứu tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác tổ đội gắn với điều kiện sản xuất, phương pháp tối ưu hoá số lượng công nhân trong tổ đội, bổ sung cơ sở lý thuyết và phương pháp luận tổ chức hạch toán tổ đội, hoàn thiện phương pháp luận xác định hệ số tham gia lao động, phân phối tiền lương và tiền thưởng trong tổ đội sản xuất.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ:
Hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế trong xí nghiệp công nghiệp quốc doanh.
Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý công nghiệp quốc doanh.
Cơ sở khoa học của việc chuyển doanh nghiệp nhà nước kinh doanh sang mô hình công ty của kinh tế thị trường.
Phân tích sự tác động qua lại giữa cải cách doanh nghiệp nhà nước và phát triển kinh tế ngoài quốc doanh ở Việt Nam.
Luận cứ khoa học về đổi mới tổ chức, hoạt động và quản lý hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường ở nước ta (cấp Nhà nước - tham gia).
Sách đã xuất bản:
Vấn đề đổi mới quản lý doanh nghiệp ở Việt Nam (đồng tác giả), Nxb. Chính trị quốc gia.
Các dịch vụ hỗ trợ phát triển công nghiệp ở Việt Nam: Trường hợp nghiên cứu về dịch vụ xuất nhập khẩu Nxb. Lao động.
Khuôn khổ pháp lý và kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của một số nước (Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương xuất bản) - đồng tác giả.
Khuôn khổ pháp lý và cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước - kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam - Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (đồng tác giả).
Sách tiếng Anh (đồng tác giả): *Commercial Legal Development in Vietnam: Vietnamese and Foreign Commentaries. Editor: John Gillespie Butterworths Asia. Singapore, Malaysia, Hongkong.*

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng xây dựng cơ chế, chính sách và biện pháp đẩy mạnh đổi mới doanh nghiệp nhà nước và nâng cao hiệu quả khu vực kinh tế nhà nước, phát triển các tập đoàn kinh tế nhà nước, các tập đoàn đa sở hữu và các thành phần kinh tế khác.
Nghiên cứu cải thiện môi trường kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp, về cạnh tranh và các yếu tố tăng cường năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và của các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và tăng cường vai trò của kinh tế tri thức.



TRẦN VĂN CƯỜNG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 8 - 4 - 1943.
Quê quán: Cấp Dẫn - Sông Thao - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Bệnh viện Tâm thần trung ương.

Quá trình công tác

Hiện là Giám đốc, Bí thư Đảng uỷ Bệnh viện Tâm thần trung ương.
Phó Viện trưởng Viện sức khoẻ tâm thần - Bệnh viên Bạch Mai.
Phó Chủ tịch Hội Tâm thần Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Tâm thần học

Đề tài luận án

Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và các nhân tố thúc đẩy hành vi phạm tội gặp ở bệnh nhân tâm thần phân liệt trong giám định pháp y tâm thần.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các công trình nghiên cứu:
Chăm sóc sức khoẻ tâm thần cộng đồng.
Phòng chống bệnh tâm thần (phó chủ nhiệm).
Sử dụng Methadon điều trị cai nghiện ma tuý (phó chủ nhiệm).
Thực trạng sức khoẻ tâm thần công nhân lái tàu hoả.
Thực trạng sức khoẻ tâm thần nhân viên phục vụ ngành tâm thần.
Điều trị và phòng bệnh trầm cảm tại cộng đồng.
Hình thái phạm tội trên một số trường hợp gặp trong giám định pháp y tâm thần.
Nghiên cứu thuốc y học cổ truyền (Heantos) điều trị cắt cơn cai nghiện ma tuý.
Bệnh động kinh gặp trong giám định pháp y tâm thần.
Nhân cách bệnh gặp trong giám định pháp y tâm thần.
Thực trạng sức khoẻ tâm thần học sinh tuổi học đường.



TRẦN VĂN CƯỜNG

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 30 - 8 - 1959.
Quê quán: Minh Tân - Phù Cừ - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Trường Cao đẳng Sư phạm Hưng Yên - Thị xã Hưng Yên.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Nam - Đà Nẵng.
Cán bộ sư đoàn 859 quân khu V.
Học viên Học viện Chính trị Quốc gia, Phân viện Đà Nẵng.
Học cao học Tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Cán bộ quản lý Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hiện là Phó trưởng phòng Đào tạo - Tổ chức Trường Cao đẳng Sư phạm Hưng Yên.
Hội viên Hội Giáo dục lịch sử Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000.
Tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Lịch sử.
Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy.

Đề tài luận án

Dạy học những nội dung kinh tế trong chương trình lịch sử Việt Nam lớp 12 phổ thông trung học.

Nội dung

Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn của việc dạy học những nội dung kinh tế trong chương trình lịch sử Việt Nam từ 1919 đến nay ở lớp 12 PTTH.
- Xác định kiến thức cơ bản kinh tế và một số nội dung kinh tế có thể bổ sung khi dạy học chương trình lịch sử Việt Nam từ 1919 đến nay ở lớp 12 PTTH.
- Xây dựng phương pháp dạy học những nội dung kinh tế trong chương trình lịch sử Việt Nam từ 1919 đến nay ở lớp 12 PTTH:
Hình thành các khái niệm và rút ra các quy luật kinh tế - xã hội.
Tổ chức các hoạt động ngoại khoá, thực hành khi dạy học các sự kiện kinh tế nhằm tăng cường khả năng tự học và tự nghiên cứu của học sinh.
Giáo dục tư tưởng đạo đức thông qua các biện pháp dạy học các sự kiện kinh tế.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Sơ lược tìm hiểu về sự thay đổi địa danh tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng qua các triều đại phong kiến ở Việt Nam.
Làm thế nào để phát huy tính tích cực chủ động, khả năng tư duy độc lập của học sinh.
Bước đầu nghiên cứu đánh giá kiến thức và thái độ của giáo sinh qua chương trình giáo dục dân số thí điểm tại trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Nam - Đà Nẵng.
Công tác chỉ đạo bồi dưỡng chương trình bồi dưỡng thay sách cải cách giáo dục lớp 7 năm học 1986 - 1987.
Vấn đề giảng dạy những nội dung kinh tế trong chương trình lịch sử ở trường phổ thông.
Người Việt Nam đã từng làm hoàng đế Trung Hoa.
Vận dụng nguyên tắc liên môn trong việc dạy học lịch sử ở trường PTTH.
Một số ý kiến về giảng dạy những nội dung kinh tế trong chương trình, sách giáo khoa lớp 12.
Về cuốn *Tài liệu chuẩn kiến thức môn lịch sử lớp 12.*
Phạm Bạch Hổ và thần tích đền Mây.
Về Chử Đồng Tử và sự tích "Đẩm Nhất Dạ".
Và một số bài đăng trên các báo, tạp chí.
Sách đã xuất bản:
Giảng dạy những kiến thức kinh tế trong chương trình lịch sử Việt Nam ở trường phổ thông - Nxb Đại học Quốc gia.

Dự định khoa học

Nghiên cứu đổi mới nội dung và phương pháp dạy học lịch sử ở trường sư phạm và trường phổ thông góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.
Nghiên cứu, tìm hiểu danh nhân lịch sử, địa danh văn hoá, phong tục, tập quán Việt Nam.



TRỊNH HÙNG CƯỜNG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 31 - 3 - 1946.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 15 Nguyễn Quang Bích - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Y Thái Bình.
Trường Đại học Y Hà Nội.
Học viện Quân y.
Phó trưởng bộ môn Sinh lý học, Trường Đại học Y Hà Nội.
Hiện là nghiên cứu viên chính, Phó khoa Chiến lược và chính sách Y tế, Viện Chiến lược và chính sách y tế (Bộ Y tế).
Hội viên Hội Sinh lý học. Hội Hình thái học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Ngành Y Dược.
Chuyên ngành Sinh lý học.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu diện tích da người Việt Nam ở các lứa tuổi và đề nghị một số công thức tuyến tính để tính.

Nội dung

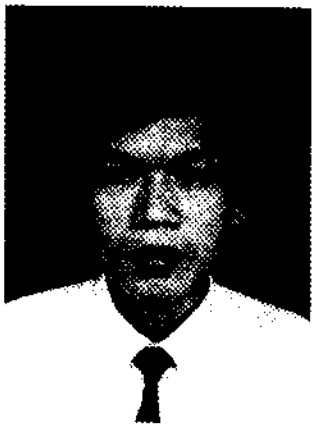
Nghiên cứu có hệ thống về diện tích da người ở nhiều lứa tuổi nam và nữ.
Để tài chứng minh sự thích nghi với điều kiện môi trường nóng - ẩm của cơ thể người Việt Nam.
Mối tương quan chặt chẽ giữa diện tích da và vòng ngực, vòng đùi, chiều cao, so sánh và giải thích sự khác nhau giữa kết quả tính theo công thức Du Bois và diện tích đo được trên người Việt Nam. Đã đưa ra một số công thức tuyến tính và chương trình phần mềm để tính diện tích da người Việt Nam theo các lứa tuổi.

Thành tựu khoa học

Tác giả và đồng tác giả trên 20 báo cáo khoa học về sinh lý học đăng ở các tạp chí trong và ngoài nước.
Tham gia viết sách giáo khoa.
Sinh lý học (chương Hệ thần kinh trung ương).
Các chuyên đề sinh lý học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu nhân lực và xã hội học y tế.



TRƯƠNG QUỐC CƯỜNG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 14 - 6 - 1961.
Quê quán: Đại Kim - Thanh Trì - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 111A Khâm Thiên - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên Trường Cao đẳng Ngân hàng Hà Nội.
Giáo viên Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu khoa học Ngân hàng.
Hiện là giảng viên Học viện Ngân hàng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000.
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Chuyên ngành Tài chính - Tín dụng và lưu thông tiền tệ.

Đề tài luận án

Giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả của đầu tư theo dự án ở Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Nội dung

Phân tích nguồn gốc của đầu tư theo dự án, chu trình dự án, bản chất, nguyên tắc cơ bản, các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư theo dự án của Ngân hàng thương mại.

Thực trạng đầu tư theo dự án ở Ngân hàng Công thương Việt Nam, những kết quả, những tồn tại và nguyên nhân cần khắc phục.
Luận án đã đưa ra một hệ thống giải pháp ở tầm vĩ mô và vi mô cùng các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư theo dự án ở Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Chương trình nghiên cứu cấp ngành:
Những vấn đề về môi trường kinh tế và pháp lý cho sự nghiệp tiếp tục đổi mới hoạt động ngân hàng.
Giáo trình Tài trợ dự án hệ trung học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu hiệu quả tín dụng tại Ngân hàng Thương mại.
Giảng dạy đại học, sau đại học.
Viết sách và giáo trình đại học.



VŨ CÔNG CƯỜNG

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 7 - 2 - 1950.
Quê quán: Vị Xuyên - Mỹ Lộc - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 25 Lê Thánh Tông - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Quốc gia Praha Tiệp Khắc cũ.
Giảng viên Đại học Quân y.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Praha, Tiệp Khắc cũ.
Thực tập công nghệ y tế tại Yokohama Nhật Bản.
Phó Viện trưởng Viện Tai - Mũi - Họng trung ương.
Hiện là Trưởng khoa Y học cơ sở - Viện Tai Mũi Họng trung ương.
Phó Chủ tịch Hội Hoá sinh Y Dược Hà Nội và các tỉnh phía Bắc.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990
Tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Praha Tiệp Khắc cũ.
Chuyên ngành Hoá sinh phân tích.

Đề tài luận án

Xác định các kim loại nặng: kẽm, đồng, chì, cadmi trong tóc trẻ em.

Nội dung

Nghiên cứu và áp dụng kỹ thuật Von - Ampe hoà tan anôt kết hợp với cực phổ xung vi phân (DPASV) để xác định các kim loại nặng trong tóc trẻ em. Ưu điểm nổi bật là khả năng xác định được nhiều kim loại có nồng độ rất nhỏ (nồng độ xác định là 10^{-6} - 10^{-8} mol/l) có sai số chỉ < 5% trong những điều kiện phân tích tối ưu. Bằng máy cực phổ tự ghi thông thường trong mọi phòng thí nghiệm phân tích với bộ cực giọt thuỷ ngân treo thay bộ cực rắn đĩa bay là có thể xác định những vết kim loại nặng trong các mẫu sinh học, y học và môi trường. Kỹ thuật phân tích đơn giản trong khoảng thời gian ngắn với lượng hoá chất tối thiểu đã ứng dụng phương pháp này để xác định: kẽm (Zn), đồng (Cu), chì (Pb), cadmi (Cd) trong tóc trẻ em bình thường và bệnh lý (suy dinh dưỡng, chậm phát triển trí tuệ) và thu được kết quả tốt.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu đã công bố:
Hàm lượng kẽm, đồng, chì trong tóc trẻ em câm điếc.
Hàm lượng Kẽm trong tóc và nước tiểu của trẻ em mắc nhiễm khuẩn đường hô hấp trên mãn tính, ỉa chảy không nhiễm trùng mãn tính.
Nguyên tố vi lượng (kẽm, đồng, chì và cadmi) trong tóc trẻ em.
Ứng dụng của phép đo quang phổ hấp thụ nguyên tử trong sinh học.
Xác định nguyên tố vi lượng bằng phương pháp điện hoá Von - Ampe hoà tan.
Nghiên cứu thành phần hoá học của dị nguyên bụi nhà học.
Hàm lượng nguyên tố vi lượng trong tóc và nước tiểu (tiếng Pháp).
Nghiên cứu ảnh hưởng của giảm mẫn cảm đặc hiệu đối với hệ thống miễn dịch của bệnh nhân viêm mũi xoang dị ứng.
Định lượng CEA bằng kỹ thuật ELISA và kết quả bước đầu ứng dụng trong chẩn đoán lâm sàng.

Dự định khoa học

Nghiên cứu áp dụng kỹ thuật hoá sinh phân tích: Xác định các kim loại nặng trong sinh học, y học, môi trường.



LÊ VINH DANH

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 30 - 11 - 1957.
Quê quán: Long Phụng - Mộ Đức - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 136/16B Nguyễn Tri Phương - Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng viên Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
Đại học Bách khoa.
Đại học Đại cương, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Phó hiệu trưởng Đại học Công nghệ Tôn Đức Thắng.
Uỷ viên Hội đồng chính sách kinh tế Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
Kiêm thư ký Hội đồng ngành Kinh tế và Quản trị, Bộ Giáo dục - Đào tạo.
Hội đồng khoa học Viện nghiên cứu Phương Đông.
Nghiên cứu sau tiến sĩ tại Đại học George Washington, Mỹ.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Đại học Hoàng gia Chulalongkorn, Băng Cốc, Thái Lan.
Chuyên ngành Tài chính quốc tế và quan hệ kinh tế quốc tế.

Đề tài luận án

Chính sách tiền tệ và sự điều tiết kinh tế vĩ mô của ngân hàng trung ương.

Nội dung

Trong nền kinh tế thị trường, hành chính chưa bao giờ là phương thức quản lý tốt nền kinh tế. Cơ chế thị trường chỉ thích nghi với các biện pháp điều tiết gián tiếp như chính sách tiền tệ và tài chính. Khi thị trường được điều chỉnh bởi biện pháp gián tiếp, phân bổ tài nguyên và khai thác nguồn lực đạt đến hiệu quả cao. Nhà nước cần hạn chế tác động và ảnh hưởng đến nền kinh tế bằng hành chính. Nên để nền kinh tế cho cơ chế thị trường và ngân hàng trung ương điều tiết trong đó, lãi suất và nghiệp vụ thị trường mở là công cụ chính.
Có hai hình thức điều tiết cùng những tác động nhất định đó là: cố định lãi suất thấp và giữ lãi suất ở mức trung bình cao. Hình thức đầu cho một nền kinh tế tăng trưởng nhanh với lạm phát cao, hình thức sau lạm phát thấp nên tăng trưởng thấp và điều tiết cũng chuyển từ hình thức trước qua sau. Để phát huy vai trò của chính sách tiền tệ, tư nhân hoá triệt để hệ thống kinh tế nhằm tích cực phát triển thị trường chứng khoán, tham gia tiến trình toàn cầu hoá tài chính là những biện pháp chủ yếu. Từ đó hiệu quả hoá và làm tăng khả năng thích nghi, cạnh tranh cho hệ thống kinh tế.

Thành tựu khoa học

Tham gia một số đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, thành phố.
Hơn 34 công trình nghiên cứu đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.
Sách đã xuất bản:
Kinh tế học đại cương. Đại học Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
Monetary Policy Instruments of the Central bank. the Chulalongkorn University Press, Bangkok, Thailand.
Tiền và hoạt động ngân hàng.
Chính sách tiền tệ và sự điều tiết vĩ mô của ngân hàng trung ương.
Tài chính quốc tế. Nxb Chính trị quốc gia.
Chính sách công của Hoa Kỳ giai đoạn 1935 - 2001. Nxb Thống kê thành phố Hồ Chí Minh.
Sách sắp xuất bản:
International Investment in the World of Globalization. Co-author Prof. Rehman, Washington DC, 2002 (est).

Dự định khoa học

Nghiên cứu cơ chế thị trường và tự do.
Cơ chế thị trường và chủ nghĩa xã hội.
Chính sách tiền tệ quốc gia và đầu tư quốc tế trong thời đại toàn cầu hoá.
Tương lai các nền kinh tế và chế độ chính trị ở những quốc gia đang chuyển đổi.

Lời Tiến sĩ

Phải coi trọng tăng trưởng hơn bất kỳ điều gì khác trong chính sách, vì tăng trưởng là cái gốc để phát triển và ổn định chính trị, cái gốc để khai thác nguồn nhân lực, cái gốc của công bằng, văn minh và tự do. Muốn thế, phải củng cố hai điều: Cơ chế thị trường tự do thực sự và Luật. Chỉ khi hai chân trên được xây dựng, mọi nguồn lực trong và ngoài nước mới được khai thác hiệu quả.
Cần bắt đầu tự do hoá và thị trường thực sự bằng việc giảm tối đa can thiệp hành chính trực tiếp. Xoá bỏ tình trạng độc quyền ngành trong mọi lĩnh vực kinh tế vì đây là cha đẻ ra tất cả hình thức lãng phí, kẻ thù của tăng trưởng. Tư nhân hoá các khu vực kinh tế nhà nước ngoại trừ công nghiệp năng lượng và quốc phòng. Trong lãnh vực chế tạo, tham gia vào phân công quốc tế qua các tập đoàn đa quốc gia thay vì cố gắng xây dựng trọn vẹn một ngành bất kỳ. Coi trọng việc cử người ra nước ngoài học tập vì đó là cơ sở để nhận chuyển giao công nghệ cùng tham gia vào tiến trình phân công. Luật lệ chỉ củng cố được dần dần khi Quốc hội, cơ quan làm luật phải có quyền hạn cao nhất.



NGUYỄN THỊ NGỌC DAO

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 15 - 8 - 1945.
Quê quán: Thành phố Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 75B - 77 Hàng Bông - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Y Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Trung tâm Nghiên cứu sinh học phân tử Berlin - Buch, Viện Hàn lâm Khoa học Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Phó phòng Hoá sinh, Trung tâm sinh lý hoá sinh người và động vật - Viện Khoa học Việt Nam.
Phó Giám đốc Trung tâm nghiên cứu hoá sinh ứng dụng, Viện Khoa học Việt Nam.
Trưởng phòng Nghiên cứu enzym học - Viện Công nghệ sinh học, TTKHTN & CNQG.
Phó Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học, TTKHTN & CNQG.
Uỷ viên Hội đồng khoa học các đơn vị đã và đang công tác.
Hội viên Hội Các ngành sinh học.
Hội Hoá sinh.
Hội Hoá sinh y dược học Việt Nam.
Thành viên Hội các nhà khoa học nữ thuộc Viện Hàn lâm khoa học các nước thế giới thứ ba.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.
Tại Viện Nghiên cứu sinh học phân tử, Trung tâm Nghiên cứu sinh học và Y học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học CHDC Đức cũ.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Xúc tác sinh học.

Đề tài luận án

Biến đổi hoá học chọn lọc Cytochrome - P450 bằng chất đánh dấu huỳnh quang Fluorescenz - isothiocyanate.

Nội dung

Nghiên cứu hệ thống enzym Cytochrome P450, một hệ enzym quan trọng trong khử độc và chuyển hoá các chất độc nội sinh, ngoại sinh, các chất béo, các steroids và các thuốc, có mặt trong hầu hết các cơ thể sống. Đây là những hemoprotein enzym. Hệ thống enzym muốn hoạt động cần có mặt 3 cấu tử là Cytochrome P450, Cyt - 450 Reductase và phospholipid. Với sự sử dụng FITC như một chất đánh dấu huỳnh quang đặc hiệu và có sự trợ giúp của các kỹ thuật sinh học hiện đại, hoá học và vật lý, đã thu được những thông tin có giá trị về vai trò của các nhóm chức NH_2 trong hoạt động của enzym, hiểu rõ hơn về tương tác giữa 2 enzym trong cả hệ thống. Với phương pháp đánh dấu chọn lọc các gốc NH_2 và SH của phân tử Cytochrome P450 bằng các chất huỳnh quang (FITC và NBD - Chlorid) ở những điều kiện phù hợp đã chứng minh được vai trò chức năng của 2 nhóm chức NH_2 (một của acid amin Methionin tận cùng chuỗi và NH_2, thứ 2 có thể của acid amin Lysin). Hai nhóm chức này ảnh hưởng tương tự nhau đối với quá trình vận chuyển điện tử hoạt tính xúc tác của enzym.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài cấp Nhà nước:
Thực nghiệm chống nhiễm độc Dioxin, chương trình 64A nghiên cứu khắc phục hậu quả chiến tranh hoá học của Mỹ ở Việt Nam.
Nghiên cứu công nghệ điều chế 6-APA, 7ADCA và Cephalexin từ Penicillin (đề mục).
Nghiên cứu tìm đột biến gen gây thiếu hụt enzym G6PD hồng cầu người
Nghiên cứu các biến đổi về di truyền, miễn dịch, sinh hoá, huyết học và tồn lưu Dioxin trên các đối tượng có nguy cơ cao (đề mục).
Nghiên cứu sinh học và kỹ thuật nuôi trồng một số tảo biển ở vùng quần đảo Trường Sa.
Cấp Bộ: Thử nghiệm một số bài thuốc cổ truyền dân tộc trên các mô hình thích hợp, đánh giá về mặt hoá dược và độc tố.
Nghiên cứu các chất hoạt tính sinh học dùng làm thuốc chữa dị ứng và trợ gan.
Cấp cơ sở:
Nghiên cứu tách chiết và hoạt hoá một số enzym thuỷ phân sử dụng hiệu quả cao trong sản xuất, ứng dụng vào y dược mỹ phẩm và dinh dưỡng.
Nâng cấp sản xuất các hỗn hợp các acid amin và đa dạng hoá sản phẩm.
Nghiên cứu tạo một số chế phẩm sinh học nhằm tăng cường sức khoẻ và điều trị bệnh.
Đánh giá kiểm định chất lượng hoàn thiện thủ tục đăng ký sản xuất và sử dụng một số chế phẩm thuốc.
Đánh giá kiểm định chất lượng hoàn thiện thủ tục đăng ký sản xuất và sử dụng cho chế phẩm thuốc Naturenz.
Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất bột thuốc Pluriamin (phó chủ nhiệm).
Chủ trì và tham gia một số đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp ngành khác.
Đã công bố trên 60 công trình ở các tạp chí trong và ngoài nước.
Tham dự và báo cáo tại nhiều hội nghị khoa học trong nước và quốc tế.
Tham gia đào tạo bác sĩ, thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành.
Giải thưởng khoa học trẻ của Viện Sinh học Đức.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học.
Bằng độc quyền giải pháp hữu ích về phương pháp thu nhận Pluriamin từ nhộng tằm khô.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, giảng dạy, viết sách chuyên ngành.



NGUYỄN CÔNG DÂN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 28 - 3 - 1952.
Quê quán: Khắc Niệm - Tiên Du - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: Khắc Niệm - Tiên Du - Bắc Ninh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Nông nghiệp 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại uý, Phó quản đoàn Cục Hậu cần Quân khu 7.

Cán bộ nghiên cứu khoa học, Viện Nghiên cứu nuôi trồng Thuỷ sản 1.

Tốt nghiệp thạc sĩ, Viện Đào tạo Thuỷ sản Trung ương, Bombay, Ấn Độ.

Trưởng phòng Kỹ thuật nuôi trồng thuỷ sản, Viện nghiên cứu nuôi trồng Thuỷ sản 1.

Nghiên cứu sinh tại Học viện Công nghệ châu Á (AIT), Băngcốc, Thái Lan.

Hiện là cán bộ nghiên cứu khoa học, Trưởng phòng Kỹ thuật nuôi trồng thuỷ sản, Viện Nghiên cứu nuôi trồng Thuỷ sản 1.

Giám đốc dự án hỗ trợ nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt SUFA, Bộ Thuỷ sản.

Thành viên của Màng lưới quốc tế về di truyền trong nuôi trồng thuỷ sản - INGA.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Học viện Công nghệ châu Á, Thái Lan.
Chuyên ngành Nuôi trồng thuỷ sản.

Đề tài luận án

Những giải pháp kỹ thuật sản xuất giống cá rô phi trong điều kiện khí hậu lạnh ở miền bắc Việt Nam.

Nội dung

Xác định phương pháp trú đông cho cá rô phi giống và cá bố mẹ có hiệu quả nhất. Đánh giá tốc độ sinh trưởng của cá con và khả năng sinh sản sớm của các dòng cá rô phi sau trú đông. Hiệu quả kinh tế của các phương pháp sản xuất giống và khả năng áp dụng trong sản xuất.

Thành tựu khoa học

Nhập giống, thuần hoá và đưa ra sản xuất 2 loài cá chép Ấn Độ là cá rohu (Labeo rohita), cá mrigal (Cirrhinus mrigala) và 2 dòng cá rô phi (Oreochromis niloticus) GIFT và Thái Lan.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chọn giống trên một số loài cá nuôi có giá trị kinh tế cao.



NGUYỄN VI DÂN

Tiến sĩ Địa lý

Sinh ngày: 3 - 8 - 1934.
Quê quán: Kha Sơn - Phú Bình - Thái Nguyên.
Chỗ ở hiện nay: 20 - ngách 80/3 - ngõ 80 Hoàng Đạo Thành - Kim Giang - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Ty Giáo dục Bắc Giang.
Hiệu trưởng Trường cấp II Quang Châu, Bắc Giang.
Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Lômônôxốp Matxcơva Liên Xô cũ.
Cán bộ giảng dạy khoa Địa lý - Địa chất, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Tổ trưởng bộ môn. Phó chủ nhiệm khoa.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Lômônôxốp, Matxcơva.
Cán bộ giảng dạy khoa Địa lý - Địa chất Trường Đại học Tổng hợp, Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy khoa Địa lý Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Thành viên Hội Địa lý Việt Nam.
Hội Bảo vệ Môi trường Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Lômônôxốp, Matxcơva.
Ngành Địa lý.
Chuyên ngành Địa mạo.

Đề tài luận án

Địa mạo đồng bằng Bắc bộ (Việt Nam) và vùng núi kế bên.

Nội dung

Kiến trúc hình thái đồng bằng Bắc bộ. Phân tích sự phản ảnh các kiến trúc tân kiến tạo trên hình thái địa hình, hình thái mạng lưới thuỷ văn, kiến trúc móng của vỏ quả đất; đặc điểm hình thái các kiến trúc mới trên sụt võng địa hào Hà Nội, núi hồi sinh kiến tạo, kiến trúc hình thái bào mòn của các dải núi ven rìa sụt võng Hà Nội.
Địa mạo chạm trổ hình thái. Phân tích các kiểu nguồn gốc dòng chảy, sóng - biển (delta) sóng - gió, karst, bề mặt san bằng, các quá trình sườn, địa hình nhân sinh, động lực địa hình, lịch sử phát triển địa hình, phân vùng địa mạo, phương hướng sử dụng hợp lý lãnh thổ vào mục đích xây dựng và phát triển kinh tế.

Thành tựu khoa học

Những đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu:
Đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và tài nguyên lãnh thổ các tỉnh giáp biển miền Trung (cấp Nhà nước).
Chương trình cấp Nhà nước:
Địa mạo hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.
Vấn đề địa danh hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.
Nghiên cứu điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và kinh tế xã hội hệ thống đảo ven bờ Trung bộ Việt Nam.
Nghiên cứu cảnh quan địa mạo karst phục vụ du lịch.
Bản đồ địa mạo Việt Nam tỷ lệ 1: 1.000.000 hợp tác Đại học Tổng hợp Hà Nội - Đại học Lômônôxốp.
Bản đồ địa mạo Campuchia - Lào - Việt Nam, tỷ lệ 1: 1.000.000. Chương trình Intergeo - 87.
Bản đồ hiện trạng môi trường Việt Nam năm 1994, tỷ lệ 1: 1.500.000 (Chương trình cấp Bộ):
Bản đồ địa mạo tỉnh Đắc Lắc, tỷ lệ 1: 500.000.
Sách đã xuất bản:
Địa lý đại cương (tập 1+2) - Chủ biên.
Phương pháp nghiên cứu địa mạo. Nxb. Đại học đại cương.
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp khoa học.
Vì sự nghiệp địa chất.

Dự định khoa học

Tái bản có bổ sung giáo trình *Địa lý đại cương.*
Viết tập bài giảng sau đại học:
Những vấn đề bản đồ địa mạo.
Địa lý tài nguyên Việt Nam.
Khái quát địa chính trị.



VŨ VĂN DÂN

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 28 - 8 - 1942.

Quê quán: Quang Hưng - An Lão - Hải Phòng.

Chỗ ở hiện nay: Phường Nguyễn Văn Cừ - Thành phố Quy Nhơn.

Quá trình công tác

Giảng viên khoa học giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.

Giảng viên, tổ trưởng bộ môn Tâm lý - Giáo dục học Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn.

Chủ tịch Hội Tâm lý - Giáo dục học tỉnh Bình Định.

Hội viên Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Bình Định.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1978.

Tại Trường Đại học Sư phạm Potsdam, Cộng hoà dân chủ Đức.

Ngành Giáo dục học.

Chuyên ngành Lý luận giáo dục nhân cách.

Đề tài luận án

Giáo dục học sinh trong môi trường lao động kỹ thuật tổng hợp.

Nội dung

Trong môi trường lao động kỹ thuật tổng hợp, học sinh được trang bị những hiểu biết về hệ thống kỹ thuật phù hợp với vốn kiến thức phổ thông của các em ở cả trên lĩnh vực lý thuyết và thực hành. Đồng thời học sinh được giáo dục những phẩm chất nhân cách: ý thức tổ chức kỷ luật của người công nhân, tinh thần đoàn kết, hợp tác trong lao động công nghiệp, ý thức sáng tạo trong công việc...

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu một số đề tài cấp Bộ:

Thực tập sư phạm, thực trạng và giải pháp, Nghiên cứu thực trạng học sinh bỏ học ở cấp trung học cơ sở tỉnh Bình Định.

Nghiên cứu: Giáo dục lối sống văn hoá cho học sinh.

Sách đã xuất bản:

Hỏi đáp về thực tập sư phạm (đồng tác giả) Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.

Quản trị học.

Chỉ dẫn thực tập sư phạm - Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn.

Gia huấn ca và danh ngôn - Nxb. Văn hoá dân tộc.

Sách lưu hành nội bộ:

Lý luận dạy học đại học.

Phương pháp luận nghiên cứu khoa học - Trường Đại học Quy Nhơn.

Dự định khoa học

Nghiên cứu đề tài: Đổi mới phương pháp giảng dạy giáo dục học.

Viết sách về những biện pháp giáo dục thái độ và hành vi thẩm mỹ cho học sinh.

Lời tâm huyết

Đối với những người có học vị tiến sĩ từ 60 tuổi trở lên mà còn đủ sức khoẻ, Nhà nước nên tiếp tục sử dụng họ trong các hoạt động chuyên môn.



CÙ XUÂN DẦN

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 15 - 9 - 1938.
Quê quán: Sơn Long - Hương Sơn - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Số 81 - đường S - Trường Đại học Nông nghiệp I - Gia Lâm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy.
Chủ nhiệm khoa.
Phó Hiệu trưởng.
Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Được phong Giáo sư năm 1992.
Nhà giáo ưu tú năm 1992.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Chăn nuôi Việt Nam.
Chủ tịch Hội đồng Học hàm liên ngành chăn nuôi, thú y, thuỷ sản.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1977.
Tiến sĩ Khoa học năm 1987.
Tại Trường Đại học Chăn nuôi thú y St. Zagora, Bungari.
Chuyên ngành Khoa học nông nghiệp

Đề tài luận án

Nghiên cứu quá trình tiêu hoá thức ăn ở bê trong thời kỳ bú sữa và thời kỳ quá độ và ở dê khi ăn Natri - propionat.

Nội dung

Nghiên cứu quá trình tiêu hoá trong dạ cỏ, dạ múi khế và ruột non của bê khi ăn sữa nhân tạo thay sữa bò, với mục đích tiết kiệm sữa bò và hạ giá thành chăn nuôi.

Xác định hoạt lực của các men chymozin, pepsin, lipaza trong dạ múi khế và tá tràng. Xác định được thời gian đông sữa nhân tạo trong dạ múi khế chậm hơn so với khi ăn sữa bò.

Xác định được động thái HCl tổng số và HCl tự do trong dạ dày bê ăn sữa bò cao hơn sữa nhân tạo.

Hàm lượng axit béo bay hơi tổng số và tỷ lệ giữa C_2, C_3, C_4, thay đổi tuỳ thuộc vào thức ăn. Hàm lượng axit propionic ở bê ăn sữa nhân tạo tăng lên so với bê ăn sữa bò.

Đã nghiên cứu hàm lượng NH_3, axit amin, vitamin B_{12} độ pH trong dạ cỏ, múi khế và tá tràng.

Kết quả nghiên cứu làm sáng tỏ những ưu điểm, nhược điểm khi sử dụng sữa nhân tạo thay sữa bò để nuôi bê, giúp cho công nghệ chế tạo sữa nhân tạo.

Đồng thời nghiên cứu quá trình tiêu hoá và hấp thụ ở dê khi ăn thức ăn bổ sung Na-propionat bởi Na-propionat được sử dụng xử lý thức ăn phòng chống nấm mốc thối rữa.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu sử dụng phế phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho trâu bò (chế biến rơm rạ làm tăng tỷ lệ tiêu hoá, tăng chất lượng). Kết quả đã được ứng dụng ở nhiều cơ sở chăn nuôi bò.

Nghiên cứu chế biến phế phụ phẩm dứa làm thức ăn cho trâu bò và lợn. Kết quả đã sử dụng được toàn bộ cây dứa, lá dứa, chồi ngọn và bã dứa làm thức ăn cho trâu bò.

Nghiên cứu một số đặc điểm sinh lý máu của gia súc Việt Nam.

Đã công bố 12 công trình nghiên cứu ở nước ngoài, 25 công trình nghiên cứu trong nước.

Đồng tác giả 3 cuốn sách dịch (tiếng Nga 2, tiếng Trung Quốc 1).

Cộng tác biên soạn giáo trình:
Sinh lý học gia súc.
Sinh lý học vật nuôi.

Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy hiệu Vì sự nghiệp tuổi trẻ.
Vì sự nghiệp giáo dục.
Giải thưởng nghiên cứu khoa học do Bungari tặng.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phế phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn gia súc.



TRẦN VĂN DẦN

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 20 - 7 - 1939.
Quê quán: Thành phố Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: Số 35-15/106 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Giảng dạy tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Phó Chủ nhiệm bộ môn.
Hội viên Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.
Hội Vệ sinh phòng dịch.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Vệ sinh xã hội và Tổ chức y tế.

Đề tài luận án

Đánh giá tác động của ô nhiễm không khí do nhà máy Super Phôtphat Lâm Thao - Vĩnh Phú tới sức khoẻ học sinh trong vùng bị ô nhiễm.

Nội dung

Đánh giá tình trạng ô nhiễm không khí do nhà máy Super Phôtphat Lâm Thao - Vĩnh Phú thải ra. Qua kết quả khảo sát, luận án nêu lên nồng độ các hơi khí độc do nhà máy thải ra như SO_2, SO_3, HF đã vượt quá tiêu chuẩn cho phép ở các khoảng cách từ 500m - 2000m, các bụi lắng cũng vượt quá tiêu chuẩn cho phép. Do bầu không khí ở vùng dân cư nằm kế cận nhà máy trong thời gian dài bị ô nhiễm đã ảnh hưởng đến quá trình phát triển cơ thể, tình hình sức khoẻ và bệnh tật ở lứa tuổi học sinh tiểu học từ 8-14 tuổi qua một số chỉ số nghiên cứu: chiều cao, trọng lượng và vòng ngực trung bình.
Các chỉ số sinh lý như: dung tích sống, FEV_1...
Các hội chứng bệnh lý của viêm nhiễm đường hô hấp.
Bệnh Fluorose.
Luận án đã khẳng định:
Sự khác biệt về quá trình phát triển cơ thể, bệnh lý ở đường hô hấp, bệnh răng ở lứa tuổi học sinh 8 - 14 tuổi giữa vùng bị ô nhiễm với vùng không bị ô nhiễm.
Kết luận:
Tình trạng ô nhiễm không khí ở khu vực dân cư xung quanh nhà máy Super Phôtphat Lâm Thao - Vĩnh Phú là rõ rệt và kéo dài.
Các chỉ số về phát triển cơ thể, chức năng hô hấp lứa tuổi học sinh từ 8 - 14 ở vùng bị ô nhiễm kém hơn so với vùng không bị ô nhiễm.
Các dấu hiệu bệnh lý ở đường hô hấp, bệnh về răng ở học sinh vùng bị ô nhiễm cao hơn nhiều lần so với học sinh ở vùng không bị ô nhiễm.

Thành tựu khoa học

Chủ trì đề tài nhánh cấp Nhà nước:
Ô nhiễm môi trường
Thư ký đề tài cấp Bộ: Tình trạng hút thuốc lá ở Việt Nam.
Chủ trì đề tài cấp Bộ: Tình trạng hút thuốc lá ở học sinh, sinh viên Việt Nam.
Tham gia đề tài 5202 - cấp Nhà nước.
Sự đổi mới của nền Y tế Việt Nam - cấp Bộ.
Sách đã xuất bản:
Vệ sinh dịch tễ - Tập I.
Sức khoẻ lứa tuổi.
Khoa học môi trường.
Giáo dục sức khoẻ, sách dùng cho giáo viên.
Giáo dục sức khoẻ, sách dùng cho học sinh cao đẳng sư phạm.
Sức khoẻ, cho học sinh phổ thông lớp 3, lớp 4.
Công tác chăm sóc sức khoẻ cho lứa tuổi học sinh.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Vì sức khoẻ nhân dân.
Vì sự nghiệp giáo dục.



VÕ QUANG DIỆM

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 16 - 02 - 1951.
Quê quán: Thanh Lương - Thanh Chương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Số 43 - Ngõ Gốc Đề - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Xây dựng Matxcơva.
Công tác tại Viện Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng.
Xí nghiệp Thiết kế cơ khí xây dựng thuộc Liên hiệp Các xí nghiệp cơ khí xây dựng.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Xây dựng Lêningrát - Liên bang Nga.
Công tác tại Viện Xây dựng công nghiệp, Bộ Xây dựng, nay là Công ty Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam.
Phó trưởng phòng Quản lý khoa học - kỹ thuật, Trưởng bộ môn Công nghệ.
Hiện là Phó Vụ trưởng Vụ quản lý vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng.
Uỷ viên Hội đồng Khoa học công nghệ cơ khí xây dựng, Bộ Xây dựng.
Tham gia Hội đồng Khoa học công nghệ chuyên ngành cấp Nhà nước, nghiệm thu các đề tài cấp Nhà nước về Cơ khí và môi trường.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Trường Đại học xây dựng Lênin grát Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Máy xây dựng và làm đường.

Đề tài luận án

Xác định các thông số của máy hoàn thiện bề mặt bê tông chưa đóng rắn có phun, phủ các phụ gia bền nước.

Nội dung

Nghiên cứu bản chất quá trình xoa bề mặt bê tông có phun, phủ các phụ gia bền nước, các ảnh hưởng của: kiểu máy xoa (máy xoa đĩa, máy xoa bản), vận tốc di chuyển của máy, vận tốc, quỹ đạo chuyển động, áp lực của cơ cấu công tác lên bê tông, tính chất và lưu lượng của phụ gia, độ sụt của bê tông đối với cấu trúc của lớp biến dạng, đặc biệt là tính chất hoá lý, tính đồng đều, khả năng chống thấm cũng như độ nhẵn, độ phẳng của lớp vữa xi măng ở bề mặt. Xác định các thông số tối ưu của máy, lập bảng tra cứu cho từng chế độ làm việc có thể áp dụng để lựa chọn các thông số khi tính toán, thiết kế máy mới.
Đề xuất một dạng kết cấu đĩa xoa cải tiến cho phép tạo lớp bề mặt nhẵn phẳng và đồng đều trên suốt bề mặt bê tông. Xây dựng phương pháp, công thức tính cho dạng kết cấu trên và các công thức tính toán, thiết kế các máy xoa đĩa, máy xoa bản cho hoàn thiện bề mặt bê tông chưa đóng rắn có phun, phủ các phụ gia bền nước (có thể áp dụng mở rộng cho các loại phụ gia khác).

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài cấp Nhà nước: Nghiên cứu sử dụng năng lượng mặt trời để dưỡng hộ bê tông đúc sẵn.
Chủ nhiệm các đề tài cấp Bộ:
Thang máy chở người và chở hàng.
Điều tra, đánh giá hiện trạng, xây dựng chính sách phát triển cơ khí phục vụ công nghiệp hoá và hiện đại hoá ngành xây dựng.
Biên soạn quy trình công nghệ sản xuất cột điện bê tông ly tâm 110 - 220 KV.
Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế công nghệ một số công trình hiện đang phát huy hiệu quả kinh tế.
Chủ nhiệm và chủ trì thiết kế công nghệ Nhà máy Xi măng Duyên Linh.
Chủ trì thiết kế công nghệ các nhà máy: Xi măng 12/9 Anh Sơn, Nghệ An, Xi măng 19/5 Quân khu 4.
Chủ nhiệm dự án và tham gia phần công nghệ, thiết bị một số dự án nghiên cứu khả thi trong các lĩnh vực: xi măng, trạm nghiền xi măng, sản xuất ống bê tông và cấu kiện, gạch men ceramic, gạch đất sét nung, tấm lợp phibrô xi măng.

Dự định khoa học

Quản lý khai thác, sử dụng các tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng.
Tham gia thành lập Viện Nghiên cứu cơ khí xây dựng.

Lời Tiến sĩ

Trí tuệ và chất xám của mỗi người là tài sản quý giá của đất nước. Đó là năng khiếu bẩm sinh kết hợp với sự đào tạo, rèn luyện và quá trình lao động cần cù sáng tạo, có phương pháp, có định hướng. Nhà nước cần phải có chính sách ưu đãi, sử dụng loại hàng hoá đặc biệt này một cách hợp lý mới có thể biến nó thành động lực thúc đẩy xã hội phát triển.



VŨ DIỄN

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 14 - 2 - 1955.
Quê quán: Tri Trung - Phú Xuyên - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: P205-T4-Tập thể Viện Thú y - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Học viên sỹ quan dự bị khoá 3 - Học viện Quân y, Thiếu uý.
Cán bộ giảng dạy bộ môn Vệ sinh dịch tễ Trường Đại học Y Hà Nội.
Nghiên cứu sinh Viện Virut học Viện Hàn lâm Y học Cộng hoà Liên bang Nga.
Giảng viên chính khoa Y tế công cộng.
Giáo vụ đại học khoa Y tế công cộng Trường Đại học Y Hà Nội.
Thành viên Hội Y tế dự phòng, Bảo vệ môi trường.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Viện Virut học Ivanôpxki - Viện Hàn lâm Y học - Cộng hoà Liên bang Nga.
Chuyên ngành Dịch tễ học.

Đề tài luận án

Nguy cơ lây nhiễm HBV, HCV của nhân viên y tế, người nhà bệnh nhân mang HBsAg mạn tính và hiệu quả dự phòng bằng văcxin cho họ.

Nội dung

Nhân viên y tế thành phố Matxcơva có tỷ lệ mắc HBV cao gấp 3 lần người ngoài ngành (nghiên cứu hồi cứu từ 1986 - 1992) và có nguy cơ lây nhiễm cao với cả HBV và HCV. Mức độ lây nhiễm và tỷ lệ mắc khác nhau tuỳ theo chuyên ngành, cao nhất ở những người có tiếp xúc với máu và chế phẩm máu.
Ngoài đường lây truyền nhân tạo HBV có khả năng lây truyền theo đường tự nhiên: tỷ lệ lây nhiễm HBV ở người thân của bệnh nhân mang HBsAg mạn tính cao gấp 3-7 lần so với nhóm chứng người chồng (vợ) bệnh nhân có nguy cơ lây nhiễm cao nhất.
Vacxin công nghệ gen (Engerix B) có khả năng miễn dịch cao (chỉ số bảo vệ > 90%) đối với HBV khi tiêm cho cán bộ y tế và người thân mang HBsAg mạn tính, an toàn, không biến chứng.

Thành tựu khoa học

Các đề tài đã nghiệm thu:
Khởi thảo và kiến nghị về bảo vệ khí quyển một số vùng công nghiệp (cấp Nhà nước).
Hiện trạng môi trường vùng đồng bằng Nam Bộ - (cấp Nhà nước).
Một số đặc điểm, sự tác động và mối liên quan giữa môi trường sức khoẻ và mô hình bệnh tật (cấp Nhà nước).
Các biện pháp nâng cao chất lượng thông tin y tế cơ sở (cấp Bộ).
Đánh giá hiệu quả can thiệp CSSKBĐ ở huyện Chợ Đồn - tỉnh Bắc Kạn.
Công trình đã ứng dụng:
Nguy cơ lây nhiễm HBV, HCV trong cán bộ y tế thành phố Matxcơva và hiệu quả dự phòng bằng văcxin.
Sách đã xuất bản:
Bài giảng khoa học môi trường - Nxb Y học.
Vệ sinh môi trường dịch tễ - Tập 1 - Nxb Y học.
Hướng dẫn thực hành chẩn đoán cộng đồng và thực hành giáo dục sức khoẻ môi trường - Trường Đại học Y Hà Nội.

Dự định khoa học

Nghiên cứu bảo vệ môi trường, phòng chống bệnh tật do ô nhiễm môi trường.
Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong đào tạo đại học, sau đại học chuyên ngành y học công cộng và y học dự phòng.

Lời Tiến sĩ

Đào tạo cán bộ khoa học cần có định hướng, có kế hoạch, không chạy theo trào lưu hoặc học bổng.
Sử dụng cán bộ khoa học đúng chuyên ngành đào tạo.
Cần hỗ trợ kinh phí để cán bộ khoa học thực hiện nghiên cứu khoa học.



TRỊNH QUANG DIỆN

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 02 - 9 - 1958.
Quê quán: Yên Dương - Ý Yên - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 14 Ngô Thì Nhậm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Bác sỹ nội trú trợ lý giảng dạy Trường Đại học Y Hà Nội.
Trưởng khoa Giải phẫu bệnh - Tế bào học, Bệnh viện Hữu Nghị Việt Xô.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Bác sỹ khoa Giải phẫu bệnh - Tế bào học, Bệnh viện K Hà Nội.
Nghiên cứu sinh lần 2 tại Cộng hoà Pháp.
Hội viên Hội Giải phẫu bệnh - Y pháp.
Hội Ung thư Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Giải phẫu bệnh - Tế bào học.

Đề tài luận án

Phát hiện tế bào học các tổn thương dị sản, loạn sản và ung thư cổ tử cung.

Nội dung

Ung thư (UT) cổ tử cung (CTC) là bệnh phổ biến, thường đến sau các tổn thương loạn sản hay tân sản nội biểu mô các mức độ 1, 2 và 3 (CIN 1, 2, và 3) từ 10 - 15 năm. Việc phát hiện, điều trị sớm các CIN nhằm tránh được nguy cơ tiến triển thành UT xâm nhập. Đề tài: Phát hiện tỷ lệ CIN, UT CTC và các yếu tố nguy cơ của chúng. Xác định hiệu quả phương pháp tế bào học và ưu điểm của quệt bẹt so với quệt bông để lấy bệnh phẩm.
Qua nghiên cứu trên 6.000 đối tượng ở Hà Nội và Cần Thơ, nguy cơ bị CIN tăng lên ở những phụ nữ lớn tuổi, nhiều con, nhiều lần có thai, bị viêm lộ tuyến CTC kèm trứng Naboth, bị viêm vi thể mức độ vừa, nặng và nhất là bị nhiễm virut gây u nhú ở người.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố (đồng tác giả):
Phát hiện sớm các bệnh phụ khoa thường gặp đặc biệt ung thư cổ tử cung ở Việt Nam.
Phát hiện sớm các loạn sản cổ tử cung bằng sàng lọc tế bào học.
Giá trị chẩn đoán của phương pháp lấy bệnh phẩm tế bào học cổ tử cung - âm đạo bằng quệt bẹt AYRE cải tiến trong việc phát hiện sớm các tổn thương dị sản, loạn sản và ung thư cổ tử cung.
Theo dõi diễn biến của tân sản nội biểu mô cổ tử cung sau điều trị viêm 3-4 tháng.
Phát hiện tế bào học các tổn thương nội biểu mô và ung thư cổ tử cung.
Ưu thế của quệt bẹt AYRE cải tiến so với quệt bông trong việc lấy bệnh phẩm cổ tử cung - âm đạo để phát hiện các tân sản nội biểu mô.
Chẩn đoán tế bào học các tổn thương nội biểu mô vảy và ung thư cổ tử cung.
Góp phần nghiên cứu một số yếu tố nguy cơ gây tân sản nội biểu mô cổ tử cung (tác giả).
Sàng lọc tế bào học phát hiện sớm các tân sản nội biểu mô và ung thư cổ tử cung ở cộng đồng.
Đối chiếu lâm sàng, tế bào học, mô bệnh học các ung thư vú.
Đặc điểm giải phẫu bệnh - lâm sàng các ung thư da không kể u hắc tố ác tính (tác giả).
Giá trị chẩn đoán sinh thiết tức thì: Nghiên cứu trên 757 trường hợp tại Bệnh viện K Hà Nội.
Tìm hiểu mối liên quan giữa dị sản cổ tử cung với các yếu tố nguy cơ và tân sản nội biểu mô (tác giả).
Đặc điểm lâm sàng - mô bệnh học ung thư biểu mô gai của da (tác giả).

Dự định khoa học

Nghiên cứu ung thư tử cung.



VŨ VĂN DIỆN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 13 - 6 - 1953.
Quê quán: Đa Lộc - Ân Thi - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: Số 11 ngõ 173/75/33 Hoàng Hoa Thám - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa Belarusia Liên Xô cũ.
Cán bộ quản lý tiêu chuẩn hoá Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
Trưởng phòng Tổng hợp, Trung tâm Tiêu chuẩn chất lượng - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.
Thư ký Hội đồng khoa học kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng.
Hiện là Giám đốc Trung tâm Tiêu chuẩn chất lượng - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.
Thành viên nhóm WG3 tiêu chuẩn và sự phù hợp của Uỷ ban tư vấn về tiêu chuẩn và chất lượng ASEAN (ACCSQ).
Trưởng ban kỹ thuật tiêu chuẩn các vấn đề chung về tiêu chuẩn hoá.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Ngành Kinh tế.

Đề tài luận án

Sử dụng một số phương pháp thống kê nghiên cứu chất lượng sản phẩm công nghiệp.

Nội dung

Phân tích bản chất của chất lượng sản phẩm chất lượng sản phẩm và các nội dung kinh tế, kỹ thuật xã hội của chất lượng sản phẩm. Hệ thống hoá và phân tích hệ thống chỉ tiêu thống kê chất lượng sản phẩm công nghiệp, kiến nghị sử dụng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu đó trong điều kiện nền kinh tế thị trường. Nội dung các phương pháp thống kê dễ sử dụng trong nghiên cứu chất lượng sản phẩm công nghiệp. Ứng dụng một số phương pháp thống kê nghiên cứu chất lượng dụng cụ y tế thông dụng.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu 02 đề tài khoa học cấp Nhà nước, 01 đề tài cấp thành phố (Hà Nội).
Chủ nhiệm, thư ký và tham gia 8 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tổng cục.
Tham gia dự thảo nhiều văn bản pháp quy về tiêu chuẩn hóa, viết nhiều bài trên các tạp chí.
Biên soạn 66 tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN).
Tham gia, hướng dẫn, làm thư ký, trưởng ban soạn thảo 150 TCVN khác.
Hiện là Phó chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học độc lập cấp Nhà nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu đề xuất những vấn đề lý luận nghiệp vụ, kỹ thuật và pháp lý cơ bản về tiêu chuẩn hoá quản lý chất lượng ở nước ta.



DƯƠNG TẤN DIỆP

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 13 - 4 - 1961.

Quê quán: Bình Hoà Phước - Long Hồ - Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: 130/C73 Phạm Văn Hai - Tân Bình - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.

Tại Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyên ngành Kinh tế, quản lý và kế hoạch hoá kinh tế quốc dân.

Đề tài luận án

Sử dụng phương pháp cân đối và dự báo trong việc điều tiết vĩ mô.

Nội dung

Khái quát phương pháp dự báo và phương pháp cân đối. Cơ sở lý thuyết của các chính sách vĩ mô. Các phương pháp hoạch định chính sách.

Hoạch định chính sách ổn định hoá:

Từ mô hình lý thuyết, xây dựng mô hình kinh tế lượng để tìm ra các mô hình định lượng cho chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ. Dựa vào mô hình định lượng, đưa ra các tình huống ứng dụng để điều chỉnh một số biến số kinh tế vĩ mô. Sau đó tiến hành cân đối ngân sách và cân đối lượng cung tiền theo quy trình thích hợp.

Hoạch định chính sách phát triển kinh tế: dùng phương pháp mô hình toán dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội quan trọng. Dựa vào phương pháp chuyên gia để xây dựng kịch bản và cây mục tiêu. Từ kết quả xử lý cây mục tiêu, tiến hành hoạch định các chính sách cụ thể.

Thành tựu khoa học

Nhiều bài đăng trên các tạp chí.

Một số đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu.

Sách đã viết:

Bảng cân đối kinh tế quốc dân.

Kinh tế vĩ mô (phần lý thuyết).

Kinh tế vĩ mô (tóm tắt - bài tập - trắc nghiệm).

Tập bài giảng *Kinh tế vĩ mô* (dành cho hệ đào tạo từ xa).

Hàm số và đồ thị trong kinh tế học.

Dự định khoa học

Viết sách chuyên ngành

Tham gia nghiên cứu một số đề tài ứng dụng thực tế.

Lời Tiến sĩ.

Kinh tế Việt Nam còn nghèo, trình độ khoa học - kỹ thuật còn lạc hậu. Vì vậy chúng ta rất cần:

Một cơ chế quản lý và những chính sách đủ mạnh để tận dụng tốt các nguồn lực, nhất là nguồn nhân tài của đất nước.

Một nền giáo dục thực sự có chất lượng, đủ sức đào tạo những lớp người có tài, có đức.

Một nền khoa học không bị bóp méo bởi những tư tưởng giáo điều, duy ý chí, không bị tha hoá bởi chủ nghĩa cơ hội, không bị lãng phí trí tuệ.



ĐÀO THỊ PHƯƠNG DIỆP

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 21 - 9 - 1958.

Quê quán: Phượng Kỳ - Tứ Kỳ - Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: 9/18 Tập thể Công ty xây dựng Sông Đà I - 165 Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Hoá Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Cán bộ giảng dạy khoa Hoá, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Budapet, Hungari.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.

Tại Đại học Tổng hợp, Budapet, Hungari.

Chuyên ngành Hoá học phân tích.

Đề tài luận án

Các phương pháp hoá học phân tích nghiên cứu ảnh hưởng của chì đến các quá trình sinh lý của cây.

Nội dung

Cải tiến thành công việc hoà tan mẫu cây bằng phương pháp vi sóng ở dạng hơi. Nghiên cứu nồng độ giới hạn gây nhiễm độc của chì, quá trình tích luỹ, sự di chuyển của chì, ảnh hưởng của sự tạo phức và chì đến sự phân bố các nguyên tố khác trong cây bằng các phương pháp GF-AAS và ICP - AES. Nghiên cứu quá trình hấp thụ các nguyên tố, sự sản sinh các axít hữu cơ, sự tổng hợp các amino axit trong nhựa cây bằng các phương pháp TXRF và HPLC.

Thành tựu khoa học

Trên 16 công trình nghiên cứu đã hoàn thành. Hướng dẫn luận văn thạc sĩ, tham gia hội đồng chấm luận văn.

Dự định khoa học

Nghiên cứu cân bằng ion trong dung dịch.



NGUYỄN ĐỨC DOANH

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 26 - 3 - 1942.

Quê quán: Dy Sử - Mỹ Hào - Hưng Yên.

Chỗ ở hiện nay: 4 ngõ 92 Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp quốc gia Kisinhốp, Mônđavi Liên Xô cũ.

Cán bộ giảng dạy bộ môn Dược liệu, Đại học Dược Hà Nội.

Học chuyên tu ngoại ngữ.

Nghiên cứu sinh tại Hungari.

Hiện là nghiên cứu viên chính, Phó phòng Sinh học Phân tử, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984.

Tại Viện Dược liệu, Đại học Y Buđapet - Hungari.

Ngành Sinh học.

Chuyên ngành Sinh lý thực vật.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của các kích thích tố thực vật khác nhau lên sự phát triển của mô sẹo và hàm lượng Ancaloid của Corydalis cava.

Nội dung

Corydalis cava là một cây thuốc mọc hoang, có chứa 20 ancaloid, trong đó chủ yếu là bulbokapnin. Về mặt dược học, cần quan tâm trước hết là hàm lượng ancacloid, tiếp đó là những cấu phần quan trọng nhất: Bulbokapnin và tetrahydropalmatin.

Sử dụng môi trường Murashig - Skoog, 1962 (MS-2) và Murashig - Skoog cải tiến có chứa các tỷ lệ khác nhau của 2,4-D/Kynetin và IAA/Kinetin để nghiên cứu sự sinh trưởng, phát triển của mô sẹo. Sử dụng các phương pháp định lượng hoá học, sắc ký lớp mỏng, sắc ký lỏng cao áp (HPLC) để định lượng ancaloid tổng số và xác định các cấu phần.

Từ số liệu thu được qua phân tích các mô sẹo được nuôi cấy trên môi trường MS-2, và MS có chứa 15 tỷ lệ khác nhau của 2,4-D với Kinetin và 23 tỷ lệ khác nhau của IAA với Kinetin cho thấy chúng phát triển tốt nhất trên môi trường MS có chứa 2mg/l IAA và 1mg/ 1 Kinetin, trên môi trường này mô sẹo cũng sinh tổng hợp Ancaloid nhiều nhất.

Việc sinh tổng hợp bulbokaponin và tetrahydropal -matin có liên quan mật thiết với nhau theo tỷ lệ nghịch. Trong môi trường có chứa những tỷ lệ 2, 4 - D/Kinetin lớn hơn khác nhau, mô sẹo tổng hợp bulbokapnin nhiều hơn so với tetrahydropalmatin. Ở môi trường có chứa những tỷ lệ IAA/ Kinetin lớn hơn khác nhau, mô sẹo tổng hợp tetrahydropalmatin nhiều hơn bulbokapnin.

Thành tựu khoa học

Tham gia chủ trì đề tài phối hợp:

Chuyển gen vào một số cây trồng: lúa, cải bắp, cải dầu (cấp Nhà nước).

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tế bào và công nghệ gen để tạo nguyên liệu làm giống cho một số cây trồng có ý nghĩa kinh tế.



LÊ ĐÌNH DON

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 10 - 01 - 1940.
Quê quán: Mỹ Hưng - Mỹ Lộc - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 31 Khương Thượng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng dạy toán cao cấp và cơ học lý thuyết tại Trường Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.
Trưởng bộ môn Cơ lý thuyết.
Trưởng bộ môn Toán.
Được phong Phó giáo sư năm 1991.
Hội viên Hội Toán học.
Hội Cơ học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1975.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Liên Xô cũ
Ngành Toán.
Chuyên ngành Hàm số biến số phức.

Đề tài luận án

Một số bài toán biên của hàm giải tích một và hai biến số phức.

Nội dung

Lập và giải một số bài toán biên của hàm giải tích một biến phức đồng thời phát triển lý thuyết bài toán biên của hàm giải tích một biến phức sang lý thuyết bài toán biên của hàm giải tích hai và nhiều biến phức.
Áp dụng lý thuyết bài toán biên vào việc giải một số phương trình và hệ phương trình tích phân kỳ dị.

Thành tựu khoa học

Các công trình nghiên cứu:
Một số bài toán biên của hàm giải tích hai biến phức đối với miền hai nửa mặt tròn, miền hai nửa mặt phẳng.
Một số bài toán biên của hàm điều hoà bốn biến đối với hệ phương trình đạo hàm riêng.
Nhiều công trình nghiên cứu đã được đăng trên các báo, tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn.
Huy chương chống Mỹ.



TRẦN ĐĂNG DONG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 6 - 1 - 1943.
Quê quán: Đọi Sơn - Duy Tiên - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 110 Lò Đúc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Quân y.
Giảng viên chính bộ môn Sinh lý học, Học viện Quân y.
Phó Chủ nhiệm bộ môn Sinh lý học - Học viện Quân y.
Hội viên Hội Sinh lý học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Ngành Y.
Chuyên ngành Sinh lý học.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu biến đổi hình thái và chức năng phổi do tiếp xúc với bụi silic.

Nội dung

Bệnh bụi phổi - silic là một bệnh trầm trọng nhất trong các bệnh bụi phổi nghề nghiệp. Bệnh thường gặp ở những người làm việc trong môi trường có nồng độ bụi silic vượt quá tiêu chuẩn quy định với SiO_2 > 10%.
Tổn thương do bụi silic gây ra là làm xơ hoá phổi theo thời gian nhiễm bụi. Giai đoạn cuối của bệnh là gây suy hô hấp, suy tuần hoàn và những rối loạn khác. Điều đáng lưu ý là những rối loạn không khí, trao đổi khí, chuyển hoá mỡ, miễn dịch... của phổi không chỉ xảy ra ở người bị bệnh, mà còn cả những người tiếp túc với bụi silic.
Công trình nghiên cứu đã góp phần tìm hiểu được cơ chế bệnh sinh của bệnh bụi phổi silic và những biến đổi chức năng thông khí phổi của những người làm việc trong môi trường có bụi silic nhưng chưa bị bệnh. Biết được cơ chế bệnh sinh và những biến đổi ban đầu của bệnh để điều trị dự phòng có hiệu quả.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu cấp Bộ đã nghiệm thu:
Tìm hiểu mối liên quan chức năng giữa các huyệt châm cứu và các cơ quan nội tạng.
Nghiên cứu đặc điểm các huyệt và ảnh hưởng của chúng lên chức năng cơ thể.
Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc trừ sâu đến sức khoẻ, và biện pháp bảo vệ (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu sự biến đổi một số chỉ số sinh lý, sinh hoá của nam công nhân tiếp xúc thường xuyên với nhiệt độ cao - đề xuất giải pháp phục hồi sức khoẻ.
Ứng dụng kỹ thuật ghi điện thần kinh cơ, nghiên cứu tổn thương dẫn truyền thần kinh trong chấn thương thần kinh.
Nghiên cứu tác dụng cầm máu của cây đại kế - Viện bỏng quốc gia đã sử dụng bài thuốc này để cầm máu trong điều trị vết thương do bỏng.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Bằng sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

Dự định khoa học

Nghiên cứu bệnh bụi phổi các loại bằng máy Mera-ev-Spirometer.

Lời Tiến sĩ

Nền khoa học kỹ thuật của Việt Nam đã và đang phát triển, song chủ yếu là khoa học ứng dụng. Những phát minh sáng chế còn quá ít, những công trình nghiên cứu được nghiệm thu, những luận án tiến sĩ được bảo vệ, tuy nhiều nhưng hiệu quả thực tế chưa cao. Do cơ chế quản lý yếu kém của các cơ quan chức năng đã tạo ra sự méo mó trong khoa học và làm thui chột nhiều nhà khoa học.



LÂM QUANG DỐC

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 29 - 11 - 1943.
Quê quán: Gia Tiến - Gia Viễn - Ninh Bình.
Chỗ ở hiện nay: 23 - dãy B9 - tập thể Đại học Sư phạm - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Địa lý Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Thượng uý quân đội.
Hiện là Phó chủ nhiệm khoa Địa lý Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Địa lý và bản đồ Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Sư phạm Tâm lý

Đề tài luận án

Xác lập hệ thống kiến thức bản đồ ở trường trung học cơ sở Việt Nam.

Nội dung

Tổng quan tài liệu khoa học của các nước trên thế giới về hệ thống kiến thức bản đồ dùng trong nhà trường.
Nghiên cứu khả năng nhận thức kiến thức bản đồ giáo khoa của các lứa tuổi ở trung học cơ sở Việt Nam.
Xác lập hệ thống kiến thức bản đồ cho chương trình trung học cơ sở Việt Nam.
Thực nghiệm khoa học

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Chương trình Átlát quốc gia (cấp Nhà nước).
Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy địa lý kinh tế trong tình hình hiện nay (cấp Bộ, chủ đề tài nhánh).
Sản xuất - thử nghiệm một số loại bản đồ và phương tiện minh hoạ (cấp Bộ - phó chủ nhiệm).
Sản xuất thử nghiệm đồ dùng dạy học địa lý (cấp Bộ - phó chủ nhiệm).
Tham gia chương trình nghiên cứu Việt Nam - Hà Lan: Các mô hình làm ăn kinh tế giỏi, cách tăng thu nhập của kinh tế nông hộ vùng đồng bằng sông Hồng.
Ngôn ngữ bản đồ và việc ứng dụng nó để thành lập bản đồ chuyên đề phục vụ phát triển kinh tế xã hội Việt Nam (chủ nhiệm - cấp Đại học Quốc gia).
Dịch ngôn ngữ bản đồ sang ngôn ngữ máy tính điện tử (chủ nhiệm - cấp trường).
Sách đã xuất bản - Nxb Giáo dục.
Chủ biên:
Tập bản đồ bài tập địa lý các lớp 6, 7, 8, 9.
Thực hành địa lý các lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12.
Thực hành địa lý phổ thông chuyên ban các lớp 10, 11, 12.
Hướng dẫn thực hành địa lý phổ thông trung học quyển 1, 2, 3 - Nxb Đại học Quốc gia.
Nhiều bài nghiên cứu đăng trên các báo, tạp chí chuyên ngành.
Giáo trình:
Bản đồ học (đồng tác giả) - Nxb Đại học Quốc gia.
Bản đồ địa hình và đo vẽ địa phương (đồng tác giả).
Sử dụng bản đồ ở trường phổ thông, tập 1 Đại học Sư phạm Hà Nội.
Sử dụng bản đồ ở trường phổ thông. Nxb Giáo dục.
Bản đồ giáo khoa.
Bản đồ chuyên đề.
Bản đồ giáo khoa - Nxb Đại học Quốc gia.
Sách giáo khoa *Địa lý địa phương* (đồng tác giả):
Địa lý Hà Nội.
Địa lý Hà Tây.
Lịch sử Hà Tây - Nxb Giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, công bố các tác phẩm lý luận về bản đồ.



NGUYỄN ĐĂNG DỜN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 10 - 12 - 1952.
Quê quán: Liên Thuỷ - Lệ Thuỷ - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: 385 B2 Nguyễn Trãi - Quận I - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.
Giảng dạy tại Trường Đại học Tài chính Kế toán thành phố Hồ Chí Minh.
Phó trưởng khoa, Trưởng bộ môn chuyên ngành Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Kinh tế Việt Nam.
Hội Liên hiệp khoa học kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.
Chuyên ngành Tài chính lưu thông tiền tệ và Tín dụng (Tín dụng ngân hàng).

Đề tài luận án

Những giải pháp cơ bản để nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay (1993).

Nội dung

Trình bày nội dung, vai trò của tín dụng đối với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội.

Phân tích đánh giá các hoạt động tín dụng của hệ thống ngân hàng Việt Nam qua các thời kỳ từ 1951 - 1993.

Hoạt động tín dụng trong thời kỳ bao cấp.

Hoạt động tín dụng trong thời kỳ đổi mới.

Kết quả hoạt động tín dụng.

Luận án nêu 2 nhóm giải pháp lớn:

Giải pháp vĩ mô: giải quyết các vấn đề cơ chế, chính sách, công cụ, xây dựng hệ thống ngân hàng mạnh, xây dựng thị trường chứng khoán.

Giải pháp vi mô: giải quyết các vấn đề mang tính nghiệp vụ của hệ thống ngân hàng.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm một số đề tài cấp Bộ, đã nghiệm thu.

Chủ biên các giáo trình:

Lý thuyết tiền tệ - tín dụng - Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiền tệ ngân hàng - Nxb Thành phố.

Tín dụng và nghiệp vụ ngân hàng.

Thanh toán quốc tế - Nxb Tài chính.

Tín dụng ngân hàng - Nxb Thống kê.

Kế toán và quản lý tài chính trong doanh nghiệp bảo hiểm - Nxb Thống kê.

Tham gia viết sách:

Thị trường chứng khoán.

Kế toán ngân hàng - Nxb Thống kê.

Sách tham khảo: *Tín dụng và Thanh toán.*

Nhiều bài đăng *Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Phát triển kinh tế,* Báo *Sài Gòn Giải Phóng.*

Dự định khoa học

Nghiên cứu chuyên ngành tài chính tiền tệ trong điều kiện hội nhập kinh tế, hội nhập tài chính ngân hàng.

Lời Tiến sĩ

Thế kỷ 21 sẽ phát triển vượt bậc về khoa học kỹ thuật. Nền kinh tế tri thức sẽ chiếm địa vị quyết định. Vì vậy vai trò của tuổi trẻ Việt Nam trong thế kỷ này là vô cùng quan trọng...



NGUYỄN QUANG DU

Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 1 - 4 - 1954.
Quê quán: Cổ Phúc - Trấn Yên - Yên Bái.
Chỗ ở hiện nay:
30 Ngõ 104 tổ 6A Trung Liệt - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Triết học - Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ nghiên cứu khoa học Vụ Xây dựng Đảng, Ban Nghiên cứu lý luận Trung ương.
Nghiên cứu sinh Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Công tác tại Viện Xây dựng Đảng - Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
Hiện là Phó giám đốc Trung tâm Công tác lý luận - Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994
Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Triết học

Đề tài luận án

Ý thức nông dân trong cán bộ, đảng viên nông thôn miền Bắc Việt Nam - những đặc trưng chủ yếu.

Nội dung

Luận án đi sâu phân tích, đánh giá những ưu điểm, mặt tích cực, những hạn chế, lạc hậu của ý thức, tư tưởng nông dân. Tác động và ảnh hưởng của nó đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên nông thôn miền Bắc Việt Nam.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá, luận án khái quát một số đặc trưng chủ yếu và kiến nghị biện pháp phát huy mặt tích cực, khắc phục mặt tiêu cực. Dự báo diễn biến, ý thức, tư tưởng nông dân trong điều kiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu một số chương trình, đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, Ngành.

Tham gia các hoạt động tuyển sinh trên đại học, hội đồng chấm luận văn thạc sĩ.

Hướng dẫn luận văn thạc sĩ và khoá luận tốt nghiệp cho sinh viên đại học.

Sách đã xuất bản:

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng (đồng tác giả).

Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I - II (đồng tác giả - Nxb Chính trị quốc gia).

Tham gia biên soạn *Văn kiện Đảng về Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập I - II Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Nhiều bài viết đăng trên các báo, tạp chí.



LÊ DỤ

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 20 - 9 - 1940
Quê quán: Bình Trung - Bình Sơn - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 104 Hoàng Văn Thụ - thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Sinh Đại học Sư phạm Việt Bắc.
Nghiên cứu sinh Đại học Tổng hợp Kiep Liên Xô cũ.
Cán bộ giảng dạy khoa Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Đại học Sư phạm Quy Nhơn.
Chủ nhiệm khoa Sinh - Kinh tế nông nghiệp.
Được phong Phó giáo sư năm 1996.
Chi hội trưởng Chi hội Khoa học đất Bình Định.
Uỷ viên Ban Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh Bình Định.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1973.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Kiep Liên Xô cũ.
Ngành Sinh học
Chuyên ngành Sinh lý học thực vật.

Đề tài luận án

Sinh trưởng, phát triển và trao đổi chất của đậu tây trong những kiểu mặn khác nhau và có bón thêm Molipden (Mo).

Nội dung

Đậu tây (Phaseoleae Brown) là loại cây trồng chỉ phát triển tốt ở môi trường không mặn. Nó là thức ăn có dinh dưỡng cao rất cần cho con người. Việc nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng, phát triển và sinh lý - hoá sinh của đậu tây gieo trồng trên môi trường đất mặn chưa được nghiên cứu nhiều.

Môi trường mặn đã tác động mạnh mẽ làm giảm các hoạt động sinh trưởng, sinh lý - hoá sinh của cơ thể, nên năng suất thu hoạch giảm. Mức độ giảm sút này ở thực vật trong điều kiện mặn trung bình (0,5%) ít hơn so với mặn cao hơn. Mặn NaCl có tác động mạnh mẽ hơn so với mặn Na_2SO_4 (cùng nồng độ).
Để có thể sinh trưởng, phát triển trên đất mặn cây đậu đã biến đổi các hoạt động sinh lý - hoá sinh theo hướng tăng nước liên kết với tính hợp nước của keo sinh chất, tăng các yếu tố gây thẩm thấu và tăng vật chất cấu trúc, tăng dòng đồng hoá, tích luỹ các chất đồng hoá ở các cơ quan sinh sản.
Nguyên tố vi lượng Mo có tác động tăng cường những phản ánh này, nên kết quả thu hoạch có cao hơn nhưng vẫn thấp hơn so với đối chứng.
Đậu tây có thể trồng được trong môi trường mặn trung bình.

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài nghiên cứu cấp Bộ:
Nguyên tố vi lượng với cây trồng.
Chủ trì đề tài cấp Bộ:
Nghiên cứu nuôi, cho đẻ và ương tôm giống nhân tạo trong bể xi măng.
So sánh tác động của các loại hoá chất (yếu tố vi lượng Cu, Mn, và $KClO_3$) đến trao đổi chất và năng suất một số giống lúc trồng trên đất mặn ven biển Bình Định và những phản ứng thích nghi của cây lúa với môi trường mặn.
Hướng dẫn tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ.
Tham gia Hội đồng chấm luận án tiến sĩ.
Sách đã xuất bản:
Sinh lý học thực vật, 3 tập (đồng tác giả).
Sinh học tế bào - Nxb Giáo dục.
Giáo trình thực hành sinh lý thực vật - Đại học Sư phạm Quy Nhơn.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tế bào học của cây lúa chịu mặn.
Nghiên cứu bản chất các hoạt động trao đổi chất của giống lúa các giống cây trồng khác trên đất mặn. Ứng dụng một số nguyên tố vi lượng với cây lúa để nâng cao tính chịu mặn.

Lời Tiến sĩ

Mong Nhà nước hãy lắng nghe và thấu hiểu tâm tư nguyện vọng của đội ngũ các nhà khoa học Việt Nam. Chắc chắn đội ngũ này sẽ góp phần thúc đẩy nhanh chóng, mạnh mẽ nền khoa học, kinh tế đất nước.



NGUYỄN VĂN DỤC

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 8 - 4 - 1944.
Quê quán: Yên Hoà - Từ Liêm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 97 tổ 3 - Quan Hoa - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Sinh vật Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Công tác tại Viện Nghiên cứu Biển Hải Phòng
Cán bộ Viện Khoa học Việt Nam.
Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia. Trung tâm Khảo sát, nghiên cứu, tư vấn môi trường biển, Viện Cơ học, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia, Hà Nội.
Chuyên ngành Động vật học

Đề tài luận án

Lớp chân đầu (Cephalopoda, Mollusca) ở biển Việt Nam.

Nội dung

Lớp chân đầu bao gồm các loài mực ống, mực nang và bạch tuộc là những đối tượng hải sản có nhiều giá trị kinh tế. Luận án nghiên cứu tương đối hoàn chỉnh về khu hệ của lớp động vật chân đầu ở biển Việt Nam. 53 loài động vật chân đầu được mô tả trong luận án: trong đó 37 loài lần đầu tiên được công bố ở nước ta, 1 loài mới cho khoa học... Các dẫn liệu về phân bố của từng loài. Các vùng tập trung phân bố mực ống và mực nang, mùa vụ đánh bắt, khả năng khai thác nguồn lợi mực ở vùng biển nước ta.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài đã nghiên cứu:
Nghiên cứu dải ven biển Việt Nam (tham gia - cấp Nhà nước).
Các hệ sinh thái tiêu biểu trên dải ven biển Việt Nam (tham gia, cấp Nhà nước).
Điều tra tổng hợp có định hướng vùng biển miền Trung (thư ký).
Ô nhiễm biển do sông thải ra (chủ trì).
Nguồn lợi đặc sản biển nông.
Nguồn lợi đặc sản biển sâu.
Điều tra hệ thống đảo ven bờ Việt Nam.
Hiện trạng ô nhiễm dầu biển Việt Nam.
Monitoring biển miền Trung (tham gia).
Đã công bố trên 30 công trình trên các tạp chí, tuyển tập, sách chuyên khảo trong và ngoài nước về động vật biển, hệ sinh thái biển và môi trường nước...
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.



NGUYỄN VĂN DỤC

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 28 - 7 - 1945.
Quê quán: Nghi Khánh - Nghi Lộc - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 22 Hàng Nón - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Địa chất - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chuyên ngành Hoá học phân tích.

Đề tài luận án

Xác định lượng vết vàng, bạc bằng phương pháp chiết Vôn - Ampe hoà tan.

Nội dung

Vàng bạc là hai nguyên tố mà ion của chúng trong dung dịch rất dễ bị khử điện hoá. Trong môi trường không có chất tạo phức thế khử của chúng dương hơn nhiều thế hoà tan anot của thuỷ ngân, vì thế không thể xác định được vàng, bạc trên điện cực giọt thuỷ ngân. Việc xác định lượng vết vàng và bạc trong các đối tượng khác nhau bằng phương pháp chiết von - ampe hoà tan dưới dạng phức liên hợp ion trên điện cực thuỷ tinh cacbon đã được nghiên cứu. Bạc và vàng tạo phức với 1, 10 - phenantrolin sau đó được chiết bằng dung môi phân cực là nitrobenzen dưới dạng phức liên hợp ion, điện phân trên điện cực thuỷ ngân cacbon sau đó xác định bằng dòng hoà tan ngược.
Đây là hệ chiết lần đầu tiên được sử dụng trong phương pháp phân tích điện hoá von- ampe hoà tan. Phương pháp đã được áp dụng thành công cho một số đối tượng.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài cấp Đại học Quốc gia:

Ô nhiễm các kim loại nặng trong nước khu công nghiệp Thượng Đình (chủ trì).

Thạch học sỏi mật của người khu dân cư vùng Hà Nội (tham gia).

Tiến hoá địa hoá của trầm tích đệ tứ vùng đồng bằng ven biển miền Trung (thành viên).

Thành viên đề tài nhánh thuộc đề tài cấp Nhà nước.

Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động kinh tế đến môi trường vùng than Quảng Ninh.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ô nhiễm nguồn nước khu vực Hà Nội, đồng thời tìm nguyên nhân gây ô nhiễm và các giải pháp khắc phục để giảm thiểu ô nhiễm.



PHAN HUY DỤC

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 02 - 7 - 1942.
Quê quán: Thụy Khuê - Quốc Oai - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 135 tổ 94 Hào Nam - Hà Nội.

Quá trình công tác

Thành viên Hội Nấm quốc tế, WSMBMP.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1977.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chuyên ngành Thực vật học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu phân loại bộ nấm Agaricales vùng đồng bằng Bắc Bộ - Việt Nam.

Nội dung

Tác giả và các đồng nghiệp đã thu mẫu nấm tại 55 điểm ở 11 tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam. Định loại được 133 loài thuộc 29 chi, 11 họ của bộ nấm mũ Agaricales.
Trong 133 loài, có 15 loài đã ghi nhận là mới cho vùng lãnh thổ miền Bắc Việt Nam. Một số loài nấm có nguy cơ bị tiêu diệt, cần được bảo vệ đã được đề cập đến trong luận án.
Về mặt lợi ích, điều tra được 32 loài nấm ăn, trong đó 6 loài đã được nuôi trồng. Vì vậy chắc chắn các nhà khoa học sẽ thuần hoá được nhiều loài nấm ăn có nguồn gốc Việt Nam để tăng thêm nguồn thực phẩm trong bữa ăn. Về tác hại, đã điều tra các loài nấm gây mục gỗ, phá hoại các công trình kiến trúc và các loài nấm gây độc chết người.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Điều tra thành phần loài nấm lớn (Macromyces) ở một số vùng miền Bắc Việt Nam.
Điều tra thành phần loài nấm lớn và những loài nấm có giá trị (nấm ăn, nấm làm thuốc, nấm làm dược liệu) ở một số vùng miền Bắc Việt Nam.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Sách đã xuất bản:
Nấm rạ và kỹ thuật nuôi trồng.
Hướng dẫn thực tập thiên nhiên.
Sách đỏ Việt Nam.

Dự định khoa học

Cùng các đồng nghiệp góp phần đưa ngành nấm học (Mycology) của Việt Nam tiến kịp thế giới.

Lời Tiến sĩ

Đề nghị Nhà nước cho phép đào tạo thêm nhiều cán bộ để phát triển ngành nấm của Việt Nam.



ĐOÀN MINH DUỆ

Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 25 - 9 - 1951.
Quê quán: Sơn Thuỷ - Hương Sơn - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Trường Đại học Vinh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Văn - trường Đại học Sư phạm Vinh.
Học lớp cử nhân lý luận chuyên ngành Chủ nghĩa khoa học xã hội - Trường Tuyên huấn Trung ương.
Cán bộ giảng dạy trường Đại học Sư phạm Vinh.
Nghiên cứu sinh, thực tập sinh tại trường Đại học Sư phạm Lênin, Matxcơva - Liên Xô cũ.
Phó Chủ nhiệm khoa Giáo dục chính trị.
Chủ tịch Hội đồng khoa học.
Chủ nhiệm bộ môn Chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa Giáo dục chính trị.
Hiện là Trưởng phòng Công tác chính trị.
Uỷ viên Hội đồng khoa học trường Đại học Sư phạm Vinh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại trường Đại học Sư phạm Matxcơva Liên Xô cũ.
Ngành Triết học
Chuyên ngành Chủ nghĩa cộng sản khoa học.

Đề tài luận án

Đặc điểm chung và đặc thù của hệ thống chính trị nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nội dung

Làm sáng rõ những đặc điểm chung, phổ biến của hệ thống chính trị ở các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa.
Tuy nhiên, do hoàn cảnh lịch sử, điều kiện kinh tế, xã hội nên quá trình xây dựng, phát triển hệ thống chính trị nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có những đặc điểm mang tính đặc thù.
Đảng ta đã vận động sáng tạo những lý luận chung của chủ nghĩa Mác và căn cứ vào điều kiện lịch sử cụ thể để từng bước xây dựng hệ thống chính trị trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thành tựu khoa học

Tham gia giảng dạy cao học quản lý
Hướng dẫn luận án tiến sĩ tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
Tham gia phản biện luận văn thạc sĩ.
Một số đề tài nghiên cứu:
Tình hình tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của sinh viên các trường đại học, cao đẳng các tỉnh phía Bắc miền Trung (cấp Bộ).
Xây dựng môi trường xã hội - nhân văn ở Nghệ An (cấp Tỉnh).
Con người Nghệ An trước yêu cầu của sự nghiệp Công nghiệp hoá - hiện đại hoá (cấp Tỉnh).
Biên soạn giáo trình:
Đại cương về khoa học quản lý.
Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa.
Tác phẩm kinh điển chủ nghĩa xã hội khoa học.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.

Dự định khoa học

Sẽ xuất bản sách:
Giai cấp nông dân Nghệ An trong quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá.
Con người Nghệ An trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá.
Viết giáo trình bộ môn chủ nghĩa xã hội khoa học cho sinh viên Đại học Vinh.

Lời Tiến sĩ

Đất nước ta đang trong quá trình vận động và phát triển lên ấm no hạnh phúc. Xin tất cả hãy lấy sự phồn vinh của đất nước, sự bình yên của tổ quốc làm mục tiêu phấn đấu.



ĐỖ THỊ NGỌC DUNG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 24 - 5 - 1940.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 493/20 Cách mạng Tháng 8 - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Chủ nhiệm khoa Nội Bệnh viện tỉnh Vĩnh Phúc.
Thư ký Hội đồng Khoa học tỉnh Vĩnh Phúc.
Tổ trưởng tổ Nghiên cứu bệnh thận Viện Đông y Hà Nội.
Trưởng khu phòng khám ngoại trú. Chủ nhiệm khu khám bệnh ngoại trú Viện Đông y Hà Nội.
Chuyên gia Y tế tại Angiêri.
Chủ nhiệm khoa Nhi Viện Đông y Hà Nội.
Giảng viên chính bộ môn Y học cổ truyền Trung tâm Đào tạo Bồi dưỡng Cán bộ Y tế thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên viên Viện Y Dược học dân tộc thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Châm cứu Việt Nam.
Hội Y học cổ truyền Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Y học cổ truyền dân tộc.

Đề tài luận án

Nghiên cứu điều trị viêm cầu thận cấp không biến chứng ở trẻ em bằng thuốc Nam.

Nội dung

Dùng Ngãi diệp và VT_1 tiêu độc để thay thế hoàn toàn tân dược trong phác đồ điều trị viêm cầu thận cấp không biến chứng ở trẻ em.
Kết quả lâm sàng trên 80 bệnh nhân sau 1 tuần điều trị: hết phù, tim mạch, huyết áp trở lại bình thường. Sau 2 tuần protein niệu hết hẳn hoặc giảm hẳn. 75 hồi phục hoàn toàn, 05 hồi phục tốt.
Dùng bài thuốc VT_1 và tiêu độc: Điều trị 142 bệnh nhân viêm cầu thận cấp, sau 1 tuần: hết phù, sốt, hết thiểu niệu, hết huyết áp cao. Sau 2-3 tuần: Hết protein niệu, hồi phục hoàn toàn 141/142 (protein niệu âm tính hoặc vết nhẹ). 1/142 còn hồng cầu niệu.
Thuốc là dược liệu trong nước dễ dàng chế biến và sử dụng điều trị có hiệu quả, chưa thấy tác dụng phụ. Kiểm tra 24 bệnh nhân sau 2-5 năm xuất viện chưa thấy tái phát.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Kết quả điều trị 53 bệnh nhân có hội chứng thận hư nhiễm mỡ kết hợp với viêm cầu thận điều trị bằng đông y.
Tác dụng của Ngãi diệp trong điều trị bệnh viêm cầu thận cấp.
Điều trị viêm cầu thận cấp ở trẻ em bằng siro VT_1 và tiêu độc.
Tác dụng chữa ho bằng bổ phế chỉ khái lộ.
So sánh kết quả hai nhóm điều trị viêm cầu thận cấp không biến chứng.
Góp phần tìm hiểu nguyên nhân viêm cầu thận cấp ở Việt Nam.
Góp phần điều trị bệnh viêm cầu thận cấp bằng thuốc Nam...
Kết quả thực nghiệm siro ND chế phẩm của lá cây Ngãi diệp...
Điều trị triệu chứng nhiễm khuẩn cấp tính đường hô hấp ở trẻ em bằng thuốc Đông y.
Điều trị bệnh đái dầm bằng phương pháp châm cứu.
Nghiên cứu hợp chứng phế thận ứng dụng trong điều trị viêm cầu thận cấp và nhiễm khuẩn đường hô hấp ở trẻ em.
Thuốc nhỏ mũi đối với chảy nước mũi trẻ em (cấp Bộ).
Điều trị viêm cầu thận cấp không biến chứng ở trẻ em bằng thuốc Nam (cấp Bộ).
Dùng thuốc y học cổ truyền để điều trị bệnh viêm mũi họng mãn tính (cấp thành phố).
Nhiều bằng khen
Huy chương hạng nhất cho đề tài Điều trị viêm cầu thận cấp trẻ em bằng siro ND 1976.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, điều trị viêm xoang mãn tính bằng y học cổ truyền.



LÂM THỊ MỸ DUNG

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 23 - 7 - 1959.
Quê quán: Thành phố Biên Hoà - Đồng Nai.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 9 Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Lịch sử - trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Kliment Okhridxki Sôphia - Bungari.
Chuyên ngành Khảo cổ học.

Đề tài luận án

Những nền văn hoá hậu kỳ thời đại đồng thau trên đất Bungari.

Nội dung

Tính chất, niên đại, không gian và mối quan hệ văn hoá của ba nền văn hoá thời đại đồng thau muộn, phân bố trên đất Bungari hiện nay.

Thành tựu khoa học

Một số công trình và bài viết đã công bố:
Kết quả khai quật địa điểm Traki cổ ở Tây Nam Bungari (viết chung); Những vấn đề về văn hoá hậu kỳ đồng thau Raskopanisa - Asenoves ở Đông Nam Bungari; Sự phát triển của văn hoá đồng muộn Balei - Orsoi ở Tây Bắc Bungari; Kết quả khai quật Bến Cồn Chăm (Duy Xuyên - Quảng Nam); Khai quật thêm sau chùa Ấm Bốn - Hội An; Thám sát khu vực Chùa Cầu ở thị xã Hội An.
Những đồng tiền cổ ở đất Hội An và những giai đoạn lịch sử của nó; Báo cáo kết quả khảo sát khảo cổ học tại tỉnh Khánh Hoà.
Khai quật di chỉ Chăm cổ ở Trà Kiệu (Quảng Nam); Bàn thêm về tính chất và niên đại của các địa điểm Vườn Chi, Đình Cũ (Bình Sơn - Quảng Ngãi); Một số Kendi gốm ở Trà Kiệu; Rìu bôn đá ở Quảng Trị; Mộ gạch cổ ở Mỹ Văn - Hải Hưng; Mộ vò Chăm.
Các công trình khai thác nước dùng đá xếp ở Quảng Trị.
Yến sào Khánh Hoà trong bối cảnh yến sào Việt Nam.
Về những ông tổ nghề yến sào Việt Nam.
Của, khu di chỉ đá cũ ngoài trời.
Những địa điểm hậu kỳ đá mới, sơ kỳ kim khí ở Quảng trị.
Một số hiện vật thời đại kim khí mới phát hiện ở Cẩm Thuỷ (Thanh Hoá).
Máy tính trong khảo cổ học.
Kết quả khai quật Phượng Hoàng; Đồ gốm di chỉ Phượng Hoàng.
Báo cáo kết quả thám sát và khai quật địa điểm Hậu Xá I (Hội An - Quảng Nam); Kết quả thám sát khai quật, khai quật chữa cháy khu mộ chum Sa Huỳnh; Dương Xá - Một vùng đất cổ.
Báo cáo đánh giá tư liệu khảo cổ học về văn hoá Oc Eo và quốc gia Phù Nam; Kết quả khai quật địa điểm Xuân Lâm - Hội An.
Kết quả khai quật di chỉ Trảng Sỏi Sử; Mộ vò Chăm Dương Lệ Đông; Một mảnh gốm có ký hiệu lạ trong hố khai quật Trà Kiệu.
Khảo cổ học - môi sinh khu vực Hương Sơn; Kết quả và viễn cảnh.
Hương Sơn thời Tiền sử và Sơ sử; Trở lại Cái Vạn.
Kết quả khảo sát khảo cổ học địa điểm Đồi Trảng Quân - Nhơn Trạch- Đồng Nai; Cơ sở văn hoá Việt Nam; Vết tích văn hoá cổ ở Bà Rịa; Từ nữ học giả M.Colani đến những nhà nữ khảo cổ học ở Việt Nam; Di chỉ Hậu Xá I và sự giao lưu văn hoá nhiều chiều ở những TK trước sau Công Nguyên; Những di tích mộ chum Sa Huỳnh và di tích Chăm cổ ở Hội An; Cơ sở văn hoá Việt Nam.
Về cơ tầng Tiền, Sơ sử Hội An.
Một số vấn đề qua nghiên cứu khảo cổ học Hội An.
Về chiếc vòi ấm hình đầu chim phượng phát hiện ở di chỉ Trảng Sỏi - Hội An; Gốm cổ Việt Nam và mối quan hệ với các nước trong khu vực; Văn hoá Sa Huỳnh và những phát hiện văn hoá Sa Huỳnh ở Duy Xuyên - Quảng Nam; Những phát hiện khảo cổ học ở Cù Lao Chàm; Yếu tố Hán ở Miền Trung Việt Nam những TK trước sau CN; Kết quả thám sát Hội An tháng 8 - 1998.
Điều tra khảo cổ học Cù Lao Chàm; Về bộ sưu tập đồ đồng Gò Dừa - Duy Xuyên - Quảng Nam; Thời đại đồ đồng - Giáo trình cho sinh viên; Những di tích khảo cổ học vùng sinh thái ven biển Đông Nam Bộ; Một số phương thức khai thác và sử dụng nước của cư dân miền Trung Việt Nam; Vai trò của phụ nữ trong lịch sử (qua giải mã một số biểu tượng huyền tích và tín ngưỡng thờ Nữ thần); Kết quả khai quật Gò Dừa năm 1999; Những vết tích khảo cổ học thời Lý ở Hà Nội; Kết quả khảo sát địa điểm Bãi Nồm Mẹ - Bán đảo Sơn Trà - Thành phố Đà Nẵng.
Kết quả đào thám sát di chỉ Nam Thổ Sơn - thành phố Đà Nẵng.
Kết quả khảo sát thành phố Đà Nẵng tháng 2 năm 2000.
Kết quả khai quật Thanh Chiêm Điện Bàn - Quảng Nam.
Kết quả khai quật Mậu Hoà.
Cu Lao Cham - The trading port on the Silk Road of the Sea. The paper on The 8 th International Conference of EURASEAA. Italia.
Hội tụ - giao lưu văn hoá Hội An thời Tiền, Sơ sử.
Tham gia biên soạn. *1000 câu hỏi đáp về Thăng Long* - Hà Nội.
Vai trò của văn hoá trong nền kinh tế tri thức.
Cơ tầng Luy Lâu .



LÊ THỊ NGỌC DUNG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 02 - 02 - 1954.
Quê quán: Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 197 Nguyễn Thái Học - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Bác sĩ nội trú Bệnh viện Nhi Đồng 1.
Hiện là giảng viên chính, giáo vụ sau đại học bộ môn Nhi, Trường Đại học Y Dược.
Hội viên Hội Nhi khoa.
Hội Y Dược học thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Nhi khoa

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu diễn tiến và biến chứng của hội chứng thận hư ở trẻ em.

Nội dung

Khảo sát ảnh hưởng của phương pháp dùng prednisone liều duy trì kéo dài trên diễn tiến bệnh cùng các biến chứng ngoài bệnh thường gặp trong đợt cấp của bệnh. Kết quả ghi nhận được 189 trường hợp trẻ bị hội chứng thận hư điều trị tại khoa nội A Bệnh viện Nhi Đồng II (1991 - 1993) với cách điều trị duy trì kéo dài mang lại kết quả khả quan hơn, với tỷ lệ bệnh ổn định, tỷ lệ hội chứng thận hư tái phát không thường xuyên gia tăng, không tai biến ưu năng thượng thận. Kết quả nghiên cứu cho thấy biến chứng ngoài thận thường gặp trong đợt cấp của bệnh là nhiễm trùng hô hấp, đường tiểu và viêm phúc mạc do vi trùng Gram âm đường ruột. Rối loạn điện giải thường gặp là giảm Canxi, Kali và Natri máu. Riêng biến chứng tắc mạch ít gặp (2,7‰) và có khả năng do viêm mạch máu. Các biến chứng kể trên thường gặp hội chứng thận hư tái phát hơn là hội chứng thận hư lần đầu.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Méthémoglobine máu ở trẻ tiểu huyết sắc tố do thiếu men G6PD.
Góp phần nghiên cứu diễn tiến và biến chứng của hội chứng thận hư ở trẻ em.
Góp phần nghiên cứu suy giáp bẩm sinh.
Đặc điểm của hội chứng thận hư kháng corticoide.
Giải nhất hội chứng khoa học kỹ thuật Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục

Dự định khoa học

Nghiên cứu bệnh nội tiết, bệnh thận và bệnh máu ở trẻ em.



NGÔ THỊ THU DUNG

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 17 - 6 - 1959.
Quê quán: Thượng Cát - Từ Liêm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 42 Vọng Hà - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn.
Hiện là cán bộ nghiên cứu Viện Khoa học giáo dục.
Hội viên Hội Tâm lý - Giáo dục Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Viện Khoa học giáo dục.
Chuyên ngành Lý luận dạy học thuộc Lý luận và lịch sử sư phạm.

Đề tài luận án

Một số phương hướng và biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của học sinh trong quá trình dạy học ở tiểu học.

Nội dung

Xác định dấu hiệu nhận biết, các chỉ số đo đạc và đánh giá tính tích cực học tập của học sinh, từ đó xây dựng bộ công cụ đo đạc, đánh giá trong giờ học.

Xây dựng hai phương hướng (căn cứ vào hai mối liên hệ có tính quy luật giữa tính tích cực học tập với một số yếu tố của quá trình dạy học) và bốn biện pháp dạy học nâng cao tính tích cực học tập.
Xây dựng quy trình tổ chức giờ học giúp giáo viên có thể lựa chọn các kỹ thuật dạy học để thực hiện có hiệu quả một số phương hướng và biện pháp trên.

Thành tựu khoa học

Tham gia một số đề tài nghiên cứu:
Chiến lược chăm sóc giáo dục trẻ em đến năm 2010.
Điều tra tổng thể các điều kiện thực thi chương trình tiểu học mới.
Những đặc trưng của phương pháp dạy học theo tư tưởng tích cực ở nhà trường phổ thông hiện nay.

Dự định khoa học

Nghiên cứu lý luận dạy học.



NGUYỄN DUNG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 1 - 2 - 1960.
Quê quán: Phú Lương - Phú Vang - Thừa Thiên Huế.
Chỗ ở hiện nay:
41A Hùng Vương - Thành phố Huế.

Quá trình công tác

Giảng viên chính Đại học Y Huế.
Bác sĩ chuyên khoa II Ngoại tiêu hoá.
Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học - Đối ngoại.
Trưởng phòng Nghiên cứu khoa học - Đối ngoại.
Trung tâm Y học lâm sàng Đại học Y Huế.
Hiện là Phó Hiệu trưởng Đại học Y Huế.
Uỷ viên ban chấp hành Hội Y Dược học tỉnh Thừa Thiên Huế.
Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Học viện Quân y.
Chuyên ngành Y Dược.

Đề tài luận án

Nghiên cứu ứng dụng truyền máu tự thân trong một số phẫu thuật chương trình.

Nội dung

Phẫu thuật phát triển mạnh mẽ trong thời đại hiện nay có sự đóng góp to lớn của truyền máu.
Tuy nhiên, bên cạnh lợi ích của truyền máu đồng cũng xuất hiện nhiều bất lợi khác do sự lây truyền của bệnh qua đường máu.
Tác giả luận án tiến hành khảo sát, nghiên cứu ứng dụng truyền máu tự thân trong một số phẫu thuật chương trình, đã đạt được kết quả tốt.
Các bệnh nhân ở nhiều lứa tuổi cần phẫu thuật chương trình đều có thể ứng dụng phương pháp này một cách đơn giản và có hiệu quả.

Thành tựu khoa học

Trên 20 công trình khoa học đã được nghiệm thu từ các đề tài nhánh cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp trường.

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về phẫu thuật nội soi ổ bụng.
Nghiên cứu hỗ trợ trẻ em khuyết tật trong cộng đồng.



NGUYỄN HUY DUNG

Huy Dung

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 22 - 11 - 1931.
Quê quán: Thanh Xuân - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 26/17 Trương Định - Quận 1 - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Bác sĩ Bệnh viện Bạch Mai.
Phó Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Xô.
Uỷ viên Hội đồng sức khoẻ Trung ương.
Phó Giám đốc Bệnh viện Chợ Rẫy.
Phó Chủ nhiệm bộ môn Nội Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Ủy viên thường vụ Hội Tim mạch, Thấp khớp, Nội khoa Việt Nam.
Ủy viên Hội đồng Khoa học Tim mạch học quốc gia.
Ban Y sinh học Vũ trụ Việt Nam.
Ban chi hội Tổng Hội Y Dược học Việt Nam.
Phó Chủ tịch Hội Y Dược học thành phố Hồ Chí Minh.
Chủ tịch Hội Thấp khớp học quốc gia Việt Nam.
Được phong Giáo sư năm 1991.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1963.
Tại Viện Tim mạch Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô cũ.
Ngành Y học.
Chuyên ngành Tim mạch học

Đề tài luận án

Nghiên cứu chẩn đoán và theo dõi điều trị các bệnh động mạch não, động mạch ngoại vi bằng phương pháp mới - lưu huyết đồ (rheography).

Nội dung

Xác lập phương pháp lưu huyết đồ (rheography) và chứng minh được khả năng tin cậy của nó trong đánh giá cường độ tuần hoàn ngoại vi ở người bình thường so với bệnh nhân bệnh đông mạch não, đông mạch ngoại vi (bệnh XVĐM chân, Buerger, Raynaud) nhất là trong lúc điều trị.

Thành tựu khoa học

Trên 40 công trình nghiên cứu đã ứng dụng:
Sách đã xuất bản:
Bệnh mạch vành (cẩm nang thực hành).
Bệnh tim thiếu máu cục bộ và suy tim.
Cách lựa chọn điều trị hiện nay cho bệnh nhân tăng huyết áp vô căn.
22 bài giảng chọn lọc nội khoa tim mạch.
Điều trị bệnh tăng huyết áp tiên phát.
Sách phổ thông y học:
Lời khuyên đối với bệnh nhân tăng huyết áp.
Bệnh tim mạch với người lớn tuổi (tập I,II).
Y học và tuổi già (tập I, II).
179 câu hỏi đáp về bệnh tim mạch - Nxb Y học.
Phòng ngừa và tư điều trị bệnh tim mạch - Nxb Long An
Tăng huyết áp - tên sát nhân thầm lặng.
Đứt mạch máu não - tai hoạ bất ngờ?
Bệnh xơ vữa động mạch.
Các cơn đau tim.
Các bệnh tim mạch thường gặp.
Thanh thản Đăm B' ri.
Sức khoẻ với trẻ và đẹp - Nxb Văn hóa Thông tin.
Sức khoẻ, tuổi trẻ và vẻ đẹp của bạn.
Sức mạnh tinh thần của bạn - Nxb Trẻ
Tâm hồn của bạn - Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
Trò chuyện với tuổi trẻ về chìa khoá vạn năng. Nxb Thanh niên.
Nuôi dưỡng tâm hồn - Nxb Phụ nữ.
Huy chương Vì sự nghiệp sức khoẻ nhân dân, Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì thế hệ trẻ.
Huy chương chống Pháp hạng nhất.
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Huân chương Tự do.
Thầy thuốc ưu tú.

Dự định khoa học

Nghiên cứu và viết sách về tim mạch.

Lời Tiến sĩ

Mong các bạn trẻ hãy yêu nghề và yêu người mãnh liệt, chống thương mại hoá y nghiệp cao quý của chúng ta, của truyền thống cha ông chúng ta.



NGUYỄN THỊ DUNG

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 07 - 03 - 1950.
Quê quán: Hùng Việt - Cẩm Khê - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: Số 10 đường 43 - Quận 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Hoá, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Cán bộ nghiên cứu, Viện Công nghệ Hoá học, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và công nghệ quốc gia. Trưởng phòng chuyên môn - Phòng Thí nghiệm phân tích.
Uỷ viên Ban chấp hành Phân hội xúc tác hấp phụ - Hội Hoá học Việt Nam.
Ban chấp hành Hội Vinatest thành phố Hồ Chí Minh.
Ban chấp hành Hội Hoá học thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Viện Công nghệ Hoá học, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia Việt Nam.
Chuyên ngành Hoá lý - Xúc tác.

Đề tài luận án

Nghiên cứu hệ xúc tác Ni-Mo, Co-Mo trên chất mang cho phản ứng hydodisulfur hoá (HDS) các phân đoạn dầu mỏ.

Nội dung

Hệ xúc tác cho quá trình HDS không chỉ sử dụng trong quá trình chế biến dầu mỏ mà còn sử dụng rộng rãi trong quá trình xử lý các sản phẩm lỏng của công nghiệp than đá. Vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường bởi các hợp chất chứa lưu huỳnh bằng các quá trình xúc tác cũng rất đáng được quan tâm. Luận án đã giải thích những vấn đề sau:

Vai trò của các pha hoạt tính Co-Mo trong hệ xúc tác, mối quan hệ giữa các điều kiện chế tạo xúc tác đến thành phần cấu trúc và hoạt tính của xúc tác.

Lần đầu tiên chất mang là than hoạt tính từ gáo dừa Việt Nam góp phần tạo sự đa dạng về chất mang cho hệ xúc tác. So sánh với các chất mang cổ điển như Al_2O_3 - SiO_2, chất mang than hoạt tính cho xúc tác có hoạt tính cao trong phản ứng HDS tiophen.

Sáng tỏ bản chất tâm hoạt tính của xúc tác bằng phương pháp đồng vị phóng xạ ^{35}S.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:

Đánh giá dầu mỏ Việt Nam 1978 - 1983.

Chủ nhiệm đề mục:

Nghiên cứu sử dụng paraffin trong dầu mỏ Việt Nam.

Đánh giá tác động môi trường nước thải một số nhà máy hoá chất tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước: Nghiên cứu một số xúc tác oxid kim loại.

Chủ nhiệm đề tài cấp trung tâm: Hoá học môi trường nước nuôi tôm.

Chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước: nghiên cứu xúc tác quang hoá trên cơ sở TiO_2, Hydrotalcite, Fe^{2+}/H_2O_2 để xử lý các chất ô nhiễm hữu cơ.

Huy chương Vì sự nghiệp khoa học kỹ thuật.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ô nhiễm môi trường, các phương pháp xử lý có xúc tác, các phương pháp phân tích hoá lý hiện đại, ứng dụng tin học trong nghiên cứu.

Giảng dạy, hướng dẫn cao học, nghiên cứu sinh, sinh viên hoá học xúc tác - môi trường.

Tư vấn thẩm định, khoa học kỹ thuật chuyên ngành.



NGUYỄN TINH DUNG

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 30 - 9 - 1934.
Quê quán: Thanh Văn - Thanh Chương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 17 tổ 5B - Láng Thượng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Hoá Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô.
Cán bộ giảng dạy, chủ nhiệm khoa Hoá Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên gia giáo dục tại Đại học Tebetxa, Angiêri.
Hiện là cán bộ giảng dạy khoa Hoá Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Thành viên Hội Hoá học.
Hội Phân tích lý, hoá, và sinh học. Chủ tịch Hội đồng bộ môn Hoá học Bộ giáo dục và đào tạo.
Được phong Giáo sư năm 1996.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1965.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Kharcốp Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Hoá học phân tích.

Đề tài luận án

Proton hoá amoniac, pyriđin, và α - pycolin.

Nội dung

Lần đầu tiên đã xác định hệ số hoạt động của các ion amoni, piriđini, và - α -picolini trong các môi trường muối ở các lực ion khác nhau.

Thành tựu khoa học

Đã viết 23 đầu sách và nghiên cứu hơn 50 công trình khoa học

Chủ trì nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, cấp Bộ, cấp Nhà nước.

Hướng dẫn thạc sĩ, nghiên cứu sinh.

Chủ tịch Hội đồng và phản biện nhiều luận án thạc sĩ, tiến sĩ.

Uỷ viên Hội đồng khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Hội đồng xét giải thưởng Hồ Chí Minh ngành hoá của Bộ Giáo dục và đào tạo.

Uỷ viên ban biên tập một số tạp chí khoa học...

Dự định khoa học

Nghiên cứu cân bằng ion trong dung dịch
Nghiên cứu độ nhạy của các phản ứng trong hoá học phân tích.



TRẦN THỊ DUNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 1 - 3 - 1956.
Quê quán: Kim Xuyên - Kim Thành - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: 506 B1 - tập thể Dầu khí ngân hàng - 29 Láng Hạ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Thuỷ sản Nha Trang.
Cán bộ kiểm tra chất lượng, Chi nhánh vật tư thuỷ sản II, Công ty Thuỷ sản Trung ương.
Nghiên cứu sinh Trường Hoá Thực phẩm Plovdiv, Bulgari.
Giám đốc Xưởng chế biến, Viện Nghiên cứu Hải sản, Hải Phòng.
Chuyên viên chính, Vụ Khoa học công nghệ, Bộ Thuỷ sản.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Trường Hoá Thực phẩm Plovdiv, Bulgari.
Chuyên ngành Công nghệ chế biến thuỷ sản.

Đề tài luận án

Nghiên cứu quá trình thuỷ phân của cá và tính chất mùi vị của chúng (sản phẩm thuỷ phân).

Nội dung

Nghiên cứu quá trình biến đổi sinh hoá của cá muối trong điều kiện muối mặn (25% muối tính theo khối lượng - quá trình chế biến nước mắm).

Đề tài sử dụng 3 loại cá khác nhau để chế biến nước mắm là cá cơm, nục, trích (Sprattus sprattus phalericus, Trachurus trachurus, Sardina pilhardus). Các thí nghiệm được bố trí để nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ, thời gian, việc bổ sung enzym proteza đối với quá trình thuỷ phân cá muối. Các chỉ tiêu hàm lượng đạm tổng số, đạm amoniac, đạm a xít amin, pH, hàm lượng muối trong phần lỏng chiết tách ra từ chượp (cá lên men trong điều kiện muối mặn) được xác định để nghiên cứu những biến đổi sinh hoá, trong quá trình thuỷ phân. Đồng thời phân tích thành phần tạo mùi đặc trưng của nước mắm bằng phương pháp sắc ký khí khối phổ.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài:
Đánh giá trình độ công nghệ chế biến thuỷ sản đông lạnh và sản phẩm thuỷ sản giá trị gia tăng,
Cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng quy chế bảo vệ môi trường trong công nghiệp chế biến thuỷ sản.
Huy chương Vì sự nghiệp nghề cá.

Dự định khoa học

Nghiên cứu công nghệ chế biến và quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm thuỷ sản.



TRẦN THỊ KIM DUNG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 06 - 12 - 1950.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 133 K4 Nguyễn Chí Thanh - Quận 5 - thành phố - Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Dược Sài Gòn
Hiện là giảng viên chính bộ môn Ký sinh học - Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Dược học thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Ký sinh học

Đề tài luận án

Chẩn đoán một số bệnh ký sinh trùng bằng phương pháp huyết thanh miễn dịch men.

Nội dung

Các phản ứng miễn dịch được xem là phương thức chẩn đoán hữu hiệu vì nó có nhiều khả năng về tính đặc hiệu và độ nhạy cảm. Gần đây, phương pháp huyết thanh miễn dịch men đã được sử dụng với mục đích chẩn đoán y học và nghiên cứu sinh học.
Trong hoàn cảnh nước ta, chủ động được nguồn sinh phẩm là yêu cầu bức thiết để chẩn đoán các bệnh ký sinh trùng: áp xe do Entamoeba histolytica, bệnh do giun lươn Strongyloides Stercoralis, bệnh do vi nấm Sporothrix schenkii, bệnh do gạo heo (cysticercosis) và bệnh do sán lá lớn ở gan Fasciola sp.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Dùng kỹ thuật huyết thanh miễn dịch men với kháng nguyên hữu hình tự điều chế để chẩn đoán các bệnh do Entamoeba histolytica, Strongyloides stercoralis và vi nấm Sporothrix schenkii.
Sử dụng kỹ thuật Elisa với kháng nguyên hoà tan tự điều chế để chẩn đoán các bệnh do Cysticercus cellulosae, Fasciola sp, Paragonimus sp.
Chẩn đoán bệnh do sán lá phổi Paragonimus sp và điều tra tình hình nhiễm bệnh bằng phương pháp huyết thanh miễn dịch Elisa tại Sìn Hồ, Lai Châu.
Chẩn đoán bệnh do sán lá lớn ở gan Fasciola sp qua 125 trường hợp nhiễm năm 1997 bằng phương pháp huyết thanh miễn dịch Elisa.
Sách đã xuất bản:
Ký sinh trùng đường ruột (viết chung) - Nxb Đà Nẵng.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sinh học các ký sinh trùng.



VĂN MỸ DUNG

Lan Chi

Tiến sĩ Lâm nghiệp

Sinh ngày: 26 - 12 - 1945.
Quê quán: Phú Mỹ Hưng - Hóc Môn - Gia Định.
Chỗ ở hiện nay: An Lập - Dầu Tiếng - Bình Dương

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Công tác tại bộ môn Bảo quản gỗ, khoa Lâm nghiệp Viện Nghiên cứu lâm nghiệp.
Nghiên cứu sinh tại Ba Lan
Uỷ viên Ban điều hành phân viện nghiên cứu lâm nghiệp miền Nam - Tổng cục lâm nghiệp miền Nam.
Trưởng bộ môn Nghiên cứu đặc sản rừng Phân viện nghiên cứu lâm nghiệp phía Nam.
Trưởng bộ môn Nấm, Trung tâm nghiên cứu sản xuất thử - Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.
Phó Giám đốc Trung tâm giống thành phố Hồ Chí Minh.
Kiêm trưởng trạm meo nấm
Giám đốc xí nghiệp Nấm Sở Nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.
Giám đốc dự án Viện trợ Liên hiệp quốc về Nấm VIE/85/011.
Hội viên Hội trồng nấm quốc tế ISMS.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1974.
Tại Viện Nông nghiệp Vacxava BaLan
Khoa Lâm nghiệp

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của nấm Schizophyllum commune F.r lên đặc tính của một số loại gỗ và tre cùng với đặc điểm sinh học của loài nấm này.

Nội dung

Nghiên cứu đặc tính sinh học của loài nấm Schizophyllum xác định mức độ ảnh hưởng của chúng lên đặc tính riêng của các loại gỗ giẻ, sồi, bạch dương, phong, thông và tre như: trọng lượng, thể tích, trọng lượng riêng, ứng lực, ẩm độ... Nghiên cứu mức độ xâm nhập của chúng vào tế bào gỗ, tre và tính chống chịu với thuốc bảo quản gỗ để đánh giá đúng mức độ phá hoại của chúng, tìm ra loài thuốc bảo quản thích hợp.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu cấp Viện đã nghiệm thu:
Nghiên cứu dùng loại phế liệu nông lâm nghiệp trồng các loại nấm ăn có giá trị kinh tế.
Nấm mèo Auricularia (trên mạt cưa, rơm, cành nhánh).
Nấm bào ngư Pleurotus (trên mạt cưa, cùi bắp).
Nấm rơm Volvariella (bông gòn, rơm, bã mía, phân gà).
Nấm linh chi Ganoderma (mạt cưa).
Nấm trắng (nấm mỡ).
Đầu khỉ, nấm trân châu, nấm kim hoa.
Nghiên cứu sản xuất các loại giống nấm ăn (cấp thành phố Hồ Chí Minh).
Nghiên cứu phát triển trồng các loại nấm ăn có giá trị kinh tế cao ở các tỉnh phía Nam (FAO tài trợ).
Góp phần thành lập xí nghiệp nấm.
Mở lớp tập huấn trồng nấm, sản xuất meo nấm theo yêu cầu các tỉnh: Long An, Quảng Đà, Tiền Giang...
Kỹ thuật trồng nấm rơm trong nhà, ngoài trời tại Sóc Trăng và thành phố Hồ Chí Minh.
Kỹ thuật trồng nấm mỡ trên phân gà - bã mía tại Đà Lạt.
Kỹ thuật trồng nấm linh chi, mộc nhĩ trong túi nilon.
Kỹ thuật trồng nấm mỡ trên phân gà - bã mía.
Tập huấn cho đoàn trồng nấm từ Mauritius trồng nấm mỡ trên phân gà và bã mía do FAO gửi đến.
Sách đã xuất bản:
Kỹ thuật trồng một số loài nấm ăn thông dụng. Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
Kỹ thuật trồng nấm (đồng tác giả).
Xí nghiệp Nấm - Sở Nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

Lời Tiến sĩ

Trồng nấm là nghề đem lại lợi ích kinh tế cao cho người trồng và cho đất nước vì tận dụng được phế liệu mà làm nên sản phẩm xuất khẩu. Nhân dân ta đã trồng được ở diện rộng. Nhưng để nấm trở thành một nguồn kinh tế lớn nhà nước cần quan tâm hướng dẫn kỹ thuật, tạo giống, tổ chức chế biến, thu mua cho nhân dân.



ĐÀO VĂN DŨNG

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 26 - 04 - 1955.
Quê quán: Nam Thanh - Nam Trực - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: Số 29, tổ 35 Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Phó chủ nhiệm bộ môn Cơ học, khoa Toán - Cơ - Tin học Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Uỷ viên Hội đồng khoa học khoa Toán - Cơ - Tin học.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.
Hội Cơ học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành Toán Lý.
Chuyên ngành Cơ học vật rắn biến dạng.

Đề tài luận án

Bài toán ổn định ngoài giới hạn đàn hồi theo lý thuyết quá trình đàn - dẻo.

Nội dung

Sử dụng mô hình vật lý mới của lý thuyết quá trình đàn - dẻo, đã thiết lập chính xác các phương trình cơ bản của bài toán ổn định đàn dẻo của bản và vỏ trụ ngoài giới hạn đàn hồi. Xây dựng phương pháp chung giải bài toán khi kết cấu chịu quá trình đặt tải phức tạp. Kết hợp phương pháp đã nêu với phương pháp tham số tải, xác định được lực tới hạn của bài toán ổn định. Luận án khẳng định hiệu quả của quá trình đặt tải phức tạo lên sự ổn định của bản và vỏ mỏng, là rất rõ rệt khi quá trình phức tạp xảy ra ngoài mặt giới hạn đàn hồi và ít ảnh hưởng khi nó xảy ra bên trong mặt giới hạn đàn hồi. Trường hợp đặt tải đơn giản các kết quả trở về các trường hợp đã biết trước đây.

Thành tựu khoa học

Chủ trì đề tài cấp Đại học Quốc gia:
Một số vấn đề động lực học của môi trường đàn dẻo có tính đến các yếu tố phức tạp.
Mã số QT 00-01.
Tham gia đề tài cấp Nhà nước:
KT-04.2.2.4.
Mã số 3.1.4.
Sách đã xuất bản:
Bài tập cơ học lý thuyết (chủ biên) Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Dự định khoa học

Nghiên cứu vấn đề ổn định và động lực học của kết cấu đàn - dẻo về phương diện lý thuyết và ứng dụng vào thực tiễn.



HỒ THƯỢNG DŨNG

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 19 - 03 - 1964.

Quê quán: Võ Cạnh - Vĩnh Trung - Khánh Hoà.

Chỗ ở hiện nay: 14 Võ Thành Trang - Quận Tân Bình - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Bác sĩ khoa Nội Bệnh viện tỉnh Phú Yên.

Bác sĩ khoa Tổng hợp B1 Bệnh viện Thống nhất thành phố Hồ Chí Minh.

Tổ phó tổ Tim mạch can thiệp Bệnh viện Thống Nhất.

Hội viên Hội Tim mạch thành phố Hồ Chí Minh.

Hội Tim mạch Quốc gia Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999

Tại Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyên ngành Nội khoa.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và vai trò của siêu âm tim trong chẩn đoán bệnh lý viêm màng ngoài tim.

Nội dung

Nghiên cứu 175 bệnh nhân viêm màng ngoài tim và ứng dụng siêu âm tim trong bệnh lý tại khoa nội tim mạch Bệnh viện Chợ Rẫy từ 1994 - 1996.

Đặc điểm chung: bệnh viêm màng ngoài tim là bệnh tại Việt Nam, với các nguyên nhân thường gặp: lao, mủ, bệnh u bướu và nhóm tự phát. Tỉ lệ viêm màng ngoài tim do lao và mủ còn rất cao so với nước ngoài.

Siêu âm tim có giá trị trong chẩn đoán bệnh lý viêm màng ngoài tim.

Thành tựu khoa học

Tham gia viết 4 chương trong sách chuyên khảo: *Suy tim trong thực hành lâm sàng*. Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Tham gia đề tài:

Bước đầu nhận xét 60 trường hợp nong van hai lá bằng bóng Inoue tại Bệnh viện Thống Nhất.
Bước đầu nhận xét 30 trường hợp chụp mạch vành có can thiệp tại Bệnh viện Thống Nhất.

Dự định khoa học

Tham gia, nghiên cứu điều trị, viết sách về tim mạch, tim mạch can thiệp, lão khoa.



LÊ ANH DŨNG

Tiến sĩ Địa lý

Sinh ngày: 13 - 02 - 1960.
Quê quán: Bảo Nội - Đông Sơn - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: P108 Tập thể Viện Thú y - 74 Trường Chinh - Hà Nội.

Quá trình công tác

Chuyên viên Vụ Bản đồ - Đất, Tổng cục Quản lý ruộng đất.
Kỹ sư Trung tâm nghiên cứu tài nguyên đất Tổng cục Quản lý ruộng đất.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Kharcốp, Ucraina Liên Xô cũ.
Thực tập sinh cao cấp tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Kharcốp và Viện Địa lý Viện Hàn lâm Khoa học Ucraina.
Hiện là chuyên viên Vụ Khoa học và Hợp tác quốc tế - Tổng cục Địa chính.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Viện Địa lý - Viện Hàn lâm Khoa học Ucraina.
Ngành Địa lý.
Chuyên ngành Bản đồ.

Đề tài luận án

Xây dựng đồng bộ hệ thống bản đồ tài nguyên đất Việt Nam.

Nội dung

Giải quyết toàn diện cơ sở lý thuyết và phương pháp luận của vấn đề xây dựng đồng bộ hệ thống bản đồ tài nguyên đất Việt Nam cho mục đích quản lý, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên đất ở quy mô toàn quốc - Xêri bản đồ chuyên đề, Átlát tài nguyên đất Việt Nam, bản đồ tổng hợp treo tường tài nguyên đất Việt Nam. Thiết kế nội dung chuyên môn và market của tất cả các tác phẩm bản đồ kể cả Átlát tài nguyên đất Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm thành công phương pháp chế phim âm trên giấy bóng can phục vụ công tác in bản đồ địa chính.
Đào tạo cán bộ kỹ thuật các sở quản lý ruộng đất của 40 tỉnh, thành trong cả nước sử dụng đại trà phương pháp này để in hàng vạn tờ bản đồ địa chính với giá thành rẻ đáp ứng được yêu cầu của ngành.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phát triển lý thuyết cơ bản của bản đồ học trong giai đoạn mới.



LÊ BÁ DŨNG

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 03 - 03 - 1955.
Quê quán: Quảng Tân - Quảng Xương - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 8/19 Phù Đổng Thiên Vương - thành phố Đà Lạt.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Sinh học Đại học Đà Lạt.
Nghiên cứu sinh tại Bungari.
Hiện là Trưởng khoa Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Đà Lạt.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Bungari.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Thực vật.

Đề tài luận án

Nghiên cứu họ Polyporaceae Sensu-stricto ở Bungari.

Nội dung

Nghiên cứu thành phần loài, khu phân bố, nhu cầu sinh thái và nhu cầu dinh dưỡng của các loài nấm họ Polyporaceae Sensu-stricto. Ngoài ra nghiên cứu mối quan hệ tiến hoá của các chi trong họ và quan hệ giữa các loài trong chi.

Thành tựu khoa học

Chủ trì một số đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ:
Nghiên cứu khu hệ nấm lớn vùng Nam Tây nguyên.
Nghiên cứu ảnh hưởng của các nguồn dinh dưỡng, phytohormon lên sự sinh trưởng và hình thành quần thể của nấm phục linh Poria coccos Wolf.
Một số bài viết đã đăng trên các tạp chí:
Ảnh hưởng của một số chất kích thích sinh học lên sự sinh trưởng của hệ sợi nấm Poria coccos Wolf và phương pháp nhân giống nấm.
Khu hệ nấm họ Sclerodermataceae E. Fischer vùng Tây nguyên.



LÊ PHƯỚC DŨNG

Lê Hòa

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 05 - 8 - 1950.
Quê quán:
Thuỷ Bằng - Hương Thuỷ - Thừa Thiên Huế.
Chỗ ở hiện nay:
36 ngõ 113 Thái Thịnh - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Bản đồ - Cục Đo đạc và bản đồ Nhà nước.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Trắc địa Matxcơva - Liên Xô.
Phó giám đốc xí nghiệp Bản đồ - Cục đo đạc và bản đồ Nhà nước.
Giám đốc xí nghiệp Bản đồ - Tổng cục Địa chính.
Giám đốc Nhà xuất bản Bản đồ - Tổng cục Địa chính.
Hội viên Hiệp hội thương mại bản đồ thế giới.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Trắc địa bản đồ viễn thám Việt Nam.
Hội Bản đồ Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Trường Đại học Trắc địa Bản đồ Matxcơva Liên Xô.
Chuyên ngành Bản đồ.

Đề tài luận án

Nghiên cứu các quá trình chế bản ứng dụng cho công nghệ chế in bản đồ trong điều kiện khí hậu nhiệt đới.

Nội dung

Nghiên cứu chế màng phiên bản với thành phần cảm quang trên cơ sở hợp chất diazo, xây dựng quy trình công nghệ sản xuất bản in offset thích hợp với điều kiện khí hậu nóng ẩm nhiệt đới.
Phân tích tổng quan các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực chế bản trên thế giới.
Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của luận án.
Kết quả nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm về tính chất quang phổ, quang hoá và hoá lý của màng cảm quang trên cơ sở hợp chất diazo.
Nghiên cứu chế tạo màng phiên bản diazo, xây dựng quy trình công nghệ sản xuất bản in offset thích hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới. Ứng dụng thuật toán quy hoạch thí nghiệm trong quá trình nghiên cứu.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu xử lý bề mặt bản in bằng phương pháp điện hoá ứng dụng cho công nghệ chế in bản đồ.
Chủ trì thiết kế chế in tập Átlas quốc gia Việt Nam.
Xây dựng dự án hiện đại hoá công nghệ thành lập bản đồ địa hình và chuyên đề.
Chủ trì 4 đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành về lĩnh vực bản đồ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu hiện đại hoá công nghệ thành lập và chế in bản đồ.



LÊ VIỆT DŨNG

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 03 - 8 - 1960
Quê quán: Cần Thơ.
Chỗ ở hiện nay: P.15 N.18 Tập thể Trường Đại học Cần Thơ - Đường 30/4 - thành phố Cần Thơ.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Trồng trọt Trường Đại học Cần Thơ.
Cán bộ giảng dạy khoa Trồng trọt, Đại học Cần Thơ.
Tốt nghiệp Trường Đại học Hokkaido, Nhật Bản.
Giảng viên chính.
Trưởng phòng thí nghiệm Di truyền Chọn giống cây trồng.
Phó bộ môn Khoa học cây trồng.
Phó trưởng khoa Nông nghiệp.
Thư ký dự án Công nghệ sinh học Đại học Cần Thơ.
Thành viên Hội Chọn giống cây trồng Nhật Bản.
Hội Sinh học tỉnh Cần Thơ.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999
Tại Trường Đại học Hokkaido, Nhật Bản.
Chuyên ngành Nông học.

Đề tài luận án

Sự phức hợp di truyền của một số tính trạng nông học trên cây lúa.

Nội dung

Dùng các phương pháp phân tích phân tử trên Protein (SDS-PAGE) và ADN (PCR, RFLP...) để phân tích sự phức hợp của một số tính trạng di truyền trên cây lúa.

Khảo sát sự phức hợp di truyền của các gen kháng bệnh cháy lá lúa (Pyricularia grisea) trên giống Moroberekan bằng sự phân tích phân ly di truyền của các dòng tái nội phối (Pre-isogenic lines) tạo thành từ quần thể đồng phối (Recombinant Inbred Population).

Khảo sát sự phức hợp di truyền của tính trạng ngày trổ bông.

Sự phức hợp di truyền của tính trạng dẻo cơm do gen Waxy và liên quan đến hàm lượng Amylose trong hạt gạo. Theo dõi quy luật di truyền của tính trạng này dựa trên nền di truyền của hai nhóm giống lúa Indica và Japonica.

Sử dụng công nghệ sinh học phân tử để đánh giá mối quan hệ di truyền giữa các nhóm giống lúa hoang dại.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:

Chứng minh mối quan hệ di truyền của các nhóm giống lúa hoang dựa vào các phân tích phân tử.

Tái xác định vị trí trên nhiễm sắc thể (Gene mapping) của một số gen kháng bệnh cháy lá (đạo ôn) trên cây lúa.

Phát hiện gen mới (*se-pat*) điều khiển tính trạng ngày trổ bông. Sử dụng kỹ thuật RFLP xác định vị trí của gen *se-pat* trên nhiễm sắc thể số 6.

Tìm ra quy luật di truyền của các alen Wx^a, Wx^b, $Wx^a du$, $Wx^b du$... trên hai nhóm giống Indica và Japonica thể hiện qua hàm lượng amylose.

Thành công chuyển gen Wx^b của nhóm giống Japonica và nhóm giống Indica để giảm hàm lượng amylose xuống đến mức độ phù hợp với thị hiếu, thị trường trong nước và thế giới.

Dự định khoa học

Ứng dụng các thành tựu công nghệ sinh học để cải thiện và tạo ra các giống cây trồng mới, chất lượng cao thích nghi với điều kiện tự nhiên của Việt Nam, đồng thời nhằm kiểm định và chẩn đoán chất lượng nông sản.



NGUYỄN ANH DŨNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 4 - 11 - 1950.
Quê quán: Quảng Thuận - Quảng Điền - Thừa Thiên Huế.
Chỗ ở hiện nay: 8 ngách 11 - ngõ 146 Vương Thừa Vũ - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Lahabana, Cuba.
Học viên cao học Đại học Bách khoa Cuba.
Cán bộ nghiên cứu Viện Khoa học kỹ thuật xây dựng.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Xây dựng Matxcơva, Nga.
Cán bộ Công ty Liên doanh về kỹ thuật nền móng và công trình.
Phó giám đốc Công ty COFEC.
Hội viên Hội Xây dựng Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Địa kỹ thuật Việt Nam.
Thành viên Hội Cơ học đất và nền móng quốc tế.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.

Tại Viện Kỹ thuật Xây dựng Matxcơva, Liên Xô cũ.
Ngành Thuỷ công
Chuyên ngành Cơ học đất và nền móng.

Đề tài luận án

Bài toán cố kết phẳng của đất sét cực yếu, không bão hoà nước.

Nội dung

Lựa chọn mô hình vật lý của bài toán cố kết hai chiều (phẳng).
Đặc tính của nền đất sét cực yếu (hệ số rỗng e=3-10).
Phương trình vật lý của bài toán cố kết phẳng, có đặc trưng thay đổi theo không gian và thời gian (hệ số nén lún, hệ số rỗng, hệ số thấm, hệ số cố kết).
Điều kiện biên và tải trọng ban đầu.
Lập thuật toán giải phương trình cố kết bằng phương pháp phần tử hữu hạn.
Tách riêng độ lún do biến dạng thể tích và hình dáng gây ra.
Xây dựng phần mềm trên cơ sở thuật toán nêu trên.

Thành tựu khoa học

Chủ trì và cộng tác viên nghiên cứu các đề tài
Gia cố đất bằng cọc đất vôi, cọc xi măng cát.
Ứng dụng bấc thấm bản nhựa gia cố nền đất yếu.
Tiêu chuẩn phân loại đất.
Nguyên nhân gây hư hỏng các công trình xây dựng trên nền đất yếu.
Huy chương tuổi trẻ sáng tạo (đồng tác giả).

Dự định khoa học

Nghiên cứu quan trắc địa kỹ thuật ở Việt Nam.
Phát triển ứng dụng các công nghệ xử lý nền đất yếu.
Xây dựng lý thuyết đối xứ của nền đất yếu bão hoà nước.



NGUYỄN CHÍ DŨNG

Tiến sĩ Ngôn ngữ học

Sinh ngày: 26 - 12 - 1948.
Quê quán: Thị xã Phú Thọ - tỉnh Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: 204 tập thể Ngân hàng Nhà nước, ngõ 69 - Võ Thị Sáu - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Rostop, Liên Xô cũ.
Cán bộ giảng dạy
Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp Rostop.
Phó chủ nhiệm khoa Ngữ văn nước ngoài Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Ngoại ngữ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Giám đốc Trung tâm bồi dưỡng ngoại ngữ Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Hiện là Giám đốc Trung tâm bồi dưỡng ngoại ngữ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Chủ tịch Hội đồng khoa học bộ môn ngoại ngữ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Uỷ viên Hội đồng Khoa học trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Thư ký Hội đồng liên ngành Ngôn ngữ - Ngoại ngữ Đại học Quốc gia Hà Nội.
Uỷ viên Hội đồng phương pháp giảng dạy tiếng Nga phân viện tiếng Nga Puskin tại Hà Nội.
Trưởng tiểu ban Hội đồng chấm thi cao học - nghiên cứu sinh Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Rostop Sông Đông, Liên Xô cũ.
Ngành Ngôn ngữ
Chuyên ngành Cú pháp - Trật tự từ trong câu đơn

Đề tài luận án

Phân tích câu theo chức năng giao tiếp và trật tự từ trong câu đơn hai thành phần có yếu tố chỉ thời gian và địa điểm trong tiếng Nga.

Nội dung

Trong quá trình học tiếng Nga người Việt Nam gặp nhiều khó khăn khi sử dụng và xác định trật tự các yếu tố của câu, vì tiếng Nga phụ thuộc vào mục đích giao tiếp mà người nói đặt ra các yếu tố tạo nên câu có vị trí khác nhau. Tình huống này đòi hỏi giáo viên tiếng Nga nghiên cứu tìm ra những quy luật phân bố các yếu tố của câu trong tiếng Nga.

Dựa vào thuyết phân chia giao tiếp thực tại, trên cơ sở hơn 10.000 ví dụ câu đơn có yếu tố chỉ thời gian địa điểm được lấy từ các tác phẩm văn học Nga Xô Viết tác giả đã phân chia câu đơn có yếu tố chỉ thời gian và địa điểm ra hai loại: câu chỉ có phần "nêu" - câu không phân chia và câu có phần "nêu" phần "báo" - câu phân chia. Tính đến yếu tố ngữ cảnh và chức năng giao tiếp của từng yếu tố tác giả đã xác định vị trí của chúng trong câu và tổng kết thành quy luật.

Kết quả nghiên cứu có thể sử dụng làm tài liệu cho chương trình tiếng Nga hiện đại, khoá luận, xeminar của sinh viên chuyên ngữ, cho việc biên soạn giáo trình người Việt Nam học và nghiên cứu tiếng Nga.

Thành tựu khoa học

Biên soạn:

Chương trình tiếng Nga cho các trường chuyên ngữ ở Việt Nam.

Chương trình chuyển tiếp cho sinh viên - Nga ngữ.

Chương trình ngoại ngữ tại chức cấp độ: A, B, C của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chủ trì:

Dự án nâng cao chất lượng dạy và học Ngoại ngữ cho hệ đào tạo cử nhân khoa học tài năng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Dự án thành lập khoa Ngoại ngữ chuyên ngành - Khoa học Tự nhiên tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Phó chủ nhiệm đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội: Phương pháp dạy và học ngoại ngữ tại các trường và khoa không chuyên ngữ của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Một số bài đã đăng trên các tạp chí:

Câu đơn không có thành phần "nêu" trong tiếng Nga.

Nghiên cứu các bình diện của câu trong chương trình tiếng Nga hiện đại cho người nước ngoài.

Câu chỉ chủ thể hành động trong tiếng Nga.

Dự định khoa học

Biên soạn chương trình và giáo trình tiếng .

Tham gia đề tài:

Phương pháp dạy và học ngoại ngữ tại các trường và khoa không chuyên ngữ của Đại học Quốc gia Hà Nội.



NGUYỄN ĐÌNH DŨNG

Tiến sĩ Toán lý

Sinh ngày: 18 - 9 - 1952.
Quê quán: Châu Khê - Bình Giang - Hải Dương
Chỗ ở hiện nay:
8 ngách 44/38 Võ Thị Sáu - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Quốc gia Bêlarutxi, Minsk, Liên Xô.
Cán bộ giảng dạy tại khoa Vật lý Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Công tác và nghiên cứu sinh tại Liên Xô.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Vật lý lý thuyết Trường Đại học Khoa học tự nhiên.
Thành viên Hội Vật lý Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Bêlarutxi, Minsk, Liên Xô.
Ngành Vật lý.
Chuyên ngành Vật lý lý thuyết.

Đề tài luận án

Phản xạ gương và nhiễu xạ của các nơtron trong các tinh thể phân cực.

Nội dung

Phân tích đánh giá ảnh hưởng của sự gồ ghề mặt biên giữa vật chất có các hạt nhân phân cực và chân không lên sự phản xạ gương của các nơtron.

Việc nghiên cứu tán xạ không đàn hồi của các nơtron phân cực trong bia phân cực cho phép nhận được thông tin về hàm tương quan các spin của các hạt nhân có nghĩa là nhận được thông tin quan trọng về sự dao động của các hạt nhân trong tinh thể.

Đã nhận được các công thức tổng quát của các tiết diện tán xạ hiệu dụng, các tán xạ không đàn hồi, các nơtron trên tinh thể có các hạt nhân phân cực khi tính đến sự khúc xạ và phản xạ gương và khi có nhiễu xạ. Các tiết diện tán xạ hiệu dụng có chứa các hàm tương quan các spin của các hạt nhân và các hàm tương quan của các spin các điện tử. Trong trường hợp có phản xạ toàn phần các tiết diện tán xạ hiệu dụng chỉ phụ thuộc vào các hàm tương quan của các spin, các hạt nhân bề mặt và các hàm tương quan của các spin, các điện tử bề mặt của tinh thể. Sự thay đổi trạng thái bề mặt của tinh thể sẽ ảnh hưởng đến các quá trình tán xạ.

Đã tính toán và phân tích quá trình phản xạ nhiễu xạ của các nơtron phân cực trên tinh thể được đặt trong từ trường ngoài biến thiên tuần hoàn.

Thành tựu khoa học

Thư ký khoa học các đề tài cấp Bộ:
Lý thuyết trường lượng tử, hạt nhân, vũ trụ.
Nghiên cứu lý thuyết các quy luật về cấu trúc vật chất.
Chủ trì, tham gia đề tài cấp Đại học Quốc gia.
Quang học hạt nhân trong môi trường đông đặc, ứng dụng trong vật lý hạt nhân.
Phát triển các phương pháp của lý thuyết chất rắn, trường, hạt nhân trong nghiên cứu cấu trúc và các tính chất vật lý của vật thể.
Sách đã xuất bản:
Cơ học lý thuyết - Nxb Đại học Quốc gia.

Dự định khoa học

Nghiên cứu quang học hạt nhân trong các môi trường đông đặc có các hạt nhân phân cực và ứng dụng vào nghiên cứu cấu trúc tinh thể.
Viết sách và giáo trình.



NGUYỄN ĐỒNG DŨNG

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 01 - 3 - 1952.
Quê quán: Gia Phú - Gia Viễn - Ninh Bình.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học Sư phạm 2 - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng dạy tại khoa Vật lý Trường Đại học Sư phạm 2 Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Bách khoa.
Trưởng khoa Vật lý Trường Đại học Sư phạm 2 Hà Nội.
Hội viên Hội Vật lý Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Ngành Toán lý
Chuyên ngành Vật lý chất rắn

Đề tài luận án

Cấu trúc tế vi và tính chất từ của vật liệu nano tinh thể hệ Febsicunb.

Nội dung

Vật liệu nano tinh thể (Finemet) được phát hiện vào năm 1988 có tính chất từ mềm rất tốt, vượt các loại vật liệu truyền thống.

Luận án đã nghiên cứu cấu trúc vimô và ảnh hưởng của nó lên tính chất từ mềm. Khả năng ứng dụng của loại vật liệu đặc biệt này.

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu:
KC-05-10 Vật liệu từ VĐH.
Giải nhì Vifôtec.
Một số giáo trình giảng dạy Đại học Sư phạm 2 Hà Nội.
Công bố gần 20 bài viết khoa học trên các báo, tạp chí chuyên ngành.

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu vật liệu mới. Để giảng dạy trong chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông.



NGUYỄN TIẾN DŨNG

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 16 - 5 - 1949.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 12 Phùng Khắc Khoan - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Địa lý - Địa chất Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Công tác tại phòng Địa hoá, Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
Học Anh văn tại Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
Học tiếng Balan tại Trường Đại học Tổng hợp Wodz.
Nghiên cứu sinh tại Học viện Mỏ - Luyện kim Cracốp, Ba Lan.
Phó trưởng phòng nghiên cứu Địa hoá, Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
Phó trưởng phòng Chính sách và Pháp chế, Cục Môi trường, Bộ Khoa học, công nghệ và Môi trường.
Nghiên cứu tại khoa Môi trường, Trường Đại học Tổng hợp Indiana - Hoa Kỳ.
Hiện là Trưởng phòng Văn phòng 33 thuộc Ban chỉ đạo quốc gia về khắc phục hậu quả chất độc hoá học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam.
Thành viên Hội Địa hoá học Việt Nam.
Hội Địa chất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981
Tại Học viện Mỏ - Luyện kim Cracốp, Ba Lan.
Ngành Địa chất học
Chuyên ngành Địa hoá - Khoáng vật học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu địa hoá học các thành tạo địa chất thuộc tầng Trias thượng thuộc khu vực SLian - Ba Lan.

Nội dung

Nghiên cứu quy luật phân bố các nguyên tố hoá học trong thành tạo địa chất thuộc tầng Trias thượng phân bố ở khu vực Slian - Ba Lan rút ra những tiền đề tìm kiếm mỏ khoáng sản thuộc các loại nguyên tố nhóm đa kim như: đồng (Cu), chì (Pb), kẽm (Zn)... Luận án được đánh giá cao trước hội đồng khoa học của Học viện Mỏ - Luyện kim Cracốp, Ba Lan.

Thành tựu khoa học

Các công trình khoa học đã công bố:
Đặc điểm địa hoá các đá macma miền Bắc Việt Nam.
Bản đồ địa hoá các thành tạo địa chất Việt Nam tỷ lệ 1/1.000.000.
Đặc điểm địa hoá các đá măcma miền Bắc Việt Nam.
Bản đồ địa hoá các thành tạo địa chất tờ Bình Gia - Lạng Sơn tỷ lệ 1/200.000.
Bản đồ địa hoá các thành tạo địa chất tờ Bình Liêu - Ba Chẽ, Quảng Ninh tỷ lệ 1/200.000.
Đặc điểm địa hoá các thành tạo địa chất Việt Nam.
Cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Việt Nam.
Báo cáo khoa học tại các Hội nghị quốc tế về quản lý môi trường, công nghệ sạch, luật bảo vệ môi trường... tổ chức ở các nước trên thế giới.
Tham gia giảng dạy tại một số trường đại học trong nước và thuyết trình tại Trường Đại học Tổng hợp Indiana - Hoa Kỳ về luật và chính sách bảo vệ môi trường của Việt Nam.
Huy chương Vì sự nghiệp địa chất Việt Nam.
Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Viết sách, giảng dạy về Môi trường, Luật Môi trường của Việt Nam.
Nghiên cứu khắc phục hậu quả chất độc hoá học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam.



NGUYỄN TRÍ DŨNG

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 28 - 2 - 1955.

Quê quán: Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: 33 Nguyễn Trung Ngạn - Quận 1 - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng viên bộ môn Mô Phôi di truyền, khoa Y - Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.

Uỷ viên Ban chấp hành Hội Hình thái học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000.

Tại Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh. Chuyên ngành Hình thái học

Đề tài luận án

Nghiên cứu cấu trúc hình thái nhau thai đủ tháng.

Nội dung

Nghiên cứu trên 300 bánh nhau sau sinh tại khoa Sinh và khoa Siêu âm Bệnh viện Hùng Vương thành phố Hồ Chí Minh từ 6/1995 - 12/1997 kết quả:

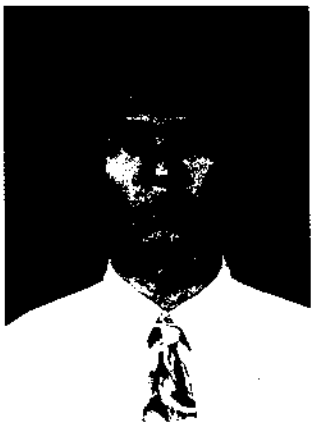
Khảo sát nhau tươi cho màu sắc và hình dạng trung thực. Màu sắc, mùi vị bánh nhau phản ánh tình trạng nhiễm trùng, kích thước dây rốn, màng bánh nhau... liên quan tình trạng dinh dưỡng bào thai, 1 động mạch rốn có liên quan thai dị dạng. Chỉ số trọng lượng nhau < 1:6. lắng đọng canxi ở bánh nhau là 100%, không phải bệnh lý, tăng theo tuổi thai, không tăng khi thai già tháng. Khảo sát vi thể với lấy mẫu sớm, cố định formalin 10%, nhuộm H&E. Hàng rào nhau càng mỏng dần, lớp lá nuôi tế bào không liên tục và mao mạch máu gai nhau đến kết hợp với lá nuôi hợp bào thành 1 lớp tạo điều kiện trao đổi mẹ - con. Tế bào Langhans không tạo lớp liên tục, tế bào Hofbauer có cấu tạo giống đại thực bào. Hình dạng bánh nhau ổn định ở cuối thai kỳ, giai đoạn nhạy cảm sinh dị tật của các cơ quan có ở đầu thai kỳ lúc bánh nhau chưa ổn định hình dạng.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu bảo quản giác mạc (đề tài cấp Bộ).

Dự định khoa học

Sẽ xuất bản:
Phôi thai học người.
Nghiên cứu về bảo quản giác mạc tiến tới xây dựng ngân hàng mắt trong tương lai.



NGUYỄN VIỆT DŨNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 1 - 11 - 1965.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 20 Trường Sơn - Quận 10 - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học và nghiên cứu sinh Trường Đại học Năng lượng Matxcơva Cộng hòa liên bang Nga.
Giám đốc Trung tâm tin học bưu điện thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Giám đốc công ty Tin học bưu điện thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Trường Đại học Năng lượng Matxcơva CHLB Nga.
Chuyên ngành Điều khiển trong các hệ thống kỹ thuật.

Đề tài luận án

Mô hình hoá các hệ thống động và phi tuyến theo dữ liệu thực nghiệm kiểu đoạn.

Nội dung

Để điều khiển tối ưu các hệ thống, người ta cần biết các mô hình toán học của chúng. Xây dựng các mô hình này là mục tiêu của bài toán nhận dạng. Phương pháp nhận dạng truyền thống thường dựa vào các phương pháp thống kê với giả thiết nhiễu của hệ thống là ngẫu nhiên và vô hạn. Tuy nhiên thực tế các dữ liệu thực nghiệm để xây dựng mô hình toán học của các hệ thống này thường có tính chất kiểu đoạn. Dữ liệu kiểu đoạn là dữ liệu đầu vào hoặc đầu ra của hệ thống mà giá trị đo được của chúng có tính chất ngẫu nhiên hoặc không ngẫu nhiên nhưng bị chặn trong một giới hạn nhất định. Trong trường hợp này sử dụng các phương pháp cổ điển là không phù hợp, do đó cần nghiên cứu và xây dựng các phương pháp kiểu đoạn (interval methods). Phương pháp này dựa trên dữ liệu đầu ra và đầu vào của hệ thống là những con số kiểu đoạn [a, b] để xây dựng mô hình toán học của hệ thống (hàm số). Các tham số của mô hình là một tập hợp giới hạn trong không gian n chiều và dự báo chính xác giá trị của hàm số này nằm trong một miền nhất định biết trước. Đề tài đã xây dựng các phương pháp, giải thuật và phần mềm để mô hình hoá các hệ thống có cấu trúc hàm số với tham số tuyến tính, có cấu trúc Hammerstein hoặc Wiener.

Thành tựu khoa học

Những công trình nghiên cứu đã công bố ở Nga:
Xây dựng các phương pháp mô hình hoá, công nghệ hoá học phức tạp có độ bất định cao (đồng tác giả).
Các ứng dụng thực tiễn của phân tích dữ liệu thực nghiệm kiểu đoạn để mô hình hoá các công nghệ hoá học (đồng tác giả).
Hướng tiếp cận để mô hình hoá các hệ thống động và phi tuyến dựa trên dữ liệu thực nghiệm kiểu đoạn.
Nhận dạng các hệ thống động và phi tuyến dựa trên dữ liệu thực nghiệm kiểu đoạn.
Nhận dạng các hệ thống động và phi tuyến có cấu trúc Hammerstein bằng dữ liệu thực nghiệm kiểu đoạn.
Nhận dạng các hệ thống động và phi tuyến có cấu trúc Wiener bằng dữ liệu thực nghiệm kiểu đoạn.
"Identification of non-linear dynamic objects using interval experimental data" journal "Interval computations".
Đề tài ứng dụng ở bưu điện thành phố Hồ Chí Minh:
Xây dựng hệ thống thông tin văn thư lưu trữ.
Xây dựng hệ thống thông tin 108 theo công nghệ Web.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong các bài toán quản lý và thương mại điện tử.



PHẠM TIẾN DŨNG

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 3 - 5 - 1953.
Quê quán: Thiện Phiến - Tiên Lữ - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay:

Tập thể Đại học Nông nghiệp I - Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

Cán bộ giảng dạy Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

Hiện là giảng viên chính bộ môn Sinh thái môi trường, khoa Nông học.

Cán bộ Trung tâm Sinh thái nông nghiệp - Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994

Tại Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Chuyên ngành Trồng trọt.

Đề tài luận án

Vận dụng lý thuyết hệ thống để phân tích các hệ thống nông nghiệp hộ nông dân vùng đồng bằng sông Hồng.

Nội dung

So sánh các phương pháp phân loại thống kê đa mục tiêu để phân loại các hệ thống nông nghiệp hộ nông dân. Kết luận: Phương pháp phân loại trung tâm động bằng chương trình CSTAT trên máy tính điện tử cho kết quả tốt.

Tác giả phát hiện ra mối quan hệ chặt chẽ giữa ba nhóm biến (mục tiêu - nguồn lực - cấu trúc) của các hệ thống nông nghiệp hộ trong quá trình phân loại và xác định các hệ thống ở các lớp phân loại khác nhau có cấu trúc hoạt động, mục tiêu hạn chế khác nhau trong hoạt động sản xuất của nông dân.

Từ các hạn chế khác nhau, có chiến lược tác động khác nhau giúp hộ nông dân sản xuất hiệu quả.

Dự định khoa học

Phân tích các kiểu hệ thống nông nghiệp ở nhiều vùng sinh thái khác nhau nhằm tìm các hạn chế, để tác động giúp nhân dân phát triển sản xuất.

Lời Tiến sĩ

Cần tạo điều kiện để các nhà khoa học yên tâm làm khoa học, không phải bươn trải làm những việc ngoài chuyên môn, vì cuộc sống gia đình.
Nghiên cứu khoa học phải thiết thực.



TRẦN MẠNH DŨNG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 27 - 06 - 1958.
Quê quán: Hạ Hoà - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay:

Phường Quang Trung - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ phòng Giáo dục - Đào tạo Phú Thọ.

Học viên Trường Đại học Tuyên giáo.

Cán bộ giảng dạy Học viện Ngân hàng Hà Nội.

Nghiên cứu sinh tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Hiện là Phó chủ nhiệm bộ môn Học viện Ngân hàng

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm1999

Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Kinh tế chính trị.

Đề tài luận án

Sự hình thành và phát triển thị trường vốn ở Việt Nam hiện nay.

Nội dung

Luận án khái quát quy luật hình thành và phát triển của thị trường vốn nhằm xây dựng những luận cứ khoa học cho sự tác động quản lý và điều tiết của Nhà nước đối với loại hình thị trường này. Nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài và khảo sát thực tiễn trong nước. Luận án đưa ra hệ quan điểm định hướng cho sự hình thành, phát triển của thị trường vốn và đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện điều kiện, tạo tiền đề thiết lập thị trường chứng khoán nói riêng và góp phần thúc đẩy sự ra đời, phát triển của thị trường vốn nói chung đáp ứng nhu cầu về vốn ngày càng tăng của nền kinh tế nước ta.

Thành tựu khoa học

Chủ trì nhiều đề tài nghiên cứu cấp Học viện.
Công bố gần 20 bài báo khoa học trên các tạp chí.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phát triển đề tài luận án tiến sĩ.
Viết sách kinh tế học.



VÕ DŨNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 01 - 01 - 1952.

Quê quán: Đức Chánh - Mộ Đức - Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: 6H Tô Hiến Thành - Quận 10 - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ kỹ thuật khu cầu đường Sài Gòn.

Phó phòng Điều độ, Phó phòng Kế toán thống kê, Phó phòng Kế hoạch, Phó phòng Vật tư, Đội trưởng thi công cầu đường, Chỉ huy trưởng xí nghiệp khai thác đá, Trưởng phòng Kỹ thuật, Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Cầu đường nội thành thành phố Hồ Chí Minh.

Phó giám đốc Xí nghiệp công trình giao thông số 1 thành phố Hồ Chí Minh. Phó giám đốc Khu quản lý công trình giao thông công chánh thành phố Hồ Chí Minh.

Giám đốc Sở Giao thông công chánh thành phố Hồ Chí Minh.

Hội viên Liên hiệp hội khoa học kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm1998.
Tại Trường Đại học Kỹ thuật, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyên ngành Cơ học đất, cơ học nền móng, công trình ngầm.

Đề tài luận án

Nghiên cứu ổn định và biến dạng của đường trên đất yếu.

Nội dung

Nghiên cứu nền đường và nền đất các công trình giao thông trong điều kiện nền đất yếu.
Những kết quả mới của luận án:

Thiết lập các phương trình cơ bản để xác định vùng hoạt động dưới nền đường gồm vùng hoạt động cố kết, vùng dẻo, vùng biến dạng từ biến do ứng xuất cắt, ứng suất pháp, quan hệ giữa các vùng hoạt động từ biến và cố kết trong đất nền.

Xác định độ lún ổn định, độ lún cố kết và độ lún từ biến theo thời gian có xét đến độ bền kết cấu của đất nền.

Công thức tính điều kiện ổn định, hệ số ổn định và vùng giới hạn dẻo dưới nền đường.

Công thức tìm chiều cao mao dẫn của nước trong đất có xét đến ảnh hưởng độ rỗng của đất và gradient thuỷ lực ban đầu.

Công thức tính toán ứng suất phân bố trong nền đường và nền đất theo các dạng lực tác động hình băng.

Thiết lập các bảng tính sẵn cho các công thức tính ứng suất theo cùng toạ độ để tiện lợi cho việc sử dụng.
Các thí dụ ứng dụng tính toán các công trình thực tế.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các biện pháp hữu hiệu để xây dựng công trình trên nền đất yếu.
Nghiên cứu bản chất việc xói lở và biến dạng của các bờ sông bờ dốc và biện pháp ngăn ngừa.
Nghiên cứu bản chất của việc gia cố cừ tràm trong đất nền.
Nghiên cứu biến dạng ngang của đất nền.



VŨ VĂN DŨNG

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 22 - 12 - 1952.
Quê quán: Thiệu Toán - Thiệu Hoá - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 22A ngõ 190 Lê Lai - Hải Phòng.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Nghiên cứu nuôi trồng Thuỷ sản.

Chuyên gia tại Cu-Ba

Phó giám đốc, Giám đốc Trạm Nghiên cứu Thuỷ sản nước lợ, Viện Nghiên cứu Hải sản.

Trạm trưởng Trạm Nghiên cứu nuôi trồng Thuỷ sản nước lợ, Viện Nghiên cứu nuôi trồng Thuỷ sản 1.

Thành viên Hội Khoa học kỹ thuật biển Hải Phòng, Hội Nghề cá Hải Phòng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.

Tại Viện Nghiên cứu Hải sản.

Chuyên ngành Thuỷ sinh vật học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu đặc điểm sinh học của một số loài rong tạp và biện pháp phòng trừ nhằm nâng cao năng suất chất lượng rong câu trong đầm nước lợ.

Nội dung

Nghiên cứu đặc điểm sinh học của một số loài rong tạp (E.flexuosa, P. sertularioides, Ch.linum & C.crispula) và rong câu chỉ vàng (G.verrucosa) đặc điểm phân bố, sinh trưởng, sinh sản và ảnh hưởng của yếu tố sinh thái, phân bón đến quá trình sinh trưởng, phát triển của chúng. Xây dựng được biện pháp kỹ thuật tổng hợp phòng trừ rong tạp, lưu giữ giống qua mùa mưa lũ và tiến hành thử nghiệm ở quy mô sản xuất cho kết quả tốt, góp phần hoàn thiện quy trình trồng rong câu chỉ vàng có năng suất cao ở đầm nước lợ.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:

Phân lập và nuôi sinh khối một số loài khuê tảo, lục tảo (Skeletonema, Chaetoceros và Chlorella sp...) làm thức ăn cho ấu trùng tôm, cá.

Di nhập và nuôi Artemia salina thu trứng bào xác, sinh khối ở ruộng muối.

Biện pháp phòng trừ rong tạp, lưu giữ giống rong câu trong mùa mưa lũ và công nghệ trồng rong câu đạt năng suất cao trong ao, đầm nước lợ.

Hoàn thiện quy trình công nghệ nuôi và giữ giống một số loại động thực vật phù du làm thức ăn cho tôm cá ở giai đoạn đầu.

Xây dựng quy trình nuôi tôm sú trong hệ thống ít thay nước phù hợp với sinh thái vùng triều miền Bắc.

Áp dụng quy trình nuôi tôm sú trong hệ kín có hiệu quả kinh tế phù hợp với điều kiện sinh thái miền Bắc, Việt Nam.

Thành viên nhiều đề tài, dự án sản xuất giống tôm he, nghiên cứu bệnh tôm và các biện pháp phòng trị.

Huy chương vàng Hội chợ triển lãm 1987 về công trình: Sản xuất trứng Artemia ở ruộng muối.

Giải thưởng Nhà nước năm 2000 về cụm công trình Nghiên cứu xây dựng công nghệ sản xuất giống một số loài tôm biển.

Dự định khoa học

Nghiên cứu công nghệ quản lý môi trường, bệnh nhằm phát triển nuôi trồng thuỷ sản.



HÀ THỊ DỤNG

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 10 - 10 - 1940.
Mất: Tháng 1 - 2001.
Quê quán: Phổ Hoà - Đức Phổ - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay của gia đình:
57 Ngọc Khánh - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện quy hoạch thiết kế rừng, Cục trồng rừng.
Thực tập sinh và nghiên cứu sinh tại Viện Komarôp - Lêningrat Liên Xô cũ.
Cán bộ công ty đặc sản Lâm nghiệp - Tổng cục Lâm nghiệp.
Cán bộ Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972.
Tại Viện Thực vật Kômarôp Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Thực vật học

Đề tài luận án

Tông Aralieae (Ngũ gia bì) ở khu hệ thực vật miền Bắc Việt Nam.

Nội dung

Đã xác định 18 loài thuộc tông Aralieae trong hệ thực vật Việt Nam so với 7 loài được biết đến trước đây. Trong số đó xác định và mô tả 2 loài thuộc chi Pentapanax (một loài chỉ ra lần đầu: P. verticillatus Dunn) và 12 loài, 4 thứ của chi Aralia (gồm 3 loài và 4 thứ mới cho khoa học còn 4 loài được chỉ ra lần đầu ở miền Bắc Việt Nam). Trong thành phần chi Aralia lần đầu tiên phát hiện ra các loài thuộc dạng dây leo.
So sánh giải phẫu lá đã khẳng định sự đúng đắn của việc diễn giải các đơn vị phân loại trên việc phân tích so sánh hình thái bên ngoài. Khẳng định sự gần gũi, sự khác biệt về mặt giải phẫu giữa các chi Aralia và Pentapanax.
Phân tích thành phần tông Aralieae tạo cơ sở cho việc kiểm tra, so sánh dược học. Đề xuất những nhóm có triển vọng về y tế có tác dụng tăng trọng lực và kích thích trong nguồn nguyên liệu mới của hệ thực vật miền Bắc Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài đã nghiên cứu:
Pentapanax verticillatus - một loài mới phát hiện ở miền Bắc Việt Nam.
Bước đầu nghiên cứu một số cây thuốc ở Việt Nam để phòng và chữa bệnh cho cá in trong *Tuyển tập các công trình nghiên cứu sinh thái và tài nguyên sinh vật* - Nxb Khoa học kỹ thuật.
Huy chương kháng chiến hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học.



ĐẶNG TRẦN DUY

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 10 - 6 - 1941.
Quê quán: Vũ Điện - Chân Lý - Lý Nhân - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 309 - A1 tập thể Khí tượng - Láng Thượng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ dự báo thời tiết Nha khí tượng.
Dự báo thời tiết bảo đảm bay tại Quân chủng phòng không không quân.
Thiếu tá quân đội nhân dân Việt Nam.
Hiện là cán bộ Tổng cục Khí tượng Thuỷ văn.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Viện Khí tượng Thuỷ văn.
Ngành Địa lý - Địa chất.
Chuyên ngành Dự báo thời tiết.

Đề tài luận án

Phương pháp thống kê Synop dự báo hạn ngắn sương mù vùng biển Tây Bắc vịnh Bắc bộ.

Nội dung

Sương mù biển là hiện tượng thời tiết nguy hiểm đối với các hoạt động trên biển.
Luận án đã đưa ra quy trình công nghệ dự báo và sự xuất hiện tiêu tan sương mù trong 24 giờ, phục vụ du lịch, giao thông vận tải, khai thác hải sản và an ninh quốc phòng ở vùng biển Tây Bắc vịnh Bắc bộ.

Thành tựu khoa học

Những nghiên cứu khoa học đã công bố:

Phân tích xu thế biến đổi của nhiệt độ không khí thời kỳ 1986 - 1995, cảnh báo xu thế biến đổi của các hình thái thời tiết nguy hiểm trong vài ba năm tới (*Các công trình nghiên cứu khoa học* - tập 1 Viện Khí tượng Thuỷ văn).

Bão và áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng đến Việt Nam thời kỳ 1956 - 1995.

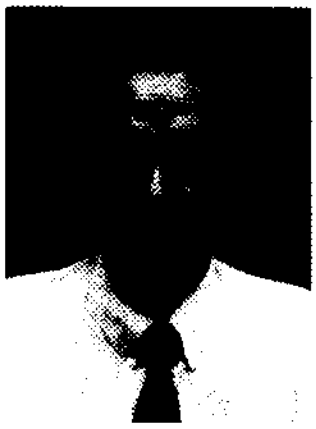
Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng vụ đông xuân của Hà Nội theo các chỉ số El Nino.

Thứ tự các chỉ số El nino trong mối quan hệ với lượng mưa các tháng mùa mưa của Hà Nội và Đà Nẵng.

Một số nghiên cứu khoa học công bố trên các tạp chí nước ngoài.

Viết chung một số sách chuyên ngành.

Huân chương kháng chiến hạng ba.
Huân chương chiến sĩ vẻ vang.
Huy chương Vì sự nghiệp khí tượng thuỷ văn.



HUỲNH VĂN DUYÊN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 16 - 2 - 1947.
Quê quán: Thanh Hưng - Cái Bè - Tiền Giang.
Chỗ ở hiện nay: 105 Phạm Ngũ Lão - Quận Gò Vấp - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Khoa Luật Đại học Sài Gòn.
Giảng viên Trường Hành chính Tài chính thành phố Hồ Chí Minh.
Giáo viên Trường Phổ thông trung học Trần Khai Nguyên thành phố Hồ Chí Minh.
Tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị tại Đại học Tự do Bruxelles Bỉ.
Giảng viên Trường Đại học Mở Bán công, Đại học dân lập Văn Lang thành phố Hồ Chí Minh.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học - Southern California - Hoa Kỳ.
Phó Chủ tịch Hội đồng sáng lập Trường Đại học Dân lập Á châu tại Tây Ninh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Trường Đại học Southern California, Hoa Kỳ.
Chuyên ngành Quản trị Kinh doanh.

Đề tài luận án

Quảng cáo ở Việt Nam.

Nội dung

Tầm quan trọng của quảng cáo trong hoạt động kinh doanh.
Thành quả quảng cáo của các đơn vị kinh doanh ở một số nước trên thế giới và Việt Nam.
Luật pháp của Việt Nam liên quan đến quảng cáo.
Đề xuất một phương thức quảng cáo cho các nhà quảng cáo trong và ngoài nước muốn quảng cáo tại Việt Nam.
Đặc điểm văn hoá, phong tục tập quán của cộng đồng 54 dân tộc ở Việt Nam mà các nhà quảng cáo trong và ngoài nước cần quan tâm khi quảng cáo.

Thành tựu khoa học

Giáo trình đã biên soạn:
Pháp luật đại cương
Luật kinh tế nhập môn
Luật trong kinh doanh.
Luật thương mại quốc tế và luật thương mại Việt Nam.
Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương.
Thị trường tài chính và định chế tài chính.
Tài chính quốc tế.
Kinh doanh quốc tế.

Dự định khoa học

Xây dựng trường đại học dân lập ở Tây Ninh và giảng dạy.



PHẠM ĐẮC DUYÊN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 13 - 3 - 1946.
Quê quán: Bình Hoà - Thuận An - Bình Dương.
Chỗ ở hiện nay: 11 Trần Quốc Thảo - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội.
Giảng viên Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô cũ.
Giảng viên, phụ trách phòng Nghiên cứu khoa học, Chủ nhiệm khoa Tài chính Nhà nước Trường Đại học Tài chính - Kế toán thành phố Hồ Chí Minh.
Phó Văn phòng, Phó trưởng Cơ quan đại diện phía Nam của Uỷ ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
Uỷ viên Hội đồng khoa học Bộ Tài chính.
Phó Tổng thư ký Câu lạc bộ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
Phó Tổng biên tập thông tin khu công nghiệp Việt Nam - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1975.
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Ki-ép - Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Tài chính - tín dụng và lưu thông tiền tệ.

Đề tài luận án

Vốn lưu động của các tổ chức xây dựng và lắp máy.

Nội dung

Tổng quan về lý luận vốn lưu động của doanh nghiệp.

Thực trạng quản lý vốn lưu động của các tổ chức xây dựng, lắp máy ở nước Cộng hoà Ucraina.

Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động của các tổ chức xây dựng và lắp máy ở Ucraina, những vận dụng kinh nghiệm của Liên Xô vào thực tiễn Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Biên soạn giáo trình: Cấp phát, cho vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Tham gia đào tạo đại học, sau đại học. Tham gia hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước.

Nhiều bài đăng trên các Tạp chí Tài chính, Thông tin khoa học và các báo.

Sách đã xuất bản:

Thực hiện tự chủ tài chính của xí nghiệp công nghiệp quốc doanh - (đồng tác giả).

Tổ chức và quản lý hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp (đồng tác giả)- Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

Những nội dung kinh tế - tài chính của đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại Việt Nam - Nxb Tài chính.



BÙI THANH DUYẾN

Tiến sĩ Quân sự

Sinh ngày: 15 - 01 - 1940.
Quê quán: Đức La - Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 99T/ Mai Xuân Thưởng - Nha Trang.

Quá trình công tác

Học viên sỹ quan Trường Sỹ quan Lục quân.
Học viên Trường Sỹ quan chỉ huy kỹ thuật thông tin.
Cán bộ giảng dạy Trường Sỹ quan chỉ huy kỹ thuật - thông tin.
Trợ lý thông tin sư đoàn 320.
Giảng viên Trường Sỹ quan chỉ huy kỹ thuật - thông tin (đại uý).
Học viên Học viện quân sự Hungari (Zrinh).
Chủ nhiệm bộ môn, Tiểu đoàn trưởng, Phó phòng Hành chính - Trường Sỹ quan chỉ huy kỹ thuật thông tin.
Phó hiệu trưởng Trường Sỹ quan chỉ huy kỹ thuật thông tin (đại tá).
Học viên Học viện Thông tin Liên Xô.
Đại tá, hiệu trưởng Trường Sỹ quan chỉ huy kỹ thuật thông tin.
Nghiên cứu sinh Học viện Lục quân Đà Lạt.
Ủy Viên Hội đồng khoa học công nghệ binh chủng thông tin.
Chủ tịch Hội đồng khoa học công nghệ Trường Sỹ quan chỉ huy kỹ thuật thông tin.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Học viện Lục quân - Đà Lạt.
Ngành Khoa học quân sự

Đề tài luận án

Tổ chức thông tin liên lạc trong chiến thuật tiến công của sư đoàn bộ binh đánh vào khu vực địch phòng ngự địa hình rừng núi miền Trung - Việt Nam.

Nội dung

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tác chiến - chiến lược trên địa bàn rừng núi các tỉnh miền Trung Việt Nam trong cuộc chiến tranh công nghệ cao nếu xảy ra ở nước ta. Điều đó đặt ra cho thông tin liên lạc (TTLL) những tiêu chí mới, đặc biệt là yêu cầu bảo đảm TTLL để chỉ huy, hiệp đồng tác chiến kịp thời, vững chắc, bí mật, độ tin cậy cao trong quá trình chiến đấu của sư đoàn bộ binh.
Luận án đã giải quyết những vấn đề khoa học về tổ chức hệ thống thông tin liên lạc (HTTTLL) của sư đoàn bộ binh tiến công vào khu vực địch phòng ngự trong dự báo chiến tranh tương lai nếu xảy ra.
Luận án đưa ra những luận cứ khoa học bảo đảm tính lý luận, thực tiễn của việc thiết lập hệ thống thông tin liên lạc cấp binh đoàn chiến thuật trong tiến công, đề xuất các tiêu chí của hệ thống. Đưa ra được mô hình thiết kế hệ thống thông tin liên lạc của sư đoàn bộ binh tiến công bảo đảm tính khả thi.

Thành tựu khoa học

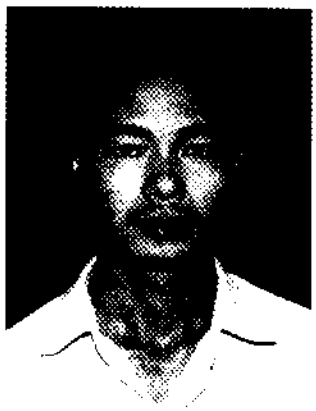
Đề tài nghiên cứu:
Tổ chức hệ thống thông tin liên lạc khu vực phòng thủ huyện đảo ven biển Việt Nam.
Vấn đề và giải pháp phòng chống tác chiến điện tử của đối phương trong thông tin liên lạc.
Giáo trình:
Thông tin liên lạc chiến thuật tiến công trung đoàn, tiểu đoàn bộ binh.
Chương trình đào tạo sỹ quan chỉ huy kỹ thuật thông tin (ngành điện tử viễn thông quân sự hệ đại học).

Dự định khoa học

Nghiên cứu nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo lớp trí thức trẻ.
Góp phần đổi mới mạng viễn thông quân sự.

Lời Tiến sĩ

Tổ quốc chỉ phát sáng cùng với sự phát sáng của tri thức, nhưng tri thức chỉ có ý nghĩa khi nó phục vụ đất nước, phục vụ con người. Vì vậy những người làm công tác khoa học phải đặt tình yêu tổ quốc lên trên hết, đồng thời phải lấy hiệu quả nghiên cứu làm mục tiêu cao nhất.



NGUYỄN HỒNG DƯ

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 10 - 11 - 1958.

Quê quán: Thái Phúc - Thái Thuỵ - Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: 235/81 Nam Kỳ khởi nghĩa - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giáo viên Học viện Kỹ thuật quân sự

Cán bộ nghiên cứu Trung tâm nhiệt đới Việt Nga

Trưởng phòng nghiên cứu Độ bền nhiệt đới - chi nhánh phía Nam - Trung tâm nhiệt đới Việt Nga.

Hiện là thư ký khoa học chi nhánh phía Nam - Trung tâm nhiệt đới Việt Nga.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.

Tại Trường Đại học Đường ô-tô Kharcôp/Liên Xô.

Chuyên ngành Vật liệu học trong chế tạo máy.

Đề tài luận án

Gang độ bền cao (gang có graphit hình cầu) như là vật liệu chế tạo bơm nước.

Nội dung

Nghiên cứu cơ học quá trình phá huỷ của vật liệu dưới tác động va vập của các phần tử rắn, trên cơ sở thuyết năng lượng. Nghiên cứu tính chất sử dụng và tính công nghệ của gang cầu như là vật liệu chế tạo các chi tiết của bơm nước, làm việc trong điều kiện ăn mòn hydro - abrasive và cavitation.

Đề xuất thành phần, các biện pháp công nghệ (biến tính tại khuôn, vi hợp kim hoá, nhiệt luyện) để nâng cao độ bền vật liệu, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm.

Thành tựu khoa học

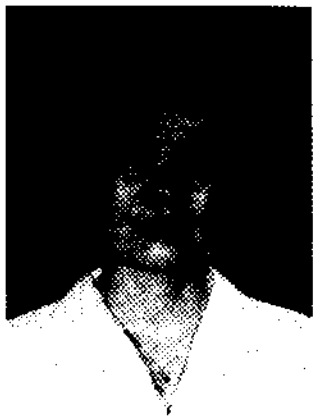
Nghiên cứu thử nghiệm và chế tạo vật liệu bảo vệ chống ăn mòn lão hoá và phá huỷ sinh học trong điều kiện Việt Nam.

Ứng dụng công nghệ bảo vệ cathode chống ăn mòn các kết cấu thép trong môi trường nước nhiễm mặn.

Anode hoá và nhuộm màu điện hoá nhôm và hợp kim nhôm.

Dự định khoa học

Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực vật liệu và phương tiện bảo vệ phù hợp với điều kiện nhiệt đới Việt Nam.



NGUYỄN THỊ DƯ

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 27-12-1947
Quê quán: Khánh Cường - Yên Khánh - Ninh Bình.
Chỗ ở hiện nay: 2B Đặng Thái Thân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Nghiên cứu viên phòng Hoá lý, Viện Hoá học công nghiệp, Tổng cục Hoá chất.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Hoá công nghệ Praha (Tiệp Khắc cũ).
Nghiên cứu viên chính, Trung tâm xúc tác hữu cơ - Viện Hoá học công nghiệp - Bộ Công nghiệp.
Phó trưởng Ban Nữ công Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
Hiện là chuyên viên cao cấp Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987
Tại Trường Đại học Công nghệ Praha (Tiệp Khắc cũ)
Ngành Hoá học
Chuyên ngành Công nghệ hữu cơ.

Đề tài luận án

Tính axit của hệ xúc tác Pd - H.

Nội dung

Đề tài đã sử dụng 16 loại xúc tác Paladi khác nhau như than hoạt tính, than chì, bồ hóng, Silicagel, $BaSO_4$, $CaCO_3$... với hàm lượng các hoạt chất khác nhau (3, 5, 10 và 100% trọng lượng) và được chuẩn bị bằng các phương pháp khác nhau.
Để định hướng hydro hấp thụ và hấp thụ trong pha khí trên xúc tác Paladi, luận án đã sử dụng thành công phương pháp chuẩn điện thế với chất chuẩn là dung dịch 0,05 $NCe(SO_4)_2$ trong dung dịch 1M H_2SO_4.
Loại xúc tác trên đã được sử dụng để đo động học các phản ứng hydro hoá Cyklohexen trong CH_3OH ở 20°C và áp suất khí quyển; hydro hoá 1 - fenyl - 2 butan - 1 olu và 1-fenyl - 1,3 propandiol trong n - Butanol ở 100°C và hydrogenolyza styrenoxil trong CH_3OH.
Các phản ứng trên đã khẳng định được hệ xúc tác Pd-H được sử dụng trong một số các phản ứng hydro hoá đã được mô hình hoá có tính chất như một xúc tác axit.

Thành tựu khoa học

Tham gia, chủ trì một số đề tài nghiên cứu
Hydro hoá CO_2 trên một số hệ xúc tác Oxýt kim loại chuyển tiếp trên chất mang.
Khảo sát sự biến đổi thành phần và cấu trúc bề mặt của một số loại xúc tác tổng hợp NH_3 sau quá trình sử dụng tại nhà máy sản xuất phân đạm Hà Bắc.
Xúc tác cho quá trình Dehydro hoá rượu etylic.
Nghiên cứu chế tạo và sử dụng Zeolite A.
Nghiên cứu sản xuất axit exetic từ cồn công nghiệp.
Nghiên cứu xúc tác tổng hợp H_2O_2.
Nghiên cứu đề xuất những chế độ chính sách đối với nữ CNVC, lao động thiếu vắng chồng ở một số ngành nghề điển hình (cấp Bộ).
Hiện trạng đời sống của lao động nữ ngành xây dựng ra khỏi dây chuyền sản xuất (cấp Bộ).
Nâng cao nhận thức về môi trường và bảo vệ môi trường sống, môi trường làm việc cho cán bộ nữ công tác LĐLĐ tỉnh, thành phố, công đoàn ngành Trung ương (cấp Bộ).
Thực trạng trình độ văn hoá chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ nữ công đoàn Việt Nam. Đề xuất một số giải pháp để nâng cao trình độ cán bộ nữ công (cấp Bộ).
Thực trạng lao động nữ khu vực ngoài quốc doanh trên địa bàn Hà Nội.
Hoạt động nữ công khu vực ngoài quốc doanh.
Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho lao động nữ tại các doanh nghiệp công nghiệp.
Khảo sát điều kiện lao động, đề xuất cơ sở khoa học và các giải pháp phòng chống tác hại nghề nghiệp, bảo vệ sức khoẻ cho nữ CNVC, LĐ trong thời kỳ đầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước (cấp Nhà nước).

Dự định khoa học

Giảng dạy chuyên ngành.



NGUYỄN HỮU DỰC

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 24 - 8 - 1942.
Quê quán: Hà Lai - Hà Trung - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: Số 14 Ngõ 65/35 - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Học đại học tại Rumani.
Giảng dạy tại khoa Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội.
Phó Chủ nhiệm bộ môn Động vật học.
Phó Chủ nhiệm khoa Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp.
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Thành viên Hội Động vật học.
Hội Sinh thái học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Động vật học.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu khu hệ cá nước ngọt Trung và Nam Trung Bộ, Việt Nam.

Nội dung

Luận án đã thống kê, mô tả thành phần loài cá ở các lưu vực sông Thu Bồn, Trà Khúc, Côn, Ba, Cái. Phân tích đặc điểm phân bố, tính chất địa động vật của khu hệ và nêu lên vai trò của khu hệ cá đối với kinh tế địa phương và môi trường.

Thành tựu khoa học

Hoàn thành các đề tài cấp Bộ và cấp Nhà nước:
Nghiên cứu khu hệ cá nước ngọt Trung và Nam Trung Bộ.
Khu hệ cá sông Mã.
Khu hệ cá sông Đà.
Khu hệ cá sông Hương.
Tham gia hợp tác quốc tế (phụ trách phần cá nước ngọt) cùng tổ chức động thực vật thế giới (FFI) điều tra đa dạng sinh học các khu dự trữ thiên nhiên Pù Mát (Việt Nam) và quỹ bảo vệ sinh vật hoang dã (W.W.F), điều tra đa dạng sinh học khu dự trữ thiên nhiên Hin Mamno (Lào). Cả 2 công trình đã xuất bản.
Tham gia dự án điều tra tồn lưu của dioxin do chất độc hoá học dùng trong chiến tranh cùng các chuyên gia Canada tại vùng A Lưới (Thừa Thiên - Huế).
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Nguồn lợi thuỷ sản Việt Nam.
Động vật chí Việt Nam (phần cá nước ngọt) tập I.
Hướng dẫn thực tập động vật có xương sống.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Tham gia điều tra đa dạng sinh học, bảo tồn thiên nhiên.
Điều tra, quan trắc về môi trường.



ĐỖ HOÀI DƯƠNG

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 9 - 11 - 1945.
Quê quán: Thuỵ Sơn - Thái Thụy - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: P1-A17 Tập thể Khí tượng - Láng Thượng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Vật Lý Đại học Tổng hợp Lômônôxôp - Matxcơva - Liên Xô cũ.
Công tác tại Viện Khí tượng Thuỷ văn.
Nghiên cứu sinh Đại học Tổng hợp Lômônôxôp.
Cán bộ Trung tâm Quản lý kiểm soát môi trường không khí và nước - Tổng cục Khí tượng Thuỷ văn.
Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý kiểm soát môi trường không khí và nước - Tổng cục Khí tượng Thuỷ văn.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986
Tại Đại học Tổng hợp Lômônôxôp, Matxcơva.
Ngành Toán Lý.

Đề tài luận án

Mô phỏng toán học các chuyển động đối lưu trong chất lỏng được đốt nóng từ biên phía dưới.

Nội dung

Nghiên cứu các chuyển động trong chất lỏng được đốt nóng ở biên phía dưới bằng mô hình toán học. Xác định cơ chế tự dao động của hệ trong chất lỏng đối lưu.

Thành tựu khoa học

Chủ nghiệm một số đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp ngành.
Nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí.

Lời Tiến sĩ

Mong các nhà khoa học được cống hiến hết mình cho đất nước và sống bằng chính sức lao động, nghề nghiệp của mình.



LÊ VĂN DƯƠNG

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 27 - 7 - 1952.
Quê quán: Xuân Thọ - Triệu Sơn - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay:
18 ngõ 218 đường Láng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Đông Nam Á - Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam.
Phó trưởng phòng Nghiên cứu chính sách của các cường quốc Châu Á - Thái Bình Dương, Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương - Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.
Trưởng phòng Thông tin khoa học, Viện nghiên cứu Tôn giáo thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.
Giảng viên khoa Lý luận cơ sở, Học viện Hành chính Quốc gia.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Viện nghiên cứu Quốc tế - Viện Hàn lâm Khoa học Mông Cổ.
Ngành Khoa học Lịch sử.
Chuyên ngành Lịch sử quan hệ quốc tế.

Đề tài luận án

Quan hệ Việt Nam - Mông Cổ thời kỳ 1954-1990.

Nội dung

Quá trình hình thành, phát triển quan hệ Việt Nam - Mông Cổ, một trong những mối quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, trong thời kỳ chiến tranh lạnh. Những thuận lợi, khó khăn, những bài học thành công và chưa thành công, những dự báo về hướng phát triển quan hệ hai nước trong điều kiện đổi mới.

Thành tựu khoa học

Nhiều bài nghiên cứu, báo cáo khoa học đã công bố trong và ngoài nước.
Một số đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu:
Chính sách của các cường quốc ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (cấp Nhà nước).
C.Mác, Ph. Ăngghen về tôn giáo (cấp Bộ).
Quản lý nhà nước về tôn giáo (cấp Bộ).
Sách đã xuất bản:
C. Mác, Ph.Ăngghen về vấn đề tôn giáo. Nxb Khoa học xã hội.
Quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo trong điều kiện xây dựng nhà nước dân chủ, pháp quyền Việt Nam hiện nay- Nxb Công an nhân dân.

Dự định khoa học

Tham gia đào tạo đại học, sau đại học.
Biên soạn giáo trình đại học.
Nghiên cứu khoa học.



NGÔ QUANG DƯƠNG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 22 - 2 - 1956.
Quê quán: Tân Phúc - Ân Thi - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 32/44 Lê Lai - Ngô Quyền - Hải Phòng.

Quá trình công tác

Giảng viên bộ môn Giải phẫu bệnh cơ sở II Trường Đại học Y Hà Nội.
Học chuyên khoa cấp I chuyên ngành giải phẫu bệnh tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Giảng viên bộ môn Giải phẫu bệnh Đại học Y Hải Phòng.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Y Hà Nội.
Giảng viên bộ môn Giải phẫu bệnh y pháp Trường Đại học Y Hải Phòng.
Giảng viên chính Trưởng bộ môn Giải phẫu bệnh y pháp Trường Đại học Y Hải Phòng.
Thành viên Hội Giải phẫu bệnh Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Giải phẫu bệnh

Đề tài luận án

Nghiên cứu giá trị một số phương pháp hình thái học chẩn đoán ung thư dạ dày.

Nội dung

Chẩn đoán ung thư dạ dày có nhiều phương pháp khác nhau:
Lâm sàng, X quang, tế bào học và nội soi... 91 bệnh nhân được làm đầy đủ các phương pháp chẩn đoán, sau đó mổ cắt dạ dày. Tác giả nhận thấy nội soi chẩn đoán đúng 69,9%, sinh thiết 70,6%. Trong các phương pháp tế bào học áp đạt kết quả 92,94%, phương pháp chải tế bào 84,1%. Qua đó muốn chẩn đoán đúng ung thư dạ dày cần kết hợp nhiều phương pháp: nội soi, sinh thiết và tế bào học chải đạt 97,1%. Luận án đóng góp hình thái học của ung thư dạ dày ở Việt Nam: thể loét chiếm 78,2% và 96,4% là ung thư biến mô trong đó ung thư biến mô tuyến 78,2%. Trong ung thư dạ dạy 100% có viêm kèm theo và 61,8% có dị sản ruột.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài đã công bố:
Tình hình viêm nội tâm mạc do vi khuẩn tại bệnh viện Bạch Mai trong 10 năm (1973 - 1983).
Giá trị của sinh thiết nội soi trong chẩn đoán bệnh lý dạ dày.
Góp phần tìm hiểu giá trị của phương pháp tế bào áp trực tiếp (contract smear cytology) sinh thiết nội doi trong chẩn đoán ung thư dạ dày.
Một vài nhận xét bệnh ung thư dạ dày qua sinh thiết phẫu thuật.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ung thư - tập trung vào ung thư dạ dày bằng phương pháp miễn dịch, để đạt được độ đặc hiệu cao, rẻ tiền, dễ áp dụng.



221 NGUYỄN CAO DƯƠNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 01 - 10 - 1948.

Quê quán: Việt Hùng - Đông Anh - Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: P203-B2 - Tập thể Ngọc Khánh - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Giao thông đường thuỷ Hải Phòng.

Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Bách khoa Krakôp - Ba Lan.

Cán bộ giảng dạy, Tổ trưởng bộ môn Sức bền vật liệu - Trường Đại học Hàng Hải Hải Phòng.

Phó trưởng phòng Tổng hợp kế hoạch, Viện Khoa học và kỹ thuật xây dựng cơ bản - Uỷ ban Xây dựng Cơ bản Nhà nước.

Phó trưởng phòng Đào tạo - Viện Khoa học kỹ thuật xây dựng - Bộ Xây dựng.

Hiện là Trưởng phòng thí nghiệm công trình - Viện Khoa học công nghệ xây dựng - Bộ Xây dựng.

Hội viên Hội Xây dựng.

Hội Cơ học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.

Tại Trường Đại học Bách khoa Krakôp - Ba Lan.

Ngành Xây dựng

Chuyên ngành Cơ học kết cấu

Đề tài luận án

Phân tích ổn định của vòm và vỏ trụ đàn hồi - dẻo.

Nội dung

Nghiên cứu đưa ra phương pháp tính và lập chương trình tính để khảo sát sự ổn định của kết cấu vòm, kết cấu vỏ trụ trong trường hợp có kể đến biến dạng lớn (đàn - dẻo) và chuyển vị lớn của kết cấu cũng như trong trường hợp kết cấu chịu tải trọng có nhiều thông số độc lập nhau.

Thành tựu khoa học

Tham gia đào tạo đại học và sau đại học.

Chủ trì một số đề tài nghiên cứu cấp Bộ.

Tham gia nhiều hoạt động triển khai ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tế.

Dự định khoa học

Tham gia triển khai ứng dụng khoa học công nghệ mới vào thực tế, đặc biệt trong lĩnh vực nghiên cứu thực nghiệm.



HOÀNG VĂN ĐA

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 20 - 5 - 1942.

Quê quán: Yên Dưỡng - Sông Thao - Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Tập thể trường Đại học Mỏ - Địa chất - Từ Liêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy môn cơ học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Hiện là Chủ nhiệm bộ môn.

Uỷ viên Ban chấp hành Hội Cơ học Việt Nam.

Được phong Phó Giáo sư năm 1991.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984.

Tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Ngành Khoa học tự nhiên

Chuyên ngành Toán Lý

Đề tài luận án

Dao động phi tuyến của dầm và bản mỏng chữ nhật theo mô hình từ biến.

Nội dung

Nghiên cứu dao động phi tuyến của dầm và bản mỏng chữ nhật theo mô hình từ biến có nghĩa là coi các đặc trưng vật lý của vật liệu thay đổi theo thời gian. Chuyển động của hệ đó được mô tả bằng phương trình đạo hàm riêng cấp cao với điều kiện biên tuyến tính và phi tuyến. Xây dựng nghiệm dừng bằng phương pháp tiệm cận. Đã tìm được các đặc trưng dao động như biên độ, tần số và sự ổn định chuyển động dừng, xây dựng được đường cong biên độ. Các kết quả thu được khác biệt với các kết quả trước đây khi xét dao động theo mô hình thông thường. Phát hiện nhiều chế độ dao động mà trước đây chưa được khảo sát khi kể đến các yếu tố phi tuyến hình học. Các kết quả nghiên cứu góp phần mở ra ngành nghiên cứu mới của lý thuyết dao động phi tuyến, dao động hệ đàn hồi cấp cao.

Thành tựu khoa học

Hơn 35 công trình khoa học đã được công bố trong và ngoài nước.

Đã hoàn thành hai đề tài cấp Nhà nước:

Dao động phi tuyến hệ đàn hồi cấp cao.

Dao động phi tuyến hệ đàn hồi vật liệu từ biến.

Đồng tác giả hai đề tài cấp Bộ:

Tính toán dao động trục máy.

Nghiên cứu ổn định của trục máy.

Nhiều báo cáo ở các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế.

Biên soạn một số giáo trình cơ học lý thuyết, cơ học ứng dụng...

Dự định khoa học

Nghiên cứu dao động phi tuyến của vật liệu theo mô hình từ biến để ứng dụng vào các ngành kỹ thuật khoan, xây dựng...

Lời Tiến sĩ

Cần có chiến lược đào tạo để xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học có kiến thức cơ bản vững vàng, chuyên sâu, tay nghề thành thạo, khả năng thực tiễn ứng dụng các tiến bộ khoa học tốt để xây dựng đất nước.



TRẦN THỊ ĐÀ

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 28 - 7 - 1947.
Quê quán: Lai Thành - Kim Sơn - Ninh Bình
Chỗ ở hiện nay: Tổ 50 - phường Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô cũ.
Giảng viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Phó Chủ nhiệm khoa Hoá, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Phó giáo sư.
Chủ nhiệm bộ môn Hoá vô cơ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Uỷ viên Ban chấp hành Phân hội Hoá vô cơ - Hội Hoá học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.
Tại Đại học Tổng hợp Lômônôxốp - Liên Xô cũ.
Ngành Hoá học
Chuyên ngành Hoá Vô cơ.

Đề tài luận án

Tổng hợp và nghiên cứu tính chất hoá lý của các phức monoamin platin.

Nội dung

Hoàn thiện phương pháp tổng hợp các phức monoamin của platin làm cơ sở tổng hợp ra hàng loạt phức chất chưa được biết tới, đặc biệt là các phức cis-diamin không đối xứng là những chất có triển vọng dùng làm thuốc chữa trị ung thư.
Nghiên cứu cấu tạo và tính chất hoá lí của 40 phức chất của platin bằng các phương pháp UV, IR, nhiễu xạ tia Rơnghen, đo độ dẫn điện phân tử... đã thu được những kết quả có ý nghĩa lý thuyết trong lĩnh vực hoá học các phức chất của platin, mở đường cho việc tìm kiếm các chất có ứng dụng thực tiễn.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ:
Tổng hợp và nghiên cứu một số phức chất của platin có hoạt tính chống ung thư.
Chủ trì đề tài thuộc chương trình nghiên cứu khoa học cơ bản cấp Nhà nước.
Điều chế phức chất kim loại chuyển tiếp dùng làm chế phẩm màu cho granit nhân tạo.
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Ứng dụng một số phương pháp phổ nghiên cứu cấu trúc phân tử - Nxb Giáo dục.
Hoá học vô cơ, tập II - Nxb Giáo dục.

Dự định khoa học

Tổng hợp và nghiên cứu phức chất các kim loại chuyển tiếp nhằm ứng dụng trong đời sống và sản xuất ở nước ta.
Tham gia đào tạo cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ.
Viết sách hoá học vô cơ, hoá học phức chất.



BÙI ĐẠI

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 30 - 9 - 1924.
Quê quán: Châu Cầu - Thanh Liêm - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay:
Khu tập thể Nam Đồng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Phó ban Quân y Trung đoàn Thủ đô.
Trưởng ban Quân y Trung đoàn 246
Chủ nhiệm Quân y Sư đoàn
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Y Kiep, Ucraina
Chủ nhiệm bộ môn khoa Truyền nhiễm Học viện Quân y.
Uỷ viên Hội đồng Khoa học Cục Quân y.
Viện trưởng Viện Quân y 103 kiêm Viện trưởng Học viện Quân y, Viện trưởng Viện Vệ sinh phòng dịch.
Nghiên cứu sinh Học viện Quân y Kirốp, Liên Xô cũ.
Viện trưởng Bệnh viện Trung ương Quân đội 108.
Phó Chủ tịch Hội đồng bảo vệ sức khoẻ Trung ương.
Các uỷ viên:
Hội đồng khoa học Bệnh viện 108.
Hội đồng khoa học Bộ Y tế
Uỷ ban Hỗn hợp nhiệt đới Việt Xô.
Hội Y học nhiệt đới Pháp.
Viện Hàn lâm Khoa học New York.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1960
Tại Trường Đại học Y Kiep Ucraina.
Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học năm 1984.
Tại Học viện Y học Kirốp, Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Truyền nhiễm.

Đề tài luận án Tiến sĩ khoa học

Đặc điểm lâm sàng và biện pháp điều trị sốt rét (SR) dai dẳng do ký sinh trùng P.falciparum kháng thuốc.

Nội dung

Công trình triển khai trong nhiều năm 1965 - 1975 trên nhiều địa bàn (559, B5 đường 9 Nam Lào, B3, B2, B1 và Trị Thiên B4) tại nhiều binh chủng trong các tình huống khác nhau...
Kết quả đã phục hồi nhanh sức khoẻ bệnh nhân bị SR, phục hồi nhanh thể lực bộ đội sau chiến đấu, giảm tỷ lệ SR nghỉ việc ở nhiều chiến trường, giảm tỷ lệ tử vong vì sốt rét nặng và ác tính từ 30% xuống 5 - 10%.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài khoa học cấp Nhà nước:
Dịch tễ học lâm sàng và điều trị sốt rét ác tính ở miền Bắc.
Tình hình sức khoẻ và bệnh tật, sức đề kháng miễn dịch ở các cựu chiến binh miền Bắc Việt Nam hoạt động ở các vùng bị rải chất độc hoá học và những tai biến sinh sản trong gia đình họ.
Tham gia phát hiện lần đầu tiên dịch Dengue cổ điển, dịch sốt mò ở miền Bắc Việt Nam, phát hiện giúp Lào dịch Dengue ở Viên Chăn.
Đã 32 lần phụ trách các đoàn đi chống dịch trong quân đội và các địa phương.
Sách đã xuất bản:
Tác giả 8 cuốn sách - Nxb Y học.
19 cuốn - Nxb Quân đội Nhân dân.
Đồng tác giả:
Bách khoa thư bệnh học (tập 1, 2, 3)
Hướng dẫn sử dụng kháng sinh.
Hồi sức cấp cứu.
Bác sĩ ơi? Tại sao? Nxb Thanh niên.
Và nhiều bài đăng trên các báo, tạp chí.
Huân chương quân công hạng hai.
Huân chương chiến công hạng nhất.
Huy chương Vì sức khoẻ nhân dân.
Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.
Được ghi tên trong *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam.*
Giải thưởng Nhà nước năm 2000.
Được phong Giáo sư năm 1980 - Thiếu tướng - Thầy thuốc nhân dân.
Anh hùng lực lượng vũ trang (1989).



TÔ NGỌC ĐẠI

Ngọc Đại

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 13 - 10 - 1929.

Quê quán: Đông Hoàng - Đông Hưng - Thái Bình

Chỗ ở hiện nay: 5M15 khu Tương Mai - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Trưởng ngành chăn nuôi thú y tỉnh Sơn Tây cũ.

Phó Giám đốc Tổng Công ty Thức ăn chăn nuôi Trung ương.

Hội viên Hội Khoa học chăn nuôi.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972.

Tại Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.

Chuyên ngành Khoa học Nông nghiệp.

Đề tài luận án

Thời gian bảo quản làm giảm chất lượng thức ăn bột cá, bột sữa chăn nuôi.

Nội dung

Bột sữa và bột cá chăn nuôi trong khi dự trữ một phần chất đạm bị biến tính, mỡ bị ôi khét (Peroxitd) một phần acid amin và sinh tố bị phân huỷ, những biến đổi này làm giảm tỷ lệ tiêu hoá và khi mỡ bị ôi gây trở ngại cho tiêu hoá.

Những kiểm tra trong phòng thí nghiệm cho thấy: bột sữa để trên 1 năm độ hoà tan trong nước giảm 1 - 2% và để 6 năm thì độ hoà tan còn 75%, có vi khuẩn phân huỷ đạm và acid amin, tỷ lệ tiêu hoá của bột sữa quá 1 năm giảm 1%, còn ở bột sữa 6 năm giảm từ 3 - 4%. Thí nghiệm trên gà 1 - 60 ngày tuổi gà chết là 6,1% so với đối chứng là 2,5%.

Bột cá dự trữ từ 12 - 18 tháng giá trị sinh vật giảm, tỷ lệ đạm giảm một phần mỡ bị ôi khét, nhưng trong pha trộn thức ăn hỗn hợp với tỷ lệ phù hợp thì thức ăn không bị hỏng nữa.

Trong thí nghiệm trên gà thịt từ 1 - 60 ngày tuổi vẫn đạt trọng lượng 1,5 - 1,6kg, số gà chết là 3,6% và của nhóm đối chứng là 3%. Làm thống kê sinh vật học không có sai khác.

Phòng thí nghiệm trang thiết bị cũ kỹ, nơi thí nghiệm chưa thật tốt nên những kết quả thí nghiệm nêu trên là tương đối.

Trong điều kiện khí hậu nóng ẩm của Việt Nam việc bao gói, vận chuyển, bảo quản thức ăn chăn nuôi phải rất chu đáo và không kéo dài làm giảm chất lượng thức ăn.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các dự án Nhà máy thức ăn chăn nuôi Hương Canh, An Khánh, Pháp Vân.

Xây dựng các công thức chế biến thức ăn chăn nuôi cho các loại gia súc, gia cầm thuộc Tổng công ty.

Tham gia hội đồng xét duyệt luận án tiến sĩ khoa học nông nghiệp.

Đã viết *"Biolidin làm thức ăn bổ sung chăn nuôi"* và nhiều bài đăng trên các báo, tạp chí.

Huy chương chống Pháp hạng nhất.

Huân chương chống Mỹ hạng nhì.

Huy chương Vì sự nghiệp phát triển nông nghiệp.

Lời Tiến sĩ

Gần đây, đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt, nhưng vẫn còn một bộ phận, nhất là ở nông dân còn nhiều khó khăn. Nhà nước cần có kế hoạch đẩy nhanh việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi một cách hợp lý nhằm cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện chủ trương "xoá đói, giảm nghèo , làm cho dân giàu để nước mạnh.



TÔN THẤT ĐẠI

Tôn Đại

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 13 - 1 - 1937.
Quê quán: Phường Phú Hội - Thành phố Huế.
Chỗ ở hiện nay:
Số 6 làng Võng Thị, Tây Hồ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa - Hà Nội.
Cán bộ thiết kế kiến trúc - Cục Thiết kế dân dụng - Bộ Kiến trúc.
Trưởng phòng Thiết kế, Ty Thiết kế Vĩnh Phúc.
Cán bộ giảng dạy Phân hiệu Đại học Bách khoa Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Quy hoạch đô thị Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.
Chuyên gia giảng dạy tại Angôla.
Hiện là giảng viên kiêm giảng các Trường Đại học Xây dựng, Đại học Kiến trúc Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Mở Hà Nội.
Uỷ viên Ban Thư ký Hội Kiến trúc sư Việt Nam (khoá 4).
Hội viên Hội Xây dựng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Trường Đại học Xây dựng - Hà Nội.
Chuyên ngành lịch sử kiến trúc.

Đề tài luận án

Các xu hướng kiến trúc ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến cuối thế kỷ XX.

Nội dung

Tìm hiểu các xu hướng kiến trúc hiện đại ở Việt Nam, phân kỳ và phân loại các xu hướng ấy, so sánh và đối chiếu đồng đại và lịch đại với các xu hướng kiến trúc hiện đại trên thế giới. Tìm hiểu ảnh hưởng của các trào lưu, xu hướng và phong cách kiến trúc hiện đại thế giới vào kiến trúc hiện đại Việt Nam. Rút ra những bài học để tiếp thu có phê phán những kinh nghiệm nước ngoài vào việc xây dựng nền kiến trúc hiện đại nước nhà.

Thành tựu khoa học

Phát minh thước tính kết cấu vạn năng (1967).
Sách đã xuất bản:
Nguyên lý thiết kế công trình kiến trúc dân dụng.
Quy hoạch khu dân cư và kiến trúc dân dụng, kiến trúc công nghiệp - Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
Kiến trúc sư Gaudi
Kiến trúc sư Le Corbusier
Kiến trúc sư FL - Wright
Kiến trúc sư Mies Van der Rohe - Nxb Kim Đồng
Được phong Phó Giáo sư.
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Chiến sỹ thi đua (9 lần).
Giải thưởng Thiết kế trường Karl Masix ở Luanda - Angôla.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các trường phái kiến trúc hiện đại và hậu hiện đại thế giới.
Ảnh hưởng qua lại giữa kiến trúc và các ngành nghệ thuật khác.
Ảnh hưởng của các trào lưu kiến trúc hiện đại và hậu hiện đại thế giới đối với kiến trúc Việt Nam và những bài học cho chúng ta.

Lời Tiến sĩ

Người Việt Nam đâu phải kém cỏi, vậy mà hầu như trong lĩnh vực nghệ thuật kiến trúc chúng ta vẫn chỉ đang bước những bước chập chững theo chân người ta. Có những dân tộc không lớn nhưng nghệ thuật kiến trúc hiện đại của họ nổi tiếng thế giới như Phần Lan. Một số nước ở châu Mỹ - Latinh cũng có nền kiến trúc hiện đại đặc sắc. Tấm gương của Nhật Bản càng rõ ràng, họ đã tìm được con đường đưa nghệ thuật kiến trúc hiện đại của mình lên tầm cao trên thế giới và mang đậm đà màu sắc Nhật Bản. Tại sao chúng ta không làm được như thế? Tôi mong rằng sẽ đóng góp được chút ít vào việc xác định con đường phát triển nền kiến trúc hiện đại Việt Nam.



DƯƠNG QUÝ ĐÀM

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 12 - 1 - 1944.

Quê quán: Duy Minh - Duy Tiên - Hà Nam.

Chỗ ở hiện nay: Nhà 60 - ngõ 236 - Lê Trọng Tấn - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Giao thông Hà Nội.

Kỹ thuật viên Đoạn toa xe Hà Nội.

Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Giao thông Vận tải Dresden, CHDC Đức cũ.

Trưởng phòng Thiết kế toa xe, Công ty Thiết kế đầu máy - toa xe, Liên hiệp Đường sắt Việt Nam.

Cán sự Ban Quản lý lao động Việt Nam tại Đức.

Nghiên cứu sinh cấp II tại Đức.

Chuyên viên chính tại Công ty Tư vấn - Đầu tư xây dựng Liên hiệp Đường sắt Việt Nam.

Hiện là chuyên viên chính, Ban Đầu máy - Toa xe, Liên hiệp Đường sắt Việt Nam.

Hội viên Hội Cơ học Việt Nam; Hội Cơ khí đầu máy - Toa xe Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1978.

Tại Trường Đại học Giao thông Dresden - CHDC Đức cũ.

Chuyên ngành Cơ khí đầu máy - toa xe.

Đề tài luận án

Tính toán truyền âm thanh qua vách ngăn hai lớp bằng phương pháp năng lượng thống kê (SEA).

Nội dung

Để cách âm đối với các căn buồng nói chung và các buồng trong toa xe khách nói riêng, người ta không ngừng cải tiến đưa vào các vật liệu mới có hệ số cách âm cao, đồng thời sử dụng vách ngăn nhiều lớp. Tính toán quá trình truyền âm thanh qua vách ngăn hai lớp và nhiều lớp rất phức tạp, khó phù hợp với thực tiễn. Luận án đã xây dựng mô hình tính toán mới, trên cơ sở phân tích năng lượng thống kê trong quá trình truyền năng lượng âm thanh từ bên ngoài vào vách thứ nhất, khoảng giữa hai vách, đến vách thứ hai và bức xạ vào bên trong buồng khác.

Từ mô hình tính toán đã xây dựng được chương trình tính bằng máy tính điện tử, ngôn ngữ Angol-60. Tổng hợp các kết quả thử nghiệm, đo mức độ âm thanh ở trong buồng, sau khi âm thanh tác động qua vách ngăn hai lớp với nhiều kết cấu khác nhau.

Kết quả thực nghiệm chứng minh phương pháp tính là đúng, phù hợp với các kết cấu thực tiễn. Phương pháp tính truyền âm thanh này cho phép các nhà nghiên cứu, thiết kế tính toán xác định kết cấu vách ngăn nhiều lớp để đạt được độ cách âm cao.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu (cấp Nhà nước):

Tiêu chuẩn hoá toa xe khách Việt Nam.

Nới rộng khổ giới hạn đầu máy - toa xe khổ đường 1m của Đường sắt Việt Nam và mở rộng kích thước toa xe khách thế hệ hai.

Một số bài đăng trên các báo và tạp chí.

Dự định khoa học

Tổng kết những vấn đề khoa học - công nghệ mới trong toa xe khách thế hệ hai và toa xe hai tầng.

Tham gia viết quy trình, tài liệu kỹ thuật toa xe.

Viết sách kỹ thuật về cách âm - cách nhiệt.

Viết giáo trình về kỹ thuật "chống tiếng ồn" cho Trường Đại học Giao thông Vận tải.

Lời Tiến sĩ

Để đạt được trình độ khoa học - công nghệ cao là một quá trình học tập gian khổ, nghiêm túc của cá nhân, ngoài vốn trí tuệ sẵn có. Để đưa được kiến thức đã học vào cuộc sống lại là một cuộc vật lộn cam go của bản thân với thực tại. Hãy đóng góp vào kho tàng trí tuệ dân tộc "những hạt cát" của cá nhân mình.



ĐỖ TRUNG ĐÀM

Đỗ Trung Vinh

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 20 - 1 - 1939.
Quê quán: An Mỹ - Bình Lục - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 35/14 Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Dược.
Trưởng phòng Quản lý Dược, Sở Y tế tỉnh Hà Giang.
Cán bộ phòng Kỹ thuật Kiểm nghiệm, Công ty Dược liệu T.Ư; Nghiên cứu sinh ở Rumani.
Trưởng khoa Dược lý - Sinh hoá, Viện Dược liệu, Bộ Y tế.
Thực tập sinh cao cấp tại Bungari.
Được phong Phó Giáo sư năm 1992; Trưởng khoa Dược lý - Sinh hoá, Viện Dược liệu; Hiện là chuyên viên khoa Dược lý - Sinh hoá, Viện Dược liệu; Phó Chủ tịch Hội Đông y tỉnh Hà Giang; Chi hội phó Chi hội Dược học - Viện Dược liệu, Bộ Y tế; Phó Trưởng ban Các phương pháp thử nghiệm sinh học, Hội đồng Dược điển Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học Công nghệ Viện Dược liệu, Bộ Y tế; Uỷ viên Ban biên tập Tạp chí Revue Pharmaceutique.
Thành viên tờ *Thông tin Dược lâm sàng.*

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1978.
Tại Trường Đại học Y dược Cluj-Napoca, Rumani.
Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học năm 1990.
Tại Viện Hàn lâm Y học Bungari.
Ngành Dược
Chuyên ngành Dược lý

Đề tài luận án Tiến sĩ

Phân tích về bệnh sinh học các rối loạn nhịp tim do calci gây nên.

Luận án Tiến sĩ Khoa học

Tác dụng chống viêm của các thuốc chữa thấp khớp trong y học cổ truyền Việt Nam.

Nội dung luận án Tiến sĩ khoa học

Đã tập hợp được 254 bài thuốc cổ truyền chữa thấp khớp Nghiên cứu các tác dụng dược lý theo hướng chữa thấp khớp gồm tác dụng chống viêm cấp tính, tác dụng chống viêm mạn tính, tác dụng trên viêm đa khớp do adjuvant, tác dụng trên tuyến ức, tác dụng giảm đau, tác dụng hạ sốt, tác dụng trên hàm lượng dopamin, noradrenalin, serotonin trong não và độc tính cấp của một số vị thuốc và bài thuốc để rút ra các bài thuốc, vị thuốc có tác dụng tốt, giúp cho việc sử dụng và sản xuất thuốc chữa thấp khớp từ dược liệu Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Tác dụng dược lý của một số bài thuốc chữa thấp khớp ở tuyến xã (cấp Nhà nước); Nghiên cứu so sánh hoài sơn và củ cọc (cấp Bộ); Cả 2 đề tài trên đã được ứng dụng trong sản xuất thuốc và sử dụng ở các cơ sở điều trị và trong nhân dân.
Sách đã xuất bản:
Biến hoá sinh học của thuốc (dịch từ tiếng Nga), tác giả - Nxb Mir Matxcơva; *Cây thuốc Việt Nam* (đồng tác giả) - Nxb Khoa học kỹ thuật; *Medicinal plants in Vietnam* (đồng tác giả), Tổ chức Y tế thế giới khu vực Tây Thái bình dương, Manila xuất bản; *Thuốc, bạn và thù* (tác giả) - Nxb Y học; *Dược lý học* (đồng tác giả) - Trường Đại học Dược Hà Nội; *Thuốc chữa ung thư* (tác giả) - Nxb Y học; *Cảnh giác thuốc* (tác giả) - Trường Đại học Y tế công cộng xuất bản; *Phương pháp xác định độc tính cấp của thuốc* (tác giả) - Nxb Y học; *Từ điển bách khoa Dược* (tham gia) - Nxb Từ điển Bách khoa;
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sức khoẻ nhân dân.
Vì sự nghiệp khoa học.

Dự định khoa học

Cùng với một số giáo sư, tiến sĩ viết chi tiết 1000 cây, con làm thuốc (khoảng một vạn trang). Hiện nay đã viết xong 650 cây con.
Viết sách *"Các phương pháp nghiên cứu dược lý".*
Sẽ xuất bản (đồng tác giả):
Dược điển Việt Nam; Dược thư quốc gia Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Cần phát hiện nhân tài từ sớm, chọn lọc một số, không cần đào tạo toàn diện, mà đi chuyên sâu ngay, mới mong có những mũi nhọn tiến kịp trình độ tiên tiến của thế giới được. Riêng ngành dược, ngoài dược liệu, cần nghiên cứu sản xuất nguyên liệu làm thuốc, giải quyết mô hình bệnh tật của các nước phát triển, theo sáng chế mà thế giới đã có. Đó là con đường ngắn nhất.



2117 NGUYỄN QUÝ ĐÀM

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 5 - 8 - 1942.
Quê quán: Cự Khối - Gia Lâm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 134 - đường Cát Dài - Lê Chân - Hải Phòng.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Giao thông Hà Nội.
Giảng viên Trường Đại học Đường thuỷ Hải Phòng.
Nghiên cứu sinh trường Đại học Bách khoa Bucaret, Rumani.
Giảng viên khoa Điện - Điện tử.
Đại học Hàng hải Hải Phòng.
Quyền Tổ trưởng bộ môn.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979.
Trường Đại học Bách khoa Bucaret, Rumani.
Ngành Điện tự động.

Đề tài luận án

Đóng góp vào việc tối ưu hoá hệ thống lái tự động tàu thuỷ.

Nội dung

Tổng quan về tối ưu hoá các hệ thống tự động.
Tổng quan về các hệ thống lái tự động tàu thuỷ.
Đánh giá chất lượng động hệ thống tự động, xác lập hàm mục tiêu diện tích quá trình động.
Lập trình và giải trên máy tính điện tử bài toán động hệ thống lái tự động tàu thuỷ, tính chọn các thông số tối ưu của hệ thống lái.
Mô phỏng nhiễu sóng biển trên máy tính và xét ảnh hưởng của nhiễu sóng biển lên hệ thống lái tự động tàu thuỷ.
Lập trình và chạy trên máy tính chương trình tối ưu hoá tự động thông số hệ thống lái tự động tàu thuỷ.
Phân tích các kết quả thu được.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước:
Khai thác hợp lý các hệ thống điện tự động, lái tự động hiện có trên đội tàu biển Việt Nam (phó chủ nhiệm.
Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật tự động hoá trên tàu thuỷ, thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị tự động trên tàu thuỷ (tham gia).
Thiết kế, chế tạo lắp đặt hệ thống lái tự động ứng dụng kỹ thuật mới, dùng vi xử lý, dùng cho tàu đóng mới của hải quân (tham gia).
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giao thông vận tải.
Vì sự nghiệp công đoàn.
Vì sự nghiệp giáo dục.



ĐINH VĂN ĐÀN

Tuấn Anh

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 12 - 1 - 1942.
Quê quán: Yên Quang - Ý Yên - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay:
1B Lê Hồng Phong - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Trợ lý xe máy, điện khí Sư đoàn Không quân 371.
Nghiên cứu sinh tại Học viện Giucốpski Liên Xô cũ.
Trợ lý nghiên cứu Cục Kỹ thuật Không quân.
Trưởng phòng Nghiên cứu khai thác, Viện Kỹ thuật Quân chủng Không quân.
Phó Viện trưởng Viện Kỹ thuật Không quân.
Giảng viên Trường Trung cao Không quân.
Trưởng Bộ môn Thiết bị Hàng không, Học viện Phòng không - Không quân (Đại tá).
Hội viên Hội Tự động hoá Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1977.
Tại Học viện Kỹ sư Không quân Giucốpski Liên Xô cũ.
Ngành Tự động hoá và điều khiển từ xa.
Chuyên ngành Thiết bị hàng không.

Đề tài luận án

Nghiên cứu hệ thống tự động điều khiển máy bay bay thấp.

Nội dung

Chọn phương án điều khiển máy bay tối ưu trong điều kiện địa hình Việt Nam, nhằm giảm tối thiểu xác suất máy bay bị tiêu diệt do va chạm vào đồi núi và do địch ở hạm đội trên biển Đông phát hiện và sử dụng không quân đánh chặn máy bay của ta khi cơ động chuyển sâu.
Luận án cũng đề cập đến các yếu tố kỹ thuật làm ảnh hưởng đến độ chính xác của hệ thống điều khiển tự động máy bay, và sử dụng các bộ lọc tối ưu nhằm nâng cao độ chính xác (giảm xác suất máy bay bị tiêu diệt) khi cơ động chuyển sâu ở độ cao thấp.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu khai thác và hướng dẫn các đơn vị trong Quân chủng Không quân khai thác (sử dụng, sửa chữa, bảo quản đại tu) các hệ thống điều khiển tự động của các loại máy bay như hệ thống điều khiển tự động của máy bay tiêm kích CAY-23ECH; máy bay tiêm kích bom CAY-22; máy bay trực thăng CAY-24... (đề tài cấp quân chủng).
Giáo trình đã xuất bản:
Thiết bị hàng không
Đồng hồ hàng không tập 1+2.
Các hệ thống dẫn đường hàng không.
Cung cấp điện máy bay tập 1+2.
Máy điện hàng không.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học - công nghệ.

Dự định khoa học

Hoàn thành các giáo trình đào tạo thuộc chuyên ngành thiết bị hàng không nhằm nâng cao chất lượng đào tạo kỹ sư, thạc sĩ kỹ thuật.
Xây dựng chương trình đào tạo tiến sĩ kỹ thuật hàng không chuyên ngành thiết bị hàng không.



NGUYỄN VĂN ĐÀN

Văn Đàn

Tiến sĩ Dược học

Sinh ngày: 9 - 11 - 1923.
Quê quán: Hữu Bằng - Thạch Thất - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 5 Lý Nam Đế - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Dược Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Các Mác - CHDC Đức cũ.
Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội; Viện trưởng Viện Dược liệu; Thứ trưởng Bộ Y tế; Phó Chủ tịch Hội đồng Dược điển Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu dược thư; Phó Chủ tịch Hội Dược học; Phó Chủ tịch Tổng Hội Y dược học Việt Nam; Đại biểu Quốc hội khoá V, VI.
Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Y tế - xã hội của Quốc hội.
Được phong Giáo sư năm 1980. Anh hùng lao động.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1963.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Các Mác - CHDC Đức cũ.
Ngành Khoa học tự nhiên.
Chuyên ngành Dược (hoá dược, hoá thực vật).

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu cây Ba gạc Rauwolfia verticillata (Lour.) Baill; họ Trúc đào (Apocynacae).

Nội dung

Góp phần tiêu chuẩn hoá về mặt dược liệu học, hoá học, bào chế thuốc, đưa vào sản xuất dùng trị bệnh cao huyết áp thay cho thuốc Serpasil, reserpin từ cây Ba gạc Ấn Độ Rauvolfia serpentina Benth (R.S). Trong vòng 10 năm (1952-1962) Y học thế giới chú ý cây RS. chữa cao huyết áp (C.H.A) trong số 131 loài của chi Rauvolfial., J.M. Müler, E. Schlittler và H.J. Bein lần đầu tiên chiết từ RS. được Reserpin (Res) có tác dụng trị C.H.A., trấn tĩnh thần kinh. Các nhà khoa học nghiên cứu tổng hợp Res. nhưng không kinh tế nên đã tìm loài Rauvolfia thay thế RS.. Viện Dược liệu Việt Nam đã chọn cây Ba gạc Rauwolfia verticillata (RV) để nghiên cứu. Kết quả:

Nghiên cứu thực vật học RV, đặc biệt là rễ, dùng làm thuốc, để xây dựng tiêu chuẩn dược liệu.
Nghiên cứu làm cao lỏng RV có chuẩn độ 1,5% alcaloid dùng ở lâm sàng.
Nghiên cứu làm alcaloid toàn phần RV.
Nghiên cứu phân tách Reserpin và các alcaloid: Ajmalin, Ajmalicin, Serpentin bằng các phương pháp sắc ký và đo quang, đặc biệt đã chiết được Reserpin tinh chế.
Đưa thuốc cao Ba gạc RV. vào sản xuất ở Xí nghiệp Dược phẩm I.

Thành tựu khoa học

Các thuốc nghiên cứu đã ứng dụng: morphin, strychnin, ether mê, cloroform mê (thuốc gây mê phẫu thuật), thuốc Clorophyl kháng khuẩn chiết từ lá tre, camphor, tinh dầu long não, tinh dầu Chè đồng, cao Thường sơn trị sốt rét, alcaloid canhkina từ vỏ canhkina Ba Vì, cao opii, cao mã tiền; làm một số thuốc tiêm, thuốc viên camphosulfonat natri, Phytin, Rutin, Narcotin, dầu gấc: cao ba gạc (chữa cao huyết áp)...
Nghiên cứu sản xuất: palmatin; Berberin (từ Hoàng liên); cao Ba gạc và chiết xuất Reserpin tinh chế; Strophomtin, rutin từ nụ hoè, từ lúa mạch 3 góc; mức hoa trắng (Holanin) trị lỵ amip, progesteron (từ dược liệu diosgenin Việt Nam), 17 αhydroxyprogesteron (thuốc hormon dùng trong phụ khoa và thuốc sinh đẻ có kế hoạch).
Thuốc bổ tinh sâm Tam thất, Langtonic; dầu xoa Thăng Long v.v...
Góp phần di thực thuần hoá: Bạch chỉ, Bạch truật, Đương quy, Địa hoàng, Huyền sâm, Ba gạc, Bạc hà, cây Dầu giun, Ích mẫu...
Điều tra tài nguyên dược liệu, thuốc nam.
Xây dựng các trạm nghiên cứu dược liệu tỉnh.
Nghiên cứu cây Thanh cao Hoa vàng.
Chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước.
Thuốc tiêm ngừa thai.
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Phương pháp nghiên cứu hoá học cây thuốc - Nxb Y học; *Cây thuốc Việt Nam* - Nxb Khoa học và kỹ thuật; *Medicinal plants in Vietnam*-WHO-IMM Manila; *Thuốc và các biện pháp tránh thai. Hợp chất thiên nhiên dùng làm thuốc; Sử dụng thuốc Đông y thiết yếu* - Nxb Y học.
Tham gia biên soạn:
Les plantes medicinales au Vietnam ACCT; *HIV* (dịch từ tiếng Anh) - Nxb Thế giới; *Dược điển Việt Nam; Từ điển Bách khoa Dược học; Hoá dược; Thực hành dược khoa* - Nxb Y học; *Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác bảo vệ sức khoẻ* - Nxb Chính trị Quốc gia; *Lịch sử Viện Dược liệu Việt Nam* - Nxb Y học; *Sơ lược lịch sử ngành Y tế Việt Nam*, tập I, - Nxb Y học; Selected Medicinal plants in Vietnam; *Dược liệu Việt Nam* - Nxb Y học. *La médicine traditionnelle: Aprercusur la floremedicinale du Vietnam; Vietnamese traditional medicine* - Thế giới Publisher.
Nhiều công trình nghiên cứu và bài báo đăng ở trong và ngoài nước
Giải thưởng Hồ Chí Minh (tập thể):
Bằng tác giả sáng chế (đồng tác giả)
Phương pháp điều chế Diosgenin.
Huân chương Độc lập hạng nhì.
Huân chương chống Mỹ hạng nhất.
Huân chương Lao động hạng nhất.
Huân chương chiến thắng hạng nhì.
Huân chương chiến công hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp sức khoẻ;
Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.

Dự định khoa học

Tham gia phổ biến kiến thức về thuốc, nhất là thuốc Đông y và thuốc Nam.



TRẦN TRỌNG ĐĂNG ĐÀN

Trần Đăng Đàm

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 2 - 2 - 1936.
Quê quán: Cam Lộ - Quảng Trị.
Chỗ ở hiện nay: 181/1F Cách Mạng Tháng 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Nghiên cứu, giảng dạy về văn học, văn hoá, nghệ thuật và khoa học xã hội. Tổng biên tập Tạp chí Khoa học Xã hội, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia Việt Nam. Hội viên Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, Uỷ viên Ban chấp hành Hội Nhà văn, Hội Sân khấu, Hội Nghiên cứu và giảng dạy Văn học, Hội Hữu nghị Việt - Nga, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật... thành phố Hồ Chí Minh.
Được phong Phó Giáo sư năm 1992.
Nhận bằng Tiến sĩ Triết học và Văn chương của UNESCO 1996.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Viện Văn học thế giới - Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô.
Chuyên ngành Lý luận văn học.

Đề tài luận án

Văn học trong cuộc đấu tranh tư tưởng tại miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975.

Nội dung

Cùng với văn học giải phóng, tại Nam Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975 còn có mảng văn học và văn hoá, nghệ thuật phục vụ chủ nghĩa thực dân mới Mỹ. Dựng lại chân dung, khảo sát nội dung, phân tích thực trạng, phê phán những sai trái của mảng văn học ấy từ lý luận văn học, triết học, mỹ học Mác-Lênin và từ lập trường bảo vệ văn hoá nghệ thuật dân tộc là nội dung cơ bản của luận án.

Thành tựu khoa học

Hoàn thành và công bố hơn mười ngàn trang viết gồm:
Hơn 300 công trình nghiên cứu, khảo sát, chuyên luận, tiểu luận, phê bình văn học, văn hoá, nghệ thuật và khoa học xã hội.
Hơn 50 cuốn sách in chung và in riêng.
Đã cộng tác với 30 cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình, hãng phim và các đơn vị biểu diễn nghệ thuật, các tổ chức hoạt động văn hoá, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt hội đoàn ở trong và ngoài nước.
Chủ nhiệm một số đề tài khoa học cấp Nhà nước.
Tham gia chấm nhiều luận án tiến sĩ. Tham gia và chủ trì nhiều hội đồng nghiệm thu các đề tài khoa học cấp Bộ, cấp Thành phố...
Sách đã xuất bản (những tác phẩm chính).
Văn học trong cuộc đấu tranh tư tưởng ở Nam Việt Nam 1954 - 1975. Luận văn khoa học. Viện Văn học thế giới thuộc Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô - Matxcơva.
Văn học thực dân mới Mỹ ở miền Nam những năm 1954 - 1975, 2 tập - Nxb Sự thật.
Về sân khấu, văn học, điện ảnh, ca nhạc và về đời sống văn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh - Nxb Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh.
Văn hoá, văn nghệ... Nam Việt Nam 1954 - 1975 - Nxb Văn hoá Thông tin.
Người Việt Nam ở nước ngoài - Nxb Chính trị Quốc gia.
Văn hoá, nghệ thuật Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh.
Văn học Việt Nam từ cuối thế kỷ XX nhìn lại (Góp mấy dòng vào văn học) - Nxb Khoa học Xã hội.
Thông điệp văn hoá giữa các thế hệ trẻ đầu thế kỷ XX - Nxb Trẻ Tp Hồ Chí Minh.
Văn hoá, văn nghệ chào thế kỷ mới - Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
Huân chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp văn học nghệ thuật Việt Nam.
Huy chương Vì sự nghiệp sân khấu Việt Nam...

Dự định khoa học

Thực hiện tiếp các công trình nghiên cứu về văn hoá, nghệ thuật và khoa học xã hội trong bối cảnh hội nhập văn hoá với thế giới và thích nghi với cơ chế kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Xin dành cho các nhà khoa học thật nhiều thời gian và điều kiện tốt để sáng tạo nhiều hơn những tác phẩm có giá trị. Quan tâm đặc biệt đến tương lai học và khoa học dự báo chiến lược.



NGUYỄN DƯƠNG ĐÁN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 19 - 12 - 1929.
Quê quán: Hưng Long - Hưng Nguyên - Nghệ An
Chỗ ở hiện nay: Số nhà 19 khu tập thể Trường Đại học Nông nghiệp I - Gia Lâm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Kỹ sư kinh tế tại Trường Đại học Nông nghiệp Bắc Kinh.
Cán bộ Cục Cơ khí - Bộ Nông nghiệp.
Giảng viên Kinh tế nông nghiệp trường HTXNN Trung ương.
Trưởng bộ môn Kinh tế - Khoa Kinh tế Nông nghiệp. Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Chuyên gia giảng dạy tại Trường Đại học Nông nghiệp Angola.
Trưởng bộ môn Kinh tế - Khoa Kinh tế Nông nghiệp - Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Uỷ viên Hội đồng Khoa học giáo dục Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Chuyên gia giảng dạy Kinh tế nông nghiệp tại Trường Đại học Nông nghiệp Brazaville - Công Gô.
Tổng Thư ký Hội Khoa học kinh tế Nông Lâm nghiệp.
Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979
Tại Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

Đề tài luận án

Tổ chức ngành chăn nuôi lợn tập thể trên địa bàn huyện.

Nội dung

Chăn nuôi lợn tập thể với hình thức sản xuất nhỏ, phân tán, theo lối thủ công không thể sử dụng hợp lý có hiệu quả đất đai, lao động, vốn đầu tư, không có điều kiện để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và do đó không có khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật, đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Vì vậy phải tổ chức chăn nuôi theo hướng tập trung, quy mô lớn, chuyên môn hoá, sản xuất sản phẩm chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp.
Tổ chức chăn nuôi tập trung quy mô lớn và chuyên môn hoá không phủ định hình thức tổ chức chăn nuôi nhỏ của các HTX trồng trọt, cũng không hạn chế chăn nuôi gia đình; trái lại còn tạo điều kiện cho chăn nuôi nhỏ phát triển đúng hướng và ổn định thông qua việc các cơ sở chăn nuôi tập trung quy mô lớn cung cấp giống tốt, bảo đảm tiêu chuẩn và cung cấp thức ăn được chế biến một cách có kế hoạch cho các cơ sở chăn nuôi nhỏ. Chăn nuôi tập trung quy mô lớn kết hợp chặt chẽ với chăn nuôi quy mô nhỏ, phân tán của các HTX trồng trọt và của các gia đình xã viên là con đường tăng nhanh sản phẩm chăn nuôi một cách có hiệu quả trong điều kiện sản xuất hiện nay của Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Liên kết kinh tế trong chăn nuôi trên địa bàn huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh (đề tài cấp Bộ).
Khai thác tiềm năng phát triển chăn nuôi của các huyện ngoại thành Hà Nội - nhánh đề tài Phân bố và sử dụng lao động nông nghiệp của thành phố Hà Nội (cấp Thành phố).
Giáo trình đã xuất bản:
Kinh tế nông nghiệp xã hội chủ nghĩa - Viện Kinh tế - UBKH xã hội.
Kinh tế nông nghiệp xã hội chủ nghĩa - Nxb Giáo dục (chủ biên).
Kinh tế nông nghiệp xã hội chủ nghĩa - Nxb Nông nghiệp (chủ biên).
Kinh tế nông nghiệp xã hội chủ nghĩa - Nxb Nông nghiệp (chủ biên).
Pháp luật kinh tế - Nxb Nông nghiệp (tác giả).
Nguyên lý cơ bản về chính sách nông nghiệp, nông thôn (chủ biên).
Sách chuyên khảo:
Vấn đề tổ chức ngành chăn nuôi lợn tập thể theo hướng tập trung, chuyên môn hoá - Nxb Nông nghiệp.
Và một số bài đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế; Công tác kế hoạch.
Huân chương kháng chiến hạng ba.
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Được phong Phó giáo sư năm 1991.



VŨ ĐỨC ĐÁN

Tiến sĩ Luật học

Sinh ngày: 17 - 11 - 1949.
Quê quán: Tiến Đức - Hưng Hà - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 32, đường Nguyên Hồng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Tổng hợp Lêningrat - Liên Xô cũ.
Hiện là giảng viên Học viện Hành chính Quốc gia.
Trưởng bộ môn Luật Hiến pháp - Hành chính - khoa Nhà nước và Pháp luật.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Ngành Luật học
Chuyên ngành Lý luận Nhà nước và pháp quyền.

Đề tài luận án

Chính quyền Nhà nước cấp thành phố trực thuộc Trung ương trong tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước trên địa bàn.

Nội dung

Phân tích những nét đặc trưng về kinh tế - xã hội, điều kiện dân cư, kết cấu hạ tầng kỹ thuật của thành phố lớn, làm rõ sự khác biệt về mọi phương diện của thành phố trực thuộc Trung ương với các tỉnh khác. Trên cơ sở đó, lý giải về những nét riêng trong tổ chức và có phương thức hoạt động của bộ máy chính quyền khác với các tỉnh.
Luận án đã phân tích tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền thành phố hiện hành từ hai khía cạnh: thực trạng pháp lý và cơ cấu tổ chức, hoạt động thực tế, nêu ra những khiếm khuyết, bất cập, những nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó, đưa ra những kiến nghị nhằm cải cách, hoàn thiện bộ máy chính quyền thành phố về ba phương diện. Hoàn thiện các văn bản pháp luật điều chỉnh về tổ chức hoạt động của các bộ phận cấu thành bộ máy chính quyền; Quy trình ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra tổ chức thực hiện các văn bản quản lý; Công tác đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức.

Thành tựu khoa học

Về cải cách bộ máy nhà nước (cấp bộ - tham gia).
Hội đồng nhân dân trong công cuộc cải cách hành chính (cấp bộ - tham gia).
Sách đã xuất bản:
Giáo trình Tâm lý học quản lý (đồng tác giả)- Nxb Đại học Quốc gia.
Cải cách bộ máy nhà nước (đồng tác giả)- Nxb Sự thật.
Một số vấn đề kinh tế - xã hội dưới ánh sáng đường lối đổi mới của Đảng (đồng tác giả) - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Một số vấn đề cơ bản về hoàn thiện bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (đồng tác giả) - Nxb Chính trị Quốc gia.
Tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền thành phố trực thuộc Trung ương - Nxb Thống kê (chủ biên).
Các giải pháp thúc đẩy cải cách hành chính ở Việt Nam (đồng tác giả) - Nxb Chính trị Quốc gia.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về tổ chức, hoạt động của bộ máy chính quyền Nhà nước các cấp và một số lĩnh vực khác phục vụ cho công tác giảng dạy.



LÊ ĐĂNG ĐẢNH

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 10 - 9 - 1949.
Quê quán: Tỉnh Tiền Giang.
Chỗ ở hiện nay: 132/214 Tô Hiến Thành - Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Nông Lâm.
Hiện là giảng viên chính các môn Chăn nuôi gia súc nhai lại, các tiến bộ trong chăn nuôi thú nhai lại; Cải thiện giống bò sữa;
Phó bộ môn Chăn nuôi chuyên khoa.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Chăn nuôi động vật nông nghiệp.

Đề tài luận án

Nghiên cứu tính năng sản xuất sữa bò lai 1/2, 3/4 và 7/8 máu Holstein Friesian và ảnh hưởng của một số biện pháp chăm sóc nuôi dưỡng đến năng suất sữa của chúng.

Nội dung

Khảo sát sự sinh sản và sản xuất của 223 bò cái lai Sind đang cho sữa, 1.256 bò 1/2, 576 bò 3/4 và 134 bò 7/8 máu Holstein Friesian (HF) trong đàn bò sữa ở miền Đông Nam Bộ từ năm 1988 đến năm 1995 cho thấy khi gia tăng máu HF cho đàn bò sữa đã cải thiện tầm vóc, năng suất sữa và nhất là cải thiện khả năng chuyển hoá chất đạm từ thức ăn ra sữa. Đây là xu hướng tạo giống bò sữa mới của thế giới. Trong điều kiện khí hậu nóng, gia tăng tỉ lệ đạm trong khẩu phần ăn cho bò sữa và thêm số lần tắm vào buổi trưa và tối trước khi đi ngủ ngoài hai lần tắm vào lúc vắt sữa, đã gia tăng sản lượng sữa, nhất là đối với bò cái lai 7/8 máu HF.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu đã công bố:
Khả năng phát triển chăn nuôi dê ở Thuận Hải và Long An.
Thức ăn khởi đầu cho bê nghé.
Qui trình nuôi dưỡng các nhóm bò sữa lai Holstein Friesian ở miền Đông Nam Bộ.
Khả năng sản xuất thịt của đàn bê đực lai H.F. từ nguồn phó sản rẻ tiền ở miền Đông Nam Bộ.
Khả năng phát triển và một số biện pháp kỹ thuật chăn nuôi bò thịt ở Bến Tre và Trà Vinh.
Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý giống theo quy trình công nghệ tiên tiến để nâng cao phẩm chất giống bò sữa tại thành phố Hồ Chí Minh (phần nuôi dưỡng chăm sóc).
Huy chương Vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các phương pháp nuôi dưỡng, khẩu phần ăn thích hợp cho đàn bò chuyên sữa và chuyên thịt; Các loại khẩu phần ăn từ nguồn thực liệu sẵn có với các phương thức bổ sung thích hợp cho từng giai đoạn sinh trưởng và sản xuất của chúng; Chọn lọc, lai tạo các giống bò chuyên sữa và chuyên thịt cao sản.

Lời Tiến sĩ

Là người Việt Nam chắc chắn ai cũng phải day dứt thấy đời sống đại đa số nhân dân ta thua kém các nước trong khu vực và các nước tiên tiến trên thế giới và ai cũng mong muốn đóng góp công sức của mình vào việc phát triển nền kinh tế nước nhà. Đặc biệt là sự đóng góp của các nhà khoa học. Trong thế giới hiện đại, thông tin ngày càng nhiều và chuyên sâu, do đó nên có các diễn đàn, ngân hàng dữ liệu... cho mỗi chuyên ngành với sự tham gia rộng rãi của các nhà khoa học trong bầu không khí dân chủ, công khai cởi mở.



ĐẶNG VĂN ĐẠM

Hà Bắc Phong, Đặng Trần Chu

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 1 - 3 - 1940.
Quê quán: Yên Phụ - Yên Phong - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: Nhà A2 khu tập thể Trung Tự - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Ngữ văn trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Giảng viên khoa tiếng Việt trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Phó Chủ nhiệm khoa Tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam.
Nghiên cứu sinh tại Đại học quốc gia Lêningát (Liên Xô cũ).
Dạy tiếng Việt tại Trường Đại học Tổng hợp PhnômPênh.
Tổ trưởng tổ chuyên gia tiếng Việt, Trưởng đoàn chuyên gia tiếng Việt tại Campuchia.
Dạy tiếng Việt tại Đại học Tổng hợp Vôladivôtxtôc Liên Xô cũ.
Dạy tiếng Việt tại Trườn Đại học Tổng hợp Tây Malaixia.
Dạy tiếng Việt, hướng dẫn giáo viên dạy tiếng Việt tại Trường Chính trị đặc biệt (ban đối ngoại TƯ Đảng), Trường Nguyễn Ái Quốc, Trường Hữu nghị Việt-Lào, Trường nghiệp vụ (Bộ Công an), các lớp đào tạo giáo viên dạy tiếng Việt cho Campuchia, Học viện Kỹ thuật Quân sự.
Hội viên Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1980.
Tại trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Lêningrát Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Các ngôn ngữ Đông phương.

Đề tài luận án

Câu đơn động từ trong tiếng Việt.

Nội dung

Nêu tiêu chí mới phân định động từ, tính từ trong tiếng Việt, xác định rõ những đặc trưng hình thức của tiếng Việt (trật tự từ, hư từ, mối tương quan tương hỗ giữa chúng), giải quyết một số trường hợp nhập nhằng giữa câu điển hình (câu mẫu) và biến thể câu, phân tích rõ những đặc trưng hình thức của các thành phần câu đã được công nhận theo truyền thống, nêu rõ đặc trưng của thành phần mới xác định (thành phần chỉ kết quả - hậu quả trong vị ngữ động từ tiếng Việt).
Khẳng định về số lượng, bản chất, đặc trưng hình thức của các thành phần câu tiếng Việt tiến tới phân chia thành phần thực tại tính của câu đơn động từ tiếng Việt.

Thành tựu khoa học

Soạn trên 10 giáo trình tiếng Việt thực hành cho một số trường đại học trong nước và nước ngoài.
Các đề tài nghiên cứu:
Đặc điểm của hệ thống ngữ âm tiếng Việt từ góc độ thực hành cho người nước ngoài (chủ trì, cấp Bộ).
Hệ thống câu hỏi tiếng Việt thực hành (chủ trì, cấp Trường).
Hệ thống bài tập ngữ pháp tiếng Việt thực hành (chủ trì, cấp Trường).
Sách đã xuất bản:
Tiếng Việt nhập môn (chủ biên) - Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
Tiếng Việt cho người nước ngoài - Song ngữ Việt-Pháp - Nxb Nghệ An.
Tiếng Việt nhập môn - Song ngữ Việt-Anh (chủ biên).
Tiếng Việt cho người nước ngoài (đồng tác giả) - Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí và thông báo khoa học.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu và viết *Tiếng Việt cho người nước ngoài.* - Song ngữ Việt - Anh.
Tiếng Việt cho Việt kiều thế hệ II Song ngữ Việt-Anh, Việt-Pháp.
Bài tập thực hành hư từ tiếng Việt.



PHẠM VĂN ĐẠO

Phạm Đạo

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 24 - 3 - 1940.
Quê quán: Phúc Thắng - Mê Linh - Vĩnh Phúc.
Chỗ ở hiện nay: Ngõ 84 - Ngọc Khánh - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Học tập ở Trung Quốc.

Dạy học ở Trường Đại học Kỹ thuật Thông tin liên lạc.

Nghiên cứu sinh tại Hungari.

Trưởng bộ môn nghiên cứu "An toàn thông tin" của Viện Khoa học kỹ thuật Bưu điện.

Chủ nhiệm khoa Hữu tuyến Trường Đại học Kỹ thuật Thông tin liên lạc.

Vụ phó Vụ Tổ chức cán bộ Tổng cục Bưu điện.

Giám đốc Công ty Điện toán & Truyền số liệu (VDC).

Chánh Văn phòng Tổng cục Bưu điện.

Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông.

Uỷ viên BCH Hội Hữu nghị Việt - Trung.

Uỷ viên BCH Hội Hữu nghị Việt - Hung.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1973.

Tại Trường Đại học Bách khoa Buđapet, Hungari.

Ngành Điện tử - Viễn thông.
Chuyên ngành Lý thuyết mã.

Đề tài luận án

Một số vấn đề về mã liên tục.

Nội dung

Tổng hợp các loại mã sửa sai và đưa ra một công thức gần đúng để xây dựng một loại mã liên tục dùng trong việc tự động sửa sai trong kỹ thuật viễn thông.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Truyền số liệu Bắc - Nam (chủ trì - cấp ngành).
Nghiên cứu tần suất chữ cái tiếng Việt (chủ trì - cấp ngành).
Nghiên cứu sự gắn kết giữa đào tạo - nghiên cứu khoa học - sản xuất kinh doanh (chủ trì - cấp ngành).
Sách đã xuất bản:
Điện báo & truyền số liệu - Nxb Khoa học Kỹ thuật.



TRẦN MINH ĐẠO

Trần Đình Đạo

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 27 - 10 - 1954.
Quê quán: Đồng Văn - Thanh Chương - Nghệ An
Chỗ ở hiện nay:
117 Tây Sơn - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Quân y Hà Nội.
Công tác tại Viện 85 Cục Quân y.
Hiện công tác tại Bệnh viện 198 Bộ Công an.
Hội viên Hội Ngoại khoa Việt Nam.
Hội Hậu môn - Trực tràng học Việt Nam.
Hội Tiết niệu - Thận học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Học viện Quân Y - Bộ Quốc phòng.
Chuyên ngành Ngoại chung.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả cắt đoạn dạ dày trong ung thư hang môn vị.

Nội dung

Qua nghiên cứu trên 186 bệnh nhân (129 nam, 57 nữ) được mổ cắt đoạn dạ dày do ung thư hang môn vị. Đã đề xuất 2 kỹ thuật mới:
Bóc hạch ở chuỗi vành vị bằng kỹ thuật thắt động mạch ở cao.
Làm phản ứng đông cứng huyết thanh để tiên lượng kết quả.
Các biến chứng sau mổ:
Chảy máu miệng nối: 1 bệnh nhân (0,5%); Bục mỏn tá tràng: 2 BN (1,1%); Rò miệng nối: 1 BN (0,5%); Vỡ lách: 1 BN (0,5%); Tắc ruột sớm: 1 BN (0,5%); Tử vong sau mổ: 1 BN (0,5%); Thời gian sống thêm sau mổ 5 năm là 17,4%.
Rút ra 6 yếu tố ảnh hưởng xấu đến kết quả mổ trong đó 3 yếu tố quyết định là:
Độ sâu xâm lấn vào thành dạ dày ra tận thanh mạc.
Típ tế bào ung thư không biệt hoá.
Có di căn hạch limphô.
Và 3 yếu tố ảnh hưởng là:
Kích thước khối u > 4cm.
Hình thái đại thể là thể thâm nhiễm.
Thời gian đông cứng huyết thanh trên 5 phút.

Thành tựu khoa học

2 đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu.
2 đề tài cấp Cơ sở đã nghiệm thu.
10 công trình nghiên cứu đã được công bố trên các tạp chí chuyên môn.
Thầy thuốc ưu tú.

Dự định khoa học

Nghiên cứu liên quan giữa gen với ung thư tiêu hoá nói chung và ung thư dạ dày nói riêng - ảnh hưởng của gen đến tiên lượng kết quả phẫu thuật ung thư dạ dày.

Lời Tiến sĩ

Nên tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học tâm huyết có nguyện vọng tiếp tục nghiên cứu được làm việc.



ĐẶNG THỊ ĐÁP

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 14 - 9 - 1949.
Quê quán: Đồng Tiến - Phổ Yên - Thái Nguyên
Chỗ ở hiện nay:
Nhà K4, tập thể Khoa học - Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Tổng hợp Azerbaizan Liên Xô cũ.
Công tác tại phòng Động vật, khối nghiên cứu thuộc Uỷ ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước cũ; Thực tập sinh tại Viện Hình - Sinh thái tiến hoá động vật Xêvêrxốp Viện Hàn lâm Khoa học Liên xô cũ; Hiện là Phó phòng chuyên môn Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Sinh thái đất Việt Nam.
Hội viên Hội Côn trùng học Việt Nam; Hội Sinh thái học Việt Nam; Chi hội Sinh thái cảnh quan Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.
Tại Viện Hình - Sinh thái tiến hoá động vật Xêvêrxốp - Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô cũ.
Ngành Sinh vật học.
Chuyên ngành Côn trùng học.

Đề tài luận án

Côn trùng cánh cứng ăn lá (Coleoptera, Chrysomelidae) ở Việt Nam.

Nội dung

Làm rõ danh lục thành phần khu hệ côn trùng cánh cứng ăn lá (CTCCĂL) của Việt Nam và Đông Dương, lập khoá phân loại. Nghiên cứu những đặc điểm sinh thái quan trọng nhất của CTCCĂL nhiệt đới. Làm rõ cây làm thức ăn, đặc biệt đối với những loài đóng cả thể. Nghiên cứu và mô tả các ấu trùng của những phân họ chính.
Làm rõ những đặc điểm phân bố địa lý của CTCCĂL ở Việt Nam và các vùng lân cận. Xác định những loài gây hại đáng kể nhất đối với kinh tế nông, lâm nghiệp.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài Nghiên cứu điều tra động vật, ký sinh trùng và côn trùng tỉnh Vĩnh Phú; Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra thống kê khu hệ động vật không xương sống ở Việt Nam; Điều tra nghiên cứu tổng hợp sinh vật ở Việt Nam (chương trình hợp tác Việt-Xô); Nghiên cứu chương trình Tây Nguyên II; Nghiên cứu và xây dựng luận chứng kinh tế kỹ thuật (phần Động vật) vườn Quốc gia Bến En - tỉnh Thanh Hoá; Ảnh hưởng của chất độc hoá học lên hệ sinh thái rừng nhiệt đới (thư ký); Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; Thư ký Ban điều hành, Hội đồng biên tập (phần Động vật) Đề án soạn thảo Sách Đỏ Việt Nam. Tham gia soạn thảo Sách Đỏ Việt Nam (nhóm côn trùng); Nghiên cứu đánh giá tác động xung quanh lưu vực sông Đà.
Nghiên cứu tài nguyên sinh vật vùng núi Hương Sơn tỉnh Hà Tây, xây dựng luận chứng làm cơ sở cho UNESCO đưa vùng hang động Hương Sơn vào danh sách Di sản thế giới.
Nghiên cứu sinh học, sinh thái, qui luật phát sinh phát triển và biện pháp trừ sâu bệnh hại hồ tiêu ở Liên hiệp xí nghiệp Tân Lâm, tỉnh Quảng Trị và Phòng trừ sâu bệnh bằng biện pháp không độc và ít độc bằng thuốc trừ sâu thảo mộc (cấp Bộ).
Xây dựng mô hình nhân nuôi quần xã sinh vật tại trại thực nghiệm Cổ Nhuế (cấp Bộ - chủ trì); Tính đa dạng thành phần loài của côn trùng Cánh cứng ăn lá và nhóm Bướm ngày ở ba khu rừng cấm Quốc gia: Cúc Phương (Ninh Bình), Tam Đảo (Vĩnh Phúc) và Ba Vì (Hà Tây) (chủ trì, cấp Nhà nước).
Điều tra đánh giá thực trạng côn trùng và vi sinh vật có ích trong hệ sinh thái cây nông nghiệp trọng điểm của Việt Nam và định hướng sử dụng chúng (chủ trì - cấp Nhà nước).
Điều tra, thống kê côn trùng cánh cứng và bướm ngày ở Việt Nam (chủ trì, cấp Nhà nước); Soạn thảo Động vật chí Việt Nam về một số phân họ và giống của họ côn trùng cánh cứng ăn lá: gồm 170 loài; Đa dạng sinh học vùng tại vùng núi đá vôi Phong Nha Kẻ Bàng, tỉnh Quảng Bình (Đề án Quốc tế RASS).
Nghiên cứu điều tra đa dạng sinh học vùng núi Tà Đùng, huyện Đắc Nông, tỉnh Đắc Lắc (Đề án Quốc tế).
Nghiên cứu dự án Bảo tồn Vườn Quốc gia Cúc Phương: Điều tra bướm ngày ở Vườn Quốc gia Cúc Phương (cộng tác viên).
Tham gia giảng dạy, đào tạo đại học và trên đại học; tham gia Hội đồng bảo vệ luận án ở một số Trường Đại học và Học viện.
Sách đã xuất bản:
Đang tham gia Đề án tu chỉnh *Sách Đỏ Việt Nam*: Soạn thảo và in ấn Danh lục Đỏ Việt Nam (2001) và soạn thảo in ấn *Sách Đỏ Việt Nam* theo tiêu chuẩn mới của IUCN (1994) (thư ký Hội đồng biên tập phần Động vật); Là tác giả của hơn 30 công trình khoa học đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức công đoàn.

Dự định khoa học

Ước mơ xây dựng những trang trại nhận nuôi những loài côn trùng quí hiếm, những động vật nhỏ bé nhưng kỳ dị để tạo nguồn hàng hoá đặc biệt phục vụ cho việc trao đổi, thương mại với các nước trên thế giới.
Điều tra và phát hiện thêm nhiều loài côn trùng cánh cứng và bướm ngày cho Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Là một người làm công tác nghiên cứu khoa học đã gần 30 năm nay, tôi thật sự yêu và trung thành với nghề nghiệp của mình đồng thời tôi cũng yêu tha thiết Tổ quốc mình. Do đó, tôi luôn tự nhủ phải sống và làm việc hết mình để đáp lại sự đãi ngộ của đất nước và nhân dân...



ĐẶNG TUẤN ĐẠT

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 2 - 3 - 1952.
Quê quán: Minh Hoàng - Phù Cừ - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 293 Hoàng Diệu - thành phố Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắc Lắc.

Quá trình công tác

Công tác tại Vụ I - Bộ Y tế.
Cán bộ Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Thực tập sinh sau đại học tại Trường Đại học Y số II Mátxcơva Liên Xô cũ.
Trưởng phòng chuyên môn Viện Vệ sinh Dịch tễ - Truyền nhiễm.
Phó Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ - Tự nhiên.
Chủ nhiệm dự án phòng chống dịch hạch khu vực Tây Nguyên.
Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Ký sinh trùng Việt Nam.
Uỷ viên Ban Chấp hành Tổng hội sinh học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Ngành Y - Dược học.

Đề tài luận án

Bọ chét Xenopsylla cheopis Rothschild, 1903, Pulicidae, Siphonaptera và vai trò của chúng trong bệnh dịch hạch ở Tây Nguyên.

Nội dung

Nghiên cứu trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên (Kontum, Gia Lai, Đắc Lắc) từ 1976 - 1987: Đã rút ra một số kết luận sau:
Có 13 loài bọ chét ở Tây Nguyên chiếm 1/3 tổng số loài hiện biết ở Việt Nam. Bọ chét Xenopsylla cheopis gặp phổ biến nhất, chúng phân bố rộng trong các sinh cảnh và có nhiều ký chủ nhất (20/38 ký chủ). Chuột Lắt (Rattus exulans) là ký chủ chủ yếu của X.cheopis ở đây.
Mùa phát triển của X.cheopis chính là mùa khô. Thời gian phát triển từ trứng đến trưởng thành trung bình là 28,5 ngày.
Nơi có dịch hạch ở động vật và ở người, mật độ gặm nhấm thấp, chỉ số bọ chét ký sinh và tự do cao hơn những nơi chưa có dịch.
Có 18 loài thú nhỏ trong huyết thanh có kháng thể chống dịch hạch (15 loài là ký chủ của X.cheopis).
Có 4,28% số mẫu bọ chét phân lập có Yersinia pestis. Khả năng nhiễm và truyền mầm bệnh dịch hạch của X.cheopis trong thực nghiệm là cao.
Mùa phát triển của X.cheopis trùng với mùa dịch hạch ở khu vực Tây Nguyên. Chúng là vector chủ yếu truyền bệnh dịch hạch ở khu vực này.

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài cấp Nhà nước: 64B-03-02 (chủ nhiệm đề tài nhánh ở Tây Nguyên).
Đề tài cấp Nhà nước: Mã hiệu KY-01-07 (thư ký).
Tham gia đề tài liên bộ (Y tế - Quốc phòng).
"Bước đầu tìm hiểu tình hình nhiễm sán Máng (Schistosoma Mekongi) ở Tây Nguyên (đồng chủ nhiệm - cấp bộ).
Và nhiều đề tài, công trình cấp Viện, liên Viện, Tỉnh đã được nghiệm thu ứng dụng.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học - công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, xác định chính xác, đầy đủ các yếu tố dai dẳng bệnh dịch hạch ở khu vực Tây Nguyên, Việt Nam. Lựa chọn biện pháp thích hợp, hiệu quả để phòng chống, tiến đến thanh toán bệnh dịch hạch ở Việt Nam trong một tương lai gần.
Nghiên cứu đề xuất biện pháp chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ cho cộng đồng các dân tộc ở khu vực Tây Nguyên.

Lời Tiến sĩ

Cần đầu tư xứng đáng cho giáo dục, đào tạo trong đó có đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao; Sử dụng và sử dụng có hiệu quả nhân tài, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trí thức làm việc góp phần xây dựng đất nước.



ĐỖ NGỌC ĐẠT

Tiến sĩ Sư phạm Tâm lý

Sinh ngày: 1 - 12 - 1934.
Quê quán: Xuân Hoà - Thọ Xuân - Thanh Hóa.
Chỗ ở hiện nay: A19 - P204 Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Toán lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy, khoa Tâm lý - Giáo dục Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Tâm lý - Giáo dục học.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995 .
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Khoa học sư phạm tâm lý.

Đề tài luận án

Thiết kế nội dung bài học phổ thông theo lý thuyết Cybernétique và công nghệ giáo dục.

Nội dung

Thể nền của Cybernétique là lý thuyết thông tin. Sự điều khiển trên hệ thống thông tin.
Chất lượng của công nghệ là các giải pháp về kỹ thuật. Kỹ thuật dắt dẫn và uỷ thác trên cơ sở các giải pháp.
Cấu trúc bài học theo modul: mỗi một modul là một lượng tri thức đủ để có thể nhận thức được một khái niệm khoa học, luyện tập trên đó là ví dụ minh hoạ, thực hiện trên đó là bài tập tương tự, bài tập mở rộng, bài tập sáng tạo và bài tập trắc nghiệm (modul) nào cũng vậy.
Mô hình thiết kế bài học là sơ đồ PERT (Program Evaluation and Review Technique).
Nội dung bài học theo cách thiết kế này sẽ đảm bảo nâng cao năng lực dạy và học.
Qua việc sử dụng bài học theo cách thiết kế này, thầy tiếp cận phương án dạy học hiện đại, trò tiếp cận được phương pháp tự học (phương pháp nhận thức) hiệu nghiệm.
Theo lý thuyết về lý luận dạy học hiện đại thì sự thiết kế bài học theo kiểu này đã đảm bảo được sự đồng cấu giữa phương pháp khoa học và phương pháp nhận thức của học sinh.

Thành tựu khoa học

Giáo trình *Lý luận dạy học* (viết chung).
Giáo trình *Siminaire về lý luận dạy học*, tập 1, tập 2 (chủ biên).
Lôgic học hình thức.
Logic toán ứng dụng trong dạy học.
Điều khiển học trong giáo dục.
Toán thống kê trong khoa học giáo dục và xã hội học.
Tài liệu giảng dạy các môn học: phương pháp luận nghiên cứu khoa học; Thống kê xã hội học và quản lý giáo dục v.v...
Nâng cao năng lực dạy và học toán.
Tiếp cận hiện đại hoạt động dạy học.
Bài giảng lý luận dạy học hiện đại.
Lý thuyết và thực hành giáo dục học.
Hướng dẫn lý thuyết và giải đáp thực hành giáo dục học.

Dự định khoa học

Biên soạn tài liệu:
Thống kê xã hội học và quản lý giáo dục.
Phương pháp luận nghiên cứu khoa học.
Nâng cao năng lực dạy và học toán, tập 3.
Tham gia đề tài "Giảng dạy môn học... theo lý thuyết tình huống" của Trường Đại học Sư phạm.

Lời Tiến sĩ

Nhân tài là chọn lọc tự nhiên, có sự đào tạo chủ định. Nhân tài đòi hỏi ở ý chí, bởi vì thông minh không phải là sự biểu hiện duy nhất để trở thành nhân tài. Ý chí cộng với thông minh bẩm sinh là tài năng. Chọn được nhân tài đưa về trung tâm lớn để đào tạo mới có đội ngũ khoa học lớn.



TRẦN TẤT ĐẠT

Phúc Tuệ, Quốc Hưng, Quốc Hùng

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 16 - 4 - 1945.
Quê quán: Hải Hùng - Hải Hậu - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 162/104/11C Điện Biên Phủ - Bình Thạnh - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Kiến trúc sư Viện Quy hoạch và Thiết kế Điện - Bộ Điện và Than.
Tổ trưởng tổ nghiên cứu khoa học xây dựng, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật Điện - Bộ Điện và Than.
Uỷ viên Uỷ ban Thẩm kế của Bộ Điện và Than.
Nghiên cứu sinh tại CHDC Đức cũ.
Công tác tại Sở Nhà đất thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là chuyên viên chính Công ty Phát triển và Kinh doanh nhà, Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn (RESCO).
Hội viên Hội Kiến trúc sư thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984.
Tại Trường Đại học Kiến trúc và Xây dựng Weimar (Bauhaus) CHLB Đức.
Ngành Kiến trúc.
Chuyên ngành Cấu trúc công trình.

Đề tài luận án

Những cơ sở vật lý kiến trúc và những yêu cầu kỹ thuật xây dựng đối với các bộ phận vỏ của các công trình công nghiệp năng lượng của nước CHXHCN Việt Nam.

Nội dung

Sau khi xác định mục tiêu nghiên cứu, giới hạn phạm vi nghiên cứu, phân tích các yêu cầu của công nghệ, của khí hậu đối với nhà máy nhiệt điện, cùng các khuynh hướng của thế giới, luận án tập trung phân tích 2 vấn đề quan trọng nhất là vật lý kiến trúc và kỹ thuật xây dựng đặt ra cho vỏ bao che. Bằng các tính toán và đồ thị, luận án đã chỉ rõ ảnh hưởng của nhiệt độ do sản xuất toả ra, bức xạ mặt trời, tốc độ gió, độ ẩm tương đối của không khí đối với việc hình thành vỏ bao che cho nhà (không cảm tính). Đặc biệt bằng cách dùng toán học chứng minh quan hệ của hình dáng nhà và hướng bố trí nhà tới việc hấp thụ năng lượng bức xạ mặt trời. Phân tích các kỹ thuật xây dựng phù hợp với khí hậu Việt Nam về chiếu sáng tự nhiên, chống gió bão v.v...
Kiến nghị các giải pháp bao che cho các nhà máy nhiệt điện ở Việt Nam tại 10 vùng khí hậu khác nhau. Các kết luận cũng có thể áp dụng cho các công trình xây dựng khác.

Thành tựu khoa học

Trong thời gian làm nghiên cứu sinh tại CHDC Đức (cũ) đã đăng ký 2 bằng sáng chế.
Trường Đại học Kiến trúc và Xây dựng Weimar, tặng bằng khen và huy chương vì thành tích nghiên cứu khoa học xuất sắc.
Chủ nhiệm đề tài: Các thông số vật lý kiến trúc trong nhà máy nhiệt điện.
Sở Nhà đất thành phố Hồ Chí Minh thưởng vì những nghiên cứu chống thấm cho bê tông.
Bằng Lao động sáng tạo.

Dự định khoa học

Nghiên cứu hiện đại hoá và công nghiệp hoá xây dựng nhà ở thành phố Hồ Chí Minh.
Nghiên cứu gia cường nền đất yếu cho các công trình xây dựng 5 tầng trong điều kiện thi công chật hẹp.

Lời Tiến sĩ

Mong được đóng góp sức lực, khả năng trong công cuộc cải tạo và xây dựng thành phố Hồ Chí Minh, khang trang và đẹp đẽ hơn.



HOÀNG CÔNG ĐẮC

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 19 - 4 - 1947.
Quê quán: Đông Phương - Đông Hưng - Thái Bình
Chỗ ở hiện nay: Số 5 - Nguyễn Trường Tộ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Nghiên cứu sinh trường Tổng hợp Komensky - Bratislava - Tiệp Khắc cũ.
Giảng dạy bộ môn ngoại Trường Đại học Y Hà Nội.
Giảng dạy sau đại học bộ môn Ngoại.
Hiện là Phó Giám đốc Bệnh viện E - Bộ Y tế.
Đã được phong Phó giáo sư.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984.
Tại trường Tổng hợp Komensky-Bratislava, Tiệp Khắc cũ.
Uỷ viên Thường vụ Ban Chấp hành Hội Hậu môn trực tràng Việt Nam.

Đề tài luận án

Nghiên cứu giá trị của nội soi trong chảy máu đường tiêu hoá trên.

Nội dung

Người Việt Nam, thường mắc các bệnh về ký sinh trùng, nhiễm trùng và bệnh tiêu hoá như nhiễm trùng gan mật, nhiễm trùng đường ruột, bệnh giun sán, sốt rét, amibe, nhiễm trùng đường mật, sỏi mật, viêm gan siêu vi trùng, loét dạ dày tá tràng... Hậu quả của các bệnh này gây nên các biến chứng chảy máu tiêu hoá trên như: Loét hành tá tràng, chảy máu đường mật, tăng áp lực tĩnh mạch cửa, xuất huyết tiêu hoá... Việc xử trí các trường hợp nói trên rất khác nhau, tuỳ thuộc vào nguyên nhân gây chảy máu. Những năm cuối của thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ XX việc xác định nguyên nhân chảy máu ở các nước Tây Âu phát triển với phương tiện chẩn đoán tốt thì ít trở ngại, ở các nước Đông Âu (như Tiệp Khắc) trang thiết bị còn thiếu thốn cũng còn nhiều khó khăn. Đặc biệt ở Việt Nam thời kỳ này ngoài một vài bệnh viện lớn được trang bị máy nội soi dạ dày còn các bệnh viện khác chỉ có máy điện quang, kết hợp với kinh nghiệm của người thầy thuốc lâm sàng, nên việc chẩn đoán rất khó khăn. Việc áp dụng nội soi trong chảy máu tiêu hoá cấp cứu: làm ngay tại giường bệnh.
Khi X quang không thực hiện được thì nội soi vẫn thực hiện được.
Cho ta biết vị trí chính xác chảy máu để chủ động các phương án can thiệp tích cực.
Bệnh nhân nặng qua nội soi ta có thể điều trị cầm máu được như tiêm xơ mạch đang chảy máu, thắt các búi tĩnh mạch giãn vỡ... nhằm 3 mục đích:
Nghiên cứu áp dụng nội soi trong cấp cứu chảy máu đường tiêu hoá.
Xác định nguyên nhân chảy máu.
Đề ra các biện pháp xử trí chảy máu đường tiêu hoá trên.

Thành tựu khoa học

Những đề tài đã công bố:
Nuôi dưỡng sớm bệnh nhân cắt đoạn dạ dày bằng dung dịch giàu đạm với sonde đặt qua miệng nối (cấp thành phố).
Giải nhì Hội thao sáng tạo tuổi trẻ năm 1986.
Ứng dụng nội soi trong chẩn đoán và điều trị các bệnh phổi và bụng (cấp Bộ).
Dùng sonde Foley để bóc nhân sơ tử cung kiểm soát và cầm máu tốt, bơm rửa sau mổ (chủ nhiệm).
Giải nhì Hội thao sáng tạo tuổi trẻ năm 2000.
và hơn 20 đề tài được công bố trên báo và tạp chí.
Tham gia nhiều hội đồng khoa học và tư vấn chuyên ngành của Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường Hà Nội.
Thành viên hội đồng cấp quốc gia của nhiều cuộc bảo vệ luận án tiến sĩ y khoa.
Hướng dẫn nhiều thạc sĩ, tiến sĩ y khoa.
Bằng khen Tuổi trẻ lao động sáng tạo năm 1986.
Sách đã xuất bản:
Cấp cứu ngoại khoa ở bụng (tác giả) - Bệnh viện Việt - Đức xuất bản.
Ngoại khoa (tham gia) sách giáo khoa - Nxb Y học.

Dự định khoa học

Xây dựng Bệnh viện E là một bệnh viện đa khoa TW hoàn chỉnh, trong đó có một khoa Ngoại, Sản mạnh toàn diện là địa chỉ đáng tin cậy của nhiều bệnh nhân.



NGUYỄN LÊ ĐẮC

Nguyễn Hồng Lê, Hồng Lê

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 3 - 2 - 1935.
Quê quán: Sơn Bằng - Hương Sơn - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Trường trung học phổ thông Dân lập huyện Hương Sơn - Hà Tĩnh.

Quá trình công tác

Công tác tại ngành giáo dục từ năm 1952.
Hiệu trưởng Trường tiểu học.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I, Đại học Sư phạm Vinh.
Phó giám đốc Trung tâm Nghiên cứu trẻ em Nghệ An.
Hiện là Hiệu trưởng trường Trung học phổ thông Dân lập Hương Sơn, Hà Tĩnh.
Hội viên Hội Tâm lý Giáo dục học.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Viện Khoa học giáo dục, Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Đề tài luận án

Cơ sở Tâm lý học của việc giáo dục học sinh trên địa bàn dân cư (tại nơi ở).

Nội dung

Hoạt động trong thời gian rỗi, ngoài giờ lên lớp, tại nơi ở là một nhu cầu không thể thiếu của học sinh. Nếu nhà trường không tổ chức và quản lý được loại hoạt động này cả về không gian và thời gian thì chính nó là con đường dẫn các tệ nạn xã hội vào nhà trường và làm băng hoại đạo đức của học sinh, phá hoại việc giáo dục toàn diện. Muốn khắc phục tình hình này, ngoài lớp học và Đoàn, Đội tổ chức theo lớp học, nhà trường cần có thêm một loại hình tổ chức mới làm chủ thể cho các hoạt động tại nơi ở, gọi là các tập thể học sinh tự quản (TTTQ) hoạt động trên địa bàn dân cư theo kế hoạch của nhà trường và được nhà trường đánh giá như hoạt động học tập văn hoá. TTTQ này hội đủ các nhân tố tâm lý xã hội, đảm bảo được sự tương hợp nhóm, có khả năng thiết kế và thi công các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo sự chỉ đạo của nhà trường. Đây là nơi hội tụ của sự kết hợp giáo dục nhà trường, Giáo dục gia đình và Giáo dục xã hội trong một chỉnh thể".

Có 15 công trình công bố ở tạp chí Nghiên cứu giáo dục và tạp chí Đại học và giáo dục chuyên nghiệp.

Trong đó có công trình "Đổi mới cấu trúc đoàn kiến tập sư phạm năm thứ 3 (hệ 4 năm) từ đơn khoa thành đa khoa" đã được áp dụng vào thực tiễn tại Đại học Sư phạm Vinh.

Thực nghiệm thành công việc tổ chức "Đội hoạt động trên địa bàn dân cư" và đã đưa vào ứng dụng trong thực tiễn.

Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học:

Đưa công nghệ thông tin vào nhà trường để nâng cao chất lượng dạy và học của một trường dân lập.

Lời Tiến sĩ

Đối với đất nước nếu không có sự trùng hợp giữa văn bản và thực tiễn thì đó là một nguy cơ cho công tác quản lý xã hội của đất nước.
Đối với khoa học giáo dục: Một biến chuyển nhỏ ở thực tiễn hơn một tá cương lĩnh.



PHẠM VĂN ĐẮC

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 5 - 3 - 1942.
Quê quán: Văn Võ - Chương Mỹ - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Trường Đại học Thương mại Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên Văn hoá Trung đoàn 102 - Sư đoàn 308.
Giáo viên Trường Kinh tế Thương nghiệp III - Bộ Nội thương.
Giảng viên Trường Đại học Thương nghiệp, Chủ nhiệm bộ môn, Chủ nhiệm khoa Hạch toán.
Uỷ viên chuyên trách Hội đồng Quản trị Tổng công ty Hồ Tây, Ban Tài chính Quản trị TW.
Giảng viên thỉnh giảng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Hội viên Hội Khoa học Kinh tế Trường Đại học Thương mại.
Hội viên Câu lạc bộ Kế toán trưởng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982.
Tại Đại học Thương mại Leizig - Cộng hoà Dân chủ Đức cũ.
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Hạch toán và thống kê.

Đề tài luận án

Kỹ thuật Card thông số với việc thống nhất giữa hạch toán tài chính và hạch toán nghiệp vụ trong quản trị doanh nghiệp thương mại.

Nội dung

Sản xuất càng phát triển thì khối lượng hàng hoá, dịch vụ lưu thông càng lớn, lượng thông tin cần xử lý cũng tăng lên đáng kể. Vận dụng tiến bộ khoa học, nhất là các phương tiện xử lý thông tin là một hướng đúng nhằm giải quyết các vấn đề trên. Luận án phân tích những tiền đề lý luận thực tiễn của quản trị doanh nghiệp đối với hạch toán nghiệp vụ và hạch toán tài chính.
Luận án đã đưa ra những nguyên tắc cơ bản của kỹ thuật Card thông số, đề xuất nguyên tắc, chuẩn mực lập trình đối với nghiệp vụ kinh tế và quá trình kinh tế.
Đề ra một số giải pháp lập trình trên nguyên tắc "ghi số kép" một biện pháp tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế theo thời gian và đối tượng hạch toán cả về hiện vật và giá trị nhằm nâng cao khả năng kiểm tra kiểm soát các hoạt động kinh tế tránh trùng, sót, sai. Mặt khác cũng là cơ sở kiểm toán nội bộ vì nó thống nhất sự vận động tiền - hàng; thống nhất được hạch toán nghiệp vụ, hạch toán thống kê và hạch toán tài chính - công cụ của hạch toán kinh tế.

Thành tựu khoa học

Chủ biên giáo trình:
Lý thuyết kế toán.
Kế toán thương nghiệp quốc doanh.
Xây dựng hệ thống chế độ kế toán thương nghiệp.
Chủ nhiệm đề tài:
Tổ chức hạch toán kế toán cho ngành kinh doanh vàng bạc, đá qui Việt Nam.
Tổ chức lại công tác kế toán cho Công ty Nông sản thực phẩm Bắc Thái.
Ứng dụng máy vi tính hạch toán kế toán ở Tổng công ty Vải sợi may mặc nội thương.

Dự định khoa học

Hoàn thiện lập trình tự động hoá toàn bộ quá trình hạch toán tài chính và hạch toán quản trị kinh doanh trong các doanh nghiệp.



TRẦN QUỐC ĐẮC

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 10 - 4 - 1938.
Quê quán: Phương Điếm - Gia Lộc - Hải Dương
Chỗ ở hiện nay: Nhà A26 - đường Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Tổ trưởng tổ Khoa học tự nhiên - Vụ Thiết bị trường học - Bộ Giáo dục.
Trưởng phòng nghiên cứu Công ty Thiết bị trường học - Bộ Giáo dục.
Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Cơ sở vật chất và Thiết bị dạy học - Viện Khoa học Giáo dục.
Hiện là Nghiên cứu viên cao cấp - Viện Khoa học Giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Giảng viên kiêm nhiệm khoa Hoá Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Uỷ viên Hội đồng duyệt mẫu Thiết bị dạy học, Bản đồ giáo khoa Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Hội đồng bộ môn Hoá học Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Hội Những người giảng dạy Hoá học, Hội Hoá học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Sư phạm - Tâm lý.

Đề tài luận án

Hoàn thiện hệ thống thí nghiệm hoá học để nâng cao chất lượng dạy - học ở trường PTCS Việt Nam.

Nội dung

Những cơ sở lý luận và thực tiễn nghiên cứu hoàn thiện hệ thống thí nghiệm trong dạy - học hoá học (DHHH) ở trường phổ thông gồm: Sử dụng thí nghiệm và các phương tiện trực quan khác là một trong những phương pháp dạy học quan trọng nhất về hoá học ở trường phổ thông; Thực trạng tình hình trang bị, sử dụng các dụng cụ thí nghiệm (DCTN) và thí nghiệm hoá học (TNHH) ở trường phổ thông Việt Nam.
Nghiên cứu cải tiến hệ thống thí nghiệm trong DHHH ở trường THCS Việt Nam, gồm 3 nội dung Xác định hệ thống TBHH và DCTN trong DHHH ở trường phổ thông cơ sở Việt Nam; Cải tiến các DCTN trong HDHH ở trường phổ thông cơ sở; Cải tiến các thí nghiệm trong DHHH ở trường phổ thông cơ sở Việt Nam.
Thực hiện sư phạm, bao gồm: Mục đích, tiến trình, quy mô, nội dung, kết quả thực nghiệm sư phạm.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm trên 10 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ đã nghiệm thu.
Biên soạn 7 sách đã xuất bản (tác giả 3 cuốn, đồng tác giả 4 cuốn).
Trên 10 báo cáo khoa học đã in trong các kỷ yếu Hội thảo Khoa học.
Tham gia biên soạn 10 tiêu chuẩn chất lượng về thiết bị dạy học và đồ chơi mẫu giáo cấp Nhà nước và cấp Ngành.
Nghiên cứu, thiết kế, sáng tạo trên 100 mẫu thiết bị dạy học trang bị cho trường phổ thông.
Nhiều bài đăng trên các báo và tạp chí.

Dự định khoa học

Chủ biên: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn của việc xây dựng và sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học ở trường phổ thông Việt Nam.
Biên soạn: Thí nghiệm hoá học thực hành lượng nhỏ ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.
Tham gia viết giáo trình Đào tạo cán bộ thí nghiệm cho các trường phổ thông.
Tham gia dự án Xây dựng kế hoạch tổng thể giáo dục trung học giai đoạn 2001-2010.
Tham gia xây dựng hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn đồ chơi trẻ em.
Nghiên cứu, cải tiến, sáng tạo mẫu và viết tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống thiết bị dạy học môn Hoá học ở trường phổ thông Việt Nam.



TRẦN ĐÌNH ĐẰNG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 10 - 1 - 1934.
Quê quán: Đại Quang - Đại Lộc - Quảng Nam.
Chỗ ở hiện nay: 45 đường X - Khu tập thể Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Trồng trọt Trường Đại học Nông Lâm Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy, Phó trưởng bộ môn, Phó trưởng khoa Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Phó trưởng đoàn chuyên gia nông nghiệp tại Cộng hoà Ăngôla.
Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học kỹ thuật - Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Dạy cao học, hướng dẫn nghiên cứu sinh, tham gia Hội đồng chấm luận án tiến sĩ, thạc sĩ.
Hiện là Chủ tịch Hội Khoa học kinh tế Nông - Lâm nghiệp Việt Nam.
Uỷ viên chấp hành Hội Khoa học kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.
Tại Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Ngành Kinh tế.
Chuyên ngành Kinh tế và tổ chức lao động.

Đề tài luận án

Biện pháp tổ chức sản xuất lúa gieo vãi ở vùng đồng bằng sông Hồng.

Nội dung

Hệ thống hoá cơ sở khoa học của việc sản xuất lúa bằng phương pháp gieo vãi (sạ lúa ở phía Nam). Nhấn mạnh khía cạnh hiệu suất lao động, hiệu quả kinh tế hướng tới việc cơ giới hoá đồng bộ việc sản xuất lúa nước ở Đồng bằng sông Hồng.
Đánh giá thực trạng tổ chức sản xuất lúa gieo vãi ở vùng đồng bằng sông Hồng.
Đề xuất điều kiện và biện pháp tổ chức sản xuất lúa gieo vãi ở vùng đồng bằng sông Hồng khả thi và hiệu quả.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu tiêu biểu:
Kinh tế lúa xuân ở miền Bắc Việt Nam 1965 - 1969 (cấp Bộ).
Biện pháp tổ chức sản xuất lúa gieo vãi ở vùng đồng bằng sông Hồng (cấp Trường).
Tổ chức sản xuất cây vụ Đông ở đồng bằng sông Hồng.
Khảo sát kinh tế hộ gia đình nông dân ngoại thành Hà Nội (cấp Thành phố).
Hiệu quả sản xuất một số cây trồng vụ đông xét theo khía cạnh hệ thống nông nghiệp ở Hà Nội và phụ cận (cấp bộ).
Hiệu quả sản xuất lúa theo I.P.M (đề tài hợp tác với IRRI).
Sách đã xuất bản:
Kinh tế - tổ chức xí nghiệp nông nghiệp XHCN - Nxb Nông nghiệp.
Tổ chức sản xuất rau.
Quản lý doanh nghiệp.
Quản trị doanh nghiệp.
Kinh tế hộ nông dân.
Kinh tế hợp tác.
Quản trị doanh nghiệp.
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục, Vì thế hệ trẻ.

Dự định khoa học

Tư vấn và tìm hiểu về chiến lược phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bằng sông Hồng.
Tìm hiểu các hình thức tổ chức kinh doanh trong nông nghiệp, nông thôn trong nền kinh tế thị trường.
Viết sách.

Lời Tiến sĩ

Rất mong một cơ chế phù hợp nhằm khai thác có hiệu quả đội ngũ tri thức chân chính.



NGUYỄN XUÂN ĐẶNG

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 30 - 8 - 1956.

Quê quán:

Hoằng Trạch - Hoằng Hoá - Thanh Hoá.

Chỗ ở hiện nay: Số 26/3B Phùng Chí Kiên - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Công tác tại Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Trung tâm Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

Hiện là Trưởng phòng.

Hội viên Hội Động vật học Việt Nam.

Thành viên các nhóm chuyên gia Voi, Tê giác, Thú ăn thịt nhỏ của IUCN.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.

Tại Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật.

Chuyên ngành Động vật học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái và khả năng nhân nuôi của một số loài cầy (họ Viverridae) ở Việt Nam.

Nội dung

Phân tích thành phần loài, giá trị kinh tế và tình trạng bảo tồn của khu hệ thú họ cầy ở Việt Nam.

Nêu lên các đặc điểm sinh học (hình thái phân loại ngoài, hình thái nội quan, hình thái tuyến xạ, thức ăn, nhu cầu dinh dưỡng, tập tính hoạt động, sinh sản), các đặc điểm sinh thái (sự phân bố, nơi ở, vùng hoạt động cá thể, các mối quan hệ sinh thái) của 6 loài cầy: vòi mốc *(Paguma larvata)*, vòi đốm *(Paradoxurus hermaphroditus)*, cầy mực *(Artictis binturong)*, cầy giông *(Viverra zibetha)*, cầy hương *(Viverricula indica)* và cầy vằn (*Chrotogale owstoni*). Đánh giá khả năng nhân nuôi và tạo lập cơ sở khoa học cho việc xây dựng qui trình nhân nuôi 6 loài cầy có giá trị kinh tế cao và qui hiếm nói trên.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm 2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước.

1 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.

Công bố nhiều công trình nghiên cứu trên các tạp chí trong và ngoài nước.

Sách đã xuất bản:

3 cuốn sách song ngữ Việt - Anh về nhận diện hiện trường các loài thú cơ bản ở khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng, Vườn Quốc gia Cát Tiên và khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Mát.

Giới thiệu về các loài động vật hoang dã bị buôn bán nhiều.

Chuyên khảo về các loài vượn ở Việt Nam.

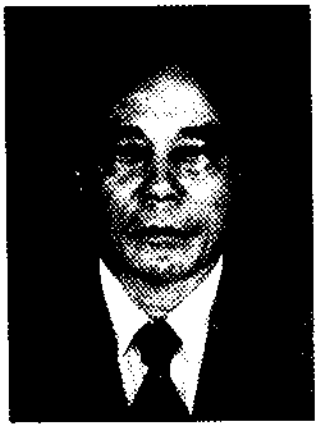
Đồng giải thưởng VIFOTEC.

Dự định khoa học

Tiến hành các nghiên cứu về khu hệ và sinh thái học động vật hoang dã góp phần xây dựng chiến lược bảo tồn đa dạng sinh học và sử dụng bền vững tài nguyên sinh vật của đất nước.

Lời Tiến sĩ

Mong sao nền khoa học Việt Nam phục vụ tốt nhất cho sự phát triển của đất nước và không bị lạc hậu với các nền khoa học tiên tiến trên thế giới.



TRẦN BÁ ĐỀ

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 25 - 04 - 1941.
Quê quán: Đức Lạc - Đức Thọ - Hà Tĩnh.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn
Hội viên Hội Mỏ Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1980.
Tại trường Đại học Mỏ Mátxcơva Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Kỹ thuật an toàn điện.

Đề tài luận án

Nghiên cứu điều kiện an toàn điện trong các mỏ than hầm lò Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu các thông số điện các mạng điện mỏ hầm lò để đề xuất các biện pháp đảm bảo sử dụng an toàn điện trong khai thác than hầm lò. Ứng dụng kết quả nghiên cứu vào được mỏ Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Chủ trì 1 đề tài cấp Nhà nước; 1 đề tài cập bộ, và viết nhiều bài đăng trên các tập san chuyên ngành.

Huy chương chống Mỹ hạng Nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục đào tạo.
Sách đã xuất bản:
Giáo trình Điện khí hoá mỏ (đồng tác giả).

Dự định khoa học

Nghiên cứu về an toàn sử dụng điện năng.



NGUYỄN ĐẠI ĐIỀN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 21 - 12 - 1961.
Quê quán: Nam Trung - Nam Sách - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: Số 362 Đường Nguyễn Trãi - Hà Nội.

Quá trình công tác

Học viên - Học viện Kỹ thuật quân sự.
Học viên Học viện Sỹ quan lục quân 1.
Sinh viên Trường Đại học Giao thông đường bộ quốc gia Mátxcơva Liên Xô.
Học viên Trường Quân chính Quân khu Thủ đô.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Giao thông đường bộ quốc gia Mátxcơva Liên Xô cũ.
Cán bộ nghiên cứu - Viện Kỹ thuật Công binh.
Cán bộ nghiên cứu Phân viện Công trình Quân sự, Trung tâm Khoa học - Kỹ thuật công nghiệp quân sự (Bộ Quốc phòng).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990.
Tại Trường Đại học Giao thông đường bộ quốc gia Mátxcơva, Liên Xô cũ.
Ngành Máy và thiết bị xây dựng và làm đường.
Chuyên ngành Khai thác, sử dụng máy và thiết bị xây dựng và làm đường.

Đề tài luận án

Điều khiển độ tin cậy của máy xúc thuỷ lực được nhập khẩu từ Liên Xô về Việt Nam.

Nội dung

Xác định quy luật ảnh hưởng của độ khắc nghiệt khí hậu Việt Nam đến các hệ số của độ tin cậy của xe máy được nhập khẩu từ Liên Xô cũ.
Xây dựng phương pháp chọn sự phân bố công việc khi sửa chữa xe máy một chủng loại giữa các nhà máy khi trung tâm hoá và chuyên môn hoá sản xuất;
Xây dựng phương pháp tổ chức phục vụ kỹ thuật và sửa chữa xe máy, đồng thời xác định nhu cầu cần thiết vệ hệ thống phục vụ kỹ thuật;
Phân tích những yếu tố ảnh hưởng tới tuổi thọ của xe máy và tìm ra quy luật xác định tuổi thọ tối ưu của xe máy có kể đến sự thay đổi hệ số độ tin cậy của các phần tử của máy, độ khắc nghiệt của khí hậu, chi phí khi phục hồi tính công tác của máy khi hợp tác hoá và chuyên môn hoá.

Thành tựu khoa học

Chủ trì 5 đề tài và tham gia 19 công trình.
Dịch 2 quyển sách.
Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất.
Được khắc tên trên bia đá ở Trường Đại học Giao thông đường bộ Mátxcơva tại.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, cải tiến, đồng bộ và chế tạo mới khí tài vượt sông cấp chiến dịch, chiến thuật và phòng chống bão lụt, khí tài vượt sông phục vụ chỉ huy.
Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật và công nghệ xử lý bến vượt, mở nhanh bến vượt trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao.
Nghiên cứu cải tiến đồng bộ các trang bị vượt sông của Binh chủng Công binh phù hợp với điều kiện Việt Nam.
Nghiên cứu thiết kế chế tạo, cải tiến phương tiện xe máy đồng bộ với khí tài vượt sông, phương tiện xử lý bến vượt và sự cố giao thông ảnh hưởng đến cơ động quân sự.
Tham gia đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, kỹ sư.



ĐẶNG QUANG ĐIỀU

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 27-8-1957
Quê quán: Tiến Đức - Hưng Hà - Thái Bình
Chỗ ở hiện nay: E2 tổ 91 - phường Ô Chợ Dừa - quận Đống Đa - Hà Nội

Quá trình công tác

Hiện là chuyên viên Ban Chính sách Kinh tế - Xã hội, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Học viện Quan hệ Lao động và Xã hội - Mátxcơva Liên bang Nga.
Chuyên ngành Kinh tế Lao động.

Đề tài luận án

Sự hình thành nguồn lao động và vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động trong điều kiện mới ở Việt Nam.

Nội dung

Tiềm năng lao động Việt Nam hết sức dồi dào với hơn 40 triệu người trong độ tuổi lao động trong tổng số 80 triệu dân. Tuy nhiên tiềm năng lao động quý báu đó trong thời gian qua đang sử dụng hết sức lãng phí, hiệu quả thấp, chất lượng nguồn lao động không đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Thị trường lao động chưa phát triển, còn nhiều bất cập giữa cung và cầu. Về số lượng lao động cung vượt quá cầu nhưng chất lượng nguồn lao động cung lại không đáp ứng được cầu.
Tác giả đã nghiên cứu, phân tích những đặc trưng cơ bản của nguồn lao động trong nước, đưa ra các giải pháp nhằm sử dụng có hiệu quả tiềm năng lao động như phát triển ngành nghề, du lịch, dịch vụ, phát triển các trung tâm dịch vụ việc làm; mở hội chợ việc làm, phát triển kinh tế nhiều thành phần v.v...

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài
Lao động dôi dư và chính sách đối với lao động dôi dư trong quá trình đổi mới doanh nghiệp nhà nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu xây dựng chính sách liên quan tới người lao động; hoàn thiện thị trường lao động Việt Nam; bảo vệ quyền và lợi ích người lao động trong xu thế toàn cầu hoá.

Lời Tiến sĩ

Mong sao mọi người lao động Việt Nam trong độ tuổi lao động đều có việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng và được đãi ngộ xứng đáng.



VŨ BẰNG ĐÌNH

Vũ Nhị

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 2 - 4 - 1935.
Quê quán: Hải Triều - Tiên Lữ - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 30 Hoàng Văn Thái - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Bác sĩ điều trị Bệnh viện Hữu nghị Việt Xô.
Thực tập sinh, nghiên cứu sinh quân đội Hungari.
Chủ nhiệm khoa Nội Truyền nhiễm Bệnh viện Trung ương Quân đội 108.
Phó Viện trưởng, Viện trưởng Bệnh viện Trung ương Quân đội 108. Kiêm nhiệm Chủ nhiệm bộ môn Truyền nhiễm.
Phó Chủ tịch Hội đồng Bảo vệ sức khoẻ Trung ương.
Trưởng tiểu ban kỹ thuật Hội Truyền nhiễm Việt Nam.
Hội viên Hội Gan học Việt Nam.
Trưởng tiểu ban phòng chống bệnh nhiễm HIV/AIDS Bộ Quốc phòng.
Chuyên viên Kỹ thuật Hội đồng Y học Bộ Quốc phòng.
Chủ nhiệm bộ môn Truyền nhiễm, Viện Đào tạo sau đại học, Bệnh viện 108.
Hội viên Hội Pháp ngữ Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1978.
Tại Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.
NgànhTruyền nhiễm.
Chuyên ngành Bệnh học gan.

Đề tài luận án

Những thay đổi miễn dịch dịch thể và tế bào trong nhiễm virút viêm gan B và trên những người sau mắc viêm gan vi rút cấp 21 - 25 năm.

Nội dung

Nghiên cứu tỷ lệ, số lượng tuyệt đối tế bào lympho, lymphoT, lymphoT hoạt động, B lympho, các globulin miễn dịch IgA, IgM, IgG, bổ thể Các cấp, phản ứng ức chế di tản bạch cầu với sự có mặt của HBsAg, và các tự kháng thể, kiểm tra các thể kháng thể kháng nhân, kháng tế bào cơ trơn, kháng cầu thận cho các bệnh nhân nhiễm viêm gan B cấp, viêm gan B mãn, những người mang HBsAg không triệu chứng và trên những bệnh nhân viêm gan cấp 21 - 25 năm trước, thấy vai trò đáp ứng miễn dịch, đặc biệt miễn dịch qua trung gian tế bào đóng vai trò quyết định trong cơ chế bệnh sinh của VGB.

Thành tựu khoa học

Giấy chứng nhận sáng kiến cải tiến kỹ thuật:
Phát hiện HBsAg trong tế bào gan.
Điều trị uốn ván bằng đưa vào tuỷ sống AST + Diasepam + Dépersolôn.
Chọc dẫn lưu Abces gan.
Chủ nhiệm đề tài 59 công trình nghiên cứu khoa học, trong đó có 6 công trình NCKH cấp Nhà nước, 3 đề tài cấp Bộ.
Tham gia đào tạo tiến sĩ.
Thạc sĩ y học, bác sĩ chuyên khoa II.
Tham gia nhiều Hội đồng chấm luận án cấp quốc gia.
Giảng dạy đại học và sau đại học.
Huân chương CSVV hạng 1, 2, 3.
Huân chương chống Mỹ hạng II.
Huân chương chiến công hạng I.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
Danh hiệu Thầy thuốc ưu tú.
Phó Giáo sư.
Sách đã xuất bản:
Tác giả và đồng tác giả 11 sách chuyên đề.

Dự định khoa học

Nghiên cứu viêm gan vi rút: điều trị viêm gan vi rút B mãn tính bằng Lamivudin.
Viết sách chuyên đề: viêm gan vi rút.

Lời Tiến sĩ

Trong thực tế ở nước ta và trên thế giới không ít những nhà khoa học ngoài 60 tuổi vẫn miệt mài học tập, nghiên cứu, nhiều nhà khoa học ngoài tuổi 70 vẫn còn những đóng góp xuất sắc cho khoa học. Nước ta là nước đang phát triển, nền kinh tế yếu kém, nền khoa học vẫn còn chậm phát triển, các nhà khoa học không thể "về hưu". Bản thân những người làm khoa học hưu trí phải vươn lên tự khẳng định mình.



NGUYỄN HỮU ĐĨNH

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 19 - 4 - 1945.
Quê quán: Hoà Phú - Ứng Hoà - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 50 - phường Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường ĐHSP Hà Nội.
Cán bộ trường Văn hoá Bộ Quốc phòng.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô cũ.
Chủ nhiệm bộ môn Hoá, Học viện Hậu cần.
Giảng viên chính trường ĐHSP Hà Nội.
Phó giáo sư trường ĐHSP Hà Nội.
Thư ký Phân hội Hoá Hữu cơ - Hội Hoá học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982.
Tại Đại học Tổng hợp quốc gia Tbilixi Liên Xô cũ.
Ngành Hoá học.
Chuyên ngành Hoá Hữu cơ.

Đề tài luận án

Tổng hợp và chuyển hoá 2,2' - diclorua cacbonyl - bis (5-indolyl) metan.

Nội dung

Khởi thảo phương pháp và tiến hành tổng hợp 2,2' - diclorua cacbonyl - bis (5-indolyl) metan là một chất then chốt để điều chế ra các hợp chất mới bao gồm cả các polyme chứa nhân indol chưa được biết tới. Tổng hợp và nghiên cứu cấu trúc các polydixetopyrazinol, amit, polyamit, este, polyeste, polyestecacbonat có chứa nhân indol. Một số trong các chất tổng hợp được có hoạt tính sinh học có triển vọng được ứng dụng làm các chất diệt trùng, diệt nấm. Một số polime chứa nhân indol có cấu tạo đặc biệt, tan được trong nước và có hoạt tính sinh học cao.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:

Nghiên cứu phản ứng thế electrophin vào nhân indol (chủ nhiệm).

Tổng hợp và nghiên cứu một số phức chất của platin có hoạt tính chống ung thư (thư ký - cấp Bộ).

Nghiên cứu thành phần cấu trúc, chuyển hoá và ứng dụng một số hợp chất thiên nhiên (thư ký - Cấp Đại học Quốc gia).

Tổng hợp và nghiên cứu một số hợp chất chứa nitơ trên cơ sở các hợp chất tách từ tinh dầu nghiệm thu năm 2000 (chủ trì - cấp Nhà nước).

Sách đã xuất bản:

Ứng dụng một số phương pháp phổ nghiên cứu cấu trúc phân tử. Nxb giáo dục (đồng tác giả với Trần Thị Đà).

Bài tập Hoá học Hữu cơ; Nxb Đại học Sư phạm (đồng tác giả).

Bài tập nâng cao, Hoá học lớp 12, Nxb Giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tổng hợp các chất có hoạt tính sinh học trên cơ sở các hợp chất thiên nhiên tách từ thực vật của Việt Nam.
Tham gia đào tạo cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ.
Viết sách chuyên ngành.

Lời Tiến sĩ

Luôn băn khoăn, trăn trở làm sao để có thể làm được những gì lớn hơn cho đất nước, cho khoa học.



LÊ VĂN ĐÍNH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 2 - 8 - 1952.

Quê quán: Hoằng Xuyên - Hoằng Hoá - Thanh Hoá

Chỗ ở hiện nay: Tổ 51 - Tập thể Viện Khoa học công nghệ xây dựng - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Lưu học sinh tại CHDC Đức cũ.
Thực tập sinh tại CHDC Đức cũ.
Cán bộ nghiên cứu Viện Khoa học kỹ thuật xây dựng - Bộ Xây dựng.
Nghiên cứu sinh tại CHDC Đức.
Phó phòng, Trưởng phòng nghiên cứu. Viện Khoa học kỹ thuật xây dựng - Bộ Xây dựng.
Phó giám đốc Công ty PTKTXD - Bộ Xây dựng.
Giám đốc Công ty Tư vấn Đầu tư và thiết kế xây dựng, Tổng công ty Xây dựng Hà Nội.
Hội viên Hội Xây dựng Việt Nam.
Hội viên Câu lạc bộ Doanh nghiệp Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.
Tại Trường Đại học kỹ thuật Leipting - CHDC Đức.
Ngành Xây dựng
Chuyên ngành Công nghệ xây dựng.

Đề tài luận án

Phương án tối ưu về trang thiết bị và tổ chức công trường thi công xây lắp các dự án công nghiệp tại CHXHCN Việt Nam.

Nội dung

Hình thức tối ưu tổ chức công trường xây lắp công nghiệp trong điều kiện Việt Nam.
Phương án tối ưu cung ứng vật tư thiết bị đảm bảo công tác thi công liên tục và đạt kết quả kinh tế cao.
Tổ chức phương án trang bị các trạm trộn tối ưu cho việc cấp bê tông thương phẩm phục vụ công tác thi công xây lắp.
Sử dụng năng lượng mặt trời trong việc bảo dưỡng cấu kiện bê tông cốt thép gia công tại hiện trường.
Phương án tối ưu cung ứng dịch vụ phục vụ đời sống cán bộ công nhân viên công trường và con cái công nhân viên chức trong điều kiện cơ chế bao cấp mọi hàng hoá dịch vụ đều phải cân đối.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu các đề tài:
Tổng kết các công nghệ thi công tiên tiến đã được ứng dụng tại Việt Nam.
Nghiên cứu ứng dụng thi công nhà khung khớp lắp ghép.
Biên soạn tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu các công trình BTCT liền khối bằng cốp pha trượt.
Nghiên cứu tổ chức tối ưu việc thi công lắp ghép tấm lớn.
Nghiên cứu ứng dụng thi công nhà bằng biện pháp kích nâng sàn.
Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thi công cọc bằng phương pháp ép thuỷ lực.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, đề xuất về cơ chế tổ chức quản lý nâng cao năng lực công tác tư vấn xây dựng trong nước.
Nghiên cứu, tổng kết các công trình công nghệ thi công tiên tiến được ứng dụng tại Việt Nam và biên soạn chỉ dẫn áp dụng.
Tổng kết thực tiễn và đề xuất cơ chế, chính sách và biện pháp tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong đấu thầu xây lắp và quản lý chất lượng dự án trong giai đoạn thực hiện đầu tư.

Lời Tiến sĩ

Nhà nước đã đầu tư đào tạo một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ cao, nhưng chưa có chính sách sử dụng đúng đắn sau đào tạo nhằm phát huy năng lực của đội ngũ này.
Chính sách về tiền lương và xu thế để bạt, bố trí cán bộ trong những năm gần đây, phần làm nhiều cán bộ khoa học suy giảm sự say mê tìm tòi nghiên cứu phát minh, sáng chế...



ĐINH XUÂN ĐỊNH

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 11 - 6 - 1939.
Quê quán: Đại Sơn - Đô Lương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Phường Bến Thuỷ - thành phố Vinh - Nghệ An.

Quá trình công tác

Thư ký Vụ Ban Hoá học Uỷ ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô (cũ).
Công tác tại khoa Hoá - trường Đại học Vinh.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Hoá lý, Đại cương Đại học Vinh.
Chủ tịch Hội đồng Khoa học khoa Hoá.
Uỷ viên hội đồng khoa học trường Đại học Vinh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1971.
Viện tổng hợp hoá dầu mỏ A.B. Topchiep, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Hoá học polime.

Đề tài luận án

Những ảnh hưởng của cấu trúc đại phân tử đến quá trình tạo thành hệ liên kết liên hợp trong poliacrylonitril luyện nhiệt.

Nội dung

Nghiên cứu quá trình chuyển hoá nhiệt polime acrylonitril khác nhau, tỷ lệ cấu trúc izotactic và sindiotactic, chứng tỏ rằng: cấu trúc giàu izotactic tạo điều kiện thuận lợi để tương tác các nhóm nitril hình thành hệ thống liên hợp. Bằng sự nghiên cứu quang phổ uv, hồng ngoại, phổ huỳnh quang và phổ cộng hưởng từ electron đã chứng minh liên kết trên.
So sánh các đại lượng năng lượng hoạt hoá hiệu dụng, cũng như biến thiên entropi, entanpi hoạt hoá quá trình phát triển mạch liên hợp, nhận thấy rằng các giá trị entropi đóng vai trò quan trọng đối với polime giàu izotactic.
Nghiên cứu sự hình thành liên kết hợp trong tướng rắn và tướng lỏng của polime chứng tỏ rằng thời gian, hiệu quả chuyển hoá trong tướng rắn được tăng cường.
Nghiên cứu phân huỷ nhiệt các sản phẩm luyện nhiệt chứng tỏ: thời gian cảm ứng phân huỷ rút gọn ở polime giàu izotactic.

Thành tựu khoa học

Đã tham gia công trình bóng cản không, Viện Nghiên cứu Bộ Quốc phòng.
Đã hoàn thành đề tài: Nghiên cứu các hợp chất polime có mạch liên kết liên hợp có tính chất vật lý đặc biệt nhằm tạo vật liệu mới (cấp bộ).
Huy chương vì sự nghiệp Khoa học và Công nghệ.
Sách đã xuất bản:
Đã viết các tài liệu giảng dạy về Hoá lý; Hoá đại cương; Polime - Đại học Sư phạm Vinh xuất bản.

Dự định khoa học

Nghiên cứu vật liệu trên cơ sở polime bán dẫn là lĩnh vực đang được quan tâm. Việc ứng dụng trong kỹ thuật vật liệu này có nhiều hứa hẹn.



NGUYỄN XUÂN ĐỊNH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 5 - 11 - 1952.
Quê quán: Quảng Ngọc - Quảng Xương - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: Số 2 - đường 800A - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Học dự bị Đại học Tổng hợp Kiep, Liên Xô cũ.
Tốt nghiệp Đại học Cơ khí nông nghiệp Mátxcơva Liên Xô cũ.
Cán bộ nghiên cứu Viện Cơ - Điện nông nghiệp Hà Nội.
Trợ lý kỹ thuật Binh chủng Thiết giáp, Bộ Quốc phòng.
Trưởng vùng các đơn vị hợp tác lao động tại Barnaun, Liên Xô cũ.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp kỹ thuật quốc gia Altai - Liên bang Nga.
Cộng tác Viện khoa học Trường Đại học Tổng hợp kỹ thuật Altai - Liên bang Nga.
Cán bộ khoa học kỹ thuật Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Tây.
Hiện là Bí thư thứ nhất Đại sứ quán Việt Nam tại Ucraina.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Trường Đại học Tổng hợp kỹ thuật Quốc gia I.I. Polzunov, Altai. Liên bang Nga.
Ngành Cơ khí hoá Nông nghiệp.
Chuyên ngành Máy thực phẩm và thiết bị.

Đề tài luận án

Chọn hạt giống tích cực trên cơ sở phân ly dùng không khí.

Nội dung

Phân tích đặc điểm cấu tạo và tính chất cơ hoá lý của hạt lúa mỳ, quan hệ giữa cấu tạo giải phẫu hạt và tính chấn thương dưới tác động của lực cơ khí. Ảnh hưởng tính chất sinh học, hình học các thành phần khối hạt, quan hệ giữa trọng lượng 1000 hạt, tỷ trọng hạt với vận tốc bay của hạt; chấn thương của hạt dưới tác động của lực cơ khí và khả năng tách hạt chính xác trong buồng không khí thành các nhóm hạt.
Nghiên cứu lý thuyết quá trình phân ly hạt bằng không khí trên cơ sở lý thuyết quá trình tách hạt bằng khí động lực học với mục đích làm việc tích cực của vùng giữa kênh không khí. Xây dựng quỹ đạo và phân bố thống kê các thành phần khối hạt theo vận tốc rơi, mô tả quá trình phân ly dùng không khí trong kênh của máy phân ly. Xây dựng chùm quỹ đạo, xác định các thông số thiết kế máy phân ly: Hiệu quả độ chọn hạt, độ chuẩn quá trình phân ly, tải trọng khối hạt trên kênh, độ rộng kênh, độ cao trung bình và độ thấp nhất của kênh.
Nghiên cứu, khảo sát, phân tích những phương pháp riêng, các máy móc, dụng cụ và thiết bị để thực hiện đề tài. Lựa chọn đặc tính các bộ phận làm việc của thiết bị phân ly có kể đến tính chia đúng của hỗn hợp hạt. Thí nghiệm máy được tiến hành trong phòng thí nghiệm và ở điều kiện sản xuất trên cơ sở phương pháp đo đếm các thông số khí động lực học của hạt, gia công các kết quả đo đếm.
Giới thiệu những kết quả nghiên cứu trên cơ sở xây dựng đồ thị hình chữ kết, xác định độ ra tối ưu của thành phần hạt nhẹ khi phân ly, phụ thuộc vào thành phần hỗn hợp ban đầu và giả định độ sạch của thành phần nặng, đồng thời xác định độ chứa hỗn hợp có trong thành phần nhẹ trước khi chọn hạt.
Thử nghiệm công nghệ, đề ra trong điều kiện sản xuất, các kết quả thí nghiệm đã được kiểm tra và được đánh giá hiệu quả kinh tế.
Nêu ra 7 kết luận quan trọng, đánh giá việc kiểm định trong sản xuất các kết quả nghiên cứu, chứng minh khả năng tích cực quá trình chọn hạt trên cơ sở phân ly ra thành phần bằng máy phân ly dùng luồng không khí, giới thiệu sử dụng công nghệ rút gọn khi gia công hạt giống.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu:
Một số đặc tính cơ lý đất nông nghiệp Việt Nam.
KXBĐ-05.
Kết quả nghiên cứu đề tài luận án đã được ứng dụng ở liên doanh sản xuất - khoa học Agrotexprogress.



PHẠM VĂN ĐỊNH

Tiến sĩ Quân sự

Sinh ngày: 7 - 8 - 1953.

Quê quán: Thắng Thuỷ - Vĩnh Bảo - Hải Phòng.

Chỗ ở hiện nay: 92/1B đường sông Lử - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội.

Học sinh quân sự trường Tên lửa phòng không Ôđétxa Liên Xô cũ.

Trợ lý kỹ thuật nhà máy A31.

Phó Tiểu đoàn trưởng đoàn kỹ thuật tên lửa.

Nghiên cứu sinh Trường Tên lửa Minxcơ Liên Xô cũ.

Trợ lý kỹ thuật tên lửa quân chủng Phòng không.

Trợ lý nghiên cứu tên lửa Viện Kỹ thuật Quân sự phòng không.

Thượng tá, Phó Trưởng phòng nghiên cứu vũ khí phòng không, Viện Kỹ thuật Quân sự phòng Không - Không quân.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.

Tại Trường Tên lửa Minxcơ, Liên Xô cũ.

Ngành Khai thác lâu dài và phục hồi khả năng chiến đấu của vũ khí - khí tài, trang bị quân sự.

Chuyên ngành Độ tin cậy của tên lửa phòng không.

Đề tài luận án

Thiết lập hệ thống thu nhập và xử lý thông tin đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau đến độ tin cậy của tên lửa phòng không ở các vùng khí hậu nhiệt đới ẩm và ven biển.

Nội dung

Độ tin cậy của tên lửa nói chung là rất cao và thường được đánh giá bởi hai trạng thái tốt hoặc hỏng. Tần suất hỏng hóc của chúng rất nhỏ ($\leq 0,1$) và có phân bố nhị thức nên khi tính xác suất hỏng người ta phải dùng các công thức tổ hợp, chỉnh hợp rất cồng kềnh và đôi khi không tính nổi bởi số lượng mẫu rất lớn. Luận án đã đề xuất một phương pháp biến đổi ánh xạ đơn trị tần suất hỏng để thông qua đó có thể áp dụng các công thức của hàm phân bố Gauxơ tính xác suất hỏng hóc mà không cần dùng công thức chỉnh hợp. Kết quả làm đơn giản hoá và giảm được khối lượng tính toán. Phương pháp này phù hợp với điều kiện thực tế khai thác tên lửa ở nước ta. Nó cho phép xử lý nhanh thông tin, đánh giá chính xác ảnh hưởng của các yếu tố đến độ tin cậy, nhằm khai thác lâu dài tên lửa ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Chủ trì một số đề tài cấp quân chủng.
Tham gia 5 chương trình cấp Bộ.
Tham gia 5 đề tài cấp quân chủng.
Huy chương Vàng vì tốt nghiệp xuất sắc tại trường Tên lửa Ôđétxa Liên Xô cũ.
Bằng Lao động sáng tạo.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc hiện đại hoá vũ khí trang bị của quân đội ta, góp phần xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam ngày càng chính quy, hiện đại.

Lời Tiến sĩ

Tiến sĩ Việt Nam hiện đại cần phải biết lao động sáng tạo, biết chắt lọc tiếp thu những tinh hoa tri thức của nhân loại để góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.



THÁI KHẮC ĐỊNH

Tiến sĩ Toán - Lý

Sinh ngày: 4 - 9 - 1952.

Quê quán: Trường Sơn - Đức Thọ - Hà Tĩnh.

Chỗ ở hiện nay: V27-29 khu dân cư An Lạc - Bình Chánh - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Sư phạm Vinh.

Nghiên cứu sinh tại Viện Nghiên cứu Hạt nhân và Năng lượng hạt nhân, Viện Hàn lâm Khoa học Bungari.

Phó Trưởng khoa Đại học Đại cương kiêm Trưởng bộ môn Toán - Lý Trường Đại học Thuỷ sản Nha Trang.

Hiện là Phó Trưởng khoa Vật lý trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.

Tại Viện nghiên cứu Hạt nhân và Năng lượng hạt nhân thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Bungari.
Chuyên ngành Toán - Lý.

Đề tài luận án

Nghiên cứu cấu trúc các trạng thái kích thích của các hạt nhân chẵn - chẵn gần lớp kín với N = 82 bằng mẫu giả hạt phônôn của hạt nhân nguyên tử.

Nội dung

Bằng mẫu giả hạt phônôn đã nghiên cứu cấu trúc, năng lượng và các xác suất dịch chuyển điện - từ của các trạng thái kích thích của các hạt nhân chẵn - chẵn gần lớp kín với N = 82: ^{138}Ba, ^{140}Ce, ^{142}Nd, ^{144}Sm, ^{140}Ba, ^{142}Ce, ^{144}Nd, ^{146}Sm. Trong luận án đã sử dụng các chương trình máy tính điện tử REDMEL, MGND, MGFF để tính toán. Kết quả thu được đã phù hợp rất tốt với thực nghiệm và đã chỉ ra cấu trúc vi mô của các trạng thái kích thích của các hạt nhân đã nghiên cứu.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài cấp Bộ:

Nghiên cứu độ nhiễm xạ trong một số loại thuỷ sinh ở vùng biển Khánh Hòa.

Nghiên cứu độ nhiễm phóng xạ và độ nhiễm kim loại nặng độc trong thực phẩm thuỷ sản ở thành phố Hồ Chí Minh.

Sách đã xuất bản:

Xác suất và thống kê toán - Nxb Thống kê.

Vật lý nguyên tử và hạt nhân - Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

Một số giáo trình toán lý cho các trường đại học.



NGUYỄN XUÂN ĐÓA

Tiến sĩ Quân sự

Sinh ngày: 27 - 12 - 1949.
Quê quán: Mỹ Hưng - Thanh Oai - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 19 Lê Trọng Tấn - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Học viện Quân sự Brno, Tiệp Khắc cũ.
Trợ lý kỹ thuật thông tin rađa bảo đảm bay, Sư đoàn Không quân 371.
Nghiên cứu sinh tại Học viện quân sự Brno, Tiệp Khắc cũ.
Trợ lý kỹ thuật thông tin rađa bảo đảm bay, phòng Thông tin Quân chủng Không quân.
Trưởng Trung tâm tin học, Bộ Tham mưu Quân chủng Phòng không - Không quân.
Hiện là Trưởng ban Tin học, Bộ Tham mưu Quân chủng Phòng không - Không quân.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985.
Tại Học viện Quân sự Brno, Tiệp Khắc cũ.
Ngành Kỹ thuật hàng không.
Chuyên ngành Thông tin rađa bảo đảm bay không quân.

Đề tài luận án

Tự động chỉ huy máy bay trong quá trình hạ cánh.

Nội dung

Nghiên cứu thuật toán, đề xuất các phương pháp lý luận và thực tiễn trong việc sử dụng hệ thống thiết bị thông tin rađa bảo đảm bay phục vụ cho việc tự động chỉ huy máy bay trong quá trình hạ cánh.

Thành tựu khoa học

Đã hoàn thành các đề tài:
Nghiên cứu thiết kế hệ thống anten - đối trọng dùng cho các đài dẫn đường sân bay nhằm khắc phục khó khăn về vật tư thay thế.
Số hoá tín hiệu lối ra của các trạm rađa cảnh giới phục vụ cho việc thu thập, thể hiện tình báo rađa trên máy tính.
Nghiên cứu thiết kế xe chỉ huy tổng hợp phục vụ các nhiệm vụ cơ động.
Biên dịch 16 bộ tài liệu thuyết minh kỹ thuật và hướng dẫn khai thác sử dụng, quy trình sửa chữa các trang thiết bị thông tin rađa bảo đảm bay.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ công nghệ thông tin vào các hoạt động quân sự.

Lời Tiến sĩ

Nhà nước cần sử dụng các cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn cao đúng nghề nghiệp được đào tạo nhằm giúp họ phát huy tốt nhất vốn tri thức của mình cho xã hội.
Cần có kế hoạch dài hạn để cân đối giữa nhu cầu sử dụng và số lượng cán bộ được đào tạo; có chính sách phù hợp để sớm khắc phục tình trạng thừa thầy, thiếu thợ như hiện nay.



NGUYỄN HUY ĐOAN

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 29 - 4 - 1949.
Quê quán: Đình Bảng - Từ Sơn - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 16D - ngõ 90 Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng dạy khối phổ thông chuyên Toán - Tin, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Phó đoàn học sinh Việt Nam thi IMO tại Cu Ba.
Chuyên gia giáo dục tại Lào.
Hiện là biên tập viên Nhà xuất bản Giáo dục.
Uỷ viên Hội đồng Bộ môn Toán, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Uỷ viên Hội đồng biên tập *Tạp chí Toán học và Tuổi trẻ.*
Hội viên Hội Toán học Việt Nam; Hội Giảng dạy Toán học phổ thông.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.
Tại Trường Đại học Sư phạm Karl Liebknecht Potsdam CHDC Đức cũ.
Chuyên ngành Đại số

Đề tài luận án

Phát triển một phép toán đại số vào việc biến đổi các sơ đồ chuyển mạch.

Nội dung

Trên cơ sở phát triển khái niệm lưới phẳng và phạm trù các lưới phẳng đã được G.Hotz đưa ra từ năm 1965 nhằm mô phỏng các sơ đồ chuyển mạch, trên cơ sở đó, giải quyết một bài toán tối ưu của lý thuyết Automat, luận án Xây dựng phạm trù Kroneker tự do bằng phương pháp kiến thiết trên cơ sở định nghĩa của H.J.Hoehnke, và chứng tỏ rằng phạm trù các lưới phẳng của Hotz là một mô hình hình học tôpô của phạm trù đó. Như vậy, vấn đề biến đổi các sơ đồ chuyển mạch đã được đại số hoá hoàn toàn.
Luận án cũng nghiên cứu các phép biến đổi và tính duy nhất của các (o)- biểu diễn cũng như ⊗ biểu diễn và luật rút gọn trong phạm trù Kronecker tự do.

Thành tựu khoa học

Xây dựng chương trình môn toán cho các lớp chuyên toán phổ thông trung học theo hướng cải cách giáo dục (cấp Bộ - chủ trì).
Nghiên cứu cách viết thuật ngữ khoa học tiếng nước ngoài trong sách giáo khoa (cấp Bộ - chủ trì).
Sách đã xuất bản:
Những bài toán sơ cấp chọn lọc (đồng tác giả) - Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
Những bài toán thi học sinh giỏi các nước và quốc tế (đồng tác giả) - Nxb Giáo dục.
Một số vấn đề về nội dung môn toán lớp 11 cải cách giáo dục (phần đại số và giải tích - tài liệu bồi dưỡng giáo viên PTTH ĐHSP Hà Nội xuất bản.
Toán nâng cao đại số 10 - Nxb Giáo dục.
Giải toán và ôn tập giải tích 12 (chủ biên) - Nxb Giáo dục.

Dự định khoa học

Viết sách giáo khoa và sách tham khảo.

Lời Tiến sĩ

Ngành giáo dục của chúng ta tuy đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, nhưng còn nhiều hạn chế do chưa có cơ cấu quản lý và hệ thống giáo dục hợp lý, chưa có chương trình nội dung và phương pháp giáo dục phù hợp. Tôi mong rằng ngành giáo dục sẽ tìm được hướng đi đúng, mau chóng thoát ra khỏi tình trạng bị động và lúng túng như hiện nay.



NGUYỄN XUÂN ĐOAN

Tiến sĩ Thú y

Sinh ngày: 13 - 1 - 1958.
Quê quán: Phạm Kha - Thanh Miện - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: 28 Tống Duy Tân - Thành phố Hải Dương - Tỉnh Hải Dương.

Quá trình công tác

Giáo viên trường Trung cấp quản lý ruộng đất (thị xã Bỉm Sơn, Thanh Hoá).
Học Trường Đại học Nông nghiệp 1 Hà Nội.
Học tiếng Nga tại Đại học Tổng hợp quốc gia Mông Cổ.
Sinh viên khoa Thú y, Đại học Tổng hợp nông nghiệp quốc gia Mông Cổ.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp nông nghiệp quốc gia Mông Cổ.
Cộng tác viên khoa học Viện Nghiên cứu khoa học thú y Mông Cổ.
Hiện là Phó Trưởng phòng Kinh tế đối ngoại, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.
Thành viên Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Hải Dương.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Trường Đại học Tổng hợp nông nghiệp quốc gia Mông Cổ.
Ngành Thú y
Chuyên ngành Sản khoa.

Đề tài luận án

Chu kỳ sinh dục và một số phương pháp gây động hớn hàng loạt ở lợn nái Đại Bạch.

Nội dung

Nghiên cứu thời gian chu kỳ sinh dục, quy luật hình thành thời kỳ động dục và hàm lượng hóc môn Progesteron ở các giai đoạn và các thời kỳ khác nhau của chu kỳ sinh dục ở lợn nái Đại bạch.
Đã sản xuất và xác định hoạt tính huyết thanh ngựa chửa (dạng nước và khô) dùng để gây động hớn hàng loạt ở lợn nái.
Tiến hành thử nghiệm 3 phương pháp gây động hớn hàng loạt ở lợn nái Đại bạch: tiêm huyết thanh ngựa chửa vào ngày tách lợn con; sử dụng dung dịch dầu của Progesteron cùng sữa - chất gây tác dụng kéo dài và tiêm vào động vật thí nghiệm Prostagladin F2α. Đồng thời nghiên cứu hàm lượng hóc môn Progesteron trong máu lợn nái khi xử lý chúng bằng Prostaglandin.

Thành tựu khoa học

Các kết quả nghiên cứu đã được công bố trong các tập san khoa học của Trường Đại học tổng hợp nông nghiệp quốc gia Mông Cổ và Viện Nghiên cứu khoa học thú y Mông Cổ.

Lời Tiến sĩ

Chú ý hơn nữa việc đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật tay nghề cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đối với những nhà khoa học đầu ngành, thực sự tài năng cần có quy chế riêng để sử dụng thích hợp, không hạn chế tuổi tác.



NGUYỄN VĂN ĐOÀN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 23 - 12 - 1966.
Quê quán: Hà Lai - Hà Trung - Thanh Hoá
Chỗ ở hiện nay: 2 ngõ 20 Nguyễn Công Hoan - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Kinh tế nông nghiệp Đại học Janus Pannonius - Hungari.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Janus Pannonius - Hungari.
Hiện là chuyên viên Bộ Kế hoạch - Đầu tư.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Đại học Janus Pannonius Hungari.
Ngành Kinh tế nông nghiệp.

Đề tài luận án

Những vấn đề phát triển nông nghiệp Việt Nam dựa trên kinh nghiệm của Hungari.

Nội dung

Quá trình phát triển nông nghiệp từ năm 1945 đến 1990 của Việt Nam và Hungari tương đối giống nhau, do cùng thực hiện chính sách kinh tế kế hoạch tập trung.
Hiện nay nông nghiệp Hungari chuyển sang nền kinh tế thị trường, mở ra hướng phát triển có hiệu quả và sức cạnh tranh cao. Quá trình chuyển đổi này đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm quí báu như kinh nghiệm chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, chính sách điều tiết vĩ mô, phương hướng đầu tư, thu hút vốn đầu tư nước ngoài trong nông nghiệp, cải cách chính sách đất đai, chính sách giá, chính sách thuế nông nghiệp, đổi mới các thành phần kinh tế, cổ phần hoá doanh nghiệp...
Đây là bài học rất tốt, có thể vận dụng có lựa chọn cho nông nghiệp Việt Nam trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường, nhằm tạo sức bật mới cho nông nghiệp nói riêng và toàn nền kinh tế nói chung.

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu chính sách trong việc phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn: chính sách tiêu thụ nông sản, chính sách đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn...



NGUYỄN THÀNH ĐÔ

Tiến sĩ Dược học

Sinh ngày: 12 - 9 - 1930.
Mất ngày: 12 - 9 - 2001 tại Hà Nội.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở của gia đình: Tập thể Trường Đại học Dược - 48A Tăng Bạt Hổ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Làm việc tại Văn phòng báo chí Bộ Quốc phòng.
Học trường Quân dược Cục Quân y.
Trưởng ban dược chính phòng Quân y sư đoàn 308.
Học khoa Dược tại Đại học Y Dược Việt Nam.
Phó phòng giáo vụ Trường Đại học Y Dược.
Giảng dạy Hoá hữu cơ.
Nghiên cứu sinh tại Ba Lan.
Giảng dạy bộ môn Hoá hữu cơ Trường Đại học Dược.
Phó chủ nhiệm bộ môn Hoá hữu cơ Trường Đại học Dược Hà Nội.
Vụ trưởng Vụ Khoa học đào tạo Bộ Y tế kiêm Phó chủ nhiệm bộ môn Hoá hữu cơ Trường Đại học Dược Hà Nội.
Phó Hiệu trưởng, Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội.
Chuyên viên cao cấp Bộ Y tế.
Trưởng ban Thư ký Hội Dược học Việt Nam, tham gia Ban dược điển.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1971.
Tại Ba Lan.
Chuyên ngành Dược học.

Thành tựu khoa học

Các công trình nghiên cứu khoa học:
Tổng hợp Doclovos diệt muỗi, tổng hợp Nipagin Nipasol, thu hồi Naphtalen, nghiên cứu quang phân một số dẫn chất Tiodiphenylamin áp dụng trong điều trị, hợp tác và phối hợp với các tổ chức Tầm nhìn thế giới, Y tế thế giới, Cộng đồng châu Âu, Viện Carolina Thuỵ Điển... để thực hiện nhiều dự án lớn và có hiệu quả cho trường và ngành y tế trong lĩnh vực hoạch định chính sách thuốc quốc gia, lưu thông phân phối thuốc sử dụng thuốc hợp lý và an toàn thuốc trong bệnh viện.
Huân chương chiến thắng hạng ba.
Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba.
Huân chương chống Mỹ hạng hai.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sức khoẻ nhân dân.
Vì thế hệ trẻ.



NGUYỄN KHẮC ĐỖ

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 14 - 11 - 1942.
Quê quán: Thượng Cát - Từ Liêm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 102A Ngọc Hà - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Học viện Nông Lâm.
Công tác tại Trạm Nghiên cứu nuôi trồng thuỷ sản.
Nghiên cứu sinh tại Ba Lan.
Công tác tại Viện Nghiên cứu nuôi trồng thuỷ sản nước lợ (Bộ Thuỷ sản).
Trưởng phòng Quản lý tổng hợp.
Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.
Hiện là nghiên cứu viên chính Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972
Tại Trường Nông nghiệp Olsztyn Ba Lan.
Chuyên ngành Động vật thuỷ sinh.

Đề tài luận án

So sánh các biến đổi về hình thái học và thành phần hoá học của 2 loài tôm nước ngọt thuộc giống Aztacus.

Nội dung

Nghiên cứu sự sai khác về các số đo hình thái từng phần và toàn bộ kích thước cơ thể của 2 loài tôm nước ngọt ở Ba Lan, sự sai khác về thành phần hoá học cơ bản thịt của 2 loài tôm trên theo thời gian và vùng sinh thái nhằm đánh giá thời điểm tôm có giá trị nhất về kích thước và giá trị dinh dưỡng.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Điều tra tài nguyên sinh vật vùng triều bắc Việt Nam (tham gia).
Nghiên cứu nuôi tôm và cua biển năng suất cao (chủ nhiệm).
Nghiên cứu cho tôm he đẻ nhân tạo.
Kỹ thuật nuôi các loại động thực vật phù du làm thức ăn cho các giai đoạn; kỹ thuật nuôi các giai đoạn tôm giống (chủ nhiệm).
Đề tài đã góp phần đưa nước ta trở thành nước thứ 8 trên thế giới thành công về lĩnh vực này.
Nghiên cứu tổng hợp hiện trạng môi trường Hồ Tây (tổng biên tập).
Nghiên cứu ảnh hưởng của một số độc tố lên sinh thái của các loài thuỷ sinh (chủ nhiệm)
Ngoài ra còn tham gia nhiều đề tài thuộc chương trình điều tra hệ sinh thái vùng triều bắc Việt Nam, tổng kết kinh nghiệm nuôi tôm càng xanh các tỉnh miền Nam, chương trình Tây Nguyên, đánh giá ô nhiễm vùng nước thải thành phố.



NGUYỄN VĂN ĐỘ

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 22 - 02 - 1947.
Quê quán: Như Thụy - Lập Thạch - Vĩnh Phúc.
Chỗ ở hiện nay: 5 Vũ Trọng Phụng - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên tiếng Anh Trường Đại học Công nghiệp nhẹ, Việt Trì.
Giảng viên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Giảng viên Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
Trưởng phòng Quan hệ quốc tế Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội
Hội viên Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000
Tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Chuyên ngành Lý luận ngôn ngữ.

Đề tài luận án

Các phương tiện ngôn ngữ biểu hiện hành động thỉnh cầu trong tiếng Anh và tiếng Việt.

Nội dung

Nghiên cứu ngôn ngữ thông qua các hành động ngôn ngữ (HĐNN), ở đây là hành động thỉnh cầu (HĐTC) ngôn ngữ và văn hoá có mối quan hệ hữu cơ không thể chia cắt, nắm bắt được những nét văn hoá đặc thù ấy mới có thể hiểu được bản chất của ngôn ngữ và quá trình này sinh các đặc tính ấy. Người Anh và người Việt có những cách khác nhau để biểu hiện HĐTC của mình. Luận án phân tích, so sánh khác nhau để biểu hiện HĐTC của mình. Luận án phân tích, so sánh HĐNN không chỉ trên hai bình diện nội dung và hình thức mà cả trên bình diện giao tiếp văn hoá, giao tiếp liên văn hoá và tương tác xã hội.

Làm việc với khoảng 5.000 phát ngôn thỉnh cầu trong tiếng Anh và tiếng Việt đã rút ra những kết luận: Người Việt ưa dùng cấu trúc mệnh lệnh có kèm theo các yếu tố điều biến lực ngôn trung bên trong và bên ngoài nhằm vừa làm giảm áp lực của lời thỉnh cầu vừa làm tăng cảm giác gần gũi thân tình giữa người thỉnh cầu và người được thỉnh cầu, người Anh lại đánh giá cao hình thức nghi vấn với hàng loạt các toán tử lôgic hình thái, động từ hình thái, các thức giả định, các câu hỏi có phần lảy nhấn... đi kèm sao cho lời thỉnh cầu càng có tính dè dặt, ướm thử càng tốt. Người Anh có xu thế coi việc yêu cầu, nhờ vả người khác làm cho mình điều gì đó là điều phiền nhiễu, xâm phạm vào lãnh địa riêng tư và đe doạ thể diện âm tính của người được thỉnh cầu. Người Việt, coi việc nhờ vả, hỗ trợ lẫn nhau là đạo lý, là nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cộng đồng. Người Việt ưa dùng lời thỉnh cầu có cấu trúc mệnh lệnh (hay dùng khi ra lệnh, sai khiến), người Anh lại đánh giá cao cấu trúc nghi vấn (dùng để hỏi). Người Anh có xu hướng "gián tiếp" trong việc sử dụng hình thức diễn đạt HĐTC nhưng lại "trực tiếp" trong việc truyền đạt nội dung thỉnh cầu. Người Việt lại ưa "trực tiếp" trong việc sử dụng hình thức diễn đạt lời thỉnh cầu nhưng lại "gián tiếp" trong việc diễn đạt nội dung thỉnh cầu.
Luận án có những đóng góp lý luận ngôn ngữ học, đặc biệt đối với lý thuyết hành động ngôn ngữ, giao tiếp giao văn hoá và giao tiếp liên văn hoá, những bàn luận về văn hoá trong dạy và học ngoại ngữ ở Việt Nam hiện nay nhằm nâng cao nhận thức về mối quan hệ không thể tách rời giữa ngôn ngữ và văn hoá. Ngôn ngữ mà không có văn hoá chỉ là cái xác không hồn!

Thành tựu khoa học

Đã viết các giáo trình
Văn minh thế giới (tiếng Anh - cấp trường).
Giao học pháp tiếng Anh (tham gia - đã in thành sách).
Văn hoá trong giảng dạy ngoại ngữ (tham gia - cấp Bộ).
Giao tiếp trong thương mại (tiếng Anh - đã in thành sách).
và nhiều bài đăng trên các tạp chí.
Tham gia nhiều hội nghị quốc tế về ngôn ngữ và văn hoá trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ngôn ngữ và văn hoá.
Phát triển luận án tiến sĩ để in thành sách.
Dịch một số tác phẩm kinh điển từ tiếng Anh sang tiếng Việt

Lời Tiến sĩ

Tôi yêu đất nước và con người Việt Nam vì lịch sử và truyền thống hào hùng - bi tráng của dân tộc mình. Để trường tồn và sánh vai với các dân tộc khác, cần phải kết hợp cho được cái sâu lắng của phương Đông với cái năng động và hữu thực của phương Tây.
Tôi muốn gợi tìm những đặc trưng văn hoá trong ngôn ngữ Anh và Việt để góp thêm tiếng nói trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá nước nhà.



VŨ XUÂN ĐỘ

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 16 - 1 - 1949.
Quê quán: Ngũ Lão - Kim Động - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay:
21D/26 Tam Đa - Tây Hồ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng dạy tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hội viên Hội Địa chất Việt Nam.

Tốt nghiệp tiến sĩ năm 1984.
Tại Trường Đại học Thăm dò Địa chất Mátxcơva - Liên bang Nga.
Chuyên ngành Khoa học Địa chất.

Đề tài luận án

Vị trí kiến tạo và các kiểu kiến trúc các trường quặng thiếc ở Việt Nam.

Nội dung

Nêu bật mối quan hệ giữa vận động kiến tạo, qui luật phát triển kiến trúc và khả năng hình thành những vùng mỏ quặng thiếc ở Việt Nam. Nghiên cứu đầy đủ những kiểu kiến trúc cơ bản, làm tiền đề cho việc tiếp tục nghiên cứu và phát hiện những vùng mỏ mới trên lãnh thổ nước ta, đồng thời góp phần bổ sung việc phân loại kiến trúc mỏ quặng trong lý thuyết về các mỏ khoáng sản.

Thành tựu khoa học

Tham gia và chủ nhiệm một số đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước.
Tác giả và đồng tác giả một số giáo trình và sách tham khảo.
Nhiều bài báo, báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí và công bố tại các hội nghị khoa học trong, ngoài nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu xây dựng một mô hình kết hợp giữa các học thuyết về địa động lực và sinh khoáng hiện đại áp dụng cho lãnh thổ Việt Nam và Đông Dương.
Xây dựng mô hình chuẩn các kiểu kiến trúc trường quặng làm cơ sở cho việc nghiên cứu, tìm kiếm và thăm dò khoáng sản ở nước ta.

Lời Tiến sĩ

Mong sao Nhà nước chú trọng hơn nữa tới việc xây dựng và phát triển hướng nghiên cứu khoa học cơ bản của nước nhà, vì đây là cơ sở của mọi lĩnh vực khoa học công nghệ hiện tại và tương lai.



TRẦN ĐÌNH ĐÔNG

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 24 - 8 - 1955.

Quê quán: Đông Hưng - Thái Bình

Chỗ ở hiện nay: Trường Đại học Nông nghiệp I - Gia Lâm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

Chuyên gia giáo dục tại Cộng hoà Angola.

Hiện là Trưởng bộ môn Vật lý, Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996

Tại Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

Ngành Nông nghiệp.

Đề tài luận án

Ứng dụng đột biến thực nghiệm để cải tạo một số tính trạng ở đậu tương.

Nội dung

Nghiên cứu tác động của các tác nhân gây đột biến vật lý và hoá học đến một số giống đậu tương.

Xác định liều lượng xử lý cho hiệu quả giống đột biến cao nhất.

Chọn lọc các dòng đột biến có ích đưa vào sản xuất.

Thành tựu khoa học

Chủ trì nhiều đề tài nghiên cứu ứng dụng phương pháp đột biến thực nghiệm trong chọn tạo giống đậu tương.

Đồng tác giả của giống đấu tương AKOC đã được Bộ Nông nghiệp - Phát triển nông thôn cho khu vực hoá.

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng đột biến phóng xạ và hoá học trong cải tạo các giống cây trồng, nhằm tạo ra các giống mới có năng suất cao, phẩm chất tốt.

Lời Tiến sĩ

Hiện tại việc nhập các công nghệ khoa học về nghiên cứu ứng dụng là cần thiết. Song, cũng phải có sự quan tâm đúng mức đến các nghiên cứu cơ bản, nếu không ta luôn luôn lạc hậu, đi sau các nước khác, không khi nào đuổi kịp nền khoa học chung trên thế giới.



HOÀNG NGỌC ĐỒNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 2 - 9 - 1955.
Quê quán: Cẩm Nhượng - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh
Chỗ ở hiện nay: 53 Duy Tân - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Kỹ thuật Praha, Cộng hoà Séc.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng.
Hiện là cán bộ giảng dạy, Trưởng phòng Đào tạo và Công tác chính trị Trường Đại học Kỹ thuật Đà Nẵng.
Hội viên Hội Khoa học kỹ thuật nhiệt Việt Nam.
Hội Lạnh và điều hoà không khí Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990.
Tại Trường Đại học Kỹ thuật Praha (CVUT) Cộng hoà Séc.
Chuyên ngành Thiết bị năng lượng nhiệt và hạt nhân.

Đề tài luận án

Phương pháp mới để đánh giá chất lượng quá trình cháy trong lò hơi.

Nội dung

Phân tích các phương pháp đánh giá chất lượng quá trình cháy, ưu nhược điểm nổi bật của các phương pháp đó.
Đánh giá chất lượng quá trình cháy bằng phương pháp phân tích động học ngọn lửa trong buồng lửa lò hơi.
Nghiên cứu thực nghiệm mô hình ngọn lửa rối trong phòng thí nghiệm và các kết quả đo đạc trên lò hơi tại một số nhà máy điện của Cộng hoà Séc.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Quản lý toàn diện cán bộ và sinh viên trên máy vi tính (chủ trì - cấp Bộ).
Tính công suất nhiệt của ống nhiệt trọng trường có mặt trong nhẵn (công bố trên *Tạp chí Khoa học và Công nghệ nhiệt).*
Truyền tải nhiệt từ bộ thu năng lượng mặt trời tới thùng trữ nhiệt bằng ống nhiệt trọng trường
Tạp chí Khoa học và Công nghệ nhiệt.
Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến công suất nhiệt bên trong của ống nhiệt trọng trường nhẵn bên trong.
Sách đã xuất bản:
Giáo trình nhiệt kỹ thuật - Nxb Giáo dục.
Giáo trình bài tập kỹ thuật nhiệt - Nxb Khoa học và kỹ thuật.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các biện pháp tăng cường khả năng trao đổi nhiệt cho các thiết bị nhiệt (ứng dụng các ưu thế của ống nhiệt).
Những biện pháp và thiết bị công nghệ nâng cao hiệu quả biến đổi và sử dụng nhiệt năng trong các thiết bị năng lượng điều kiện khí hậu Việt Nam.



NGUYỄN HỮU ĐỐNG

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 17 - 6 - 1943.
Quê quán: Thanh Văn - Thanh Chương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Số 1 - ngõ 279/64 Đội Cấn - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ khoa học Viện Nghiên cứu khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.
Nghiên cứu sinh tại Viện Di truyền Đại cương Cônxốp, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.
Cán bộ nghiên cứu Viện Sinh vật học, Viện Khoa học Việt Nam.
Phó Giám đốc Trung tâm Di truyền Nông nghiệp - Bộ Nông nghiệp.
Trưởng bộ môn Di truyền Chọn giống cây trồng cạn - Nấm ăn, Viện Di truyền Nông nghiệp - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phó Chủ tịch Hội đồng khoa học Viện Di truyền Nông nghiệp.
Hiện là Giám đốc Trung tâm Công nghệ Sinh học thực vật - Viện Di truyền Nông nghiệp.
Phó Chủ tịch Hội đồng khoa học Viện Di truyền Nông nghiệp.
Trưởng bộ môn Di truyền Chọn giống cây trồng cạn - Nấm ăn.
Hội viên Hội Di truyền học Việt Nam.
Điều phối viên của Việt Nam trong Hiệp hội Đột biến châu Á.
Chủ nhiệm dự án TCP - FAO (ViE/0065 - Chương trình nông lương quốc tế).
Giám đốc dự án năng lượng nguyên tử (IAEA/ViE/5/014).

Tốt nghiệp tiến sĩ năm 1982.
Tại Viện Di truyền Đại cương Cônxốp - Viện Hàm lâm Khoa học Liên Xô.
Ngành Di truyền học.
Chuyên ngành Sinh vật học.

Đề tài luận án

Cơ chế đột biến phân tử.

Nội dung

Muốn tạo ra giống mới phải tiến hành gây đột biến hoá lý, trên cơ sở đó nhân được vô vàn các đột biến (đột biến phân tử, đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể). Để tạo ra các đột biến có lợi phục vụ sản xuất (đột biến có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh tốt, chống mặn, chống úng, chống rét, đột biến chất lượng...). Nhờ đó, các loại cây trồng được cải tiến theo hướng có lợi cho sản xuất và cây trồng. Nhờ phương pháp đột biến, các nhà di truyền và chọn giống đã tạo ra được hàng ngàn giống đột biến trên thế giới (có 1970 giống đến năm 2000). Ở Việt Nam đã có hàng chục giống đột biến gieo trồng trên hàng chục vạn ha. Tác giả đã tạo ra nhiều giống đột biến có giá trị ở ngô (DT6, DL1, DL2, DT8), ở các giống nấm ăn (nấm mỡ chịu nóng, nấm rơm chịu rét). Đây là phương pháp chọn giống có hiệu quả và nhanh chóng. Hiệp hội chọn giống đột biến châu Á đã kết nạp Việt Nam làm thành viên thứ 10.

Thành tựu khoa học

Đã chủ trì và hoàn thành các đề tài khoa học cấp Nhà nước:
Chọn giống nấm ăn; chọn giống cây ngô; công nghệ sinh học cây ngô; nhân giống cây cam quýt; chuyển giao công nghệ sinh học cho hàng chục tỉnh, thành phố trong cả nước; đề tài cà chua lai; đề tài bắp cải chịu nhiệt; hàng chục tiến bộ khoa học cấp nhà nước trên các loại cây trồng nông nghiệp và nấm ăn.
Đã viết 5 cuốn sách, 1 giáo trình cao học về công nghệ sinh học và sinh học phân tử. Nhiều bài đăng trên các báo và tạp chí trong và ngoài nước.
Bằng lao động sáng tạo.
Giải thưởng khoa học công nghệ sáng tạo VIFOTEC.
Huy chương Vì sự nghiệp lao động sáng tạo.
Phó Giáo sư.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tạo ra nhiều giống mới (các loại cây trồng, các loại nấm ăn và nấm dược liệu).
Hoàn thành dự án FAO/ViE/0065 và dự án IAEA/5/014.
Nghiên cứu khoa học.
Giảng dạy sinh viên, cao học, nghiên cứu sinh thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học và di truyền học.

Lời Tiến sĩ

Nông dân ta ở các vùng quê còn rất nghèo. Các nhà khoa học sinh học và nông nghiệp hãy tích cực lao động sáng tạo, tìm ra giống mới, công nghệ mới để phục vụ nông dân, xoá đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm cho bà con, nhất là ở vùng sâu vùng xa. Hãy thay đổi cơ chế để các tiến bộ kỹ thuật nhanh chóng được áp dụng vào sản xuất và đời sống.



DƯ ĐÌNH ĐỘNG

Ngọc Sơn

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 20 - 4 - 1954.

Quê quán: Hoà Phú - Ứng Hoà - Hà Tây

Chỗ ở hiện nay: 37B Lý Nam Đế - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Hoá - Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Công tác tại Viện Khoa học hình sự Bộ Công an.
Hội viên Hội Hoá học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại trường Tổng hợp hoá học Menđelêep - Matxcơva - Liên bang Nga.
Ngành Hoá học.

Đề tài luận án

Phương pháp phân tích quang phổ FIA trên cơ sở phản ứng thế trong hệ đồng EDTA-PAR

Nội dung

Trình bày một phương pháp phân tích hoàn toàn mới, để phân tích hầu hết các kim loại bằng phản ứng thế hệ đồng EDTA-PAR. Đáp ứng nhanh các nhu cầu phân tích trong công nghệ hoá học (tốc độ 2 mẫu/phút).

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu.
Xử lý nước thải khu công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu (đồng tác giả).
Nghiên cứu sản xuất túi đựng an toàn có băng niêm phong công nghệ cao.

Dự định khoa học

Tập trung nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật (ngành hoá) vào đời sống thực tiễn - đã có nhiều sản phẩm ngoài xã hội.

Lời Tiến sĩ

Cổ nhân dạy:
Một trong năm nguy cơ mất nước là "sĩ phu ngoảnh mặt".



ĐINH VĂN ĐỨC

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 12 - 8 - 1953.
Quê quán: Thái Học - Thái Thụy - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay:
65 Khương Trung - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Nghiên cứu viên Viện Nghiên cứu cây công nghiệp, cây ăn quả và cây làm thuốc, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trưởng bộ môn nghiên cứu Bảo vệ thực vật.

Trưởng bộ môn nghiên cứu cây ăn quả ngắn ngày tại Trung tâm nghiên cứu cây ăn quả Phú Hộ, Viện Nghiên cứu rau quả - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phó Giám đốc Trung tâm nghiên cứu cây ăn quả Phú Hộ.

Hiện là chuyên viên bảo vệ thực vật Cục Bảo vệ thực vật Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Hội viên Hội Côn trùng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.

Tại Trường Đại học Nông nghiệp 1 Hà Nội.
Ngành Nông nghiệp.
Chuyên ngành Bệnh cây và bảo vệ thực vật.

Đề tài luận án

Nghiên cứu một số sâu, bệnh chính hại cây dứa ở miền Bắc Việt Nam và biện pháp phòng trừ.

Nội dung

Nghiên cứu, điều tra xác định thành phần sâu bệnh gây hại trên cây dứa ở miền Bắc Việt Nam. Tìm hiểu một số đặc điểm hình thái, sinh học và phát sinh phát triển, gây hại của 15 loại sâu bệnh trên cây dứa và đề xuất biện pháp quản lý.
Nghiên cứu các đặc điểm hình thái, đặc điểm sinh vật học và sinh thái học của 4 loại sâu bệnh gây hại chủ yếu trên cây dứa rệp sáp (Dysmicoccus brevipes Cockerella), bọ hung hại rễ dứa (Adoretus chinensis Thunber), bệnh gây thối nõn dứa do vi khuẩn (Pseudomonas ananas Bergey), bệnh héo đỏ lá dứa do virút (Clostero viruskike) làm cơ sở khoa học xây dựng biện pháp quản lý, phòng trừ góp phần bảo vệ sản xuất.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu bệnh gây thối nõn cây dứa và biện pháp phòng trừ.
Những kết quả nghiên cứu tổng hợp về cây dứa ở phía Bắc Việt Nam.
Nghiên cứu chọn lọc, bồi dục các giống dứa có năng suất cao phẩm chất tốt và áp dụng một số biện pháp kỹ thuật sản xuất dứa để nâng cao giá trị xuất khẩu.
Nghiên cứu bọ hung hại rễ cây dứa ở Đồng Giao và biện pháp phòng trừ.
Theo dõi, nghiên cứu một số sâu bệnh hại chủ yếu trên một số cây công nghiệp và cây ăn quả chính trồng ở Việt Nam.

Dự định khoa học

Nghiên cứu đầy đủ về tập đoàn rệp gây hại trên cây ăn quả và cây công nghiệp.

Lời Tiến sĩ

Nhà nước cần chú trọng hơn nữa đến lĩnh vực khoa học công nghệ bằng các chính sách cụ thể như chế độ trong đào tạo, sử dụng cán bộ sau đào tạo, lương và đời sống cho cán bộ khoa học; đầu tư trang thiết bị hiện đại cho nghiên cứu khoa học; tổ chức nghiên cứu khoa học theo các chương trình trọng điểm; mở rộng giao lưu khoa học quốc tế... coi khoa học công nghệ là lực lượng sản xuất tiên tiến.
Đối với khoa học: cần đẩy mạnh các nghiên cứu khoa học công nghệ sinh học; kết hợp hài hoà giữa nghiên cứu khoa học cơ bản và nghiên cứu khoa học ứng dụng giải quyết thiết thực các đòi hỏi của sản xuất, đời sống.



ĐỖ THỊ MINH ĐỨC

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 5-6-1953.
Quê quán: Thành phố Hải Phòng.
Chỗ ở hiện nay: H2, P13 Tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội 1.
Hiện là giảng viên chính khoa Địa lý - Đại học Sư phạm Hà Nội.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Địa lý Việt Nam khoá 3.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Địa lý kinh tế và chính trị.

Đề tài luận án

Phân tích địa lý kinh tế - xã hội, sự chuyển hoá nông thôn thành đô thị ở Hà Nội trong quá trình đô thị hoá.

Nội dung

Nhằm tìm ra những đặc điểm có tính quy luật của sự chuyển hoá trong quá trình đô thị hoá ở Hà Nội, khuyến nghị đối với việc kế hoạch hoá và quản lý lãnh thổ.
Phân tích bản chất của đô thị hoá là quá trình chuyển hoá, vận động phức tạp có quy luật về mặt kinh tế - văn hoá - xã hội, là một quá trình phát triển không gian vật thể đa chiều, một tổng thể sinh thái - phát triển đa ngành.
Phân tích so sánh đô thị hoá ở nước ta với đô thị hoá trên thế giới và ở các nước đang phát triển.
Những nhân tố chính tác động đến sự hình thành, phát triển và chuyển hoá cấu trúc không gian của thành phố Hà Nội; phân tích các nguồn gia tăng dân số và động thái phân bố dân cư, sự phát triển và thay đổi cấu trúc không gian của nội thành từ thập kỷ 60 đến cuối thập kỷ 80 của thế kỷ 20.
Phân tích sự chuyển hoá của ngoại thành Hà Nội trong quá trình đô thị hoá, thông qua sự thay đổi trong phân bố dân cư, cơ cấu lao động - nghề nghiệp và hiện trạng sử dụng đất.
Luận án sử dụng phương pháp bản đồ và mô hình phân tích trend để phát hiện các đặc điểm có tính quy luật của quá trình chuyển hoá nông thôn thành đô thị ở Hà Nội.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu khoa học trong nước và hợp tác quốc tế:
Nghiên cứu sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng (chủ trì - cấp Bộ).
Tình hình lao động nữ phi kết cấu của Việt Nam (thành viên chính - cấp trường).
Xây dựng cơ sở khoa học cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn vùng ô trũng đồng bằng sông Hồng - chương trình Việt Nam - Hà Lan (trưởng đề án).
Những thay đổi về kinh tế - xã hội trong các hộ gia đình nghề cá Việt Nam - hợp tác với Na Uy (chủ trì).
Phân tích đặc trưng kinh tế - xã hội của các cộng đồng nghề cá tỉnh Nghệ An (chủ trì - cấp trường).
Phân tích đặc trưng KT-XH của các cộng đồng nghề cá tỉnh Nghệ An, Hải Phòng (chủ trì - cấp Bộ).
Kinh tế xã hội nghề cá (chủ trì).
Công bố một số đề tài trên các tạp chí chuyên ngành và thông báo khoa học.
Hướng dẫn một số luận án thạc sĩ.
Sách đã xuất bản:
Cơ sở địa lý kinh tế - xã hội. ĐHSP HN I (đồng tác giả).
Một số vấn đề địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay (sách bồi dưỡng giáo viên PTTH). ĐHSP HN I (đồng tác giả).
Dân số, tài nguyên, môi trường. Nxb Giáo dục (đồng tác giả).
Địa lý kinh tế, tập 2. Giáo trình, Đại học Quản lý và Kinh doanh Hà Nội (đồng tác giả).
Hướng dẫn ôn tập thi tốt nghiệp phổ thông trung học. Năm học 1998 - 1999 môn Địa lý. Nxb Giáo dục (tham gia).
Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam (tập 1: Phần đại cương). Nxb Giáo dục (đồng tác giả).
Ôn tập môn địa lý theo chủ điểm. Nxb Đại học Quốc gia (đồng tác giả).

Dự định khoa học

Nghiên cứu lý thuyết địa lý kinh tế - xã hội;
Tổ chức lãnh thổ các ngành và nền kinh tế quốc dân.
Đánh giá tác động môi trường (EIA) và tác động xã hội (SIA);
Địa lý dân cư và quần cư;
Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam.
Các phương pháp định lượng trong nghiên cứu địa lý.



ĐỖ VĂN ĐỨC

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 5 - 7 - 1954.
Quê quán: Phú Cường - Ba Vì - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Số 1 - ngách 46/28 ngõ 46 Phạm Ngọc Thạch - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân Kiep Liên Xô cũ.
Cán bộ nghiên cứu Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.
Nghiên cứu sinh, thực tập sinh cao cấp tại Học viện Kinh tế Nga Plêkhanốp, Mátxcơva.
Trưởng văn phòng đại diện Victorimex tại Nga.
Hiện là giảng viên Học viện Ngân hàng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Học viện Kinh tế Plêkhanốp, Liên bang Nga.
Ngành Tổ chức, quản lý và kế hoạch hoá kinh tế quốc dân.
Chuyên ngành Hiệu quả đầu tư và công nghệ mới.

Đề tài luận án

Kế hoạch hoá hiệu quả vốn đầu tư cơ bản trong nền kinh tế quốc dân nước CHXHCN Việt Nam.

Nội dung

Chương trình đã đưa ra cách tiếp cận khoa học và tư duy mới về hiệu quả kinh tế trong điều kiện chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường, đặc biệt là việc giải quyết mối quan hệ qua lại giữa phúc lợi của con người, lợi nhuận và doanh lợi sản xuất khi đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội.
Công trình nêu ra những thay đổi căn bản có luận cứ khoa học về phương pháp đánh giá hiệu quả và lựa chọn các phương án đầu tư so với các phương pháp đang được sử dụng trong quản lý kinh tế.
Phương hướng hoàn thiện kế hoạch hoá hiệu quả vốn đầu tư ở Việt Nam:
Phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế của vốn đầu tư, lựa chọn phương án hiệu quả khi ra các quyết định về đầu tư cơ bản, cân đối các nguồn lực khi lập các dự án đầu tư trong quá trình chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường.

Thành tựu khoa học

Báo cáo khoa học: "Vấn đề đánh giá hiệu quả vốn đầu tư trong thời kỳ quá độ sang kinh tế thị trường ở Việt Nam" tại hội nghị khoa học Học viện kinh tế Nga Plêkhanốp.
Thành viên đề tài khoa học: "Những vấn đề cơ bản về hoàn thiện hệ thống tổ chức Ngân hàng Nhà nước".
Tham luận khoa học: "Hiểu thế nào là phương pháp dạy học đại học theo lối mới" tại hội thảo phương pháp dạy học trong trường đại học và trung học chuyên nghiệp của Học viện Ngân hàng.
Chủ nhiệm đề tài "Những vấn đề cơ bản của sự thay đổi cơ cấu kinh tế trong thời kỳ chuyển nền kinh tế sang các quan hệ thị trường có sự điều tiết của nhà nước" và một số công trình nghiên cứu khác.

Dự định khoa học

Giảng dạy và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, học tập.
Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu kinh tế của đất nước trong nền kinh tế thị trường và hội nhập nền kinh tế nước nhà vào kinh tế khu vực và thế giới; quan hệ giữa các mục tiêu tăng trưởng của đất nước và công bằng xã hội...

Lời Tiến sĩ

Tương lai của đất nước do thế hệ trẻ quyết định. Vì vậy, phải tin tưởng vào thế hệ trẻ, vào các nhà khoa học trẻ và tạo mọi điều kiện để thế hệ trẻ Việt Nam chiếm lĩnh trí tuệ khoa học của loài người, làm chủ khoa học, làm chủ đất nước, làm chủ tương lai.



HÀ ĐÌNH ĐỨC

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 23 - 3 - 1940.
Quê quán: Xuân Thành - Thọ Xuân - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 31 ngách 325/45 Kim Ngưu - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên khoa Sinh học Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Thành viên Quốc tế Bảo vệ các loài động vật, thực vật quý hiếm IUCN/SSC.
Hội viên Hội Bảo vệ Thiên nhiên Môi trường thủ đô Hà Nội.
Uỷ viên Uỷ ban Bảo vệ Vườn Quốc gia Fontainebleau, Pháp.
Thành viên và khách của Trung tâm Bảo vệ các loài động vật quý hiếm JERSEY, Anh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chuyên ngành Động vật học.

Đề tài luận án

Hình thái giải phẫu một số loài động vật có xương sống ở Việt Nam.

Nội dung

Mô tả về hình thái, cấu tạo các hệ cơ quan của một số loài động vật có xương sống ở Việt Nam đại diện cho các lớp: cá, lưỡng cư, bò sát, chim và thú. Mục tiêu luận án nhằm cung cấp những dẫn liệu cho giáo trình lý thuyết và thực tập về động vật có xương sống.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài: Khảo sát bò xám (Bos sauveli) ở phía tây tỉnh Đắc Lắc Việt Nam (tiếng Anh).
Bước đầu khảo sát về khỉ miến Bắc Việt Nam (tiếng Anh).
Nghiên cứu sơ bộ hiện trạng hệ sinh thái Hồ Gươm, nhằm bảo tồn phát triển đàn rùa quý và cải thiện cảnh quan môi trường.
Nghiên cứu hình thái, sinh thái của loài Rùa hồ Gươm, tình trạng chất lượng nước, hệ vi tảo Hồ Gươm nhằm bảo tồn, phát triển đàn rùa quý và bảo vệ cảnh quan môi trường.
Voọc Hà Tĩnh (Trachypithecus francoisi hatinhensis) phân loài thú đặc hữu của Bắc Trường Sơn.
Đánh giá nguồn tài nguyên sinh vật khu vực mỏ vàng Bồng Miêu tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng.
Khỉ hầu ở Việt Nam.
Tác giả:
Tình trạng các loài thú ăn thịt lớn và con người ở Việt Nam (hội thảo quốc tế lần thứ 2).
Khu hệ động vật có xương sống Vườn Quốc gia Bến En, Thanh Hoá.
Nghiên cứu Rùa Hồ Gươm và tìm giải pháp bảo vệ.
Rùa Hồ Gươm - loài rùa mới cho khoa học thế giới.
Trả lời 40 cuộc phỏng vấn trong nước và quốc tế.
Nhiều bài về Rùa Hồ Gươm và Hồ Gươm đăng trên các báo, tạp chí.
Sách đã xuất bản:
Thực hành giải phẫu động vật có xương sống, Nxb Đại học và Trung học công nghiệp.
Đồng tác giả: *Đời sống động vật*, Nxb Giáo dục.
Sách đỏ Việt Nam, Nxb KH & KT.
Vườn Quốc gia Cúc Phương, Nxb Nông nghiệp.
Các Vườn Quốc gia Việt Nam, Nxb Nông nghiệp.
Huân chương kháng chiến hạng ba
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Được phong Phó giáo sư năm 1991.

Dự định khoa học

Nghiên cứu bảo vệ động vật hoang dã; đa dạng sinh học; bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam; bảo vệ các di sản văn hoá.

Lời Tiến sĩ

Hãy bảo tồn những gì thiên nhiên đã ban tặng cho ta. Bảo tồn những di sản văn hoá vật thể và phi vật thể mà ông cha ta đã để lại.



HOÀNG ĐỨC

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 25 - 12 - 1952.
Quê quán: Quảng Tiên - Quảng Trạch - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: 191 Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Tài chính kế toán Hà Nội.
Giảng viên Trường Đại học Tài chính kế toán thành phố Hồ Chí Minh.
Phó trưởng khoa Tài chính Nhà nước.
Hiện là Trưởng khoa ĐTTC Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Trường Đại học Tài chính kế toán Hà Nội.
Chuyên ngành Tài chính lưu thông tiền tệ và tín dụng.

Đề tài luận án

Hoàn thiện cơ chế hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Thương mại Việt Nam.

Nội dung

Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại (NHTM) giữ vị trí khá quan trọng không những đối với ngân hàng mà cả đối với nền kinh tế. Ở Việt Nam hoạt động kinh doanh của NHTM còn mới mẻ so với lịch sử của NHTM các nước trên thế giới.
Vấn đề hoàn thiện cơ chế hoạt động kinh doanh của NHTM ở Việt Nam sẽ tạo khả năng to lớn cho sự phát triển của hệ thống ngân hàng, nhằm đáp ứng được yêu cầu về huy động vốn và cung ứng vốn cho nền kinh tế quốc dân qua hệ thống ngân hàng.
Luận án đã trình bày được phần lý luận và thực tiễn hoạt động, kinh doanh của NHTM trong những năm sau thời kỳ đổi mới 1988 - 1995. Đồng thời cũng đưa ra được những giải pháp góp phần hoàn thiện cơ chế hoạt động kinh doanh của NHTM trong nền kinh tế Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Giáo trình
Kế toán ngân hàng thương mại (chủ biên - Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh).
Các sách:
Tín dụng ngân hàng.
Thanh toán Quốc tế.
Lý thuyết tiền tệ (tham gia).
Đề tài nghiên cứu:
Hệ thống ngân hàng Việt Nam thực trạng và những giải pháp cơ bản nhằm tránh nguy cơ khủng hoảng để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hoá ở Việt Nam hiện nay (cấp Bộ - tham gia).



HOÀNG SĨ ĐỨC

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 20-10-1942.
Quê quán: Thành phố Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 152/11N Điện Biên Phủ - Quận Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Quyền trưởng phòng Quy hoạch, Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hoá.
Nghiên cứu sinh tại Budapet, Hungari.
Phó phòng Kỹ thuật, Phó Ban Quản lý công trình Nhà ở - Sở Nhà đất thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Giám đốc Công ty Phát triển & Kinh doanh nhà thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Quy hoạch - Phát triển đô thị.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.
Tại Viện Quy hoạch Đô thị và Khoa học kỹ thuật xây dựng Budapet, Hungari.
Ngành Xây dựng
Chuyên ngành Quy hoạch Đô thị.

Đề tài luận án

Những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc phát triển và cải tạo các thành phố trong vùng công nghiệp.

Nội dung

Những vấn đề lý luận và thực tiễn của mối liên hệ giữa quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá, tác động của nó đến sự hình thành và phát triển các đô thị, chùm đô thị, chuỗi đô thị.
Tổng kết những kinh nghiệm quốc tế về phát triển và cải tạo các đô thị trong vùng công nghiệp, các giải pháp sơ đồ tổ chức không gian đô thị, quy hoạch "tĩnh" và quy hoạch "động".
Phương pháp luận và những kiến nghị của tác giả về vấn đề phát triển và cải tạo các đô thị trong vùng công nghiệp.
Tối ưu hoá lựa chọn địa điểm đất đai xây dựng các khu công nghiệp.
Cải tạo và phát triển các khu nhà ở trong đô thị mang tính công nghiệp.
Xác định quy mô phát triển đô thị tối ưu dưới nhân tố tác động của giao thông đô thị bằng công cụ mô hình toán học.
Vận dụng những phương pháp luận, những kinh nghiệm nêu trên vào việc phát triển, cải tạo các đô thị ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Quy hoạch chung sơ đồ tổ chức không gian thành phố Thanh Hoá (chủ trì).
Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư đường Phan Chu Trinh thành phố Thanh Hoá (chủ trì).



KIỀU THẾ ĐỨC

Tiến sĩ Toán lý

Sinh ngày: 5 - 10 - 1953.
Quê quán: Thường Xuyên - Đại Xuyên - Phú Xuyên - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 61 Hàng Đào - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên môn Cơ lý thuyết Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội.
Hội viên Hội Cơ học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại viện Cơ học Việt Nam.
Ngành Cơ lý thuyết.

Đề tài luận án

Dao động ngẫu nhiên phi tuyến của hệ nhiều bậc tự do và một số ứng dụng.

Nội dung

Luận án đã sử dụng phương pháp trung bình và phương trình Phocker-Planc-Konmogorop để giải các hệ phương trình vi phân ngẫu nhiên phi tuyến chịu kích động ngẫu nhiên - một loại hệ có nhiều ứng dụng trong nghiên cứu cơ học.
Sau khi khảo sát chung, tác giả đã đi sâu nghiên cứu một số cơ hệ cụ thể như hệ bậc ba, hệ vật rắn trong mô hình đàn nhớt Hook-Macxoen, hệ hai bậc tự do, hệ dao động toa xe...

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu đã công bố ở trong và ngoài nước.
Tham gia báo cáo tại một số hội nghị khoa học.
Đề tài khoa học cấp Bộ:
Nghiên cứu bộ giảm chấn chịu kích động ngẫu nhiên
Sách đã xuất bản:
Cơ học lý thuyết - Đại học Giao thông Vận tải.

Dự định khoa học

Sử dụng các thành tựu mới nhất của tin học vào nghiên cứu cơ học.

Lời Tiến sĩ

Không thể áp dụng được khoa học tiên tiến nếu không có một nền tảng công nghiệp vững mạnh.



LÊ VĂN ĐỨC

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 2 - 11 - 1962.
Quê quán: Thượng Trưng - Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc.
Chỗ ở hiện nay: Viện Nghiên cứu Chè Việt Nam - Phú Hộ - Phù Ninh - Phú Thọ.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học năm 1983.
Công tác tại phòng Phân tích nông hoá thổ nhưỡng Sở Địa chính Hà Tuyên.
Công tác tại Viện Nghiên cứu Chè Việt Nam.
Trưởng bộ môn Hệ thống nông nghiệp - Viện Nghiên cứu Chè.
Trưởng bộ môn Hệ thống canh tác cây vùng đồi.
Ủy viên Hội đồng Khoa học Viện nghiên cứu Chè.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Nông Hoá học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón, đất đai đến sự hoạt động của bộ lá và năng suất chè vùng trung du Phú Thọ.

Nội dung

Mối quan hệ giữa bộ lá với đặc tính sinh trưởng của cây chè.
Ảnh hưởng của phân bón đến bộ lá và một số đặc tính sinh trưởng của cây chè.
Mối quan hệ giữa bộ lá chừa và các chỉ tiêu cấu thành năng suất với sản lượng của cây chè.
Các dạng suy giảm của bộ lá chừa cây chè. Phân loại mô tả, xác định mức hại.
Ảnh hưởng của phân bón, đất đai đến sự suy giảm hoạt động bộ lá chừa cây chè.
Xây dựng biện pháp khắc phục hiện tượng suy giảm hoạt động của bộ lá chừa nhằm nâng cao năng suất cây chè.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài đã nghiệm thu
Hai công trình được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép sử dụng trong sản xuất chè.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các yếu tố nông học và môi trường chủ yếu ảnh hưởng đến chất lượng chè Việt Nam.



NGUYỄN BÁ ĐỨC

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 8 - 4 - 1947.
Quê quán: Phù Đổng - Gia Lâm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 1/2 Hàng Chuối - Hà Nội.

Quá trình công tác

Phụ trách phòng điều trị ngoại trú Bệnh viện K; Phó trưởng khoa phẫu thuật đầu cổ - Bệnh viện K; Phó Giám đốc bệnh viện K; Kiêm Trưởng khoa hoá chất; Hiện là Giám đốc Bệnh viện K, Chủ nhiệm bộ môn ung thư Trường Đại học Y Hà Nội Thành viên Hiệp hội quốc tế phòng chống ung thư (UICC) Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội ung thư Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Ngành Ung thư học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu chẩn đoán và điều trị u lymphô ác tính không Hodgkin tại Bệnh viện K Hà Nội từ 1982 đến 1993.

Nội dung

U lymphô ác tính không Hodgkin là một trong mười loại ung thư phổ biến ở Việt Nam. Nghiên cứu 755 bệnh nhân u lymphô ác tính không Hodgkin tại Bệnh viện K từ 1982 - 1993, đây là loại ung thư mắc ở lứa tuổi tương đối trẻ (60% dưới 30). Bệnh nhân vào viện thường muộn (77,9% ở giai đoạn II, III). Đa số bệnh biểu hiện ở hệ thống bạch huyết (94,5%). Chẩn đoán tế bào học có giá trị phát hiện và phân biệt với các bệnh hạch ác tính khác với tỉ lệ cao (77,1%). Chẩn đoán mô bệnh học cho thấy bệnh nhân u lymphô không Hodgkin ở độ ác tính thấp rất hiếm (3,8%), tuyệt đại đa số là ở độ ác tính trung bình (83,1%) điều trị bằng hoá chất và tia phóng xạ đem lại thời gian sống thêm sau 5 năm cho 33% bệnh nhân. Hoá chất chống ung thư đóng vai trò chủ đạo trong điều trị căn bệnh này, đặc biệt là phác đồ CHOP (Cyclophosphamide, Doxorubicin, Vincristine, Prednisolon). Tỉ lệ sống thêm sau 3 năm của nhóm bệnh nhân điều trị hoá chất phác đồ CHOP đạt 52,4%. Trong các nhóm điều trị bằng các phương pháp khác nhau tỉ lệ đáp ứng và thời gian sống thêm của bệnh nhân nhóm giai đoạn I + II đều cao hơn nhóm giai đoạn III + IV. Điều trị triệu chứng chống đau cho bệnh nhân u lymphô ác tính không Hodgkin bằng tia phóng xạ có hiệu quả cao (82,8%), trong đó giảm hoàn toàn 69%, giảm một phần 13,8%. Tác giả đề xuất nghiên cứu dịch tễ học tìm hiểu căn nguyên bệnh; biện pháp phòng bệnh phục vụ điều trị. Đặc biệt, cần có kế hoạch đào tạo cho tuyến tỉnh để có thể làm được vì đây là một kỹ thuật đơn giản rẻ tiền mà độ chính xác cao...

Thành tựu khoa học

Các công trình khoa học đã nghiệm thu và ứng dụng:
Nghiên cứu hiệu quả và tác dụng phụ của phương pháp điều trị bổ trợ bằng cắt buồng trứng kết hợp với Tamoxifen cho bệnh nhân ung thư vú tiền mãn kinh giai đoạn II - III. Nghiên cứu liên quan giữa hút thuốc và ung thư phổi; Nghiên cứu mối liên quan giữa hút thuốc và ung thư đường hô hấp trên; Biện pháp cơ bản phòng và điều trị một số bệnh mãn tính, ung thư và tâm thần chủ yếu; Áp dụng khoa học kỹ thuật phòng chống ung thư phổi ở Việt Nam; Phát hiện tế bào học một số bệnh phổ biến, đặc biệt một số ung thư hay gặp; Phát hiện, theo dõi tiến triển ung thư vòm họng trong và sau điều trị tia xạ qua sự thay đổi hiệu giá IgA/VCA và IgG/ZEBRA; Nghiên cứu thuốc ức chế u Panacrin dùng trong điều trị ung thư trên người; Điều trị ung thư hạch hệ thống không Hodgkin bằng phác đồ CVP; Ứng dụng một số dấu ấn miễn dịch trong chẩn đoán một số bệnh ung thư. Đặc tính tổ chức bệnh học của u lymphô ác tính không Hodgkin ở Bệnh viện K từ 1988-1994; Đánh giá hiệu quả của phương pháp sàng lọc ung thư cổ tử cung bằng Pap test ở Việt Nam.
Sách đã xuất bản:
Hoá chất điều trị bệnh ung thư; Hướng dẫn thực hành chẩn đoán điều trị ung thư; Bài giảng ung thư học; An toàn thực phẩm dinh dưỡng và phòng bệnh ung thư; Điều trị đau do ung thư; Ung thư học lâm sàng - Nxb Y học; *Những hiểu biết cần thiết trong công tác phòng chống bệnh ung thư* - Bệnh viện K.
Huy chương Vì sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.
Thầy thuốc ưu tú

Dự định khoa học

Nghiên cứu dịch tễ học, chẩn đoán, điều trị phòng chống một số bệnh ung thư ở Việt Nam (vú, gan, dạ dày, phổi, máu).

Lời Tiến sĩ

Mỗi năm ở nước ta có khoảng 150.000 trường hợp mắc và 100.000 trường hợp chết vì bệnh ung thư. Xu hướng mắc bệnh ngày càng gia tăng, nhưng không phải là căn bệnh vô phương cứu chữa. Ngành ung thư Việt Nam mong muốn có được sự quan tâm, đầu tư để có chương trình quốc gia phòng chống ung thư, mạng lưới phòng chống ung thư ở Việt Nam phát triển rộng khắp cả nước và trình độ chuyên môn có thể sánh ngang với các nước trong khu vực.



NGUYỄN ĐỒNG ĐỨC

Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 25 - 8 - 1951.
Quê quán: Thuỵ Hà - Thái Thuỵ - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: P507 - B9 Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên khoa Triết học, Học viện Chính trị - Quân sự.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp Ervan, Cộng hoà Acmênia.
Giáo viên, Tổ trưởng bộ môn, Phó chủ nhiệm khoa Triết học Học viện Chính trị Quân sự.
Hiện là Trợ lý phòng Giáo dục khoa học xã hội và nhân văn, Cục Tư tưởng - Văn hoá, Tổng cục Chính trị QĐNDVN.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988
Tại Trường Đại học Tổng hợp Erevan, Cộng hoà Acmênia.
Ngành Triết học.
Chuyên ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Đề tài luận án

Nguyên lý thống nhất lý luận cùng thực tiễn và ý nghĩa phương pháp luận của nó.

Nội dung

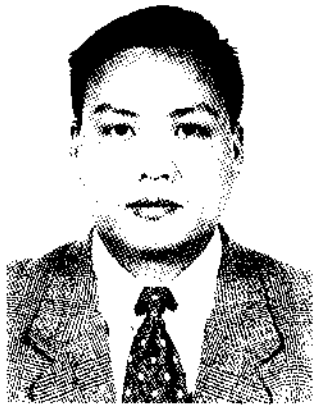
Khái niệm thực tiễn trong triết học Mác-Lênin.
Quan niệm về thực tiễn và tác động của nó với lý luận.
Thực tiễn như là hoạt động đối tượng.
Thực tiễn như là hoạt động cải tạo.
Khái niệm lý luận trong triết học Mác-Lênin.
Lý luận trong nhận thức của con người.
Các dạng lý luận.
Chức năng của lý luận.
Đặc trưng biện chứng của sự thống nhất lý luận và thực tiễn.
Những cơ sở khách quan và quy tắc nhận thức luận của nguyên lý thống nhất lý luận và thực tiễn.
Vị trí sự thống nhất lý luận và thực tiễn trong hệ thống quan hệ của chúng.
Các hình thức thống nhất lý luận và thực tiễn.
Nguyên lý thống nhất lý luận và thực tiễn - cơ sở phương pháp luận trong hoạt động của Đảng cộng sản Việt Nam.
Tính đến đặc thù của Việt Nam - điều kiện để thực hiện nguyên lý thống nhất lý luận và thực tiễn.
Mối liên hệ gắn bó của công tác chính trị - tư tưởng, công tác tổ chức và công tác cán bộ trong thực hiện nguyên lý thống nhất lý luận và thực tiễn.

Thành tựu khoa học

Các đề tài khoa học:
Xây dựng ý thức bảo vệ tổ quốc trong giáo dục con người Việt Nam ngày nay (tham gia - cấp Nhà nước).
Công tác tư tưởng - văn hoá trong xây dựng quân đội về chính trị (tham gia - cấp Bộ).
Đổi mới chương trình, nội dung các môn công tác Đảng, công tác chính trị, tâm lý học quân sự và giáo dục học quân sự trong các nhà trường quân đội" (thư ký- cấp Bộ).
Xây dựng đội ngũ sĩ quan trẻ quân đội nhân dân Việt Nam trong thời kỳ cách mạng mới (tham gia - cấp Tổng cục).
Đổi mới chương trình giáo dục khoa học xã hội và nhân văn trong các nhà trường quân đội (thư ký - cấp Tổng cục).
Nghiên cứu điều chỉnh chương trình khung khoa học xã hội và nhân văn trong các nhà trường quân đội (thư ký - cấp ngành).
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Xây dựng đội ngũ sĩ quan trẻ quân đội nhân dân Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới.
Giáo trình triết học Mác-Lênin (dùng cho đào tạo sĩ quan cấp phân đội).
Giáo trình giáo dục lý luận chính trị (dùng cho trung học chuyên nghiệp quân đội).
Giáo trình giáo dục pháp luật (dùng cho trung học chuyên nghiệp quân đội).
Đổi mới chương trình, nội dung các môn công tác Đảng, công tác chính trị, tâm lý học quân sự và giáo dục học quân sự trong các nhà trường quân đội, Nxb Quân đội nhân dân.

Dự định khoa học

Phát triển đề tài luận án tiến sĩ làm rõ những phát triển của lý luận và thực tiễn cách mạng Việt Nam.



NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 11 - 10 - 1963.
Quê quán: An Phụ - Kim Môn - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: Số 227 - phường Đồng Tâm - thị xã Yên Bái - tỉnh Yên Bái.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Nghiên cứu sinh, Đại học Tổng hợp Quốc gia Lômônôxốp Mátxcơva Liên Xô cũ.
Giáo sư thực thụ, giáo sư danh dự Đại học Tổng hợp châu Âu 1999.
Viện sĩ Viện Hàm lâm Khoa học tự nhiên Nga 1999.
Viện sĩ Viện Hàn lâm phát minh và sáng chế quốc tế 1999.
Làm việc tại phòng thí nghiệm vật liệu compozit, Viện máy, Viện Hàn lâm Khoa học LB Nga.
Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hiệp hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam tại LB Nga.
Chủ nhiệm Câu lạc bộ các nhà khoa học trẻ Việt Nam tại LB Nga.
Ủy viên Hội đồng tư vấn về Khoa học - Công nghệ - Môi trường và Giáo dục - UBTƯ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khoá V.
Uỷ viên Hội đồng quốc tế biên tập tạp chí *Những báo cáo khoa học* - Viện Hàn lâm phát minh và sáng chế quốc tế.
Uỷ viên Hội đồng quốc tế biên tập tạp chí quốc tế *Những vấn đề về chế tạo máy và tự động hoá*.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991
Tại Đại học Tổng hợp Quốc gia Lômônôxốp Mátxcơva Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Cơ học vật rắn biến dạng.

Đề tài luận án

Các tiêu chuẩn bền vững của composit có cốt sợi đồng phương.

Nội dung

Trên cơ sở áp dụng phương pháp trung bình hoá, đề xuất tiêu chuẩn bền mới cho vật liệu composite có cốt sợi đồng phương. Tiêu chuẩn bền này cho phép tính toán được ảnh hưởng của cấu trúc, phân bố, đặc trưng ban đầu của các vật liệu thành phần lên độ bền của composite.

Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học năm 1997.
Tại Viện Máy, Viện Hàn lâm Khoa học Nga.

Đề tài luận án

Lý thuyết về vật liệu composite ba pha có cấu trúc không gian.

Nội dung

Lần đầu tiên đề xuất mô hình vật liệu composite mới ba phần gồm: Vật liệu nền, các sợi độn được phân bố theo nhiều phương khác nhau trong không gian, và các hạt độn hình cầu. Xác định được mối quan hệ ứng suất - biến dạng. Khắc phục, đánh giá được ảnh hưởng của lỗ rỗng lên các tính năng cơ lý của vật liệu. Tìm ra qui luật ứng xử khi khai thác của các vật liệu composite 3Dm. Tìm ra điểm dị thường trong trường hợp ứng suất - biến dạng trượt của vật liệu 4Dm. Đồng thời trên cơ sở tính toán đến sự tương hỗ giữa nền và sợi độn, đã đặt nền móng và giải các bài toán từ biến, đàn hồi nhiệt và phá huỷ dính, cũng như xác định cấu trúc tối ưu cho các vật liệu mới nêu trên.

Thành tựu khoa học

Phát minh khoa học về những qui luật ứng xử của vật liệu compozit ba pha 3Dm dưới tác động của các hạt vật chất hình cầu (tác giả - Bằng phát minh khoa học số 120).
Huy chương Kapixưi của Viện Hàn lâm Khoa học tự nhiên LB Nga.
Sách đã xuất bản:
Vật liệu composite ba pha có cấu trúc không gian (tiếng Nga - Nxb URSS, Mátxcơva).



NGUYỄN HỮU ĐỨC

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 29 - 06 - 1943.
Quê quán: Hải Triều - Tiên Lữ - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể Trường Cao đẳng Sư phạm Hưng Yên - tỉnh Hưng Yên.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Tổng hợp Bucaret, Rumani.
Phó Trưởng phòng Đào tạo Trường Cao đẳng Sư phạm Hải Hưng.
Trưởng Cao đẳn Sư phạm Hải Dương.
Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Hưng Yên.
Uỷ viên Hội đồng Khoa học - Công nghệ tỉnh Hải Hưng, Hải Dương.
Hiện là Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học Trường Cao đẳng Sư phạm Hưng Yên.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1978.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Bucaret, Rumani.
Ngành Địa chất.
Chuyên ngành Địa Vật lý.

Đề tài luận án

Nghiên cứu các tính chất từ và cổ từ học các đất đa thuộc vùng Mehadia - Plugova - Iablanita, Rumani.

Nội dung

Nghiên cứu các tính chất từ của các loại đất đá khác nhau của vùng nghiên cứu, các đặc trưng cổ từ của đất đá thuộc loại trầm tích có tuổi Pecmi và tuổi Neogen của vùng này, các kết quả "phân tích từ" một số mẫu đất đá đó. Lý giải về phương diện địa chất và địa lý các kết quả đã thu được trên 5 vấn đề:
Các tính chất từ của các đất đá biến chất và phún xuất của vùng nghiên cứu và mối quan hệ giữa các tính chất từ của các đất đá này với các điều kiện hình thành và tồn tại của chúng.
Thành phần hoá học của các khoáng vật sắt từ có trong các đá trầm tích tuổi Pecmi và Neogen của vùng.
Nguồn gốc từ hoá dư tự nhiên của các đất đá tuổi Pecmi và Neogen của vùng.
Thời điểm hình thành thành phần bền vững của độ từ hoá dư tự nhiên của các đá nói trên.
Vị trí cực cổ từ và giả thuyết về một sự dịch chuyển ngang của các khối đất đá trầm tích tuổi Pecmi đã xảy ra sau đó do các hoạt động kiến tạo trong vùng gây nên, cụ thể là về sự xoay theo chiều kim đồng hồ của chúng với góc xoay được xác định là 80 - 85 độ.
Luận án đưa ra 10 kết luận, đồng thời cũng là những đóng góp của tác giả vào việc nghiên cứu các tính chất từ và cổ từ học các đất đá ở vùng Mehadia-Plugova-Iablanita của nước Rumani.

Thành tựu khoa học

Sử dụng tổ hợp các phương pháp địa vật lý để phát hiện các lổ mối trên đê (tham gia - cấp Bộ).
Nghiên cứu cổ từ học các đá trầm tích màu đỏ có tuổi pecmi ở vùng Mehadia (Banat - Rumani).
Nâng cao hiệu quả các phương pháp địa vật lý thăm dò (tham gia).
Giáo trình "Địa từ và thăm dò từ" (đồng tác giả).
Hướng dẫn luận án tốt nghiệp cho sinh viên; phản biện và tham gia hội đồng chấm luận án chuyên ngành.
Nâng cao hiệu quả quản lý công tác NCKH ở trường CĐSP (chủ trì - cấp trường).
Nghiên cứu triển khai thay sách giáo khoa lớp 6 cải cách giáo dục (thư ký - cấp tỉnh).
Nghiên cứu triển khai thay sách giáo khoa lớp 7 cải cách giáo dục (thư ký - cấp tỉnh).
Xây dựng phương pháp dạy và học ở CĐSP (phó chủ nhiệm - cấp tỉnh).
Nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông (phó chủ nhiệm - cấp tỉnh).
Nghiên cứu, ứng dụng triển khai quy trình đào tạo mới đối với hệ chính quy ở trường CĐSP Hải Hưng.
Để thực hiện tốt quy trình đào tạo mới ở trường CĐSP.
Thí điểm đào tạo giáo viên tiểu học có trình độ CĐSP (phó chủ nhiệm kiêm thư ký - cấp tỉnh).
Mô hình trường đại học cộng đồng cho tỉnh Hải Dương (thư ký, cấp tỉnh).
Huy chương Kháng chiến hạng nhất
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục

Dự định khoa học

Nghiên cứu địa vật lý.

Lời Tiến sĩ

Trong cuộc đời, để sống, người ta có thể phải làm nhiều nghề. Nhưng để có nhiều cống hiến cho khoa học thì chỉ nên có một. Nếu bạn đã có công theo đuổi và đã có chút ít thành công ở một lĩnh vực khoa học nào đó, thì tốt nhất, bạn đừng nên từ bỏ nó, dù với bất cứ lý do gì. Nó có thể sẽ đem thành công và vinh quang lớn hơn đến cho bạn. Vì nếu không, rất có thể, đó sẽ luôn là điều làm bạn hối tiếc.



NGUYỄN HỮU ĐỨC

Tiến sĩ Toán - Lý

Sinh ngày: 15 - 12 - 1958
Quê quán: Thanh Trạch - Bố Trạch - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: Ngõ 629/15 Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Vật lý, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Công tác tại bộ môn Vật lý nhiệt độ thấp.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Vật lý nhiệt độ thấp, Khoa Vật lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia.
Hội viên Hội Vật lý Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành Vật lý.

Đề tài luận án

Từ tính của các hợp chất đất hiếm - kim loại 3d (R,Y) $C0_2$ và R $(Co,Cu)_2$.

Nội dung

Luận án nghiên cứu thuộc tính từ giả bền của các điện tử linh động 3d trong các hợp chất có cấu trúc lập phương $RC0_2$ và các hợp chất thay thế của chúng; nghiên cứu các đặc tính của chuyển pha sắt từ - thuận từ loại 1 và loại 2. Dị thường của nhiệt dung và entropy từ, giãn nở nhiệt và hiệu ứng từ thể tích, điện trở suất và hiệu ứng thăng giáng spin cũng đã khảo sát.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Chế tạo, nghiên cứu các màng mỏng từ giản đơn lớp, đa lớp chứa đất hiếm và tìm hiểu khả năng ứng dụng của chúng trong các kỹ nghệ kích thước bé" (chủ trì - cấp trường).
Công bố hơn 100 công trình khoa học trên các tạp chí khoa học ở trong và ngoài nước.
Được mời thuyết trình tại Đại học Amsterdam, ĐHTH Grenoble, Đại học Rouen, Đại học Rome 2, tại các hội nghị khoa học quốc tế về từ học và vật liệu từ tại Edinburg, Amsterdam, Grenoble.
Giáo sư thỉnh giảng tại trường Đại học Rouen.
Bảo vệ và nhận bằng Habilitation của Pháp.
Sách đã xuất bản:
Sách chuyên khảo về *vật lý và hoá học của các nguyên tố đất hiếm.*
Sách chuyên khảo về *vật liệu từ.*
Huy chương Vàng "Nam châm đất hiếm" (tập thể).

Dự định khoa học

Nghiên cứu các vật liệu từ tiên tiến có cấu trúc nano nhân tạo dạng lớp, dạng hạt và ứng dụng trong kỹ nghệ lưu giữ thông tin và các kỹ nghệ kích thước bé.
Viết giáo trình, sách chuyên khảo về chuyển pha, về vật liệu từ. Tham gia đào tạo cán bộ khoa học trẻ về vật liệu cho đất nước.



NGUYỄN TIẾN ĐỨC

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 6 - 10 - 1945.
Quê quán: Xuân Hùng - Xuân Trường - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 58/111 Nguyễn Phong Sắc - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Học viên Trường Tuyên huấn Trung ương Hà Nội.
Cán bộ nghiên cứu và giảng dạy Trường Đại học Tuyên giáo.
Nghiên cứu sinh, Trường Tổng hợp kinh tế và tài chính Xanh Pêtecbua Liên bang Nga.
Hiện là giảng viên chính Phân viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1966.
Tại Trường Tổng hợp kinh tế và tài chính Xanh Pêtecbua, Liên bang Nga.

Đề tài luận án

Hiện tại và tương lai của sự phát triển thương nghiệp bán buôn tư liệu sản xuất ở Việt Nam, có tính đến kinh nghiệm của Liên bang Nga khi chuyển sang kinh tế thị trường.

Nội dung

Luận án phân tích những mặt tích cực và mặt yếu của cải cách kinh tế ở Nga. Đặc biệt, phân tích cơ cấu công nghiệp - quân sự của Liên Xô, một trong những nguyên nhân cơ bản đưa nền kinh tế kế hoạch tập trung phải chuyển sang nền kinh tế thị trường. Phân tích những mặt thiếu sót của cải cách kinh tế và nghiên cứu 5 phương án cải cách.
Phân tích tình trạng kinh tế Việt Nam và vị trí của nó trong khu vực Đông Nam Á. Nhịp độ tích cực của công cuộc cải cách kinh tế ở Việt Nam đã tạo điều kiện thuận lợi để cung ứng vật tư - kỹ thuật chuyển sang bán buôn tư liệu sản xuất (TLSX); Khẳng định TLSX là một trong những loại hàng hoá quan trọng nhất trong hệ thống thị trường. Mức độ tăng năng lực sản xuất của bất kỳ ngành kinh tế nào, chế độ xã hội nào đều do TLSX quyết định. Hàng hoá TLSX có đặc điểm riêng nổi bật: qua hệ thống kế hoạch nhà nước có thể xác định tương đối chính xác các chỉ tiêu tiêu thụ loại hàng hoá này. Vì vậy, nhà nước có khả năng điều tiết lưu thông hàng hoá TLSX trong hệ thống bán buôn như là một chủ thể của thị trường. Các chỉ tiêu kế hoạch được xác định trên cơ sở các thông số kinh tế của thị trường. Từ đó nhà nước cố định các thông số đó trên lĩnh vực vĩ mô. Ở mức vi mô, các doanh nghiệp bán buôn TLSX hoạt động với tư cách thật sự là chủ thể của thị trường, hướng hoàn thiện tổ chức thương nghiệp bán buôn TLSX ở Việt Nam. Nó không chỉ được biểu hiện bằng các chỉ số kinh tế, mà còn được biểu hiện ở các chỉ tiêu xã hội. Luận án đã đề xuất 15 khuyến nghị nhằm góp phần nghiên cứu khoa học và định hướng sự phát triển thương nghiệp bán buôn TLSX trong tương lai ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Trên 10 công trình khoa học đã công bố trong các cuộc hội thảo khoa học.
Một số đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu
Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba.
Huân chương kháng chiến hạng ba.
Đã xuất bản một số đầu sách.

Dự định khoa học

Nghiên cứu và viết sách về kinh tế.



PHẠM THỊ ĐỨC

Tiến sĩ Tâm lý học

Sinh ngày: 20 - 1 - 1945.
Quê quán: Vũ Vân - Vũ Thư - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Nhà 8 - Khu tập thể 86 Trung Liệt - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Hiệu trưởng Trường phổ thông cơ sở huyện Vũ Thư, Thái Bình.
Sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội II;
Trường Đại học sư phạm Quốc gia Lênin, Mátxcơva, Liên Xô cũ.
Nghiên cứu sinh Viện Khoa học Giáo dục.
Thực tập sinh Trường Đại học Sư phạm Quốc gia Lênin, Mátxcơva, Liên Xô cũ.
Hiện là cán bộ nghiên cứu tâm lý học, Viện Khoa học Giáo dục.
Hội viên Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Trường Đại học Sư phạm Quốc gia Lênin, Mátxcơva, Liên Xô cũ.
Ngành Sư phạm.
Chuyên ngành Tâm lý học sư phạm và lứa tuổi.

Đề tài luận án

Những điều kiện tâm lý của việc hình thành động cơ nhận thức trong hoạt động học tập ở học sinh - thiếu niên.

Nội dung

Hệ thống hoá các khái niệm cơ bản của đề tài, coi đó là cơ sở lý luận dẫn đường cho việc nghiên cứu thực nghiệm (TN) sau này, như nghiên cứu khái niệm động cơ học tập (ĐCHT) mang tính xã hội, đã nêu lên quan điểm về động cơ nhận thức (ĐCNT) trong (ĐCHT) ở học sinh, các tiêu chí, cấu trúc thứ bậc, cơ sở hình thành và sự xuất hiện của ĐCNT.
Các kết quả thu được đã chứng minh rằng, sau một năm học TN theo các điều kiện tâm lý mới, ĐCNT ở học sinh - thiếu niên được hình thành, phát triển nhanh, mạnh, bền vững, với mức độ cao. Sự phát triển đó ở học sinh lớp TN mạnh hơn gấp nhiều lần so với học sinh lớp đối chứng và so với chính mình, khi chưa được học TN; Đưa ra một số khuyến nghị sư phạm thiết thực, có hiệu quả đối với việc nâng cao chất lượng học tập và sự hình thành, phát triển ĐCNT ở học sinh - thiếu niên.

Thành tựu khoa học

Đã thực hiện một số đề tài:
Tìm hiểu năng lực khái quát hoá ở học sinh tiểu học (cấp Bộ - chủ nhiệm)
Xác định mức độ tác động định hướng của một số giá trị với hoạt động ở học sinh THPT (cấp Bộ - chủ nhiệm).
Tìm hiểu một số đặc điểm nhân cách ở học sinh phạm pháp tuổi vị thành niên.
Tìm hiểu động cơ học tập ở các lớp đầu bậc tiểu học (cấp Bộ).
Tìm hiểu động cơ học tập của học sinh năng khiếu bậc THPT (cấp Nhà nước).
Tổ chức hoạt động học tập và sự hình thành năng lực khái quát hoá lý luận toán học ở học sinh lớp 6 (cấp Bộ).
Tìm hiểu một số đặc điểm về tư duy của học sinh THPT (cấp cơ sở).

Dự định khoa học

Nghiên cứu những đặc điểm tâm lý giới tính ở con người; Hứng thú học tập của học sinh và sinh viên; Viết sách giáo khoa và sách chuyên khảo cho các trường đại học.

Lời Tiến sĩ

Các cơ quan quản lý khoa học, giáo dục đào tạo - nguồn nhân lực cho đất nước cần có chế độ, chính sách cụ thể đối với việc ứng dụng kết quả các công trình nghiên cứu khoa học, đặc biệt quan tâm đến chất lượng đào tạo các nhà khoa học trong tương lai. Muốn vậy, khi tuyển dụng giảng viên đại học, cần đặc biệt coi trọng trình độ nghiệp vụ sư phạm.



TRẦN MINH ĐỨC

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 23 - 11 - 1955.
Quê quán: Thụy Phú - Phú Xuyên - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay:
Tổ 51 Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Nghiên cứu viên Phòng Bê tông và vữa xây dựng - Viện Khoa học kỹ thuật xây dựng.
Nghiên cứu viên Trung tâm triển khai và tư vấn xây dựng miền Trung.
Hiện là Giám đốc Trung tâm triển khai và tư vấn xây dựng miền Trung.
Hội viên Hội Xây dựng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Tại Đại học Kỹ thuật xây dựng Xanh Pêtecbua - Liên bang Nga.
Ngành Vật liệu
Chuyên ngành Công nghệ vật liệu xây dựng.

Đề tài luận án

Bê tông cốt sợi trong điều kiện Việt Nam.

Nội dung

Vật liệu cốt sợi nói chung, bê tông cốt sợi nói riêng là một nhánh đặc thù (thuộc nhóm composite) đã và đang ngày càng ứng dụng rộng rãi nhờ các tính ưu việt: chịu kéo, chống nứt, chống va đập.
Công nghệ chế tạo và áp dụng có những đặc thù, trong hoàn cảnh Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Tham gia nhiều đề tài nghiên cứu và biên soạn tiêu chuẩn về vật liệu xây dựng.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng các vật liệu xây dựng.

Lời Tiến sĩ

Khoa học phải xuất phát từ cuộc sống, phục vụ trực tiếp cho sản xuất hôm nay và mai sau.



NGUYỄN MINH ĐƯỜNG

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 01 - 01 - 1935.
Quê quán: Cẩm Bình - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay:
Số 1 - B20 - Nam Thành Công - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Viện trưởng Viện Khoa học Dạy nghề.
Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề.
Giám đốc Dự án Quốc gia VIE-86-044 kiêm Giám đốc Trung tâm phương tiện kỹ thuật dạy nghề.
Vụ trưởng Vụ Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề.
Nghiên cứu viên cấp cao, Viện Khoa học Giáo dục.
Chủ tịch Hội những người tốt nghiệp ở Liên Xô.
Chủ tịch Hội kỹ sư ô tô Việt Nam.
Chủ tịch Hội Giáo dục nghề nghiệp.
Hiện là Uỷ viên Hội đồng Quốc gia giáo dục.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1968.
Tại Đại học Bách khoa Mink, Liên Xô.
Chuyên ngành ô tô máy kéo.
Tiến sĩ Khoa học năm 1978.
Tại Viện nghiên cứu trung ương về cơ giới hoá và điện khí hoá nông nghiệp miền không phải đất đen của Liên Xô, Mink.
Chuyên ngành Cơ giới hoá nông nghiệp.

Đề tài luận án

Nghiên cứu đặc tính bám và khả năng kéo của máy kéo xích khi hệ thống di động bị sai lệch.

Tiến sĩ khoa học

Những cơ sở để dự báo các thông số tối ưu của các liên hợp máy máo để cơ giới đồng bộ nghề trồng lúa (ví dụ với Việt Nam).

Nội dung

Trong quy trình trồng lúa, máy kéo phải làm việc với nhiều máy nông nghiệp khác nhau như cày, bừa, phay, gieo, bón phân, thu hoạch... và mỗi loại liên hợp máy nêu trên chỉ làm việc với năng suất và hiệu quả kinh tế cao khi chúng có những thông số hợp lý. Luận án đã nghiên cứu quá trình cơ giới hoá đồng bộ tất cả các công việc của nghề trồng lúa với các loại liên hợp máy khác nhau, xây dựng các quan hệ hàm số giữa năng suất và giá thành canh tác với các thông số như công suất động cơ, chiều rộng, tốc độ của liên hợp máy và các thông số đặc trưng cho các tính chất cơ lý của đất cũng như kích thước của thửa ruộng; thiết lập mô hình toán của quy trình cơ giới hoá đồng bộ nghề trồng lúa, xây dựng chương trình giải bài toán tối ưu này trên máy tính để tìm ra hệ máy kéo và máy nông nghiệp tối ưu.

Thành tựu khoa học

Giáo trình, sách giáo khoa:
Lý thuyết ô tô máy kéo.
Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô máy kéo.
Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo.
Phát triển nguồn nhân lực.
Tổng chủ biên sách giáo khoa *Công nghệ 6, Công nghệ 7* (cho học sinh và giáo viên).
Sách chuyên khảo:
Mô đun kỹ năng hành nghề. Phương pháp tiếp cận, hướng dẫn biên soạn và áp dụng. Nxb Khoa học và kỹ thuật.
Bồi dưỡng và đào tạo lại đội ngũ nhân lực trong điều kiện mới (chủ biên).
Chủ nhiệm các công trình nghiên cứu:
Trung tâm dạy nghề.
Nghiên cứu cải tiến mục tiêu, nội dung giáo dục và đào tạo của các cấp học, bậc học trong điều kiện phát triển kinh tế xã hội.
Vấn đề bồi dưỡng và đào tạo lại các loại hình lao động nhằm đáp ứng nhu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện mới.

Dự định khoa học

Viết sách và nghiên cứu về phương pháp dạy và học, đặc biệt là dạy nghề.



HOÀNG NGỌC ĐƯỜNG

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 15 - 1 - 1954.
Quê quán: Nà Phặc - Ngân Sơn - Bắc Kạn.
Chỗ ở hiện nay:
Thị trấn Bằng Lũng - tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Nông nghiệp III Thái Nguyên.
Trưởng bộ môn Di truyền, giống cây trồng.
Trưởng bộ môn cây trồng.
Chủ nhiệm khoa Trồng trọt Trường Đại học Nông nghiệp III Thái Nguyên.
Nghiên cứu sinh tại Viện Bảo vệ thực vật, Budapet - Hungari.
Giảng viên chính Trường Đại học Nông - Lâm Thái Nguyên.
Trưởng bộ môn Bảo vệ thực vật.
Trưởng phòng Công tác chính trị - học sinh, sinh viên.
Phó giám đốc Sở Công nghiệp - Khoa học - Công nghệ, Môi trường tỉnh Bắc Kạn.
Thường trực Hội đồng KHCN tỉnh Bắc Kạn.
Hiện là Bí thư Huyện uỷ huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn.
Thành viên hội đồng KHCN tỉnh Bắc Kạn.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.
Ngành Nông nghiệp.

Đề tài luận án

Nghiên cứu các nòi virus gây bệnh hại ngô tại Hungari.

Nội dung

Trên cơ sở thu thập mẫu bệnh có triệu chứng điển hình trên cây ngô và cây cao lương ở các vùng trồng ngô của Hungary, sử dụng tập đoàn cây chỉ thị, phản ứng huyết thanh, quan sát trên kính hiển vi điện tử và các phản ứng vật lý, sinh hoá học, đã xác định virus hại ngô ở Hungary thuộc nhóm virus hại khoai tây chủng y (Poty virus) với 3 vòi nòi khác nhau: Virus khảm lùn ngôi nòi A (MDMV-A), Virus khảm lùn ngôi nòi B (MDMV-B), Virus khảm mía nòi A (ScMV-A).
Bằng việc lây bệnh nhân tạo và truyền bệnh qua vật chủ trung gian (vector) trên tập đoàn giống ngô của Hungary và thử phản ứng ELLISA đã xác định được một số giống có khả năng chống chịu với cả 3 nòi virus trên hoặc với từng nòi virus riêng rẽ.

Thành tựu khoa học

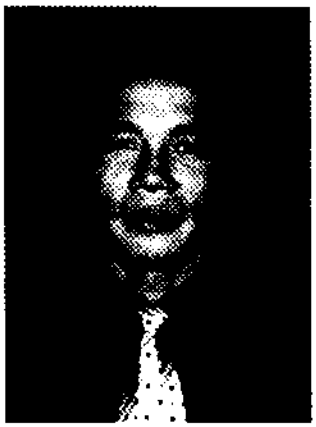
Chủ trì các đề tài đã nghiệm thu:
Nghiên cứu chọn giống và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để phát triển cây ăn quả đặc sản vùng núi Đông Bắc Việt Nam (cấp Bộ).
Nghiên cứu thiên địch sâu hại chè tại Bắc Thái (cấp Bộ).
Xây dựng vùng lúa năng suất cao tại huyện Đại Từ tỉnh Bắc Thái.
Xây dựng vùng cây ăn quả đặc sản tại Ngân Sơn, Bắc Kạn.
Xây dựng mô hình lúa cao sản tại Bạch Thông, Bắc Kạn.
Xây dựng mô hình sản xuất giống ngô lai tại Bắc Kạn.
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
Bằng Lao động sáng tạo.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tập đoàn giống cây trồng phù hợp với Bắc Kạn, sản xuất giống tại chỗ để chuyển đổi cơ cấu cây trồng của địa phương theo hướng sản xuất hàng hoá.
Nghiên cứu nhân nhanh tập đoàn cây đặc sản của địa phương như chè Shan tuyết, cam, quýt, hồng không hạt, lê. Quy hoạch các vùng sản xuất cây đặc sản.
Nghiên cứu sử dụng có hiệu quả đất đồi núi theo phương thức sản xuất nông lâm kết hợp.

Lời Tiến sĩ

Nhà nước cần có chính sách tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ cho miền núi, vùng sâu, vùng xa, nhất là trình độ công nghệ về sản xuất nông lâm nghiệp và chế biến. Vì vậy đòi hỏi tăng cường đội ngũ cán bộ kỹ thuật, có chính sách đào tạo, thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư thoả đáng cơ sở vật chất, thành lập trạm trại nghiên cứu vùng để giải quyết những vấn đề cấp bách phù hợp với thực trạng miền núi.



NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG

Nguyễn Văn Tạo

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 22 - 11 - 1949.
Quê quán: Thuỵ Phương - Từ Liêm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Đại Đồng - Thụy Phương - Từ Liêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên phổ thông ở Từ Liêm, Hà Nội.
Lưu học sinh khoa Nga, Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
Sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kiep, Đại học Tổng hợp Cuban Liên Xô cũ.
Cán bộ giảng dạy văn học Nga Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội.
Tổ trưởng bộ môn Văn, khoa Xã hội.
Tốt nghiệp Thạc sĩ Sư phạm - Tâm lý.
Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy Văn học, tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy văn học.

Đề tài luận án

Nghệ thuật bình thơ của Hoài Thanh với phương pháp giảng bình thơ ở nhà trường phổ thông.

Nội dung

Nghiên cứu nghệ thuật bình thơ đặc sắc của Hoài Thanh, luận án đề xuất phương pháp, biện pháp vận dụng thành tựu và kinh nghiệm phong phú của Hoài Thanh vào việc đổi mới dạy học tác phẩm thơ ở nhà trường phổ thông, góp phần nâng cao chất lượng dạy học văn hiện nay.
Vận dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu liên ngành, luận án có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, thời sự và lâu dài.

Thành tựu khoa học

Giáo trình:
Văn học nước ngoài (CĐSP hệ tiểu học, Hà Nội).
Phương pháp dạy học văn (phần thực hành, CĐSP Hà Nội).
Công bố nhiều bài nghiên cứu, phê bình văn học, phương pháp dạy học văn trên các báo, tạp chí.
Sách đã xuất bản:
Thiết kế bài dạy học tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông, tập 2, (đồng tác giả) Nxb Đại học Quốc gia.
Kiến thức cơ bản văn lớp 7, tập 2 (đồng tác giả, Nxb Giáo dục).
Thiết kế bài dạy học văn học lớp 6 theo chương trình ngữ văn thí điểm hướng "tích hợp" tập 1, CĐSP Hà Nội.
Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phương pháp dạy học ngữ văn trung học cơ sở hướng "tích hợp".
Đổi mới phương pháp dạy học môn phương pháp giảng dạy văn, văn học nước ngoài từ bậc cao đẳng lên bậc đại học.

Lời Tiến sĩ

Tâm nguyện lời dạy của Lênin: "Học, học nữa, học mãi!" và Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Học đi đôi với hành".



HUỲNH THỊ GẤM

Huỳnh Hoa

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 15 - 10 - 1960.
Quê quán: Nhựt Chánh - Bến Lức - Long An
Chỗ ở hiện nay: C3/2 - Lê Văn Việt - Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy, nghiên cứu tại Phân viện Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Sử học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
Ngành Sử học

Đề tài luận án

Những biến đổi kinh tế - xã hội ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long từ năm 1975 đến năm 1995.

Nội dung

Những đặc điểm kinh tế - xã hội của nông thôn đồng bằng sông Cửu Long trước năm 1975.
Những biến đổi kinh tế - xã hội ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long từ 1975 đến 1995.
Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ cấu kinh tế, cộng đồng xã hội, cơ cấu xã hội và đời sống vật chất văn hoá giáo dục ở nông thôn vùng này.
Phân tích những nguyên nhân đưa đến sự biến đổi, những khó khăn và thách thức trên con đường phát triển.
Những tiền đề và điều kiện cho nền kinh tế - xã hội nông thôn toàn vùng, bước đầu rút ra những đặc điểm và quy luật vận động của kinh tế - xã hội nông thôn đồng bằng sông Cửu Long.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu (đồng tác giả):
Biến động kinh tế - xã hội của nông thôn Nam Bộ và xu hướng phát triển trong những năm tới (cấp Bộ).
Khảo sát toàn diện và dự báo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đồng bằng sông Cửu Long đến đầu thế kỷ XXI trong góc độ liên quan đến giáo dục (cấp Bộ).
Sách đã xuất bản:
Mãi mãi theo Người Hồ Chí Minh (in chung) - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và công cuộc đổi mới đất nước (in chung), NXB Chính trị Quốc gia.
Nhiều công trình khoa học được công bố trên các tạp chí, kỷ yếu khoa học.

Dự định khoa học

Giảng dạy và nghiên cứu lịch sử.



NGUYỄN DUY GIA

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 01 - 7 - 1936.
Quê quán: Triệu Phước - Triệu Phong - Quảng Trị.
Chỗ ở hiện nay: 2 Bis - Đường Cửu Long - cư xá Bắc Hải - Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Vụ trưởng Ngân hàng Quốc gia Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam.
Đại biểu Quốc hội khoá V.
Giám đốc Ngân hàng Nhà nước thành phố Hà Nội.
Thứ trưởng - Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
Bộ trưởng - Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Đại biểu Quốc hội khoá VII.
Đại diện Chính phủ CHXHCN Việt Nam tại Hội đồng hợp tác, tương trợ kinh tế quốc tế xã hội chủ nghĩa, Quỹ Tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới và một số tổ chức tài chính quốc tế khác.
Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia; Chủ tịch Hội đồng Khoa học Hành chính Quốc gia; Chủ tịch Hiệp hội Hành chính Quốc tế miền Đông thế giới; Thành viên Hội đồng Học hàm Nhà nước - Kinh tế/Luật; Thành viên Hội đồng Lý luận Trung ương của Bộ Chính trị; Thành viên Hội đồng Từ điển Bách khoa Toàn thư - Kinh tế học.
Cố vấn cao cấp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Thành viên Hội đồng Khoa học Ngân hàng; Hội đồng Khoa học Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972.

Tiến sĩ Khoa học năm 1974.
Tại Trường Đại học Humboldt - Berlin Cộng hoà dân chủ Đức.
Ngành Khoa học kinh tế.

Đề tài luận án

Kế hoạch hoá tín dụng trong nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa.

Đề tài luận án Tiến sĩ Khoa học

Sự thống nhất và cân đối các quá trình vật chất và tài chính, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Nội dung

Vận dụng quy luật giá trị và các phạm trù kinh tế của nền sản xuất hàng hoá trong quá trình cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội.
Thống nhất và cân đối quá trình vật chất - tài chính đi đôi với sử dụng rộng rãi quan hệ hàng hoá - tiền tệ - thị trường, làm nền tảng cho hệ thống cải cách quản lý kinh tế, khắc phục xu hướng trì trệ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội.
Cải cách công tác kế hoạch hoá và cân đối nền kinh tế quốc dân, xác định đúng đắn hệ thống đòn bẩy kinh tế / vật chất - tài chính, chế độ tự chủ kinh doanh và nâng cao vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước.

Thành tựu khoa học

Tham gia nhiều đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ về đổi mới hệ thống chính trị, cải cách bộ máy nhà nước và cải cách nền hành chính quốc gia.
Xuất bản hơn 10 đầu sách về kinh tế, quản lý nhà nước, cải cách bộ máy nhà nước và cải cách nền hành chính quốc gia.
Đề tài cấp Bộ "Cải cách bộ máy hành chính nhà nước Việt Nam" đã được giải thưởng.



BÙI MINH GIÁM

Lê Phương

Tiến sĩ Luật học

Sinh ngày: 19 - 10 - 1960.
Quê quán: Ninh Hoà - Hoa Lư - Ninh Bình
Chỗ ở hiện nay: 92 - Nguyễn Du - Hà Nội

Quá trình công tác

Chuyên viên Vụ Đào tạo - Bộ Công an
Hội viên Hội Tâm lý giáo dục - Bộ Công an
Hội Luật gia Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998
Tại Học viện Luật và Kinh tế Ryazan Bộ Nội vụ - Liên bang Nga.
Chuyên ngành Luật học

Đề tài luận án

Biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với phạm nhân nghiện ma tuý ở Cộng hoà XHCN Việt Nam (khía cạnh tội phạm học và luật học).

Nội dung

Mối quan hệ giữa tội phạm học và luật học khi áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với phạm nhân nghiện ma tuý đang chấp hành hình phạt ở trại giam.

Hệ thống những văn bản luật pháp quốc tế, những văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam trong việc điều chỉnh biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với phạm nhân nghiện ma tuý, thủ tục tiến hành, trình tự áp dụng biện pháp này.

Những đặc điểm về xã hội học, tội phạm học, hình sự, cải tạo lao động, đặc điểm về nhân cách của phạm nhân nghiện ma tuý... nhằm tác động những biện pháp giáo dục - cải tạo phù hợp.

Khái niệm về biện pháp cai nghiện, biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với phạm nhân nghiện ma tuý.

Đưa ra các biện pháp về tổ chức, hoạt động của hệ thống trại giam trong điều kiện thi hành án phạt tù và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; các biện pháp đấu tranh phòng, chống và kiểm soát ma tuý trong trại giam đặc biệt là những biện pháp phòng ngừa tái nghiện; các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với phạm nhân nghiện ma tuý đang thụ án ở trại giam.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm một số đề tài khoa học.

Dự định khoa học

Sẽ xuất bản:
Tệ nạn ma tuý - chiều hướng và biện pháp khắc phục.
Nguồn gốc và sự phát triển của hình phạt hình sự.



VŨ ĐÌNH GIÁM

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 11 - 11 - 1930.
Quê quán: Thành phố Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 116 - ngõ 97 - Thái Thịnh - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học ngành Thư viện.
Giảng viên khoa Thông tin - Thư viện Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Văn hoá quốc gia Mátxcơva.
Chủ nhiệm khoa Thông tin - Thư viện.
Phó Hiệu trưởng
Quyền Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.
Phó Vụ trưởng Vụ Thư viện - Bộ Văn hoá Thông tin.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1974.
Tại Trường Đại học Văn hoá quốc gia Mátxcơva Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Thư viện học - Thư mục học.

Đề tài luận án

Một số vấn đề về công tác tra cứu thư mục của các thư viện tỉnh.

Thành tựu khoa học

Biên soạn các giáo trình:
Thư mục học đại cương.
Thư mục các tài liệu chính trị - xã hội.
Công tác phục vụ người đọc ở các thư viện.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Huy chương chiến sĩ văn hoá.
Hướng dẫn thạc sĩ ngành thư viện.
Chấm nhiều luận văn khoa học ngành thư viện.



NGUYỄN ĐÌNH GIANG

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 18 - 08 - 1948.
Quê quán:
Thanh Liên - Thanh Chương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Số 4H17 - khu tập thể Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Địa lý - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Giảng viên chính, Phó Chủ nhiệm bộ môn Địa lý tự nhiên, khoa Địa lý Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Địa lý.
Chuyên ngành Địa lý tự nhiên.

Đề tài luận án

Đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên vùng đồi phía đông tỉnh Thanh Hoá phục vụ việc quy hoạch một số cây trồng có năng suất cao.

Nội dung

Nghiên cứu đánh giá các điều kiện tự nhiên (khí hậu, địa hình, đất đai...) đối với một số cây trồng có hiệu quả cao ở vùng đồi phía đông tỉnh Thanh Hoá (với 4 loại cây vải thiều, lạc, dứa, mía) trên cơ sở phân chia lãnh thổ thành các đơn vị đất (land u nit). Mỗi yếu tố tự nhiên được xác định một hệ số trọng số (mức độ đóng góp) khác nhau trong đánh giá chung.

Trong quá trình liên kết các đánh giá riêng thành đánh giá chung (được thực hiện bởi phương pháp nhân có trọng số đã được FAO áp dụng) đề tài đã tìm phương pháp điều chỉnh lại các hệ số cho phù hợp với thực tế Việt Nam.

Đối với cây trồng bao gồm năng suất (thông qua mức độ thích hợp) và khả năng duy trì năng suất (thông qua độ dốc địa hình).

Từ kết quả đánh giá điều kiện tự nhiên sẽ xây dựng quy hoạch sử dụng đất, có xét đến các yếu tố kinh tế - xã hội để có được trật tự ưu tiên cần thiết đối với các loại cây trồng.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Địa lý tự nhiên các châu lục - Đại học Huế (đồng tác giả)

Dự định khoa học

Nghiên cứu địa lý tự nhiên tổng hợp.
Viết giáo trình và nghiên cứu ứng dụng các phương pháp hiện đại trong dạy học.



VŨ MINH GIANG

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 27 - 5 - 1951.
Quê quán: Minh Tân - Thuỷ Nguyên - Hải Phòng
Chỗ ở hiện nay: C8 - Đặng Tiến Đông - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Nghiên cứu sinh, thực tập sinh cao cấp và giảng dạy tại Đại học quốc gia Lômônôxôp, Liên bang Nga.
Chủ nhiệm khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Giáo sư thỉnh giảng tại Trường Đại học quốc gia Tôkyô (Nhật Bản).
Hiện là Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam và Giao lưu văn hoá, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Được phong Phó giáo sư năm 1991.
Phó Tổng thư ký Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam khoá II, III, IV.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985.
Tiến sĩ Khoa học năm 1986.
Tại Trường Đại học Quốc gia Lômônôxôp, Liên bang Nga.
Ngành Lịch sử.

Đề tài luận án

Sự tiến triển của các hình thức sở hữu ruộng đất và sử dụng đất đai trong lịch sử Trung đại Việt Nam.

Nội dung

Tái dựng lại quá trình hình thành và biến đổi của các hình thức sở hữu ruộng đất và sử dụng đất đai qua các thời kỳ lịch sử, vai trò chi phối của quyền sở hữu tối cao của nhà nước đối với chế độ sở hữu ruộng đất. Hệ quả của nó về mặt kinh tế là sự tồn tại dai dẳng của chế độ công điền, là sự phát triển chậm chạp của chế độ tư hữu ruộng đất và về mặt xã hội là sự biến dạng của quá trình giải thể các quan hệ làng xã. Phân tích tính đa dạng của chế độ sở hữu ruộng đất trong cả nước, quy mô và mức độ phát triển của sở hữu tư nhân. So sánh với một số nước phương Đông khác. Luận án đã xác định tính chất, đặc điểm của chế độ phong kiến Việt Nam, chỉ ra khuynh hướng và các giai đoạn phát triển của nó.

Thành tựu khoa học

Hơn 100 công trình khoa học đã công bố trong và ngoài nước, (20 công trình là sách chuyên khảo về đề tài khoa học cấp Nhà nước).
Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước:
Lịch sử hệ thống chính trị Việt Nam.
Chủ quyền lãnh thổ phía Nam và biên giới Tây Nam.
Sự phát triển của Việt Nam học trên thế giới và vai trò của Việt Nam.
Sách đã xuất bản:
Đồng tác giả:
Quân Thuỷ trong lịch sử chống ngoại xâm - Nxb Quân đội Nhân dân.
Trên đất Nghĩa Bình - Nxb Nghĩa Bình.
Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam - *Bộ Tư pháp.*
Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay tập I, II (đồng chủ biên).
Pháp luật và xã hội Việt Nam từ thế kỷ 15 đến thế kỷ 18. Nxb Khoa học xã hội.
Địa bạ Hà Đông.
Xây dựng đất nước - Nxb Bình Định.
Địa bạ Thái Bình.
The Last stand of Asian autonomies - Nxb Macmillan, London.
Tình hình ruộng đất, nông nghiệp và đời sống nông dân dưới triều Nguyễn.
Tiến trình lịch sử Việt Nam (tác giả) - Nxb Giáo dục.
Bình Định, danh thắng và di tích (tác giả) - Nxb Bình Định.
Một số sách xuất bản ở Liên Xô cũ.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu lịch sử kinh tế - xã hội truyền thống Việt Nam.
Biên soạn sách nghiên cứu lịch sử.
Giới thiệu những công trình nghiên cứu có giá trị về Việt Nam của nước ngoài.



ĐẶNG VĂN GIÁP

Tiến sĩ Dược học

Sinh ngày: 30 - 03 - 1955.
Quê quán: Tiền Giang.
Chỗ ở hiện nay: 420/A13 Đường 3/2 - quận 10 - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Dược sĩ nội trú và trợ giảng khoa Dược - Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Nghiên cứu sinh và nghiên cứu QSAR tại Viện hoá, Đại học Innsbruck (Cộng hoà Áo)
Giảng viên chính Vi tính ứng dụng.
Trưởng Phân môn khoa Dược - Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Hoá lý thuyết và Hoá tin học Việt Nam.
Hội Dược học Việt Nam.
Hội Tin học thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Trường Đại học Innsbruck, Cộng hoà Áo.
Chuyên ngành Công nghiệp Dược - Bào chế

Đề tài luận án

Computer Design der Cucurbitacine, Maytansinoide und Quassinoide.

Nội dung

Ngày nay, thiết kế thuốc bởi máy tính (CADD) là một ngành khoa học ứng dụng mới dựa trên sự nghiên cứu về mô hình liên quan định lượng giữa cấu trúc và tác dụng (QSAR). Đề tài đã nghiên cứu trên ba nhóm Cucurbitacin, Maytansinoid và Quassinoid bằng phương pháp hoá lượng tử bán thực nghiệm với phân tích hồi quy tuyến tính đa tham số. Từ kết quả nghiên cứu, mối liên quan giữa các cấu trúc phân tử và tác dụng kháng ung thư đã được đúc kết, một số dẫn xuất kháng ung thư mới đã được đề xuất nhằm hướng dẫn việc thiết kế thuốc bởi máy tính.

Thành tựu khoa học

Lĩnh vực nghiên cứu:
Cấu trúc tác dụng (QSAR) & Thiết kế phân tử thuốc (CADD).
Thiết kế thí nghiệm và phân tích dữ liệu bằng máy tính.
Thiết kế và tối ưu hoá bằng hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI) đối với:
Công thức: dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm.
Quy trình: bào chế, kiểm nghiệm, chiết xuất hay tổng hợp.
Áp dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực công nghiệp dược.
Gần 20 công trình nghiên cứu (đồng tác giả) đã báo cáo tại các hội nghị khoa học và đăng trên các tạp chí chuyên ngành.
Sách đã xuất bản:
Soạn thảo văn bản khoa học bằng kỹ thuật vi tính. Phân tích dữ liệu khoa học bằng chương trình MS-Excel. Liên quan cấu trúc tác dụng & thiết kế phân tử bằng máy vi tính - Nxb Giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng "Thiết kế tối ưu hoá bằng hệ trí tuệ nhân tạo" trong dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm.
Nghiên cứu phần mềm tiếng Việt phục vụ công nghiệp dược Việt Nam.



NGÔ ĐÌNH GIAO

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 05 - 08 - 1941.
Mất năm 1997.
Quê quán: Diễn Hoa - Diễn Châu - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay của gia đình: Nhà 1 - C9 - Tập thể Trường Đại học Kinh tế Quốc dân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Kinh tế kế hoạch.
Phó chủ nhiệm bộ môn Kinh tế xí nghiệp công nghiệp.
Nghiên cứu sinh tại Trường Công nghiệp nhẹ Kiép Liên Xô.
Chuyên gia xây dựng Trường Đại học Kinh tế Pnôngpênh.
Thực tập sinh cao cấp tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân Plêkhanốp - Liên Xô cũ.
Hiệu phó Trườn Đại học Kinh tế quốc dân.
Thành viên tổ tư vấn cải cách kinh tế và hành chính của Thủ tướng Chính phủ.
Đại biểu Quốc hội khoá X.
Phó Ban Kinh tế Ngân sách Quốc hội.
Được phong Phó giáo sư năm 1991.
Nhà giáo ưu tú.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1978.
Tiến sĩ Khoa học năm 1989.
Tại Trường Kinh tế quốc dân Plekhanốp - Liên Xô.
Ngành Kinh tế công nghiệp.

Đề tài luận án

Cơ sở kinh tế tổ chức nâng cao hiệu quả sản xuất công nghiệp của Việt Nam trong giai đoạn hiện tại.

Nội dung

Nghiên cứu lý luận, phương pháp và thực tiễn, vận dụng các quy luật kinh tế và kinh nghiệm của các nước, luận án đã đưa ra những kết luận và đề nghị cơ bản để nâng cao hiệu quả kinh tế cho ngành sản xuất công nghiệp của Việt Nam trong giai đoạn hiện tại.
Phân tích các đặc điểm chính của Việt Nam trong giai đoạn đầu đi lên chũ nghĩa xã hội, ảnh hưởng của các đặc điểm đó lên sản xuất công nghiệp, lựa chọn các tiêu chuẩn, nguyên lý và phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế trong sản xuất công nghiệp ở Việt Nam.
Đề xuất biện pháp cải tiến quản lý khoa học kỹ thuật trong sản xuất công nghiệp Việt Nam, cải cách quy trình quản lý kinh tế trong các doanh nghiệp Nhà nước.

Thành tựu khoa học

Phó chủ nhiệm chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước:
Hoàn thiện đổi mới chính sách và cơ chế quản lý kinh tế ở Việt Nam.
Chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước:
Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
Biện pháp kinh tế, tổ chức và quản lý để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
Chủ biên và tham gia biên soạn trên 8 đầu sách.
Tham gia một số đề tài khoa học cấp Bộ.
Đóng góp soạn thảo dự thảo nhiều báo cáo về kinh tế.



ĐẶNG THANH HÀ

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 26 - 04 - 1961.
Quê quán: Đức Tân - Mộ Đức - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 50/4A Xuân Hiệp I - Linh Xuân Thủ Đức - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Thực tập sau đại học tại khoa Lâm nghiệp Trường Đại học Tổng hợp Dresden, CHDC Đức cũ.
Giảng viên, Chánh thanh tra đào tạo Trường Đại học Nông Lâm Thủ Đức.
Hội viên Hội Kinh tế Nông nghiệp Philippin.
Hội Kinh tế Nông nghiệp Việt Nam.
Hội Lâm nghiệp Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Trường Đại học UP Los Banos, Philippin.
Ngành Kinh tế nông nghiệp.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng năng suất của thuốc bảo vệ thực vật và hiệu quả sử dụng thuốc của nông dân trồng lúa tại đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam.

Nội dung

Xây dựng mô hình kinh tế - sinh học đánh giá ảnh hưởng của thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) đối với năng suất cây trồng. Mô hình kinh tế - sinh học được áp dụng và ước lượng bằng phương pháp kinh tế lượng để đánh giá ảnh hưởng năng suất lúa của thuốc BVTV tại đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả được sử dụng để đánh giá hiệu quả sử dụng thuốc BVTV, ước lượng hệ số hiệu quả kỹ thuật và kinh tế của nông dân, cung cấp thông tin và biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất lúa, hiệu quả sử dụng thuốc BVTV, giảm mức độ lạm dụng thuốc BVTV trong nông dân. Đề tài đã xác định và ước lượng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế - xã hội và kỹ thuật đến hiệu quả kỹ thuật, kinh tế và xác suất lạm dụng thuốc trong nông dân.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu đã tham gia và chủ trì:
Xây dựng và áp dụng phần mềm máy tính để tối ưu kế hoạch vận chuyển gỗ trong một lâm trường (ở Đức).
Chương trình nghiên cứu cây khoai lang (hợp tác quốc tế).
Phân tích thị trường tinh bột khoai mỳ tại Việt Nam - Hợp tác với Trung tâm nông nghiệp nhiệt đới quốc tế (CIAT) tại Kali, Colombia.
Phân tích kinh tế các phương pháp gieo trồng lúa tại đồng bằng sông Cửu Long (hợp tác với Viện lúa quốc tế IRRI).
Quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng (Chương trình do Trung tâm Nghiên cứu và phát triển quốc tế (IDRC), Canada tài trợ).
Dự án giảm thiểu ô nhiễm công nghiệp tại tỉnh Đồng Nai (VIE/95/053) và nghiên cứu quản lý chất lượng môi trường diện rộng (AEQM) (Liên hợp quốc tài trợ).
Chương trình kinh tế hệ thống sản xuất cây bắp vùng cao - Hợp tác với Trung tâm nghiên cứu và cải thiện bắp và lúa mạch quốc tế (CYMMIT) tại Mexico.
Phân tích kinh tế xã hội hệ thống nuôi ong gác kèo Apis Dorsata - Do Canada tài trợ.
Dự án hỗ trợ quản lý tài nguyên nước (SWRM) tỉnh Đắc Lắc - Danida - Đắc Lắc.
Quản lý tài nguyên nước trong môi trường năng động vùng cao tỉnh Đắc Lắc (Hợp tác với Viện Tài nguyên thế giới và Thụy Điển).
Quản lý nông nghiệp và tài nguyên thiên nhiên bền vững (SANREM) tại Bảo Lộc, Lâm Đồng (Hợp tác với Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu nông nghiệp vùng Đông Nam Á (SEARCA) tại Philippin).

Dự định khoa học

Nghiên cứu ảnh hưởng của thị trường và các chính sách nông nghiệp đến quản lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển nông nghiệp bền vững.
Nghiên cứu các khu vực sinh thái nông nghiệp có tiềm năng gây suy thoái tài nguyên và môi trường, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trong nông nghiệp;
Định giá tài nguyên thiên nhiên, môi trường và đánh giá khả năng áp dụng các công cụ kinh tế trong quản lý một số loại tài nguyên thiên nhiên.



NGUYỄN NHƯ HÀ

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 13 - 3 - 1955
Quê quán: Yên Nghĩa - Ý Yên - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp Cuban, Liên Xô cũ.
Cán bộ giảng dạy bộ môn Nông hoá thổ nhưỡng Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Hội viên Hội Khoa học đất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999
Tại Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Ngành Nông nghiệp.
Chuyên ngành Nông hoá học.

Đề tài luận án

Phân bón cho lúa ngắn ngày thâm canh trên đất phù sa sông Hồng.

Nội dung

Các giống lúa ngắn ngày có thời gian sinh trưởng khoảng 115 ngày (trong điều kiện vụ mùa) là các giống lúa có khả năng thâm canh và tăng vụ cao - đây là các giống lúa phổ biến trong sản xuất hiện tại và tương lai.

Luận án đã xây dựng chế độ bón phân cho lúa ngắn ngày thâm canh trên đất phù sa sông Hồng (một trong hai vùng trọng điểm trồng lúa quan trọng nhất ở nước ta).
Đề xuất cơ sở cho việc định lượng phân kali bón có hiệu quả.
Xác định phương pháp bón phân đạm hoá học đạt hiệu quả cao nhất.
Xác định lượng phân chuồng cần bón để ổn định độ phì đất lúa đạt năng suất 6,0- 7,0 tấn/ha/vụ.
Đề xuất mật độ cấy thích hợp trong thâm canh lúa ngắn ngày loại hình cây nhiều bông.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu các đề tài:
Phân đạm hiệu quả chậm.
Đất bạc màu Hà Nội.
Ảnh hưởng của phân hoá học đến môi trường.
Thâm canh lúa, ngô, khoai tây năng suất cao phẩm chất tốt ổn định môi trường phát triển bền vững.
Phụ trách các đề tài nhánh cấp Nhà nước:
Xây dựng mô hình sử dụng đất dốc lâm nông nghiệp tại Bắc Quang, Hà Giang.
Bón phân cho lúa cao đạm trên đất bạc màu.
Chương trình an ninh lương thực thực phẩm tỉnh Hà Giang đến năm 2010.

Dự định khoa học

Nghiên cứu xây dựng chế độ bón phân hợp lý cho các loại cây trồng ở miền Bắc Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Mong muốn Việt Nam sớm trở thành một nước phát triển với nền nông nghiệp tiên tiến, hiện đại.



NGUYỄN THỊ HÀ

Tiến sĩ Địa lý

Sinh ngày: 10 - 7 - 1955.
Quê quán: Vĩnh Nam - Vĩnh Linh - Quảng Trị.
Chỗ ở hiện nay: Phòng 6 nhà 12 C - tập thể Trường Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học và nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Khí tượng Thuỷ văn Ôđetxa Ucraina.
Cán bộ nghiên cứu, Trưởng phòng Viện Nghiên cứu Khí tượng Thuỷ văn - Tổng cục Khí tượng Thuỷ văn.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984
Tại Trường Đại học Khí tượng Thuỷ văn Ôđetxa - Ucraina.
Chuyên ngành Khí tượng Nông nghiệp.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng nông nghiệp đến sinh trưởng, phát triển và tạo thành năng suất ngô của vùng cận Biển Đen (Ucraina).

Nội dung

Nghiên cứu thực nghiệm trong hai năm 1980 - 1981, bằng phương pháp hồi quy từng bước đã xử lý, tính toán và phân tích mối tương quan giữa năng suất ngô và các yếu tố khí tượng nông nghiệp vùng cận Biển Đen, đã tìm ra được những yếu tố có tác động quyết định đến năng suất ngô. Đưa ra được các phương pháp dự báo năng suất ngô vùng cận Biển Đen với thời hạn 3, 2 và 1 tháng trước thu hoạch.
Phương pháp nghiên cứu trong luận án đã được tiếp tục ứng dụng ở Việt Nam để nghiên cứu và xây dựng các quy trình dự báo năng suất lúa và ngô.

Thành tựu khoa học

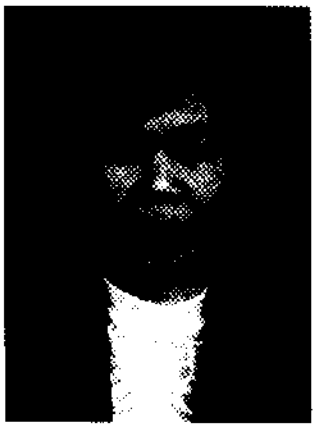
Đề tài nghiên cứu:
Áp dụng mô hình thống kê thời tiết - cây trồng để dự báo năng suất lúa và ngô vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ (cấp Tổng cục).

Dự định khoa học

Nghiên cứu quy trình công nghệ dự báo năng suất của các cây trồng chính ở Việt Nam, phục vụ cho an ninh lương thực và các kế hoạch điều phối buôn bán lương thực, thực phẩm của đất nước.

Lời Tiến sĩ

Đất nước chỉ có thể phát triển nhanh khi có đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý giỏi. Ở nước ta hiện nay cán bộ khoa học không thể sống bằng khoa học nên phải làm các việc khác để kiếm sống, cán bộ khoa học trẻ không tự bồi dưỡng nâng cao. Cán bộ quản lý cũng còn nhiều bất cập. Cần có một cải cách lớn trong chính sách cán bộ mới mong không bị tụt hậu.



NGUYỄN THỊ THANH HÀ

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 19 - 1 - 1957.
Quê quán: Triệu Cơ - Triệu Phong - Quảng Trị.
Chỗ ở hiện nay: Số 25 tổ 27 phường Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Quốc gia Varonhet, Liên Xô cũ, ngành Toán.
Công tác tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hiện là Phó trưởng bộ môn Giải tích, Phó chủ nhiệm khoa Toán - Tin Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Varonhet Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Toán Giải tích - Khoa học toán lý.

Đề tài luận án

Nghiệm dương của phương trình phi tuyến với toán tử C - compắc.

Nội dung

Phát triển trong không gian Banach thực với hình nón các phương pháp tôpô và hình nón để nghiên cứu cấu trúc tập nghiệm dương và phổ dương của phương trình phi tuyến với toán tử C-compắc dương phụ thuộc tham số và không có tính chất hoàn toàn liên tục.
Áp dụng các kết quả nhận được vào việc nghiên cứu nghiệm dương và nghiệm tuần hoàn của một vài lớp phương trình vi phân và tích phân hàm.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Bài tập không gian Tôpô-Độ đo - Tích phân, Nxb Đại học Quốc gia.



NGUYỄN TRỌNG HÀ

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 23 - 3 - 1956.
Quê quán: Thất Hùng - Kinh Môn - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: 147 Bà Triệu - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Thuỷ lợi.
Trưởng bộ môn Cải tạo đất, khoa Thuỷ nông cải tạo đất, Trường Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.
Hội viên Hội Khoa học đất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Trường Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.
Ngành Kỹ thuật Thuỷ lợi.
Chuyên ngành Cải tạo đất và Thuỷ nông.

Đề tài luận án

Nghiên cứu định lượng các yếu tố gây xói và dự báo xói mòn trên đất dốc.

Nội dung

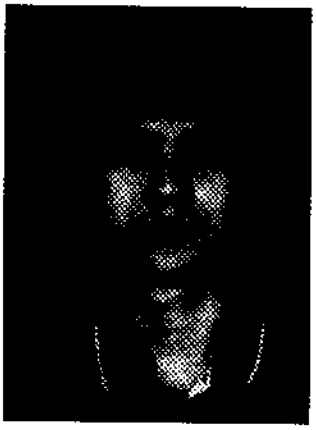
Nghiên cứu thí nghiệm xói mòn trên các hệ thống canh tác nông nghiệp trên đất dốc.
Định lượng tính xói mòn của mưa, đất đai, địa hình, cây trồng và các biện pháp bảo vệ đất.
Xây dựng công thức tính gần đúng năng lượng mưa, tính xói mòn mưa với lượng mưa khu vực Bắc Việt Nam.
Xây dựng bản đồ tiềm năng mưa gây xói khu vực Bắc Việt Nam.
Lập trình tính dự báo xói mòn trên đất dốc.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu chế độ tưới và kỹ thuật tưới hiện đại cho cây trồng cạn.
Nghiên cứu xói mòn trên sườn dốc và lưu vực.
Lập quy hoạch thuỷ lợi phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của vùng, lưu vực.
Lập quy hoạch cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.
Bố trí và thiết kế hệ thống công trình phục vụ nuôi tôm công nghiệp.
Nghiên cứu các giải pháp giảm nhẹ thiên tai hạn hán.

Dự định khoa học

Nghiên cứu quản lý lưu vực bền vững.
Nghiên cứu công nghệ tưới, tiêu, cải tạo đất, phục vụ phát triển nông nghiệp sạch, bền vững.



PHẠM MINH HÀ

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 02 - 11 - 1969.
Quê quán: Ái Mộ - Bồ Đề - Gia Lâm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Số 1 - ngõ 174 - Kim Ngưu - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Công tác tại Công ty Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam - Bộ Xây dựng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000
Tại Học viện Quản lý đô thị quốc gia thành phố Khắccốp, Ucraina.
Chuyên ngành Kết cấu xây dựng, nhà và công trình.

Đề tài luận án

Độ bền lâu dài và trạng thái ứng suất biến dạng khi neo thanh cốt thép có gờ bằng keo acryl.

Nội dung

Giải quyết bài toán đối xứng trục trong lý thuyết đàn hồi về sự phân bố của ứng suất và dịch chuyển trong các thành phần liên kết: thanh neo thép - lớp keo - khối bê tông dưới tác động của lực nhổ lâu dài lên thanh neo.
Nghiên cứu bằng lý thuyết trạng thái ứng suất biến dạng phụ thuộc vào tuổi keo acryl, thời gian tác động của lực nhổ, kích thước hình học của liên kết neo.
Nghiên cứu bằng thực nghiệm khả năng chịu lực và độ biến dạng của liên kết neo khi neo thanh cốt thép có gờ bằng keo acryl có thành phần khác nhau dưới tác động của tải trọng ngắn hạn.
Xác định độ bền lâu dài và biến dạng của liên kết neo.
Xác định kích thước tối ưu của liên kết khi neo thanh cốt thép vào bê tông bằng keo acryl có thành phần khác nhau.
Đưa kết quả nghiên cứu vào ứng dụng trong sản xuất xây dựng.

Thành tựu khoa học

Được cấp bằng phát minh của Cộng hoà Liên bang Nga.



TRẦN NGỌC HÀ

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 10 - 3 - 1955.
Quê quán: Nhân Đạo - Lý Nhân - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay:
Nhà 68, tổ 3 - Thành Công - Hà Nội.

Quá trình công tác

Công tác tại Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam.
Hiện là Trưởng phòng Công nghệ và Môi trường, Công ty Liên doanh Nhà máy lọc dầu Việt - Nga.
Thành viên Tiểu ban hoá, Hội đồng Khoa học Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Viện Hàn lâm Dầu khí quốc gia Gupkin, Mátxcơva - Liên bang Nga.
Chuyên ngành Công nghệ lọc hoá dầu.

Đề tài luận án

Nghiên cứu sử dụng phụ gia ức chế làm tăng tính lưu biến của dầu thô nhiều Parafin Việt Nam, vùng mỏ Bạch Hổ, trong quá trình vận chuyển bằng đường ống.

Nội dung

Dầu thô vùng mỏ Bạch Hổ Việt Nam có hàm lượng Parafin cao (20-28% T1), nhiệt độ đông đặc từ 30-35°C là những yếu tố ảnh hưởng đến tính lưu biến và khả năng vận chuyển bằng đường ống.

Nội dung đề án đề cập đến các phương pháp khác nhau, hiện đang được áp dụng trên thế giới như gia nhiệt, pha loãng bằng các sản phẩm nhẹ, tạo hỗn hợp dầu - nước... Các phương pháp này không mang lại hiệu quả kinh tế.
Nghiên cứu phương pháp dùng phụ gia để làm giảm nhiệt độ đông đặc, tăng tính lưu biến của dầu thô Bạch Hổ.
Các phụ gia sau đây đã được nghiên cứu thử nghiệm cho dầu thô Bạch Hổ: ESA - 5920 (Mỹ); Waxsrtreat - 1791 (Anh); Proshinor - AP 260 (Pháp); Tulsipour - Dip (60) Ấn Độ; DH-1 và các loại ƎBE (Soppolimer Etylen Vinhinaxetat) (Nga) có phân tử lượng trong khoảng 20.000 đến 40.000. Kết quả cho thấy với tỷ lệ xử lý 0,2% T1. ƎBE-3 phân tử lượng 28.000 ở điều kiện 90°C, các chỉ số lưu biến của dầu thô Bạch Hổ giảm từ 8-10 lần, nhiệt độ đông đặc giảm 10°C, cho phép vận chuyển dầu thô bằng đường ống có đường kính 0,325m với chiều dài đến 40 km. Để có thể vận chuyển dầu thô Bạch Hổ với khoảng cách trên 100 km (khoảng cách từ mỏ Bạch Hổ đến đất liền) dầu thô cần được xử lý 0,1% T1. ƎBE-3 và pha loãng bằng 20% T1. phân đoạn xăng có nhiệt độ sôi đến 150°C. Hỗn hợp dầu thô khi đó có nhiệt độ đông đặc là 19°C.



HOÀNG VĂN HẠCH

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 01 - 08 - 1944.
Quê quán: Lương Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: 251 - tổ 21A phường Trung Liệt - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên Trường Trung học Ngân hàng Trung ương Thanh Hoá, Bắc Ninh, Trường Trung học Ngân hàng T16 - Lào - Campuchia và Trường Trung học Ngân hàng 4 Trung ương.
Trưởng phòng Tổ chức cán bộ đào tạo - Trường Trung học Ngân hàng 4 Trung ương.
Phó Hiệu trưởng Trường Trung học Ngân hàng 4 Trung ương. Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu khoa học ngân hàng.
Trưởng phòng Thanh tra - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994
Tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
Chuyên ngành Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng.

Đề tài luận án

Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn trong quá trình chuyển đổi nền nông nghiệp Việt Nam sang cơ chế thị trường.

Nội dung

Các xu hướng vận động của vốn nông nghiệp trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường.
Những đặc trưng của nông nghiệp và xu hướng phát triển trong nền kinh tế thị trường.
Xu hướng vận động của các nguồn vốn nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường.
Ngân hàng trong nền kinh tế thị trường.
Ngân hàng trung ương và ngân hàng thương mại.
Tổ chức sự vận động của vốn ở vùng nông thôn và nhu cầu hình thành ngân hàng cổ phần ở Việt Nam.
Thực trạng vận động vốn ở nông thôn.
Thực trạng của cho vay đối với nông nghiệp
Những chính sách tác động đến nguồn vốn và cho vay đối với nông nghiệp.
Những đòi hỏi khách quan phải xây dựng ngân hàng thương mại cổ phần ở nông thôn.
Nội dung bước đi, hình thức tổ chức ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Việt Nam.
Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Việt Nam không phải là điều mới lạ.
Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn nhân tố tích cực trong huy động vốn phục vụ cho mục tiêu kinh tế xã hội năm 2000 - 2010.
Những giải pháp và kiến nghị

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Những giải pháp đảm bảo an toàn hoạt động đối với hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (cấp Ngành).
Xây dựng công nghệ thanh tra tại chỗ quỹ tín dụng nhân dân nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả công tác thanh tra ngân hàng (cấp Viện).
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huân chương hữu nghị Việt - Lào.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp ngân hàng.

Dự định khoa học

Nghiên cứu thành lập và phát triển Quỹ an toàn vốn của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân 2 cấp.



TẠ VĂN HÀI

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 12 - 1 - 1938.
Quê quán: Yên Mỹ - Yên Mô - Ninh Bình.
Chỗ ở hiện nay: Số 1 65/35/14 - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp kỹ sư thực phẩm, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Cán bộ kỹ thuật Tổng cục Lương thực.
Chủ nhiệm bộ môn Thương phẩm nghiệp vụ kỹ thuật hàng thực phẩm. Chủ nhiệm khoa Thương phẩm nghiệp vụ kỹ thuật thương nghiệp Trường Đại học Thương mại.
Thực tập sinh khoa học Trường Đại học Thương nghiệp Đanhét Ucraina Liên Xô cũ.
Cán bộ giảng dạy.
Trưởng phòng Đào tạo Trường Đại học Thương mại.
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.
Hội viên Câu lạc bộ ISO Việt Nam.
Phó Giáo sư năm 1992
Nhà giáo ưu tú năm 1994.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Chuyên ngành Thương phẩm học thực phẩm.

Đề tài luận án

Nghiên cứu phương pháp đánh giá chất lượng súc thịt lợn thương phẩm.

Nội dung

Nghiên cứu chất lượng súc thịt lợn thương phẩm bao gồm hiệu suất phần mềm (Hpm), hiệu suất các sản phẩm pha lọc của phần mềm, thành phần cấu tạo của phần mềm (da, mỡ, nạc), thành phần cấu tạo các sản phẩm pha lọc của phần mềm (da, mỡ, nạc), thành phần hoá học của các sản phẩm pha lọc.
Nghiên cứu các chỉ số dày ngực/dài sọ, sâu ngực/cao vai, rộng mông/dài đùi, dài mông/dài đùi, sâu ngực/dài thân, chu vi đùi/ dài đùi, sâu ngực/dài đùi, sâu ngực/rộng đùi.
Hiệu suất phần mềm có sự tương quan chặt chẽ (thuận và chắc chắn) với các chỉ số dày ngực/dài sọ, sâu ngực/cao vai, rộng mông/dài đùi, dài mông/dài đùi.
Bốn chỉ số trên đặc trưng cho sự phát triển, mức độ béo, khả năng cho thịt của súc thịt, dùng làm các chỉ tiêu cơ bản đánh giá chất lượng súc thịt.
Phương pháp đánh giá chất lượng súc thịt thương phẩm bao gồm các chỉ tiêu cơ bản, chỉ tiêu cá biệt và các chỉ tiêu bổ sung.
Luận án đưa ra 11 kết luận thể hiện tính khoa học thực tiễn của phương pháp đánh giá chất lượng súc thịt lợn thương phẩm, góp phần Việt Nam hoá giáo trình, là tài liệu khoa học tin cậy cho cán bộ quản lý chất lượng, cán bộ nghiên cứu và giảng dạy.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Pha lọc và phân hạng trong kinh doanh thịt lợn (cấp Nhà nước).
Phương pháp pha lọc thịt lợn.
Xây dựng một số định mức kinh tế kỹ thuật trong kinh doanh thịt lợn.
Đổi mới mục tiêu đào tạo và các chuyên ngành của Trường Đại học Thương mại (cấp Bộ).
Biên soạn 6 giáo trình đã xuất bản.
Tham gia biên soạn 2 giáo trình.
Chủ tịch và tham gia hội đồng chấm nhiều luận án tiến sĩ, nghiệm thu đề tài khoa học cấp Bộ, Ngành.
Nhiều công trình nghiên cứu đã được ứng dụng.
Bằng Lao động sáng tạo
Huân chương Kháng chiến hạng nhì.
Huân chương Lao động hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì thế hệ trẻ.
Nhiều bằng khen, giấy khen.

Dự định khoa học

Tham gia quản lý chất lượng thực phẩm, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, giảm thiểu tác hại của các loại thuốc bảo vệ thực vật, kích thích sinh trưởng, hoá chất bảo quản, góp phần thực hiện vệ sinh và an toàn thực phẩm.

Lời Tiến sĩ

Mọi người hãy cùng nhau đóng góp công sức vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo nâng cao chất lượng hàng hoá nhất là thực phẩm, giảm thiểu độc hại và ô nhiễm môi trường.



AN NHƯ HẢI

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 01 - 06 - 1954.
Quê quán: Dy Chế - Tiên Lữ - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: P405 - K2 - đường Nguyễn Phong Sắc - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Cán bộ giảng dạy.
Chủ nhiệm bộ môn Kinh tế chính trị Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn.
Giảng viên chính khoa Kinh tế chính trị, Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Ngành Kinh tế.
Chuyên ngành Kinh tế chính trị.

Đề tài luận án

Công nghiệp hoá ở các nước đang phát triển (lấy ví dụ các nước ASEAN) và khả năng vận dụng ở Việt Nam.

Nội dung

Xác định cách tiếp cận mới, hiện đại về công nghiệp hoá, đưa ra khái niệm và những đặc trưng của công nghiệp hoá trong thời đại hiện nay.

Khái quát thực tiễn công nghiệp hoá ở các nước đang phát triển từ giữa thế kỷ XX đến nay. Rút ra xu hướng có tính quy luật của công nghiệp hoá ở các nước này là khả năng rút ngắn đáng kể thời gian để sớm đi đến một nền kinh tế hiện đại và coi đây là lợi thế mà các nước công nghiệp hoá muộn cần biết tận dụng.
Phân tích các mô hình chiến lược công nghiệp hoá rút ngắn đã được áp dụng ở các nước đang phát triển. Phân tích và làm rõ nét độc đáo trong mô hình công nghiệp hoá rút ngắn của các nước ASEAN (Thái Lan, Malaixia, Inđônêxia và Philippin) từ những năm 60 của thế kỷ XX đến nay, rút ra các bài học kinh nghiệm kể cả thành công và không thành công của các nước này có thể vận dụng vào tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Việt Nam.
Phân tích bối cảnh của một số vấn đề làm cơ sở cho sự vận dụng và quan điểm về sự vận dụng kinh nghiệm công nghiệp hoá của các nước ASEAN vào Việt Nam. Đề xuất những giải pháp và bước đi trong việc vận dụng kinh nghiệm của các nước này.
Luận án tập trung vào 3 nhóm giải pháp; 1. Nâng cao năng lực triển khai chiến lược CNH, HĐH nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển khoa học, công nghệ; 2. Phát huy cao độ các nguồn lực cho CNH, HĐH trong đó nội lực là quyết định; 3. Tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước trong CNH, HĐH và coi đây là giải pháp quan trọng nhất cho toàn bộ quá trình thực hiện chiến lược CNH, HĐH rút ngắn ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu 5 đề tài khoa học cấp Bộ.
Tham gia xuất bản 4 đầu sách (đồng tác giả).
Một số giáo trình và đề cương bài giảng cho hệ đại học kinh tế chính trị và lịch sử các học thuyết kinh tế.
Nhiều bài đăng trên các báo và tạp chí.

Dự định khoa học

Tham gia nghiên cứu CNH, HĐH ở Việt Nam.
Nghiên cứu và đề xuất phương pháp giảng dạy môn kinh tế chính trị trong trường đại học và trong hệ thống học viện chính trị quốc gia phù hợp với điều kiện mới.



HOÀNG HẢI

Hoàng Xuân Hải

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 1 - 3 - 1962.
Quê quán: Cẩm Vũ - Cẩm Giàng - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: 77 Bà Triệu - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Vụ Tổ chức, sau là cán bộ Ban thanh tra - Uỷ ban Khoa học xã hội Việt Nam.
Cán bộ hành chính tổng hợp - Viện Sử học.
Cán bộ biên tập, nghiên cứu - Viện Châu Á - Thái Bình Dương.
Phụ trách phòng Nghiên cứu quan hệ quốc tế Trung tâm Nghiên cứu châu Âu, Trưởng phòng biên tập kiêm Thư ký toà soạn
Phó tổng biên tập *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu.*
Nghiên cứu viên chính, Phó trưởng ban Kinh tế - *Tạp chí Cộng sản.*
Giám đốc Trung tâm Phát triển văn hoá dân tộc Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.
Chủ tịch Hội đồng khoa học - Trung tâm Nghiên cứu kinh tế quốc tế.
Quyền Viện trưởng, Chủ tịch Hội đồng khoa học Viện Phát triển quốc tế học.
Thường vụ Tư Hội hữu nghị Việt - Ấn.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Hữu nghị Việt - Nga.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Chuyên ngành Lịch sử kinh tế.

Đề tài luận án

Kinh nghiệm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của các nước đang phát triển châu Á và khả năng vận dụng vào Việt Nam.

Nội dung

Những vấn đề lý luận về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.
Phân tích sự cần thiết khách quan và khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, cơ sở xác định lĩnh vực cần thu hút và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nước ngoài.
Kinh nghiệm các nước đang phát triển châu Á: thực trạng đặc điểm và xu hướng đầu tư trực tiếp nước ngoài ở các nước đang phát triển châu Á, những kinh nghiệm của các nước đang phát triển châu Á.
Giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.
Nhu cầu và những giải pháp thu hút đầu tư dự báo về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Tham gia trên 30 dự án và các nghiên cứu.
Chủ nhiệm trên 9 đề tài cấp Viện, 1 đề tài cấp Bộ và Phó chủ nhiệm 1 đề tài cấp Nhà nước.
Tham dự trên 100 hội nghị khoa học với trên 30 tham luận.
Sách đã xuất bản (chủ biên):
Quan hệ kinh tế Việt Nam - Đông Âu.
Nông nghiệp châu Âu - những kinh nghiệm phát triển. Nxb Khoa học xã hội.
Việt - Nhật: giao lưu kinh tế & văn hoá.
Những vấn đề về đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.
Nhà - đất ở Việt Nam, Nxb. Thống kê.
Trên 30 bài nghiên cứu công bố ở các tạp chí.
Cộng tác viên khoa học, kiêm nhiệm giảng dạy tại nhiều trường đại học.
Tham gia hướng dẫn luận văn, luận án.
Trao đổi khoa học với nhiều Viện kinh tế - chính trị Nga, Balan, Trung Quốc, Bỉ, Pháp...

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học, tham gia hội thảo, viết sách, báo, hướng dẫn tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ.

Lời Tiến sĩ

Mong muốn các nhà khoa học có nhiều đề tài thiết thực, gắn với thực tiễn, các cấp quản lý coi trọng đúng mức giá trị của các kết quả nghiên cứu. Có cơ chế công khai, dân chủ trong việc xét duyệt các đề tài (các đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước thực hiện chế độ đấu thầu). Vị trí của các nhà khoa học được các cấp quản lý coi trọng và tiến tới 90% thành phần đại biểu Quốc hội. Ban chấp hành TƯ Đảng, Hội đồng nhân dân các cấp đạt trình độ đại học và sau đại học. Có chế độ ứng cử tự do chức Viện trưởng ở trong và ngoài Viện khoa học thuộc các cơ quan nhà nước.



HOÀNG THANH HẢI

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 1 - 9 - 1957.
Quê quán: Hoằng Lộc - Hoằng Hoá - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: Phường Trường Thi - Thành phố Thanh Hoá.

Quá trình công tác

Giảng viên khoa Sử, Đại học Vinh.
Cán bộ UBND tỉnh Thanh Hoá.
Trưởng đoàn lao động xuất khẩu tại Liên Xô cũ.
Giảng viên Trường Đại học Hồng Đức, Phó phòng Quản lý khoa học và Quan hệ quốc tế.
Hội viên Hội khoa học Lịch sử Việt Nam.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Sử học Thanh Hoá.
Trưởng Chi hội sử học Trường Đại học Hồng Đức.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Giáo dục.
Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy lịch sử.

Đề tài luận án

Sử dụng di tích lịch sử trong dạy học lịch sử dân tộc ở trường trung học cơ sở.

Nội dung

Đất nước ta, ở mọi nơi, hiện còn lưu giữ hàng ngàn di tích lịch sử - văn hoá (DTLS). Những di tích này có nhiều ý nghĩa, trong đó có việc dạy học lịch sử dân tộc cho học sinh.

Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc sử dụng DTLS trong dạy học lịch sử ở trung học cơ sở, đưa ra những cơ sở tâm lý học, giáo dục học, những điều kiện thực tế để nâng cao chất lượng giáo dục lịch sử cho học sinh hiện nay qua việc sử dụng DTLS trong dạy học.
Luận án đưa ra những biện pháp sư phạm nhằm sử dụng các DTLS trong dạy học lịch sử ở trung học cơ sở. Những biện pháp được thực nghiệm một số bài cụ thể trong các trường trung học cơ sở ở Thanh Hoá. Luận án nêu những đề nghị đối với các ngành giáo dục, văn hoá... trong việc phát huy những di sản văn hoá quý báu này để giáo dục truyền thống lịch sử cho học sinh.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Lịch sử Thanh Hoá - Nxb Thanh Hoá (chủ biên).
Những nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam và thế giới từ 1917 đến nay trong chương trình lịch sử phổ thông trung học, Nxb Thanh Hoá (chủ biên).
Phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học lịch sử ở trung học cơ sở Nxb Giáo dục 1998 (viết chung).

Dự định khoa học

Nghiên cứu những giải pháp nhằm đổi mới nội dung chương trình và phương pháp dạy học ở trường trung học cơ sở, phổ thông trung học và ở Trường Đại học Hồng Đức.

Lời Tiến sĩ

Chất lượng giáo dục hiện nay có rất nhiều vấn đề nổi cộm, đặc biệt chất lượng giáo dục đạo đức, phát triển tư duy sáng tạo trong học tập...
Tình trạng học sinh ít hiểu biết, không yêu thích tìm hiểu lịch sử dân tộc, quê hương ngày càng nhiều. Những người làm công tác giáo dục lịch sử mong muốn các ngành, các cấp quan tâm hơn nữa đến vấn đề này. Trước hết ngành giáo dục, văn hoá, cần biên soạn lại nội dung chương trình, sách giáo khoa lịch sử hấp dẫn, hiệu quả hơn, đào tạo lại đội ngũ giáo viên giảng dạy lịch sử có tâm huyết, chất lượng hơn, để học sinh ngày càng "biết sử ta, tường gốc tích nước nhà" hơn.



HỒ THANH HẢI

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 06 - 11 - 1950.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 37 Hàng Thùng - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Công tác tại Viện Nghiên cứu Hải sản Hải Phòng.
Trưởng phòng Nghiên cứu Sinh thái và Công nghệ môi trường nước.
Uỷ viên Hội đồng Khoa học Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật - Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.
Thành viên Hội Sinh thái học

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật - Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Ngành Sinh học
Chuyên ngành Sinh thái học.

Đề tài luận án

Đặc trưng sinh thái, môi trường hồ chứa Hoà Bình trên sông Đà và một số ý kiến sử dụng hợp lý.

Nội dung

Đặc điểm về điều kiện môi trường tự nhiên của hồ (các yếu tố thuỷ lý, thuỷ hoá, thuỷ văn) và vùng lưu vực, các đặc tính cơ bản về thuỷ sinh vật (thực vật nổi, động vật nổi, động vật đáy và cá). Phân tích mối tương tác giữa các yếu tố môi trường tự nhiên và yếu tố sinh học, giữa các hoạt động kinh tế xã hội trên vùng lưu vực và môi trường - sinh thái hồ. Luận án cũng trình bày sự phân hạng chất lượng nước hồ, dự báo diễn thế sinh thái hồ chứa và quan điểm sử dụng hợp lý hồ chứa cho nhiều mục tiêu khác nhau trong điều kiện thực tế ở khu vực.

Thành tựu khoa học

Tham gia và chủ trì đề mục trong nhiều đề tài cấp Nhà nước (chương trình Biển, chương trình Môi trường, chương trình lập Altas quốc gia, Chương trình đồng bằng sông Cửu Long...), cấp Bộ và Cơ sở.
Chủ trì đề tài cấp Bộ:
Nghiên cứu sử dụng yếu tố sinh học chỉ thị môi trường.
Đã công bố trên 35 công trình trong các tạp chí Sinh học, Thuỷ sản, tuyển tập Sinh thái & Tài nguyên Sinh vật, Kỷ yếu hội nghị khoa học trong nước và khu vực.
Sách đã xuất bản (tham gia):
Sách Đỏ Việt Nam.
Nguồn lợi Sinh vật và các hệ sinh thái biển Việt Nam.
Nguồn lợi Thuỷ sản Việt Nam.
Giáp xác nước ngọt Việt Nam.

Dự định khoa học

Hoàn chỉnh bản thảo và xuất bản sách chuyên khảo về *Thuỷ sinh học và các thuỷ vực nước ngọt nội địa Việt Nam.*
Nghiên cứu: Các tác động tự nhiên và nhân tác đến môi trường - sinh thái và đa dạng sinh vật (các hệ sinh thái thuỷ vực, khu hệ thuỷ sinh vật).



LƯU ĐỨC HẢI

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 14 - 12 - 1950.
Quê quán: Vệ An - Thị xã Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: Số 6 Đội Cung - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Quy hoạch đô thị - nông thôn, Bộ Xây dựng; Phó phòng Quy hoạch, Viện Quy hoạch đô thị - nông thôn; Phó giám đốc dự án nghiên cứu chiến lược đô thị Việt Nam - Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB).
Tư vấn quốc gia dự án tăng cường năng lực quy hoạch và quản lý đô thị - Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP).
Phó Giám đốc
Quyền Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Quy hoạch môi trường đô thị - nông thôn, Viện Quy hoạch đô thị - nông thôn.
Hội viên:
Hội Nghiên cứu và Quy hoạch giao thông quốc tế (PTRC).
Hội Xây dựng Việt Nam.
Hội Môi trường đô thị.
Hội Môi trường xây dựng.
Phó Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.
Chuyên ngành Quy hoạch không gian và xây dựng đô thị.

Đề tài luận án

Giao thông xe đạp trong các thành phố ở Việt Nam.

Nội dung

Từ thập kỷ 60, giao thông xe đạp đã phát triển ngày càng mạnh mẽ trong các thành phố của Việt Nam, đặc biệt là ở các thành phố lớn như: thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng... Song, sự có mặt của xe đạp ở khắp mọi nơi trên mạng lưới đường đô thị là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm giảm tốc độ của dòng xe cơ giới trên đường, gây ùn tắc giao thông tại các ngã giao nhau và làm tăng số lượng tai nạn giao thông. Vì vậy việc nghiên cứu tổ chức giao thông đô thị trong điều kiện dòng xe có nhiều xe đạp là một vấn đề cấp thiết.
Luận án đã đề cập đến vấn đề tổ chức giao thông xe đạp trong quy hoạch giao thông đô thị, trong đó có vấn đề tính toán các chỉ tiêu kỹ thuật của giao thông xe đạp, bố trí chỗ để xe đạp trong thành phố, khả năng thông xe của một làn xe đạp, các giải pháp quy hoạch tổ chức giao thông xe đạp trong mạng lưới đường thành phố...

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài:
Cải thiện và nâng cấp chất lượng phương tiện giao thông trong các đô thị lớn.
Bảo vệ môi trường cảnh quan sông Hương (dự án).
Quy hoạch bảo vệ môi trường thành phố Huế - Quy hoạch bảo vệ môi trường thành phố Thái Nguyên.
Điều tra cơ bản môi trường khu vực hồ Hoàn Kiếm - Sinh thái rùa hồ Hoàn Kiếm và tìm những giải pháp bảo vệ môi trường - sinh thái (phó chủ nhiệm dự án).
Quy chế bảo vệ môi trường ngành xây dựng (tham gia).
Hướng dẫn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho đồ án quy hoạch đô thị.
Nghiên cứu tình hình ô nhiễm môi trường giao thông đô thị ở Việt Nam.
Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng và định hướng bảo vệ môi trường đô thị Việt Nam.
Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng và đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường khu di tích lịch sử Đền Hùng (phó chủ nhiệm).
Báo cáo viên của Việt Nam tại các hội nghị, hội thảo quốc tế ở Anh, Singapo, Philippin, Indônexia, Trung Quốc, Mỹ, Mêxicô...
Thành phố xe đạp - tại Nottingham Anh.
Giao thông và thông tin liên lạc vì sự phát triển đô thị - tại Singapore.
Tài chính hạ tầng kỹ thuật đô thị - tại Manila - Philipin.
Quản lý môi trường đô thị tại Giacacta - Inđônêxia.
An toàn đường bộ châu Á - lần II tại Bắc Kinh, Trung Quốc
Giao thông ở các nước đang phát triển - tại Berkeley - Mỹ.
Giao thông đô thị và môi trường - tại Mêxicô.

Dự định khoa học

Đưa 12 lĩnh vực môi trường đô thị (được nêu tại hội nghị Giacacta năm 1996) vào mọi hoạt động nghiên cứu khoa học, bảo vệ môi trường và quy hoạch xây dựng đô thị - nông thôn.

Lời Tiến sĩ

Phối hợp liên ngành chặt chẽ là cơ sở quan trọng của sự phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.



LƯU ĐỨC HẢI

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 12 - 3 - 1953.
Quê quán: Mỹ Lộc - Hậu Lộc - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 453 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Adecbaidan Liên Xô cũ.
Cán bộ giảng dạy bộ môn Địa hoá, khoa Địa lý - Địa chất, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Thực tập sinh và nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Adecbaidan, Liên Xô cũ.
Chủ nhiệm bộ môn Quản lý môi trường, khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hiện là Phó chủ nhiệm khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hội viên Hội Địa chất Việt Nam, Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam, Hội Kinh tế môi trường Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988
Tại Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Adecbaidan, Liên Xô cũ.
Ngành Địa chất.
Chuyên ngành Tìm kiếm và thăm dò các khoáng sản có ích.

Đề tài luận án

Thành phần vật chất và các kiểu loại hình nguồn gốc kaolin Việt Nam.

Nội dung

Các mỏ khoáng sản kaolin Việt Nam rất đa dạng về thành phần và nguồn gốc, hình thành trên các loại đất đá có thành phần khác nhau trong điều kiện khác biệt của khí hậu nhiệt đới ẩm. Một số loại hình nguồn gốc mỏ kaolin có giá trị công nghiệp chủ yếu của Việt Nam. Kaolin nhiệt dịch, kaolin phong hoá đá pecmatit, kaolin phong hoá đá granit, kaolin phong hoá đá phun trào axit, kaolin phong hoá đá biến chất bị micmatit, kaolin phong hoá đá trầm tích, kaolin tái trầm tích và sét kaolin nguồn gốc hồ và đầm lầy.
Các kiểu nguồn gốc công nghiệp các mỏ kaolin trên đây có thành phần vật chất, tính chất công nghệ kỹ thuật khác biệt do: đặc điểm tiêu hình của các hạt khoáng vật kaolinit, hàm lượng và dạng tồn tại của các nguyên tố mang mầu (Fe, Ti), hệ số mulit hoá của các khoáng vật sét có mặt trong kaolin. Các đặc trưng về thành phần và tính chất của các loại hình nguồn gốc công nghiệp quyết định giá trị sử dụng khoáng sản kaolin trong các ngành kinh tế kaolin sử dụng trong ngành công nghiệp giấy và sứ cao cấp chỉ có thể khai thác và chế biến từ loại hình phong hoá đá pecmatit và granit.
Quy luật phân bố của các loại hình nguồn gốc công nghiệp các mỏ kaolin Việt Nam đặc biệt là kaolin tái trầm tích và sét kaolin trong phạm vi vùng trũng Hà Nội.
Đặc điểm tiêu hình của các hạt khoáng vật kaolinit trong các loại vỏ phong hoá trên các đá khác nhau là một trong các nguyên nhân cơ bản quyết định độ bền vững của khoáng vật trong quá trình phong hoá và sản phẩm của vỏ phong hoá. Vỏ phong hoá Laterit liên quan tới các mỏ boxit chỉ có thể phát triển trên nền các hạt kaolinit và sét có cấu trúc không trật tự và hình dạng không hoàn chỉnh.

Thành tựu khoa học

Chủ trì việc tìm kiếm và nghiên cứu các mỏ kaolin phong hoá và tái trầm tích khu vực Sóc Sơn, Hà Nội, Sơn Tây, Hà Tây, Phúc Yên, Vĩnh Phúc, Thanh Hoá, Bình Định v.v...
Tham gia nghiên cứu công nghệ tinh tuyển kaolin, thiết kế và xây dựng một dây chuyền công nghiệp tuyển kaolin tại Sóc Sơn, Hà Nội.
Chủ trì và tham gia thực hiện các đề tài: đánh giá tác động môi trường hoạt động khai thác than, các dự án công nghiệp, giao thông và các quy hoạch kinh tế xã hội.
Đã xuất bản giáo trình:
Cơ sở khoa học môi trường.
Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững.
Tài nguyên khoáng sản.
Công bố trên 20 bài báo, báo cáo khoa học trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Viết các giáo trình, tài liệu tham khảo về khoa học môi trường và quản lý môi trường hệ đại học và cao học.
Nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học trong đời sống kinh tế của đất nước.

Lời Tiến sĩ

Nhà khoa học phải là người có những cống hiến khoa học. Nhân dân luôn đánh giá đúng đắn đối với nhà khoa học, dựa trên những thành tựu mà đạt được.



LƯƠNG ĐÌNH HẢI

Lương Việt Hải

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 02 - 01 - 1960.
Quê quán: Hương Sơn - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 4/A25 đường Hồng Liên - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Triết học, Uỷ ban Khoa học xã hội Việt Nam.
Bộ đội Quân đoàn III.
Cán bộ Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
Nghiên cứu sinh, thực tập sinh bậc cao, cộng tác viên tại Viện Triết học Viện Hàn lâm Khoa học Nga.
Hiện là cán bộ Viện Triết học, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tiến sĩ Khoa học năm 1997.
Tại Viện Triết học - Viện Hàn lâm Khoa học Nga.
Chuyên ngành Triết học.

Đề tài luận án

Những vấn đề về hiện đại hoá xã hội trong thời đại cách mạng khoa học - kỹ thuật.

Nội dung

Trên cơ sở lý luận chung về hiện đại hoá xã hội và thực tiễn hiện đại hoá của các nước trong khu vực Đông - Đông Nam Á và thế giới luận án nêu lên quan niệm và các "tham số" của hiện đại hoá tăng tốc với tính cách là một tham chiếu về sự phát triển kinh tế - xã hội và khoa học - kỹ thuật của các nước đang phát triển, chỉ ra cơ chế và đặc điểm của các quá trình hiện đại hoá tăng tốc, các quan niệm và các dạng hiện đại hoá xã hội, cơ hội lịch sử và những điều kiện thực hiện hiện đại hoá nhằm rút ngắn thời gian và giảm bớt "các chi phí" phát triển.
Phân tích tương quan giữa các yếu tố văn hoá - xã hội, truyền thống văn hoá dân tộc và khoa học - kỹ thuật trong tiến trình hiện đại hoá, những đặc điểm và những bài học kinh nghiệm của hiện đại hoá tăng tốc từ góc độ của mối tương quan đó...

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Những vấn đề văn hoá xã hội của tiến bộ khoa học - kỹ thuật hiện nay (từ thực tế Việt Nam và Nga) Matxcơva.
Hiện đại hoá xã hội trong thời đại cách mạng khoa học - kỹ thuật - Matxcơva.
Hiện đại hoá tăng tốc trong các nước Đông và Đông Nam Á - Matxcơva.
Lý luận và thực tiễn hiện đại hoá xã hội ở các nước Đông và Đông Nam Á - Matxcơva.
Hiện đại hoá xã hội, mấy vấn đề lý luận và thực tiễn.
Những bài học kinh nghiệm từ lý luận và thực tiễn của một số nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa - Trong sách *Tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam.*
Các đề tài nghiên cứu:
Tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam (tham gia - cấp Nhà nước).
Hiện đại hoá xã hội vì mục tiê u công bằng (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Nguồn lực con người các tỉnh miền Trung (tham gia - cấp Nhà nước).



NGUYỄN HẢI

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 22 - 2 - 1951.
Quê quán: Nha Trang - Khánh Hoà.
Chỗ ở hiện nay: 386/29 Lê Văn Sỹ - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Phụ tá nghiên cứu tại Ottawa, Canada.
Nghiên cứu và giảng dạy tại Trường Đại học Bách khoa Montréal, Canada.
Chuyên gia xử lý dao động và tiếng ồn công nghiệp.
Kỹ sư các đề án, Công ty Tư vấn kỹ thuật SNC Lavalin tại Montréal, Canada.
Giáo sư thỉnh giảng Trường Đại học Kỹ thuật, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
Cố vấn phát triển kinh doanh quốc tế cho Tổ hợp các công ty - Trung tâm Đào tạo về công nghệ thông tin của Canada TMI.
Hiện là cố vấn giáo dục cho Công ty CP Tin học - Viễn thông Khai trí thành phố Hồ Chí Minh.
Thành viên Đoàn kỹ sư Québec - Canada.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987
Tại Trường Đại học Bách khoa Montréal, Canada.
Chuyên ngành Khoa học ứng dụng (Bất ổn định động - Dao động thông số).

Đề tài luận án

Tác động của các điều kiện biên lên bất ổn định động và đáp ứng của các tấm chữ nhật.

Nội dung

Mô hình nghiên cứu là các tấm chữ nhật mỏng làm bằng chất liệu polycarbonate dùng nhiều trong công nghiệp hàng không. Các tấm chữ nhật này chịu sự kết hợp của hai loại điều kiện biên chính là nàng đơn giản và ngàm lỏng. Hai cạnh đứng của tấm chữ nhật không chịu ứng suất, còn hai cạnh ngang chịu ứng suất động phân bố đều.
Về mặt lý thuyết, lời giải cho thấy sự hiện hữu của cộng hưởng thông số chính (cộng hưởng đơn giản) và các cộng hưởng phức tạp là cộng hưởng kết hợp và các cộng hưởng đồng thời. Đặc tính và đáp ứng tương ứng với mỗi loại cộng hưởng đã được tác giả giải quyết bằng các nhu liệu số do chính tác giả thực hiện. Về mặt thực nghiệm, các kết quả thu được cho thấy có sự trùng hợp giữa lý thuyết và thực hành, nhất là đối với các kết quả tương ứng với các loại cộng hưởng kết hợp và đồng thời.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu về bất ổn định động và đáp ứng của các tấm chữ nhật.
Nghiên cứu về sự tương tác giữa dao động và tiếng ồn phát sinh.
Các báo cáo về xử lý tiếng ồn của các trạm biến thế của Hydro Québec, xử lý tiếng ồn trong nhà máy nhiệt điện Hydro - Ontario, xử lý tiếng ồn và dao động của dây chuyền sản xuất của Công ty Proctor & Gamble của Canada, xử lý tiếng ồn và dao động trên giàn khoan dầu ngoài biển Hibernia, ảnh hưởng của tiếng ồn khi cho nổ mìn cho công ty Alcon của Canada.
Sách đã xuất bản:
Résonances combinées d'une plaque rectangulaire soumise à une excitation paramétrique.
Effect of Boundary Conditions on the Dynamic Instability and Responses of Rectangular Plates Trường Đại học Bách khoa Montréal.
Âm học và kiểm tra tiếng ồn, Nxb Giáo dục.
Dao động
Các bộ cảm biến dùng các miếng đo biến dạng.

Dự định khoa học

Nghiên cứu và hoàn thiện về bất ổn định động và về dao động nói chung.
Nghiên cứu và ứng dụng piezzo để tạo ra vật liệu thông minh (vật liệu mới).

Lời Tiến sĩ

Mong ước đất nước sẽ có nhiều cơ sở thí nghiệm hiện đại giúp cho việc nâng cao thực hành trong giáo dục đào tạo, đặc biệt là đối với khoa học ứng dụng, tạo ra các sản phẩm mới và nâng cao nền công nghiệp.
Nền giáo dục đại học nước ta sẽ được nâng cao về chất.



PHAN VĂN HẢI

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 20 - 9 - 1953.
Quê quán: Lưu Sơn - Đô Lương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Nghĩa Đô - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Nghiên cứu bán dẫn Liên hiệp khoa học sản xuất bán dẫn Sao Mai.
Nghiên cứu sinh Học Viện Quân sự BRNO Tiệp Khắc cũ.
Cán bộ khoa học công nghệ Tổng cục Công nghệ quốc phòng và kỹ thuật.
Chuyên viên Cục Khoa học, Công nghệ và Môi trường Bộ Quốc phòng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991
Tại Học Viện Quân sự BRNO, Tiệp Khắc.
Chuyên ngành Kỹ thuật số, tự động hoá.

Đề tài luận án

Mô hình hoá (Modelling) mạng máy tính LOCAL phục vụ tự động hoá chỉ huy.

Nội dung

Giữa những năm 1980 vấn đề sử dụng mạng máy tính phục vụ điều hành, quản lý, chỉ huy là vấn đề mới đối với nước ta. Luận án phân tích cấu trúc, xây dựng các mô hình toán học, các thuật toán giúp tìm ra giải pháp thiết kế mạng LAN với mục tiêu tối ưu cấu trúc, và tăng tốc độ đường truyền, giải quyết tranh chấp, an toàn dữ liệu... Sử dụng ngôn ngữ lập trình PASCAL để xây dựng mô hình (Modelling) 3 dạng mạng LAN điển hình: Ethernet, Arcnet và Cambridge Ring. Kết quả ứng dụng cho các hệ thống tự động chỉ huy và các ứng dụng khác.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm một số đề tài cấp Bộ:
Điều khiển từ xa (không dây) dưới nước nhiều mục tiêu theo chương trình.
Thiết kế chế tạo SONAR cầm tay cho người nhái.
Thiết kế chế tạo bộ điều khiển cánh tay máy (Handler) tự động gắp bóng transistor vào đầu đo...
Hướng dẫn luận văn cao học.
Thư ký một số hội đồng khoa học cấp Bộ.

Dự định khoa học

Góp phần tìm các giải pháp tổ chức, quản lý khoa học - công nghệ có hiệu quả nhằm phát huy tiềm lực khoa học của nước nhà, sớm thực hiện thắng lợi nền kinh tế tri thức.

Lời Tiến sĩ

Các nhà khoa học không nên chỉ đòi hỏi nhiều về sự đãi ngộ, luôn thấy mình đang còn mắc nợ nhân dân, được Nhà nước cho ăn học mà chưa làm được nhiều...
Nên xác định đã làm khoa học thì phải hy sinh kinh tế.



LÊ QUỐC HÁN

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 16 - 4 - 1949.
Quê quán: Kỳ Châu - Kỳ Anh - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Khối 6 - phường Bến Thuỷ - thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học và cao học tại khoa Toán Trường Đại học Sư phạm Vinh.
Thư ký Chi hội Toán học Vinh.
Hội viên Hội Văn học nghệ thuật Nghệ An.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Đại học Vinh
Ngành Toán
Chuyên ngành Đại số và lý thuyết số

Đề tài luận án

P-nhóm con Sylow và nhóm con xoắn tối đại của nhóm compaet địa phương.

Nội dung

Luận án mở rộng định lý nổi tiếng của Sylow trong lý thuyết nhóm về các nhóm con tối đại của nhóm hữu hạn cho lớp các p-nhóm con Sylow và các nhóm con xoắn tối đại của nhóm compaet địa phương. Chứng minh được các p-nhóm con Sylow và π - nhóm con Sylow liên hợp với nhau và trong trường hợp G hữu hạn chiều và G/Go là compaet và xoắn thì tập hợp các nhóm con xoắn tối đại của G chia ra một số hữu hạn lớp liên hợp.

Thành tựu khoa học

Chủ trì đề tài cấp Bộ:
Các cấu trúc đại số.
Soạn giáo trình:
Lý thuyết nhóm và lý thuyết nhóm tôpô, cho sinh viên đại học và học viên cao học ngành Toán, Đại học Vinh.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Sử dụng các thành tựu về đại số hiện đại (chủ yếu là lý thuyết nhóm và lý thuyết nửa nhóm) để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến tin học như cấu trúc ngôn ngữ, ôtô mát và văn phạm của một số lớp ngôn ngữ hình thức.

Lời Tiến sĩ

Mong muốn thế hệ trẻ đạt được nhiều thành tựu trong khoa học nói chung và trong toán học nói riêng để đưa nền kinh tế nước ta đuổi kịp các nước tiên tiến.
Mong sao trong vài chục năm tới, nước ta có người đạt giải Nôben khoa học và giải thưởng Phin về toán học.



TRẦN TRỌNG HANH

Tiến sĩ Kiến trúc

Sinh ngày: 02 - 12 - 1950.
Quê quán: Thôn Thượng - Ứng Hoà - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay:
159 Nguyễn Ngọc Nại - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Kiến trúc Lahabana - Cuba.
Thực tập sinh tại Viện Quy hoạch thành phố Lahabana - Cu ba.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
Cán bộ Cục Quản lý thi công - Bộ Xây dựng.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Xây dựng Léningrat - Liên Xô cũ.
Cán bộ Viện Quy hoạch đô thị - nông thôn, Bộ Xây dựng.
Phó Vụ trưởng.
Vụ trưởng Vụ Quản lý Kiến trúc - Quy hoạch, Bộ Xây dựng.
Hội viên Hội Kiến trúc sư Việt Nam.
Phó Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989
Tại Trường Đại học Xây dựng Lêningrat Liên Xô cũ.
Ngành Kiến trúc
Chuyên ngành Quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, nông thôn và kiến trúc cảnh quan.

Đề tài luận án

Các khía cạnh kiến trúc và quy hoạch hình thành hệ thống phân bố dân cư thống nhất trên lãnh thổ Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu đề xuất các nguyên tắc và giải pháp kiến trúc, quy hoạch hình thành và phát triển hệ thống phân bố dân cư (các đô thị và khu dân cư nông thôn) trên lãnh thổ Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững các đô thị và khu dân cư nông thôn trong giai đoạn công nghiệp hoá đất nước, phù hợp với yêu cầu bảo vệ khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phân bố và phát triển lực lượng sản xuất, quy luật đô thị hoá, tăng trưởng dân số và phát triển xã hội, tổ chức thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ: tổ chức môi sinh, bảo vệ môi trường và phát triển kết cấu hạ tầng trên diện rộng gắn liền với các hệ sinh thái quần cư đô thị.
Đề xuất xây dựng khung bảo vệ thiên nhiên và cấu trúc các hệ sinh thái đô thị, khuyến nghị các biện pháp kiểm soát sự tăng trưởng đô thị nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững các đô thị Việt Nam trong thế kỷ 21.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài đã công bố trên các tạp chí, hội thảo chuyên ngành:
Kiến trúc Cuba.
Một số vấn đề sinh thái phát triển các đô thị.
Ảnh hưởng của công tác quy hoạch lựa chọn địa điểm đến hiệu quả đầu tư xây dựng cơ bản.
Đổi mới công nghệ thiết kế quy hoạch phát triển đô thị nước ta trong giai đoạn hiện nay.
Thực trạng và phương hướng quản lý xây dựng đô thị.
Một số ý kiến về hoạch định lại ranh giới ngoại ô cho các đô thị nước ta.
Quản lý đất xây dựng trong cơ chế thị trường.
Quan điểm và mục tiêu định hướng quy hoạch phát triển các vùng và khu vực ưu tiên dành cho nước ngoài đầu tư ở Việt Nam.
Khu chế xuất và đặc khu kinh tế nước ngoài đầu tư vào Việt Nam.
Các đô thị trung bình ở Việt Nam và các vấn đề quy hoạch phát triển.
Chính sách và các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất phát triển các đô thị Việt Nam.
Nhiều bài viết, báo cáo, giáo trình đã công bố.
Sách đã xuất bản:
Các văn bản pháp luật về quản lý đô thị.
Quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị.
Quy hoạch và quản lý xây dựng khu công nghiệp Việt Nam - Nxb Bộ Xây dựng.

Dự định khoa học

Nghiên cứu kiến trúc Việt Nam và phát triển đô thị Việt Nam.



VÕ HÀNH

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 20 - 2 - 1948.
Quê quán: Đức Lâm - Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Khối 18 - Phường Hưng Bình - Thành phố Vinh - Nghệ An.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Sinh học - Trường Đại học Kisinhốp Liên Xô cũ.
Cán bộ nghiên cứu Viện Nghiên cứu biển - Viện khoa học Việt Nam.
Phó chủ nhiệm khoa Sinh học - Trường Đại học Sư phạm Vinh.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp Kisinhốp Liên Xô cũ.
Chủ nhiệm khoa Sinh học Trường Đại học Vinh.
Hội viên Hội các ngành Sinh học.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Kisinhốp Liên Xô cũ.
Ngành Sinh học
Chuyên ngành Thực vật học

Đề tài luận án

Thực vật nổi hồ chứa Kẻ Gỗ (Nghệ Tĩnh) và ảnh hưởng của một số kim loại nặng lên sự phát triển của Kirchneriella irregularis.

Nội dung

Kết quả nghiên cứu về thực vật nổi (Phytoplenkton) ở hồ chứa Kẻ Gỗ - Hồ chứa lớn nhất khu vực miền Trung (dài 27 km, chỗ rộng nhất 3 km) đã phát hiện 191 loài và dưới loài (đã chụp ảnh hiển vi), trong đó tảo lam: 14; tảo giáp: 3; tảo vàng ánh: 2; tảo vàng lục: 1; tảo silíc: 66; tảo mắt: 37 và tảo lục: 68 loài. Chúng phân bố không đồng đều và chịu ảnh hưởng của chế độ mùa và các yếu tố dinh dưỡng. Về mặt số lượng thì tảo lam và tảo silíc chiếm ưu thế. Đã xác lập được nồng độ tối ưu của một số kim loại nặng như: Cu, Zn, Mo, Co, Cd, Ni, Pb... lên sự phát triển của Kirchneriella trong điều kiện tác động riêng lẻ và tổ hợp tác động đồng thời một số nguyên tố từ chúng.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài cấp Bộ:
Thực vật nổi *(bộ Protococcales)* các thuỷ vực Bình - Trị - Thiên và ảnh hưởng của loài tảo lên sự phát triển của tằm.
Vi tảo các thuỷ vực bị ô nhiễm ở Bắc Trung Bộ.
Thực trạng giảng dạy môn kỹ thuật nông nghiệp ở các trường PTTH thuộc các tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh và phương hướng trong những năm tới.
Dự án cấp Bộ: Xây dựng mô hình kinh tế hộ gia đình theo hướng nông lâm kết hợp nhằm góp phần xoá đói giảm nghèo ở xã Môn Sơn, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.
Một số công trình khoa học đã công bố:
Nghiên cứu bộ Protococcales các thuỷ vực nước ngọt Bình - Trị - Thiên.
Một số kết quả nghiên cứu bộ tảo nguyên cầu ở các thuỷ vực Bắc Trường Sơn, tuyển tập công trình nghiên cứu của Hội thảo đa dạng sinh học Bắc Trường Sơn lần thứ nhất, Nxb Khoa học Kỹ thuật.
Một số kết quả điều tra chất lượng nước và thành phần loài vi tảo trong thuỷ vực bị ô nhiễm ở Thị xã Hà Tĩnh (viết chung).
Kết quả điều tra chất lượng nước và thành phần loài vi tảo trong một số thuỷ vực bị ô nhiễm ở thành phố Thanh Hoá (viết chung).
Chất lượng nước và thành phần loài vi tảo (Microalgae) ở sông La - Hà Tĩnh (viết chung).
Sách đã xuất bản:
Tảo nước ngọt Việt Nam - Phân loại bộ tảo lục (Chlococales). Nxb Nông nghiệp (đồng tác giả).
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu vi tảo ở khu vực miền Trung.



LÊ THỊ ĐỨC HẠNH

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 22 - 2 - 1934.
Quê quán: Khương Đình - Thanh Xuân - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 64b Văn Hồ III - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Từ tháng 1960 đến 1999: Công tác tại Viện Văn học - Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.
Trợ lý nghiên cứu văn học, nghiên cứu viên chính.
Được phong Phó giáo sư năm 1991.
Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.
Hội viên Hội Nhà văn Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982
Tại Viện Văn học - Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.
Ngành Ngữ văn

Đề tài luận án

Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan (những vấn đề chủ yếu).

Nội dung

Chương I: Các thời kỳ sáng tác 1920 - 1923 (từ những sáng tác đầu tay tới tập *Kiếp hồng nhan*).
1929 - 1935 từ *Răng con vật nhà tư bản* đến tập *Kép Tư Bền.*
1936 - 1939 thời kỳ nở rộ của những sáng tác xuất sắc.
1940 - 1945 thời kỳ lúng túng, bế tắc của Nguyễn Công Hoan trước cách mạng tháng Tám.
1945 - 1977 những sáng tác sau cách mạng.

Chương II: Nghệ thuật.
Một nghệ thuật bắt nguồn từ cuộc sống (nghệ thuật hiện thực Nguyễn Công Hoan xuất phát từ sự chân thực trong tư tưởng, tình cảm và thái độ sống của nhà văn). Nghệ thuật truyện ngắn (tài nghệ của nhà văn thể hiện trong lập ý, tìm chi tiết, bố cục, hình thức trình bày, lời văn, ngôn ngữ... của truyện). Nghệ thuật trào phúng (truyện của Nguyễn Công Hoan đậm chất trào phúng, đặc sắc, độc đáo do tác giả đã tổng hợp được nhiều khía cạnh, nhiều yếu tố một cách rất tự nhiên trong thủ pháp gây cười).

Thành tựu khoa học

Sách in riêng:
Tìm hiểu truyện ngắn Nguyễn Công Hoan.
Nguyễn Công Hoan (1903 - 1977).
Mấy vấn đề trong văn học hiện đại Việt Nam - Nxb Khoa học xã hội.
Nguyễn Công Hoan - về tác giả và tác phẩm - Nxb. Giáo dục.
Sách in chung:
Tác giả văn xuôi Việt Nam hiện đại - Nxb Khoa học xã hội.
Về một vùng văn học.
Nhà văn Hà Nam Ninh. Hội VHNT Hà Nam Ninh.
Tác gia lý luận phê bình - Nxb Khoa học xã hội.
Nghệ Tĩnh - Gương mặt nhà văn hiện đại. Nxb Văn hoá.
Các nhà văn nữ. (chủ biên) - Nxb Phụ nữ.
Dương Quảng Hàm, nhà giáo yêu nước Việt Nam. Nxb. Giáo dục.
Nguyễn Công Hoan, nhà văn hiện thực lớn.
Ngô Tất Tố với chúng ta.
Thạch Lam - Văn chương và cái đẹp - Nxb Hội Nhà văn.
Hoài Thanh và thi nhân Việt Nam - Nxb Hội Nhà văn.
Truyện ngắn Vũ Trọng Phụng. Viết lời bạt. Sưu tầm tuyển chọn - Nxb Khoa học xã hội
Hải Triều - Nhà lý luận tiên phong - Nxb Chính trị quốc gia.
Những vấn đề lịch sử và lý luận văn học - Nxb Khoa học xã hội.
Mẫn và tôi sống mãi - Nxb. Thanh niên.
Huân chương kháng chiến hạng ba.

Dự định khoa học

Nghiên cứu văn học hiện đại Việt Nam, chủ yếu là văn xuôi giai đoạn 1932 - 1945.

Lời Tiến sĩ

Mong muốn góp một tiếng nói đánh giá, hoặc đánh giá lại cho khách quan, khoa học đối với những nhà văn có đóng góp cho nền văn học dân tộc.



NGUYỄN NGỌC HẠNH

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 04 - 09 - 1954.
Quê quán: Tân Thới Nhì - Hóc Môn - Thành phố Hồ Chí Minh.
Chỗ ở hiện nay: 54 đường Vĩnh Hội - Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Nghiên cứu viên, Viện Hoá học - Phân viện Khoa học Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Việt Nam.
Hiện là Trưởng phòng Thí nghiệm hoá hợp chất thiên nhiên - Viện Công nghệ Hoá học - Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Hội viên Hội Hoá học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994
Tại Viện Công nghệ Hoá học - Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Chuyên ngành Hoá học các hợp chất có gốc hữu cơ.

Đề tài luận án

Nghiên cứu glicosid trợ tim của cây Mướp xác vàng Cerbera odollam Gaertn, họ Trúc đào Apocynaceae.

Nội dung

Cây Mướp xác vàng *Cerbera odollam Gaertn* mọc hoang nhiều ở các tỉnh phía Nam, ở Việt Nam chưa được sử dụng làm thuốc cũng như nghiên cứu thành phần hoá học.
Luận án khảo sát thành phần hoá học của các bộ phận cây như lá, thân trái, rễ.
Từ nhân khô của hạt đã cô lập được 3 monoglycosid thuộc loại glicosid - cardiotonic là cerberin, tanghinin và deacetiltanghinin với hiệu suất lần lượt là 0,01; 0,02 và 0,05%. (tính theo trọng lượng khô).
Từ lá khô đã cô lập được deacetiltan ghinin và cerleasid-A.
Cấu trúc của các hợp chất trên được chứng minh bằng các phương pháp phổ nghiệm và nhiễu xạ tia X, được thực hiện tại Viện Hoá hợp chất thiên nhiên ở Gif sur Yvette, Cộng hoà Pháp.
Đã thử nghiệm dược lý trên cao lỏng của lá khô và của deacetiltanghinin tinh khiết về đặc tính của chất trợ tim như hiệu ứng điều nhịp và co sợi cơ tim. Với liều độc deacetiltanghinin gây ra chứng tim đập nhanh, xen kẽ với thời kỳ tạm ngừng tim ở giai đoạn tâm thu.
Đây là luận án hợp tác đầu tiên có sự hướng dẫn của giáo sư Việt Nam và các tiến sĩ Pháp.

Thành tựu khoa học

Chủ trì đề tài cấp Trung tâm:
Nghiên cứu thành phần hoá học và thử nghiệm dược lý cây chó đẻ răng cưa.
Nghiên cứu công nghệ xử lý nước thải giết mổ gia súc quy mô 100m^3/ngày.
Giải ba Hội thi sáng tạo Khoa học - Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh năm 1999.



NGUYỄN NGỌC HẠNH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 04 - 12 - 1957.
Quê quán: Đồng Tháp.
Chỗ ở hiện nay: 268bis/120 Lý Thường Kiệt - Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng viên khoa Công nghệ hoá học Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội hoá học thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999
Tại Viện Bách khoa Quốc gia Toulouse Cộng hoà Pháp.
Chuyên ngành Khoa học vật liệu

Đề tài luận án

Tổng hợp chất xúc tác mới trên cơ sở ligard diaminoamine và sử dụng cho quá trình polymer hoá các hợp chất dị vòng.

Nội dung

Việc sử dụng các ligand tridentate diaminoamine đã cho phép điều chế được các phức kim loại thuộc nhóm 12. Các dẫn xuất của Zn, Al và Sn đã được tổng hợp và xác định các đặc trưng.
Các hợp chất này được sử dụng làm xúc tác của quá trình polyme hoá và copolyme hoá các hợp chất dị vòng như lactide và glycolide.

Dẫn xuất methyl của phức kim loại Al có thể tạo được các polyme sống (living polymer), còn dẫn xuất của Sn tỏ ra hiệu quả khi tạo các copolymer có khối lượng phân tử lớn hơn 170.000 và có độ phân tán bé. Các hợp chất của Zn thì phù hợp cho quá trình tổng hợp copolyme có khối lượng nhỏ hơn 60.000 và hình thành các copolyme có thứ tự như mong muốn.
Một số thử nghiệm y khoa cho thấy các polyme của lactide và glycolide điều chế từ các xúc tác trên có thể dùng làm pha nền để giải phóng có kiểm soát các hoạt chất trong cơ thể con người.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài đã nghiên cứu:
Chất kích thích mủ cao su (tham gia).
Tổng hợp zeolit 5A để tách n-parafin trong dầu mỏ Việt Nam (chủ trì).
Tổng hợp xúc tác phức cho quá trình polyme hoá các hợp chất dị vòng (chủ trì).
Nhiều bài đăng trên các tạp chí và báo cáo tại các hội nghị khoa học trong và ngoài nước.
Đã được cấp 2 bằng sáng chế.

Dự định khoa học

Viết giáo trình về xúc tác phức cơ kim.
Góp phần xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu về các hợp chất phức cơ kim.
Mở rộng hợp tác quốc tế để nghiên cứu khoa học.

Lời Tiến sĩ

Mong ước có được sự hợp tác chặt chẽ giữa các nhà khoa học với các nhà sản xuất để có thể đưa những nghiên cứu ở phòng thí nghiệm vào thực tế và để những đề tài nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn sản xuất.



NGUYỄN VĂN HẠNH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 6 - 7 - 1943.
Quê quán: Thạch Đài - Thạch Hà - Hà Tĩnh
Chỗ ở hiện nay: Phường Trung Liệt - Quận Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Thuỷ lợi.
Nghiên cứu khoa học tại Ba Lan.
Chuyên gia giáo dục tại Lào.
Chủ nhiệm bộ môn Thuỷ công Trường Đại học Thuỷ lợi.
Phó giáo sư - Nhà giáo ưu tú.
Thành viên Hội Xây dựng Việt Nam.
Hội Thuỷ lợi Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1977
Tại Học viện Nông nghiệp Vaxava Ba Lan.
Chuyên ngành Thuỷ lợi

Đề tài luận án

Sử dụng đất dính để xây dựng đập trong điều kiện khí hậu ẩm

Nội dung

Nghiên cứu ứng suất, biến dạng áp lực khe rỗng phát sinh khi sử dụng đất dính độ ẩm cao để đắp đập, đồng thời xét ảnh hưởng của chúng đến ổn định công trình.

Thành tựu khoa học

Biên soạn và tham gia biên soạn một số giáo trình chuyên ngành giảng dạy ở bậc đại học.
Tham gia biên soạn quy phạm thiết kế.
Hướng dẫn thiết kế.
Tham gia các đề tài cấp Bộ:
Sửa chữa công trình thời chiến.
Bảo đảm an toàn hồ chứa trong mùa lũ.
Nghiên cứu các giải pháp công trình, kết cấu công trình.
Chủ nhiệm thiết kế 10 công trình phục vụ sản xuất,
Tham gia thiết kế 15 công trình và hàng trăm hạng mục công trình khác.

Dự định khoa học

Biên soạn tài liệu thiết kế chuyên ngành.



NGUYỄN ĐÌNH HÀO

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 31 - 01 - 1951.
Mất ngày: 24 - 4 - 1988 tại Liên Xô cũ.
Quê quán: Tây Mỗ - Từ Liêm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay của gia đình: Tây Mỗ - Từ Liêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp loại ưu Học viện Năng lượng Matxcơva
Nghiên cứu sinh tại Học viện Năng lượng Matxcơva, Liên Xô cũ.
Cán bộ giảng dạy khoa Điện Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Thực tập sinh cao cấp Học viện Năng lượng Matxcơva.
Thành viên Hội tuổi trẻ sáng tạo các nhà khoa học trẻ thuộc khoa Điện - Điện tử Trường Đại học bách khoa Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979.
Tiến sĩ Khoa học năm 1988.
Tại Học viện Năng lượng Matxcơva (MEI) Liên Xô cũ.
Ngành Hệ thống điện
Chuyên ngành Cung cấp điện

Đề tài luận án

Một số vấn đề về tối ưu hoá xây dựng hệ thống mạng lưới điện ứng dụng vào các điều kiện Việt Nam.

Luận án Tiến sĩ Khoa học.

Xử lý mô hình độ tin cậy và phương pháp tổ hợp phân tích tối ưu hoá hệ thống cung cấp điện.

Nội dung

Quy hoạch, tối ưu hoá hệ thống lưới điện và điều khiển chúng, tác giả đã công bố tất cả các công trình nghiên cứu trong 10 năm, có nhiều điểm mới về ý nghĩa khoa học như dùng những lý thuyết mới nhất về quy hoạch, các thuật toán mới của phương pháp tổ hợp: phương pháp nút, nhánh và cận, phương pháp chương trình hoá chủ động, lý thuyết đồ thị, lý thuyết tối ưu hoá v.v... Thống nhất hoá các phương pháp dẫn đến lời giải cho các thông số kỹ thuật lưới điện tối ưu một cách nhanh nhất. Đi tiên phong trong nghiên cứu các phương án trên MTĐT. Chương trình sử dụng các ngôn ngữ các thuật toán tác giả đề xuất có thể mã hoá trên các máy tính khác nhau.
Tác giả nghiên cứu từ cuối những năm 70, đầu những năm 80, tình trạng hệ thống lưới điện Việt Nam mang tính rời rạc ở ba miền, có tính đến điều kiện vốn và sự khắc nghiệt về khí hậu Việt Nam, trên cơ sở làm cân bằng năng lượng, đề xuất trong chương trình quốc gia về dự báo chiến lược, quy hoạch hoá sự phát triển hệ thống điện Việt Nam đến năm 2000. Tham gia đề xuất và hoàn thiện tính toán đường dây Bắc - Nam và lưới điện thống nhất toàn quốc, mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực trong phát triển công nghiệp và hiện đại hoá đất nước.

Thành tựu khoa học

Trên 27 công trình khoa học, công bố ở trong và ngoài nước.
Những công trình tiêu biểu:
Những vấn đề phương pháp luận nghiên cứu độ tin cậy của hệ thống điện lớn.
Lý thuyết xác suất.
Thống kê toán học và ứng dụng của chúng,
Điều khiển học kỹ thuật.
Tổng kết việc thực hiện những công trình nghiên cứu khoa học kế hoạch 5 năm của Trung tâm Điều độ hệ thống điện miền Bắc.
Nghiên cứu và nâng cao ưu điểm của lưới cung cấp, các xí nghiệp công nghiệp các thành phố và nông thôn Việt Nam.
6 giấy chứng nhận ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học.
Sách đã xuất bản:
Tham gia biên soạn các giáo trình và sách giáo khoa: Quy hoạch phát triển hệ thống điện; Kỹ thuật hệ thống. Lý thuyết độ tin cậy, và một số sách viết chung với các giáo sư, tiến sĩ Liên Xô cũ, xuất bản ở Matxcơva.
Tham gia giảng dạy đại học, trên đại học, hướng dẫn luận án tiến sĩ.
Chủ trì 5 đề tài nghiên cứu thuộc các chương trình cấp Nhà nước.
Bằng phát minh sáng chế; Huy chương Các nhà khoa học trẻ sáng tạo và nhiều bằng khen, giấy khen.

Lời đồng nghiệp

Sinh thời tác giả muốn đi sâu thống nhất, tối ưu hoá và điều khiển lưới điện Việt Nam an toàn. Quy hoạch chiến lược phát triển lưới điện góp phần hiện đại hoá đất nước.
Tác giả mơ ước một thế giới thanh bình, nhân dân văn minh hạnh phúc, đất nước có những tập thể cán bộ khoa học chân thực, tài năng, tác giả ghét sự giả dối và bè phái luôn mong mỏi "Tiến sĩ là người tìm ra một hướng mới và có khả năng làm chủ hướng đó".



TRƯƠNG THỊ THUÝ HẰNG

Đặng Tạo

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 22 - 09 - 1959.
Quê quán: Tiến Thuỷ - Quỳnh Lưu - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 2D/66/13 ngõ Đình Đông - Bạch Mai - Hà Nội.

Quá trình công tác

Nghiên cứu viên Ban Kinh tế, Viện Khoa học xã hội, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.
Nghiên cứu sinh tại Kiép, Ucraina.
Nghiên cứu viên Trung tâm Dân số và phát triển, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.
Hiện là nghiên cứu viên chính Viện Nghiên cứu con người - Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia.
Hội viên:
Hội Tâm lý giáo dục.
Hội khoa học nhân lực, Liên hiệp các hội khoa học Kỹ thuật Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Kinh tế Kiép Ucraina.
Chuyên ngành Kinh tế chính trị.

Đề tài luận án

Sự phát triển lợi ích kinh tế của các xí nghiệp nhà nước trong điều kiện chuyển sang kinh tế thị trường.

Nội dung

Làm sáng tỏ một số khái niệm lý luận về bản chất của lợi ích kinh tế, những đặc tính khách quan, vai trò và vị trí của chúng trong hệ thống các quan hệ kinh tế.
Những đặc trưng cơ bản của lợi ích kinh tế của các tập thể sản xuất, phân tích những thay đổi về nội dung của chúng trong giai đoạn chuyển sang kinh tế thị trường.
Chỉ rõ ảnh hưởng của quá trình tư nhân hoá và phi độc quyền đối với việc hình thành và thực hiện lợi ích kinh tế của của tập thể.
Phát hiện những đặc điểm của sự thay đổi trong cơ cấu lợi ích của xí nghiệp khoán và xí nghiệp cổ phần trong điều kiện chuyển sang kinh tế thị trường.
Phân tích những đặc điểm thời kỳ chuyển biến của nền kinh tế Việt Nam sang nền kinh tế nhiều thành phần và việc chuyển các xí nghiệp nhà nước sang xí nghiệp khoán, xí nghiệp cổ phần, xí nghiệp liên doanh và ảnh hưởng của quá trình này tới lợi ích tập thể.

Thành tựu khoa học

Những đề tài chính đã tham gia:
Nghiên cứu cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế ở quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.
Nghiên cứu tình hình kinh tế xã hội quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
Điều tra cơ bản tổng hợp Đồng bằng sông Cửu Long (cấp Nhà nước).
Tiến bộ xã hội (cấp Nhà nước)
Những yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình của đồng bào công giáo huyện Kim Sơn - Ninh Bình (cấp Bộ).
Một số vấn đề dân số và phát triển tộc người Chứt thuộc tỉnh Quảng Bình (cấp Bộ).
Nghiên cứu con người: những đặc thù và những hướng tiếp cận.
Các giải pháp nâng cao ý thức môi trường sinh thái công cộng (cấp Bộ).
Nghiên cứu, phân tích các chỉ số phát triển người (HDI) của người Việt Nam giai đoạn 2001 - 2005 (thư ký cấp Nhà nước).
Khảo sát và phân tích chỉ số phát triển kinh tế (chủ nhiệm).



TRỊNH HÂN

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 03 - 02 - 1938.

Quê quán: Hoằng Quỳ - Hoằng Hoá - Thanh Hoá.

Chỗ ở hiện nay: Số 17 hẻm 26/15/ngách 26 - Ngõ Thái Thịnh II - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên ngành Địa chất Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Thành viên Hội Địa chất Việt Nam.

Hội Tinh thể học quốc tế.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1970

Tại Trường Đại học Tổng hợp Matxcơva, Cộng hoà Liên bang Nga.

Ngành Địa chất - Khoáng vật.

Đề tài luận án

Cấu trúc tinh thể của ramzait, villemit và ge-villemit.

Nội dung

Trước khi tiến hành định vị cho các nguyên tố trong 3 hợp chất luận án đã dành những chương lớn để khái quát các đặc điểm hoá tinh thể của hàng loạt hợp chất, chủ yếu là silicat, titan và kẽm. Qua đó, dấu hiệu lưỡng tính về hoá học tinh thể của hai nguyên tố thể hiện rõ nét.

Cấu trúc tinh thể ramzait $Na_2Ti_2O_3$ $[Si_2O_6]$ được phân tích cho thấy Ti-bát diện kết thành chuỗi dạng brueit xen giữa các chuỗi Si-tứ diện kiểu pyzoxen. Vấn đề tồn tại về phối trí của natri và khoảng cách Na-Na cũng đã giải quyết.

Những công trình về cấu trúc của các villemit (Zn_2SiO_4 và Zn_2GeO_4) cũng cho thấy sự tương đồng cấu trúc của chúng với nhau và với phenacit Be_2SiO_4.

Ngoài ra cặp villemit - phenacit là một minh chứng mới về sự tương đồng hoá học tinh thể của hàng loạt cặp hợp chất chứa Be và Zn.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm đề tài:

Khoáng vật học của sỏi mật ở cơ thể người lứa tuổi trung niên khu vực Hà Nội và phụ cận.

Sách đã xuất bản:

Tinh thể học đại cương (đồng tác giả), Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp.

Dự định khoa học

Sẽ xuất bản:

Hướng dẫn thực tập tinh thể học và hoá học tinh thể.



NGUYỄN ĐỨC HÂN

Phan Hồng Giang

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 02 - 3 - 1941.
Quê quán: Nghi Trung - Nghi Lộc - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Xóm 2 - Nghĩa Đô - Hà Nội.

Quá trình công tác

Biên tập viên *Tạp chí Văn học*, Viện Văn học.
Biên tập viên *Tạp chí Tác phẩm mới*, Hội Nhà văn Việt Nam, Cán bộ giảng dạy Trường viết văn Nguyễn Du.
Trưởng Ban biên tập Nxb Văn học.
Phó giám đốc Nxb Thế giới (Ngoại văn cũ) kiêm Tổng biên tập Tạp chí đối ngoại *New Vietnam*.
Viện trưởng Viện Nghiên cứu Văn hoá nghệ thuật.
Uỷ viên Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia, Uỷ viên Hội đồng lý luận TƯ.
Uỷ viên Hội đồng lý luận, phê bình, Phó Chủ tịch Hội đồng văn học dịch Hội Nhà văn Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Hữu nghị Việt - Nga.

Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học năm 1986.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Lômônôxốp, Matxcơva, Liên Xô.
Ngành Ngữ văn
Chuyên ngành Văn học Nga Xô viết.

Đề tài luận án

Tính quốc tế của văn học Xô Viết trong tiến trình văn học thế giới thế kỷ XX.

Nội dung

Đề cập tới tính quốc tế của văn học Nga Xô Viết dưới góc độ khẳng định tính kế thừa những phẩm chất tốt đẹp nhất của văn học cổ điển Nga thế kỷ XIX, khẳng định văn học Nga trước và sau sự kiện 1917 là một dòng chảy liên tục, đồng thời có thêm những phẩm chất mới mang đậm chủ nghĩa nhân văn. Luận án lý giải các lý do mà nhờ đó văn học Nga Xô Viết có được chỗ đứng trong lòng độc giả thế giới; luận án dừng lại khảo sát tác động mạnh mẽ, nhiều mặt của văn học Nga Xô Viết đến tiến trình văn học các nước, đặc biệt là văn học Việt Nam sau 1945.

Thành tựu khoa học

Đã dịch và giới thiệu trên 15 tác phẩm tiêu biểu của văn học Nga (A. Sêkhốp, I. Bunhin, A. Grin, K. Pauxtôpxli, Đ. Granhin, R. Gamzatốp, Iu. Triphônốp...).
Ghi chép về tác giả và tác phẩm, tập tiểu luận, phê bình văn học, Nxb Văn học.
Chủ nhiệm Dự án chương trình mục tiêu quốc gia "Bảo tồn và phát triển các giá trị văn hoá phi vật thể".
Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc (Đề tài cấp Nhà nước, viết chung), Nxb Chính trị quốc gia.
Uỷ viên Ban chủ nhiệm chương trình cấp Nhà nước: Phát triển văn hoá, xây dựng con người và nguồn nhân lực trong thời kỳ CNH, HĐH.
Chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước về khảo sát đời sống văn hoá nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long.
Bằng khen của Hội Nhà văn Liên Xô về thành tích giới thiệu văn học Nga ở Việt Nam.
Tặng thưởng cho sách dịch hay nhất của Nxb Hội Nhà văn Việt Nam.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huân chương Lao động hạng ba.

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học và giới thiệu văn học Nga.

Lời Tiến sĩ

Học giả Lê Quý Đôn từ mấy trăm năm trước đã chỉ ra 4 dấu hiệu nguy cấp của một xã hội: 1. Quan không sợ vua, 2. Quân không sợ tướng, 3. Gian lận tràn vào trường thi, 4. Kẻ sĩ ngoảnh mặt làm ngơ. Đối chiếu với thực tiễn quanh ta, lời cảnh báo ấy của nhà bác học nên chăng cần được mọi người chúng ta tiếp nhận một cách nghiêm khắc.
Không thể nhâm nhi tự ngắm mình mãi với những chiến tích quá khứ, cần phải thấy sự tụt hậu của chúng ta trên nhiều mặt kinh tế, thể chế hành chính, chính sách sử dụng người hiền tài, văn hoá, đạo đức xã hội... để sớm khắc phục khoảng cách với các nước bạn bè trong khu vực và trên thế giới, đặng đem lại cho nhân dân ta cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, tạo lập vị thế xứng đáng của dân tộc ta trên trường quốc tế.



CHÂU QUANG HIỀN

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 06 - 11 - 1952.
Quê quán: Thị xã Bến Tre - Tỉnh Bến Tre.
Chỗ ở hiện nay: 293 Đoàn Hoàng Minh - Thị xã Bến Tre - Tỉnh Bến Tre.

Quá trình công tác

Giáo viên khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông nghiệp 4 thành phố Hồ Chí Minh.

Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Ban Khoa học kỹ thuật tỉnh Bến Tre.

Phó ban Khoa học kỹ thuật tỉnh Bến Tre.

Phó Giám đốc.

Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Bến Tre.

Phó ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khoá IV, V.

Ủy viên Ban chấp hành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bến Tre khoá V, khoá VI.

Uỷ viên Ban chấp hành Hội Sinh vật cảnh tỉnh Bến Tre.

Phó Chủ nhiệm Câu lạc bộ nông dân tỉnh Bến Tre.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988

Tại Trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Sinh thái

Đề tài luận án

Một số đặc điểm sinh thái học rừng tre lồ ô (Bambusa procera A. chev. et A.cam) miền Đông Nam Bộ.

Nội dung

Vận dụng luận điểm "sinh thái phát sinh quần thể (Thái Văn Trừng, 1970) và các chỉ dẫn của UNESCO, UNDP, FAO (1978) về nghiên cứu hệ sinh thái rừng nhiệt đới vào điều kiện cụ thể của rừng tre lồ ô miền Đông Nam Bộ, tác giả đã nghiên cứu các đặc điểm hình thành, xu hướng diễn thế, đặc điểm sinh trưởng, cấu trúc quần thể, ước tính sinh khối và năng suất của quần thể tre lồ ô trong điều kiện phát triển bình thường và dưới tác động của con người. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất ý kiến về biện pháp kỹ thuật khai thác và nuôi dưỡng hợp lý tài nguyên rừng tre lồ ô để thiết thực phục vụ sản xuất.

Thành tựu khoa học

Chủ trì nghiên cứu các đề tài, đề án và dự án...

Đặc điểm môi trường và thảm thực vật tự nhiên vùng nông trường Đồ Hoà, Duyên Hải, thành phố Hồ Chí Minh.

Xây dựng mô hình lâm ngư kết hợp tại lâm trường Thạnh Phú (Bến Tre).

Chuyển giao tiến bộ KHCN góp phần phát triển kinh tế vườn xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Bảo vệ môi trường tỉnh Bến Tre 1997 - 2000 - 2010.

Phát triển KHCN tỉnh Bến Tre 1998 - 2000 - 2010.

Tổng quan cấp nước sinh hoạt tỉnh Bến Tre 1997 - 2000.

Khu bảo tồn sân chim Vàm Hồ

Tham gia nghiên cứu:

Kỹ thuật lâm sinh kinh doanh rừng Tràm U Minh tỉnh Minh Hải.

Đánh giá khả năng phát triển dừa ở vùng mặn tỉnh Bến Tre.

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bến Tre năm 2010, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội 3 huyện ven biển, quy hoạch nuôi thuỷ sản tỉnh Bến Tre đến 2010, quy hoạch phát triển thương mại - du lịch, quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, quy hoạch đào tạo cán bộ đến năm 2010. Kết quả các đề án, quy hoạch đang từng bước triển khai vào đời sống.

Xây dựng khu bảo tồn quốc gia đất ngập nước Thạnh Phú.

Sách đã xuất bản (đồng tác giả):

Rừng ngập nước Việt Nam - Nxb Giáo dục.

Tre lồ ô - Nxb Nông nghiệp.

Địa chí Bến Tre - Nxb Khoa học xã hội.

Huy chương Vì sự nghiệp khoa học, công nghệ
Vì sự nghiệp phát triển nghề cá,
Vì giai cấp nông dân.

Dự định khoa học

Tích cực tập hợp lực lượng cán bộ khoa học các Trường, Viện, tại địa phương nghiên cứu và ứng dụng nhanh các tiến bộ KHCN góp phần phát triển kinh tế thuỷ sản, kinh tế vườn, nâng cao năng lực chế biến nông thuỷ sản, năng lực ứng dụng CNTT trong quản lý, sản xuất, nghiên cứu giải quyết các vấn đề khoa học xã hội nhân văn bức xúc của địa phương.

Tập trung nghiên cứu các đề tài, dự án liên quan đến khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường của tỉnh Bến Tre.



HOÀNG THỊ MINH HIỀN

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 8 - 12 - 1956
Quê quán: Định Công - Thanh Trì - Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: 15 Ngõ Gạch - Hà Nội

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu phòng Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp - Viện Nghiên cứu KHKT Bảo hộ Lao động.
Nghiên cứu sinh Viện Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp - Viện Hàm lâm Y học Nga.
Nghiên cứu viên chính - Phó trưởng phòng Vệ sinh lao động & Ecgonômi - Viện nghiên cứu KHKT Bảo hộ lao động.
Hội viên Hội KHKT AT-VSLĐ Việt Nam.
Hội Y học lao động Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Tại Viện vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp - Viện Hàn lâm Y học Nga.
Chuyên ngành Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp.

Đề tài luận án

Đặc điểm tác dụng sinh học và chuyển hoá của chất 2,6-diclor-anilin.

Nội dung

2,6-diclor-anilin là chất hoá học mới, được dùng để sản xuất thuốc trong công nghiệp hoá dược.
Đánh giá tác dụng độc của 2,6-diclor-anilin đối với hệ thống huyết học bằng thực nghiệm trên động vật.
Đánh giá quá trình chuyển hoá sinh học của 2,6-diclor-anilin. Kết quả nghiên cứu cho thấy: 2,6-diclor-anilin ảnh hưởng độc ít đối với hệ thống huyết học (gây độc qua các đường: hô hấp, da, tiêu hoá với các mức gây độc ở các liều và nồng độ khác nhau), có tác dụng độc mạnh với các cơ quan: gan, thận và thần kinh Trung ương, trong đó thận là cơ quan bị tổn thương rõ nhất. Trong chuyển hoá, phản ứng oxy hoá khử không xảy ra ở nhóm amin, do vậy không tạo ra chất trung gian gây độc đối với tế bào máu. Một trong những con đường chuyển hoá của 2,6-diclor-anilin là phản ứng oxy hoá ngay tại vòng nhân thơm, các chất chuyển hoá liên kết với axit glucronic bằng phản ứng liên kết, sau đó được đào thải ra ngoài qua thận theo nước tiểu ở dạng muối.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài:
Vấn đề tiếp nhận công nghệ mới và những ảnh hưởng của nó đến an toàn, sức khoẻ và môi trường ở Việt Nam (cấp Bộ).
Ảnh hưởng của tiến ồn đến sức nghe của nữ công nhân dệt Việt Nam.
Đánh giá môi trường lao động về tiếng ồn và rung động của một số đối tượng công nhân mỏ than Quảng Ninh; ảnh hưởng của chúng đến sức khoẻ, thính lực, khớp xương của công nhân và đề xuất các biện pháp phòng tránh (cấp Bộ).
Phòng chống bụi amiăng trong sản xuất vật liệu có amiăng (cấp Bộ).
Nghiên cứu xây dựng chiến lược và các biện pháp cơ bản để giám sát, dự phòng và xử lý các nguy cơ ô nhiễm môi trường lao động ảnh hưởng tới sức khoẻ người lao động (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu đánh giá tình trạng sức khoẻ và sức nghe của người lao động tiếp xúc với dung môi hữu cơ (toluen, xylen...) trong một số nghề sản xuất và đề xuất một số biện pháp góp phần bảo vệ sức khoẻ người lao động (cấp Bộ - chủ nhiệm).

Dự định khoa học

Nghiên cứu tiêu chuẩn khám tuyển và khám sức khoẻ định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp đối với công nhân tiếp xúc với dung môi hữu cơ...
Xây dựng phòng thí nghiệm đo thính lực trong điều kiện cách âm chuẩn.



NGUYỄN MẠNH HIỀN

Nhật Chiểu

Tiến sĩ Xã hội học

Sinh ngày: 13-4-1952
Quê quán: Liên Châu - Yên Lạc - Vĩnh Phúc
Chỗ ở hiện nay: Xóm 1 - Mễ Trì Thượng - Từ Liêm - Hà Nội

Quá trình công tác

Tốt nghiệp trường Cao cấp Công đoàn Lêningrát - Liên Xô.
Cán bộ Cung văn hoá Lao động Hữu nghị Việt Xô - Hà Nội
Học Quản trị kinh doanh Học viện lao động và quan hệ xã hội - Mát-xcơva, Liên bang Nga.
Thực tập sinh cao cấp khoa kinh tế ứng dụng - Học viện lao động và quan hệ xã hội - Mát-xcơ-va, Liên bang Nga.
Nghiên cứu sinh tại Học viện lao động và quan hệ xã hội - Mát-xcơ-va, Liên bang Nga.
Cán bộ - Trung tâm Lữ hành Công ty Du lịch Công đoàn thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2001
Tại Học viện Lao động và Quan hệ xã hội Mát-xcơ-va, Liên bang Nga.
Chuyên ngành Xã hội học.

Đề tài luận án

Quản lý các tổ hợp du lịch như một hệ thống xã hội.

Nội dung

Dựa trên những phương pháp nghiên cứu cơ bản, tác giả đã nghiên cứu bản chất của ngành du lịch. Nó không chỉ có ý nghĩa kinh tế quan trọng, mà còn làm thoả mãn những nhu cầu xã hội của con người. Đồng thời tác giả cũng nghiên cứu những khuyết điểm còn tồn tại trong hoạt động quản lý du lịch ở nước Nga, và Việt Nam. Trên cơ sở những kinh nghiệm của thế giới luận án đã đề xuất những ý tưởng nhằm hoàn thiện hệ thống điều hành hoạt động du lịch trong tương lai.

Dự định khoa học

Hoàn thiện đề tài nghiên cứu "Những ảnh hưởng của xã hội đối với việc phát triển ngành du lịch và những đóng góp của bộ môn xã hội học trong việc hoàn thiện những sản phẩm du lịch".

Lời Tiến sĩ

Nếu như được đầu tư thoả đáng, ngành du lịch chính là quốc sách "Xuất khẩu lao động tại chỗ", "Xuất khẩu hàng hoá tại chỗ". Giảm nhẹ một cách đáng kể nạn thất nghiệp ngày càng gia tăng.



TRẦN DIÊN HIỂN

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 19 - 8 - 1950.
Quê quán: Việt Hùng - Đông Anh - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 21/36A2 - Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Toán - Lý Trường Đại học Tổng hợp Sáclơ, Cộng hoà Séc.
Giảng dạy tại khoa Toán Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Tổng hợp Sáclơ - Cộng hoà Séc.
Chủ nhiệm khoa Toán Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc.
Phó Chủ nhiệm khoa Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Khoa học tự nhiên.
Được đặc cách cấp bằng thạc sĩ do kết quả xuất sắc của luận án tốt nghiệp đại học.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981
Tại Trường Đại học Tổng hợp Sáclơ Praha - Tiệp Khắc cũ.
Ngành Toán giải tích.
Chuyên ngành Giải tích hàm phi tuyến.

Đề tài luận án

Mô hình toán học của quá trình khuếch tán khí thải công nghiệp ở những vùng đồi núi khô hanh và phương án tối ưu sắp xếp các cơ sở công nghiệp.

Nội dung

Thiết lập bài toán biên giới đối với phương trình eliptic ứng với quá trình khuyếch tán khí thải công nghiệp:
Trên địa hình ẩm ướt là bài toán Đirichlê.
Trên địa hình đồi núi khô hanh là bài toán biên hỗn hợp đối với phương trình eliptic.
Chứng minh sự tồn tại và tính duy nhất nghiệm rất yếu (very weak solution) của các bài toán trên.
Bằng phương pháp làm đều nghiệm (regularity of solution), tác giả chứng minh nghiệm đó đủ trơn.
Dùng lý thuyết đối ngẫu, tác giả đã đề xuất phương án tối ưu trong việc sắp xếp các cơ sở công nghiệp để đảm bảo độ ô nhiễm bởi khí thải công nghiệp là tối thiểu.

Thành tựu khoa học

Sách và giáo trình đã xuất bản:
Giáo trình Giải tích toán học - ĐHSP Việt Bắc.
Lôgic giải trí - Nxb khoa học
Cấu trúc Đại số - ĐHSP Hà Nội.
Nhập môn Lý thuyết xác suất và thống kê toán.
Số và đại lượng - Hà Nội.
10 chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 4, 5.
Giáo trình Toán cao cấp I.
Giáo trình Toán cao cấp II.
Giáo trình Lý thuyết số.
Xác suất thống kê.
Các bài toán về suy luận lôgíc - Nxb Giáo dục.
Từ điển thuật ngữ Toán học (có phần đối chiếu tiếng Anh và tiếng Pháp) Nxb Từ điển Bách khoa.
Toán 3, Toán 4 (tập 1, 2).
Vở bài tập Toán 4 (tập 1, 2). Nxb Giáo dục.
Thực hành giải toán tiểu học - Hà Nội.
Sách giáo viên toán 3 và 4. Nxb Giáo dục.
Đã đăng nhiều bài trên các tạp chí trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chuyên ngành khoa học cơ bản và ứng dụng vào công tác đào tạo giáo viên trường sư phạm.



TRỊNH ĐỨC HIỂN

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 15 - 10 - 1951.
Quê quán: Đông Hải - An Hải - Hải Phòng.
Chỗ ở hiện nay: 17 ngõ 16 Tạ Quang Bửu - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy khoa Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, (nay là Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội).
Hiện là Phó Chủ nhiệm khoa Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài.
Hội viên Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chuyên ngành Ngôn ngữ học

Đề tài luận án

Sự phát triển của từ vựng tiếng Lào từ 1945 đến nay (các khuynh hướng chủ yếu).

Nội dung

Trình bày những nét khái quát về sự phát triển của từ vựng tiếng Lào nửa cuối thế kỷ 20 và nguyên nhân của sự phát triển đó.
Khảo sát các con đường phát triển của từ vựng tiếng Lào: cấu trúc từ ngữ mới, phát triển nghĩa và vay mượn từ ngữ nước ngoài.
So sánh với sự phát triển của từ vựng tiếng Việt để thấy được sự giống và khác nhau của hai ngôn ngữ cùng loại hình ngôn ngữ đơn lập.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Câu giao tiếp - đơn vị dạy tiếng tối thiểu (Đại học Quốc gia Hà Nội).
Sách đã xuất bản:
Tiếng Việt cho người nước ngoài (viết chung), Nxb. Giáo dục.
Sách học tiếng Việt (viết chung), Nxb. Chính trị quốc gia, Nxb và phát hành sách nhà nước Lào.
Tiếng Việt cho người nước ngoài - Trình độ nâng cao - Nxb Đại học Quốc gia.
Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài (viết chung) Nxb Đại học Quốc gia.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí Khoa học, Ngôn ngữ, Văn hoá dân gian.
Nghiên cứu Đông Nam Á, Ngôn ngữ và đời sống; các kỷ yếu Hội nghị khoa học trong nước và quốc tế.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ngôn ngữ Lào và Thái Lan.
Nghiên cứu tiếng Việt và văn hoá Việt Nam, phục vụ việc dạy tiếng Việt và văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài.



TRỊNH VINH HIỂN

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 15 - 10 - 1966.
Quê quán: Xuân Thành - Thọ Xuân - Thanh Hoá
Chỗ ở hiện nay: Xuân Thành - Thọ Xuân - Thanh Hoá

Quá trình công tác

Phục vụ trong quân đội

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000
Tại Học viện Thú y và Công nghệ sinh học Quốc gia Mátxcơva Nga.
Ngành Sinh học
Chuyên ngành Dinh dưỡng và công nghệ thức ăn gia súc.

Đề tài luận án

Sự trao đổi của các nguyên tố vi lượng trong cơ thể và năng suất của gà đẻ công nghiệp khi cho ăn thêm chất promin.

Nội dung

Luận án được thực hiện trên 3 thí nghiệm đối với giống gà công nghiệp đẻ trứng "Haiseks nâu" trên cơ sở cho ăn thêm promin và Zeopromin. Promin (chelating), là chất được tổng hợp từ protít và các nguyên tố vi lượng (Fe, Cu, Zn, Co, I) có dạng keo. Zeopromin - một hình thái khác được biến dạng của promin (promin + zeolite), có dạng bột khô.

Kết quả:
Hàm lượng phù hợp tối ưu của promin để trộn vào thức ăn tổng hợp là 0,15 - 0,2%, của Zeopromin là 0,6%. Kết quả này cho ta tiết kiệm được rất nhiều các nguyên tố vi lượng cho vào thức ăn gia súc.
Tăng khả năng sống của gà là 12% đối với Zeopromin, 8% đối với promin, đồng thời sản lượng trứng tăng 9,5%.
Hàm lượng dự trữ các nguyên tố vi lương trong gan, xương đùi, lông và trong trứng gà được tăng lên đáng kể so với lô kiểm tra.
Sự hấp thụ các chất dinh dưỡng và các chất khoáng tăng lên so với lô kiểm tra chỉ sử dụng các nguyên tố vi lượng ở dạng vô cơ.
Zeopromin có ảnh hưởng tốt hơn promin trong mọi lĩnh vực nghiên cứu.



PHÙNG MINH HIẾN

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 12 - 6 - 1942.
Quê quán: Như Quỳnh - Văn Lâm - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Lý luận văn chương Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Chủ nhiệm Bộ môn Lý luận văn chương - Mỹ học;
Chủ tịch Hội đồng Khoa học khoa Văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội II;
Uỷ viên Thường trực HĐKH Trường Đại học Sư phạm Hà Nội II;
Hội viên Hội những người nghiên cứu văn học Nga ở nước ngoài.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Rostôp.
Ngành Văn.
Chuyên ngành Lý luận văn học.

Đề tài luận án

Tính sinh động của sự miêu tả như là dấu hiệu tính nghệ thuật của tác phẩm văn chương.

Nội dung

Bản chất khái niệm tính sinh động của sự miêu tả
Tính sinh động chung của sự miêu tả và những dấu hiệu cơ bản của nó;
Tính sinh động của sự miêu tả nhân vật trong mối liên hệ với các yếu tố cấu trúc và các thành phần của hình tượng và của tác phẩm;
Tính sinh động của toàn bộ cái được miêu tả và tổ chức nghệ thuật của tác phẩm;
Những dấu hiệu cơ bản thuộc tính sinh động của nhân vật và của hình tượng tác giả - người sáng tạo;
Tính sinh động là dấu hiệu tổng hợp và có tính đặc trưng nhất thuộc tính nghệ thuật của tác phẩm văn chương;
Tính sinh động của sự miêu tả trong tác phẩm sử thi.
Những nét độc đáo nghệ thuật của sử thi;
Tính sinh động của sự miêu tả sử thi đối với nhân vật;
Tính sinh động của hình tượng tác giả như là người tường thuật hay là người kể chuyện;

Thành tựu khoa học

Các công trình khoa học (những bài tiêu biểu trên tạp chí quốc gia):
Có một bình diện chất lượng nghệ thuật đã và đang được chú ý;
Vài suy nghĩ bước đầu xung quanh một số quan niệm về cấu trúc tính nghệ thuật;
Tính sinh động, một bình diện chất lượng nghệ thuật tổng hợp và có tính đặc trưng nhất của tác phẩm văn chương;
Tính toàn vẹn, cơ sở của sự miêu tả sinh động đối tượng nghệ thuật;
Tính nghệ thuật, một đối tượng nghiên cứu riêng và một cách tiếp cận riêng;
Nghệ thuật và không phải nghệ thuật;
Có một quan niệm về văn hoá;
Hình thức nhân vật kể chuyện trong truyện "Lão Hạc" của Nam Cao;
Đề tài khoa học cấp Bộ:
Nghiên cứu tính nghệ thuật của tác phẩm văn chương (ở mặt tạo nên chất lượng nghệ thuật đặc trưng của tác phẩm và tác giả).
Giáo trình cao học
Các loại văn hoá và loại văn hoá đặc biệt.
Quản lý và tổ chức công tác văn hoá - giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu văn chương và lý luận văn chương.

Lời Tiến sĩ

Mong sao cả văn chương lẫn nghệ thuật Việt Nam thực sự thoả mãn được nhu cầu thẩm mỹ lành mạnh của nhân dân.



NGUYỄN TIẾN HIỆP

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 14 - 6 - 1947.
Quê quán: Cẩm Vũ - Cẩm Giàng - Hải Dương
Chỗ ở hiện nay: 27A Đặng Dung - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Công tác tại Uỷ ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước.
Cục Quân nhu, Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng.
Phòng Quân nhu, Cục Hậu cần, Quân khu 5.
Uỷ ban Khoa học và KTNN, Viện Khoa học Việt Nam.
Nghiên cứu sinh tại Viện Thực vật Kômarốp. Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.
Phó Trưởng phòng Thực vật, Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật.
Uỷ viên Hội đồng biên tập: Kỷ yếu Thực vật bậc cao có mạch của Việt Nam (tập 1 & 2), Thành viên Hội Tuế châu Phi, Hội thực vật Hạt trần thế giới, chuyên gia nghiên cứu Tuế (Cycas) của tổ chức IUCN, điều phối viên chương trình "Bảo tồn thực vật Việt Nam".

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982.
Tại Viện Thực vật Kômarốp, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.
Ngành Sinh học
Chuyên ngành Thực vật.

Đề tài luận án

Họ Hoa hồng (Rosaceae) trong hệ thực vật Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu họ Hoa hồng trên thế giới và Việt Nam, phân tích các đặc điểm phân loại chính về mặt hình thái của các cơ quan dinh dưỡng, sinh sản, phấn hoa, phân tích sự phân bố của các loài theo địa lý, độ cao và thành phần các loài trong hệ thực vật Việt Nam. Luận án cũng giới thiệu phương pháp và kết quả phân loại bằng các dẫn liệu về hình thái của phấn hoa đối với chi Ngấy (Rubus) với sự giúp đỡ của kính hiển vi điện tử quét. Các kết quả nghiên cứu về hình thái phấn hoa rất phù hợp với những kết luận khi dùng phương pháp phân tích hình thái bên ngoài truyền thống. Giới thiệu 10 loài và thứ mới đối với khoa học, 4 tổ hợp tên mới. Kết quả có ý nghĩa thực tiễn đối với việc biên soạn Thực vật chí Việt Nam và đánh giá giá trị đa dạng thực vật.

Thành tựu khoa học

Tác giả và đồng tác giả: *Cây hoang dại ăn được của Việt Nam, ngành Hạt trần* (Gymnospermae) *của Đông Dương, Sách đỏ Việt Nam* (phần Thực vật), *Thực vật hoang dại của Vịnh Hạ Long*, các biểu đồ sinh khí hậu Việt Nam. Hơn 50 bài báo khoa học đăng trong các tạp chí khoa học, trong và ngoài nước.
Trên 20 loài thực vật mới đối với khoa học phát hiện ở Việt Nam và nhiều loài mới cho hệ thực vật Việt Nam đã được tác giả công bố.
Nhiều loài thực vật mới đối với khoa học phát hiện tại Việt Nam đã được các nhà thực vật thế giới lấy tên: Hiệp để đặt tên cho loài.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương vì sự nghiệp khoa học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về đa dạng thực vật của Việt Nam ở trình độ cao.
Bảo tồn các loài thực vật quý hiếm bị đe doạ, bảo tồn tính đa dạng thực vật, bảo tồn bền vững các hệ sinh thái tiêu biểu.
Viết báo, sách khoa học chuyên khảo về các nhóm thực vật quan trọng.

Lời Tiến sĩ

Việt Nam là một trong số nước trên thế giới có tính đa dạng sinh học cao, vì nhiều nguyên nhân công việc nghiên cứu chúng còn rất hạn chế. Những kết quả khoa học nghiên cứu trong lĩnh vực này có ý nghĩa rất to lớn để hoạch định chính sách kinh tế và bảo tồn bền vững các loài, vùng sinh thái, môi trường. Hiện tại đội ngũ cán bộ khoa học có tâm huyết, trình độ về lĩnh vực này trở nên rất hiếm. Năng lực và phẩm chất của cán bộ khoa học cần phải được đánh giá qua các công trình nghiên cứu, khả năng tổ chức và thực hiện các công trình.



VŨ VĂN HIỂU

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 25 - 12 - 1954.
Quê quán: Quang Trung - Kiến Xương - Thái Bình
Chỗ ở hiện nay: Tổ 35 - Thượng Đình - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Kỹ sư cấp nước, Viện Quy hoạch đô thị - nông thôn Bộ Xây dựng.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Xây dựng Kiep Ucraina.
Cán bộ Viện Quy hoạch đô thị nông thôn - Bộ Xây dựng.
Trưởng ban Kỹ thuật - Công nghệ Ban Chỉ đạo quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường.
Hội viên Hội Xây dựng Việt Nam; Hội Cấp thoát nước Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Trường Đại học Xây dựng Kiep Ucraina.
Chuyên ngành Cấp thoát nước và hệ thống bảo vệ nguồn nước.

Đề tài luận án

Mạng lưới cấp nước bằng ống thuỷ tinh dùng cho cấp nước ở nông thôn Việt Nam.

Nội dung

Lập và nghiên cứu mạng lưới đường ống bằng thuỷ tinh cho cấp nước nông thôn Việt Nam trên các vùng có tính ăn mòn kim loại cao.
Nghiên cứu sức cản thuỷ lực trong các ống thuỷ tinh của nhà máy kính Butran, và ảnh hưởng các mối nối ống và sức cản cục bộ đối với sức cản chung.
Nghiên cứu động lực tích tụ khí trong chuyển tải nước theo đường ống.
Lập phương pháp ứng dụng ống thuỷ tinh cho cấp nước nông thôn Việt Nam.
Đánh giá kinh tế kỹ thuật ứng dụng ống thuỷ tinh cho mạng lưới đường ống cấp nước.
Đường ống thuỷ tinh cho các vùng ven biển Việt Nam có độ ăn mòn cao.
Phân tích, tổng hợp các tài liệu lý thuyết nghiên cứu sức cản thuỷ lực, động lực tích tụ khí trong ống, phương pháp đặt ống, nối ống thuỷ tinh.

Thành tựu khoa học

Công trình nghiên cứu:
Nghiên cứu sức cản thuỷ lực và tích tụ khí trong ống thuỷ tinh.
Phương pháp tính toán đặt ống thuỷ tinh trong đất.
Cơ sở khoa học sử dụng tài nguyên nước trên quan điểm sinh thái và phát triển lâu bền.
Công nghệ cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường (đồng tác giả) - Nxb Khoa học Kỹ thuật Hà Nội;
Định hướng công nghệ xử lý chất thải công nghiệp và đô thị.
Công tác nước sạch vệ sinh môi trường trong giai đoạn 1994-1997 và định hướng đến năm 2000 (đồng tác giả).
Các chương trình, đề tài:
Các chính sách phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, chuyên đề 5 Cấp nước và vệ sinh môi trường (nông thôn, tham gia, cấp Bộ).
Đánh giá hiện trạng sử dụng tài nguyên nước trên quan điểm sinh thái và phát triển lâu bền (đồng tác giả).
Đề án nghiên cứu địa chất đô thị chuyên mục:
Hiện trạng và định hướng cấp nước đô thị (chủ trì - cấp Bộ).
Chiến lược cấp nước và vệ sinh nông thôn (tham gia - cấp Nhà nước).
Chương trình mục tiêu quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường (tham gia).
Đánh giá các dự án cấp nước tập trung quy mô vừa và nhỏ năm 1996-1998 (chủ nhiệm).
Hướng dẫn lựa chọn các mô hình xây dựng hầm Biogas phục vụ cho xử lý môi trường nông thôn phù hợp với các vùng khác nhau (chủ nhiệm).

Dự định khoa học

Biên soạn giáo trình "Cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn".
Nghiên cứu phương pháp xử lý nước bị ô nhiễm thuốc trừ sâu, phân hoá học.
Nghiên cứu hầm Biogas ứng dụng cho các vùng hải đảo Việt Nam.
Nghiên cứu ứng dụng hệ thống cấp nước liên hợp, liên vùng cho nông thôn Việt Nam.
Ứng dụng các loại ống thuỷ tinh, ceramic, chất dẻo cho cấp nước nông thôn và vùng ven biển Việt Nam.



TRẦN VĂN HIẾU

Trần Mạnh Hiếu

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 23 - 4 - 1952.
Quê quán: Tân Hưng - Tiên Lữ - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: Trường Cao đẳng Sư phạm Hưng Yên - Thị xã Hưng Yên - Tỉnh Hưng Yên.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Văn Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Giảng viên, Phó Chủ nhiệm khoa Xã hội Trường Cao đẳng Sư phạm Hải Hưng.
Chuyên viên văn hoá - xã hội UBND tỉnh Hưng Yên.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hiện là Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Hưng Yên.
Uỷ viên BCH Hội Văn học nghệ thuật Hải Hưng, Trưởng ban Lý luận phê bình.
Hội viên Hội văn học nghệ thuật tỉnh Hưng Yên.
Hội viên Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Chuyên ngành Văn học Việt Nam.

Đề tài luận án

Ba phong cách trào phúng trong văn học Việt Nam thời kỳ 1930-1945: Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao.

Nội dung

Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan - Tiếng cười bốp chát, bạo khoẻ, tinh quái. Nội dung chính: cơ sở tư tưởng của tiếng cười Nguyễn Công Hoan, cấu trúc trí tuệ của tiếng cười, hài kịch và bi hài kịch, nghệ thuật trần thuật. Những thủ pháp hóm hỉnh, kể và tả - kịch câm và kịch nói, hình ảnh người trần thuật. Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan - cầu nối giữa truyện truyền thống và truyện hiện đại.

Số đỏ của Vũ Trọng Phụng - chuỗi cười dài nhiều giọng điệu, cung bậc, sắc thái. Trên cơ sở phân tích cái nhìn tổng hợp rộng lớn: đời là vô nghĩa lý, luận án nghiên cứu mô hình giễu nhại xã hội vô nghĩa lý và dạng tình huống vô nghĩa lý, những nhân vật vô nghĩa lý, ngôn ngữ và giọng điệu trào phúng, tiếng cười nhiều cung bậc, nhiều sắc thái của Vũ Trọng Phụng.

Nam Cao - tiếng cười đầy xót thương cho những kiếp *"Sống mòn"*: Nghiên cứu đối tượng và cơ sở tư tưởng của tiếng cười Nam Cao, sân khấu nội tâm, nhân vật tư tưởng, tiếng cười nhiều giọng điệu Nam Cao.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh:
Nghiên cứu đề xuất và áp dụng hệ thống các giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên trung học cơ sở, giáo viên tiểu học, giáo viên mầm non có trình độ Cao đẳng Sư phạm ở Trường Cao đẳng Sư phạm Hưng Yên.
Sách đã xuất bản:
Nhà văn Hải Hưng hiện đại, tập 1, 2 (nhiều tác giả).
Lý luận, phê bình, nghiên cứu văn học (Hội Văn học nghệ thuật Hải Hưng - nhiều tác giả).
Ba phong cách trào phúng trong văn học Việt Nam thời kỳ 1930-1945: Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao (chuyên luận nghiên cứu văn học, Nxb Văn học).
Huy chương kháng chiến hạng nhì.

Dự định khoa học

Nghiên cứu những thành tựu nổi bật của văn học Việt Nam thời kỳ 1930-1945 qua các tác giả tiêu biểu.
Nghiên cứu đổi mới và hiện đại hoá nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo ở trường cao đẳng sư phạm.

Lời Tiến sĩ

Thế kỷ XXI, đứng trước những cơ hội mới thách thức mới, đất nước ta phải phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết để có thể hội nhập với khu vực và thế giới. Điều này sẽ trở thành hiện thực trong tương lai gần, nếu chúng ta phát huy được sức mạnh toàn dân, đặc biệt thực sự coi trọng việc đào tạo và sử dụng đội ngũ trí thức. Nay, câu nói của cha ông ta vẫn giữ nguyên giá trị "Hiền tài là nguyên khí quốc gia".



LÊ ĐỨC HINH

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 24 - 7 - 1935.
Quê quán: Thượng Phúc - Thanh Trì - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 25 lô B.I8 Nam Thành Công - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Bác sĩ Trưởng phòng Điều trị, khoa Thần kinh và Tâm thần Bệnh viện Bạch Mai.
Trưởng khoa Thần kinh Bệnh viện Bạch Mai.
Giám định viên chuyên khoa Thần kinh Hội đồng Giám định Y khoa Trung ương.
Cán bộ kiêm chức bộ môn Thần kinh Trường Đại học Y Hà Nội.
Phó Chủ tịch Hội Thần kinh học Việt Nam.
Thành viên:
Hội đồng Khoa học Bệnh viện Bạch Mai.
Ban Bảo vệ Sức khoẻ cán bộ cao cấp Trung ương.
Uỷ ban quốc gia Xác nhận thanh toán bệnh bại liệt.
Viện Hàn lâm Thần kinh học Hoa Kỳ.
Thành viên danh dự, Hội Thần kinh học Pháp.
Hiệp Hội Thần kinh học các nước Đông Nam Á.
Ban tư vấn Tai biến mạch máu não cấp tính châu Á.
Hội Thần kinh và Phẫu thuật thần kinh Cuba.
Hội Nhi khoa Cuba.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Thần kinh học.

Đề tài luận án

Vài đặc điểm của viêm não Nhật Bản B ở trẻ em miền Bắc Việt Nam.

Nội dung

Viêm não Nhật Bản B là một trong số các bệnh nặng nhất trong nhóm viêm não virut do côn trùng tiết túc mang truyền gây ra. Bệnh thường xảy ra tại miền Bắc Việt Nam, chủ yếu vào mùa hè và ở trẻ em.
Hội chứng lâm sàng trong giai đoạn khởi đầu gồm sốt, nôn, nhức đầu; trong giai đoạn toàn phát gồm các dấu hiệu màng não, các rối loạn vận động (động kinh và hoặc liệt vận động cơ), các rối loạn thực vật (rối loạn thân nhiệt, rối loạn hô hấp) và các rối loạn ý thức. Xét nghiệm cho thấy: phản ứng huyết thanh dương tính với kháng nguyên Nakayama, H.N - 60. Trong dịch não - tuỷ tế bào và protêin tăng vừa. Trong máu bạch cầu tăng cao, đăng đa nhân trung tính Xquang có hình ảnh viêm hạch rốn phổi và viêm phế quản. Tổn thương giải phẫu vị thể chủ yếu là các vỏ ngoại quản, các đám tế bào và các ổ hoại tử thưa chiếm ưu thế trong chất xám. Trong vụ dịch năm 1979 đã phân lập được virut B.M-79 có cấu trúc kháng nguyên của virut ARBO nhóm B.
Chẩn đoán bệnh dựa vào lâm sàng - dịch tễ, chẩn đoán khả nghi viêm não do virut, chẩn đoán chắc chắn là viêm não Nhật Bản B (dựa trên kết quả xét nghiệm đặc hiệu).

Thành tựu khoa học

Hơn 36 công trình khoa học (tác giả và đồng tác giả) được báo cáo và xuất bản trong và ngoài nước.
Một số công trình tiêu biểu:
L'encéphalite japonaise B trong *Epidémiologie tropicale de ACCT* xuất bản ở Pháp.
Thần kinh học trẻ em - Nxb Y học.
Sự lão hoá của hệ thần kinh (trong *Từ điển bách khoa thư Bệnh học 2*).
Động kinh là gì? - Nxb Y học.
Sơ lược lịch sử 85 năm Bệnh viện Bạch Mai.
Bệnh Wilson (trong *Từ điển Bách khoa thư Bệnh học 3*).
Hướng dẫn luận án tiến sĩ.
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học, công nghệ. Vì sức khoẻ nhân dân.
Chiến sĩ thi đua ngành y tế năm 1999.
Thầy thuốc nhân dân năm 2001.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.

Dự định khoa học

Nghiên cứu và viết tài liệu về thần kinh học.
Tham gia đào tạo đại học, sau đại học chuyên ngành thần kinh học.



PHI TUYẾT HINH

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 18 - 9 - 1944.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 223 Nguyễn Ngọc Nại - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên trường cấp III Đa Phúc - Vĩnh Phú.
Phát thanh viên Đài Tiếng nói Việt Nam.
Nghiên cứu viên Viện Ngôn ngữ học - Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.
Giám đốc Trung tâm Thông tin - Tư liệu - Thư viện Viện Ngôn ngữ học.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991
Tại Viện Ngôn ngữ học Việt Nam.
Ngành Ngữ văn.
Chuyên ngành Ngôn ngữ học.

Đề tài luận án

Giá trị biểu trưng của khuôn vần trong từ láy tiếng Việt.

Nội dung

Từ láy tiếng Việt có tác dụng biểu đạt đặc biệt nhờ ở giá trị tượng thanh, tượng hình và gợi cảm. Phân tích 67 khuôn vần với sự có mặt của hầu hết các nguyên âm và âm cuối trong tiếng Việt, bằng hàng nghìn từ láy minh hoạ, luận án đã chứng minh giá trị biểu trưng của khuôn vần là hiện tượng phổ biến trong từ láy, góp phần làm nên tính tượng thanh, tượng hình và gợi cảm của lớp từ này.
Luận án vận dụng kết quả nghiên cứu về giá trị biểu trưng của từng khuôn vần vào việc định nghĩa từ láy trong từ điển, việc sáng tạo từ láy trong văn học, và đặc biệt, trao đổi với các giáo viên dạy văn cách phân tích từ láy, và rộng hơn, phân tích thơ ca trên cơ sở khai thác mối quan hệ âm - nghĩa.
Luận án cũng gợi mở:
Vấn đề mối quan hệ giữa âm và nghĩa trong tiếng Việt, và trong ngôn ngữ nói chung.
Vấn đề tiêu chí xác định từ láy.
Vấn đề hình vị trong tiếng Việt.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu:
Miêu tả cử chỉ điệu bộ của người Việt trong giao tiếp.
Từ láy - những vấn đề còn để ngỏ (đã in thành sách. Nxb Khoa học xã hội).
Giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài (chương trình trung cấp).
Một số bài viết đã công bố:
Thử tìm hiểu từ láy song tiết dạng X "ập" + Xy.
Về các hội nghị chuẩn hoá chính tả và thuật ngữ khoa học.
Về các khuôn vần trong từ láy phụ âm đầu.
Từ láy và sự biểu trưng ngữ âm.
Vai trò của các nguyên âm trong sự tạo nghĩa của từ láy tiếng Việt.
Tìm hiểu việc sáng tạo từ láy tiếng Việt trên cơ sở giá trị biểu trưng của khuôn vần.
Về tính có lý do trong sự phối hợp giữa thành tố gốc với thành tố láy ở từ láy âm đầu.
Giảng dạy từ láy trong trường phổ thông.
Từ láy không rõ thành tố gốc và vấn đề biểu trưng ngữ âm trong từ biểu tượng tiếng Việt.

Dự định khoa học

Tham gia đề tài "Ngữ pháp tiếng Việt thực hành" (dùng cho người nước ngoài).
Nghiên cứu giá trị biểu trưng của âm đầu trong từ láy tiếng Việt.
Tiếp tục đề tài "Ngôn ngữ cử chỉ điệu bộ của người Việt trong giao tiếp".



TRẦN DUY HINH

Tiến sĩ Nghệ thuật học

Sinh ngày: 15 - 7 - 1946.
Quê quán: Cẩm Ninh - Ân Thi - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 4/N18 - Tổ 50 Trung Liệt - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Học quay phim tại Trường Điện ảnh Việt Nam.
Phóng viên quay phim chiến trường A, B, C thuộc Xưởng phim Quân đội.
Học đạo diễn điện ảnh tại Trường Đại học Điện ảnh quốc gia Liên Xô cũ.
Đạo diễn phim tài liệu - khoa học và truyền hình Xưởng phim Quân đội.
Nghiên cứu sinh Đại học Điện ảnh Liên Xô.
Đạo diễn phim tài liệu - khoa học và truyền hình, kiêm Xưởng phó Xưởng phim Khoa học.
Phó trưởng khoa Sau đại học Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.
Thượng tá.
Hội viên Hội Điện ảnh Việt Nam.
Hội Nhà báo Việt Nam.
Hiệp hội Câu lạc bộ UNESCO Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989
Tại Trường Đại học Điện ảnh quốc gia Liên Xô cũ.
Ngành Nghệ thuật học
Chuyên ngành Điện ảnh.

Đề tài luận án

Sự phát triển phim khoa học Việt Nam và vấn đề nâng cao chất lượng phim khoa học.

Nội dung

Phim khoa học là thể loại quan trọng trong nghệ thuật điện ảnh, có tác dụng rất thiết thực trong đời sống xã hội.
Trong quá trình hình thành và phát triển điện ảnh Việt Nam, cùng với các thể loại khác, phim khoa học Việt Nam có những bước tiến vượt bậc và đóng góp không nhỏ vào công cuộc kháng chiến kiến quốc.
Phim khoa học quân đội đã đem những bài học giáo khoa quân sự vào tận chiến trường huấn luyện bộ đội.
Phim khoa học Việt Nam góp phần nâng cao dân trí về mọi mặt kiến thức từ sản xuất đến những hiểu biểu về vũ trụ, văn học nghệ thuật.
Làm thế nào nâng cao chất lượng phim khoa học? Cần nâng cấp phương tiện máy móc đến đổi mới cách tư duy nghệ thuật trong phim khoa học, những người quyết định vận mệnh phim khoa học là các biên kịch, đạo diễn, quay phim... đòi hỏi phải chuyên sâu, có kiến thức khoa học và tài năng nghệ thuật.

Thành tựu khoa học

Tham gia làm nhiều phim nhựa và băng hình, được 9 giải thưởng liên hoan phim trong và ngoài nước.
Tham gia viết "Văn học dân gian Việt Nam với nghệ thuật tạo hình điện ảnh" (đề tài cấp Bộ).
Tham gia viết giáo trình đào tạo đại học, sau đại học.
Huân chương chiến công hạng nhì.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huân chương chiến sỹ vẻ vang.
Huân chương quân kỳ quyết thắng.
Huy chương Vì sự nghiệp điện ảnh.
Vì sự nghiệp báo chí.

Dự định khoa học

Nghiên cứu điện ảnh và truyền hình trong giai đoạn hiện đại.



HỒ BÁ HOA

Trịnh Hồ Khoa

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 1 - 1 - 1934.
Quê quán: Thành phố Vinh - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 305 nhà B8 - Thanh Xuân Bắc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên Trường Sư phạm sơ cấp Hà Nội.
Giáo viên Trường Maxim Gorki Cộng hoà dân chủ Đức.
Cán bộ phòng Tuyên truyền Bộ Giáo dục.
Học đại học ở Cộng hoà dân chủ Đức.
Học khoa Văn Đại học tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy khoa Ngữ văn Đại học tổng hợp Hà Nội.
Giảng viên tiếng Việt tại Trường Đại học ngoại ngữ Tôkyô, Nhật Bản.
Phó Chủ nhiệm khoa tiếng Việt.
Phó Trưởng phòng khoa học Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy khoa Báo chí Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hiệu trưởng trường Phổ thông trung học dân lập Lam Hồng, Hà Nội.
Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia Hà Nội.
Chuyên ngành Ngữ văn.

Đề tài luận án

Những đóng góp của Tự lực văn đoàn cho việc xây dựng một nền văn xuôi Việt Nam hiện đại.

Nội dung

Tự lực văn đoàn (TLVĐ) là một tổ chức văn học lớn trước Cách mạng tháng Tám do Nhất Linh sáng lập. Cơ quan ngôn luận là tờ *Phong hoá* và tờ *Ngày nay* (từ 1935).
Gần 10 năm hoạt động, ngoài sự đóng góp cho thắng lợi của phong trào thơ Mới, phát hiện, bồi dưỡng tài năng văn học, TLVĐ đã có công lớn trong việc đổi mới văn học hiện đại.
Tác phẩm TLVĐ đã lên tiếng chống lễ giáo phong kiến trong lĩnh vực hôn nhân gia đình, khẳng định cái tôi trong cộng đồng.
Văn chương TLVĐ thể hiện khá rõ tinh thần dân tộc qua việc miêu tả vẻ đẹp cảnh vật, con người Việt Nam, kín đáo tố cáo chính sách của thực dân Pháp nhằm bần cùng hoá và đầu độc dân tộc ta.
TLVĐ đã có những cách tân trong nghệ thuật viết tiểu thuyết và trau dồi ngôn ngữ văn học.
Từ năm 1940, một số cây bút chủ chốt chuyển sang hoạt động chính trị thân Nhật, đóng góp của TLVĐ cũng chấm dứt. Mặc dầu vậy, công lao của TLVĐ đối với nền văn học nước nhà cũng đáng ghi nhận, bởi đây "là nhóm quan trọng nhất và là nhóm cải cách đầu tiên nền văn học hiện đại" (Hoàng Xuân Hãn).

Thành tựu khoa học

Sự đóng góp của Tự lực văn đoàn cho tiến trình văn hoá dân tộc (đề tài cấp Bộ).
Sách đã xuất bản:
Những đóng góp của Tự lực văn đoàn cho văn xuôi hiện đại Việt Nam. Nxb Văn học.
Huân chương Kháng chiến hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.



LÊ THỊ TUYẾT HOA

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 8 - 2 - 1960.
Quê quán: Hoằng Quỳ - Hoằng Hoá - Thanh Hoá
Chỗ ở hiện nay: 160/B6 Xô Viết Nghệ Tĩnh - Quận Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giáo viên khoa Tiền tệ tín dụng, Trường Cao cấp Nghiệp vụ ngân hàng.
Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh.
Giáo viên bộ môn Ngân hàng trung ương - Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu khoa học ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh.
Phó Chủ nhiệm khoa Tiền tệ và Thị trường tài chính.
Quyền Chủ nhiệm khoa Tiền tệ và Thị trường tài chính - Học viện Ngân hàng - Phân viện thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Chủ nhiệm khoa Tiền tệ và Thị trường tài chính - Học viện Ngân hàng - Phân viện thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng.

Đề tài luận án

Những giải pháp nhằm thực hiện các điều kiện hình thành thị trường chứng khoán tại Việt Nam.

Nội dung

Tổng quan về thị trường chứng khoán (TTCK)
Điều kiện và khả năng hình thành TTCK tại Việt Nam.
Những giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện các điều kiện hình thành TTCK đầu tiên ở Việt Nam.
Hệ thống những kiến thức cơ bản về TTCK, làm rõ những luận cứ khoa học cần thiết về TTCK và kinh nghiệm của các nước trong việc xây dựng và phát triển TTCK, phân tích thực trạng kinh tế Việt Nam. Luận án đã khẳng định sự cần thiết để thiết lập TTCK Việt Nam, đồng thời dự kiến về mô hình và tiến trình hợp lý cho việc thiết lập TTCK Việt Nam. Bằng những số liệu và thông tin cần thiết, luận án đã đánh giá những tồn tại và nguyên nhân, nêu ra những nhiệm vụ cơ bản cần tiến hành qua từng giai đoạn, các giải pháp để TTCK Việt Nam hình thành và hoạt động hữu hiệu.

Thành tựu khoa học

Chủ biên giáo trình: *Đại cương thị trường tài chính.*
Tham gia biên soạn giáo trình:
Lý thuyết tiền tệ ngân hàng.
Thị trường chứng khoán.
Biên soạn 05 sách và một số tài liệu tham khảo.
Đã đăng hơn 20 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành.

Dự định khoa học

Nghiên cứu TTCK Việt Nam; lãi suất cơ bản; vấn đề tự do hoá lãi suất; chính sách tiền tệ và công cụ của chính sách tiền tệ...

Lời Tiến sĩ

Ngày nay tri thức đã trở thành nguồn năng lượng đặc biệt, nguồn "tài nguyên" quý giá, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế. Kinh tế tri thức - một nền kinh tế dựa trên tri thức, là xu thế phát triển tất yếu. Việt Nam, muốn tiến gần các nước phát triển, phải coi trọng xu hướng phát triển của kinh tế tri thức, tạo môi trường cho tri thức thực sự trở thành công cụ và động lực phát triển trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội.



TRẦN THÁI HOA

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 11 - 5 - 1953.
Quê quán: Thái Hoà - Thái Thuỵ - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Số 24/217 - Yên Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Vật lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Vật lý lý thuyết, khoa Vật lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Hiện là Phó Chủ nhiệm bộ môn Vật lý lý thuyết, khoa Vật lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Hội viên Hội Vật lý Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Vật lý lý thuyết.

Đề tài luận án

Các tính chất quang phi tuyến trong tinh thể bán dẫn.

Nội dung

Nghiên cứu một số tính chất quang phi tuyến trong các tinh thể bán dẫn.
Tính nén và độ nén của exciton trong các bán dẫn có kích thích quang.
Nghiên cứu một số tính chất và tính phổ biến của sự đáp ứng của các hệ lưỡng ổn định quang học lên nhiễu động ngoài.
Nghiên cứu động lực nghịch pha của các Laser Fabry - Resot ba mode.

Thành tựu khoa học

Một số nghiên cứu đã công bố:
Một vài suy nghĩ về nguyên lý tương đương khi dạy giải tích cho sinh viên.
Đo hoạt độ tuyệt đối nguồn neutron Pu-Be bằng phương pháp buồng nước.
Cách tiếp cận khái niệm "vật ảo" trong chương trình quang học ở trường phổ thông.
Sự sinh ra các exiton nén trong chất bán dẫn bởi ánh sáng kết hợp.
Giáo trình *Cơ học lượng tử*, 2 tập, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các tính chất quang phi tuyến trong các tinh thể bán dẫn.
Hướng dẫn nghiên cứu sinh.

Lời Tiến sĩ

Không có gì là không thể làm được, nếu chúng ta thực sự tâm huyết với nó và dốn hết tâm trí vì nó.



VŨ HOÀNG HOA

Tiến sĩ Địa lý

Sinh ngày: 29 - 5 - 1968.
Quê quán: Quế Xuân - Quế Sơn - Quảng Nam
Chỗ ở hiện nay: F44 (308) B4 tập thể Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên Trường Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.
Hiện đang theo học về môi trường tại Trường Đại học Tổng hợp Melbourne - Úc.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Trường Khí tượng thuỷ văn Ôđetxa - Ucraina.
Chuyên ngành Khí tượng nông nghiệp.

Đề tài luận án

Mô hình sự ảnh hưởng của điều kiện khí tượng nông nghiệp đối với sự hình thành năng suất cây ngô Việt Nam.

Nội dung

Mô hình hoá ảnh hưởng của điều kiện khí tượng nông nghiệp đối với sự hình thành năng suất cây ngô miền Bắc Việt Nam.
Nghiên cứu quá trình sinh trưởng và phát triển hình thành năng suất cây ngô, đánh giá điều kiện khí tượng nông nghiệp phát triển cây ngô ở Việt Nam và có thể dự báo được năng suất cây ngô.

Mô hình hoá quá trình quang hợp và hô hấp mô hình dinh dưỡng nitơ, mô hình quá trình phân bổ chất đồng hoá trong các cơ quan của cây ngô, mô hình quá trình tạo hạt cho phép xác định số lượng hạt trong bắp, tốc độ tăng trưởng hạt và khối lượng hạt.

Luận án chia thành 5 phần:

Các phương pháp đánh giá sự ảnh hưởng của điều kiện khí tượng và dự báo năng suất của cây ngô.

Quá trình biến đổi chất, sự trao đổi khí và sự tạo thành hạt ngô.

Áp dụng những mô hình đầu tiên và ảnh hưởng của các mô hình đến sự phát triển ngô.

Các kết quả thực tế.

Phân tích phương pháp đánh giá sự hình thành năng suất ngô và dự báo sản lượng ngô trong điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Các công trình khoa học đã tham gia:
Điều tra nghiên cứu chế độ tưới tiêu cho lúa nước và cà phê ở Tây Nguyên (cấp Bộ).
Lập quy hoạch tổng thể cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Hà Nam (thư ký - cấp Bộ).
Phân loại và phân cấp hạn phục vụ phòng chống hạn và thiên tai hạn hán ở các tỉnh miền Trung từ Hà Tĩnh đến Bình Thuận (cấp Nhà nước).
Lập quy hoạch và thiết kế hệ thống nuôi trồng thuỷ sản của huyện Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh (cấp Bộ).

Dự định khoa học

Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp.
Nghiên cứu đánh giá tác động của môi trường đến các hệ thống công trình thuỷ lợi và phát triển nông thôn.



ĐINH CÔNG HÒA

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 2-4-1956.
Quê quán: Gia Phú - Gia Viễn - Ninh Bình
Chỗ ở hiện nay: 5/B5 Tập thể Đại học Mỏ - Địa chất - Từ Liêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Bộ đội, Quân đoàn 26.
Cán bộ giảng dạy.
Phó chủ nhiệm bộ môn Trắc địa phổ thông Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Phó chủ nhiệm khoa Trắc địa Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Thành viên Hội Trắc địa bản đồ viễn thám.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Ngành Trắc địa
Chuyên ngành Thiên văn Trắc địa.

Đề tài luận án

Nghiên cứu và thành lập các thuật toán bình sai trên máy vi tính mạng lưới mặt bằng, có sử dụng số liệu đo vệ tinh trong điều kiện Việt Nam.

Nội dung

Vào những năm 90, mạng lưới trắc địa quốc gia Việt Nam đã được xây dựng tương đối hoàn thiện. Mạng lưới toạ độ quốc gia Việt Nam là mạng lưới thiên văn - trắc địa - vệ tinh được xây dựng qua nhiều thời kỳ, nhiều dạng lưới khác nhau, phương tiện kỹ thuật và công nghệ khác nhau.
Luận án nghiên cứu và thành lập các quy trình công nghệ xử lý mạng lưới toạ độ quốc gia Việt Nam. Hoàn thiện hệ thống chương trình xử lý số liệu đo vệ tinh kiểm tra sai số thô và bình sai đánh giá độ chính xác mạng lưới quốc gia Việt Nam với số lượng điểm lớn bằng công nghệ tin học.
Luận án đã đóng góp một phần vào công tác xử lý toán học số liệu trắc địa ở Việt Nam hiện nay, đây là một vấn đề được nhiều nhà khoa học trắc địa quan tâm. Thuật toán và chương trình đã được thực nghiệm và tính toán với các số liệu thực tế tại Trung tâm Tư liệu thuộc Cục Đo đạc và Bản đồ Nhà nước.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Chương trình tiến bộ kỹ thuật trọng điểm Nhà nước giai đoạn 1986 - 1990 (tham gia).
Nghiên cứu các phương pháp xử lý số liệu vệ tinh trong xử lý và thống nhất mạng lưới quốc gia (tham gia - cấp Bộ).
Nghiên cứu phương pháp chính xác hoá số liệu về vị trí, kích thước và diện tích thửa đất phục vụ thành lập bản đồ địa chính và quản lý thông tin đất đai (tham gia - cấp Bộ).
Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý thông tin địa chính (chủ trì - cấp Bộ).
Sách đã xuất bản:
Giáo trình trắc địa phổ thông.
Giáo trình tin học ứng dụng.
Hướng dẫn thực tập trắc địa phổ thông.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các phương pháp xây dựng và xử lý số liệu trắc địa mới như đo GPS, phương pháp bình sai khử sai số thô, thiết kế tối ưu lưới trắc địa...



ĐINH THỊ PHƯƠNG HÒA

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 2-9-1954
Quê quán: Sơn Hoà - Hương Sơn - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 307 Nhà 222C - Ngõ 260 Đội Cấn - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Bác sĩ điều trị, nghiên cứu và giảng dạy tại Viện Nhi quốc gia.
Thành viên Hội Nhi khoa Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Nhi khoa

Đề tài luận án

Nghiên cứu các yếu tố nguy cơ đối với đẻ con thấp cân và tử vong chu sinh ở một số vùng miền Bắc Việt Nam.

Nội dung

Mục tiêu của đề tài nhằm xác định một số yếu tố ảnh hưởng đến đẻ thấp cân, phân tích nguyên nhân và các yếu tố liên quan đến tử vong chu sinh. Từ kết quả nghiên cứu đề xuất biện pháp can thiệp nhằm giảm tỷ lệ trẻ đẻ thấp cân và tử vong chu sinh, góp phần cải thiện sức khoẻ trẻ em trong thiên niên kỷ mới.
Kết quả cho thấy tỷ lệ đẻ con cân nặng thấp thay đổi từ 7,9 - 12,8% ở các vùng nghiên cứu. Các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng độc lập đến đẻ thấp cân là mẹ thiếu năng lượng trường diễn, đặc biệt là các bà mẹ nông dân, thiếu ăn trong thời gian mang thai, không được nghỉ trước đẻ. Các yếu tố ảnh hưởng phụ là các bà mẹ trẻ, văn hoá thấp, đẻ dày, không được chăm sóc trước đẻ, có bệnh, tăng cân ít trong thời gian mang thai.
Tỷ lệ tử vong chu sinh là 28%o trong đó 76% chết sơ sinh sớm và 24% thai chết lưu. Nguyên nhân tử vong chính ở nhóm sơ sinh sớm là trẻ có cân nặng thấp, ngạt, dị tật bẩm sinh. Các yếu tố nguy cơ đối với tử vong chu sinh tương tự như các yếu tố ảnh hưởng đến đẻ cân nặng thấp. Ngoài ra các bà mẹ có tiền sử đẻ con chết, các tai biến tại cuộc đẻ cũng là những yếu tố nguy cơ quan trọng.

Thành tựu khoa học

Bảo vệ thành công luận án Licentiate ở Thuy Điển
Một số bài đăng trên các tạp chí nước ngoài về sức khoẻ trẻ em Việt Nam.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sức khoẻ trẻ em, đặc biệt là trẻ em trong giai đoạn sơ sinh.
Thực hiện các biện pháp can thiệp để cải thiện sức khoẻ trẻ em.

Lời Tiến sĩ

Mong được xã hội quan tâm hơn nữa đối với trẻ em, những trẻ em nghèo hiện nay vẫn còn chịu nhiều thiệt thòi trong chăm sóc y tế.



HOÀNG NGỌC HÒA

Ngọc Anh, Hoàng Ngọc

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 8 - 5 - 1946
Quê quán: Thanh Lương - Thanh Chương - Nghệ An
Chỗ ở hiện nay: Tổ 43 - phường Nghĩa Tân - quận Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Nguyễn Ái Quốc V, giảng viên kinh tế chính trị Trường Nguyễn Ái Quốc V
Nghiên cứu sinh tại Học viện Nguyễn Ái Quốc, nay là Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Giảng viên, Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Uỷ viên Hội đồng khoa học Học viện;
Hội viên Hội Khoa học kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Học viện Nguyễn Ái Quốc, nay là Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Ngành Kinh tế.

Đề tài luận án

Tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế hàng hoá ở nước ta hiện nay.

Nội dung

Tín dụng ngân hàng là sản phẩm bậc cao của sản xuất, lưu thông hàng hoá, đồng thời là "đòn bẩy" thúc đẩy kinh tế hàng hoá phát triển.

Vai trò của tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế hàng hoá được phát huy thông qua việc thực thi chính sách tiền tệ - tín dụng. Do đó, trong điều kiện của Việt Nam cần có chính sách tiền tệ - tín dụng phù hợp và sớm hình thành, phát triển thị trường tiền tệ - tín dụng.
Phát triển và đổi mới tín dụng ngân hàng bằng các giải pháp:
Phát triển và hoàn thiện tín dụng thương mại cả về tính chất, nội dung và công nghệ.
Phải đa dạng hoá hình thức và đa phương hoá quan hệ tín dụng để tín dụng ngân hàng nước ta đủ sức "khơi trong, hút ngoài", đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế.
Chuyển sang hạch toán kinh doanh thực sự theo phương châm "vay để cho vay" và phát triển có hiệu quả các hoạt động dịch vụ.
Khẩn trương xây dựng và phát triển thị trường tiền tệ - tín dụng theo hướng hiện đại.
Xử lý lãi suất tín dụng hướng tới lãi suất thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu nhiều đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ:
Về công tác cán bộ của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (phó chủ nhiệm - cấp Bộ).
Phối hợp chính sách kinh tế vĩ mô nhằm đẩy mạnh CNH, HĐH (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ khoa học của Học viện (phó chủ nhiệm - cấp Bộ).
Hướng dẫn tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ.
Sách đã xuất bản:
Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VIII - Cơ sở lý luận và thực tiễn.
Sử dụng chính sách tiền tệ - tín dụng trong quản lý vĩ mô nền kinh tế.
Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh.
Những nhận thức kinh tế chính trị trong giai đoạn đổi mới ở Việt Nam.
Kinh tế chính trị học Mác-Lênin.
Phát triển công nghiệp nông thôn ở đồng bằng sông Cửu Long theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá (chủ biên), Nxb Chính trị Quốc gia.
Nhiều bài đăng trên các báo chuyên ngành, tạp chí.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.
Nghiên cứu việc sử dụng tổng hợp chính sách tài chính - tiền tệ thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.



NGUYỄN CHÍ HÒA

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 9 - 2 - 1955.
Quê quán: Nhật Tân - Tiên Lữ - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 98b Bách khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội; Cán bộ giảng dạy Đại học Tổng hợp Hà Nội; Chuyên gia tại Campuchia; Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Hà Nội; Thực tập sinh tại Đại học Tổng hợp Quốc gia Matxcơva (MGU); Chủ nhiệm khoa Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Học viện lý luận chính trị cao cấp tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Uỷ viên Ban chấp hành Trung ương Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Tại Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chuyên ngành Lý luận ngôn ngữ.

Đề tài luận án

Phát ngôn như là đơn vị giao tiếp trong tiếng Việt hiện đại.

Nội dung

Luận án đã đưa ra được bảng phân loại phát ngôn tiếng Việt - trình bày một cách sâu sắc các đặc trưng phát ngôn trong tiếng Việt theo bảng phân loại trên. Phân biệt rõ các loại ngữ cảnh. Làm sáng tỏ một loạt khái niệm quan trọng: Phát ngôn hỏi, phát ngôn trả lời, phát ngôn bối cảnh, phát ngôn ngữ cảnh riêng, phát ngôn có phần dư, phát ngôn đa vị tính, ý nghĩa khu biệt, ý nghĩa không khu biệt, ý nghĩa gián tiếp, v.v...
Làm rõ sự khác biệt ba hiện tượng: tỉnh lược; zero cú pháp; vị trí không được biểu đạt. Nêu được sự tác động của các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ đến cấu trúc và ngữ nghĩa của phát ngôn trong giao tiếp.

Thành tựu khoa học

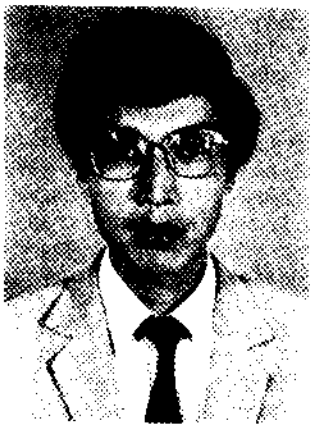
Một số đề tài nghiên cứu và giáo trình:
Cấu trúc đoạn hội thoại - trên ngữ liệu giao tiếp và văn bản hội thoại tiếng Việt hiện đại (cấp Đại học Quốc gia).
Nghiên cứu đối chiếu cấu trúc cú pháp và cấu trúc ngữ nghĩa câu tường thuật trong tiếng Việt và tiếng Anh, ứng dụng vào việc dạy tiếng cho người nước ngoài (cấp Đại học Quốc gia).
Giáo trình *Tiếng Việt thực hành* (viết chung)
Một số bài viết và báo cáo khoa học đã công bố:
Một số biến thể của câu có bổ ngữ là một mệnh đề và việc áp dụng chúng vào lĩnh vực dạy tiếng cho người nước ngoài; Một số đặc điểm của câu có bổ ngữ là một mệnh đề trong tiếng Việt và tiếng Anh; Phát ngôn ngữ cảnh; Nghiên cứu ngôn ngữ. Các phương thức liên kết trong các phát ngôn đa vị tính không từ nối (viết chung); Ý nghĩa khu biệt và ý nghĩa không khu biệt trong các phát ngôn đa vị ngữ tính không từ nối (viết chung); Trật tự các vế như là phương thức biểu thị mối quan hệ ngữ pháp và ngữ nghĩa trong phát ngôn đa vị tính không từ nối; Tìm hiểu phát ngôn hỏi và phát ngôn trả lời trong sự tương tác lẫn nhau giữa chúng trong bình diện văn hoá giao tiếp; Từ vai trò của ngữ cảnh đến bài tập ngữ cảnh trong quá trình giảng dạy cho sinh viên nước ngoài; Thử tìm hiểu phát ngôn từ, từ sự tác động của các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp; Vài suy nghĩ xung quanh vấn đề ranh giới giữa câu đơn và câu ghép; Một vài suy nghĩ xung quanh khái niệm "tỉnh lược"; Một vài suy nghĩ xung quanh nội dung ngôn ngữ học giảng dạy cho sinh viên trình độ trung cấp; Một vài nhận xét bước đầu về cấu trúc đoạn thoại tiếng Việt hiện đại; Từ cấu trúc tầng bậc trong phiên thoại đến vai trò cấu trúc thông tin trong chuyển dịch.
Bước đầu khảo sát phép lặp trong hội thoại; Bước đầu so sánh thành phần chủ ngữ trong tiếng Việt và tiếng Anh; Một số đặc điểm của phát ngôn đơn có phần dư; Phát ngôn đa vị tính và quan hệ gián tiếp trong giao tiếp khẩu ngữ; Một vài đặc điểm của phát ngôn có phần dư được hình thành bằng phương thức lặp; Về khái niệm ngữ pháp hoá và câu ghép không liên từ; Cấu trúc của phiên thoại; Giảng dạy và học tập từ tiếng Việt như một đơn vị của ngôn ngữ thứ hai qua bảng ngữ nghĩa chức năng; Đôi điều về nghĩa điều kiện trong câu ghép tiếng Việt; Một vài suy nghĩ về ý nghĩa thời gian trong câu ghép tiếng Việt; Ý nghĩa so sánh đối chiếu tĩnh và một số biến thể cơ bản phản ánh chúng trong câu ghép tiếng Việt.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ngôn ngữ học.

Lời Tiến sĩ

Khoa học đối với tôi cần thiết như cuộc sống.



NGUYỄN ĐỨC HÒA

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 20-10-1959.
Quê quán: Thành phố Vinh - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Đại học Đà Lạt.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Vinh.
Cán bộ giảng dạy Đại học Đà Lạt.
Thực tập sinh khoa học tại Đại học Tổng hợp Quốc gia Tbilisi - Grudia Liên Xô cũ.
Tốt nghiệp cao học Vật lý khoá I, Đại học Đà Lạt.
Nghiên cứu sinh khoa Vật lý, trường Đại học Tổng hợp quốc gia Xanh-Pêtecpua, Liên bang Nga.
Tổ trưởng bộ môn Điện tử, Đại học Đà Lạt.
Hiện là giảng viên chính khoa Vật lý Đại học Đà Lạt.
Thành viên Hội Vật lý Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000
Tại Trường Đại học tổng hợp quốc gia Xanh-Pêtecpua, Liên bang Nga.
Ngành Toán - Vật lý
Chuyên ngành Vật lý hạt nhân.

Đề tài luận án

Nghiên cứu cộng hưởng proton với năng lượng cỡ 5MeV trên các hạt nhân ^{24}Mg và ^{28}Si.

Nội dung

Nghiên cứu các đặc trưng cộng hưởng proton với năng lượng cỡ 5MeV trên các đối tượng nghiên cứu là tiết diện vi phân tán xạ đàn hồi và không đàn hồi của proton trên các hạt nhân ^{24}Mg và ^{28}Si cùng với các xác suất định xứ các trạng thái tử con của mức kích thích 2_1^+. Đo phổ tán xạ proton và các số ghi pγ - trùng phùng với việc sử dụng hai γ-detector phân bố dọc theo trục lượng tử Z vuông góc với mặt phẳng phản ứng để đạt được mục đích đó. Phương pháp phân tích được sử dụng bằng phương pháp liên kết kênh (MSK) và MSK + cộng hưởng.
Kết quả: Lần đầu tiên đo được xác suất định xứ các trạng thái tử con của mức kích thích 2_1^+ của hạt nhân ^{24}Mg khi năng lượng Ep = 5.04 - 5.11MeV. Xác định được các tham số quang học để minh hoạ tác dụng trực tiếp của các proton lên các hạt nhân ^{24}Mg và ^{28}Si khi Ep cỡ 5MeV, cũng như xác định được các tham số cộng hưởng.

Thành tựu khoa học

Một số báo cáo khoa học (đồng tác giả) đã công bố ở trong và ngoài nước:
Phát triển các khối điện tử chức năng chất lượng cao.
Khuếch phổ kế với hình thành thành xung chuẩn tam giác và tích phân cổng.
Chế tạo các khối điện tử chức năng chất lượng cao.
Phân bố góc và năng lượng của ten-xơ thống kê với mức 2_1^+ bị kích thích trong tán xạ không đàn hồi proton với năng lượng 5.04 - 5.11MeV trên hạt nhân ^{24}Mg (Nga).
Nghiên cứu cộng hưởng trong phản ứng $^{28}Si(p, p')^{28}Si(2_1^+)$ khi năng lượng proton trong vùng 5.30 - 5.70MeV.
Các trạng thái cộng hưởng của ^{29}P trong miền $E^* = 7.85 - 8.35MeV$.
Phân bố góc và năng lượng của ten-xơ thống kê với mức 2_1^+ bị kích thích trong tán xạ không đàn hồi proton với năng lượng 5.04 - 5.11MeV trên hạt nhân ^{24}Mg.
Khuếch phổ kế với hình thành xung chuẩn Gauss. Chế tạo các khối điện tử chức năng chất lượng cao.
Một số bài nghiên cứu đã công bố:
Nghiên cứu chế tạo khuếch đại phổ kế SA-694.
Năng lượng mặt trời và tiềm năng của nó ở Lâm Đồng.
Thiết kế lắp ráp thiết bị WL-01 cho nhà máy nước.
Một vài ý kiến về kiểu dạy lấy học sinh làm trung tâm.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tán xạ cộng hưởng proton năng lượng thấp.
Nghiên cứu tán xạ cộng hưởng neutron.



NGUYỄN THÁI HÒA

Nguyễn Thanh Thanh, Nguyễn Hoa

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 15-3-1935.
Quê quán: Kim Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: B12 khu tập thể Đồng Xa - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Ngữ văn Đại học Sư phạm Hà Nội.
Giáo viên Trường Phổ thông trung học Phan Đình Phùng (Hà Tĩnh)
Giáo viên Trường Trung cấp Sư phạm Hà Tĩnh.
Giáo viên Trường Cao đẳng Sư phạm Thanh Hoá.
Giảng viên khoa Ngữ văn Đại học Sư phạm Vinh.
Nghiên cứu sinh Đại học Sư phạm Hà Nội 1.
Chuyên gia Việt ngữ tại Đại học Phnôm Pênh (Campuchia).
Hiện là giảng viên khoa Ngữ văn Đại học Sư phạm Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983
Tại Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Ngôn ngữ học.

Đề tài luận án

Miêu tả và phân loại các khuôn hình tục ngữ Việt Nam

Nội dung

Quan niệm về tục ngữ trong ngôn ngữ học.
Tổng lược các quan niệm trong và ngoài nước về tục ngữ, nêu phương hướng và phương pháp miêu tả tục ngữ Việt Nam.
Tính chất của tục ngữ: một loại phát ngôn đặc biệt.
Phân biệt 2 khái niệm "câu" và "phát ngôn", xác định tục ngữ là loại phát ngôn đặc biệt, "làm sẵn" (J.Lyon).
Luận án đưa ra phương pháp phân tích tục ngữ bằng cơ cấu ngữ nghĩa - cú pháp (Đề - Thuyết) và dựng mô hình tổng quát của tục ngữ Việt Nam.
Phân loại các khuôn hình cơ bản.
Phân loại những tục ngữ đơn theo các kiểu:
Tục ngữ có quan hệ hạn định (miêu tả) 3 khuôn hình
Tục ngữ có quan hệ so sánh: 5 khuôn hình
Tục ngữ có quan hệ phối thuộc: 6 khuôn hình
Những câu tục ngữ phức hợp
Khảo sát những câu tục ngữ có từ 2 quan hệ Đề - Thuyết trở lên, tức là gồm nhiều câu tục ngữ có khuôn hình cơ bản.
Sự sáng tạo tục ngữ trên cơ sở các khuôn hình và giảng dạy tục ngữ ở trường phổ thông.
Giải quyết vấn đề sáng tạo tục ngữ trong lời nói giao tiếp hàng ngày: tục ngữ Việt Nam thường xuyên được sáng tạo theo 14 khuôn hình đã miêu tả, thường xuyên sản sinh và dự báo những gì chưa có. Vì vậy, việc giảng dạy sẽ hướng vào các khuôn hình có sức sinh sản tục ngữ.

Thành tựu khoa học

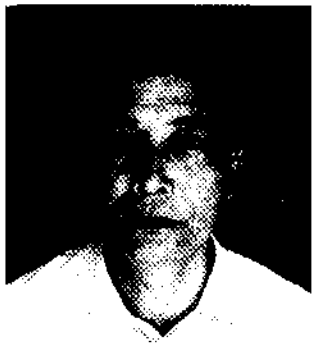
Sách đã xuất bản
Tục ngữ Việt Nam - cấu trúc và thi pháp - Nxb. Khoa học xã hội.
Dẫn luận phong cách học - Nxb. Giáo dục.
Những vấn đề thi pháp của Truyện - Nxb. Giáo dục.
Từ điển tu từ, phong cách và thi pháp - Nxb. Giáo dục (đang in).
Đồng tác giả:
Phong cách học tiếng Việt - Nxb Giáo dục.
Phong cách học tiếng Việt.
Thực hành phong cách học tiếng Việt.
Tiểu luận đã in trong các sách:
Nghĩ tiếp về Nam Cao - Nxb. Văn học.
Những nhà giáo những trang văn - Nxb. Giáo dục.
Danh nhân Phan Kính - Nxb. Khoa học xã hội.
Làng cổ Hà Tĩnh - Nxb. Văn hoá Thông tin.
Đi tìm Nguyễn Huy Thiệp - Nxb. Văn hóa thông tin.
Một số báo cáo khoa học in trong kỷ yếu khoa học và khoảng 20 bài trên các báo, tạp chí.

Dự định khoa học

Sẽ công bố một số công trình về phong cách học và tiếng Việt.

Lời Tiến sĩ

Người làm khoa học cũng giống như nhà thể thao leo núi cứ dần dần từng bước để chiếm lĩnh tri thức nhân loại. Cuộc vật lộn "độc hành kỳ đạo" từng bước cam go và không phải không nguy hiểm. Không ít người gục ngã hoặc nửa chừng bỏ cuộc, rẽ sang lối khác. Vì vậy, số có chức danh thì nhiều nhưng những người thực sự làm khoa học thì hiện nay chưa nhiều lắm.



TRẦN THÁI HÒA

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 6-1-1953.
Quê quán: Hoà Lâm - Ứng Hoà - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Phường Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Kỹ sư Trạm Bảo vệ vật vùng Tây Bắc.
Trạm Bảo vệ thực vật Yên Bái.
Công tác tại Cục Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Tổng hợp Nông nghiệp CuBan, Liên bang Nga.
Hiện là chuyên viên của Cục Bảo vệ thực vật.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Nông nghiệp CuBan, Liên bang Nga.
Chuyên ngành Bệnh cây - Bảo vệ thực vật - Nông nghiệp.

Đề tài luận án

Đặc điểm sinh vật học của nấm Peronospora hại trên cây dưa chuột, tính chống chịu bệnh và phương pháp huỳnh quang xác định nó.

Nội dung

Bệnh mốc sương giả (Pseudoperonospora cubensis R.) gây hại ở cả trên đồng ruộng lẫn trong nhà kính ở các nước châu Âu nói chung và ở Nga nói riêng. Một vấn đề cần làm sáng tỏ là bào tử nấm được hình thành từ tàn dư cây dưa chuột có khả năng nảy mầm tại chỗ hay được phát tán từ những nước có điều kiện nhiệt độ cao hơn (vùng Địa Trung Hải).
Bằng các thí nghiệm và các hình ảnh chụp được, tác giả đã chứng minh trong điều kiện qua đông trên tàn dư cây dưa chuột (trong điều kiện của vùng Kratsnodar) bào tử của nấm gây bệnh P.cubensis có thể nảy mầm và gây hại tại chỗ. Kết luận này giúp cho việc xây dựng các biện pháp phòng trừ hữu hiệu.
Trong công tác phòng trừ bệnh mốc sương giả (P.cubensis) thì việc gieo trồng các giống chống bệnh đem lại những hiệu quả to lớn. Các khảo nghiệm về giống chống bệnh trong thời gian 1991 - 1993 đã xác định được một số giống có nguồn gốc từ vùng Viễn Đông (CHLB Nga), vùng Đông Bắc (Trung Quốc), Nhật Bản... là những giống có năng suất cao và chống chịu bệnh tốt.
Sử dụng phương pháp huỳnh quang giúp ta trong một thời gian ngắn có thể bước đầu xác định được tính chống chịu của một tập đoàn giống cần khảo nghiệm.

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài cấp Nhà nước:
Phòng chống bệnh vàng lá lúa ở các tỉnh miền núi phía Bắc.
Tham gia phòng trừ dịch bọ xít hôi hại lúa ở Thanh Hoá.
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Công tác Bảo vệ thực vật ở hợp tác xã nông nghiệp. Những sâu bệnh hại chính trong nông nghiệp - Nxb. Nông nghiệp.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chuyên ngành.



TRÌNH MẠNH HÒA

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 19 - 7 - 1955.
Quê quán: Tam Thanh - Tam Kỳ - Quảng Nam.
Chỗ ở hiện nay: 104 Tập thể C5A - Nam Thành Công - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Hàng không dân dụng Kiep Ucraina (Kỹ sư điện - Chuyên ngành thiết bị máy bay).
Cán bộ Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam;
Phó quản đốc Phân xưởng điện, đồng hồ máy bay Xí nghiệp sửa chữa máy bay A76 - Tổng cục Hàng không dân dụng.
Nghiên cứu sinh tại Học viện Kỹ thuật Không quân Giucốpxki, Mátxcơva, Liên bang Nga.
Phó phòng Kế hoạch Tổng Công ty Hàng không Việt Nam;
Chuyên viên Phòng Kỹ thuật xăng dầu Tổng Công ty Hàng không Việt Nam;
Chuyên viên Ban Kỹ thuật công nghệ Cục Hàng không dân dụng Việt Nam;
Phó Trưởng ban Khoa học công nghệ Cục Hàng không dân dụng Việt Nam;
Thành viên Hội hữu nghị Việt Nga, Hội hữu nghị Việt Nam - Ucraina.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987
Tại Học viện Kỹ thuật không quân Giucốpxki, Mátxcơva, Liên bang Nga.
Ngành Thiết bị hàng không.
Chuyên ngành Trang bị và kỹ thuật quân sự của quân chủng không quân.

Đề tài luận án

Điều khiển thích nghi trong bài toán nâng cao độ tin cậy hệ thống điều khiển bay tích hợp.

Nội dung

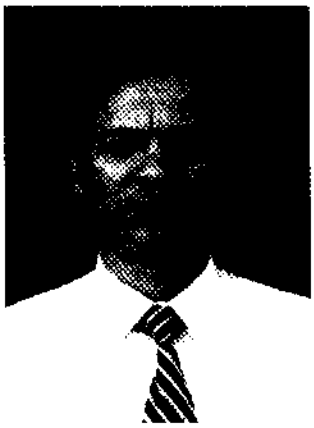
Giải bài toán nâng cao độ tin cậy hệ thống điều khiển bay tích hợp qua việc khảo sát mô hình toán hệ thống điều khiển bay tích hợp, sử dụng các thuật tối ưu và thích nghi, trên máy tính điện tử.
Xây dựng mô hình toán mô tả chuyển động của máy bay vận tải quân sự.
Xây dựng phương pháp xác định độ tin cậy của hệ thống trên cơ sở giới hạn thời gian đạt được các ngưỡng của sự thay đổi chuyển động máy bay khi có tác động bên ngoài.
Xây dựng chương trình máy tính để khảo sát chuyển động của hệ thống điều khiển bay.
Khẳng định tính ưu việt của mô hình điều khiển thích nghi, tối ưu trong đối với một số tác động điển hình bên ngoài và chưa ưu việt đối với một số tác động điển hình khác.

Thành tựu khoa học

Tham gia chỉ đạo sửa chữa máy bay và xây dựng hệ thống sửa chữa bảo dưỡng máy bay trên cơ sở công nghệ tiên tiến.
Chủ trì 3 đề tài cấp Bộ, ngành.
Tham gia nhiều đề tài cấp Bộ, ngành;
Tham gia nhiều hội đồng thẩm định nghiệm thu đề tài khoa học cấp Nhà nước;
Chủ trì nhiều hội đồng thẩm định thuyết minh đề cương, nghiệm thu đề tài cấp Bộ, ngành;
Uỷ viên thư ký Hội đồng khoa học hàng không dân dụng;
Huân chương chiến sĩ vẻ vang.
Huy chương Vì sự nghiệp hàng không.

Dự định khoa học

Tham gia hoàn thiện hoạt động khoa học công nghệ hàng không dân dụng theo hướng hiện đại hóa.
Tham gia một số đề tài khoa học chuyên ngành.



BÙI VĂN HOAN

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 5 - 12 - 1956.
Quê quán: Thanh Ninh - Phú Bình - Thái Nguyên.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 7B - Phường Tân Thịnh - Thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Y Bắc Thái.
Nghiên cứu sinh Viện vi sinh - vệ sinh dịch tễ Gamalei - Viện Hàn lâm Y học Liên Xô cũ.
Hiện là Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Thái Nguyên.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Viện vi sinh - vệ sinh dịch tễ Gamalei - Viện Hàn lâm y học Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Vi sinh vật.

Đề tài luận án

Nghiên cứu sự thay đổi khả năng sống và siêu cấu trúc của vi sinh vật sau khi tác động kết hợp của nước oxy già với hàng loạt các yếu tố vật lý.

Nội dung

Bằng các phương pháp nghiên cứu hiện đại: Kính hiển vi điện tử, xác định số lượng vi sinh vật (vi khuẩn, vi rút)...

Đã chứng minh được với việc sử dụng nồng độ nước oxy già (H_2O_2) ở nồng độ 0,1 - 0,3% không có ý nghĩa đối với khử khuẩn, nhưng khi kết hợp với tia phóng xạ gamma, siêu âm, nhiệt độ (40-45°C) đã làm tăng đáng kể quá trình khử khuẩn được chứng minh bằng sự thay đổi siêu cấu trúc, giảm số lượng vi sinh vật và hệ số tương quan tác động CO > 1 (ômêga).
Đưa ra những bằng chứng của sự tác động tia gamma làm thay đổi hình thể, cấu trúc di truyền của Retro virút (trong đó có virút HIV); đồng thời tìm ra được liều lượng 10 K4 (Kilogrêi) có tác dụng hiệu quả khử khuẩn hoàn toàn Retro virút.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài khoa học về y học, giải quyết những vấn đề về y tế của địa phương:
Nghiên cứu dịch tễ học HIV/AIDS tại tỉnh Thái Nguyên từ đầu vụ dịch (1985) đến nay;
Nghiên cứu tình hình ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khoẻ người lao động tại Nhà máy xi măng La Hiên...



NGUYỄN DUY HOAN

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 18 - 7 - 1961.
Quê quán: Bảo lý - Phú Bình - Thái Nguyên.
Chỗ ở hiện nay: 875 Dương Tự Minh - Thành phố Thái Nguyên.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Nông - Lâm Thái Nguyên.
Nghiên cứu sinh tại Liên bang Nga.
Phó Trưởng phòng Đào tạo Trường Đại học Nông - Lâm Thái Nguyên.
Hiện là Trưởng khoa Sau đại học Trường Đại học Nông - Lâm Thái Nguyên.
Hội viên Hội Chăn nuôi Việt Nam.
Hội viên Hội Gia cầm thế giới.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994
Tại Học viện Thú y Mátxcơva - Liên bang Nga
Ngành Sinh học

Đề tài luận án

Nghiên cứu ảnh hưởng của các mức năng lượng khác nhau trong khẩu phần nghèo protein đến khả năng sản xuất và các chỉ tiêu trao đổi lipit ở gà mái đẻ.

Nội dung

Khẩu phần nghèo protein làm giảm giá thành thức ăn và giảm giá thành sản phẩm. Đề tài giải quyết vấn đề: Sử dụng mức năng lượng bao nhiêu là tối ưu trong khẩu phần nghèo protein làm cho gà đẻ bình thường, chất lượng trứng không thua kém khẩu phần có mức protein thông thường.
Với các mức năng lượng thay đổi thì quá trình trao đổi lipit trong cơ thể gà mái đẻ thay đổi ra sao?
Kết quả của đề tài đã góp phần vào việc hoàn thiện quy trình nuôi dưỡng gà mái đẻ bằng khẩu phần nghèo protein như hiệu quả sản xuất vẫn đảm bảo cao hơn so với quy trình thông thường.

Thành tựu khoa học

Chủ trì đề tài cấp Bộ:
Chuyển dịch cơ cấu vật nuôi.
Tham gia viết một số giáo trình đại học, cao học.
Hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ.
Nhiều bài đăng trên các báo, tạp chí chuyên ngành.

Dự định khoa học

Tham gia đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.
Nghiên cứu, chuyển giao, công nghệ giải quyết những vấn đề bức xúc của nông thôn và miền núi.



THIỀU VĂN HOAN

Tiến sĩ Kiến trúc

Sinh ngày: 6 - 6 - 1946.
Quê quán: Văn Lý - Lý Nhân - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 34 ngõ Đại An - Nguyễn Trãi - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Kiến trúc Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy khoa Kiến trúc Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Cộng hoà Liên bang Nga.
Hiện là Phó Chủ nhiệm khoa đào tạo trên đại học, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
Hội viên Hội Kiến trúc sư Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Tại Đại học Kiến trúc Xverđrôpxcơ Liên bang Nga.
Ngành Kiến trúc

Đề tài luận án

Tổ chức không gian kiến trúc khu sản xuất trong tổng thể công nghiệp - dân cư thành phố Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu kinh nghiệm của các nước về tổ chức khu sản xuất trong tổng thể công nghiệp dân cư thành phố và khả năng áp dụng trong điều kiện Việt Nam.
Các điều kiện hình thành và bố trí khu sản xuất trong thành phố Việt Nam và các yêu cầu cơ bản.
Làm rõ các đặc tính công nghệ và quy luật hình thành, tổ chức quy hoạch kiến trúc khu sản xuất trong tổng thể công nghiệp dân cư thành phố.
Đề xuất các định hướng cơ bản cho việc tổ chức quy hoạch kiến trúc và hình khối không gian khu sản xuất trong tổng thể công nghiệp dân cư thành phố và cải tạo các khu sản xuất trong điều kiện Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Quy hoạch kiến trúc các xí nghiệp công nghiệp thành phố trong điều kiện tiến bộ khoa học kỹ thuật.
Bàn về giải pháp quy hoạch khu chế xuất trong điều kiện Việt Nam.
Tổ chức quy hoạch kiến trúc các xí nghiệp và khu công nghiệp phục vụ xuất khẩu.
Cải tiến nội dung chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kiến trúc, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2000 - 2005 (chủ nhiệm đề tài cấp Bộ).

Dự định khoa học

Nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam và kinh nghiệm của các nước trong quy hoạch - kiến trúc các xí nghiệp và khu công nghiệp thành phố; tổ chức tốt mối quan hệ giữa nơi ở và nơi làm việc cho người lao động một cách tối ưu trong xây dựng và phát triển đô thị ở Việt Nam.
Hướng dẫn, đào tạo cao học và nghiên cứu sinh.
Biên soạn tài liệu về quy hoạch khu công nghiệp ở Việt Nam.



TRẦN CÔNG HOAN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 7 - 8 - 1935.
Quê quán: Yên Dương - Ý Yên - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 110 Ngõ Quỳnh - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Lâm nghiệp Mátxcơva.
Cán bộ giảng dạy khoa cơ khí Đại học Nông lâm Hà Nội.
Trưởng bộ môn Cơ khí lâm nghiệp.
Trưởng bộ môn Ô tô máy kéo - Đại học Nông lâm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh ở Liên Xô.
Trưởng phòng, Chủ nhiệm khoa Công nghiệp rừng, Trường Đại học Nông Lâm nghiệp Đông Triều, Quảng Ninh.
Hiệu phó Trường Đại học Lâm nghiệp.
Học quản lý kinh tế tại Liên Xô.
Vụ phó Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Lâm nghiệp.
Được phong Giáo sư năm 1984.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1968
Tại Học viện Lâm nghiệp Lêningrát Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Ôtô máy kéo lâm nghiệp.

Đề tài luận án

Xác định cơ sở lý thuyết và thực nghiệm cho việc phát triển cơ giới hoá lâm nghiệp của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà với hệ thống bánh bơm.

Nội dung

Sử dụng máy kéo bánh bơm để vận xuất, vận chuyển gỗ, nhằm xác định khả năng làm việc của máy kéo bánh bơm. Xác định các thông số cơ bản cho việc thiết kế chế tạo một loại máy kéo bánh bơm, thích hợp với điều kiện lâm nghiệp nước ta, xác lập một quy trình sản xuất hoàn toàn mới, cho phép giảm tới mức tối đa các khâu trung gian. Giảm chi phí trong xây dựng cơ bản (bãi gỗ, đường vận chuyển) trong sử dụng và đầu tư vốn, đơn giản hoá công việc quản lý trong lâm trường. Chỉ sử dụng một loại máy kéo bánh bơm nào đó thay cho ôtô. Do đó việc đào tạo công nhân tập trung hơn, các nhà máy chế tạo phụ tùng máy kéo sẽ sản xuất các mặt hàng ổn định và với quy mô lớn tạo điều kiện hạ giá thành sản phẩm.

Thành tựu khoa học

Biên soạn các giáo trình:
Sức bền vật liệu.
Cầu cống lâm nghiệp.
Ô tô máy kéo nông, lâm nghiệp.
Mục tiêu đào tạo chuyên ngành cơ giới hoá lâm nghiệp.
Xây dựng cơ sở thực hành của bộ môn ôtô máy kéo lâm nghiệp.
Chủ nhiệm đề tài:
Cơ giới đồng bộ khai thác gỗ.
Sách đã xuất bản:
Lý thuyết ô tô máy kéo lâm nghiệp.



NGUYỄN THẾ HOÀN

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 2 - 12 - 1941.
Quê quán: Cát Văn - Thanh Chương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 8B Vạn Phúc Hương - Cống Vị - Hà Nội.

Quá trình công tác

Chủ nhiệm bộ môn Giải tích Khoa Toán - Cơ - Tin học, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1975.
Tại Đại học Tổng hợp Ba cu, Liên Xô cũ.
Ngành Toán học.

Đề tài luận án

Dáng điệu tiệm cận của nghiệm phương trình vi phân với hệ số toán tử.

Nội dung

Nghiên cứu dáng điệu của nghiệm tại vô cực đối với phương trình vi phân trong không gian Banach, ứng dụng vào việc xét sự tương đương tiệm cận.

Thành tựu khoa học

Đã công bố một số công trình khoa học.
Đã viết 3 cuốn sách về phương trình vi phân.

Chủ trì đề tài:
Lý thuyết định tính phương trình vi phân.

Dự định khoa học

Nghiên cứu dáng điệu của phương trình vi phân qua phổ của các toán tử tương ứng.
Tham gia đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.



ĐINH HUY HOÀNG

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 2 - 10 - 1956.
Quê quán: Liên Sơn - Đô Lương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Khối 12 - phường Hà Huy Tập - thành phố Vinh - Nghệ An.

Quá trình công tác

Giảng dạy tại khoa Toán Trường Đại học Vinh.
Tổ trưởng tổ Giải tích; Chủ nhiệm chuyên ngành Giải tích đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ.
Thành viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998.
Tại Trường Đại học Sư phạm Vinh.
Chuyên ngành Toán Giải tích

Đề tài luận án

Toàn ánh chỉnh hình riêng và các bất biến Tôpô tuyến tính.

Nội dung

Luận án nghiên cứu mối quan hệ giữa toàn ánh chỉnh hình riêng và các bất biến Tôpô tuyến tính của D.Vogt. Các kết quả:
Chứng minh tính chất (Hub) thừa kế qua tích Descartes và tích tensor trong lớp các không gian Frechet-Schwartz.
Các tính chất (DN), (Ω) (Ω), (Hub) trên các không gian các hàm chỉnh hình trên các không gian Stein là bất biến qua các toàn ánh chỉnh hình riêng hữu hạn giữa các không gian Stein.
Thiết lập các điều kiện cần và đủ để không gian các hàm chỉnh hình trên không gian Stein bất khả quy địa phương có tính chất (DN) và không gian lồi địa phương có tính chất LB^{∞}).
Đưa ra các điều kiện cho sự tồn tại các ngược phải tuyến tính liên tục của các ánh xạ hạn chế trên các không gian các hàm chỉnh hình.

Thành tựu khoa học

Đã công bố một số bài trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước.
Sách đã xuất bản:
Toán cao cấp tập 3, Giải tích - Hàm nhiều biến.
Bài tập toán cao cấp tập 3, Giải tích - Hàm nhiều biến. (đồng tác giả) Nxb Giáo dục.

Dự định khoa học

Mở rộng các kết quả của luận án cho các trường hợp tổng quát hơn.
Nghiên cứu các ứng dụng của các kết quả của luận án trong giải tích phức vô hạn chiều.



ĐOÀN DUY HOÀNG

Tiến sĩ Quân sự

Sinh ngày: 10 - 5 - 1957.
Quê quán: Việt Thuận - Vũ Thư - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Việt Thuận - Vũ Thư - Thái Bình.

Quá trình công tác

Đào tạo phi công chiến đấu - Trường Sĩ quan Không quân.
Đào tạo sỹ quan chính trị - Trường Sĩ quan Không quân.
Giảng viên triết học - Trường Sĩ quan Không quân.
Đào tạo tại Học viện Chính trị Quân sự.
Giảng viên Học viện Không quân.
Nghiên cứu sinh triết học - Học viện Chính trị quân sự.
Hiện là giảng viên triết học - Học viện Phòng không - Không quân.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Học viện Chính trị - Quân sự.
Ngành Triết học
Chuyên ngành Những vấn đề triết học trong lĩnh vực quân sự.

Đề tài luận án

Vai trò chính sách xã hội đối với quân đội và hậu phương quân đội, trong nâng cao tính tích cực của con người, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc hiện nay.

Nội dung

Làm sáng tỏ bản chất, vai trò, vị trí, thực trạng và những yêu cầu mới của chính sách xã hội đối với quân đội và hậu phương quân đội, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò của chính sách xã hội đối với quân đội và hậu phương quân đội, tích cực hoá nhân tố con người, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện nay của quân đội ta.
Luận án tập trung phân tích những mâu thuẫn, những nguyên nhân khách quan, chủ quan của quá trình ban hành và tổ chức thực hiện chính sách. Khi nền kinh tế đất nước đã chuyển đổi cơ chế, yêu cầu, nội dung, nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc đặt ra những vấn đề mới, thì việc hoàn thiện hệ thống chính sách xã hội đối với quân đội và hậu phương quân đội mang tính cấp thiết.
Đề xuất một số phương hướng và giải pháp cơ bản Nâng cao cơ sở khoa học và thực tiễn trong hoạch định chính sách xã hội đối với quân đội và hậu phương quân đội.
Hoàn thiện cơ chế, thực hiện có hiệu quả chính sách, làm cho chính sách đi vào đời sống hiện thực của quân đội và hậu phương quân đội.
Tổng kết, kiểm tra rút kinh nghiệm, bổ sung, phát triển và hoàn thiện chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội.

Thành tựu khoa học

Một số bài viết đã đăng trên các tạp chí:
Chính sách xã hội đối với việc phát huy tính tích cực của con người trong lĩnh vực củng cố quốc phòng, xây dựng quân đội.
Động lực mới của một chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội.
Chính sách xã hội đối với quân đội và hậu phương quân đội trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh (Nxb Quân đội nhân dân).
Đề tài khoa học: Một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng dạy và học các môn khoa học xã hội và nhân văn cho đào tạo sĩ quan quân đội ở Học viện Không quân.
Đội điều đánh giá kết quả môn lịch sử triết học đối với các lớp cao học.
Để góp phần có một bài giảng tốt đối với các môn khoa học xã hội và nhân văn.
Kết hợp chặt chẽ giữa học có giáo viên hướng dẫn với tự học của học viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo.

Dự định khoa học

Nghiên cứu những chính sách xã hội. Đặc biệt là chính sách xã hội đối với quân đội và hậu phương quân đội trong tình hình mới.

Lời Tiến sĩ

Không dừng lại trước cánh cửa mở rộng của khoa học hiện đại, phục vụ và cống hiến nhiều hơn nữa để đất nước ta giàu mạnh và văn minh.



NGUYỄN ANH HOÀNG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 18 - 01 - 1947
Quê quán: Tiến Thịnh - Mê Linh - Vĩnh Phúc.
Chỗ ở hiện nay: Số 44 - đường 6 - Nam Thành Công - Quận Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế - Kế hoạch Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Kinh tế - Kế hoạch.
Trợ lý, phòng Quản lý xí nghiệp, Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng.
Nghiên cứu sinh, Đại học Kinh tế - Kế hoạch Hà Nội. Đại học Tổng hợp Delhi, Ấn Độ.
Phó trưởng phòng Nghiên cứu khoa học Tài chính; Phó trưởng phòng Xí nghiệp Xây dựng cơ bản - Kinh tế, Cục Tài chính, Bộ Quốc phòng.
Trưởng phòng Quản lý tài chính doanh nghiệp, Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng.
Học chỉ huy tham mưu cao cấp - Binh chủng hợp thành, Học viện Quốc phòng.
Chi cục trưởng Chi Cục quản lý vốn và tài sản doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng (Cục Tài chính).
Hiện là Phó Cục trưởng Cục Kinh tế - Bộ Quốc phòng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại trường Đại học Kinh tế - Kế hoạch Hà Nội.
Ngành, chuyên ngành Kinh tế, tổ chức và kế hoạch hoá kinh tế quốc dân.

Đề tài luận án

Về phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế của hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp công nghiệp.

Nội dung

Đánh giá hiệu quả kinh tế của hoạt động sản kinh doanh của xí nghiệp (từ sự phân tích các quan niệm truyền thống để nhấn mạnh sự cần thiết phải phân tích hiệu quả trong trạng thái "động", xem xét hệ số co giãn giữa kết quả và chi phí, xem xét hiệu quả trong "chuỗi" thời gian và loại trừ ảnh hưởng của chỉ số giá cả khi xem xét chỉ tiêu hiệu quả về mặt giá trị, đặc biệt nghiên cứu *chỉ tiêu hiệu quả kinh tế tổng hợp).*
Xác định hệ thống chỉ tiêu hiệu quả (chỉ tiêu hiệu quả sử dụng từng yếu tố sản xuất; chỉ tiêu hiệu quả kinh tế tổng hợp; chỉ tiêu hệ số sử dụng năng lực sản xuất).
Khi nghiên cứu về chỉ tiêu hệ số sử dụng năng lực sản xuất, luận án đã nêu ra khái niệm mới và 4 phương pháp khác nhau với 4 công thức tính toán khác nhau, đặc biệt phương pháp xác định dựa vào ước lượng hàm số sản xuất, với việc lôgarit hoá phương trình hàm số Cobb-Douglas đã nêu.
Ứng dụng phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế vào một xí nghiệp, sử dụng số liệu liên tục trong 25 năm, đồng thời đưa ra một số vấn đề cần giải quyết nhằm vận dụng có hiệu quả phương pháp đề xuất này.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Đoàn thanh niên tham gia công tác quản lý xí nghiệp công nghiệp.
Tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý xí nghiệp quy mô vừa và nhỏ.
Quản lý xí nghiệp công nghiệp.
Nhiều bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.
Nhiều công trình nghiên cứu ứng dụng trong quân đội.
Hướng dẫn nhiều luận văn thạc sĩ và tham gia hội đồng chấm luận án tiến sĩ.
Sách đã xuất bản:
Những điều bộ đội cần biết về kinh tế và quản lý kinh tế. Nxb Quân đội nhân dân (đồng tác giả).
Một số vấn đề bộ đội cần biết về kinh tế nông nghiệp. Nxb Quân đội nhân dân.
Tăng trưởng kinh tế Châu Á - Viện Châu Á - Thái Bình Dương (đồng dịch giả).
Huân chương Chiến sĩ vẻ vang: hạng nhất, nhì, ba.
Huy chương chống Mỹ hạng nhì.



TRẦN BÁ HOÀNH

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 14 - 12 - 1931.
Quê quán: Diễn Mỹ - Diễn Châu - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 101 - B10 - Đồng Xa - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội; Cán bộ giảng dạy Đại học Sư phạm Hà Nội; Phó trưởng ban nghiên cứu cải cách sư phạm - Bộ Giáo dục; Giám đốc Trung tâm nghiên cứu đào tạo bồi dưỡng giáo viên - Viện Khoa học giáo dục; Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khoá 3, 4; Cố vấn Hội đồng khoa học Viện khoa học giáo dục; Uỷ viên Hội đồng quốc gia giáo dục, Hội đồng học hàm trung ương, liên ngành Tâm lý - Giáo dục - phương pháp dạy học; Phó chủ tịch Hội đồng bộ môn Sinh học - Bộ Giáo dục và đào tạo; Chủ tịch Hội đồng biên soạn giáo trình tài liệu cao đẳng sư phạm - ngành Sinh học; Uỷ viên ban chấp hành Hội PBKH thành phố Hà Nội; Uỷ viên chấp hành Hội Di truyền học; Hội tâm lý giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1975.
Tại Đại học Sư phạm Hà Nội; Ngành Sư phạm - Tâm lý.
Chuyên ngành Phương pháp dạy học sinh học.

Đề tài luận án

Nâng cao chất lượng hình thành và phát triển các khái niệm trong chương trình sinh học đại cương lớp 9 và 10 phổ thông.

Nội dung

Nghiên cứu những hình thức phát triển các loại khái niệm. Đề xuất các kiểu câu hỏi, bài tập, các hình thức sử dụng nhằm giúp học sinh mở rộng, củng cố, vận dụng, tự kiểm tra mức độ nắm vững các khái niệm. Biên soạn các bài học cải tiến thuộc 3 chương lớn trong sách giáo khoa, xây dựng các tranh, ảnh và mô hình giảng dạy, sáng chế 6 mẫu máy đơn giản giúp học học sinh tự kiểm tra kiến thức. Kết quả thực nghiệm sư phạm ở hơn 600 học sinh đã khẳng định những đề xuất lý thuyết là phù hợp với những đặc điểm riêng của chương trình sinh học đại cương, xác nhận hiệu quả sư phạm của các bài học cải tiến, đồ dùng dạy học và tài liệu hỗ trợ.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài cấp Bộ: Xây dựng chương trình đào tạo khoa Sinh - các trường Đại học Sư phạm; Xây dựng chương trình cao đẳng sư phạm cải cách; Đồng bộ hoá đội ngũ giáo viên phổ thông; Những vấn đề đào tạo bồi dưỡng giáo viên đáp ứng cải cách giáo dục phổ thông; Hệ Đại học sư phạm đào tạo giáo viên dạy 2 môn, 2 cấp; Đào tạo giáo viên kỹ thuật. Điều tra tình hình đào tạo giáo viên trên địa bàn huyện; Người thầy giáo theo yêu cầu sự nghiệp giáo dục (Phó chủ nhiệm - cấp Nhà nước); Giáo dục dân số trong hệ thống giáo dục chính quy và không chính quy (đề án Quốc gia); Xây dựng quy chế, chương trình, tài liệu bồi dưỡng thường xuyên chu kỳ 1992 - 1996 cho giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; Chỉnh lý chương trình đào tạo giáo viên trung học cơ sở trình độ cao đẳng sư phạm; Nghiên cứu đặc điểm sinh - tâm lý lao động dạy học, điều kiện làm việc và tình trạng sức khoẻ của giáo viên phổ thông; Điều kiện làm việc và tình trạng sức khoẻ của giáo viên phổ thông; Điều kiện lao động của giáo viên nữ trong cơ chế kinh tế thị trường (Phó chủ nhiệm); Định hướng đổi mới công tác đào tạo bồi dưỡng giáo viên cho những năm đầu thế kỷ XXI (Chủ trì - cấp Nhà nước).
Sách đã xuất bản
Học thuyết Đacuyn tập 1 - Nxb Giáo dục; *Loài và hình thành loài; Phương pháp dạy học thuyết Đacuyn ở trường phổ thông. Học thuyết tiến hoá của Đacuyn* - trích dẫn, dịch từ tiếng Nga; *Lý luận tiến hoá trên quan điểm di truyền học; Một số vấn đề triết học của sinh học hiện đại.* Đại học Sư phạm Hà Nội; *Thuyết tiến hoá ngày nay* - Nxb Giáo dục; *Đại cương về phương pháp dạy học sinh học* (dịch từ tiếng Nga) - Tập I, II; *Học thuyết tiến hoá* - Tập I, II - Nxb Giáo dục; *Thực hành phương pháp giảng dạy sinh học đại cương lớp 9, 10 phổ thông; Hình thành và phát triển các khái niệm sinh học đại cương - ĐHSP Hà Nội; Lý luận dạy học sinh học đại cương lớp 11, 12 - ĐHSP Quy Nhơn,* ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh; *Lý luận dạy học sinh học tập II* - Nxb Giáo dục; *Giảng dạy các kiến thức quy luật trong chương trình sinh học đại cương - Cục các trường sư phạm; Quan niệm biện chứng về sự phát triển trong sinh học hiện đại* - Nxb Giáo dục; *Đánh giá trong giáo dục - Vụ Đại học - Bộ Giáo dục và đào tạo; Tiến hoá* (giáo trình đào tạo thạc sĩ sinh học) - Nxb Đại học quốc gia Hà Nội; *Sách giáo viên và học sinh* - Nxb Giáo dục; *Sinh vật học đại cương 9; Hướng dẫn giảng dạy sinh vật học đại cương lớp 9, 11, 12; Sinh vật học đại cương lớp 10* (đồng tác giả); *Sinh học lớp 9* (đồng tác giả); *Sinh học lớp 12* (đồng tác giả); *Bài tập sinh học lớp 12* (đồng tác giả); *Sinh học 10, 11 - Ban khoa học xã hội* (đồng tác giả); *Ôn tập sinh học 9* (đồng tác giả); *Sinh học 12 - Ban khoa học tự nhiên; Kỹ thuật dạy học Sinh học.*
Nhiều bài đã đăng trên các báo và tạp chí.
Huy chương chống Pháp hạng nhất. Huân chương chống Mỹ hạng nhất. Huân chương lao động hạng ba. Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục. Được phong Giáo sư năm 1991. Nhà giáo ưu tú.

Dự định khoa học

Viết sách báo chuyên ngành.
Tham gia một số hội đồng chấm luận án, luận văn...



ĐẶNG VŨ HOẠT

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 26 - 9 - 1932.
Mất tháng 7 năm 1998 tại Hà Nội.
Quê quán: Việt Hưng - Việt Lâm - Hưng Yên.

Quá trình công tác

Hiệu trưởng cấp 2 Phú Thọ.
Học đại học sư phạm.
Cán bộ giảng dạy Đại học sư phạm.
Tổ trưởng chuyên môn Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh ở Liên Xô cũ.
Công tác tại Đại sứ quán Việt Nam ở Liên Xô cũ.
Chủ nhiệm khoa Tâm lý giáo dục, ĐHSP Hà Nội 1.
Giám đốc Trung tâm Giáo dục đạo đức công dân - Viện khoa học giáo dục.
Nghiên cứu viên cao cấp - Viện Khoa học giáo dục.
Phó ban thường trực Ban Giáo dục dân số - kế hoạch hoá gia đình, Bộ Giáo dục và đào tạo.
Phó chủ tịch Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.
Giám đốc Tổ chức Hỗ trợ phát triển giáo dục tiếp tục NOCEAD.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1973.
Tại Trường Đại học Sư phạm Quốc gia Lêningrat, Liên Xô cũ.
Ngành Khoa học giáo dục.

Đề tài luận án

Tích cực hoá hoạt động nhận thức của học sinh khi ôn tập.

Nội dung

Lý thuyết tích cực hoá hoạt động nhận thức của học sinh như một vấn đề tâm lý giáo dục.

Sự phát triển nền giáo dục quốc dân ở Việt Nam và tình hình tích cực hoá hoạt động nhận thức của học sinh khi ôn tập trong nhà trường Việt Nam.

Ứng dụng so sánh và vấn đề hệ thống hoá và khái quát hoá khi ôn tập nhằm tích cực hoá hoạt động nhận thức của học sinh.

Giải bài tập khi ôn tập và giáo dục tính mềm dẻo của quá trình tư duy cho học sinh.

Thành tựu khoa học

Đã công bố trên 60 công trình khoa học.
Một số công trình tiêu biểu:
Lý luận dạy học (đồng tác giả).
Giáo dục học (chủ biên).
Một số vấn đề trong lý luận dạy học hiện nay.
Phương pháp luận giáo dục.
Những vấn đề về giáo dục học.
Cải tiến phương pháp dạy học trong các loại hình trường.
Giáo dục dân số - kế hoạch hoá gia đình (chủ biên).
Giáo dục công dân lớp 10, 11, 12 (tổng chủ biên) - Nxb Giáo dục.
Lý luận dạy học đại cương (đồng tác giả) ĐHQG.
Thuật ngữ tâm lý giáo dục - Nxb Khoa học xã hội.
Nhiều bài viết đã đăng trên sách báo.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huân chương Lao động hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Được phong Giáo sư năm 1991.
Nhà giáo ưu tú năm 1992.



ĐÀO XUÂN HỌC

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 11 - 10 - 1952.
Quê quán: Cổ Đô - Ba Vì - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay:
124 Lê Trọng Tấn - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên bộ môn Thuỷ nông Trường Đại học Thuỷ lợi.
Nghiên cứu sinh tại Sôfia Bungari.
Giáo viên bộ môn Cải tạo đất Trường Đại học Thuỷ lợi.
Phó chủ nhiệm khoa Thuỷ nông Cải tạo đất trường Đại học Thuỷ lợi.
Chủ nhiệm khoa Thuỷ nông Cải tạo đất trường Đại học Thuỷ lợi.
Hiện là Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Thuỷ lợi.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội khoa học đất Việt Nam.
Hội viên Hội Thuỷ lợi Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Trường Đại học Kiến trúc và Xây dựng Sôfia Bungari.
Ngành Thuỷ nông.

Đề tài luận án

Nghiên cứu đất chua mặn ở khu vực thành phố Hải Phòng.

Nội dung

Tổng quan chung về đất chua mặn trên thế giới và ở Việt Nam.
Đặc tính, quá trình hình thành của đất chua mặn thành phố Hải Phòng.
Tìm các mối liên hệ giữa các đặc tính của đất phèn.
Đề xuất các biện pháp cải tạo đất chua mặn ở thành phố Hải Phòng.

Thành tựu khoa học

Sách và giáo trình đã xuất bản:
Giáo trình đất phèn.
Bài giảng cho học viên cao học:
Nông dân tham gia quản lý tưới (đồng tác giả).
Đề tài nghiên cứu khoa học:
Nghiên cứu cơ sở khoa học để xây dựng hệ điều hành trong quản lý tưới tiêu hệ thống thuỷ nông Sông Nhuệ theo hướng hiện đại.
Nghiên cứu các giải pháp giảm nhẹ thiên tai hạn hán các tỉnh duyên hải miền Trung.

Dự kiến khoa học

Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến việc sống chung với lũ đồng bằng sông Cửu Long.



PHAN VĂN HOẶC

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 10 - 10 - 1939.
Quê quán: Thành Thới - Mỏ Cày - Bến Tre.
Chỗ ở hiện nay: 19 Bis Nguyễn Thị Minh Khai - - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tổ trưởng Hải văn, Đài khí tượng TƯ Hà Nội.
Phó phòng Đài Khí tượng thuỷ văn tại thành phố Hồ Chí Minh.
Phân viện trưởng Phân viện Khí tượng thuỷ văn tại thành phố Hồ Chí Minh.
Giám đốc Trung tâm Khí tượng thuỷ văn phía Nam.
Phó Chủ tịch Hội nước và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.
Ủy viên thường trực
Hội Địa lý - Địa chất thành phố Hồ Chi Minh.
Hội Biển thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam.
Hội viên Hội Địa lý Mỹ.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985.
Tại Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Lômônôxốp, Liên Xô cũ.
Ngành Hải dương học.
Chuyên ngành Động lực biển.

Đề tài luận án

Sóng gió ở vùng biển có gió mùa và bão.

Nội dung

Biển Đông Việt Nam vào loại biển lớn trên thế giới, nhưng ít được nghiên cứu. Chúng ta hiểu biết chưa nhiều về các quá trình khí tượng - hải văn, lý, hoá, sinh vật, địa chất địa mạo của biển Đông.
Điều kiện địa lý tự nhiên biển Đông liên quan đến sự hình thành, phát triển và tắt dần sóng gió, đặc biệt đi sâu, phân tích, đánh giá các nhân tố tạo sóng trong gió mùa và bão.
Nghiên cứu phương pháp tính sóng gió hiện đại trên thế giới, để vận dụng tính sóng gió trong gió mùa và bão ở biển Đông.
Phân loại các kiểu trường áp điển hình và các kiểu trường gió tương ứng để tính sóng gió trong gió mùa trên biển Đông. Phân loại bão ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta để tiến hành tính gió và sóng trong bão trên biển Đông.
Kết quả nghiên cứu về trường áp điển hình, trường gió và trường sóng gió tương ứng trong gió mùa và bão biển Đông của tác giả có ý nghĩa trong khoa học và ứng dụng trong thực tiễn - giúp ích cho việc tính gió và sóng gió phục vụ xây dựng dàn khoan dầu khí các, cảng, các công trình ven biển và nhiều vấn đề khác.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước:
Tương tác biển - khí quyển vùng biển Thuận Hải - Minh Hải.
Tính gió và sóng phục vụ xây dựng dàn khoan dầu khí tại mỏ Bạch Hổ.
Sự phát sinh và phát triển sóng trong gió mùa trên biển Đông.
Điều tra nghiên cứu về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng biển Tây Nam phục vụ nhiệm vụ kinh tế - xã hội cấp bách hiện nay.
Điều tra bổ sung vùng biển Vịnh Thái Lan.
Cấp Bộ, tỉnh, thành:
Điều tra, khảo sát khí tượng - hải văn vịnh Gành Rái.
Nghiên cứu xâm nhập mặn trên sông Sài Gòn - Đồng Nai để chọn vị trí xây dựng nhà máy nước Bình An.
Phân bố các đặc trưng mưa liên quan đến vấn đề thoát nước, ô nhiễm môi trường và các giải pháp chống ngập úng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
Nghiên cứu lan truyền dầu trên sông Sài Gòn - Đồng Nai.
Và một số đề tài khác.
Huy chương kháng chiến hạng nhất.
Huân chương Lao động hạng ba.



ĐỖ NGỌC HOÈ

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 26 - 12 - 1939.
Quê quán: Hải Hùng - Hải Hậu - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay:
P509 - B3 tập thể Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Chăn nuôi thú y.
Phó bộ môn Thức ăn - Vệ sinh - Đồng cỏ.
Trưởng bộ môn Vệ sinh thú y - Chăn nuôi cơ bản.
Phó bộ môn Ký sinh trùng kiểm nghiệm thú sản - Vệ sinh thú y. Trưởng bộ môn Ký sinh trùng kiểm nghiệm thú sản - Vệ sinh thú y.
Trưởng Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Thành viên Trung tâm tư vấn - đào tạo và chuyển giao tiến bộ khoa học nông nghiệp - Hội các ngành Sinh học Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Nông nghiệp 1 Hà Nội.
Chuyên ngành Vệ sinh động vật và tổ chức phục vụ thú y.

Đề tài luận án

Một số chỉ tiêu vệ sinh ở các chuồng gà công nghiệp trong mùa hè và nguồn nước cho chăn nuôi ở Hà Nội.

Nội dung

Một số chỉ tiêu vệ sinh các chuồng gà công nghiệp trong mùa hè:
Yếu tố vật lý của không khí chuồng nuôi: nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tốc độ gió, ánh sáng.
Yếu tố hoá học của không khí chuồng nuôi: hàm lượng các loại khí độc trực tiếp ảnh hưởng đến đàn gà công nghiệp: khí CO_2, NH_3, H_2S.
Yếu tố vi sinh vật của không khí chuồng nuôi: tổng số vi sinh vật hiếu khí, yếm khí (Clostridium perfringeno), E.coli.
Kết quả nghiên cứu khí hậu chuồng nuôi cho phép đánh giá được thực trạng ưu điểm, nhược điểm của các kiểu chuồng gà công nghiệp hiện nay. Từ đó đề xuất những giải pháp khoa học để cải thiện bầu tiểu khí hậu trong chuồng gà công nghiệp: giải pháp chống nóng, chống bụi, giảm hàm lượng khí độc, giảm số lượng vi sinh vật bằng thông gió nhân tạo, tưới nước, quét vôi trên mái fibrociment, che bạt chống nắng...
Các nguồn nước dùng trong chăn nuôi:
Nghiên cứu chỉ tiêu vật lý, hoá học và vi sinh vật các nguồn nước (giếng, máy, sông, ao hồ) hiện dùng trong chăn nuôi. Đánh giá tình hình vệ sinh các nguồn nước, đề xuất những giải pháp vệ sinh, kinh tế cho việc dùng nước trong chăn nuôi hiện nay.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Điều tra khảo sát các kiểu chuồng lợn ở trung du và đồng bằng.
Nghiên cứu xác minh các kiểu chuồng lợn thí nghiệm.
Khảo sát chất lượng nguồn nước dùng trong chăn nuôi vùng đồng bằng mùa mưa và mùa khô.
Điều tra khảo sát các kiểu chuồng gà công nghiệp ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ.
Nghiên cứu một số giải pháp chống nóng cho chuồng gà công nghiệp.
Nghiên cứu chất lượng nguồn nước sử dụng trong chăn nuôi (bò sữa và gia cầm) ở huyện Gia Lâm, Hà Nội.
Một số phương pháp xử lý và tiêu độc nước dùng trong chăn nuôi.
Điều tra ô nhiễm môi trường do phế thải trong chăn nuôi và sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật trong nông nghiệp.
Sách và giáo trình đã xuất bản:
Quy hoạch và thiết kế chuồng trại trong chăn nuôi lợn tập trung. Nxb Khoa học kỹ thuật.
Giáo trình vệ sinh gia súc. Trường Đại học Nông nghiệp.
Điều tra khảo sát chất lượng các nguồn nước hiện dùng trong các cơ sở chăn nuôi thuộc Hà Nội.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Huân chương Kháng chiến hạng ba.

Dự định khoa học

Liên kết với các trường nông nghiệp ở các địa phương giúp nông dân nâng cao trình độ khoa học nông nghiệp.

Lời Tiến sĩ

Không ít các nhà khoa học khi về hưu còn sức khoẻ nhưng không phát huy được khả năng mà họ đã tích luỹ trong suốt cuộc đời. Nếu có một tổ chức (nhà nước hoặc đoàn thể xã hội) tập hợp được đội ngũ này để làm việc thì có ích lợi cho xã hội biết bao.



NGUYỄN ĐÌNH HOÈ

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất.

Sinh ngày: 1 - 6 - 1950.
Quê quán: Thọ Diên - Thọ Xuân - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 12 Hàng Điếu - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Khoa Địa lý - Địa chất, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Phó Chủ nhiệm bộ môn Địa Môi trường, khoa Địa lý - Địa chất, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Tài nguyên và Sinh thái môi trường, khoa môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hội viên Hội Địa chất Việt Nam.
Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành Địa chất học.
Chuyên ngành Cổ sinh địa tầng học.

Đề tài luận án

Hoá thạch Tay cuộn trong trầm tích Givet-Frasni ở Bắc Trường Sơn và ý nghĩa địa tầng của chúng.

Nội dung

Mô tả 50 loài thuộc 30 giống động vật Tay cuộn (Brachiopoda) trong địa tầng Givet-Frasni ở Bắc Trường Sơn, trong đó có một giống mới Veeversia và hai loài mới Desquamatia quydatica và Kelusia phuvinhi. Xác định sự có mặt của loài Tay cuộn Châu Úc Veeversia suchana; nghiên cứu các hiện tượng đồng hình và biến dị nội loài của nhóm động vật Tay cuộn.
Phân chia chi tiết các hệ lớp cổ sinh và liên hệ sinh địa lý các lớp chứa Tay cuộn với khu vực trung Âu, Uran và nam Trung Hoa.

Thành tựu khoa học

Một số công trình nghiên cứu tiêu biểu:
Mô hình quản lý rác thải có sự tham gia của cộng đồng ở phường Đạo Long, Phan Rang.
Mô hình quản lý rác thải có sự tham gia của cộng đồng ở thị trấn Đức Phổ, Quảng Ngãi.
Tai biến tiềm ẩn ở vùng đất thấp ven biển từ Hải Phòng đến Huế.
Chiến lược bảo vệ môi trường các tỉnh Bắc Giang, Bắc Kạn, Sơn La, Phú Yên, Khánh Hoà (2001 - 2010) và Ninh Thuận (2001 - 2005).
Tai biến địa chất Hà Nội.
Tai biến tiềm ẩn ở vùng đất thấp ven biển Hải Phòng.
Tổng quan tiềm năng du lịch sinh thái tỉnh Ninh Thuận.
Vai trò của kiến tạo hiện đại trong sự hình thành đất ướt ngập triều khu vực Đồ Sơn - Hạ Long.
Tính tai biến của khu vực thung lũng Chân Mây.
Tai biến địa chất vùng ven biển Hải Phòng - Hạ Long.
Địa động lực hiện đại và tai biến địa chất vùng ven biển Nghi Lộc, Nghệ An.
Kiến tạo hiện đại và tai biến địa chất khu vực đô thị Thanh Hoá.
Hội nhập các vấn đề môi trường trong quy hoạch đô thị Việt Nam.
Một số đặc điểm địa động lực và tai biến địa chất vùng cửa sông Sài Gòn.
Một số vấn đề bức xúc trong chăn thả gia súc có sừng và sử dụng nước vùng khô hạn Ninh Thuận.
Ô nhiễm sông và lưu vực ở Việt Nam.
Phương hướng giải các bài toán môi trường không chuẩn.
Các hệ thống sinh thái nhân văn nhạy cảm trong phát triển.
Phương pháp giải đoán ảnh vệ tinh bằng mắt thường. Trong "Ứng dụng viễn thám và hệ thông tin địa lý trong quy hoạch môi trường".
Vấn đề môi trường và phát triển ở các vùng cửa sông miền Trung.
Địa chất môi trường ven bờ vịnh Đà Nẵng.
Định hướng chiến lược ứng xử tai biến đới bờ biển Việt Nam.
Phương pháp lựa chọn nhanh địa điểm xây dựng các bãi rác nhỏ - trường hợp bãi rác Đức Phổ, Quảng Ngãi.
Sách đã xuất bản:
Viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường. Nxb Khoa học kỹ thuật.
Đánh giá nhanh môi trường và dự án. Sở Khoa học Công nghệ - Môi trường tỉnh Ninh Thuận.
Môi trường và phát triển bền vững. Trong *"Quản lý Nhà nước về Khoa học - Công nghệ và Môi trường"*. Nxb Khoa học kỹ thuật.
Dân số - Định cư và Môi trường. Nxb Đại học quốc gia.
Sổ tay quản lý môi trường địa phương. Sở Khoa học Công nghệ - Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.
Huy chương Vì sự nghiệp địa chất Việt Nam.

Dự định khoa học

Lồng ghép môi trường vào phát triển cộng đồng.



TRỊNH NGỌC HỒ

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 10 - 3 - 1943.
Quê quán: Hà Phú - Hà Trung - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay:
84B Tố Ngọc Vân - Tây Hồ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tài chính Hà Nội.
Công tác tại chi nhánh Ngân hàng Kiến thiết tỉnh Thanh Hoá.
Nghiên cứu sinh tại Bungari.
Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
Hiện là Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng khoa học Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
Hội viên Hiệp hội ngân hàng Việt Nam, Hiệp hội ngân hàng Phát triển châu Á Thái Bình Dương, Hiệp hội ngân hàng ASEAN.
Chủ tịch Hiệp hội ngân hàng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979.
Tại Trường Đại học kinh tế Các Mác, Sôphia, Bungari.
Ngành Tài chính - tín dụng.

Đề tài luận án

Hệ thống và tổ chức cấp phát và tín dụng vốn đầu tư cơ bản ở Bungari.

Nội dung

Nghiên cứu những vấn đề của kinh tế Liên Xô và các nước Đông Âu; đặc biệt là những kinh nghiệm của nước Cộng hoà nhân dân Bungari từ 1979 trở về trước, liên hệ với thực tiễn của Việt Nam trong khuôn khổ đề tài, luận án đã nêu bật:
Nguồn gốc của vốn đầu tư cơ bản là tích luỹ của mỗi nền kinh tế được thể hiện qua nhiều kênh (tài chính, ngân hàng, doanh nghiệp, dân cư...) và bằng nhiều con đường (cấp phát vốn ngân sách, cho vay đầu tư, đầu tư từ vốn tự có, vốn vay nước ngoài...) để đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật. Quy mô, tốc độ đầu tư tuỳ thuộc vào tích luỹ của nền kinh tế, kể cả vay nợ nước ngoài và tốc độ, quy mô đầu tư quyết định phát triển kinh tế - xã hội và khả năng tích luỹ của nền kinh tế của mỗi nước. Đánh giá hiệu quả vốn đầu tư qua phương pháp luận và các chỉ tiêu cụ thể nhằm phản ánh việc đáp ứng của đầu tư cơ bản cho tăng trưởng kinh tế, nhu cầu xã hội trong các lĩnh vực của nền kinh tế.
Hệ thống và tổ chức cấp phát vốn đầu tư cơ bản không ngừng được hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Cơ chế, chính sách nguồn vốn đầu tư và sử dụng tốt các công cụ trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ, tín dụng ngân hàng... trong nền kinh tế hàng hoá có ý nghĩa to lớn đối với việc khai thác huy động, tích luỹ cho đầu tư phát triển và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư.
Những đề xuất trong luận án đã được vận dụng vào Việt Nam thể hiện trong quá lý vốn đầu tư cơ bản và hoạt động của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển góp phần phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới.

Thành tựu khoa học

Nhiều nghiên cứu được Nhà nước ban hành trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý vốn đầu tư cơ bản của Nhà nước; Pháp lệnh và sau đó là Luật Ngân hàng Nhà nước, luật các Tổ chức tín dụng và các hướng dẫn thực hiện trong hoạt động của ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
Chiến sĩ thi đua toàn quốc.
Huân chương Lao động hạng ba.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Vì sự nghiệp nông dân.
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Dự định khoa học

Tổng kết kinh nghiệm về tổ chức cấp phát và tín dụng vốn đầu tư cơ bản trong 15 năm đổi mới của nước ta.
Cơ cấu lại và phát triển Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Tổng công ty Nhà nước hạng đặc biệt làm nòng cốt để xây dựng tập đoàn tài chính đa năng, hội nhập quốc tế.



HUỲNH THỊ KIM HỐI

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 23 - 12 - 1953.
Quê quán: Tân Tự - Phổ Minh - Đức Phổ - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 10 Thụy Khuê - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Viện Sinh vật học, Viện Khoa học Việt Nam.
Nghiên cứu viên Trung tâm Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.
Cán bộ nghiên cứu Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật - Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.
Trưởng phòng Sinh thái môi trường đất - Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật.
Thành viên Hội Động vật đất, Hội Sinh thái đất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.
Chuyên ngành Động vật học.

Đề tài luận án

Khu hệ giun đất phía nam miền Trung Việt Nam.

Nội dung

Lập danh mục và khoá định loại cho 75 loài giun đất đã gặp ở phía nam miền Trung Việt Nam. Trong số này có 16 loài lần đầu bổ sung cho phía nam miền Trung Việt Nam, có 1 loài và 1 dạng lần đầu gặp ở Việt Nam, có 8 loài mới cho khoa học.
Nhận xét về tính chất địa động vật học của khu hệ giun đất ở phía nam miền Trung Việt Nam.
Nhận xét về phân bố theo sinh cảnh trong các vùng cảnh quan, giữa đất liền và đảo ở phía nam miền Trung Việt Nam.
Nhận xét về mức độ gần gũi về thành phần loài giun đất giữa các vùng cảnh quan ở 3 khu địa lý cùng một loài vùng cảnh quan thuộc 3 khu địa lý.
Nhận xét về mức độ gần gũi về thành phần loài giun đất ở 3 lưu vực sông của phía nam miền Trung Việt Nam.
Nhận xét về vị trí của giun đất trong nhóm Mesofaune từ các kết quả phân tích tỷ lệ phần trăm số lượng, sinh khối và phân bố theo độ sâu của các nhóm Mesofaune ở Gia Lai, Đắc Lắc của phía nam miền Trung và một số vùng khác của Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Tham gia các chương trình
Tây Nguyên I và II (cấp Nhà nước).
Sinh thái học phục vụ nông lâm ngư nghiệp.
Bảo vệ môi trường lần I, II.
Tham gia chương trình nghiên cứu khoa học của Trung tâm nhiệt đới Việt - Xô (Bộ Quốc phòng).
Chương trình Eroplan (Trung tâm nhiệt đới Việt - Xô).
Nghiên cứu Biển.
Nghiên cứu hệ sinh thái rừng nhiệt đới (cấp Bộ).
Động vật học ở đất (cấp Bộ).
Tìm biện pháp khai thác sử dụng các hợp chất sinh học có nguồn gốc thực vật để phòng chống côn trùng và kí sinh trùng - giai đoạn 1993 - 1995 (đề án cấp Trung tâm).
Tham gia và chủ trì nhiều đề mục thuộc đề tài cấp cơ sở của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật từ 1990 đến nay.
Nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã xuất bản.

Dự định khoa học

Xây dựng phòng Sinh thái môi trường đất vững mạnh, mở rộng một số nhóm động vật đất chưa được nghiên cứu sâu.
Góp phần đào tạo chuyên gia trẻ.



LÊ XUÂN HỒNG

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 16 - 5 - 1942.
Quê quán: Bái Thượng - Thọ Xuân - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay:
Nhà 3 - tổ 23 - phường Nghĩa Đô - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Kỹ sư, Trưởng phòng Địa mạo - Địa chất đệ tứ Đoàn địa chất 54 Phổ Yên - Bắc Thái; Đoàn 9T Cẩm Phả - Quảng Ninh; Đoàn 58 Chí Linh - Hải Hưng; Đoàn 63 Sóc Sơn - Hà Nội.
Hiện công tác tại Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia; Thành viên Hội Địa mạo - Địa chất đệ tứ; Hội Kiến tạo; Ủy viên Ban chấp hành Hội Địa lý Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.

Tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ngành Địa lý - Địa chất.
Chuyên ngành Địa mạo - Cổ địa lý.

Đề tài luận án

Đặc điểm xói lở bờ biển Việt Nam.

Nội dung

Lịch sử nghiên cứu được chia làm 3 giai đoạn: trước năm 1954, giai đoạn 1954 - 1975 và từ 1975 đến nay.

Phương pháp nghiên cứu: bản đồ - viễn thám, địa mạo - địa chất, tính toán thống kê, thuỷ thạch động lực và tổng hợp.

Các nhân tố ảnh hưởng tới quá trình xói lở bờ biển.

Các nhân tố thuỷ quyển: sóng, dòng chảy (dòng chảy gió, dòng triều, dòng chảy sông và lượng bùn cát do sông tải ra biển, lượng bùn cát vận chuyển dọc bờ) và nước dâng đại dương.
Các nhân tố thạch quyển: đặc điểm đất đá cấu tạo bờ, hệ thống đứt gãy kiến tạo, địa hình đường bờ và mái bờ.

Các nhân tố khí quyển: gió và chế độ gió, bão và áp thấp nhiệt đới, nước dâng do bão và gió mùa, chế độ mưa ẩm.
Các nhân tố sinh quyển: hoạt động kinh tế của con người ở đới bờ; Đặc điểm hiện trạng xói lở bờ biển Việt Nam.
Sơ đồ hiện trạng xói lở; Cường độ và tốc độ xói lở; Phân vùng xói lở; Nguyên nhân xói lở bao gồm: ngoại sinh, nội sinh và nhân sinh; Xu thế xói lở: theo chu kỳ mùa. Chu kỳ 10 năm. Hiện trạng xói lở bắt đầu xảy ra từ năm 1930 tăng dần cực đại vào những năm 2010, năm 2020 ngừng tăng và bắt đầu giảm đi; Xu thế xói lở bờ biển đang dịch chuyển dần từ bắc vào nam.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài:
Đo vẽ lập bản đồ địa mạo khu vực Đồng Bẩm Thái Nguyên tỷ lệ 1/250.000 phục vụ tìm kiếm nước cho thành phố Thái Nguyên; Đo vẽ bản đồ địa mạo khu vực Hồng Gai - Cẩm Phả Quảng Ninh, tỷ lệ 1/250.000 phục vụ tháo khô mỏ; Hiện trạng xói lở bờ biển Việt Nam (cấp Nhà nước); Các đặc trưng địa mạo động lực hình thái bờ biển Việt Nam phục vụ xây dựng các công trình biển ven bờ (cấp Nhà nước); Khảo cứu sự phân toả vật liệu phù sa sông Hồng ở vùng biển Việt Nam và ảnh hưởng của nó đến quá trình địa - động lực (đồng chủ nhiệm).
Phân loại các bãi bồi ven biển Việt Nam; Phân loại xói lở bờ biển Việt Nam theo nguồn gốc.
Một số công trình khoa học đã công bố:
Đặc điểm các bậc địa hình và lịch sử phát triển của chúng trong giai đoạn TKT trên lãnh thổ Việt Nam; Khả năng ứng dụng phương pháp phân tích hình thái sườn dốc để nghiên cứu kiến tạo mới; Ảnh hưởng của môi trường địa chất biển đến hoạt động và phát triển KT-XH; Đặc điểm bờ biển karst nhiệt đới Việt Nam và ý nghĩa của nó; Một số dấu hiệu địa mạo, địa chất biểu hiện quá trình biển lấn hiện đại ở Việt Nam. Đặc điểm quá trình bồi xói bờ biển vùng châu thổ sông Hồng. Cường độ và tốc độ xói lở bờ biển Việt Nam.
Khả năng ứng dụng phương pháp điều tra theo phiếu để nghiên cứu điều kiện tự nhiên trong công tác điều tra cơ bản.
Hiện trạng xói lở bờ biển Việt Nam và xu thế phát triển của nó.
Nguyên nhân xói lở bờ biển Việt Nam do con người.
Phân vùng xói lở bờ biển Việt Nam; Tình trạng xói lở bờ bển Việt Nam và nguyên nhân ngoại sinh; Đặc điểm địa mạo bờ biển vùng bờ biển Côn Đảo; Hiện trạng bồi xói vùng cửa sông ven biển nam Trung Bộ ảnh hưởng đến quá trình thoát lũ.
Một số đặc trưng địa mạo động lực hình thái dải bờ biển từ Móng Cái đến Đà Nẵng; Sơ đồ nhạy cảm dầu tràn từ nam Thuận Hải đến Mũi Cà Mau; Hiện trạng xói lở bờ biển Việt Nam; Đặc điểm địa mạo động lực hình thái bờ biển miền Bắc Việt Nam; Kết quả bước đầu nghiên cứu hướng vận chuyển bùn cát sông Hồng ở dọc bờ biển Việt Nam...
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
Vì sự nghiệp địa chất Việt Nam.

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học dự báo, phòng, chống thiên tai xói lở bờ sông, bờ biển.

Biên soạn giáo trình, tham gia giảng dạy đại học.



NGUYỄN PHÙNG HỒNG

Hồng Nguyên

Tiến sĩ Luật học

Sinh ngày: 2 - 12 - 1948.

Quê quán: Ngọc Sơn - Thanh Chương - Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: 1 E1 - tập thể Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia - Cống Vị - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học an ninh nhân dân.

Công tác tại Viện Khoa học Công an.

Phó trưởng phòng lý luận an ninh.

Trưởng phòng quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.

Phó Viện trưởng Viện Khoa học Công an.

Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học và công nghệ - Bộ Công an.

Ủy viên Ban chủ nhiệm các chương trình khoa học cấp Nhà nước.

Ủy viên Thường trực Hội đồng Khoa học và Công nghệ - Bộ Công an.

Phó Chủ tịch chi Hội Tâm lý Bộ Công an,

Hội viên Hội Luật gia Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.

Tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Chuyên ngành Lý luận Nhà nước và Pháp quyền.

Đề tài luận án

Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động của lực lượng công an nhân dân trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia ở nước ta hiện nay.

Nội dung

Những vấn đề pháp chế trong hoạt động của lực lượng công an nhân dân trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia. Làm rõ đặc trưng cơ bản về vai trò và thực trạng pháp chế XHCN trong hoạt động công an nhân dân trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia. Tính tất yếu khách quan và đòi hỏi của việc tăng cường pháp chế XHCN trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia trong điều kiện đổi mới ở nước ta hiện nay. Phương hướng và giải pháp tăng cường pháp chế trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia.

Thành tựu khoa học

Trên 20 bài lý luận bảo vệ an ninh quốc gia đăng trên các tạp chí.

Chủ nhiệm trên 05 đề tài khoa học cấp Bộ, một số đề tài, chuyên đề cấp Nhà nước.

Tham gia cung cấp các luận cứ khoa học cho các văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ VIII, IX của Đảng, Bộ Công an về kế sách bảo vệ ANQG và phòng chống tội phạm trong tình hình mới.

Sách đã xuất bản:

Phòng chống tội phạm trong giai đoạn mới. Nxb Công an nhân dân.

Huân chương Chiến công hạng nhất.

Huy chương chống Mỹ hạng nhất.

Huy chương Vì an ninh tổ quốc, Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ, vì sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Được phong Phó giáo sư năm 1996.

Dự định khoa học

Nghiên cứu những vấn đề về bảo vệ an ninh quốc gia và an toàn xã hội. Tham mưu cho lãnh đạo Bộ Công an về định hướng công tác nghiên cứu khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường trong lực lượng công an.



NGUYỄN THỊ LƯƠNG HỒNG

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 28 - 11 - 1946.
Quê quán: Thanh Trì - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Khu E tập thể Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Giáo viên Trường Đại học Nông nghiệp II Hà Bắc.
Hiện là giảng viên chính Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Hội viên Hội Chăn nuôi Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Chuyên ngành Dinh dưỡng động vật.

Đề tài luận án

Một số đặc điểm trao đổi năng lượng, protein của lợn nái nội trong thời kỳ có chửa.

Nội dung

Lợn thí nghiệm gồm 16 lợn nái Móng Cái, bảo đảm các yếu tố đồng đều về thể chất, sức sản xuất, lợn đã đẻ đến lứa thứ ba.
Thí nghiệm được chia làm 2 nhóm: mỗi nhóm 8 nái, một nhóm cho phối với lợn đực Móng Cái, một nhóm cho phối với lợn đực Đan Mạch.

Trong thời gian lợn chửa và nuôi con, cả hai nhóm đều được ăn cùng một loại khẩu phần.

Kết quả cho thấy trong giai đoạn chửa ngày thứ 81 tới khi đẻ, lợn nái nội phối giống ngoại có cường độ trao đổi chất, hiệu suất chuyển hoá và tích luỹ năng lượng, protein cao hơn so với lợn nái phối giống thuần.

Mức dinh dưỡng tương đối hợp lý đối với lợn nái trong 2 giai đoạn chửa 0 - 80 ngày và 81 ngày - đẻ tương ứng là: 1,4 kg thức ăn tinh hỗn hợp (có mức dinh dưỡng ăn là 5426 kcal ME, 184,5 g protein thô/ngày) và 1,6 kg thức ăn tinh hỗn hợp (có mức dinh dưỡng ăn là 6170 kcal ME, 209,5 g protein thô/ngày); thời kỳ nuôi con là 2,4 kg thức ăn tinh hỗn hợp (có mức dinh dưỡng ăn là 9559 kcal ME, 309,5 g protein thô/ngày).

Riêng lợn nái phối giống ngoại cần bổ sung thêm 35 kg thức ăn tinh hỗn hợp (tương ứng với 850 kcal ME/ngày) trong suốt thời kỳ nuôi con để bù đắp lại sự hao hụt của cơ thể mẹ.

Thành tựu khoa học

Một số công trình tiêu biểu đã công bố:
Giáo trình bài tập thức ăn gia súc (đồng tác giả).
Dinh dưỡng và thức ăn gia súc (đồng tác giả).
Gần 30 bài báo khoa học đã đăng trên các báo, tạp chí.

Dự định khoa học

Nghiên cứu xác định tiêu chuẩn ăn cho lợn con sau cai sữa từ 7 đến 22 kg với nguồn nguyên liệu sẵn có của miền Bắc Việt Nam.

Biên soạn giáo trình, tài liệu phổ biến kiến thức về dinh dưỡng gia súc cho sinh viên và nông dân. Tham gia giảng dạy, tư vấn khuyến nông.

Lời Tiến sĩ

Nhiều nhà khoa học nông nghiệp có những công trình nghiên cứu thực sự có ý nghĩa khoa học nhưng những công trình này chỉ được biết đến như một tài liệu tham khảo do không có điều kiện ứng dụng vào thực tiễn sản xuất. Nhà nước cần có biện pháp hữu hiệu để đưa các nghiên cứu khoa học này vào thực tế.



NGUYỄN THỊ MAI HỒNG

Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 30 - 5 - 1963.

Quê quán: Thị xã Sơn Tây.

Chỗ ở hiện nay: Số 3 - nhà A1 khu tập thể Quân đội - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội.

Giảng viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Nghiên cứu sinh Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Hiện là giảng viên Khoa Giáo chính trị Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000.

Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Ngành Triết học.

Đề tài luận án

Phân hoá giàu nghèo trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường ở nước ta - thực trang, xu hướng biến động và giải pháp.

Nội dung

Luận án làm sáng tỏ khái niệm phân hoá giàu nghèo (PHGN), đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa PHGN với phân hoá xã hội, phân cực xã hội, phân tầng xã hội, phân hoá giai cấp và sự vận động của mối quan hệ đó dưới góc độ chính trị - xã hội; Những tiêu chí cơ bản xác định giàu nghèo ở nước ta hiện nay.

Luận án đã đưa ra những nhận định tổng quát đánh giá thực trạng PHGN ở nước ta, làm rõ những nguyên nhân dẫn đến thực trạng ấy, những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực.

Dự báo những xu hướng biến động của PHGN, đề xuất những quan điểm và giải pháp có tính khả thi nhằm thúc đẩy xu hướng tích cực, đồng thời kiểm soát, điều tiết, hạn chế những xu hướng tiêu cực của PHGN trong quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay.

Thành tựu khoa học

Một số bài viết đã đăng trên các tạp chí và thông báo khoa học:

Mấy nhận thức về vấn đề PHGN và phát triển

Định hướng XHCN và khả năng điều tiết khoảng cách giàu nghèo.

Mấy suy nghĩ xung quanh khái niệm "sự phân hoá giàu nghèo".

Vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn với việc xoá đói giảm nghèo ở nước ta hiện nay.

Mấy nhận thức về quan điểm giới với việc giải quyết vấn đề PHGN ở nước ta hiện nay.

Một số bài học kinh nghiệm rút ra từ quá trình giải quyết vấn đề PHGN ở nước ta những năm qua.

Giải quyết vấn đề PHGN ở nước ta hiện nay - từ góc nhìn văn hoá.

PHGN - hiện tượng mang tính quy luật của cơ chế thị trường.

Dự định khoa học

Giảng dạy đại học, trên đại học và nghiên cứu về PHGN, phân tầng xã hội, trí thức, dân tộc, tôn giáo, gia đình phương pháp giảng dạy các môn khoa học lý luận chính trị.



NGUYỄN VIẾT HỒNG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 10 - 1 - 1944.
Quê quán: Tứ Yên - Lập Thạch - Vĩnh Phúc.
Chỗ ở hiện nay: 7 - Phan Huy Ích - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Sinh viên khoa ngoại ngữ Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
Sinh viên Trường Đại học kinh tế quốc tế Varna - Bungari.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học kinh tế Các Mác - Sôphia - Bungari.
Phó phòng nguồn vốn kinh doanh, Trưởng phòng thông tin kinh tế và Trưởng ban Thư ký Hội đồng quản trị Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
Thư ký Hội đồng khoa học Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (NHĐT&PTVN).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.
Tại Trường Đại học Kinh tế Các Mác - Sôphia - Bungari.
Ngành Khoa học kinh tế.

Đề tài luận án

Những vấn đề quản lý chất lượng xây dựng nhà ở theo kinh nghiệm của Bungari và Việt Nam.

Nội dung

Khái quát thực trạng phát triển xây dựng nhà ở của Bungari và Việt Nam, lý thuyết về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở, những hướng nâng cao chất lượng của sản phẩm xây dựng nhà ở và hệ thống tổng hợp quản lý chất lượng xây dựng nhà ở.

Thành tựu khoa học

Tham gia xây dựng luật Ngân hàng Nhà nước và Luật các tổ chức tín dụng từ lần thứ nhất đến lần thứ 18.
Một số bài báo đăng trên tạp chí:
Về việc tách bạch tín dụng chính sách với tín dụng thương mại trong hoạt động ngân hàng.
Các biện pháp của NHĐT&PTVN đảm bảo an toàn và nâng cao chất lượng tín dụng ở Việt Nam.
Công tác nghiên cứu khoa học của NHĐT&PTVN
Đôi điều suy nghĩ về văn hoá doanh nghiệp NHĐT&PTVN.
Những nội dung xây dựng văn hoá doanh nghiệp NHĐT&PTVN.
Các hình thức thể hiện văn hoá doanh nghiệp NHĐT&PTVN.
Trưởng ban thư ký Hội đồng quản trị, thư ký Hội đồng khoa học 2 đề tài lớn:
Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng của NHĐT&PTVN theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9000.
Sổ vàng 45 năm xây dựng và trưởng thành của NHĐT&PTVN.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chuyên ngành tài chính - ngân hàng.



ĐÀO XUÂN HỢI

Tiến sĩ Vật lý

Sinh ngày: 18 - 10 - 1947.
Quê quán: Đức Tùng - Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tĩnh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Vật lý - Đại học Tổng hợp quốc gia Adecbaidăng.
Giảng dạy tại khoa Lý - Đại học Sư phạm Vinh.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp quốc gia Adecbaidăng.
Chủ nhiệm khoa Vật lý, chủ nhiệm khoa Đại học đại cương Đại học Sư phạm Vinh.
Hiện là Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tĩnh.
Ủy viên Ban chấp hành Liên hiệp các Hội khoa học Hà Tĩnh.
Ủy viên Hội đồng khoa học tỉnh Hà Tĩnh.
Được phong phó Giáo sư năm 1996.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985.
Tại Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Adecbaidăng.
Ngành học Vật lý.
Chuyên ngành Vật lý Laser.

Đề tài luận án

Động học phát xạ của laser màu với sự liên kết phân bố ngược.

Nội dung

Vào những năm 1980 của thế kỷ qua, có một loại laser mới ra đời - Laser với sự liên kết phân bố ngược. Loại laser này có nhiều ưu điểm so với các loại laser trước đó, do vậy nó đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Nội dung của luận án là những vấn đề có tính thời sự lúc bấy giờ.

Nghiên cứu một số đặc trưng cơ bản của quá trình động học phát xạ của laser với sự liên kết phân bố ngược với môi trường hoạt là chất nhuộm màu. Luận án đã khảo sát một số nội dung cơ bản:

Khảo sát sự phụ thuộc của mật độ dòng phát xạ vào các dạng bơm đối xứng và không đối xứng. Đánh giá sự phụ thuộc của mật độ dòng phát xạ vào các đặc trưng của bơm (bề rộng, thời gian, tác dụng của bơm).

Luận án cũng đã nghiên cứu cơ chế để thu được đơn xung phát xạ.

Tìm sự thay đổi tần số phát xạ của laser màu với sự liên kết phân bố ngược.

Bước đầu đặt cơ sở lý thuyết cho việc dùng lý thuyết bán cổ điển để tính một số đặc trưng của laser với sự liên kết phân bố ngược.

Thành tựu khoa học

Trên 30 bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí ở trong và ngoài nước về vật lý laser và quản lý giáo dục.

Hướng dẫn luận án tiến sĩ và tham gia hội đồng cấp Nhà nước chấm luận án tiến sĩ.

Chủ trì nhiều đề tài khoa học cấp Bộ, cấp tỉnh.

Biên soạn một số giáo trình, tài liệu tham khảo cho sinh viên và nghiên cứu sinh ngành vật lý.

Tham gia một số hội thảo khoa học ở trong nước và quốc tế.

Dự định khoa học

Biên soạn giáo trình, tài liệu, nghiên cứu các vấn đề về quản lý giáo dục.



NGUYỄN NGỌC HỢI

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 18 - 9 - 1950.
Quê quán: Thanh Hoà - Thanh Chương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Khối 8 - phường Bến Thuỷ - thành phố Vinh - Nghệ An.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Sinh học, trường Đại học Sư phạm Vinh.
Nghiên cứu sinh tại trường Đại học Tổng hợp Kisinhốp, Liên Xô.
Cán bộ giảng dạy khoa Sinh học, trường Đại học Sư phạm Vinh.
Quyền Chủ nhiệm khoa Sinh học
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Vinh.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Hữu nghị Việt - Nga tỉnh Nghệ An.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Kisinhốp, Liên Xô.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Sinh lý người và động vật.

Đề tài luận án

Vai trò của Alpha - MSH trong phản ứng thích nghi của hệ dưới đồi - tuyến yên - vỏ thượng thận đối với các điều kiện bất lợi.

Nội dung

MSH là hocmôn thuỳ giữa tuyến yên, từ lâu vẫn quan niệm rằng nó chỉ có vai trò điều hoà sắc tố da nhằm phù hợp với màu sắc của môi trường trong phản ứng thích nghi của động vật bậc thấp. Trong khi đó, MSH lại có một hàm lượng lớn trong máu của động vật bậc cao, kể cả con người. Tác giả chứng minh rằng, MSH có vai trò rất quan trọng trong các phản ứng thích nghi của người và động vật. Trong các điều kiện bất lợi (nhiệt độ cao, thiếu năng vận động), MSH đã phát động chức năng của các trung khu vùng dưới đồi thị, từ đó qua MRF kích thích chức năng của thuỳ trước tuyến yên để làm tăng hàm lượng ACTH và qua đó làm tăng cường chức năng của vỏ thượng thận. Thông qua con đường thần kinh và nội tiết, MSH giúp cơ thể nhanh chóng thoát ra khỏi trạng thái rối loạn sinh lý ban đầu, để chuyển sang giai đoạn thích nghi bền vững đối với các tác động bất lợi từ môi trường.

Thành tựu khoa học

Đã chủ trì các đề tài cấp Bộ:
Nhịp sinh học và ứng dụng vào an toàn lao động.
Sự phát triển thể lực và thể chất của sinh học.
Thực trạng bướu cổ và ảnh hưởng của nó lên thể lực, thể chất và trí tuệ của học sinh miền núi Nghệ An.
Chủ trì các dự án:
Các yếu tố hỗ trợ dân tộc thiểu số Đan Lai nhằm phát triển bền vững và bảo vệ môi trường (hợp tác Việt Nam - Hà Lan).
Nghiên cứu mô hình kinh tế trang trại ở Nghệ An. Dự án do Ford Foudation tài trợ.
Tham gia điều hành dự án: Nâng cao năng lực xoá đói giảm nghèo ở một số xã nghèo đói thuộc tỉnh Nghệ An (Chương trình nghiên cứu Việt Nam - Canada).
Đã công bố trên 30 công trình khoa học trên các tạp chí chuyên ngành ở trong và ngoài nước.
Huân chương lao động hạng ba
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Huy chương Vì sự nghiệp bảo vệ tổ quốc.
Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
Và nhiều bằng khen của các cấp, các ngành...
Chiến sĩ thi đua nhiều năm.

Dự định khoa học

Trong xã hội hiện đại con người luôn phải chịu những tác động bất lợi của các yếu tố stress gây nên, làm rối loạn các chức năng sinh lý, ảnh hưởng tới sức khoẻ và tuổi thọ. Nghiên cứu các cơ chế sinh lý thần kinh - nội tiết nhằm hạn chế tối đa các tác động bất lợi từ môi trường sẽ là cơ sở khoa học quan trọng cho việc tìm ra các biện pháp bảo vệ sức khoẻ con người hiện đại. Đó là hướng ưu tiên mà tác giả và các cộng sự của mình đang theo đuổi.

Lời Tiến sĩ

Trong thời đại kinh tế tri thức, muốn hội nhập và sánh vai với các nước phát triển, phải đặc biệt coi trọng khoa học, giáo dục và đào tạo.



TRẦN MINH HỢI

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 15 - 12 - 1949.
Quê quán: Thạch Phú - Thạch Hà - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Số 7 - 191/38/137 - Nghĩa Đô - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Công tác tại Đại sứ quán Việt Nam tại La Habana, Cuba.
Công tác tại khoa Sinh vật, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Trưởng phòng Tài nguyên thực vật, Ủy viên Hội đồng khoa học Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.
Hiện là Phó Viện trưởng Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.
Tốt nghiệp quản lý Nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia.
Tốt nghiệp lớp Lý luận chính trị cao cấp, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
Thành viên Hội Thực vật học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật - Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Thực vật học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu cây Hương lau (Vetiveria zizanioides (L, Nash) tại một số địa phương ở Việt Nam.

Nội dung

Luận án tham gia giải quyết nhiệm vụ cấp bách hiện nay là tìm kiếm các loài thực vật có giá trị kinh tế cao để phát triển tại vùng cát ven biển và vùng gò đồi khô hạn trung du. Nghiên cứu cơ sở khoa học, kỹ thuật cho việc phát triển cây Hương lau nhằm đáp ứng các yêu cầu kinh tế và xã hội của đất nước. Trên vùng cát ven biển, cây Hương lau sinh trưởng và phát triển tốt; năng suất rễ đạt trung bình 2 tấn/ha. Tinh dầu chứa trong rễ có thành phần khá phức tạp và có các chỉ số lý, hoá học tương đương với tinh dầu thương phẩm trên thị trường thế giới. Cây Hương lau có vai trò tích cực trong việc giữ đất, cố định cát, chống xói mòn. Có thể đưa cây Hương lau vào cơ cấu cây trồng trên vùng cát ven biển và vùng gò đồi để vừa thu sản phẩm chứa tinh dầu, vừa góp phần cải tạo môi sinh.

Thành tựu khoa học

Tham gia một số chương trình, đề án cấp Nhà nước:
Điều tra tổng hợp Tây Nguyên.
Sinh học phục vụ nông nghiệp.
Chương trình biển, chương trình tạo nguồn nguyên liệu dược.
Chương trình khoa học cơ bản,... (cấp Bộ và cơ sở).
Chủ trì một số đề tài cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp Nhà nước.
Đã công bố trên 25 công trình khoa học trong các tạp chí, tuyển tập, kỷ yếu, chuyên khảo trong và ngoài nước.
Tham gia viết sách chuyên khảo: *Những cây tinh dầu quan trọng ở Việt Nam.*

Dự định khoa học

Nghiên cứu bảo vệ và phát triển đa dạng sinh vật ở Việt Nam.



MAI ĐÌNH HỢP

Kiên Cường

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 25 - 4 - 1962.
Quê quán: Nga Thiện - Nga Sơn - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: Nhà A1 - ngõ 164 - Nguyễn Văn Cừ - Gia Lâm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Chánh Văn phòng Tổng hợp công ty khí công nghiệp.
Trưởng phòng Kế hoạch đầu tư - Tổng công ty xây dựng Hà Nội.
Hiện là Giám đốc Công ty bê tông - xây dựng Hà Nội.
Phó chủ tịch Hội Công nghiệp bê tông Việt Nam.
Thành viên Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
Ngành Quản trị kinh doanh.

Đề tài luận án

Những biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp sản xuất khí công nghiệp ở miền Bắc nước ta hiện nay.

Nội dung

Những vấn đề lý luận cơ bản về hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp sản xuất khí công nghiệp trong nền kinh tế thị trường ở miền Bắc nước ta; các nhân tố, chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp sản xuất khí công nghiệp, kinh nghiệm của một số hãng hàng đầu thế giới về sản xuất khí công nghiệp. Phân tích và đánh giá thực trạng hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp sản xuất khí công nghiệp ở miền Bắc, đề ra những biện pháp để nâng cao hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp này: phát triển quy mô, mở rộng thị trường, tăng khối lượng sản phẩm; sắp xếp, tổ chức lại sản xuất; chủ động tạo vốn, đổi mới công nghệ hợp tác liên doanh với nước ngoài; hoàn thiện tổ chức, khai thác nguồn lực, nội bộ; đề cao vai trò quản lý, đổi mới chính sách quản lý vĩ mô... nhằm tạo điều kiện và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất khí công nghiệp đạt hiệu quả cao.

Thành tựu khoa học

Một số bài viết trên các báo, tạp chí:
Nhà máy dưỡng khí Yên Viên đẩy mạnh các biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
Chất lượng sản phẩm - nhân tố quan trọng cạnh tranh và nâng cao hiệu quả kinh tế.
Nhà máy dưỡng khí Yên Viên sản xuất kinh doanh và hiệu quả kinh tế.
Doanh nghiệp nhà nước vẫn là một thực thể tồn tại khách quan.
Đổi mới cơ chế tổ chức ở Nhà máy dưỡng khí Yên Viên.
Kịp thời nắm bắt cơ hội phát triển nhanh, mạnh và có hiệu quả ngành sản xuất khí công nghiệp ở miền Bắc nước ta.
Mấy biện pháp để khôi phục và đổi mới nhà máy dưỡng khí Yên Viên.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, áp dụng khoa học kinh tế vào doanh nghiệp.
Tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Lời Tiến sĩ

Đẩy mạnh cổ phần hoá những doanh nghiệp nhà nước không cần quản lý.



TRẦN VĂN HỢP

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 15 - 7 - 1948.
Quê quán: Hương Nộn - Tam Nông - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: 107A - B1 Tôn Thất Tùng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Y Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô.
Giảng viên chính Trường Đại học Y Hà Nội.
Phó chủ nhiệm bộ môn Giải phẫu bệnh Trường Đại học Y Hà Nội.
Ủy viên Thường vụ Hội gan mật Việt Nam.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Giải phẫu bệnh Y pháp Việt Nam.
Hội viên Hội Tiêu hoá Việt Nam.
Hội Ung thư Việt Nam.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984.
Tại Trường Đại học Y số 1 Mátxcơva - Liên Xô.
Ngành Y.

Đề tài luận án

Đặc điểm hình thái học và luận chứng phân loại ung thư dạ dày.

Nội dung

Nghiên cứu 567 bệnh nhân ung thư dạ dày ở giai đoạn bệnh khác nhau: giai đoạn muộn của bệnh không còn khả năng điều trị bệnh nhân đã tử vong và giai đoạn bệnh còn khả năng điều trị đã được phẫu thuật cắt dạ dày.
Phân tích đặc điểm, vi thể, mô hoá học, mô enzym học của ung thư dạ dày ở hai giai đoạn bệnh để xác định đặc điểm hình thái học và cơ sở phân loại mô bệnh học thích hợp. Kết quả nghiên cứu cho thấy ung thư dạ dày có quá trình phát triển trong thời gian dài nhiều năm do đó cần chẩn đoán xác định giai đoạn bệnh. Luận án đã có những đóng góp vào chiến lược phát hiện ung thư, nhất là ung thư dạ dày giai đoạn sớm để có biện pháp điều trị kịp thời kéo dài thời gian sống cho người bệnh.

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài cấp Nhà nước:
Đánh giá ảnh hưởng của chất độc hoá học Dioxin đối với bệnh ung thư gan nguyên phát và nghiên cứu biện pháp khắc phục hậu quả.
Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để phòng chống ung thư gan nguyên phát.
Phát hiện sớm ung thư cổ tử cung qua sàng lọc tế bào.
Tham gia đề tài cấp Bộ:
Phát hiện tế bào học một số bệnh phổ biến, đặc biệt một số ung thư thường gặp.
Nghiên cứu chẩn đoán phát hiện sớm ung thư dạ dày, theo dõi chuyển biến của dị sản ruột, loạn sản sau điều trị diệt Helicobacter Pylori.
Hơn 60 công trình nghiên cứu (1/3 chủ trì, 2/3 tham gia) đã công bố trên các tạp chí y học trong nước và nước ngoài.
Một số công trình tiêu biểu:
Điều tra tình hình bệnh thận đường tiết niệu.
Các phương pháp mới để phát hiện ký sinh trùng sốt rét.
Về tế bào học phát hiện các bệnh phụ khoa đặc biệt ung thư sớm cổ tử cung.
18 đề tài về viêm gan, ung thư gan.
30 đề tài về viêm gan, ung thư dạ dày, tá tràng.
4 đề tài chọc bút kim nhỏ để chẩn đoán bệnh.
1 đề tài về tuyến nước bọt.
2 đề tài thực nghiệm trên súc vật về tác dụng của thuốc.

Dự định khoa học

Nghiên cứu bệnh học khối u, ứng dụng những kỹ thuật mới về mô hoá học, mô hoá miễn dịch, mô enzym học và hiển vi điện tử để nghiên cứu những biến đổi tiền ung thư, quá trình phát triển của khối u và các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển.

Lời Tiến sĩ

Kinh phí đầu tư cho nghiên cứu khoa học hiện nay còn thấp. Không ít các công trình khoa học cấp Bộ, cấp Nhà nước tiêu tốn nhiều kinh phí nhưng sau khi nghiệm thu không phát huy được tác dụng.



PHẠM MINH HUÂN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 17 - 10 - 1956.
Quê quán: Xuân Hùng - Xuân Trường - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: Số 9 - ngõ 41/5 - Trần Duy Hưng - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Công tác tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Hiện là Phó Vụ trưởng Vụ tiền lương và tiền công - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.

Tại Viện Kinh tế học - Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia.

Ngành Kinh tế.

Đề tài luận án

Một số biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về tiền lương đối với doanh nghiệp nhà nước trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường.

Nội dung

Nghiên cứu lý luận, phân tích, đánh giá thực trạng về tiền lương và vai trò quản lý nhà nước về tiền lương và thu nhập, đề xuất quan điểm, phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách tiền lương và tăng cường quản lý nhà nước về tiền lương đối với doanh nghiệp nhà nước trong kinh tế thị trường.

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài cấp Bộ:

Về chức danh nghề.

Về tiền lương tối thiểu vùng

Tham gia nhánh đề tài cấp Nhà nước KX 03-11.

Tham gia đề tài cấp Bộ:

Đánh giá mức sống dân cư;

Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ:

Xác định lương tối thiểu chung, lương tối thiểu vùng giai đoạn 1996 - 2000.

Tham gia đề tài cấp Nhà nước:

Luận cứ khoa học cho việc xây dựng đề án tiền lương mới.

Dự định khoa học

Nghiên cứu cơ chế phân phối, cơ chế tiền lương, tiền công của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Lời Tiến sĩ

Hiện nay nước ta vẫn thuộc diện nước nghèo, vì vậy chúng ta phải vươn lên để thu hẹp dần khoảng cách. Trong sự nghiệp này tri thức và khoa học đóng vai trò vô cùng quan trọng nếu như không nói là quyết định. Tuy nhiên, nghiên cứu khoa học cần xuất phát từ đòi hỏi của cuộc sống và lý giải những vấn đề thực tiễn đặt ra thì mới đáp ứng được yêu cầu và xứng đáng với vị trí tiên phong trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.



PHAN THÚC HUÂN

Giang Sơn

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 20 - 5 - 1943.
Quê quán: Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 19 đường Bàn Cờ - Quận 3 - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện điều tra quy hoạch Bộ Lâm nghiệp.
Giảng viên Trường Lâm nghiệp Quảng Ninh.
Giảng viên Trường Đại học Nông nghiệp IV thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện giảng dạy kinh tế và quản lý kinh tế Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh và một số trường đại học, học viện.
Thành viên nhiều hội khoa học.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Kinh tế.

Đề tài luận án

Một số vấn đề kinh tế sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu hoa lan, cây cảnh Việt Nam.

Nội dung

Mở rộng ngành nghề sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam.
Khai thác tiềm năng thiên nhiên, lao động, thị trường trong nước đặc biệt là thị trường thế giới đem lại kim ngạch xuất khẩu.
Tạo thêm công ăn việc làm cho xã hội.
Mở rộng ngành hàng xuất khẩu và hợp tác kinh tế với thế giới.
Xác định vị trí, vai trò của ngành sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu hoa lan, cây cảnh.
Phân tích đặc điểm, tiềm năng, hiện trạng sản xuất, thị trường, kinh doanh, xuất khẩu hoa lan, cây cảnh Việt Nam đặc biệt là ở thành phố Hồ Chí Minh và Đà Lạt.
Xây dựng dự án phát triển ngành sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu hoa, lan, cây cảnh Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Phát triển sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu điều Việt Nam.
Phát triển sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu hoa, lan, cây cảnh Việt Nam.
Dự án phát triển khu du lịch cáp treo.
Xuất khẩu gạo và những giải pháp kinh tế, kỹ thuật nhằm phát triển xuất khẩu gạo Việt Nam.
Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, tình hình, nguyên nhân và các giải pháp thúc đẩy.
Những vấn đề môi trường đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam.
Gia nhập ASEAN, tham gia AFTA và CEPF và các giải pháp ổn định phát triển.
Tài nguyên - Môi trường và những giải pháp góp phần vào công cuộc phát triển bền vững ở Việt Nam.
Bước đầu nghiên cứu mô hình phát triển kinh tế Việt Nam.
Tài nguyên rừng - những giải pháp bảo vệ, nâng cao hiệu quả kinh tế tài nguyên rừng và môi trường Việt Nam.
Phát triển kinh tế hiện đại trong thế kỷ XX.
Sự phân hoá giàu - nghèo và các giải pháp chính sách giảm phân hoá giàu - nghèo.
Nền kinh tế tri thức - con đường và giải pháp tiến tới nền kinh tế tri thức của Việt Nam.
Sách đã xuất bản:
Cây điều - Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
Nuôi trồng phong lan xuất khẩu (đồng tác giả) - Nxb Nông nghiệp.
Hoa, lan, cây cảnh và các vấn đề kinh doanh xuất khẩu Việt Nam - Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
Orchids - Atouch of Exotic - Xuất bản tại Đức.
Kinh tế ngành hoa, lan, cây cảnh - Nxb Nông nghiệp.
Hoa lan nuôi trồng và kinh doanh. Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
Tổ chức quản lý xí nghiệp nông nghiệp (đồng tác giả). Trường Đại học Kinh tế.
Kinh tế phát triển (đồng tác giả). Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
Kinh tế học phát triển tập I. Nxb Tài chính Hà Nội.
Kinh tế học phát triển. Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

Dự định khoa học

Nghiên cứu kinh tế học phát triển.
Kinh tế tri thức.
Mô hình phát triển kinh tế thành phố Hồ Chí Minh và Việt Nam.



LÊ THANH HUẤN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 3 - 7 - 1938
Quê quán: Văn Xá - Kim Bảng - Hà Nam
Chỗ ở hiện nay: Nhà B1 - Tổ 32 Phương Liên - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học xây dựng tại Mátxcơva Liên Xô cũ.
Kỹ sư Viện thiết kế dân dụng - Bộ Kiến trúc; Nghiên cứu sinh tại Mátxcơva Liên Xô cũ; Trưởng bộ môn Kết cấu, nền móng công trình;Trưởng đoàn thiết kế Việt Nam trên công trình thuỷ điện Sông Đà; Thực tập sinh cao cấp tại Matxcơva - Liên Xô cũ; Giám đốc văn phòng Tư vấn xây dựng kiến trúc - Công ty tư vấn xây dựng dân dụng Việt Nam; Chủ nhiệm bộ môn kết cấu bê tông gạch đá Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
Uỷ viên Hội đồng KHKT Bộ Xây dựng - Uỷ viên Ban chấp hành Hội Kết cấu và công nghệ xây dựng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1970
Tại Đại học Xây dựng Quybuxép Matxcơva Liên Xô cũ.
Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp.
Chuyên ngành Kết cấu bê tông cốt thép.

Đề tài luận án

Nghiên cứu trạng thái ứng suất biến dạng mái vỏ thoải bê tông cốt thép với các biên tựa trên các dãy cột.

Nội dung

Mái vỏ mỏng bê tông cốt thép là một trong những dạng kết cấu không gian vượt được khẩu độ lớn, được sử dụng rất hiệu quả trong xây dựng dân dụng và công nghiệp với chi phí vật liệu giảm từ 20 đến 40% so với các kết cấu phẳng thông thường. Tuy nhiên lý thuyết tính toán khá phức tạp với việc sử dụng các công cụ toán học cồng kềnh.

Luận văn đã nghiên cứu và giải quyết bài toán cho loại vỏ thoải cong hai chiều với đường lối riêng và phù hợp với các điều kiện biên của kết cấu bê tông, tìm được lời giải cho bài toán biên tựa trên các dãy cột ở vùng biên vỏ. Những nghiên cứu được đối chứng với các kết quả thí nghiệm mô hình được gia công và đo bằng các máy đo tự động.

Thành tựu khoa học

Chủ trì một số đề tài nghiên cứu ứng dụng má vỏ mỏng bê tông cốt thép trong xây dựng tại Việt Nam; Cải tiến hệ khung bê tông cốt thép trong xây dựng nhà ở (cấp Nhà nước); Thiết kế, chế tạo và xây dựng thực nghiệm hệ kết cấu sàn lắp ghép bằng các tấm sàn dùng bê tông nhẹ từ tro nhiệt điện; Các mẫu nhà ở cho vùng ngập lụt miền Trung (cấp Bộ); Thiết kế, ứng dụng công nghệ mới, hệ sàn bê tông cốt thép ứng lực trước dùng cáp không dính kết vào xây dựng nhà cao tầng tại Việt Nam (cấp Bộ); Một số đồ án đã được xây dựng ở Hà Nội, Vũng Tàu (6 công trình từ 7 đến 19 tầng đã xây dựng, dùng hệ sàn này); Ứng dụng hệ kết cấu không gian dạng lưới trong xây dựng công trình khẩu độ lớn (tham gia - cấp Bộ).
Chủ nhiệm các dự án:
Các hầm phòng không và các công trình bảo vệ cho người Bưu điện truyền thanh trong các năm chống Mỹ cứu nước Gia cố tháp cổ Bình Sơn; Tháp truyền hình Tam Đảo. Trụ sở Bộ Xây dựng; Gia cố hệ thống vì kèo bê tông cốt thép Hội trường Ba Đình bằng phương pháp căng ngoài kết cấu. Cao ốc 23 tầng số 5 Lê Duẩn - TPHCM; Cụm công trình Đại học Quốc gia Hà Nội; Chợ Vườn hoa thành phố Thanh Hoá với kết cấu mái vỏ bê tông cốt thép lớn nhất trong nước từ trước đến nay; Trung tâm thông tin Hàng hải quốc tế với hệ sàn phẳng dùng công nghệ bê tông ứng lực trước 19 tầng.
Cải tạo, nâng cấp sân vận động Hoàng gia Campuchia.
Cung thể thao tổng hợp Quần Ngựa Hà Nội.
Sách đã xuất bản:
Mái vỏ mỏng bê tông cốt thép - Nxb Xây dựng; *Tính toán và thiết kế nhà khung bê tông cốt thép nhiều tầng.* Nxb Xây dựng (soạn dịch); *Nghiên cứu trạng thái ứng suất biến dạng của các mái vỏ bê tông trong điều kiện xây dựng và khí hậu Việt Nam* (tiếng Nga). Trường Đại học xây dựng Matxcơva; *Tính toán nhà cao tầng* (chủ biên) - giáo trình *"Nhà cao tầng"* (sẽ xuất bản).
Huân chương kháng chiến hạng ba
Huy chương Vì sự nghiệp xây dựng.
Được phong Phó giáo sư năm 1984.

Dự định khoa học

Hướng dẫn học sinh cao học, nghiên cứu sinh.
Biên soạn sách, giáo trình.

Lời Tiến sĩ

Mong Nhà nước có những chính sách để nhân tài đất nước ngày một nhiều lên chứ không bị thui chột đi.



PHẠM QUANG HUẤN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 10 - 12 - 1940.
Quê quán: Hồng Việt - Đông Hưng - Thái Bình
Chỗ ở hiện nay: 6/120B Tổ 59A phường Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học cơ điện Thái Nguyên.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Bách khoa Lêningrat, Liên Xô cũ.
Công tác tại Ban Điều khiển học, Uỷ ban khoa học kỹ thuật Nhà nước.
Phó Chủ nhiệm khoa Trường Đại học Cơ điện Thái nguyên.
Trưởng phòng nghiên cứu, Phó trưởng ban nghiên cứu tổng hợp, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.
Cộng tác viên khoa học - Viện các vấn đề kinh tế thuộc Hội đồng tương trợ kinh tế.
Trưởng ban Chính sách phát triển và cơ cấu kinh tế - Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.
Chuyên viên cao cấp - Ban chỉ đạo đổi mới quản lý doanh nghiệp trực thuộc Thủ tướng Chính phủ.
Tham gia giảng dạy tại Trường Đại học Quản trị và kinh doanh Hà Nội.
Hội viên Hội kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1973
Tại Đại học Bách khoa Lêningrat, Liên Xô.

Đề tài luận án

Những vấn đề hoàn thiện tổ chức kiểm tra kỹ thuật trong công nghiệp cơ khí.

Nội dung

Chất lượng sản phẩm là tổ hợp các đặc tính về chức năng hoạt động, về thẩm mỹ và về kinh tế của sản phẩm làm cho sản phẩm thoả mãn nhu cầu nhất định của người tiêu dùng. Chất lượng sản phẩm được hình thành trong quá trình thiết kế, được đảm bảo trong quá trình sản xuất và được thực hiện trong sử dụng và liên quan đến nhiều ngành khoa học công nghệ. Do đó cần thiết phải có hệ thống quản lý chất lượng toàn diện (quản lý đồng bộ). Nâng cao chất lượng và đảm bảo chất lượng đã cho nằm trong hệ thống quản lý thống nhất chất lượng sản phẩm. Luận án đề cập đến các vấn đề hoàn thiện hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm, thiết kế hệ thống phân tích và cảnh báo phế phẩm, thiết kế phương pháp phân tích độ chính xác trong chế tạo cơ khí và phương pháp kiểm tra sản phẩm (chủ yếu là các phương pháp thống kê và một số phương pháp tiên tiến khác mới xuất hiện) trong điều kiện sản xuất cơ khí loại nhỏ; lập phương pháp tính toán hiệu quả kinh tế do việc thực hiện các biện pháp được kiến nghị.

Thành tựu khoa học

Những công trình nghiên cứu khoa học:
Thực trạng của việc đổi mới kinh tế từ sau Đại hội VI đến nay (cấp Nhà nước- chủ trì).
Những bài học về đổi mới, sắp xếp và phát triển doanh nghiệp nhà nước (cấp Bộ - tham gia).
Kinh tế nhà nước và quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước - những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam (cấp Bộ - tham gia).
Trên 50 bài nghiên cứu khoa học đã công bố trên các báo, tạp chí trong và ngoài nước.
Biên soạn các giáo trình đại học
Kinh tế tổ chức và quản lý xí nghiệp công nghiệp.
Tính hiệu quả kinh tế trong thiết kế đồ án tốt nghiệp.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ.
Được phong Phó Giáo sư năm 1992.

Dự định khoa học

Giảng dạy đại học, trên đại học.
Nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

Lời Tiến sĩ

Làm khoa học cần phải có tài và tâm. Rất buồn là trong đội ngũ các nhà khoa học của ta hiện nay vẫn còn tồn tại một số "học giả" nhưng hưởng thật. Họ vừa không có tài vừa thiếu tâm, mượn danh khoa học để mưu cầu lợi ích riêng.



TRẦN HỮU HUỀ

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 21 - 10 - 1941.
Quê quán: An Vĩ - Khoái Châu - Hưng Yên
Chỗ ở hiện nay: Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng dạy tại Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Chuyên gia giáo dục tại Trung tâm Đại học Tiaret - Algérì.
Hiện là giảng viên Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982
Tại Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Chuyên ngành Hoá học - Hoá lý.

Đề tài luận án

Nghiên cứu tính chất nhiệt động của một số hệ lỏng bậc 2, bậc 3 bằng phương pháp cân bằng lỏng - hoá.

Nội dung

Nghiên cứu tính chất nhiệt động của các hệ lỏng bậc hai: Benzen - Axêtôn, Benzen - Xyclohexan, Axêtôn - Xyclohexan. Trên cơ sở đó nghiên cứu tính chất của hệ bậc ba Benzen - axêtôn - xyclohexan.

Xây dựng một phương pháp mới xử lý các dữ kiện thực nghiệm nghiên cứu các hệ lỏng bậc hai trên máy tính bằng ngôn ngữ FORTRAN. Nghiên cứu tính chất của hệ bậc hai etanol - nước. ảnh hưởng của $CaCl_2$, $Ca(NO_3)_2$ và hỗn hợp hai muối trên đến cân bằng lỏng - hơi của hệ trên, xây dựng phương pháp dùng hiệu ứng muối điều trị C_2H_5OH tuyệt đối.

Thành tựu khoa học

Dùng một số biện pháp hoá học sạch để loại Fe trong nước giếng khoan dùng cho sinh hoạt.

Dự định khoa học

Nghiên cứu một số biện pháp làm sạch môi trường nước sinh hoạt và nước sạch cho nông nghiệp.

Lời Tiến sĩ

Lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật của nước ta được đào tạo từ nhiều nguồn nên khá mạnh, theo kịp được yêu cầu phát triển của đất nước. Tuy nhiên lực lượng đó còn rất phân tán, chưa thực hiện được các định hướng chiến lược của nhà nước.
Việc đào tạo trên đại học được mở rộng nhưng thiếu chặt chẽ, việc tuyển chọn còn dễ dãi và không tránh khỏi các tiêu cực do đó ảnh hưởng không tốt đến các luận án trên đại học.



BÙI VĂN HUỆ

Tiến sĩ Tâm lý

Sinh ngày: 10 - 10 - 1945.
Quê quán: Bạch Đằng - Đông Hưng - Thái Bình
Chỗ ở hiện nay:
19 đường Chùa Láng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô.
Giảng viên Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
Chủ nhiệm bộ môn khoa Tâm lý giáo dục Đại học Sư phạm Hà Nội.
Trưởng phòng Đào tạo Đại học Sư phạm Hà Nội.
Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng uỷ Đại học Sư phạm Hà Nội. Kiêm Phó Bí thư Đảng uỷ Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hiện là Vụ trưởng Vụ Giáo viên - Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Hội viên Hội Tâm lý Giáo dục Việt Nam.
Được phong Phó giáo sư năm 1991.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1978.
Tại Viện Nghiên cứu Tâm lý học đại cương và sư phạm - Viện Hàn lâm Khoa học Giáo dục Liên Xô.
Ngành Tâm lý học

Đề tài luận án

Tự đặt bài tập với tư cách là phương tiện học tập và chẩn đoán.

Nội dung

Tư duy sáng tạo của con người nói chung, của học sinh nói riêng không chỉ được bộc lộ, hình thành và phát triển trong khi giải quyết vấn đề mà còn được bộc lộ, hình thành và phát triển khi đặt được các vấn đề cần phải giải quyết. Bằng lý luận tâm lý học và thực nghiệm khoa học, tác giả luận án đã chứng minh tự đặt bài tập của học sinh chẳng những là phương tiện học tập có hiệu quả mà còn là công cụ chẩn đoán một cách hiệu nghiệm tư duy sáng tạo, tư duy lý luận của các em học sinh.

Thành tựu khoa học

Sách và giáo trình đã xuất bản:
Tâm lý học xã hội (đồng tác giả). Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Tâm lý học xã hội - mấy vấn đề lý luận (đồng tác giả). Nxb Khoa học xã hội.
Hồ Chí Minh những vấn đề tâm lý học (đồng tác giả). Viện Tâm lý.
Hiểu con mới dạy được con - Nxb Giáo dục.
Tâm lý học - Nxb Đại học Quốc gia.
Tâm lý học tiểu học - Trường ĐHSP Hà Nội.
Cơ sở tâm lý học của giáo dục dân số - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Cơ sở khoa học của giáo dục dân số (đồng tác giả) - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Giáo trình tâm lý tiểu học - Nxb Giáo dục.
Giáo trình tâm lý học - Nxb Đại học Quốc gia.
Sách dịch và hiệu đính:
Tâm lý học cá nhân (đồng dịch giả) - Nxb Giáo dục.
Tâm lý học sư phạm (đồng dịch giả) - Nxb Giáo dục.
Các dạng khái quát trong dạy học (hiệu đính) - Nxb Đại học Quốc gia.
Những vấn đề lý luận và phương pháp luận tâm lý học (hiệu đính) - Nxb ĐHQG Hà Nội.
Chủ trì và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu cấp Bộ; nhiều bài báo đăng trên các báo, tạp chí...

Dự định khoa học

Nghiên cứu tâm lý học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên, chất lượng giáo dục phổ thông. Viết giáo trình, sách tham khảo đào tạo đại học, sau đại học chuyên ngành tâm lý học, viết chuyên khảo phổ biến, ứng dụng các thành tựu tâm lý học trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội và giáo dục.



NGUYỄN CẢNH HUỆ

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 10 - 3 - 1958.
Quê quán: Xuân Thành - Yên Thành - Nghệ An
Chỗ ở hiện nay: 1A/8 Phù Đổng Thiên Vương - thành phố Đà Lạt.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy lịch sử, Đại học Tây Nguyên.
Nghiên cứu sinh tại khoa Phương Đông, Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Taskent, Uzobekixtan.
Phụ trách khoa Lịch sử, Đại học Đà Lạt.
Phó Trưởng khoa KHXH & NV, Đại học Đà Lạt
Hiện là Trưởng khoa Lịch sử, Đại học Đà Lạt.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Taskent, Uzobekixtan.
Chuyên ngành Lịch sử thế giới.

Đề tài luận án

Quan hệ chính trị Cămpuchia - Ấn Độ từ 1979-1991.

Nội dung

Quan hệ chính trị Cămpuchia - Ấn Độ từ 1979-1991, phân tích tình hình chính trị Cămpuchia từ 1979-1991; quan hệ chính trị, kinh tế Ấn Độ - Cămpuchia trước 1979; quan hệ chính trị - ngoại giao Cămpuchia - Ấn Độ từ 1979-1991.
Ấn Độ với việc công nhận chính phủ Cộng hoà nhân dân Cămpuchia, tác giả phân tích quan điểm của Chính phủ Ấn Độ đối với chính phủ nước Cộng hoà nhân dân Cămpuchia; cuộc đấu tranh của các chính đảng và vai trò của các tổ chức xã hội Ấn Độ vì sự công nhận chính phủ của ông Hêng Xom Rin.
Vấn đề Cămpuchia và quan điểm của Ấn Độ, tác giả làm nổi bật nguyên nhân xuất hiện, quá trình phát triển và thực chất của "vấn đề Cămpuchia"; quan điểm của chính phủ, của các chính đảng, các tổ chức xã hội đối với vấn đề Cămpuchia và cách giải quyết vấn đề hết sức phức tạp này.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài:
Quan hệ giữa các nước Đông Dương với Ấn Độ từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 (cấp Bộ).
Các nhà nho Việt Nam đối với cuộc xâm lược của thực dân Pháp vào nửa sau thế kỷ XIX (cấp Bộ).
Các công trình đã công bố:
Vài nét về mối quan hệ Việt Nam - Ấn Độ;
Những sự kiện đáng nhớ trong lịch sử quan hệ Việt Nam - Ấn Độ từ cuối những năm 20 đến nay;
Những thuận lợi và thách thức khi Việt Nam gia nhập ASEAN;
Suy nghĩ về ASEAN bước vào thế kỷ XXI - những thuận lợi và khó khăn;
Tìm hiểu tư tưởng hoà bình trong chính sách đối ngoại của nước Cộng hoà Ấn Độ;
Quan hệ chính trị Việt Nam - Ấn Độ từ 1975-1996;
Sự tác động của xu thế khu vực hoá, quốc tế hoá đối với nền kinh tế Việt Nam;
Quá trình đô thị hoá ở Đà Lạt và một số vấn đề đang đặt ra hiện nay;
Triều Nguyễn với vấn đề cải cách, duy tân đất nước vào nửa sau thế kỷ XIX;
Về nguyên nhân thất bại của các đề nghị cải cách, duy tân vào nửa sau thế kỷ XIX ở Việt Nam.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về quan hệ giữa Ấn Độ với Việt Nam và các nước Đông Dương.
Nghiên cứu về ASEAN và quá trình hội nhập của Việt Nam vào ASEAN...



NGUYỄN ĐỨC HUỆ

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 8 - 11 - 1937.
Quê quán: Xuân Canh - Đông Anh - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể Lò Đúc trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Hoá hữu cơ.
Thành viên Hội Hoá học Việt Nam, Hội phân tích Hoá, Lý, Sinh học.
Được phong Phó Giáo sư năm 1984.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1970
Tại Trường Đại học Tổng hợp Lômônôxốp, Mátxcơva.
Chuyên ngành Hoá hữu cơ

Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học năm 1996
Tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Chuyên ngành Hoá hữu cơ.

Đề tài luận án Tiến sĩ khoa học

Phản ứng cộng nucleophin vào nối đôi cacbon-cacbon hoạt động và ứng dụng trong phân tích hữu cơ.

Nội dung

Dựa vào nghiên cứu động học phản ứng của hàng loạt (15 olefin hoạt động) với các nucleophin (26 amin) để giải thích ảnh hưởng của dung môi đến tốc độ phản ứng cộng hợp, đề xuất và khẳng định cơ chế phản ứng cộng hợp của amin với olefin hoạt động, xây dựng các phương trình tương quan đánh giá định lượng khả năng của các amin với olefin hoạt động, thang độ nucleophine của các olephin hoạt động, thang độ nuclephin của các amin, xây dựng các phương trình đánh giá định lượng đồng thời khả năng phản ứng của các nuclephin và electrophin, xây dựng các phương trình định lượng đánh giá ảnh hưởng của dung môi đến tốc độ phản ứng cộng hợp.
Xây dựng các phương pháp khác nhau để xác định các olefin hoạt động và sử dụng các olefin hoạt động làm thuốc thử xác định các nhóm OH,SH, NH_2 và NH.

Thành tựu khoa học

Đào tạo hướng dẫn nhiều cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ hoá học.

Soạn và tham gia soạn nhiều giáo trình chuyên ngành.

Sách đã xuất bản:

Phương pháp phân tích hữu cơ.

Đã công bố trên 70 công trình khoa học (bài báo và báo cáo khoa học).

Chủ trì một số đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước (Đioxin), cấp bộ (Axit humic) và nhiều đề tài cấp trường.

Bằng lao động sáng tạo.

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Nhà giáo ưu tú.

Huân chương chống Mỹ hạng ba.

Dự định khoa học

Nghiên cứu hoá môi trường và viết sách.



TRỊNH NGỌC HUỆ

Tiến sĩ Trắc địa

Sinh ngày: 10 - 4 - 1938.
Quê quán: Định Tăng - Yên Định - Thanh Hoá
Chỗ ở hiện nay: Khu B Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Quá trình công tác

Giảng dạy, nghiên cứu thuộc môn Trắc địa, khoa Trắc địa Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Phó Chủ nhiệm bộ môn Trắc địa.
Thành viên.
Hội Trắc địa và Viễn thám Việt Nam.
Chi hội Việt - Nga trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Hội Thiên văn Vũ trụ Việt Nam.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Trường Đại học Trắc địa Mátxcơva.
Ngành Trắc địa cao cấp.
Chuyên ngành Thiên văn trắc địa.

Đề tài luận án

Xử lý và phân tích theo phương pháp luận công tác đo thiên văn đã hoàn thành ở Việt Nam.

Nội dung

Dựa vào các điều kiện quan sát thuận lợi nhất đối với vùng gần xích đạo để phân tích các phương pháp đo thiên văn ở Việt Nam.
Ứng dụng các phương pháp kết hợp Talcott và Pêvxôv để xác định độ vĩ ở gần xích đạo đạt độ chính xác cao nhất.
Ứng dụng phương pháp phương vị linh hoạt để xác định độ vĩ với độ chính xác thấp hơn và thời gian nhanh hơn so với các phương pháp Talcott và Pêvxôv. Ngoài ra còn tận dụng được lịch sao Xinghe sẵn có.
Đề xuất biện pháp khắc phục nhược điểm của phương pháp Talcott trong khi quan sát các cặp sao Talcott để xác định độ vĩ thì ta quan sát các cặp sao thang vạch để xác định giá trị vòng của vòng đo bộ đo cực nhỏ kính mắt.
Chính xác hoá việc chọn các cặp sao Xinghe để xác định độ kinh đạt độ chính xác cao nhất.
Đã đề xuất phương pháp xác định góc phương vị trắc địa ở miền Bắc Việt Nam khi dùng sao Bắc Cực là ngôi sao bắc cố định trong các cặp sao.
Đã ứng dụng phương pháp xác định góc phương vị thiên văn bằng quan sát các ngôi sao ở vị trí có khoảng cách lớn ở miền Nam Việt Nam. Theo điều kiện địa lý thì phương pháp này có độ chính xác không thua kém và điều kiện quan sát còn dễ dàng hơn so với phương pháp góc giờ sao Bắc Cực.
Đã xác định các số liên hệ giữa kết quả đo thiên văn và thời gian đo thiên văn.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Chủ biên và tham gia biên soạn nhiều giáo trình, tài liệu
Từ điển bách khoa thiên văn học (tham gia). Nxb Khoa học và kỹ thuật.
Về vai trò của môn học đo thiên văn trong đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành trắc địa. Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Độ chính xác xác định phương vị GPS. Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.
Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp bộ:
Khảo sát và so sánh độ chính xác xác định phương vị GPS và phương vị thiên văn.
Tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh.
Huy chương kháng chiến hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Tham gia biên soạn giáo trình trắc địa cao cấp.



VÕ THỊ KIM HUỆ

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 10 - 5 - 1954
Quê quán: Bình Hoà - Tây Sơn - Bình Định
Chỗ ở hiện nay:
107 - C5 Hoàng Ngọc Phách - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp bác sĩ nhi khoa tại Trường Đại học Y Nhi khoa, Xanh Pêtecbua, Liên bang Nga.
Bác sĩ điều trị tại khoa Hô hấp - Viện nhi khoa quốc gia.
Thực tập sinh về các bệnh đường hô hấp tại Viện trường Uppsala và Stockholm, Thuỵ Điển.
Bác sĩ điều trị tại khoa Nội tiết - Chuyển hoá - Di truyền, Viện Nhi khoa quốc gia.
Thực tập sinh về các bệnh nội tiết tại Bệnh viện Nhi Hoàng gia Melbourne, Australia.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Y Hà Nội.
Hội viên Hội Nhi khoa Việt Nam.
Hội Nội tiết & Tiểu đường Hà Nội.
Thành viên Viện Hàn lâm Nhi khoa Hoa Kỳ.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Nhi khoa

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu chẩn đoán và điều trị bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh thiếu enzym 21-Hydroxylase ở trẻ em.

Nội dung

Tăng sản thượng thận bẩm sinh (TSTTBS) là bệnh di truyền do thiếu enzym 21-Hydroxylase (21-OH) dẫn đến rối loạn tổng hợp hormon vỏ thượng thận, gây TSTTBS thể mất muối và tử vong ở trẻ sơ sinh, hoặc nếu ở trẻ từ 2-3 tuổi thì gây thể nam hoá đơn thuần, gồm dậy thì sớm ở trẻ trai và chuyển giới tính ở trẻ gái. Bệnh điều trị được bằng thay thế hormon, dự phòng được bằng phát hiện dị hợp tử và chẩn đoán trước sinh. Để góp phần giảm tỷ lệ tử vong cũng như tỷ lệ biến chứng do điều trị muộn hoặc điều trị không thoả đáng cho bệnh nhân TSTTBS, đề tài nghiên cứu đã đưa ra được kết quả phân tích các dấu hiệu lâm sàng và cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán sớm áp dụng ở các tuyến y tế cơ sở và các xét nghiệm có giá trị chẩn đoán xác định áp dụng ở tuyến y tế trung ương, đồng thời đã đưa ra các chỉ số theo dõi nhằm nâng cao hiệu quả điều trị bệnh. Lần đầu tiên xác định được một loại đột biến mất 8 đôi bazơ gây gen CYP21 gây TSTTBS thiếu enzym 21-OH ở trẻ em Việt Nam, góp phần vào phát triển kỹ thuật chẩn đoán bệnh trước sinh cho thai nhi tại Việt Nam trong tương lai.

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài khoa học cấp Nhà nước:
Nghiên cứu thực trạng sức khoẻ và mô hình bệnh tật trẻ em Việt Nam. Đề xuất các biện pháp khắc phục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu lựa chọn tiến bộ khoa học kỹ thuật và xây dựng mô hình hồi sức cấp cứu nhi khoa phù hợp các tuyến nhằm giảm tỷ lệ tử vong trẻ em trong 24 giờ đầu vào viện.
Nghiên cứu áp dụng các kỹ thuật sinh học phân tử phát hiện các loại đột biến gen CYP21 vào chẩn đoán xác định, chẩn đoán trước sinh và phát hiện dị hợp tử, làm cơ sở cho tư vấn di truyền và điều trị trước sinh bệnh TSTTBS tại Việt Nam trong tương lai.

Lời Tiến sĩ

Tôi có nguyện vọng được Nhà nước tạo điều kiện cho ngành nhi khoa ngày một phát triển, thông qua việc tăng cường đầu tư cho công tác đào tạo các bác sĩ, y tá chuyên khoa nhi (đại học và sau đại học), cho các công trình nghiên cứu chăm sóc sức khoẻ trẻ em, vì một nhận thức chung: "Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai".



ĐÀO TRỌNG HÙNG

Hiển Phong

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 8 - 12 - 1939.
Quê quán: Cổ Am - Vĩnh Bảo - Hải Phòng
Chỗ ở hiện nay: 115 Hai Bà Trưng - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy, Trưởng bộ môn Chế biến thuỷ sản - Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
Nghiên cứu sinh ở Rumani.
Trưởng bộ môn Sinh học, Trưởng phòng Giáo vụ khoa học - Trường Đại học Thuỷ sản.
Phó hiệu trưởng, Hiệu trưởng Trường Đại học Thuỷ sản kiêm Giám đốc Trung tâm nghiên cứu thuỷ sản III.
Viện trưởng Viện Nghiên cứu một số vấn đề giáo dục - đào tạo phía Nam.
Phó Chủ tịch Hội Tâm lý - Giáo dục thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học năm 1970.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Bucaret - Rumani.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Vi sinh vật thực phẩm.

Đề tài luận án

Đóng góp vào sự tìm hiểu sự nảy mầm của nha bào giống vi sinh vật hiếu khí Bacillus trong các thịt tươi sống.

Nội dung

Nghiên cứu thành công cơ sở lý luận cấu trúc thành phần hoá học của Nha bào (Spore) giống Bacillus để từ đó nghiên cứu các tác nhân ảnh hưởng của nhiệt độ, của môi trường pH trong môi trường nuôi cấy, của nồng độ muối, thời gian và tác nhân của một số chất hoá học đến sự phá cấu trúc nha bào, làm cho nha bào nảy mầm. Việc nghiên cứu hiện tượng nảy mầm của nha bào có ý nghĩa thực tiễn quan trọng trong qui trình sản xuất đồ hộp thực phẩm có qua thanh trùng. Nếu không thực hiện việc cho nha bào nảy mầm trước thì nha bào khi gặp điều kiện thuận lợi trong đồ hộp sẽ tiếp tục nảy mầm sinh khối vi khuẩn, nguyên nhân của hiện tượng sinh khí phồng hộp thực phẩm trong thời gian bảo quản. Luận án còn có giá trị đặc biệt là đã phân lập được loài Bacillus laterosporus có trong thịt bò tươi để tạo nguồn sản sinh chất kháng sinh Laterosporine trong dược phẩm. Loài phân lập được giáo sư hướng dẫn cho phép đặt tên là Bacillus laterosporus Đào.

Thành tựu khoa học

Giảng dạy đại học, cao học.
Chủ nhiệm 17 đề tài nghiên cứu khoa học và dự án cấp Bộ, tỉnh, thành và đề tài độc lập cấp Nhà nước.
Trên 30 bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành.
Trên 10 tham luận, hội thảo quốc gia, quốc tế đã in trong kỷ yếu.
Viết một số giáo trình, tài liệu giảng dạy đại học.
Tham gia hướng dẫn luận văn thạc sĩ.
Huân chương kháng chiến hạng ba.
Huân chương lao động hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp nghề cá.
Vì thế hệ trẻ.
Chiến sĩ thi đua thành phố Hà Nội.
Nhà giáo ưu tú 1997.
Được phong Phó Giáo sư năm 1984.

Dự định khoa học

Nghiên cứu công nghệ sinh học - sinh khối tế bào, tạo chế phẩm sinh học qua đường lên men; phân lập vi sinh vật phục vụ nông nghiệp và thực phẩm chất lượng cao.
Nghiên cứu lý luận giáo dục, lý luận dạy học đại học, sau đại học.

Lời Tiến sĩ

Đất nước đã tạo điều kiện cho tôi được học tập trong thời gian chiến tranh ác liệt, để tôi được tiếp cận với tri thức hiện đại. Để đền đáp lại công ơn đó, tôi đã và sẽ cống hiến trọn đời mình cho đất nước yêu quí của tôi, cho sự nghiệp khoa học.



ĐẶNG NGỌC HÙNG

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 2 - 2 - 1947.
Quê quán: Yên Dũng, Hà Bắc
Chỗ ở hiện nay: 22/26 Ngõ Xã Đàn 2 - Nguyễn Lương Bằng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội và Đại học Quân Y
Bác sĩ chiến trường B1, Quân khu V.
Nghiên cứu sinh tại Minxcơ, Liên Xô cũ.
Phó Giám đốc Bệnh viện 103, Học viện Quân y.
Hiện là Đại tá, Giám đốc Bệnh viện 103 - Học viện Quân y.
Phó tổng thư ký Hội Ngoại khoa Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982
Tại Minxcơ, Liên Xô.
Chuyên ngành Ngoại khoa (y học).

Đề tài luận án

Lâm sàng, chẩn đoán và điều trị thông liên nhĩ ở người lớn.

Nội dung

Hàng năm ở Liên Xô có khoảng 20.000 trẻ em sinh ra có dị tật bẩm sinh và tử vong khoảng 8.000. Trong số trẻ em bị dị tật bẩm sinh có khoảng 5.000 trẻ em thông liên thất hoặc thông liên nhĩ cần phải phẫu thuật.

Những trẻ em bị tật thông liên nhĩ thường khó chẩn đoán vì triệu chứng lâm sàng biểu hiện không rõ rệt. Khi đến tuổi trưởng thành triệu chứng lâm sàng thể hiện rõ thì tình trạng bệnh nhân đã nặng lên, làm khó khăn cho điều trị ngoại khoa.
Luận án nghiên cứu tiêu chuẩn chẩn đoán thông liên nhĩ ở người lớn với sự trợ giúp của các phương tiện chẩn đoán lâm sàng hiện đại (thông tim).
Nghiên cứu những đặc điểm lâm sàng cơ bản, diễn biến theo giai đoạn bệnh thông liên nhĩ ở người lớn.
Chỉ định và kết quả điều trị thông liên nhĩ ở người lớn với ứng dụng miếng vá lỗ thông bằng màng ngoài tim tự thân.
Kế hoạch theo dõi và khám định kỳ bệnh nhân thông liên nhĩ sau mổ.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu
Trên 50 công trình nghiên cứu đã đăng báo chuyên ngành.
Tham gia viết "Giáo trình bệnh học ngoại khoa sau đại học" tập 1, 2.
Huân chương chiến công hạng ba.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.
Bằng độc quyền giải pháp hữu ích về dụng cụ khâu xương ức do Cục Sáng chế cấp năm 1989.
Giảng viên cao cấp.
Chiến sĩ thi đua.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.
Thầy thuốc ưu tú năm 1998.

Dự định khoa học

Tiếp tục đi sâu nghiên cứu điều trị bệnh bướu cổ, Basedow, bệnh tim mạch, bệnh nhược cơ.

Lời Tiến sĩ

Y học phục vụ con người, vì vậy mọi nghiên cứu và ứng dụng phải nghiêm túc và trung thực.



HÀ MINH HÙNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 4 - 9 - 1954.
Quê quán: Sơn Hoà - Hương Sơn - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: A3 - tập thể Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Donetsk - Ucraina Liên Xô cũ.
Nghiên cứu viên Viện Công nghệ, Viện Nghiên cứu máy - Bộ Cơ khí và Luyện kim; Nghiên cứu sinh Trường Đại học Thép và Hợp kim Mátxcơva Nga; Cộng tác viên khoa học Trường Đại học Thép và Hợp kim Mátxcơva; Nghiên cứu viên chính, Phó trưởng phòng Quản lý Khoa học - Viện Nghiên cứu Cơ khí - Bộ Công nghiệp; Uỷ viên Thường trực Hội đồng Khoa học Công nghệ - Viện Nghiên cứu Cơ khí - Bộ Công nghiệp.
Uỷ viên Hội đồng Đào tạo tiến sĩ kỹ thuật.
Thành viên Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia về "Công nghệ hàn và xử lý bề mặt".

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Trường Đại học Thép và Hợp kim Mátxcơva, Nga.
Ngành Gia công kim loại bằng áp lực.
Chuyên ngành Hàn nổ tạo vật liệu Composite.

Đề tài luận án

Thành lập và ứng dụng công nghệ sản xuất vật liệu Composite chịu mài mòn bằng phương pháp hàn nổ để chế tạo bạc trượt.

Nội dung

Tình hình chung và nhiệm vụ của các vấn đề nghiên cứu.
Vật liệu, thiết bị thí nghiệm và phương pháp luận nghiên cứu;
Ảnh hưởng của chế độ hàn nổ đến độ bền bám dính các băng composite thép + hợp kim nhôm, thép + hợp kim đồng;
Ảnh hưởng của biến dạng khi cán và chế độ nhiệt luyện sau khi hàn nổ đến chất lượng băng composite thép + hợp kim đồng;
Thành lập công nghệ sản xuất công nghiệp để chế tạo bạc trượt bằng vật liệu composite.

Thành tựu khoa học

Một số bài báo khoa học đã công bố:
Ứng dụng năng lượng nổ để phục hồi xylanh giảm xóc xe vận tải mỏ Komashu - HD 320 của Nhật Bản (đồng tác giả); Nghiên cứu quá trình tạo băng Bimêtan thép + hợp kim nhôm làm bạc trượt (đồng tác giả); Áp dụng lý thuyết liên tục về dòng chảy nhớt không tuyến tính để giải bài toán ép nóng bột kim loại (đồng tác giả); Một số thành tựu nghiên cứu khoa học của chương trình KHCN 05; Mô hình toán học công nghệ tạo băng composite kim loại bột trên nền thép bằng thực nghiệm. Phỏng đoán khả năng làm việc của bạc trượt nhiều lớp bằng mô hình toán học qua hàm mục tiêu độ mòn (đồng tác giả).
Đánh giá chất lượng băng thép + hợp kim đồng bằng mô hình toán học mô phỏng (đồng tác giả); Một số công nghệ tiên tiến chế tạo vật liệu hợp kim nhiều lớp làm bạc trượt đã được nghiên cứu áp dụng ở Việt Nam; Nghiên cứu áp dụng công nghệ luyện kim bột tạo vật liệu hợp kim nhiều lớp làm bạc trượt ở Việt Nam; Nghiên cứu áp dụng công nghệ tạo hình tiên tiến để chế tạo tấm điện cực lọc bụi tĩnh điện (đồng tác giả).
Tình hình nghiên cứu, ứng dụng công nghệ luyện kim bột để sản xuất chi tiết máy trên thế giới và Việt Nam (đồng tác giả).
Nghiên cứu thử nghiệm công nghệ ép nóng kim loại bột để chế tạo chi tiết máy; Nghiên cứu khảo sát thiết kế, chế tạo tay biên động cơ ô tô - xe máy (đồng tác giả); Nguyên lý cơ bản tính toán bền tay biên động cơ ô tô - xe máy (đồng tác giả).
Tóm lược thực trạng xe máy Việt Nam; Khả năng ứng dụng điều khiển tự động DCS trong các ngành công nghiệp Việt Nam (đồng tác giả); Kết quả thử nghiệm bạc trượt Composite trên quy mô hiện trường mỏ Quảng Ninh (đồng tác giả).
Nghiên cứu áp dụng công nghệ luyện kim bột chế tạo tay biên động cơ xe máy Honda-C100/110; Áp dụng công nghệ cán uốn chế tạo tấm điện cực lọc bụi tĩnh điện trong công nghiệp (đồng tác giả) và hơn 30 báo cáo khoa học đã công bố; Tham gia một số hội đồng chấm luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học chuyên ngành.
Tham gia đào tạo cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ ngành cơ khí.



NGUYỄN BÍCH HÙNG

Biên Hà, Anh Tuấn
Tiến sĩ Vật lý

Sinh ngày: 01 - 5 - 1937.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 5H cư xá Phan Đăng Lưu - Quận Bình Thạnh - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Toán Đại học Tổng hợp.
Công tác tại phòng Hải văn thuộc Nha khí tượng.
Nghiên cứu sinh ở Ba Lan.
Trưởng phòng Nghiên cứu Hải văn thuộc Viện nghiên cứu Khí tượng Thuỷ văn biển.
Chuyên viên Phân viện Khí tượng Thuỷ văn phía Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1976
Tại Viện Hàn lâm Khoa học Ba Lan.
Chuyên ngành Vật lý

Đề tài luận án

Ứng dụng phương pháp số trị thuỷ động học để nghiên cứu thuỷ triều ở đại dương.

Nội dung

Nghiên cứu các phương pháp sai phân ẩn và hiện (implicit and explicit) để giải các bài toán về thuỷ triều ở biển và đại dương trong điều kiện vật lý khác nhau.

Sau khi xét ưu khuyết điểm của các phương pháp sai phân hữu hạn đã có, phân tích tính ổn định và hội tụ cũng như hiệu quả của các toán tử làm nhẵn được đưa vào, tác giả đưa ra một phương pháp số trị ẩn, chứng minh tính ổn định của nó, khảo sát các điều kiện hội tụ về lý thuyết. Phương pháp này được ứng dụng để tính thuỷ triều cho vùng biển Bắc Cực bằng máy tính điện tử.

Thành tựu khoa học

Chương trình tính thuỷ triều đã được sử dụng ở Nha khí tượng trong hơn chục năm.
Một số bài báo đăng trên Tạp chí *Khoa học địa vật lý* của Ba Lan, và các nội san khí tượng thuỷ văn Việt Nam.
Nhiều đề tài về thuỷ triều cấp Tổng cục và cấp Nhà nước đã nghiệm thu.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.

Lời Tiến sĩ

Đề nghị Nhà nước tạo điều kiện để mọi người có thể tự học tập nghiên cứu làm luận án tiến sĩ. Giành nhiều ưu đãi cho các nhân tài và cả những người có thực đức thực tài (chứ không phải có học vị) làm lãnh đạo.



NGUYỄN ĐINH HÙNG

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 02 - 9 - 1955.

Quê quán: Nam Long - Nam Đàn - Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Xã Hưng Lộc - Thành phố Vinh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Toán Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Công tác tại Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An.

Học cao học tại Đại học Sư phạm Vinh.

Giảng dạy tại Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An.

Nghiên cứu sinh tại Đại học Sư phạm Vinh.

Hiện là giảng viên Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An.

Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997

Tại Trường Đại học Sư phạm Vinh

Ngành Phương pháp giảng dạy toán

Đề tài luận án

Bồi dưỡng tư duy logic cho học sinh trung học cơ sở Việt Nam thông qua dạy đại số lớp 7.

Nội dung

Phân tích quan điểm của các nhà khoa học trong và ngoài nước khi bàn về tư duy logic của học sinh, kết hợp với việc tổng kết thực tiễn luận án đề xuất quan điểm về tư duy logic của học sinh trung học cơ sở.

Tư duy logic của học sinh trong dạy học môn Toán bậc trung học cơ sở là dạng tư duy trừu tượng được đặc trưng bởi các năng lực sử dụng một số yếu tố logic cần thiết trong quy luận và chứng minh toán học để rút ra kết luận trực tiếp từ những tiền đề.

Năng lực phân hoạch ra các trường hợp riêng và kết hợp để rút ra kết luận từ việc khảo sát đầy đủ các trường hợp riêng đó của một số kiểu toán học.

Năng lực khái quát hoá, đặc biệt hoá cùng với các hoạt động trí tuệ liên quan.

Đề xuất các biện pháp khả quan để bồi dưỡng tư duy logic thông qua dạy học đại số lớp 7.

Thành tựu khoa học

Bồi dưỡng năng lực phân hoạch các trường hợp riêng trong giải toán cho học sinh trung học cơ sở.

Bồi dưỡng học sinh sử dụng phép kéo theo khi dạy số học, đại số ở các lớp 6, 7.

Mức độ khái quát hoá trong môn toán ở những lớp đầu cấp trung học cơ sở.

Dạy những vấn đề mới - khó trong chương trình trung học cơ sở, các môn học tự nhiên.

Dự định khoa học

Nghiên cứu biện pháp bồi dưỡng tư duy biện chứng cho học sinh trong dạy học môn toán trường trung học cơ sở.

Lời Tiến sĩ

Hãy dành vị trí xứng đáng cho việc bồi dưỡng tư duy học sinh trong chương trình giáo dục phổ thông.



NGUYỄN MẠNH HÙNG

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 09 - 08 - 1937.
Quê quán: Cổ Loa - Đông Anh - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Số 12 - ngõ 62 Nguyễn Viết Xuân - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Bác sỹ Bộ Y tế; Bác sỹ Bệnh viện khu Việt Bắc; Bác sỹ tại Vĩnh Phúc; Bác sỹ Chủ nhiệm quân y trung đoàn. Chủ nhiệm khoa Bệnh viện Phòng không không quân. Nghiên cứu sinh ở Liên Xô; Bác sỹ, Chủ nhiệm khoa Chẩn đoán chức năng Bệnh viện Trung ương quân đội 108; Thực tập sinh ở Liên Xô; Chủ nhiệm khoa Chẩn đoán chức năng Bệnh viện Trung ương quân đội 108; Bác sỹ cao cấp. Phó Giáo sư; Hội viên Hội tim mạch Việt Nam; Uỷ viên Ban chấp hành Hội sinh lý Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.
Tại Viện Y học quân sự Kirốp - Lêningrat, Liên Xô.
Ngành Điện sinh lý - thần kinh.

Đề tài luận án

Chẩn đoán phân biệt giữa rối loạn ý thức kịch phát và động kinh dựa vào điện não đồ.

Nội dung

Rối loạn ý thức kịch phát là vấn đề cấp thiết đối với bệnh lý thần kinh hiện nay, đặc biệt đối với bệnh lý thần kinh quân đội.
Chẩn đoán phân biệt những cơn rối loạn ý thức là một trong những vấn đề phức tạp có ý nghĩa thực tiễn nhất là những cơn rối loạn ý thức trong thời gian giữa các cơn. Bởi vậy phương pháp bổ trợ đáng tin cậy cho chẩn đoán chính là nghiên cứu dòng điện sinh vật của não.
Những nghiên cứu về điện não đồ trong bệnh động kinh đã có khá đầy đủ nhưng nghiên cứu về điện não đồ trong những cơn ngất không phải do động kinh thì chưa có nhiều luận án làm:
Phân tích những số liệu về điện não đồ thu được của hai nhóm động kinh và không động kinh.
Những biểu hiện lâm sàng chủ yếu của hai nhóm này.
Nghiên cứu những thông số của điện não đồ trong thời gian giữa các cơn vào thời điểm khác nhau: yên tĩnh, thở tăng cường... và khi áp dụng các nghiệm pháp cơ năng.
So sánh các kết quả nghiên cứu của hai nhóm và đưa ra nhận xét giúp chẩn đoán.
Qua nghiên cứu đã thấy rằng:
Điện não đồ của bệnh nhân bị động kinh và ngất không do động kinh khác nhau khá nhiều trong thời gian giữa các cơn.
Tìm ra được những thông số điện não có ý nghĩa và giá trị chẩn đoán tình trạng mất ý thức.
Nếu còn nghi ngờ có thể sử dụng một số thông số bổ sung.

Thành tựu khoa học

Đã tiến hành nghiên cứu 25 đề tài, 6 công trình là đồng tác giả về chuyên ngành điện sinh lý, điện tim, điện não... Những công trình này đã được công bố ở trong và ngoài nước,vận dụng trong điều trị, giảng dạy cho các lớp đại học, trên đại học.
Sách, tài liệu đã xuất bản:
Tổng hợp phân tích điện tâm đồ - Cục quân y; *Hiệu đính hướng dẫn sử dụng máy ghi điện tim; Điện tâm đồ trong sinh lý và bệnh lý.* Nxb Y học (đồng tác giả); *Một số vấn đề xung quanh điện tâm đồ.* Nxb Hậu cần (đồng tác giả); *Điều trị bệnh động kinh; Mấy bài giảng về phương pháp nghiên cứu khoa học; Y học hàng không* (đồng tác giả); *Từ điển bách khoa toàn thư Xô Viết*, dịch trên 3.000 cụm từ về y học; *Chẩn đoán và điều trị các loại động kinh và co giật* (đồng tác giả) Nxb Y học; *Điện não đồ lâm sàng* (sẽ in).
Giảng dạy chuyên khoa I, II và cao học.
Làm phản biện trên 10 đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước ở trong và ngoài quân đội.
Tham gia Hội đồng chấm luận án tiến sĩ, thạc sỹ chuyên khoa II.
Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, hạng nhì, hạng ba.
Huân chương Kháng chiến hạng hai.
Huân chương Chiến công hạng nhất.
Huy chương Vì sức khoẻ nhân dân.
Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
Huy chương quân kỳ quyết thắng.



NGUYỄN QUANG HÙNG

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 2 - 9 - 1943.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 11B ngõ 45 Cự Lộc - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y khoa
Phục vụ chiến trường Lào.
Nghiên cứu sinh tại Tiệp Khắc
Phó chủ nhiệm bộ môn Ngoại kiêm Viện phó Quân y Viện 103 - Học viện Quân y.
Hiện là Giám đốc Bệnh viện 19-8 Bộ Công an.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Ngoại khoa Việt Nam.
Phó Chủ tịch Hội Ngoại khoa hậu môn trực tràng.
Được phong Phó Giáo sư năm 1992.
Thầy thuốc ưu tú 1997

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979
Tại Trường Đại học Tổng hợp Komenske›ho Bratislava Tiệp Khắc.
Ngành Y.
Chuyên ngành Ngoại khoa.

Đề tài luận án

Nghiên cứu những vấn đề nối đường mật với đường tiêu hoá

Nội dung

Bệnh lý tắc mật do sỏi và chít hẹp cơ Oddi là một bệnh lý thường gặp, trong phẫu thuật lấy sỏi ở đường mật trong gan và ngoài gan, phẫu thuật cắt túi mật do sỏi và viêm teo là phẫu thuật thường gặp. Quá trình phẫu thuật: kiểm tra đường mật bị tắc, bị chít hẹp mật không thông xuống tá tràng, ta áp dụng kỹ thuật thay thế đó là nối đường mật với đường tiêu hoá, mục đích là để mật lưu thông xuống ruột.

Nghiên cứu 2420 bệnh nhân mắc bệnh sỏi ống mật và chít cơ Oddi ở khoa ngoại bệnh viện Bratislava.

Tỷ lệ nữ chiếm: 75,7%, nam chiếm: 24,3% - sỏi túi mật đơn thuần và sỏi túi mật kết hợp chiếm tỷ lệ 67%. Trong số này phẫu thuật nối đường mật với đường tiêu hoá là 121 bệnh nhân (5%).

Thống kê kỹ thuật nối đường mật với đường tiêu hoá như sau:

Nối OMC với tá tràng kiểu bên 88 bệnh nhân.

Nối túi mật với tá tràng 18 bệnh nhân.

Nối ống gan với tá tràng 6 bệnh nhân.

Nối OMC với tá tràng kiểu Roux-y 4 bệnh nhân.

Nối OMC hoặc túi mật với dạ dày 4 bệnh nhân.

Nối OMC với tá tràng kèm mở rộng cơ oddi 1 bệnh nhân.

Kết quả theo dõi từ 1 - 5 năm: tốt chiếm 73,9%, trung bình 18%,xấu và tử vong 8,2% (tử vong 2 bệnh nhân). Phẫu thuật nối đường mật với đường tiêu hoá là phẫu thuật không thể thay thế khi đường mật bị chít hẹp hoàn toàn hoặc bị chít hẹp cơ Oddi dịch mật không lưu thông xuống ruột.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu cấp Bộ đã nghiệm thu:
Nghiên cứu khảo sát một số bệnh ở phạm nhân và đối tượng có liên quan đến tệ nạn xã hội, đề xuất biện pháp kiểm soát, ngăn chặn lây nhiễm ra cộng đồng.
Nghiên cứu áp dụng truyền máu tự thân ở một số bệnh Ngoại khoa được phẫu thuật có kế hoạch tại Bệnh viện 19-8 Bộ Công an.
Tham gia giảng dạy đại học trên đại học tại Học viện Quân y.
Tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh, thạc sĩ, chuyên khoa cấp I, II. Tham gia nhiều hội đồng chấm luận án tiến sĩ, thạc sĩ chuyên khoa cấp II tại HVQY, Trường Đại học Y Hà Nội, Đại học Y thành phố Hồ Chí Minh.
Viết giáo trình bệnh học ngoại khoa đại học, trên đại học quân y.
Sách đã xuất bản (đồng tác giả).
Bệnh học ngoại khoa.
Các biện chứng sau phẫu thuật.



NGUYỄN QUỐC HÙNG

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 12 - 9 - 1954.
Quê quán: Đông Thọ - Đông Sơn - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 22A Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Công tác tại Cục Bảo tồn bảo tàng - Bộ Văn hoá - Thông tin.
Trưởng phòng Quản lý di tích - Cục Bảo tồn bảo tàng.
Hiện là Phó Cục trưởng Cục Bảo tồn bảo tàng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Viện Khảo cổ học Việt Nam.
Chuyên ngành Lịch sử.

Đề tài luận án

Các loại hình di tích trong khu phố cổ Hội An.

Nội dung

Luận án nghiên cứu từng loại hình kiến trúc trong khu phố cổ Hội An, những đặc điểm kiến trúc một đô thị thương cảng cổ ven sông giáp biển ở miền trung nước ta, trên cơ sở những tài liệu khảo cổ học và thư tịch. Sự xuất hiện, phát triển và phồn thịnh của đô thị cổ Hội An là kết quả của những sự kiện kinh tế chính trị của nước ta và thế giới từ thế kỷ XV. Thời kỳ bắt đầu phát triển kỹ thuật hàng hải ở phương Tây dẫn đến quá trình người phương Tây đẩy mạnh thám hiểm nhằm tìm kiếm đất đai, nhân lực, tài nguyên ở phương Đông. Sự bế quan toả cảng của chính quyền phong kiến Trung Quốc cùng những chính sách phát triển kinh tế của chúa Nguyễn kết hợp với điều kiện địa lý thuận lợi đã tạo cơ hội cho Hội An trở thành một nơi hội nhân, hội thuỷ, hội hàng hoá, một đô thị thương cảng sầm uất vào các thế kỷ XVI - XVII.

Các kiến trúc cổ đã cho thấy bộ mặt Hội An thời bấy giờ tụ họp thương nhân nhiều nước Nhật Bản, Hoa, Bồ Đào Nha, Hà Lan... đông nhất và lâu nhất là người Hoa, người Nhật Bản. Những người này đã mua đất lập thành phố riêng. Các kiến trúc cổ Hội An độc đáo, được bảo tồn tương đối nguyên vẹn cho đến ngày nay là chứng cứ đích thực của sự giao lưu văn hoá trong lịch sử nước ta và chúng còn có giá trị lớn về nhiều mặt, góp phần cho việc nghiên cứu, phát huy các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể của Hội An và cả nước. Chính do những giá trị lớn đó UNESCO đã công nhận Hội An là di sản văn hoá thế giới.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài:
Di tích kiến trúc và điêu khắc Chăm, kỹ thuật xây dựng, phương pháp bảo quản, tu bổ và khai thác sử dụng; Sử dụng và khai thác di tích; Nghiên cứu các công trình mỹ thuật cổ tại Việt Nam (Chính phủ Phần Lan tài trợ); Kiến trúc nhà thờ Kitô giáo ở Việt Nam; Kiểm kê trống đồng cổ; Quản lý môi trường Vịnh Hạ Long (Jica Nhật Bản tài trợ); Cổ vật Việt Nam; Nghiên cứu kỹ thuật xây dựng tháp Chàm phục vụ trùng tu và phát huy giá trị di tích.
Chủ trì các công trình khoa học:
Nội dung trưng bày văn hoá Việt Nam tại Hà Lan.
Hồ sơ di sản văn hoá thế giới: Khu phố cổ Hội An.
Sách đã xuất bản:
Phố cổ Hội An và việc giao lưu văn hoá ở Việt Nam. Viện Đông Nam Á - Nxb Đà Nẵng.
Đồng tác giả:
Tìm hiểu cảnh quan đồng bằng - Viện Đông Nam Á; *Gìn giữ những kiệt tác kiến trúc trong nền văn hoá Chăm* - Nxb Văn hoá dân tộc; *Những vấn đề văn hoá - xã hội thời Nguyễn* - Nxb Khoa học xã hội; *Thời Trần và Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn trên quê hương Nam Hà.* Sở Văn hoá - Thông tin Nam Hà; *Đồ sứ men lam Huế những trao đổi học thuật* - Nxb Thuận Hoá, Huế; *Thái sư Cương quốc công Nguyễn Xí quê hương - con người - sự nghiệp* - Sở Văn hoá - Thông tin Nghệ An.
Văn hoá nghệ thuật Trung Bộ - Nxb Văn hoá dân tộc; *Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc vai trò của nghiên cứu và giáo dục* - Nxb thành phố Hồ Chí Minh; *Di tích Mỹ Sơn* - Sở Văn hoá - Thông tin Quảng Nam; *Di tích Hà Tây* - Sở Văn hoá - Thông tin Hà Tây; *Bách khoa thư Hà Nội*, Tập 14 *Bảo tàng - di tích - thư viện.* Nxb Từ điển Bách khoa; *Di tích lịch sử - văn hoá Hà Nội.* Nxb Chính trị quốc gia; *Xã hội hoá hoạt động văn hoá, một số vấn đề lý luận và thực tiễn.* Ban tư tưởng Văn hoá trung ương; *Nghệ An di tích và danh thắng.* Tập 1 - Sở Văn hoá - Thông tin Nghệ An; Cùng hơn một trăm bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí, trong và ngoài nước.
Huy chương chiến sĩ giải phóng.
Huy chương chống Mỹ cứu nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu một số vấn đề về văn hoá Việt Nam góp phần tìm hiểu và bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc thông qua những di sản vật thể và phi vật thể.



PHẠM MINH HÙNG

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 19 - 8 - 1955
Quê quán: Hoằng Phúc - Hoằng Hoá - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: Khối 3 - P. Bến Thuỷ - Thành phố Vinh - Nghệ An.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Đại học Sư phạm Vinh.
Hiện là Trưởng khoa Giáo dục tiểu học - Đại học Vinh.
Hội viên Hội Tâm lí - Giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Đại học Sư phạm I Hà Nội.
Chuyên ngành Sư phạm - Tâm lý.

Đề tài luận án

Các biện pháp giáo dục tính kỷ luật học tập cho học sinh đầu bậc tiểu học.

Nội dung

Luận án đã xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn của tính kỷ luật trong hoạt động học tập của học sinh tiểu học.
Đề xuất một hệ thống biện pháp có cơ sở khoa học và tính khả thi nhằm nâng cao tính kỷ luật trong hoạt động học tập của học sinh các lớp 1-3.

Thành tựu khoa học

Chủ trì một đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh.
Viết bốn giáo trình và hơn năm mươi bài báo khoa học.

Dự định khoa học

Tiếp tục đi sâu nghiên cứu những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục tiểu học, tâm lý học - giáo dục học.

Lời Tiến sĩ

Cần có những giải pháp, biện pháp cụ thể để thực hiện quan điểm giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu.
Đầu tư hơn nữa cho các lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội - nhân văn, khoa học giáo dục - đào tạo.



PHẠM TRẦN HÙNG

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 30 - 3 - 1939.
Quê quán: Đông Ngạc - Từ Liêm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 146 Bà Triệu - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy tiếng Nga - Trường Đại học Sư phạm Vinh, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Lômônôxốp, Matxcơva.
Giảng viên chính Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Ngoại ngữ.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979
Tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Lômônôxốp, Matxcơva, Liên Xô cũ.
Ngành Ngữ văn

Đề tài luận án

Cấu trúc ngữ nghĩa của những câu không ngôi động từ trong tiếng Nga hiện đại và phương thức truyền đạt chúng sang tiếng Việt.

Nội dung

Nghiên cứu cấu trúc ngữ nghĩa của những câu không ngôi động từ trong tiếng Nga được cấu tạo theo sơ đồ cấu trúc Vf3s, đối chiếu với những cấu trúc tương ứng của tiếng Việt.
Mô tả cấu trúc ngữ nghĩa của những câu không ngôi động từ trong tiếng Nga hiện đại được cấu tạo theo sơ đồ cấu trúc Vf3s và xác định những biến thể ngữ nghĩa của chúng.

Nêu rõ sự tương quan giữa ngữ nghĩa của nghiên cứu câu không ngôi động từ trong tiếng Nga và những cấu trúc cú pháp tương ứng với chúng trong tiếng Việt. Xác định các phương thức truyền đạt những cấu trúc không ngôi động từ của tiếng Nga sang tiếng Việt.

Thành tựu khoa học

Một số bài viết đã công bố:
Ngữ nghĩa của những câu một thành tố tiếng Nga có sơ đồ kết cấu mở rộng Dloc Vf3pl và các cách truyền đạt chúng sang tiếng Việt.
Các chương trình bồi dưỡng tiếng Nga không chuyên cho hệ đào tạo cao học và nghiên cứu sinh của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Sách đã xuất bản (chủ biên):
Các bài học tiếng Nga cho sinh viên không chuyên ngữ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Dự định khoa học

Biên soạn sách *Các đề thi tiếng Nga* cho hệ cao học và nghiên cứu sinh của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Lời Tiến sĩ

Hy vọng việc dạy - học ngoại ngữ ở nước ta có ý nghĩa thiết thực và hiệu quả, có chiến lược đào tạo bồi dưỡng ngoại ngữ xuyên suốt các cấp học một cách khoa học, tạo tiềm lực cho cán bộ khoa học của đất nước.



QUẢN TRỌNG HÙNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 08 - 10 - 1955.
Quê quán: Thành phố Nam Định
Chỗ ở hiện nay: Trường Đại học Hàng hải.

Quá trình công tác

Phục vụ trong quân đội.
Tốt nghiệp Trường Đại học Giao thông Đường thuỷ.
Giảng viên Trường Đại học Giao thông Đường thuỷ, nay là Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Bách khoa kỹ thuật ođétxa Ucraina.
Giảng viên khoa Đóng tàu Trường Đại học Hàng hải.
Hiện là Trưởng phòng Quản lý khoa học công nghệ, môi trường Đại học Hàng hải.
Hội viên Hội cơ khí tàu thuyền Việt Nam.
Hội Khoa học kỹ thuật biển thành phố Hải Phòng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Bách khoa kỹ thuật ođétxa, Ucraina.
Ngành Chế tạo máy.
Chuyên ngành Lý thuyết máy và chi tiết máy

Đề tài luận án

Nghiên cứu sự phân bố tải trọng và các đặc tính độ cứng của khớp nối răng khi kể đến các sai số chế tạo và lắp ráp.

Nội dung

Khớp nối răng được sử dụng rộng rãi để truyền mô men xoắn trong các hệ thống động lực dùng trong phương tiện giao thông vận tải: ô tô, tàu thuỷ, máy bay... Khi chế tạo và lắp ráp không chính xác thì sự phân bố tải trọng trên các răng của khớp nối sẽ không đồng đều, ảnh hưởng đến tuổi thọ và khả năng chịu tải của nó. Đồng thời độ cứng của khớp nối trong hệ thống động lực sẽ thay đổi kéo theo sự thay đổi các đặc tính động lực của cả hệ thống.
Nghiên cứu quy luật thay đổi của sự phân bố tải trọng trên các răng của khớp và trên diện tích làm việc của mỗi răng. Xác định hệ số làm việc không đồng đều của các răng khớp nối khi có thành phần sai số khác nhau của quá trình chế tạo và lắp ráp.
Nghiên cứu sự thay đổi độ cứng của khớp nối khi có các dạng sai số và tìm phương pháp giải quyết bài toán. Xác định sự thay đổi đặc tính động lực học của hệ thống động lực học có khớp nối răng khi có dạng sai số.

Thành tựu khoa học

Lập chương trình tính dao động xoắn hệ trục tàu thuỷ, được ứng dụng để tính cho các tàu Trường xa (3.000 T) của hải quân được đóng lần đầu tiên ở Việt Nam.
Tham gia đề tài cấp Bộ:
Nghiên cứu công nghệ chưng cất nước ngọt từ nước biển dưới điều kiện áp suất thấp.
Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ:
Nghiên cứu các biện pháp công nghệ giảm độc tố khí xả động cơ diêsel.

Dự định khoa học

Viết tài liệu giảng dạy và nghiên cứu chuyên ngành.
Tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh ngành thiết bị năng lượng.

Lời Tiến sĩ

Nhà nước cần đánh giá đúng đắn vai trò của người làm khoa học công nghệ Việt Nam trong nền kinh tế tri thức, bằng những chính sách cụ thể hữu hiệu để giữ gìn, nuôi dưỡng và khai thác được khả năng lớn lao của đội ngũ này.



TRẦN MẠNH HÙNG

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 26 - 04 - 1969.
Quê quán: Phú Vang - Thừa Thiên.
Chỗ ở hiện nay: 102A Nguyễn Đình Chiểu - Quận 1 - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Trợ giảng bộ môn Sinh hoá, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Nghiên cứu sinh bộ môn Dược lý và độc chất Đại học Innsbruck, Cộng hoà Áo.
Nghiên cứu bộ môn Dược lý Trường Đại học Y Nagoya, Nagoya, Nhật Bản.
Cán bộ giảng dạy bộ môn Dược lý Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Dược sĩ thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Trường Đại học Innsbruck, Áo.
Ngành Dược
Chuyên ngành Dược lý hệ thống thần kinh trung ương

Đề tài luận án

Vai trò của nitric oxide trong sự dẫn truyền thần kinh: điều hoà sự phóng thích các chất dẫn truyền thần kinh acetylcholine, histamine, adenosine và glutamate.

Nội dung

Là một chất nội sinh, nitric oxide đóng vai trò quan trọng trong điều hoà hoạt động của hệ tim mạch, sự dẫn truyền thần kinh, quá trình hình thành trí nhớ và sự thoái hoá của tế bào. Để góp phần tìm hiểu cơ chế tác động của nitric oxide lên quá trình dẫn truyền thần kinh, nitric oxide được truyền trực tiếp vào những vùng khác nhau của não. Hàm lượng các chất dẫn truyền thần kinh như acetylcholine, hastamine, adenosine, glutamate ở những vùng truyền thuốc được đo lường. Kết quả cho thấy nitric oxide điều hoà sự phóng thích các chất dẫn truyền thần kinh bằng các cơ chế khác nhau.
Trong vùng đồi thị, nitric oxide ức chế sự phóng thích histamine qua một cơ chế lệ thuộc vào sự dẫn truyền thần kinh của các thụ thể acetylcholine.
Trong vùng thể vân và nhân accumbens, nitric oxide kích thích sự phóng thích acetylcholine, adenosine và glutamate bằng 1 cơ chế lệ thuộc vào sự dẫn truyền thần kinh qua các thụ thể glutamate.
Nghiên cứu cơ chế tác động của nitric oxide lên sự dẫn truyền thần kinh góp phần hiểu rõ hơn sinh lý bệnh của một số bệnh liên quan đến dẫn truyền thần kinh và mất trí nhớ như bệnh Parkinson, bệnh Alzheimer, qua đó định hướng điều trị hiệu quả.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu trồng và phát triển cây canhkina ở Lâm Đồng.
Nghiên cứu vai trò của nitric oxide trong sự điều hoà dẫn truyền thần kinh.
Nghiên cứu hoạt tính kháng viên của các thành phần trong hạt gấc.
Nghiên cứu vai trò của nitrie oxide trong bệnh Alzheimer.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng một số dược thảo Việt Nam thành các chế phẩm có tác dụng phòng và trị bệnh.

Lời Tiến sĩ

Mong muốn nền khoa học nước nhà nhanh chóng hoà nhập với nền khoa học thế giới.



VÕ TRỌNG HÙNG

Thuận Hải

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 19 - 2 - 1956.
Quê quán: Thị xã Phan Rang - Tỉnh Thuận Hải.
Chỗ ở hiện nay: Số 4 - A13 - Tổ 53 - Khương Trung - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Mỏ, Matxcơva, Liên Xô

Cán bộ giảng dạy bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, khoa Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Mỏ - Matxcơva, Liên Xô

Cán bộ giảng dạy, Phó chủ nhiệm bộ môn, phó chủ nhiệm khoa Mỏ Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Uỷ viên Trung ương Hội Khoa học công nghệ mỏ Việt Nam.

Uỷ viên thường vụ Trung ương Hội Cơ học đá Việt Nam.

Hội viên Hội Cơ học đá quốc tế.

Thư ký toà soạn Tạp chí *Công nghiệp Mỏ.*

Được phong Phó Giáo sư năm 1996.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989

Tại Trường Đại học Mỏ - Maxcơva - Liên Xô.
Ngành Xây dựng công trình ngầm và mỏ

Đề tài luận án

Nghiên cứu xác định các thông số hợp lý cho khung vỏ chống kết cấu nhiều lớp của các đường lò xây dựng trong khối đá phân lớp, nứt nẻ.

Nội dung

Xác định các tính chất cơ - lý của khối đất đá nứt nẻ, phân lớp bao quanh công trình ngầm và mối tương tác giữa chúng. Xây dựng mô hình toán cơ tương tác giữa công trình ngầm và khối đất đá nứt nẻ phân lớp. Nghiên cứu xác định các thông số hợp lý cho khung vỏ chống kết cấu nhiều lớp của các đường lò xây dựng trong khối đá phân lớp, nứt nẻ.

Thành tựu khoa học

Đã công bố trên 60 bài nghiên cứu và báo cáo khoa học trên các báo, tạp chí, hội nghị khoa học. Đã viết một số sách chuyên khảo, giáo trình bài giảng đại học, cao học...
Thực hiện một số đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn khoa học chuyên ngành.



VŨ MẠNH HÙNG

Tiến sĩ Vật lý

Sinh ngày: 5 - 4 - 1951.
Quê quán: Tiên Tân - Duy Tiên - Hà Nam
Chỗ ở hiện nay: Số 23, tổ 44 phường Kim Liên - Đống Đa - Hà Nội

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động.
Trưởng phòng Tổng hợp kế hoạch, tài chính và hợp tác quốc tế Viện Bảo hộ lao động.
Hiện là Phó Viện trưởng Viện Bảo hộ lao động.
Thành viên tiểu ban kỹ thuật về tiêu chuẩn an toàn bức xạ.
Hội viên Hội Khoa học kỹ thuật An toàn Vệ sinh lao động Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987
Tại Học viện Mỏ Freiberg CHLB Đức.
Chuyên ngành Vật lý hạt nhân.

Đề tài luận án

Hoàn thiện hệ đo đồng vị phóng xạ Tritium có độ nhạy cao và ứng dụng trong phân tích nước tự nhiên.

Nội dung

Tritium thuộc số các nhân phóng xạ tự nhiên của vũ trụ vì nó được sinh ra trong khí quyển trái đất do tương tác của Nơtron nhanh và Proton với hạt nhân Nitơ và ôxy. Qua các phản ứng trao đổi đồng vị, Tritium xâm nhập vào phân tử nước và tham gia vào chu kỳ tuần hoàn nước của trái đất. Tritium được coi là chất đánh dấu phân bố toàn cầu trong các quá trình trao đổi giữa các nguồn thành phần của chu kỳ tuần hoàn nước (độ ẩm không khí, nước mưa, nước bề mặt, nước ngầm, nước biển, băng hà...).

Phương pháp đo Tritium được ứng dụng trong địa chất thuỷ văn, đòi hỏi thiết bị đo có giới hạn thấp khoảng 1% độ phóng xạ riêng của Tritium trong nước mưa vùng nghiên cứu, trong khi đó nồng độ Tritium trong nước mưa ngày càng giảm đi một cách rõ rệt.

Để đạt giới hạn đo Tritium tới 0,1 T.U và thực hiện các phép đo không cần mạch phản trùng phùng che chắn tia vũ trụ, một phòng thí nghiệm đo Tritium ngầm dưới đất (147m).

Luận án đã sử dụng hệ đo Tritium này để những địa chất thuỷ văn ở Việt Nam. Các kết quả đo bằng phương pháp địa chất thuỷ văn đồng vị đã góp phần làm sáng tỏ những giả thiết và nhận định trước đây về địa chất thuỷ văn tại vùng nghiên cứu bằng các phương pháp truyền thống.

Thành tựu khoa học

Dùng phim Rơnghen để đo liều lượng phóng xạ.
Thuật ngữ và định nghĩa về Xon khí phóng xạ.
Nghiên cứu chế tạo vật liệu cản xạ.
Tham gia soạn thảo quy chế an toàn bức xạ ion hoá và pháp lệnh an toàn, kiểm soát bức xạ.
Chủ nhiệm, tham gia nhiều công trình thiết kế thi công hệ thống che chắn phóng xạ...

Dự định khoa học

Chúng ta sẽ xây dựng nhà máy điện hạt nhân, nên cần có những nghiên cứu cơ bản về môi trường, về phóng xạ tự nhiên quanh khu vực sẽ xây dựng và những yêu cầu cơ bản đảm bảo an toàn bức xạ khi vận hành nhà máy điện hạt nhân.



ĐỖ QUANG HUY

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 25 - 6 - 1953.
Quê quán: Công Lý - Lý Nhân - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 8B3 Tập thể Đại học Tổng hợp Hà Nội - Cầm Hội - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Học viên sỹ quan Trường Hoá học, Bộ tư lệnh Hoá học, Bộ Quốc phòng.
Giảng viên, Phó trưởng phòng Tổ chức cán bộ Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội và Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành Hoá học
Chuyên ngành Hoá hữu cơ

Đề tài luận án

Đóng góp vào việc nghiên cứu phân tích dioxin và khả năng hấp phụ dioxin trong nước bằng sét Bentonit Di Linh.

Nội dung

Dioxin là một tạp chất có chứa trong chất độc màu da cam mà Mỹ đã sử dụng trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Đã có rất nhiều người Việt Nam bị ảnh hưởng chất độc này. Như bị bệnh sụt cân, sạm da, nổi mụn da, bị tật bẩm sinh... Chất độc màu da cam có thể ảnh hưởng tới con người một cách trực tiếp, gián tiếp qua thức ăn, nước uống...
Luận án đã nghiên cứu sử dụng sét Bentonit Di Linh, một loại sét tự nhiên để hấp phụ dioxin nhằm loại nó ra khỏi môi trường nước. Bentonit Di Linh tỏ rõ tính ưu việt là hấp phụ mạnh dioxin trong nước nhờ tính chất bề mặt đặc biệt và diện tích lỗ lớp của nó. Luận án đã thành công trong việc loại bỏ dioxin ra khỏi nước, mở ra hướng ứng dụng mới của sét Bentonit Di Linh trong xử lý môi trường.

Thành tựu khoa học

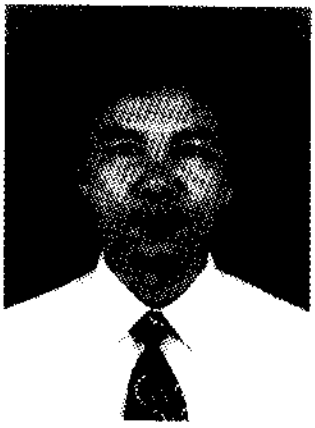
Nội dung luận án tiến sĩ đã được Bộ Quốc phòng sử dụng để cô lập dioxin trong môi trường đất, chống lan toả chất này đi xa hơn.
Nhiều bài báo đã công bố trên các tạp chí.

Dự định khoa học

Giảng dạy đại học và nghiên cứu sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ cho sự nghiệp bảo vệ môi trường. Đào tạo chuyên gia kiểm soát và chống ô nhiễm môi trường.

Lời Tiến sĩ

Chỉ có thể xây dựng được một xã hội văn minh trên nền tảng đất nước có được một nền giáo dục chất lượng cao. Muốn vậy nền giáo dục và đào tạo nước nhà cần phải được chấn chỉnh lại.



TRẦN TINH HUY

Tiến sĩ Y học Thú y

Sinh ngày: 10 - 9 - 1954.
Quê quán: Đức Tùng - Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Nguyễn Trí Phương - thành phố Vũng Tàu - tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Thú y, Học Viện Hàn lâm nông nghiệp Ucraina, Kiev, Liên Xô cũ.

Cán bộ giảng dạy khoa Chăn nuôi - Thú y, Trường Đại học Cần Thơ.

Nghiên cứu sinh Học viện Hàn lâm Nông nghiệp Ucraina, Kiep, Liên Xô cũ.

Nghiên cứu viên Trung tâm nghiên cứu gia cầm Việt Nam.

Viện Chăn nuôi quốc gia. Phó trưởng trại thực nghiệm gia cầm Liên Ninh - Trung tâm nghiên cứu gia cầm Việt Nam.

Hiện là chuyên viên quản lý khoa học, công nghệ. Phó trưởng phòng Quản lý khoa học công nghệ, Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Uỷ viên Ban chấp hành Hội Hữu nghị Viết - Nga tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hội viên Hội Tâm lý học tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987

Tại Học viện Hàn lâm Thú y Matxcơva.

Ngành Thú y

Chuyên ngành Vệ sinh thú y

Đề tài luận án

Các chỉ tiêu vệ sinh thú y và đánh giá phẩm chất thịt, mỡ lợn chăn nuôi công nghiệp bị bệnh loét dạ dày.

Nội dung

Công trình nghiên cứu có hệ thống về bệnh, chất lượng thịt, mỡ lợn nuôi công nghiệp bị bệnh loét dạ dày ở Kiev, Cộng hoà Ucraina. Thịt lợn mắc bệnh so với đối chứng có chỉ tiêu cảm quan, sinh hoá thấp: protein giảm 1,09%, nước tăng 2,25%, mỡ giảm 1,0%, axit amin không thể thay thế giảm 4,8 gam/100 gam đạm, giá trị sinh học giảm 15,3%. Các nguyên tố đa vi lượng, thành phần axit béo mỡ lợn có nhiều thay đổi, tỷ lệ nhiễm khuẩn cao (đặc biệt ở gan, thận, hạch lâm ba đường ruột nhiễm khuẩn Salmonella...). Tác giả đề xuất biện pháp sử dụng, xử lý thịt lợn mắc bệnh, góp phần bổ sung vào hệ thống giải pháp nhằm tăng sản lượng và chất lượng thịt heo...

Dự định khoa học

Điều tra, khảo sát, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng thực phẩm, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng.
Tham gia các đề tài dự án sản xuất thử nghiệm thuộc chương trình xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi.



DƯƠNG ĐỨC HUYẾN

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 05 - 02 - 1953.
Quê quán: Bạch Hạc - Việt Trì - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: 306 K11B - Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Trung tâm Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.
Nghiên cứu sinh Viện Sinh vật, Viện Khoa học Việt Nam.
Thực tập sinh tại Viện thực vật Kômarôv, Phân viện Hàn Lâm khoa học Lêningrat Liên Xô cũ.
Cán bộ nghiên cứu Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.
Thư ký điều hành Văn phòng Quốc gia PROSEA (Tài nguyên thực vật Đông Nam Á).
Hội viên Hội thực vật Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Việt Nam.
Ngành Sinh học
Chuyên ngành Thực vật học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu phân loại chi Hoàng Thảo - Dendrobium Sw (Họ Lan - Orchidaceae) ở Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu họ Lan nói chung và chi Hoàng thảo (Dendrobium Sw) nói riêng trên thế giới và ở Việt Nam. Phân loại, đặc điểm hình thái các đại diện của chi Hoàng thảo ở Việt Nam. Nguyên tắc sắp xếp các taxon và xây dựng khoá định loại các loài Hoàng thảo ở Việt Nam, hệ thống và mô tả các taxon của chi Hoàng thảo (các sectio, các loài, các thứ) kèm theo hình minh hoạ và bản đồ phân bố. Danh lục các taxon thuộc chi Hoàng thảo Dendrobium ở Việt Nam. Ý nghĩa kinh tế của chi Hoàng thảo.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu:
Chương trình Tây nguyên.
Họ Lan trong thực vật chí Việt Nam.
Thực vật chí núi cao các tỉnh phía Nam của Việt Nam.
Rau rừng Việt Nam.
Khảo sát các loài Lan hài Việt Nam có nguy cơ bị tuyệt chủng.
Sách đỏ Việt Nam.
Xây dựng đĩa CD-ROM về các chi họ Lan ở Việt Nam.
Chương trình quốc tế: Tài nguyên thực vật Đông Nam Á.
Sách đã xuất bản
Danh lục thực vật Tây nguyên.
Rau dại ăn được Việt Nam.
Kỷ yếu thực vật có mạch Việt Nam.
Sách đỏ Việt Nam (phần 2 - Thực vật).
PROSEA Volume 13. Spices.
PROSEA Volume 12. Medicinal and Poissonous Plants 3.
Tên cây rừng Việt Nam.
Một số bài trong *Tạp chí Thực vật* Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô cũ và Viện Hàn lâm khoa học Nga, trong *Tạp chí Lan* (Orchids) của Hoa Kỳ.

Dự định khoa học

Hoàn thành danh lục đỏ và sách đỏ (phần họ Lan - Orchidaceae) ở Việt Nam.
Hoàn thành thực vật chí họ Lan Orchidaceae của Việt Nam (khoảng 800 loài).
Tham gia biên soạn Tập cây cảnh của chương trình Tài nguyên thực vật Đông Nam Á.
Hoàn thành xuất bản đĩa CD các chi của họ Lan (Orchidaceae) ở Việt Nam (tra cứu, mô tả, minh hoạ).
Xây dựng dự án bảo tồn và phát triển bền vững các loài Lan quý hiếm có giá trị kinh tế cũng như khoa học của Việt Nam.
Góp phần xây dựng khu họ Lan của cườn thực vật quốc gia Việt Nam.



KIM NGỌC HUYNH

Kim Ngọc Thanh, Trần Liên

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 16 - 4 - 1933.
Quê quán: Trung Nguyên - Yên Lạc - Vĩnh Phúc.
Chỗ ở hiện nay: Số 7 - ngách 14 - ngõ 228 Lê Trọng Tấn - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy đại học.
Chủ nhiệm bộ môn.
Phó Giáo sư
Hội viên Hội khoa học Kinh tế Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1973.
Tại Trường Đại học Kinh tế Bruno Leuschner Berlin - Karlshorst, Cộng hoà Dân chủ Đức cũ.
Chuyên ngành Thống kê kinh tế.

Đề tài luận án

Sự vận dụng phân tố trong phân tích thống kê thương nghiệp hàng tiêu dùng trong nước của Cộng hoà dân chủ Đức và sử dụng tri thức đó cho Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Nội dung

Phân tố thống kê một trong những phương pháp quan trọng không thể thiếu của phân tích nghiên cứu thống kê cũng như kinh tế xã hội. Luận án nêu đầy đủ cơ sở lý luận và khoa học của phương pháp nhằm đánh giá sự vận dụng nó trong nội thương hàng hoá tiêu dùng của Cộng hoà dân chủ Đức với điều kiện cụ thể. Nêu phương hướng khắc phục những nhược điểm của vận dụng phương pháp đó trong nội thương hàng tiêu dùng nước ta và biện pháp vận dụng nó.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm đề tài nhánh thuộc đề tài cấp Bộ.
Điều tra phân tích nguồn và sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội của công nhân viên chức nhà nước nước ta.
Tham gia đề tài cấp Bộ:
Nghiên cứu ứng dụng phương pháp của Liên hiệp quốc (SNA) để tính thu nhập quốc dân Việt Nam.
Chủ biên bài giảng và bài tập lý thuyết thống kê (dùng cho đại học khối kinh tế - xã hội).
Tham gia biên soạn lý thuyết thống kê (dùng cho đại học khối kinh tế - xã hội).
Hướng dẫn nghiên cứu sinh.
Huy chương Vì sự nghiệp thống kê.
Vì sự nghiệp giáo dục.

Lời Tiến sĩ

Cho đến nay ở nước ta khoa học giáo dục vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Phải thay đổi một cách triệt để phương pháp giáo dục đào tạo mới tạo nên con người năng động, phát huy được tiềm năng, sáng tạo.



LÊ HUỲNH

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 25 - 6 - 1947
Quê quán: Ninh Mỹ - Hoa Lư - Ninh Bình.
Chỗ ở hiện nay:
26-H17 tổ 48 Quan Hoa - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Địa lý Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Phó Chủ nhiệm khoa Địa lý, Chủ nhiệm bộ môn Bản đồ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Hội viên Hội Địa lý Việt Nam; Hội giảng dạy Địa lý; Hội Bản đồ Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Địa lý - Địa chất.
Chuyên ngành Đại lý kinh tế và chính trị.

Đề tài luận án

Xây dựng những bản đồ cần thiết trong nghiên cứu địa lý địa phương, thử nghiệm xây dựng nhóm bản đồ kinh tế - xã hội tỉnh Hoà Bình.

Nội dung

Hệ thống hoá những quan điểm khoa học áp dụng cho nghiên cứu địa lý địa phương.
Xác định một xêri bản đồ cần thiết trong nghiên cứu địa lý địa phương.
Phương pháp thành lập và nội dung hợp lý, hoàn chỉnh các bản đồ trong nhóm kinh tế - xã hội ở một tỉnh (Hoà Bình) phục vụ công tác nghiên cứu địa lý, xây dựng ngân hàng dữ liệu điều tra cơ bản, điều hành và quản lý lãnh thổ, những khuyến nghị về dân cư - kinh tế - xã hội của địa phương.

Những đặc trưng về nguyên tắc thành lập, nội dung và phương pháp thể hiện của bản đồ địa lý tổng hợp một tỉnh.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Xây dựng các bản đồ địa hình đồng ruộng, bản đồ địa mạo phục vụ quy hoạch cơ giới hoá nông nghiệp huyện trọng điểm Nam Ninh (Hà Nam Ninh).
Các trang bản đồ văn hoá xã hội thuộc Atlát quốc gia Việt Nam.
Trang bản đồ: Hà Nội - cơ cấu sử dụng đất.
Đồng tác giả 2 trang bản đồ: Hiện trạng xoá nạn mù chữ Việt Nam và Hiện trạng đi học của học sinh cấp 1 Việt Nam; Nghiên cứu biên soạn địa lý địa phương phục vụ giảng dạy và học tập ở trường phổ thông (tham gia).
Chủ biên
Đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tây; Đặc điểm kinh tế xã hội tỉnh Sơn La; Xây dựng Atlát Thanh Trì Hà Nội (cấp Thành phố); Xây dựng hệ thống bản đồ báo cáo đề tài.
Tập bản đồ tổ chức lãnh thổ đồng bằng sông Hồng và tuyến trọng điểm (cấp Nhà nước).
Cơ sở hạ tầng và các vấn đề xã hội vùng ô nhiễm đồng bằng sông Hồng (đề tài nhánh); Xây dựng và hoàn thiện hệ thống ký hiệu thống nhất các bản đồ giáo khoa phục vụ giảng dạy và học tập địa lý ở trường phổ thông Việt Nam (Phó chủ nhiệm); Vận dụng ngôn ngữ bản đồ trong việc xây dựng hệ thống ký hiệu chuẩn thống nhất cho các bản đồ giáo khoa treo tường địa lý Việt Nam (cấp Bộ).
Giáo trình - sách đã xuất bản (đồng tác giả):
45 năm phát triển giáo dục Việt Nam - Nxb. Giáo dục.
Địa lý Cămpuchia Đại học Sư phạm Hà Nội; *Bản đồ địa hình và đo vẽ địa phương* Đại học Sư phạm Hà Nội.
Giáo trình bản đồ học Đại học Huế; *Giáo trình nghiên cứu địa lý địa phương* Đại học Huế; *Bản đồ học* (giáo trình) - Nxb. Giáo dục; *Bản đồ học* Đại học Quốc gia Hà Nội.
Địa lý Hà Bắc - Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Bắc.
Địa lý Hoà Bình Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình.
Địa lý các tỉnh và thành phố Việt Nam tập 1, 2 - Nxb. Giáo dục; *Bản đồ học chuyên đề* (chủ biên) Nxb Giáo dục.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí, nhiều bản đồ đã xuất bản...
Huy chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Ứng dụng bản đồ trong điều tra, nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.
Nghiên cứu bản đồ giáo khoa.



LÊ CÔNG HUỲNH

Lê Huy Hoàng

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 06 - 11 - 1944.
Quê quán: Thượng Sơn - Đô Lương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 103 Nhà A4 Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Cơ - Điện, Trường Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Bungari.
Thực tập sinh cao cấp tại Russe, Bungari.
Trưởng khoa Cơ - Điện, Chủ nhiệm bộ môn máy nông nghiệp. Chủ tịch Hội đồng khoa học - giáo dục khoa, Uỷ viên Hội đồng Học hàm và Hội đồng khoa học - giáo dục trường.
Giám đốc Trung tâm đào tạo và ứng dụng kỹ thuật cao, Trường Đại học Nông nghiệp I.
Phó Vụ trưởng, phụ trách khu Công nghệ cao - khu công nghiệp Việt Nam.
Hiện là Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý khu công nghiệp và khu chế xuất, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
Được phong Phó giáo sư năm 1996.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982
Tại Trường Đại học Kỹ thuật, Thành phố Russe, Bungaria.
Ngành Chế tạo máy
Chuyên ngành Chế tạo máy nông nghiệp.

Đề tài luận án

Nghiên cứu bộ phận tẽ ngô năng suất cao dùng cho hạt giống.

Nội dung

Tẽ ngô giống là công nghệ khó khăn do yêu cầu khắt khe về chất lượng hạt giống qua tẽ hạt bằng máy (vỡ hạt < 1%; không nứt ngầm; hạt sạch; v.v...). Muốn đạt yêu cầu chất lượng hạt giống phải tiến hành tẽ từng bắp một để công cụ tẽ ngô đặt lực vào bắp theo hướng lực tách hạt nhỏ nhất (phải định hướng bắp ngô khi tẽ). Nếu như vậy, máy tẽ ngô có năng suất rất nhỏ, không đáp ứng yêu cầu sản xuất (nhất là ở các nước châu Âu, châu Mỹ).
Luận án đề xuất nguyên lý làm việc và thiết kế mẫu máy tẽ ngô giống năng suất 40 tấn hạt/giờ, có khả năng tự định hướng bắp ngô trong quá trình tẽ, đảm bảo tiêu thụ ít năng lượng, đạt yêu cầu về chất lượng hạt ngô giống, những dòng bắp ngô cung cấp vào máy hỗn loạn, ngẫu nhiên bằng băng chuyền mềm năng suất cao. Mẫu máy này được Bungari cấp bằng phát minh sáng chế, Hoa Kỳ công nhận là sáng chế và được triển lãm tại Hội chợ quốc tế Plopđíp năm 1982.

Thành tựu khoa học

Chủ trì 05 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.
Chủ nhiệm 01 dự án cấp Bộ.
Đã công bố trên 27 công trình khoa học ở các báo, tạp chí trong và ngoài nước.
Một số công trình được ứng dụng: máy tẽ ngô đạp chân 50 kg hạt/giờ;máy tẽ ngô 10 tấn/giờ treo sau máy kéo; máy đánh bóng, làm sạch và phân loại hạt (đã góp phần xuất khẩu 600 tấn đậu tương và 500 tấn cà phê hạt sang các nước tư bản); máy đánh bống gạo 500 kg/giờ.
Sách đã xuất bản:
Phương pháp nghiên cứu khoa học - phần nghiên cứu thực nghiệm (giáo trình cao học và nghiên cứu sinh ngành cơ khí). Nxb Nông nghiệp.
Bằng khen về công tác nghiên cứu khoa học.
Bằng phát minh sáng chế về cơ cấu tẽ ngô Bungari cấp.
Huy chương chống Mỹ hạng hai.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.



NGUYỄN ĐỨC HUỲNH

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 16 - 3 - 1946
Quê quán: Đức Thạnh - Mộ Đức - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 360/A20 Nơ Trang Long - Quận Bình Thạnh - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Kỹ sư hoá, Viện Hoá Tổng Cục địa chất.
Trưởng phòng Hoá lý, Viện Dầu khí.
Phó Giám đốc Trung tâm xử lý số liệu dầu khí, Viện Dầu khí.
Giám đốc Trung tâm an toàn và môi trường dầu khí.
Thành viên Hội đồng khoa học - công nghệ, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam.
Trưởng tiểu ban An toàn và Môi trường - Hội đồng Khoa học Công nghệ Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.
Hội viên Hội Hoá học.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Ngành Hoá học

Đề tài luận án

Nghiên cứu sự phân bố các chất gây ô nhiễm và ảnh hưởng của chúng đến môi trường biển do các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí tại các mỏ Bạch Hổ, Rồng và Đại Hùng.

Nội dung

Thống kê các nguồn chất thải chính gây ô nhiễm môi trường biển trong các hoạt động dầu khí.
Xây dựng phương pháp quan trắc ô nhiễm môi trường biển do các hoạt động dầu khí.
Xác định định tính, định lượng các thành phần, sự phân bố hàm lượng các hydrocabon và kim loại nặng từ chất thải công nghiệp dầu khí đối với môi trường biển ở khu vực nghiên cứu.
Kết hợp các mô hình toán học và phương pháp thực nghiệm phân tích các mẫu môi trường để đưa ra mô hình và giải thích quá trình lan truyền mùn khoan, bùn khoan, nước vỉa, tràn dầu.
Nghiên cứu ảnh hưởng của các chất gây ô nhiễm từ các hoạt động dầu khí đến môi trường và hệ sinh thái biển.
Góp phần Dự báo ảnh hưởng của các chất gây ô nhiễm trong các hoạt động dầu khí đối với môi trường biển ở vùng mỏ Bạch Hổ, Rồng, Đại Hùng và vùng phụ cận.
Đề xuất kiến nghị một số biện pháp nhằm giảm thiểu nguồn ô nhiễm đối với môi trường biển từ các hoạt động dầu khí.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu (đồng tác giả):
Tổng quan kinh nghiệm thế giới chống nhiễm bẩn môi trường biển do dầu mỏ (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu đánh giá hiện trạng môi trường ở một số khu vực bể Nam Côn Sơn và vùng bờ phục vụ công tác quản lý bảo vệ môi trường của Petrovietnam (cấp ngành).
Xây dựng kế hoạch ứng cứu sự cố tràn dầu từ các hoạt động dầu khí của Petrovietnam (cấp ngành).
Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu, đánh giá, phân loại và đề xuất phương hướng sử dụng khí đồng hành mỏ Bạch Hổ, Rồng và Đại Hùng (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu thu thập và xử lý số liệu môi trường biển các khu vực thăm dò khai thác dầu khí ở Việt Nam nhằm phục vụ việc đánh giá tác động môi trường và xây dựng kế hoạch ứng cứu sự cố dầu tràn cho các hoạt động dầu khí (cấp ngành).
Nghiên cứu lập bản đồ tỷ lệ 1/250.000 về phân vùng nhạy cảm môi trường cho các hoạt động dầu khí (cấp ngành).
Nghiên cứu và lựa chọn các giải pháp kỹ thuật để thu gom và xử lý các vật liệu lẫn dầu từ sự cố tràn dầu ở khu vực biển Đông Nam Bộ (cấp ngành).
Một số bài viết trên các tạp chí:
Phân tích các sản phẩm của khí ngưng tụ Tiền Hải - Thái Bình bằng sắc khí - lỏng (đồng tác giả).
Đánh giá sơ bộ khí đồng hành Bạch Hổ (đồng tác giả).
Suy nghĩ về công tác phòng chống ô nhiễm dầu ở nước ta.
Đánh giá tác động môi trường - một phương tiện hữu hiệu để bảo vệ quản lý môi trường trong các hoạt động dầu khí.
Dầu mỏ và môi trường biển, vài suy nghĩ về công tác phòng chống nhiễm bẩn dầu ở nước ta.

Dự định khoa học

Xây dựng mô hình quản lý công tác bảo vệ môi trường cho các hoạt động dầu khí.



VÕ HUỲNH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 31 - 01 - 1931.
Quê quán: Phước Quang - Tuy Phước - Bình Định.
Chỗ ở hiện nay: 449/44 AB Hùng Vương - Quận 6 - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội.
Nghiên cứu sinh ở Tiệp Khắc.
Hiệu trưởng Trường Trung học Giao thông Vận tải Khu vực 3.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1974
Tại Trường Đại học Giao thông Zilima Tiệp Khắc.
Ngành Vận tải
Chuyên ngành Kỹ thuật vận tải ô tô.

Đề tài luận án

Xây dựng quy trình công nghệ bảo dưỡng, sửa chữa và chẩn đoán xe ôtô.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước:
Tình hình tổ chức vận chuyển và bảo quản lương thực ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và vận chuyển Bắc - Nam.
Tham gia các đề tài quy hoạch giao thông vận tải tỉnh Hà Nam Ninh - Hải Phòng và vận chuyển thang cửa sông.
Huy chương kháng chiến chống Pháp hạng nhất.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huân chương lao động hạng ba.
Chiến sĩ thi đua ngành giao thông vận tải.
Huân chương Vì thế hệ trẻ.
Vì sự nghiệp giao thông vận tải.
Vì sự nghiệp giáo dục.
Nhà giáo ưu tú.



BÙI VĂN HỨC

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 24 - 4 - 1945.
Quê quán: Xuân Bắc - Xuân Trường - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: Trường Đại học Thuỷ Lợi.

Quá trình công tác

Kỹ sư Sở Thuỷ Lợi Lai Châu, Trưởng phòng Kỹ thuật.
Giảng viên, Trưởng bộ môn, khoa Kinh tế Thuỷ lợi, Trường Đại học Thuỷ Lợi.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Thuỷ Lợi.
Thực tập sinh ở Trường Đại học Bách khoa Brno, Tiệp Khắc.
Thực tập sinh khoa học tại Trường Đại học Kỹ thuật Braunschweig, Cộng hoà liên bang Đức.
Hiện là Trưởng bộ môn Trường Đại học Thuỷ Lợi.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991
Tại Trường Đại học Thuỷ Lợi.
Chuyên ngành Thuỷ lực học - Thuỷ văn và công trình thuỷ lợi

Đề tài luận án

Xác định mức nước sông thiết kế hợp lý để xây dựng trạm bơm tưới tiêu nước.

Nội dung

Phân tích lý giải bản chất vật lý của việc tiêu hao năng lượng với các trạm bơm tưới tiêu nước. Thông qua thiết lập hàm số tiêu hao điện năng của trạm bơm phụ thuộc vào việc xác định mức nước sông thiết kế ban đầu, đặc biệt đối với các con sông nhận nước tiêu từ các trạm bơm tiêu nước ở vùng đồng bằng. Từ đó, nêu ra phương pháp xác định mức nước sông thiết kế hợp lý có tính đến các tổ hợp đa chiều của các yếu tố ngẫu nhiên về khí hậu và mức nước sông thiên nhiên. Phương pháp này khắc phục sự ấn định chủ quan về mức nước sông thiết kế của các phương pháp trước đây và chứng minh hiệu quả tiết kiệm năng lượng tiêu hao trong quá trình vận hành bơm nước.

Thành tựu khoa học

Đã có trên 14 bài báo khoa học đăng trong các tập san khoa học trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Viết sách về một số bài toán ứng dụng các thông số thiết kế cơ bản cho công trình đầu mối hệ thống tưới tiêu nước và tính toán kinh tế, quản lý vận hành. Công bố một số kết quả nghiên cứu khoa học.

Lời Tiến sĩ

Hiện nay ở nước ta nhiều nơi, nhiều lúc, khoa học đã bị lạm dụng để phục vụ cho mục tiêu lợi nhuận. Nhiều đề tài, dự án đã trở thành mục tiêu săn lùng của một số người kiếm lời gây nên lãng phí lớn cho ngân sách và làm nản lòng nhiều nhà khoa học chân chính.
Đội ngũ khoa học đã tấn công vào chính mình, ở một số cơ sở đào tạo và ở một số người đã hy sinh chất lượng để đổi lấy lợi nhuận.



ĐẶNG VĂN HƯNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 12 - 02 - 1945
Quê quán: Liên Bạt - Ứng Hoà - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 28/239 Lê Lợi - Hải Phòng.

Quá trình công tác

Trưởng phòng Khoa học kỹ thuật - Liên hiệp Hàng hải
Trưởng phòng Tin học - Tổng cục Đường biển.
Phó Tổng biên tập *Tạp chí Hàng Hải.*
Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty phát triển Hàng hải.
Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Tin học và Công nghệ Hàng hải.
Hiệu trưởng Trường Kỹ thuật và Nghiệp vụ dân lập Ngô Quyền.
Phó Chủ tịch thường trực Hội Tin học Hải Phòng.
Uỷ viên thường vụ Hội Khuyến học Hải Phòng.
Hội Kinh tế Biển Hải Phòng.
Thành viên Hội Khoa học - Kinh tế Hải Phòng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983
Tại trường BMEN (Vac-na) Bungari.
Ngành Tổ chức khai thác đội tàu biển

Đề tài luận án

Một số vấn đề vận chuyển container trên biển và ứng dụng toán học để giải quyết chúng.

Nội dung

Phân tích tình hình vận chuyển container trên biển và xác định các công thức để tính toán kích thước cơ bản của tàu container trên cơ sở các số liệu thống kê và sử dụng công cụ toán học kết hợp chạy trên máy tính điện tử. Lập mô hình bài toán bổ sung tàu container.

Thành tựu khoa học

Thư ký một số đề tài dự án:
Nâng cao năng lực vận chuyển đường biển giai đoạn 1985-2000 (cấp Nhà nước).
Ứng dụng tin học trong quản lý và điều hành ngành hàng hải.

Dự định khoa học

Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu về kỹ thuật quản lý đội tàu biển.
Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành hàng hải.
Tham gia đào tạo công nghệ thông tin và hướng dẫn phản biện luận án thạc sĩ, tiến sĩ ngành Hàng hải.



ĐỖ CHÍ HƯNG

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 01 - 03 - 1929.
Quê quán: Mỹ Thành - Phú Mỹ - Bình Định.
Chỗ ở hiện nay: 76 ngõ 185 Minh Khai - Hà Nội.

Quá trình công tác

Công tác tại Vụ Ngư nghiệp, Tổng Cục Thuỷ sản.
Viện nuôi trồng Thuỷ sản I.
Ban Nông nghiệp miền Nam Trung Bộ.
Sở Thuỷ sản Nghĩa Bình.
Viện Kinh tế và quy hoạch thuỷ sản.
Viện Khoa học, Viện nuôi trồng thuỷ sản nội địa Liên Xô - Matxcơva.
Uỷ viên Hội đồng khoa học Bộ Thuỷ sản...

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1970
Tại Viện Hàn lâm nông nghiệp ChiniriAzép, Matxcơva - Liên Xô
Ngành Sinh vật

Đề tài luận án

Ương nuôi cá chép ghép với các loại cá ăn thực vật khác tại miền Trung châu Âu thuộc Cộng hoà Nga.

Nội dung

Nâng cao năng suất cá nuôi trong ao bằng cách nuôi ghép các loài cá có tính ăn khác nhau, nhằm tận dụng triệt để nguồn thức ăn đa dạng trong ao. Nuôi cá với nhiều mật độ và tỉ lệ ghép thích hợp, áp dụng các biện pháp kỹ thuật sinh học để tăng độ phì đáy ao, làm tốt môi trường ao nuôi, tạo nguồn thức ăn thiên nhiên bằng các loại phân hữu cơ, vô cơ, đồng thời cho cá ăn trực tiếp các loại thức ăn chế biến nghiên cứu ăn của từng loài. Phân tích đánh giá chất lượng thịt cá tương ứng với các loại thức ăn trong quá trình ương nuôi.

Thành tựu khoa học

Một số kết quả đã được ứng dụng vào sản xuất:
Nuôi ghép các loại cá (chép, trắm cỏ, mè trắng, mè hoa, trôi, rô phi, đạt năng suất 7 tấn/ha).
Cải tạo thùng sâu thành ao nuôi cá, đạt năng suất 5 tấn/ha.
Cải tạo hồ chứa nước diện tích 8 ha tại Ba Vì đạt năng suất 3 tấn/ha.
Viết quy trình nuôi cá tăng sản.
Phụ trách vận chuyển hơn 5.000 cá giống từ Đình Bảng - Bắc Ninh vượt Trường Sơn vào chiến trường khu 5. Trải qua hơn 10 ngày đêm, đến nơi cá sống đạt tỉ lệ 85% góp phần phát triển nghề nuôi cá nước ngọt ở vùng giải phóng các tỉnh từ Quảng Nam đến Bình Định.
Cùng với các cộng tác viên cho đẻ thành công tôm sú (Penaeus Monodon) đầu tiên ở nước ta tại Trại sản xuất tôm giống Quy Nhơn - Bình Định.
Một số bài viết đã công bố ở Liên Xô:
Nuôi các loại cá ăn thực vật từ giai đoạn giống đến thương phẩm tại miền Trung châu Âu của Liên Xô.
Ương nuôi cá ăn thực vật chung với cá chép bằng các loại thức ăn tinh chế tại miền Trung Liên Xô.
Nhu cầu thức ăn của cá giống trắm cỏ nuôi ghép với các loài cá ăn thực vật khác.
Nuôi cá ăn thực vật ghép với cá chép.



LÊ NGỌC HƯNG

Tiến sỹ Y Dược

Sinh ngày: 26 - 08 - 1955.
Quê quán: Thị trấn Quế - Kim Bảng - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: P42-E3-Đại học Y Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Học nội trú chuyên ngành Lao và bệnh phổi Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuẩn hoá cao học - thạc sỹ.
Hiện là cán bộ giảng dạy bộ môn Lao Trường Đại học Y Hà Nội.
Hội viên Hội Lao và bệnh phổi Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Lao và bệnh phổi

Đề tài luận án

Nghiên cứu một số yếu tố thuận lợi, đặc điểm lâm sàng, X quang phổi chuẩn và vi khuẩn của áp xe phổi cấp tính ở người lớn.

Nội dung

Áp xe phổi cấp tính là bệnh thường gặp của hệ thống phổi, phế quản. Việc chẩn đoán sớm trong hoàn cảnh nước ta còn gặp nhiều khó khăn vì trước khi đến viện bệnh nhân đã ít nhiều điều trị kháng sinh do vậy bộ mặt, lâm sàng của áp xe phổi có nhiều thay đổi. Nếu chẩn đoán muộn áp xe phổi cấp tính sẽ chuyển thành mạn tính khi đó điều trị rất khó khăn, phải can thiệp bằng ngoại khoa hoặc tử vong. Việc chẩn đoán nhầm giữa áp xe phổi với lao phổi có hang cũng thường xảy ra vì vậy đề tài nghiên cứu nhằm 3 mục đích: tìm hiểu một số yếu tố thuận lợi, đặc điểm lâm sàng, x quang, phổi chuẩn của áp xe phổi cấp tính ở người lớn; tìm hiểu yếu tố vi khuẩn và một số xét nghiệp thường qui của áp xe phổi cấp tính người lớn; xác định các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng có giá trị để chẩn đoán áp xe phổi cấp tính và phân biệt với lao phổi có hang trên 2 cm đường kính.
Kết luận
Về yếu tố thuận lợi có 81,67% bệnh nhân trong tiền sử có viêm nhiễm cấp, mạn đường hô hấp. Tuổi mắc bệnh thường gặp từ 26-55 (65%) nam/nữ = 4/1. Lâm sàng sốt cao và khạc đờm nếu có trị số dự báo dương tính ≈ 100%. Hang áp xe phổi thường ở thuỳ dưới phổi phải lao phổi thường ở thuỳ trên (68%). Vi khuẩn tìm thấy trong ổ áp xe thấp 28,3%, tỷ lệ cao hơn (37%) xét nghiệm mủ bằng chọc qua thành ngực. Mantoux ở bệnh nhân áp xe phổi thường âm tính. Bạch cầu trong máu ngoại vi thường tăng cao có khi > 20.000 mm^3 (SP=92% - 97%) ở bệnh nhân áp xe phổi.

Thành tựu khoa học

Một số công trình nghiên cứu đã công bố:
Tìm hiểu một số khía cạnh về lâm sàng và đặc điểm cận lâm sàng của 118 bệnh nhân áp xe phổi người lớn điều trị tại Viện Lao và bệnh phổi.
Tình trạng bệnh nhân áp xe phổi người lớn điều trị tại khoa hô hấp Bệnh viện Bạch Mai.
Tìm hiểu tình hình chẩn đoán, các yếu tố thuận lợi của 71 bệnh nhân vào điều trị áp xe phổi tại Viện Lao và bệnh phổi.
Nhận xét 52 trường hợp áp xe phổi điều trị tại Viện Lao và bệnh phổi 2 năm 1994 - 1995.
Nhận xét 176 trường hợp lao phổi BK (+) ở người lớn điều trị lần đầu tại Viện Lao và bệnh phổi.
Nhận xét tình hình tử vong do lao màng não tại Viện Lao và bệnh phổi.
Sách đã xuất bản:
Áp xe phổi.
Kỹ thuật chọc dịch tuỷ sống.
Kỹ thuật chọc dịch màng phổi, Nxb Y học.
Nhận xét về tình hình bệnh nhân lao điều trị tại khoa truyền nhiễm Bệnh viện Hai Bà Trưng.
Nghiên cứu điều trị lao phổi mới bằng hoá trị liệu ngắn ngày.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sâu về bệnh lao và bệnh phổi. Cách điều trị và kháng thuốc.
Viết sách giáo khoa đại học, sau đại học.
Hướng dẫn luận án thạc sĩ, tiến sĩ.



LÊ VĂN HƯNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 1 - 11 - 1939.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 225/8 Nguyễn Đình Chiểu - Quận 3 - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Phó chủ nhiệm bộ môn Đo đạc Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.
Giảng viên chính Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Chủ nhiệm bộ môn Trắc địa - Bản đồ Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Chủ nhiệm cao học Xử lý số liệu định vị và bản đồ.
Phó chủ tịch Hội Trắc địa - Bản đồ - Viễn thám Việt Nam.
Chủ tịch Hội Trắc địa - Bản đồ thành phố Hồ Chí Minh.
Giám đốc Trung tâm tư vấn và thẩm định Trắc địa - Bản đồ thuộc Hội Trắc địa và Bản đồ thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987
Tại Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Ngành Trắc địa

Đề tài luận án

Tối ưu hoá thiết kế sai số đo theo chuẩn Ellipse sai số vị trí cục bộ.

Nội dung

Để phát huy khả năng giới hạn của thiết bị đo trắc địa trong thực hiện những thiết kế lưới có yêu cầu độ chính xác vị trí tương đối cao, luận văn đề xuất một thuật toán thiết kế tối ưu các số đo trong lưới trên cơ sở phép giải đơn hình (simplex algorithm) để nhận toạ độ của các điểm lưới đạt yêu cầu ellipse sai số vị trí điểm cục bộ cho trước.
Bằng cách phân tích từng trường hợp và đưa ra ví dụ cụ thể, luận văn đã chứng minh bài toán thiết kế tối ưu theo giải thuật này luôn luôn tồn tại nghiệm P_d ứng với trị μ đã chọn. Có thể ứng dụng thuật toán của luận văn trong việc thiết kế những lưới trắc địa chuyên dùng như lưới trắc địa công trình cầu hoặc hầm.

Thành tựu khoa học

Các công trình nghiên cứu khoa học đã thực hiện:
Xác định các tham số chuyển đổi toạ độ từ hệ thế giới WGS84 sang hệ Việt Nam VN72 (cấp Bộ).
Xác định các tham số kích thước Ellipsoid phù hợp mặt Geoid Việt Nam.
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Đo đạc đại cương - Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp.
Sổ tay định vị GPS.
Sổ tay Trắc địa công trình.
Bình sai lưới Trắc địa Nxb Khoa học và kỹ thuật.
Trắc địa cao cấp.
Lưới Trắc địa Đại học Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.



NGUYỄN ĐẮC HƯNG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 4 - 8 - 1960.
Quê quán: Hoa Sơn - Ứng Hoà - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 12 tổ A8 Khu tập thể Việt Xô Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Phó tổng biên tập *Tạp chí Ngân hàng* - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
Thành viên hội đồng chấm luận án, đào tạo trên đại học. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Học viện Ngân hàng.
Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Chuyên ngành Quản lý - Kế hoạch hoá kinh tế quốc dân

Đề tài luận án

Một số vấn đề vốn đầu tư cho sản xuất lương thực.

Nội dung

Chuyển nền lương thực Việt Nam từ tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hoá yếu tố quan trọng hàng đầu là vốn. Vốn đầu tư cho thay đổi cơ cấu giống, có năng suất, chất lượng cao phù hợp với yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Vốn đầu tư cho thâm canh phân loại, thuốc trừ sâu, tưới tiêu và chủ động vốn đầu tư cho chế biến, bảo quản, không tổn thất sau thu hoạch. Vốn đầu tư có nhiều nguồn: vốn tự có của người sản xuất, vốn đầu tư ngân sách nhà nước, vốn tài trợ nước ngoài, vốn tín dụng ngân hàng... Trong đó vốn tín dụng ngân hàng quan trọng nhất, cần phải thay đổi phương thức cho vay của ngân hàng, cho vay trực tiếp tới hộ sản xuất. Vốn đầu tư phải tính tới hiệu của nó.

Thành tựu khoa học

Những đề tài khoa học đã nghiên cứu:
Nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin báo chí ngân hàng trong xu hướng đổi mới và hội nhập.
Cơ sở lý luận và thực tiễn của một số giải pháp nâng cao hiệu quả cạnh tranh và hợp tác hoạt động ngân hàng.
Nhiều tham luận, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế về tài chính - ngân hàng - đầu tư - kinh tế vĩ mô.
Hơn 200 bài đăng trên các tạp chí.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tiền tệ tín dụng - hoạt động ngân hàng - chứng khoán đầu tư.



NGUYỄN VŨ QUỐC HƯNG

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 09 - 11 - 1959
Quê quán: Khương Đình - Thanh Xuân - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 108, B11 Đồng Xa - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường học sinh Lào T1, Cục 1, Bộ Giáo dục.
Hiện là Phó chủ nhiệm bộ môn Tin học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000
Tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Ngành Toán học
Chuyên ngành Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán (tin học).

Đề tài luận án

Nâng cao hiệu quả suy diễn trong phần mềm trợ giúp chứng minh hình học.

Nội dung

Nghiên cứu những phương thức biểu diễn xử lý tri thức trong phần mềm dạy học thông minh về hình học phẳng tại các trường phổ thông. Kết quả nghiên cứu của đề tài về các kỹ thuật nâng cao hiệu quả trong suy diễn nói chung và áp dụng trong phần mềm trợ giúp chứng minh hình học nói riêng. Trên cơ sở tri thức hình học đã được biểu diễn và lưu trữ, đề cập đến những kỹ thuật có tính heuristic nhằm tăng hiệu quả suy diễn và làm cho phần mềm có tính thông minh. Các heuristic này được xây dựng dựa vào đặc trưng riêng biệt của các phương pháp biểu diễn tri thức trong phần mềm chứng minh hình học. Đồng thời cố gắng chỉ ra các ứng dụng của nó không chỉ trong suy diễn mà còn trong việc nâng cao hiệu quả sư phạm của phần mềm dạy học thông minh.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, phát triển công nghệ về phần mềm dạy học.



NGÔ NGỌC HƯNG

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 21 - 10 - 1958
Quê quán: Châu Thành - Bến Tre
Chỗ ở hiện nay: 30/2 Cách Mạng Tháng Tám - thành phố Cần Thơ.

Quá trình công tác

Cán bộ Đội Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp An Giang.
Giảng viên khoa Nông nghiệp Trường Đại học Cần Thơ.
Nghiên cứu sinh tại Philippins.
Hiện công tác tại khoa Nông nghiệp Đại học Cần Thơ.
Hội viên Hội Khoa học đất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Trường Đại học Quốc gia Philipin.
Ngành Khoa học đất.
Chuyên ngành Phì nhiêu đất đai.

Đề tài luận án

Khảo sát các thông số khoáng hoá của đạm trong đất cho việc dự đoán lượng đạm hút thu và năng suất lúa (oya sativa L.) ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu khoáng hoá chất đạm trong đất (0-20cm) được thực hiện trên 22 điểm thí nghiệm ở Đồng bằng sông Cửu Long. Các đất này được ủ với chất nhựa trao đổi bão hoà với K^+ ở nhiệt độ 30°C trong 0, 7, 14, 28, 42, 56, 70 và 84 ngày. Phương trình "Two pool first and zoro order" được sử dụng để dự đoán sự tích luỹ NH_4-N như sau:
$N_t=N_1^* (1-e^{-k1t})+ k_2t$ trong đó Nt là lượng tích luỹ thuần của NH_4-N (mg NH_4-Nkg^{-1} đất) vào thời điểm t (ngày), N_1 là lượng đạm sẵn sàng khoáng hoá (mg NH_4-N kg^{-1} đất), k_1 và k_2 là hằng số tốc độ khoáng hoá của đạm khoáng hoá ở dạng di động hoặc dạng ổn định. Hơn 98% của lượng tích luỹ thuần NH_4-N có thể được ước đoán bằng phương trình trên.
Mô hình CERES-Rice được sử dụng để so sánh giữa kết quả thực tế và ước đoán của năng suất và lượng đạm hút thu của cây lúa. Chỉ có nhóm đất bưng trủng và bưng sau đê được tìm thấy có tương quan giữa NH_4-N và năng suất hoặc lượng đạm.

Thành tựu khoa học

Công trình nghiên cứu:
Khảo sát sự biến động hoá học trên các loại đất chính vùng tây nam sông Hậu.
Cải thiện hiệu quả sử dụng phân N trên đất lúa vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Dự định khoa học

Nghiên cứu mô hình canh tác nâng cao tính bền vững của phì nhiêu đất và năng suất lúa hè thu ở đồng bằng sông Cửu Long.
Nghiên cứu tác động môi trường do chuyển cơ cấu từ đất lúa sang canh tác tôm ở vùng tứ giác Long Xuyên và bán đảo Cà Mau tỉnh Kiên Giang.



PHÙNG BÁ HƯNG

Thanh Sơn - Phùng Hưng

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 09 - 7 - 1938
Quê quán: Nghi Hương - Nghi Lộc - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 19 ngõ 409 - Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện thiết kế đường sắt, Viện thiết kế Bộ giao thông vận tải.
Trưởng phòng Tư vấn đầu tư Viện nghiên cứu thiết kế đường sắt (nay là Công ty tư vấn Đầu tư và Xây dựng).
Chuyên gia Công ty tư vấn Đầu tư và Xây dựng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1980
Tại trường Đại học Đường sắt Matxcơva - Liên Xô cũ.
Ngành Đường sắt
Chuyên ngành Khai thác vận tải đường sắt - ga và đầu mối đường sắt.

Đề tài luận án

Tối ưu hoá công suất và phân bổ lẫn nhau các thiết bị theo giải thể và lập tầu trên các ga lập tầu Việt Nam.

Nội dung

Những nguyên lý phân bổ lẫn nhau các thiết bị giải và lập các đoàn tầu trên ga lập tầu.
Các thời kỳ phát triển đường sắt Việt Nam.
Mục tiêu và phương pháp nghiên cứu.
Tập trung công tác lập tầu trên ga lập tầu:
Các nguyên lý tập trung chuyển đổi luồng toa xe.
Những đặc điểm phân bố ga lập tầu Việt Nam.
Phân tích các luồng toa xe vào các ga lập tầu.
Phân tích thiết bị dốc gù.
Phương pháp lựa chọn phương án tối ưu tập trung công tác lập tầu đường sắt Việt Nam.
Các phương pháp xác định tối ưu các ga lập tầu trong điều kiện đường sắt Việt Nam.
Hiệu quả tập trung lập tầu và phân bố các ga lập tầu trên đường sắt Việt Nam.
Nghiên cứu các thông số tối ưu trang bị kỹ thuật và công tác kỹ thuật nhằm lựa chọn thiết bị giải thể và lập tầu:
Nghiên cứu phân loại các chi phí liên quan thiết bị lập tầu.
Xác định các thông số tối ưu thiết bị kỹ thuật và công tác kỹ thuật hệ thống lập tầu.
Phân tích lựa chọn hệ thống bãi đếu - dốc gù - bãi dồn - đường điều dẫn".
Lựa chọn công suất tối ưu và phân bố thiết bị tối ưu giải thể và lập tầu:
Lựa chọn công suất tối ưu và phân bố lẫn nhau các thiết bị giải thể và lập tầu trên các ga lập tầu.
Xác định tối ưu công suất và phân bổ lẫn nhau các thiết bị giải thể lập tầu.
Phân tích kết quả tính toán.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các dự án cấp Bộ và Nhà nước.
Đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn, Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội - Cái Lân, Đông Anh - Thái Nguyên, Đường sắt Xuyên Á trên đất Việt Nam, đường sắt hành lang Đông - Tây (Lào Cai - Yên Viên - Hải Phòng - Cái Lân).
Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020.
Chủ nhiệm các đề tài:
Vận chuyển bằng container trên đường sắt Việt Nam.
Chọn khổ đường sắt Việt Nam.
Thành viên hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước.



LÊ THIÊN HƯƠNG

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 20 - 12 - 1938.
Quê quán: Vĩnh Hoà - Vĩnh Lộc - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: Phường Đông Sơn - Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hoá.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy khoa Toán Trường Đại học Sư phạm Vinh.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp Kiép Ucraina.
Cán bộ giảng dạy khoa Toán Trường Đại học Sư phạm Vinh
Giáo viên Trường Cao đẳng Sư phạm Thanh Hoá và Trường Đại học Hồng Đức Thanh hoá.
Chủ nhiệm khoa Toán Lý, khoa Tự nhiên Trường Cao đẳng Sư phạm Thanh Hoá, Chủ nhiệm khoa Khoa học tự nhiên Trường Đại học Hồng Đức Thanh Hoá.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979
Tại Trường Đại học Tổng hợp Kiép, Ucraina.
Ngành Toán học

Đề tài luận án

Phương trình mô men cấp 2 đối với nghiệm của phương trình vi phân ngẫu nhiên đạo hàm riêng và tích phân ngẫu nhiên theo quá trình khuếch tán.

Nội dung

Đưa ra phương trình đối với mô men cấp 2 của nghiệm và phương trình vi phân ngẫu nhiên đạo hàm riêng.

Thành tựu khoa học

Các công trình khoa học đã công bố:
Phương trình mô men cấp 2 của nghiệm và phương trình vi phân ngẫu nhiên đạo hàm riêng (ở Ucraina).
Dạng điệu giới hạn của tích phân ngẫu nhiên theo quá trình vi ne 1 và 2 tham số (ở Ucraina).
Tích phân ngẫu nhiên bội theo quá trình khuyếch tán và dạng điệu giới hạn của nó.
Sách đã xuất bản:
Lý thuyết xác suất và thống kê toán.
Giáo trình lý thuyết xác suất và thống kê toán - Nxb. Giáo dục.
Sách sẽ xuất bản:
Tôpô đại cương.
Độ đo và tích phân.
Sinh viên đại học sư phạm toán, Đại học Hồng Đức Thanh Hoá.
Thành viên xây dựng chương trình toán cho các trường cao đẳng sư phạm.
Chủ trì xây dựng chương trình toán của đại học sư phạm toán Trường Đại học Hồng Đức Thanh Hoá.

Dự định khoa học

Biên soạn giáo trình giải tích hàm.
Chỉnh lý giáo trình giải tích theo chương trình đại học sư phạm toán trường Đại học Hồng Đức Thanh Hoá.
Biên soạn sách bài tập về giải tích, lý thuyết xác suất và thống kê toán.



TRẦN THỊ LAN HƯƠNG

Tiến sĩ Tâm lý học

Sinh ngày: 10 - 08 - 1957.
Quê quán: Thành phố Huế
Chỗ ở hiện nay:
218/56 Tây Sơn - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Công tác tại Trường Trung học nuôi dạy trẻ.
Công tác tại Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I.
Nghiên cứu sinh tại Cộng hoà Liên bang Nga.
Hiện công tác tại Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương 1.
Thành viên Tiểu ban Giáo dục nhân văn - mạng lưới giáo dục môi trường quốc gia.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Trường Đại học Sư phạm Quốc gia Gherxen - Cộng hoà liên bang Nga.
Chuyên ngành Tâm lý học

Đề tài luận án

Các thành tố lời nói và hình ảnh trong sự nhận thức ý nghĩa của các tình huống đạo đức ở trẻ lớp 1.

Nội dung

Xây dựng cơ sở lý luận thông qua công trình của các tác giả tiêu biểu về một hệ thống các nội dung sau:
Hình ảnh và lời nói trong hoạt động nhận thức.
Vấn đề giá trị và sự chiếm lĩnh các giá trị đạo đức trong tâm lý - giáo dục học hiện đại.
Đặc điểm về khả năng nhận thức của trẻ 6-7 tuổi.
Sự nhận biết ý nghĩa đạo đức gắn với tình huống.
Đặc điểm nhận thức của trẻ lớp 1 về những ý nghĩa đạo đức trong tình huống.
Công trình tập trung giải quyết 3 nội dung:
Mức độ nhận thức của trẻ về ý nghĩa đạo đức trong tình huống qua lời nói và hình ảnh.
Những yếu tố ảnh hưởng đến mức độ nhận thức, ý nghĩa trong tình huống ở trẻ 6-7 tuổi như: hình thức thể hiện tình huống bằng tranh hoặc bằng lời; nội dung phạm trù đạo đức; việc thể hiện nội dung đạo đức bằng hành động hoặc bằng các trạng thái tâm lý.
Đặc điểm nhận thức của trẻ 6-7 tuổi về cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức trong tình huống. Nghiên cứu thông qua các chủ đề về tình yêu lao động, lòng nhân ái, sự cẩn thận, ngăn nắp, giúp đỡ lẫn nhau.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp Bộ:
Đặc điểm các yếu tố lời nói và hình ảnh trong sự nhận thức tình huống đạo đức của trẻ 5-6 tuổi.
Chủ nhiệm dự án:
Sản xuất thử nghiệm tranh - truyện phục vụ chương trình giáo dục đạo đức của ngành Mầm non.
Trong ban chủ nhiệm đề án:
Đưa giáo dục bảo vệ môi trường vào một số trường mầm non.
Sách đã xuất bản:
Trò chơi Toán học.
Mẹ ơi, con không có lỗi.
Giải quyết những tình huống xảy ra ở trẻ - Nxb Giáo dục.
Những bài học tốt cho trẻ mẫu giáo - Nxb Mỹ thuật.
Đồng tác giả:
Câu truyện của bé Bơ - Nxb Giáo dục.
Nội thất trường mầm non hướng tới thế kỷ XXI - Nxb Mỹ thuật.

Dự định khoa học

Hoàn thành 2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ:
Hình thành thái độ nhân văn trong giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mẫu giáo.
Nghiên cứu và biên soạn tài liệu nâng cao nhận thức cho giáo viên mầm non về bảo vệ môi trường.
Tham gia nghiên cứu ứng dụng về các vấn đề đổi mới trong ngành giáo dục mầm non.



HUỲNH ĐĂNG HY

Tiến sĩ Kiến trúc

Sinh ngày: 2 - 1 - 1937
Quê quán: Bình An - Tây Sơn - Bình Định.
Chỗ ở hiện nay:
11A, ngõ 389/64 đường Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Trưởng phòng Thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị, Viện Quy hoạch xây dựng đô thị nông thôn, Bộ Kiến trúc.
Nghiên cứu sinh tại Matxcơva, Liên Xô.
Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật Viện Quy hoạch xây dựng đô thị nông thôn, Bộ Kiến trúc.
Trưởng phòng Thiết kế quy hoạch thủ đô Hà Nội thuộc Viện Quy hoạch xây dựng đô thị nông thôn Bộ Xây dựng.
Phó Vụ trưởng V4 Văn phòng Chính phủ.
Phó Vụ trưởng, Vụ trưởng Vụ thẩm kế và quản lý quy hoạch xây dựng đô thị thuộc Uỷ ban xây dựng cơ bản nhà nước.
Phó cục trưởng Cục giám định nhà nước và chất lượng công trình xây dựng, Bộ Xây dựng.
Chuyên viên cao cấp, Vụ quản lý Kiến trúc - quy hoạch Bộ Xây dựng.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Kiến trúc sư Việt Nam.
Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1970
Tại trường Đại học Kiến trúc Matxcơva, Liên Xô cũ.
Ngành Kiến trúc.
Chuyên ngành Quy hoạch xây dựng đô thị.

Đề tài luận án

Đặc điểm quy hoạch xây dựng thành phố cảng Việt Nam.

Nội dung

Căn cứ đặc điểm thiên nhiên, khí hậu, cảnh quan, lòng lạch cửa sông, vịnh của Việt Nam xác định khả năng hình thành phát triển các cảng biển và thành phố cảng ở Việt Nam.
Tiến hành phân loại các thành phố cảng ở Vịnh Kín (Quy Nhơn, Hạ Long...), cửa sông lớn (Đà Nẵng, Hải Phòng...), trong các sông lớn (thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ...).
Đề xuất cơ cấu hợp lý của các thành phố cảng: chỉ dành những nơi thích hợp xây dựng cảng, bố trí hợp lý vị trí cảng so với toàn thành phố, dành phần lớn khu đất ven sông, ven bờ Vịnh, ven biển để bố trí khu dân dụng thành phố (vì cảnh quan, môi trường phục vụ cho con người...) Phê phán và đề xuất các biện pháp khắc phụ hậu quả xấu của quá khứ xây dựng thành phố cảng (Hải Phòng...).
Mối quan hệ giao thông hợp lý giữa khu dân dụng với cảng, khu công nghiệp sau cảng và giao thông đối ngoại.
Chọn vị trí trung tâm của thành phố cảng, thiết lập bóng dáng thành phố ở các khu ven sông ven biển.
Cơ cấu hợp lý quy hoạch xây dựng khu vực cảng.

Thành tựu khoa học

2 đề tài khoa học đã được nghiệm thu và ứng dụng vào thực tế.
Cơ sở khoa học để quản lý quy hoạch xây dựng đô thị Việt Nam thuộc chương trình cấp Nhà nước.
Cơ sở khoa học và phương pháp luận quy hoạch xây dựng các đô thị phụ cận thành phố Hồ Chí Minh (cấp thành phố).
Tham gia soạn thảo nhiều văn bản quản lý nhà nước, quy hoạch xây dựng đô thị, đầu tư và xây dựng.
Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội quận Cầu Giấy 2001 - 2010.
Quy hoạch phát triển mạng lưới đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2010.
Đào tạo hướng dẫn nghiên cứu sinh.



NGUYỄN PHỤ HY

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 01 - 06 - 1943
Quê quán: Đình Bảng - Từ Sơn - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội 2 Vĩnh Phúc.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Toán, Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu tại Đại học Tổng hợp Kiep, Ucraina.
Cán bộ giảng dạy khoa Toán - Tin. Chủ nhiệm bộ môn.
Phó Chủ nhiệm khoa Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1977.
Tại Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học Ucraina.
Ngành Toán. Chuyên ngành Giải tích hàm.

Đề tài luận án

Các hạch xác định dương vô hạn biến số

Nội dung

Năm 1928 X.N.Berustain là người đầu tiên đưa ra và xét các hàm lồi mũ một biến số, thiết lập, chứng minh biểu diễn tích phân hàm lồi mũ một biến số. Độc lập với Berustain, năm 1932 X.Bohner đã phát biểu và chứng minh định lý về biểu diễn tích phân của hàm xác định dương một biến số. Về sau M.G.Krein, Yu.M.Berezanski, A.Devinatz, A.D.Acosta, N.I.Ahiezer và các nhà toán học khác đã mở rộng các công trình trên cho hàm xác định dương n biến số. Đặc biệt, Yu.M.Berezanski, khi mở rộng và phát triển các công trình trên, đã thiết lập biểu diễn tích phân của hàm xác định dương kiểu Bohner vô hạn biến số trên một dải.

Luận án mở rộng và phát triển công trình trên, thiết lập biểu diễn tích phân của hàm xác định dương (tổng quát) vô hạn biến số trên một dải, đồng thời chứng minh tính duy nhất của biểu diễn đó theo độ đo Gaus trên IR^{α}. Luận án trình bày áp dụng lý thuyết tổng quát để tìm lại các biểu diễn tích phân của các hàm xác định dương kiểu Bohner, hàm lồi mũ kiểu berustein vô hạn biến số và các hàm xác định dương kiểu hỗn hợp theo độ đo Gaus trên IR^{α}.

Thành tựu khoa học

Các đề tài cấp Bộ đã nghiên cứu:
Đào tạo giáo viên cốt cán cấp 2 có trình độ đại học sư phạm; Ứng dụng toán cao cấp trong môn toán trường phổ thông; Nghiên cứu một số ứng dụng toán giải tích trong môn toán trường phổ thông.
Một số công trình đã công bố ở trong và ngoài nước:
Về biểu diễn tích phân của hàm lồi mũ vô hạn biến số, toán học Ucraina.
Các hàm xác định dương bất biến quay hữu hạn biến số; Về các hàm xác định dương bất biến quay hữu hạn biến số; Các điểm bất động của toán tử lõm chính quy; Các vectơ riêng của toán tử hõm chính quy.
Dạy học phép đại lượng ở bậc tiểu học - ứng dụng đạo hàm để giải toán sơ cấp.
Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên toán.
Sách đã xuất bản:
Ứng dụng số phức để giải toán sơ cấp; Giảng dạy tích phân trong chương trình toán lớp 12; Ứng dụng đạo hàm để giải toán sơ cấp; Dạy học phép đo đại lượng ở bậc tiểu học; Dạy học các tập hợp số ở bậc tiểu học; Ứng dụng giới hạn để giải toán phổ thông trung học; Tuyển chọn cách để thi tuyển sinh Đại học - Cao đẳng 1993 - 1999 môn Toán, Nxb Giáo dục.
Dạy học môn toán ở bậc tiểu học - Nxb Đại học Quốc gia.
Giáo trình Đại học Sư phạm.
Lý thuyết hàm số nhiều biến số; Hàm số biến số phức; Giải tích hiện đại; Giải tích hàm; Giải tích phức; Phép tính Vi phân.
Tôpô đại cương; Bài tập hàm số biến số phức; Xác suất thống kê và ứng dụng trong quản lý giáo dục, văn hoá.

Dự định khoa học

Nghiên cứu lý thuyết toán tử và ứng dụng
Nghiên cứu cơ sở toán học hiện đại.

Lời Tiến sĩ

Việc nghiên cứu khoa học không chỉ tạo ra những công nghệ mới và nâng cao hiệu quả trong sản xuất mà còn thúc đẩy giáo dục trong nhà trường phát triển, ngày càng nâng cao chất lượng dạy và học, học sinh, sinh viên sớm hình thành những ý tưởng khoa học mới, có hoài bão lớn xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ và văn minh.



LÊ HỒNG KẾ

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 19 - 12 - 1940.
Quê quán: Điện Quang - Điện Bàn - Quảng Nam.
Chỗ ở hiện nay: A20 - Nguyên Hồng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu và thiết kế quy hoạch đô thị, Viện Quy hoạch thành phố, Bộ Kiến trúc.
Phó phòng quy hoạch, Viện Quy hoạch thành phố, Bộ Kiến trúc.
Trưởng phòng Thiết kế quy hoạch, Viện Quy hoạch đô thị - nông thôn.
Phó Viện trưởng, Viện Quy hoạch đô thị - nông thôn.
Kiêm Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Môi trường đô thị nông thôn.
Viện trưởng Viện Quy hoạch đô thị - Nông thôn.
Giám đốc Trung tâm bảo vệ môi trường và Qũy hoạch phát triển bền vững (CEPSD), Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam.
Phó Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam.
Hội viên:
Hội Quy hoạch vùng và đô thị quốc tế;
Hội Kiến trúc sư Việt Nam;
Hội Xây dựng Việt Nam;
Hội Môi trường Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990.
Tại Trường Đại học Xây dựng, Hà Nội.
Chuyên ngành Quy hoạch không gian đô thị.

Đề tài luận án

Tiếp cận nghiên cứu bước đầu hệ sinh thái đô thị trong quá trình quy hoạch phân bố điểm dân cư ở nước ta.

Nội dung

Quy hoạch phân bố dân cư trong quá trình đô thị hoá là một quy luật tất yếu. Trong quá trình đó, hệ thống dân cư đô thị đóng vai trò rất quan trọng và quyết định. Tuy nhiên, xu thế phát triển đó sẽ đưa đến tác động tích cực về phát triển kinh tế - xã hội tiêu cực về ô nhiễm môi trường và làm mất cân bằng hệ sinh thái đô thị. Đề tài nghiên cứu đề xuất những cơ sở khoa học, giải pháp tính toán cơ cấu quy hoạch trên quan điểm sinh thái học và phát triển đô thị bền vững, góp phần đưa yếu tố sinh thái vào thực tế cuộc sống đô thị ở nước ta.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài cấp Nhà nước đã nghiệm thu:
Phân bố mạng lưới dân cư đô thị, thời kỳ 1995 - 2000 (tham gia).
Bảo vệ môi trường vùng Đông Nam Bộ (tham gia).
Những vấn đề cấp bách về sinh thái đô thị trong quy hoạch dân cư ở nước ta (chủ nhiệm).
Chiến lược phát triển đô thị quốc gia, thời kỳ 2000 - 2010 (chủ nhiệm).
Phân bố dân cư trong quá trình đô thị hoá trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thời kỳ 2000 - 2020 (chủ nhiệm).
Và một số đề tài khác.
Đồng tác giả với một số giáo sư nước ngoài viết và xuất bản sách về quy hoạch và quản lý đô thị, đô thị hoá, môi trường đô thị...

Dự định khoa học

Viết sách về quy hoạch phát triển đô thị nông thôn, quá trình đô thị hoá, sinh thái đô thị, môi trường đô thị, phát triển bền vững đô thị...
Hướng dẫn nghiên cứu sinh.
Nghiên cứu giải pháp, khả thi cải thiện không gian ở cho người thu nhập thấp.



NGUYỄN NGỌC KHA

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 1 - 12 - 1936.
Quê quán: Thị xã Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 11 Hàng Cót - Hà Nội.

Quá trình công tác

Chủ nhiệm khoa Bệnh viện Ninh Bình.
Trưởng khoa ngoại (B) ung thư và phụ khoa Bệnh viện K Hà Nội.
Được phong Phó giáo sư năm 1992.
Hội viên Hội ngoại khoa Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Dược lý.

Đề tài luận án

Tác dụng ức chế của péthidine với vận động.

Nội dung

Bằng thực nghiệm trên 80 chó, 5 lợn và lâm sàng trên 60 người khi đưa péthidine (thuốc phiện) vào tuỷ sống để làm liệt và mất cảm giác ở hai chân sau súc vật và hai chân người.
Kết quả cho thấy chân trước súc vật và tay người không có thay đổi chỉ số, ngược lại chân sau súc vật và chân người giảm dần từ chỉ số sinh học xuống đến 1 và lúc này chân sau chó và chân người bị liệt.

Biểu hiện lâm sàng (liệt) với chỉ số của máy khi sử dụng péthidine trên người và súc vật đã khẳng định péthidine ngoài tác dụng đối với cảm giác (nơron cảm giác) còn có tác dụng với nơron vận động, ức chế vận động.
Tác dụng tương tự như loại thuốc gây liệt vận động (các loại curare)
Tác dụng liệt vận động của péthidine không thấy trong dược điển.

Thành tựu khoa học

Một số công trình tiêu biểu:
Phương pháp thắt ống dẫn tinh (đinh sản nam) không dùng dao mổ.
Cắt đoạn ruột không phải dùng nhiều kẹp máu, giải quyết trong chiến trường.
Tamoxifen trong điều trị ung thư vú với phẫu thuật + tia xạ + cắt buồng trứng.
Hợp tác (đồng chủ đề tài) với Mỹ:
Một phương pháp chẩn đoán sớm và điều trị dự phòng ung thư vú.
Phương pháp gây nhu động ruột sớm sau phẫu thuật ổ bụng.
Điều trị bệnh thuỷ thũng màng tinh hoàn không cần mổ.
Phát hiện và nghiên cứu tác dụng một cây thuốc Việt Nam chống bỏng bảo vệ da và chữa bỏng da do tia xạ.
The interaction between two bioclectric subcircuits. Circuitset rescaux Bioelectriques.
Cơ chế cai nghiện ma tuý.
Cơ chế châm cứu theo y sinh học.
Tìm hiểu "thiền" với sức khoẻ con người.
Sách đã xuất bản:
Tìm hiểu và thực hành thiền góc độ sinh học với sức khoẻ - Nxb Y học.
Nhiều công trình đã công bố trên các tạp chí.

Dự định khoa học

Viết sách và nghiên cứu về thiền sinh học, tâm năng dưỡng sinh, nhân điện...

Lời Tiến sĩ

Đã đến lúc cần có Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam để các nhà khoa học phát huy được khả năng, phục vụ đất nước.



PHAN VĂN KHA

Tiến sĩ Sư phạm

Sinh ngày: 16 - 10 - 1954.
Quê quán:
Thị trấn Ngô Đồng - Giao Thuỷ - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay:
62C - ngõ 444 - Cống Vị - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Viện Khoa học dạy nghề - Tổng cục Dạy nghề.
Nghiên cứu sinh Viện Hàn lâm Khoa học sư phạm - Matxcơva - Liên Xô cũ.
Giám đốc Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng - Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục.
Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu và Phát triển giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Ủy viên Ban Điều hành Trung tâm khu vực về Giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp, Tổ chức Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á (SEAMEO VOCTECH).
Hội viên Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.
Phó Chủ tịch Hội Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Viện Hàn lâm Khoa học Sư phạm (Liên Xô cũ).
Chuyên ngành Khoa học sư phạm.

Đề tài luận án

Nội dung đào tạo theo nhóm nghề trong các trường dạy nghề ở Việt Nam.

Nội dung

Trên cơ sở lý luận, thực tiễn của đào tạo công nhân kỹ thuật ở Việt Nam và kinh nghiệm ở một số nước trên thế giới, đề tài đã xây dựng cơ sở phương pháp luận và quy trình phân nhóm các nghề đào tạo với mục đích đồng nhất các chương trình môn học ở các trường dạy nghề Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Các công trình đã công bố:
Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp tăng cường công tác quản lý đào tạo cao học ở Việt Nam (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Nghiên cứu đề xuất mô hình quản lý chất lượng đào tạo sau đại học ở Việt Nam (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Bồi dưỡng giáo viên các trường dạy nghề - thực trạng và giải pháp (cấp Cơ sở).
Cơ sở lý luận phân nhóm nghề đào tạo với việc đồng nhất chương trình các môn học.
Tiểu dự án: Nghiên cứu theo dấu vết và mối quan tâm của học sinh.
Xây dựng chiến lược phát triển giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp ở Việt Nam.
Đào tạo sau đại học với nghiên cứu triển khai đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.
Một số vấn đề về quản lý chất lượng đào tạo sau đại học ở Việt Nam.
Tăng cường quản lý Nhà nước về đào tạo nghề.
Về mô hình quản lý chất lượng đào tạo nghề ở Việt Nam.
Quản lý nhà nước về giáo dục.
Quản lý giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam.
Quản lý dự án.
Hướng dẫn nghiên cứu sinh, học viên cao học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, giảng dạy, viết sách về quản lý giáo dục và phương pháp dạy học.



ĐỖ MINH KHAI

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 01 - 02 - 1950
Quê quán: Cẩm Minh - Ân Thi - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay:
23 - ngõ 237 - Hoàng Văn Thái - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Ngoại ngữ tại Tiệp Khắc cũ
Kỹ sư Tiểu đoàn huấn luyện Quân chủng Phòng không, Không quân.
Nghiên cứu viên Đoàn 871 - Tổng cục Chính trị.
Nghiên cứu sinh tại Học viện Quân sự VAAZ BRNO Tiệp Khắc
Hiện là Trưởng bộ môn Máy bay động cơ đoàn 871 BQF Trường Sĩ quan tham mưu phòng không; Học viện Phòng không không quân.
Hội viên Hội Hữu nghị Việt - Séc, Hội Cơ học thuỷ khí Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.
Tại Học viện Quân sự VAAZ BRNO - Tiệp Khắc.
Ngành Chế tạo máy và các thiết bị vận tải.
Chuyên ngành Máy bay - động cơ.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của giảm chấn cơ học đến quá trình diễn biến của các dao động đàn hồi khí động phi tuyến cánh máy bay.

Nội dung

Mở rộng vùng tốc độ, độ cao bay của máy bay luôn được quan tâm bằng nhiều biện pháp trong các lĩnh vực khí động, kết cấu, vật liệu sử dụng v.v...
Kết cấu máy bay phải đảm bảo các yêu cầu về khí động độ bền, tin cậy và trọng lượng nghiêm ngặt.
Kết cấu máy bay thường là kết cấu thành mỏng, không cứng tuyệt đối, trước tác dụng của tải bên ngoài bị biến dạng là cơ sở và nguyên nhân phát sinh các dao động đặc biệt là dao động đàn hồi khí động - nó hạn chế tốc độ bay, phá huỷ kết cấu trong quá trình bay.
Nghiên cứu các yếu tố tăng tốc độ tới hạn của các hiện tượng đàn hồi khí động xuất hiện trên máy bay, góp phần mở rộng vùng tốc độ - độ cao bay của máy bay - đảm bảo an toàn bay - Một trong các yếu tố đó là giảm chấn cơ học do chính kết cấu tạo ra.
Xây dựng bài toán đàn hồi khí động cánh máy bay - Giải bài toán bằng công cụ tính toán hiện đại thông qua mô hình đàn hồi khí động được thổi trong ống khí tượng.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài nghiên cứu:
Xây dựng chương trình đào tạo sĩ quan chỉ huy kỹ thuật cấp chiến thuật - chiến dịch - chuyên ngành máy bay - động cơ (cấp Quân chủng).
Khảo sát hỏng hóc hệ thống thuỷ lực máy bay (cấp Quân chủng - MIG 2).
Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy "các hệ thống tự động điều chỉnh và điều khiển động cơ hàng không" (cấp Học viện).
Xây dựng giáo trình điện tử môn học "Các hệ thống tự động điều chỉnh và điều khiển động cơ hàng không" (cấp Quân chủng).
Xây dựng thiết bị đo đặc tính BTA thuỷ khí (nhánh - cấp Bộ).
Xây dựng chương trình đào tạo cao học ngành máy bay - động cơ (cấp Học viện - tham gia).
Mô phỏng hoạt động các hệ thống máy bay - động cơ phục vụ giảng dạy.
Chủ biên giáo trình: *Kết cấu và độ bền máy bay* tập 1, 2 - Học viện Phòng không - Không quân.

Dự định khoa học

Tham gia các đề tài về thuỷ khí, động lực học kết cấu máy bay và dân dụng.
Biên soạn giáo trình máy bay - động cơ.
Nghiên cứu kỹ thuật hàng không, giảng dạy, hướng dẫn cao học và nghiên cứu sinh.



NGUYỄN HỮU KHẢI

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 20 - 06 - 1948.
Quê quán: Hương Ngải - Thạch Thất - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay:
Tổ 6 - thị trấn Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Kỹ sư Đài Khí tượng thuỷ văn Lai Châu.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Thuỷ lợi Mátxcơva Liên Xô.
Phó hiệu trưởng Trường Cán bộ khí tượng thuỷ văn Hà Nội.
Giảng viên chính trường Đại học Khoa học tự nhiên Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.
Tại Trường Đại học Thuỷ lợi Mátxcơva Liên Xô.
Chuyên ngành Thuỷ văn.

Đề tài luận án

Mô hình hoá dao động dòng chảy sông ngòi Việt Nam.

Nội dung

Phân tích dao động dòng chảy năm sông ngòi Việt Nam cho thấy dòng chảy giữa các năm lân cận có liên hệ tương quan, trong đó các sông suối vùng sông Mê Kông có hệ số tương quan lớn hơn, khoảng 0,3 - 0,4. Vì vậy các tính toán thuỷ văn, thuỷ lợi phải xét đến yếu tố này. Trên cơ sở phương pháp Monte-Carlo đã chọn mô hình mô phỏng dòng chảy có xét đến tương quan giữa các số hạng lân cận theo quan điểm của Ratkovich.F.I. Chuỗi dòng chảy mô phỏng được ứng dụng để tính toán các đặc trưng thống kê dòng chảy và các đặc trưng thuỷ lợi như dung tích kho nước, mức đảm bảo và hệ số cấp nước cho các sông suối Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Chủ trì đề tài khoa học:
Phân tích nguyên nhân và xây dựng giải pháp phòng chống lũ quét sông Dinh Bình Thuận.
Tham gia đề tài:
Nghiên cứu nguyên nhân và giải pháp phòng chống xói lở sông ngòi miền Trung.
Nghiên cứu nguyên nhân và giải pháp phòng chống xói lở sông suối miền núi Hà Giang - Lào Cai.
Sách đã xuất bản:
Địa lý thuỷ văn - Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng mô hình toán thuỷ văn, thuỷ lực phòng chống thiên tai ở Việt Nam.



PHẠM NGỌC KHÁI

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 04 - 05 - 1955.
Quê quán: Bách Thuận - Vũ Thư - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 47 - tổ 46 - phường Quang Trung - thị xã Thái Bình - tỉnh Thái Bình.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Y Thái Bình.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Y Hà Nội.
Trưởng phòng Quản lý khoa học, giảng viên chính bộ môn Vệ sinh dịch tễ, Trường Đại học Y Thái Bình.
Hội viên Hội Vệ sinh phòng dịch, Tổng hội Y Dược Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Vệ sinh học xã hội và tổ chức y tế.

Đề tài luận án

Thiếu dinh dưỡng protein - năng lượng ở trẻ em nông thôn Thái Bình và hiệu quả của một số biện pháp can thiệp tại cộng đồng.

Nội dung

Đặc điểm thiếu dinh dưỡng protein - năng lượng và một số yếu tố nguy cơ suy dinh dưỡng (SDD) ở trẻ em nông thôn Thái Bình:
Tỷ lệ SDD 58,8%, tỷ lệ còi cọc 59,9%, tỷ lệ gầy mòn 11,8%. Tỷ lệ SDD tập trung cao nhất ở trẻ em 13 - 36 tháng. Trên 60% trẻ em thiếu máu. Riêng trẻ em SDD II - III trên 90% thiếu máu và albumin huyết tương ở mức bệnh lý.

Tỷ lệ SDD thay đổi theo vùng sinh thái vị trí địa dư. Vùng đay mía: 62,1%, vùng lúa (58,4%), ven biển (54,7%). Các xã nội đồng cao hơn các xã ven đường giao thông, ven sông ven biển ($p < 0,05$).
Khẩu phần trẻ em SDD đói năng lượng, protit, sắt, vitamin A. Có 6 yếu tố làm tăng tỷ lệ SDD sắp xếp từ cao xuống thấp theo OR là:
- Mẹ không biết đánh giá tình trạng dinh dưỡng của con.
Hố xí gia đình không hợp vệ sinh.
Gia đình nghèo, nhà đất mái rạ.
Trẻ em có nhiễm trùng.
Trình độ văn hoá mẹ còn thấp.
Tuổi của mẹ còn dưới 21.
Sau 2 năm nghiên cứu triển khai một số biện pháp can thiệp giáo dục dinh dưỡng và vệ sinh phòng bệnh, sử dụng BĐPT kết hợp với khám sức khoẻ định kỳ, nâng cao khẩu phần bằng hỗ trợ sử dụng sữa đậu nành và VAC gia đình, kết quả khả quan.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm và tham gia một số đề tài:
Xây dựng mô hình phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi.
Tình hình suy thận và nhu cầu ghép thận của nhân dân vùng ven biển Thái Bình.
Đánh giá kết quả hoạt động 1994 - 1996 của chương trình phòng chống suy dinh dưỡng protein - năng lượng ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Đông Hưng và Sóc Sơn.
Đánh giá một số chỉ tiêu nhân trắc của trẻ em và người cao tuổi ở nông thôn Thái Bình.
Đánh giá hiệu quả 2 năm thực hiện dự án phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em dựa vào cộng đồng.
Nghiên cứu một số biện pháp can thiệp y tế góp phần giảm tỷ lệ còi cọc cho trẻ em ở trường học (6 - 15 tuổi).
Tình hình sức khoẻ và bệnh tật người cao tuổi vùng đồng bằng Bắc Bộ.
Áp dụng mô hình trường phổ thông làm cơ sở thực hiện chiến lược nâng cao sức khoẻ và tình trạng dinh dưỡng.
Bằng lao động sáng tạo.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Sách đã xuất bản:
Dịch tễ học cơ bản và thống kê y học (tham gia).
Sức khoẻ lứa tuổi (tham gia).
Dịch tễ và thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học (đồng chủ biên).
Dinh dưỡng và sức khoẻ trẻ em cộng đồng (chủ biên).
- Nxb Y học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phòng chống suy dinh dưỡng cho cộng đồng.



ĐÀO KHANG

Tiến sĩ Địa lý

Sinh ngày: 24 - 4 - 1952.
Quê quán: Vĩnh Thành - Yên Thành - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Khối 15 - phường Bến Thuỷ - thành phố Vinh - Nghệ An.

Quá trình công tác

Kỹ sư địa chất công trình - Bộ Xây dựng.
Kỹ sư địa chất công trình - Sở Thuỷ lợi Nghệ Tĩnh.
Hiện là giáo viên Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Địa lý tự nhiên.

Đề tài luận án

Đánh giá đất đai đồi núi Nghệ An và đề xuất các mô hình sử dụng đất đai cho lâm, nông nghiệp.

Nội dung

Phân chia diện tích nghiên cứu thành 355 LU (Land Unit), 31 GLU → (A).
Xây dựng chỉ tiêu cho 17 LUT (Land Use Type) → (B).
Đánh giá *mức độ thích hợp* giữa 31 (A) đối với 17 (B) theo 4 cấp: Thích hợp cao, thích hợp, thích hợp có điều kiện và không thích hợp; cho 3 yêu cầu: lâm nghiệp, nông nghiệp, nông - lâm kết hợp.
Khuyến cáo sử dụng hợp lý đất đai cho từng dân tộc, từng huyện, theo 6 mô hình có hiệu quả kinh tế cao do tác giả xây dựng trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và kiểm nghiệm thực tế.

Thành tựu khoa học

Một số công trình nghiên cứu đã công bố:
Bờ biển Bắc Cửa Lò không phải là một "vùng đất trống".
Thử lý giải vì sao định canh định cư ở Nghệ An đạt hiệu quả thấp?
Có phải nông nghiệp du canh là nguyên nhân chủ yếu làm suy giảm vốn rừng ở Nghệ An?
Vấn đề phát triển trang trại gia đình ở Nghệ An.
Nguyên nhân suy giảm vốn rừng ở Nghệ An.
Về khả năng đất đồi núi ở Nghệ An phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp.
Vì sao người Mông ở Nghệ An hay di cư tự do?
Góp phần tìm kiếm giải pháp ngăn chặn sự suy giảm vốn rừng ở Nghệ An.
Kết quả phân loại tiềm năng đất đai phục vụ quy hoạch sử dụng lâu bền địa bàn miền núi Nghệ An (đồng tác giả).
Những đặc điểm mang tính chuyển tiếp của vị trí địa lý và ưu thế về tài nguyên sinh học của Nghệ An (đồng tác giả).
Phương pháp đánh giá khả năng sử dụng đất đai cho các loại hình lâm, nông nghiệp tại vùng đồi núi Nghệ An.
Sử dụng công nghệ thông tin vào việc nghiên cứu đất đai ở Nghệ An.

Dự định khoa học .

Nghiên cứu miền núi Nghệ An (nông nghiệp du canh, giáo dục cho con em các dân tộc đặc biệt khó khăn: Mông, ƠĐu, Đan Lai).

Lời Tiến sĩ

Thiên nhiên Nghệ An "tam sơn, tứ hải, nhất phần điền", 86% diện tích tự nhiên là đồi núi, biển rộng. Nhưng, xưa nay, chỉ quanh quẩn với nhất điền không mấy phì nhiêu, chưa vươn ra biển bạc và còn bỏ ngỏ rừng vàng. Mong tìm được vàng cho quê hương.



LÊ VĂN KHANG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 14 - 12 - 1942.
Quê quán: Liêm Tiết - Thanh Liêm - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: Số 5 - tổ 3 - tập thể 361 - Yên Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Phó trưởng bộ môn Dị ứng;
Giám đốc Trung tâm Y học gia đình;
Trưởng phòng Tổ chức cán bộ;
Phó hiệu trưởng;
Phó trưởng khoa Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng bệnh viện Bạch Mai.
Phó giáo sư.
Nhà giáo ưu tú.
Tổng thư ký Hội Hen, Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại trường Đại học Y Hà Nội.
Ngành Y.
Chuyên ngành Dị ứng - Miễn dịch học.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và chẩn đoán đặc hiệu dị ứng do kháng sinh tại khoa Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng Bệnh viện Bạch Mai (1981 - 1990).

Nội dung

Giải quyết một vấn đề thời sự của y học hiện đại - dị ứng do kháng sinh.
Phản ứng tình hình và đặc điểm lâm sàng dị ứng do kháng sinh ở một khoa đầu ngành Bệnh viện Bạch Mai.
Bước đầu vận dụng và so sánh kết quả nhiều phương pháp chẩn đoán đặc hiệu dị ứng do kháng sinh, đặt cơ sở cho việc đánh giá và lựa chọn những phương pháp đơn giản, hiệu quả trong điều kiện thực tiễn Việt Nam.
Đề xuất một phức hợp các tét và phản ứng có khả năng phát hiện sớm dị ứng do kháng sinh, ngăn chặn các tai biến nghiêm trọng nhất như sốc phản vệ..., sử dụng tét tẩy da kết hợp với khai thác tiền sử dị ứng để phát hiện độ nhạy cảm và phòng các tai biến dị ứng do kháng sinh, góp phần "sử dụng kháng sinh an toàn, hợp lý".

Thành tích khoa học

Tham gia và chủ trì trên 40 đề tài nghiên cứu khoa học (6 đề tài cấp Bộ, Thành phố; 1 đề tài cấp Nhà nước).
Tham gia biên soạn 8 tài liệu giảng dạy và phổ biến khoa học.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Vì sự nghiệp giáo dục - đào tạo.
Vì sự nghiệp sức khoẻ nhân dân.
Chiến sĩ thi đua ngành y tế,...

Dự định khoa học

Nghiên cứu dị ứng thuốc, hen phế quản và một số mẫu hình bệnh dị ứng khác ở cộng đồng.



NGUYỄN KHANG

Tiến sĩ Dược học

Sinh ngày: 13 - 9 - 1925.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 5 Đinh Lễ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Sở Tư pháp khu Ba.
Tốt nghiệp trường Đại học Y Dược kháng chiến Việt Bắc (Chiêm Hoá).
Cán bộ kỹ thuật phụ trách phân xưởng Xưởng Quân dược liên khu 3-4.
Phụ trách bộ môn Hoá hữu cơ, trường Đại học Y Dược Hà Nội.
Giáo sư.
Chủ nhiệm bộ môn Trường Đại học Dược Hà Nội.
Hội viên Hội Dược học Việt Nam.
Cộng tác viên Hội đồng viết *Dược điển Việt Nam.*

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972.
Tại Trường Đại học Dược Bucarét Rumani.
Chuyên ngành Tổng hợp thuốc (hoá dược hữu cơ).

Đề tài luận án

Thiocarbanilid đóng vòng có tác dụng dược lý.

Nội dung

Thiocarbanilid là một loại thuốc chống lao đã ghi vào Dược điển một số nước (như Isoxyl, Etoxid). Luận án tổng hợp từ Thiocarbanilid đóng vòng thành các Thiazolidinon và thăm dò tác dụng kháng khuẩn, kháng lao và chống phân bào (hướng đi tới của nghiên cứu chống ung thư).

Thành tựu khoa học

Đã công bố trên 30 đề tài khoa học ở trong và ngoài nước
3 đề tài đã ứng dụng sản xuất điều trị.
Tham gia viết sách giáo khoa hữu cơ.
Huân chương chiến thắng hạng ba.
Huân chương chống Mỹ hạng nhất.
Nhà giáo ưu tú.
Huy chương Vì sự nghiệp y tế, giáo dục, khoa học và môi trường.

Dự định khoa học

Biên soạn sách và từ điển khoa học chuyên ngành.



NGUYỄN QUÝ KHANG

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 05-02-1944.
Quê quán: Xuân Canh - Đông Anh - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay:
Phương Liên - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Sở Giáo dục Vĩnh Phúc.
Nghiên cứu sinh tại Hungari.
Cán bộ giảng dạy trường Đại học Sư phạm Hà Nội II.
Trưởng bộ môn, Phó chủ nhiệm khoa, Chủ nhiệm khoa Đại học Sư phạm Hà Nội II.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1974.
Tại Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.

Đề tài luận án

Ôtômát và nửa nhóm.

Nội dung

Trong khoảng 15 năm (từ 1960) đại số ôtômát đã được quan tâm nhiều. Phương pháp đại số được đưa vào lý thuyết ôtômát để nghiên cứu dáng điệu trạng thái, dáng điệu tín hiệu ra...
Luận án tập trung giải quyết ba vấn đề:
Tính độc lập của các nửa nhóm đặc trưng, nửa nhóm tự đồng cấu và nhóm tự đẳng cấu của các ôtômát.
Mô tả nửa nhóm các tự động cấu của lớp ôtômát luỹ tính.
Tích Huzino của các ôtômát.
Các phương pháp của cấu trúc đại số (nửa nhóm, nhóm) và đại số phổ dụng đã được đưa vào và thu được 23 kết quả.

Thành tựu khoa học

Một số công trình nghiên cứu đã công bố:
O norypynnax abtomatob, Hungari.
On Endomorphism semigroup of nilpoteut Automata, Csechslovakia.
Các phép biến đổi bảo toàn dáng điệu trạng thái của ôtômát, ĐHSP HNII.
Các phép biến đổi bảo toàn dáng điệu trạng thái của ôtômát. Mealy hữu hạn, Đại học Sư phạm Hà Nội II.
Ngôn ngữ lập trình Pascal, Đại học Sư phạm Hà Nội II.
Nghiên cứu nội dung, phương pháp dạy NNLT cho sinh viên khoa toán các trường Đại học Sư phạm (đề tài cấp Bộ).
Bài tập Pascal.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Nhà giáo ưu tú - 1997.

Dự định khoa học

Hoàn thành một số giáo trình:
Cơ sở toán học của tin học, ngôn ngữ lập trình.
Nghiên cứu cơ bản:
Tích vô hạn trên các nửa nhóm hữu hạn (đề tài cấp Bộ).



NGUYỄN XUÂN KHANG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 30-12-1961.
Quê quán: Tân Lãng - Lương Tài - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 28C - tổ 27 thị trấn Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Viện khoa học Kỹ thuật Giao thông vận tải.
Đại đội phó kỹ thuật Đại đội Thi công cơ giới.
Hiện là Phó Giám đốc Trung tâm Khoa học Công nghệ máy xây dựng và ô tô, Viện Khoa học Công nghệ Giao thông vận tải.
Hội viên Hội Cơ khí Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Trường Đại học Giao thông vận tải Việt Nam.
Chuyên ngành Máy nâng chuyển.

Đề tài luận án

Nghiên cứu đánh giá chất lượng hoạt động kỹ thuật của hệ thống truyền động thuỷ lực trên các máy xếp dỡ trong điều kiện Việt Nam.

Nội dung

Phối hợp ba phương pháp phân tích hồ sơ kỹ thuật, lý thuyết độ tin cậy và giải tích, nhằm định lượng chất lượng hệ thống truyền động thuỷ lực theo hai nhóm chỉ tiêu độ tin cậy và tính năng kỹ thuật. Tác giả đã xây dựng mô hình bài toán động lực hệ thống truyền động thuỷ lực trên cơ sở tương tự cơ - thuỷ lực có xét tới ảnh hưởng của nhiệt độ. Kết quả nghiên cứu đã chỉ rõ nhiệt độ cao trong môi trường nhiệt đới ảnh hưởng xấu tới chất lượng hệ thống truyền động thuỷ lực: năng lượng khai thác giảm sút nhanh, độ êm dịu, tính linh động của truyền động bị phá vỡ, hỏng hóc thường xuyên xảy ra, tuổi thọ bị suy giảm... đề xuất những biện pháp chọn dạng máy, nhập máy, quản lý, khai thác và dịch vụ kỹ thuật... nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả sử dụng máy xây dựng ở nước ta.

Thành tựu khoa học

Những đề tài nghiên cứu:
Chọn máy thi công và xếp dỡ chủ yếu cho ngành giao thông vận tải (tham gia - cấp Nhà nước).
Cơ giới hoá xếp dỡ và vận chuyển xi măng rời ở Việt Nam (tham gia - cấp Nhà nước).
Nghiên cứu nâng cao chất lượng chế tạo và sửa chữa xe máy, thiết bị thi công công trình giao thông vận tải (chủ nhiệm - cấp Nhà nước).
Đánh giá độ tin cậy hệ thống truyền động thuỷ lực trên các máy xếp dỡ tiêu biểu ở Việt Nam (đồng tác giả - cấp Bộ).
Xây dựng các chỉ tiêu tiêu chuẩn đánh giá và kiểm định máy thi công (đồng tác giả - cấp Bộ).
Các giải pháp về thiết bị nâng cao chất lượng ống cống bê tông cốt thép đường kính lớn (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Tham gia chủ trì:
Thiết kế chế tạo hệ thống định lượng tự động thành phần bê tông xi măng MXD-1001DT.
Thiết kế chế tạo hàng chục trạm trộn bê tông xi măng có năng suất từ 20 - 60m³/giờ.
Thiết kế cải tạo cần trục hải cảng.
Thiết kế chế tạo máy lưu hoá lốp ô tô.
Thiết kế chế tạo máy đo lực nén công trình, máy bơm kéo Êpôxi.
Thiết kế chế tạo các loại bơm thuỷ lực chuyên dùng thi công công trình giao thông vận tải.
Thiết bị nén tĩnh thử tải cọc móng công trình.
Thiết kế, chế tạo các loại thiết bị căng kéo thanh PC dự ứng lực, thi công cầu bê tông cốt thép dự ứng lực.
Thiết kế hệ thống thiết bị chuyên dùng nâng dầm thay gối cầu.
Nghiên cứu phục hồi hệ thống thuỷ lực trên các máy xây dựng.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chế tạo thiết bị thuỷ lực chuyên dùng - xây dựng tiêu chuẩn thiết bị thi công các công trình giao thông vận tải - xây dựng phòng thí nghiệm thuỷ lực...



TỐNG ĐỨC KHANG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 2 - 6 - 1937.
Quê quán: Vĩnh Tân - Vĩnh Lộc - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 12 - ngõ 165 - Chùa Bộc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Xây dựng Bucaret - Rumani.
Phó chủ nhiệm khoa Thuỷ nông trường Đại học Thuỷ lợi.
Chủ nhiệm khoa Thuỷ lợi trường Kỹ thuật miền Đông Nam Bộ.
Phó ban lãnh đạo trường Đại học Nông nghiệp 4 thành phố Hồ Chí Minh.
Phụ trách khoa Công trình thuỷ lợi Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Phó chủ nhiệm khoa Thuỷ nông Trường Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.
Giảng dạy tại Trung tâm Đại học Biskra - Algeria.
Trưởng bộ môn Thuỷ nông Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.
Thành viên các hội nghị hữu nghị Việt - Trung, Việt - Rumani và Việt - Pháp.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972.
Tại Trường Đại học Bucaret - Rumani.
Ngành Thuỷ lợi
Chuyên ngành Thuỷ nông.

Đề tài luận án

Những đóng góp về nghiên cứu tính toán hệ thống tiêu nước ngầm cho các vùng đất nông nghiệp.

Nội dung

Nghiên cứu phát triển hệ thống tiêu ngầm trong môi trường đất không đồng nhất trên mô hình tương tự điện tử.
Nghiên cứu phát triển một số bài toán về cấu trúc hệ thống tiêu ngầm theo dòng không ổn định dưới tác dụng của bốc hơi và mưa và áp dụng tính toán trên máy vi tính theo ngôn ngữ Fortran.

Thành tựu khoa học

Chủ trì một số đề mục: Nghiên cứu biến dạng kênh tưới thuộc hệ thống thuỷ nông Hồng Vân thuộc đề tài cải tạo cải tiến hệ thống thuỷ nông Hồng Vân, Thường Tín, Hà Tây (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu cấu trúc hệ thống tiêu ngầm trên mô hình khe hẹp, thuộc đề tài cải tạo đất chua vùng Cẩm Bình - Hải Dương bằng biện pháp thuỷ lợi (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu nhu cầu nước và phương pháp phân phối trong các năm học cho các tỉnh miền Trung (cấp Nhà nước).
Các công trình nghiên cứu:
Phát triển tính toán khoảng cách kênh tiêu nước mặt theo dòng không ổn định.
Nghiên cứu phát triển tính toán chiều dài rãnh tưới theo dòng không ổn định.
Nghiên cứu phát triển tính toán tổn thất thấm trên ruộng lúa khi xét đến sự thay đổi của gradient thấm.
Nghiên cứu phát triển tính tổn thất trên kênh tưới.
Nghiên cứu phương pháp tính chính xác hệ số sử dụng nước của hệ thống tưới khi lưu lượng đầu nguồn thay đổi.
Sách đã xuất bản:
Phương pháp tính toán kỹ thuật tưới tiêu cho các vùng đất nông nghiệp - Nxb Nông nghiệp.
Bài tập thuỷ nông - Nxb Nông nghiệp.
Một số biện pháp thuỷ lợi cho vùng đồi núi - Nxb nông nghiệp.
Kỹ thuật tiêu nâng cao. Đại học Thuỷ lợi (giáo trình cao học).
Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác các hệ thống thuỷ nông (giáo trình cao học).
Thuỷ nông (tiếng Pháp).
Thuỷ lợi tiên tiến (tiếng Pháp) (bài giảng cho sinh viên thuỷ lợi) - Đại học Biskra - Angiêri.

Dự định khoa học

Tham gia các đề tài dự án về thuỷ lợi.
Biên soạn giáo trình đại học và cao học.



VŨ VĂN KHANG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 7 - 6 - 1948.
Quê quán: Trực Phương - Trực Ninh - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: P 403 - nhà 5B - Tập thể Trường Đại học Công Đoàn - 167 - Tây Sơn - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Công đoàn Matxcơva Liên Xô cũ.
Trưởng ban Đời sống Liên hiệp Công đoàn Hoàng Liên Sơn.
Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động Hoàng Liên Sơn.
Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh Yên Bái.
Ủy viên Ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khoá VII.
Phó trưởng Ban tổ chức Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, trợ lý Chủ tịch Tổng Liên đoàn.
Hiện là Ủy viên Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khoá VIII, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2002.
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Ngành Kinh tế.
Chuyên ngành Kinh tế và tổ chức lao động.

Đề tài luận án

Hoàn thiện cơ chế trả lương cho người lao động ở các doanh nghiệp thuộc ngành dệt - may ở Việt Nam.

Nội dung

Những lý luận cơ bản về tiền lương và cơ chế trả lương cho người lao động.
Hệ thống hoá và hoàn thiện một số vấn đề lý luận về tiền lương và cơ chế trả lương cho người lao động, phân tích những lý luận và kinh nghiệm về tiền lương, cơ chế trả lương của các nước và nêu ra những vấn đề áp dụng ở Việt Nam.
Phân tích, đánh giá thực trạng về tiền lương, cơ chế trả lương trong các doanh nghiệp ngành dệt may ở Việt Nam.
Đề xuất 4 quan điểm và 8 giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế trả lương cho người lao động trong các doanh nghiệp ngành dệt may ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Nhiều công trình khoa học đăng trên các tạp chí.

Dự định khoa học

Nghiên cứu thị trường lao động ở Việt Nam; tiền lương, tiền công trong nền kinh tế thị trượng định hướng XHCN ở Việt Nam...

Lời Tiến sĩ

Với mỗi dân tộc, tài nguyên quý giá nhất là trình độ hiểu biết cao của người dân. Để có điều đó, không cách nào khác là mỗi người và cả dân tộc phải vượt lên chính mình.



NGUYỄN ĐÌNH KHÁNG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 03 - 8 - 1946.
Quê quán: Thị trấn Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 147 Tô Hiệu - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế Kế hoạch.
Giảng viên Trường Đại học Kinh tế Kế hoạch.
Nghiên cứu sinh Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc.
Giảng viên Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Hiện là Phó trưởng khoa Kinh tế chính trị - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Thành viên Hội Khoa học kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Kinh tế chính trị.

Đề tài luận án

Sở hữu về tư liệu sản xuất trong nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta hiện nay.

Nội dung

Sở hữu tư liệu sản xuất là vấn đề cơ bản có tính lý luận - thực tiễn trong quá trình đổi mới kinh tế - xã hội. Hệ thống hoá những luận điểm kinh điển đương đại về sở hữu, nêu rõ quá trình nhận thức, vận dụng lý luận sở hữu tư liệu sản xuất vào thực tiễn Việt Nam. Luận án không chỉ nghiên cứu các loại hình sở hữu, chế độ sở hữu mà còn trình bày các hình thức sở hữu ngay trong một loại hình sở hữu, những nhận thức mới về sở hữu tư liệu sản xuất nhằm xác định nhiều hình thức tổ chức kinh tế, định hướng phát triển kinh tế hàng hoá, đề xuất phương hướng, giải pháp đổi mới quản lý nhà nước về sở hữu, vận dụng tổng hợp mọi loại hình sở hữu, mọi thành phần kinh tế.

Thành tựu khoa học

Tham gia 18 đề tài Nhà nước cấp Bộ.
Chủ nhiệm 2 đề tài cấp Bộ.
Sách đã xuất bản (đồng chủ biên):
Những nhận thức kinh tế chính trị trong quá trình đổi mới ở nước ta.
Một số vấn đề lý luận của Mác và Lênin về địa tô, ruộng đất.
Một số vấn đề cơ bản về phát triển nhận thức kinh tế học chính trị Mác-Lênin trong quá trình đổi mới ở nước ta (chủ biên) - Nxb Chính trị Quốc gia.
Gần 50 công trình khoa học đã công bố trên các tạp chí, sách, báo.
Tham gia biên soạn giáo trình kinh tế, chính trị.
Huy chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Nhiều bằng khen
Được phong Phó giáo sư năm 1996.
Nhà giáo ưu tú năm 2000.

Dự định khoa học

Nghiên cứu lý luận kinh tế chính trị.



NGUYỄN VĂN KHÁNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 06-01-1942.
Quê quán: Xuân Hội - Nghi Xuân - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Cổ Nhuế - Từ Liêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa, Đại học Mỏ Địa chất.
Cán bộ giảng dạy khoa Mỏ Đại học Mỏ Địa chất.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô cũ.
Phó chủ nhiệm bộ môn.
Phó chủ nhiệm khoa.
Chủ nhiệm bộ môn Cơ khí mỏ.
Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mỏ Trường Đại học Mỏ Địa chất.
Thành viên Hội Khoa học công nghệ Mỏ Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983.
Tại Trường Đại học Mỏ Lêningrát Liên Xô cũ.
Ngành Máy và thiết bị mỏ.
Chuyên ngành Máy vận tải - vận tải bằng sức nước (đường ống).

Đề tài luận án

Nghiên cứu khả năng ứng dụng cơ giới hoá thuỷ lực và vận tải bằng sức nước để hút bụi từ các máy lộ thiên Việt Nam.

Nội dung

Sự cần thiết phải hút bùn từ các đáy mỏ lộ thiên Việt Nam để đảm bảo quá trình khai thác than trong mùa mưa và xuống sâu mỏ.

Phương pháp luận về khả năng áp dụng cơ giới hoá thuỷ lực và vận tải bằng sức nước để hút bùn từ đáy mỏ lên bề mặt.

Phương pháp xác định các thông số kỹ thuật cơ bản để tính toán, lựa chọn thiết bị nhằm thực hiện hoá phương pháp đề ra.

Giải quyết bài toán tối ưu các thông số làm việc của hệ thống vận tải bằng sức nước nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong việc áp dụng công nghệ mới.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu cấp Bộ:

Nghiên cứu thiết kế băng tải ống để vận chuyển vật liệu rời, tơi vụn.

Nghiên cứu phương pháp xác định các thông số của trạm chất chuyển tải trong hệ thống vận tải liên hợp mỏ hầm lò Việt Nam.

Công trình khoa học đã ứng dụng:

Lựa chọn vị trí hợp lý đặt trạm dàn động băng tải (1971 - Đèo Nai).

Áp dụng công nghệ phun sương để dập bụi - làm sạch môi trường mỏ Hà Tu (1998).

Giáo trình đại học mỏ:

Vận tải mỏ (đồng tác giả).

Bài tập vận tải mỏ (đồng tác giả).

Máy vận tải - tập I, II, III.

Vận tải bằng đường ống.

Cơ khí hoá công tác mỏ.

Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Viết sách, nghiên cứu chuyên ngành khai thác mỏ.



NGUYỄN CÔNG KHANH

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 12 - 09 - 1935.
Quê quán: Tiên Tân - Duy Tiên - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: Số 1 - ngách 55/38 Chính Kinh - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Phó Chủ nhiệm bộ môn Nhi, Trường Đại học Y Hà Nội.
Phó Viện trưởng Viện Bảo vệ sức khoẻ trẻ em.
Viện trưởng Viện Nhi khoa.
Tổng Thư ký Hội Nhi khoa Việt Nam.
Ủy viên Thường vụ Ban chấp hành Hội Huyết học - Truyền máu Việt Nam.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Ung thư Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Ngành Y học.
Chuyên ngành Nhi khoa.

Đề tài luận án

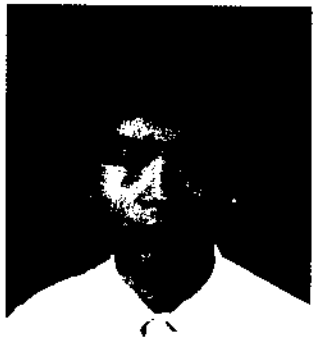
Một số đặc điểm lâm sàng, huyết học bệnh beta-thalasemia ở người Việt Nam.

Nội dung

Bệnh bela-thalasemia là bệnh huyết sắc tố di truyền có tần số cao ở Việt Nam, là nguyên nhân quan trọng gây thiếu máu tan máu ở trẻ em. Bệnh phân bố ở nhiều địa phương cả nước, phổ biến hơn ở người dân tộc ít người miền Bắc.
Biểu hiện lâm sàng không thuần nhất. Thể dị hợp tử không có biểu hiện lâm sàng rõ. Thể đồng hợp tử và dị hợp tử kép, thường phối hợp với HbE, gây thiếu máu tan máu nặng mạn tính.
Có biến đổi lớn ở hồng cầu trong beta-thalasemia, hồng cầu nhược sắc nặng, nhỏ, biến dạng, nhiều hồng cầu mảnh, hình bia, bắt màu không đều, sức bền thẩm thấu tăng, đời sống hồng cầu ngắn, tăng sinh hồng cầu không hiệu quả ở tuỷ.
Thành phần hemoglobin thay đổi, tăng HbA_2 ở thể dị hợp tử từ 2,6 - 9,5%; tăng HbF, giảm HbA_1 ở thể đồng hợp tử và thể dị hợp tử kép.
Công trình nghiên cứu toàn diện về lâm sàng, huyết học bệnh beta-thalasemia đầu tiên ở Việt Nam, góp phần xây dựng chuyên ngành mới, bệnh hemoglobin ở Việt Nam.
Đã có trên 120 đề tài khoa học đăng trên các tạp chí khoa học y học, nhi khoa và báo cáo ở trong nước và các hội nghị quốc tế.
Chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước:
Xây dựng mô hình cấp cứu nhi khoa trong cả nước.
Phó chủ nhiệm đề tài khoa học 11-13, chủ nhiệm nhánh đề tài cấp Nhà nước khoa học 02-11 về y học từ xa.
Về sinh học phân tử:
Chủ nhiệm và tham gia một số đề tài cấp Bộ về hằng số sinh học người Việt Nam.
Chủ biên, thư ký biên soạn 10 đầu sách chuyên đề, cấp cứu nhi khoa, bài giảng đại học và trên đại học, sách tham khảo.
Thư ký biên soạn Tạp chí Nhi khoa.
Bằng Lao động sáng tạo.
Bằng khen của Thủ tướng.
Huân chương Kháng chiến hạng ba.
Huân chương Lao động hạng ba.
Được phong Giáo sư, Nhà giáo nhân dân.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tiến bộ khoa học kỹ thuật quốc tế về nhi khoa chuyển giao, đào tạo cho các tuyến và áp dụng vào khám - chữa bệnh, về cấp cứu, về huyết học, ung thư.



NGUYỄN CÔNG KHANH

Tiến sĩ Tâm lý

Sinh ngày: 08 - 6 - 1958.
Quê quán: Yên Phong - Ý Yên - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: Số 7 - ngõ 75 Hàm Tử Quan - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Cán bộ nghiên cứu Viện Khoa học giáo dục; Học cao học và nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp Murdoch Ôtxtrâylia.
Nghiên cứu viên chính Viện Khoa học giáo dục. Giảng viên chính, Chủ nhiệm bộ môn Tâm lý học lâm sàng, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn; Giám đốc Trung tâm Tư vấn thanh niên Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam; Hội viên Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Murdoch Ôtxtrâylia.

Đề tài luận án

Sự phát triển một phép đo có độ tin cậy và độ hiệu lực để đánh giá năng lực giải quyết các tình huống có vấn đề trong quan hệ liên cá nhân ở lứa tuổi vị thành niên.

Nội dung

Cuộc sống là một chuỗi những vấn đề khó khăn cần phải giải quyết và mỗi người phải tự xử lý những khó khăn của mình. Năng lực ứng phó, giải quyết các tình huống có vấn đề trong quan hệ liên cá nhân là một quá trình nhận thức - hành vi, qua đó mỗi cá nhân cố gắng ứng phó với những khó khăn mà họ gặp phải trong cuộc sống. Những người có khả năng này, họ giải quyết thành công hơn các vấn đề của họ, do đó họ trải nghiệm ít hơn những rối nhiễu tâm lý. Ngược lại, những người kém khả năng này, họ dễ thất bại và gặp nhiều rối nhiễu tâm lý hơn.

Thiết kế được một thang đo tin cậy để đánh giá năng lực ứng phó, giải quyết các tình huống có vấn đề trong quan hệ liên cá nhân là cần thiết cho nghiên cứu, chẩn đoán lâm sàng, đặc biệt ở Việt Nam. Một phép đo như vậy cho phép những người điều tra nhận diện, đánh giá và so sánh được những điểm mạnh yếu trong nhận thức, trong kỹ năng xử lý các tình huống có vấn đề ở từng cá nhân, nó cũng là phương tiện để hiểu làm thế nào một cá nhân lựa chọn các chiến lược ứng phó khác nhau khi đối mặt với những khó khăn của muôn mặt đời thường.
Trắc nghiệm gồm 24 tình huống chắt lọc từ gần 500 tình huống khó khăn đại diện cho 5 quan hệ chính của lứa tuổi học sinh phổ thông trung học, đó là: quan hệ với cha mẹ, với bạn bè, với thầy cô giáo, với người lớn khác và với trẻ ít tuổi hơn.

Thành tựu khoa học

Các công trình nghiên cứu:
Những đặc điểm tâm lý học sinh PTTH (thư ký - cấp Bộ).
Thanh niên và việc làm (đồng chủ biên); Thanh niên chậm tiến và các loại hình hoạt động nâng đỡ xã hội (đồng chủ biên); Văn hoá gia đình Việt Nam, thực trạng và giải pháp (thư ký - cấp Nhà nước); Kế thừa truyền thống xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới của thủ đô Hà Nội (đồng chủ biên)
Mô hình nhân cách thanh niên (thư ký - cấp Nhà nước).
Cố vấn:
Thực trạng và giải pháp giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị và lối sống cho học sinh và sinh viên Việt Nam trong thời kỳ CNH-HĐH; Đề án trẻ em lang thang.
Dự án chăm sóc sức khoẻ sinh sản vị thành niên.
Nhiều bài trong các kỷ yếu, hội thảo khoa học hợp tác quốc tế.
Sách và tài liệu đã công bố:
Nghệ thuật hiểu tâm lý người khác - Nxb Thanh niên; *Tâm lý trị liệu ứng dụng trong lâm sàng và tự chữa bệnh* - Nxb Đại học Quốc gia; *Stress và các nguyên tắc ứng phó*; Tâm lý trị liệu ứng dụng trong lâm sàng tâm lý bệnh lý trẻ em; Tư vấn tâm lý nhóm trẻ em lang thang; Các phương pháp nghiên cứu: Thiết kế, thích nghi và chuẩn hoá các công cụ đo lường trong các khoa học xã hội; Các phương pháp xử lý phân tích số liệu theo phần mềm SPSS chuyên dụng cho các khoa học xã hội.
Các phương pháp thiết kế trắc nghiệm.
Thực hành nghiên cứu đánh giá và đo lường trong khoa học xã hội.
Ứng dụng phần mềm thống kê SPSS để xử lý và phân tích dữ liệu trong khoa học xã hội.
Và đồng tác giả 7 đầu sách khác.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các phương pháp đánh giá, kỹ thuật thiết kế công cụ đo lường trong các khoa học - xã hội.
Thích nghi và chuẩn hoá trắc nghiệm.
Tư vấn xã hội.
Tâm lý học ứng dụng: Stress và cách ứng phó.
Nghiên cứu các chỉ số trí tuệ.



NGUYỄN NHƯ KHANH

Tiến sĩ Sinh học

Sinh năm: 1940.
Quê quán: Vĩnh Thạch - Vĩnh Long - Quảng Trị.
Chỗ ở hiện nay:
9/H13 - Tập thể Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Matxcova Liên bang Nga.
Cán bộ nghiên cứu Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Được phong Phó giáo sư năm 1991.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Sinh lý thực vật và hoá sinh Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên phân hội Sinh lý thực vật và phân hội Hoá sinh, Tổng hội Sinh học Việt Nam. Hội viên Hội Hữu nghị Việt - Nga.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Sinh học
Chuyên ngành Sinh lý học thực vật.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của các nguyên tố vi lượng đồng và mangan đến một số chỉ tiêu sinh lý, hoá sinh liên quan đến tính chịu nóng của bèo hoa dâu (Azolla pinnata).

Nội dung

Nhiệt độ cao làm giảm lượng diệp lục, carotinoit và diệp lục liên kết chặt trong phức hệ diệp lục - protein - lipoit, các nguyên tố mangan và đồng đã hạn chế tác hại của nhiệt độ cao.
Nhiệt độ bình thường, các nguyên tố Cu và Mn có tác dụng tăng hàm lượng axit hữu cơ tổng số và axit pyruvic.
Hoạt tính của các enzym catalase và peroxydase tăng lên dưới ảnh hưởng của nhiệt độ cao và của các nguyên tố vi lượng Cu và Mn.
Ở nhiệt độ cao: lượng đường tổng số, xacarose và đường khử đều giảm sút rõ rệt, Cu và Mn làm giảm lượng đường khử nhưng lại tăng mạnh lượng xacarose giống như trường hợp của nhiệt độ thấp và không ảnh hưởng rõ nét đến lượng đường tổng số.
Nhiệt độ bình thường: Cu và Mn có ảnh hưởng thuận lợi đối với sự trao đổi nitơ trong bèo hoa dâu làm tăng lượng nitơ protein, nitơ amit nhưng lại giảm lượng nitơ phi protein, nitơ NH_3.

Thành tựu khoa học

Các công trình nghiên cứu:
Nghiên cứu dinh dưỡng khoáng của cây bạch đàn.
Xử lý clorat kali ($KClO_3$) bằng cách ngâm hạt trước khi gieo đối với các giống lúa trồng trên đất mặn và chua mặn.
Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao các giải pháp kỹ thuật sản xuất, bảo quản, sơ chế trong mô hình sản xuất rau sạch diện rộng ở Từ Liêm, Hà Nội.
Chủ trì một số đề tài, chương trình nghiên cứu khác.
Sách đã xuất bản:
Dinh dưỡng khoáng và nitơ của thực vật. Bộ Giáo dục và Đào tạo
Sinh lý học thực vật (đồng tác giả) - Nxb Giáo dục.
Sinh lý học sinh trưởng và phát triển thực vật. - Nxb Giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phản ứng đa dạng sinh lý học sinh của thực vật trong các điều kiện môi trường bất lợi.



NGÔ ĐỒNG KHANH

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 30 - 8 - 1960
Quê quán: Bình Dương
Chỗ ở hiện nay: 248/B/11 Ngô Quyền - quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Trưởng phòng chỉ đạo nghiệp vụ chuyên khoa - Viện Răng Hàm Mặt thành phố Hồ Chí Minh.
Cán bộ giảng, khoa Răng - Hàm - Mặt, Trường Đại học Y Dược, thành phố Hồ Chí Minh.
Ủy viên Ban thường vụ Hội Răng - Hàm - Mặt Việt Nam.
Tổng Thư ký Hội Răng - Hàm - Mặt thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Hàn lâm Nha khoa quốc tế (ADI).
Hội Nghiên cứu Nha khoa Quốc tế (IADR).
Hội Nha sĩ quốc tế (ACD).
Tốt nghiệp thạc sĩ Răng - Hàm - Mặt tại trường Đại học Mahidol - Thái Lan.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000.
Tại Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.

Đề tài luận án

Tổn thương tiền ung thư và ung thư miệng ở miền Nam Việt Nam: Khảo sát dịch tễ và phân tích các yếu tố nguy cơ.

Nội dung

Ung thư miệng được xếp vào hàng thứ sáu trong các loại ung thư phổ biến hiện nay. Ở Việt Nam, phần lớn các bệnh nhân đến khám và điều trị ở cơ sở y tế muộn nên hiệu quả điều trị không cao gây hậu quả nặng nề. Nghiên cứu xác định mô hình bệnh niêm mạc miệng, đặc biệt tổn thương tiền ung thư và ung thư miệng, xác định tỉ lệ các loại yếu tố nguy cơ liên quan đến tổn thương, nhóm nguy cơ cao trong cộng đồng người Việt Nam và đề nghị những biện pháp phòng và kiểm soát ung thư miệng thích hợp. Kết quả nghiên cứu đã cung cấp nguồn dữ liệu cho giảng dạy và nghiên cứu lâm sàng, giải phẫu bệnh học ung thư miệng ở nước ta hiện nay và tương lai.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài đã công bố ở trong và ngoài nước:
Đánh giá hiệu quả chương trình nha học đường ở Việt Nam sau 20 năm.
Nghiên cứu dịch tễ và phân tích tình hình sức khoẻ răng miệng ở các tỉnh thành phía Nam.
Phân tích xu hướng tiến triển của bệnh sâu răng và nha chu ở Việt Nam 1972 - 2000.
Khảo sát kiến thức, thái độ, hành vi của người dân trong công tác phòng và điều trị bệnh răng miệng.
Chọn lựa phương pháp chải răng thích hợp cho trẻ em.
Đánh giá hiệu quả mô hình nha học đường ở trường tiểu học Phú Thọ, thành phố Hồ Chí Minh sau 5 năm.
Bất thường răng ở trẻ em thành phố Hồ Chí Minh.
So sánh kết quả trám bít hố rãnh của GIC và nhựa Sealant sau 4 năm thử nghiệm lâm sàng.
Nhiều bài viết đăng trên các báo, tạp chí.
Sách đã xuất bản (dịch, biên soạn):
Chăm sóc răng ban đầu (đồng tác giả)
Trám răng không sang chấn
Điều tra sức khoẻ răng miệng.
Kiểm soát lây nhiễm ở cơ sở răng hàm mặt (đồng tác giả).
Giáo trình:
Nha khoa công cộng.
Nha học đường
Thống kê nha khoa
Giáo dục sức khoẻ răng miệng cho học sinh mẫu giáo và tiểu học.
Đang biên dịch: *Phân loại quốc tế bệnh răng miệng* (ICD-10-Dentistry).

Dự định khoa học

Nghiên cứu, điều trị các bệnh răng - hàm - mặt.



DƯƠNG VĂN KHÁNH

Tiến sĩ Thuỷ văn

Sinh ngày: 16-11-1960.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 20 ngõ 624 Minh Khai - Hà Nội.

Quá trình công tác

Công tác tại Cục Mạng lưới khí tượng thuỷ văn, Tổng Cục Khí tượng Thuỷ văn.
Tham dự khoá học tiến bộ quốc tế về quản lý tài nguyên nước tại Trung tâm Tư liệu và Nghiên cứu tài nguyên nước ở Perugia, Italya.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Thuỷ lợi.
Học tiếng Ba Lan tại Trường Đại học Tổng hợp Lodz Ba Lan.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Nông nghiệp Vacxava, Ba Lan.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000.
Tại Trường Đại học Nông nghiệp Vácsava Ba Lan.
Ngành Cải tạo môi trường, Thuỷ văn.

Đề tài luận án

Ứng dụng mô hình quan niệm mưa rào dòng chảy để mô phỏng quá trình hình thành dòng chảy trên lưu vực, đồng thời đánh giá ảnh hưởng hoạt động của con người đến dòng chảy lũ trên một lưu vực nhỏ không có hoặc có ít số liệu khí tượng thuỷ văn.

Nội dung

Đánh giá sự ảnh hưởng của các hoạt động kinh tế trên lưu vực cùng với các hoạt động chỉnh trị sông và vận hành hồ chứa đến quá trình dòng chảy lũ ở mặt cắt cửa ra của lưu vực.
Sự đánh giá được thực hiện trên cơ sở thuật số hoá bản đồ cho lưu vực Zagozdzonka (lưu vực canh tác nông nghiệp), cùng với sự giúp đỡ của mô hình quan niệm mưa rào dòng chảy.
Xây dựng và xác định cấu trúc thuật toán tính toán.
Xác định các tham số của mô hình đối với mỗi thành phần của thuật toán (mô hình toán dựa vào mô hình HEC-1 của Mỹ - Tính toán lượng mưa, lượng mưa hiệu quả, đường lưu lượng đơn vị tức thời, phương pháp diễn toán lũ,...).
Nhận dạng và kiểm chứng thuật toán tính toán bằng mô hình HEC-1, mô hình Wackermann.
Phân tích độ nhậy của mô hình bằng sự thay đổi các nhân tố của lưu vực.
Tính toán mô phỏng các trường hợp khác nhau bởi sự thay đổi giả định các điều kiện thực tế của lưu vực.

Dự định khoa học

Nghiên cứu "Quy hoạch lưu vực các sông ngòi Việt Nam một cách có hệ thống và số hoá". Đây là một bài toán lớn đòi hỏi phải có sự tham gia của nhiều cơ quan, khoa học và sự ủng hộ của chính phủ. Đòi hỏi nhiều kinh phí của Nhà nước, công sức và trí tuệ của nhiều nhà khoa học.



LÊ ĐÌNH KHÁNH

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 04 - 1 - 1965.
Quê quán: Hương Toàn - Hương Trà - Thừa Thiên Huế.
Chỗ ở hiện nay: 24 Lý Thường Kiệt - thành phố Huế.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Y Huế.
Bác sĩ khoa Ngoại Thận - Tiết niệu Bệnh viện Trung ương Huế.
Giáo vụ sau đại học bộ môn Ngoại.
Phó trưởng phòng Quản lý khoa học - Đối ngoại.
Trưởng đơn vị Tán sỏi Tiết niệu ngoài cơ thể, Trung tâm Nghiên cứu Y học lâm sàng Trường Đại học Y Huế.
Hội viên Hội Tiết niệu - Thận học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Học viện Quân y.
Chuyên ngành Y Dược.

Đề tài luận án

Nghiên cứu một số khía cạnh kỹ thuật ngoại khoa, rửa bảo quản thận và ức chế miễn dịch trong ghép thận thực nghiệm.

Nội dung

Bằng kỹ thuật vi phẫu, nghiên cứu được tiến hành ở chuột cống trắng và nhắt trắng nhằm xây dựng một mô hình ghép thận thực nghiệm phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh Việt Nam. Thông qua đó đánh giá những yếu tố tác động đến thận ghép như thời gian thiếu máu, tốc độ dịch rửa thận, vai trò của rửa thận cũng như đánh giá khả năng sử dụng của dung dịch rửa Vina Collins do Việt Nam sản xuất.
Đặc biệt đề tài đã bước đầu khảo sát tác dụng của Flavonoide C chiết xuất từ cây Chay lên thận ghép đồng loài và đây là một hướng mới trong hướng nghiên cứu ghép thận ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Trên 20 công trình khoa học đã được nghiệm thu, báo cáo từ các đề tài nhánh cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Trường.
Đã tham gia báo cáo tại Hội nghị khoa học bệnh viện Charité-Berlin (CHLB Đức).

Dự định khoa học

Phát triển những kỹ thuật mới trong lĩnh vực tiết niệu: nội soi ổ bụng trong tiết niệu ghép thận...
Nghiên cứu sâu theo hướng kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong điều trị bệnh lý tiết niệu như điều trị sỏi, thải ghép...



NGUYỄN GIA KHÁNH

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 22 - 10 - 1945.
Quê quán: Trí Quả - Thuận Thành - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 20 Hàng Hòm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy bộ môn Nhi Trường Đại học Y Hà Nội.
Phó Trưởng khoa Tiêu hoá Viện Nhi quốc gia.
Phó Trưởng bộ môn Nhi Trường Đại học Y Hà Nội.
Thư ký, Thường vụ Ban chấp hành Hội Nhi khoa Việt Nam.
Hội viên Hội Tiêu hoá Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Ngành Y
Chuyên ngành Nhi khoa

Đề tài luận án

Sự thay đổi hình thái niêm mạc hỗng tràng ở trẻ em Việt Nam suy dinh dưỡng protein năng lượng qua sinh thiết ruột.

Nội dung

Nghiên cứu được tiến hành trên 117 trẻ em suy dinh dưỡng (SDD) protein năng lượng, hình thái của mảnh sinh thiết niêm mạc hỗng tràng (nghiên cứu qua kính lúp phóng đại 25-40 lần), qua kính hiển vi điện tử quét (S.E.M phóng đại 100-20.000 lần), qua kính hiển vi quang học, kính hiển vi điện tử truyền qua (T.E.M) phóng đại 60-20.000 lần; được nhuộm men photphataga kiềm, axít, esteraza) nhận xét, đánh giá và phân tích dựa trên các nhóm SDD độ I, độ II, độ III và các thể lâm sàng Kwashiorkor, marasmus, kwashiorkor-marasmus.
Ở nhóm SDD độ I, độ II niêm mạc hỗng tràng có sự thay đổi rõ rệt so với nhóm chứng ở sự thay đổi hình thái và phân bố nhung mao, chưa có sự thay đổi về sự sắp xếp và cấu trúc tế bào hấp thụ.
Ở nhóm trẻ bị SDD độ III triệu chứng rối loạn tiêu hoá hấp thu phù hợp với những tổn thương không chỉ về hình thái cấu trúc nhung mao ruột mà còn tổn thương thoái hoá các tế bào hấp thụ như lớp Glycocalyx, lớp vi nhung mao, các men, thoái hoá tế bào hấp thu, Kwashiorkor là thể có tổn thương nhung mao và thoái hoá tế bào hấp thụ mạnh nhất. Những tổn thương trên hoàn toàn phù hợp với những triệu chứng tiêu hoá nặng và giảm hoạt tính men ở nhóm này.
So với sự tiến triển tốt của các triệu chứng lâm sàng, sự hồi phục hoạt tính các men phosphataga kiềm, phophataga axít, esteraza, esteraza kháng E600 sớm hơn sự tiến triển các tổn thương hình thái niêm mạc ruột. Cần tiếp tục điều trị và theo dõi trẻ SDD nặng sau khi ra viện ít nhất 12 tháng để đảm bảo sự hồi phục của niêm mạc ruột.
Sách đã xuất bản:
Tham gia biên soạn, biên dịch:
Nhi khoa tập I, II (sách giáo khoa đại học).
Một số tài liệu đào tạo cán bộ y tế.
Những hiểu biết về bệnh tiêu chảy (sách dịch).
Huy chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục - đào tạo.
Vì thế hệ trẻ.
Được phong Phó giáo sư năm 1992.
Nhà giáo ưu tú năm 2000.

Dự định khoa học

Nghiên cứu bệnh lý tiêu hoá trẻ em.
Nghiên cứu nhi khoa cộng đồng, tình hình sức khoẻ, bệnh tật, dinh dưỡng, các biện pháp phòng chống làm giảm tỷ lệ bệnh tật trẻ em.
Nghiên cứu về bệnh lý gan trẻ em (viêm gan mãn, xơ gan).



NGUYỄN KIM KHÁNH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 15 - 12 - 1963.
Quê quán: Hải Phú - Hải Lăng - Quảng Trị.
Chỗ ở hiện nay: P301 - nhà A1 - phường Bách khoa - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Điện tử, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Phó trưởng bộ môn Kỹ thuật máy tính. Khoa công nghệ thông tin, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Hội viên Hội Tin học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Đại học Tổng hợp quốc gia Belarus, Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Ứng dụng kỹ thuật tính toán, mô hình hoá toán học và các phương pháp toán học trong nghiên cứu khoa học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu phương pháp phân tích và tổng hợp tín hiệu tiếng nói trên cơ sở dự đoán tuyến tính.

Nội dung

Nghiên cứu một trong những phương pháp hiệu quả nhất trong việc phân tích và tổng hợp tiếng nói đó là phương pháp dự đoán tuyến tính. Trên cơ sở tín hiệu tiếng nói thu được, tiến hành phân tích để xác định các hệ số của bộ lọc ngược, đưa ra phương pháp xác định hệ số khuyếch đại của bộ lọc dự đoán tuyến tính. Từ đó tính toán các tham số đặc trưng của tín hiệu tiếng nói bao gồm: các tần số formant, chu kỳ âm cơ bản. Từ các tham số đã nhận được có thể tổng hợp lại tiếng nói ban đầu. Xây dựng bộ chương trình phân tích và tổng hợp tiếng nói bằng dự đoán tuyến tính. Đây là những nghiên cứu bước đầu để tạo điều kiện tiến tới nhận dạng và tổng hợp tiếng nói tự nhiên sau này.

Thành tựu khoa học

Đã và đang tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp Trường.
Hướng dẫn luận văn thạc sỹ khoa học kỹ thuật chuyên ngành công nghệ thông tin và điện tử - viễn thông.
Chỉ đạo và hướng dẫn xây dựng chương trình phát hiện và diệt virus BKAV.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về xử lý và nhận dạng tiếng Việt.
Viết giáo trình đại học chuyên ngành: kiến trúc máy tính, kỹ thuật vi xử lý...
Nghiên cứu và đào tạo cán bộ chuyên sâu về an ninh thông tin trên mạng.

Lời Tiến sĩ

Mong muốn một thế giới hoà bình, một đất nước Việt Nam giàu đẹp, con người Việt Nam có đầy đủ trí tuệ và sức khoẻ để chuyển sang nền kinh tế tri thức.



NGUYỄN TRỌNG KHÁNH

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 04 - 6 - 1957.
Quê quán: Vân Hà - Đông Anh - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 33 - ngõ 79 - Thái Thịnh - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Giao thông vận tải Hà Nội.
Công tác tại Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội, Liên hiệp đường sắt Việt Nam.
Công tác tại Viện Kinh tế - Quy hoạch giao thông vận tải.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học diao thông Zilina - Tiệp Khắc cũ.
Thực tập sinh sau tiến sĩ tại Trường Đại học Giao thông Zilina.
Hiện công tác tại Ban Kế hoạch đầu tư, Liên hiệp đường sắt Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Trường Đại học Giao thông Zilina - Tiệp Khắc cũ.
Chuyên ngành Kinh tế vận tải đường sắt.

Đề tài luận án

Vị trí của ngành đường sắt trong hệ thống giao thông vận tải.

Nội dung

Nghiên cứu đặc trưng các ngành vận tải: đường sắt, đường bộ, đường thuỷ, hàng không, đường ống trong hệ thống giao thông vận tải.
Đánh giá khó khăn, thuận lợi từng ngành, tập trung sâu vào ngành đường sắt, xác định vị trí quan trọng và định hướng cho sự phát triển ngành đường sắt trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Một số nghiên cứu đóng góp nâng cao chất lượng phục vụ của ngành giao thông vận tải, trọng tâm là đường sắt Việt Nam.
Huy chương Vì sự nghiệp vật giá Việt Nam.

Dự định khoa học

Nghiên cứu giá cước vận chuyển hàng hoá, hành khách trên đường sắt Việt Nam.



TRẦN CÔNG KHÁNH

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 02 - 8 - 1936.
Quê quán: Nhân Mỹ - Lý Nhân - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 9 Vũ Hữu Lợi - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Y Dược và Đại học Dược Hà Nội; Phó phòng Giáo vụ - khoa học, Trường Đại học Dược Hà Nội; Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và phát triển cây thuốc dân tộc cổ truyền (CREDEP); Tổng thư ký Hội Thực vật Việt Nam; Chủ tịch chi hội Dược, Trường Đại học Dược Hà Nội; Phó Chủ tịch Hội Dược học thành phố Hà Nội.
Ủy viên Ban chấp hành Hội các ngành Sinh học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1971.
Chuyên ngành Phân loại thực vật bậc cao.
Tiến sĩ Khoa học năm 1985
Chuyên ngành Thực vật dân tộc học.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Humboldt, Berlin (CHDC Đức).

Đề tài luận án

Nghiên cứu đặc điểm cấu tạo và phân loại chi Dicentra, phân chi Dactylicapnos (Wall) K.R.Stern, họ cải cần (Fumariaceae).

Luận án Tiến sĩ Khoa học

Nghiên cứu đặc điểm cấu tạo và phân loại chi Strychnos L. (Loganiaceae) trong hệ thực vật Việt Nam và những ứng dụng của nó.

Nội dung

Nghiên cứu đặc điểm hình thái học, giải phẫu học các cơ quan dinh dưỡng và sinh sản, phấn hoa học, hoá học và tiến hoá của các loài trong chi Strychnos ở Việt Nam. Kết quả chính:

Mô tả 2 loài mới đối với khoa học là Strychnos daclacensis T.C. KHANH và Strychnos sonlaensis T.C. KHANH.
Chứng minh Strychnos spireana DOP là một loài độc lập. Trước đây nó được coi là một trong các tên đồng nghĩa của loài Strychnos nux-vomica L.
Thành lập 1 section mới: Sect. Angustiflorae T.C. KHANH và 2 subsection mới: Subsect. Nitidae T.C. KHANH; Subsect. Wallichianae T.C. KHANH.
Lập khoá xác định tên các loài đã nghiên cứu và một số sơ đồ phát sinh chủng loại của chi Strychnos ở Việt Nam.
Nghiên cứu thành phần hoá học của các loài trong chi Strychnos ở Việt Nam.
Nghiên cứu các phương pháp chế biến Mã tiền theo y học cổ truyền.
Chứng minh độc tính của dược liệu Mã tiền và Hoàng nàn phụ thuộc chủ yếu vào hàm lượng Strychnin. Trước đây, để xác định độc tính, người ta chỉ căn cứ vào hàm lượng alcaloit toàn phần gồm strychnin và brucin.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài nghiên cứu:
Nguồn gốc thực vật và giá trị sử dụng của cây Độc hoạt Lai Châu.
Khoanh vùng bảo vệ và tái sinh cây Sa nhân (cấp Nhà nước).
Nguồn nguyên liệu để chiết xuất brucin ở Việt Nam.
Bảo vệ đa dạng sinh vật rừng ở huyện Phú Lương, Thái Nguyên.
Các dự án:
Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên cây có ích ở vườn quốc gia Tam Đảo.
Bảo tồn đa dạng sinh vật những cây có ích ở vường quốc gua Ba Bể.
Đã công bố trên 80 công trình nghiên cứu và bài báo khoa học. Tham dự và báo cáo ở nhiều hội nghị khoa học quốc tế.
Sách đã xuất bản:
Những cây thuốc bổ thường dùng - Nxb KHKT; *Kỹ thuật hiển vi* - Nxb Y học Hà Nội; *Thực tập hình thái và giải phẫu thực vật* - Nxb ĐH THCN; *Cây độc ở Việt Nam* - Nxb Y học; *Thực vật Dược (giáo trình).* Trường ĐH Dược Hà Nội; Tham gia biên soạn:
Giáo trình thực vật học - Nxb Y học; UV hội đồng biên tập *"Sách đỏ Việt Nam"* (phần thực vật) - Nxb KHKT; Phó ban biên tập *"Từ điển bách khoa Dược học"* - Nxb TĐBK; UV Hội đồng biên tập *"Thực vật chí Việt Nam"*, tập 1, 2... - Nxb KHKT; Tham gia biên soạn bộ sách *"Plant Resources of South-East Asia"*, Vol. 12 (1): Medicinal and Poisonous Plants 1, Bachuys Publishers, Leiden 1999; Vol 12 (2) & 12 (3): đang in; Được phong Phó giáo sư năm 1991; Nhà giáo ưu tú năm 1997; Huân chương chống Mỹ hạng ba; Giải thưởng môi trường và bằng khen của Bộ KHCN & MT
Huy chương Vì sức khoẻ nhân dân.
Vì thế hệ trẻ.
Vì sự nghiệp giáo dục
Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Hoạt động trong lĩnh vực Thực vật dân tộc học.
Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên cây có ích, đặc biệt cây thuốc dân tộc.



TRẦN QUANG KHÁNH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 07 - 3 - 1952.
Quê quán: Hoằng Hoá - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội.

Quá trình công tác

Hiện là Trưởng bộ môn Cung cấp điện, khoa Cơ điện trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Trường Kỹ sư cơ điện nông nghiệp Matxcova Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Thiết bị điện.

Đề tài luận án

Triển vọng phát triển mạng điện nông thôn Việt Nam.

Nội dung

Xây dựng phương pháp tính toán phụ tải điện ở các vùng nông thôn nhiệt đới. Xác định phụ tải dự báo tương lai.
Phân tích các giải pháp cung cấp điện tối ưu cho các vùng nông thôn áp dụng cụ thể trong điều kiện nông thôn Việt Nam trên cơ sở tính toán phân tích đề tài đã đưa ra các phương án phát triển mạng điện nông thôn Việt Nam trong tương lai gần và xa.
Một số kết quả nghiên cứu của luận án đã được áp dụng tại Viện điện khí hoá nông thôn toàn Liên bang Nga.

Thành tựu khoa học

Đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu
Nâng cao hiệu quả sử dụng mạng điện nông thôn.
Xác định định mức tiêu thụ điện trong sinh hoạt.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các giải pháp giảm giá điện ở nông thôn.
Nâng cao chất lượng điện.
Xác định các tham số kinh tế - kỹ thuật của mạng điện địa phương

Lời Tiến sĩ

Mạng điện nông thôn nước ta hiện đang rất cần những nghiên cứu khoa học để khai thác một cách có hiệu quả nhất.



VƯƠNG ĐÌNH KHÁNH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 12 - 5 - 1948.
Quê quán: An Sơn - Nam Sách - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay:
108 A1 - ngõ 1 - Khâm Thiên - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Giao thông.
Kỹ sư, Phó phòng Điều độ - Tổng cục Đường sắt.
Phó Giám đốc, quyền Giám đốc xí nghiệp - Xí nghiệp ga tầu 2, Tổng cục Đường sắt.
Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên hợp I - Tổng cục Đường sắt.
Phó Tổng Giám đốc Đường sắt Việt Nam.
Hội viên Hội vận tải Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Trường Đại học Giao thông Hà Nội.
Chuyên ngành Vận tải đường sắt.

Đề tài luận án

Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh ngành vận tải đường sắt trong nền kinh tế thị trường.

Nội dung

Ngành đường sắt Việt Nam đang chuyển sang cơ chế thị trường, đòi hỏi phải đổi mới toàn diện.

4 giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả:
Khoán sản phẩm công đoạn trong ngành vận tải đường sắt.
Tăng cường công tác điều độ, chỉ huy điều hành vận tải.
Chú trọng công tác tài chính trong vận tải đường sắt.
Tăng cường sản xuất dịch vụ ngoài vận tải để nâng cao doanh thu, hỗ trợ sản xuất chính.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu đã áp dụng vào thực tế ngành đường sắt.
Huy chương chống Mỹ hạng nhì
Huân chương Lao động hạng ba

Dự định khoa học

Nghiên cứu góp phần đưa ngành vận tải đường sắt tiến nhanh, mạnh hơn nữa.

Lời Tiến sĩ

Tôi mong Nhà nước có cơ chế khuyến khích được nhiều nhân tài để đóng góp sức mình cho đất nước. Nước ta không thiếu nhân tài, chỉ có cơ chế để tận dụng nhân tài thì ta còn chưa đủ.



NGÔ VĂN KHẾ

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 22 - 12 - 1950.
Quê quán: Ngũ Lão - Kim Động - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay:
C1 - Hoàng Cầu - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Hiện là Phó trưởng phòng Hoá pháp lý - Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an.
Thượng tá, Giám định viên Tư pháp Trung ương.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Komenskeho, Cộng hoà Slovakia.
Ngành Hoá dược.
Chuyên ngành Sinh hoá.

Đề tài luận án

Nghiên cứu những yếu tố nảy mầm của hạt cây thuốc phiện có ảnh hưởng đến quá trình tạo Thebain.

Nội dung

Sử dụng một số loại chất hoá học đặc biệt và tia hồng ngoại để xử lý hạt cây thuốc phiện trước khi cho nảy mầm, mục đích là nghiên cứu những tác nhân nói trên đến việc làm giảm hoặc không tạo ra Thebain trong cây thuốc phiện (Papaver Somnierum. L) nghĩa là sẽ không có Codein và Morphin trong nhựa cây thuốc phiện, nhằm chấm dứt việc tổng hợp ra Heroin là chất ma tuý mạnh.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu các đề tài cấp Bộ trong việc giữ gìn an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội của ngành công an.



ĐỖ TUẤN KHIÊM

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 19 - 9 - 1958.
Quê quán: Thuận Thành - Phổ Yên - Thái Nguyên.
Chỗ ở hiện nay: 90 - Lương Ngọc Quyến - Thành phố Thái Nguyên.

Quá trình công tác

Giảng viên, Phó trưởng khoa Trồng trọt, Phó trưởng bộ môn Sinh lý, sinh hoá - di truyền, giống - Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.
Nghiên cứu sinh tại Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam.
Hiện là giảng viên chính - Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam.
Ngành Nông nghiệp.
Chuyên ngành Trồng trọt.

Đề tài luận án

Nghiên cứu kỹ thuật trồng ngô xuân trên đất ruộng bỏ hoá một vụ ở một số tỉnh miền núi Đông Bắc - Việt Nam.

Nội dung

Diện tích đất bỏ hoá vụ xuân ở các tỉnh Đông Bắc Việt Nam còn rất lớn (chiếm 21,3% diện tích đất trồng trọt).

Đề tài nghiên cứu tăng vụ ngô trên đất ruộng bỏ hoá vụ xuân ở miền núi phía Bắc, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng và tập quán canh tác của đồng bào dân tộc, giải quyết một phần lương thực, thực phẩm và nhu cầu thức ăn phục vụ chăn nuôi, từng bước xoá đói giảm nghèo, hạn chế đốt rẫy làm nương để bảo vệ rừng, môi trường sinh thái.

Xác định các yếu tố hạn chế chủ yếu tới trồng ngô và hoa màu vụ xuân trên đất ruộng. Thời vụ trồng ngô cho các vùng sinh thái khác nhau ở miền núi. Bộ giống phù hợp cho từng vùng. Mật độ khoảng cách trồng thích hợp. Kỹ thuật trồng xen ngô với đậu đỗ. Thử nghiệm chế phẩm phân bón sinh học.

Xây dựng một số mô hình trồng ngô, xen đậu trên đất ruộng bỏ hoá. Đề xuất một số chính sách để tăng vụ ngô và cây màu. Kết quả nghiên cứu ứng dụng vào sản xuất tại Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Tuyên Quang...

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu đã công bố:
Các biện pháp kỹ thuật để thâm canh tăng năng suất ngô trên đất ruộng 1 vụ ở các tỉnh miền núi Đông Bắc (cấp Nhà nước).
Các biện pháp kỹ thuật chủ yếu thâm canh tăng năng suất ngô ở trung du, miền núi (cấp Bộ).
Kết quả khảo nghiệm giống ngô trên đất ruộng 1 vụ - Vụ xuân 1992 tại Bắc Thái.
Ảnh hưởng của mật độ, khoảng cách trồng tới năng suất ngô trên đất ruộng vụ xuân (đồng tác giả).
Nghiên cứu trồng xen ngô với đậu tương, lạc trên đất ruộng vụ xuân tại Bắc Thái (đồng tác giả).
Kết quả nghiên cứu và phát triển hệ thống canh tác tại Tràng Xá, Võ Nhai, Bắc Thái (đồng tác giả).
Ảnh hưởng của trồng ngô xen với đậu tương, lạc tới quần thể sâu hại tại Thái Nguyên.
Biện pháp phòng trừ cỏ tranh bằng biện pháp sinh học - cây họ đậu.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chọn tạo các giống ngô lai ngắn ngày, chịu hạn, chịu rét chất lượng cao.



TRƯƠNG XUÂN KHIÊM

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 15 - 8 - 1954.
Quê quán: Nga Mỹ - Nga Sơn - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay:
P7-B15 Kim Liên - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Giao thông Vận tải.
Kỹ sư công trường xây dựng tàu điện ngầm (Metro Sophia) và một số công trình cầu, đường ở Bungari.
Cán bộ nghiên cứu Viện Khoa học công nghệ Giao thông vận tải kiêm Giám đốc Văn phòng tư vấn và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, Hội chuyên ngành Kết cấu xây dựng Việt Nam.
Thư ký hội đồng khoa học Bộ Giao thông Vận tải.
Phó Giám đốc Trung tâm Cầu đường VIBROCE.
Hiện là Phó trưởng ban Thẩm định Cục Giám định và quản lý chất lượng công trình giao thông Bộ Giao thông Vận tải.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Cầu đường Việt Nam, Hội Kết cấu xây dựng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Trường Đại học Kiến trúc Xây dựng Sophia Bungari.
Chuyên ngành Cầu hầm đường ô tô.

Đề tài luận án

Lựa chọn công nghệ hợp lý xây dựng đường hầm giao thông trong thành phố lớn - Metro.

Nội dung

Chỉ có thể giải quyết những ách tắc giao thông ở các đô thị lớn (trên hai triệu dân) bằng cách xây dựng hệ thống giao thông tàu điện ngầm (Metro).
Nghiên cứu lựa chọn giải pháp kết cấu - công nghệ và tổ chức thi công xây dựng hệ thống tàu điện ngầm trong vùng đất yếu địa chất phức tạp, nghiên cứu dựa trên thành tựu khoa học công nghệ của các nước tiên tiến.

Thành tựu khoa học

Đã chủ trì xây dựng một số văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý xây dựng cơ bản.
Chủ trì và tham gia các đề tài:
Ở Bungari: Lựa chọn tổ hợp thiết bị tối ưu trong thi công đào, đắp nền đường giao thông.
Chọn các thiết bị thi công xây dựng đường hầm.
Công nghệ hợp lý xây dựng công trình ngầm GTVT.
Phương pháp chọn kết cấu - công nghệ tối ưu trong xây dựng công trình hầm giao thông.
Lựa chọn tối ưu các cơ sở sản xuất, vật liệu, cấu kiện xây dựng công trình giao thông.
Ở Việt Nam: Quy hoạch phát triển mạng lưới GTVT Việt Nam.
Một số vấn đề về quản lý xây dựng cơ bản.
Nghiên cứu thiết kế cầu Đống Niên QL5.
Nghiên cứu bệ đúc dầm bê tông cốt thép dự ứng lực cho công nghệ đúc đẩy cầu.
Kết cấu công nghệ đúc đẩy hợp lý xây dựng cầu.
Một số quan điểm phát triển giao thông đô thị ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.
Nghiên cứu nguyên nhân hư hỏng 47 hầm đường sắt Việt Nam.
Nghiên cứu cầu thiết kế xây dựng dây văng giao thông nông thôn.
Sách đã xuất bản:
Quy hoạch, thiết kế, xây dựng đường giao thông nông thôn 1998 - Chủ biên - Nxb GTVT.
Bài tập và hướng dẫn tính toán kết cấu xây dựng công trình giao thông (đồng tác giả) - Nxb Đại học GTVT.

Dự định khoa học

Nghiên cứu những nguyên lý cơ bản trong quản lý xây dựng.
Áp dụng các công nghệ tiên tiến trong xây dựng hầm giao thông ở Việt Nam.
Những bí quyết cơ bản trong công nghệ thiết kế xây dựng cầu dây văng.

Lời Tiến sĩ

Ở nước ta chưa có cơ chế hữu hiệu để kích thích phát triển khoa học công nghệ, nghiên cứu khoa học công nghệ giống như đầu tư một dự án nhiều rủi ro vì phải chi tiêu trước khi thu được lợi ích (nếu có). Nếu hiệu lực của pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ kém hiệu lực như hiện nay, kết quả nghiên cứu hoặc sản phẩm mới bị sao chép thì người nghiên cứu sẽ bị tước đoạt nhanh chóng sức lao động quá khứ không bao giờ thu hồi được vốn ban đầu. Đó là nghịch lý dẫn đến triệt tiêu động lực khoa học công nghệ.



NGUYỄN XUÂN KHIỂN

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 05 - 10 - 1948.
Quê quán: Hợp Tiến - Mỹ Đức - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay:
508 - A9 - Thanh Xuân Bắc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Công tác kỹ thuật tại Đoàn 59 Tổng Cục địa chất.
Viện nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản.
Hiện là Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản Bộ Công nghiệp.
Thư ký phân hội Trầm tích.
Hội viên phân hội Khoáng học, Hội Địa chất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản - Hà Nội.
Ngành Địa chất - Địa lý
Chuyên ngành Thạch học, Khoáng học, Trầm tích học.

Đề tài luận án

Đặc điểm trầm tích của bauxit tuổi Permi muộn vùng đông bắc Bắc Bộ và ý nghĩa công nghiệp của chúng.

Nội dung

Bằng các phương pháp nghiên cứu thạch học - khoáng vật định lượng có thể phân định bauxit thực thụ ở đông bắc Bắc Bộ thành 5 kiểu và 8 loại. Thành phần tạo quặng chủ yếu của bauxit là diaspo và bơmit, gibsit được thành tạo trong điều kiện biểu sinh và thuộc nhóm bauxit giàu sắt.
Quá trình phong hoá là tác nhân gây nên sự phân dị thành phần vật chất của bauxit thường có tác dụng nâng cao chất lượng công nghiệp của bauxit.
Thành phần vật chất của bauxit đông bắc Bắc Bộ nói chung đáp ứng chỉ tiêu chất lượng công nghiệp cho nhiều ngành kinh tế, kể cả sản xuất Al_2O_3 và nhôm kim loại, cũng như xuất khẩu.
Sự có mặt của lớp trầm tích silic lục nguyên-than carbonat màu đen, phân lớp mỏng, nằm trên quặng ở diện lộ các thành tạo có tuổi từ Carbon đến Trias sớm có thể được xem là dấu hiệu trực tiếp để tìm kiếm bauxit.
Các thân quặng eluvi và deluvi nói chung có giá trị kinh tế cao hơn quặng gốc vì có chất lượng tốt hơn, lại có ưu thế kinh tế trong quá trình khai thác và vận chuyển nguyên liệu.

Thành tựu khoa học

Chuyên đề nghiên cứu trầm tích thuộc 5 đề tài cấp Nhà nước đã nghiệm thu.
Công bố trên 10 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành.
Tham gia một số báo cáo khoa học.
Chủ dự án hợp tác nghiên cứu khoa học Việt Nam - Bỉ.
Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu cấp ngành về các thành tạo trầm tích màu đỏ Jura-Kreta và khoáng sản liên quan.

Dự định khoa học

Nghiên cứu quy luật hình thành và tiến hoá các bồn trầm tích ở Việt Nam.
Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng đích thực của các loại hình khoáng sản ngoại sinh ở Việt Nam và định hướng sử dụng hợp lý tài nguyên.
Đa dạng hoá công tác nghiên cứu chuyên ngành.



PHẠM VĂN KHIỂN

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 19 - 3 - 1952.
Quê quán: Đoàn Thượng - Gia Lộc - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay:
F.504 - 48A Tăng Bạt Hổ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu.
Trưởng phòng Công tác chính trị Trường Đại học Dược Hà Nội.
Thư ký toà soạn Tạp chí Dược học, Bộ Y tế.
Hội viên Hội Dược học.
Hội Nhà báo Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Trường Đại học Dược Hà Nội.
Chuyên ngành Dược liệu.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu tinh dầu long não Việt Nam (Nees et Eberm).

Nội dung

Long não là một loại cây có giá trị kinh tế - sinh thái, cho tinh dầu làm nguyên liệu làm thuốc và hương liệu, tạo môi trường sinh thái, tạo rừng phòng hộ có giá trị lâu dài.
Bằng những kỹ thuật truyền thống và hiện đại (CG, GC-MS, MS) đã xác định hàm lượng và thành phần hoá học tinh dầu các phần của cây, từ đó xác định ở Việt Nam có 6 typ cây dành cho thành phần hoá học khác nhau.
Xác định được tinh dầu lá những cây long não 2 năm đã có tỷ lệ và thành phần gần như cây trưởng thành, mở ra triển vọng sản xuất tinh dầu từ lá.
Kết quả nghiên cứu đóng góp về mặt khoa học, phục vụ việc khai thác, khả năng chọn giống cho năng suất tinh dầu cao, trồng trên quy mô lớn để sản xuất tinh dầu và tạo rừng phòng hộ có ý nghĩa kinh tế - sinh thái.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu chọn giống cây long não cho năng suất camphor cao (cấp Bộ).

Dự định khoa học

Nghiên cứu chọn giống cây long não và một số cây thuộc chi *Cinnamomum* cho tinh dầu phục vụ trồng rừng có giá trị kinh tế - sinh thái.

Lời Tiến sĩ

Cho dù kinh tế có tăng trưởng bao nhiêu, cuộc sống có được cải thiện đến mức nào, nhưng những cái "được" đó có bù lại cái "mất" do thiên nhiên trừng phạt, như th iên tai ngày càng trầm trọng, bệnh tật nguy hiểm ngày càng tăng nhanh, do thảm hoạ môi trường.



VŨ THANH KHIẾT

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 24 - 8 - 1935
Quê quán: Thành phố Hải Phòng.
Chỗ ở hiện nay:
P.211 - B6 tập thể Thanh Xuân Bắc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy.
Chủ nhiệm khoa Vật lý.
Phó hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Trưởng ban Quản lý khoa học Bộ Giáo dục.
Phó Tổng biên tập Nhà Xuất bản Giáo dục.
Chuyên viên cấp cao.
Uỷ viên Hội đồng bộ môn Vật lý - Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Hội viên Hội Vật lý Việt Nam.
Được phong Phó Giáo sư năm 1980.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1965.
Tại Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Lômônôxốp, Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Vật lý lý thuyết.

Đề tài luận án

Về năng lượng tương đối của sóng hấp dẫn.

Nội dung

Áp dụng thuyết tương đối rộng của Einstein, đề xuất lý thuyết về năng lượng hấp dẫn tương đối, trên cơ sở đó bằng công cụ tenxơ của trường hấp dẫn tính toán năng lượng tương đối của một số loại sóng hấp dẫn. Khẳng định sự tồn tại của sóng hấp dẫn, ngoài ra chứng tỏ tuỳ thuộc vào "quy chiếu" năng lượng đó có thể có trị số dương hoặc âm.

Thành tựu khoa học

Trên 26 bài báo được công bố ở các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.
Sách đã xuất bản:
Trên 50 đầu sách in ở Nhà xuất bản Giáo dục, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, bao gồm các giáo trình đại học, sách giáo khoa phổ thông và từ điển (tác giả và đồng tác giả).

Dự định khoa học

Biên soạn giáo trình đào tạo cử nhân, kỹ sư tài năng và bồi dưỡng học sinh giỏi vật lý.



MAI TRỌNG KHOA

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 14 - 5 - 1957.
Quê quán: Tùng Ảnh - Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay:
208 - D3 Thành Công - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Phó Trưởng bộ môn Y học hạt nhân, Trường Đại học Y Hà Nội.
Phó Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Nội tiết Trung ương.
Trưởng phòng Định lượng miễn dịch phóng xạ, khoa Y học hạt nhân, Bệnh viện Bạch Mai.
Hội viên Hội Điện quang và Y học Việt Nam; Hội Nội tiết Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Y học hạt nhân.

Đề tài luận án

Nghiên cứu bằng phương pháp kiểm định miễn dịch phóng xạ (Radioimmunn oassay - RIA) hàm lượng nội tiết tố triiodothy ronine, thyroxine, thyroid - stimulating - hormone trong một số điều kiện bình thường và bệnh lý.

Nội dung

Luận án đã nghiên cứu về sự biến động nồng độ các nội tiết tố của tuyến giáp (T3, T4), thyroid - stimulating - hormone (TSH) theo từng lứa tuổi khác nhau ở một số giai đoạn sinh lý đặc biệt cũng như do một số yếu tố và bệnh ngoài tuyến giáp gây ra.

Nồng độ T3, T4, TSH ở người bình thường biến động rõ rệt theo tuổi đời. Nồng độ T3, T4, TSH đạt mức cao nhất ở thời điểm 24 giờ sau đẻ rồi giảm dần khi tuổi của trẻ tăng lên, từ 60 tuổi nồng đô T3, T4, đều giảm, nồng độ TSH thay đổi không rõ rệt.
Không có sự khác biệt nồng độ T3, T4, TSH giữa nam và nữ, phụ nữ có thai, nồng độ T3, T4 tăng cao, FT4, TSH thay đổi không rõ rệt.
Các bệnh nhân Basedow đều tăng đồng thời cả T3, T4, nhưng vẫn có 13,6% bị nhiễm độc giáp do T3, và 4,5% bị nhiễm độc giáp do T4,. Nồng độ TSH giảm, FT4 tăng. Trong suy giáp trạng tiên phát: nồng độ T3, T4, FT4 giảm, nồng độ TSH tăng cao.
Những người sống trong vùng bướu cổ nồng đô T4 giảm, nồng độ T3, TSH tăng cao.
Trong bệnh viêm gan virut: nồng độ T3, T4 tăng, nồng độ FT4, TSH thay đổi không rõ rệt, viêm gan, xơ gan mãn, hội chứng thận hư, trẻ suy dinh dưỡng thể Kwashiorkor: nồng độ T3, T4 giảm, nhưng nồng độ TSH, TF4 thay đổi không rõ rệt.
Phụ nữ dùng viên tránh thai, nồng độ T3, T4 tăng cao, nồng độ FT4, TSH thay đổi không rõ rệt.
Những người dùng Diazepam có nồng độ T4 giảm, nhưng nồng độ T3, FT4, TSH thay đổi không rõ rệt.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài:
Xây dựng giải nồng độ các hormon của tuyến giáp, tuyến yên, tuyến cận giáp, tuyến tuy, tuyến thượng thận, tuyến sinh dục trong máu người Việt Nam bình thường (cấp Bộ).
Bước đầu ứng dụng phương pháp đo miễn dịch phóng xạ miễn dịch định lượng một số chất chỉ điểm khối u trong ung thư (cấp Bộ - thư ký).
Nghiên cứu sự thay đổi nồng độ T3, T4 toàn phần, TSH ở phụ nữ có thai (cấp Trường).
Nghiên cứu sự thay đổi nồng độ Osteocalcin, prolactin, parathyroid hormone (PTH) ở người bình thường và phụ nữ mãn kinh loãng xương bằng kỹ thuật IRMA (cấp Trường).
Hơn 40 công trình nghiên cứu đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.
Giải thưởng nghiên cứu khoa học tổ chức tại Nhật Bản 1995.

Dự định khoa học

Nghiên cứu hiệu quả điều trị của một số đồng vị phóng xạ đối với một số bệnh tuyến giáp và ung thư.
Áp dụng một số kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh bằng y học hạt nhân hiện đại.



NGUYỄN ĐÌNH KHOA

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 04 - 12 - 1925.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 12A Hẻm 72-73/66 - Quan Nhân - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Sư phạm cao cấp Nam Ninh, Trung Quốc.
Giáo viên Trường Sư phạm trung cấp Tự nhiên.
Cán bộ Bộ Giáo dục.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Quốc gia Maxtcơva.
Phó Chủ nhiệm khoa Sinh Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Phó Chủ tịch Hội Hình thái học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1963.
Tiến sĩ khoa học năm 1989.
Tại Trường Đại học Quốc gia Matxcơva, Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Nhân học.

Đề tài luận án

Thành phần nhân học các tộc người ở Việt Nam và quá trình hình thành của họ trong lịch sử.

Nội dung

Việt Nam là một quốc gia nhiều dân tộc mà người Việt là dân tộc chủ thể về số lượng, về mức phát triển kinh tế - văn hoá và nhiều chỉ tiêu xã hội khác. Còn lại 53 dân tộc anh em, chiếm khoảng 10% dân số, đại diện cho hầu hết các hệ ngôn ngữ ở Đông Nam Á (ngữ hệ Nam Á, Nam Đảo hay Mã Lai - Pôlinêdi, Hán Tạng).
Tác giả nghiên cứu toàn cảnh thành phần nhân chủng và quá trình lịch sử các cư dân bản địa và ngoại lai ở Đông Dương mà Việt Nam có vị trí đặc thù về nhiều mặt (kinh tế - văn hoá, dòng máu) giữa hai khu vực đảo và bán đảo ở Đông Nam Á.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Giải phẫu người, tập I, II - Nxb. Đại học Trung học chuyên nghiệp.
Phương pháp thống kê ứng dụng trong sinh học - Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Các dân tộc ở miền Bắc Việt Nam.
Các dân tộc ở Việt Nam - Nxb Khoa học xã hội.
Nhân chủng học Đông Nam Á.
Môi trường sống con người - Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
Sinh học và văn hoá - Nxb Khoa học xã hội.
Nguồn gốc loài người trong tiến hoá - Nxb Giáo dục.
Trên 100 bài đã đăng ở các tạp chí, kỷ yếu khoa học...
Tham gia một số mục từ trong *Từ điển bách khoa Việt Nam.*
Tham gia một số chương trình khoa học cấp Nhà nước.
Hướng dẫn một số luận án tiến sĩ.
Huân chương chống Pháp hạng ba.
Huân chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Nhà giáo ưu tú năm 1990.
Giáo sư năm 1991.

Dự định khoa học

Cố vấn khoa học.

Lời Tiến sĩ

Tương lai đất nước phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng giáo dục đào tạo. Tôi rất lo ngại về chất lượng giáo dục hiện nay.



NGUYỄN XUÂN KHOA

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 07 - 9 - 1963.
Quê quán: Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay:
Q31 - 4 Nguyễn An Ninh - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp kỹ sư hoá và thạc sĩ tại Đại học Veszprem, Hungari.
Nghiên cứu sinh tại Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.
Phó Giám đốc Trung tâm Triển khai công nghệ mới - Liên hiệp SIMET.
Phó Giám đốc Trung tâm SIMET - Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990.
Tại Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.
Ngành Hoá học.
Chuyên ngành Silicát, thuỷ tinh.

Đề tài luận án

Chế tạo thuỷ tinh đổi mầu chứa Halogen Bạc.

Nội dung

Đề tài nghiên cứu chế tạo thuỷ tinh đổi mầu mới bằng công nghệ trong nước, giảm giá thành.
Đề tài đã chế tạo được mẫu đổi mầu đạt chất lượng.
Xây dựng lý thuyết và chu trình công nghệ.
Các thông số kỹ thuật đã được xác định bằng phương pháp: X-quang, kính hiển vi điện tử (500.000x), laze, quang phổ...

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Nghiên cứu chế tạo thuỷ tinh đổi mầu tại Budapet Hungari.
Nghiên cứu chế thử thuỷ tinh đỏ Selen Ruby (cấp Bộ).
Công trình đã ứng dụng:
Cùng đồng nghiệp thiết kế, chế tạo, và vận hành thành công dây chuyền công nghệ sản xuất kính ôtô đầu tiên trong nước bằng thiết bị Việt Nam với công suất 10 phút/chiếc.
Chế tạo thành công các thấu kính tín hiệu giao thông màu đỏ, xanh, vàng và trắng trong, đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc tế. Đã sử dụng vào tuyến đường sắt Thống nhất.
Sách đã xuất bản:
Tham gia viết: *X.V.Intern. Congress on Glass,* Leningrad.
4-th Intern - Otto - Schott Colloqium, Jena, Germany.
Giải nhất kỳ thi toán giỏi 2 năm 1982 - 1983 tại Đại học Veszprem, Hungari.
Giải nhất trong Hội thi khoa học sinh viên toàn quốc Hungary lần thứ XVIII., 1987.
Văn phòng phát minh Hungari cấp bằng sáng chế "Quy trình chế tạo thuỷ tinh đổi mầu", "Quy trình tạo ảnh trong pha lê".
Cục sáng chế Việt Nam cấp bằng độc quyền "Vật liệu thuỷ tinh gốm và phương pháp sản xuất".

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng, tư vấn công nghệ thuỷ tinh (thuỷ tinh đỏ, thuỷ tinh đổi màu, thuỷ tinh gốm...)

Lời Tiến sĩ

Các nhà khoa học thường ít kinh nghiệm đưa công trình nghiên cứu vào thực tế nên rất cần sự hỗ trợ từ phía các doanh nghiệp ứng dụng.



VŨ ĐĂNG KHOA

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 16 - 9 - 1939.
Quê quán: Hải Triều - Tiên Lữ - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay:
A8 (V24) - tổ 73 Phúc Xá - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Trường Trung cấp Nông lâm TƯ.
Trường Trung cấp Thuỷ sản TƯ.
Phó Chủ nhiệm quốc doanh cá Đông Anh.
Phó Chủ nhiệm Công ty cá Hà Nội.
Phó Tổng Giám đốc Liên hiệp các xí nghiệp Thuỷ sản Hà Nội.
Học quản lý kinh tế tại Liên Xô.
Giám đốc Xí nghiệp nuôi cá Hồ Tây.
Phó Giám đốc Công ty Đầu tư khai thác Hồ Tây.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Ngành Sinh học.

Đề tài luận án

Cơ sở sinh thái học để bảo vệ môi trường phát triển nguồn lợi thuỷ sản ở Hồ Tây - Hà Nội.

Nội dung

Khảo sát hiện trạng cấu trúc hệ sinh thái Hồ Tây về hình thái học, về các chất dinh dưỡng, về thành phần và số lượng sinh vật trong hồ và sự biến động của chúng theo mùa, hiện trạng và mức độ ô nhiễm của hồ.

Nghiên cứu các biện pháp nâng cao năng suất nguồn lợi sinh học trong hồ, về cá và trai ngọc.

Những đóng góp mới của luận án:

Đã sử dụng phương pháp siêu âm kết hợp với phương pháp đo đơn giản xác định độ sâu của hồ, chiều dày lớp trầm tích hồ, sự thay đổi, thu hẹp về chiều rộng diện tích mặt hồ.

Hồ Tây không có sự phân tầng nhiệt độ nghèo dinh dưỡng so với các hồ ở Hà Nội và vùng châu thổ sông Hồng.

Nghiên cứu tập hợp toàn diện những dẫn liệu khoa học về các lĩnh vực của hồ để bảo vệ sự đa dạng sinh học và phát triển nuôi trồng thuỷ sản (cá và trai ngọc) ở Hồ Tây.

Thành tựu khoa học

Một số bài nghiên cứu đã công bố:
Một số kinh nghiệm sản xuất cá chép giống.

Kết quả thử nghiệm nuôi cá giống lớn mè trắng, mè hoa ở ao Vả Hồ Tây (đồng tác giả).

Sáng kiến xử lý nguồn nước bằng phương pháp sinh học để ấp trứng cá.

Nghiên cứu thiết kế cải tạo một số công trình nuôi cá Hồ Tây.

Đồng tác giả:

Khả năng khai thác và sử dụng nước thải vào việc nuôi tôm cá ở các hồ Thuyền Quang, Bảy Mẫu, Giảng Võ, Văn Chương nội thành Hà Nội.

Một số biện pháp sinh học chống cá nổi đầu ở hồ Bảy Mẫu.

Những cơ sở khoa học để nâng cao năng suất cá Hồ Tây.

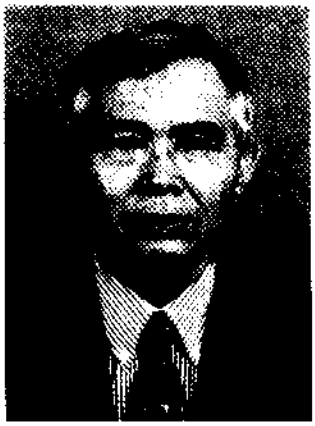
Kỹ thuật nuôi cấy ngọc trai nước ngọt -
Nxb Nông nghiệp.

Hiện trạng nước và vi tảo (microalgae) trong các thuỷ vực Hà Nội.

Vi tảo (microalgae) ở Hồ Tây.

6 bằng Lao động sáng tạo.

Huy chương Vì sự nghiệp phát triển thuỷ sản.
Huân chương kháng chiến hạng ba.



LÊ TRỌNG KHOAN

Lê Lan

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 21 - 06 - 1942.
Quê quán: Xuân Bắc - Xuân Trường - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 36 Phố Hồ Sen - Hải Phòng.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy bộ môn Sinh lý thể thao Đại học Thể dục thể thao I.
Giám đốc Trung tâm Đào tạo vận động viên, Phó Giám đốc Sở Thể dục thể thao Hải Phòng.
Phó trưởng ban Khoa giáo - Thành uỷ Hải Phòng.
Tổng biên tập *Báo Thể thao Việt Nam.*
Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Uỷ viên Hội đồng Khoa học Uỷ ban Thể dục thể thao, kiêm Tổng biên tập *Tạp chí Thể thao* - Uỷ ban Thể dục thể thao.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983.
Tại Học viện Thể dục thể thao Lesgap - Liên Xô cũ.
Ngành Khoa học giáo dục.
Chuyên ngành Đào tạo vận động viên.

Đề tài luận án

Xác định mối quan hệ hợp lý giữa các phương pháp huấn luyện sức bền trong chu kỳ huấn luyện năm của vận động viên trẻ.

Nội dung

Sự phát triển sức bền của vận động viên trẻ (16 đến 18 tuổi) có hai đặc điểm cơ bản:
Nhịp độ phát triển và hoàn thiện về mặt cấu trúc giải phẫu và chức năng sinh lý của một số cơ quan có thể như hệ tim mạch, hệ hô hấp... liên quan mật thiết đến năng lực sức bền của vận động viên trẻ.
Kết quả huấn luyện nhằm phát triển sức bền phụ thuộc rất lớn vào việc xác định mối quan hệ hợp lý giữa các phương pháp huấn luyện sức bền được áp dụng trong chu kỳ huấn luyện năm ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hoá sâu của vận động viên trẻ.
Những xu hướng, trường phái điển hình và các phương pháp tiêu biểu huấn luyện sức bền vận động viên trẻ ở châu Âu, Bắc Mỹ và Việt Nam.
Ứng dụng một số phương pháp sư phạm, y sinh học đánh giá sức bền vận động viên trẻ qua các thời kỳ huấn luyện.
Thiết lập mối quan hệ hợp lý giữa các phương pháp huấn luyện sức bền trong chu kỳ huấn luyện năm của vận động viên điền kinh trẻ.

Thành tựu khoa học.

Đề tài nghiên cứu:
Đánh giá tình trạng thể chất học sinh ở Hải Phòng lứa tuổi 7 - 15 tuổi (cấp Ngành).
Sinh lý học thể thao - Tài liệu giáo khoa Đại học Thể dục thể thao - Trường Đại học Thể dục thể thao (đồng tác giả).
Sử dụng phương pháp ghi nhịp tim tương quan (CRG) đánh giá sức bền vận động viên chạy 800-1.500m (Học viện Thể dục thể thao Lesgap - thành phố Lêningrat - Liên Xô cũ).



VŨ KHẮC KHOAN

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 21 - 11 - 1940.
Quê quán: Đô Lương - Đông Hưng - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay:
223 Nguyễn Ngọc Nại - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Học chuyên khoa Y học Hàng không tại Lêningrat Liên Xô cũ.
Chủ nhiệm Quân y, Trường Dự bị bay - Văn hoá Không quân.
Chủ nhiệm khoa Nội I.
Chủ nhiệm khoa Giám định, Viện phó, Viện trưởng Bệnh viện Không quân.
Chủ tịch Hội đồng Giám định Y khoa Không quân.
Học giám định Y khoa không quân ở Matxcơva.
Chủ nhiệm Quân y.
Chủ tịch Hội đồng Giám định Y khoa Quân chủng Phòng không - Không quân.
Hiện là cán bộ nghiên cứu Y học hàng không, Quân chủng Phòng không - Không quân.
Hội viên Hội Sinh lý học Việt Nam, Hội Y học Lao động Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Học viện Quân y Bộ Quốc phòng.
Chuyên ngành Sinh lý học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu tình hình khám tuyển học viên lái máy bay và đặc điểm sức khoẻ phi công Việt Nam.

Nội dung

Vấn đề an toàn bay là mối quan tâm hàng đầu của tất cả các quốc gia có ngành hàng không. Trong an toàn bay, yếu tố sức khoẻ phi công đặc biệt quan trọng.
Luận án nghiên cứu tình hình khám tuyển và đào tạo phi công Việt Nam (từ 1972 - 1991).
Tình hình sức khoẻ, cơ cấu bệnh tật, bệnh tim mạch và sự biến đổi một số chức năng tâm sinh lý của phi công Việt Nam.
Đề xuất các biện pháp y học dự phòng và xây dựng một số văn bản có tính pháp quy nhằm đảm bảo an toàn bay và kéo dài tuổi bay cho phi công Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm và tham gia trên 26 công trình nghiên cứu đã nghiệm thu.
Tài liệu đã xuất bản:
Chủ biên:
Tiêu chuẩn sức khoẻ học viên lái máy bay quân sự.
Điều lệ giám định y khoa không quân.
Đảm bảo quân y không quân.
Các biện pháp đặc thù trong giám định y khoa không quân y học hàng không (đồng tác giả).
Giáo trình đã biên soạn:
Đối tượng nhiệm vụ phương pháp nghiên cứu y học hàng không.
Lịch sử phát triển y học hàng không trong nước và thế giới.
Đặc điểm tâm sinh lý của lao động bay.
Sinh lý hàng không.
Công tác đảm bảo quân y không quân.
Công tác giám định y khoa không quân.
Tiêu chuẩn sức khoẻ học viên lái máy bay.
Những biện pháp đặc thù trong khám tuyển và giám định y khoa không quân.
Huân chương chiến công hạng nhất.
Huân chương kháng chiến hạng hai.
Huy chương Vì sức khoẻ nhân dân.
Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
Giải thưởng VIFOTEC năm 2000.
Thầy thuốc ưu tú năm 1994.

Dự định khoa học

Nghiên cứu "Khả năng của phi công quân sự Việt Nam đối với các loại máy bay hiện đại châu Âu. Biện pháp bảo vệ sức khoẻ nâng cao khả năng thích nghi, đảm bảo an toàn bay và kéo dài tuổi bay cho phi công Việt Nam".



HÀ HUY KHÔI

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 06 - 08 - 1936.
Quê quán: Sơn Thịnh - Hương Sơn - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 159 Thanh Nhàn - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Y Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Ba Lan.
Phó trưởng Bộ môn Vệ sinh Dịch tễ - Trường Đại học Y Hà Nội.
Viện trưởng Viện Dinh dưỡng - Bộ Y tế.
Chủ nhiệm bộ môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm - Trường Đại học Y Hà Nội.
Uỷ viên Trung ương Hội Vệ sinh phòng dịch Việt Nam.
Hội viên Hội Dinh dưỡng Châu Á - Thái Bình Dương.
Thành viên hội đồng biên tập tạp chí "Vệ sinh phòng dịch" và "Asia Pacific Journal of Clinical Nutrition".

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1971.
Tại Học viện Y khoa Vacxava.
Tiến sĩ Khoa học năm 1990.
Tại Học viện Đào tạo sau đại học Y khoa - Vacsava (Ba Lan).
Ngành Dinh dưỡng Y học.

Đề tài luận án Tiến sĩ

Nghiên cứu thực nghiệm về hiệu quả sinh học của hai hỗn hợp giàu protein thực vật đối với khẩu phần trung bình ở Việt Nam.

Đề tài luận án Tiến sĩ Khoa học

Tình trạng dinh dưỡng protein - năng lượng của cư dân một số vùng nông thôn ở Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu thực nghiệm về cân bằng nitơ ở các loại khẩu phần khác nhau tại 25 điểm, 773 hộ, cân đo 23.018 trẻ em, 12.800 người lớn.

Kết quả

Cân bằng Nitơ được duy trì khi khẩu phần đủ năng lượng.

Khẩu phần thực tế của nông dân (theo đầu người/ngày) là năng lượng 1925 Kcal, protein 52g, tỷ lệ % năng lượng do Protein: lipid: glucid là 11:6:83.

Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi theo cân nặng / tuổi là 51,5%, chiều cao/tuổi là 59,7% và cân nặng/ chiều cao là 7%. Tỷ lệ suy dinh dưỡng đạt tới đỉnh ở 12 - 36 tháng nhưng bắt đầu tăng lên từ 6 tháng.

Các xét nghiệm hoá sinh máu và nước tiểu của trẻ em trước tuổi đi học cho thấy thiếu protein đơn thuần ít gặp mà thường kết hợp với thiếu năng lượng và nhiễm trùng. So sánh số liệu nhân trắc học qua nhiều giai đoạn cho thấy đã có hiện tượng gia tốc về tăng trưởng ở trẻ em Việt Nam nhưng quá trình này đã bị chậm lại rõ rệt trong chiến tranh.

Thành tựu khoa học

Các đề tài cấp Nhà nước:
Đặc điểm khẩu phần thực tế và tình trạng dinh dưỡng của nhân dân ở một số vùng sinh thái khác nhau.
Dịch tễ học các bệnh thiếu dinh dưỡng ở bà mẹ và trẻ em.
Nghiên cứu các giải pháp chiến lược nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm.
Các đề tài đã được ứng dụng vào chương trình phòng chống thiếu vitamin A và bệnh khô mắt, thiếu máu dinh dưỡng, xây dựng đường lối dinh dưỡng ở Việt Nam.
Trên 100 bài báo khoa học đã đăng ở các tạp chí trong và ngoài nước.
Sách đã xuất bản (Nxb Y học):
Vệ sinh dinh dưỡng và vệ sinh thực phẩm (viết chung).
Một số vấn đề dinh dưỡng thực hành (đồng chủ biên).
Phương pháp dịch tễ học dinh dưỡng.
Các bệnh thiếu dinh dưỡng và sức khoẻ cộng đồng ở Việt Nam (viết chung).
Mấy vấn đề dinh dưỡng trong thời kỳ chuyển tiếp.
Dinh dưỡng hợp lý và sức khoẻ (chủ biên).
Góp phần xây dựng đường lối dinh dưỡng ở Việt Nam.
Protein Energy nutrition status of rural people in some regions of Vietnam. Prace IZZ, No. 53, Warsaw.
Huân chương Lao động hạng ba.

Dự định khoa học

Nghiên cứu và viết sách về dinh dưỡng.



LÊ VĂN KHÔI

Tiến sĩ Vật lý

Sinh ngày: 12 - 7 - 1942.
Quê quán: Hoàng Lương - Hiệp Hoà - Bắc Giang.
Chỗ ở hiện nay:
59V - Nguyễn Kiệm - Gò Vấp - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác:

Tốt nghiệp khoa Vật lý Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy vật lý Trường Đại học Cơ điện, Bắc Thái.
Nghiên cứu sinh Đại học Tổng hợp Vacsava, Ba Lan.
Cán bộ nghiên cứu Viện Nghiên cứu Hạt nhân, Hà Nội.
Cán bộ Trung tâm Hạt nhân thành phố Hồ Chí Minh.
Thực tập sinh khoa học Viện Nghiên cứu Hạt nhân, Ba Lan.
Phó Giám đốc Trung tâm Hạt nhân, thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Giám đốc Trung tâm Hạt nhân, thành phố Hồ Chí Minh.
Thành viên Hội Vật lý thành phố Hồ Chí Minh.
Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1980
Tại Viện Nghiên cứu Hạt nhân Vacsava, Ba Lan.
Ngành Vật lý
Chuyên ngành Vật lý neutron.

Đề tài luận án

Nghiên cứu cơ chế phát hạt α trong tương tác của neutron nhanh với hạt nhân nguyên tử ^{143}Nd.

Nội dung

Nghiên cứu các phản ứng hạt nhân (n, α) gây bởi các neutron nhanh có một vai trò quan trọng trong nghiên cứu cơ bản về cấu trúc hạt nhân cũng như về mặt thực tiễn vì các số liệu về phản ứng này là một trong các số liệu hạt nhân cần thiết cho nhiều ứng dụng thực tiễn của vật lý và kỹ thuật hạt nhân. Cho đến nay các phản ứng hạt nhân loại này vẫn được quan tâm nghiên cứu ở nhiều trung tâm nghiên cứu hạt nhân lớn trên thế giới.
Tác giả đã đo đạc 3 phân bố năng lượng và 3 phân bố góc của các hạt α phát ra từ phản ứng hạt nhân ^{143}Nd (n, α) ^{140}Ce gây bởi các neutron nhanh với năng lượng En = 12,3 MeV, 14,1 MeV và 18,2 MeV. Dòng neutron với các năng lượng trên nhận được từ phản ứng hạt nhân $^{3}H(d,n)^{4}He$ (Q=17,568 MeV) gây bởi các deutoron được gia tốc đến năng lượng Ed = 2 MeV trong máy gia tốc tuyến tính Van de Graaff. Hạt α phát ra từ phản ứng nghiên cứu được đo bằng phổ kế alpha với Detector bán dẫn hàng rạo mặt.
Số liệu thực nghiệm về các phân bố năng lượng và phân bố gốc của hạt α đã được phân tích trên cơ sở mô hình thống kê và mô hình tán xạ đàn hồi của các phản ứng hạt nhân.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu (chương trình cấp Nhà nước):
Nghiên cứu vận động của các ion hoà tan trong đất bằng kỹ thuật đồng vị.
Nghiên cứu chuyển động của nước trong các đới không bão hoà và các tầng chứa nước ngầm bằng kỹ thuật chỉ thị đồng vị.
Nghiên cứu quá trình thấm ở đập thuỷ điện Hoà Bình bằng kỹ thuật chỉ thị đồng vị.
Nghiên cứu quá trình thấm qua thân và nền đập thuỷ điện Trị An bằng kỹ thuật chỉ thị đồng vị (cấp Bộ).
Nghiên cứu lựa chọn vị trí nhà máy điện hạt nhân ở Việt Nam.
Đề án VIE/8/008, hợp tác kỹ thuật với cơ quan Nguyên tử năng Quốc tế (IAEA), về ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong nghiên cứu ô nhiễm nước ngầm.
Một số công trình khoa học đã công bố:
Một vài kết quả nghiên cứu ô nhiễm nước ngầm khu vực Củ Chi và Đông Thạnh Hóc Môn bằng kỹ thuật chỉ thị đồng vị.
Nghiên cứu thấm ở đập thuỷ điện Hoà Bình bằng kỹ thuật chỉ thị đồng vị (đồng tác giả).
Kỹ thuật hạt nhân trong nghiên cứu tưới tiêu (một vài nghiên cứu bước đầu ở Trung tâm Kỹ thuật Hạt nhân thành phố Hồ Chí Minh).
Nghiên cứu nhiễm mặn nước ngầm ở đồng bằng sông Cửu Long bằng kỹ thuật chỉ thị đồng vị.
Đồng tác giả một số công trình công bố ở trong và ngoài nước.
Huy hiệu Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hạt nhân vào các lĩnh vực công nghệ và bảo vệ môi trường ở Việt Nam.



LÊ VŨ KHÔI

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 02 - 07 - 1938.
Quê quán: Thị xã Cao Bằng - tỉnh Cao Bằng.
Chỗ ở hiện nay: 12 A9 ngách 12 - ngõ 4 Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác:

Cán bộ giảng dạy.
Chủ nhiệm bộ môn Động vật có xương sống.
Phó Thư ký *Tạp chí khoa học.*
Phó Chủ nhiệm khoa Sinh học.
Trưởng phòng Khoa học và Thiết bị Trường Đại học tổng hợp Hà Nội.
Trưởng ban Khoa học và Công nghệ Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hiện là giảng viên cao cấp Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hội viên Hội Bảo vệ các loài thế (SSC/IUCN) của Tổ chức Bảo vệ thiên nhiên và môi trường thế giới.
Thành viên nhóm chuyên gia Voi châu Á.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Động vật Việt Nam.
Hội viên Hội Bảo vệ môi trường Hà Nội.
Hội Hữu nghị Việt - Nga.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1970
Tại Đại học Tổng hợp Lêningrat, Liên bang Nga.
Ngành Sinh học
Chuyên ngành Động vật học

Đề tài luận án

Biến động mùa số lượng và cấu trúc chủng quần gặm nhấm trong rừng cây sồi.

Nội dung

Nghiên cứu trên 18 ha rừng sồi 70-280 năm tuổi.
Nguyên nhân chính làm thay đổi số lượng loài gặm nhấm theo mùa ở các sinh cảnh khác nhau là điều kiện bảo vệ, thức ăn, cường độ sinh sản, sự phát tán của cá thể non, số lượng cá thể trong chủng quần...
Sự phân bố không gian của gặm nhấm không đồng đều ở các khu vực khác nhau.
Độ lớn vùng sống của mỗi loài gặm nhấm khác nhau ở các khu rừng có độ tuổi khác nhau. Độ lớn vùng sống khác nhau ở các cá thể đực, cái và lứa tuổi.
Quá trình biến đổi chủng quần gặm nhấm trong các khu rừng có tuổi khác nhau là rất khác nhau.
Mức độ di chuyển ở các loài, các giống và lứa tuổi khác nhau.
Cấu trúc của chủng quần gặm nhấm ảnh hưởng tới biến động số lượng và phụ thuộc vào nhiều nguyên nhân.

Thành tựu khoa học

Chủ trì một số đề tài cấp Nhà nước:
Áp dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất trống trọt và độ phì nhiêu của đất ở vùng trung du. Nghiên cứu nguồn tài nguyên động vật có xương sống.
Vấn đề dịch hạch phía Bắc. Phần vật chủ.
So sánh tính đa dạng sinh học của hai hệ sinh thái ở nước: Hồ Tây và hồ Hoàn Kiếm, và hai hệ sinh thái trên cạn: Tam Đảo và Ba Vì.
Điều tra, bảo vệ loài Bò xám.
Nghiên cứu xây dựng mô hình làng vùng đệm Vườn Quốc gia Cúc Phương.
Nghiên cứu đặc tính đa dạng sinh vật của một số hệ sinh thái đặc biệt của Việt Nam. Hệ sinh thái Vườn Quốc gia Bến En và Tam Đảo (cấp Bộ).
Đa dạng sinh học (động vật) các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam.
Xây dựng hệ thống bộ vật mẫu bảo tàng động vật.
Sách đã xuất bản:
Cơ sở sinh thái học, Tập I (đồng tác giả) - Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
Chuột và biện pháp phòng trừ - Nxb Nông nghiệp.
Tìm hiểu các loài chim.
Tìm hiểu các loài thú - Nxb Giáo dục.
Động vật học (động vật có xương sống) - Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
Bảo vệ Hổ Việt Nam.
Danh lục các loài thú ở Việt Nam - Nxb Nông nghiệp.
Địa lý Sinh vật - Nxb Đại học Quốc gia.
Chuột gây hại và phòng trừ bằng phương pháp dân gian - Nxb. Nông nghiệp
Trên 40 báo cáo khoa học đã công bố ở trong và ngoài nước.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp khoa học.
Được phong Giáo sư năm 1996.

Dự định khoa học

Nghiên cứu đa dạng sinh vật.
Viết sách về các loài thú ở Việt Nam.



NGUYỄN HỮU KHÔI

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 01 - 02 - 1942.
Quê quán: Nam Trung - Nam Đàn - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 103A Nguyễn Văn Lạc - quận Bình Thạnh - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Trưởng khoa Tai - Mũi - Họng - Bệnh viện Ninh Bình.
Viện trưởng Viện Quân y 1.5 Hải quân.
Bác sĩ Trưởng khoa Tai - Mũi - Họng.
Trưởng khu điều trị chuyên khoa (Tai Mũi Họng - Răng - Hàm - Mặt - Mắt) BV Nhân dân Gia Định - Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Phó Trưởng bộ môn Tai - Mũi - Họng - Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Phó Tổng biên tập *Tạp chí Tai - Mũi - Họng*
Hội viên Hội Tai - Mũi - Họng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Tai - Mũi - Họng

Đề tài luận án

Xây dựng các bản từ thử tiếng Việt và nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật đo sức nghe tiếng nói

Nội dung

Đo sức nghe tiếng nói là một kỹ thuật đánh giá thính giác, một chức năng giao tiếp quan trọng của con người. Nghe hiểu tiếng nói có tầm quan trọng đặc biệt, là cơ sở để phát triển ngôn ngữ và tư duy. Tác giả đã xây dựng các bản từ thử tiếng Việt để dùng trong đo sức nghe tiếng nói, kết hợp được ba tiêu chí: Âm thính học - Ngữ âm cơ bản - Ngữ âm tiếng Việt.
Việc sử dụng các bản từ thử tiếng Việt đã được chuẩn hoá, xây dựng các quy trình đo thông dụng để thống nhất thực hiện trong các cơ sở thính học của ngành Tai Mũi Họng Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Tai biến gây tê bằng novocain trong phẫu thuật cắt amidan.
Uốn ván trẻ em nhiễm qua đường viêm tai giữa.
Apxe não và viêm màng não do tai.
Sử dụng nước ép tỏi trong điều trị viêm tai giữa.
Phẫu thuật mổ tai kín và chỉnh hình tai giữa.
Soi thanh quản treo và vi phẫu thuật điều trị các tổn thương lành tính ở thanh quản.
Mổ hòm nhĩ sau kết hợp trong phẫu thuật tai giữa kín.
Hướng dẫn nghiên cứu sinh.
Sách đã xuất bản:
Tham gia biên soạn:
Bài giảng Tai - Mũi - Họng (Đại học).
Giáo trình Tai học - Otology (Sau Đại học).



NGUYỄN KHẮC KHÔI

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 10 - 08 - 1939.
Quê quán: Quảng Lãng - Kim Động - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: K16, P301 - Khu Bách Khoa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên Trường cấp III Kim Sơn, Ninh Bình.
Cán bộ Tổng cục Lâm nghiệp.
Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật - Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.
Hội viên Hội Thực vật Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982
Tại Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật Việt Nam.
Chuyên ngành Thực vật học

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu phân loại họ Cói (Cyperaceae) ở Việt Nam.

Nội dung

Đánh giá các hệ thống về họ cói, đặc điểm hình thái họ cói, phân loại họ cói ở Việt Nam, phân loại chi carex và công dụng của họ cói ở Việt Nam. Tổng số loài họ cói ở Việt Nam gồm 27 chi với 301 loài, riêng chi carex có 78 loài.
Nội dung của loài gồm phần danh pháp, mô tả, mẫu chuẩn, phân bố, mẫu nghiên cứu, sinh thái và nhận xét. Luận án là công trình tương đối đầy đủ và có hệ thống về họ cói ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu một số đề tài:
Phát triển tài nguyên đặc sản rừng.
Hệ thực vật vùng ven biển và đảo ven bờ Việt Nam.
Cơ sở khoa học và phát triển cây xanh trên quần đảo Trường Sa.
Các loài thực vật vùng núi đá vôi.
Tham gia biên soạn:
Sách Đỏ Việt Nam.
Thực vật chí Việt Nam.
Tên cây rừng Việt Nam.
Một số loài rau dại ăn được ở Việt Nam, Prosea,...
Tài nguyên thực vật làm thuốc ở vùng đồng bào dân tộc miền núi.
Các loài thực vật quý hiếm.
Xây dựng một số vườn thực vật.
Hơn 40 công trình khoa học đã công bố trên các tạp chí, tuyển tập, kỷ yếu khoa học ở trong và ngoài nước.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học.

Dự định khoa học

Biên soạn thực vật chí Việt Nam của một số taxon (cói, tre...).



NGUYỄN VĂN KHÔI

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm Lý

Sinh ngày: 24 - 10 - 1953.
Quê quán: Yên Bắc - Huy Tiên - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: P5-H12 Tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Kỹ thuật công nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Hiện là Chủ nhiệm khoa Sư phạm kỹ thuật Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Tâm lý - Sư phạm

Đề tài luận án

Phương pháp tiếp cận công nghệ và vận dụng vào giảng dạy chương trình kỹ thuật công nghiệp phổ thông.

Nội dung

Xây dựng cơ sở pháp luật và thực tiễn của phương pháp tiếp cận công nghệ trong dạy học bộ môn.
Đề xuất 5 giải pháp nhằm vận dụng cách tiếp cận này trong giảng dạy môn kỹ thuật công nghiệp ở trường phổ thông (cơ sở khoa học, nội dung, cách tiến hành).
Tổ chức thực nghiệm sư phạm để đánh giá tính khả thi và hiệu quả của các giải pháp trên trong việc nâng cao chất lượng dạy học bộ môn.

Thành tựu khoa học

Chủ trì một số đề tài khoa học.
Thư ký một đề tài cấp Bộ.
Thư ký dự án cấp Bộ về thiết bị - đồ dùng dạy học cho bộ môn kỹ thuật công nghiệp ở trường phổ thông.
Chủ nhiệm dự án cấp Trường về triển khai việc đổi mới phương pháp dạy học bộ môn.
Tham gia viết trên 10 tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa cho sinh viên, giáo viên và học sinh phổ thông về dạy học bộ môn kỹ thuật công nghiệp ở đại học, cao đẳng và phổ thông.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí.

Dự định khoa học

Nghiên cứu xây dựng và áp dụng những phương pháp tiếp cận mới vào quá trình dạy học bộ môn kỹ thuật ở phổ thông theo định hướng phát triển hứng thú và tư duy của người học để nâng cao chất lượng dạy học bộ môn.

Lời Tiến sĩ

Hợp tác và cạnh tranh, đó là con đường phát triển của mọi ngành khoa học.



PHẠM XUÂN KHÔI

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 08 - 05 - 1934.
Quê quán:
Thanh Tiên - Thanh Chương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay:
Trung Mỹ - Hưng Đông - Thành phố Vinh.

Quá trình công tác

Trưởng bộ môn Nghiên cứu cây trồng.
Trưởng trại, Trung tâm nghiên cứu Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Trung bộ - Viện Khoa học và Kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam.
Chuyên gia nông nghiệp tại Lào.
Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học - Kỹ thuật kiêm Chủ tịch Liên hiệp các hội Khoa học - Kỹ thuật Nghệ Tĩnh.
Phó Chủ nhiệm Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Nghệ An, Ủy viên Hội đồng Trung ương Liên hiệp các Hội khoa học Kỹ thuật Việt Nam.
Chủ tịch Hội Những người làm giống cây trồng Nghệ An.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1965
Tại Học viện Nông nghiệp Timiradep, Matxcơva Liên Xô cũ.
Ngành Sinh vật
Chuyên ngành Nông sinh hoá.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của dinh dưỡng đạm và lân đến thành phần protein và axit amin trong đậu đỗ.

Nội dung

Thí nghiệp về liều lượng đạm và lân bón cho đậu cô ve, phân tích mẫu cây, mẫu hạt về cơ cấu thành phần prôtêin bằng phương pháp chiết xuất với các dung môi khác nhau và phân tích qua cột bột xelulodơ hoạt tính ion trao đổi, phương pháp sắc ký trên giấy nhận thấy liều lượng bón đạm và lân ảnh hưởng đáng kể đến cơ cấu thành phần các prôtêin, các axít amin tự do, ít nhiều ảnh hưởng đến cơ cấu thành phần axít amin của prôtêin tổng, nhưng không ảnh hưởng đến cơ cấu thành phần axit amin của prôtêin. Cơ cấu thành phần axít amin của từng loại prôtêin phụ thuộc vào giống.
Nâng cao chất lượng đạm trong sản phẩm chủ yếu phải bằng con đường chọn tạo giống.

Thành tựu khoa học

Chủ trì và tham gia các đề tài:
Nghiên cứu phát triển các loại cây màu mới nhập nội (lúa mì, mạch ba góc, cao lương, kê...).
Nghiên cứu, phát triển các cây màu có củ cho năng suất cao, phẩm chất tốt.
So sánh chọn lọc các giống lúa chịu hạn (từ tập đoàn lúa chịu hạn của Viện nghiên cứu lúa quốc tế (IRRI).
Kinh tế vườn nhà đa dạng sinh học (chương trình Việt Nam - Hà Lan).
Đề xuất một số chính sách khuyến nông ở Nghệ An.
Huân chương Kháng chiến hạng ba
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học - công nghệ.
Vì sự nghiệp nông nghiệp.

Dự định khoa học

Viết tài liệu khoa học kỹ thuật về cây trồng
Tham gia viết sách: *"Các giống cây trồng và vật nuôi ở Nghệ An thế kỷ 20".*
Chọn lọc đưa vào sản xuất các giống lúa thơm năng suất, chất lượng cao.



VŨ XUÂN KHÔI

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 30 - 07 - 1948.
Quê quán: Yên Lộc - Kim Sơn - Ninh Bình.
Chỗ ở hiện nay: 855/A6 Trần Hưng Đạo - Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Sinh vật Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Học Viện Quân y - Bộ Quốc phòng.
Hiện là thượng tá - Trưởng phòng Sinh thái nhiệt đới Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga (Bộ Quốc phòng) tại thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Sinh thái học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật - Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia Việt Nam.
Ngành Sinh học.

Đề tài luận án

Cơ sở sinh thái và nhân trắc học xây dựng hệ cỡ kích mặt nạ của người Việt Nam.

Nội dung

Con người rất đa dạng. Về hình thái, sự khác biệt giữa các tộc người theo vùng sinh thái được thể hiện khá rõ trên cấu trúc của đầu, mặt. Trong khi đó, người sử dụng mặt nạ cần phù hợp với kích thước đầu, mặt của mình để đảm bảo tính năng khít kín. Theo nhu cầu nhiệm vụ phòng chống chiến tranh NBC cần sản xuất mặt nạ thích hợp với tộc người và các vùng sinh thái Việt Nam. Kết quả xây dựng các chỉ tiêu nhân trắc Ecgonomi đầu mặt người Việt Nam trên cơ sở vùng sinh thái để thiết kế chế tạo mặt nạ phòng độc cùng với hệ cỡ số. Và atlat các dẫn liệu nhân trắc Ecgonomi của 73 dấu hiệu trên đầu, mặt người Việt Nam theo vùng lãnh thổ. Các dẫn liệu khoa học này đã được ứng dụng để thiết kế chế tạo mặt nạ M-66A, BM-95A phòng độc quân sự và phòng hộ dân sự.

Thành tựu khoa học

Các nghiên cứu đã in trong: *"Tuyển tập các công trình khoa học Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga"* (tiếng Việt & tiếng Nga) (đồng tác giả).
Ảnh hưởng của tác động nhân tạo đối với hệ sinh thái rừng miền Nam Việt Nam và đặc điểm hiện trạng các thành phần hệ thực vật.
Đánh giá hiện trạng môi trường thông qua các thành phần hoá học của thực vật hệ sinh thái rừng Việt Nam.
Đặc điểm sinh thái khu hệ động vật gặm nhấm ở một số địa điểm nghiên cứu tại rừng nhiệt đới Đông Nam Bộ Việt Nam.
Một số bài đăng trên các tạp chí:
Nghiên cứu hiện trạng buôn bán, sử dụng hổ và các sản phẩm từ hổ tại khu vực miền Đông Nam Bộ (đồng tác giả).
Nghiên cứu hiện trạng buôn bán, sử dụng voi và các sản phẩm từ voi tại khu vực miền Đông Nam Bộ (đồng tác giả).
Nghiên cứu giải pháp xua đuổi chim để phòng tránh hư hại máy bay do chim gây ra (đề tài cấp Bộ).
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sinh học ứng dụng phục vụ quân sự.

Lời Tiến sĩ

Mong muốn Nhà nước quan tâm đến các vấn đề: Nghiên cứu xây dựng chỉ lệnh dẫn liệu sinh thái tự nhiên từng khu vực của Việt Nam phục vụ quốc phòng. Nghiên cứu tác động của các hoạt động quân sự đến hệ sinh thái tự nhiên để phát triển bền vững sinh thái (ESD) ở Việt Nam.
Nghiên cứu phổng sinh học và chỉ thị sinh học phục vụ cho quân sự và dân sinh.



CAO TẤN KHỔNG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 20 - 04 - 1958.
Quê quán: Mỹ Thạnh - Ba Tri - Bến Tre.
Chỗ ở hiện nay:
Đường Đống Đa - Thị xã Bến Tre.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Tài chính - Kế toán.
Cán bộ Sở Tài chính - vật giá, Phó trưởng phòng Ngân sách; Trưởng phòng Tài chính xây dựng cơ bản; Chi cục phó Chi cục Thuế nông nghiệp.
Phó Giám đốc, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá tỉnh Bến Tre.
Hiện là Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bến Tre.
Hội viên Hội Luật gia Việt Nam.
Hội kế toán Việt Nam.
Hội Sinh vật cảnh Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Tài chính - lưu thông tiền tệ và tín dụng.

Đề tài luận án

Một số vấn đề phân cấp ngân sách giữa trung ương và địa phương trong mối quan hệ với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội.

Nội dung

Phân cấp ngân sách ở Việt Nam còn tồn tại nhiều nhược điểm, đặc biệt là chưa đặt trên nền tảng phân cấp kinh tế - xã hội với các quy định pháp lý chặt chẽ. Chính nhược điểm này làm cho việc điều hành quán triệt ngân sách gặp nhiều trắc trở, mối quan hệ giữa ngân sách trung ương và địa phương không được phân định rõ ràng; dẫn đến tình trạng tập trung nhưng phân tán, gây ra các hiện tượng tiêu cực, thất thoát, lãng phí...
Đổi mới phân cấp quản lý ngân sách nhà nước chỉ có thể đạt đến hiệu quả thật sự nếu công việc đổi mới phân cấp kinh tế - xã hội là điều kiện tiền đề bắt buộc cho quá trình đó, đồng thời phải dựa trên nền tảng coi ngân sách nhà nước là một thể thống nhất, không bị chia cắt.
Việc đổi mới phân cấp quản lý ngân sách phải tuân thủ các nguyên tắc chặt chẽ và ổn định, chi phối toàn bộ quá trình ngân sách nhà nước trên cả 2 mặt: phân định chi và phân định nguồn hình thành ngân sách nhà nước các cấp đồng thời với việc mở rộng quyền hạn của chính quyền địa phương trong việc quyết định và phân bổ ngân sách địa phương.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Xây dựng luận cứ khoa học cho việc hình thành Bộ luật Tài chính (tham gia cấp Bộ).
Hoàn thiện thêm một bước cơ chế quản lý ngân sách xã trong điều kiện áp dụng Luật ngân sách nhà nước (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Huân chương lao động hạng ba.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phân cấp quản lý nhà nước, quản lý kinh tế quyền lực giữa trung ương và địa phương.
Nghiên cứu hệ thống quản lý tài chính - ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương và cơ sở.



NGUYỄN XUÂN KHU

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 05 - 05 - 1938.
Quê quán: Gia Hoà - Gia Viễn - Ninh Bình.
Chỗ ở hiện nay:
17/17 Hương Viên - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Viện Nghiên cứu Lâm nghiệp.
Nghiên cứu sinh tại Học viện Lâm nghiệp Kirốp Lêningrat - Liên Xô cũ.
Trưởng phòng Kỹ thuật Xí nghiệp Chế biến lâm sản Liên hiệp Lâm công nghiệp rừng Sông - Hiếu.
Trạm trưởng Trạm Nghiên cứu bảo quản gỗ.
Trạm Công nghiệp rừng Đông Bắc.
Trưởng phòng Nghiên cứu hoá và bảo quản lâm sản Viện Khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp.
Hiện là Giám đốc Trung tâm Môi trường sinh thái (EENC).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972.
Tại Học viện Lâm nghiệp Kirốp - Leningrát Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Quá trình và cơ giới hoá gia công gỗ, công nghiệp đồ gỗ, vật liệu gỗ.

Đề tài luận án

Nghiên cứu chế độ ngâm tẩm các chất hoá học (thuốc bảo quản) cho gỗ Popylus - Tremula có các ẩm độ khác nhau.

Nội dung

Nghiên cứu khả năng thấm của các chế phẩm như CrCrK (Hỗn hợp các Bicromat Natri và clorua kẽm) Triolít (hỗn hợp của Bicromat Natri và Fluo - Natri)... vào gỗ Popylus - Tremula có các ẩm độ khác nhau: 0%, 10%, 20%, 30%, 40%, 50%, 60%...
Trong điều kiện áp lực không khí bình thường chân không. Đun nóng, ngâm lạnh, tẩm áp lực.
Tìm ra mối tương quan giữa lượng thuốc thấm ở gỗ có các độ ẩm khác nhau trong các chế độ ngâm tẩm có các biến số như:
Thời gian ngâm, thời gian duy trì chân không, trị số độ sâu chân không, thời gian duy trì áp lực, trị số áp lực, thời gian đun nóng, thời gian ngâm lạnh (sau nóng).
Xác định quy luật thấm hoá chất xây dựng phương pháp ngâm tẩm hợp lý.

Thành tựu khoa học

Chủ trì và tham gia một số đề tài:
Nghiên cứu bảo quản gỗ trụ mỏ.
Ứng dụng kỹ thuật phòng trừ mối trong các công trình xây dựng.
Bảo quản gỗ xẻ, gỗ đóng tàu thuyền.
Khả năng thấm thuốc của gần 100 loại gỗ Việt Nam và nước ngoài.
Biên soạn giáo trình lâm sản và bảo quản lâm sản.
Chủ trì soạn thảo một số tiêu chuẩn cấp nhà nước và cấp ngành.
Đã tham gia biên soạn từ điển:
Thuật ngữ Lâm nghiệp.
Từ điển Nông nghiệp.
Trên 30 bài báo, tài liệu đăng ở trong và ngoài nước.



ĐẶNG VŨ KHÚC

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 12 - 4 - 1931.
Quê quán: Đa Tốn - Gia Lâm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay:
102, B13 - Thanh Xuân Bắc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa.
Kỹ sư, Đoàn Địa chất 20, Tổng cục Địa chất.
Phó phòng Cổ sinh địa tầng, Đoàn Địa chất 45.
Nghiên cứu sinh và thực tập sinh Trường Mỏ Lêningrat Liên Xô cũ.
Trưởng phòng Cổ sinh địa tầng Viện Địa chất khoáng sản.
Viện trưởng Viện Thông tin tư liệu địa chất, Tổng cục Địa chất.
Giám đốc Bảo tàng Địa chất, Cục Địa chất Việt Nam.
Hiện là Cộng tác viên khoa học Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Phân hội Cổ sinh địa tầng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1976.
Tiến sĩ Khoa học năm 1990.
Tại Trường Mỏ Lêningrat, Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Địa chất - khoáng vật học.

Đề tài luận án Tiến sĩ

Địa tầng và hoá thạch động vật tầng chứa than Trias ở Tây Bắc Việt Nam.

Tiến sĩ Khoa học

Hệ Trias ở Việt Nam (Địa tầng, hoá thạch động vật và cổ địa lý).

Nội dung

Những nét chủ yếu của cấu trúc địa chất những vùng phát triển trầm tích Trias ở Việt Nam, mô tả những mặt cắt Trias chính, đưa ra những phức hệ hoá thạch động vật đặc trưng cho từng đoạn của các mặt cắt đó, so sánh các kiểu mặt cắt Trias ở Việt Nam với các vùng lân cận để chuẩn hoá sự phân chia và định tuổi các trầm tích.
Đưa ra các sơ đồ cổ địa lý Việt Nam và các nước lân cận trong 5 giai đoạn của kỷ Trias và phân vùng sinh địa lý của khu vực này. Các khoáng sản hình thành trong Trias có ở Việt Nam.
Luận án là công trình tổng hợp đầu tiên về địa tầng, cổ sinh và cổ địa lý lãnh thổ Việt Nam trong kỷ Trias.

Thành tựu khoa học

Đã xác lập và mô tả 74 giống và loài mới trong khoa học thuộc ngành thân mềm.
Đã xác lập và mô tả 11 phân vị địa tầng mới.
Chủ biên của 8 đầu sách về cổ sinh địa tầng (đồng tác giả) 6 đầu sách về địa chất và địa tầng.
2 bản đồ địa chất tỷ lệ 1: 1.000.000.
3 từ điển.
Tác giả và đồng tác giả 94 bài báo đăng ở trong và ngoài nước, tham gia biên soạn phần địa chất trong *Từ điển Bách khoa Việt Nam.*
Được phong Giáo sư năm 1991.
Huy chương Kháng chiến hạng nhất.
Huân chương Kháng chiến hạng hai.
Huân chương Lao động hạng ba.

Dự định khoa học

Chủ trì soạn *Từ điển địa chất* 4 thứ tiếng (Việt - Anh - Pháp - Nga).
Tham gia lập Bản đồ địa chất Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Nước ta có đội ngũ nghiên cứu cơ bản mạnh. Tuy nhiên đội ngũ này đang mỏng dần đi, ngành nào cũng thấy thiếu người kế thừa. Có thể do lớp trẻ giỏi hướng dần sang kinh doanh, sang những ngành ứng dụng dễ giàu có, thành đạt. Có thể do Nhà nước chưa có chính sách đãi ngộ thích hợp cho nghiên cứu cơ bản, chưa có hướng nghiệp chiến lược cho thanh niên.



ĐỖ VĂN KHƯƠNG

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 18 - 9 - 1949.
Quê quán: Thái Thịnh - Thái Thụy - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 60 Lương Khánh Thiện - Hải Phòng.

Quá trình công tác

Nghiên cứu viên phòng Nghiên cứu Tảo biển, Viện Nghiên cứu Hải sản, Bộ Thuỷ sản.
Phó trưởng phòng Sinh học thực nghiệm, Trưởng phòng Nghiên cứu Tảo (kiêm Giám đốc Trung tâm Rong biển Việt - Xô), Giám đốc Trạm Nghiên cứu Thuỷ sản nước lợ - Viện Nghiên cứu Hải sản.
Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hải sản.
Hiện là Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hải sản.
Thành viên của nhóm công tác bảo tồn nguồn lợi biển (MRC WG) thuộc APEC.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985
Tại Trường Đại học Tổng hợp Ernst - Motitz - Arndt Greifswald, CHLB Đức.
Ngành Thực vật biển
Chuyên ngành Công nghệ sinh học tảo hiển vi.

Đề tài luận án

Nghiên cứu phản ứng của tảo Chlorella vulgaris trong hệ thống nuôi tảo tự động.

Nội dung

Thiết kế chế tạo hệ thống nuôi tảo hiển vi tự động hoàn chỉnh từ giai đoạn tự động tẩy rửa đến thu hoạch tảo. Hệ thống này cũng tự động thực hiện các phương pháp nuôi tảo khác nhau nhưng nuôi gián đoạn và nuôi liên tục.
Nghiên cứu đánh giá sinh trưởng và phát triển của tảo trong hệ thống tự động từ đó điều chỉnh tối ưu hoá các điều kiện nuôi, các giải pháp phòng và chống nhiễm bẩn trong hệ thống nuôi tảo hiển vi.
Nghiên cứu thiết kế hệ thống nuôi tảo hiển vi đa chức năng vừa có thể tự động nuôi thu sinh khối tảo, vừa có thể sử dụng làm hệ thống thử đánh giá mức độ ô nhiễm của môi trường nước và không khí, trong đó tảo hiển vi được sử dụng làm sinh vật chỉ thị.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu:
Đặc điểm sinh học, công nghệ nuôi sinh khối một số loài tảo Silic làm thức ăn cho ấu trùng tôm biển.
Đặc điểm sinh học, kỹ thuật sản xuất giống và trồng rong câu chỉ vàng (Gracilaria verrucosa).
Áp dụng kỹ thuật mới sản xuất thử rong câu ở qui mô lớn.
Xây dựng quy trình nuôi bán thâm canh và quảng canh cải tiến tôm nướng (Penacus orientalis).
Xây dựng mô hình kinh tế kỹ thuật về nuôi trồng hải sản phù hợp với hệ sinh thái vùng triều các tỉnh ven biển miền Bắc.
Công nghệ sản xuất giống và nuôi một số loài cá biển có giá trị kinh tế cao (cá vược, cá giò, cá song mỡ...).
Sách đã xuất bản:
Đồng tác giả:
Nguồn lợi Thuỷ sản Việt Nam.
Tuyển tập báo cáo khoa học về biển.
Các công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật thuỷ sản.
Tuyển tập các công trình nghiên cứu nghề cá biển.
Taxonomy, Ecology and Processing of Red Seaweeds.
Thành viên giải thưởng Nguyễn Bỉnh Khiêm.
Thành viên giải thưởng công trình "Nghiên cứu xây dựng công nghệ sản xuất giống một số loài tôm biển".
Huy chương Vì sự nghiệp phát triển nghề cá.

Dự định khoa học

Nghiên cứu biển và nghề cá.



TRẦN HẬU KIÊM

Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 7 - 6 - 1939.
Quê quán: Thạch Phú - Thạch Hà - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay:
29 đường Tân Khai - Thanh Trì - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Học viên Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc.
Chuyên viên Phòng Tuyên huấn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chuyên viên Vụ Công tác chính trị, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
Nghiên cứu sinh Trường Kinh tế Quốc dân Pơlêkhanốp Matxcơva.
Chuyên viên Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Hiệu trưởng Trường Cán bộ Thanh tra nhà nước.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Pơlêkhanốp Matxcơva.
Chuyên ngành Triết học

Đề tài luận án

Một số vấn đề về giáo dục đạo đức Mácxít và giáo dục đạo đức cho sinh viên Việt Nam.

Nội dung

Một số vấn đề lý luận của đạo đức Mácxít như phạm trù, nguyên tắc đạo đức và các mối quan hệ đạo đức với chính trị, khoa học, tôn giáo, pháp luật.
Thực trạng sa sút đạo đức trong một bộ phận sinh viên Việt Nam như mờ nhạt về lý tưởng, có lối sống thực dụng, thiếu hoài bão, thiếu ý thức tổ chức kỷ luận trong học tập lao động và sinh hoạt. Một số giải pháp giáo dục đạo đức sinh viên, nhằm xây dựng, tư tưởng, đạo đức, lối sống cao đẹp, gắn liền với trình độ hiểu biết, năng lực lao động sáng tạo của sinh viên Việt Nam trong công cuộc đổi mới đất nước.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm một số đề tài cấp Bộ:
Vận dụng tâm lý học vào hoạt động thanh tra.
Hoàn thiện và đổi mới giáo trình nghiệp vụ thanh tra.
Xây dựng nội dung, chương trình, giáo trình giảng dạy của Trường Cán bộ Thanh tra.
Sách đã xuất bản:
Chủ biên:
Các dạng đạo đức xã hội.
Hỏi và đáp về đạo đức học.
Tâm lý học thanh tra (tác giả).
Quản lý Nhà nước và pháp luật.
Nghiệp vụ công tác thanh tra.
Đạo đức học.
Văn bản quản lý Nhà nước trong hoạt động thanh tra.
Chứng cứ trong hoạt động thanh tra (tác giả).
Hoạt động Thanh tra nhân dân (Nxb Chính trị Quốc gia).
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
Huân chương Lao động hạng ba.

Dự định khoa học

Biên soạn sách Quy luật hình thành đạo đức, và vấn đề giáo dục đạo đức cho sinh viên.



NGUYỄN ĐÌNH KIỆM

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 01 - 5 - 1947.
Quê quán: Bách Thuận - Vũ Thư - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.
Giảng viên Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.
Trưởng bộ môn Tài chính Công nghiệp, Xây dựng - Giao thông vận tải.
Trưởng khoa Tài chính Doanh nghiệp.
Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1958
Tại Trường Đại học Kinh tế Các Mác, Hungary.
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng

Đề tài luận án

Cấp phát và cho vay vốn lưu động đối với các xí nghiệp công nghiệp.

Nội dung

Các doanh nghiệp nhà nước được ngân sách nhà nước bảo đảm vốn ban đầu. Hungary là nước có nền kinh tế mở cửa tương đối sớm so với các nước XHCN, tính tự chủ, tự quản của các xí nghiệp ngày càng được đề cao, việc đảm bảo vốn lưu động đối với các doanh nghiệp nhà nước không chỉ có nguồn ngân sách mà còn từ nhiều nguồn khác như lợi nhuận để lại được bổ sung vào vốn lưu động hàng năm, nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh hạch toán và kinh doanh có lãi. Việc đảm bảo vốn bằng nguồn tín dụng ngân hàng cũng được chú trọng, doanh nghiệp có thể lựa chọn các hình thức tín dụng ngân hàng để bổ sung vốn trong những trường hợp thiếu vốn tạm thời và có hiệu quả.

Đề cao tính tự chủ tài chính của doanh nghiệp, biến quá trình cấp phát vốn của ngân sách nhà nước thành quá trình tự cấp phát, tự trang trải. Đây cũng là bài học kinh nghiệm cho việc đảm bảo vốn hoạt động của doanh nghiệp ở Việt Nam trong nền kinh tế thị trường.

Thành tựu khoa học

Biên soạn một số giáo trình tài chính doanh nghiệp.
Chủ trì một số hội thảo khoa học ở trường quanh chủ đề "Đổi mới cơ chế quản lý tổ chức doanh nghiệp".
Nhiều bài đã đăng ở các tạp chí, trong và ngoài nước.
Hướng dẫn luận văn thạc sỹ, luận án tiến sĩ và sinh viên tốt nghiệp.
Được phong Phó giáo sư năm 1996.
Nhà giáo ưu tú năm 1997.
Huy chương kháng chiến hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp tài chính.
Vì sự nghiệp giáo dục.
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Dự định khoa học

Biên soạn sách giáo khoa, giáo trình tài chính, kế toán.
Giảng dạy đại học, trên đại học và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.



LÊ CHÍ KIÊN

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 26 - 12 - 1937.
Quê quán: Xuân Thành - Thọ Xuân - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: P1, B13 - Tập thể Trường Đại học Tổng hợp - Cầm Hội - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Hoá Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hội viên Hội Hoá học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành Hoá học
Chuyên ngành Hoá học vô cơ

Đề tài luận án

Nghiên cứu sự tạo phức trong một số hệ ion lantanit (III) - anion axit - bazo hữu cơ và áp dụng chúng trong việc xác định riêng biệt một số ion lantanit.

Nội dung

Nghiên cứu các điều kiện hình thành trong dung dịch và tổng hợp các phức chất bậc hai giữa ion lantanit (III) với các anion axetylsalixilat, antranilat, phức chất hỗn hợp giữa ion lantanit (III) với anion axetylsalixilat và một số bazơ hữu cơ dị vòng: O phenantrolin, antipyrin, điantipyrilmetan (Ln^{3+}: La^{3+}, Ce^{3+}, pr^{3+}, Nd^{3+}, Sm^{3+}, Eu^{3+}, Gd^{3+}, Tb^{3+}, Dy^{3+}, Ho^{3+}, Er^{3+}, Yb^{3+} và Y^{3+}).

Các phương pháp nghiên cứu chính là chỉ thị kim loại, chiết - trắc quang, độ dẫn điện phân tử, phổ hấp thụ electron và hồng ngoại. Áp dụng hệ phức chất "ion Ln^{3+} axetylsalixilat - o - phenantrolin" để xác định riêng biệt các nguyên tố La, Pr, Nd, Sm trong tổng oxit đất hiếm, tách từ quặng đất hiếm Việt Nam bằng phương pháp sắc ký trao đổi ion.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu khoa học:
Tách riêng các nguyên tố đất hiếm từ tổng oxit đất hiếm của Việt Nam (cấp Bộ).
Nghiên cứu sự tạo thành và khả năng thăng hoa của các phức chất đất hiếm để tách và làm sạch chúng (cấp Đại học Quốc gia).
Nghiên cứu hoạt tính sinh học của các phức chất hỗn hợp tạo bởi ion đất hiếm - βđixeton - bazơ hữu cơ (cấp Nhà nước).
Công trình khoa học đã ứng dụng:
Nghiên cứu quy trình sản xuất các hoá chất:
ZnO đạt tiêu chuẩn dược dụng.
$SnCl_2$ để tráng gương trong phích nước.
Tinh chế các hoá chất công nghiệp thành hoá chất tinh khiết.
Sách đã xuất bản:
Các giáo trình: *Hoá học phức chất.*
Thực tập Hoá vơ cơ.
Bài tập Hoá đại cương - vô cơ - Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Nhiều sách tham khảo về hoá học (dịch của Liên Xô, Pháp...).
Tham gia biên soạn:
Từ điển Bách khoa Việt Nam.
Từ điển Hoá học giải tích.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Nhà giáo ưu tú.



TRẦN KIÊN

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 12 - 6 - 1932
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 93 - Trúc Bạch - Hà Nội.

Quá trình công tác:

Tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Giáo viên Trường Sư phạm Trung cấp Trung ương Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy khoa Sinh Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Tổng hợp Lêningrát Liên Xô cũ.
Cán bộ giảng dạy khoa Sinh Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Phó chủ nhiệm khoa Sinh - Kinh tế nông nghiệp, Đại học Sư phạm Hà Nội I, Quyền chủ nhiệm khoa.
Chủ nhiệm khoa Sinh - Kinh tế nông nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Chuyên gia giáo dục ở Lào, Campuchia, Angiêri.
Phó Chủ tịch Hội đồng Động vật Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Sinh học Việt Nam.
Uỷ viên Hội đồng Bộ môn Sinh học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1967
Tại Đại học Tổng hợp Lêningrát
Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học năm 1985
Tại Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.
Chuyên ngành Động vật học.

Đề tài luận án Tiến sĩ khoa học

Sinh học và ý nghĩa kinh tế của rắn hổ mang Châu Á (Naja naja Linnaeus) ở đồng bằng miền Bắc Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu tình trạng phân loại rắn hổ mang Châu Á.
Nội dung sinh thái học bao gồm: Nơi cư trú, hang - Hoạt động ngày đêm và mùa, các tập tính sinh hoạt - Sự sinh sản, các tập tính sinh dục - Sự tăng trưởng - Sự lột xác - Sự dinh dưỡng - Mối quan hệ sinh học của rắn hổ mang với một số động vật có xương sống khác trong tự nhiên.
Kết quả:
Nghiên cứu toàn diện những quy luật sinh sống của rắn hổ mang trong điều kiện nuôi đối chiếu với điều kiện tự nhiên.
Định lượng một cách hợp lý những hiện tượng sinh học mà từ trước tới thời gian đó chưa được nghiên cứu một cách thích đáng (ở các loài ếch nhái, bò sát) như chu kỳ dinh dưỡng, chu kỳ lột xác.
Tìm ra mối tương quan một cách khoa học và hợp lý giữa chu kỳ dinh dưỡng, chu kỳ lột xác trong chu kỳ hoạt động ngày đêm và mùa.
Đã gắn kết được lý thuyết với thực tiễn.
Xây dựng cơ sở khoa học cho từng biện pháp nuôi.
Phát hiện biện pháp tập cho rắn hổ mang ăn được mồi tĩnh và thức ăn hỗn hợp dạng viên.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài:
Sinh thái học rắn hổ mang và quy hoạch nuôi (cấp Bộ).
Khởi thảo các biện pháp nuôi rắn hổ mang và cơ sở sinh học (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu chăn nuôi và bảo vệ các loài bò sát có tầm quan trọng trong kinh tế và quí hiếm ở Việt Nam (cấp Bộ).
Một phần nội dung của đề tài được công bố trong *"Sách đỏ Việt Nam"* Nxb Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội.
Cơ sở sinh thái học của việc chăn nuôi ếch đồng (Rana rugulosa Wiegmann, 1835) và tắc kè Gekko gekco (Linnaeus, 1758) (cấp Nhà nước).
Sách đã xuất bản:
30 đầu sách bao gồm sách chuyên khảo, giáo trình đại học và cao đẳng sư phạm (Động vật có xương sống, Sinh thái học và Môi trường), sách giáo khoa phổ thông, sách hướng dẫn giảng dạy và học tập...
Huy chương vàng và bằng sáng kiến do Liên Xô cấp.
Bằng Lao động sáng tạo.
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Huân chương Lao động hạng nhì.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sinh thái học.
Tìm hiểu quy luật sống của loài gắn với các điều kiện ngoại cảnh và xã hội.
Bảo vệ và thuần hoá các loài động vật hoang dại.
Nghiên cứu tích hợp lý thuyết động vật có xương sống với thực hành trong phòng thí nghiệm.
Biên soạn sách giáo khoa sinh 7 (phần động vật có xương sống).



NGUYỄN NGỌC KIỂNG

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 20 - 11 - 1955.
Quê quán: Phú Yên
Chỗ ở hiện nay: 9/9 Võ Trường Toản - Quận Bình Thạch - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng dạy tại Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991
Tại Học viện VFET Institute Nga.
Ngành Nông nghiệp.
Chuyên ngành Côn trùng học và Sinh thái học

Đề tài luận án

Tính kháng côn trùng của rừng.

Nội dung

Nghiên cứu tính kháng của rừng, tính ổn định của hệ sinh thái rừng và khả năng tự điều chỉnh của hệ sinh thái rừng.
Tính kháng của cây rừng (tĩnh tại, cảm ứng thụ động và tích cực).
Ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên (đất đai, khí hậu...).
Tính không đồng nhất của môi trường (cấu trúc không đồng nhất: nhiều tầng, nhiều cấp tuổi, hỗn loài...); tính đa dạng sinh thái học của sinh vật quần bao gồm thực vật quần, động vật quần và vi sinh vật quần; các mối quan hệ cạnh tranh đặc biệt là các mối quan hệ ngược âm trong hệ sinh thái rừng...

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Tập đoàn côn trùng phá hại rừng thông ba lá ở Lâm Đồng - Đặc điểm và biện pháp phòng chống (cấp Bộ).
Công trình khoa học đã ứng dụng:
Các biện pháp diệt mối có hiệu quả (cho cây trồng, nhà cửa và công trình kiến trúc, đê đập...)
Các biện pháp phòng chống côn trùng phá hại rừng thông, bạch đàn, keo lá tràm...
Sách đã xuất bản:
Phòng và chống mối.
Diệt trừ các côn trùng có hại sống quanh ta.
Một số phương pháp cần thiết trong nghiên cứu khoa học - Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
Tối ưu hoá các quá trình sản xuất - Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh.
Thống kê học trong nghiên cứu khoa học - Nxb. Giáo dục.
Giáo trình đại học và cao học
Côn trùng học trong lâm nghiệp
Thực hành phân loại côn trùng.
Thống kê học ứng dụng: Các kiểu mẫu thí nghiệm.
Thực hành các kiểu mẫu thí nghiệm trên phần mềm Statgraphics và Excel.
Thống kê học ứng dụng: Thiết lập các mô hình toán học.
Thực hành thiết lập các mô hình toán học trên phần mềm Statgraphics và Excel.
Các phương pháp tối ưu hoá.
Thực hành các phương pháp tối ưu hoá trên phần mềm Statgraphics và Excel.
Toán - Thống kê sinh vật: Lý thuyết xác suất.
Toán - Thống kê sinh vật: Thống kê.
Toán Kinh tế: Quy hoạch tuyến tính - (Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh).

Dự định khoa học

Nghiên cứu cơ chế kháng sâu bệnh của rừng.
Bảo tồn tài nguyên đa dạng sinh học và đa dạng hoá thành phần các loài động vật, thực vật, vi sinh học... trong các hệ sinh thái rừng nghèo nàn, đơn điệu hiện nay.

Lời Tiến sĩ

Có các sáng tạo, phát minh khoa học là nhờ làm việc theo "trường phái" chứ không phải theo "bè phái". Nếu làm việc theo "trường phái" chúng ta sẽ xây dựng được đội ngũ các thế hệ khoa học gia giỏi. Nếu làm việc theo "bè phái" chúng ta sẽ tạo ra các nhà "học phiệt" bất tài, độc đoán, cơ hội.



NGUYỄN ANH KIỆT

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 08 - 04 - 1939.
Quê quán: Tiên Tân - Duy Tiên - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 201 B3b Tập thể Đống Xa - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Toán Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hiện là giảng viên chính Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1973
Tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Matxcơva, Liên Xô cũ.
Ngành Toán.
Chuyên ngành Tôpô - Hình học

Đề tài luận án

Phân loại cơ bản đều của các không gian mê tơ rích đầy và các ánh xạ liên tục đều.

Nội dung

Xây dựng lý thuyết shapes đối với các không gian mê tơ rích đầy và các ánh xạ liên tục đều. Để làm việc đó, đã xây dựng các khái niệm dẫy cơ bản đều và quan hệ đồng luân đều đối với các dẫy. Từ đó nhận được phân loại cơ bản đều đối với các phép nhúng đều đóng và các lớp các dẫy. Với sự giúp đỡ của phân loại này ta nhận được quan hệ tương đương cơ bản đều của các không gian đầy và quan hệ cơ bản đều của các ánh xạ, và nhận được phân loại cơ bản đều của các không gian và các lớp ánh xạ.
Mối quan hệ giữa phân loại cơ bản đều được xây dựng ở đây và phân loại cơ bản nhận được với sự giúp đỡ của đồng luân. Một trong những kết quả cơ bản là: phân loại cơ bản đều nhận được ở đây thô hơn phân loại đồng luân đều và chúng trùng nhau đối với các extensions lân cận tuyệt đối đều.

Thành tựu khoa học

Đồng tác giả các giáo trình:
Đại số tuyến tính và hình học giải tích. Nhóm ngành 1 Đại học Quốc gia Hà Nội - Đại học Đại cương,
Toán đại cương phần một. *Đại số tuyến tính và hình học giải tích (Nhóm ngành 1).*
Đại số tuyến tính và hình học giải tích - Bài tập Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
Một số bài đăng trên tạp chí trong và ngoài nước.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.



HOÀNG ĐỨC KIỆT

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 07 - 05 - 1938.
Quê quán: Liên Ninh - Thanh Trì - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 35 Ngõ 40 - Phan Đình Giót - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Trưởng khoa Điện quang Bệnh viện I tỉnh Nam Hà.
Bệnh viện Hữu nghị Việt Xô.
Hiện là Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh Bệnh viện Hữu nghị.
Uỷ viên Ban chấp hành Tổng Hội Y Dược học Việt Nam.
Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Điện quang và Y học hạt nhân Việt Nam.
Uỷ viên Hội đồng Khoa học Bộ Y tế.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Điện quang các nước Đông Nam Á.
Hội Điện quang các nước châu Á, châu Đại Dương.
Hội viên Hội Điện quang Pháp.
Hội viên Tổ chức giảng dạy điện quang các nước nói tiếng Pháp.
Được phong Phó Giáo sư năm 1992

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983
Tại Trường Đại học Rostock, Cộng hoà dân chủ Đức cũ.

Đề tài luận án

Khả năng phát hiện của kỹ thuật khám X quang dạ dày tiên tiến đối với bệnh loét dạ dày tại Việt Nam.

Nội dung

Dựa trên kỹ thuật khám X quang hiện đại xây dựng một kỹ thuật chuẩn trong khám X quang dạ dầy nhằm phát hiện loét và phân biệt loét lành với loét ung thư.
Kết quả nghiên cứu cho thấy độ chính xác của kỹ thuật đạt 85,3% chung cho loét dạ dày, dương tính giả 2,7% và âm tính giả 12%.
Trong chẩn đoán ung thư dạ dầy thể loét, kỹ thuật này đã đạt độ chính xác 71,9%, trong đó có 7,5% ung thư sớm.
Phân tích 30 dấu hiệu X quang đối chiếu với phẫu thuật, đã rút ra 16 dấu hiệu có giá trị trong phân biệt loét lành và loét ung thư, được kiểm định bằng toán thống kê.
Luận án đề xuất một kỹ thuật khám X quang dạ dầy chuẩn phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Áp dụng kỹ thuật chụp X quang cắt lớp vi tính và phổ biến rộng rãi trong nước.
Áp dụng kỹ thuật chẩn đoán bằng cộng hưởng từ tại Hà Nội.
Bằng Lao động sáng tạo.
Huân chương Lao động hạng ba.
Thầy thuốc nhân dân.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, giảng dạy, viết sách về chẩn đoán hình ảnh.



PHẠM VĂN KIỀU

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 19 - 03 - 1939.
Quê quán: Hải Phương - Hải Hậu - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 302 B3b - Tập thể Đống Xa - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Đại học Sư phạm Vinh.
Trường Sư phạm 10+2 Nam Hà.
Trường Đại học Sư phạm 2 Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Tiệp Khắc cũ
Tổ trưởng tổ toán ứng dụng, khoa Toán Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1974
Tại Đại học Tổng hợp Praha - Tiệp Khắc cũ.
Ngành Toán.
Chuyên ngành xác suất thống kê

Đề tài luận án

The central limit theorem for controlled markov and semimarkov processes.

Nội dung

Luật số lớn và định lý giới hạn trung tâm đối với xích Markov không thuần nhất điều khiển được.
Sự hội tụ yếu phân phối của quá trình được thiết lập từ hàm thu hoạch về phân phối của quá trình khuyếch tán.
Định lý giới hạn trung tâm đối với quá trình nửa Markov điều khiển được.
Những vấn đề ở chương I được mở rộng sang không gian trạng thái là đếm được.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Lý thuyết xác suất và thống kê toán học.
Giáo trình lý thuyết xác suất và thống kê toán.
Lý thuyết xác suất và thống kê toán học. Nxb Khoa học kỹ thuật.
Đồng tác giả:
Nhập môn xác suất và thống kê - Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
Xác suất thống kê (giáo trình).
Lí luận dạy học môn toán (tập I).
Giáo trình toán cao cấp (tập I, II).
Giáo trình toán cao cấp 2 (hệ đại học từ xa) Nxb. Giáo dục.
Một số bài đã đăng trên các tạp chí và thông báo khoa học.

Dự định khoa học

Biên soạn giáo trình cao học chuyên ngành xác suất thống kê.



BÙI VĂN KIM

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 10 - 03 - 1953.
Quê quán: Thanh Trì - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Thanh Trì - huyện Thanh Trì - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Xây dựng Kiép Liên Xô cũ.
Kỹ sư cơ điện Công ty Đá-cát-sỏi, Bộ Xây dựng.
Thực tập sinh và nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Xây dựng Kiép, Liên Xô cũ.
Phó phòng Kinh tế kế hoạch, Phó Giám đốc.
Hiện là Giám đốc Trung tâm Khoa học công nghệ xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam.
Hội viên Hội Xây dựng Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991
Tại Trường Đại học Xây dựng Kiép, Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Tự động hoá quá trình công nghệ và sản xuất.

Đề tài luận án

Chẩn đoán thuật toán điều khiển các quá trình công nghệ sản xuất trong xây dựng.

Nội dung

Nghiên cứu đề suất các phương pháp, chương trình chẩn đoán các thuật toán điều khiển ở giai đoạn thiết kế và hiệu chỉnh các hệ vi xử lý tự động điều khiển các quá trình công nghệ sản xuất ngành xây dựng.
Phân tích các phương pháp và mô đen chẩn đoán các hệ tự động điều khiển công nghệ, sản xuất, các mô đen biểu diễn tri thức về các phần tử và quá trình điều khiển trong hệ chẩn đoán, nghiên cứu ngôn ngữ mô hình hoá để xây dựng các hệ vi xử lý chẩn đoán.
Kết quả nghiên cứu cho phép tăng chất lượng và hiệu quả điều khiển trong các hệ tự động điều khiển quá trình công nghệ sản xuất ngành xây dựng.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Quy hoạch phát triển bê tông thương phẩm ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh (cấp Bộ).
Nghiên cứu biến động môi trường do phát triển đô thị và công nghiệp hoá tại khu vực Hạ Long - Quảng Ninh - Hải Phòng - đề tài nhánh - cấp Nhà nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu kỹ thuật xử lý chất thải rắn đô thị và khu công nghiệp.
Nghiên cứu khai thác hệ thống tự động điều khiển quá trình công nghệ sản xuất trong xây dựng.



HOÀNG TRỌNG KIM

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 04 - 12 - 1948.
Quê quán: Xuân Đài - Điện Bàn - Quảng Nam.
Chỗ ở hiện nay: 10 Nam Quốc Cang - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y khoa Sài Gòn.
Trưởng khoa Nhi, Bệnh viện tỉnh Bình Thuận.
Bệnh viện tỉnh Thuận Hải.
Trưởng Ban Khoa học kỹ thuật tỉnh Thuận Hải.
Chủ nhiệm bộ môn Nhi Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.
Nhà giáo ưu tú năm 2000
Phó Chủ tịch Hội Tim mạch Việt Nam.
Uỷ viên Hội đồng Khoa học kỹ thuật tim mạch quốc gia Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Nhi khoa Việt Nam.
Tổng thư ký Hội Nhi khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Cố vấn Tổ chức y tế thế giới vùng Châu Á Thái Bình Dương.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Nhi khoa

Đề tài luận án

Nghiên cứu bệnh Thấp tim và sách lược phòng chống.

Nội dung

Nghiên cứu các khía cạnh dịch tễ học, lâm sàng, cận lâm sàng và điều trị của bệnh thấp tim hiện nay trên thế giới, ở Việt Nam, đề suất sách lược phòng chống bệnh thấp tim cho trẻ em Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Trên 40 công trình đã báo cáo và đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế.

Hướng dẫn nhiều luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ.

Bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp II

Sách đã xuất bản:

2 đầu sách giáo khoa đại học.

3 đầu sách giáo khoa sau đại học.

Nhiều giáo trình, giáo án đại học, sau đại học.

Chủ trì nhiều Hội nghị nhi khoa quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh, Thái Lan, Malaysia, Tokyo, Bắc Kinh.

Bằng khen của Hội đồng Khoa học - kỹ thuật Việt Nam về đề tài: Điều trị suy dinh dưỡng trẻ em bằng tảo Spirulina platensis.

Dự định khoa học

Nghiên cứu và giảng dạy nhi khoa đặc biệt là bệnh tim mạch ở trẻ em.



NGUYỄN HUY KIM

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 16 - 9 - 1935.
Quê quán: Hưng Hoà - Tam Nông - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay:
8 tổ 3 - Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Trưởng ban Khoa học kinh tế kỹ thuật Tổng cục Đường sắt.
Phó chủ tịch Uỷ ban Hợp tác đường sắt quốc tế ở Vacsava, Balan.
Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu thiết kế đường sắt.
Uỷ viên Ban chấp hành: Hội Cơ khí đầu máy toa xe.
Phân hội Cơ học ứng dụng.
Hội viên Hội Cơ học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1977
Tại Trường Đại học giao thông Dresden, Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Ngành Cơ khí giao thông.
Chuyên ngành Dao động ngẫu nhiên đầu máy toa xe.

Đề tài luận án

Nghiên cứu về dao động ngẫu nhiên của đầu máy toa xe và đoàn tầu.

Nội dung

Trước đây nghiên cứu về dao động đầu máy toa xe và đoàn tầu đều dựa vào lý thuyết dao động điều hoà, giả thuyết đường tầu biến đổi theo đường sin. Lý thuyết này đã đơn giản hoá tính toán và dùng được khi đoàn tầu chuyển động với tốc độ thấp, nhưng không phù hợp với biến động nền đường - nguyên nhân gây nên kích động dao động - biến đổi mấp mô ngẫu nhiên.
Tốc độ đoàn tầu ngày một nâng cao, nhiều nước đã nghiên cứu dao động đoàn tầu theo lý thuyết dao động ngẫu nhiên.
Dao động ngẫu nhiên về đầu máy toa xe được ứng dụng ở nhiều nước và bắt đầu ở Việt Nam. Đồng thời được giảng dạy ở đại học, sau đại học giao thông vận tải.

Thành tựu khoa học

Nhiều bài viết về dao động ngẫu nhiên đầu máy toa xe đã đăng trên các tạp chí của Đức và Việt Nam.
Giảng dạy đại học, sau đại học, hướng dẫn nghiên cứu sinh
Thành viên các Hội đồng chấm luận án tiến sĩ, thạc sĩ giao thông.
Chủ nhiệm một số đề tài nghiên cứu của Bộ Giao thông vận tải.
Đồng chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước:
Nghiên cứu chế tạo giá chuyển hướng toa xe.
Bằng Lao động sáng tạo.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học kỹ thuật công nghệ.
Vì sự nghiệp giao thông vận tải.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.

Dự định khoa học

Tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh và các hoạt động khoa học phù hợp.



NGUYỄN NHƯỢC KIM

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 24 - 10 - 1950.
Quê quán:
Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 63b Lãn Ông - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Đại học Y Hà Nội.
Phó chủ nhiệm bộ môn Y học cổ truyền Trường Đại học Y Hà Nội.
Phó chủ nhiệm khoa Nội - Viện Y học cổ truyền Việt Nam.
Hội viên Hội Châm cứu Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Đông y Việt Nam.
Hội Tiêu hoá Hà Nội.
Hội Gan mật Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Bệnh học nội khoa.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu bản chất của hiện tượng thực bào tiểu cầu trong xơ gan.

Nội dung

Nghiên cứu bản chất của hiện tượng thực bào tiểu cầu của các bạch cầu ở máu ngoại vi như là một cơ chế bổ sung, gây ra giảm tiểu cầu trong xơ gan.
Xem xét sự tham gia của các yếu tố miễn dịch và đông máu trong hiện tượng thực bào tiểu cầu.
Hiện tượng thực bào tiểu cầu do bạch cầu đa nhân trung tính và bạch cầu đơn nhân thực hiện.
Cơ sở thực bào tiểu cầu, chủ yếu do phản ứng miễn dịch tế bào không đặc hiệu và phản ứng miễn dịch tế bào đặc hiệu với các phức hợp kháng nguyên, kháng thể trên bề mặt tiểu cầu.
Ngoài cơ chế miễn dịch bệnh lý, còn có khả năng làm do hiện tượng phụ thuộc tương hỗ giữa hoạt tính của AT III và thrombin. Sự giảm sút chắc chắn hoạt tính của AT III sẽ tạo điều kiện cho thực bào tiểu cầu và giảm tiểu cầu trong xơ gan.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Thương hàn luận
Cách sử dụng thuốc
Kim quỹ yếu lược - Nxb Y học.
Đề tài nghiên cứu:
Nhận xét sơ bộ về điều trị thăm dò 21 bệnh nhân viêm gan mạn tính và xơ gan bằng thuốc y học cổ truyền.
So sánh tác dụng điều trị hội chứng rối loạn lipid máu của bài thuốc giảng chỉ ẩm với lypanthyl.
Tác dụng điều trị suy giảm tinh trùng và bài thuốc sinh tinh thang.
Tác dụng chống ho và long đờm của sirô CT trên lâm sàng.
Tác dụng điều trị huyết áp thấp thứ phát của bài tăng áp thang.
Điều trị viêm gan mạn tính và xơ gan giai đoạn còn bù bằng bài thuốc nghiệm phương y học cổ truyền.
Tác dụng của thuốc MD trên bệnh nhân tăng huyết áp đơn phát.
Tác dụng điều trị viêm họng đỏ cấp tính bằng thuốc y học cổ truyền.
Tác dụng bài thuốc thập nhất vị giải độc thận điều trị thận hư nguyên phát.
Tác dụng điều trị viêm dạ dày mạn tính của thuốc Weitai 999.

Dự định khoa học

Nghiên cứu y học cổ truyền và kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại.



PHAN THỊ KIM

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 01 - 6 - 1945.
Quê quán: Tùng Ảnh - Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 26, ngõ 43 Kim Đồng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Trợ lý nghiên cứu, Viện Nghiên cứu ăn mặc quân đội.
Nghiên cứu sinh tại Viện Hàn lâm Y học Matxcơva, Liên xô cũ.
Cán bộ nghiên cứu Viện Vệ sinh phòng dịch quân đội.
Trưởng phòng Dinh dưỡng - Điều trị, Ủy viên Hội đồng khoa học Viện Dinh dưỡng.
Phó Viện trưởng, Chủ tịch Hội đồng khoa học Viện Dinh dưỡng.
Thành viên uỷ ban Codex Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Tiêu chuẩn và bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam.
Phó chủ tịch Hội Khoa học kỹ thuật an toàn thực phẩm Việt Nam.
Được phong Phó Giáo sư năm 1992.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1980
Tại Viện Hàn lâm Y học Matxcơva Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Dinh dưỡng và Vệ sinh thực phẩm.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của chế độ ăn được bổ sung đậu tương trên bệnh nhân viêm gan.

Nội dung

Nghiên cứu tính ưu việt của protein trong đậu tương chứa đầy đủ axit amin cần thiết để bù đắp sự thiếu hụt protein máu ở các bệnh nhân mắc bệnh gan có rối loạn chuyển hoá protein, giảm protein máu. Đậu tương chứa 18% lipit, chủ yếu là các axit béo chưa no nên dễ hấp thụ, cả 2 yếu tố axit amin cần thiết và axit béo chưa no chứa trong lipit đậu tương đã góp phần điều chỉnh sự rối loạn chuyển hoá của gan.
Thực phẩm được bệnh nhân sử dụng là bánh mỳ có chứa một tỷ lệ đậu tương. Kết quả so sánh trước và sau thời gian thực nghiệm nội trú tại bệnh viện cho thấy thể trạng chung của bệnh nhân được cải thiện rõ rệt. Chức năng gan có xu hướng trở lại bình thường, các men chuyển hoá ở gan không tăng cao như khi mới nhập viện. Protein máu trở về mức bình thường (trước điều trị thấp hơn mức bình thường là 20-30%).

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm 2 đề tài cấp Nhà nước, 2 đề tài cấp Bộ.
Tham gia 4 đề tài cấp Nhà nước, 4 đề tài cấp Bộ, 1 cấp Ngành.
Chủ nhiệm dự án:
Hoàn thiện quy trình sản xuất bột dinh dưỡng giàu men tiêu hoá.
Đồng tác giả và biên soạn trên 10 đầu sách.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, đào tạo, biên soạn sách về vệ sinh an toàn thực phẩm và dinh dưỡng.



HOÀNG VĂN KỲ

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 16 - 02 - 1953.
Quê quán: Tứ Xã - Lâm Thao - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: 217 Hoàng Mai - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ ban Cơ yếu Chính phủ
Giám đốc Trung tâm Tin học
Phân viện trưởng.
Chủ nhiệm khoa.
Trưởng phòng - Tổng công ty Bưu chính Viễn thông.
Hội viên Hội Tin học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988
Tại Trường Đại học Bách khoa Kiep - Ucraina.
Chuyên ngành Máy tính, hệ thống và mạng.

Đề tài luận án

Phương pháp và các phương tiện nâng cao tính dung sai của các hệ thống máy tính nhiều modul.

Nội dung

Nâng cao tính dung sai và độ tin cậy của các hệ thống máy tính nhiều modul.
Đề xuất phương pháp chuyển vị, một phương pháp mới, hiệu quả trong việc đảm bảo khả năng dung sai.
Chỉ rõ các phương thức điều khiển, cấu trúc kết nối giữa các modul, mức độ dự phòng cho phép nâng cao chỉ số tin cậy của hệ thống máy tính nhiều modul.
Thiết lập các biểu thức toán học xác định các chỉ số tin cậy của các hệ thống máy tính dung sai độc lập.
Đề xuất phương pháp tổ hợp đánh giá độ tin cậy các hệ thống máy tính dung sai độc lập, có phạm vi áp dụng rộng hơn so với phương pháp chuỗi Markov.
Kết quả có thể sử dụng để lựa chọn giải pháp kỹ thuật, nâng cao tính dung sai và phân tích các hệ thống máy tính dung sai nhiều modul.



TRƯƠNG THẾ KỶ

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 03 - 04 - 1939.
Quê quán: Phong Hoà - Phong Điền - Thừa Thiên.
Chỗ ở hiện nay: 400/18 Đường Cách mạng tháng Tám - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Dược Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Rumani.
Chủ nhiệm bộ môn Hoá hữu cơ Đại học Y - Dược Thành phố Hồ Chí Minh.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Khoa học thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979.
Tại Trường Đại học Bách khoa Timisoara, Rumani.
Ngành Hoá học.
Chuyên ngành Hoá hữu cơ. Tổng hợp hữu cơ.

Đề tài luận án

Cơ chế phản ứng và tổng hợp hợp chất dị vòng từ Arylcianat.

Nội dung

Arylcyanat Ar-O-CN là este của acid cianic HO - CN. Từ Arylcyanat tiến hành phản ứng cộng hợp ái nhân với các tác nhân có 2 chức amin - NH_2 hoặc 2 chức - OH và NH_2. Sự đóng vòng xảy ra và tạo thành hợp chất dị vòng Aminobenzoimidazol hoặc Aminobenzoxazol. Trong luận án đề xuất phương pháp mới tổng hợp este Arylctyanat và đã tổng hợp nhiều chất thuộc dị vòng Benzoimidazol và Benzoxazol. Đồng thời đề xuất và thực nghiệm chứng minh cơ chế phản ứng đóng vòng. Các thông số nhiệt động học, động hoá học đã làm sáng tỏ cơ chế phản ứng được đề xuất. Luận án đã đóng góp mới về cơ chế phản ứng và tổng hợp các chất dị vòng có ứng dụng trong lĩnh vực y - dược - và nông nghiệp.

Thành tựu khoa học

Trên 40 công trình khoa học về lĩnh vực tổng hợp dị vòng và cơ chế phản ứng được công bố trên các tạp chí, hội nghị khoa học trong và ngoài nước.
Một số qui trình sản xuất tinh dầu, Dietylphtalat tối ưu, thuốc xua muỗi Mosex được ứng dụng ở một số cơ sở sản xuất, có hiệu quả kinh tế.
Đề tài nghiên cứu:
Tổng hợp hợp chất dị vòng chứa vòng pyrimidindion khả năng có tác dụng kháng HIV (cấp Bộ).
Sách đã xuất bản:
Hoá học hữu cơ.
Hoá lập thể.
Danh pháp hoá học hữu cơ.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp nghiên cứu khoa học.
Vì sự nghiệp y tế.
Nhà giáo ưu tú.

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học chuyên ngành.
Tham gia đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.



HÀ KÝ

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 13 - 05 - 1934.
Quê quán: Phổ Hoà - Đức Phổ - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 103 Tập thể Bộ Thuỷ sản - 57 Ngọc Khánh - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Trạm Nghiên cứu cá nước ngọt Trung ương.
Giảng viên khoa Nuôi thuỷ sản - Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Lêningrat Liên Xô cũ.
Trưởng bộ môn Nghiên cứu ký sinh trùng và bệnh cá; Trạm trưởng Trạm Nghiên cứu cá nước ngọt Trung ương.
Vụ trưởng Vụ Khoa học kỹ thuật, Cục trưởng Cục Bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản, Bộ Thuỷ sản.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Ký sinh trùng học Việt Nam; Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Nghề cá Việt Nam; Uỷ viên Uỷ ban sông Mêkông của Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1969
Tại Viện Động vật học, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô cũ.
Ngành Sinh vật học.

Đề tài luận án

Khu hệ ký sinh trùng của một số loài cá nước ngọt miền Bắc Việt Nam và phương pháp phòng, trị một số bệnh cá quan trọng.

Nội dung

Nghiên cứu toàn diện khu hệ ký sinh trùng và phương pháp phòng, trị một số bệnh cá quan trọng ở 16 loại cá kinh tế của miền Bắc Việt Nam.
Phân loại xác định được 120 loại ký sinh trùng thuộc 34 họ, 26 bộ, 48 giống, 10 lớp. Trong đó: 42 loài mới, 01 giống mới đối với khoa học, xác định được 02 họ phụ mới. Nêu mối tương quan giữa tỷ lệ và cường độ cảm nhiễm ký sinh trùng với các điều kiện sinh học của yếu tố sinh thái môi trường.
Nghiên cứu phòng trị có kết quả 05 bệnh cá quan trọng thường gặp.

Thành tựu khoa học

Phó chủ nhiệm chương trình cấp Nhà nước về tôm và rong câu.
Chủ nhiệm chương trình cấp Nhà nước bệnh tôm, cá.
Sách đã xuất bản:
Một số bệnh thường gặp ở cá giống và cách phòng trị.
Chẩn đoán và phòng trị một số bệnh cá, tôm, - Nxb Nông nghiệp.
Từ điển Bách khoa Nông nghiệp (tham gia).
Từ điển Bách khoa Việt Nam (tham gia) Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam.
Nguồn lợi thuỷ sản Việt Nam (đồng tác giả), NXB. Nông nghiệp.
Giải thưởng Nhà nước về công trình: Nghiên cứu xây dựng công nghệ sản xuất giống một số loài tôm biển.
Huân chương kháng chiến hạng ba.
Huân chương lao động hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp nghề cá.



LÊ ĐÌNH KÝ

Tiến sĩ Quân sự

Sinh ngày: 21 - 4 - 1954.
Quê quán: Hồng Thái, Phú Xuyên, Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 4 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đà Lạt - Lâm Đồng.

Quá trình công tác

Học viên Học viện Lục quân, Bộ Quốc phòng.
Giảng viên Học viện Lục quân.
Nghiên cứu sinh tại Học viện Lục quân.
Phó chủ nhiệm khoa Hậu cần kỹ thuật, Học viện Lục quân.
Hiện là Chủ nhiệm khoa Hậu cần kỹ thuật, Học viện Lục quân.
Ủy viên Hội đồng khoa học, Học viện Lục quân, Bộ Quốc phòng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Học viện Lục quân, Bộ Quốc phòng.
Ngành Quân sự.
Chuyên ngành Chiến thuật.

Đề tài luận án

Trung đoàn bộ binh tập kích ở địa hình rừng núi miền đông Nam Bộ.

Nội dung

Khảo sát đặc điểm địa lý quân sự vùng rừng núi miền đông Nam Bộ.

Phân tích các yếu tố biên chế, khả năng của eBB và thế trận khu vực phòng thủ.
Luận án đã đề xuất cách đánh của eBB tập kích ở địa hình rừng núi miền đông Nam Bộ. Dự báo dBB Mỹ tạm dừng ở miền đông thường cấu trúc vành đai binh hoả lực mạnh.
Giải quyết vấn đề mấu chốt của eBB tập kích.
Tiếp cận bí mật, bất ngờ, tổ chức hoả lực chế áp ngắn, đánh nhiều hướng, nhiều mũi nhưng nhất định phải tập trung đủ mạnh cho từng mũi đột kích, kiên quyết chọc thủng từng mảng vành đai xe tăng thiết giáp địch, đưa lực lượng ta vào thung thâm diệt sớm sở chỉ huy địch, nhanh chóng tiêu diệt gọn quân địch.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài huấn luyện đã được Bộ Tổng tham mưu và Học viện Lục quân sử dụng:
Đảm bảo kỹ thuật của eBB tăng cường binh khí kỹ thuật, tiến công phòng ngự ở rừng núi.
Đảm bảo kỹ thuật eBB phòng ngự ở địa hình rừng núi.
Đảm bảo hậu cần eBB vận động tiến công ở địa hình rừng núi.
Đảm bảo kỹ thuật eBB phòng ngự bờ biển.
Chương 13 - 14 Giáo trình eBB vận động tiến công.
Chương 13 - 14 Giáo trình eBB tập kích.
Kinh nghiệm đảm bảo hậu cần kỹ thuật eBB tiến công Quang Thạch.
Tổng kết trận đánh (tập 1).

Dự định khoa học

Nghiên cứu giảng dạy hậu cần kỹ thuật.
Nghiên cứu lý luận chiến thuật, chiến dịch trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc.



NGUYỄN ĐỨC LA

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 8 - 10 - 1945.
Quê quán: Phú Lương - Lương Tài - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 26 ngõ 142 Nguyễn Ngọc Nại - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Chiến sĩ Quân chủng Phòng không - Không quân.
Học viên Học viện Không quân Giucốpxki, Liên Xô.
Trợ lý kỹ thuật, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân;
Nghiên cứu sinh tại Học viện Không quân Giucốpxki Liên Xô;
Trưởng khoa Học viện Phòng không - Không quân;
Hiện là Phó Giám đốc Học viện Phòng không - Không quân.
Hội viên Hội Khoa học công nghệ tự động Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.
Tại Học viện Không quân Giucốpxki, Liên Xô.
Ngành Thiết bị hàng không
Chuyên ngành Điều khiển tự động

Đề tài luận án

Nhận dạng các đặc tính động học của máy tập lái hàng không.

Nội dung

Nghiên cứu phương pháp mới đánh giá trạng thái kỹ thuật của máy tập lái hàng không áp dụng máy tính số và thuật toán nhận dạng.
Chọn tín hiệu thử thích hợp tác động vào đầu vào của đối tượng kiểm tra, ở đầu ra sẽ thu được các phản ứng tương ứng. Các tín hiệu đầu vào và đầu ra của đối tượng kiểm tra qua thuật toán nhận dạng, máy tính số xử lý quá trình trên và cho bộ thông số về đặc tính khí động đối tượng kiểm tra, chỉ ra các đặc tính bị sai lệch cần hiệu chỉnh.
Kết quả đã được áp dụng để kiểm tra trạng thái kỹ thuật của máy tập lái hàng không đạt hiệu quả cao, giảm đáng kể cường độ lao động và cho kết quả kiểm tra chính xác.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu khai thác, sửa chữa và đưa vào sử dụng hệ thống dẫn đường quán tính hướng IKV-1 trên máy bay 8U-22 (đề tài cấp Quân chủng).
Từ điển kỹ thuật hàng không Nga - Việt.
Tổ chức bảo đảm và khai thức thiết bị hàng không (giáo trình Học viện Không quân).
Đánh giá trình độ phi công ở chế độ điều khiển tự động vào hạ cánh (báo cáo).
Nghiên cứu đổi mới chương trình đào tạo kỹ sư không quân (đề tài cấp Quân chủng).
Nghiên cứu xây dựng các thí nghiệm hệ thống điều khiển tự động máy bay (đề tài cấp Quân chủng).
Một số bài viết đã công bố:
Đánh giá quá trình quá độ của máy bay trong chuyển động dọc trục khi có tác động của gió đứng.
Nhận biết các tham số của hệ thống mô hình động học bay.
Nhận biết các đặc tính tuyến tính hoá từng đoạn của hệ thống động học nhiều kênh.
Đánh giá quá trình quá độ của máy bay trong chuyển động ngang.
Khảo sát ảnh hưởng của hành trình máy lái đến quá trình quá độ điều khiển cao độ máy bay.

Dự định khoa học

Nghiên cứu những đặc tính, tham số của các hệ thống động học nhiều kênh.
Điều khiển tối ưu khí cụ bay.



TRƯƠNG VĂN LÃ

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 20 - 7 - 1942.
Quê quán: Đồng Lạc - Chợ Đồn - Bắc Cạn.
Chỗ ở hiện nay: 308/B3 tập thể Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Công tác tại Uỷ ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước.
Viện Sinh vật học, Viện Khoa học Việt Nam.
Thực tập sinh tại Viện Hình thái Tiến hoá Ceverxốp Matxcơva Liên Xô cũ.
Cán bộ Trung tâm Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật.
Hiện là cán bộ nghiên cứu Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật (Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia).
Hội viên Hội Động vật học Việt Nam.
Thành viên Trung tâm Nghiên cứu động vật ẩn sinh và động vật quý hiếm Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật - Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Ngành Sinh vật học
Chuyên ngành Động vật học.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu nhóm chim trĩ và đặc điểm sinh học, sinh thái của gà rừng tai trắng [Gallus gallus gallus (Linnaeus)], trĩ bạc [Lophura nycthemera nycthemera (Linnaeus)], công (Pavo muticus imperator Delacour) ở Việt Nam và biện pháp bảo vệ chúng.

Nội dung

Luận án đã thống kê được ở Việt Nam hiện có 20 loài và phân loài trĩ. Khu hệ nhóm chim trĩ Việt Nam mang tính chất hỗn hợp các yếu tố Ấn Độ - Mã Lai, Trung Hoa và tính đặc hữu cao. Luận án đã chỉ ra sự phân bố của các loài trĩ theo 6 vùng địa lý, 11 kiểu sinh cảnh chính ở Việt Nam và phân tích tính phụ thuộc của chúng đối với tính chất địa lý, địa hình nước ta, tình hình thức ăn, nơi ở trong các kiểu sinh cảnh.
Mặt sinh học, sinh thái của gà rừng tai trắng, trĩ bạc, công. Luận án đã đưa ra những nhận xét về phân bố, đặc điểm cấu trúc, tổ chức đàn theo số lượng, giới tính, nơi và vùng sống, các tập tính sinh hoạt, thức ăn, nhu cầu ăn uống, sinh trưởng, phát triển và khẳng định ý nghĩa kinh tế, vai trò sinh thái của 20 loài và phân loài trĩ nước ta. Cung cấp nhiều nhận xét xác đáng về đặc điểm, tính chất, mối quan hệ của khu hệ chim trĩ ở Việt Nam với các vùng lân cận. Bổ sung nhiều tư liệu cho khoa học về sinh học, sinh thái trong thiên nhiên và nuôi nhốt. Góp phần phục vụ giảng dạy, học tập ở các trường học, chương trình bảo vệ đa dạng sinh học của nhóm chim trĩ và đa dạng sinh học của thiên nhiên Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Tham gia một số chương trình nghiên cứu:
Sinh thái và khu hệ động vật Việt Nam (cấp Bộ).
Xây dựng cơ sở khoa học cho việc sử dụng hợp lý tài nguyên động vật của hệ sinh thái rừng thường xanh nhiệt đới (cấp Quốc gia).
Nghiên cứu khoa học cơ bản và đa dạng sinh học của Trung tâm Nhiệt đới Việt - Xô (cấp Quốc gia).
Lập cơ sở khoa học việc bảo vệ khôi phục sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường.
Bảo vệ và phát triển hợp lý đa dạng sinh học Việt Nam (cấp Quốc gia).
Phát triển chăn nuôi động vật hoang dại ở Tây Nguyên và các tỉnh khác ở miền Bắc Việt Nam (cấp Quốc gia).
Soạn thảo Động vật chí Việt Nam và biên soạn Sách Đỏ Việt Nam (cấp Bộ).
Nhân nuôi bảo vệ, phục hồi và phát triển những loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng và giá trị kinh tế cao (cấp Bộ).
Sách đã xuất bản
Khẩu phần thức ăn cho một số loài thuộc họ trĩ (Phasianidae) trong điều kiện nuôi.
Bảo vệ và phát triển lâu bền nguồn tài nguyên động vật rừng Việt Nam. Nxb Khoa học kỹ thuật.
Nhận dạng động vật bị buôn bán (TRAF FIC). Nxb Nông nghiệp.
Bằng khen về bảo tồn và phát triển nguồn gen động vật tại Vườn thú Hà Nội.
Giải ba VIFOTEC.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sinh học, sinh thái một số loài động vật hoang dại quý hiếm ở Việt Nam làm cơ sở cho việc bảo vệ phục hồi và nhân nuôi phát triển các nguồn gen quý hiếm.
Nghiên cứu khu hệ và đa dạng sinh học của các loài chim hoang dại ở Việt Nam.



NGUYỄN CAO LẠC

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 6 - 11 - 1942.
Quê quán: Bồi Sơn, Đô Lương, Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 305/K1 phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học tại Tiệp Khắc.
Công tác quản lý lưu học sinh Việt Nam tại Tiệp Khắc.
Công tác tại Vụ Lưu học sinh Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Bách khoa Praha Tiệp Khắc.
Hiện công tác tại Vụ Sau đại học - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983.
Tại Đại học Bách khoa Praha Tiệp Khắc.
Ngành Cơ khí.
Chuyên ngành Chế tạo máy.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của dao doa, điều kiện cắt và nước làm lạnh đến chất lượng lỗ doa.

Nội dung

Điểm lại những kết quả nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng bề mặt gia công nói chung và lỗ tròn có độ chính xác cao.

Nghiên cứu về lỗ doa. Về mặt lý thuyết những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến lỗ doa có dao doa, điều kiện cắt và nước làm lạnh.
Luận án đi sâu nghiên cứu cụ thể về dạng hình học của dao, vật liệu làm dao. Chế độ cắt (tốc độ) có ảnh hưởng tới chất lượng. Nước làm lạnh bao gồm chất làm lạnh, tỷ lệ giữa các thành phần làm lạnh.
Sau khi phân tích ảnh hưởng của dao cắt, điều kiện cắt đến nước làm lạnh, tác giả tiến hành thực nghiệm.
Đánh giá kết quả thực nghiệm bằng phương pháp xác suất thống kê.
Kết luận những yếu tố cơ bản đã ảnh hưởng đến chất lượng bề mặt lỗ doa và ảnh hưởng như thế nào đến lỗ doa có độ tròn, độ nhẵn. Trên cơ sở đó giúp người thiết kế dao doa phù hợp, chọn chế độ cắt thích hợp và sử dụng nước làm lạnh nào là tốt nhất.
Kết quả nghiên cứu đã được công bố trên *Tạp chí Cơ khí* tại Tiệp Khắc.

Lời Tiến sĩ

Được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý và chỉ đạo công tác đào tạo sau đại học. Tôi luôn trăn trở về đội ngũ cán bộ có trình độ tiến sĩ của chúng ta. Đội ngũ này chưa đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi của xã hội. Đặc biệt là các ngành kỹ thuật. Một trong những ngành đòi hỏi thực nghiệm lớn, trong khi đó máy móc thiết bị của chúng ta lạc hậu, cũ kỹ. Vì vậy, để có một số lượng lớn cán bộ có trình độ cao cho ngành kỹ thuật, Nhà nước cần đầu tư thích đáng cho trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.



LÊ NHƯ LAI

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 20 - 7 - 1938.
Quê quán: Xuân Lũng - Lâm Thao - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: 323 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội; Cán bộ giảng dạy Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội; Nghiên cứu sinh và thực tập sinh cao cấp tại Cộng hòa dân chủ Đức; Chủ nhiệm khoa Đại học tại chức; Trưởng phòng Đào tạo kiêm giám đốc Trung tâm Đào tạo tại chức, Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội; Tham gia đào tạo sau đại học và hướng dẫn nghiên cứu sinh. Uỷ viên Ban chấp hành Hội Địa chất Việt Nam. Tổng thư ký Hội Kiến tạo Việt Nam.
Được phong Giáo sư năm 1991 - Nhà giáo ưu tú năm 1994.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972
Tiến sĩ Khoa học năm 1983.
Tại Viện Hàn lâm Mỏ Freiberg, CHDC Đức cũ.
Ngành Địa chất
Chuyên ngành Thạch học, Kiến tạo.

Đề tài luận án Tiến sĩ
Phân tích kiến tạo đường xẻ hành tinh giữa Riesa và Meissen.

Luận án Tiến sĩ Khoa học
Các phương pháp kiến tạo hiện đại và vận dụng chúng để phân tích địa kiến tạo ria Tây và Tây Nam Thái Bình Dương.

Nội dung

Đề xuất các phương pháp: Xác định độ co ép trong biến dạng; Vị trí không gian của lực kiến tạo; Hướng chuyển động của đứt gẫy;
Nghiên cứu biến dạng theo biểu đồ lực; Mô hình hoá các kiểu địa động lực kiến tạo mảng.
Phân chia ria Tây và Nam Thái Bình Dương thành các mảng Đông Á, Đông Nam Á, và Tây Thái Bình Dương.
Các mảng đó lại được phân thành các phụ mảng giới hạn với nhau bởi các đứt gẫy hoặc đường khâu kiến tạo.
Từng đơn vị cấu trúc được mô tả địa tầng, magma, kiến tạo, sinh khoáng và các giai đoạn phát triển theo quan điểm động. Từ 55 cột địa tầng của các mảng và các khu vực chủ yếu, 8 mặt cắt kiến tạo mảng và tài liệu của các đứt gẫy lớn, tác giả đưa ra bản đồ phân vùng kiến tạo, có ý nghĩa quan trọng đối với việc phân tích địa động lực và tìm kiếm khoáng sản ở vùng nghiên cứu.

Thành tựu khoa học

Trên 90 bài báo, báo cáo khoa học đã công bố ở trong và ngoài nước; 30 giáo trình đại học, sau đại học đã xuất bản; Tham gia biên soạn 3 từ điển chuyên môn.
Chủ trì các đề tài cấp Nhà nước.
Sinh khoáng Tây Bắc Việt Nam.
Kiến tạo và sinh khoáng Tây Bắc Việt Nam theo các học thuyết mới.
Địa chất đô thị Sơn La; Địa chất đô thị Điện Biên; Phần Địa chất (Đề án phát triển giao thông thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh); Bản đồ kiến tạo Biển Việt Nam và lân cận tỷ lệ 1:1.000.000.
Chủ nhiệm các đề án:
Điều tra đánh giá hiện trạng môi trường vùng Phong Châu, Vĩnh Phú và biện pháp phòng chống.
Báo cáo tổng hợp điều tra môi trường Việt Trì.
Báo cáo kết quả điều tra môi trường khu vực Phúc Yên - Xuân Hoà - Bắc Thăng Long Nội Bài.
Báo cáo kết quả điều tra môi trường khu vực rừng Tam Đảo.
Ứng dụng thành công nhiều nghiên cứu phục vụ sản xuất Tìm khoáng sản và nước ngầm.
Hướng dẫn tốt nghiệp kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ.
Tham gia nhiều hội đồng chấm luận án tiến sĩ ở trong và ngoài nước.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất; Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục, Vì sự nghiệp địa chất.

Dự định khoa học

Nghiên cứu thuyết kiến tạo lý hợp trên cơ sở vận dụng và phát triển lý thuyết đàn hồi, lưu biến và cơ học quay xung quanh trục vật thể rắn để phân tích các cấu trúc hội tụ, tách giãn và dịch trượt của vỏ trái đất; Xây dựng hệ thống tin học, trên cơ sở thuyết kiến tạo lý hợp, Kiến tạo mảng để tìm khoáng sản.
Viết sách giáo khoa.

Lời Tiến sĩ

Việt Nam còn nhiều tài nguyên khoáng sản kể cả kim cương chưa được phát hiện. Kiến thức và phương pháp hiện có của chúng ta chưa đủ để nghiên cứu và phát hiện hết tài nguyên đất nước.



NGUYỄN ĐẠI LAI

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 2 - 4 - 1955.
Quê quán: Quang Trung, Kiến Xương, Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: P104 - Nhà E - ngõ Quan Thổ 1 - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Kế hoạch Hà Nội.
Chuyên viên Kinh tế - Viện Khoa học kinh tế thuỷ lợi - Bộ Thuỷ lợi.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Chuyên viên chính Vụ Nghiên cứu kinh tế - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
Trưởng phòng Tài vụ Vụ Chiến lược phát triển ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
Giảng viêm kiêm chức Học viện Ngân hàng.
Tham gia nhiều Hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học các cấp, hướng dẫn nghiên cứu sinh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Chuyên ngành Giá cả thị trường và Marketing (ngành vật giá).

Đề tài luận án

Sử dụng công cụ giá cả thị trường trong kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam.

Nội dung

Xoá bỏ giá bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường, lấy quan hệ lợi ích làm mục tiêu và các qui luật thị trường làm động lực trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam - trước hết là quan hệ giữa các doanh nghiệp nhà nước với tư cách là người bán với các thành phần kinh tế khác là người mua và ngược lại... thiết lập *"Lược đồ về các quan hệ phổ biến của quá trình tái sản xuất hàng hoá trong cơ chế thị trường"* ở Việt Nam. Lấy các loại hình doanh nghiệp nhà nước có tính bao cấp điển hình (như ngân hàng, giao thông, điện lực, thông tin và đặc tả là các "Công ty thuỷ nông" để xuất đổi tên thành các "xí nghiệp khai thác thuỷ lợi" làm đối tượng nghiên cứu, minh hoạ để xây dựng, đề xuất các công thức xác định giá và phân tích các quá trình chuyển đổi cơ chế trong kinh doanh theo cơ chế mới.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Vì sao chưa có thị trường chứng khoán ở Việt Nam - Bốn kiến nghị với Nhà nước và Chính phủ.
Tiếp tục cải cách chính sách lãi suất thích ứng với cơ chế thị trường ở Việt Nam năm 1994 và những năm tiếp theo (chủ nhiệm - đề tài cấp Viện).
Cần phải sớm hình thành thị trường chứng khoán có tổ chức ở Việt Nam.
Tỷ giá hối đoái năm 1993 và dự báo cho năm 1994.
Về cơ chế điều hành của hệ thống các ngân hàng Việt Nam trong nền kinh tế thị trường.
Qui hoạch tổng thể kinh tế vùng đồng bằng sông Hồng (tham gia).
Hệ thống ngân hàng Việt Nam với chiến lược tạo vốn trong và ngoài nước (tham gia).
Tổng kết hai pháp lệnh ngân hàng và vấn đề cấp bách phải xây dựng luật ngân hàng Việt Nam (tham gia).
Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 1999 và những vấn đề đặt ra cho năm 2000 nhìn từ góc độ ngân hàng.
Đề xuất những đường nét cơ bản của chiến lược phát triển tiền tệ - ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2001 đến 2010.
Một số nét tổng quan về hoạt động ngân hàng ở nước ta từ 1975 đến nay.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chính sách tiền tệ thích hợp nhất cho quá trình vận hành một nền kinh tế tiền tệ ở Việt Nam.
Cơ chế tỷ giá hối đoái và chính sách quản lý ngoại hối nào thích ứng với chiến lược phát triển ngân hàng Việt Nam.
Chiến lược đổi mới cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam như thế nào khả dĩ phù hợp với công nghệ điều hành chính sách tiền tệ mới của ngân hàng trung ương.

Lời Tiến sĩ

Thế giới đang vận động theo hướng loài người càng ngày càng sống chung một "mái nhà" theo hướng phân công lao động quốc tế mạnh mẽ, phân bố thông tin một cách dày đặc và cập nhật, phân bố trí tuệ một cách nhạy bén và khoa học, thay cho sự cát cứ và chật hẹp của biên giới lãnh thổ là quá trình phi biên giới hoá hầu hết các lĩnh vực thuộc đời sống văn hoá, tinh thần và xuất hiện nhiều vấn đề toàn cầu khác. Các dòng hàng hoá, các dòng vốn và các dòng tri thức kinh tế không ngừng luân chuyển theo qui luật thị trường giữa các châu lục góp phần làm cho các nền văn minh và tri thức khoa học ngày càng trở thành tài sản chung của nhân loại.
Nơi được hưởng lợi nhiều hơn sẽ thuộc về quốc gia, dân tộc nào biết coi trọng nhân tố con người với tư cách là nguồn năng lực biết hấp thụ nhiều hơn.



NGUYỄN VĂN LAI

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 15 - 3 - 1958.
Quê quán: Xuân Phong - Xuân Trường - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: B6 khu C2 Trung Liệt - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tài chính kế toán.
Công tác tại Ban Kiến thiết khu công nghiệp dầu khí Vũng Tàu.
Giáo viên Trường Kinh tế kỹ thuật quân đội.
Trưởng phòng Kế hoạch Tài vụ Công ty Dầu khí 2.
Trưởng phòng Tài chính kế toán và Kiểm toán Công ty Giám sát các hợp đồng chia sản phẩm dầu khí.
Hội viên Hội Kế toán Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Quản lý và Kinh tế hoá nền kinh tế quốc dân.

Đề tài luận án

Những giải pháp chủ yếu nhằm huy động vốn trong nước phục vụ phát triển kinh tế Việt Nam.

Nội dung

Luận giải lý luận và thực tiễn về vai trò quan trọng của việc huy động vốn trong nước.
Vai trò của vốn trong nước đối với sự nghiệp phát triển kinh tế.
Thực trạng huy động và sử dụng vốn trong nước ở nước ta thời gian qua.
Những giải pháp cơ bản nhằm thu hút vốn trong nước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế đất nước.
Kinh nghiệm của một số nước huy động vốn trong nước để rút ra bài học đối với nước ta.
Xác định chiến lược tạo vốn trong nước, cần quan tâm đến ba hướng:
Phát triển tự do thương mại theo luật pháp.
Xây dựng hệ thống các ngân hàng kinh doanh hiện đại.
Xây dựng, kiện toàn cơ cấu nhà nước có quyền lực đủ mạnh.

Thành tựu khoa học

Một số bài đăng trên các tạp chí khoa học:
Giải pháp tín dụng tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị.
Cung cấp thêm một số lợi ích cho khách hàng trong thanh toán không dùng tiền mặt.
Hai mặt của thị trường chứng khoán.
Một số ý kiến về xây dựng chính sách quản lý ngoại hối của Việt Nam.
Xây dựng chính sách thuế trên cơ sở các quan điểm thu hút nguồn vốn để phát triển kinh tế.
Một số ý kiến về cơ chế quản lý vay, trả nợ nước ngoài của Việt Nam.

Dự định khoa học

Hoàn thiện luận án tiến sĩ để có thể xuất bản sách: "Những giải pháp huy động và sử dụng vốn ở trong nước phục vụ đổi mới kinh tế đất nước".



DƯƠNG DANH LAM

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 20 - 8 - 1955.
Quê quán: Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay:
15/6 Hoàng Văn Thụ - Thành phố Vũng Tàu.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Dầu hoá Bacu Adecbaigian Liên Xô cũ.
Cán bộ giảng dạy bộ môn Khoan - Khai thác, khoa Dầu khí, Trường Đại học Mỏ - Địa chất - Hà Nội.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Dầu hoá Bacu Adecbaigian.
Cán bộ giảng dạy bộ môn Khoan - Khai thác, khoa Dầu khí, Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Chuyên viên chính phòng Công nghệ khai thác - Viện Nghiên cứu và thiết kế dầu khí biển - Xí nghiệp Liên doanh dầu khí Vietsovpetro.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989
Tại Trường Đại học Dầu hoá Bacu Adecbaigian.
Chuyên ngành Công nghệ và cơ khí hoá toàn bộ khai thác dầu khí.

Đề tài luận án

Nghiên cứu, lựa chọn và ứng dụng những hợp chất nhớt - đàn hồi nặng trong các quá trình công nghệ khai thác dầu khí.

Nội dung

Nghiên cứu các hợp chất nhớt - đàn hồi nặng có tỷ trọng trong khoảng 1200 - 2100 kg/m^3 để có thể sử dụng làm packer trong giếng khai thác dầu, làm sạch cát và các tạp chất cơ học lắng đọng trong cột ống khai thác, đồng thời dùng để làm chất dập giếng trong điều kiện nhiệt độ cao và áp suất lớn với mục đích nâng cao các chỉ số công nghệ làm việc của giếng.
Đề xuất phương pháp xung để tháo packer được làm bằng chất nhớt - đàn hồi nặng ra khỏi giếng khai thác dầu. Sử dụng chất nhớt - đàn hồi để rửa cát và các tạp chất cơ học lắng đọng trong các đường ống bề mặt dẫn dầu thuộc mỏ dầu Kirốp, Adecbaigian đã mang lại hiệu quả kinh tế - kỹ thuật đáng kể.

Thành tựu khoa học

Tham gia thực hiện nhiều đề tài khoa học về công nghệ khai thác dầu của Xí nghiệp Liên doanh dầu khí Vietsovpetro.
Trên 20 bài báo đã đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước.
Sách đã xuất bản:
Công nghệ và kỹ thuật khai thác dầu khí.
Nxb Giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học nâng cao hệ số thu hồi dầu từ các mỏ Bạch Hổ và Rồng.



NGUYỄN LÃM

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 23 - 10 - 1935.
Quê quán:
Hương Thái - Hương Trà - Thừa Thiên Huế.
Chỗ ở hiện nay: 2/17 Hồng Hà - Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Sĩ quan Cục Tuyên huấn, Tổng cục Chính trị.
Thực tập sinh, nghiên cứu sinh Trung tâm Tính toán, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.
Trưởng phòng Toán học tính toán, Uỷ ban Khoa học kỹ thuật Nhà nước.
Giám đốc Trung tâm Toán - Máy tính quân đội.
Phó cục trưởng Cục Khoa học - Công nghệ - Môi trường quân đội.
Hiện là Chủ nhiệm khoa Công nghệ thông tin Trường Đại học dân lập Văn Lang.
Phó Chủ tịch Hội Tin học Việt Nam.
Được phong Giáo sư năm 1992.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1967
Tại Viện Toán Steklop, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.
Ngành Đảm bảo toán học cho máy tính điện tử.

Đề tài luận án

Giải bài toán chuyển động chất lỏng với đáy không đều.

Nội dung

Viết phương trình chuyển động chất lỏng trong dòng chảy với đáy không đều. Đây là một bài toán phi tuyến. Bài toán này không giải được bằng phương pháp đúng.
Phương pháp gần đúng được chọn để giải bài toán này là phương pháp hệ thức tích phân.
Kết quả tính toán được thực hiện trên máy tính điện tử Strela.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Phương pháp số giải bài toán chuyển động chất lỏng (Liên Xô cũ).
Phương pháp số giải bài toán chuyển động chất lỏng với đáy không đều (Liên Xô cũ).
Tính áp lực lên vật chuyển động trong nước.
Lý thuyết lập trình cho máy tính điện tử (đồng tác giả). Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp.
Những ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, thẩm định và quản lý dự án (cấp Nhà nước).
Tin học trong quân sự. Nxb Quân đội nhân dân.
Các quá trình thông tin trong quân sự và hướng hoàn thiện chúng.
Công nghệ phần mềm và chiến lược phát triển ở nước ta.
Từ điển tin học Anh - Pháp - Việt. Nxb Quân đội nhân dân.
Phần tin học trong *Tự điển Khoa học kỹ thuật Anh - Việt.* Nxb Khoa học kỹ thuật.
Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, quản lý điều hành một trường đại học dân lập.
Dự án xây dựng trung tâm đào tạo nhân lực công nghệ phần mềm cho thành phố Hồ Chí Minh (chủ trì).
Giáo trình lý luận nghề nghiệp công nghệ thông tin.
Tiêu chuẩn mã hoá chữ Nôm (chủ trì).
Tiêu chuẩn thuật ngữ công nghệ thông tin (tham gia chủ trì).

Dự định khoa học

Tham gia xây dựng chương trình đào tạo công nghệ thông tin ở các trường đại học.
Viết tài liệu, giáo trình công nghệ thông tin.



NGUYỄN THỊ LAN

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 24 - 4 - 1952.
Quê quán: Tân Ước - Thanh Oai - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Trường Đại học Nông nghiệp I - Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp kỹ sư Trồng trọt, Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy khoa Trồng trọt - Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Nông nghiệp Brno Cộng hoà Séc.
Cán bộ giảng dạy bộ môn Sinh thái môi trường - khoa Nông học.
Phó Trưởng khoa Đào tạo tại chức - Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991
Tại Trường Đại học Nông nghiệp Brno,
Cộng hoà Séc.

Đề tài luận án

Phân tích di truyền các tính trạng số lượng trong sơ đồ lai Diallel với ngô.

Nội dung

Nghiên cứu 9 tổ hợp lai khác nhau, khảo sát 14 tính trạng số lượng khác nhau. Kết quả đã tìm ra được mối quan hệ giữa các tính trạng với năng suất ngô và chọn được tổ hợp có năng suất cao phục vụ công tác tuyển chọn giống phục vụ sản xuất của đất nước Tiệp Khắc.

Thành tựu khoa học

Tham gia viết giáo trình cao học về sinh thái nông nghiệp và bảo vệ môi trường.
Giáo trình cho cao học môn phương pháp thí nghiệm và thống kê sinh vật.
Chủ trì đề tài cấp Bộ:
Nghiên cứu ảnh hưởng của một số biện pháp kỹ thuật canh tác tới năng suất, chất lượng và môi trường đất.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Giảng dạy và nghiên cứu khoa học nông nghiệp.



NGUYỄN VĂN LAN

Tiến sĩ Luật học

Sinh ngày: 28 - 8 - 1956
Quê quán: Diễn Xuân - Diễn Châu - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: B12 - P8B tập thể Yên Lãng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Học Trường Sĩ quan Cảnh sát nhân dân - Bộ Công an.
Học Khoa học Hình sự - Trường Đại học Tổng hợp Berlin.
Giảng dạy tại Trường Đại học Cảnh sát nhân dân - Bộ Công an.
Công tác tại Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Kadan - Liên bang Nga.
Công tác tại Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an.
Hiện là thượng tá công tác tại cơ quan thường trực Ban chỉ đạo Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998.
Tại Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Kadan - Liên bang Nga.
Ngành Luật học.
Chuyên ngành Luật Tố tụng hình sự, Khoa học hình sự và lý luận về các hoạt động điều tra nghiệp vụ.

Đề tài luận án

Dấu vết hình sự và sử dụng chúng trong chứng minh các vụ án hình sự ở Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu lý luận cơ bản trong học thuyết về chứng cứ và dấu vết hình sự như: khái niệm về chứng cứ, các loại chứng cứ; lịch sử nghiên cứu, sử dụng dấu vết hình sự; cơ chế hình thành dấu vết, phân loại dấu vết hình sự; điều kiện để dấu vết trở thành chứng cứ và ý nghĩa to lớn của dấu vết hình sự trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.
Nghiên cứu những đặc điểm riêng trong quá trình thu thập, bảo quản, giám định, khai thác sử dụng dấu vết hình sự ở Việt Nam và những điểm còn bất cập.
Làm rõ những vấn đề còn bất cập trong các quy phạm pháp luật điều chỉnh các hoạt động phát hiện, thu thập, bảo quản, giám định và sử dụng dấu vết hình sự ở nước ta. Kiến nghị cần phải sửa đổi bổ sung điều 125; 126 Bộ luật Tố tụng hình sự; bổ sung thêm một số quy phạm pháp luật điều chỉnh các hoạt động thu mẫu giám định; quyền được biết về quyết định trưng cầu giám định để thực hiện quyền được đề nghị thay đổi giám định viên theo điều 34, khoản 3 Bộ Luật Tố tụng hình sự; các hoạt động tố tụng hình sự (khám xét) có liên quan tới một số chủ thể đặc biệt (nhà ngoại giao, đại biểu quốc hội, nhà báo...) đưa ra một số giải pháp khắc phục tình trạng giám định tư pháp kỹ thuật hình sự mang tính "độc quyền" (do chỉ có một hệ thống giám định tư pháp kỹ thuật hình sự trong lực lượng công an nhân dân) như hiện nay.

Thành tựu khoa học

Những công trình tiêu biểu:
Vấn đề khai báo sai sự thật - Giáo trình *Tâm lý pháp lý* - Trường Đại học Tổng hợp Berlin.
Cải tiến và nâng cao chất lượng công tác thống kê tội phạm (cấp Bộ).
Nhiều bài đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các vấn đề lý luận, thực tiễn trong khoa học luật và khoa học hình sự.

Lời Tiến sĩ

Cần trọng dụng các nhà khoa học nhưng không nên khoác áo khoa học cho các nhà quản lý.



PHẠM PHƯƠNG LAN

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 29 - 6 - 1967.
Quê quán: Đông Lĩnh - Đông Hưng - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Toronto - Canada.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Phiên dịch Pháp - Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ Mátxcơva, Nga.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998
Tại Học viện Giáo dục tiểu học và trung học, Viện Hàn lâm Khoa học giáo dục Liên bang Nga, Mátxcơva.
Chuyên ngành Lý thuyết và phương pháp dạy học qua tiếng Nga và tiếng mẹ đẻ.

Đề tài luận án

Sự liên kết trong giảng dạy về nghi thức lời nói cho học sinh phổ thông Việt Nam (so sánh giữa tiếng Việt - Nga - Pháp).

Nội dung

Cho đến nay tại Việt Nam chưa có trường phổ thông nào dạy học sinh cùng lúc hai ngoại ngữ. Xu thế của thời đại là hội nhập, để hội nhập với thế giới, học sinh Việt Nam cần nắm vững ngoại ngữ. Sự liên kết trong giảng dạy ngoại ngữ là phương pháp tốt nhất để học sinh dễ dàng nắm bắt vấn đề, nhanh chóng rút kinh nghiệm những sai sót trong việc học tiếng nước ngoài qua sự so sánh với tiếng mẹ đẻ một hay vài ngoại ngữ khác. Đề tài nghiên cứu nhằm phục vụ các trường chuyên ngữ, nơi học sinh sẽ được học từ hai tiếng nước ngoài trở lên.

Thành tựu khoa học

Một số bài báo đã công bố trên các tạp chí chuyên ngành.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phương pháp giáo dục ngoại ngữ cho học sinh phổ thông của các nước tiên tiến.

Lời Tiến sĩ

Học sinh Việt Nam hôm nay là tương lai của đất nước ngày mai, chúng ta cần biết cách truyền đạt những kiến thức từ bao đời nay cho học sinh để các em có thể kế thừa và phát huy những điều tốt đẹp, đồng thời làm phong phú thêm kho tàng kiến thức nhân loại.



TRẦN NGỌC LAN

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 31 - 8 - 1957.
Quê quán: Thị xã Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: 8/B10 - Tổ 43 Quan Hoa - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Dạy toán phổ thông trung học ở Hà Tây.
Học sau đại học.
Dạy toán ở khoa Giáo dục tiểu học - Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hiện là giảng viên chính Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Giảng dạy Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Phương pháp dạy học môn toán.

Đề tài luận án

Nội dung và phương pháp dạy học phân số ở tiểu học theo yêu cầu phổ cập và tương đối hoàn chỉnh.

Nội dung

Góp phần hoàn thiện và cụ thể hoá nội dung phương pháp dạy học phân số trong dự thảo chương trình quốc gia về môn toán ở tiểu học những năm 2000.
Xây dựng được một phương án dạy học phân số ở trường tiểu học Việt Nam có tính phổ cập, tính hoàn chỉnh tương đối, tính khả thi, tính hiệu quả và phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh. Có thể làm tài liệu hướng dẫn cho giáo viên tiểu học và là tài liệu tham khảo cho người viết sách giáo khoa khi viết về chủ đề phân số ở tiểu học.

Thành tựu khoa học

Nhiều bài đăng ở báo chuyên ngành về giáo dục.

Dự định khoa học

Giảng dạy đại học.



NGUYỄN XUÂN LẠN

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 20 - 7 - 1940.
Quê quán: Triệu Thạch - Triệu Phong - Quảng Trị.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Ngữ văn Trường Đại học Vinh
Giáo viên ngữ văn tỉnh Phú Thọ và Quảng Trị.
Cán bộ giảng dạy Trường Cao đẳng Sư phạm Huế.
Tốt nghiệp sau đại học tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên viên phòng Quản lý khoa học kiêm cán bộ giảng dạy ngữ văn trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hiện là Trưởng phòng Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Ngữ văn

Đề tài luận án

Các công trình nghiên cứu, phê bình văn thơ Hồ Chí Minh: tình hình, tư liệu, những quan điểm tiếp cận, các vấn đề.

Nội dung

Hồ Chí Minh là một vị lãnh tụ vĩ đại - anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới. Người để lại một di sản văn học đồ sộ, lớn lao về tầm vóc, đa dạng về thể loại, phong phú trong bút pháp thể hiện. Di sản ấy đã thu hút rất nhiều nhà nghiên cứu phê bình trong và ngoài nước. Ở trong nước, công việc nghiên cứu phê bình văn thơ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh chỉ mới bắt đầu sau Cách mạng tháng Tám (1945). Đã trải qua mấy thập kỷ, cho đến nay (1994) chưa có công trình nào tổng kết lại một cách toàn diện và hệ thống tình hình nghiên cứu văn thơ Người. Việc nghiên cứu, tổng kết lại một cách tương đối toàn diện có hệ thống các công trình nghiên cứu phê bình, nêu những thành tựu đã đạt được, đánh giá đúng những đóng góp, nêu các hướng tiếp cận khác nhau, nhận xét những nhược điểm và đề xuất những vấn đề cần giải quyết trong việc nghiên cứu phê bình văn thơ của Người là cần thiết.

Thành tựu khoa học

Một số công trình nghiên cứu, bài báo và báo cáo khoa học đã công bố:
40 năm, nhìn lại công tác nghiên cứu khoa học ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I (đồng tác giả); Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I với công tác đào tạo cao học (đồng tác giả); Đào tạo sau đại học ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội - Đại học Quốc gia Hà Nội; Từ thành tựu trong công tác đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I - Nghĩ về mô hình trường Đại học Sư phạm Quốc gia; Đào tạo cao học ở Trường Đại học Sư phạm.
Một số ý kiến về giải pháp đào tạo giáo viên ở các trường Đại học Sư phạm; Rèn luyện nghiệp vụ cho sinh viên sư phạm - Hãy từ nơi ấy mà nghĩ suy...; Đầu tư cho giáo dục - vững bước tiến vào thế kỷ XXI.
Cần xây dựng mô hình trường Đại học Sư phạm Hà Nội trọng điểm.
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Quốc gia Hà Nội: Hiện thực và tiềm năng để xây dựng thành trường Đại học Sư phạm Hà Nội trọng điểm; Một phương pháp tiếp cận văn chương Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh để giảng dạy chương trình văn học lớp 12.
Một cách tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về tính dân tộc trong văn hoá Việt Nam; Tìm hiểu thêm về thơ văn Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.
Chung quanh các ý kiến về tư tưởng văn nghệ Hồ Chí Minh.
Những ý kiến khác nhau về bài thơ "Thu dạ" của Hồ Chí Minh.
Hồ Chí Minh với nền văn hoá quốc gia và văn hoá nhân loại.
Nhìn lại công tác sưu tập, giới thiệu, nghiên cứu, giảng dạy văn thơ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh; Thơ văn Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong nghiên cứu phê bình; Về các công trình nghiên cứu, phê bình, giới thiệu văn xuôi Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh; Nhìn lại một số công trình nghiên cứu "Tuyển ngôn độc lập" của Hồ Chí Minh; Mấy thế hệ người Việt Nam được "nuôi dưỡng bằng thơ chúc Tết của Bác Hồ"; Mấy nét về chuyện nhà tù và thơ Nhật ký trong tù của Hồ Chí Minh.
Tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục ý thức công dân cho thanh, thiếu nhi, sinh viên và học sinh.

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu thơ văn Hồ Chí Minh.



PHẠM THỊ NGUYỆT LÃNG

Tiến sĩ Sư phạm Tâm lý

Sinh ngày: 8 - 2 - 1936.
Quê quán: Yên Tiến - Ý Yên - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: Số 2 tập thể Tông Đản - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Lêningrat, Liên Xô cũ.
Trưởng phòng Nghiên cứu Tâm lý học giáo dục, Ban Tâm lý học, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.
Hội viên Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.
Thành viên Trung tâm Nghiên cứu tâm lý trẻ em.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987
Tại Viện Khoa học giáo dục Hà Nội.
Ngành Sư phạm Tâm lý.

Đề tài luận án

Cơ sở tâm lý học của việc hình thành động cơ vì xã hội ở học sinh phổ thông trung học.

Nội dung

Phân tích khái niệm *động cơ vì xã hội.* Chứng minh sự hình thành động cơ vì xã hội thông qua hoạt động tập thể.
Con đường hình thành động cơ vì xã hội ở học sinh là con đường: các nhân chuyển những yêu cầu chung của xã hội thành yêu cầu hoạt động của bản thân nhằm thoả mãn nhu cầu đạo đức.
Cơ sở tâm lý, những điều kiện khách quan, chủ quan hình thành các mối quan hệ giữa học sinh và xã hội.
Công trình đã nghiên cứu những phương pháp, biện pháp giáo dục thực nghiệm, để xuất nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức phù hợp đặc điểm tâm lý học sinh phổ thông trung học.

Thành tựu khoa học

Một số bài viết đã công bố:
Một số vấn đề về tâm lý các nhóm nhỏ và hoạt động tập thể của học sinh cấp III.
Sự hình thành các nhóm tự phát trong tập thể học sinh cấp III.
Bước đầu nghiên cứu tâm lý tập thể cơ sở của học sinh cấp III.
Tổ chức hoạt động công ích để hình thành động cơ xã hội ở học sinh cấp III.
Nhóm giao lưu của học sinh phổ thông trung học và ảnh hưởng của chúng.
Tìm hiểu động cơ xã hội trong hoạt động học tập của học sinh cấp III.
Tổ chức hoạt động tập thể và giao lưu nhóm.
Vai trò của giao lưu nhóm đối với học sinh phổ thông trung học.
Xu hướng nghề nghiệp của học sinh gái ở một số trường phổ thông trung học.
Xu hướng hoạt động của học sinh phổ thông trung học trong thời gian rỗi.
Sự biến đổi của mô hình gia đình ở Việt Nam.
Tìm hiểu động cơ chọn nghề của học sinh phổ thông trung học.
Người mẹ với sự phát triển tâm lý của trẻ.
Sự rối nhiễu của trẻ do các quan hệ gia đình sai lệch.
Vấn đề tình dục trong thanh thiếu niên.
Khoa học giáo dục con em trong gia đình.
Dạy con nên người. Nxb Phụ nữ.
Một số đề tài đã nghiệm thu:
Vai trò của gia đình trong việc hình thành và phát triển nhân cách trẻ em (chủ nhiệm).
Giáo dục lao động trong gia đình (chủ nhiệm)
Kế thừa gia đình truyền thống trong việc định hướng xây dựng các mô hình gia đình văn hoá ở Hà Nội (tham gia).
Sự rối nhiễu hành vi và tệ nạn xã hội trong thanh thiếu niên học sinh ở một số trường phổ thông trung học Hà Nội (phó chủ nhiệm).
Ảnh hưởng của gia đình đến trẻ em nghiện ma tuý (tham gia).
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ.



NGUYỄN VĂN LẠP

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 24 - 3 - 1935
Quê quán: Dục Tú - Đông Anh - Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: 61 ngõ 1194 Đường Láng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội.
Cán bộ nghiên cứu Viện Kỹ thuật giao thông vận tải.
Thực tập sinh tại Liên Xô.
Trưởng phòng Nghiên cứu cầu Viện Kỹ thuật giao thông vận tải.
Phó Viện trưởng.
Viện trưởng Viện Khoa học kỹ thuật giao thông vận tải.
Được phong Phó Giáo sư năm 1992.
Hội viên Hội Cầu đường Việt Nam, Hội Kết cấu xây dựng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982
Tại Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.
Chuyên ngành Cầu và Hầm.

Đề tài luận án

Nghiên cứu ứng dụng bản thép bê tông liên hợp làm mặt cầu.

Nội dung

Trong những năm chiến tranh Viện Kỹ thuật giao thông vận tải đã kiến nghị sử dụng mặt cầu bằng bản thép bê tông liên hợp. Đây là vấn đề mới ở nước ta. Để ứng dụng có hiệu quả tác giả đã giải quyết đồng bộ ba vấn đề.
Chọn kích thước bản hợp lý, tỉ lệ giữa bề dày bản với nhịp, tỉ lệ giữa chiều dày lớp bê tông với lớp thép tấm, chọn kết cấu neo giữa hai lớp.
Xây dựng các công thức tính độ cứng hình trụ của bản hai lớp cho bản có mặt biến dạng hình trụ, hình cầu và hình bất kỳ để tính toán nội lực của bản chặt chẽ và thực dụng hơn. Trước đây người ta vẫn coi bản làm việc kiểu dầm và độ cứng lấy như độ cứng hình trụ của bản bê tông cốt thép, hoặc tính theo phương pháp các phần tử hữu hạn.
Chọn phương pháp thiết kế tiết diện bản hợp lý trong điều kiện lớp bê tông tương đối mỏng hàm lượng thép tương đối lớn.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Bản thép bê tông liên hợp làm mặt cầu, đã được ứng dụng trên cầu treo Kiến An, cầu treo Bản Đông (Lảo), cầu Đen, cầu Đối, cầu Đặng Cương, cầu Phú Lương, cầu Bắc Giang...
Một cách tính cầu "phao chìm" đã được ứng dụng kiểm toán cầu "phao chìm" Phủ Lý.
Chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước:
Sản xuất hàng loạt và lắp ráp các kết cấu bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực trong xây dựng giao thông vận tải.
Lựa chọn công nghệ thích hợp kiểm định các công trình giao thông vận tải.
Chủ dự án: Nghiên cứu nâng cấp và hiện đại hoá việc kiểm định và đánh giá cầu, đối tác với phía Vương quốc Anh.
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp giao thông vận tải.
Vì sự nghiệp khoa học kỹ thuật.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phương pháp xác định khả năng chịu lực của công trình sát với thực tế và tìm biện pháp để nâng cao chất lượng các công trình giao thông.



LÊ HÙNG LÂM

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 23 - 7 - 1930
Quê quán: Hà Hồi - Thường Tín - Hà Tây
Chỗ ở hiện nay: 138 Giảng Võ - Hà Nội

Quá trình công tác

Bác sĩ, Trưởng ty Y tế tỉnh Hà Giang.
Cán bộ giảng dạy Đại học Y Hà Nội.
Hiệu trưởng Trường Cán bộ quản lý Y tế - Bộ Y tế.
Chủ nhiệm bộ môn Y xã hội học và Tổ chức Y tế - Đại học Y Hà Nội.
Chủ nhiệm Bộ môn Quản lý Y tế - Trường Cán bộ Quản lý Y tế.
Tổng Thư ký Hội Liên hiệp Sinh viên Việt Nam.
Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.
Uỷ viên Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
Chủ tịch Hội Y tế công cộng Hà Nội.
Thành viên Viện Hàn lâm Khoa học NewYork.
Phó Giáo sư.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1976
Tại Đại học Y Budapet - Hungari.
Ngành Y học

Đề tài luận án

Đưa những người bị cắt cụt chân tay trở lại lao động.

Nội dung

Nghiên cứu trên 100 người bị cắt cụt chân tay do chấn thương ở Trung tâm phục hồi chức năng Budapet và 40 người ở nông thôn Hungari đã thấy được các mỏm cụt thích nghi với chân tay giả cùng các giá trị kinh tế - xã hội của việc phục hồi chức năng.
Việc cắt cụt chân tay do chấn thương có xu hướng tăng lên. 2/3 người bị cắt cụt dưới 30 tuổi.
Chân bị cắt nhiều hơn tay.
Cẳng chân bị cắt ít hơn đùi.
Do tai nạn giao thông nhiều hơn, hậu quả nặng hơn, so với tai nạn công nghiệp.
Đề xuất thành lập Viện trung ương phục hồi chức năng.

Thành tựu khoa học

Công trình nghiên cứu:
Chọn lọc phương thức gây miễn dịch trẻ em thích hợp với điều kiện Việt Nam và phù hợp với quốc tế.
Tình hình sử dụng an toàn, hợp lý thuốc tại Việt Nam.
Nghiên cứu chính sách, chiến lược về dịch vụ y tế.
Vietnam Public Health - Situations and challenges.
Sách đã xuất bản:
Y xã hội học và tổ chức y tế
Sức khoẻ cộng đồng
Nghiên cứu sức khoẻ công cộng
Phát triển sức khoẻ và quản lý y tế
Đào tạo y tế công cộng.
Lịch sử y học

Dự định khoa học

Tham gia một số chương trình, dự án y tế công cộng.
Viết sách về y tế công cộng.
Hướng dẫn học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành.



NGUYỄN VĂN LÂM

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 20 - 7 - 1958
Quê quán: Nguyệt Đức - Thuận Thành - Bắc Ninh
Chỗ ở hiện nay:
16/62 Đại học Bách khoa - Hà Nội

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy bộ môn Địa chất thuỷ văn - khoa Địa chất - Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Phó Giám đốc Trung tâm tư vấn Công nghệ Môi trường - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.
Tổng thư ký Hội Địa chất thuỷ văn Việt Nam.
Thành viên Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Đại học Mỏ - Địa chất - Hà Nội
Ngành Địa lý - Địa chất.
Chuyên ngành Địa chất Thuỷ văn.

Đề tài luận án

Sự nhiễm bẩn và bảo vệ nước dưới đất tầng chứa nước (Qa) vùng đồng bằng Bắc Bộ khỏi bị nhiễm bẩn.

Nội dung

Nghiên cứu đặc điểm địa chất, địa chất thuỷ văn và theo dõi diễn biến chất lượng nước của tầng chứa nước Qa thuộc đồng bằng Bắc Bộ qua các năm.
Nêu nguyên nhân gây ô nhiễm và quy luật phân bố các chất ô nhiễm trong tầng chứa nước chính của đồng bằng.
Đánh giá khả năng tự bảo vệ của tầng chứa nước và đề xuất các giải pháp phòng chống, bảo vệ khỏi bị cạn kiệt và ô nhiễm, góp phần giải quyết vấn đề bức xúc hiện nay, bảo vệ môi trường nước dưới đất.

Thành tựu khoa học

Thư ký các chương trình cấp Nhà nước:
Nước dưới đất Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
Luận chứng cơ sở khoa học về khai thác sử dụng nước dưới đất phục vụ kinh tế dân sinh đến năm 2000 ở các vùng trọng điểm kinh tế.
Luận chứng bảo vệ các bồn chứa nước chính lãnh thổ Việt Nam, quy hoạch khai thác nước dưới đất ở một số vùng ven biển và hải đảo.
Chủ nhiệm đề tài:
Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phòng chống ô nhiễm môi trường ở các vùng kinh tế trọng điểm.
Nghiên cứu diễn biến môi trường nước dưới đất ở đồng bằng châu thổ sông Hồng do sự phát triển kinh tế xã hội.
Nghiên cứu đề xuất các giải pháp khắc phục phòng chống ô nhiễm môi trường đối với các bãi rác cũ.
Soạn thảo hướng dẫn quy hoạch môi trường (đồng chủ nhiệm).
Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (tham gia).
Quy hoạch cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn cho các tỉnh Đắc Lắc, Quảng Trị, Bình Thuận... (chủ trì)
Chủ trì các dự án đánh giá tác động môi trường tại Đà Nẵng, Hải Phòng, Hạ Long...

Dự định khoa học

Nghiên cứu bảo vệ môi trường đặc biệt là môi trường nước dưới đất.



THÁI QUÝ LÂM

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 1 - 12 - 1938.
Quê quán: Đức Phong - Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 2/214 Thụy Khuê - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Cục Địa chất - Viện nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản.
Phó trưởng phòng Nghiên cứu Khoáng sản kim loại. Nghiên cứu viên cao cấp, Cục Địa chất, Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản.
Hội viên Hội Địa chất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Viện Địa chất và Khoáng sản.
Ngành Địa lý - Địa chất.

Đề tài luận án

Đặc điểm sinh khoáng nội sinh miền Đông Bắc Việt Nam.

Nội dung

Diện tích nghiên cứu đứt gẫy sông Hồng đến biên giới Việt - Trung. Miền Đông Bắc Việt Nam được xem như Caledonit có các đới kiến trúc - kiến tạo với các phức thành hệ địa chất khác nhau tương ứng các đới kiến trúc - sinh khoáng đặc trưng bởi các khoáng sản khác nhau: sông Hồng với đá quý, chì kẽm, đồng - nickel; Lô - Gâm với chì kẽm, antimon, vàng, sắt - mangan, thiếc; Phú Ngữ với chì kẽm, titan, đồng - nickel, bismut-wolfram; Sông Hiến với thiếc wolfram, vàng antimon, chì kẽm, sắt, thuỷ ngân; An Châu với thiếc wolfram, đồng, vàng, chì kẽm; Quảng Ninh với antimon, vàng, pyrophyllit, thuỷ ngân.

Thành tựu khoa học

Những công trình nghiên cứu tiêu biểu:
Những thành hệ quặng thiếc và sự phân bố của chúng ở vùng Quỳ Hợp, Nghệ An (cấp Tổng cục - tác giả).
Địa chất và khoáng sản miền Việt Bắc và Đông Bắc (cấp Tổng cục - chủ biên).
Nghiên cứu điều kiện tập trung và quy luật phân bố khoáng hoá thiếc Tam Đảo (cấp Nhà nước - chủ biên)
Nghiên cứu sinh khoáng dự báo khoáng sản rìa đông đới Lô Gâm và chi tiết hoá cho một số vùng quan trọng (cấp Nhà nước - chủ biên).
Sinh khoáng Việt Nam 1/1.000.000 (cấp Nhà nước - đồng tác giả).
Đánh giá tài nguyên khoáng sản Việt Nam (cấp Bộ - đồng tác giả).
Biên tập xuất bản tài nguyên khoáng sản Việt Nam (cấp Bộ - đồng tác giả).
Sổ tay kỹ thuật địa chất (Sách dịch - Nxb Khoa học xã hội).
Tài nguyên khoáng sản Việt Nam và bản đồ khoáng sản Việt Nam 1/1.000.000 (Bộ Công nghiệp - đồng tác giả).

Lời Tiến sĩ

Nếu giữ nguyên tổ chức địa chất hiện nay thì Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam cần có nhiệm vụ từ điều tra đến thăm dò khoáng sản, vì tài nguyên tính được thiếu hẳn tính chắc chắn làm cơ sở cho việc quy hoạch thăm dò, khai thác hoạch định chiến lược khoáng sản của đất nước.
Cần tập trung các thiết bị phân tích hoá - lý hiện đại như microsond, khối phổ kế phân tích đồng vị và tuổi tuyệt đối... ở một trung tâm nghiên cứu do nhà nước quản lý, không nên phân tán như hiện nay vừa thừa lại vừa thiếu.



TRẦN QUANG LÂM

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 4 - 8 - 1946.
Quê quán: Sai Nga - Sông Thao - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: 33 đường Giáp Bát - Hà Nội

Quá trình công tác

Học khoa Hóa Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Học lái máy bay, Học viện Hàng không quân sự Liên Xô.
Lái máy bay chiến đấu trung đoàn E925, E923, E910, E927, E921, E371 không quân Việt Nam, Cán bộ tham mưu Trung đoàn.
Tốt nghiệp khoa Vật lý và khoa Kinh tế chính trị Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Giảng viên kinh tế chính trị Trường Cán bộ quản lý Đại học, Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp.
Thực tập sinh tại Minsk, Nga.
Giảng viên chính, Trưởng bộ môn Lịch sử kinh tế, khoa Kinh tế chính trị Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Kinh tế học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Chuyên Ngành Kinh tế chính trị tư bản chủ nghĩa.

Đề tài luận án

Điều chỉnh kinh tế của nhà nước tư bản độc quyền hiện đại.

Nội dung

Quan điểm của các nhà kinh tế học hiện đại và thực tiễn vận động của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa cạnh tranh tự do, độc quyền và độc quyền nhà nước, Cơ sở khách quan của việc nhà nước tư sản cần can thiệp vào nền kinh tế.
Hệ thống của những thiết chế và thể chế kinh tế của nhà nước tư sản gồm: một hệ thống công cụ, chính sách kinh tế có khả năng thực hiện chức năng điều chỉnh kinh tế.
Hoạt động điều chỉnh kinh tế của nhà nước tư sản độc quyền hiện đại, thập kỷ 70, 80 (XX): Điều chỉnh ngắn hạn và điều chỉnh dài hạn nhằm khắc phục khủng hoảng, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển nền kinh tế.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm đề tài nhánh của hai đề tài cấp Nhà nước.
Tham gia và Phó chủ nhiệm 5 đề tài cấp Bộ.
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Điều chỉnh kinh tế của nhà nước ở các nước tư bản phát triển.
Chủ nghĩa tư bản hiện đại (3 tập). Nxb Chính trị quốc gia
Các công ty xuyên quốc gia (TNCs) trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI. Nxb Khoa học xã hội.
Hội nhập kinh tế Việt Nam, Asean: Những đặc trưng, kinh nghiệm và giải pháp. Nxb Thống kê.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành.
Đồng tác giả giáo trình kinh tế chính trị:
Lịch sử học thuyết kinh tế, kinh tế vĩ mô.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản hiện đại: toàn cầu hoá kinh tế; cục diện kinh tế, chính trị, quân sự của các trung tâm phát triển của chủ nghĩa tư bản; xu hướng tiến triển của chủ nghĩa tư bản trong thế kỷ XXI; cách mạng khoa học - công nghệ.
Xuất bản giáo trình kinh tế vĩ mô cho cao học và nghiên cứu sinh...

Lời Tiến sĩ

Trong thời đại kinh tế tri thức chỉ có nguồn nhân lực trình độ cao mới thực sự có khả năng đưa đất nước phát triển lên ngang tầm các quốc gia tiên tiến trên thế giới, do đó là nhà nước nên điều chỉnh chính sách thoả đáng hơn nữa để nuôi dưỡng và phát triển nguồn tài sản quý giá này.



TRƯƠNG MỘC LÂM

Lam Hồng

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 28 - 8 - 1943
Quê quán: Yên Phụ - Tây Hồ - Hà Nội
Chỗ ở hiện nay:
Số 2 - ngõ 112/5 Hoàng Quốc Việt - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.
Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.
Chánh Văn phòng Bộ Tài chính.
Hiện là Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989
Tại Trường Đại học Tài chính Mátxcơva, Nga.
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Tài chính - tín dụng

Đề tài luận án

Những vấn đề về kế hoạch hoá tài chính ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện kế hoạch hoá tài chính trong điều kiện đổi mới cơ chế kinh tế ở Việt Nam.

Sử dụng những chỉ tiêu - tiêu chuẩn tối ưu hoá hệ thống kế hoạch tài chính để tự kiểm tra quá trình kế hoạch hoá tài chính, hoàn thiện quá trình đó trên cơ sở những tính quy luật chung.
Phân tích sự hoạt động của kế hoạch hoá tài chính trong hệ thống cơ chế kinh tế, cụ thể hoá những nguyên tắc tối ưu và cân đối trong tổ chức hệ thống kế hoạch tài chính, bổ sung những chỉ tiêu về tính tối ưu của các kế hoạch đó phù hợp với điều kiện Việt Nam.
Làm sáng tỏ những mặt tốt của việc áp dụng định mức dài hạn, ổn định trong điều hoà ngân sách nhà nước giữa các cấp ngân sách và đề xuất hoàn thiện tổ chức kế hoạch hoá tài chính hiện hành ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài cấp Bộ:
Nhận thức mới về bản chất, chức năng và vai trò của tài chính trong đổi mới cơ chế kinh tế.
Bảo hiểm mùa màng ở Việt Nam.
Bảo hiểm giảm nhẹ thiên tai.
Sách đã xuất bản:
Chủ biên:
Một số kinh nghiệm về cải cách tài chính ở Trung Quốc.
Một số điều cần biết về pháp lý trong kinh doanh bảo hiểm.
Giám định tổn thất hàng hoá trong bảo hiểm.
Tài chính học.
Tài chính doanh nghiệp sản xuất.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp tài chính.
Vì thế hệ trẻ.



CAO NGỌC LÂN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 20 - 2 - 1961.
Quê quán: Trương Định - Ứng Hoà - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 34 - Nguyễn Ngọc Nại - Thanh Xuân, Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Các Mác Sôphia - Bungari.
Nghiên cứu viên chính Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Quản lý và kế hoạch hoá kinh tế quốc dân (kinh tế nông nghiệp).

Đề tài luận án

Phân bố hợp lý sản xuất chè ở trung du - miền núi Bắc Bộ.

Nội dung

Nghiên cứu những vấn đề lý luận sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất chè nói riêng, vận dụng vào trung du - miền núi Bắc Bộ, thể hiện trên 3 điểm chính:

Những nhân tố ảnh hưởng
Những nguyên tắc phân bố
Hệ thống chỉ tiêu đánh giá tính chất hợp lý của sự phân bố.
Phân tích đánh giá thực trạng phát triển và phân bố sản xuất chè ở trung du - miền núi Bắc Bộ.
Kiến nghị phân bố sản xuất chè ở trung du - miền núi Bắc Bộ theo các tiểu vùng tập trung với thứ tự ưu tiên.
Đưa ra các giải pháp tổng hợp để thực hiện phương hướng hợp lý sản xuất chè ở trung du - miền núi Bắc Bộ.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Cơ cấu kinh tế và tổ chức sản xuất trên địa bàn huyện ở nước ta (cấp Nhà nước - tham gia).
Cơ cấu lãnh thổ của nền kinh tế Việt Nam thời kỳ 1991-2005 (cấp Nhà nước - tham gia).
Định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng gò đồi thời kỳ 1991-2005 (cấp Bộ - thư ký).
Tham gia nghiên cứu một số đề tài cấp Bộ:
Một số vấn đề lý luận, phương pháp luận cơ bản và nội dung, phương pháp quy hoạch vùng ở Việt Nam.
Chênh lệch vùng và các giải pháp hạn chế chênh vùng ở Việt Nam...
Thư ký các dự án:
Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ thời kỳ 1996-2010.
Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Bắc thời kỳ 1996-2010.
Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 của Lào.
Chủ nhiệm một số chuyên đề:
Phương hướng phát triển dải ven biển Bắc Bộ.
Định hướng phát triển các vùng...
Một số bài đã đăng trên các tạp chí chuyên ngành.



DƯƠNG ĐỨC LÂN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 26 - 2 - 1956
Quê quán: Hương Vỹ - Yên Thế - Bắc Giang.
Chỗ ở hiện nay:
38 đường Âu Cơ - Tây Hồ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Kinh tế Buđapet - Hungari.
Tổ trưởng bộ môn Tài chính, khoa Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Tu nghiệp tại trường SOAS, Đại học Luân Đôn, Vương quốc Anh.
Cán bộ giảng dạy khoa Tài chính Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Trưởng ban Điều hành Dự án hỗ trợ kỹ thuật để xây dựng Dự án đại học do Ngân hàng thế giới tài trợ.
Phó vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Hiện là phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Trường Đại học Kinh tế Buđapet, Hunggari.
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Tài chính.

Đề tài luận án

Chuẩn bị các điều kiện về kinh tế cho đầu tư.

Nội dung

Đầu tư luôn là vấn đề trọng tâm của mọi quốc gia, đầu tư đúng hướng, có hiệu quả và thoả mãn các mục tiêu ngắn hạn, dài hạn sẽ quyết định đến tốc độ tăng trưởng và sự phát triển bền vững của một đất nước.
Trước khi quyết định đầu tư (ở tầm quốc gia) cần tính toán, cân nhắc đầy đủ và toàn diện. Trong các yếu tố, không phải lúc nào chúng cũng vận động cùng chiều. Khi thoả mãn được yếu tố này thì sẽ phá vỡ hoặc làm giảm tác dụng của yếu tố khác.
Luận án phân tích các yếu tố tập trung vào 2 nhóm cơ bản:
Đầu tư cơ sở vật chất và đầu tư để tăng cường trí tuệ.
Trong điều kiện vốn đầu tư luôn luôn có hạn, cần tính toán để có hiệu quả cao nhất, tăng đầu tư cho vật chất sẽ giảm đầu tư cho đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ. Sự cân đối, hài hoà trong đầu tư trên cơ sở tính toán kỹ cái được và cái mất để tìm phương án tối ưu trong điều kiện giới hạn về nguồn lực đầu tư.

Thành tựu khoa học

Viết giáo trình đại học (3 chương)
Tài chính Doanh nghiệp.
Hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ.
Tổ chức nghiên cứu và hoàn thành đề tài:
Tài chính giáo dục Việt Nam.
Chủ nhiệm đề tài:
Xây dựng định mức chi phí đào tạo theo nhóm nghề.

Dự định khoa học

Nghiên cứu xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo nghề.
Liên thông trong đào tạo.
Hiệu quả đầu tư cho đào tạo nghề.



NGUYỄN LÂN

Tiến sĩ Kiến trúc

Sinh ngày: 1 - 10 - 1940.
Quê quán: Phong Chương - Phong Điền - Thừa Thiên Huế.
Chỗ ở hiện nay: Số 2 ngõ 31 Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Đồng Tế - Thượng Hải - Trung Quốc.
Kiến trúc sư Viện Qui hoạch - Bộ Kiến trúc.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Hungari; Phó Viện trưởng Viện Quy hoạch Uỷ ban Xây dựng cơ bản Nhà nước; Chánh Văn phòng Uỷ ban xây dựng cơ bản Nhà nước.
Vụ trưởng Vụ Quản lý xây dựng cơ bản và đô thị Bộ Xây dựng.
Kiến trúc sư trưởng thành phố Hà Nội; Chủ nhiệm Văn phòng Ban chỉ đạo quy hoạch xây dựng Thủ đô; Hiện giảng dạy ở Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội và một số trường khác; Ủy viên Hội đồng Khoa học kỹ thuật thủ đô.
Hội đồng Kiến trúc Quy hoạch Bộ Xây dựng.
Hội đồng Trung ương Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam; Ban Chấp hành Hội Kiến trúc sư Việt Nam; Hội Xây dựng Việt Nam; Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Hà Nội; Hội đồng tư vấn kiến trúc của Thủ tướng; Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Hà Nội.
Chủ tịch Hội đồng Kiến trúc quy hoạch Thành phố Hà Nội.
Phó Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979.
Tại Trường Đại học Kỹ thuật Budapet - Hungari.
Chuyên ngành Kiến trúc - Quy hoạch.

Đề tài luận án

Phân bố mạng lưới dân cư trong quy hoạch vùng.

Nội dung

Nghiên cứu cơ sở khoa học, phân tích kinh nghiệm thực tiễn của quốc tế và nước ta để xuất các giải pháp và mô hình phân bố dân cư trong quy hoạch vùng nói chung và cho Việt Nam nói riêng.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm chương trình nghiên cứu khoa học 01-04 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
Phó Chủ nhiệm chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước 28-01.
Chủ trì nghiên cứu vấn đề mạng lưới dân cư 28-01-02.
Chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước về hệ thống dân cư Đông Nam Bộ.
Ủy viên Ban Chủ nhiệm chương trình nghiên cứu quy luật đô thị hoá và phát triển mạng lưới dân cư Việt Nam.
Phó chủ nhiệm chương trình cấp Nhà nước nâng cao hiệu quả quản lý xây dựng đô thị KC-11.
Chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước về đổi mới và hiện đại hoá công tác quản lý xây dựng đô thị Việt Nam.
Chủ nhiệm chương trình nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị Hà Nội 01C-04.
Tham gia viết sách xuất bản 03 cuốn, một số giáo trình giảng dạy đại học và sau Đại học.
Hướng dẫn luận án tiến sĩ; Ủy viên nhiều Hội đồng chấm luận án tiến sĩ; Giám đốc dự án phối hợp quốc tế Việt - Úc về quy hoạch và phát triển đô thị.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học; Vì sự nghiệp xây dựng.
Chiến sĩ thi đua ngành xây dựng; Vì sự nghiệp xây dựng thủ đô; Huân chương chống Mỹ hạng ba.

Dự định khoa học

Nghiên cứu quy hoạch kiến trúc xây dựng và quản lý đô thị; Giảng dạy đại học.

Lời Tiến sĩ

Làm sao huy động được đội ngũ trí thức Việt Nam hiện ở trong nước và đang ở nước ngoài tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước.



NGUYỄN HỮU LÂN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 4 - 10 - 1950.
Quê quán: Thạch Tân - Thạch Hà - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 93/1A phường Linh Trung - Quận Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.
Giảng dạy tại Trường Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Bungari.
Phó trưởng phòng Quản lý khoa học Trường Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.
Trưởng ban giáo viên Trường Đại học Thuỷ lợi, cơ sở thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện giảng dạy đại học, sau đại học - Viện Cơ học ứng dụng, Đại học Giao thông vận tải (cơ sở 2), Đại học Thuỷ lợi (cơ sở 2).
Phó trưởng khoa Công trình Trường Đại học dân lập Kỹ thuật - Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh.
Thành viên Hội Cơ học Việt Nam, Hội Cơ học vật rắn biến dạng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Trường Đại học Kiến trúc và Xây dựng Sofia, Bungari.
Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Đề tài luận án

Nghiên cứu trạng thái ứng suất và biến dạng của kết cấu bê tông cốt thép chịu uốn.

Nội dung

Nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm quá trình hình thành khe nứt, sự biến đổi của trạng thái ứng suất và biến dạng qua các giai đoạn làm việc của kết cấu bê tông cốt thép chịu uốn, sự biến thiên độ cứng của kết cấu và cách tính toán chuyển vị bằng phương pháp số - so sánh với phương pháp gần đúng trong các quy phạm hiện hành.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Nghiên cứu hiện trạng cống qua đê và kiến nghị biện pháp bảo vệ an toàn (phó chủ nhiệm đề mục).
Lý thuyết va chạm dọc của thanh đàn hồi và ứng dụng vào bài toán thi công móng cọc (tham gia - cấp Viện).
Sách đã xuất bản:
Kết cấu bêtông cốt thép (đồng tác giả). Nxb Nông nghiệp.
Tin học ứng dụng (đồng tác giả). Nxb Nông nghiệp.
Giáo trình Turbo Pascal. Nxb Giáo dục.
Nhiều báo cáo khoa học đã được đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Hướng dẫn một số luận án tiến sĩ.
Nghiên cứu kết cấu công trình.
Giảng dạy đại học, trên đại học.



NGUYỄN KHOA LÂN

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 14 - 1 - 1952
Quê quán:
Phong Hoà, Phong Điền - Thừa Thiên Huế
Chỗ ở hiện nay:
19A Hàn Thuyên - Thành phố Huế.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Sinh, Trường Đại học Sư phạm Huế.
Tổ trưởng tổ bộ môn Thực vật, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
Phó Trưởng khoa Sinh, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
Phó Giám đốc Trung tâm Tài nguyên Môi trường và Công nghệ sinh học, Đại học Huế.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Ngành Sinh học
Chuyên ngành Thực vật học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu giải phẫu sinh thái thích nghi của các loài cây chủ yếu trong một số rừng ngập mặn Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu giải phẫu sinh thái 25 loài thực vật rừng ngập mặn ở một số vùng sinh thái ven biển thuộc ba miền Bắc Trung Nam Việt Nam, luận án đã rút ra được hệ thống các đặc điểm cấu tạo thích nghi của các cơ quan sinh dưỡng thực vật rừng ngập mặn.
Kết quả nghiên cứu cung cấp nhiều dẫn liệu về giải phẫu sinh thái thích nghi của thực vật ngập mặn, bổ sung tính đa dạng sinh học của hệ thực vật ven biển Việt Nam làm cơ sở khoa học cho các lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng.

Thành tựu khoa học

Chủ trì một số đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Trường và tham gia nhiều đề tài, dự án nghiên cứu khác.
Đã xuất bản một số giáo trình đại học. Nxb Giáo dục.



NGUYỄN VĂN LÂN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 2 - 7 - 1933.
Quê quán: Bình Định.
Chỗ ở hiện nay: 61/9A Nguyễn Thị Nhỏ - Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng viên Đại học Bách khoa Hà Nội.
Giảng viên Đại học Công nghệ nhẹ
Chủ nhiệm bộ môn, Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên gia kỹ thuật đánh giá công nhận phòng thí nghiệm của VILAS
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Các phòng thí nghiệm (VINATEST) thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Ngành Dệt
Chuyên ngành Công nghệ vật liệu dệt.

Đề tài luận án

Bài toán tìm các kiểu dệt khả thi.

Nội dung

Chuyển đơn vị kiểu dệt thành ma trận với các phần tử 0 và 1.
Lập mô hình toán và điều kiện tổng quát để tìm đơn vị một kiểu dệt khả thi.
Sau khi loại trừ các dạng đồng nhất và đồng dạng, phát hiện nhiều kiểu dệt đơn giản mà kỹ thuật dệt hiện nay chưa biết và sử dụng.
Thuật toán đã được lập trình và giải trên máy vi tính.
Một tập tin đã được soạn thảo trên cơ sở các thông số cơ bản của kiểu dệt và dệt thử trên màn hình máy vi tính, cung cấp cho các nhà sản xuất để họ chọn lựa áp dụng vào sản xuất.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Phân cỡ áo nữ theo vóc (chiều cao) và theo nhóm chưa sinh con và đã sinh con phù hợp với Việt Nam hiện tại trên cơ sở phân tích toán học (đồng tác giả).
Sách đã xuất bản:
Đại cương công nghệ sợi dệt (2 tập).
Thiết kế mặt hàng vải.
Kiểm tra chất lượng sản phẩm dệt
Kỹ thuật chế biến đay (2 tập, đồng tác giả)
Giáo trình *Vật liệu dệt*
Xử lý thống kê số liệu thực nghiệm
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.



PHẠM HOÀNG LÂN

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 15 - 7 - 1945
Quê quán: Hợp Lý - Lý Nhân - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 6/B5 phường Thịnh Quang - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng dạy tại khoa Trắc địa Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Trắc địa Matxcơva Liên Xô cũ.
Phó Chủ nhiệm khoa Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Thực tập sinh cao cấp tại Trường Đại học Trắc địa Matxcơva Liên Xô cũ.
Trưởng phòng Quản lý khoa học.
Hiện là Chủ nhiệm khoa Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Uỷ viên Thường vụ BCH Hội Trắc địa - Bản đồ - Viễn thám Việt Nam.
Uỷ viên Hội đồng TƯ Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1980
Tiến sĩ Khoa học năm 1988.
Tại Trường Đại học Trắc địa Matxcơva Liên Xô cũ.
Ngành Trắc địa
Chuyên ngành Thiên văn - Trắc địa.

Đề tài luận án Tiến sĩ Khoa học

Đề xuất các phương pháp sử dụng kết hợp các số liệu trắc địa khác loại để nghiên cứu hình dạng trái đất trên phạm vi cục bộ.

Nội dung

Tổng quan về các phương pháp sử dụng kết hợp các số liệu trắc địa khác loại để nghiên cứu hình dạng trái đất.
Đo cao thiên văn - trọng lực trong điều kiện vùng tính ảnh hưởng của dị thường trọng lực bị hạn chế.
Đề xuất phương pháp xác định chi tiết độ cao Kvadigeoid khi có các điểm đã biết giá trị dị thường độ cao.
Sử dụng kết hợp các hệ số điều hoà của mô hình trọng trường trái đất, các giá trị dị thường trọng lực được trung bình hoá và kết quả đo cao vệ tinh được cho trong các vùng kế nhau có hình dạng tuỳ ý.
Sử dụng độ cao Kvadigeoid để thiết lập số liệu trắc địa gốc quốc gia.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Nghiên cứu chỉnh lý toán học chặt chẽ mạng lưới toạ độ và độ cao quốc gia ở Việt Nam (cấp Trường).
Định vị ellipxoid thực dụng. Xác định độ lệch dây dọi và dị thường độ cao (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu xác lập mặt khởi tính độ cao quốc gia ở Việt Nam (cấp Nhà nước).
Xây dựng phương án đo trọng lực biển ở Việt Nam (cấp Nhà nước)
Nghiên cứu sự dâng lên của mực nước biển ven bờ (đề tài cấp Nhà nước).
Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ xác định toạ độ, độ cao bằng thiết bị định vị toàn cầu GPS phục vụ quản lý lãnh thổ và lãnh hải.
Công trình khoa học đã ứng dụng:
Đề xuất phương pháp thiết lập số liệu trắc địa gốc quốc gia trên cơ sở sử dụng số liệu quan sát vệ tinh nhân tạo.
Xây dựng bộ số liệu trọng lực trung bình hoá theo các ô chuẩn 5' x 5' cho lãnh thổ Việt Nam.
Tính ảnh hưởng của trường trọng lực ở Việt Nam.
Đề xuất phương pháp luận và xây dựng bộ số liệu trọng lực để truyền độ cao bằng công nghệ định vị toàn cầu GPS.
Giáo trình đại học, cao học Mỏ - Địa chất:
Trọng lực trắc địa.
Thiên văn trắc địa (đồng tác giả).
Thiên văn cầu (đồng tác giả).
Một số vấn đề về trắc địa và bản đồ.
Định vị GPS.
Công nghệ GPS.
Cơ sở trắc địa biển.
Định vị vệ tinh.
Đã công bố trên 40 bài báo khoa học ở trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Xây dựng mô hình Geoid chi tiết trên lãnh thổ Việt Nam phục vụ cho mục đích truyền độ cao bằng công nghệ định vị toàn cầu GPS trên toàn quốc với độ chính xác 10mm trên 1km chiều dài.
Nghiên cứu xác định khoảng chênh giữa mặt biển trung bình và mặt Geoid trên phạm vi lãnh hải Việt Nam.
Xây dựng quy trình công nghệ sử dụng hệ thống GPS vào công tác đo vẽ địa chính ở Việt Nam.



NGUYỄN VĂN LÊ

Tiến sĩ Tâm lý - Sư phạm

Sinh ngày: 14 - 9 - 1928.
Quê quán: Tân Hương - Ninh Giang - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: 8/4 - tổ 11 - Yên Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội.
112 - lô B - cư xá 43 Hồ Văn Huê - Phú Nhuận - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm (Nam Ninh, Trung Quốc).
Giáo viên Trường Sư phạm Sơ cấp, Sư phạm Trung cấp Trung ương.
Giảng viên, Chủ nhiệm bộ môn Lý luận dạy học sinh học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Trưởng phòng Giáo dục Lao động Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Hội viên Hội Sinh lý học Việt Nam, Hội Tâm lý Giáo dục học Việt Nam.
Được phong Giáo sư năm 1984.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.
Tại Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
Chuyên ngành Tâm lý - Sư phạm.

Đề tài luận án

Nghiên cứu (dưới góc độ giải phẫu sinh lý cơ sinh học) một vài thao tác lao động ở Việt Nam nhằm mục đích hợp lý hoá.

Nội dung

Đề xuất những nguyên tắc cơ bản về hợp lý hoá tư thế và thao tác trong lao động sản xuất; xây dựng phương pháp phân tích giải phẫu - sinh lý - cơ sinh học có thể ứng dụng để phân tích phục vụ việc hợp lý hoá các loại thao tác sản xuất bất kỳ; phân tích mức độ nặng nhọc so sánh giữa hai loại lao động thủ công và kiến nghị việc trả công hợp lý cho hai loại lao động này; phân tích các dẫn liệu thu được bằng phương pháp đo tính khoảng lệch phản xạ bản thể ở hai loại lao động có cường độ thể lực nặng nhẹ khác nhau và kết luận: Lao động thể lực vừa phải có khả năng làm tăng hưng tính của hệ thần kinh Trung ương (có lợi cho lao động trí óc); Ngược lại, lao động thể lực nặng gây mệt mỏi sau một buổi 3, 4 giờ lao động; điều này cần được lưu ý trong việc tổ chức xen kẽ lao động hợp lý cho học sinh các trường vừa học vừa làm.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Khoa học lao động. Nxb Lao động.
Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Nxb Trẻ.
Sinh lý học lao động, tập 1, 2 (đồng tác giả). Nxb Y học.
Một số vấn đề cơ bản về khoa học lao động và việc tổ chức lao động có khoa học trong nhà trường. Nxb Giáo dục.
Kiến thức phổ thông về tổ chức và quản lý sản xuất. Nxb TP Hồ Chí Minh.
Chuyên đề quản lý trường học, 4 tập.
Nghề thầy giáo. Nxb Giáo dục.
Tổ chức khoa học lao động trí óc.
Khoa học quản lý nhà trường.
Khoa học quản trị (đồng tác giả)
Cơ sở khoa học của sự sáng tạo. Nxb TP. Hồ Chí Minh.
Khoa học quản lý kinh tế.
Quản trị nhân sự (đồng tác giả). Nxb Giáo dục.
Ecgônômic, khoa học về yếu tố con người trong lao động, tập 1, 2. Nxb Lao động.

Dự định khoa học

Xuất bản công trình khoa học về Ecgônômic (khoa học lao động).

Lời Tiến sĩ

Xin đưa những kiến thức khoa học về Ecgônômic, hợp lý hóa sản xuất vào các trường học, ít nhất là các trường kỹ thuật, trường nghề với nội dung:
Hợp lý hóa quan hệ người - máy.
Hợp lý hóa dây chuyền sản xuất.
Hợp lý hóa các điều kiện lao động.
Hợp lý hóa quan hệ người - người.



TRẦN THỊ LỆ

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 30 - 01 - 1961.
Quê quán:
Quảng Tùng - Quảng Trạch - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: 24 Phùng Hưng - thành phố Huế.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp II Hà Bắc.
Giảng dạy sinh hóa thực vật, Đại học Nông lâm Huế.
Thực tập sinh ngành nuôi cấy mô tế bào thực vật, Viện Dinh dưỡng thực vật Trường Đại học Tổng hợp Justus-Liebig Giessen, Cộng hoà liên bang Đức.
Tốt nghiệp thạc sĩ nông nghiệp và bảo vệ môi trường, Trường Đại học Tổng hợp Justus-Liebig Giessen, Cộng hoà liên bang Đức.
Nghiên cứu sinh Viện Dinh dưỡng thực vật trường Đại học Tổng hợp Justus-Liebig Giessen, Cộng hoà liên bang Đức.
Cán bộ giảng dạy, Trưởng bộ môn Di truyền - Giống, Thư ký Hội đồng khoa học khoa Nông học.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990.
Tại trường Đại học Tổng hợp Justus-Liebig Giessen, Cộng hoà Liên bang Đức.
Ngành Nông nghiệp

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của axit abscisic đối với quá trình hình thành và phát triển phôi vô tính của các loài cà rốt và cả loài chuyển gen.

Nội dung

7 loài cà rốt thí nghiệm axit abscisic (ABA) có vai trò quan trọng đối với việc hình thành và phát triển phôi vô tính.
Khi nồng độ ABA ở nguyên liệu nuôi cấy cao quá một ngưỡng trên hoặc thấp quá một ngưỡng dưới nào đó thì quá trình hình thành rễ và quá trình tạo callus cũng như sự hình thành phôi vô tính bị ức chế. Vì vậy khi bổ sung ABA vào môi trường nuôi cấy ở các loài cà rốt có nồng độ ABA nội sinh ở mức thấp vừa phải thì thấy hiệu quả ABA lên quá trình tạo callus và hình thành phôi vô tính rõ rệt.
Sự thể hiện SalT-gen ở tế bào cà rốt chuyển gen chịu ảnh hưởng trực tiếp của ABA khi tế bào chuyển gen này được nuôi cấy trong môi trường B5 (chứa 2,4-D). Tuy nhiên sự thể hiện của gen này còn phụ thuộc vào từng giai đoạn sinh trưởng và phát triển của tế bào, ví dụ gen không thể hiện ở giai đoạn phôi vô tính, nhưng lại thể hiện ở lá non ở cây con 8 tuần tuổi.

Dự định khoa học

Giảng dạy đại học, viết giáo trình, hướng dẫn thực tập.
Củng cố phòng thí nghiệm.
Chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Lời Tiến sĩ

Là người làm công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học tôi nghĩ rằng phải làm việc hết sức mình để xứng đáng với trọng trách vinh quang "trồng người", xứng đáng với bằng cấp mà mình đã đạt được.
Nhà nước cần tập hợp đội ngũ trí thức và tạo điều kiện làm việc tới mức tối đa để họ phát huy hết khả năng trí tuệ của mình.



PHẠM SỸ LIÊM

Trang Trọng

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 01 - 05 - 1931
Quê quán: Diễn Thành - Diễn Châu - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay:
53B Phan Phù Tiên - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tổ trưởng bộ môn - Đại học Bách khoa Hà Nội.
Chỉ huy Công trường xây dựng thực nghiệm Hà Nội.
Viện trưởng Viện Thiết kế công trình.
Giám đốc Sở Xây dựng Hà Nội.
Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.
Phó Chủ nhiệm Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước.
Thứ trưởng Bộ Xây dựng.
Chủ tịch Hội Khoa học kỹ thuật Xây dựng Việt Nam.
Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam.
Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội Khoa học kỹ thuật Xây dựng Việt Nam, Ủy viên Hội đồng Trung ương Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1964.
Tại Trường Đại học Xây dựng Matxcơva Liên Xô cũ.
Ngành Kỹ thuật.

Đề tài luận án

Tính toán vỏ mỏng thoải paraboloid hyperbolic theo lý thuyết mô men.

Nội dung

Vỏ mỏng thoải paraboloid hyperbolic trước đó chỉ được tính toán theo lý thuyết phi mô men. Nguyên nhân là do việc giải hệ phương trình đạo hàm riêng bậc bốn của loại vỏ này theo lý thuyết mô men với điều kiện biên là gối khớp không thể thực hiện bằng chuỗi Fourier. Tác giả đã tránh khó khăn bằng cách vận dụng thêm điều kiện biên của lý thuyết phi mô men và thực hiện lời giải không chỉ với tải trọng phân bố đều mà cả với tải trọng tập trung.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Bản hướng dẫn khảo sát hang động (phục vụ sơ tán nhà máy).
Xác định vòm cân bằng của hầm trên cơ sở lý thuyết cứng - dẻo.
Nhà lắp ghép tấm lớn ở Hà Nội.
Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý đô thị (cấp Nhà nước).
Một số nghiên cứu đã được sử dụng trong sản xuất và đào tạo.
Sách đã xuất bản:
Giáo trình kết cấu bê tông cốt thép (chủ biên).
Lý thuyết vỏ và bản mỏng (đồng tác giả).
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.

Dự định khoa học

Nghiên cứu biện pháp hoàn thiện, thị trường bất động sản của nước ta.
Nghiên cứu đô thị Việt Nam trong nền kinh tế thị trường.

Lời Tiến sĩ

Phải học tập suốt đời, không ngưng nghỉ. Học và nghiên cứu phải đi đôi với hành, chống hư danh và hư văn.



PHAN LIÊM

Tiến sĩ Vật lý

Sinh ngày: 17 - 3 - 1934.
Quê quán: Nghĩa Trung - Tư Nghĩa - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 10B Đinh Công Tráng - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy vật lý Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Phó Chủ nhiệm bộ môn Vật lý chất rắn.
Phó Chủ nhiệm khoa Vật lý, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972
Tại Viện Vật lý Kỹ thuật, Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.
Ngành Vật lý.
Chuyên ngành Vật lý chất rắn.

Đề tài luận án

Phổ nhiệt huỳnh quang và đánh giá

Nội dung

Nghiên cứu tính chất huỳnh quang của các tinh thể ZnS-Ga; ZnS-Cu, Ga; ZnS-In; ZnS-Ca, In.
Nghiên cứu các tâm phát quang, các bẫy bắt điện tử của các mẫu chất. Dùng phương pháp kích thích nhiệt để giải phóng điện tử khỏi tâm bẫy sau khi mẫu đã được kích thích bằng nguồn sáng thích hợp (gọi là phương pháp nhiệt huỳnh quang TL).
Chứng minh đỉnh phổ TL phức tạp gồm hai đỉnh cô lập gần như chồng lên nhau (do 2 mức năng lượng kích hoạt gần nhau).
Nghiên cứu hiện tượng tái bắt điện tử vào bẫy.
Công thức gần đúng bậc hai sự phụ thuộc các cường độ TL vào năng lượng kích hoạt và nhiệt độ, đủ cho phép xác định chính các năng lượng kích hoạt.
Các nghiên cứu cho thấy các mẫu chất có ít nhất 7 tâm tái hợp. Xác định các mức năng lượng kích hoạt và thừa số tần số của 7 tâm bẫy này.

Thành tựu khoa học

Chủ trì một số đề tài nghiên cứu:
Nghiên cứu chế tạo màng mỏng trong suốt SnO_2 (cấp Trường).
Nghiên cứu chế tạo vật liệu dùng làm điện trở nhiệt trên cơ sở hợp chất bán dẫn oxít (cấp Bộ).
Nghiên cứu áp dụng vật liệu bán dẫn oxít tạo ra điện tử nhiệt (cấp Bộ).
Sách đã xuất bản:
Hướng dẫn giải bài tập vật lý sơ cấp, 2 tập (Trường Đại học Tổng hợp).
Nguyên tử (sách dịch). Nxb Khoa học kỹ thuật.
Nhiều bài in ở các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.
Huân chương kháng chiến hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Lời Tiến sĩ

Trong những năm gần đây số học sinh giỏi thi vào khoa Toán và khoa Vật lý trường Đại học Tổng hợp (nay là Đại học Khoa học tự nhiên) rất ít, hầu như không có. Có lẽ vì học thì khó, tìm chỗ làm việc càng khó hơn, lương lại thấp. Cơ sở vật chất, các phòng thí nghiệm cũ kỹ không đáp ứng được nghiên cứu và giảng dạy.
Đề nghị Chính phủ có chính sách thu hút học sinh giỏi vào học các môn khoa học tự nhiên: Toán, Lý...



HUỲNH THỊ PHƯƠNG LIÊN

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 25 - 12 - 1940.
Quê quán: Thị xã Hội An - Quảng Nam.
Chỗ ở hiện nay:
5/A$_2$/TT Bộ đội - Thanh Lương 2 - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y.
Tổ trưởng tổ sản xuất vắc-xin tả - TAB, Phòng Vệ sinh dịch tễ chiến trường Liên khu V; Thực tập sinh khoa học về virut học tại Viện Virut ứng dụng, Berlin, CHDC Đức cũ; Trưởng phòng thí nghiệm, Phó khoa Virut, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương; Nghiên cứu sinh tại Cộng hoà dân chủ Đức.
Chủ nhiệm khoa Virut, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương. Giám đốc Xưởng Sản xuất vắcxin viêm não Nhật Bản, Công ty Vắcxin và sinh phẩm số 1, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
Hội viên Hội Vi sinh Vật Việt Nam; Hội Y học Dự phòng Việt Nam; Được phong giáo sư năm 1996

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986
Tại Viện Nghiên cứu Lao và các bệnh về phổi, Viện Hàn lâm Y học CHDC Đức cũ; Chuyên ngành Vi sinh Y học.

Đề tài luận án

Thử nghiệm động vật để đánh giá hiệu quả miễn dịch dịch thể của văcxin cúm theo phương pháp miễn dịch, liều gây miễn dịch, và thời gian miễn dịch.

Nội dung

Nghiên cứu hiệu lực bảo vệ của vắcxin cúm chủng A/PR/8/34 bất hoạt bằng tia gamma điều chế từ dịch ối của trứng gà ấp dở 9 ngày tuổi. Sử dụng mô hình chuột NMRI 6-8 tuần tuổi để thử nghiệm với các phương pháp gây miễn dịch: uống, tiêm dưới da, phối hợp uống và tiêm dưới da, với các liều 5ug, 10ug, 30ug HA. Thử thách bằng chủng độc lực và theo dõi trọng lượng chuột sống sót sau 1, 2, 3... 6 tháng. Đánh giá hiệu quả kháng thể IgG và IgA trong huyết thanh và dịch rửa phổi của chuột bằng ELISA và HIT. Kết quả cho thấy ở nhóm chuột uống 20ug x 2 liều văcxin cúm, chuột khoẻ mạnh và tăng trọng 100% sau liều thử thách. Hiệu giá kháng thể IgG và IgA cao nhất so với các nhóm và thời gian miễn dịch kéo dài sau 6 tháng với IgG 1/264 và IgA 1/200 trong huyết thanh. Trong dịch phổi IgG là 1/210 và IgA 1/200. Các kết quả nghiên cứu đã chứng minh gây miễn dịch bằng đường uống vácxin cúm bất hoạt bằng tia gamma với liều 20 ug x 2 lần sẽ có miễn dịch trên 6 tháng trong khi văcxin cúm chỉ có miễn dịch tối đa là 6 tháng. Gây miễn dịch bằng đường uống có khả năng bảo vệ cao nhất, dài nhất và chỉ cần 40ug HA. Từ kết quả nghiên cứu trên mô hình chuột, sẽ sản xuất văcxin phòng bệnh cho người, nhằm bảo vệ sức khoẻ cộng đồng.

Thành tựu khoa học

Chủ trì và tham gia trên 70 công trình nghiên cứu.
Các công trình tiêu biểu:
Nghiên cứu ứng dụng quy trình công nghệ sản xuất và đánh giá hiệu quả vắc xin viêm não Nhật Bản viêm não Nhật Bản và các bộ sinh phẩm cho chẩn đoán viêm não Nhật Bản và sốt xuất huyết Dengue.
Hoàn thiện công nghệ sản xuất vắc xin viêm não Nhật Bản ở quy mô bán công nghiệp, đánh giá chất lượng, hiệu quả và xây dựng tiêu chuẩn chất lượng của Việt Nam.
Hướng dẫn nghiên cứu sinh; Huân chương quyết thắng hạng nhì; Huân chương kháng chiến hạng ba; Huân chương lao động hạng ba; Huy chương giải phóng hang nhất; Huy chương Vì sự nghiệp sức khoẻ nhân dân; Giải nhất VIFOTEC; Bằng Lao động sáng tạo; Giải thưởng Kovalevskaia (tập thể); Thày thuốc nhân dân (2001).

Dự định khoa học

Nghiên cứu và giám sát virut cúm (Influenza A, B, C). Phân lập, định loại các chủng virut cúm tại Việt Nam. Thiết lập hệ thống giám sát cúm, quốc tế hợp tác với Mỹ, Nhật Bản và các nước.
Nghiên cứu dịch tễ học, sinh học phân tử của các chủng virut sởi ở Việt Nam. Nghiên cứu sản xuất vắcxin sởi trong nước, khống chế và thanh toán bệnh sởi ở nước ta; Nghiên cứu nâng cao sản suất vắcxin VNNB; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ gen để sản xuất vắc xin VNNB tái tổ hợp.

Lời Tiến sĩ

Mong muốn tất cả trẻ em và người già nước ta được chăm sóc sức khoẻ miễn phí.



NGUYỄN NGỌC LIÊN

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 2 - 9 - 1940.
Quê quán: Yên Trường - Yên Định - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 110-C3 - Láng Hạ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản Bộ Công nghiệp.
Phó giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Địa chất, Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản.
Tham gia giảng dạy tại Đại học Tổng hợp Hà Nội, Đại học Tổng hợp Huế, Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
Tham gia nghiên cứu đá biến chất miền Trung Lào.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1980
Tại Phân Viện Xibir, Viện Hàn Lâm khoa học Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Địa chất khoáng vật học.

Đề tài luận án

Tướng và Thành hệ biến chất nhiệt động khu vực miền uốn nếp Tây Bắc Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu 1.000 mẫu thạch học, xử lý 100 mẫu hoá silicat, 70 mẫu microsonde, 17 mẫu tuổi đồng vị đá biến chất bằng phương pháp K-Ar bằng phương pháp cộng sinh khoáng luận án đã kết luận:
1. Đá biến chất đới sông Hồng thuộc thành hệ Khondalit, trình độ biến chất đạt tới tướng amphibolit, không thấy biểu hiện tướng granulit, nhiệt độ dao động 680-700°C, áp suất 7-7.5 Kbar.
2. Đá biến chất đới Fanxipan hệ tầng Suối Chiềng thuộc thành hệ gneis amphibon - amphibolit - jaspilit, chịu ảnh hưởng của hai giai đoạn biến chất - giai đoạn đầu đạt tướng epidot - amphibolit kiểu áp lực thấp, nhiệt độ dao động từ 570 - 750° C, áp suất 5-6Kbar. Đá biến chất các hệ tầng Suối Láng, Thạch Khoán, Làng Lếch thuộc thành hệ quarzit - đá phiến phân đới tuyến tính bị biến chất đạt tướng epidot - amphibolit, nhiệt độ biến chất dao động 550 - 630°C, áp suất 6-6.5 Kbar.
3. Đá biến chất hệ tầng Nậm Cô đới sông Mã chịu ảnh hưởng của hai giai đoạn biến chất - giai đoạn đầu thuộc kiểu disthen - silimanit tương ứng 500°C, giai đoạn sau là biến chất chồng dạng vòm kiểu andaluzit - silimanit tương ứng 550 - 620°C. Giới hạn biến chất cao nhất đạt tướng epidot - amphibolit.
4. Khoáng vật nhóm amphibon loạt Bó Xinh đới sông Mã thuộc dãy amphibon phân đới actinolit - horblen, không phát hiện được glaucophan.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu:
Đánh giá tiềm năng chứa quặng các phức hệ đá biến chất Tiền Cambri Việt Nam.
Nghiên cứu sinh khoáng và dự báo khoáng sản đới sông Đà, sông Mã.
Nghiên cứu quy luật phân bố và dự báo triển vọng Cu, Ni và các khoáng sản quý hiếm đi kèm miền Tây Bắc Việt Nam.
Đánh giá tiềm năng vàng và các khoáng sản khác liên quan với các thành tạo đá lục, đá phiến đen đới Quảng Nam.
Nhiều bài báo khoa học công bố trong và ngoài nước.
Khoáng vật Faialit mỏ sắt Priazov Liên Xô.
Biểu hiện quặng sắt trong thành hệ xcacno magie - canxi tại vùng mỏ Thạch Khê và ý nghĩa tìm kiếm của chúng.
Địa chất và biến chất đới sông Mã Việt Nam.
Đặc trưng hoá các thành hệ biến chất miền Bắc Việt Nam.
Địa chất - Địa vật lý.
Các chu kỳ biến chất và tạo quặng Tiền Cambri Việt Nam.
Thành hệ địa chất và địa động lực Việt Nam (đồng tác giả) Nxb Khoa học kỹ thuật.
Triển vọng Cu và Ni Tây bắc Việt Nam.
Phát hiện dấu hiệu tìm kiếm quặng molipden ở Sa pa.
Khoáng sản quý hiếm đi kèm trong quặng Cu, Cu - Ni Tây Bắc Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Đối với nghề phải có tâm.
Nhà nước và các nhà khoa học cần lưu tâm tới bạch kim liên quan đến các thành tạo chứa graphit miền Trung.



NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 15 - 2 - 1955.
Quê quán: Tân Hồng - Tiên Sơn - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay:
28/E4 Trường Đại học Y Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Tasken - Liên Xô cũ.
Giảng viên Trường Đại học Y Hà Nội.
Nghiên cứu sinh Viện Hàn lâm Y học Nga.
Hiện là giảng viên, giáo vụ sau đại học, khoa Y tế công cộng - Trường Đại học Y Hà Nội.
Thành viên Hội Y tế dự phòng Bảo vệ môi trường.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Tại Viện Hàn lâm Y học Nga.
Chuyên ngành Y học lao động

Đề tài luận án

Hoạt tính sinh học của xylen, paranitroftorbenzen và tình trạng của hệ thống antiperoxit dưới sự tác dụng của chúng.

Nội dung

Nghiên cứu hoạt tính sinh học của xylen bằng thực nghiệm trên súc vật, đồng thời nghiên cứu các chỉ số peroxit lipit và tình trạng của hệ thống antiperoxit dưới tác dụng của paranitroftorbenzen nhằm mục đích phân loại độc tính của các chất trên.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài cấp Nhà nước:
Một số vấn đề môi trường không khí khu vực lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.
Chất diệt cỏ trong chiến tranh.
Tai nạn lao động.
Đề tài cấp Bộ:
Nghiên cứu về bụi bông và ảnh hưởng của nó lên sức khoẻ công nhân.
Nghiên cứu môi trường lao động và sức khoẻ công nhân tại các cơ sở sản xuất nhỏ ở Hà Nội.
Nghiên cứu ảnh hưởng của DMHC lên sức khoẻ công nhân ở một số ngành nghề.
Nhiều bài đăng trên các báo, tạp chí.
Hướng dẫn tốt nghiệp đại học và cao học.
Sách đã xuất bản:
Dịch tễ học trong Y học lao động và chăm sóc sức khoẻ người lao động (giáo trình đào tạo lại) Trường Đại học Y Hà Nội.
Vệ sinh môi trường dịch tễ tập 1. Nxb Y học.
Bài giảng Khoa học môi trường. Nxb Y học.
Y học lao động tập 2 (giáo trình sau đại học). Nxb Y học.
Thực tập vệ sinh môi trường và vệ sinh lao động. Trường đại học Y Hà Nội.
Chiến sĩ thi đua.
Bằng khen của UBND thành phố Hà Nội.

Dự định khoa học

Nghiên cứu y tế công cộng và y học dự phòng.
Đào tạo đại học và sau đại học.



PHẠM THỊ LIÊN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 23 - 4 - 1961
Quê quán: Tiên Phương - Chương Mỹ - Hà Tây
Chỗ ở hiện nay: 51 ngách 167/37 Tây Sơn - Đống Đa - Hà Nội

Quá trình công tác

Giáo viên khoa Kinh tế lao động Trường Đại học Công đoàn.
Phó chủ nhiệm khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Công đoàn.
Trưởng bộ môn Kinh tế Trường Đại học Công đoàn.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2001
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Thống kê

Đề tài luận án

Nghiên cứu thống kê thu nhập của lao động ngành dệt may.

Nội dung

Những vấn đề lý luận về thu nhập và phân phối thu nhập.
Xác định hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thống kê nghiên cứu thu nhập của lao động.
Vận dụng hệ thống chỉ tiêu và một số phương pháp thống kê để nghiên cứu thu nhập của lao động ngành dệt may trong một số năm gần đây.
Luận án đã giải quyết được một số vấn đề:
Hoàn thiện hơn các khái niệm về thu nhập của người lao động.
Hoàn thiện các phương pháp phân phối thu nhập để đảm bảo tính công bằng trong phân phối.
Nghiên cứu sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập.
Xác định một hệ thống chỉ tiêu thống kê phản ánh thu nhập của lao động.
Xác định và hệ thống hoá các phương pháp thống kê cần sử dụng nhất là các phương pháp của thống kê hiện đại.
Nghiên cứu về hiện trạng thu nhập và phân phối thu nhập của một số công ty thuộc Tổng công ty dệt may Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Một số cong trình nghiên cứu đã công bố:
Một số vấn đề cần hoàn thiện để nâng cao chất lượng giáo trình các môn học thống kê (đồng tác giả).
Sử dụng một số phương pháp thống kê trong việc phân tích thu nhập của các doanh nghiệp may.
Quan niệm về nghèo khổ tương đối và nghèo khổ tuyệt đối trong mức sống của dân cư.
Nghiên cứu xây dựng các chỉ tiêu thống kê phản ánh thu nhập của lao động trong các doanh nghiệp.
Nguyên tắc thực hiện phân phối thu nhập trong nền kinh tế thị trường.

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học.
Viết giáo trình.
Bảo vệ luận án tiến sĩ khoa học.



TRẦN HỒNG LIÊN

Thuy Vi

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 26 - 8 - 1953
Quê quán: Thành phố Hồ Chí Minh.
Chỗ ở hiện nay: 44 Hoàng Lệ Kha - Quận 6 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Công tác tại Viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh.
Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu dân tộc học và tôn giáo Viện Khoa học xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh.
Phó Tổng thư ký Hội Dân tộc học thành phố Hồ Chí Minh.
Thành viên Hội Khoa học lịch sử thành phố Hồ Chí Minh.
Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh.
Ngành Khoa học lịch sử
Chuyên ngành Dân tộc học

Đề tài luận án

Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ Việt Nam, từ thế kỷ 17 đến 1975.

Nội dung

Nghiên cứu một cách hệ thống về Phật giáo ở Nam Bộ trong tiến trình lịch sử đem lại cái nhìn tổng quan về một tôn giáo có vị trí quan trọng nhất tại Nam Bộ. Đồng thời góp thêm tư liệu để hiểu đầy đủ hơn về Phật giáo Việt Nam và một số tư liệu về kiến trúc, các loại tượng và nghi lễ mang đặc trưng riêng của Phật giáo Đại thừa (Bắc Tông) của người Việt ở Nam Bộ.

Thành tựu khoa học

Tham gia những đề tài nghiên cứu tiêu biểu:
Phật giáo ở thành phố Hồ Chí Minh (cấp Nhà nước).
Tôn giáo tín ngưỡng của người Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh (cấp Nhà nước).
Hiện trạng Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh (cấp Nhà nước).
Góp phần tìm hiểu đặc điểm của Phật giáo ở đồng bằng sông Cửu Long giữa thế kỷ 19: từ Bửu Sơn kỳ Hương đến Phật giáo Hoà Hảo (cấp Bộ).
Hiện trạng đạo Tin lành ở tỉnh Sông Bé (cấp Bộ).
Điều tra tình hình kinh tế xã hội tỉnh An Giang (cấp Nhà nước).
Sách đã xuất bản (một số cuốn tiêu biểu).
Tác giả:
Phật giáo Nam Bộ từ thế kỷ 17 đến 1975
Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ Việt Nam.
Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1994.
Nxb Khoa học xã hội.
Đồng tác giả:
Làng xã ở châu Á và Việt Nam.
Đạo đức học Phật giáo.
Những vấn đề dân tộc, tôn giáo ở miền Nam.
Những ngôi chùa ở Nam Bộ.
Những ngôi chùa ở thành phố Hồ Chí Minh. Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
Du khảo đảo Long Sơn. Nxb Trẻ.
Những vấn đề văn hoá - xã hội thời Nguyễn tập 1.
Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1996
Nxb Khoa học xã hội.
Từ điển Hồ Chí Minh. Nxb Trẻ.
Nhiều bài đăng trên các báo, tạp chí và báo cáo tại các hội thảo trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu văn hoá trong Phật giáo Việt Nam.
Tìm hiểu văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng của người Hoa ở Việt Nam.
Tìm hiểu mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam, đặc biệt ở Nam Bộ.



VŨ KHẮC LIÊN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 16 - 12 - 1934.
Quê quán: Bần Yên Nhân - Mỹ Hào - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 8B - Ngô Văn Sở - Hà Nội.

Quá trình công tác

Công tác tại Nhà in Quốc gia (Việt Bắc).
Học Trung văn tại Bắc Kinh Đại học và thực tập về in tại Trung Quốc.
Trưởng phòng Kỹ thuật Nhà máy In Tiến bộ.
Học đại học và nghiên cứu sinh tại Đại học Ấn loát Matxcơva.
Trưởng phòng Kỹ thuật - Cục Xuất bản Bộ Văn hoá - Thông tin.
Giám đốc Nhà máy in Tiến Bộ.
Vụ phó Vụ Kế hoạch Bộ Văn hoá.
Thứ tưởng Bộ Văn hoá - Thông tin.
Được phong Phó Giáo sư.
Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Giao lưu văn hoá Việt - Nhật.
Nguyên Chủ tịch Công đoàn In Việt Nam.
Trưởng ban Biên tập Văn hoá - *Từ điển Bách khoa Việt Nam.*

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1969
Tại Trường Đại học Ấn loát Matxcơva - Liên Xô cũ.
Ngành Lý thuyết quá trình ảnh.

Đề tài luận án

Về luật khả cộng trong quá trình bức xạ tia đơn sắc trên vật liệu ảnh, ứng dụng trong công nghệ chế bản.

Nội dung

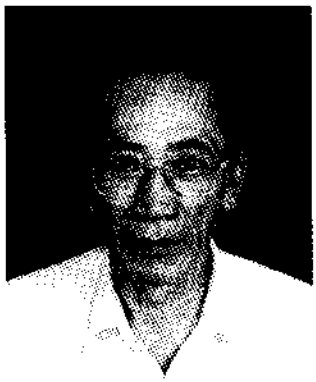
Trong chế bản hiện đại, hiểu biết bản chất và những quy luật của bức xạ tia đơn sắc trong vùng sáng khả kiến trên vật liệu ảnh là hết sức quan trọng. Nó là cơ sở để tìm tòi công nghệ chế bản hiện đại.
Trên thế giới, một số nhà khoa học về lý thuyết quá trình ảnh đã đưa các kiến giải khoa học khác nhau trong những ý kiến trái ngược.
Bằng lý thuyết và thực nghiệm tác giả đã góp phần làm rõ vấn đề này. Trong tính toán, nếu chỉ lấy giới hạn trong vùng sáng khả kiến thì luật khả cộng (additive) không áp dụng được, còn mở rộng giới hạn trong toàn phổ sáng thì luật khả cộng vẫn đúng.
Việc ứng dụng kết quả nghiên cứu rất hạn chế, vì các nhà công nghệ chỉ cần kết quả thực nghiệm, không cần lý thuyết.

Thành tựu khoa học

Kết quả nghiên cứu của luận án được nói tới trong một cuốn sách giáo khoa về lý thuyết quá trình ảnh do Phó giáo sư B.Saclôp - Trường Đại học Ấn loát Matxcơva viết để sinh viên tham khảo.

Lời Tiến sĩ

Tuổi trẻ với niềm khát khao vươn tới đỉnh cao khoa học là sự lãng mạn đáng yêu nhất.
Tuy không tới được những thành tựu khoa học lớn lao, nhưng đạt được một vài kết quả nhỏ cũng là niềm vui cho cả cuộc đời.



LÊ ĐẮC LIÊU

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 02 - 12 - 1942
Quê quán: Tam Giang - Yên Phong - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 106B/1 Điện Biên Phủ - Quận Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Sinh, Đại học Tổng hợp Lômônôxốp Liên Xô cũ.
Trưởng bộ môn Sinh lý Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Viện Vật lý sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô cũ.
Trưởng phòng Sinh học phóng xạ, Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt Trung tâm Kỹ thuật hạt nhân thành phố Hồ Chí Minh, Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam.
Thành viên Hội Sinh học Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972
Tại Viện Vật lý sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô cũ.
Ngành Vật lý sinh học

Đề tài luận án

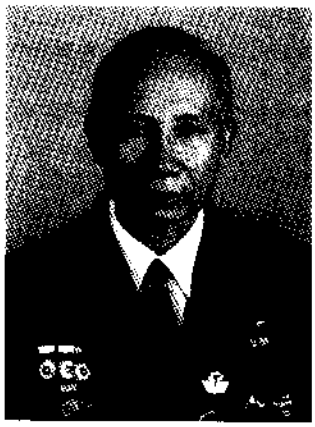
Ảnh hưởng của tia bức xạ ion hoá tới một số tính chất hoá lý của màng sinh học.

Nội dung

Chiếu tia bức xạ tế bào Thymus (tới liều 2 Krad) hạt nhân tế bào thymus (tới 1 krad) và hồng cầu (tới 50 Krad) không ảnh hưởng tới tính thấm của màng ở các đối tượng trên.
Tính thấm của màng tế bào Thymus, hồng cầu và hạt nhân tế bào thymus đối với $NADH_2$ cũng không thay đổi ở các liều bức xạ trên cả ở in vitzo và in vivo ngay sau khi chiếu, cũng như khi ủ tiếp 120 phút ở nhiệt độ 37°C.
Đề xuất phương pháp tạo sốc thẩm thấu để phát hiện sớm các tổn thương kín trong màng sinh học ở liều bức xạ thấp (200 - 1000 Rad).
Ở các liều bức xạ dưới 2 krad vẫn không xảy ra sự giải phóng ATP - asa và photphotasa từ cấu trúc màng hạt nhân tế bào thymus, ngay cả sau khi tiếp tục ủ ở 37°C.
Chiếu xạ ở liều từ 0,5-1 krad làm tăng hoạt tính của photphotasa kiềm của màng hạt nhân tế bào thymus song lại ức chế hoạt tính của hai loại ATP-asa. Phát hiện sự phụ thuộc giữa hiệu ứng tổn thương phóng xạ trên với nồng độ ATP trong môi trường.
Các kết quả nhận được cho phép đưa ra giả thuyết về sự tổn thương cấu hình bên trong của màng sinh học dưới tác dụng của tia bức xạ ion hoá.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm một số đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ về ứng dụng kỹ thuật đồng vị đánh dấu trong dinh dưỡng cây trồng.
Chủ nhiệm một số dự án hợp tác với cơ quan Nguyên tử năng lượng quốc tế IAEA: về đột biến phóng phóng xạ; ứng dụng kỹ thuật đồng vị đánh dấu trong nghiên cứu quan hệ đất - cây; kỹ thuật đồng vị trong dinh dưỡng cây trồng.
Hợp đồng nghiên cứu với IAEA về động thái của photpho trong đất qua kỹ thuật đồng vị P-32.
Giáo trình: *Vật lý sinh học đại cương*
Chuyên đề: Hướng dẫn sử dụng kỹ thuật đồng vị đánh dấu trong nông nghiệp (phần 1 - trồng trọt)
Sinh học phóng xạ.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.



TRẦN VĂN LIỄU

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 20 - 10 - 1935.
Quê quán: Hạ Giáp - Phù Ninh - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: 23 tổ 47 C Phường Khương Thượng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Đại học Y Hà Nội.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Tổng hợp Vacxava Ba Lan.
Giảng viên bộ môn Giải phẫu bệnh - Y pháp Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên viên đầu ngành Y pháp Bộ Y tế, Phó Giám định viên trưởng Y pháp Trung ương.
Viện trưởng Viện Y học Tư pháp Trung ương kiêm Trưởng bộ môn Y pháp Trường Đại học Y Hà Nội, Uỷ viên Hội đồng Khoa học Bộ Y tế.
Uỷ viên chấp hành Tổng hội Y dược học Việt Nam.
Phó Chủ tịch Hội Giải phẫu bệnh - Y pháp Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1974
Tại Trung tâm nghiên cứu Y học thực nghiệm và lâm sàng Viện Hàn lâm Khoa học Ba Lan Vacxava.
Ngành Y học
Chuyên ngành Giải phẫu bệnh - Y pháp học.

Đề tài luận án

Thay đổi siêu cấu trúc của gan trong ngộ độc cấp tính và mãn tính do mooc - phin.

Nội dung

Nghiên cứu thực nghiệm trên chuột trắng chủng Wistar.
Kết quả:
Ngộ độc cấp tính do mooc-phin ở chuột làm cho lưới nội nguyên sinh không hạt tăng sinh mạnh và giảm lưới nội nguyên sinh có hạt. Glycogen giảm rất rõ. Tiêu thể (lysocom) giảm và hình thái ty lạp thể (mitochondrium) bị biến hình. Những thay đổi hình thái các bào quan của tế bào gan chứng tỏ hoạt động giải độc mạnh của nó.
Ngộ độc mạn tính do mooc - phin làm lưới nội nguyên sinh không hạt tăng sinh không đáng kể. Lượng Glucogen và lưới nội nguyên sinh có hạt gần như bình thường. Hình thái của ty lạp thể (mitochondrium) rất đa dạng, nhất là ty lạp thể của chuột con. Những biến đổi siêu cấu trúc của tế bào gan ngộ độc mạn tính mooc-phin cho thấy cơ thể thích nghi với thuốc đã xuất hiện trong tế bào. Tế bào gan thế hệ con thấy lưới nội nguyên sinh có hạt kém phát triển, các hạt ribosom phủ không đều. Lưới nội nguyên sinh không hạt tăng sinh mạnh. Ty lạp thể (mitochondrium) méo mó đa hình. Nhiễm độc mooc - phin mạn tính 100% tồn tại khả năng sinh đẻ, nhưng một số chuột sơ sinh chết sau đẻ 24 giờ. Tình trạng phát triển của chuột con là xấu.

Thành tựu khoa học

Một số công trình nghiên cứu:
Thay đổi siêu cấu trúc ở gan trong ngộ độc cấp tính và mạn tính do mooc-phin.
Liên quan giữa xơ gan với thay đổi chỉ số men SGOT - SGPT.
Nhận một trường hợp bệnh pôlip toàn diện của ống tiêu hoá - hội chứng Ménétrie peutz - jeghez.
Nhận xét 44 trường hợp phá thai y pháp (1955 - 1960)
Những hình thái dị tật bẩm sinh của ống tiêu hoá qua giải phẫu bệnh và phẫu thuật điều trị.
Nhận xét 35 trường hợp tổn thương tim do vật tày qua giám định y pháp.
Nghiên cứu 113 ca bị hiếp dâm
Xây dựng bảng tiêu chuẩn tổn hại sức khoẻ dùng cho giám định y pháp.
Bài giảng y pháp.
Giám định y pháp với điều tra hình sự.
Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sức khoẻ nhân dân.
Vì sự nghiệp giáo dục.
Nhà giáo ưu tú.

Dự định khoa học

Viết sách giáo khoa y pháp học.
Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật gen trong giám định pháp y.

Lời Tiến sĩ

Y pháp là cơ quan bổ trợ pháp lý, bản kết luận giám định y pháp được luật pháp công nhận là một chứng cứ pháp lý tin cậy.
Đối với nạn nhân sống: Phải làm cho thương tích nói lên đúng sự tổn hại sức khoẻ của họ.
Đối với nạn nhân chết: Phải làm cho người chết "nói lên" được sự thật vì sao mà chết? chết trong hoàn cảnh nào?, ai đã sát hại?



ĐẶNG VĂN LIẾU

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 15 - 3 - 1943
Quê quán: Nam Hồng - Nam Trực - Nam Định
Chỗ ở hiện nay: 61B Ô 20 phường Hạ Long - Thành phố Nam Định.

Quá trình công tác

Giáo viên trường Phổ thông cấp III Giao Thuỷ - Nam Hà.
Trường Cao Đẳng Sư phạm Nam Định.
Hiện là Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Hoá học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Chuyên ngành Hoá học hữu cơ

Đề tài luận án

Tổng hợp và nghiên cứu một số azometin - dẫn xuất của quinolin và benzothiagol.

Nội dung

Tổng hợp 81 azometin dẫn xuất của quinolin benzothiagol trong đó có 62 chất chưa có trong các tài liệu tham khảo bằng các phản ứng đóng vòng, oxi hoá, ngưng tụ.
Xác định cấu tạo của các chất tổng hợp ra bằng các phương pháp hoá học (phân tích nguyên tố, thử tính chất đặc trưng) và vật lý (quang phổ hồng ngoại, quang phổ tử ngoại, quang phổ cộng hưởng từ hạt nhân).
Thử khả năng tạo phức chất của các azometin với một số kim loại. Đã xác định điều kiện tạo phức tối ưu, thành phần cấu tạo và hệ số hấp thụ mol của phức chất tạo bởi một vài azometin tổng hợp được với kim loại Cu^{++}, Ni^{2+} và thấy rằng có triển vọng dùng các azometin làm thuốc thử hữu cơ trong hoá học phân tích.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Tham gia và đồng tác giả 2 đề tài cấp tỉnh về khoa học giáo dục và 1 đề tài cấp Bộ.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành.
Sách xuất bản:
Những bài tập hoá học chọn lọc lớp 10-11 (đồng tác giả). Nxb Giáo dục.
Những bài thi hoá học vô địch Ba Lan (Dịch từ tiếng Nga). Nxb Giáo dục.
Cơ sở hoá học hữu cơ T1 (đồng tác giả). Nxb Giáo dục.
Nhà giáo ưu tú 1998.
Bằng lao động sáng tạo.

Dự định khoa học

Giảng dạy hoá học đại học và cao đẳng.
Tham gia các đề tài khoa học giáo dục.

Lời Tiến sĩ

Để thực hiện được "khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu" thì Nhà nước phải đầu tư hơn nữa cho khoa học công nghệ và giáo dục - đào tạo, như vậy mới có nhiều người tài giỏi phục vụ đất nước.



PHAN VĂN LINH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 20 - 10 - 1945.
Quê quán: Hợp Thành - Yên Thành - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 15 ngách 44/3 ngõ 44 Hàm Tử Quan - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Kỹ thuật Buđapet, Hungari.
Phiên dịch Đại sứ, trợ lý văn hoá - báo chí Bộ Ngoại giao - Đại sứ quán Việt Nam tại Hungari.
Cán bộ nghiên cứu Cục Nghiên cứu - Bộ Tổng Tham mưu.
Phó Chủ nhiệm khoa Tin học - Ngoại ngữ.
Đại tá, Phó trưởng phòng Khoa học công nghệ và Môi trường Học viện Lục quân Đà Lạt - Bộ Quốc phòng.
Uỷ viên Hội đồng Khoa học Học viện Lục quân.
Hiện công tác tại Công ty FPT thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Tin học Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Tin học tỉnh Lâm Đồng.
Hội viên Hội Tin học thành phố Hồ Chí Minh.
Hội Vô tuyến Điện tử thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981
Tại Viện Khoa học Bưu điện PKI, Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.
Ngành Kỹ thuật Truyền tin.
Chuyên ngành Viễn thông.

Đề tài luận án

Thiết kế tôpô mạng viễn thông

Nội dung

Nghiên cứu các mô hình tôpô xác suất mạng viễn thông, chủ yếu các mạng điện thoại thành phố lớn như Buđapet, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... nhằm tìm ra giải pháp tối ưu về kinh tế kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư xây dựng mới, phát triển mở rộng và các chiến lược chuyển sang mạng số hoá, trên cơ sở hệ thống dữ liệu động (dự báo phát triển) về địa hình, công nghệ thiết bị và lưu lượng thông tin. Chương trình máy tính được viết bằng ngôn ngữ Basic trên máy mini PDP-8. Một mặt xây dựng các thuật toán mô hình hoá tôpô mạng tối ưu theo các tập thiết bị chuyển mạch, lưu lượng thông tin và địa hình cho trước. Mặt khác nghiên cứu đánh giá sai số và lập biểu thức thực nghiệm tuyến tính hoá công thức thiết kế Erlang. Hai sáng kiến được đưa vào sổ tay viễn thông của CCITT (Telecommunications HandBook) là hệ số đo khoảng cách hiệu chỉnh theo phân bố xác suất (Probability distribution corrected Distance - factor) phục vụ tính chiều dài cáp truyền tin và Biểu thức Erlin tuyến tính hoá công thức Erlang (Erlin expression) phục vụ tính toán nhanh số lượng thiết bị mạng cần có.

Thành tựu khoa học

Một số nghiên cứu đã công bố ở Hungari:
Thiết kế tuyến mạch thoại với dự phòng quá tải.
Dự án kỹ thuật hệ thống cho mạng điện thoại Buđapet (đồng tác giả).
Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ: Nghiên cứu xử lý tín hiệu thu vệ tinh.
Truyền hình qua vệ tinh - giáo trình kỹ thuật phát thanh truyền hình.
Tin học cơ bản (sau đại học).
Cơ sở văn hoá tin học.
Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (nền tảng Ms Access).
Hướng dẫn nhiều nghiên cứu sinh.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và môi trường.

Dự định khoa học

Lập dự án khả thi, tham gia xây dựng và quản lý điều hành khu sản xuất phần mềm cao Nghệ An.



NGUYỄN THỊ LOAN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 8 - 12 - 1955.
Quê quán: Ninh Hiệp - Gia Lâm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 23 Hà Trung - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội nay là Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Trường Môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển, Học viện Công nghệ châu Á (AIT) Băngcốc, Thái Lan.
Chuyên ngành Sinh thái và môi trường

Đề tài luận án

Vai trò của tảo lam cố định đạm trong sinh thái ruộng lúa nước và ảnh hưởng của một số thuốc trừ cỏ lên chúng - Nghiên cứu điển hình tại Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu vai trò của tảo lam cố định đạm trong ruộng lúa. Ảnh hưởng của một số thuốc trừ cỏ thường dùng ở Việt Nam như Butavi, 2;4 D, Ronstar, Sofit, Michelle và Whip lên khả năng cố định đạm của chúng trong tự nhiên và phòng thí nghiệm. Một phương pháp đánh giá nhanh mật độ của tảo dựa trên mẫu của chúng đã được xây dựng. Mối quan hệ giữa mật độ tảo và mật độ động vật phù du được nghiên cứu và thấy rằng chúng có mối quan hệ như mối quan hệ vật dữ con mồi. Sự có mặt của phân hoá học cũng kìm hãm sự phát triển của tảo lam cố định đạm. Ngược lại, các yếu tố vi lượng như Molybden kích thích sự phát triển của tảo. 14°C được sử dụng trong một thí nghiệm để theo dõi dấu vết của tảo lam trong lưới thức ăn. Kết quả cho thấy động vật đáy tiêu thụ nhiều tảo hơn động vật phù du và tảo dạng sợi bị ăn nhiều hơn dạng đơn bào. Tảo bị nhiễm các loại thuốc Butavi, Ronstar, Sofit, 2;4 D, Michelle và Whip's cho cá ăn làm cá bị chết và bị bệnh. Butavi gây ảnh hưởng cho cá mạnh nhất sau đó đến 2; 4D, Whip's, Ronstar và Sofit.

Thành tựu khoa học

Những công trình đã công bố:
Đồng tác giả:
Nuôi trồng tảo Spirulina Platensis trong nước thải của phân xưởng Urê tại Nhà máy Phân đạm Hà Bắc; Ảnh hưởng của vôi, phốt pho và molybden lên sự tăng trưởng của tảo lam;
Theo vết của tảo lam trong mạng thức ăn của hệ sinh thái ruộng lúa nước (tiếng Anh).
Tác giả:
Tích luỹ sinh học của thuốc trừ cỏ trong sinh vật và ảnh hưởng của nó trong hệ sinh thái nước; Chuyển đổi hỗn hợp bèo tây (Eichnoria Crassipes) và rác sinh hoạt sang phân bón bằng biện pháp ủ phân compost (tại Thụy Sĩ); Tái sử dụng và tái chế rác thải ở Hà Nội Việt Nam và các tác động môi trường của nó (tại Thụy Sĩ); Hiện trạng môi trường nước và quản lý chất lượng nước ở Việt Nam (tại Hàn Quốc); Đánh giá thời gian lưu nước khác nhau trong hệ thống hồ sinh học với bèo tấm (Wolfia Arrhiga) và bèo tây (Eichhornia Crassipes) kết hợp với hệ thống lọc qua hào đất để xử lý nước thải có hàm lượng chất hữu cơ cao (tại CHLB Đức).
Sách đã xuất bản:
Đánh giá nhanh môi trường và dự án (đồng tác giả) Nxb Ninh Thuận.
Các công trình nghiên cứu đã tham gia:
Nghiên cứu sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên tạo thu nhập tại Hồ Tây; Đề xuất các giải pháp xử lý nước thải tại Hồ Tây; Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc trừ cỏ lên tảo lam cố định đạm tại ruộng lúa nước Việt Nam; Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc trừ cỏ lên sinh thái ruộng lúa và tích luỹ sinh học của chúng trong sinh vật; Đánh giá tác động môi trường (phần sinh học) vùng hồ chứa nước Cửa Đạt; Mô hình xử lý nước sinh hoạt bằng hệ thống lọc qua đất tại Nhật Bản.

Dự định khoa học

Nghiên cứu xử lý nước thải chất thải rắn bằng các biện pháp sinh học; Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc bảo vệ thực vật lên sinh vật trong hệ sinh thái nước và hệ sinh thái ruộng lúa.



CAO ANH LONG

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 7 - 8 - 1940.
Quê quán: Giao Tiến - Giao Thuỷ - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên Trường Trung cấp Nông Lâm Trung ương.
Cán bộ giảng dạy khoa Trồng trọt - Trường Đại học Nông nghiệp II Hà Bắc; Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Chuyên gia Nông nghiệp tại Môdămbich.
Trưởng phòng Khoa học - Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Hội viên Hội làm vườn, Hội sinh vật cảnh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội.
Ngành Trồng trọt.

Đề tài luận án

Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và sinh trưởng rễ bất định của cành chiết, cành giâm một số loại cây ăn quả.

Nội dung

Nghiên cứu một số yếu tố nội tại và ngoại cảnh ảnh hưởng đến sự hình thành, sinh trưởng rất bất định của cành chiết cành giâm một số giống cây ăn quả ở miền Bắc Việt Nam.
Tìm hiểu sự hình thành rễ bất định của cành chiết.
Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến sự ra rễ của cành chiết bao gồm: giống, mùa vụ, chất lượng cành, kỹ thuật chiết.
Nghiên cứu một số yếu tố nội tại và ngoại cảnh ảnh hưởng đến sự ra rễ của cành giâm. Bao gồm các yếu tố: giống, chất lượng hoa giâm (vị trí hom/cành, chiều dài hoa độ lớn, số lá/hom), thời vụ, giá thể giâm (nền) chất điều tiết sinh trưởng...
Luận án đã góp phần nhân giống cây ăn quả bằng quy trình công nghệ chiết và giâm cành.

Thành tựu khoa học

Giáo trình đã biên soạn:
Cây bông.
Cây ăn quả.
Những đề tài cấp Bộ đã tham gia:
Nghiên cứu đặc tính sinh học, đặc tính kinh tế các giống chuối.
Tạo chọn và nhân giống một số loại cây ăn quả có giá trị kinh tế và có tác dụng cải tạo môi sinh.
Biện pháp kinh tế kỹ thuật tăng năng suất cây thanh hao hoa vàng
Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật nhân giống bằng phương pháp ghép đối với một số loài cây ăn quả khó ghép: vải, nhãn, hồng.
Nghiên cứu hoàn thiện một số quy trình công nghệ bảo quản vải tươi ở miền Bắc Việt Nam.
Cây ăn quả trong hệ thống VAC của nông hộ ở các điều kiện sinh thái Sóc Sơn - Hà Nội.
Tối ưu hoá mô hình VAC ở một số vùng sinh thái kinh tế đặc trưng.
Điều tra, thu thập, bảo tồn và đánh giá một số cây ăn quả đặc sản ở vùng đồng bằng sông Hồng, Tây Bắc, khu 4.
Xây dựng một số mô hình lập thể bằng những tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp mới, hiện đại.
Khảo sát khả năng thích ứng của một số giống cây ăn quả quý nhập về trồng tại vườn quỹ gen.
Hoàn thiện và chuyển giao một số công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện sản xuất tỉnh Quảng Bình.
Thư ký các chương trình dự án cấp Nhà nước:
Phát triển kinh tế - xã hội huyện Diễn Châu - Nghệ An.
Hệ thống canh tác.
Huân chương kháng chiến hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục đào tạo.
Vì sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Dự định khoa học

Viết sách và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào phát triển sản xuất cây ăn quả ở Việt Nam.



ĐINH ĐOÀN LONG

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 9 - 9 - 1972.
Quê quán: Ngọc Thụy - Gia Lâm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay:
3 Trần Khánh Dư - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Viện Di truyền Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000
Tại Viện Sinh học Dược phẩm, Trung tâm Nghiên cứu Dược phẩm, Trường Đại học Tổng hợp Basel Thuỵ Sĩ.
Chuyên ngành Sinh học Dược phẩm.

Đề tài luận án

Kava-kava (Piper methysticum): công nghệ nhân giống in vitro và các ảnh hưởng dược lý của một số dịch chiết methanol từ các giống khác nhau.

Nội dung

Kava (Piper methysticum Forst) là một loài cây thuốc an thần nổi tiếng đã được sử dụng trên các quần đảo Nam Thái Bình Dương qua nhiều thế kỷ.
Loại cây thuốc này đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều phòng thí nghiệm ở châu Âu và Bắc Mỹ.

Luận án mô tả các kết quả nghiên cứu, xây dựng một quy trình công nghệ nhân giống in vitro cây kava.
Kỹ thuật này cho phép nhân nhanh một số lượng lớn cây con đồng nhất, sạch bệnh, có kiểu di truyền và kiểu hình hoá học xác định.
Các nghiên cứu dược lý phân tử đã góp phần làm sáng tỏ cơ chế dược lý phân tử của các dịch chiết và các hợp chất láctone của loài cây thuốc này trên các thụ thể (receptor) tái tổ hợp của hệ thần kinh trung ương người.

Thành tựu khoa học

Một số công trình khoa học đã công bố ở trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các kỹ thuật của công nghệ sinh học trong việc phát triển nông nghiệp và dược phẩm ở Việt Nam.
Nước ta là một nước nhiệt đới có nguồn tài nguyên sinh vật nhất là thực vật rất phong phú. Việc ứng dụng các phương pháp công nghệ sinh học nhằm khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên này sẽ là một thế mạnh.
Ứng dụng các kỹ thuật công nghệ sinh học hiện đại trong việc phát triển các loại dược phẩm mới ở Việt Nam, bao gồm cả việc nghiên cứu sâu hơn về sinh học (hoá sinh, cơ chế phân tử v.v...) các bài thuốc dân gian và hiện đại hoá các chế phẩm thuốc dân tộc, là một lĩnh vực nghiên cứu còn mới mẻ có nhiều giá trị khoa học và kinh tế.

Lời Tiến sĩ

Một dân tộc mạnh là một dân tộc không ngừng đổi mới bên cạnh việc biết bảo tồn các bản sắc văn hoá dân tộc.
Để đẩy nhanh tốc độ phát triển, nước ta cũng cần phải xây dựng được một nền khoa học công nghệ mạnh.



KHUẤT ĐĂNG LONG

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 20 - 7 - 1952
Quê quán: Thạch Thất - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 3 Cửa Đông - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Viện Sinh vật học, Viện Khoa học Việt Nam.
Cán bộ nghiên cứu Trung tâm Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Khoa học Việt Nam.
Phó trưởng phòng Sinh thái, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật - Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Hội viên Hội Các nhà côn trùng học Việt Nam.
Hội Các nhà sinh thái học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994
Tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.
Ngành Sinh học
Chuyên ngành Côn trùng học

Đề tài luận án

Ong ký sinh kén trắng giống Apanteles Foerster (Hymenoptera: Braconidae: Microgastrinae) ở miền Bắc Việt Nam và khả năng lợi dụng chúng trong phòng trừ tổng hợp sâu hại.

Nội dung

Nghiên cứu thành phần loài và sự phân bố trên các cây trồng của các loài ong ký sinh thuộc giống Apanteles phổ biến ở những loài sâu hại cây trồng nông nghiệp quan trọng như lúa, ngô, đậu đỗ, khoai lang, rau và một số cây ăn quả.
Nghiên cứu sâu đặc điểm sinh học và sinh thái của 2 loài ký sinh đại diện đó là Apanteles cypris ký sinh sâu cuốn lá nhỏ hại lúa Cnaphlocrocis medinalis và Apanteles ruficrus ký sinh các loài sâu cắn lá ngô và cắn ghé lúa. Đưa ra kết quả nghiên cứu về ảnh hưởng của một số yếu tố sinh thái và thuốc trừ sâu đến sự thay đổi số lượng các loài ký sinh cánh màng trên sinh quần đồng lúa...
Trên cơ sở nghiên cứu về biến động số lượng của một số loài ký sinh quan trọng và vai trò của ong kén trắng trong việc hạn chế số lượng các loài sâu hại cây nông nghiệp, đề xuất một số khả năng duy trì, bảo vệ và phát triển các loài côn trùng cánh màng ký sinh nói chung và ong kén trắng nói riêng trong hệ thống phòng trừ tổng hợp sâu hại nhằm hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu và bảo vệ môi trường.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài nghiên cứu:
Chương trình sinh học phục vụ nông nghiệp (cấp Nhà nước).
Điều tra đánh giá thực trạng côn trùng và vi sinh vật có ích trong hệ sinh thái cây công nghiệp trọng điểm của Việt Nam và định hướng sử dụng chúng (cấp Nhà nước).
Điều tra, đánh giá hiện trạng một số nhóm động vật không xương sống có ý nghĩa kinh tế và sinh vật diệt sâu trong hệ sinh thái trồng cây đậu tương, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế miền núi (thư ký - cấp Nhà nước).
Điều phối đề án hợp tác giữa Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật và Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên Hoa Kỳ. Tiến hành điều tra khảo sát đa dạng sinh học một số nhóm động vật hoang dã ở một số khu vực rừng núi cao thuộc Bắc Trường Sơn và Bắc Việt Nam.
Chủ nhiệm một số đề tài nghiên cứu khoa học cơ bản giai đoạn 1996 - 2003.
Trên 40 bài báo đã công bố trên các tạp chí, tuyển tập báo cáo khoa học trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Điều tra, nghiên cứu thành phần và sự đa dạng các loài côn trùng cánh màng trong khu hệ côn trùng Việt Nam. Nghiên cứu sinh thái quần thể, sự phân bố, vai trò và ý nghĩa kinh tế của các loài côn trùng cánh màng trong các hệ sinh thái nhiệt đới Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Việt Nam đã có đội ngũ các nhà khoa học cơ bản nhưng để hoà nhập và không bị lạc hậu so với khu vực và thế giới, các nhà khoa học Việt Nam cần nâng cao trình độ qua việc trao đổi thông tin với các nước tiên tiến. Các nhà khoa học cần được ưu tiên khai thác thông tin qua mạng, chi phí năng lượng để vận hành máy móc và nâng cấp các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn khu vực và thế giới.



NGUYỄN ĐÌNH LONG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 27 - 9 - 1951
Quê quán: Môn Sơn - Con Cuông - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Gia Lâm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên khoa Kinh tế Trường Đại học Nông nghiệp 2.
Cán bộ nghiên cứu Viện Kinh tế Nông nghiệp Hà Nội.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Nông nghiệp Tasken - Liên Xô cũ.
Trưởng phòng khoa học Viện Kinh tế Nông nghiệp.
Trưởng bộ môn Thị trường và Giá cả nông sản.
Hiện là Phó Viện trưởng Viện Kinh tế Nông nghiệp.
Hội viên Hội Khoa học kinh tế nông lâm nghiệp.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Khoa học kinh tế nông lâm nghiệp, Hội Khoa học kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988
Tại Viện Hàn lâm Khoa học Uzbekistan Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Kinh tế - Nông nghiệp.

Đề tài luận án

Tối ưu hoá kế hoạch phát triển sản xuất trong liên hiệp công - nông nghiệp thành phố Tasken của Uzbekistan.

Nội dung

Phát triển lý luận về tập trung hoá, chuyên môn hoá và liên kết hoá trong quá trình sản xuất đã xây dựng mô hình tối ưu hoá về tổ chức và bố trí sản xuất trong liên hiệp công - nông nghiệp, nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bảo đảm sự nhất thể hoá dọc và nhất thể hoá ngang trong sản xuất.
Để xuất hệ thống các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất và thực hiện phương án tổ chức.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Chính sách khuyến khích sản xuất các nông sản xuất khẩu (cấp Nhà nước - tham gia).
Phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm (cấp Nhà nước - tham gia).
Chủ nhiệm các đề tài:
Những giải pháp chủ yếu, nhằm phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi vùng đồng bằng sông Hồng.
Phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn.
Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn trên vùng sinh thái trung du bán sơn địa Việt Yên - Hà Bắc.
Nghiên cứu những chính sách chủ yếu, nhằm phát huy lợi thế, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của hàng nông sản xuất khẩu (gạo, cà phê, cao su) của Việt Nam (cấp Bộ).
Nghiên cứu những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam trong những năm tới (cấp Bộ).
Sách đã xuất bản (Nxb Nông nghiệp):
Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên vùng sinh thái trung du, miền núi phía Bắc (chủ biên).
Phát huy lợi thế, nâng cao khả năng cạnh tranh hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam (chủ biên).
Kinh tế cây có dầu (tham gia).
Phát triển sản xuất bông trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp (tham gia).
Tây Bắc thực trạng tiềm năng và phát triển (tham gia).
Lý luận và thực tiễn chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam (tham gia).
Giáo trình kinh tế nông nghiệp (tham gia).
Phương pháp lập và phân tích dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn (tham gia).

Dự định khoa học

Nghiên cứu chiến lược phát triển nông nghiệp, trước hết nghiên cứu hệ thống chính sách tạo động lực: khoa học - công nghệ, thị trường, đầu tư, nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn...



NGUYỄN NGỌC LONG

Nguyễn Đô Lương

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 26 - 6 - 1939.
Quê quán: Xuân Trường - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 28 Trường Lâm - Thị trấn Đức Giang - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Giao thông sắt bộ Hà Nội
Nghiên cứu sinh Học viện Nguyễn Ái Quốc.
Cán bộ giảng dạy Học viện Nguyễn Ái Quốc.
Thực tập sinh Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Liên Xô cũ.
Cán bộ giảng dạy kinh tế chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Giám đốc Trung tâm Sản xuất dịch vụ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
Phó Chánh thanh tra Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Hiện tham gia giảng dạy kinh tế chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Thành viên Hội Quốc tế ngữ Việt Nam và Hà Nội.
Hội viên Hội Kinh tế Hà Nội.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986
Tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Kinh tế chính trị.

Đề tài luận án

Kinh tế phụ gia đình trong nền kinh tế quá độ.

Nội dung

Nghiên cứu kinh tế gia đình của công dân trên cơ sở ảnh hưởng qua lại giữa các hình thức sở hữu cá nhân, tập thể và toàn dân.
Phân tích đặc điểm của những chức năng kinh tế - xã hội, sự vận động của hình thức kinh tế này và nét đặc thù của nó ở Việt Nam hiện nay.
Nghiên cứu mối quan hệ hữu cơ của kinh tế gia đình với nền sản xuất xã hội và nhằm nâng cao tối đa hiệu quả của nó trên cơ sở thoả mãn nhu cầu của nền kinh tế quốc dân.
Luận án nêu ra những biện pháp có tính phương hướng nhằm đẩy mạnh sự phát triển kinh tế gia đình và nâng cao hiệu quả lao động trong khu vực kinh tế tư nhân.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm một số đề tài khoa học cấp Bộ và cấp Cơ sở đã nghiệm thu.
Sách đã xuất bản:
Về cuộc cải cách của Lênin. Nxb Thanh niên.
Nhiều công trình đã công bố trên các sách, báo, tạp chí, hội thảo khoa học.
Hướng dẫn tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ.
Huân chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Nhiều bằng khen các cấp.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về các quy luật kinh tế và kinh tế tri thức...



NGUYỄN NGỌC LONG

Tiến sĩ Vật lý

Sinh ngày: 16 - 3 - 1943
Quê quán: Bình Minh - Thanh Oai - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay:
P204, B20 Kim Liên - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Cơ điện Thái Nguyên.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô cũ.
Chủ nhiệm bộ môn Vật lý, Trường Đại học Cơ điện Thái Nguyên.
Phó Chủ nhiệm bộ môn Vật lý đại cương, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chủ nhiệm khoa Vật lý, kiêm Chủ nhiệm bộ môn Vật lý đại cương Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Hiện là Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học quốc gia Hà Nội.
Hội viên Hội Vật lý Việt Nam.
Uỷ viên Thường vụ Ban chấp hành Hội Đo lường Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972
Tại Trường Đại học Tổng hợp Lêningrat, Liên Xô cũ.
Ngành Vật lý
Chuyên ngành Vật liệu chất rắn.

Đề tài luận án

Nghiên cứu huỳnh quang nhiệt độ thấp của tinh thể bán dẫn β-SiC.

Nội dung

Đã phát hiện và nghiên cứu cơ chế tái hợp bức xạ trong tinh thể bán dẫn β-SiC ở nhiệt độ thấp: tái hợp giữa electron và lỗ trống trên cặp donor-aceptor và tái hợp giữa electron tự do trên vùng dẫn và lỗ trống định xứ trên aceptor. Từ kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ, cường độ ánh sáng kích thích, bức xạ hồng ngoại và phổ huỳnh quang phân giải thời gian, đã khẳng định bản chất của các dải phổ huỳnh quang và xác định các thông số của các tâm huỳnh quang trong tinh thể β-SiC.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Nghiên cứu tính chất vật lý của hợp chất bán dẫn (cấp Nhà nước, tham gia).
Nghiên cứu kính màu bảo vệ mắt (cấp Nhà nước, tham gia).
Pha một số tạp chất vào màng bán dẫn ba thành phần $ZN_xCd_{1-x}S$ (cấp Bộ, chủ trì).
Nghiên cứu tính chất quang điện của màng bán dẫn $ZN_xCd_{1-x}S$ chế tạo bằng phương pháp phun dung dịch (cấp Nhà nước, tham gia).
Nghiên cứu các khuyết tật trong bán dẫn vùng cấm rộng bằng phương pháp huỳnh quang (cấp Nhà nước chủ trì nhánh).
Nghiên cứu dự báo, phòng chống sạt lở bờ sông hệ thống sông miền Bắc Trung bộ (cấp Nhà nước, chủ trì nhánh).
Đã công bố trên 30 bài báo, báo cáo khoa học thuộc lĩnh vực quang học bán dẫn.
Sách đã xuất bản:
Thực tập vật lý đại cương (đồng tác giả) Trường Đại học Tổng hợp.
Bài giảng vật lý đại cương, Trường Đại học Tổng hợp.
Vật lý học đại cương, Tập 1, 2 (chủ biên)
Bài giảng vật lý chất rắn đại cương.
Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.



TÔ ĐỨC LONG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 07 - 10 - 1954.
Quê quán: Đông Hoàng - Đông Hưng - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay:
52 Tổ 39 phường Ô Chợ Dừa - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy khoa Cơ khí - Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Xôphia Bungari.
Hiện Công tác tại Cục Đăng kiểm Việt Nam.
Hội viên Hội Kỹ sư ô tô Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Trường Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Xôphia - Bungari.
Ngành Tổ chức, khai thác và điều khiển giao thông ôtô.
Chuyên ngành Cơ khí ôtô.

Đề tài luận án

Nghiên cứu mài mòn và nâng cao chất lượng mạ phục hồi bộ đôi bơm cao áp.

Nội dung

Bộ đôi là cặp chi tiết quan trọng trong bơm cao áp, được chế tạo với độ chính xác cao.

Nghiên cứu quy luật mài mòn trong các điều kiện sử dụng khác nhau của cặp bộ đôi bơm cao áp đã được nhiều nhà khoa học trên thế giới quan tâm.
Luận án xác định nguyên nhân của một số dạng mòn của một số cặp bộ đôi trong các điều kiện sử dụng khác nhau.
Xác định thông số điều chỉnh tối ưu của bơm cao áp trên cơ sở xác định mối quan hệ giữa mài mòn và các thông số làm việc của động cơ.
Tối ưu hoá các thông số của chế độ mạ trong quá trình phục hồi bộ bôi bơm cao áp bằng phương pháp mạ Crôm.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Thiết kế ôtô chở khách trong điều kiện sử dụng ở vùng mỏ.
Chuyển đổi ôtô Zil 130 sử dụng nhiên liệu xăng sang sử dụng khí ga Tiền Hải - Thái Bình.
Xây dựng định mức nhiên liệu cho các ôtô sử dụng ở Việt Nam.
Thiết kế phương tiện chở hàng siêu trường siêu trọng ở Việt Nam.
Biên soạn giáo trình:
Quy hoạch thực nghiệm.
Chẩn đoán kỹ thuật (dùng cho hệ cao học ngành cơ khí Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội.
Kết cấu và tính toán ô tô (tham gia)

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học trên thế giới nhằm hiện đại hoá công tác kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, hạn chế tai nạn giao thông do các phương tiện cơ giới gây ra.



TRẦN ĐÌNH LONG

Trần Long

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 02 - 10 - 1941
Quê quán: Sông Thao - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: 150/158 Ngọc Hà - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội và Đại học Nông nghiệp II.
Thực tập sinh cao cấp tại Liên Xô cũ.
Phó Viện trưởng Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam.
Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm đậu đỗ.
Phó chủ tịch Hội Di truyền học Việt Nam.
Chủ tịch Hiệp hội những người đã tốt nghiệp ở Liên Xô.
Chủ tịch Hội Giống cây trồng Việt Nam.
Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Nông nghiệp Liên Bang Nga.
Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983
Tại Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Kisinhốp, Liên Xô cũ.
Ngành Sinh học; Chuyên ngành Chọn giống cây trồng.

Đề tài luận án

Nghiên cứu tế bào phôi thai vật liệu chọn giống đậu tương nhận được bằng đột biến thực nghiệm.

Nội dung

Nghiên cứu sinh học của sự nở hoa ở đậu tương, đề xuất mô hình động thái nở hoa ở đậu tương. Nghiên cứu siêu cấu trúc tế bào phôi thai bằng kính hiển vi điện tử xuyên và kính hiển vi điện tử nối - rút ra các quy luật về quá trình hình thành tiểu bào tử và đại bào tử ở các thể đột biến. Phát hiện mối tương quan thuận chặt giữa sự hình thành bào tử với tình trạng chín sớm ở các thể đột biến đậu tương, trên cơ sở đó xây dựng nguyên lý chọn giống đậu tương chín cực sớm bằng phương pháp đột biến thực nghiệm thông qua việc nghiên cứu cấu trúc tế bào. Luận án đã nêu giả thuyết về đột biến điểm (đột biến gen) làm tăng phổ đột biến có ích trong chọn tạo giống đậu tương mới - nhờ giả thuyết này đã nhân được hàng loạt vật liệu khởi đầu có nhiều tính trạng giá trị phục vụ cho công tác chọn tạo giống đậu tương của Việt Nam và thế giới.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài cấp Nhà nước:
Chọn giống đậu đỗ.
Chọn tạo giống cây trồng cạn lấy hạt và biện pháp thâm canh.
Tạo vật liệu khởi đầu để chọn giống lúa có tiềm năng năng suất cao.
Sản xuất và chế biến cỏ ngọt (dự án).
Chọn tạo giống đậu tương và lạc (đề tài nhánh).
Tác giả của nhiều giống cây trồng mới, đậu tương, đậu xanh, lạc, khoai lang, đại mạch, cỏ ngọt...
Sách đã xuất bản:
Giáo trình *Di truyền học thực vật; Thực tập di truyền học thực vật.*
Nghiên cứu và sử dụng quỹ gen cây trồng từ nguồn nhập nội.
Cultivation and Utilization of Steviarebaudiana. Agr. Pub. House
Các cây trồng mới và ít phổ biến ở Việt Nam (tiếng Nga).
Chọn tạo giống cây trồng cạn lấy hạt và biện pháp thâm canh.
Sản xuất và sử dụng cỏ ngọt; Chọn giống cây trồng; Cây đậu xanh; Cây đậu tương; Kỹ thuật đạt năng suất lạc cao. Nxb Nông nghiệp.
Giới thiệu một số giống cây trồng mới ở Việt Nam. Nxb Nông nghiệp.
5 bằng lao động sáng tạo; Huy chương kháng chiến hạng nhất; Huân chương hữu nghị Liên bang Nga; Huân chương lao động hạng ba.

Dự định khoa học

Nghiên cứu bảo tồn nguồn tài nguyên di truyền thực vật.
Sử dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo giống lạc, đậu tương, cây lấy dầu (vừng, hướng dương) và một số cây trồng mới đặc biệt là cây nhuộm màu thực phẩm.
Nghiên cứu phát triển nền nông nghiệp sinh thái và nông nghiệp hàng hoá bằng kỹ thuật quản lý cây trồng tổng hợp (ICM).

Lời Tiến sĩ

Làm khoa học phải bắt nguồn từ thực tiễn, phải kiên trì, bản lĩnh, trung thực, khiêm tốn - không ngừng kế thừa truyền thống và tiếp cận cái mới nhất - luôn sáng tạo và lấy chữ "Tâm" làm gốc.



VÕ KIM LONG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 01 - 5 - 1942
Quê quán: Tùng Ảnh - Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay:
211/C2 - Quỳnh Mai - Hà Nội.

Quá trình công tác

Kỹ sư xây dựng Uỷ ban kiến thiết cơ bản Nhà nước.
Nghiên cứu sinh tại Lêningrat.
Phó trưởng phòng, Viện Tiêu chuẩn hoá, Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước, Bộ Xây dựng.
Trưởng phòng Tiêu chuẩn và chất lượng xây dựng, Viện Nghiên cứu kiến trúc, Bộ Xây dựng.
Thành viên Hội Xây dựng Việt Nam.
Hội Cấp thoát nước Việt Nam.
Ban Kỹ thuật tiêu chuẩn TC - 147 Chất lượng nước - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường - Bộ Khoa học Công nghệ.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1978
Tại Trường Đại học Xây dựng Lêningrat - Liên bang Nga.
Ngành Cấp thoát nước

Đề tài luận án

Nghiên cứu xử lý nước thải công nghiệp chế biến thịt bằng hồ sinh học trong điều kiện Việt Nam.

Nội dung

Nước thải công nghiệp sản xuất chế biến thịt là loại nước thải có hàm lượng bẩn hữu cơ cao: chất lơ lửng ≈ 5.000mg/l, nhu cầu oxi sinh hoá - BOD ~ 1.500mg/l, nhu cầu oxi hoá học - COD ~ 2.500mg/l. Do đó, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải, nước thải phải được xử lý.
Bằng nghiên cứu thực nghiệm, luận án đề xuất công nghệ xử lý sinh hoá nước thải công nghiệp, chế biến thịt bằng hồ sinh vật là công trình xử lý nước thải thích hợp đối với điều kiện tự nhiên của Việt Nam. Nghiên cứu hiệu quả xử lý nước thải bằng hồ sinh học đã qua xử lý sơ bộ bằng phương pháp keo tụ tuyển nổi điện, nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ, độ sâu của nước thải trong hồ sinh học đến hiệu quả xử lý, các biện pháp sinh học để khử rong tảo trong nước thải hồ sinh học, đề xuất các công thức và các hệ số để thiết kế hồ sinh học.

Thành tựu khoa học

Một số công trình nghiên cứu, biên soạn tiêu chuẩn thiết kế cấp nước đô thị TC - 33 - 68.
Biên soạn tiêu chuẩn thiết kế thoát nước đô thị CT-51-72.
Cơ cấu bộ tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam theo xu thế đổi mới và hội nhập quốc tế.
Xây dựng quy định kỹ thuật xây dựng nhà và công trình trong vùng ngập lụt đồng bằng sông Cửu Long.
Xây dựng quy định kỹ thuật quy hoạch công trình thể thao, hướng dẫn lập dự án và thiết kế công trình thể thao.
Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.
Tiêu chuẩn lối đi lại của người tàn tật trong công trình.
Tiêu chuẩn thiết kế cấp thoát nước bên trong công trình.
Quy hoạch bộ tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam đến 2010.
Các tiêu chuẩn về chất lượng nước.
Sự thay đổi bộ tiêu chuẩn xây dựng Liên bang Nga và kiến nghị áp dụng tại Việt Nam.
Sách đã xuất bản (biên soạn):
Từ điển Nga - Việt xây dựng. Nxb Tiếng Nga, Matxcơva.
Từ điển xây dựng giải thích. Nxb Xây dựng, Hà Nội.
Từ điển thuật ngữ Anh - Việt cấp thoát nước. Nxb Khoa học kỹ thuật.
Công trình làm sạch nước thải loại nhỏ (dịch từ tiếng Nga). Nxb Xây dựng.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp xây dựng.

Dự định khoa học

Biên soạn các tiêu chuẩn cấp thoát nước, chất lượng nước, luật bảo vệ môi trường...
Nghiên cứu công nghệ xử lý chất thải, nước thải phù hợp với điều kiện Việt Nam.



BÙI QUÝ LỘ

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 15 - 10 - 1937.
Quê quán: Đông Huy - Đông Hưng - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: P503 nhà A17 phường Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên sư phạm trung cấp.
Phó chủ nhiệm khoa Đào tạo giáo viên cấp 2.
Giảng viên chính khoa Lịch sử - Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Sử học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Lịch sử Việt Nam cổ trung đại.

Đề tài luận án

Công cuộc khai hoang lập huyện Tiền Hải.

Nội dung

Điều kiện tự nhiên miền ven biển Tiền Hải - nhiều đất mới bồi do yêu cầu xã hội nông dân cần ruộng đất đòi hỏi cấp bách. Nguyễn Công Trứ làm nhiệm vụ doanh điền sứ đã sáng tạo nhiều chủ trương biện pháp làm thuỷ lợi, huy động nông dân nghèo, Nhà nước cấp kinh phí và khai hoang thành công lập được huyện Tiền Hải góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp ổn định đời sống xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XIX là bài học lâu dài cho công tác khai hoang trong lịch sử dân tộc.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài cấp Bộ:
Lịch sử khai hoang đồng bằng Bắc Bộ.
Khai thác tư liệu lịch sử địa phương trong nghiên cứu lịch sử.
Công tác thanh tra kiểm sát trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam (cấp Nhà nước).
Sách đã xuất bản:
Cuộc khai khẩn thành lập huyện Tiền Hải.
Sở Văn hoá Thông tin Thái Bình.
Biên soạn một số sách giáo khoa hệ cao đẳng.
Nhiều bài đăng trên tạp chí chuyên ngành.

Dự định khoa học

Nghiên cứu và giảng dạy lịch sử.



PHẠM ĐỨC LỘ

Ngọc Đức, Lê Đức

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 20 - 9 - 1934.
Quê quán: Đông Lĩnh - Đông Hưng - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Số 2 B20 Nam Thành Công - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Nông lâm Hà Nội.
Tu nghiệp sinh tại Đại học Nông nghiệp Bắc Kinh - Trung Quốc.
Cán bộ giảng dạy, Chủ nhiệm bộ môn, Phó chủ nhiệm khoa.
Trưởng phòng Đào tạo Trường Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội.
Uỷ viên Ban thư ký Hội đồng Học hàm Nhà nước.
Tổng thư ký Hội Thú y Việt Nam (từ 1991).
Được phong Giáo sư năm 1996

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982
Tại Trường Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội.
Chuyên ngành Thú y - Chăn nuôi.

Đề tài luận án

Kết quả bước đầu nghiên cứu về thể nhiễm sắc của lợn, trâu, bò Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu thể nhiễm sắc (TNS) của trâu, bò, lợn. Nhờ có thành công cơ bản này có thể ứng dụng để phát hiện TNS của các loài vật nuôi ở Việt Nam.
Số lượng TNS của lợn, trâu, bò Việt Nam quan sát được: lợn 2n = 38, trâu 2n = 48, bò vàng 2n = 60.
Hình thái TNS 3 loài nói trên chỉ gồm 2 loại: TNS tâm giữa và TNS tâm đỉnh. Số lượng TNS tâm giữa ở lợn = 12, trâu = 38, bò = 58.
Kích thước TNS đo được bằng micron (thứ tự ở lợn, trâu, bò): đôi thứ nhất: 9,92, 8,94, 5,58; đôi cuối cùng = 2,58, 2,05, 1,34; đôi TNS X = 5,16, 5,69, 5,39; đôi TNS Y = 2,25, 1,92 và 1,5. Lần đầu xếp được Karyotype của lợn, trâu, bò đều gồm 6 nhóm A, B, C, D, E và F; lợn xếp 3 hàng, trâu xếp 4 hàng và bò xếp 6 hàng. Các thành công trên giúp cho việc bảo tồn quỹ gen quý hiếm của vật nuôi, lai tạo các giống vật nuôi mới; chẩn đoán và điều trị các bệnh về TNS động vật và các bệnh do nhiễm chất độc hoá học, ô nhiễm môi trường sinh sống của các giống vật đang sống hoặc được nuôi sống trên đất nước Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu đã công bố:
Sự phân bố của thần kinh thực vật trong các cơ quan xoang ngực bò (ở Trung Quốc).
Giám định tuổi trâu (ở Trung Quốc).
Nhiều bài nghiên cứu đã công bố trên các tạp chí khoa học:
Về cấu trúc vi thể: Kết quả nghiên cứu về cấu trúc vi thể của dạ dày, tá tràng, gan lợn ỉ và thực quản trâu.
Về TNS: Kết quả nghiên cứu đầu tiên về TNS của lợn, trâu, bò và vịt Việt Nam.
Về tế bào máu: Kết quả nghiên cứu về hình thái, số lượng, các chỉ tiêu cơ bản của tế bào máu: Trâu, bò, lợn và gia cầm.
Về sinh học vật nuôi: Kết quả nghiên cứu về sinh học các giống vịt nuôi, lợn ngoại nuôi thích nghi tại Việt Nam.
Về giáo dục đại học: Tình hình giáo dục đại học của Philippin, Indonesia, Thái Lan và sự đổi mới đào tạo đại học ở khối trường đại học nông, lâm, ngư nghiệp Việt Nam.
Hướng dẫn nghiên cứu sinh.
Sách đã xuất bản:
Tổ chức, phôi thai học.
Tổ chức học và phôi thai học.
Tổ chức học, phôi thai học. Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
Sinh học phân tử tế bào (giáo trình cao học).

Dự định khoa học

Nghiên cứu về gen trong chăn nuôi thú y và về siêu cấu trúc trong sinh học, virut học.
Góp phần đưa giáo dục đại học Việt Nam hoà nhập ASEAN, đặc biệt giáo dục ngành thuỷ sản.

Lời Tiến sĩ

Trong công cuộc chấn hưng đất nước Việt Nam trách nhiệm nặng nề đặt trên vai các nhà khoa học và các nhà lãnh đạo.



LÂM TÔ LỘC

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 05 - 12 - 1929.
Quê quán: Nghĩa Lộ - Tư Nghĩa - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: Nhà 3, ngách 45/2, ngõ 45 - Nguyễn Hồng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Hoạt động âm nhạc trong Liên đoàn Văn hoá cứu quốc Quảng Ngãi.
Uỷ viên BCH Chi đoàn Nhạc sĩ Liên khu V. Uỷ viên BCH khoá I Phân hội Văn nghệ Bình Định, Uỷ viên BCH khoá I Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Trưởng ban nghiên cứu múa Viện Lý luận - Lịch sử Nghệ thuật. Thư ký khoa học kiêm Trưởng ban Dự báo Viện Văn hoá. Uỷ viên Hội đồng Văn hoá Nghệ thuật thuộc Hội đồng Học hàm Nhà nước. Được phong Giáo sư (1992), Nghệ sĩ ưu tú (1993).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1971
Tại Học viện Sân khấu quốc gia Lunasaxki Matxcơva.
Tiến sĩ Khoa học năm 1981
Tại Viện Nghệ thuật Liên Xô cũ.

Đề tài luận án

Truyền thống và hiện đại trong múa dân tộc Việt.

Nội dung

I: Múa truyền thống dân tộc Việt. II: Múa hiện đại dân tộc Việt; III: Múa trong kịch hát truyền thống và các nghệ thuật động; IV: Tính quy luật của sáng tạo múa; V: Sinh hoạt múa và lối sống của người Việt. Kết luận: Triển vọng nghệ thuật múa dân tộc Việt. Luận án phát hiện quy luật phát triển múa truyền thống trong quá trình hiện đại hóa: Luận án góp phần nghiên cứu các xu thế phát triển đương đại của văn hoá múa truyền thống các nước phương Đông.

Thành tựu khoa học

Sáng tác một số ca khúc thời kháng chiến chống Pháp.
Những tác phẩm múa được giải cao hoặc giới thiệu với các nước: Xà Dăm. Trống bồng. Viên quan và lính hầu. Cô gái tải đạn, Giữ buôn giữ rẫy. Nhịp sống vùng cao. Vũ điệu Khơme v.v...
Sách đã xuất bản:
Múa dân gian các dân tộc Việt Nam. Năng khiếu và tài năng nghệ thuật múa. Truyền thống nghệ thuật Việt Nam và sự phát triển của nó. Nghệ thuật múa ở Thăng Long Đông Đô, Hà Nội v.v... Hơn 200 bài báo, tham gia Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.
Đồng tác giả:
Cán bộ quản lý văn hoá thông tin cấp huyện. Năm mươi năm ngành Văn hoá Thông tin. Nghệ sĩ múa Việt Nam. NSND Thái Ly. Từ điển nghệ thuật Hát bội Việt Nam. Lưu Hữu Phước Sự nghiệp âm nhạc. Bách khoa thư Nghệ thuật Hà Nội. Đội du kích Ba Tơ nhớ lại và suy nghĩ. Phạm Văn Đồng, người con ưu tú của quê hương Quảng Ngãi.
Giải thưởng Hồ Chí Minh: Kịch múa *Ngọn lửa Nghệ Tĩnh* (đồng tác giả).
Giải thưởng Nhà nước: *Nghệ thuật múa dân tộc Việt. Xoè Thái. Truyền thống và hiện đại trong múa dân tộc Việt. Thuật ngữ múa Nga - Pháp - Việt. Mấy vấn đề nghệ thuật múa.*
Hai giải nhất về công trình lý luận, sáu giải thưởng về tuyển tập những bài nghiên cứu của Hội nghệ sĩ múa Việt Nam. Bằng khen của Hội Nghiên cứu Quốc tế về âm nhạc Việt Nam cho công trình *"Quan hệ giữa âm nhạc và múa trong sự cách tân sân khấu Tuồng, Chèo".*
Huân chương chống Mỹ hạng nhất. Huy chương Vì sự nghiệp nghệ thuật múa Việt Nam, Vì sự nghiệp văn nghệ dân gian Việt Nam, Vì sự nghiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ, chiến sĩ văn hoá và kỷ niệm chương 990 năm Thăng Long - Hà Nội.
Hướng dẫn nghiên cứu sinh. Giảng dạy cao học văn hoá. Tham gia các Hội đồng (VHNT) xét phong học hàm, Hội đồng xét phong danh hiệu nghệ sĩ múa. Hội đồng đánh giá luận án (TSKH) về NT, Hội đồng nghiệm thu công trình nghiên cứu (NT) cấp Bộ, cấp Nhà nước, Hội đồng xét duyệt chương trình đào tạo các trường NT thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin, Hội đồng giám khảo các hội diễn ca múa nhạc toàn quốc.

Dự định khoa học

Hoàn thành các công trình nghiên cứu về lịch sử, lý luận và thuật ngữ múa.

Lời Tiến sĩ

Xây dựng cơ sở lý luận cho sự phát triển múa truyền thống Việt Nam trên đường hiện đại hoá.



LƯU CẨM LỘC

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 25 - 1 - 1954.
Quê quán: Bình Chánh - Thành phố Hồ Chí Minh.
Chỗ ở hiện nay: 413/20F Lê Văn Sỹ - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Kỹ sư phòng Hoá, Công ty Dầu khí II.
Cán bộ nghiên cứu Phòng Xúc tác hoá dầu, Phân Viện Khoa học Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.
Nghiên cứu sinh Viện Hoá hữu cơ, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, Matxcơva.
Thực tập sinh cao cấp, Viện Hoá hữu cơ, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.
Nghiên cứu viên Trung tâm Hoá học hương liệu và Xúc tác, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia tại thành phố Hồ Chi Minh.
Thực tập sinh cao cấp, Viện Hoá hữu cơ, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô; Trưởng phòng Dầu khí - Xúc tác; Phân viện phó, Phân viện Khoa học Vật liệu tại thành phố Hồ Chí Minh.
Phó Viện trưởng Viện Công nghệ Hoá học, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Hiện là Phó Viện trưởng, Chủ tịch Hội đồng Khoa học Viện Công nghệ hoá học, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Hội viên Hội Hoá Mendeleev, Nga.
Phó Chủ tịch Phân hội Xúc tác - hấp phụ Việt Nam.
Thành viên BCH Hội Hoá học Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986
Tại Viện Hoá hữu cơ, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.

Tiến sĩ khoa học năm 1995.
Tại Viện Hoá học, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia
Ngành Hoá học; Chuyên ngành Hoá lý thuyết - hoá lý

Đề tài luận án Tiến sĩ

Nghiên cứu động học và cơ chế quá trình dehydro hoá butan trên xúc tác platin.

Luận án Tiến sĩ khoa học

Quy luật động học và cơ chế quá trình dehydro hoá các parafin C3-C5 trên các hệ xúc tác platin mang trên oxit nhôm.

Nội dung

Nghiên cứu động học và cơ chế của phản ứng dehydro hoá propan, n-và iso - butan, isopentan và hỗn hợp của chúng trên 3 hệ xúc tác đa kim loại trên cơ sở Pt/Al_2O_3 khác nhau trong môi trường phản ứng chỉ có hydroro và có hydro + hơi nước hoặc H_2S. Nghiên cứu động học các phản ứng phụ: tạo cốc, crackinh, đồng phân hoá, oxy hoá bằng hơi nước. Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường phản ứng lên tính chất xúc tác và quy luật phản ứng. Đề xuất khả năng ứng dụng, các vấn đề công nghệ khi áp dụng các xúc tác, đặc biệt trong môi trường có hơi nước và H_2S. Đây là hệ xúc tác Pt có khả năng làm việc trong môi trường có hơi nước và H_2S, vốn là các chất đầu độc mạnh xúc tác platin. Làm sáng tỏ vai trò của phụ gia. Hệ xúc tác này có ý nghĩa ứng dụng thực tế cao trong công nghiệp hoá dầu.

Thành tựu khoa học

Đã chủ trì và tham gia thực hiện:
3 đề tài cấp Nhà nước trong lĩnh vực xúc tác và hoá dầu.
4 đề tài cấp trung tâm trong các hướng xúc tác, hoá dầu và xử lý môi trường; 6 đề tài cấp cơ sở; 70 công trình khoa học đã công bố trong các tạp chí khoa học trong và ngoài nước; Tham gia trên 20 Hội nghị khoa học quốc tế, khu vực và quốc gia; Huy chương Vì sự nghiệp khoa học.

Dự định khoa học

Tham gia chủ trì và thực hiện các đề tài nghiên cứu về hoá học, công nghệ hoá học, dầu khí, xử lý môi trường và điều chế các vật liệu, chất hấp phụ và xúc tác mới.
Đào tạo, giảng dạy đại học, trên đại học.
Ứng dụng kết quả nghiên cứu vào các lĩnh vực lọc - hoá dầu, xử lý môi trường, vật liệu và xúc tác.



NGUYỄN BÁ LỘC

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 02 - 04 - 1947.
Quê quán: Sơn Thuỷ - Lệ Thuỷ - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: 58/28 Văn Cao - Thành phố Huế.

Quá trình công tác

Giảng viên khoa Sinh Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Giảng viên khoa Sinh Đại học Sư phạm Huế.
Nghiên cứu sinh tại Hungari.
Trưởng khoa Sinh Đại học Sư phạm Huế.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987
Tại Trường Đại học Tổng hợp Budapet, Hungari.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Sinh lý thực vật.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của hoocmon thực vật đến phổ các Izoaceptor ARN$_t$ của lúa và lúa mì.

Nội dung

Đề tài đã xác định được ảnh hưởng của các hoocmon thực vật Auxin, Gibberellin và Xitokinin (AIA, GA_3 và kinetin) đã làm tăng số lượng các loại: Izoaceptor của ANR_t^{val}, ARN_t^{tyr}, ARN_t^{met} ở lúa và lúa mì ở giai đoạn cây con. Đồng thời các hoocmon này cũng có tác dụng làm tăng số loại ARN_t ở lục lạp của lúa và lúa mì, cụ thể đã làm tăng ANR_t^{val} từ 9 lên 11 loại, ARN_1^{tyr} từ 4 lên 5 loại và ARN_t^{Met} từ 5 lên 6 loại.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Thăm dò ảnh hưởng của chất kích thích sinh trưởng thực vật phối hợp với vi lượng đến cây họ đậu.
Nghiên cứu sử dụng các chế phẩm sinh trưởng để tăng năng suất cây công nghiệp (cây tiêu) ở khu vực Bình Trị Thiên (cấp Bộ).
Tìm hiểu đặc tính chống chịu của một số cây trồng ở khu vực Bình Trị Thiên và thăm dò việc sử dụng phối hợp chất điều hoà sinh trưởng thực vật với vi lượng để làm tăng khả năng chống chịu của một số cây trồng chính cấp Nhà nước.
Sách đã xuất bản:
Hoá sinh.
Axit Nucleic và sinh tổng hợp Protein.
Hô hấp thực vật.
Quang hợp.
Giáo trình sinh học phân tử, tế bào.
Công nghệ sinh học. Nxb Giáo dục.
Sinh học đại cương Đại học Huế.
Thực hành Hoá sinh - Sinh lý thực vật - Vi sinh (đồng tác giả).
Sinh lý thực vật (đồng tác giả). Nxb Giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu công nghệ sinh học để giải quyết những vấn đề thực tiễn cần về bảo vệ môi trường và năng suất cây trồng.



NGUYỄN NGÔ LỘC

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 14 - 10 - 1946
Quê quán: Đức Sơn - Anh Sơn - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 196/1/6 đường Cộng Hoà - Quận Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Giáo viên Trường Đại học Quân y và Học viện Quân y.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Thực tập sinh tại Đại học Y2 - Matxcơva, Liên Xô cũ.
Trưởng phòng Kế hoạch và Đầu tư, Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty Tropico.
Thư ký Khoa học, Trưởng phòng Z1.
Trưởng Ban Kế hoạch tổng hợp, Chi nhánh phía Nam. Trung tâm nhiệt đới Việt Nga.
Hiện là Thượng tá, Phó Giám đốc Chi nhánh phía Nam - Trung tâm nhiệt đới Việt Nga.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành Hoá
Chuyên ngành Hoá hữu cơ

Đề tài luận án

Nghiên cứu tổng hợp và chuyển hoá một số Azometin chứa nhân tiazol.

Nội dung

Azometin (bazơ shiff) là nhóm các hợp chất mà phân tử của chúng chứa liên kết - CH = N-. Nhóm hợp chất này được biết từ hơn 100 năm nay, nhưng từ nửa thế kỷ trở lại đây mới được nghiên cứu tỷ mỷ kể từ khi xác định được vai trò của nó trong việc tạo ra các hợp chất nội phức, có liên quan đến các quá trình hoá học và sinh hoá khác nhau.

Tổng hợp, khảo sát một số tính chất của các Azometin chứa nhân tiazol và dựa trên đặc tính phản ứng của các Azometin dãy β-naphtylamin và các amin tương tự có khả năng ngưng tụ vòng hoá với các hợp chất nguyên tử hydro linh động để tạo thành các hợp chất kiểu 5,6-benzoquinolin đã tổng hợp và nghiên cứu các Azometin dãy 5 - amino - benzotiazol với các hợp chất có nguyên tử hydro linh động.

Tổng hợp được 31 Azometin dãy 4 - metyl 2 - amino tiazol trong đó: 26 azometin chưa có trong các tài liệu tham khảo và 12 - Azometin dãy 5 - amino - 2 - benzotiazol.

Cấu tạo các Azometin đã được xác định qua phân tích định lượng nguyên tố Nitơ, và ghi phổ hồng ngoại, tử ngoại của chúng. Nghiên cứu mối tương quan tuyến tính giữa độ dài sóng dải K và các hằng số nhóm thế Hammet tương ứng đối với Azometin dãy 5 - amino 2 - metyl benzotiazol. Góc không đồng phẳng của các Azometin là nguyên nhân làm xuất hiện ba cực đại hấp thụ trong phổ tử ngoại của chúng.

Tổng hợp các Azometin của hợp chất dãy 5-amino 2 - metyl benzotiazol tổng cộng 8 - tiazolidinon - 4 và 8 axit tiazolo (4,5 - f) quinolin-9-cacboxylic. Cấu trúc của chúng cũng được xác định dựa vào phân tích định lượng nguyên tố nitơ và ghi phổ hồng ngoại của tử ngoại.

Thành tựu khoa học

Sách, giáo trình đại học đã biên soạn:
Bài giảng hoá hữu cơ
Hướng dẫn thực hành hoá học.
Lý thuyết hoá học hữu cơ (dịch). Nxb Y học Liên Xô.
Tham gia và đồng chủ nhiệm các đề tài:
Tổng hợp chất chỉ thị Serenium để xác định độ axit của dịch vị bằng phương pháp không dùng ống thông Enohr.
Tách chiết Alginat từ rong biển Sarcassum dùng làm sản phẩm y tế và dân sinh.
Tổng hợp Deta làm chất xua muỗi.
Triển khai các biện pháp chống lan toả chất độc hoá học còn ở sân bay quân sự Biên Hoà.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.



NGUYỄN THỊ LỘC

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 12 - 9 - 1956.
Quê quán: Cấn Hữu - Quốc Oai - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long - Ô Môn - Cần Thơ.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội.
Công tác tại Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.
Học thạc sĩ và tiến sĩ tại Trường Đại học Nông nghiệp và Kỹ thuật Govind Ballabh Pant, Pantnagar, Ấn Độ.
Trưởng bộ môn Sinh thái côn trùng và Phòng trừ sinh học, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.
Nghiên cứu sau tiến sĩ tại Trường Đại học Durham, Vương quốc Anh.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Sinh học tỉnh Cần Thơ.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Đại học Nông nghiệp và Kỹ thuật Govind Ballabh Pant, Pantnagar, Ấn Độ.
Chuyên ngành Côn trùng học.

Đề tài luận án

Khai thác nấm Beauveria bassiana như một tác nhân phòng trừ sinh học đối với các loài rầy hại lá và thân cây lúa.

Nội dung

Thu thập, lý trích và tạo thuần nấm trắng *Beauveria bassiana* từ các côn trùng bị nhiễm bệnh tự nhiên tại các địa phương khác nhau.
Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học của nấm trắng *B.bassiana*.
Nghiên cứu mô bệnh học của nấm trắng.
Nghiên cứu khả năng gây bệnh của nấm *B.bassiana* đối với các loài rầy, sâu cuốn lá nhỏ hại lúa và một số sâu hại trên cây trồng khác.
Nghiên cứu khả năng tương hợp của nấm trắng với một số loài thuốc thảo mộc và một số thuốc trừ sâu.
Nghiên cứu tìm ra môi trường thích hợp nhất để nhân nuôi nấm *B.bassiana*.
Hiệu quả của nấm trắng và một số hỗn hợp của nó với thuốc thảo mộc, thuốc trừ sâu (ở nồng độ tối thiểu) trong việc quản lý các loài rầy hại lúa.
Tìm hiểu ảnh hưởng của *B.bassiana* đối với các loài thiên địch của sâu hại lúa.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Biện pháp mới để thanh lọc giống kháng rầy nâu ngoài đồng.
Ảnh hưởng của việc đốt ruộng đối với quần thể thiên địch của sâu hại lúa.
Điều phối viên dự án quốc tế do IRRI chủ trì: Mô hình hoá, phân tích hệ thống quá trình tăng sản lượng cây trồng.
Nghiên cứu và sử dụng nấm trắng *B.bassiana* trong việc quản lý các loài rầy hại lúa tại đồng bằng sông Cửu Long.
Công trình nghiên cứu sau tiến sĩ tại Vương quốc Anh: Thiết kế di truyền cây lúa để tạo tính kháng đối với những côn trùng chích hút nhựa cây lúa.
Đã xuất bản tại Anh và báo cáo tại Philippins và Thái Lan.
Sử dụng công nghệ ADN "sạch" không bao gồm vector backbone sequence để tạo ra những cây lúa chuyển nạp gen biểu hiện các đặc tính nông học quan trọng.

Dự định khoa học

Khai thác tiềm năng phòng trừ sinh học của nấm *B.bassiana* và các loài nấm ký sinh khác đối với côn trùng trên cây lúa và cây trồng khác.
Nghiên cứu các chế phẩm vi sinh trong phòng trừ sâu hại cây trồng.
Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong việc tạo giống kháng sâu bệnh.
Nghiên cứu về đa dạng sinh học và ứng dụng trong quản lý sâu bệnh hại cây trồng.

Lời Tiến sĩ

Hiện nay do quá trình thâm canh tăng năng suất ở các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam đã và đang sử dụng rất nhiều hoá chất trong sản xuất nông nghiệp, gây ô nhiễm môi trường và phá vỡ cân bằng sinh thái. Tôi đi sâu nghiên cứu tính đa dạng sinh học, tìm ra những biện pháp tối ưu để quản lý dịch hại cây trồng, bảo tồn sinh vật có ích và gìn giữ cân bằng sinh thái để bảo vệ môi trường.



NGUYỄN TIẾN LỘC

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 24 - 8 - 1939.
Quê quán: Khúc Xuyên - Yên Phong - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 131/17 Thái Hà - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy khoa học quản lý, lý thuyết quản trị kinh doanh.
Trưởng ban Hợp tác quốc tế, Đại học Kinh tế Quốc dân.
Cán bộ Viện Phát triển quốc tế học - Phó ban Quan hệ quốc tế, Giám đốc Trung tâm Hợp tác nghiên cứu Châu Mỹ.
Tổng thư ký Hội Khoa học kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân.
Uỷ viên Ban thư ký Hội Khoa học kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Chuyên ngành Tổ chức và quản lý sản xuất.
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

Đề tài luận án

Phương pháp và nghệ thuật quản lý kinh doanh của người giám đốc.

Nội dung

Kinh doanh là những hoạt động sinh lợi trong các ngành sản xuất, lưu thông, dịch vụ... nếu không nhằm sinh lợi thì nó mang tính bao cấp, phục vụ, từ thiện...
Hoạt động kinh doanh rất đa dạng, phức tạp và mang tính cạnh tranh, đòi hỏi phải tuân theo các quy luật kinh tế, xã hội, tâm lý, luật pháp.
Để kinh doanh cần phải biết quản lý, quản lý đúng thì thành công, sai thì thất bại, 50% doanh nghiệp bị phá sản là do quản lý kém. Quản lý bao gồm các dạng khác nhau: trang thiết bị, nhà xưởng, các cơ thể sống (cây trồng, vật nuôi) và quan trọng nhất là con người. Trong doanh nghiệp, Giám đốc là người chịu trách nhiệm về các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính, nhân lực... Giám đốc phải có kiến thức về quản lý, phải được đào tạo, đó là một nghề, giám đốc phải nắm được phương pháp và nghệ thuật quản lý.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu các đề tài:
Quy hoạch tổng thể Tây Nguyên (cấp Nhà nước).
Những cơ sở khoa học và biện pháp kích thích vai trò của người lao động trong mối quan hệ với tập thể và xã hội (cấp Nhà nước).
Những cơ sở khoa học và biện pháp đánh giá, lựa chọn, sắp xếp cán bộ quản lý kinh tế (cấp Nhà nước).
Quản lý kinh tế theo quan điểm hệ thống (cấp Bộ).
Nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học ở trường đại học (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Những quan điểm về đổi mới tiền lương, chính sách tiền lương (cấp Nhà nước).
Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án hợp tác quốc tế ở Đại học Kinh tế Quốc dân (chủ nhiệm cấp Bộ).
Cán bộ lãnh đạo trong quản lý kinh tế (cấp Bộ).
Sách đã xuất bản:
Những cơ sở khoa học của quản lý sản xuất - Nxb Khoa học xã hội.
Những cơ sở khoa học của quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa - Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
Quản lý xã hội một cách khoa học - Nxb Lao động.
Phương pháp luận nghiên cứu kinh tế - Đại học Kinh tế Kế hoạch.
Danh từ kinh tế (đồng tác giả). Nxb Sự thật.
Lý thuyết hệ thống trong quản lý - Đại học Kinh tế quốc dân (đồng tác giả).
Khái quát về kinh tế Mỹ - Nxb Chính trị Quốc gia.
Từ điển thuật ngữ kinh tế học - Nxb Từ điển Bách khoa.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành.

Lời Tiến sĩ

Khoa học là một quá trình nhận thức vô cùng, vô tận, đôi khi đúng sai chưa thể phân định tức thời. Từ xa xưa ông cha ta đã từng làm khoa học và đẩy trí tuệ, hậu sinh cần biết khai thác mọi khả năng tiềm ẩn của dân tộc.
Người tài trong thiên hạ đời nào cũng có. Nhưng làm thế nào để khả năng của mỗi người được sử dụng, phát huy đúng lại không phải dễ.



NÔNG THỊ LỘC

Tiến sĩ Địa lý

Sinh ngày: 15 - 11 - 1941.
Quê quán: Đại Đồng - Tràng Định - Lạng Sơn.
Chỗ ở hiện nay: 314 C2 Phạm Ngọc Thạch - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Đài khí tượng Trung ương.
Viện Khí tượng thuỷ văn.
Nghiên cứu viên chính Viện Khí tượng thuỷ văn.
Uỷ viên Hội đồng cố vấn khoa học Uỷ ban khí hậu thế giới.
Trung tâm Kinh tế môi trường Hội khoa học kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1974
Tại Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Kiep - Ucraina.
Ngành Địa lý

Đề tài luận án

Vi khí hậu vùng thung lũng sông Đơ nhiep.

Nội dung

Khảo sát vi khí hậu ở những điều kiện địa hình khác nhau dọc thung lũng Đơ nhiep.
Tác động của yếu tố mặt đệm đến thay đổi vi khí hậu: sườn, thung lũng, mặt nước, bờ phải, trái, sườn đón gió, khuất gió đưa đến hiệu ứng vi khí hậu ảnh hưởng đến các loại cây trồng phân bố dọc thung lũng và sườn đồi núi hai bên bờ sông Đơ nhiep.
Các loại hình thời tiết với vi khí hậu.
Dùng thuật toán để tính các đặc điểm vi khí hậu ở các điểm tương tự mà không có điều kiện khảo sát bằng các phương trình tương quan và nội ngoại suy...

Thành tựu khoa học

Tác giả 8 bản đồ về khí hậu trong tập *Atlas quốc gia*.
12 bản đồ về nhiệt độ và độ ẩm tương đối trong tập *Atlas khí tượng thuỷ văn Việt Nam*.
3 đề tài nghiên cứu cấp ngành đã nghiệm thu.
6 đề tài dịch vụ khoa học cho các tỉnh Hoà Bình, Cao Bằng, Lạng Sơn.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.
Vì sự nghiệp khí tượng thuỷ văn.

Dự định khoa học

Điều tra về môi trường xã hội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội 100 xã đặc biệt khó khăn của Việt Nam.



TRIỆU QUỐC LỘC

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 01 - 09 - 1952.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 44 ngõ 19 Đông Tác - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ phòng Thiết kế - Viện Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động.
Phòng nghiên cứu Chống các yếu tố vật lý có hại - Viện Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Thực tập khoa học tại Viện Bảo hộ lao động Matxcơva Liên Xô cũ.
Trường Đại học TU Dresden Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Viện Quốc gia An toàn vệ sinh lao động Nhật Bản.
Trường Đại học Sttugart Cộng hoà liên bang Đức.
Hiện là Trưởng phòng Kỹ thuật an toàn - Viện Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động.
Hội viên Hội Cơ học Việt Nam.
Phân hội Cơ học máy I Ftom Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội An toàn - Vệ sinh lao động Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Ngành Động lực học máy.
Chuyên ngành Cơ học ứng dụng

Đề tài luận án

Một số vấn đề nghiên cứu chống rung cho người Việt Nam.

Nội dung

Dựa trên cơ chế tác động của rung đối với cơ thể con người, tiến hành nghiên cứu xây dựng mô hình cơ học đặc trưng cho hai hệ dao động: hệ dao động người - ghế, máy - tay người và khảo sát sự biến đổi hệ số truyền rung. Trong hai hệ khí có sự biến đổi lớn một số thông số trong hệ như khối lượng (trọng lượng cơ thể người), hoặc lực ấn (lực ấn tay người)... Kết luận về ảnh hưởng của sự khác nhau giữa chỉ số nhân trắc giữa người Việt Nam và người Châu Âu tới hiệu quả giảm rung cho con người của các thiết bị máy móc nước ngoài khi người Việt Nam sử dụng, giúp cho các nhà kỹ thuật khi tính toán thiết kế mới hoặc cải tạo các hệ thống chống rung cho người Việt Nam một cách hợp lý và đạt hiệu quả cao hơn. Một vài mẫu găng tay cách rung, ghế lái giảm rung cũng đã được chế tạo và áp dụng trong thực tế.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu thiết kế ghế lái giảm rung máy kéo MTZ50 L ở Việt Nam (đề mục cấp Nhà nước).
Nghiên cứu chế tạo ghế lái giảm rung cho máy kéo bông sen và găng tay cách rung cho công nhân vận hành các thiết bị điện và khí nén cầm tay (đề mục thuộc chương trình cấp Nhà nước).
Nghiên cứu chế tạo gối đỡ giảm chấn dùng cho thiết bị máy móc từ vật liệu gốc cao su và vật liệu composite.
Tính toán thiết kế hệ thống giảm ồn quạt cao áp, phân xưởng khí nitơ - Công ty Phân đạm Bắc Giang.
Chương trình phần mềm An toàn - vệ sinh lao động - Nilp-Sosh. 01/01.
Chương trình phần mềm Đánh giá - chẩn đoán rung động trong xây dựng - Epvic.01.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tin học để mô phỏng quá trình hoạt động, làm việc của các cơ cấu, chi tiết máy. Xây dựng các chương trình phần mềm phân tích - dự báo sớm các khả năng, trạng thái nguy hiểm, các nguy cơ gây mất an toàn cho con người, máy móc, thiết bị và môi trường.



NGUYỄN HUY LỢI

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 14 - 2 - 1949.
Quê quán: Đồng Tiến - Khoái Châu - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 39 ngõ 62 - Trần Quý Cáp - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Toán, Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Nghiên cứu sinh tại Hungari
Chủ nhiệm khoa Toán, Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Phó Hiệu trưởng, Hiệu trưởng Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986
Tại Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.
Chuyên ngành Phương trình và tích phân

Đề tài luận án

Một số tính chất phổ của toán tử Sturme - Lioaville.

Nội dung

Định lý đồng bậc hoặc tính chất phổ của toán tử được A.Hoar nghiên cứu lần đầu tiên vào năm 1910. Đến thập kỷ 70 của thế kỷ 20 vấn đề trên được nghiên cứu sôi nổi ở Liên Xô cũ, Đức, Hungari, Nam Tư và có nhiều thành tựu bởi việc áp dụng rất có hiệu quả định lý trung bình do V.A.I'lin sử dụng lần đầu tiên. Phương pháp trung bình của V.A.I'lin có thể ứng dụng cho cả trường hợp không có điều kiện bicô, nó tổng quát rất nhiều so với trước đây. Khi ứng dụng phương pháp này đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề trái với dự đoán trước đây, các điều kiện bicô không đóng vai trò gì cả. Sử dụng phương pháp của V.A.I'lin, đồng nghiệp đã thu được nhiều kết quả.
Luận án nhằm mở rộng các tính chất phổ của toán tử vi phân sang trường hợp miền phức và nhiều chiều.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu:
Phổ của toán tử vi phân (cấp trường).
Chương trình đào tạo giáo viên tiểu học có trình độ cao đẳng sư phạm (cấp trường).
Thực trạng giáo dục vùng trung du, miền núi và giải pháp áp dụng công nghệ giáo dục mới (cấp Bộ).
Một số tính chất phổ của toán tử Steerme - Liouville (cấp Bộ).
Sách đã xuất bản:
Bài tập hàm số biến số phức - Nxb Giáo dục.
Nhiều công trình khoa học đã công bố ở trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Tiếp tục mở rộng các tính chất phổ của toán tử vi phân sang trường hợp: giá trị riêng là phức, hàm riêng cao, nhiều chiều.



LÊ THỊ LUÂN

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 17 - 5 - 1962.
Quê quán: Thổ Tang - Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc.
Chỗ ở hiện nay: 303 Tập thể Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Ngõ 622 Minh Khai - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Học nội trú vi sinh, Đại học Y Hà Nội.
Bác sĩ chuyên khoa I Phòng Kiểm định Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
Nghiên cứu sinh virút học, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
Trưởng phòng Kiểm tra chất lượng vắc xin bại liệt, Trung tâm Khoa học sản xuất văcxin Sabin.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
Chuyên ngành Virút học.

Đề tài luận án

Tính ổn định của vắc xin bại liệt uống sản xuất tại Việt Nam từ năm 1993 đến 1996 và ảnh hưởng của nhiệt độ đối với hiệu giá vắc xin tam liên.

Nội dung

Bệnh bại liệt là bệnh liệt mềm cấp tính gây ra bởi 3 týp vi rút bại liệt khác nhau để lại di chứng suốt đời cho trẻ. Việt Nam là một trong những nước thuộc khu vực có tỷ lệ bệnh bại liệt cao và là nước tự sản xuất được vắc xin bại liệt phòng bệnh cho trẻ. Vắc xin bại liệt sản xuất tại Việt Nam là vắc xin sống giảm độc lực sản xuất trên tế bào thận khỉ tiên phát phải đảm bảo 2 yêu cầu: an toàn và hiệu lực.
Luận án giải quyết 3 nội dung:
Vắc xin sabin sản xuất tại Việt Nam hoàn toàn an toàn về độc lực thần kinh.
Vắc xin bại liệt tam liên uống sản xuất tại Việt Nam bền vững với nhiệt độ đạt tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới.
Hiệu giá các mẫu vắc xin tam liên sản xuất tại Việt Nam năm 1995 - 1996 đạt tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới.

Thành tựu khoa học

Góp phần vào chương trình thanh toán bại liệt tại Việt Nam và thế giới.
Tham gia giám sát bệnh tiêu chảy do virút rota tại 6 bệnh viện thuộc 3 miền Bắc - Trung - Nam của Việt Nam từ 1997 đến nay (đề tài hợp tác với CDC - Atlanta - Mỹ).

Dự định khoa học

Nghiên cứu tính ổn định của vắc xin bại liệt sản xuất tại Việt Nam.
Dựa vào kết quả giám sát bệnh tiêu chảy do virút rota tại Việt Nam, tạo cho được chủng Rota để sản xuất vắc xin phòng tiêu chảy cho trẻ em.
Nghiên cứu thích nghi chủng đó trên tế bào thận khỉ tiên phát (nguồn sản xuất vắc xin bại liệt cũ).
Tham gia nghiên cứu chất lượng vắc xin sởi, rota sản xuất tại Việt Nam.



PHẠM HỒNG LUÂN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 09 - 04 - 1956.
Quê quán: Thuận Hải.
Chỗ ở hiện nay: 32/7 Huỳnh Tất Phát - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy.
Chủ nhiệm bộ môn Thi công.
Phó chủ nhiệm khoa Kỹ thuật xây dựng Trường Đại học Bách khoa.
Phó ban Quản lý dự án xây dựng Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Xây dựng.
Hội Quản lý dự án quốc tế.
Thư ký Hội Kết cấu xây dựng phía Nam.
Thành viên Hội đồng khoa học khoa Kỹ thuật xây dựng

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Cộng hoà Liên bang Nga.
Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Đề tài luận án

Phương pháp kế hoạch và tự động hoá tiến độ tổng hợp xây dựng nhà ở và công trình.

Nội dung

Hợp lý hoá tiến độ xây dựng công trình dựa trên một phương pháp tổ chức công tác nào đó theo các tiêu chuẩn tài nguyên và thời gian. Hình thành phương pháp nghiên cứu để hạn chế sự phát triển biểu đồ tài nguyên theo hướng ngang và dọc. Kiến nghị cơ cấu và thành phần của hệ chuyên gia trong ngành xây dựng có xem xét đến các đặc điểm vùng và miền. Cơ sở tri thức của hệ chuyên gia bao gồm việc xem xét các quy luật của sự phân bố và ảnh hưởng khí hậu thời tiết, thành phần tuổi đời - tuổi nghề - chuyên môn hoá... của lực lượng tham gia công tác xây dựng.

Thành tựu khoa học

Giảng dạy đại học.
Hướng dẫn luận văn tốt nghiệp kỹ sư, thạc sĩ.
Một số đề tài nghiên cứu:
Các bài toán về công tác san nền năm 1980 (chủ trì).
Biên soạn tiêu chuẩn quốc gia về dàn giáo thép (tham gia).
Các bài toán trong kinh doanh xây dựng (tham gia).
Các báo cáo di dời nhà và công trình.
Công tác di dời nhà trên thế giới, đề nghị dự án di dời nhà tại Việt Nam (tại Nhật Bản).
Chủ trì thiết kế nhiều công trình xây dựng cơ bản.
Nghiên cứu biện pháp chống nghiêng nứt cho công trình Ủy ban nhân dân tỉnh Minh Hải.
Tham gia quản lý các dự án xây dựng cơ bản của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và các dự án khác.
Một số bài đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.

Lời Tiến sĩ

Điều hành xã hội ở cấp vĩ mô rất quan trọng, một thay đổi nhỏ ở chính sách vĩ mô ảnh hưởng rất lớn đến xã hội và các hoạt động ở cấp vi mô. Việc phân cấp, phân nhiệm phải rõ ràng minh định trên cơ sở đảm bảo định hướng phát triển của xã hội. Ngành nào quy hoạch theo ngành ấy là không hợp lý vì tạo ra sự chồng chéo, cục bộ thiên vị và nhiều bất cập.



TRƯƠNG XUÂN LUẬN

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 20 - 05 - 1950.
Quê quán: Hoằng Tiến - Hoằng Hoá - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: H35/tổ 68 - Phúc Xá - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Lêningrat Liên bang Nga.
Giáo viên khoa Địa chất, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Thực tập sinh ở Pháp, Bỉ.
Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu tin học địa chất.
Hiện là Phó Giám đốc Trung tâm Công nghệ Tin học Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Hội viên Hội Địa chất Việt Nam.
Hội Toán ứng dụng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Ngành Địa lý - Địa chất.
Chuyên ngành Địa chất học, tìm kiếm và thăm dò khoáng sản kim loại và không kim loại.

Đề tài luận án

Tối ưu hoá hệ thống mạng lưới thăm dò và phương pháp đánh giá trữ lượng các mỏ thiết sa khoáng vùng Quỳ Hợp (Nghệ An).

Nội dung

Nghiên cứu các kiểu phụ kiểu nguồn gốc sa khoáng thiếc và vai trò công nghiệp của chúng.

Lập bảng phân kiểu nhóm mỏ thăm dò, các yếu tố chính phụ ảnh hưởng đến tính khó dễ của công tác thăm dò các mỏ sa khoáng thiếc.
Luận giải một cách toàn diện về hệ thống mạng lưới thăm dò tối ưu góp phần hoàn thiện phương pháp luận thăm dò mỏ.
Áp dụng hệ phương pháp, đặc biệt là chương trình công nghệ địa thống kê hiện đại, không thể thiếu trong nghiên cứu các mỏ khoáng ở các nước tiên tiến.
Kết quả nghiên cứu đã giúp thiết kế quy hoạch, kinh tế - công nghiệp, thiết kế kỹ thuật và chỉ đạo khai thác sử dụng hợp lý khoáng sản.

Thành tựu khoa học

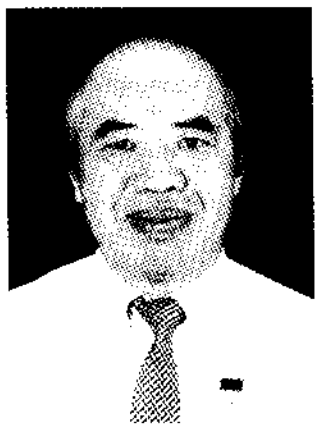
Các đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu:
Áp dụng địa thống kê và tin học nghiên cứu mỏ than Núi Hồng, Thái Nguyên (cấp Bộ - chủ biên).
Nghiên cứu phát triển một số phần mềm ứng dụng trong địa chất, môi trường địa chất (cấp Bộ - chủ biên).
Đánh giá tổng hợp hiện trạng khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản, xây dựng căn cứ khoa học phục vụ chiến lược phát triển kinh tế xã hội (đồng chủ biên).
Chủ biên và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, phục vụ sản xuất về toán ứng dụng, tin học địa chất, đánh giá tác động môi trường, tai biến địa chất, đánh giá kinh tế địa chất, xây dựng các cơ sở khoa học và thực tiễn cho các quy phạm phân cấp tài nguyên trữ lượng khoáng sản ở Việt Nam v.v...
Sách đã xuất bản:
Địa thống kê (cho cao học), chủ biên.
Bài giảng: *Phương pháp thăm dò mỏ* (tham gia).
Giáo trình: *Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất* (tham gia).
Toán - Tin ứng dụng (cho cao học, chủ biên).
Và biên dịch nhiều tài liệu khoa học

Dự định khoa học

Đưa những công nghệ hiện đại: địa thống kê, viễn thám, hệ thống thông tin địa lý và công nghệ thông tin vào nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khoa học về trái đất ở Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Trọng dụng nhân tài.
Khuyến khích các nhà khoa học để họ không phải làm các nghề "tay trái" kiếm sống.
Ngăn chặn những người cơ hội, thiếu trung thực trong khoa học.
Ta còn nghèo, nên đầu tư phải có hiệu quả thiết thực.



NGUYỄN VĂN LUẬT

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 21 - 4 - 1935.
Quê quán: Liên Ninh - Thanh Trì - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long - Ô Môn - Cần Thơ.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Nghiên cứu viên, tổ trưởng bộ môn Lúa Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam Hà Nội.
Nghiên cứu sinh ở Ba Lan.
Viện trưởng Viện Lúa đồng bằng sông Cửu long.
Nghiên cứu viên cao cấp.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Làm vườn Việt Nam.
Uỷ viên Ban điều hành màng lưới quốc tế dự án của IRRI.
Hội viên Hội Khoa học về cỏ dại Châu Á.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1977
Tại Học viện Nông nghiệp Krakốp, Ba Lan.
Chuyên ngành Sinh lý thực vật, nông học.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của chu kỳ sáng và phản ứng nhiệt tới quá trình sinh trưởng, các giai đoạn phát dục, tới năng suất sinh học và năng suất kinh tế của các giống đỗ tương trong các phòng khí hậu nhân tạo (Phytotron).

Nội dung

Trong điều kiện nhân tạo về độ dài ngày từ 10 giờ đến 20 giờ, nhiệt độ không khí từ 15-30°C, tốc độ gió và năng lượng bức xạ nhân tạo cố định, tốc độ phát triển các giai đoạn sinh trưởng và phát dục càng chậm, thời gian sinh trưởng càng dài, khi nhiệt độ càng thấp và ngày càng dài. Kết quả nghiên cứu có 2 ứng dụng thực tế: (i) xác định thời vụ thích hợp cho vùng trồng đậu tương ở các vĩ tuyến khác nhau, và ở Ba Lan về mặt sinh thái khí hậu; (ii) biện pháp chống rét cho hạt giống gieo vào lúa nhiệt độ thấp, công thức ngâm hạt ẩm ở mức hút nước 30% trọng lượng khô làm tăng sức nẩy mầm trong điều kiện rét.

Thành tựu khoa học

Đề tài quốc gia đã nghiệm thu:
Về giống lúa các tỉnh phía Nam.
Về hệ thống cây trồng ở Việt Nam.
Hệ thống cây trồng ở đồng bằng sông Cửu Long miền Đông và duyên hải Nam Trung Bộ.
Các giống lúa 75-90 ngày ký hiệu OMCS (cấp Bộ).
Giống OMCS7 - 75 ngày (cấp tỉnh).
Kỹ thuật sạ lúa theo hàng thay sạ lan bằng máy (cấp Bộ).
Công trình khoa học đã ứng dụng:
Kỹ thuật thâm canh lúa xuân, kỹ thuật ủ đống (thay lò thúc mầm nhập từ Trung Quốc).
Đổi mới cơ cấu giống lúa, tạo chọn và chuyển giao để sản xuất các giống lúa cao sản 75-85 ngày, nhập máy sạ lúa theo hàng từ IRRI, nghiên cứu cải tiến.
Sách đã xuất bản:
Lúa xuân (2 tập) - Nxb Khoa học Kỹ thuật.
Trên 100 bài nghiên cứu đã in trong và ngoài nước.
Giải thưởng Hồ Chí Minh (đồng tác giả) cho cụm công trình: Giống lúa và thâm canh lúa ở đồng bằng sông Cửu Long.
Huân chương kháng chiến hạng hai.
Huân chương lao động hạng hai, hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp nông nghiệp, nông dân, Vì sự nghiệp giáo dục v.v... và nhiều huy chương khác.
Được phong Giáo sư năm 1991.
Anh hùng lao động (2000).

Dự định khoa học

Chủ biên sách *Cây lúa Việt Nam thế kỷ 20.* Viết sách phục vụ khuyến nông, nghiên cứu và giảng dạy.

Lời Tiến sĩ

Người nông dân nuôi sống xã hội, nhưng lại nghèo nhất, cần nghiên cứu giúp họ thoát nghèo một cách thiết thực, trước hết phải gần họ, tìm hiểu nhu cầu của họ mà ta có thể đáp ứng được.



NGUYỄN ĐÌNH LỤC

Nguyễn Đình Đặng Lục

Tiến sĩ Luật học

Sinh ngày: 20 - 7 - 1949.
Quê quán: Cẩm Phúc - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 222Đ - Đội Cấn - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học An ninh, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Giảng viên Trường Đại học Cảnh sát, Học viện Hành chính Quốc gia.
Phó trưởng ban Nội chính Tỉnh uỷ Hà Tĩnh.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội liên hiệp khoa học kỹ thuật Hà Tĩnh.
Hiện là Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật - Ban Nội chính Trung ương.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Học viện Khoa học Bộ Nội vụ, Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Luật hình sự và tội phạm học

Đề tài luận án

Phòng ngừa tái phạm tội người chưa thành niên ở Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu đặc điểm tính cách của người tái phạm tội chưa thành niên cùng với những nguyên nhân khách quan, chủ quan và điều kiện dẫn đến tái phạm tội của người chưa thành niên ở Việt Nam. Trên cơ sở đó nhằm định ra các hình thức, phương pháp phòng ngừa tái phạm tội đối với người chưa thành niên phù hợp với tình hình đặc điểm kinh tế - xã hội Việt Nam.
Đề tài đã nghiên cứu và xác định vai trò của gia đình, nhà trường, các tổ chức xã hội và cơ quan công an trong phòng ngừa tái phạm đối với người chưa thành niên.
Nhấn mạnh việc phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong phòng ngừa tái phạm tội của người chưa thành niên, đề tài cũng đề cập đến ý nghĩa việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế - bao gồm cả hình phạt - trong quá trình phòng ngừa đối với loại tội phạm này.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu một số đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ.
Tham gia biên soạn giáo trình đại học, cao học về tội phạm học, luật hành chính.
Sách đã xuất bản:
Vụ án viết lại - Tập 1 (đồng tác giả).
Nxb Công an nhân dân.
Giáo dục pháp luật và quá trình hình thành nhân cách - Nxb Pháp lý.
Bác Hồ với Công an nhân dân - Công an nhân dân với Bác Hồ (đồng tác giả). Nxb Công an nhân dân.
Một số vấn đề cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (đồng tác giả) Nxb Chính trị Quốc gia.
Sổ tay công tác chính quyền cơ sở. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.
Những yếu tố động lực trong hệ thống chính trị Việt Nam (đồng tác giả) - Nxb Chính trị Quốc gia.
Vai trò của pháp luật trong quá trình hình thành nhân cách - Nxb Chính trị Quốc gia.
Giáo dục pháp luật trong nhà trường -
Nxb Giáo dục.
Hơn 350 bài báo, nghiên cứu chuyên đề đã đăng trên các tạp chí.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.

Dự định khoa học

Hoàn thành công trình: Ảnh hưởng của văn hoá gia đình đối với quá trình hình thành, phát triển nhân cách của người chưa thành niên.



NGUYỄN ĐỨC LUNG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 18 - 11 - 1929.

Quê quán: An Điện - Thư Trì - Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: 218 Hai Bà Trưng - Thành phố Hải Phòng.

Quá trình công tác

Trưởng Ty Y tế tỉnh Sơn Tây.

Trưởng Ty Y tế tỉnh Cao Bằng, kiêm Giám đốc Bệnh viện Cao Bằng, Hiệu trưởng Trường Trung học Y tế Cao Bằng.

Trưởng đoàn chuyên gia y tế Việt Nam tại Côngô - Brazzaville.

Giám đốc Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng.

Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng.

Giám đốc Bệnh viện Việt Tiệp - Phó Hiệu trưởng Đại học Y Hà Nội.

Hiệu trưởng Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng.

Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng.

Hội viên Hội Y học Việt Nam.

Thành viên của AUF ở Đại học Y Hải Phòng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994

Tại Học viện Quân y

Ngành Y Dược.

Chuyên ngành Vệ sinh học xã hội và tổ chức y tế.

Đề tài luận án

Tình hình thể lực, bệnh tật, tai nạn của sĩ quan và thuỷ thủ Việt Nam, một số biện pháp liên quan đến công tác tổ chức y tế hàng hải.

Nội dung

Nghiên cứu những vấn đề có liên quan đến sức khoẻ người đi biển, tình hình thể lực, môi trường sinh hoạt và lao động, tìm ra mô hình bệnh tật, sức khoẻ, tai nạn của người lao động trên tàu biển. Xây dựng chương trình cải thiện điều kiện lao động, nâng cao thể lực và giảm tai nạn trên tàu, gồm các công trình nghiên cứu khoa học và sách giáo dục sức khoẻ, cẩm nang cho người đi biển, xây dựng các tiêu chuẩn sức khoẻ cho sỹ quan, thuyền viên và học sinh, sinh viên, đào tạo kiến thức y học thường thức cho người đi biển.

Thành tựu khoa học

Đã hoàn thành 5 công trình khoa học công nghệ cấp Bộ.

Sách đã xuất bản:

Hướng dẫn quốc tế về y tế trên biển (chủ biên) Nxb Y học.

Những nhiễm độc cấp thường gặp (đồng tác giả) Nxb Y học.

Biên soạn 6 giáo trình đại học y.

Bằng lao động sáng tạo.

Thầy thuốc ưu tú (1989).

Lời Tiến sĩ

Nước ta có 3.260 km bờ biển, hơn 1 triệu km² vùng lãnh hải và gần 4000 đảo, để khai thác được hải sản, dầu khí, các tài nguyên khác và phát triển du lịch, việc chăm lo sức khoẻ cho người lao động trên biển và cư dân các đảo, đòi hỏi sự quan tâm rất lớn của nhà nước và các nhà khoa học.



PHẠM VŨ LUYẾN

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 10 - 01 - 1940.
Quê quán: Kim Thư - Thanh Oai - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 107b Tôn Đức Thắng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Kỹ sư địa chất, Phó phòng nghiên cứu khoáng sản kim loại. Trưởng phòng Thông tin - Xuất bản - Bảo tàng Viện Địa Chất và Khoáng sản, nay là Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản - Bộ Công nghiệp.
Hội viên Hội Địa chất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994
Tại Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản.
Ngành Địa lý - Địa chất
Chuyên ngành Tìm kiếm, thăm dò khoáng sản kim loại và không kim loại.

Đề tài luận án

Các loại hình sa khoáng thiếc Việt Nam và ý nghĩa công nghiệp của chúng.

Nội dung

Xác lập các loại hình nguồn gốc sa khoáng thiếc Việt Nam. Rút ra các loại hình có ý nghĩa công nghiệp, cho việc lựa chọn các tổ phương pháp tìm kiếm thăm dò và mạng lưới tối ưu.
Xác định các yếu tố liên quan tới sự thành tạo sa khoáng đặc điểm địa chất, địa mạo, điều kiện tích tụ sa khoáng casiterit, mối liên quan của casiterit với nguồn quặng gốc, đặc điểm trầm tích bở rời,... thể hiện khi xem xét: yếu tố địa mạo, yếu tố phong hoá, yếu tố trầm tích bở rời. Mối quan hệ của sa khoáng thiếc với nguồn quặng gốc, vị trí của sa khoáng, yếu tố thành phần đá đáy thung lũng.
Xác định các thông số chủ yếu của sa khoáng casiterit: hình dáng, kích thước, quy mô, chất lượng và các tiêu chuẩn làm rõ ý nghĩa công nghiệp của chúng.
Khoáng sản thiếc Việt Nam phân bố rộng rãi từ Bắc vào Nam. Ngoài 3 vùng chính Pia Oac, Tam Đảo, Quỳ Hợp, còn có ở Hà Giang, Ngân Sơn, Thường Xuân, Kim Cương, Bà Nà, Hòn Bà, Du Long, Sông Dinh, Mé Pu, Đa Chay, Đà Lạt...
Các diện tích chứa thiếc sa khoáng liên quan với cấu trúc hình thái của miền nâng khối tảng với những mức độ khác nhau trong bình đồ kiến trúc hiện đại của khu vực.
Quan hệ không gian của các sa khoáng với nguồn quặng gốc khá đa dạng, tuỳ thuộc vào cấu trúc hình thái hiện đại.
Trong các vùng phát triển quá trình carst dạng hố, phễu, trũng có kích thước khác nhau thường tạo thành những sa khoáng thiếc công nghiệp, ngay cả khi quặng hoá gốc nghèo và phân tán.
Ở Việt Nam các kiểu sa khoáng thiếc của mạng sông suối cổ được nâng cao trên đường chia nước, sa khoáng bị chôn vùi dưới bazan trẻ và sa khoáng ven biển.

Thành tựu khoa học

Tác giả các đề tài nghiên cứu:
Địa chất và khoáng sản Việt Bắc và Đông Bắc Việt Nam.
Xác lập các vấn đề phương pháp liên quan với việc đánh giá trữ lượng thiếc sa khoáng của những vùng thiếc chủ yếu nhất ở Việt Nam (hợp tác với Liên Xô).
Địa chất và khoáng hoá vàng rìa Tây Nam đới sông Hiếm (chủ biên).
Geology of tin deposits in Việt Nam.
Nghiên cứu dạng tồn tại của Au và sưu tập bộ mẫu chuẩn đặc trưng cho các thành hệ quặng vàng Việt Nam (đồng chủ biên).
Đánh giá tài nguyên khoáng sản Việt Nam.
Tài nguyên khoáng Việt Nam.
Tài nguyên khoáng sản Việt Nam và *Bản đồ khoáng sản Việt Nam tỷ lệ 1/1.000.000* (đã xuất bản).
Huy chương Vì sự nghiệp địa chất Việt Nam.

Dự định khoa học

Biên soạn tài liệu chuyên ngành.



TRẦN HỮU LUYẾN

Tiến sĩ Tâm lý

Sinh ngày: 01 - 01 - 1947.
Quê quán: Quang Minh - Mê Linh - Vĩnh Phúc.
Chỗ ở hiện nay: 5 A4/tổ 50 - Quan Hoa - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội.
Phục vụ trong quân đội.
Nghiên cứu sinh tại Viện Hàn lâm Sư phạm Liên Xô cũ.
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Phó Chủ tịch Hội đồng khoa học đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ; Chủ tịch Hội đồng khoa học liên ngành tâm lý học, giáo dục học và phương pháp dạy học bộ môn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Thành viên Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.
Hội viên Hội Tâm lý giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983.
Tại Viện Hàn lâm Sư phạm Liên Xô.
Ngành Tâm lý học

Đề tài luận án

Khắc phục khó khăn tâm lý trong nắm vững các âm tiếng Nga ở người học Việt Nam.

Nội dung

Làm rõ những nét tương đồng và khác biệt ở cấp độ phần tử cấu tạo âm vị tiếng Nga và tiếng Việt, dự báo thuận lợi và khó khăn trong nắm vững các âm tiếng Nga ở người học Việt Nam.

Những khó khăn và lỗi thường mắc khi học các âm tiếng Nga; 4 kiểu lỗi điển hình: bỏ phần tử cấu tạo, bỏ - thay thế phần tử cấu tạo, thay thế phần tử cấu tạo và hỗn hợp phần tử cấu tạo âm vị hai thứ tiếng. Nguyên nhân chính do người học chưa phát triển được đầy đủ các cơ chế tri giác và sản sinh các phần tử cấu tạo đặc trưng cho âm vị tiếng Nga. Ảnh hưởng chuyển di tiêu cực của các cơ chế tri giác chính xác và sản sinh các âm tiếng mẹ đẻ và sự chưa hoàn chỉnh quá trình sư phạm.
Để khắc phục khó khăn và lỗi trên cần hình thành những cơ chế tri giác chính xác và sản sinh đúng các phần tử cấu tạo âm vị tiếng Nga cho người học.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm 7 đề tài khoa học cấp Bộ, cấp Đại học quốc gia đã ứng dụng vào giáo dục, đào tạo giáo viên ngoại ngữ.
Tham gia 1 đề tài khoa học cấp Nhà nước.
Chủ biên và đồng tác giả 11 giáo trình, sách tham khảo về tâm lý học, tâm lý ngôn ngữ học và tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ dùng cho sinh viên và học viên sau đại học.
Công bố trên 30 bài báo, hơn 40 báo cáo khoa học ở trong và ngoài nước.
Huy chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.
Nhà giáo ưu tú năm 1992.

Dự định khoa học

Nghiên cứu năng khiếu ngoại ngữ.
Tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ.
Tâm lý ngôn ngữ học.
Đổi mới việc đào tạo giáo viên ngoại ngữ.

Lời Tiến sĩ

Dân tộc chúng ta có một hình ảnh về trách nhiệm đền ơn đáp nghĩa rất đẹp. Đó là hình ảnh con tằm ăn lá dâu xanh nhưng lại trả cho đời những sợi tơ vàng óng ánh. Cái đẹp không chỉ ở sự biến hoá về chất (lá dâu thành sợi tơ), mà còn ở cả hành động tạo ra cái chất đó; con tằm tự rút ruột mình để làm nên những sợi tơ đó.
Hình ảnh trên thường đến với tôi mỗi khi suy nghĩ về trách nhiệm của người làm công tác khoa học đối với đất nước, đối với nhân dân mình. Nhà khoa học càng phải sống và làm việc vì lợi ích của nhân dân. Muôn đời và mãi mãi người dân vẫn là gốc. Tôi chỉ tiếc là còn đóng góp được quá ít.



ĐÀO LUYỆN

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 07 - 3 - 1931.
Quê quán: Trung Lễ - Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Khối 6 - phường Bến Thuỷ - Thành phố Vinh - Nghệ An.

Quá trình công tác

Giảng viên Toán Trường Bổ túc văn hoá công nông Trung ương.
Trường cấp 3 Phan Đình Phùng Hà Tĩnh.
Cán bộ Ty Giáo dục Hà Tĩnh.
Cán bộ giảng dạy, Trưởng ban Phụ trách khoa Toán Trường Đại học Sư phạm Vinh.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Tổng hợp Vácsava Ba Lan.
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Vinh.
Phó đoàn chuyên gia Trường Đại học Sư phạm Phnompênh Campuchia.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972
Tại Trường Đại học Tổng hợp Vácsava Ba Lan.
Ngành Toán - Cơ.

Đề tài luận án

Những mở rộng của những trường các số đại số tại những điểm rẽ nhánh đã xác định.

Nội dung

Cho F là trường mở rộng hữu hạn của trường số hữu tỷ, F_1 là trường Hilbert các lớp của F (tức là mở rộng không rẽ nhánh aben cực đại của F). Theo định lý về ideal chính (Ph.Furtwanglere) mọi idean của F là chính trong F_1. Nếu có trường K với $F \subset K \subset F_1$ thì nói chung không phải mỗi ideal của F sẽ chính trong K. Nếu bổ sung thêm một số điều kiện thì tồn tại ideal không chính trong F lại chính trong K (định lý Hilbert 94). Nhưng không biết ideal nào của F là chính trong K (xem A. Scholo và O. Taussky) H. Kisilevski đã nghiên cứu trường hợp không có ideal không chính nào của nhóm H tương ứng của trường K (theo lý thuyết về trường các lớp) là chính trong K. Trường hợp này đặc trưng bằng $\hat{H}^0(G, C_k) = 0$ với $G = G(K/F)$ và C_K là nhóm các lớp ideal của K. Kisilewski đã chứng minh: nếu $(F:Q) = 2$ và p-nhóm Sylow của nhóm C_F có dạng. $Z_p \oplus Zp \oplus ... \oplus Zp$
(có ít nhất 2 thành phần) thì tồn tại P - mở rộng không rẽ nhánh của trường F bậc ít nhất là P^4.
Nội dung của luận án là chuyển các kết quả của Kisilevski sang trường hợp p - mở rộng với các điểm rẽ nhánh đã xác định.
Huân chương kháng chiến hạng nhì.
Huân chương hữu nghị do nhà nước Campuchia tặng.
Nhà giáo ưu tú.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.



ĐINH VĂN LUYỆN

Đinh Luyện

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 1 - 5 - 1949.
Quê quán: Cao Minh - Mê Linh - Vĩnh Phúc
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia - Nghĩa Đô - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Quốc gia Kishinov Moldavia
Chuyên ngành Sinh học.
Cán bộ nghiên cứu Viện Nghiên cứu Thuỷ sản Hải Phòng.
Viện Sinh vật học - Viện Khoa học Việt Nam.
Trung tâm Di truyền Nông nghiệp Bộ Công nghiệp thực phẩm Hà Nội.
Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế Viện Di truyền Nông nghiệp.
Giám đốc Trung tâm Công nghệ sinh học thực vật - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
Hiện là Trưởng phòng Sinh hoá và Công nghệ vi sinh - Viện Di truyền Nông nghiệp.
Hội viên Hội Di truyền học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ khoa học năm 1992
Tại Viện Hàn lâm Nông nghiệp Ucraina.
Chuyên ngành Di truyền và Chọn giống.

Đề tài luận án

Sử dụng các phương pháp đột biến thực nghiệm trong công tác chọn tạo giống cây họ đậu.

Nội dung

Sử dụng các tác nhân đột biến vật lý và hoá học trong công tác chọn tạo giống cây đậu tương, cây lạc.
Nghiên cứu đột biến nhiễm sắc thể và các tính trạng có lợi trong công tác chọn tạo giống cây trồng. Nhận biết các liều lượng và nồng độ xử lý cho hiệu quả cao.

Thành tựu khoa học

Tham gia và chủ trì một số đề tài:
Chọn tạo giống rong biển cho hàm lượng Agar-Agar cao, tìm ra các điều kiện và quy trình trồng rong biển và sản xuất Agar-Agar hiệu quả (tham gia).
Nghiên cứu chọn tạo giống đậu tương và lạc (tham gia).
Đã tạo ra được một số dòng đột biến đậu tương và lạc làm vật liệu khởi đầu phục vụ công tác chọn tạo giống.
Sử dụng vi sinh vật trong công tác sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh TN-400 (chủ trì).
Nghiên cứu chọn tạo giống rau đậu cao cấp (đồng chủ nhiệm - cấp Ngành).
Nhiều công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Sử dụng các phương pháp đột biến thực nghiệm, di truyền và phương pháp chọn tạo giống truyền thống kết hợp với công nghệ sinh học để chọn tạo giống rau, đậu cao cấp phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.



NGUYỄN VĂN LUYỆN

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 20 - 5 - 1961.
Quê quán: Lê Ninh - Kinh Môn - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: Lê Ninh - Kinh Môn - Hải Dương.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Học viện Quân y
Bác sĩ - Đoàn 330 Quân khu 3.
Bác sĩ - Trung tâm Bảo vệ bà mẹ, trẻ em - kế hoạch hoá gia đình Hải Dương.
Nghiên cứu sinh - Học viện Quân y.
Bác sĩ Bệnh viên đa khoa tỉnh Hải Dương.
Thành viên Hội Kế hoạch hoá gia đình Việt Nam.
Hội Bỏng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Học viện Quân y.
Chuyên ngành Ngoại đại cương.

Đề tài luận án

Nghiên cứu một số đặc điểm lâm sàng, thay đổi chỉ số tế bào máu ngoại vi, đông - cầm máu trong 20 ngày đầu của bệnh bỏng ở người lớn.

Nội dung

Nghiên cứu về đặc điểm lâm sàng thay đổi tế bào máu ngoại vi, đông - cầm máu trong 20 ngày đầu của bệnh bỏng ở người lớn, bị bỏng do nhiệt và vôi tôi nóng ở các nhóm bệnh nhân bị bỏng 20% diện tích cơ thể trở lên.
Xác định mối liên quan giữa thay đổi chỉ số tế bào máu ngoại vi đông - cầm máu với đặc điểm lâm sàng bệnh bỏng trong đó có mối liên quan giữa ngưng tập tiểu cầu với mức độ nặng của bệnh bỏng.
Nghiên cứu sự thay đổi số lượng tiểu cầu cùng với ngưng tập tiểu cầu trong các biến đổi về chỉ số đông - cầm máu ở bệnh bỏng trong một mẫu các đối tượng nghiên cứu tương đối đồng nhất về mức độ nặng tính theo số điểm đơn vị bỏng phổ biến (Ubs).
Ý nghĩa tiên lượng của chỉ số Frank và Ubs trong sốc bỏng và mức độ nặng của bệnh bỏng dẫn tới tử vong trong 20 ngày đầu của bệnh bỏng.

Thành tựu khoa học

Một số nghiên cứu đã công bố:
Một vài nhận xét sự thay đổi tiểu cầu ở thời kỳ đầu của bệnh bỏng qua 22 trường hợp.
Biến đổi đông máu trong thời kỳ đầu của bệnh bỏng.
Biến đổi một số chỉ số huyết học và đông máu ở tuần lễ đầu trong thời kỳ thứ 2 của bệnh bỏng.
Sự biến đổi về số lượng và khả năng ngưng tập tiểu cầu ở người lớn bị bỏng.
Thay đổi đông máu và máu ngoại vi của 2 nhóm bệnh nhân bỏng nông đơn thuần và bỏng nông kết hợp với bỏng sâu.
Nghiên cứu mô hình bệnh tật tỉnh Hải Dương giai đoạn 1998 - 2000.

Dự định khoa học

Giảng dạy và nghiên cứu khoa học chuyên ngành



THÁI THÀNH LƯỢM

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 24 - 12 - 1959.
Quê quán: Tân Hiệp - Kiên Giang.
Chỗ ở hiện nay: 1068/50/5 Nguyễn Trung Trực - thị xã Rạch Giá - tỉnh Kiên Giang.

Quá trình công tác

Trưởng trạm nghiên cứu lâm nghiệp, Sở Lâm nghiệp Kiên Giang.
Chuyên viên kỹ thuật, phòng Kế hoạch kỹ thuật Sở Nông nghiệp Kiên Giang.
Phó phòng Kế hoạch - Đầu tư, Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn Kiên Giang.
Hiện là Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn Kiên Giang.
Phó Chủ tịch Hội Lâm nghiệp tỉnh Kiên Giang.
Chủ tịch Hội Nuôi động vật hoang dã tỉnh Kiên Giang.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.
Ngành Nông nghiệp
Chuyên ngành Lâm sinh học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu một số giải pháp kỹ thuật lâm sinh là cơ sở để xuất biện pháp nâng cao sản lượng rừng tràm trên vùng tứ giác Long Xuyên.

Nội dung

Đã khảo nghiệm 24 xuất xứ thuộc 9 loài tràm cừ ngập nước theo mùa sau 5 năm và tìm ra được 3 xuất xứ nhập nội (Melaleuca luecadendra) 14147, 15892 18909 và 2 xuất xứ bản địa (Melaleuca cajuputi) Vĩnh Hưng và Nhơn Hưng. Áp dụng phương pháp xúc tiến tái sinh rừng bằng biện pháp quản lý và điều khiển lửa rừng. Nghiên cứu nhịp điệu sinh trưởng của cây con loài Tràm cừ (Melaleuca cajuputi) theo từng tháng trong năm và thí nghiệm với các biện pháp chăm sóc liên hoàn xử lý cỏ dại, bón phân, lên luống v.v... thúc đẩy sinh trưởng nhanh cho rừng trồng. Nghiên cứu phân bố số cây theo chiều cao, tán cây, hệ rễ, chiều sâu rễ, định lượng sự khác biệt về cấu trúc giữa các trạng thái rừng trồng, rừng tự nhiên và đề xuất các biện pháp kỹ thuật kinh doanh rừng cho rừng kinh tế kết hợp với rừng phòng hộ, chặt nuôi dưỡng tỉa cành, tỉa thưa theo nguyên tắc bài cây tầng trên, tầng dưới, cường độ chặt và tính toán hiệu quả kinh tế trong từng phương thức chặt.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Diễn biến sử dụng tài nguyên rừng đến môi trường sinh thái trên vùng tứ giác Long Xuyên năm 1998 (cấp tỉnh).
Nghiên cứu khả năng kháng lửa của các loài tràm (Melaleuca) trong giai đoạn tuổi 5.
Kết quả nhân giống vô tính dưới sự điều khiển nhiệt độ và ẩm độ bằng năng lượng mặt trời.
Bảo vệ nguồn gen và khai thác kết quả tạo trầm nhân tạo trên cây trầm hương (Aquilaria crassna).
Huy chương Vì sự nghiệp phát triển nông nghiệp, Vì thế hệ trẻ.

Dự định khoa học

Hoàn thiện quy trình tạo trầm hương trên cây trầm, nghiên cứu quá trình hình thành và tích tụ chất lượng trầm theo thang phân loại thị trường làm cơ sở để xuất tạo trầm nhân tạo thay thế sản phẩm trầm thiên nhiên quý hiếm.
Nghiên cứu nhân giống trầm hương (Aquilaria crassna) bằng hạt, bằng phương pháp vô tính với loài đang có nguy cơ tuyệt chủng trong khu vực và thế giới.
Nghiên cứu ưu thế lai xa của một số loài cây mọc nhanh từ các cây cha mẹ khác loài của chi tràm cừ (Melaleuca) giữa các loài cây nhập nội với loài cây bản địa. Lai xa giữa các chi khác nhau trong họ sim (Mytarceae) của tràm cừ nhằm tạo ra cây lai có năng suất đột biến các giống cây mọc nhanh chất lượng cao và nhân nhanh giống bằng con đường vô tính.

Lời Tiến sĩ

Thiên nhiên tiến hoá không ngừng và ngày càng hoàn thiện, nhưng chỉ chờ đợi thiên nhiên mang đến thì nhân loại sẽ bị mai một với cái mà tự nhiên ban phát cho ta. Tri thức con người đã tạo ra bao sản phẩm hữu ích và đưa con người đến hạnh phúc.



HOÀNG LƯƠNG

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 7 - 12 - 1944.
Quê quán: Huy Tân - Phù Yên - Sơn La.
Chỗ ở hiện nay: B10 - Ký túc xá Đại học Quốc gia - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Sử - Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy
Phó chủ nhiệm
Chủ nhiệm bộ môn Dân tộc học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hội viên Hội Dân tộc học.
Hội Văn hoá - Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.
Câu lạc bộ Văn hoá Huế.
Hội nghiên cứu sản phẩm dệt Châu Âu.
Hội nghiên cứu xã hội dệt của Hồng Kông.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành Lịch sử
Chuyên ngành Dân tộc học.

Đề tài luận án

Hoa văn mặt chăn Thái ở Mường Tấc (Phù Yên - Sơn La)

Nội dung

Nghiên cứu hoa văn trên sản phẩm dệt của người Thái Việt Nam. Đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu hoa văn trang trí trên mặt chăn Thái ở Mường Tấc (Phù Yên - Sơn La). Thông qua nghệ thuật trang trí trên sản phẩm dệt của người Thái, luận án đã tìm thấy mối quan hệ nguồn gốc giữa nghệ thuật trang trí Thái với nghệ thuật trang trí các giai đoạn văn hoá khảo cổ học Phùng Nguyên - Đông Sơn.
Luận án rút ra kết luận: ở Việt Nam đã từng có người Thái sinh sống từ thời kỳ cổ đại và họ là một trong những lớp dân cư bản địa tạo dựng và phát triển văn hoá Đông Sơn nổi tiếng ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Những nét cơ bản về thiết chế chính trị - xã hội truyền thống của nông thôn Thái Lan (thành viên đề tài cấp Nhà nước - đã in thành sách).
Dự án điều tra cơ bản tình hình, xác lập cơ sở khoa học cho việc hoạch định chiến lược phát triển của phụ nữ vùng dân tộc và miền núi (cấp Bộ - phó chủ nhiệm).
Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số Việt Nam (các tỉnh phía Bắc) (cấp Đại học Quốc gia - Chủ nhiệm).
Nghiên cứu hoa văn trên sản phẩm dệt với mẫu thời trang và du lịch.
Sách đã xuất bản:
Những vấn đề cơ bản của dân tộc học đại cương (giáo trình) - Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
Các ngữ hệ trên thế giới. Trong *Dân tộc học đại cương* (giáo trình) - Nxb Giáo dục.
Lễ hội truyền thống và tín ngưỡng dân gian các dân tộc Việt Nam (giáo trình). Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hoa văn Thái - Nxb Văn hoá dân tộc.
Khảo sát các nhóm Kadai: nghiên cứu dân tộc học. Trường Đại học Tổng hợp Arlington, Texas, Mỹ (tiếng Anh).
Người Thái Mường Quả - Con Cuông - Nghệ An (viết chung). Trường Đại học Thammasat, Băng Cốc, Thái Lan (tiếng Thái Lan).
Văn hoá SiLa - Nxb Văn hoá dân tộc.
Huy chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sản phẩm dệt với phong tục các dân tộc Việt Nam.
Phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian với việc bảo vệ môi trường sinh thái của các dân tộc Việt Nam.
Khảo sát, xác định những địa bàn cư trú của người Thái cổ các tỉnh phía Bắc Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Là một người dân tộc thiểu số ở Việt Nam, có học vị tiến sĩ. Ơn đó không chỉ riêng đối với tôi, với dân tộc Thái mà của tất cả các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Dân tộc học là lẽ sống của tôi. Vì nghiên cứu dân tộc học góp phần mang lại sự bình đẳng giữa các dân tộc, giúp các dân tộc xích lại gần nhau để cùng xây dựng cuộc sống tốt đẹp trên trái đất này.



HOÀNG LƯƠNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 15 - 3 - 1948.
Quê quán: Tư Mại - Yên Dũng - Bắc Giang.
Chỗ ở hiện nay: 160 Vương Thừa Vũ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Phân viện Tên lửa Viện Kỹ thuật quân sự - Bộ Quốc phòng.
Nghiên cứu sinh Học viện Kỹ thuật Không quân Giukôpxki Mátxcơva.
Giảng dạy tại Học viện Phòng không Không quân.
Phó chủ nhiệm bộ môn Máy bay động cơ.
Khoa Kỹ thuật hàng không - Trường Trung cao không quân.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Cơ học thuỷ khí Việt Nam.
Hội Cơ học máy Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982
Tại Học viện Kỹ thuật Không quân Giukốpxki Matxcơva Liên Xô cũ.
Ngành Máy bay động cơ
Chuyên ngành Khí động lực học

Đề tài luận án

Nghiên cứu ảnh hưởng của vết thương chiến đấu với tính ổn định và điều khiển cạnh của máy bay tiêm kích đánh chặn.

Xây dựng thuật toán và chạy trên máy tính điện tử để xác định các đặc tính khí động của máy bay tiêm kích đánh chặn khi có vật treo không đối xứng trên cánh và có các vết thương chiến đấu nằm rải rác trên cánh và các cánh lái.
Xác định ảnh hưởng tới tính ổn định và điều khiển của máy bay tiêm kích đánh chặn khi bay và cơ động chiến đấu đồng thời đưa ra các chỉ dẫn cho chỉ huy bay và phi công về khả năng tiếp tục thực hiện chuyến bay hay đình chỉ, đây là vấn đề kéo dài tính sống dai cho máy bay chiến đấu.

Thành tựu khoa học

Đã công bố một số bài viết về tính toán đặc tính khí động máy bay khi có hình dạng thay đổi.
Tham gia đề tài cấp Bộ:
Cất bổ máy bay MIG 21 và cải tiến thành phương tiện dạy học.
Thiết kế ống khí động OKD1 tại Viện Kỹ thuật quân sự Bộ Quốc phòng.
Thiết kế thiết bị đo đặc tính bình tính áp thuỷ lực trên máy bay.
Nghiên cứu thiết kế thiết bị đo đặc tính cánh quay trực thăng (Giải nhất triển lãm các thiết bị dạy học nhà trường toàn quân 1997).
Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin đã tính toán và mô phỏng một số bài bay và cơ động chiến đấu của máy bay. (Giải nhất toàn quân 1999).
Giáo trình
Nguyên lý bay.
Động lực học bay và cơ động chiến đấu.
Phim khoa giáo: *Nguyên lý bay máy bay phản lực.*
Huy chương bạc liên hoan phim truyền hình toàn quân lần thứ 4 - 2001.
Tài liệu giảng dạy: *Đặc tính khí động và đặc tính bay của máy bay và trực thăng hiện đại.*

Dự định khoa học

Nghiên cứu giảng dạy đại học, trên đại học về khí động học máy bay và trực thăng hiện đại.



LÊ LƯƠNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 10 - 10 - 1941.
Quê quán: Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 309/N13 - K9 tập thể Bộ đội biên phòng - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Hoá, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Công tác tại Viện Hoá học công nghiệp, Tổng cục Hoá chất.
Hiện là cán bộ nghiên cứu, Trưởng phòng Hoá phân tích ứng dụng - Viện Hoá học, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Hội viên Hội Hoá học Việt Nam.
Hội Hoá học phân tích Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1974
Tại Viện Hàn lâm Khoa học Tiệp Khắc cũ.
Ngành Hoá phân tích.
Chuyên ngành Điện hoá.

Đề tài luận án

Phương pháp đo thế thời gian trong phân tích điện hoá hoà tan.

Nội dung

Sử dụng một phép đo mới để ghi tín hiệu phân tích các nguyên tố trong hệ để xác định hàm lượng vết các kim loại có mặt trong dung dịch. Đó là đo sự biến thiên của thế điện cực chỉ thị (điện cực than thuỷ tinh) phụ thuộc vào thời gian trong quá trình hoà tan kim loại khỏi bề mặt điện cực. Thời gian dừng thế tỷ lệ thuận với nồng độ kim loại trong dung dịch.
Phương pháp có độ nhạy cao, độ chọn lọc và lặp lại tốt, đáp ứng yêu cầu phân tích hàm lượng vết kim loại.
Sơ đồ máy đã được tác giả tự thiết kế và lắp đặt. Hiện nay phương pháp này đã được thiết kế và đo thử ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Bốn công trình khoa học đã công bố ở Anh và Tiệp Khắc.
Khoảng 40 công trình khoa học đã công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước.
Đào tạo nghiên cứu sinh.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học.

Dự định khoa học

Tham gia chương trình nước sạch nông thôn, an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.
Mong kết quả của luận án được triển khai ở Việt Nam.



NGUYỄN AN LƯƠNG

Tuấn Nghĩa

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 2 - 2 - 1940.
Quê quán: Song Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 205/206 B8A Kim Liên - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Nghiên cứu sinh ở Praha, Tiệp Khắc.
Viện trưởng Viện Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật - Bảo hộ lao động.
Tổng biên tập *Tạp chí Bảo hộ lao động.*
Uỷ viên Ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động (TLĐLĐ) Việt Nam khoá 4, 5.
Ban Thư ký TLĐLĐ Việt Nam khoá 6.
Phó Chủ tịch TLĐLĐ Việt Nam khoá 7.
Phó Chủ tịch thường trực TLĐLĐ Việt Nam khoá 8.
Chủ tịch Công đoàn Viên chức Việt Nam.
Uỷ viên Đoàn Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam các khoá 2, 3 và 4.
Phó Chủ tịch: Hội đồng bảo trợ quỹ hỗ trợ Sáng tạo kỹ thuật Việt Nam.
Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam các khoá 1, 2, 3.
Chủ tịch Hội Khoa học và Kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động Việt Nam.
Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm tra Đảng uỷ khối các cơ quan dân vận Trung ương khoá 3 và 4.
Chủ tịch: Hội đồng khoa học Viện nghiên cứu khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động. Hội đồng khoa học ngành đào tạo kỹ sư bảo hộ lao động của Tổng Liên đoàn.
Thành viên Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1973.
Tại Trường Đại học Kỹ thuật Séc Praha, Cộng hoà Séc.
Chuyên ngành Công nghệ chế tạo máy.

Đề tài luận án

Cơ sở khoa học của việc tự động hoá chuẩn bị sản xuất trong sản xuất hàng loạt.

Nội dung

Luận án trình bày những cơ sở khoa học của việc thiết kế quy trình công nghệ lắp ráp cơ khí trên máy tính điện tử, một phương hướng mới trong quá trình chuẩn bị công nghệ sản xuất trong ngành cơ khí chế tạo máy. Bằng việc sử dụng phương pháp nghiên cứu chuyển động của con người trong lao động, kết hợp với sử dụng máy tính điện tử, luận án đã chứng minh khả năng áp dụng máy tính để thiết kế quy trình công nghệ gia công, lắp ráp cơ khí đạt chất lượng, hiệu quả cao, rút ngắn thời gian.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm chương trình khoa học cấp Nhà nước về bảo hộ lao động (trên 30 đề tài).
Chủ nhiệm nhiều đề tài cấp Nhà nước, Bộ và phối hợp Việt - Nhật về bảo hộ lao động.
Giám đốc quốc gia dự án VIE/86/018, tham gia một số dự án khu vực Châu Á - Thái Bình Dương về an toàn vệ sinh lao động.
Sách, giáo trình đã xuất bản:
Thiết kế nhà máy cơ khí
Phát triển sự nghiệp bảo hộ lao động trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.
Tổng quan về bảo hộ lao động.
Khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động, ngành khoa học vì sức khoẻ người lao động và một số tài liệu tham khảo...
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
Bằng lao động sáng tạo và nhiều bằng khen khác.

Dự định khoa học

Viết sách chuyên ngành.
Giảng dạy đại học, trên đại học.



VÕ ĐÌNH LƯƠNG

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 5 - 4 - 1937.
Quê quán: Nghĩa Thương - Tư Nghĩa - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 174/37 Đặng Văn Ngữ - Quận Phú Nhuận - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy bộ môn Silicat - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Thực tập sinh Đại học Bắc Kinh - Trung Quốc.
Nghiên cứu sinh Đại học Xây dựng Weimar - Cộng hòa dân chủ Đức.
Thực tập sinh cao cấp Đại học Xây dựng Weimar - Cộng hòa dân chủ Đức.
Chủ nhiệm bộ môn Vật liệu xây dựng Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Chủ nhiệm ngành Vật liệu và cấu kiện xây dựng Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Được phong Giáo sư năm 1996.
Hội viên Hội Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1973.
Tiến sĩ Khoa học năm 1985.
Tại Đại học Kiến trúc và Xây dựng Weimar - Cộng hòa dân chủ Đức cũ.
Chuyên ngành Hoá học Silicat.

Đề tài luận án

Sự tạo thành và tính chất của xi măng Portland giàu MgO.

Luận án Tiến sĩ khoa học

Sản xuất, tính chất và sử dụng các loại chất kết dính có chứa Manhêgi.

Nội dung

Nghiên cứu sử dụng Dolomit Việt Nam sản xuất các loại chất kết dính (CKD) thuỷ lực Dolomi: CKD Dolomi - Puzolan, CKD Dolomi - xỉ lò cao, CKD Dolomi - xỉ nhiệt điện, CKD Dolomi tro nhiên liệu... Bằng phương pháp nghiên cứu cấu trúc hiện đại đã chứng minh một cách khoa học sự tạo thành hợp chất phức HydroSilicat Aluminat Calcimagne (3 $MgO.2CaO.4SiO_2$. $Al_2O_3.nH_2O$; $3MgO.\ 3CaO.3SiO_2.\ 2Al_2O_3$, nH_2O; $_4MgO._3CaO._4SiO_2.2Al_2O_3.nH_2O$). Chính những hợp chất này đã tạo nên tính chất cường độ, tính bền nước, tính bền nước biển và các tính chất đặc trưng của các loại chất kết dính thuỷ lực Dolomi. Ưu việt của các loại chất kết dính này là quy trình công nghệ sản xuất rất đơn giản và lĩnh vực sử dụng rất rộng rãi hơn nhiều loại chất kết dính khác.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Sử dụng Dolomi Việt Nam làm vật liệu xây dựng (cấp Bộ).
Sản xuất chất kết dính thuỷ lực Dolomi.
Sản xuất xi măng dãn nở chống thấm Sac.
Sản xuất ván ép bằng chất kết dính thuỷ lực Dolomi với dăm gỗ (cấp Bộ).
Sản xuất phụ gia dãn nở chống thấm Hysuca.
Sản xuất vật liệu xây dựng nhẹ dùng xây dựng nhà ở trên nền đất yếu của đồng bằng sông Cửu Long.
Mở rộng chế tạo các cấu kiện vật liệu xây dựng nhẹ bằng xi măng không phá huỷ các loại sơ sợi thực vật XTP (cấp Bộ).
Bằng phát minh do Cộng hòa dân chủ Đức cấp:
Nghiên cứu chế tạo xi măng Portland giàu MgO.
Nghiên cứu sự tạo thành hợp chất phức Hydrosilicataluminatcalcimagne.
Quy trình công nghệ sản xuất chất kết dính thuỷ lực Dolomi hiện đại.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
Bằng lao động sáng tạo.
Nhà giáo ưu tú (2000).

Dự định khoa học

Giảng dạy đại học, sau đại học.
Biên soạn tài liệu khoa học kỹ thuật.



NGUYỄN ĐỨC LƯỢNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 14 - 7 - 1948.
Quê quán: Đồng Ích - Lập Thạch - Vĩnh Phúc
Chỗ ở hiện nay: 48/7 - đường số 5 Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Học đại học tại Liên Xô.
Giảng viên, Trưởng phòng thí nghiệm Vi sinh vật Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Phó Chủ nhiệm
Chủ nhiệm bộ môn Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Vệ sinh gia đình thế giới.
Ủy viên Ban chấp hành:
Hội Thực phẩm Việt Nam.
Chương trình Công nghệ thực phẩm.
Chương trình Công sinh học thành phố Hồ Chí Minh.
Ban chủ nhiệm ngành Công nghệ thực phẩm Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Ngành Công nghệ sinh học.
Chuyên ngành Công nghệ vi sinh vật.

Đề tài luận án

Nghiên cứu các tính chất và khả năng sinh tổng hợp enzyme cellylose của vi sinh vật và ứng dụng để xử lý các chất thải hữu cơ chức ligno cellulose.

Nội dung

Phân lập các giống vi sinh vật có khả năng sinh tổng hợp enzym cellulose cao (nấm sợi, xạ khuẩn, vi khuẩn).
Nghiên cứu điều kiện nuôi cấy vi sinh vật để thu nhận cellulase có hoạt tính cao nhất.
Nghiên cứu tính chất (khả năng bền nhiệt, pH, muối, khả năng bảo quản) của cellulose.
Ứng dụng các chủng vi sinh vật tổng hợp cellulase cao đã nghiên cứu vào xử lý các tính chất hữu cơ chứa lignocellulose.

Thành tựu khoa học

Thực hiện chương trình CH17 giữa Việt Nam - Hà Lan (giai đoạn 1985 - 1987).
Đề tài nghiên cứu: Sử dụng nước dừa để sản xuất chất kích thích sinh trưởng (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu sử dụng than bùn để sản xuất phân sinh hoá 1998 - 1990 (cấp thành phố).
Nghiên cứu xử lý rác sinh hoạt để sản xuất phân hữu cơ - khoáng tổng hợp đạt xuất sắc (cấp thành phố).
Sách đã xuất bản:
Công nghệ sinh học.
Công nghệ vi sinh - Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
Một số bài đã đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Hoàn thành công nghệ sản xuất phân sinh học phục vụ nền nông nghiệp sạch và bền vững.
Nghiên cứu ứng dụng enzyme cellulase trong công nghiệp thực phẩm.
Nghiên cứu vật liệu sinh học dùng trong công nghiệp bao bì.
Tạo giống trong công nghiệp lên men.

Lời Tiến sĩ

Đất nước vẻ vang nhờ khoa học cơ bản
Đất nước giàu mạnh nhờ khoa học ứng dụng.
Nhà khoa học hữu ích khi biết biến kiến thức thành những sản phẩm cụ thể nâng cao đời sống nhân dân.



ĐÀO VĂN LƯỢNG

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 5 - 6 - 1945.
Quê quán: Cổ Am - Vĩnh Bảo - Hải Phòng.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Dresden Cộng hòa dân chủ Đức cũ.
Hiện là Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1980.
Tại Đại học Tổng hợp Dresden - Cộng hòa dân chủ Đức cũ.

Đề tài luận án

Mô hình hoá quá trình khuếch tán bằng lý thuyết xác suất.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài nghiên cứu:
Điều tra, nghiên cứu khả năng sử dụng tài nguyên thiên nhiên và phế thải công nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh (cấp thành phố).
Nghiên cứu tổng hợp điện hoá benzaldehit từ toluen (cấp thành phố).
Nghiên cứu tách parafin từ phân đoạn dầu mỏ Việt Nam (cấp Bộ).
Nghiên cứu sản xuất silicagel dạng viên cầu (cấp Bộ).
Nghiên cứu hoàn chỉnh công nghệ sản xuất parafin rắn từ phân đoạn dầu mỏ Việt Nam.
Nghiên cứu chế tạo và khảo sát chất hấp thụ, chất mang xúc tác trên oxyt-silic và hỗn hợp (tham gia - cấp Bộ).
Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng lão hoá polymer bằng kết hợp thí nghiệm và computer (cấp Bộ).
Một số công trình khoa học đã công bố:
Báo cáo khoa học mô hình toán quá trình khuếch tán.
Fehlerbetrachtungen der Beschreibung von Diffusionsprozessen als Markow - Ketten
Báo cáo khoa học Xích Markow và Mô hình ngăn.
Nghiên cứu phục hồi bình chứa axetylen
Ảnh hưởng của pH đến hiệu suất, chất lượng citral tách từ tinh dầu màng tang.
Điều chế tổ hợp chất thơm mùi chanh từ citral.
Ảnh hưởng của kiềm và sự tạo thành sản phẩm phụ trong pư tổng hợp pseudoi onon
Citral - nguồn nguyên liệu thiên nhiên giàu có của nước ta.
Nghiên cứu điều hương mùi chanh từ nguồn thực vật Việt Nam.
Nghiên cứu tổng hợp điện hoá p.Aminophenol từ nitrobenzen.
Sả chanh - nguồn cung cấp citral cho công nghiệp hương liệu.
Các nguồn thực vật chứa citral - nguyên liệu đầu của công nghệ hương liệu.
Nghiên cứu điều hương mùi hoa violet từ nguồn thực vật Việt Nam.
Nghiên cứu quá trình tách citral từ tinh dầu Việt Nam làm nguyên liệu cho công nghệ hương liệu.
Nghiên cứu công nghệ sản xuất cồn tuyệt đối bằng phương pháp hoá lý...
Giải thưởng khoa học tại hội nghị hoá học đại học Đức và quốc tế.
Bằng sáng chế công nghệ chế tạo silicagel dạng viên cầu (Bộ Giáo dục - Đào tạo).
Được phong Phó Giáo sư.



ĐỖ QUẾ LƯỢNG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 9 - 11 - 1939.
Quê quán: Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: 124/50B Châu Long - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Kiép Liên Xô cũ.
Làm việc tại Ngân hàng Trung ương.
Nghiên cứu sinh tại Mátxcơva Liên Xô cũ.
Vụ phó Vụ Kế toán tài chính - Ngân hàng Trung ương.
Chuyên gia giúp đỡ Ngân hàng Trung ương Lào.
Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thành phố Hải Phòng.
Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.
Phó Thống đốc Ngân hàng Trung ương
Quyền Thống đốc Ngân hàng Trung ương.
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Quản lý và Kinh doanh Hà Nội.
Hội viên Hội Kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1977
Tại trường Đại học Tài chính Mátxcơva, Liên Xô cũ.
Ngành Tài chính - Tín dụng
Chuyên ngành Ngân hàng.

Đề tài luận án

Các nghiệp vụ ngân hàng về thanh toán không dùng tiền mặt giữa các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Nội dung

Nghiên cứu chu chuyển thanh toán và việc tổ chức công tác thanh toán không dùng tiền mặt.
Nghiệp vụ ngân hàng trong các khoản thanh toán không dùng tiền mặt theo các thể thức: Nhờ thu nhận trả, uỷ nhiệm chi, thanh toán bằng séc, thư tín dụng và tài khoản đặc biệt.
Khả năng ứng dụng các nghiệp vụ ngân hàng về thanh toán không dùng tiền mặt vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Một số bài viết đã công bố:
Cần nâng cao vị trí của ngân hàng nhà nước trong tình hình mới.
Ngân hàng Hải Phòng sau hơn 1 năm thực hiện cơ chế mới.
Đổi mới hoạt động ngân hàng là một vấn đề cấp bách, then chốt của việc chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường.
Bàn về lợi ích của việc mở tài khoản cá nhân và sử dụng séc cá nhân.
Ngân hàng phục vụ người nghèo trong chiến lược xoá đói giảm nghèo.
Đổi mới công tác cán bộ và đào tạo - một thách thức lớn của ngành ngân hàng.
Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam.
Tín dụng ngân hàng với việc phát triển kinh tế trang trại ở Việt Nam.
Một số ý kiến về tiêu chuẩn hoá và nhu cầu đào tạo nhân lực hệ thống ngân hàng trong tương lai.
Chủ nhiệm một số đề tài cấp ngành:
Giải pháp thực hiện định hướng chiến lược hội nhập với cộng đồng tài chính quốc tế của hệ thống ngân hàng Việt Nam.
Thực trạng và giải pháp tín dụng ngân hàng hỗ trợ cho xoá đói giảm nghèo.

Dự định khoa học

Tham gia giảng dạy đại học, sau đại học.
Hướng dẫn tốt nghiệp cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ.
Nghiên cứu lưu thông tiền tệ, thanh toán không dùng tiền mặt, tín dụng, lãi suất, ngoại hối, tỷ giá, v.v...

Lời Tiến sĩ

Ngân hàng là những doanh nghiệp đặc thù, kinh doanh qua đồng tiền, và đồng tiền có quy luật riêng của nó. Phải tôn trọng quy luật khách quan, phải hiểu nó và biết hướng nó để phục vụ có hiệu quả nhất cho quốc kế dân sinh. Nếu làm trái quy luật thì tiền tệ mất ổn định và hậu quả là nền kinh tế sẽ mất ổn định.



LÊ VIẾT LƯỢNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 12 - 2 - 1956.
Quê quán: Sơn Bằng - Hương Sơn - Hà Tĩnh
Chỗ ở hiện nay:
12/257 Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Giao thông đường thuỷ Hải Phòng.
Giáo viên môn Động cơ điezen Trường Đại học Giao thông đường thuỷ (nay là Đại học Hàng hải).
Phó bộ môn Động lực điezen.
Nghiên cứu sinh Học viện Giao thông đường thuỷ quốc gia Mátxcơva - Cộng hòa liên bang Nga.
Phó Chủ nhiệm khoa Đào tạo sau đại học - Đại học Hàng hải.
Hiện là Chủ nhiệm khoa Đào tạo sau đại học - Đại học Hàng hải.
Hội viên Hội Cơ khí Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Học viện Giao thông đường thuỷ quốc gia Mátxcơva - Cộng hoà liên bang Nga.
Ngành Máy tàu thuỷ.
Chuyên ngành Động cơ nhiệt và Khai thác máy tàu thuỷ.

Đề tài luận án

Nghiên cứu giảm suất tiêu hao nhiên liệu thiết bị năng lượng tàu kéo khi hoạt động trong điều kiện sóng gió.

Nội dung

Nghiên cứu sự làm việc của động cơ điêzen trong quá trình chuyển tiếp, vận dụng lý thuyết thu được để nghiên cứu sự làm việc đồng thời của động cơ - tua bin máy nén - thiết bị đẩy tàu khi hoạt động trong điều kiện sóng gió. Xây dựng mô hình toán và chương trình tính về sự làm việc đồng thời của hệ động lực chính và thiết bị đẩy tàu nói chung, nói riêng là xác định số tàu kéo - đẩy hợp lý dùng để cập bến tàu có trọng tải lớn trong điều kiện sóng gió nhằm giảm suất tiêu hao nhiên liệu. Mô hình toán và chương trình tính có xây dựng mối quan hệ giữa các thông số công tác của động cơ với các thông số của chong chóng định bước, biến bước khi hệ hoạt động trong điều kiện sóng gió. Với chương trình tính đã thiết lập có thể dùng để nghiên cứu sự thay đổi các thông số công tác của động cơ khi:
Mức độ đóng tải khác nhau; thay đổi tải có tính chu kỳ; sử dụng các loại tua bin máy nén tăng áp có mô men quán tính khối lượng khác nhau.
Thay đổi điều kiện không khí môi trường; thay đổi cấp độ sóng gió; sử dụng chong chóng định bước và tiến bước.
Mô hình toán và chương trình tính cũng cho phép nghiên cứu mối quan hệ giữa các thông số công tác của động cơ với hàm lượng khói xả ra môi trường.
Kết quả nghiên cứu thực nghiệm về sự thay đổi các thông số công tác của động cơ điezen tăng áp tua bin khí xả khi đóng tải đột ngột và khi sử dụng chất nhũ tương dầu nước đã đánh giá được tính đúng đắn của mô hình toán và chương trình tính đã thiết lập.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu khoa học:
Nghiên cứu công nghệ tạo nước ngọt từ nước biển bằng cách sử dụng năng lượng mặt trời trong điều kiện áp suất thấp (cấp Bộ).
Nghiên cứu mô phỏng lực tác dụng lên cơ cấu biên khuỷu động cơ đốt trong kiểu piston (cấp trường).
Sách đã xuất bản:
Lý thuyết động cơ điezen - Nxb Giáo dục.
Các chế độ chuyển tiếp của động cơ đốt trong. Trường Đại học Hàng hải - Hải Phòng.
Hướng dẫn nghiên cứu sinh cao học.
Viết 15 bài báo đăng trên tạp chí trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tận dụng nhiệt thải động cơ điezen.
Nghiên cứu giảm ô nhiễm môi trường do động cơ điezen.
Nghiên cứu nâng cao hiệu quả khai thác động cơ điezen.

Lời Tiến sĩ

Muốn có một đất nước vững mạnh và hưng thịnh thì trình độ dân trí phải cao, phải có lực lượng lao động có đủ kiến thức, trình độ lĩnh hội công nghệ mới đáp ứng thị trường lao động mới. Giáo dục và đào tạo luôn luôn là động lực thúc đẩy đất nước phát triển.
Đối với nước ta khoa học và kỹ thuật là phương tiện đưa đất nước đến giàu mạnh nhanh nhất.



LƯU LƯỢNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 21 - 5 - 1949.
Quê quán: Hoà Xá - Ứng Hoà - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 37/78 Trần Đình Xu - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp ngành Phát dẫn điện Trường Đại học Bách khoa Iassi (Rumani).
Chuyên viên Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989
Tại Trường Năng lượng Mátxcơva, Liên Xô cũ.
Ngành Năng lượng.

Đề tài luận án

Tối ưu hoá sử dụng nguồn thuỷ năng Việt Nam trong tương lai.

Nội dung

Nguồn thuỷ năng Việt Nam được thể hiện qua các đầu mối, có thể xây dựng nhà máy thuỷ điện nhằm phục vụ cho nhu cầu phát triển phụ tải trong tương lai. Mỗi đầu mối thuỷ năng có những thông số cơ bản: công suất thiết kế theo quy mô, sản lượng điện năng trung bình năm tương ứng, vốn đầu tư xây dựng đầu mối tương ứng. Phụ tải trong tương lai được giả định theo ba trung tâm Bắc, Trung, Nam với các phương án phát triển khác nhau.
Sử dụng công cụ toán học quy hoạch động tác giả đã tìm ra tiến độ xây dựng các đầu mối thuỷ điện cần thiết, quy mô công suất và điện năng tương ứng, nhằm thoả mãn nhu cầu phụ tải phát triển trong tương lai, với chi phí đầu tư thấp nhất.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu các chuyên đề khoa học nằm trong các đề tài nghiên cứu của ngành.
Nghiên cứu quy hoạch phát triển kinh tế xã hội cho một vùng lãnh thổ hoặc tỉnh.
Đồng tác giả đề tài Quản lý nhà nước các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Lời Tiến sĩ

Năm 2000 báo Tuổi trẻ thành phố Hồ Chí Minh *có tiến hành một cuộc điều ta phỏng vấn các bạn trẻ với câu hỏi "Thần tượng của bạn là ai?". 39% trả lời "Các nhà chính trị", 23% trả lời "Các doanh nhân", 21% trả lời "Cầu thủ bóng đá và ca sĩ", chỉ có 1,8% trả lời "Các nhà khoa học". Rõ ràng cuộc đời những người làm nghiên cứu khoa học trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam không hấp dẫn lớp trẻ. Có thể các em thấy cuộc đời các nhà khoa học Việt Nam "nhọc nhằn mà chẳng nên cơm cháo gì". Đó là nỗi buồn của chúng tôi, những người làm công tác nghiên cứu khoa học; nhưng buồn cho đất nước nhiều hơn. Nếu lớp trẻ chẳng tha thiết gì làm khoa học thì viễn cảnh Việt Nam sẽ ra sao?*



BÙI DANH LƯU

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 28 - 8 - 1935.
Quê quán: Đào Xá - Thanh Thuỷ - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: 64B Quán Sứ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.
Chủ tịch Hội khoa học kỹ thuật Cầu đường Việt Nam.
Uỷ viên Trung ương Đảng (khoá 6, 7, 8).
Giáo sư.
Phó trưởng ban Kinh tế Trung ương Đảng.
Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1975.
Tại Trường Đại học Bách khoa (CVUT) Cộng hoà Tiệp Khắc cũ.
Chuyên ngành Nền móng công trình

Đề tài luận án

Tính toán cọc chịu lực ngang trong nền đất sét

Nội dung

Luận án đề cập đến một giả thiết khác với giả thiết thường gặp coi hệ số nền thay đổi tuyến tính theo chiều sâu, giả thiết này chỉ đúng trong đất cát, còn trong đất sét nền được coi là có hai lớp, mỗi lớp có độ cố kết Mo, chỉ tiêu độ đặc C_u và độ kết dính Ic khác nhau.

Qua nghiên cứu tác giả đưa ra kết luận với mỗi lớp đất có Mo, Ic, Cu không đổi thì hệ số nền không đổi. Đây là bước phát triển trên cơ sở giả thiết của Davision, tác giả đã đưa ra mô hình tính toán nền hai lớp, mỗi lớp có hệ số nền khác nhau, và trong mỗi lớp thì hệ số nền không đổi.

Tác giả còn rút ra kết luận đối với tất cả các cọc chôn trong đất sét khi chiều dài cọc h/r ≥ 2,8 (trong đó $(r = \sqrt[4]{\frac{4EJ}{K_h^1}}$ là chiều dài đàn tính của cọc k_h hệ số nền; d đường kính của cọc) thì chuyển vị Y_{max} đầu cọc và M_{max} không phụ thuộc vào kết cấu chân cọc nữa mà chỉ phụ thuộc vào kết cấu đầu cọc. Đối với đất cát thì h/r ≥ 4,0.

Trong luận án tác giả còn đưa ra các công thức tính toán Y_{max} và M_{max} đối với các trường hợp cọc chôn trong đất sét với h/r ≥ 2,8 và trong đất cát với h/r ≥ 4,0.

Kết quả đã được chứng minh thông qua thí nghiệm tại hiện trường

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài:

Nghiên cứu và áp dụng đồng bộ các biện pháp khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực vận tải Bắc Nam (chương trình cấp Nhà nước).

Neo trong đất đá (cấp Bộ).

Đẩy mạnh giao lưu kinh tế với bên ngoài qua các cửa khẩu và phương hướng phát triển quan hệ kinh tế với các nước láng giềng" (cấp Nhà nước).

Sách đã xuất bản:

Neo ổn định các công trình trong đất đá (đồng tác giả - Nxb Giao thông vận tải).

Định hướng về chiến lược xây dựng, phát triển Giao thông vận tải - Nxb Chính trị Quốc gia.

Neo trong đất đá - Nxb Giao thông Vận tải.

Và một số sách về trường ứng suất quanh neo trong đất cát, đất sét, sức chịu tải của các loại neo, công thức tính toán thiết kế các bài toán ứng dụng...

Đã công bố gần 100 bài báo trên các tạp chí.

Huân chương Lao động hạng nhất.



NGUYỄN VĂN LƯU

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 29 - 8 - 1953.
Quê quán: Thuỵ Dân - Thuỵ Anh - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 302 A12 tập thể Cục Chuyên gia - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học và nghiên cứu sinh Trường Đại học Giao thông Friedrich List Dreseden Cộng hoà dân chủ Đức.
Phó Giám đốc Khách sạn giao tế Thái Bình.
Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Du lịch Thái Bình.
Chuyên viên Văn phòng Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thái Bình.
Hiện là Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế Tổng cục Du lịch.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985.
Tại Trường Đại học Giao thông Friedrich List Dreseden Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Ngành Kinh tế du lịch.

Đề tài luận án

Marketing du lịch quốc tế thu ngoại tệ trong điều kiện xã hội chủ nghĩa, đặc biệt chú ý đến điều kiện du lịch Việt Nam.

Nội dung

Marketing rất thông dụng trong nền kinh tế thị trường. Nước ta vận hành kinh tế theo cơ chế kế hoạch hoá nên marketing rất xa lạ. Nhưng trong du lịch, ở giai đoạn đầu phát triển, thường tập trung thu hút khách quốc tế, nhất là khách từ thị trường khu vực II. Do đó rất cần ứng dụng marketing du lịch mới tiêu thụ được sản phẩm. Luận án nhằm đề xuất những giải pháp ứng dụng marketing cho du lịch quốc tế thu ngoại tệ của đất nước, với 3 nhiệm vụ chính: hệ thống hoá các khái niệm và lý luận marketing du lịch quốc tế thu ngoại tệ; phân tích tài nguyên, tiềm năng du lịch Việt Nam và thực trạng thị trường du lịch Việt Nam; đề xuất các giải pháp ứng dụng marketing du lịch quốc tế.

Thành tựu khoa học

Một số bài viết đăng trên các báo, tạp chí:
Du lịch Hà Nội cần vai trò quản lý nhà nước để phát triển.
Xu thế chuyên môn hoá trong du lịch.
Phát triển du lịch phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.
Hội nhập du lịch ASEAN - thời cơ và thách thức.
Một năm gia nhập ASEAN dưới cách nhìn du lịch.
Tính thời vụ trong hoạt động du lịch.
Rủi ro và khủng hoảng trong du lịch.
Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thời kỳ 1995-2000 (đồng tác giả).
Tham gia quy hoạch du lịch các tỉnh Tây Ninh, Hà Tây, Thừa Thiên - Huế, Bà Rịa - Vũng Tàu, Ninh Bình, Cần Thơ, Hà Nội, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lai Châu, Thanh Hoá, Nam Hà, Gia Lai - Kon Tum, Hà Tĩnh...
Tham gia một số đề tài:
Định hướng thị trường du lịch cho Việt Nam; Thị trường du lịch ASEAN cho Việt Nam; Kinh nghiệm phát triển du lịch bền vững ở một số nước trên thế giới; Khai thác khả năng của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển du lịch; hợp tác tiểu vùng Mêkông mở rộng; Hợp tác hành lang Đông - Tây; Thị trường du lịch nước ngoài của ngành du lịch Việt Nam (đồng tác giả).
Sách đã xuất bản:
Thị trường du lịch - Nxb Đại học Quốc gia;
Kỹ thuật phục vụ bàn - Trường Trung học nghiệp vụ Du lịch Hà Nội.

Dự định khoa học

Nghiên cứu du lịch qua hợp tác quốc tế; Khai thác khả năng cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở Việt Nam phục vụ du lịch; Nghiên cứu rủi ro, khủng hoảng du lịch và cách giảm thiểu. Hướng dẫn nghiên cứu sinh, sinh viên.

Lời Tiến sĩ

Trên thế giới du lịch đã trở thành hiện tượng phổ biến trong đời sống xã hội; là một trong những ngành kinh tế hàng đầu của nhiều quốc gia. Nước ta có đầy đủ điều kiện để du lịch thật sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn. Chỉ có nâng cao chất lượng du lịch, khai thác lợi thế về tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hoá, mới đáp ứng được nhu cầu du lịch trong nước và quốc tế, sớm xây dựng nước ta là điểm đến của thiên niên kỷ thứ 3.



TRẦN VIẾT LƯU

Hà Thanh, Minh Văn
Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 20 - 7 - 1960.
Quê quán: Đông Hoà - Đông Sơn - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: Đông Hưng - Đông Sơn - Thanh Hoá.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Lịch sử - Đại học Sư phạm Vinh.
Giáo viên lịch sử Trường phổ thông trung học Trung Sơn - Thanh Hoá.
Giáo viên Trường Trung học Sư phạm Thanh Hoá.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Thư ký Hội đồng khoa học trường Trung học Sư phạm Thanh Hoá.
Chuyên viên Lịch sử Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hoá.
Hội viên Hội khoa học Lịch sử Thanh Hoá.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Giáo dục
Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy lịch sử.

Đề tài luận án

Tạo biểu tượng lịch sử cho học sinh tiểu học.

Nội dung

Biểu tượng là cấp độ nhận thức lịch sử phù hợp với đặc điểm tâm lý của học sinh tiểu học; biểu tượng lịch sử được tạo trong quá trình dạy học lịch sử là hình ảnh sơ giản về sự kiện, nhân vật tiêu biểu trong lịch sử dân tộc, lịch sử quê hương; Biểu tượng lịch sử có tác dụng trong việc góp phần giáo dục lịch sử, giáo dục truyền thống dân tộc, bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước cho trẻ em Việt Nam.
Các loại biểu tượng: nhân vật lịch sử tiêu biểu; sự kiện lịch sử tiêu biểu; thành tựu kinh tế - văn hoá - quân sự tiêu biểu; biểu tượng về một thời kỳ, về quá trình lịch sử dân tộc.
Một số biện pháp cơ bản, đặc trưng của môn học: tạo biểu tượng bằng nhóm ngôn ngữ nói (kể chuyện, miêu tả, tường thuật) của giáo viên; bằng các loại đồ dùng trực quan (bản đồ, sơ đồ, tranh ảnh, hiện vật lịch sử, băng hình...); bằng hoạt động thực tế của học sinh (tham quan di tích, học tại thực địa, sưu tầm lịch sử...).

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Bài tập lịch sử.
Bác Hồ kính yêu.
Bài soạn tự nhiên - xã hội.
Thiết kế bài dạy lịch sử ở tiểu học.
Kiến thức lịch sử cho giáo viên tiểu học (viết chung).
Trò chơi lịch sử cho học sinh tiểu học (viết chung).
Một số bài viết đăng ở *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục.*

Dự định khoa học

Biên soạn tài liệu tham khảo lịch sử cho học sinh tiểu học.
Tài liệu phương pháp đối với dạy học lịch sử ở tiểu học, trung học.
Xây dựng đồ dùng trực quan cho dạy học lịch sử ở tiểu học.

Lời Tiến sĩ

Mỗi người cần ý thức được vị trí quốc tế và lịch sử của dân tộc mình.
Khoa học là con đường khám phá chân lý giúp mỗi người biết "tự mình" đi tìm niềm tin trong nhận thức.



LÊ QUỐC LÝ

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 2 - 9 - 1959.
Quê quán: Hoằng Thịnh - Hoằng Hoá - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 21/ngõ 341 - phố Vọng - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học và nghiên cứu sinh tại Đại học Kinh tế Quốc dân Ôđétxa, Liên Xô cũ.
Tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế phát triển tại Đại học Tổng hợp Manchester, Vương quốc Anh.
Làm việc tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
Thành viên:
Tổ chống lạm phát của Chính phủ;
Ban điều hành Quỹ đào tạo Fuyo;
Nhiều nhóm nghiên cứu chính sách kinh tế và tài chính - tiền tệ của Nhà nước.
Thư ký thường trực, nhóm tài chính - tiền tệ trong chương trình Jica.
Chuyên gia kinh tế tại Lào.
Hiện là Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính - Tiền tệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
Thành viên Hội Kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985.
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Ôđétxa, Liên Xô cũ.
Ngành Kinh tế.
Chuyên ngành Kế hoạch hoá và tổ chức quản lý giao thông vận tải và bưu chính viễn thông.

Đề tài luận án

Nghiên cứu những vấn đề kinh tế nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm.

Nội dung

Nghiên cứu các vấn đề kinh tế nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm trong ngành bưu chính viễn thông: nghiên cứu về cơ cấu tổ chức của ngành; phân tích và tổng hợp các yếu tố nâng cao hiệu quả. Đưa ra những nguyên tắc cơ bản của quản lý; xây dựng các phương án và mô hình quản lý tối ưu (trên cơ sở mô hình hoá toán học); và một số giải pháp về lý thuyết khoa học phục vụ quản lý, kinh tế và kế hoạch hoá kinh tế quốc dân.

Thành tựu khoa học

Đã chủ trì và tham gia soạn thảo một số văn bản pháp quy của Nhà nước.
Một số báo cáo, văn bản, văn kiện về chính sách phát triển kinh tế - xã hội...
Trên 20 công trình, bài báo đăng trên các tạp chí, sách trong nước và quốc tế về: Phát triển vùng nguyên liệu tập trung; Các giải pháp chống lạm phát; Cơ chế và chính sách xuất nhập khẩu; Tiền lương và lao động; Phát triển hàng hoá ở nông thôn; Cơ chế khoán sản phẩm; Phát triển kinh tế quốc doanh; Sở hữu và xoá bao cấp trong phát triển nền kinh tế; Quan điểm về thị trường và đổi mới kế hoạch hoá; Thị trường vốn và hệ thống Ngân hàng; Cải cách lĩnh vực tài chính và tiền tệ; Mối tương quan giữa lĩnh vực ngân hàng và tài chính - tiền tệ; Các giải pháp khắc phục khủng hoảng...
Tham gia nhiều hội thảo khoa học trong và ngoài nước.
Tham gia giảng dạy và hội đồng chấm các luận án thạc sĩ, tiến sĩ.
Thành viên nhiều hội đồng khoa học cấp Bộ và cấp Nhà nước.
Chủ nhiệm và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Nhà nước (12 đề tài):
Xoá bao cấp trong đầu tư; các biện pháp về vốn; Các chính sách kinh tế vĩ mô; các biện pháp dự báo tài chính - tiền tệ; chống lạm phát và khắc phục thiểu phát, đẩy mạnh tăng trưởng; Chiến lược vay và trả nợ nước ngoài v.v...

Dự định khoa học

Nghiên cứu kinh tế vĩ mô, tài chính - tiền tệ, nợ nước ngoài v.v...



TRẦN ĐÌNH LÝ

Tiến sĩ Khoa học

Sinh năm: 1939.
Quê quán: Gio Thành - Gio Linh - Quảng Trị.
Chỗ ở hiện nay: 39/tổ 17 - Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giám đốc Trung tâm Khoa học Đà Lạt, Viện Khoa học Việt Nam nay là Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.
Phó Viện trưởng Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.
Hiện là nghiên cứu viên cao cấp.
Uỷ viên Hội đồng Khoa học Công nghệ Môi trường - Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Thường trực Hội đồng Khoa học Viện.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1975
Tiến sĩ Khoa học năm 1984.
Tại Đại học Humboldt - Berlin, Đức.

Thành tựu khoa học

Trên 70 công trình khoa học đã công bố (25 công trình ở nước ngoài).
Sách đã xuất bản:
1.900 loài cây có ích ở Việt Nam - Nxb Thế giới.
Họ Trúc đào ở Việt Nam - Nxb Viện Hàn lâm Khoa học Đức.
Thực vật chí họ Trúc đào (Apocynaceae) ở Việt Nam.
Sinh học 9+1; 12+1.
Hướng dẫn và chấm nhiều luận án tiến sĩ, một số luận án tiến sĩ khoa học.
Giải thưởng Humboldt cho các nhà khoa học trẻ năm 1974.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
Được phong Giáo sư năm 1992.



NGUYỄN VĂN MÃ

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 15 - 5 - 1951.
Quê quán: Yên Lư - Yên Dũng - Bắc Giang.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 - Mê Linh - Vĩnh Phúc.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Sinh học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Trưởng bộ môn Thực vật, khoa Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp.
Thực tập sinh tại Liên Xô cũ.
Phó chủ nhiệm khoa Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp.
Trưởng phòng Quản lý khoa học.
Hiện là Phó hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Azecbaizan Liên Xô cũ.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Sinh lý học thực vật.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của molipden, mangan và đồng tới các quá trình sinh lý, năng suất và phẩm chất lạc và đậu tương trên đất bạc màu Việt Nam.

Nội dung

Nguyên tố vi lượng có vai trò đặc biệt quan trọng đối với các quá trình sinh lý, sinh hoá và trao đổi chất ở thực vật.
Lạc và đậu tương là cây họ đậu có giá trị dinh dưỡng, kinh tế rất lớn ở nước ta và trên thế giới. Việc nghiên cứu nâng cao năng suất, và phẩm chất các loại cây trồng này là việc làm có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.
Đề tài nghiên cứu vai trò của Mo, Mn và Cu tới một số quá trình sinh lý, năng suất và phẩm chất lạc, đậu tương trên đất bạc màu nước ta. Kết quả cho thấy với liều lượng thích hợp, các nguyên tố vi lượng đã làm tăng cường độ, hiệu quả các quá trình sinh lý quan trọng, làm tăng khả năng trao đổi nước, tính chống chịu hạn, tốc độ sinh trưởng, năng suất cây trồng gia tăng và đặc biệt phẩm chất của chúng được cải thiện đáng kể.

Thành tựu khoa học

Chủ trì 3 đề tài khoa học cấp Bộ.
Một số công trình khoa học đã được ứng dụng trong sản xuất ở các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc.
Đã xuất bản 2 tập giáo trình *Sinh lý thực vật* dùng cho sinh viên đại học sư phạm.
Hướng dẫn sinh viên dự thi đạt giải nhì giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học và Sáng tạo kỹ thuật Việt Nam.
Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thành tích hoạt động khoa học công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu theo hướng nâng cao tính chống chịu của cây trồng.
Gắn công trình nghiên cứu với việc đào tạo sinh viên và nghiên cứu sinh.



ĐẶNG MAI

Đặng Văn Mai

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 10 - 3 - 1948.
Quê quán: Trung Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Giảng viên khoa Địa chất, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Hiện là Phó chủ nhiệm bộ môn Địa hoá khoa Địa chất, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Thành viên Hội Địa chất Việt Nam;
Hội Địa hoá Việt Nam;
Hiệp hội Câu lạc bộ UNESCO Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành Địa lý - Địa chất.
Chuyên ngành Địa hoá.

Đề tài luận án

Đặc điểm địa hoá - khoáng vật vỏ phong hoá vùng Hà Nội và phụ cận.

Nội dung

Xác lập các kiểu vỏ phong hoá; phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố tự nhiên; phát hiện các quy luật phân bố khoáng sản ngoại sinh trong vùng Hà Nội và phụ cận.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ và tương đương:
Tiềm năng chứa khoáng sản của vỏ phong hoá vùng Hà Nội và phụ cận.
Tiến hoá địa hoá trầm tích Đệ tứ đồng bằng ven biển miền Trung và ý nghĩa cổ khí hậu của chúng.
Mô hình hoá toán học các dị thường địa hoá quặng vàng vùng Đồi Bù - Khau Âu.
Mô hình hoá toán học các dị thường địa hoá quặng chì kẽm Chợ Đồn (Bắc Cạn).
Đồng tác giả:
Bản đồ vỏ phong hoá miền Bắc Việt Nam, tỉ lệ 1:500.000.
Vỏ phong hoá và trầm tích Đệ tứ Việt Nam.
Đặc điểm trầm tích tầng mặt và thạch động lực vùng biển ven bờ Nga Sơn, Hải Phòng (đề tài nhánh).
Đặc điểm trầm tích tầng mặt và thạch động lực vùng biển ven bờ Hải Phòng, Móng Cái.
Đặc điểm trầm tích tầng mặt và thạch động lực vùng biển ven bờ Bạc Liêu, Hàm Luông (đề tài nhánh).
Nhiều bài báo đăng trên các tạp chí
Sách đã xuất bản
Thạch luận (đồng dịch giả) - Nxb Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Toán ứng dụng trong địa chất - Đại học Khoa học Tự nhiên.
Huy chương địa chất Việt Nam.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng toán học và tin học trong khoa học địa chất.
Nghiên cứu sự phân bố các nguyên tố hoá học trong các lớp bề mặt của trái đất và hiệu ứng môi trường của chúng.



HOÀNG THỊ MAI

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 6 - 6 - 1970.
Quê quán: Thiệu Quang - Thiệu Hoá - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay:
Phường Trường Thi - thành phố Thanh Hoá.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Cao đẳng Sư phạm Thanh Hoá.
Hiện là cán bộ giảng dạy Trường Đại học Hồng Đức.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Giáo dục học.

Đề tài luận án

Đặng Thai Mai với vấn đề phương pháp luận giảng văn ở nhà trường phổ thông.

Nội dung

Luận án phân tích, hệ thống hoá khá toàn diện và sâu sắc vấn đề phương pháp luận giảng văn của Đặng Thai Mai, từ những nguyên tắc xây dựng chương trình, sách giáo khoa văn đến phương pháp và kỹ thuật giảng văn cụ thể. Qua phân tích, mô tả, luận án cho rằng tuy không phải là một chuyên gia phương pháp dạy học văn, tuy chưa nói hết, viết hết nhưng tư tưởng, quan niệm cũng như phương pháp giảng văn của Đặng Thai Mai, về cơ bản vẫn còn nguyên ý nghĩa và vẫn phát huy tác dụng trong công việc giảng văn ở nhà trường phổ thông hiện nay.

Thành tựu khoa học

Thiết kế bài học tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông, tập 2 (viết chung) - Nxb Giáo dục.
Trên 20 bài viết đã đăng ở các tạp chí chuyên ngành.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các đề tài khoa học về phương pháp giảng dạy văn học, góp phần nâng cao chất lượng dạy văn, học văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

"Sức cạnh tranh của thế kỷ XXI sẽ là giáo dục và trình độ của người lao động". Giáo dục của chúng ta chưa đáp ứng được yêu cầu và những đòi hỏi bức xúc của xã hội. Nhà nước cần quan tâm hơn đến sự nghiệp giáo dục, ưu tiên hơn nữa cho các đề tài nghiên cứu nhằm đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo các thế hệ làm chủ tương lai của đất nước.



NGUYỄN QUANG MAI

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 15 - 9 - 1939.
Quê quán: Kinh Kệ - Lâm Thao - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: Cổ Nhuế - Từ Liêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng dạy tại khoa Sinh Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Sinh lý động vật và người.
Giám đốc Trung tâm Giáo dục sức khoẻ sinh sản - kế hoạch hóa gia đình Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Thường vụ Ban Chấp hành Hội Sinh lý học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Trường Đại học sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Sinh lý động vật.

Đề tài luận án

Nghiên cứu một số chỉ tiêu sinh lý nhiệt độ thấp của cá rô phi Sarotherodon - Mossambica, Trewavs.

Nội dung

Sinh lý tiêu hoá của cá rô phi ở nhiệt độ thấp.
Giới hạn nhiệt độ thấp cá còn ăn.
Khối lượng thức ăn ăn được.
Thời gian ăn.
Tốc độ tiêu hoá...
Sinh lý hô hấp của cá rô phi ở nhiệt độ thấp.
Nhịp thở.
Nhịp thở và nhu cầu ăn.
Sinh lý vận động của cá rô phi ở nhiệt độ thấp.
Vận động tự phát.
Biến đổi phản xạ không điều kiện.
Sinh lý chịu rét của cá rô phi ở nhiệt độ thấp.
Khả năng chịu rét.
Xác định tác động kép của phức hệ nhiệt độ thời gian trong hiện tượng gây chết.
Khả năng chịu rét của cá theo giới tính.
Khả năng sinh trưởng phát triển của cá rô phi ở nhiệt độ thấp.
Khả năng sinh sản của cá rô phi ở nhiệt độ thấp.
Thời gian cá bắt đầu đẻ sau đợt nghỉ qua mùa đông.
Nhiệt độ thích hợp cho sự sinh sản.
Tỷ lệ trứng nở và cá con sống...
Nghiên cứu thúc cá con lớn nhanh...

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu cấp Bộ:
Một số đặc điểm tâm sinh lý của những nam giới đã thực hiện đình sản ở một số tỉnh nước ta.
Sự hiểu biết các biện pháp tránh thai của học sinh, sinh viên một số tỉnh, thành phố.
Hiệu quả các dịch vụ y tế với kế hoạch hoá gia đình và chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em tại Quảng Trị, Bình Thuận.
Các nguyên nhân ảnh hưởng đến kế hoạch thực hiện đình sản tại tỉnh Hoà Bình, Bình Định và Bến Tre.
Một số tai biến, tác dụng phụ xảy ra với các nam nữ đã thực hiện đình sản tại tỉnh Bắc Ninh.
Một số chỉ tiêu về thể lực - sinh lý của các em học sinh người dân tộc tại Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Lào Cai.
Sự hiểu biết về sức khoẻ sinh sản của các em học sinh dân tộc tỉnh Sơn La, Hoà Bình...
Huân chương kháng chiến hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các chỉ tiêu thể lực và sinh lý học sinh các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.



NGUYỄN THỊ THANH MAI

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 6 - 2 - 1949.
Quê quán: Thành phố Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 170 - tổ 5 - phường Quang Trung - thị xã Thái Bình.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Giảng viên bộ môn Sản Trường Đại học Y Thái Bình.
Nghiên cứu sinh tại Viện Hàn lâm Y học Sôphia - Bungari.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Sản, Ủy viên Hội đồng khoa học Trường Đại học Y Thái Bình.
Hội phó Hội sản phụ khoa Thái Bình.
Hội viên Hội Sản phụ khoa Việt Nam.
Hội Sản phụ khoa quốc tế.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Viện Hàn lâm Y học Sôphia, Bungari.
Chuyên ngành Ung thư học phụ khoa.

Đề tài luận án

Nghiên cứu so sánh những kết quả gần của khoét chóp cổ tử cung bằng các phương pháp khác nhau.

Nội dung

Nghiên cứu so sánh biến chứng chảy máu, sự tạo hình, sự tái tạo biểu mô ở mỏm cụt, cổ tử cung, sự thoái hoá nhiệt ở bờ cắt của chóp khoét bằng dụng cụ điện Hyam - Rogovenko trên tiêu bản TCH so với khoét chóp CTC bằng dao được tiến hành trên 163 phụ nữ chẩn đoán là CIN tại Viện ung thư học quốc gia Sôphia - Bungari (1985 - 1988). Kết luận:

Khoét chóp CTC bằng dụng cụ điện Hyam - Rogovenko là phương pháp có hiệu quả trong chẩn đoán và điều trị CIN so với khoét chóp CTC bằng dao. Kỹ thuật khoét chóp CTC bằng dụng cụ điện dễ dàng, nhanh chóng, không chảy máu vì cùng một lúc vừa cắt chóp, vừa đốt điện mỏm cụt CTC.
Sự tạo hình ở mỏm cụt CTC sau khoét chóp bằng dụng cụ điện đẹp hơn so với khoét chóp CTC bằng dao.
Sự thoái hoá nhiệt ở bờ cắt của chóp khoét bằng dụng cụ điện không ảnh hưởng tới việc đánh giá kết quả tổ chức học.
Sự tái tạo biểu mô ở mỏm cụt CTC sau khoét chóp bằng dụng cụ điện chậm hơn so với khoét chóp CTC bằng dao.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Nhận xét 35 trường hợp sản giật điều trị tại khoa sản Bệnh viện Đa khoa Thái Bình.
Thông báo một trường hợp mổ lấy thai ở tuổi thiếu niên.
Viêm nhiễm sinh dục và các yếu tố liên quan ở 2 xã, huyện Tiền Hải, Thái Bình.
Tình hình chửa đẻ và sử dụng dịch vụ y tế của phụ nữ nông thôn huyện Tiền Hải Thái Bình.
Chẩn đoán ung thư trong biểu mô cổ tử cung (CIN) bằng tế bào học.
Nhận xét về đặt dụng cụ tử cung tránh thai Tcu 200 sau nạo thai tại khoa sản Bệnh viện Đa khoa Thái Bình.
Nhận xét một trường hợp chửa trong ổ bụng thai già tháng chết lưu.
Nhận xét lâm sàng qua một số trường hợp quái thai sinh đôi.
Tình hình mổ lấy thai tại khoa sản Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình 1996 - 1998.
Xử trí tích cực giai đoạn III cuộc chuyển dạ nhằm hạn chế băng huyết sau đẻ tại bệnh viện huyện Thái Thuỵ, Thái Bình.
Nhận xét 355 trường hợp chửa ngoài tử cung điều trị tại khoa sản Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình.
Thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng KHHGĐ ở vùng đồng bào công giáo tỉnh Thái Bình.
Sách đã xuất bản: (tham gia biên soạn).
Dinh dưỡng và sức khoẻ trẻ em cộng đồng - Nxb Y học.
Tài liệu tập huấn truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình và sức khoẻ sinh sản - Đại học Y Thái Bình.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Chiến sĩ thi đua cấp ngành.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ung thư phụ khoa, các bệnh về vú, vô sinh nam và nữ.



NGUYỄN XUÂN MAI

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 1 - 4 - 1948.
Quê quán: Nhã Nam - Tân Yên - Bắc Giang.
Chỗ ở hiện nay: P2 - B14 - khu Yên Lãng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên Trường Đại học Thuỷ sản Nha Trang.
Nghiên cứu sinh tại Ba Lan.
Trưởng phòng Tổng hợp Cục bảo vệ nguồn lợi Thuỷ sản, Bộ Thuỷ sản.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Trường Đại học Bách khoa Szczecin - Ba Lan.
Chuyên ngành Đóng tàu thuỷ.

Đề tài luận án

Nghiên cứu sự toả khói và hơi độc của vật liệu phi kim loại sử dụng trong các thiết bị lặn sâu.

Nội dung

Bằng thực nghiệm nghiên cứu sự toả khói và hơi độc của các vật liệu phi kim loại (gỗ, mộc dân dụng, thảm trải sàn bằng sợi bông, sợi tổng hợp...) dùng để trang trí nội thất bên trong các thiết bị lặn sâu, trong điều kiện áp suất cao mà bị cháy.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Những vấn đề cần biết về bảo vệ và phát triển nguồn lực thuỷ sản.
Tài liệu bồi dưỡng thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá.
Hỏi đáp về đăng kiểm tàu cá và thú y thuỷ sản.
Các văn bản về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thuỷ sản.
Hướng dẫn thiết kế chân vịt tàu thuỷ - Nxb Nông nghiệp.
Nhiều bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.



VŨ THỊ MAI

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 4 - 7 - 1964.
Quê quán: Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 22 - dãy 23 - Bách khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Công tác tại khoa Kinh tế lao động, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Hiện là giảng viên chuyên ngành Quản lý nguồn nhân lực Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Thành viên Hội Kinh tế lao động và dân số.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Viện Hàn lâm kinh tế Plêkhanốp, Liên bang Nga.
Ngành Quản trị kinh doanh.
Chuyên ngành Quản lý nguồn nhân lực.

Đề tài luận án

Những hình thức tổ chức và khuyến khích lao động hợp lý nên áp dụng trong các doanh nghiệp công nghiệp trong thời kỳ chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường.

Nội dung

Cơ sở lý luận về tổ chức và khuyến khích lao động trong các xí nghiệp công nghiệp.

Những mô hình, hình thức tổ chức khuyến khích lao động trong các tập thể lao động đang được áp dụng rộng rãi, có hiệu quả tại các xí nghiệp công nghiệp của Liên bang Nga và xu thế cải tiến trong tình hình mới.
Phân tích, đánh giá những đặc điểm các hình thức tổ chức và khuyến khích lao động trong các xí nghiệp công nghiệp của Liên bang Xô Viết cũ, Liên bang Nga và ở Việt Nam vào những năm 80, 90.
Xây dựng cơ sở lý luận khoa học và thực tiễn để áp dụng những hình thức tổ chức khuyến khích lao động trong các tập thể lao động xí nghiệp công nghiệp và xây dựng cơ bản của Việt Nam thời kỳ chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu khoa học:
Những vấn đề lao động nữ trong các xí nghiệp công nghiệp nhẹ Hà Nội.
Xây dựng tiêu chuẩn chức danh biên chế và định mức lao động cho cán bộ y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện của Bộ Y tế.
Xây dựng tiêu chuẩn chức danh biên chế cho cán bộ của Trung tâm Tin học tự động hoá PIAC Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam.
Dịch giáo trình:
Tổ chức và định mức lao động doanh nghiệp tiếng Nga sang tiếng Việt.
Biên soạn sách bài tập:
Tổ chức và định mức lao động.
Tham gia biên soạn giáo trình:
Phân tích thông tin lao động xã hội.
Quản lý nguồn nhân lực trong doanh nghiệp.



NGUYỄN XUÂN MÃN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 29 - 6 - 1955.
Quê quán: Đông Đô - Hưng Hà - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Trường Đại học Thương mại - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp ngành Xây dựng công trình ngầm và mỏ Trường Đại học Mỏ Matxcơva (MGI), Liên Xô cũ.
Kỹ sư công trình Thuỷ điện Hoà Bình.
Giáo viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Mỏ Matxcơva.
Phó chủ nhiệm bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ; Phó trưởng phòng Khoa học; Thư ký Hội đồng Học hàm cơ sở Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Ủy viên Ban tư vấn Kỹ thuật chương trình quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường.
Phó chánh văn phòng thường trực Ban Khoa giáo Trung ương.
Ủy viên Ban tư vấn Kỹ thuật thuộc Hội đồng nghiệm thu quốc gia công trình hầm đường bộ đèo Hải Vân.
Hiện là Phó Vụ trưởng, phụ trách công tác phía Nam thuộc Ban Khoa giáo Trung ương.
Thành viên Hội Khoa học - Kỹ thuật Mỏ Việt Nam; Hội Cơ học Đá Việt Nam.
Được phong Phó giáo sư năm 1996.
Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Trường Đại học Mỏ Matxcơva, Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Xây dựng công trình ngầm và mỏ.

Đề tài luận án

Thiết lập công nghệ thi công vỏ hầm thuỷ công bằng bê tông liền khối nhằm nâng cao tuổi thọ công trình.

Nội dung

Vỏ hầm thuỷ công làm việc trong môi trường phức tạp, chịu tác động có hại của nhiều yếu tố nên cần có độ bền cao, độ tin cậy lớn và tuổi thọ lâu dài. Đề tài đã xác định các nguyên nhân chính, đánh giá tác động của các yếu tố chủ yếu làm giảm tuổi thọ công trình. Bằng thực nghiệm và lý thuyết tác giả đã giải quyết những vấn đề liên quan đến tính đồng nhất, tính liền khối của vỏ bê tông liền khối. Tập trung giải quyết bằng công nghệ thi công nhằm nâng cao độ bền, tăng tính đồng nhất, tính liền khối, giảm tính thấm, tăng độ ổn định, độ tin cậy và tuổi thọ của công trình. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi.

Thành tựu khoa học

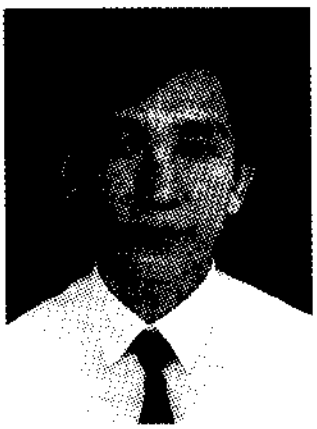
Một số đề tài khoa học:
Nghiên cứu nâng cao tuổi thọ đường lò cơ bản của mỏ than Tân Lập, Quảng Ninh (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Nghiên cứu điều kiện khả thi xây dựng đường hầm qua cửa Lục Vịnh Hạ Long (tham gia).
Nghiên cứu điều kiện khả thi xây dựng công trình giao thông ngầm (metro) thành phố Hà Nội (tham gia).
Nghiên cứu ổn định của dàn khoan dầu khí biển (tham gia).
Viết một số tài liệu đào tạo nghiên cứu sinh Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Trên 30 bài báo, báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí và kỷ yếu, hội nghị khoa học chuyên ngành.
Hướng dẫn luận án thạc sĩ, tiến sĩ.

Dự định khoa học

Viết giáo trình đào tạo đại học, trên đại học chuyên ngành xây dựng công trình ngầm và mỏ.
Tham gia nghiên cứu xây dựng đường hầm qua sông Sài Gòn và hệ thống đường giao thông ngầm (metro) trong thành phố Hồ Chí Minh.

Lời Tiến sĩ

Việt Nam có nhiều nhà khoa học, trong đó nhiều nhà khoa học có uy tín trên thế giới. Người Việt Nam thông minh song tiềm lực khoa học - công nghệ Việt Nam còn yếu kém, lạc hậu nhiều so với quốc tế và khu vực. Trách nhiệm này thuộc về mỗi chúng ta.



NGUYỄN ĐỨC MẠNH

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 5 - 5 - 1949.
Quê quán: Thị xã Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương - Lương Thế Vinh - Hà Nội.

Quá trình công tác

Phó Trưởng khoa Côn trùng, Viện Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.
Là thành viên các hội:
Côn trùng
Ký sinh trùng
Vệ sinh phòng dịch Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành Sinh học
Chuyên ngành Côn trùng học.

Đề tài luận án

Khu hệ muỗi Anopheles Meigen (Diptera: Culicidae) và vai trò truyền bệnh của chúng ở Tây Nguyên.

Nội dung

Tổng kết những số liệu thu thập ở 120 xã, trong 23 huyện thị thuộc Gia Lai, Kon Tum, Đắc Lắc, Lâm Đồng từ 1976 đến 1983.

Đặc trưng khu hệ *Anophenles* ở Tây Nguyên: phong phú về thành phần loài (38 loài, trong đó có 6 loài lần đầu phát hiện ở Tây Nguyên, 3 loài mới cho khoa học *An. dangi, An.montrosus và An. vietnamensis),* mang tính chất nhiệt đới và đặc trưng của vùng địa động vật Đông Phương.
Đặc trưng sinh vật học xác định vai trò truyền bệnh chính của *An. minimus* và *An. dirus* ở Tây Nguyên. Đặc tính sinh học của các vectơ chính, vectơ phụ biện pháp phòng chống và phương hướng nghiên cứu tiếp.

Thành tựu khoa học

Đã tham gia và chủ trì khoảng 30 nhánh đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Cơ sở và hợp tác quốc tế.
Hơn 60 bài báo khoa học đã công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước.
Đã phát hiện cho khoa học 5 loài muỗi mới là: *An. dangi, An.montrosus, An.cucphuongensis, An. vietnamensis và An.nimpe.*
Bằng Lao động sáng tạo.
Huy chương Vì sức khoẻ nhân dân.
Huy chương Kháng chiến hạng nhì.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các côn trùng truyền bệnh, tìm giải pháp phòng chống.



PHẠM ĐỨC MẠNH

Tiến sĩ Sử học.

Sinh ngày: 1 - 2 - 1954.
Quê quán: Vũ Nghĩa - Vũ Thư - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: F12 - khu K300 cộng hòa - Tân Bình - thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Viện Khảo cổ học, Hà Nội.
Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Khảo cổ học - Viện Khoa học Xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh.
Trưởng bộ môn Lịch sử - Địa lý Trường Văn hoá quân khu 7.
Nghiên cứu sinh Viện Lịch sử Văn hoá vật chất, Viện Hàn lâm Khoa học Leningrat Liên Xô.
Hiện công tác tại khoa Lịch sử Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
Thành viên Viện Lịch sử Văn hoá vật chất - Viện Hàn lâm Khoa học Nga tại Xanh Pêtecbua.
Hội Khoa học lịch sử thành phố Hồ Chí Minh.
Hội Văn hoá dân gian thành phố Hồ Chí Minh.
Hội Dân tộc học thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Viện Lịch sử Văn hoá vật chất - Viện Hàn lâm khoa học Nga.
Ngành Khoa học Lịch sử.
Chuyên ngành Khảo cổ học.

Đề tài luận án

Các di tích khảo cổ học nguyên thuỷ ở miền Đông Nam Bộ (Việt Nam) trong hai thiên niên kỷ II - I trước công nguyên.

Nội dung

Khái quát thành tạo địa chất, địa lý, môi trường sinh thái làm tiền đề cho sự phát triển kinh tế - văn hoá nguyên thuỷ Đông Nam Bộ.

Lịch sử hơn một thế kỷ nghiên cứu tiền sử - sơ sử Đông Nam Bộ với 4 giai đoạn khám phá cùng những thành tựu và khiếm khuyết cơ bản về nhận thức chuyên ngành ở địa vực này.
Nghiên cứu 146 di tích quan trọng, khắc hoạ những đặc trưng cơ yếu về công cụ lao động, vũ khí chiến đấu, dụng cụ sinh hoạt (đặc biệt đồ gốm) - những di vật nghệ thuật: đồ trang sức, đàn đá, trống đồng kiểu Đông Sơn của phức hệ di tích văn hoá nguyên thuỷ Đông Nam Bộ và sự triển nở của phức hệ Đồng Nai trong không gian phẳng với 5 tiểu vùng văn hoá 2 Thiên niên kỷ II - I trước công lịch.
Bức tranh kinh tế và văn hoá của xã hội cổ Đông Nam Bộ, sự phát triển từ sơ kỳ Đồng đến sơ kỳ Sắt và mối liên hệ tương hỗ của phức hệ văn hoá Đồng Nai với các văn hoá nông nghiệp cùng thời ở khu vực và châu lục...
Luận án phác hoạ bức tranh tiền sử - sơ sử sự phát triển văn hoá kim khí "ở một trong những vùng phì nhiêu nhất Đông Nam Á".

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm một số đề tài nghiên cứu:
Điền dã khảo cổ học thời tiền sử ở Bưng Bạc, Bưng Thơm, Châu Thành (Bà Rịa - Vũng Tàu) (cấp Viện).
Khảo sát khảo cổ học ở Nam Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ (cấp Bộ).
Đồng Nai, thời tiền sử và sơ sử (cấp Viện).
Điền dã khảo cổ học vùng Xuân Lộc - Long Khánh và Long Thành (Đồng Nai) (cấp Viện).
Thám sát và khai quật một số địa điểm khảo cổ học lịch sử trong các vùng đang và sẽ xây dựng công trình ở miền Nam Việt Nam (cấp Bộ).
Điền dã khảo cổ học ở thành phố Hồ Chí Minh và các vùng phụ cận (cấp Viện).
Điền dã, thám sát - khai quật và nghiên cứu các di tích khảo cổ học tiền sử - lịch sử ở Nam Bộ (Việt Nam) (cấp Viện).
Điền dã, giám định và nghiên cứu về đàn đá tiền sử ở Lộc Ninh (Bình Phước) (cấp Viện).
Sách đã xuất bản
"Di tích khảo cổ học Bưng Bạc (Bà Rịa - Vũng Tàu) - Nxb Khoa học xã hội.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, giảng dạy lịch sử văn hoá nguyên thuỷ Việt Nam và Đông Nam Á.
Địa chỉ - Văn hoá Đồng Nai sẽ xuất bản.

Lời Tiến sĩ

Nếu như trước đây, nền khảo cổ học chúng ta phát triển sớm hơn khu vực, đóng góp nhiều thành tựu cho khảo cổ học Đông Nam Á, được nhiều học giả thế giới thừa nhận, thì nay khảo cổ học Việt Nam đang đối mặt với nguy cơ tụt hậu so với khu vực. Bởi chất lượng đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu, giảng dạy và học tập, điền dã và nghiên cứu các thiết bị quá lạc hậu, khảo sát, khai quật, xét nghiệm, nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành không có điều kiện để đổi mới, đội ngũ giảng viên "dạy chay". Trước tình hình này thật sự cần đầu tư của Nhà nước và tâm huyết của các nhà khoa học.



VŨ QUANG MẠNH

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 25 - 5 - 1953.
Quê quán: Nam Đồng - Nam Trực - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: Ngõ 106 - Hoàng Quốc Việt - B8 tập thể Trường Đại học Sư phạm - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Quản lý và dạy tiếng cho công nhân kỹ thuật Việt Nam tại Bungari.
Giảng viên khoa Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp.
Phó chủ nhiệm bộ môn Động vật học.
Phó chủ nhiệm khoa Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Cộng tác viên khoa học, Viện Bảo tàng lịch sử - tự nhiên Karlsruhe và Trường Đại học Tổng hợp Gottingen, Viện Trao đổi Hàn lâm DAAD, Cộng hoà Liên bang Đức.
Giám đốc Trung tâm Đa dạng sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Cộng tác viên khoa học, Ủy ban Khoa học và công nghệ của các nước đang phát triển (COSTED) và Trung tâm Nghiên cứu khoa học cao Jawaharlal Nehru (JNCASR), Bangalore, Ấn Độ.
Hội viên Hội Sinh thái học và Hội Côn trùng Việt Nam.
Tổng thư ký Hội Sinh thái đất Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Tổng hội Sinh học Việt Nam.
Đại diện Việt Nam tham gia Hội đồng quốc tế các Hiệp hội giáo dục khoa học (ICASE).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Sôphia, Bungari.
Chuyên ngành Sinh thái học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu sinh thái - khu hệ quần xã ve giáp (Acari: Oribatei) ở miền Bắc Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu sinh thái - khu hệ quần xã ve giáp (Acari: Oribatei) phân tích mẫu thu được từ các vùng đại diện và điển hình của miền Bắc Việt Nam.
Phát hiện 73 loài, thuộc 46 giống, 28 họ và 20 liên họ ve giáp. Lần đầu tiên phát hiện và mô tả mới cho khoa học 7 loài ve giáp. Nghiên cứu đặc điểm cấu trúc, phân bố, mật độ và địa lý động vật của khu hệ ve giáp Việt Nam. Đề xuất cơ chế khoa học, quyết định sự hình thành cấu trúc quần xã ve giáp.
Trong hệ sinh thái đất thì kiểu đất là yếu tố quyết định sự hình thành cấu trúc định tính (hay thành phần loài) của quần xã ve giáp, còn kiểu thảm phủ thực vật (kiểu sinh cảnh - hệ sinh thái) chi phối sự hình thành cấu trúc định lượng (mật độ và phân bố quần xã) của chúng. Phát hiện này là cơ sở khoa học cho việc kiến tạo, xây dựng và quản lý bền vững hệ động vật đất, phục vụ đời sống và sản xuất.

Thành tựu khoa học

Chủ trì một số đề tài nghiên cứu khoa học quốc tế:
Phát triển Module bài học và đồ dùng giảng dạy Sinh học - Nông nghiệp cho học sinh phổ thông Việt Nam, dự án UNDP - UNESCO.
Xây dựng chương trình thạc sĩ Sinh học - Giáo dục dân số của Khoa sinh - KTNN, ĐHSP Hà Nội, dự án UNFPA - VIE.
Khu hệ và vai trò của ve giáp (Acari: Oribatei) và một số nhóm động vật đất ở Việt Nam, Viện Trao đổi Hàn lâm DAAD Bonn, Cộng hoà Liên bang Đức.
Đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng vùng phía tây tỉnh Quảng Nam (tham gia).
Đa dạng sinh học ve giáp Oribatida và tập tính của chúng.
Biên soạn chuyên khảo về quản lý và phát triển bền vững tài nguyên sinh vật đất ở Việt Nam.
Chủ nhiệm một số đề tài trong nước:
Điều tra và quy hoạch bền vững tài nguyên động vật rừng của khu bảo tồn thiên nhiên Hữu Liên, Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn: Xuân Nha, Mộc Châu, tỉnh Sơn La (cấp Bộ).
Cấu trúc và vai trò của khu hệ động vật đất ở Việt Nam (cấp Nhà nước); Đa dạng sinh học các quần xã động vật đất trong các hệ sinh thái nông nghiệp và hệ sinh thái tự nhiên của Việt Nam (cấp Nhà nước).
Điều tra quản lý bền vững tài nguyên sinh vật rừng của khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Sơn, Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ (cấp Bộ).
Nghiên cứu sinh thái, tập tính và gây nuôi cá cuống *Lethocerusindicus* (cấp Bộ).
Tham gia đề án *Sách đỏ Việt Nam, Động vật chí Việt Nam*, Xây dựng chương trình công nghệ giáo dục ở Việt Nam.
Sách đã xuất bản:
Sinh thái học người - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Thế giới đa dạng sinh vật đất - Nxb Khoa học và kỹ thuật (chủ biên).
Tập tính động vật và ứng dụng trong gây nuôi cá cuống và bọ cạp (đồng tác giả) - Nxb Nông nghiệp.
Tập tính học động vật - Nxb giáo dục.
Tài nguyên sinh vật đất và sự phát triển bền vững của hệ sinh thái đất - Nxb Nông nghiệp (chủ biên)
Thiết kế xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp (đồng tác giả). Bộ Giáo dục và Đào tạo & UNDP - DANIDA. VIE.
Tác giả và đồng tác giả của hơn 50 công trình khoa học đã công bố trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu cơ bản chuyên sâu, phục vụ giảng dạy, đào tạo và thực tiễn đời sống.



NGUYỄN SĨ MÃO

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 29 - 3 - 1940.
Quê quán: Đông Sơn - Đô Lương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Thanh Hoa, Bắc Kinh, Trung Quốc.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học kỹ thuật Budapet, Hungari.
Làm luận án tiến sĩ khoa học tại Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.
Chủ nhiệm khoa thiết bị năng lượng nhiệt.
Trưởng phòng Quản lý khoa học và Chuyển giao công nghệ.
Chủ tịch Hội khoa học Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Thường vụ Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Hà Nội, Hội Khoa học kỹ thuật nhiệt Việt Nam.
Ủy viên Hội đồng học hàm liên ngành điện.
Được phong giáo sư năm 1996.
Nhà giáo ưu tú năm 2000.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979.
Tiến sĩ khoa học năm 1990.
Tại Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.
Chuyên ngành Nhiệt điện.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài:
Nghiên cứu biện pháp chống đóng xỉ lò hơi trong các nhà máy điện (cấp Nhà nước).
Đề tài nhánh: Mô hình lạnh (tham gia).
Nghiên cứu thiết kế, chế tạo mẫu hệ thống nấu ăn bằng hơi nước (cấp Nhà nước, phó chủ nhiệm).
Hỗ trợ khoa học kỹ thuật cho phát triển công nghiệp nông thôn (cấp Bộ).
Đổi mới nội dung chương trình đào tạo trong các trường kỹ thuật (cấp Bộ).
Chương trình kỹ thuật phục vụ nông thôn (cấp Bộ - tham gia).
Chiến lược và chính sách phát triển năng lượng bền vững (cấp Nhà nước).
Đề tài nhánh: Đổi mới và hiện đại hoá thiết bị và công nghệ sử dụng năng lượng của Việt Nam.
Nghiên cứu quá trình cháy than xấu trong các nhà máy nhiệt điện Việt Nam (cấp Bộ).
Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ chế tạo dàn toả nhiệt phục vụ sản xuất điện năng và các công nghiệp sử dụng nhiệt năng khác (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu công nghệ giảm thiểu chất phát thải trong các nhà máy điện Việt Nam (cấp Bộ).
Sách đã xuất bản:
Lò hơi (2 tập)
Thiết kế môn học lò hơi.
Tính nhiệt lò hơi
Lý thuyết cháy và thiết bị cháy - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Thiết bị lò hơi (2 tập) - Nxb Khoa học.
Tu "zele's Technika (tiếng Hungari) OMikk.
Combustion and Environment. Unesco.
Tham gia thẩm định các công trình năng lượng của Nhà nước:
Công trình nhiệt điện phả lại II
Công trình nhà máy điện Phú Mỹ I.
Công trình điện Phú Mỹ 2.1
Công trình điện Phú Mỹ 2-1 mở rộng
Công trình đuôi hơi TBKHH 306 nhà máy điện Bà Rịa.
Dự án nhiệt điện Quảng Ninh (BOT).
Dự án nhiệt điện miền Tây (Ô Môn).
Dự án nhiệt điện Na Dương.
Công trình thuỷ điện Sơn La
Tổng sơ đồ phát triển điện lực giai đoạn IV - V (1996 - 2010).
Trên 30 bài nghiên cứu đã công bố ở các tạp chí, tuyển tập báo cáo, hội nghị khoa học trong và ngoài nước.
Tham gia đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục
Bằng lao động sáng tạo.



NGUYỄN VĂN MẠO

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 21 - 2 - 1946.
Quê quán: Dục Tú - Đông Anh - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay:
Tập thể Trường Đại học Thuỷ lợi - 175 Tây Sơn Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Thủy lợi Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Thuỷ lợi.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Thủy lợi.
Tu nghiệp tại Trường Đại học Bách khoa Praha Tiệp Khắc.
Chủ tịch Hội đồng khoa học công trình.
Chủ nhiệm khoa Công trình Trường Đại học Thuỷ lợi.
Thành viên Hội Cơ học.
Hội Xây dựng
Hội Thuỷ lợi Việt Nam.
Được phong Phó giáo sư năm 1992.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Trường Đại học Thuỷ lợi.
Chuyên ngành Thuỷ công.

Đề tài luận án

Các đặc trưng thuỷ động lực học ở cửa vào công trình tháo nước có cột áp lực.

Nội dung

Các công trình tháo nước và lấy nước có cột nước áp lực là loại công trình phổ biến quan trọng ở các hồ chứa phục vụ thuỷ lợi, thủy điện.

Giải phương trình động lực của dòng chảy có xét đến ảnh hưởng độ cong của đường biên. Tìm được các công thức tính phân bố vận tốc và áp suất của dòng chảy ở khu vực cửa vào của công trình tháo có đường biên cong. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để lựa chọn dạng cửa vào của các công trình tháo nước dưới sâu, đồng thời tìm được những vùng giới hạn xuất hiện áp suất chân không để xử lý công trình phù hợp. Luận án thực hiện mô hình khe hẹp để mô tả phân bố đường dòng của dòng chảy có áp. Nhiều kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào thiết kế cửa vào cống lấy nước hồ chứa nước sông Rác tỉnh Hà Tĩnh và một số nơi khác.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài:
Nghiên cứu hiện trạng của cống dưới đê và các giải pháp an toàn cho hệ thống đê sông Hồng (cấp Bộ).
Hoàn thiện công nghệ kết cấu kè mảng mềm bảo vệ mái đê biển (Phó chủ nhiệm - cấp Nhà nước).
Lựa chọn kết cấu chân kè đê biển hợp lý.
Chủ trì một số dự án cải cách giáo dục ngành công trình trong thời kỳ đổi mới.
Tư vấn thiết kế và lập một số dự án công trình thuỷ.
Thiết kế đập gò Miếu, Đại Từ, Bắc Thái.
Thiết kế phòng thí nghiệm thuỷ lực tổng hợp Trường Đại học Thuỷ lợi.
Lập dự án bảo vệ bờ biển Hàm Tiến, Mũi Né.
Thiết kế hồ chứa nước Đắc Yên thị xã Kon Tum có đập đất trên nền thấm nhiều lớp đã nghiên cứu hình thức kết cấu mặt cắt thích hợp với đất có hàm lượng sét cao.
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Thuỷ công.
Công trình hệ thống thuỷ nông. Nxb Nông nghiệp.
Móng cọc trong thực tế xây dựng (sách dịch). - Nxb Xây dựng.
Chủ biên các giáo trình đại học, sau đại học:
Cơ sở tính toán công trình thuỷ lợi.
Tính toán công trình tháo, thuỷ công III.
Phân tích nguyên nhân hư hỏng công trình thuỷ lợi.
Thiết kế đê và công trình bảo vệ bờ (đồng tác giả).
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp phát triển nông thôn.
Nhà giáo ưu tú
Huân chương lao động hạng ba.

Dự định khoa học

Giảng dạy đại học, trên đại học.
Hướng dẫn tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ.
Viết sách khoa học chuyên ngành.



NGUYỄN PHƯƠNG MẬU

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 17 - 1 - 1949.
Quê quán: Thanh Tường - Thanh Chương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay:
71 Đường Khương Thượng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Học đại học và nghiên cứu sinh tại Tiệp Khắc cũ.
Giảng viên Trường Đại học Thuỷ lợi.
Phó giám đốc Trung tâm ĐH2 - Đại học Thủy lợi.
Giảng viên cơ sở II Đại học Thuỷ lợi thành phố Hồ Chí Minh.
Giám đốc Công ty Tư vấn và Chuyển giao công nghệ trường Trường Đại học Thủy lợi.
Hội viên Hội Thuỷ lợi Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1978.
Tại Trường Đại học Kỹ thuật Sloven - Tiệp Khắc.
Chuyên ngành Xây dựng thuỷ lợi và kinh tế thuỷ lợi.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng điểm đặt cửa van tới quá trình áp lực thuỷ động lên mặt tràn và lưu lượng tràn.

Nội dung

Giới thiệu các loại ngưỡng tràn, mặt tràn, hình thức tràn nước, các yếu tố ảnh hưởng tới lưu lượng tràn.

Các phương pháp xác định áp lực thuỷ động lên mặt tràn đối với các điểm đặt cửa van khác nhau cho cửa van phẳng, van cung.
Xác định bằng lý thuyết và thực nghiệm hệ số lưu lượng đối với các trường hợp tương ứng trên.
Kiến nghị vị trí cửa van tới ưu thế về các mặt áp lực, hệ số lưu lượng, ứng suất v.v...

Thành tựu khoa học

Viết bài giảng sau đại học và cao học về nguyên nhân hư hỏng các công trình thuỷ lợi và công trình tháo nước.
Hướng dẫn tốt nghiệp đại học.
Hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ.
Đã đăng trên 20 bài báo ở các tạp chí trong và ngoài nước.
Chủ trì, tham gia một số đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh (2 đề tài cấp Nhà nước).

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học về phát triển bền vững tài nguyên nước.



NGUYỄN VĂN MẬU

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 10 - 4 - 1949.
Quê quán: Tân Phong - Ninh Giang - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay:
P8 - B29 Yên Lãng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Toán - Cơ - Tin học Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Thực tập sinh cao cấp Trường Đại học Tổng hợp Lodz Đại học Bách khoa Vacxava.
Chủ nhiệm bộ môn Giải tích.
Phó hiệu trưởng.
Hiện là Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Thành viên: Hội Toán học Việt Nam.
Tạp chí *Toán học và Tuổi trẻ.*
Hội Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba, Việt Nam - Bêlarut.
Hội Toán học Đông Nam Á.
Phó Chủ tịch Hội đồng bộ môn Toán, Bộ Giáo dục - Đào tạo.
Được phong giáo sư năm 1996.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982.
Tiến sĩ Khoa học năm 1990.
Tại Trường Đại học Bách khoa Vacxava, Ba Lan.
Ngành Toán học
Chuyên ngành Giải tích.

Đề tài luận án Tiến sĩ

Đặc trưng đại số và vấn đề chính chính quy hoá toán tử tích phân kỳ dị.

Tiến sĩ Khoa học

Các phần tử đại số và phương trình tích phân kỳ dị với argumen biến đổi.

Nội dung

Xây dựng các đặc trưng cơ bản của toán tử tuyến tính với các phần tử đại số: tính chỉ số, chính quy hoá...
Tìm nghiệm tường minh của phương trình tích phân kỳ dị với nhân giải tích tựa giải tích và các dịch chuyển Carleman.
Cho các công thức biểu diễn nghiệm của phương trình tuyến tính sinh bởi các toán tử đại số.
Chính quy hoá các toán tử tích phân kỳ dị dạng tổng quát với dịch chuyển.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Lý thuyết các bài toán biên của hàm giải tích (cấp Nhà nước).
Phương pháp giải tích - đại số trong phương trình vi phân (cấp Nhà nước).
Phương pháp đại số trong giải tích hiện đại (cấp Bộ).
Sách và giáo trình đã xuất bản:
Phương pháp giải phương trình và bất phương trình.
Phương trình hàm. Nxb Giáo dục.
Đồng tác giả:
Một số phương pháp giải các bài toán sơ cấp tập 1, 2, 3.
Phép tính vi phân và tích phân một biến.
Đại số tuyến tính và hình vi phân.
Lý thuyết chuỗi và phương trình vi phân.
Phép tính vi phân và tích phân hàm nhiều biến. Nxb Đại học Quốc gia.
Hơn 50 bài nghiên cứu đã đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.
Hướng dẫn tốt nghiệp nhiều luận án thạc sĩ, tiến sĩ.

Dự định khoa học

Xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh ở Hà Nội về hướng giải tích - đại số.
Nghiên cứu các bài toán nội suy, các bài toán giá trị biên tổng quát sinh bởi các toán tử tuyến tính.
Nghiên cứu các phương trình tích phân kỳ dị.
Nghiên cứu các bài toán biên của hàm giải tích và hàm giải tích suy rộng.
Nghiên cứu các phương trình đại số trong giải tích hiện đại.

Lời Tiến sĩ

Cần sớm xây dựng các trường phái khoa học mạnh ở Việt Nam, sánh vai cùng các trung tâm khoa học của thế giới để đi tắt, đón đầu, phát triển công nghệ và nghiên cứu triển khai, nghiên cứu ứng dụng thành công, góp phần đẩy nhanh tiến độ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.



PHAN TÙNG MẬU

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 3 - 12 - 1951.
Quê quán: Võ Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: 28/18 Hương Viên - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Viện Nghiên cứu Phát triển giáo dục.
Chánh văn phòng Viện Nghiên cứu Phát triển giáo dục.
Trưởng ban Nghiên cứu phát triển giáo dục đại học.
Thành viên Hội Giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Đại học Kinh tế Quốc dân Kiep Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Kinh tế quản lý và kế hoạch hoá kinh tế quốc dân.

Đề tài luận án

Cơ sở phương pháp đánh giá nhu cầu cán bộ chuyên ngành của nền kinh tế quốc dân Việt Nam.

Nội dung

Trên cơ sở lý luận, thực tiễn đào tạo sử dụng cán bộ chuyên môn, phân tích, đánh giá thực trạng nhu cầu cán bộ chuyên môn của Việt Nam trong công tác kế hoạch hoá. Định hướng các phương pháp đánh giá nhu cầu và quy trình ứng dụng một số phương pháp toán để xác định nhu cầu cán bộ chuyên môn của nền kinh tế quốc dân trong công tác kế hoạch hoá đào tạo ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài:

Áp dụng phương pháp định mức và hàm tương quan theo vốn đầu tư trong việc xác định nhu cầu cán bộ chuyên môn kỹ thuật ngành thuỷ lợi từ năm 1990 - 1995 (cấp Bộ).

Cơ sở lý luận, hiệu quả kinh tế đào tạo lao động kỹ thuật (cấp cơ sở).

Nghiên cứu các giải pháp chiến lược đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2000 và 2005 (cấp Bộ).

Thực trạng và giải pháp đào tạo - bồi dưỡng cán bộ quản lý doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá (cấp Bộ).

Các công trình đã công bố:

Xây dựng đội ngũ giáo viên trong chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo ở Việt Nam - Nxb Giáo dục.

Đồng tác giả: Cơ sở phương pháp luận công tác quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt (tầm vĩ mô) trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Đa dạng hoá giáo dục - đào tạo ở Việt Nam; đặc trưng và xu hướng phát triển.

Các phương pháp dự báo chiến lược phát triển doanh nghiệp.

Thực trạng và giải pháp chính sách tài chính phát triển giáo dục - đào tạo trong giai đoạn tới.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chính sách, chiến lược, kinh tế quản lý và kế hoạch hoá phát triển giáo dục.



NGUYỄN MỄ

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 24 - 12 - 1933.
Quê quán: Tam Thanh - Tam Kỳ - Quảng Nam.
Chỗ ở hiện nay: 106 E5 - tập thể phường Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Y Hà Nội.
Thực tập sinh và nghiên cứu sinh tại Cộng hoà dân chủ Đức.
Phó chủ nhiệm bộ môn Ngoại Trường Đại học Y Hà Nội.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Tiết niệu Hà Nội.
Được phong giáo sư năm 1985.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983.
Tại Trường Đại học CacMac Leipzig,
Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Chuyên ngành Tiết niệu ngoại khoa.

Đề tài luận án

Phẫu thuật tạo hình bàng quang bằng đại tràng chậu hông.

Nội dung

Tại khoa Tiết niệu Bệnh viện Việt - Đức Hà Nội (1958 - 1980) đã chẩn đoán và điều trị phẫu thuật cho 40 bệnh nhân bị bàng quang bé do nhiều nguyên nhân (lao, ung thư, nhiễm mãn tính v.v...) bằng cách tạo hình bàng quang bằng đại tràng chậu hông ở độ tuổi từ 15 đến 65 tuổi.
Không có tử vong, biến chứng ít, kết quả rất khả quan.
Sau khi phẫu thuật, bệnh nhân trở lại sinh hoạt bình thường, lao động gần như người khoẻ và quan trọng nhất là đã giải quyết tốt nguyên nhân sinh bệnh cũng như chức năng của thận được cải thiện đáng kể.

Thành tựu khoa học

Viết nhiều giáo trình, sách giáo khoa cho sinh viên và bác sỹ chuyên khoa.
Tham gia nhiều đề tài nghiên cứu cấp Bộ, cấp trường.
Tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh và chấm luận án tiến sĩ chuyên ngành.



TÔN THỊ THẢO MIÊN

Tiến sĩ Văn học

Sinh ngày: 6 - 4 - 1956.
Quê quán: Võ Liệt - Thanh Chương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 10 Trần Hưng Đạo - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Ban Lý luận - Viện Văn học.
Nghiên cứu sinh ở Liên Xô cũ.
Phó ban Lý luận - Viện Văn học.
Thực tập tại Viện Phương Đông - Viện Hàn lâm Khoa học Nga.
Hiện công tác tại ban Lý luận - Viện Văn học.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Viện Văn học thế giới Gorky - Viện Hàn lâm khoa học Nga.
Chuyên ngành Văn học các dân tộc Liên Xô.

Đề tài luận án

Sáng tác của Aimatốp và Nguyễn Minh Châu (vấn đề phong cách cá nhân).

Nội dung

Phân biệt khái niệm phương pháp và phong cách.
Khái niệm phong cách, lịch sử hình thành việc nghiên cứu phong cách ở Liên Xô và Việt Nam thời gian qua.
Phong cách dưới góc nhìn của các nhà ngôn ngữ học, nghệ thuật học và nghiên cứu văn học.
Sự thể hiện phong cách của Tringhi Aimatốp.
Tính phong cách về đường sáng tác của Tringhi Aimatốp.
Phong cách mang tính thi pháp:
Hình tượng Kiêcghidi trong sáng tác của Aimatốp.
Thi pháp phônclo.
Truyền thống cổ điển và hiện đại trong sáng tác.
Từ tính hiện thực đến biểu tượng và trở về hiện thực.
Kiểu nhân vật.
Nghiên cứu phong cách cá nhân của Nguyễn Minh Châu.
Tình hình nghiên cứu phong cách Nguyễn Minh Châu.
Hai giai đoạn trong quá trình của phong cách sáng tác.
Giai đoạn 1: 1960 - 1975.
Giai đoạn 2: 1975 - 1989.
Đặc điểm triết học trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu.
Loại nhân vật và đặc điểm xây dựng nhân vật.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản (viết chung):
Tác giả lý luận, phê bình nghiên cứu văn học (1945 - 1975) - Nxb Khoa học xã hội.
Tác giả kịch Việt Nam hiện đại (1945 - 1975) - Nxb Sân khấu.
Nguyễn Tuân - về tác giả và tác phẩm (viết riêng) - Nxb Giáo dục.
Những vấn đề lý luận và lịch sử văn học - Viện Văn học.
Nguyễn Huy Tưởng - về tác giả và tác phẩm - Nxb Giáo dục.



PHAN MIÊNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 2 - 9 - 1948.
Quê quán: Tân Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 1252 đường Láng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa Gdanh (Ba Lan).
Cán bộ Viện Khoa học - Công nghệ - Giao thông vận tải Hà Nội.
Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và TNCG.
Chủ nhiệm khoa Cơ khí Trường Trung học Giao thông vận tải KV3 thành phố Hồ Chí Minh.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Khoa học kỹ thuật Hàn Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Ngành Chế tạo máy.
Chuyên ngành Hàn - Công nghệ kim loại.

Đề tài luận án

Nghiên cứu công nghệ hàn trong môi trường CO_2 bằng khí của Việt Nam ứng dụng trong điều kiện Việt Nam để hàn thép hợp kim thấp.

Nội dung

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hàn trong môi trường CO_2 (khí của Việt Nam) và điều kiện ảnh hưởng của khí hậu.
Đề tài đã đạt được những kết quả:
Xây dựng giải pháp công nghệ xử lý khí CO_2.
Xây dựng và giải bài toán nhiệt hàn để xác định chế độ công nghệ hàn trong môi trường CO_2. Tác giả đã đưa ra 2 công thức thực nghiệm: điều chỉnh trường nhiệt hàn đối với quá trình hàn vật dầy và hàn tấm mỏng bằng thép hợp kim thấp.
Kết quả nghiên cứu được áp dụng vào sản xuất đại trà ở các xí nghiệp cơ khí đường sắt và nhiều nơi khác. Sau 2 năm ứng dụng tại 2 xí nghiệp đường sắt đã hàn phục hồi được trên 2.000 bánh xe tàu hoả. Số bánh xe này nếu mua mới phải tốn 10 tỷ đồng, trong lúc tổng chi phí phục hồi chỉ hết 1,6 tỷ đồng. Sản phẩm phục hồi được khai thác vào chạy tàu trên tuyến Bắc - Nam, chất lượng tốt, bảo đảm an toàn chạy tàu.
Hàng loạt ứng dụng khác trong sản xuất đóng mới và sửa chữa phương tiện vận tải.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài:
Nghiên cứu công nghệ hàn nổ (cấp Bộ).
Nghiên cứu và ứng dụng thành công: công nghệ chế tạo 2 loại thuốc hàn đặc chủng và công nghệ hàn tự động đắp phục hồi mặt lăn bánh xe đầu máy GE (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu ứng dụng công nghệ hàn trong môi trường CO_2 (cấp Bộ).
Lặn - hàn - cắt hồ quang - ôxy dưới nước mặn, phục vụ xây dựng cầu Bến Thuỷ, cảng xi măng Chinphon, Cầu Nghèn...
Xây dựng dây chuyền thiết bị, đồ gá và công nghệ phun xử lý bề mặt, phun phủ bằng dây điện cực nóng chảy phục vụ sửa chữa, chế tạo mới cầu cống thép v.v...
Chủ trì nhiều công trình trong và ngoài ngành giao thông vận tải.
Tham gia nhiều đề tài nghiên khoa học các cấp.
Đã đăng trên 15 bài khoa học công nghệ trong các tạp chí.
Sách đã xuất bản:
Công nghệ hàn trong môi trường khí bảo vệ.
Công nghệ hàn tàu (đồng tác giả) - Nxb Khoa học kỹ thuật.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sản xuất chế tạo vật liệu hàn đặc chủng và dây chuyền công nghệ sản xuất, sửa chữa kết cấu thép.
Tham gia giảng dạy đại học, trên đại học.



DƯƠNG THỊ NGUYỆT MINH

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 21 - 7 - 1944.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 14 Đường Thành - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Dược Hà Nội.
Công tác tại Viện Bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh.
Thực tập sinh tại Vương quốc Anh và Thuy Điển.
Bác sĩ chuyên khoa II - Trưởng khoa Viện Bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Y Hà Nội.

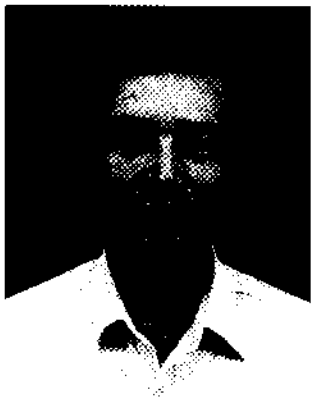
Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.

Đề tài luận án

Nghiên cứu hàm lượng kích dục tố tuyến yên và hócmôn buồng trứng bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ trên những bệnh nhân vô kinh, vô sinh không phóng noãn.

Thành tựu khoa học

Một số công trình khoa học tiêu biểu đã công bố (cùng cộng sự):
Những đường biểu diễn nội tiết qua chu kỳ kinh nguyệt của phụ nữ Việt Nam.
Nhận định về các nội tiết tố sinh dục trên những bệnh nhân vô kinh, vô sinh từ 1982 - 1987 bằng xét nghiệm RIA.
Định lượng bằng kỹ thuật RIA các nội tiết tố trong nước nang hoàng tuyến của những bệnh nhân sau nạo trứng.
Hình ảnh nội tiết ở thời kỳ đầu thai nghén.
Tổng kết 5 năm (1983 - 1988) những bệnh nhân có Prolactin cao.
Sơ bộ nhận định hàm lượng hocmon trên những bệnh nhân vô kinh, vô sinh không phóng noãn được điều trị bằng HMG - HCG.
Nhận định kết quả LH, FSH, Prolactin, Estraive Progesteron trên những bệnh nhân vô kinh, vô sinh không phóng noãn.
Định lượng Testosterone ở nam giới bình thường bằng kỹ thuật RIA.
Định lượng B HCG ở giai đoạn đầu thai nghén.
Định lượng LH, FSH, Prolactin, Estradive và Progestreroc sau dùng Prostaglandin gây sảy thai.
Một vài nhận xét về lượng nội tiết tố sinh dục và hướng sinh dục trên nam giới đình sản bằng phương pháp thắt ống dẫn tinh.
Định lượng LH, FSH, Prolactin, testosterone trong huyết thanh nam giới vô sinh do thiểu năng sinh dục bằng phương pháp miễn dịch phóng xạ (RIA).
Định lượng Prolactin trong huyết thanh người bình thường và bệnh lý bằng kỹ thuật ELISA.



HOÀNG QUANG MINH

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 15 - 2 - 1954.
Quê quán: Giao Tiến - Giao Thuỷ - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 406 - D2 Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Chuyên viên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Nam Ninh.
Nghiên cứu sinh Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam.
Nghiên cứu, bảo vệ luận án tiến sĩ, tiếp tục làm luận án tiến sĩ khoa học tại Liên bang Nga.
Hiện là cán bộ khoa học Viện Di truyền nông nghiệp Việt Nam.
Thành viên Hiệp hội Di truyền đột biến thuộc Tổ chức năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Viện Hàn lâm khoa học Liên bang Nga Matxcơva.
Ngành Sinh học
Chuyên ngành Đột biến di truyền.

Đề tài luận án

Đột biến cảm ứng và các phương pháp nâng cao hiệu ứng của biến dị di truyền trong đột biến thực nghiệm.

Nội dung

Nghiên cứu cơ chế tác động của các tác nhân (lý học và hoá học) có thể gây nên những biến đổi dị thường ở cơ thể sinh vật. Tác giả sử dụng nhiều phương pháp, các tác nhân trong điều kiện môi trường khác nhau nhằm tìm ra giải pháp tối ưu, nâng cao hiệu ứng của đột biến thực nghiệm để phục vụ đời sống và sản xuất. Đối với công tác chọn tạo các giống cây con mới đáp ứng yêu cầu sản xuất ra sản phẩm với giá trị hàng hoá cao trong nông - lâm - ngư nghiệp ở mọi giai đoạn lịch sử thì đột biến cảm ứng (gây biến đổi gen tạo ra những thay đổi trong cấu trúc di truyền của cơ thể sinh vật) có thể nói là phương pháp tối ưu và hữu hiệu nhất. Luận án cũng đã khuyến nghị việc ứng dụng hoạt chất phóng xạ trong ngành công nghiệp thực phẩm, y dược và bảo vệ môi trường (xử lý chất thải, làm sạch môi sinh...).

Thành tựu khoa học

Người đầu tiên tạo ra dòng đột biến bất dục đực gen không hạt phấn bằng đột biến thực nghiệm (năm 1987) để sử dụng trong công nghệ lúa lai.
Xác lập một số quy luật phát sinh biến dị di truyền và tìm ra được khả năng xuất hiện nhiều đột biến về tính trạng chất lượng trong quá trình sử dụng hoạt chất phóng xạ.
Đã công bố trên 30 công trình ở các tạp chí trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Xây dựng chương trình ứng dụng kỹ thuật đột biến gen, công nghệ đột biến định hướng ứng dụng đối với các cơ thể sinh vật.
Đào tạo nghiên cứu sinh theo lĩnh vực di truyền đột biến nhằm thúc đẩy trường phái di truyền đột biến ở Việt Nam tiến ngang bằng quốc tế.



HOÀNG TUYẾT MINH

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 11 - 11 - 1946.
Quê quán: Thanh Hương - Thanh Liêm - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 150 - ngõ 158 - Ngọc Hà - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Nông nghiệp I.
Cán bộ chỉ đạo sản xuất của Bộ Nông nghiệp tại Hà Tây.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Nông nghiệp II Hà Bắc.
Nghiên cứu sinh tại Hungari.
Trưởng phòng Kế hoạch khoa học và Hợp tác quốc tế Viện Di truyền nông nghiệp.
Trưởng bộ môn Di truyền tế bào và lai xa, Viện Di truyền nông nghiệp.
Thư ký Hội đồng khoa học Viện Di truyền nông nghiệp.
Được phong Phó giáo sư năm 1996.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Giống cây trồng Việt Nam.
Hội Hữu nghị Việt Nam - Canada.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Trường Đại học Làm vườn Buđapet - Hungari.
Chuyên ngành Chọn giống và nhân giống.

Đề tài luận án

Sử dụng các gen chỉ thị trong việc khai thác ưu thế lai ở dưa hấu và dưa lê.

Nội dung

Sử dụng các đột biến gen vàng xanh (Xanta) có trong các dòng đột biến nhân tạo chọn được trong quá trình xử lý đột biến bằng hoá chất dùng làm các dòng bố mẹ trong các tổ hợp lai để chọn tạo ra các tổ hợp lai có ưu thế lai cao. Vì là đột biến Xanta (đột biến diệp lục) nên sự nhận biết gen này trong con lai là rất dễ dàng giúp nhà chọn giống loại bỏ nhanh chóng chính xác các cá thể không phải là cây lai. Mặt khác là đột biến diệp lục nên nhu cầu về cường độ ánh sáng không cao, có thể gieo trồng trong điều kiện ánh sáng khuyếch tán. Xác định dòng đột biến Xanta ưu việt để cho tổ hợp lai có ưu thế lai cao và sản xuất hạt lai F1 ở dưa.

Thành tựu khoa học

Đã chọn tạo được một giống lúa quốc gia (DT271) có năng suất trên 10 tấn, 4 giống khu vực hoá (lạc D332, lúa DT116 và lúa lai hai dòng VN-01/D212). Giống lúa chất lượng cao đủ tiêu chuẩn xuất khẩu DT122 được công nhận giống khu vực hoá năm 2000.
Hai tiến bộ kỹ thuật về phương pháp xác định số lượng năng suất trồng và mức bội thể của một số loài cây trồng và cây hoang dại.
Quy trình nhân dòng bất dục đực di truyền nhân nhạy cảm với nhiệt độ (TGMS).
Tham gia đào tạo kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ nông học và sinh học.
Tham dự nhiều hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Đăng gần 50 bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.
Sách đã xuất bản:
Tham gia biên soạn:
Chọn giống cây trồng.
Một số giống cây trồng mới.
Huy chương Vì sự nghiệp nông nghiệp.
Giải thưởng và bằng sáng tạo VIFOTEX 1998.
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng các phương pháp chọn tạo giống truyền thống kết hợp với công nghệ sinh học để chọn tạo giống lúa lai hai dòng có năng suất vượt trần và chất lượng cao.



HOÀNG VĂN MINH

Hoàng Minh

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 30 - 8 - 1939.
Quê quán: Tân Hồng - Tiên Sơn - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 14 Đường Thành - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Trưởng phòng Mổ Bệnh viện tỉnh Thanh Hoá.
Bác sỹ Viện Lao - Bệnh phổi.
Công tác tại chiến trường B.
Chuyên gia y tế ở Angiêri.
Hiện là trưởng khoa Cấp cứu hồi sức Viện Lao - Bệnh phổi.
Được phong Phó giáo sư năm 1991.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Học viện Quân y.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu sử dụng một số thuốc cầm máu, bồi phụ khối lượng tuần hoàn, điện giải và dùng mocphin trong cấp cứu ho ra máu do lao phổi.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm một đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.
Sách đã xuất bản:

Suy hô hấp
Các chức năng ngoài hô hấp của phổi.
Giải đáp về bệnh lao.
Tìm hiểu về bệnh lao.
Bệnh lao và nhiễm HIV/AIDS.
Những điều cần biết về bệnh lao.
Giải đáp về các bệnh phổi - phế quản thường gặp.
Hỏi đáp về bệnh hô hấp.
Các phương pháp phát hiện, chẩn đoán lao phổi, lao hệ, lao màng não.
Lao màng não, lao màng tim, lao màng bụng.
Phát hiện, xử trí một số bệnh hô hấp tại nhà.
Những điều cần biết về bệnh hô hấp... Nxb Y học.
Đồng tác giả của hơn 20 đầu sách khác.
Hơn 140 bài báo về công trình nghiên cứu khoa học đã đăng trên các tạp chí.
Huân chương kháng chiến hạng ba.
Huy chương Vì sức khoẻ nhân dân.
Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.
Bằng lao động sáng tạo.
Chiến sĩ thi đua ngành y tế.

Dự định khoa học

Sẽ xuất bản một số sách y học.



LÊ QUANG MINH

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 27 - 7 - 1953.
Quê quán: Hoà An - Cao Lãnh - Đồng Tháp.
Chỗ ở hiện nay: 290/10 đường 30/4 thành phố Cần Thơ.

Quá trình công tác

Trưởng khoa Công nghệ Trường Đại học Cần Thơ.
Hiện là Phó hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ.
Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Hà Lan.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Trường Đại học Wageningen - Hà Lan.
Ngành Nông nghiệp và môi trường

Đề tài luận án

Quản lý tổng hợp đất và nước trong đất phèn cân bằng sản xuất nông nghiệp và môi trường trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam.

Nội dung

Tìm hiểu ảnh hưởng của những tính chất vật lý đất và các loại hình dòng chảy lên sự vận chuyển độc chất trong đất phèn, tập trung vào độc chất nhôm.
Nghiên cứu định lượng ảnh hưởng bất lợi của việc cải tạo đất phèn lên môi trường.
Tìm những biện pháp nâng cao năng suất ít gây tác động xấu lên môi trường.
Nghiên cứu gồm 5 thí nghiệm trên các vùng đất phèn ở đồng bằng sông Cửu Long. Những thí nghiệm ngoài đồng bắt đầu từ mùa khô và chấm dứt cuối mùa lũ. Sự vận chuyển của nhôm theo các dạng dòng chảy đặc trưng cho từng mùa khác nhau như mao dẫn, chảy trong khe rỗng lớn, chảy tràn. Sự phân bố hệ thống khe rỗng quyết định hiệu suất rửa độc chất trong đất.
Cải tạo đất phèn có thể dẫn tới ô nhiễm môi trường các vùng lân cận. Nồng độ nhôm trong nước tiêu từ vùng đất phèn canh tác lúa, khóm và khoai mở được đo. Các lô đất này có tuổi: 2 tháng, 1 năm và 2 năm. Nồng độ nhôm bình quân tháng trong nước tiêu từ lô trồng khóm và trồng khoai mở cao hơn lúa 3 lần. Tổng lượng nhôm phóng thích từ các líp lên đến 16.690 mol (+) ha^{-1} cao hơn lúa từ 3 đến 5 lần.

Thành tựu khoa học

Chủ trì và tham gia các đề tài:
Nghiên cứu cải tạo đất phèn vùng đồng bằng sông Cửu Long, chương trình VH10. Tham gia 4 đề tài đăng trong báo cáo khoa học của Trường Đại học Wageningen, Hà Lan.
Hệ thống đất líp ở các kiểu sử dụng khác nhau trên đất phèn.
Quản lý nước để tăng sản lượng lúa trong vùng đất phèn ngập nước của đồng bằng sông Cửu Long. 4 đề tài trong nhóm này được đăng trên các tạp chí chuyên ngành quốc tế.
Thành phần nước mặn ảnh hưởng đến việc sử dụng đất trong vùng đất phèn đồng bằng sông Cửu Long.
Phương pháp tưới tràn cho cây trồng cạn ở vùng đất sét nặng đồng bằng sông Cửu Long.
Ảnh hưởng của mực nước ngầm bốc hơi và sự phân tán muối, độ ẩm ở vùng đất phèn.
Ảnh hưởng của hệ thống thuỷ nông đến sự thay đổi việc sử dụng đất ở tỉnh An Giang.
Chi phí năng lượng làm đất ứng với từng loại đất khác nhau.
Quy hoạch hệ thống tưới cho huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
Viết nhiều giáo trình và trên 20 báo cáo khoa học.
Hướng dẫn tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ cho một số người nước ngoài tại Trường Đại học Cần Thơ.
Huân chương Vì sự nghiệp thế hệ trẻ.
Vì sự nghiệp đoàn kết các dân tộc.
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Nông nghiệp Lào và Việt Nam.



NGUYỄN BÌNH MINH

Nguyễn Minh Nguyệt

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 1 - 9 - 1956.
Quê quán: Nam Hồng - Đông Anh - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay:
28 Điện Biên Phủ - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Bác sĩ khoa Vi trùng - Viện Vệ sinh dịch tễ Hà Nội.
Nghiên cứu sinh Viện Vệ sinh dịch tễ Hà Nội.
Thực tập sinh tại Viện Karolinska - Stockholm - Thuỵ Điển.
Trưởng phòng Vi trùng đường ruột - khoa Vi khuẩn Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
Hội viên Hội Y học dự phòng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991
Tại Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
Ngành Y dược

Đề tài luận án

Đánh giá đáp ứng miễn dịch trên người tình nguyện uống văcxin tả.

Nội dung

Nghiên cứu 3 nhóm: uống văcxin không có dung dịch đệm, uống văcxin có dung dịch đệm bicarbonate, nhóm placebo.

Văcxin sử dụng trong nghiên cứu là văc xin toàn thân tế bào được bất hoạt bằng nhiệt độ và formaline.

Thành phần văcxin gồm: typ huyết thanh ogawa và inaba, typ cổ điển và typ eltor.

Dùng các kỹ thuật miễn dịch: kỹ thuật ELISA, kỹ thuật ELISPOT, kỹ thuật chuyển dạng lympho bào, xác định kháng thể vibriocid.

Đánh giá đáp ứng miễn dịch trên người tình nguyện trước và sau khi uống văc xin tả.

Thời gian thu thập máu: 1 tuần, 1 tháng, 6 tháng và 1 năm sau khi uống văcxin tả.

So sánh kết quả đáp ứng miễn dịch giữa nhóm uống văcxin và nhóm placebo, giữa nhóm uống văcxin có dung dịch đệm với nhóm placebo.

So sánh kết quả đáp ứng miễn dịch với văcxin tả của người Việt Nam với một số nước trên thế giới.

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài cấp Nhà nước:

Nghiên cứu đáp ứng miễn dịch trên người tình nguyện uống văcxin lỵ.

Đánh giá đáp ứng miễn dịch trên người tình nguyện uống văcxin tả.

Những công trình khoa học đã ứng dụng:

Đưa văcxin tả vào chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia.

Chẩn đoán nhanh bệnh thương hàn bằng kỹ thuật Typhi - dot.

Nghiên cứu sản xuất kháng huyết thanh O139 chẩn đoán typ huyết thanh tả mới O139.

Tìm hiểu tình hình người lành mang trùng thương hàn - Đánh giá hiệu quả kỹ thuật Typhi - dot trong chẩn đoán thương hàn.

Kiểm tra và xây dựng mô hình thí điểm an toàn vệ sinh thực phẩm tại một nhà trẻ ở Hà Nội.

Dự định khoa học

Nghiên cứu y tế dự phòng văcxin phòng bệnh đường ruột.



NGUYỄN CẢNH MINH

Thanh Xuân

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 28 - 3 - 1939
Quê quán: Kim Liên - Nam Đàn - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 53 - ngách - 65/5 Mai Dịch - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên lịch sử Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hiện là Phó Chủ nhiệm bộ môn, Trưởng ban thanh tra giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Sử học Việt Nam.
Hội Giáo dục lịch sử Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Lịch sử cổ trung đại Việt Nam.

Đề tài luận án

Cuộc khởi nghĩa Phan Bá Vành (1821 - 1827).

Nội dung

Phân tích, chứng minh đặc điểm bối cảnh lịch sử Việt Nam và quốc tế ở ba thập kỷ đầu thế kỷ XIX đã tác động đến cuộc khởi nghĩa. Diễn biến các giai đoạn của cuộc khởi nghĩa, vấn đề căn cứ địa trong cuộc khởi nghĩa. Tính chất, đặc điểm, nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa.

Từ nghiên cứu, khôi phục có hệ thống cuộc khởi nghĩa nông dân tiêu biểu trong phong trào nông dân Việt Nam ở nửa đầu thế kỷ XIX. Góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn của phong trào nông dân khởi nghĩa trong thời trung đại ở Việt Nam (nguyên nhân bùng nổ, đặc điểm, nguyên nhân thất bại, vai trò lịch sử).

Thành tựu khoa học

Đã chủ trì và tham gia một số đề tài khoa học cấp Nhà nước, Bộ, Thành phố.
Chủ biên 6 giáo trình lịch sử.
Tham gia biên soạn 11 giáo trình, 24 sách chuyên khảo.
Hơn 30 bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Vì sự nghiệp giáo dục.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Nhà giáo ưu tú.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phong trào nông dân Việt Nam thời trung đại.



NGUYỄN CÔNG MINH

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 18 - 10 - 1953.
Quê quán: Châu Đốc - An Giang.
Chỗ ở hiện nay: 3B Nguyễn Thị Tần - Quận 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Nội trú, bộ môn Ngoại, khoa Y, Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Du học tại Marseille Pháp.
Giảng viên chính bộ môn Ngoại, Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Giáo vụ bộ môn Ngoại lồng ngực.
Hội viên Hội Ngoại khoa.
Hội Lồng ngực - Mạch máu.
Hội Phát triển mạch máu Đông Nam Á (advase).
Hội mạch máu toàn Châu Âu.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Phẫu thuật đại cương.

Đề tài luận án

Nghiên cứu tổn thương cơ hoành do sang chấn chẩn đoán và điều trị.

Nội dung

Nghiên cứu 157 trường hợp tổn thương cơ hoành do sang chấn: 34 chấn thương kín do xe cán ngang người, té từ trên cao, xe dụng, đập trực tiếp vùng ngực bụng. Và 123 vết thương thủng cơ hoành do dao đâm.
Các công trình nghiên cứu trong nước trước đây chỉ đề cập thương tổn này kết hợp với các tổn thương chủ yếu khác như bụng và ngực, không nghiên cứu chi tiết, riêng biệt. Từ các biến chứng nặng tử vong cao của bệnh nhân được xử lý chưa đúng. Tác giả đề xuất hướng chẩn đoán, điều trị cho từng trường hợp đã hạ tỷ lệ tử vong đáng kể.

Thành tựu khoa học

Các công trình nghiên cứu:
Choáng phổi hạt hội chứng phổi Đà nẵng.
Suy hô hấp trong các thể viêm phúc mạc nặng.
Biến chứng mủ màng phổi sau chấn thương tại Bệnh viện Chợ Rẫy.
Hoại thư sinh hơi và nhiễm trùng kị khí.
Vỡ hoành trong chấn thương kín và vết thương ngực bụng.
Hội chứng ngạt thở do chấn thương hay hội chứng Purtscher.
Lượng giá mức độ nặng của nạn nhân chấn thương bằng chỉ số ISS.
Vỡ tim kín tại Bệnh viện Chợ Rẫy.
Phẫu thuật nội soi lồng ngực tại Bệnh viện Nhân dân Gia Định.
U nấm phổi tại Bệnh viện Chợ Rẫy.
Tạo hình động mạch cảnh bằng khung nong (stent).
Tài liệu giảng dạy đại học, sau đại học y dược.
Một số công trình đã xuất bản ở Pháp.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phát triển ngành phẫu thuật nội soi lồng ngực và tạo hình nội mạch.



NGUYỄN HỒNG MINH

Nguyễn Thị Hồng Minh

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 02 - 7 - 1951
Quê quán: Gia Thuy - Gia Lâm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay:
103, B12 Nam Thành Công - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Thuỷ sản Astrakhan, Liên Xô cũ.
Cán bộ phòng Kỹ thuật - Công ty Ngoại thương Miền Tây - thành phố Cần Thơ.
Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó giám đốc.
Giám đốc nhà máy Đông lạnh Cà Mau.
Phó giám đốc Sở Thuỷ sản Minh Hải.
Thứ trưởng Bộ Thuỷ sản.
Uỷ viên Ban chấp hành Tỉnh uỷ Minh Hải.
Uỷ viên Ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khoá VII.
Chủ tịch công đoàn Thuỷ sản Việt Nam khoá I.
Chủ tịch Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thuỷ sản Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
Chuyên ngành Kinh tế

Đề tài luận án

Phát huy năng lực các thành phần kinh tế trong công nghiệp chế biến thuỷ sản xuất khẩu ở Việt Nam hiện nay.

Nội dung

Phân tích quá trình hình thành, phát triển mối quan hệ và xu thế vận động của các thành phần kinh tế đang nắm giữ ba khâu chủ chốt của quá trình sản xuất (chế biến - tiêu thụ, kinh doanh nguyên liệu, sản xuất nguyên liệu). Luận án nghiên cứu xu thế vận động của vốn và tài sản, xác định các lực lượng chi phối quá trình sản xuất, thâu tóm phần lớn lợi nhuận. Nêu rõ nguồn lực để tích luỹ tái đầu tư phát triển công nghiệp chế biến thuỷ sản theo hướng công nghiệp hiện đại. Những nguyên nhân liên quan đến quản lý nhà nước đối với tình trạng cắt khúc trong sản xuất và hiện tượng suy giảm vai trò chủ đạo kinh tế nhà nước. Mâu thuẫn cần giải quyết và một số giải pháp phát triển kinh tế thuỷ sản.
Cần thực hiện chuyển dịch cơ cấu sở hữu theo hướng động viên và sử dụng tối đa nguồn lực của các thành phần kinh tế. Trong đó kinh tế nhà nước phải trở thành hạt nhân liên kết mở đường cho sự phát triển chung.

Thành tựu khoa học

Một số bài đăng trên các tạp chí:
Quản lý nguồn vốn trong kinh tế quốc doanh.
Vấn đề mở rộng thị trường xuất khẩu thuỷ sản hiện nay.
Xuất khẩu thuỷ sản Việt Nam trước ngưỡng cửa năm 2000.
Nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập từ nghiên cứu kinh nghiệm phát triển kinh tế thuỷ sản.

Dự định khoa học

Quản lý, giảng dạy và nghiên cứu phát triển kinh tế thuỷ sản.



NGUYỄN HỒNG MINH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 06 - 10 - 1959.
Quê quán: Đại Kim - Thanh Trì - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay:
203 B9 Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Liên đoàn Địa chất 10 (nay là Liên đoàn Xạ Hiếm), Cục Địa chất Việt Nam.
Nghiên cứu sinh tại Liên bang Nga.
Hiện là Phó phòng Địa Vật lý, Viện Dầu khí, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam.
Hội viên Hội Địa chất Việt Nam.
Hội Khoa học kỹ thuật Địa Vật lý Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Học viện Địa chất Thăm dò quốc gia Matxcơva, Liên bang Nga.
Chuyên ngành Các phương pháp địa vật lý tìm kiếm thăm dò mỏ khoáng sản.

Đề tài luận án

Mô hình địa chất - địa vật lý và địa hoá phóng xạ nhằm dự báo quặng hoá uran và kim loại hiếm (trên ví dụ bể trầm tích Nông Sơn, miền Trung Việt Nam).

Nội dung

Tổng hợp các đặc điểm địa chất, địa vật lý, địa hoá phóng xạ của vùng nghiên cứu và xây dựng mô hình cho các thành hệ địa chất của vùng. Tác giả đã phát hiện dấu hiệu tìm kiếm quặng hoá phóng xạ và kim loại hiếm cho khu vực bể trầm tích Nông Sơn. Phương pháp xử lý thống kê các số liệu địa vật lý như từ, trọng lực, phổ gamma được đề xuất và áp dụng cho bể trầm tích Nông Sơn nhằm dự báo khu vực có triển vọng tìm thấy các loại quặng hoá uran và kim loại hiếm.
Các luận điểm khoa học của luận án bao gồm đặc điểm của mô hình, dấu hiệu tìm kiếm và hệ phương pháp xử lý nhằm dự báo các loại quặng hoá nêu trên.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Nghiên cứu các thành tạo địa chất phần cấu trúc nông (Plioxen - Đệ Tứ) thềm lục địa Việt Nam phục vụ đánh giá điều kiện xây dựng công trình biển (tác giả chính - cấp Nhà nước).
Xây dựng bản đồ nền dầu khí Việt Nam (chủ biên - cấp Ngành).
Tham gia nhiều đề tài khác.
Tác giả và đồng tác giả hơn 20 bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên các tạp chí và hội nghị khoa học chuyên ngành.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phát triển hướng ứng dụng công nghệ thông tin và tìm kiếm thăm dò quản lý tài nguyên khoáng sản.

Lời Tiến sĩ

Mong muốn tha thiết nhất của tôi là các nhà khoa học của chúng ta đoàn kết hơn nữa.
Đánh giá người làm khoa học và công trình khoa học trên cơ sở những sáng tạo mới dù cái mới đó chưa hoàn toàn phù hợp với thực tế trước mắt.



NGUYỄN NGHIÊM MINH

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 17 - 4 - 1937
Quê quán: Hoằng Anh - Hoằng Hoá - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 103 - E4 - Thanh Xuân Bắc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Thăm dò Địa chất Matxcơva, Liên Xô cũ.
Tổ phó kỹ thuật địa chất Đoàn Địa chất 14.
Trưởng phòng Khoáng sản, Trưởng phòng Kiến tạo đoàn Nghiên cứu Địa chất 45.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Lômônôxốp, Liên Xô cũ.
Công tác tại Vụ Khoa học - Kỹ thuật Tổng cục Địa chất, Phó chủ tịch Hội đồng Khoa học - Kỹ thuật Tổng cục Địa chất.
Phó Viện trưởng, Chủ tịch Hội đồng Khoa học kỹ thuật, Trưởng ban Đào tạo sau đại học, Trưởng phòng Nghiên cứu khoáng sản kim loại, Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản.
Được phong Giáo sư năm 1991
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Địa chất Việt Nam.
Phó chủ tịch Hội Địa chất khoáng sản Việt Nam.
Viện sỹ Viện Hàn lâm quốc tế về Tài nguyên khoáng sản (IAMR) - Cộng hoà Liên bang Nga từ 1995.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1977
Tiến sĩ Khoa học năm 1978
Tại Trường Đại học Tổng hợp Lômônôxốp, Matxcơva, Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Địa kiến tạo.

Đề tài luận án

Đặc điểm phát triển địa chất miền Bắc Việt Nam và những vấn đề sinh khoáng liên quan.

Nội dung

Miền Bắc Việt Nam gồm các phần cấu tạo của khối mảng Hồng - Dương (sông Dương Tử - sông Hồng) và địa khối Đông Dương, có lịch sử hình thành phức tạp từ Arkeozoi đến nay. Lãnh thổ này đã trải qua các kỳ tách vỡ, dịch trượt ven rìa khối mảng theo các đới khâu - đứt gãy kiến tạo (đặc biệt là sông Mã vào Paleozoi sớm, sông Hồng vào proterozoi và Kainozoi). Trong suốt quá trình tạo lập vỏ lục địa thứ sinh, miền Bắc Việt Nam luôn chịu các lực ép kiến tạo khu vực hình thành nên dạng cấu tạo khối dập vỡ điển hình (đặc biệt trong chu kỳ kiến tạo Indosini).
Đặc tính kiến tạo trên ảnh hưởng quyết định tới đặc điểm sinh khoáng lãnh thổ rất đa dạng và phong phú, nhưng quy mô thường là trung bình, trung bình nhỏ đối với khoáng sản nội sinh và trung bình, trên trung bình đối với một số khoáng sản ngoại sinh.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Sinh khoáng thiếc Tam Đảo.
Đặc điểm phát triển địa chất miền Bắc Việt Nam và những vấn đề sinh khoáng liên quan.
Công trình đưa ra khái niệm mới về cấu trúc địa chất cho vùng Đông Nam Á với tên gọi Indopacific. Khái niệm Indopacific đã được phổ biến trong các văn liệu địa chất Nga và thế giới.
Bản đồ sinh khoáng Việt Nam tỷ lệ 1/1.000.000.
Đánh giá tiềm năng vàng Việt Nam và đề xuất quy trình công nghệ thích hợp.
Nhiều công trình nghiên cứu và chuyên khảo được công bố.
Viện Hàn lâm khoa học tự nhiên Liên bang Nga đã trao tặng. Huy chương bạc Pier Đại đế.
Huân chương chống Mỹ hạng hai

Dự định khoa học

Mong muốn làm sáng tỏ thêm tiềm năng - triển vọng khoáng sản ẩn sâu của đất nước và những đặc thù địa chất riêng của Việt Nam đóng góp vào khoa học địa chất toàn cầu.

Lời Tiến sĩ

Cuộc sống con người quá ngắn ngủi so với các sự kiện địa chất và quỹ thời gian cho phép không bao giờ đủ để kiểm chứng các vấn đề địa động lực và sinh khoáng.



NGUYỄN NGỌC MINH

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 22 - 12 - 1938
Quê quán: Thị xã Sơn Tây - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Số 2 - Ngõ 136 Trung Liệt - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Tài chính Matxcơva Liên Xô cũ.
Giảng viên Trường cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng - Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Bungari.
Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế đối ngoại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
Trưởng đại diện Việt Nam tại Ban lãnh đạo Ngân hàng Hợp tác Kinh tế quốc tế (Khối SEV) tại Matxcơva Liên Xô cũ.
Vụ trưởng Vụ Quản lý Ngoại hối Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.
Hiện là giảng viên Trường Đại học Quản lý và Kinh doanh Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1973
Tại Trường Đại học Kinh tế Tài chính Đ.A.Senôp Bungari.
Chuyên ngành Tín dụng ngân hàng

Đề tài luận án

Đầu tư tín dụng vào kỹ thuật mới trong công nghiệp

Nội dung

Đổi mới, hiện đại hoá, hoàn thiện thiết bị, máy móc và công nghệ sản xuất phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật là điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu quả nền sản xuất xã hội thoả mãn nhu cầu ngày càng tăng của người lao động.
Đầu tư tín dụng cho ứng dụng kỹ thuật mới trong sản xuất nói chung, công nghiệp nói riêng thể hiện tính hiệu quả cao trong đầu tư cơ bản, mang lại hiệu quả kinh tế lớn, phát triển được tính năng động sáng tạo của người lao động, sử dụng vốn sản xuất có hiệu quả và từ đó tác động tăng thu nhập tích luỹ cho xã hội.
Bản chất, tính chất, nguồn vốn đầu tư cơ bản cho áp dụng kỹ thuật mới, sự cần thiết và phát triển của phương pháp tín dụng trong quá trình áp dụng kỹ thuật mới.
Hiệu quả kinh tế của việc ứng dụng kỹ thuật mới, vấn đề lợi nhuận và các vấn đề liên quan tới phương thức đầu tư tín dụng ngân hàng cho áp dụng kỹ thuật mới.

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài cấp Nhà nước:
Nguyên nhân tình trạng lạm phát kéo dài ở nước ta luận cứ khoa học của những biện pháp kiềm chế, giảm lạm phát ở Việt Nam.
Thành viên Hội đồng nghiệp thu đề tài: Thị trường vàng và đô la Mỹ trong cơ chế kinh tế mới.
Chủ nhiệm đề tài cấp Ngành.
Những vấn đề cơ bản trong đổi mới hoạt động đối ngoại của hệ thống Ngân hàng Việt Nam để hội nhập với hệ thống ngân hàng thế giới.
Phương pháp và biện pháp đổi mới hoạt động đối ngoại của hệ thống ngân hàng Việt Nam.
Sách đã xuất bản:
Ngân hàng Việt Nam - Quá trình xây dựng và phát triển (đồng tác giả - Nxb Chính trị Quốc gia).
Hướng dẫn luận án tiến sĩ.
Tham gia các hội thảo khoa học, giảng dạy, hướng dẫn sinh viên.
Nhiều bài đăng trên các báo, tạp chí.

Dự định khoa học

Sẽ xuất bản sách:
Về đổi mới hoạt động đối ngoại của hệ thống ngân hàng Việt Nam.



NGUYỄN NGỌC MINH

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 18 - 7 - 1939.
Quê quán: Diễn Hoa - Diễn Châu - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 42 Nguyễn Huệ - Thành phố Huế.

Quá trình công tác

Công tác tại Bệnh viện Bạch Mai Hà Nội.
Trưởng khoa Xét nghiệm Bệnh viện A Tỉnh Bắc Thái.
Chủ nhiệm khoa Huyết học truyền máu - Bệnh viện Trung ương Huế.
Chủ nhiệm bộ môn Huyết học - Trường Đại học Y Huế.
Giám đốc Trung tâm Huyết học Truyền máu, phụ trách khu vực miền Trung, kiêm Chủ nhiệm bộ môn Huyết học - Trường Đại học Y Huế.
Uỷ viên Thường trực Hội Huyết học thể nghiệm Quốc tế.
Phó chủ tịch Hội Y dược học, Thừa Thiên Huế.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Chữ thập đỏ Việt Nam khoá VI - Phó chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Thừa Thiên Huế.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu và phân loại các rối loạn cầm máu - đông máu trong thực tế lâm sàng ở Việt Nam.

Nội dung

Các bệnh lý xuất huyết trong đó rối loạn cầm máu - đông máu (CMĐM) là chương bệnh lý lớn của chuyên khoa huyết học truyền máu, liên quan tới tất cả các chuyên ngành y học.
Nghiên cứu tính phổ biến của bệnh lý biểu hiện lâm sàng phải chẩn đoán chính xác và can thiệp đúng cơ chế. Dựa trên các thành tựu mới về sinh học CMĐM, tác giả nghiên cứu rất nhiều bệnh nhân để phân tích đánh giá, làm cơ sở cho việc chẩn đoán, phát hiện một số bệnh lý hiếm gặp.
Phân loại các rối loạn CMĐM ở Việt Nam, đề xuất các giải pháp chẩn đoán, và xử lý điều trị chính xác cho bệnh nhân.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài cấp Viện:
Nghiên cứu hằng số huyết học ở người Việt Nam (cấp Bộ phối hợp).
Nghiên cứu chất độc hoá học (Dioxin).
Nghiên cứu về viêm gan B.
Nghiên cứu các bệnh lý về máu và cơ quan tạo máu.
Nghiên cứu kháng huyết thanh chống A từ nguồn lectin đậu quyên ở Huế.
Nghiên cứu động học hình thành kháng thể hệ ABO.
Tình hình nhiễm HIV/AIDS và an toàn truyền máu ở Việt Nam.
Nghiên cứu CD4, CD8, CD3 trên một số đối tượng người Việt Nam.
Tuyển chọn và lưu giữ người hiến máu.
Xây dựng chương trình hiến máu tình nguyện tại Việt Nam.
Nghiên cứu các tác nhân lây qua đường máu và vấn đề an toàn truyền máu.
Loạt công trình sử dụng truyền máu trên lâm sàng. Các chỉ số sinh học người hiến máu.
Điều tra về tình hình các bệnh máu ác tính tại Quảng Trị.
Một số nhận xét biến đổi huyết học ở những người sử dụng kháng sinh.
Một số nhận xét về xuất huyết giảm phức hệ prothrombin ở trẻ em.
Tìm hiểu các thay đổi về mặt huyết học và cấy máu tuỷ xương trong vụ dịch thương hàn tại Huế.
Tìm hiểu mối liên quan giữa viêm gan và K gan tại Huế.
Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật miễn dịch nâng cao chất lượng chẩn đoán, giám sát dịch tễ và điều trị viêm gan B.
Tìm hiểu một số chỉ tiêu sinh học máu cuống rốn.
Nghiên cứu các rối loạn CMĐM trong đái tháo đường typ 2.
Nghiên cứu các rối loạn CMĐM trong bệnh lý mạch vành.
Các nghiên cứu đông máu góp phần phục vụ phẫu thuật mổ tim hở tại Huế.
Nghiên cứu các đặc điểm khuẩn chí vùng họng các bệnh nhân bị bệnh về máu.
Biên soạn sách cầm máu đông máu.
20 tài liệu cẩm nang về truyền máu.
Tham gia hội thảo và nghiên cứu khoa học tại nhiều nước.
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp sức khoẻ nhân dân.
Vì sự nghiệp nhân đạo.
Bằng lao động sáng tạo.
Thầy thuốc ưu tú.

Dự định khoa học

Tham gia xây dựng Trung tâm Huyết học Truyền máu khu vực
Đào tạo cán bộ khoa học trẻ làm từ thiện.

Lời Tiến sĩ

Mong Nhà nước có chính sách ưu đãi đào tạo nhân tài, sử dụng hữu ích nguồn trí tuệ đồi dào trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Những khúc mắc của quá khứ phải được khắc phục để xây dựng một chính sách phù hợp với tương lai và xu thế phát triển.



NGUYỄN TUYẾT MINH

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 05 - 11 - 1938
Quê quán: Tịnh Hà - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay:
16, Ngách 438/88 - Tây Sơn - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Lênin Matxcơva.
Công tác tại khoa Ngữ văn, khoa Văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Sư phạm Lênin Matxcơva.
Phó chủ nhiệm khoa tiếng Nga.
Chủ tịch Hội đồng khoa học khoa Nga.
Uỷ viên Hội đồng khoa học Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội.
Uỷ viên Hội đồng quốc gia chấm tuyển nghiên cứu sinh tiếng Nga.
Nghiên cứu viên cao cấp Viện Ngôn ngữ học Việt Nam.
Được phong Phó Giáo sư năm 1984.
Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học tự nhiên Nga.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1970
Tại Trường Đại học Sư phạm Lênin, Matxcơva.

Đề tài luận án

Thức mệnh lệnh của động từ tiếng Nga đối chiếu với tiếng Việt.

Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học năm 2000.
Tại Viện ngôn ngữ Viện Hàn lâm Khoa học Nga.

Đề tài luận án

Các bình diện của hình thái học chức năng, phạm trù chức năng, ngữ nghĩa khiến động trong tiếng Nga và tiếng Việt.

Nội dung

Chứng minh quan điểm ngôn ngữ trên thế giới chỉ là một mặc dù chúng có sự biểu hiện về hình thái vô cùng khác nhau. Chính sự thống nhất cơ bản đó cho phép các ngôn ngữ, "thông ước" được với nhau trên các bình diện ngữ nghĩa cấu trúc và chức năng, lấy cơ sở chức năng ngữ nghĩa làm nền tảng. Để đối chiếu có hiệu quả công trình nghiên cứu đã vận dụng thuyết "Trường chức năng - ngữ nghĩa" để miêu tả hệ thống nghĩa khiến động và các phương tiện biểu đạt chúng trong tiếng Nga và tiếng Việt, chỉ ra sự giống nhau khác biệt trong quy luật hành chức của các phương tiện biểu đạt trong hai ngôn ngữ. Kết quả nghiên cứu góp phần vào việc xác định tư cách của từ và vị thế của từ pháp học trong tiếng Việt trên cơ sở đối chiếu 2 ngôn ngữ khác loại hình xuất phát từ những phổ quát ngôn ngữ, góp phần xây dựng phương pháp dạy tiếng Nga cho người Việt và tiếng Việt cho người Nga.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Gồm 4 quyển Nxb Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội.
Tiếng Nga (đồng tác giả) dành cho khoa chuyên ngữ các trường đại học Việt Nam gồm 14 quyển - Nxb Tiếng Nga Matxcơva; *Các bình diện hình thái học chức năng. Phạm trù chức năng - ngữ nghĩa khiến động trong tiếng Nga và tiếng Việt* - Nxb Sáng tạo Matxcơva; Gần 30 bài báo công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước; Tham gia biên soạn đại từ điển Việt - Nga. Tham gia nhiều hội thảo quốc tế về ngôn ngữ và văn học Nga.

Dự định khoa học

Viết sách và giảng dạy sau đại học.

Lời Tiến sĩ

Ngạn ngữ Nga có câu "Ai tìm thì người ấy sẽ tìm thấy". Khi chưa tìm thấy thì đừng vội cho rằng vật mình tìm không có. Nếu ta biết trân trọng những kết quả tìm tòi của người khác, cùng nhau hợp lực, dựa vào điểm mạnh của nhau, tiếp tục đi tìm thì một ngày nào đó ắt sẽ tìm thấy.



NGUYỄN VĂN MINH

Tô Tần

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 3 - 8 - 1928.
Quê quán: Nghĩa Trụ - Mỹ Văn - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay:
515 D1 Tập thể Trung Tự - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy, Phó chủ nhiệm khoa Trường Đại học Lâm nghiệp.
Cán bộ Viện Nghiên cứu Lâm nghiệp.
Cục phó Cục Cơ khí vật tư, Vụ phó Vụ Công nghiệp rừng Tổng cục Lâm nghiệp.
Quyền Vụ trưởng Vụ Công nghiệp rừng Bộ Lâm nghiệp.
Chuyên gia giáo dục đại học ở Angiêri.
Chuyên viên Liên hiệp các xí nghiệp Cơ khí Lâm nghiệp.
Hội viên Hội Lâm nghiệp Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1965
Tại Trường Đại học Lâm nghiệp Matxcơva, Liên Xô cũ.
Ngành Cơ khí Lâm nghiệp.

Đề tài luận án

Khả năng gia công bằng cắt gọt của các loại gỗ Việt Nam.

Nội dung

Đã khảo nghiệm gỗ: Lim, Sến, Sau Sau và thay đổi góc cắt, độ dày của phoi để tìm ra lực cắt và lực cắt riêng cho từng trường hợp, độ ma sát ở mặt trước mặt sau lưỡi cắt. Từ đó có thể tính được lực cần thiết của thiết bị cắt và lực giữ phôi. Những đại lượng này dùng để tính toán chế độ cắt áp dụng trong quy trình cắt gọt gỗ: cưa, bào...
Trong khảo nghiệm có ghi các kết quả về độ nhẵn của mặt cắt, tức là chất lượng phôi.
Kết luận:
Cần khảo nghiệm tiếp các loại gỗ khác của Việt Nam, để nghiên cứu tìm ra thông số cần thiết cho việc tính toán chế độ cắt, công suất thiết bị gia công và năng suất từng loại gỗ.
Lực cắt gỗ tứ thiết Việt Nam chỉ lớn hơn lực cắt gỗ sồi từ 1,3 đến 1,8 lần, nhưng lưỡi cắt bị mài mòn rất nhanh vì trong cấu trúc gỗ Việt Nam có silíc, điều này gây khó khăn vì phải thay lưỡi cắt luôn. Có thể khắc phục bằng cách dùng lưỡi cắt có gắn hợp kim cứng hoặc lưỡi cắt gồm 2 lớp kim loại, lớp mặt sau cứng hơn lớp mặt trước.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Máy móc và thiết bị khai thác gỗ (sách dịch) - Nxb Lâm nghiệp Liên Xô.

Lời Tiến sĩ

Không nên chuyển các nhà khoa học sang làm quản lý.



PHẠM QUANG MINH

Quang Ngọc

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 1 - 3 - 1955.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 24B Tập thể Bộ Nông nghiệp Lê Gia Định - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên bộ môn Khoa học xây dựng, Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội.
Hiện là chuyên viên Ban Tài chính Kế toán, Cục Đường bộ Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
Chuyên ngành Thống kê xây dựng

Đề tài luận án

Phương pháp thống kê xác định năng lực sản xuất và phân tích trình độ sử dụng năng lực sản xuất trong các doanh nghiệp xây dựng.

Nội dung

Phân tích phương pháp (công thức) tính trị số năng lực sản xuất của các tổ chức xây dựng do nhiều tác giả trong và ngoài nước đưa ra. Kiến nghị phương pháp riêng của thống kê, xác định trị số năng lực sản xuất hàng năm của doanh nghiệp xây dựng, làm căn cứ lập kế hoạch sản lượng xây lắp hàng năm.
Luận án đề xuất hệ thống chỉ tiêu thống kê phân tích trình độ sử dụng năng lực sản xuất thực tế trong doanh nghiệp xây dựng, nhằm giúp nhà quản lý điều chỉnh, nâng cao hiệu quả sử dụng.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Xây dựng phương pháp mẫu xác định hiệu quả kinh tế vốn đầu tư trong giao thông vận tải (tham gia - cấp Bộ).
Xây dựng định mức chi thường xuyên cho hoạt động thu phí cầu đường, cước phà (chủ trì - cấp Cục).



PHẠM THỊ NGỌC MINH

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 14 - 6 - 1946.
Quê quán: Quang Trung - Kiến Xương - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 232 Lò Đúc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm I Hà Nội.
Cán bộ Ban Cải cách mẫu giáo Bộ Giáo dục.
Nghiên cứu sinh tại Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Hiện phụ trách phòng Giáo dục, Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục mầm non, Viện Khoa học Giáo dục.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988
Tại Viện Khoa học Giáo dục - Cộng hoà dân chủ Đức.
Chuyên ngành Giáo dục học mầm non.

Đề tài luận án

Giáo dục ý thức tập thể cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động vui chơi

Nội dung

Những nét nhân cách được hình thành ở lứa tuổi mẫu giáo và biện pháp để hình thành nét nhân cách đó.
Cốt lõi của nhân cách là ý thức tập thể bao hàm: sự nhận thức, tình cảm, niềm tin và quan hệ tập thể với cá nhân.
Những đặc điểm biểu hiện cụ thể:
Sự gắn bó với lớp.
Ý thức kỷ luật, tự giác.
Ý thức bảo vệ của công.
Biết xây dựng tình bạn tốt (biết nhường bạn, yêu bạn, xoá bỏ tính ích kỷ).
Hình thành lòng nhân ái.

Thành tựu khoa học

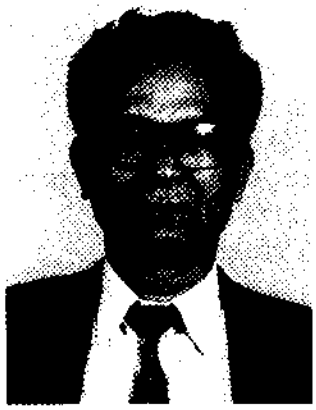
Đề tài nghiên cứu:
Một số kinh nghiệm giáo dục đạo đức cho trẻ.
Tìm hiểu đặc điểm chủ yếu của trẻ mẫu giáo.
Giáo dục tinh thần quốc tế cho trẻ 5-6 tuổi.
Nâng cao trình độ nhận thức về việc chăm sóc và giáo dục mầm non cho phụ nữ dân tộc Thái.
Đổi mới hình thức tổ chức giáo dục mầm non.
Sách đã xuất bản:
Bông hồng đỏ
Trò chơi dân gian.
Muốn bé ngoan chúng ta cần.
Chống béo phì cho trẻ mầm non.

Dự định khoa học

Viết sách về giáo dục mầm non.

Lời Tiến sĩ

Mong muốn nhiều người nghiên cứu về giáo dục nhân cách cho trẻ mầm non "Vì những nét nhân cách cơ bản của con người được hình thành ở lứa tuổi mầm non".



PHAN CAO MINH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 19 - 11 - 1945.
Quê quán: Thị xã Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: 74/2 Nguyễn Phúc Lai - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ kỹ thuật Nhà máy Bưu điện.
Cán bộ nghiên cứu Viện Khoa học kỹ thuật Bưu điện.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Kỹ thuật Sôphia, Bungari.
Cán bộ quản lý khoa học công nghệ, Trưởng ban Khoa học công nghệ và Công nghiệp, Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
Hội viên Hội Cổ truyền điện tử.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.
Tại Trường Đại học Kỹ thuật Sôphia - Bungari.
Ngành Khoa học kỹ thuật.
Chuyên ngành Điện tử - Viễn thông.

Đề tài luận án

Nghiên cứu khả năng làm việc của hệ thống 4 cực.

Nội dung

Xây dựng và giải các bài toán về độ tin cậy của hệ thống thiết bị điện tử (độ ổn định, khả năng làm việc) trên cơ sở áp dụng quy hoạch động, quy hoạch thực nghiệm và tối ưu hoá.

Thành tựu khoa học

Thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước thuộc chương trình 38-01, 48-07, 48D, 60E, KC01 v.v... và một số đề tài cấp Ngành.
Công trình khoa học đã ứng dụng:
Thiết kế tối ưu hệ thống stereo (Viện IPE - Bungari).
Giải nhì VIFOTEC - 1997.

Dự định khoa học

Phát triển mạng viễn thông Việt Nam theo hướng hiện đại toàn cầu.



PHAN THỊ NGUYỆT MINH

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 1 - 4 - 1942
Quê quán: Định Công - Thanh Trì - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay:
405, A16 Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Trưởng ban Trồng trọt phòng Nông nghiệp Lý Nhân - Hà Nam.
Trưởng Trạm Bảo vệ thực vật tỉnh Hà Nam Ninh.
Tổ trưởng bộ môn khoa Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp.
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội II.
Chuyên gia giáo dục tại Angiêri.
Giảng dạy tại khoa Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội II.
Tham gia hoạt động tại Viện Nghiên cứu hợp tác Khoa học kỹ thuật Châu Á Thái Bình Dương.
Thành viên Viện Nghiên cứu hợp tác Khoa học kỹ thuật Châu Á Thái Bình Dương.
Hội Khoa học kỹ thuật Bảo vệ thực vật Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987
Tại Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Ngành Nông nghiệp.
Chuyên ngành Bảo vệ thực vật

Đề tài luận án

Nghiên cứu đặc điểm chủ yếu của tập đoàn bệnh hại lúa và xây dựng thực nghiệm phương pháp tổng hợp phòng trừ chúng ở một số tỉnh phía Bắc Việt Nam.

Nội dung

Xác định được 50 loại bệnh hại trên lúa trồng ở đồng bằng sông Hồng và một số tỉnh Bắc Việt Nam: 33 loại bệnh do nấm, 2 loại do vi khuẩn, 2 loại do tuyến trùng, 1 loại do virút, 12 loại do các nguyên nhân khác.
Các yếu tố chính ảnh hưởng tới quá trình phát sinh phát triển gây hại của 1 số loại bệnh chính: thời tiết khí hậu, giống lúa, phân bón, đất đai, côn trùng, truyền bệnh, mật độ cấy.
Phân loại tập đoàn bệnh theo mức độ và quy luật gây hại, theo dõi diễn biến của nhóm bệnh gây hại chủ yếu: vàng lụi, đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lúa non, nghẹt rễ - chết mạ, đốm nâu, khô đầu lá.
Phát hiện sự liên kết và đối lập giữa các loại bệnh lúa chủ yếu.
Xây dựng mô hình tổng hợp bảo vệ lúa gồm: lấy năng suất cao làm mục tiêu, hệ sinh thái đồng ruộng là tiền đề, áp dụng quy trình phù hợp, quản lý quy trình chặt chẽ.
Thực hiện áp dụng quy trình trên một số giống lúa ở 3 tỉnh với giống lúa NN8, CR203, NN22 đã đạt năng suất cao hơn đối chứng từ 6 tạ - 10 tạ/ha các bệnh bạc lá, đạo ôn, khô vằn giảm từ 11-15%.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Quy luật diễn biến bệnh hại lúa vùng đồng bằng sông Hồng (cấp Trường).
Khả năng nhập nội, phát triển một số giống nho Pháp vào miền Bắc Việt Nam (cấp Bộ).
Thanh niên Nghệ An xây dựng trang trại ở vùng Thung Voi huyện Quỳ Hợp (Dự án do tổ chức Pháp ngữ tài trợ).
Xây dựng quy trình mở rộng điển hình sản xuất, khoa học kỹ thuật ra sản xuất đại trà ở tỉnh Lào Cai (cấp Bộ).
Sách đã xuất bản:
Côn trùng ở Nam Hà (đồng tác giả) - Nxb Khoa học kỹ thuật.
Từ điển bách khoa bảo vệ thực vật - Nxb Nông nghiệp.
Thanh niên với kinh tế trang trại - NxbThanh niên.

Dự định khoa học

Xây dựng các dự án phát triển kinh tế nông thôn, xoá đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường sinh thái.
Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp cho nông dân.
Tham gia xây dựng Hội Khoa học Bảo vệ thực vật Việt Nam.



TRẦN THỊ LIÊN MINH

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 04 - 7 - 1948.
Quê quán: Bạc Liêu.
Chỗ ở hiện nay: 63 An Điềm - Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng viên chính - Phó chủ nhiệm bộ môn Sinh lý học kiêm Trưởng phòng Đào tạo sau đại học Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Thành viên Hội Sinh lý học Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Sinh lý học

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu huyết động học cực thận trong suy thận cấp thực nghiệm.

Nội dung

Xây dựng mô hình suy thận cấp thực nghiệm bằng cách gây bế tắc cấp tính do thắt niệu quản một bên trong 24 giờ.
Góp phần tìm hiểu cơ chế bệnh sinh của suy thận cấp dưới thận qua các biến đổi về huyết động học và cấu trúc hình thái của thận. Qua nghiên cứu nhận thấy thắt niệu quản một bên trong 24 giờ, không chỉ gây biến động trong chức năng của thận mà còn gây tổn thương thực thể. Điều này gợi ý về sự cần thiết can thiệp kịp thời khi thận bị rối loạn chức năng do giảm dòng máu thận để tránh tổn thương thực thể chắc chắn xảy ra.

Thành tựu khoa học

Chủ trì, tham gia 25 công trình nghiên cứu khoa học cấp Cơ sở, 01 đề tài cấp Bộ và cấp Nhà nước.
Tham gia viết *Sinh lý học y khoa* tập 1, 2 và các chuyên đề giảng dạy sau đại học chuyên ngành Sinh lý học.
Huy chương Vì sự nghiệp sức khoẻ nhân dân.
Vì sự nghiệp giáo dục.
Nhà giáo ưu tú.

Dự định khoa học

Giảng dạy và nghiên cứu sinh lý học.



TRẦN VĂN MINH

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 15 - 1 - 1952
Quê quán:
Quảng Thuận - Quảng Trạch - Quảng Bình
Chỗ ở hiện nay:
14B Nguyễn Cư Trinh - thành phố Huế.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Nông nghiệp II Hà Bắc.
Thực tập sinh tại Trường Đại học Nông nghiệp Khác cốp.
Giảng viên, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Đại học Nông nghiệp II Huế.
Phó hiệu trưởng, Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Huế
Được phong Phó Giáo sư 1996.
Thành viên Hội Giống cây trồng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Chuyên ngành Chọn giống và nhân giống cây trồng.

Đề tài luận án

Nghiên cứu khả năng sử dụng các giống ngô trong tập đoàn công tác ở Bình Trị Thiên.

Nội dung

Định hướng nhập nội và di thực các giống, phát hiện kịp thời và sử dụng những giống tốt phục vụ sản xuất, làm vật liệu chọn tạo giống mới góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất ngô trong vùng.

Nghiên cứu 70 giống ngô từ nhiều nguồn khác nhau (30 giống địa phương, 20 giống nhập nội, 20 giống chọn tạo ở Việt Nam) xây dựng thành lập đoàn giống ngô. Đã xác định được 10 giống có triển vọng làm vật liệu lai tạo, chọn lọc được giống HN2 có năng suất khá cao, phẩm chất tốt, chịu hạn tốt. Kết quả nghiên cứu đã đặt cơ sở khoa học và thực tiễn để nhập nội và di thực các giống ngô vào miền Trung.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Chọn tạo giống ngô lai số 3 (tham gia - cấp Bộ).
Chọn tạo và nhân giống ngô lai HN_2 (chủ trì - cấp Bộ).
Chọn tạo và khu vực hoá giống ngô cho miền Trung (chủ trì - cấp Bộ).
Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy cho sinh viên nông nghiệp (tham gia - cấp Bộ).
Chọn tạo giống ngô (tham gia - cấp Nhà nước).
Các biện pháp kỹ thuật thâm canh ngô (tham gia - cấp Nhà nước).
Thu thập, bảo tồn và nghiên cứu sử dụng quỹ gen cây trồng ở miền Trung (chủ trì - cấp Bộ).
Quản lý nguồn lợi sinh học phá Tam Giang (tham gia - dự án).
Bảo tồn quỹ gen cây lúa vùng khó khăn ở Thừa Thiên Huế (chủ trì dự án).
Điều tra tình hình đất và cây trồng sau đại hồng thuỷ ở Thừa Thiên Huế (chủ trì - cấp Bộ).
Sách đã xuất bản:
Giáo trình chọn giống cây trồng (đồng biên soạn). - Nxb Nông nghiệp.
Sổ tay ngành trồng trọt (chủ biên).
Sổ tay phương pháp nghiên cứu khoa học ngành nông nghiệp (đồng biên soạn).
Nhiều giáo trình chọn tạo giống cây trồng cho đại học và cao học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chọn tạo giống ngô cho miền Trung.
Viết giáo trình sách tham khảo về chọn tạo giống.
Giảng dạy đại học.

Lời Tiến sĩ

Dạy học và nghiên cứu khoa học là niềm vui và lẽ sống của tôi, sự hưng thịnh của đất nước và gia đình có liên quan chặt chẽ tới trình độ kiến thức, trình độ khoa học và tính nhân văn của mỗi thành viên trong đất nước và gia đình đó.



NGUYỄN MỘNG

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 1 - 11 - 1938.
Quê quán: Thuận Thành - Phổ Yên - Thái Nguyên.
Chỗ ở hiện nay: 102, nhà I7 Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Nông Lâm Hà Nội.
Công tác tại Sở Nông nghiệp khu Việt Bắc
Nghiên cứu sinh tại Rumani.
Công tác tại Ban Nông lâm khu Việt Bắc.
Trưởng phòng Giáo vụ Trường Đại học Nông nghiệp III Bắc Thái.
Phó trưởng đoàn chuyên gia Việt Nam tại Campuchia.
Quyền Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm giống cây trồng, Ủy viên Thường trực Hội đồng giống cây trồng, Bộ Nông nghiệp.
Chuyên gia giáo dục tại Trường Đại học Tổng hợp Batna được Bộ Giáo dục bạn phong hàm Giáo sư.
Chuyên gia Tổ chức Lương nông quốc tế (F.A.O) tại Ruanda.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1974
Tại Trường Đại học Nông nghiệp Nicolae - Bălcescu Rumani.
Ngành Nông nghiệp
Chuyên ngành Di truyền

Đề tài luận án

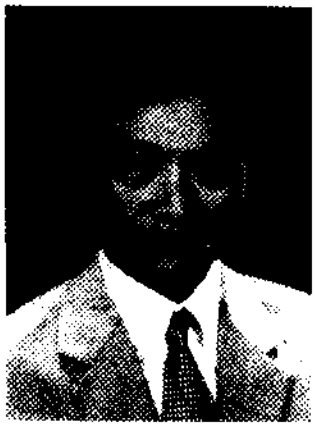
Nghiên cứu tính di truyền về khả năng chống bệnh Fusarium của ngô.

Nội dung

Sử dụng 10 dòng thuần có khả năng chống chịu khác nhau, từ đó tạo ra 18 cặp lai ở thế hệ F1 và F2. Từ F1 lai lại với bố (P1) hoặc mẹ (P2) tạo ra các cặp lai F1 x P1 và F1 x P2 là các dòng thuần có sức chịu đựng khác nhau: đề kháng cao, trung bình hoặc mẫn cảm.
Nấm bệnh được sử dụng: Fusarium Roseumf Gramineanus.
Nấm được gây nhiễm vào thân và trên đầu bắp là hai nơi nấm thường gây hại. Khi thu hoạch bệnh được đánh giá theo thang điểm cho sẵn nhằm xác định mức độ gây hại.
Kết luận:
Ở thế hệ F1 và F2 có sức chịu đựng cao hơn so với các dòng thuần tạo ra chúng - nhất là ở các trường hợp lây nhiễm bắp.
Một dòng thuần có sức chịu đựng cao sẽ không đảm bảo giống lai cũng cho kết quả tương tự.
Sự lây nhiễm ở bắp thì vai trò đóng góp lớn nhất về phương diện di truyền là dd và ad rồi mới đến vai trò của d.
Còn lây nhiễm ở thân thì vai trò di truyền tương tác là ad và dd.
Cần dựa vào các kết quả thực tế qua thử nghiệm để chọn ra những giống lai phù hợp.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Tăng vụ miền núi (viết chung).
Tăng năng suất lúa mùa miền núi.
Tăng năng suất ngô miền núi - Nxb Nông thôn.
Lúa đông xuân miền núi - Nxb Việt Bắc.



LÊ VĂN MỘT

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 16 - 4 - 1952.
Quê quán: Đức Minh - Mộ Đức - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 112 - B20 Tập thể Kim Liên - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa Vacxava - Ba Lan.
Nghiên cứu viên Viện Kỹ thuật không quân Bộ Quốc phòng.
Nghiên cứu sinh - Học viện VAAZ Tiệp Khắc.
Giảng viên Học viện Không quân Bộ Quốc phòng.
Hội viên Hội Cơ học chất lỏng thuỷ khí
Hội Cơ học Việt Nam
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.
Nhà giáo ưu tú năm 2000.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Học viện VAAZ Tiệp Khắc cũ
Chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy

Đề tài luận án

Góp phần xác định các tham số chẩn đoán cho động cơ hàng không 2 nôtô.

Nội dung

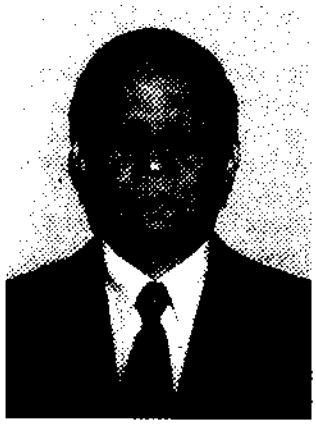
Luận án đã chọn lý thuyết thông tin để xác định tập tham số tối ưu của động cơ bằng cách giải quyết tổng hợp các bài toán có liên quan.
Tính toán đặc tính máy nén bằng phương pháp số.
Tính chế độ ổn lập của động cơ bằng phương pháp số.
Tính đặc tính động cơ bằng phương pháp số dựa trên kết quả tính chế độ ổn lập của động cơ.
Kiểm chứng kết quả tính toán đặc tính động cơ với kết quả đo thử nghiệm các tham số của động cơ trên dàn thử.
So sánh kết quả tính toán và thử nghiệm cho thấy sai số khá nhỏ.
Tính hệ số ảnh hưởng của các tham số động cơ bằng phương pháp sai lệch nhỏ dựa trên đặc tính động cơ.
Tính lượng thông tin chứa trong các tham số động cơ bằng lý thuyết thông tin và chọn tham số tối ưu để chẩn đoán trạng thái kỹ thuật động cơ.

Thành tựu khoa học

Đề tài cấp Viện:
Nghiên cứu khả năng cải tiến dàn thử động cơ chiến lợi phẩm dùng cho máy bay XHCN.
Hoàn thiện quy trình thử nghiệm chất lượng động cơ J 85-GE-21 của máy bay F-5E.
Nghiên cứu kéo dài tuổi thọ thiết bị thuỷ lực hàng không trong điều kiện Việt Nam.
Cải tiến giá bom máy bay CY-22 của Liên Xô để mang bom Mỹ.
Nghiên cứu vật liệu phi kim loại dùng trên máy bay phản lực trong điều kiện Việt Nam.
Cấp Trường:
Thiết lập đặc tính vòng quay của động cơ P25-300.
Xây dựng đặc tính máy nén động cơ.
Nghiên cứu sử dụng động cơ P25-300 theo trạng thái kỹ thuật.
Xây dựng cơ sở lý thuyết xác định nguyên nhân quá nhiệt của động cơ Al-25TL, đề xuất các biện pháp phòng ngừa.
Nghiên cứu sử dụng động cơ T53-L13 theo trạng thái kỹ thuật.
Chủ biên giáo trình:
Lý thuyết động cơ hàng không, tập I,II.
Kết cấu và độ bền động cơ hàng không, tập I,II.
Phần tử tự động (tham gia)
Học viện Phòng không - không quân.
Nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã công bố ở các tạp chí và hội thảo.

Dự định khoa học

Giảng dạy đại học, trên đại học.
Biên soạn giáo trình, tài liệu chuyên ngành.



LÃ ĐÌNH MỚI

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 06 - 3 - 1939
Quê quán: Yên Tiến - Ý Yên - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 19 ngõ 5 Hoàng Tích Trí - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ ban Sinh vật địa học - Uỷ ban Khoa học Nhà nước.
Nghiên cứu sinh Viện Thực vật Kômarốp - Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô cũ.
Tổ trưởng tổ Thực vật đại cương - Viện Khoa học Tự nhiên - Uỷ ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước.
Trưởng phòng Tài nguyên thực vật. Viện Sinh vật học.
Trung tâm Sinh thái và Tài nguyên sinh vật - Viện Khoa học Việt Nam.
Hiện là cán bộ nghiên cứu phòng Tài nguyên thực vật - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.
Hội viên Hội Thực vật học Tổng Hội Sinh học Việt Nam Hội Lâm nghiệp Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1970
Tại Viện Thực vật Kômarốp - Viện Hàn Lâm Khoa học Liên Xô cũ.
Ngành Sinh học
Chuyên ngành Thực vật học

Đề tài luận án

Nghiên cứu sự đa dạng trong loài và ý nghĩa kinh tế của cây hạnh nhân (Amygdalus bucharica korsh) tại nước Cộng hoà Tatghikixtan.

Nội dung

Đa dạng về đặc điểm hình thái, sinh thái, sinh trưởng, phát triển, hàm lượng chất lượng dầu trong hạt ở loài hạnh nhân trong mối quan hệ với các loài gần gũi của chi Amygdalus cùng các yếu tố sinh thái.
Động thái của trữ, sản lượng hạt ở loài hạnh nhân tại một số khu vực sinh thái thuộc vùng núi Pamia.
Giá trị sử dụng triển vọng của loài hạnh nhân tại Tatghikixtan và các nước vùng Trung Á thuộc Liên Xô cũ.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm một số đề tài, đề mục.
Cấp Nhà nước:
Điều tra nghiên cứu cây có dầu béo ở miền Bắc Việt Nam.
Nghiên cứu cây quả đen.
Điều tra tài nguyên thực vật trong chương trình Tây Nguyên I.
Đa dạng sinh học ở một số cây tinh dầu và cây thuốc...
Cấp Trung tâm: Nghiên cứu một số cây có chứa các hoạt chất sinh học.
Nghiên cứu các cơ sở khoa học khai thác, phát triển, bảo vệ và sử dụng lâu bền ở loài bình vôi tại Việt Nam.
Trên 70 bài báo khoa học đã công bố ở các tạp chí, tuyển tập kỷ yếu hội nghị khoa học trong và ngoài nước.
Biên soạn và giới thiệu nhiều cây tài nguyên có giá trị ở Việt Nam và Đông Nam Á.
Chủ biên giáo trình sau đại học *Tài nguyên thực vật.*
Chủ biên chuyên khảo *Tài nguyên thực vật có tinh dầu ở Việt Nam,* 2 tập.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu đa dạng thực vật có giá trị kinh tế ở Việt Nam.
Biên soạn tài liệu và tài nguyên thực vật Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Nguồn tài nguyên thực vật mà thiên nhiên đã dành cho đất nước ta vô cùng to lớn và quý báu. Đây là môi trường sống, là thức ăn, nguồn thuốc chữa bệnh, nguồn nguyên liệu... Tiếc rằng nguồn tài nguyên này đang bị mai một nghiêm trọng do sự vô ý thức và thiếu hiểu biết của chúng ta. Bảo vệ, phát triển lâu bền nguồn tài nguyên này là công việc trọng đại của toàn xã hội.



NGUYỄN THỊ MÙI

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 6 - 3 - 1955.
Quê quán: Ngọc Thụy - Gia Lâm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học Sư phạm - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy khoa Tâm lý giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Tâm lý giáo dục Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Tâm lý học

Đề tài luận án

Nghiên cứu kỹ năng sử dụng mô hình trong giải bài tập toán có lời văn của học sinh lớp 3.

Nội dung

Ở học sinh lớp 3, chất lượng giải toán có lời văn, đặc biệt các bài toán cần sự hỗ trợ của mô hình còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân chính do các em chưa có kỹ năng sử dụng mô hình. Trong giải toán có lời văn, việc tóm tắt bài toán bằng sơ đồ (hiện nay các em vẫn làm) khi bài không gắn bó hữu cơ với việc phân tích đầu bài và tìm kiếm kế hoạch giải toán.
Những nguyên nhân khác như: cấu trúc các dạng bài tập của chương trình môn học, phương pháp giảng dạy của giáo viên, tâm thế thói quen của học sinh được hình thành trong quá trình học môn toán.
Xây dựng một chương trình bổ trợ để nâng cao kỹ năng sử dụng mô hình và chất lượng giải toán có lời văn của học sinh, khắc phục một số tâm thế tiêu cực nảy sinh trong quá trình này.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Một số đặc điểm tâm sinh lý của thanh niên học sinh Việt Nam từ 1985 - 1987.
Chính sách tuyển chọn, bồi dưỡng và sử dụng tài năng trẻ ở Hà Nội (cấp Thành phố).
Tiềm năng trí tuệ của thế hệ trẻ Việt Nam bước vào thế kỷ 21 và phương hướng bồi dưỡng (cấp Đại học Quốc gia).
Thực trạng tổ chức bộ máy Ủy ban nhân dân các cấp và phương hướng hoàn thiện.
Đặc điểm trí tuệ và nhân cách trẻ em trong các gia đình có quy mô khác nhau (cấp Bộ).
Đánh giá hiệu quả lồng ghép chương trình dân số vào chương trình xoá đói giảm nghèo (cấp Thành phố).
Đánh giá mô hình dân số cấp thôn của các xã ngoại thành Hà Nội (cấp Thành phố).
Sách đã xuất bản:
Các dạng khái quát hoá trong dạy học (sách dịch - đồng tác giả - Nxb Đại học Quốc gia).
Tâm lý học hoạt động và khả năng ứng dụng vào lĩnh vực dạy học (đồng tác giả) - Nxb Đại học Quốc gia.

Dự định khoa học

Nghiên cứu đổi mới giảng dạy tâm lý học trong trường đại học sư phạm.
Nghiên cứu giáo dục phổ thông phục vụ đào tạo nguồn nhân lực.



LÊ MỰC

Tiến sĩ Địa lý

Sinh ngày: 1 - 2 - 1934.
Quê quán: Phổ Văn - Đức Phổ - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 259 B15 Nguyễn Trãi - Quận I - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học và nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Nam Kinh Trung Quốc.
Công tác tại Nha khí tượng.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Matxcơva Liên Xô cũ.
Dự báo viên tại Nha khí tượng.
Công tác tại Đài Khí tượng thuỷ văn khu vực Nam Bộ.
Hội viên Hội Địa lý - Địa chất thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972
Tại Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Lômônôxốp Matxcơva Liên Xô cũ.
Ngành Địa lý
Chuyên ngành Khí tượng thuỷ văn

Đề tài luận án

Xoáy thuận nhiệt đới trên bán đảo Đông Dương và các vùng biển tiếp giáp với nó.

Nội dung

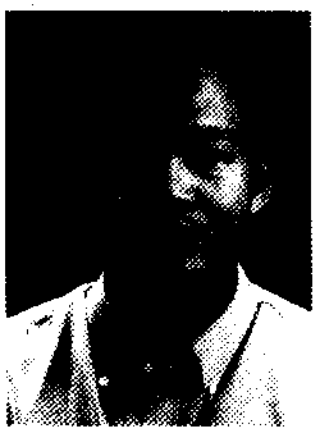
Xoáy thuận nhiệt đới hoạt động ở biển Đông chủ yếu xuất hiện từ tháng 7 đến tháng 11 (chiếm 80%) tổng số xoáy thuận nhiệt đới cả năm, còn xoáy thuận nhiệt đới hoạt động ở Vịnh Bangan chủ yếu xuất hiện vào trước và sau thời kỳ gió mùa hè khống chế khu vực Châu Á và Đông Nam Á.
Xoáy thuận nhiệt đới hoạt động trong khu vực này phần lớn xuất hiện trong dải hội tụ nhiệt đới và khu vực phân kỳ của rãnh trên cao.
Dự báo sự di chuyển của xoáy thuận nhiệt đới ở khu vực này là dựa vào sự biến đổi của áp cao phó nhiệt đới (Tây Thái Bình Dương và cao nguyên Tây Tạng) cả về vị trí, cường độ của chúng và sự biến đổi của rãnh gió ở khu vực vĩ độ trung bình.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Dự báo gió chướng.
Gió mạnh trên vùng biển phía Nam Biển Đông.
Các tình thế thời tiết gây mưa liên quan đến vấn đề thoát nước ô nhiễm môi trường trên đại bàn thành phố Hồ Chí Minh.
Đặc điểm khí hậu tỉnh Tây Ninh.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, giảng dạy khí tượng, thời tiết - khí hậu và môi trường.



HOÀNG TIẾN MỸ

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 16 - 5 - 1958.
Quê quán: Hà Bắc.
Chỗ ở hiện nay: 333 Nguyễn Thiện Thuật - phường 1 - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Bác sĩ phó trợ lý, bộ môn Vi sinh.
Bác sĩ chuyên khoa 1.
Giảng viên.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là giảng viên, kiêm Phó trưởng phòng Sau đại học Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998
Tại Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Vi sinh y học

Đề tài luận án

Khảo sát các vi khuẩn thường gây tiêu chảy cấp ở mọi lứa tuổi và tính kháng thuốc (tại Trung tâm bệnh nhiệt đới thành phố Hồ Chí Minh).

Nội dung

Trong số các vi khuẩn gây bệnh tiêu chảy cấp được phân lập từ 1776 bệnh nhân bị tiêu chảy cấp nhập viện tại Trung tâm Bệnh nhiệt đới thành phố Hồ Chí Minh từ 7/1992 đến 6/1994 thì E.coli chiếm tỷ lệ cao nhất (28,94%), kế đến là Shigella spp. (10,92%), Vibrio (6,03%), C.jejuni (2,31%), Aeromonas spp (2,05%), Salmonella (0,73%) và Y.enterocolitica (0%). Trong đó các loại vi khuẩn mới được đề cập đến nhiều như: ETEC, EIEC, VTEC, C.Jejuni và Aeromonas spp.
Bệnh tiêu chảy cấp xảy ra quanh năm, tập trung cao vào tháng 5,6, lứa tuổi (0-5 tuổi) hay bị tiêu chảy cấp do vi khuẩn, chiếm tỷ lệ 64,70%. Ngoài nhiễm khuẩn đơn thuần, có nhiều trường hợp nhiễm khuẩn phối hợp do 2, 3 đến 4 loại vi khuẩn. Hầu hết kháng nhiều loại kháng sinh thông thường, loại kháng sinh đề nghị lựa chọn là Nalidixic acid. Còn các Fluoroquino lones như Norfloxacin, Pefloxacin là kháng sinh dự trữ trong trường hợp vi khuẩn kháng với Nalidixic acid.

Thành tựu khoa học

Công trình nghiên cứu:
Khảo sát vai trò của Shigella trong tiêu chảy cấp và tình hình kháng thuốc tại thành phố Hồ Chí Minh.
Khảo sát vai trò tiêu chảy của các loại vi khuẩn ở những lứa tuổi khác nhau tại thành phố Hồ Chí Minh.
Khảo sát tình hình kháng thuốc của một số vi khuẩn thường gặp trong tiêu chảy cấp tại thành phố Hồ Chí Minh.
Khảo sát vai trò của Aeromonas trong bệnh tiêu chảy cấp và tính kháng kháng sinh.

Dự định khoa học

Nghiên cứu vi khuẩn, tiêu chảy cấp, cầu khuẩn gây bệnh và một số virút...



NGUYỄN HUY MỸ

Nguyễn Vĩnh Trường

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 10 - 8 - 1949.
Quê quán: Trường Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay:
25A/10 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Năng lượng Matxcơva.
Công tác tại Ban Điều khiển Ủy ban Khoa học kỹ thuật, sau là Viện Khoa học tính toán và điều khiển.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Năng lượng Matxcơva.
Thư ký chương trình nhà nước về Tự động hoá.
Hiện là trưởng phòng Thí nghiệm Viện Các vấn đề điều khiển, Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga.
Thực tập sinh cao cấp Trường Đại học Năng lượng Matxcơva.
Viện sỹ Viện Hàn lâm Tin học quốc tế và Viện Hàn lâm Khoa học tự nhiên Liên bang Nga.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983
Tiến sĩ Khoa học năm 1997
Tại Trường Đại học Năng Lượng Matxcơva, Liên bang Nga.

Chuyên ngành Tin học trong hệ thống kỹ thuật.

Đề tài luận án

Xây dựng các phương pháp điều khiển các hệ thống kỹ thuật phức tạp.

Nội dung

Luận án gồm 6 chương về xác định đặc tính động học (2 chương), thuật toán điều khiển (2 chương) hệ thống kỹ thuật phức tạp, thư viện chương trình (1 chương) và phần ứng dụng cho các hệ thống cụ thể.

Thành tựu khoa học

Tác giả và đồng tác giả của hơn 60 công trình nghiên cứu khoa học đã công bố ở nhiều nước.

Dự định khoa học

Đào tạo cán bộ khoa học chuyên ngành.



NGUYỄN QUANG MỸ

Nguyễn Trung Thành

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 20 - 12 - 1939
Quê quán: Ba Đồn - Quảng Trạch - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: B5 P212 Vĩnh Hồ - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Địa lý Trường Đại học Tổng hợp Lômônôxốp Matxcơva Liên Xô cũ; Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội; Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp Lêningrat; Chủ nhiệm khoa Địa lý - Địa chất, Chủ nhiệm bộ môn Địa mạo Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội; Thực tập sinh cao cấp tại Trường Đại học Tổng hợp Lômônôxốp Matxcơva; Chủ nhiệm khoa Địa lý Trường Đại học Khoa học tự nhiên.
Chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam; Chủ tịch Hội Hang động Việt Nam.
Được phong Phó Giáo sư.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972.
Tiến sĩ khoa học năm 1991.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Lômônôxốp, Matxcơva, Liên Bang Nga.
Ngành Địa lý
Chuyên ngành Địa mạo

Đề tài luận án

Lịch sử phát triển địa hình miền núi lấy ví dụ ở Kapcazơ - Crưmê
Việt Nam.

Luận án Tiến sĩ Khoa học

Nghiên cứu xói mòn đất hiện đại ở Việt Nam.

Nội dung

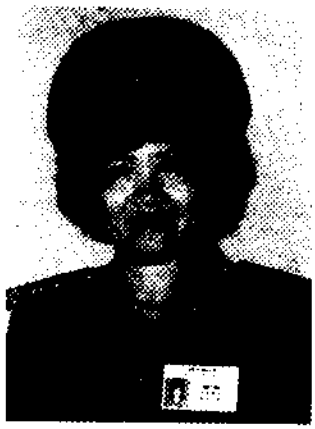
Việt Nam có 2 mùa rõ rệt mùa khô và mùa mưa, lượng mưa trung bình từ 1500 - 2000mm/năm ở các trung tâm mưa như: Bắc Quang, Móng Cái, Kỳ Anh, Huế, Trà Mi... lượng mưa đạt tới 3500 - 4000 mm/năm. Do mùa mưa chiếm 90% lượng mưa, vì vậy xói mòn do mưa ở Việt Nam đạt tới mức kỷ lục từ 100 - 500 tấn/ha/năm. Xói mòn đất không chỉ mang theo một lượng đất khổng lồ ra sông biển mà còn kéo theo hàm lượng chất dinh dưỡng trong đất như NPK và các yếu tố hoá học đất kali, canxi, sắt, nhôm v.v... Ảnh hưởng lớn đến năng suất cây trồng và dẫn đến nhiều tai biến thiên nhiên như: trượt lở, lũ đá, lũ bùn đá, trượt đất, lũ quét, lũ ống, ngập lụt thường xuyên xảy ra. Thế giới đã kêu gọi phải bảo vệ rừng, trồng rừng, tái tạo rừng, để ngăn dòng chảy giảm cường độ xói mòn đất, hạn chế đến mức tối đa các tác hại của xói mòn đất.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài:
Nghiên cứu xói mòn đất Tây Nguyên (cấp Nhà nước); Nghiên cứu xói mòn đất trung du (cấp Nhà nước); Chống xói mòn trên đất khai hoang phục hoá (cấp Nhà nước); Thành lập bản đồ địa mạo Lạng Sơn (cấp Tổng cục); Quy hoạch đô thị trên đập thuỷ điện Hoà Bình (cấp Bộ).
Quy hoạch nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng (cấp Bộ); Nghiên cứu hệ sinh thái cà phê Đắc Lắc (cấp Tỉnh - tham gia); Thành lập bản đồ địa mạo Việt Nam, tỷ lệ 1: 1.000.000 (cấp Bộ); Nghiên cứu cảnh quan địa hình karst phục vụ du lịch (cấp Nhà nước); Đánh giá hiện trạng sử dụng đất theo quan điểm sinh thái môi trường (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu và đánh giá hiện trạng các đảo Tây Nam (cấp Nhà nước).
Khái quát về karst Việt Nam.
Tổ chức lãnh thổ dải ven biển khu vực trọng điểm miền Trung.
Đánh giá dự báo các quá trình tai biến thiên nhiên và môi trường miền núi Tây Bắc Việt Nam; Từ điển địa danh biên giới tỉnh Tây Ninh.
Bước đầu nghiên cứu những tư liệu mới địa danh một số đảo ven bờ.
Quy hoạch tổng thể huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.
Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội huyện đảo Cô tô tỉnh Quảng Ninh.
Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh; Tai biến thiên nhiên và môi trường địa mạo đới đứt gãy sông Hồng.
Sách và giáo trình đã xuất bản:
Địa mạo đại cương 3 tập; *Địa mạo đại cương* toàn tập; *Địa mạo động lực* (quá trình sườn); *Cơ sở bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.*
Tuyển tập báo cáo khoa học của chương trình Tây Nguyên năm 1976 - 1981 (tham gia); *Atlát tài nguyên thiên nhiên, kinh tế, xã hội tỉnh Đắc Lắc* (chủ biên); *Hệ sinh thái cà phê Đắc Lắc* (tham gia).
Việt Nam những vấn đề tài nguyên thiên nhiên và môi trường (tham gia); *Địa chất Campuchia - Lào - Việt Nam* (tham gia); *Atlát hang động Việt Nam* (chủ biên); Nhiều bài báo và báo cáo khoa học đã công bố ở trong và ngoài nước; Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huân chương lao động hạng ba.
Bằng lao động sáng tạo
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp địa chất.
Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về tai biến thiên nhiên ở Việt Nam.
Đề xuất phương án chống xói mòn.
Nghiên cứu đo vẽ hang động Việt Nam.



ĐỖ THỊ NA

Đỗ Y Na

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 28-11-1948.
Quê quán: Tin Đôn - Liêm Túc - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 13 tổ 8 tập thể 361 Yên Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Bác sĩ Trường Đại học An ninh - Bộ Công an.
Bác sĩ khoa Nội tổng hợp - Bệnh viện 19-8.
Thực tập sinh tại CHDC Đức cũ.
Phó chủ nhiệm khoa Nội tổng hợp.
Chủ nhiệm khoa Nội tim thận khớp Bệnh viện 19-8.
Hiện là Phó giám đốc Bệnh viện 19-8 Bộ Công an.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Tim mạch học Việt Nam.
Hội viên Hội Nội khoa và Hội Thấp khớp học Việt Nam.
Ủy viên Hội đồng khoa học Bệnh viện 19-8.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Học viện Quân y - Bộ Quốc phòng.
Chuyên ngành Bệnh học nội khoa.

Đề tài luận án

Nghiên cứu sự biến đổi huyết áp trong tiến trình làm nghiệm pháp gắng sức ở nam giới bị tăng huyết áp.

Nội dung

Nghiên cứu đã khảo sát sự biến đổi huyết áp trong tiến trình làm nghiệm pháp gắng sức bằng xe đạp lực kế Medicor-K12 với một quy trình thống nhất cho 69 người huyết áp bình thường và 141 người bị tăng huyết áp mức độ nhẹ đến vừa.
Kết quả:
Huyết áp tăng tương quan với cường độ gắng sức. Trung bình huyết áp tâm thu (HATT) tăng từ 48,53 ± 17,48 và huyết tâm trương (HATTr) tăng từ 11,86 ± 10,74 mmHg. HATT biến đổi nhiều hơn HATTr. Huyết áp biến đổi nhiều ở 1-3 phút đầu gắng sức, sau biến đổi ít hơn, và trở về trạng thái ban đầu trung bình sau 3-5 phút ngừng gắng sức.
Mức tăng huyết áp theo tuổi: ở nhóm THA nhẹ (140/85 mmHg ≤ HA ≤ 160/90 mmHg) sự biến đổi huyết áp nhiều hơn so với người huyết áp bình thường và nhóm THA vừa (160/90 mmHg ≤ HA ≤ 180/100 mmHg). Ở người THA cao tuổi (50-59 tuổi) biến động HATTr rõ hơn biến động của HATT.
25% đối tượng nghiên cứu có đáp ứng bất thường về huyết áp bao gồm:
HATT & HATTr tăng quá mức so với giá trị bình thường của nghiên cứu (12,8%).
Huyết áp giảm hoặc không tăng được khi gắng sức (10%).
HATT hồi phục chậm sau khi ngừng gắng sức (2,3%).
Test gắng sức có giá trị đánh giá và tiên lượng tình trạng tim mạch của mọi đối tượng, đặc biệt với người THA.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Nghiên cứu biến đổi điện tâm đồ trong hội chứng hạ Kali huyết chu kỳ (Hội chứng Wesfall).
Điều tra dịch tễ học bệnh THA trong lực lượng CANN (tham gia - cấp Bộ).
Nhận xét tình hình bệnh tim mạch 10 năm (1980 - 1990) ở Bệnh viện 19-8.
Đánh giá chức năng thất trái bằng siêu âm gắng sức.
Đánh giá chức năng tâm trương thất trái ở người THA bằng siêu âm Doppler (cấp Bộ).
Một số báo cáo khoa học đã công bố
Tham gia giảng dạy chuyên ngành, hướng dẫn luận văn thạc sĩ.
Sách đã xuất bản:
Một số hình ảnh điện tâm đồ trong lâm sàng.
Y dược thực hành (tham gia - Nxb Y học).
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
Vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ.
Vì an ninh tổ quốc.
Vì thế hệ trẻ.
Được phong Thầy thuốc ưu tú năm 1999.



ĐẶNG GIA NẢI

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 17 - 7 - 1948.
Quê quán: Hải Trạch - Bố Trạch - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: 1252 đường Láng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu.
Phó phòng Cầu hầm.
Trưởng phòng Cầu hầm.
Phó Viện trưởng - Viện Khoa học công nghệ giao thông vận tải.
Uỷ viên:
Ban chấp hành Hội Cầu đường Việt Nam.
Hội đồng Khoa học công nghệ - Bộ Giao thông vận tải.
Hội đồng nghiệm thu Nhà nước.
Hội đồng chấm luận án tiến sĩ.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1976
Tại Đại học giao thông Dresden CHDC Đức cũ.
Ngành Cầu
Chuyên ngành Cầu bê tông cốt thép dự ứng lực. (BTCTDƯT)

Đề tài luận án

Tính toán kết cấu dầm cong bê tông cốt thép dự ứng lực.

Nội dung

Tác giả đã vận dụng phương pháp tính toán ma trận chuyển tiếp với nguyên lý đường cong đàn hồi trong cơ học kết cấu để thiết lập thuật toán giải phù hợp với bài toán dự ứng lực trong thanh cong với giả thiết các bó thép dự ứng lực tác động lên bê tông tạo thành các lực nén hướng tâm và được xem là những "ngoại lực". Xác định các loại đường ảnh hưởng theo tải trọng đơn vị khác nhau, thông qua hệ thống phần mềm Geschieb xác định được nội lực sinh ra của bó thép dự ứng lực.
Luận án cũng đã chỉ ra mốc giới hạn độ cong của dầm đối với từng loại khẩu độ nhịp.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước:
Tự động hoá thiết kế dầm BTCT DƯL
Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới trong xây dựng cầu BTCT DƯL nhịp lớn.
Cấp Bộ:
Thiết kế kỹ thuật, công nghệ thi công các loại cầu nhỏ, bảo đảm vừa thi công vừa chạy xe.
Xác định khả năng chịu mỏi còn lại của cầu Long Biên (Hà Nội).
Quy trình thi công và nghiệm thu dầm cầu BTCT DƯL (tiêu chuẩn ngành).
Công nghệ kích nâng dầm thay gối cầu bảo đảm đồng thời vừa thi công, vừa thông xe.
Áp dụng công nghệ đẩy dàn giáo trong xây dựng cầu BTCT DƯL nhịp lớn.
Quy trình thi công và nghiệm thu dầm cầu BTCT DƯL bằng công nghệ đúc đẩy (tiêu chuẩn ngành).
Chủ nhiệm nhiều dự án thiết kế thi công, sửa chữa cầu bê tông dự ứng lực và một số công trình giao thông quan trọng.
Sách đã xuất bản:
Xây dựng cầu BTCT DƯL bằng công nghệ đúc đẩy.
- Nxb Giao thông vận tải.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ môi trường.
Vì sự nghiệp giao thông vận tải.
Bằng khen của Chính phủ.
Huân chương lao động hạng ba.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, giảng dạy và viết sách về công nghệ giao thông vận tải, xây dựng cầu bê tông cốt thép dự ứng lực.



ĐẶNG QUỐC NAM

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 8 - 1 - 1951.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 30 Phủ Đổng Thiên Vương - - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Hoá Công nghệ - Praha - Cộng hoà Séc.
Hiện là Phó trưởng phòng Phương tiện bảo vệ cá nhân, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động.
Hội viên Hội An toàn và vệ sinh lao động Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Đại học Hoá Công nghệ - Praha - Cộng hoà Séc.
Ngành Hoá học
Chuyên ngành Hoá phân tích.

Đề tài luận án

Xác định nồng độ vết những kim loại nặng trong các thành phần môi trường sống bằng phương pháp Von-Ampe hoà tan xung vi phân.

Nội dung

Xác định nồng độ vết của chì (Pb) và Cadmi (Cd) trong môi trường không khí. Luận án đã giải quyết các vấn đề về lấy mẫu, xử lý mẫu và điều kiện phân tích nồng độ vết của Pd và Cd để lựa chọn điều kiện phân tích, sử dụng phương pháp quy hoạch thực nghiệm trong việc xem xét ảnh hưởng của các yếu tố tới kết quả phân tích. Kết quả nghiên cứu của luận án đã và đang được áp dụng trong thực tế.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài:
Bước đầu nghiên cứu kính lọc tia tử ngoại và hồng ngoại cho công nhân hàn điện, hàn hơi (cấp cơ sở).
Nghiên cứu xây dựng hệ thống đánh giá khả năng sử dụng mặt nạ lọc độc và khả năng chế tạo xúc tác lọc khí oxýt các bon (cấp cơ sở).
Xây dựng hệ thống hoàn chỉnh đánh giá mặt nạ lọc hơi, khí độc (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu đưa vào ứng dụng quy trình xử lý hoá chất bảo vệ thực vật trong nước thải của các cơ sở pha chế thuốc bảo vệ thực vật (cấp cơ sở).
Thiết kế và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải và nước thải của Chi nhánh I thuốc bảo vệ thực vật Hưng Yên.
Sơ bộ đánh giá tình hình an toàn, vệ sinh lao động trong sản xuất nông nghiệp ở một số vùng trọng điểm và đề xuất một số khuyến nghị, giải pháp góp phần đảm bảo an toàn và sức khoẻ người lao động (phó chủ nhiệm - cấp Bộ).

Dự định khoa học

Xây dựng hệ thống đánh giá chất lượng các phương tiện bảo vệ sức khoẻ người lao động.



ĐỖ VĂN NAM

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 12 - 2 - 1956.
Quê quán: Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: Đồng Nguyên - Từ Sơn - Bắc Ninh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Thuỷ sản Nha Trang.
Nghiên cứu viên Viện Nghiên cứu Hải sản Hải Phòng.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Công nghệ thực phẩm Plôvđip, Bungari.
Hiện là chuyên viên Vụ Khoa học Công nghệ Bộ Thuỷ sản.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Công nghệ thực phẩm, Plôvđip, Bungari.
Ngành Chế biến thuỷ sản
Chuyên ngành Công nghệ lạnh.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của bảo quản lạnh và chế biến nhiệt đến tính chất công nghệ của cá nước ngọt.

Nội dung

Dùng phương pháp vật lý để đánh giá sự biến đổi chất lượng của cá trong quá trình bảo quản lạnh ở các chế độ nhiệt độ 0°C, -2°C, -10°C và -20°C; kết hợp đánh giá chất lượng sản phẩm khi gia nhiệt của cá đã bảo quản lạnh, chỉ ra khoảng thời gian bảo quản tối đa cho phép để nhận được sản phẩm có chất lượng tốt.
Sự thay đổi về chất lượng cá nguyên liệu khi bảo quản, được thể hiện rõ trong sự thay đổi kết cấu của cơ thịt, vì thế có thể dùng phương pháp vật lý để đo, để xác định sự thay đổi này, các chỉ số đưa ra được xác định theo từng thời gian bảo quản và sau khi xử lý nhiệt của các sản phẩm bảo quản lạnh.
Nhóm chỉ số xác định sự thay đổi về tính chất cơ học cấu trúc của thịt cá được đưa ra gồm: độ đàn hồi, độ bền cấu trúc, độ dai.
Nhóm chỉ số đánh giá mức độ thân nước của thịt cá gồm: khả năng giữ nước, khả năng hút nước, nước tự do theo Grau.
Ngoài ra có sử dụng các chỉ số về pH, độ khô và những chỉ tiêu riêng của sản phẩm sau gia nhiệt: độ mất nước, chất lượng cảm quan và mức độ co ngót, biến dạng của cơ thịt.
Kết quả chỉ ra thời gian bảo quản hiệu dụng tối đa cho phép để nhận được chất lượng sản phẩm tốt, đối với cá nghiên cứu ở 0°C là 12-15 ngày, ở -2°C là 45-60 ngày, ở -10°C là 120-150 ngày, còn ở -20°C là 270 ngày.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chế biến thực phẩm sử dụng công nghệ kỹ thuật cao.



NGUYỄN HOÀI NAM

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 5 - 7 - 1955.
Quê quán: Đại Quang - Đại Lộc - Quảng Nam Đà Nẵng.
Chỗ ở hiện nay: 303 Đội Cấn - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Tasken.
Làm việc tại Viện Khoa học kỹ thuật xây dựng, Bộ Xây dựng.
Xí nghiệp Cơ giới - Công ty xây dựng 18 Phả Lại.
Viện Cơ giới hoá và Công nghệ xây dựng.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Xây dựng Kiép, Liên Xô cũ.
Cán bộ nghiên cứu Viện Cơ giới hoá và công nghệ xây dựng, Bộ Xây dựng.
Phó Phòng KHTT - Phó Giám đốc
Hiện là Giám đốc Công ty Thi công cơ giới xây lắp - Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991
Tại Đại học Xây dựng Kiép, Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Khoa học xây dựng - Máy xây dựng.

Đề tài luận án

Phân phối nhóm máy tối ưu trong tổ chức thi công xây lắp.

Nội dung

Xác định nhóm máy tối ưu cho các loại công tác xây lắp bằng phương pháp mô phỏng trên máy tính.
Phân phối các nhóm máy thi công trong tổ chức xây lắp có tính đến các yếu tố ngẫu nhiên của kế hoạch xây lắp trong cơ chế thị trường.

Thành tựu khoa học

Đề tài cấp Bộ:
Nghiên cứu thiết kế chế tạo máy lọc Bentonit $50m^3/h$.



TRẦN THU NAM

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 30 - 8 - 1951.
Quê quán: Kiên Giang.
Chỗ ở hiện nay: 272 Bà Triệu - Hà Nội.

Quá trình công tác
Cán bộ Viện Hoá học công nghiệp Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam - Bộ Công nghiệp.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990
Tại Trường Đại học Martin Luther Halle CHDC Đức cũ.
Ngành Hoá vô cơ

Đề tài luận án

Nghiên cứu điều chế các dẫn xuất iso-Tetraphotphan và khả năng phản ứng của các Photsphorpentabromid với các hợp chất Cacbonyl của các nguyên tố thuộc nhóm 6.

Nội dung

Nghiên cứu tổng hợp các dẫn xuất iso-Tetraphots phan dạng $P[P(X)R_2)_3]$ với X=O,S; R=Me, Ph, OEt., trong điều kiện khí trơ.
Điều chế 21 phức chất đơn nhân, đa nhân mới, từ Photsphorpentabromid với Hexacarbonyl của Chromium, Molipden và Wolfram trong Acetonitril với sự có mặt của Ph_4PBr, dppm.

Sử dụng các phương pháp: phân tích nguyên tố, ^{31}P-NMR, IR, Ramen để xác định thành phần và cấu trúc của chất tạo thành.

Thành tựu khoa học

Các công trình đã nghiên cứu:
Nghiên cứu sự phân bố flo ở các pha khi phân huỷ quặng apatit loại II bằng axit HNO_3.
Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ nung apatit loại II để sản xuất phân bón Nitrophot (NP).
Nghiên cứu sử dụng HCl để sản xuất axit photphoric.
Sản xuất muối photphat natri theo phương pháp Melamin.
Sản xuất muối photphat natri từ supephotphat.
Sản xuất precipitat.
Sản xuất axit photphoric trích ly từ apatit Việt Nam.
Nghiên cứu điều chế các dẫn xuất của iso-Tetraphotsphan dạng $P[P(X)R_2]_3$; với X = O, S; R = Metyl, Phenyl, Butyl.
Nghiên cứu hoạt tính của photsphorpentabromid với các hợp chất Carbonyl của các nguyên tố nhóm 6 (Cr, W, Mo).
Nghiên cứu quy trình tổng hợp phức dạng chelat của Cu, Fe, Zn trên nền các hợp chất chứa gốc amin.
Nghiên cứu sử dụng quặng apatit loại II để sản xuất phân phức hợp NPK chất lượng cao.
Nghiên cứu quá trình phân huỷ quặng apatit bằng axit H_2SO_4 và monoamonphotphat để sản xuất phân bón.
Nghiên cứu nâng cao chất lượng quặng tuyển.



TRẦN VĂN NAM

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 19 - 11 - 1966.
Quê quán: Tân Lễ - Hưng Hà - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: C5-304 Trung Tự - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội.
Tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh tại Đại học Boise, Hoa Kỳ.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Hiện là giảng viên luật kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Thực tập tại Trung tâm Tư vấn doanh nghiệp vừa và nhỏ bang Idaho (Hoa Kỳ).
Nghiên cứu về luật thương mại tại Italia;
luật Anh Mỹ tại Canada;
Chuyên gia về luật đầu tư, tài chính và giải quyết tranh chấp tại Lào.
Hội viên Hội Luật gia Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Chuyên ngành Quản lý kinh tế.

Đề tài luận án

Hoàn thiện công cụ quản lý của Nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta hiện nay.

Nội dung

Tổng kết những vấn đề quản lý nhà nước và các công cụ quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; phân tích thực trạng quá trình thu hút, tổ chức và quản lý các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam giai đoạn 1988 - 1999, kết quả và tồn tại.
Kiến nghị các giải pháp thu hút doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam: Tháo gỡ khó khăn, đổi mới cơ chế, chính sách, tạo thuận lợi cho việc thu hút các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; nâng cao hiệu quả, đẩy nhanh cải cách thủ tục hành chính thu hút các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Thành tựu khoa học

Biên soạn một số chuyên đề cho các doanh nghiệp: Vatico (Mỹ); Công ty Luật Sly Weigon & Deacon (Úc); Liên doanh tấm lợp Ausnam (Hà Nội); Khu chế xuất Hải Phòng, Công ty Đường Lam Sơn (Thanh Hoá); Nhà máy Z113 (Tuyên Quang); Khu Công nghiệp Dung Quất (Quảng Ngãi); Công ty Tư vấn Kế toán Kiểm toán (Bộ Tài chính); Bộ Văn hóa... về kỹ năng soạn thảo hợp đồng, đàm phán hợp đồng, quy định pháp lý cho bán hàng trực tiêu; chấm dứt và thanh lý hợp đồng, giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng, quyền sở hữu trí tuệ v.v...
Sách đã xuất bản:
Luật thương mại quốc tế (giáo trình - đồng chủ biên - Nxb Khoa học kỹ thuật.
Luật và kinh tế (đồng tác giả).
Nhiều bài đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.
Tham gia nghiên cứu một số đề tài cấp Bộ.



VŨ NAM

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 19 - 1 - 1965.
Quê quán: Bình Định - Lương Tài - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 127A Triệu Việt Vương - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học và nghiên cứu sinh tại Đại học Y Hà Nội; Bác sĩ khoa Nội - Viện Y học cổ truyền Việt Nam.
Thực tập tại Pháp; Hiện là Phó trưởng khoa X quang thăm dò chức năng Viện Y học cổ truyền Việt Nam; Hội viên Hội Y học cổ truyền; Hội Châm cứu; Hội Khoa học Tiêu hoá Việt Nam. Hội Gan - Mật. Hội Thăm dò chức năng Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Đại học Y Hà Nội
Chuyên ngành Nội khoa - Y học cổ truyền

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu tác dụng của chè dây trong điều trị loét hành tá tràng.

Nội dung

Chè dây là một vị thuốc cổ truyền chữa đau dạ dày của đồng bào thiểu số (Tày, Nùng) miền núi phía Bắc nước ta. Tên khoa học Ampelopsis Cantoniensis Planch họ Nho (Vitacae). Nghiên cứu chè dây ở dạng bột tinh khô, có so sánh với nhóm chứng (Alusi) trên lâm sàng - nội soi và giải phẫu bệnh bằng phương pháp nghiên cứu mù kép. Kết quả nghiên cứu cho thấy chè dây có tác dụng:

Cắt cơn đau do loét hành tá tràng 93,4%.
Liền sẹo ổ loét hành tá tràng 79,55%.
Làm sạch Helicobacter pylori 42,5%.
Làm giảm mức độ hoạt động của viêm dạ dày 67,54%.
Chè dây không gây độc hại.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Điều trị viêm gan do virus bằng cao lỏng chống viêm gan.
Nghiên cứu hiệu lực và tính an toàn của rượu thuốc "Minh Mạng thang".
Điều trị loét hành tá tràng bằng chè dây.
Nghiên cứu tác dụng giảm đau của Vifata trong điều trị loét dạ dày tá tràng.
Nghiên cứu hiệu lực và tính an toàn của rượu thuốc tam bảo.
Điều trị viêm dạ dày bằng thuốc Weitai 999.
Tác dụng diệt Helicobacter polori bằng hoạt chất lá trầu không.
Nghiên cứu tác dụng của bài thuốc "VG 99" trong điều trị viêm gan mãn.
Nghiên cứu hiệu lực và tính an toàn của rượu thuốc "Long quy sinh".
Công trình khoa học đã ứng dụng:
Viên nang chè dây (tên thương phẩm Ampelop) được Bộ Y tế cho phép sản xuất và lưu hành trong nước để chữa loét dạ dày hành tá tràng.
Tham gia biên soạn giáo trình:
Y dịch
Nội kinh
Nạn kinh
Kim quỹ yếu lược.
Châm cứu và phương pháp không dùng thuốc.
La Medecine traditionelle Vietnamienne.
Huy chương tuổi trẻ sáng tạo.
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
Bằng khen 10 gương mặt trẻ Việt Nam tiêu biểu nhất năm 1996 của Trung ương Đoàn.
Và nhiều bằng khen khác.

Dự định khoa học

Nghiên cứu những cây thuốc, vị thuốc Việt Nam chữa dạ dày.
Nghiên cứu điều trị viêm gan B mãn tính bằng bài thuốc y học cổ truyền "VG 99".
Nghiên cứu phòng và điều trị hỗ trợ HIV/AIDS bằng bài thuốc y học cổ truyền "HTA".



LÊ NĂM

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 19-12-1952
Quê quán: Hồng Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể A - Học viện Quân y - Thị xã Hà Đông - Hà Tây.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Quân y.
Trưởng ban ngoại 42 Quân khu 4.
Nghiên cứu sinh tại Trung tâm Bỏng Kiep - Ucraina.
Phó Chủ nhiệm khoa Bỏng - Viện 103.
Chủ nhiệm khoa Nhi.
Viện phó Viện Bỏng.
Giám đốc Viện Bỏng.
Phó Chủ tịch Hội Bỏng Việt Nam.
Chủ tịch Hội đồng khoa học Viện Bỏng quốc gia.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990.
Tại Trung tâm Bỏng Kiep - Ucraina.
Chuyên ngành Ngoại Bỏng.

Đề tài luận án

Nghiên cứu nhiễm khuẩn vết thương bỏng, phòng chống và điều trị.

Nội dung

Nghiên cứu ảnh hưởng của vi khuẩn lên vết thương bỏng.

Định lượng vi khuẩn lên vết thương bỏng tìm ra quy luật phát triển vi khuẩn lên vết thương bỏng.
Nghiên cứu thuốc axit Salisilic 40% làm rụng hoại tử vết thương bỏng và tác động của nó đến vi khuẩn.
Nghiên cứu sự kháng thuốc của các loại kháng sinh thăm dò tính mẫn cảm của vi khuẩn với kháng sinh.
Nghiên cứu ảnh hưởng của vi khuẩn lên mảnh da ghép và quá trình tiến triển của bệnh bỏng đặc biệt với nhóm bỏng sâu diện rộng.
Kết quả:
Khi vi khuẩn tại vết bỏng > 107VK/1g tổ ?? để dẫn đến nhiễm khuẩn huyết, nhiễm khuẩn toàn thân.
Vết bỏng nhiễm trực khuẩn mủ xanh, liên cầu tan máu, mảnh da ghép dễ bị đào thải.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu BT91 điều trị vết thương bỏng (đề tài nhánh - cấp Nhà nước).
Nghiên cứu Bromelain và AT04 (approtein) điều trị vết thương vết bỏng.
Nghiên cứu phương pháp ghép da kiểu Ý trong điều trị bỏng sâu do luồng điện hạ thế.
Tham gia nghiên cứu quy trình tách chiết chất giàu Cytokin IL1, IL2 từ dịch nốt phỏng nuôi cấy TB sừng để điều trị vết thương bỏng.
Nghiên cứu mảnh da ghép tự thân kết hợp với da đồng loại trên nhóm bệnh nhân bỏng sâu diện rộng.
Thầy thuốc ưu tú năm 2000.
Nhiều huân chương, huy chương, bằng khen, giấy khen



CAO MINH NGA

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 14 - 8 - 1960.
Quê quán: Tiền Giang.
Chỗ ở hiện nay: 79 Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng viên Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh
Nghiên cứu sinh tại Viện Vi sinh - Dịch tễ Gamalei - Viện Hàn lâm Y học Liên Xô cũ.
Thực tập sinh tiếng Nga tại Viện Hàn lâm Khoa học Cộng hoà liên bang Nga.
Giảng viên bộ môn Vi sinh - Khoa Y - Đại học Y - Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Thành viên Ban thư ký *Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh.*
Hội viên Hội Tiêu hoá - Gan mật thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Viện Vi sinh - Dịch tễ Gamalei - Viện Hàn lâm Y học Liên Xô.
Ngành Y
Chuyên ngành Vi sinh học.

Đề tài luận án

Ứng dụng các phản ứng huyết thanh học trong nghiên cứu quy luật dịch tễ của bệnh viêm gan siêu vi A.

Nội dung

Tác giả đã áp dụng các phương pháp miễn dịch học có độ nhạy cảm cao (ELISA, ...) để tìm các kháng nguyên, kháng thể đặc hiệu trong bệnh viêm gan siêu vi cấp với thời gian 10 năm (1980-1989) ở trẻ em, người lớn tại Matxcơva, Perm. Xác định được tỷ lệ bệnh viêm gan siêu vi cấp do virus viêm gan A, B, D và C. Xác định được quá trình dịch của bệnh viêm gan siêu vi A ở trẻ em và người lớn tại các vùng khác nhau của nước Nga. Đề ra các biện pháp giám sát dịch tễ, chống và phòng ngừa bệnh viêm gan siêu vi A.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài:
Tình hình dị dạng bẩm sinh tại Bệnh viện Hùng Vương trong 10 năm (1975-1984)
Một số nhận xét về bệnh viêm gan siêu vi B ở trẻ em Việt Nam.
Polymerase chain reaction đối với việc phát hiện *Mycobacterium tuberculosis* trong các mẫu bệnh phẩm.
Độ nhạy cảm đối với kháng sinh của *Haemophilus influenzae* phân lập các bệnh nhân với chẩn đoán lâm sàng nhiễm trùng cấp tính hô hấp - Nghiên cứu trên 4 bệnh viện và trung tâm tại TP. Hồ Chí Minh.
Xác định *Mycobacterium tuberculosis* trực tiếp trong mẫu bệnh phẩm bằng phương pháp Polymerase chain reaction đối với chẩn đoán lao phổi.
Áp dụng thử nghiệm PCR phát hiện các tác nhân gây nhiễm trùng - Kết quả và kinh nghiệm.
Vấn đề nhiễm virus trong ghép cơ quan (ghép thận).
Ý nghĩa của việc phát hiện HBV-DNA trong huyết thanh bằng phản ứng Polymerase chain reaction trong viêm gan siêu vi B mãn tính.
Các bài báo:
Penicillum marneffei: một vi nấm liên quan đến bệnh AIDS.
Nhiễm trùng cơ hội trong cộng đồng suy giảm miễn dịch.
Đề tài đang tiến hành (cấp thành phố):
Xác định tác nhân vi khuẩn - ký sinh trùng gây nhiễm trùng đường mật.
Ứng dụng một số kỹ thuật hiện đại để nâng cao hiệu quả chẩn đoán, theo dõi, điều trị viêm gan siêu vi mạn.

Dự định khoa học

Áp dụng kỹ thuật tiên tiến, hiện đại trong chẩn đoán các bệnh nhiễm vi khuẩn, virus.



LÊ HOÀNG NGA

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 7 - 8 - 1960.
Quê quán: Quảng Nam - Đà Nẵng.
Chỗ ở hiện nay: 204 E7 Tập thể Phương Mai - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế - Kế hoạch Hà Nội.
Giáo viên Trường Cao cấp nghiệp vụ ngân hàng.
Chủ nhiệm bộ môn Thị trường tài chính, khoa Tiền tệ - thị trường tài chính, Học viện Ngân hàng.
Hiện là Trưởng phòng Nghiên cứu và Quản lý khoa học, Học viện Ngân hàng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Trường Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội.
Chuyên ngành Tài chính - Lưu thông tiền tệ - Tín dụng.

Đề tài luận án

Thiết lập cơ chế hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam trên thị trường chứng khoán.

Nội dung

Thị trường chứng khoán và vai trò của hệ thống ngân hàng trên thị trường chứng khoán:
Các vấn đề lý luận cơ bản trên thị trường chứng khoán như chức năng, nguyên tắc hoạt động, hàng hoá của thị trường, vai trò của hệ thống ngân hàng trên thị trường chứng khoán và vai trò của thị trường chứng khoán trong nền kinh tế thị trường.
Thực trạng về cơ chế hoạt động của hệ thống ngân hàng trên thị trường chứng khoán ở một số nước trên thế giới:
Một số bài học kinh nghiệm về cơ chế hoạt động của ngân hàng trên thị trường chứng khoán ở một số nước.
Thiết lập cơ chế hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam trên thị trường chứng khoán:
Kiến nghị cơ chế hoạt động của ngân hàng Việt Nam trên thị trường chứng khoán và một số giải pháp hỗ trợ để thực thi cơ chế.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành:
Phát triển và hoàn thiện các nghiệp vụ về giấy tờ có giá của ngân hàng thương mại Việt Nam.
Vận dụng nghiệp vụ thị trường mở trong điều hành chính sách tiền tệ ở Việt Nam.
Nghiên cứu cơ chế hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam trên thị trường chứng khoán (cấp Viện).
Phát triển hệ thống công cụ đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh tiền tệ của các tổ chức tín dụng ở Việt Nam.
Giáo trình đã xuất bản:
Thị trường vốn
Thị trường chứng khoán (hệ đại học - chủ biên).
Đại cương về thị trường tài chính (hệ trung cấp - chủ biên).
Thị trường tiền tệ (hệ đại học).
Phân tích thị trường tài chính (hệ đại học).
Trên 50 bài nghiên cứu đã công bố trên các tạp chí.
Hướng dẫn nghiên cứu sinh.

Dự định khoa học

Nghiên cứu giảng dạy và viết sách về tài chính, ngân hàng.



LƯƠNG THỊ KIM NGA

Hoài Ngọc

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 29 - 1 - 1953.
Quê quán: Châu Sơn - Duy Tiên - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: E11/C6 Tôn Thất Thiệp - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội.
Giáo viên Ngữ văn, Trường Sư phạm Mẫu giáo Trung ương 1.
Thực tập sinh tại Viện Hàn lâm Khoa học Giáo dục Liên Xô (cũ).
Chuyên viên chính Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Nghiên cứu sinh Viện Khoa học Giáo dục.
Hội viên Hội Tâm lý học Việt Nam.
Thành viên Tổ chức hỗ trợ quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Viện Khoa học Giáo dục.

Đề tài luận án

Cơ sở tâm lý học của quá trình phân giải ngữ âm tiếng Việt trong hoạt động học của học sinh lớp một.

Nội dung

Phát hiện cái mới nảy sinh trong tư duy của trẻ em 6 tuổi (lớp một) do ảnh hưởng của kỹ thuật dạy học mới.

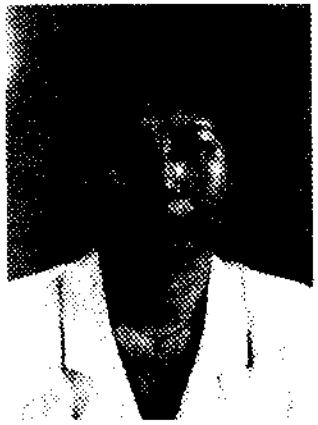
Quan sát mô tả cơ chế tâm lý với những phát hiện về hệ thống thao tác được coi là phương tiện giúp trẻ em 6 tuổi (lớp một) khả năng lĩnh hội khái niệm khoa học - ngữ âm tiếng Việt.
Luận án đã phát hiện phần cốt lõi của phương pháp dạy học hiện đại, cái tinh tuý thúc đẩy sức phát triển mới trong tư duy ở trẻ em, đóng góp khoa học cho việc xây dựng chương trình, đổi mới phương pháp dạy học đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của mục tiêu giáo dục tiểu học.

Thành tựu khoa học

Một số công trình nghiên cứu đã công bố:
Phương pháp giáo dục ngôn ngữ cho trẻ em trước tuổi học - Nxb Giáo dục.
Trẻ em và phương pháp nhà trường.
Cơ sở phân giải đối tượng trong hoạt động học tiếng Việt của học sinh lớp một.
Về việc nắm bản chất đối tượng khoa học của học sinh lớp một trong hoạt động học tiếng Việt.
Về công nghệ dạy tiếng Việt ở tiểu học.
Về mô hình trong công nghệ giáo dục tiểu học.
Về định hướng đối tượng hoạt động học tập trong công nghệ giáo dục.
Chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào trường phổ thông.
Tiếng Việt.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, giảng dạy tâm lý học trẻ em.
Thiết lập phòng chẩn đoán tâm lý.
Nghiên cứu giới và giới tính.
Các đề tài sẽ nghiên cứu:
Dạy học phát triển.
Tổ chức hoạt động dạy học ở phổ thông.
Bộ trắc nghiệm.



NGUYỄN THỊ KIM NGA

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 13 - 3 - 1956.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 243 Thanh Nhàn - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Học bác sĩ nội trú.
Cán bộ giảng dạy Trường Y học Cổ truyền Tuệ Tĩnh I - Bộ Y tế.
Phó trưởng phòng Đào tạo.
Nghiên cứu sinh tại Hungari.
Cán bộ giảng dạy, quản lý nghiên cứu khoa học Trường Y học Cổ truyền Tuệ Tĩnh I - Bộ Y tế.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Viện Nghiên cứu Thuốc và Trung tâm nghiên cứu Dược lý - Budapet - Hungari.
Ngành Y.
Chuyên ngành Dược Lý.

Đề tài luận án

Nghiên cứu tác dụng của thrombin trên một số loại động mạch cô lập.

Nội dung

Thrombin, chất gây co mạch nhanh, rất mạnh và kéo dài đang được giới y học quan tâm nghiên cứu. Nhiều tác giả cho rằng: thrombin chính là nguyên nhân gây ra những cơn co thắt mạch vành và mạch não.

Luận án nghiên cứu:
Tác dụng đặc trưng của thrombin trên một số loại động mạch ở những đoạn nguy cơ cao.
Cơ chế của các tác dụng.
Sự tác động qua lại giữa thrombin và một số chất gây co mạch mạnh khác như: endothelin, acetylcholin, 5-HT, PGF2 α ...
Tìm thuốc có khả năng ngăn ngừa hoặc hạn chế tác dụng của thrombin.
Kết quả:
Phát hiện và nhận dạng tác dụng đặc trưng của thrombin trên một số loại mạch.
Xác định mối liên quan chặt chẽ giữa các tác dụng đó với chức năng của lớp tế bào nội mô của thành mạch, với những chất gây co mạch khác, đặc biệt là endothelin (chất gây co mạch mạnh nhất được biết cho tới nay, được tổng hợp và giải phóng trong lớp tế bào này).
Góp phần nghiên cứu hai thuốc có khả năng hạn chế tác dụng co mạch của thrombin.

Thành tựu khoa học

Góp phần nghiên cứu điều trị nhiễm độc chì mãn tính (1981). Giải nhì, hội nghị tuổi trẻ khoa học và sáng tạo các trường đại học y - dược toàn quốc lần thứ nhất.
Nghiên cứu tác dụng của thrombin trên một số loại động mạch cô lập.



TRẦN BÍCH NGA

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 20 - 4 - 1960.
Quê quán: Kim Xuyên - Kim Thành - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: 1/61 Lý Thường Kiệt - Hải Phòng.

Quá trình công tác

Trưởng phòng Thông tin khoa học kỹ thật - Viện Nghiên cứu hải sản.
Giám đốc Chi nhánh kiểm tra chất lượng và vệ sinh thuỷ sản I (Hải Phòng) - Bộ Thuỷ sản.
Đại biểu Quốc hội khóa 9.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Hữu nghị Việt Nam - Liên bang Nga thành phố Hải Phòng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Lômônôxốp Mátxcơva Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Hoá dầu và Xúc tác hữu cơ.

Đề tài luận án

Tính không cộng (Synergism - Tính tăng cường tác dụng) trong hoạt tính xúc tác của các chất xúc tác dị thể hai thành phần trong các quá trình ôxy hoá các hydrocacbon.

Nội dung

Nghiên cứu tính chất xúc tác của các phức kim loại, được gắn trên các chất mang, trong các quá trình ôxy hoá trong môi trường lỏng các hydrocacbon và giải thích bản chất của hiệu ứng Cynergism (tăng cường tác dụng) trong xúc tác các quá trình ôxy hoá và ôxy hoá - êpoxyhoá liên kết của xyclohexen bằng các hệ xúc tác hai thành phần.
Đã phát hiện hiệu ứng Cynergism trong quá trình ôxy hoá và ôxy hoá - êpôxy hoá liên kết của xyclohecxen trong hệ xúc tác phức tạp, gồm hỗn hợp cơ học của các chất xúc tác.
Lý giải bản chất của hiệu ứng Cynergism (tăng cường tác dụng) xuất hiện trong xúc tác các quá trình ôxy hoá và ôxy hoá - êpoxy hoá các hydrocacbon trong các hệ xúc tác phức tạp. Điều này sẽ rất có ích trong việc tạo ra các hệ xúc tác có hiệu quả cao nhất.
Trên cơ sở các mô hình toán học được đề ra trong luận án cho các quá trình phức tạp, có thể thiết kế các hệ xúc tác có khả năng điều chỉnh cả hiệu suất và tính chọn lọc của phản ứng theo các sản phẩm mong muốn.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Rong câu và Agar (tham gia - cấp Nhà nước).
Kiểm soát dư lượng các chất độc hại trong thuỷ sản nuôi (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Nhiều công trình đã công bố trên các tạp chí khoa học ở Liên Xô cũ và Việt Nam.

Dự định khoa học

Tham gia các chương trình, đề tài đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm thuỷ sản và cải tiến chất lượng sản phẩm thuỷ sản.



TRẦN THỊ THÚY NGA

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 6 - 11 - 1945.
Quê quán: Đáp Cầu - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 15 Ngô Tất Tố - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Sinh - Kinh tế nông nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Giảng viên Trường Đại học Tổng hợp Phnôm Pênh.
Hội viên Hội Sinh lý học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành Sinh vật.
Chuyên ngành Phôi học và mô học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu gây mẫu sinh lưỡng bội ở cá trê phi (Clarias lazera) và cá chép (Cyprinus carpio L.).

Nội dung

Đã xác định được liều chiếu xạ để tinh trùng cá trê phi và cá chép bị mất hoàn toàn hoạt tính di truyền. Thời gian chiếu tia cực tím (đèn BYB - 30) thích hợp làm cho tinh trùng bị mất hoàn toàn hoạt tính di truyền ở cá trê phi là 5 phút, ở cá chép là 20 phút với khoảng cách từ đèn đến mẫu là 5cm.

Đã xác định được bộ nhiễm sắc thể đơn bội và bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội ở cá dị dạng và cá bình thường. Tất cả cá dị dạng ở lô chiếu xạ là đơn bội, cá bình thường là lưỡng bội 2n=54, phôi mẫu sinh đơn bội có số nhiễm sắc thể n=27. Cá trê phi và cá chép có tế bào lưỡng bội chứa 2 hạch nhân và tế bào đơn bội chứa 1 hạch nhân.
Đã tạo được các cá thể mẫu sinh lưỡng bội bằng phương pháp gây choáng lạnh (ở các thời điểm 10 phút và 15 phút sau khi thụ tinh) cho trứng được thụ tinh bởi tinh trùng đã mất hoạt tính di truyền. Việc kiểm tra cá mẫu sinh cho phép khẳng định hiệu quả của phương pháp mẫu sinh lưỡng bội.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài:
Nghiên cứu mẫu sinh thực nghiệm ở cá trê phi và cá chép.
Kiểm tra cá mẫu sinh qua tiêu bản nhiễm sắc thể và một số chỉ tiêu hình thái.
Sách đã xuất bản:
Thực hành giải phẫu người (đồng tác giả).
Giải phẫu sinh lý người, tập 1, 2 (đồng tác giả) Nxb Giáo dục.
Giáo trình
Sinh học phát triển người (đồng tác giả).
Giải phẫu người - Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí.

Dự định khoa học

Nghiên cứu biện pháp choáng lạnh nâng cao tỷ lệ mẫu sinh lưỡng bội, kiểm tra độ đồng hợp bằng phương pháp hiện đại. Chuyển giới tính cá mẫu sinh, xác định khả năng hữu thụ của hậu thế mẫu sinh.



NGUYỄN VĂN NGANG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 10 - 9 - 1938.
Quê quán: Tân Dân - Tĩnh Gia - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.

Quá trình công tác

Nghiên cứu sinh tại Đại học Năng lượng Mátxcơva - Liên Xô cũ.
Phó chủ nhiệm bộ môn Thuỷ điện.
Phó chủ nhiệm khoa Thuỷ điện.
Chánh Thanh tra giáo dục - Trường Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.
Hội viên Hội Thuỷ lợi Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972.
Tại Trường Năng lượng Matxcơva Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Thuỷ năng.

Đề tài luận án

Phương pháp tính điều tiết kho nước nhiều năm cho trạm thuỷ điện ứng dụng vào điều kiện thuỷ văn Việt Nam.

Nội dung

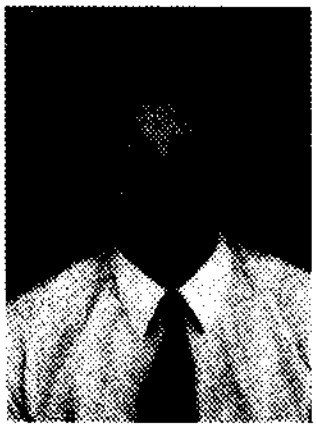
Nghiên cứu, phân tích các phương pháp tính điều tiết kho nước dài hạn và đề xuất phương pháp, thiết lập các đồ biểu để tính điều tiết kho nước trong điều kiện thuỷ văn, khí hậu Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Tham gia lập luận chứng kinh tế kỹ thuật công trình Thuỷ điện Sông Đà.
Làm phản biện công trình Thuỷ điện YALY, Hàm Thuận - Đa Mi.
Lập dự án khả thi một số công trình thuỷ điện nhỏ.
Lập quy hoạch thuỷ điện khu vực Quảng Ninh.
Viết giáo trình cho ngành thuỷ điện.
Được phong Phó giáo sư năm 1991.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.
Vì sự nghiệp Giáo dục,
Vì sự nghiệp thuỷ lợi.

Dự định khoa học

Tham gia lập các dự án xây dựng thuỷ điện.



PHẠM GIA NGÂN

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 2 - 9 - 1950.
Quê quán:
Yên Nội - Liên Mạc - Từ Liêm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: B8 - P26 Tập thể Đại học Sư phạm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy môn Sinh lý - Sinh hoá, khoa Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Sinh lý thực vật
Hội Hoá sinh Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Sinh lý học thực vật.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của Mo, Bo và Zn đến các chỉ tiêu sinh lý, năng suất và sự tích luỹ một số nguyên tố khoáng của cây đậu tương (Glycin MaxCL, Mersill) trên đất Từ Liêm - Hà Nội.

Nội dung

Luận án đã nghiên cứu vai trò của các nguyên tố vi lượng Mo, Bo, Zn và tổ hợp của chúng đối với các chỉ tiêu sinh lý, năng suất cũng như tích luỹ một số nguyên tố khoáng của cây đậu tương.
Phân tích và xác định được 13 chỉ tiêu sinh lý, sinh hoá của đậu tương.
Có 4 đóng góp mới.

Thành tựu khoa học

Đã công bố trên 10 công trình khoa học.
Huy chương tuổi trẻ sáng tạo.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ảnh hưởng của các nguyên tố khoáng đến khả năng cố định và trao đổi nitơ của cây họ đậu.



NGUYỄN NGHI

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 12 - 8 - 1936.
Quê quán: Đức Lâm - Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: P405-B12 Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Nghiên cứu Khoa học Thuỷ lợi Hà Nội.
Nghiên cứu sinh ở Liên Xô.
Chủ nhiệm khoa Thuỷ công - Thuỷ điện Trường Đại học Thuỷ lợi.
Cán bộ khoa học Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ Tĩnh;
Phó Chủ tịch Hiệp hội Khoa học kỹ thuật tỉnh Hà Tĩnh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972.
Tại Đại học Thuỷ lợi Matxcova - Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Thuỷ điện.

Đề tài luận án

Một vài vấn đề về sử dụng nguồn nước tổng hợp ở Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu sử dụng tổng hợp nguồn năng lượng thuỷ điện của Việt Nam.
Đánh giá tiềm năng thuỷ điện.
Đề xuất phương pháp hợp lý nhằm tận dụng triệt để nguồn dự trữ thuỷ năng của Việt Nam.
Tính toán kinh tế kỹ thuật sử dụng tổng hợp nguồn nước.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài, dự án:
Một số phương án công trình thuỷ lợi trên sông Đà.
Phương pháp tính toán sóng và sóng leo tác động lên đập và công trình thuỷ lợi (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Chiều cao sóng leo ở hồ chứa nước.
Nghiên cứu quy hoạch phát triển thuỷ điện vừa và nhỏ ở miền Bắc Việt Nam.
Xây dựng phòng thí nghiệm thuỷ điện Việt Nam (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Kế hoạch phát triển thuỷ điện 10-15 năm.
Một số điều kiện phát triển thuỷ điện ở Việt Nam (chủ nhiệm).
Luận chứng kinh tế kỹ thuật trạm thuỷ điện Hoà Bình.
Phương án quy hoạch sông Lô.
Một số vấn đề về xây dựng kinh tế Hà Tĩnh (chủ nhiệm).
Sách đã xuất bản:
Từ điển Nga - Việt thuỷ lợi (in chung). Nxb Khoa học.
Thiết kế thi công các công trình thuỷ lợi, thuỷ điện.
Quy phạm thiết kế nhà máy thuỷ điện.
Hướng dẫn thiết kế trạm thuỷ điện (sách dịch).
Thực hành về kinh tế thuỷ lợi.
Sổ tay kỹ thuật thuỷ lợi (in chung).
Nxb Nông nghiệp.
Nhiều bài viết trên các tạp chí.
Huân chương kháng chiến hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.



ĐOÀN HỮU NGHỊ

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 25 - 7 - 1950.
Quê quán: Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 61 Yên Phụ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Bác sĩ nội trú Bệnh viện Việt - Đức.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Y Hà Nội.
Bác sĩ phẫu thuật
Trưởng khoa Ngoại tổng hợp.
Phó Giám đốc Bệnh viện K Hà Nội.
Phó Chủ tịch Hội Phòng chống ung thư Hà Nội.
Uỷ viên thư ký Hội Phòng chống Ung thư Việt Nam.
Nghiên cứu về phòng chống ung thư tại Mỹ, Singapore, Pháp.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994
Tại Đại học Y Hà Nội.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu xây dựng phác đồ điều trị ung thư trực tràng, nhận xét trên 529 bệnh nhân điều trị tại bệnh viện K từ 1984-1992.

Nội dung

Ung thư trực tràng là bệnh hay gặp tại bệnh viện K, khó điều trị, nhưng đã được áp dụng nhiều kỹ thuật mới để nâng cao chất lượng cuộc sống cho bệnh nhân như: Phẫu thuật bảo tồn cơ tròn, tránh hậu môn nhân tạo; Xạ trị bổ sung trước mổ và sau mổ nhằm giảm tái phát tại chỗ.
Luận án đã tổng kết các kỹ thuật, và đưa ra một phác đồ điều trị thích hợp, kết hợp các phương pháp điều trị đa môn: phẫu thuật, xạ trị, và hoá trị.
Kết quả điều trị: sống thêm 5 năm là 35,4%.
Ung thư trực tràng ở đoạn giữa (5-8cm từ mép hậu môn) mổ bảo tồn cơ tròn không làm tăng tỷ lệ tái phát di căn so với nhóm mổ hy sinh cơ tròn. Đối với giai đoạn II và III, xạ trị trước và sau mổ làm giảm tỷ lệ tái phát và di căn một cách có ý nghĩa.

Thành tựu khoa học

Hướng dẫn tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành.
Tham gia một số đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ về ung bướu học.
Trên 50 bài báo đã công bố.



ĐỖ HỮU NGHỊ

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 18 - 4 - 1944.
Quê quán: Lương Quy - An Lão - Hải Phòng.
Chỗ ở hiện nay: 4A Lê Thánh Tông - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Dược Hà Nội.
Cán bộ nghiên cứu Cục Quân y Bộ Quốc phòng.
Hiện là giảng viên chính.
Phó trưởng bộ môn Công nghiệp Dược Trường Đại học Dược Hà Nội.
Hội viên Hội Dược học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Trường Đại học Dược Hà Nội.
Chuyên ngành Công nghiệp Dược vào Bào chế thuốc.

Đề tài luận án

Nghiên cứu chiết xuất, bán tổng hợp và đưa vào sản xuất một số hợp chất tự nhiên có tác dụng điều trị sốt rét từ nguồn dược liệu Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu chiết xuất một số hoạt chất có tác dụng chống sốt rét (quinin, artemisinin) từ dược liệu Việt Nam. Từ artemisinin bán tổng hợp một số các dẫn chất (dihydroar temisinin, artesunat, artemether và arteether) có hoạt tính chống sốt rét mạnh hơn nó nhiều lần và đưa vào sản xuất lớn phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm một số đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp Bộ.
6 công trình khoa học đã ứng dụng
Bằng lao động sáng tạo.
Bằng phát minh sáng chế.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.
Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học từ dược liệu Việt Nam.



TRẦN VIẾT NGHỊ

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 1 - 7 - 1945.
Quê quán: Đà Sơn - Đô Lương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 4 ngách 3/36 Cù Chính Lan - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Đại học Y Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô cũ.
Phó Chủ nhiệm bộ môn Tâm thần, Trường Đại học Y Hà Nội.
Viện trưởng Viện Sức khoẻ tâm thần quốc gia.
Chủ tịch Hội Tâm thần học Việt Nam.
Uỷ viên Hội đồng khoa học công nghệ - Bộ Y tế.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Trường Đại học Y số 1 Matxcơva, Liên Xô cũ.

Đề tài luận án

Đặc điểm lâm sàng và qui luật tiến triển của hội chứng nghi bệnh.

Nội dung

Nghiên cứu 106 bệnh nhân nội trú với trạng thái nghi bệnh (86 nữ, 20 nam). Tuổi trung bình 39,3 ± 1,25, thời gian bị bệnh 6,5 ± 0,1 năm. Chia 3 nhóm: nhóm liên quan đến Stress - 40 bệnh nhân, nhóm liên quan đến các bệnh thực tổn - 29 bệnh nhân, nhóm bệnh nội sinh - 37 bệnh nhân.
Cấu trúc hội chứng nghi bệnh: suy nhược 42,5%, trầm cảm 24,5%, Hysteria 11,4%, ám ảnh 7,5% và loạn cảm giác bản thể 14,1%.
Các giai đoạn hình thành rối loạn nghi bệnh:
Các phản ứng kiểu tâm căn (lo sợ, suy nhược, trầm cảm, rối loạn cảm giác kiểu Hysteria).
Phối hợp với các rối loạn dạng cơ thể, rối loạn thần kinh thực vật thường biểu hiện dạng cơn.
Hình thành hội chứng nghi bệnh rõ rệt.
Hình thành nhân cách kiểu nghi bệnh tiến triển.

Thành tựu khoa học

Trên 40 công trình nghiên cứu về tâm thần học đã công bố ở trong và ngoài nước.
Tham gia viết giáo trình đại học, sau đại học về tâm thần.
Nghiên cứu, thực tập và hội thảo khoa học ở Úc, Pháp, Áo, Bỉ, Nga...

Dự định khoa học

Sẽ thực hiện các đề tài:
Sức khoẻ tâm thần trong thời kỳ chuyển đổi kinh tế thị trường.
Nghiên cứu điều trị nghiện ma tuý bằng Methadone.
Bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ tâm thần cộng đồng.
Khảo sát rối loạn tâm thần chấn thương sọ não do tai nạn giao thông.
Nghiên cứu dịch tễ lâm sàng trầm cảm.



DƯƠNG HOÀI NGHĨA

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 31 - 5 - 1957.
Quê quán: Bến Tre.
Chỗ ở hiện nay: 205/34 Tân Lập - Quận Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng viên chính
Chủ nhiệm bộ môn Cơ sở kỹ thuật điện - Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Đại học Kỹ thuật quốc gia Grenoble, Pháp.
Chuyên ngành Tự động.

Đề tài luận án

Nhận dạng cấu trúc và thông số các hệ thống tuyến tính đơn và đa biến dùng phương pháp biến công cụ mở rộng.

Nội dung

Sử dụng các biến công cụ mở rộng, luận án đã đề ra một phương pháp đệ quy để nhận dạng cấu trúc và nhận dạng thông số các hệ thống tuyến tính đơn biến và đa biến. Chiếu các vectơ dữ liệu lên một siêu diện xác định bởi các biến công cụ. Giải thuật đề xuất sử dụng các phép biến đổi trực giao và có tính bền vững về mặt tính toán số. Luận án đã nghiên cứu các tính chất thống kê của phương pháp đề xuất.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Nhận dạng các hệ thống tuyến tính đa biến.
Thiết kế phần mềm và ứng dụng.
Chỉnh định thông số bộ điều khiển phân bố cực dùng logic mờ.



NGUYỄN NGHĨA

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 5 - 2 - 1944.
Quê quán: Gia Sàng - Thành phố Thái Nguyên.
Chỗ ở hiện nay: 12A Lý Nam Đế - Hà Nội

Quá trình công tác

Phó Trưởng phòng Kỹ thuật, Binh đoàn 11.
Phó Hiệu trưởng Trường Quân chính Binh đoàn 11.
Hiện là Đại tá, Chuyên viên cao cấp, Vụ Giáo dục quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981
Tại Đại học Bách khoa Praha (CVUT) Tiệp Khắc.
Chuyên ngành Vật lý kiến trúc.

Đề tài luận án

Thiết kế các kết cấu nhà trên quan điểm cảm giác dễ chịu nhiệt trong môi trường nhiệt đới.

Nội dung

Nghiên cứu vấn đề ổn định nhiệt về mùa hè trong điều kiện nhiệt đới.
Tình hình nghiên cứu trong vùng khí hậu ôn đới và nhiệt đới, phân tích khả năng có thể tính toán chính xác độ tăng tối đa hàng ngày của nhiệt độ không khí trong phòng Δt_{imax}.

Phương pháp tính toán và xử lý các đại lượng đặc trưng cho trạng thái nhiệt bên trong và bên ngoài công trình.
Tập trung vào mối quan hệ giữa Δt_{imax} và các đại lượng đặc trưng ảnh hưởng đến nó, sự trao đổi không khí trong các công trình không lắp đặt các thiết bị điều hoà không khí trong mùa hè.
Các tiêu biểu để đánh giá cảm giác dễ chịu nhiệt trong phòng trong điều kiện mùa hè ở vùng nhiệt đới.
Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến Δt_{imax} và đưa ra bảng kết quả tính toán trên máy tính điện tử để xác định Δt_{imax} trong mối tương quan với khối lượng của từng phòng.



NGUYỄN HỮU NGHĨA

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 30 - 5 - 1955.
Quê quán: Đại Đức - Kim Thành - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: 62 ngõ 134 Lê Trọng Tấn - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Quân y, công tác tại Trung đoàn 772 (Đảo Cô Tô).
Chủ nhiệm Quân y đoàn 511 Quảng Ninh.
Học chuyên khoa cấp 1 tại Học viện Quân y.
Nghiên cứu sinh tại Học viện Quân y.
Hiện là Phó Giám đốc Bệnh viện Quân chủng Phòng không.
Hội viên Hội Sinh lý học, Hội Tai Mũi Họng, Hội Y học lao động Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999
Tại Học viện Quân y
Chuyên ngành Sinh lý học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu biến đổi một số chỉ số sinh học ở người tiếp xúc dài ngày với nhiên liệu lỏng tên lửa và trên động vật nhiễm độc bán cấp thực nghiệm.

Nội dung

Nhiên liệu lỏng tên lửa (NLLTL) là những chất hoá học có độc tính cao và dễ bay hơi, nhất là trong điều kiện khí hậu nhiệt đới nước ta.

Các chỉ tiêu theo dõi trên người: Khám lâm sàng các chỉ số thể lực, các chỉ số về chức năng, các chỉ số máu ngoại vi (số lượng HC, BC, TC, HCL, HbO_2, Hb, metHb, tiểu thể Heintz, hàm lượng Bilirubin, hoạt độ của enzym GOT, GPT, VGT, chE, HbsAg, nhóm - SH, Protein huyết thanh) các chỉ số tế bào và hoá sinh trong nước tiểu.
Theo dõi trên thỏ các chỉ số hoá sinh và huyết học máu ngoại vi (tương tự như ở người). Hình ảnh GPBL tổ chức gan, thận, phổi đại thể và vi thể.
Những người tiếp xúc dài ngày với NLLTL giảm số lượng HC, tăng HCL, giảm hàm lượng Hb và HbO_2, tăng tỷ lệ metHb và xuất hiện thể Heintz, tăng hoạt độ enzym SGOT, SGPT và VGT, giảm hàm lượng ChE. Các bệnh thường gặp ở những người tiếp xúc dài ngày với NLLTL là bệnh hô hấp, bệnh mắt, thiếu máu, tăng huyết áp và các bệnh đường tiêu hoá. Trong bệnh thiếu máu dấu hiệu quan trọng là tăng hàm lượng metHb và xuất hiện tiểu thể Heintz.
Luận án đã góp phần làm sáng tỏ ảnh hưởng độc hại của NLLTL với cơ thể, làm cơ sở phát hiện sớm quá trình nhiễm độc mạn tính, đề xuất biện pháp dự phòng.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Biến đổi một số chỉ tiêu huyết học và sự xuất hiện tiểu thể Heintz ở hồng cầu của những người tiếp xúc với nhiên liệu tên lửa.
Khảo sát một số chỉ tiêu sinh hoá, chỉ tiêu huyết học của trắc thủ rada và bộ đội tiếp xúc với nhiên liệu tên lửa.
Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn chẩn đoán một số bệnh ở người tiếp xúc với nhiên liệu lỏng tên lửa.
Biến đổi chức năng gan và giải phẫu bệnh lý tổ chức gan dưới tác động của nhiên liệu lỏng tên lửa.
Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiên liệu lỏng tên lửa đến chức năng vận chuyển oxy máu ở động vật thực nghiệm.
Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiên liệu lỏng tên lửa đến biến đổi microal bumin niệu và hình ảnh giải phẫu bệnh lý mô thận.
Môi trường công tác của bộ đội phòng không liên quan tới đặc điểm bệnh lý tai mũi họng.
Biện pháp phòng tránh và xử lý nhiễm độc chất O và I`.
Nghiên cứu 115 bệnh nhân bị ho kéo dài liên quan tới nấm Candida albicans vùng họng.
Nghiên cứu sự biến đổi chỉ tiêu tâm sinh lý và thị giác ở trắc thủ rada.



NGUYỄN VIẾT NGHĨA

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 15 - 11 - 1950.
Quê quán: Đồng Lạc - Chương Mỹ - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 42/7 tổ 54 phường Khương Trung - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội.
Công tác tại Thư viện Khoa học kỹ thuật Trung ương.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô.
Trưởng phòng Phát triển các nguồn tin, Trung tâm Thông tin tư liệu khoa học và công nghệ quốc gia.
Thành viên Hội Thông tin tư liệu Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989
Tại Khoa Thông tin học, Trường Lưu trữ lịch sử Matxcơva, Liên Xô.
Chuyên ngành Thông tin học.

Đề tài luận án

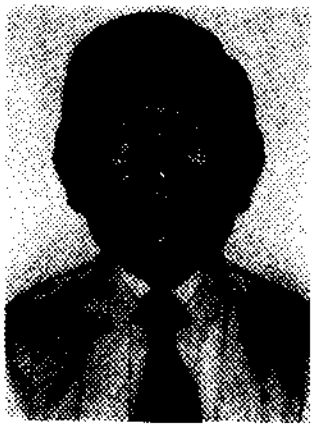
Nghiên cứu hoàn thiện việc đảm bảo thông tin để đánh giá trình độ công nghệ và chất lượng sản phẩm công nghiệp Việt Nam.

Nội dung

Mô hình hoá hệ thống quản lý trình độ khoa học công nghệ ở Việt Nam, đề xuất các phương pháp đảm bảo thông tin có hiệu quả cho các chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật, nghiên cứu xây dựng mô hình toán học và các phương pháp đảm bảo thông tin và cơ cấu tổ chức hệ thống thông tin để đánh giá trình độ công nghệ của các sản phẩm công nghiệp Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu xây dựng chính sách phát triển các nguồn tin của Trung tâm thông tin tư liệu khoa học công nghệ quốc gia (chủ nhiệm).
Nghiên cứu xây dựng hệ quản trị bổ sung tài liệu (tham gia).
Tăng cường quản lý, khai thác tài liệu kết quả nghiên cứu và tài liệu hội nghị, hội thảo khoa học ở Việt Nam (tham gia).



PHẠM ĐẮC NGHIÊM

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 22 - 3 - 1944.
Quê quán: Lái Thiêu - tỉnh Bình Dương.
Chỗ ở hiện nay: 70 Hồng Hà - Quận Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Ban Vô tuyến - Điện tử, Uỷ ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước.
Cán bộ nghiên cứu Viện Vật lý.
Phó đài Vi ba, Trung tâm Viễn thông 3, Tổng cục Bưu điện.
Trưởng đài Vi ba kiêm Phó Giám đốc Trung tâm Viễn thông 3, Tổng cục Bưu điện.
Giám đốc Xí nghiệp Khoa học sản xuất thiết bị thông tin 2, Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
Chủ tịch Hội Vô tuyến điện - Điện tử thành phố Hồ Chí Minh kiêm Phó Chủ tịch Hội Vô tuyến Điện tử Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Trung ương Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam khoá IV.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1974
Tại Trường Đại học Giao thông Dresden, Cộng hòa dân chủ Đức cũ.
Ngành Vô tuyến truyền tin.

Đề tài luận án

Nghiên cứu đề ra giải pháp kỹ thuật truyền tin số qua các thiết bị vi ba của bưu điện CHDC Đức.

Nội dung

Nghiên cứu phân tích đặc điểm kỹ thuật các thiết bị vi ba của CHDC Đức. Bấy giờ còn dùng kỹ thuật analog. Nghiên cứu những yêu cầu của kỹ thuật truyền tin số. Đề ra những giải pháp kỹ thuật truyền tin số qua thiết bị vi ba analog. Đề tài đã thiết kế thêm phần giao tiếp ở phía phát và phía thu, cải tạo RF cho phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của quá trình phát và nhận lại tín hiệu số. Thiết kế và thực nghiệm phần phục chế tín hiệu số và sửa lỗi.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài:
Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện giải pháp cải tạo nâng cao dung lượng thực tế mạng đường thông vi ba - siêu tần số cấp I trên đồng bằng Nam Bộ.
Nghiên cứu, đề xuất và thực nghiệm giải pháp kỹ thuật bán dẫn hoá thiết bị vi ba Jerrold 600 kênh và thiết bị siêu tần số Farinon 24 kênh.
Nghiên cứu, đề xuất và thiết lập quy trình công nghệ lắp ráp thiết bị vi ba số băng hẹp (30 kênh trở xuống).
Nghiên cứu, đề xuất và thiết lập quy trình lắp ráp và ứng dụng thiết bị vô tuyến đa tiếp xúc IRT-2000 của Pháp.
Giải nhất hội thi khoa học kỹ thuật sáng tạo 1992 - 1993. Đề tài "Công nghệ chế tạo ăng ten parabol cho các băng tần vi ba đến 2,5 GHz".
Huy chương tuổi trẻ sáng tạo.
Huy chương lao động sáng tạo.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ thông tin trong ngành bưu chính viễn thông. Sản xuất phần mềm và thiết bị viễn thông phục vụ trong nước và xuất khẩu.



PHẠM VĂN NGHIÊN

Tiến sĩ Khí tượng Thuỷ văn

Sinh ngày: 15 - 7 - 1941
Quê quán: Thị xã Phú Thọ - tỉnh Phú Thọ
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Trường Cao đẳng Khí tượng - Thuỷ văn Hà Nội

Quá trình công tác

Kỹ sư dự báo Đài Khí tượng tỉnh Lai Châu.
Giảng viên toán cao cấp Trường Cán bộ Khí tượng - Thuỷ văn Hà Nội
Nghiên cứu sinh tại Budapet Hungari.
Nghiên cứu viên Cục Dự báo Khí tượng - Thuỷ văn Hà Nội.
Giảng viên chính, Tổ trưởng tổ giáo viên khí tượng Trường Cán bộ Khí tượng Thuỷ văn, nay là Trường Cao đẳng Khí tượng Thuỷ văn Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1976.
Tại Viện Vật lý Khí quyển Budapet Hungari.
Ngành Khoa học Trái đất
Chuyên ngành Khí tượng.

Đề tài luận án

Nghiên cứu bão biển Đông trên cơ sở ảnh mây vệ tinh.

Nội dung

Mối quan hệ giữa cường độ bão và cấu trúc của hệ thống mây bão trên ảnh vệ tinh.
Vị trí trung tâm của bão mặt đất so với trung tâm của hệ thống mây trên ảnh.
Phân tích trường đường dòng mực 500mb trên cơ sở ảnh mây vệ tinh.
Thí nghiệm phân tích số trị trường đường dòng mực 500mb dựa trên ảnh mây vệ tinh.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố và ứng dụng:
Xác định vị trí trên ảnh mây vệ tinh chụp bằng phương pháp quét.
Thí nghiệm dự báo cường độ bão biển Đông bằng phương pháp của Dvozak.
Bài giảng khí tượng đại cương cho trung học khí tượng.
Mối quan hệ thống kê giữa độ xoáy và cường độ bão dựa trên số liệu thám không trong khu vực quản lý bay.
Chương trình đào tạo chính quy hệ cao đẳng khí tượng.



NGUYỄN VĂN NGỌ

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 5 - 2 - 1954.
Quê quán: Đức Thượng - Hoài Đức - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Số 9 tập thể Y tế 1 - Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu phòng Nghiên cứu gốm sứ, vật liệu chịu lửa, Viện Vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng.
Trưởng phòng thí nghiệm Trung tâm Công nghệ hoá học, Viện Hoá học, Viện Khoa học Việt Nam.
Hiện là Trưởng phòng Dịch vụ kỹ thuật dầu khí, Công ty Dung dịch khoan và hoá phẩm dầu khí, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (PETROVIETNAM).
Hội viên Hội Hoá học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Trường Đại học Hoá công nghệ Menđêlêép, Mátxcơva, Liên Xô.
Chuyên ngành Công nghệ hoá học vật liệu silicát và phi kim loại khó nóng chảy.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của thành phần phối liệu và chế độ nung lên quá trình tổng hợp clanhke xi măng.

Nội dung

Nghiên cứu ảnh hưởng của thành phần hoá học tới quá trình thiêu kết phối liệu.
Ảnh hưởng của một số chất khoáng hoá tới cấu trúc, tính chất (độ nhớt, sức căng bề mặt...) của pha lỏng được tạo thành trong quá trình nung clanhke.
Ảnh hưởng của tổ hợp một số chất khoáng hoá lên quá trình tổng hợp clanhke và tính chất của clanhke thu được.
Mô hình hoá toán học quá trình tổng hợp khoáng Alit (khoáng chính trong clanhke xi măng) ở chế độ nung không đẳng nhiệt.
Giải pháp tối ưu hoá thành phần phối liệu và chế độ nung (tổng hợp) clanhke.
Một phần kết quả nghiên cứu đã được thử nghiệm công nghiệp ở nhà máy Ghigant làm tăng công suất lò và giảm chi phí nhiên liệu.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Nghiên cứu sản xuất xi măng giếng khoan dầu khí bền ở môi trường nhiệt độ cao, áp suất cao và xi măng có khối lượng riêng nhẹ, bền nhiệt cho vùng áp suất thấp dị thường.
Đồng tác giả bằng sáng chế tại Cộng hoà liên bang Nga (1995).

Dự định khoa học

Nghiên cứu áp dụng những thành tựu khoa học vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh của ngành.



NGUYỄN BẠCH NGỌC

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 01 - 06 - 1952.
Quê quán: Thành phố Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 218 ngõ 192 Lê Trọng Tấn - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp quốc gia Kishinhốp, Môndôva, Liên Xô.
Công tác tại Viện Vệ sinh dịch tễ học.
Nghiên cứu sinh tại Viện Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp Matxcơva.
Phó phòng Quản lý khoa học kiêm Trưởng phòng thí nghiệm Ecgônômi, Thư ký hội đồng khoa học Viện Y học lao động và vệ sinh môi trường - Bộ Y tế.
Công tác tại phòng Quản lý kế hoạch - Khoa học - Đào tạo; Viện Chiến lược và Chính sách y tế, Bộ Y tế.
Hội viên Hội Sinh lý học Việt Nam.
Hội Ecgônômi quốc tế.
Quan sát viên của Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế ISO/TC 159/SC 3.
Ban kỹ thuật Ecgônômi Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.
Tại Viện Vệ sinh lao động và Bệnh nghề nghiệp Matxcơva, Liên Xô.
Ngành Vệ sinh.
Chuyên ngành Sinh học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu sự phụ thuộc giữa mức độ căng thẳng và mệt mỏi của nhóm cơ đai vai với đặc điểm của tư thế lao động ngồi.

Nội dung

Nghiên cứu sự phụ thuộc giữa mức độ căng thẳng và mệt mỏi hệ thần kinh - cơ của nhóm cơ đai vai với các tư thế khác nhau của hai tay bằng phương pháp ghi điện cơ.
Kết quả cho thấy mức độ căng thẳng của nhóm cơ đai vai phụ thuộc rất rõ vào tư thế của tay, cụ thể là chiều cao và chiều rộng của vùng làm việc. Khi tay càng giơ cao và dang rộng sang hai bên, mức độ đau mỏi hệ thần kinh - cơ càng lớn.
Những công nhân sử dụng máy may cột đã có mức độ căng thẳng nhóm cơ đai vai lớn hơn hẳn so với những công nhân sử dụng máy may thường.
Những tư thế tay không hợp lý chính là nguyên nhân dẫn đến những rối loạn bệnh lý hệ vận động vùng đai vai.
Tác giả đã đề xuất một số giải pháp can thiệp để cải thiện điều kiện lao động cho các công nhân may.

Thành tựu khoa học

Tác giả và đồng tác giả hơn 30 công trình nghiên cứu đăng trong các tạp chí, kỷ yếu hội nghị khoa học trong và ngoài nước.
Sách đã xuất bản:
Ecgônômi trong thiết kế và sản xuất. Nxb Giáo dục.
Xây dựng modun và giảng dạy môn Ecgônômi ở Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Nếu không đầu tư cho tri thức, không thể có "kinh tế tri thức" được.



NGUYỄN HỮU NGỌC

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 20 - 08 - 1940.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 201 nhà 03 tập thể Nam Đồng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Chủ nhiệm khoa Ngoại Đoàn 559.
Đội trưởng đội điều trị 33 Đoàn 559.
Đội phó kiêm Trưởng ban Ngoại đội điều trị 301 Quảng Trị.
Chủ nhiệm bộ môn kiêm Chủ nhiệm khoa Chấn thương chỉnh hình Bệnh viện 103, Học viện Quân y.
Hội viên Hội Ngoại khoa, Hội Chấn thương chỉnh hình.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Học viện Quân y.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu, ứng dụng điều trị gãy xương bánh chè theo phương pháp néo ép số 8.

Nội dung

Thực hiện nghiên cứu ứng dụng phương pháp kết xương néo ép số 8 để điều trị gãy xương bánh chè thành 2 đoạn và nhiều mảnh tại khoa Chấn thương chỉnh hình Bệnh viên 103 cho 80 trường hợp, rút ra kết luận:

Nghiên cứu ứng dụng thực hiện phương pháp kết xương néo ép số 8. Nhờ áp dụng kỹ thuật đã đạt được kết quả: rất tốt 56 (78,87%, tốt 7 (9,85%), trung bình 6 (8,45%), kém 2 (2,28%).
Phương pháp néo ép số 8 là phương pháp kết xương vững chắc, tốt nhất hiện nay (khớp gối càng vận động, sự nén ép càng được tăng lên sớm, phục hồi chức năng khớp gối được tốt. Can xương phát triển tốt. Phương tiện trang bị để thực hiện kết xương không khó khăn, tốn kém.
Nhược điểm: không kết xương được đối với xương bánh chè dập nát. Nút xoắn dây kim loại, đầu đinh Kirschner có thể đau khi gấp, duỗi gối.
Chỉ định: xương bánh chè gãy thành 2 đoạn hay nhiều mảnh lớn.
Chống chỉ định: xương bánh chè gãy giập nát.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Néo ép số 8 gãy xương bánh chè.
Điều trị mỏm khuỷu theo néo ép số 8 gãy 2 mắt cá.
Sai khớp cùng đòn.
Hoại thư sinh hơi.
Vết thương khớp.
Cắt cụt. Kết xương trì hoãn với gãy mở hoá khí.
Bài giảng chấn thương Học viện Quân y.



NGUYỄN THỊ BẠCH NGỌC

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 15 - 09 - 1950.
Quê quán
Thanh Văn - Thanh Chương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Viện Sốt rét - Ký sinh trùng và côn trùng Trung ương - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Viện Sốt rét - Ký sinh trùng và Côn trùng Trung ương.
Hội viên Hội Côn trùng học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Côn trùng học.

Đề tài luận án

Muỗi Culicinae (Diptera: Culicidae) và đặc điểm sinh học của một số loài thường gặp có vai trò truyền bệnh ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Nội dung

Luận án nghiên cứu 37 loài thuộc 8 giống trong phân họ muỗi *Culicinae* ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Có 5 loài lần đầu tiên được ghi nhận vào danh mục muỗi *Culicinae* ở vùng nghiên cứu.
Đánh giá phân bố, phát triển cá thể, các đặc điểm sinh học, sinh thái học, vai trò dịch tễ và một số biện pháp phòng chống 4 loài muỗi *(Aedes aegypti, Culex quinquefasciatus, Culex tritaenior hynchus và Mansonia annulifera)* truyền bệnh quan trọng thường gặp ở đồng bằng Bắc Bộ (sốt xuất huyết dengue, giun chỉ và viêm não Nhật Bản B).
Kết quả nghiên cứu xác định vùng lưu hành của bệnh và nguy cơ xảy dịch do muỗi *Culicinae* truyền, từ đó đề ra các biện pháp chủ động phòng chống muỗi và bọ gậy phù hợp cho các địa phương ở vùng đồng bằng Bắc Bộ và một số địa phương khác có điều kiện tương tự.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu muỗi truyền bệnh sốt rét ở đồng bằng ven biển Kim Sơn, Ninh Bình.
Điều tra cơ bản muỗi *Culicinae* ở Việt Nam.
Nghiên cứu đặc điểm phân bố, sinh học, sinh thái học và phòng chống một số loài muỗi *Culicinae* truyền bệnh ở Việt Nam.
Tình hình nhiễm và muỗi truyền bệnh giun chỉ ở một số tỉnh miền Nam Việt Nam. Đặc điểm dịch tễ tại điểm có giun chỉ ở Khánh Hoà.
Phân bố và độ nhạy cảm với một số hoá chất diệt côn trùng của muỗi Ae.aegypti ở miền Bắc, Nam Bộ và Tây Nguyên.
Huy chương Vì sức khoẻ nhân dân

Dự định khoa học

Nghiên cứu tính đa hình di truyền ở muỗi *C. quinquefasciatus* và *Ae.aegypti* - trung gian truyền bệnh giun chỉ và sốt xuất huyết dengue liên quan tới tính kháng thuốc diệt côn trùng và khả năng truyền bệnh của chúng ở Việt Nam.



NGUYỄN VĂN NGỌC

Nguyễn Ngọc

Tiến sĩ Luật học

Sinh ngày: 01 - 01 - 1957.
Quê quán: Đức Lý - Lý Nhân - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học An ninh - Trung Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học An ninh nhân dân.
Cán bộ giảng dạy.
Trưởng khoa Nghiệp vụ 3 - Trường Đại học An ninh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000.
Tại Trường Đại học An ninh nhân dân.
Ngành Luật học
Chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự.

Đề tài luận án

Hoạt động phá hoại tư tưởng chống Việt Nam qua báo chí và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh của cơ quan an ninh.

Nội dung

Những vấn đề lý luận về báo chí có liên quan đến công tác an ninh; quy luật hoạt động phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch chống Việt Nam qua báo chí ở trong và ngoài nước ta.
Phân tích làm rõ những mặt cơ bản trong phòng ngừa, đấu tranh của các cơ quan chức năng, đặc biệt là cửa cơ quan an ninh đối với các hoạt động trên của đối phương trong những năm qua.
Luận án đã dự báo diễn biến những năm tới và đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh của cơ quan an ninh Việt Nam nhằm làm thất bại mọi hoạt động thù địch trên lĩnh vực báo chí.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Bản chất, nguyên nhân và giải pháp khắc phục hiện tượng tiêu cực trong sinh viên đại học (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Chống diễn biến hoà bình và bạo loạn lật đổ (thư ký - cấp Nhà nước).
Hoạt động của các thế lực thù địch sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng ở nước ngoài phá hoại tư tưởng chống Việt Nam và công tác đấu tranh của cơ quan an ninh (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Hội thảo quốc tế tại Việt Nam và những vấn đề đặt ra cho công tác an ninh (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Sách đã xuất bản:
Một số vấn đề về "diễn biến hoà bình" và chống "diễn biến hoà bình" (đồng tác giả). Nxb Chính trị Quốc gia.
Một số vấn đề về công tác an ninh trên lĩnh vực văn học nghệ thuật.
Đấu tranh với hoạt động tuyên truyền chống Nhà nước CHXHCN Việt Nam (chủ biên).
Giáo trình nghiệp vụ an ninh (đồng tác giả) Trường Đại học An ninh.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành.

Dự định khoa học

Nghiên cứu và công bố các công trình khoa học chuyên ngành.



TRỊNH THỊ KIM NGỌC

Việt Hà, Thái Hà

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 09 - 08 - 1959.
Quê quán: Mai Lâm - Đông Anh - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 220, K5, P. Bách Khoa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Đại học Ngoại ngữ Đà Nẵng.
Nghiên cứu sinh tại Viện Tiếng Nga Puskin, Liên bang Nga.
Giảng viên Đại học Quốc gia Lipest, Liên bang Nga.
Cán bộ nghiên cứu.
Ủy viên Thư ký Hội đồng Khoa học - Viện Nghiên cứu Con người, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.
Hội viên:
Hội Nga ngữ học quốc tế.
Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.
Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Ngành Giáo dục học.
Tiến sĩ Khoa học năm 2000.
Ngành Ngữ văn

Đề tài luận án Tiến sĩ Khoa học

Cơ sở ngôn ngữ - văn hoá học của đối thoại văn hoá.

Nội dung

Trên cơ sở so sánh đối chiếu hai ngôn ngữ: Tiếng Việt và tiếng Nga trong hai nền văn hoá có đặc thù khác nhau, luận án nghiên cứu một cách hệ thống cơ sở ngôn ngữ - văn hoá học của đối thoại văn hoá giữa hai dân tộc Việt - Nga trên các cấp độ và nhiều bình diện khác nhau: cấp độ giao tiếp bằng ngôn từ và phi ngôn từ, cấp độ giao thoa văn hoá có tính ảnh hưởng của đặc thù văn hoá hai dân tộc, đặc biệt là thói quen tư duy ngôn ngữ và nghệ thuật biểu đạt ngôn từ.
Đối thoại văn hoá được xem xét trong luận án từ góc độ người nghiên cứu ngôn ngữ - văn hoá và quan điểm của lý luận dạy học tiếng nước ngoài, vì vậy nó mang định hướng thực tiễn rõ rệt, tạo cơ sở cho việc cảm nhận đặc thù dân tộc trong giao tiếp và dạy học ngoại ngữ.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Ngôn ngữ và văn hoá.
Tri thức nền và việc giảng dạy tiếng nước ngoài. Nxb Khoa học Xã hội Hà Nội.
Những vấn đề về ngôn ngữ và văn hoá trong nghiên cứu tiếng nước ngoài. Nxb Sáng tạo Matxcơva.
Tư tưởng Hồ Chí Minh - Phương pháp luận nghiên cứu con người (đồng chủ biên). Nxb Khoa học Xã hội.
Tham gia nhiều đề tài khoa học các cấp.
Đã công bố gần 40 thông báo khoa học trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu con người và văn hoá Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Con đường khoa học thật nhiều gian nan, nhưng lại luôn rộng mở cho những ai tâm huyết với nó.



TRẦN SĨ NGUYÊN

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 20 - 08 - 1937.
Quê quán: Hồi Ninh - Kim Sơn - Ninh Bình.
Chỗ ở hiện nay: 309 - nhà 5 - Giảng Võ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Trưởng phòng Giáo dục huyện Bắc Hà, Lào Cai.
Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội.
Cán bộ Vụ Giáo dục miền núi - Bộ Giáo dục.
Cán bộ nghiên cứu Ban Giáo dục dân tộc - Viện Khoa học giáo dục Bộ Giáo dục.
Nghiên cứu sinh tại Viện Tâm lý - Viện Khoa học giáo dục Liên Xô - Matxcova.
Phó trưởng Ban Nghiên cứu giáo dục dân tộc Bộ Giáo dục.
Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc - Viện Khoa học giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Hội viên Hội Tâm lý giáo dục học Việt Nam, Ủy viên Ban chấp hành Hội Tâm lý giáo dục khoá I.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979.
Tại Viện Tâm lý thuộc Viện Hàn lâm Khoa học giáo dục Liên Xô.
Ngành Khoa học Tâm lý.
Chuyên ngành Tâm lý học sư phạm, tâm lý học trẻ em và tâm lý học người lớn.

Đề tài luận án

Phân tích việc nắm vững các kỹ năng khái quát (kỹ năng chung) được thực hiện bằng các sơ đồ cơ bản trong giờ học lao động.

Nội dung

Thực trạng và mục đích nghiên cứu. Nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu.
Vai trò của các dạng mô hình hoá ứng dụng trong giờ học lao động ở trường phổ thông tiểu học.
Khái niệm về mô hình hoá trong lý thuyết hoạt động học tập.
Vai trò của các dạng mô hình hoá ứng dụng trong giờ học lao động ở trường tiểu học.
Nghiên cứu thực nghiệm mô hình hoá bằng các sơ đồ cơ bản để hình thành các kỹ năng lao động khái quát cho học sinh trong giờ học lao động.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm đề tài:
Nghiên cứu về mô hình giáo dục ở vùng cao.
Biên soạn thí điểm bộ sách giáo khoa mới cho vùng dân tộc (lớp 1-5).
Giáo dục lớp ghép và song ngữ (dự án hợp tác với UNICEF).



NGUYỄN THỊ NGUYỆT

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 01 - 01 - 1958.
Quê quán: Liên Phương - Thường Tín - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 205A Tập thể Bộ Công nghiệp nhẹ - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng dạy tiếng Việt, văn học và văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài tại Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Giảng dạy tiếng Việt tại Đại học Tổng hợp Phnômpênh - Căm pu chia.
Giảng dạy tiếng Việt, văn học và văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài tại Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000.
Tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Ngành Văn học.
Chuyên ngành Văn học dân gian.

Đề tài luận án

Khảo sát và so sánh một số tip và một môtip truyện cổ dân gian Việt Nam - Nhật Bản.

Nội dung

Khảo sát 11 típ truyện và nhiều môtip tiêu biểu trong truyện cổ tích Việt Nam tương đồng với 11 tip truyện tiêu biểu trong truyện cổ tích Nhật Bản. Đó là những tip truyện về *Chú rể là người đội lốt* và *Người tốt bụng - kẻ xấu bụng*. Trên cơ sở khảo sát so sánh các tip truyện về mặt cấu trúc, nhân vật và những môtip cấu thành cốt truyện, luận án đã tìm được sự tương đồng và dị biệt về tip truyện và môtip qua sự giống và khác nhau về cốt truyện và nhân vật, đồng thời đã lý giải được nguyên nhân của sự tương đồng và dị biệt đó trên cơ sở khảo sát phân tích điều kiện tự nhiên xã hội hai nước.

Thành tựu khoa học

Một số nghiên cứu khoa học đã công bố:
Nét đẹp tình nghĩa của người Việt Nam qua một số truyện cổ tích Việt Nam.
Về bảng mục lục tra cứu tip và môtip truyện cổ dân gian Nhật Bản của Kei Goseki và Hiroko Ikeđa.
Việc ứng dụng hệ thống Aar Ne - Thompson vào truyện kể dân gian Việt Nam.
Nghiên cứu so sánh những tip truyện về *chú rể là người đội lốt* trong truyện cổ tích Việt Nam - Nhật Bản.
So sánh môtíp thưởng và phạt qua một tip truyện cổ tích Việt Nam - Nhật Bản.
Vài nét tương đồng truyện cổ Việt Nam - Nhật Bản.
Môtip "cái thiện được ban thưởng" trong truyện cổ tích Việt Nam.

Dự định khoa học

Nghiên cứu - biên soạn bảng mục tip và môtip truyện cổ dân gian Việt Nam và Đông Nam Á.



LÊ MỸ NGỮ

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 18 - 12 - 1940.
Quê quán
Thị trấn Cầu Giát - Quỳnh Lưu - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 193C Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Trưởng khoa Hoá kiêm trưởng bộ môn Hoá đại cương - Vô cơ, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Hoá học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1971.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Friedrich - Schiller Jena, Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Ngành Hoá vô cơ.

Đề tài luận án

Tính chất hoá học tạo phức của các hợp chất kim loại chuyển tiếp: (Cu (II), Ni (II), Fe (II), Pd (II) và Pt (II) đối với các dẫn xuất chứa lưu huỳnh của 2-metyl-pyridin và 2-etyl-pyridin.

Nội dung

Đề tài đã được đánh giá cao về mặt lý thuyết và ứng dụng làm hợp chất màu cho nhà máy kính quang học Jena ở Cộng hoà dân chủ Đức.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố ở trong và ngoài nước:
Phân bón Supe photphat kép.
Sản xuất axit photphoric trong công nghiệp phân bón.
Tình hình sản xuất, tiêu thụ và phương hướng sản xuất phân bón trên thế giới.
Tình hình sản xuất photpho và các hợp chất của nó trong các nước tư bản.
Phương hướng hiện nay của Liên Xô và một số nước về phát triển phân khoáng.
Về ảnh hưởng của độ lớn vòng lên cấu trúc các chelat kim loại đối với các phối tử có dung lượng phối trí 3 (ở Rumani).
Về ảnh hưởng của độ lớn vòng lên cấu trúc các chelat kim loại, phức chất Pd (II) và Pt (II) với các phối tử là pyridin ankylsunfua - amin (ở Rumani).
Chủ biên giáo trình:
Hoá vô cơ tập 1 - 2 (các phần: Hoá đại cương - Hoá nguyên tố - Hoá học các nguyên tố chuyển tiếp) - Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

Đề tài khoa học:
Phân tích đất và nước vùng Minh Hải để lập bản đồ thổ nhưỡng tỉnh Minh Hải (chủ trì - cấp trường).
Tổng hợp $CuCl_2$ từ dây điện đồng thải bỏ đi để điều chế các hợp chất màu vô cơ theo đơn đặt hàng của các xí nghiệp.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Viết sách hoá học đại cương.
Tham gia giảng dạy đại học và nghiên cứu khoa học.



LÊ VĂN NGỰ

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 27 - 02 - 1947.
Quê quán: Phù Lương - Quế Võ - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp - Thanh Trì - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội.
Cán bộ Trường Cao đẳng Công nghiệp Hà Nội, Bộ Công nghiệp.
Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp - Bộ Công nghiệp.
Nghiên cứu sinh tại Tiệp Khắc.
Cán bộ Viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hoá - Bộ Công nghiệp.
Thành viên Liên đoàn Robot quốc tế IFR.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Đại học Kỹ thuật Kosice, Tiệp Khắc cũ.
Ngành Robot công nghiệp

Đề tài luận án

Điều khiển tối ưu nhanh chuyển động của Robot công nghiệp theo quỹ đạo hình học cho trước.

Nội dung

Lý thuyết điều khiển tối ưu hiện tại chủ yếu dựa trên phương pháp biến phân kinh điển và nguyên lý cực đại Pontriagin. Đó chỉ là những điều kiện cần, về nguyên tắc không đủ để khảo sát bài toán tối ưu tổng quát mà chỉ đúng ở một số trường hợp hạn chế. Bài toán được khảo sát ở luận án là bài toán cơ bản và tổng hợp về điều khiển chuyển động của robot công nghiệp. Khảo sát trên cơ sở mô hình động lực học tổng quát của hệ nhiều vật rắn chuyển động trong không gian, những kết quả thu được có tính tổng quát, áp dụng được cho các trường hợp cụ thể khác nhau. Khi khảo sát đã quan tâm đến điều khiển tối ưu và sự biến thiên của các đại lượng khác có liên quan. Cho phép mở rộng bài toán để khảo sát các đặc tính quan trọng khác khi điều khiển như tính ổn định và bền vững, các chế độ điều khiển gần tối ưu... Luận án cũng chỉ ra một số sai sót của một số tác giả khi áp dụng nguyên lý cực đại Pontriagin.

Thành tựu khoa học

Nhiều báo cáo ở hội nghị trong nước và quốc tế về điều khiển chuyển động của Robot.
Chủ trì một số đề tài cấp Bộ và nhánh đề tài cấp Nhà nước:
Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và áp dụng Robot phục vụ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

Dự định khoa học

Nghiên cứu áp dụng Robot vào sản xuất và tham gia đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực Robot.

Lời Tiến sĩ

Nước ta có nguồn tài nguyên vô giá, đó là trí tuệ Việt Nam. Bí quyết của mọi thành công là ở chỗ biết sử dụng tài nguyên đó.



NGÔ TRỰC NHÃ

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 15 - 03 - 1939.
Quê quán: Viên Thành - Yên Thành - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 232/B4 Quang Trung - Thành phố Vinh - Nghệ An.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Công tác tại Đại học Sư phạm Vinh.
Nghiên cứu sinh Viện Di truyền và Cây trồng (Viện Hàn lâm Cộng hoà dân chủ Đức), Gatersleben.
Chủ nhiệm bộ môn, Phó chủ nhiệm khoa Sinh - Đại học Sư phạm Vinh.
Thực tập sinh cao cấp tại Đại học Potsdam (Cộng hoà dân chủ Đức).
Chủ nhiệm khoa Sinh.
Giám đốc Trung tâm Môi trường và Tài nguyên sinh học.
Chủ nhiệm chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu sinh thực vật học - Đại học Sư phạm Vinh.
Hội viên Hội Lâm nghiệp Nghệ An.
Hội những người Giảng dạy Sinh học Việt Nam.
Hội bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Nghệ An.
Chủ tịch Hội các ngành Sinh học Nghệ An.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972.
Tại Đại học Tổng hợp Halle/s Cộng hoà dân chủ Đức.
Chuyên ngành Sinh học thực vật.

Đề tài luận án

Sự phát triển quả và sự phát triển của hệ bó mạch dẫn trung tâm chi Datura (cà Độc dược) - Solanaceae (họ cà).

Nội dung

Chi Datura (cà Độc dược) được phân chia thành các nhóm: Datura, Dutra, Ceralocaulis Bernh.
Mỗi nhóm có hình dạng cây và quả hoàn toàn khác nhau, có cấu trúc giải phẫu và sự phát triển của quả cũng như hệ bó mạch trung tâm rất khác nhau, các đặc tính chung và riêng của chúng giúp ta phân loại các loài dễ dàng.
Các loài của chi Datura được tìm thấy trong tự nhiên và vườn trồng của nhiều nước trên thế giới, dùng làm thuốc chữa nhiều loại bệnh.
Luận án xác định quá trình biến đổi và phân chia tế bào, mô cũng như cấu trúc hệ bó mạch dẫn trung tâm thứ cấp rất đặc trưng của chi Datura nói riêng và cho họ cà Solanaccae nói chung.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Cây thuốc Nghệ Tĩnh.
Sinh thái cây cọ dầu Hương Sơn, Nghệ Tĩnh (cấp Nhà nước).
Cây xanh thành phố Vinh.
Xây dựng mô hình nông lâm nghiệp bền vững tại một số điểm trung du và miền núi tây nam Nghệ An.
Đề án:
Phát triển hệ sinh thái nông lâm nghiệp miền núi tỉnh Nghệ An (cấp Nhà nước).
Phát triển nông lâm nghiệp bền vững vùng đồi nghèo khó xã Viên Thành huyện Yên Thành, Nghệ An.
Sách đã xuất bản:
Trồng và sử dụng cây thuốc trong trường phổ thông.
Nấm và cách trồng nấm.
Kỹ thuật trồng hoa và cây ăn quả trong vườn trường. Nxb Giáo dục.
Sổ tay kỹ thuật trồng nấm.
VAC và đời sống.
Nông lâm nghiệp bền vững trung du và miền núi Nghệ An (chủ biên). Nxb Nông nghiệp.
Cây trồng (đồng tác giả) Viện Hàn lâm khoa học Đức.
Hệ thực vật POTSDAM (đồng tác giả). Trường Đại học Sư phạm POTSDAM.
Đã biên soạn trên 10 tài liệu, giáo trình đại học, sau đại học.
Huy chương kháng chiến hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu đa dạng sinh học, hệ sinh thái nông lâm nghiệp bền vững, môi trường và sức khoẻ.
Tham gia giảng dạy đại học, sau đại học, hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ.



TRẦN ĐÌNH NHÃ

Tiến sĩ Luật học

Sinh ngày: 18 - 01 - 1955.
Quê quán: Thạch Hải - Thạch Hà - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 8/87 Vĩnh Phúc - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học Luật.
Hiện là Bí thư Đảng uỷ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế - Bộ Công an.
Ủy viên thường vụ Hội Luật gia Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Học viện Bộ Nội vụ Liên Xô cũ, Matxcơva.
Ngành Luật học.
Chuyên ngành Tội phạm học.

Đề tài luận án

Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu tình hình người chưa thành niên phạm pháp và cách thức tổ chức đấu tranh, phòng ngừa tình hình người chưa thành niên phạm pháp ở Việt Nam, từ góc độ tội phạm học và lý luận pháp luật xã hội chủ nghĩa, tác giả đã phân tích, đánh giá và đưa ra nhiều kiến nghị nhằm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội trên các phương diện: xây dựng pháp luật, tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật, tổ chức áp dụng pháp luật và kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật v.v...

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm một số đề tài cấp Bộ.
Tham gia nhiều đề tài cấp Nhà nước.
Tham gia viết sách chuyên khảo, giáo trình, viết bài cho các tạp chí.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học.

Dự định khoa học

Quản lý, giảng dạy và nghiên cứu pháp luật. Đi sâu nghiên cứu tư pháp hình sự quốc tế và thi hành án hình sự.



ĐOÀN HẠNH NHÂN

Đoàn Thị Hạnh Nhân

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 04 - 02 - 1947.
Quê quán: Khánh Hải - Yên Khánh - Ninh Bình.
Chỗ ở hiện nay: 37 ngõ 6 Đội Nhân - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Công tác tại bộ môn Ký sinh trùng, Đại học Y Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Viện Hàn lâm Y học Sôfia, Bungari.
Trưởng phòng Nghiên cứu điều trị sốt rét.
Hiện là Phó Viện trưởng Viện Sốt rét - Ký sinh trùng và côn trùng Trung ương.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Ký sinh trùng Việt Nam.
Thành viên Hội Vệ sinh phòng dịch, Hội miễn dịch.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982.
Tại Viện Hàn lâm Y học Sofia, Bungari.
Chuyên ngành Ký sinh trùng.

Đề tài luận án

Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật chẩn đoán huyết thanh và dịch tễ sốt rét.

Nội dung

Nghiên cứu 2912 người ở các nước nhiệt đới đến Bungari và người Bungari ở các nước có sốt rét trở về... Lâm sàng điều trị: 62 bệnh nhân Bungari, 47 bệnh nhân ở 16 nước châu Á, Phi và Mỹ La Tinh.
Đặc điểm dịch tễ sốt rét: tỷ lệ bệnh, ký sinh trùng nhiễm, mật độ ký sinh trùng trong máu, xác định loài ký sinh trùng P.falciparum; P.vivax; P.ovale.
Thực hiện quy trình kỹ thuật tách chiết kháng nguyên hoà tan. P.vivax, P.falciparum dùng trong kỹ thuật ngưng kết, làm tiêu bản kháng nguyên cho thuật miễn dịch huỳnh quang.
Phân tích triệu chứng lâm sàng sốt rét trên 109 bệnh nhân là cơ sở giúp các bác sĩ chẩn đoán và điều trị sốt rét tại Bungari.
Trong nghiên cứu dịch tễ sốt rét cần ứng dụng các kỹ thuật miễn dịch để phân tích đánh giá tình hình sốt rét của vùng và khu vực.

Thành tựu khoa học

Chủ trì và tham gia một số đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước.
5 đề tài hợp tác với nước ngoài.
Một số bài đăng trên các tạp chí, kỷ yếu khoa học trong và ngoài nước.
Sách đã xuất bản:
Bệnh sốt rét.
Bệnh học - lâm sàng - điều trị (2 chương).
Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu sinh.
Thầy thuốc ưu tú (1997).
Bằng Lao động sáng tạo và một số bằng khen.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ký sinh trùng y học
Miễn dịch, sinh học phân tử, ứng dụng văcxin trong phòng chống các bệnh ký sinh trùng.



NGUYỄN HỮU NHÂN

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 01 - 01 - 1955.
Quê quán: Đức La - Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 174/1 Trần Bình Trọng - Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Học đại học và nghiên cứu sinh tại Liên Xô.
Giảng viên chính, Phó chủ nhiệm bộ môn Vật lý địa cầu, khoa Vật lý Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
Học viên Trung tâm Vật lý Lý thuyết, Trieste, Italy.
Viện Công nghệ Á Châu, Băng Cốc, Thái Lan.
Viện Khoa học biển, Autralia.
Hiện là nghiên cứu viên chính, Đài Khí tượng thuỷ văn khu vực Nam Bộ, Tổng cục Khí tượng thủy văn.
Hội viên Hội Vật lý, Hội Cơ học, Hội nước và Môi trường, Hội Địa lí, Địa chất thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986
Tại Viện Nghiên cứu Hải dương học quốc gia, Matxcơva, Liên Xô.
Ngành Toán lý.
Chuyên ngành Hải dương học.

Đề tài luận án

Mô hình hoá các quá trình tương tác cục bộ giữa biển và khí quyển.

Nội dung

Ứng dụng và phát triển công cụ toán học mô phỏng và tham số hoá quá trình trao đổi xung lượng, năng lượng và vật chất giữa lớp biên khí quyển trên biển và lớp hoạt động bề mặt đại dương theo phương đứng. Các yếu tố khoa học mới bao gồm: (1) bổ sung vào lý thuyết rối lớp biên khí quyển và lớp hoạt động mặt biển mô hình động lực rối 2 tham số k-Ω, trong đó Ω là tần số đặc trưng của các xoáy rối và k là hệ số rối, để mô tả động lực rối trên mặt biên lỏng thay thế mô hình k-Σ thường dùng để mô tả lớp biên trên mặt biên rắn; (2) bổ sung mô hình tham số hoá quá trình chuyển hoá năng lượng sóng vỡ trên mặt biển thành năng lượng phát triển rối trong lớp biên biển và khí quyển; (3) phát triển hoàn chỉnh mô hình tương tác cục bộ biển - khí theo phương đứng, thuật giải số trị và phần mềm giải nó trên máy tính số.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm khoa học 4 đề tài cấp Bộ và tỉnh.
Tham gia chủ trì đề mục 15 đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và tỉnh.
Thực hiện 20 dự án và đề tài nghiên cứu tư vấn cho các doanh nghiệp nhà nước và 3 dự án quốc tế (MRC, AIT và Viện nghiên cứu biển Australia).
Giảng dạy đại học và sau đại học.
Gần 50 bài báo đã công bố trên tạp chí khoa học trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Ứng dụng phần mềm Hydrgis trong ngành khí tượng thủy văn.
Hoàn thiện các phần mềm hiện có về sóng biển, dòng chảy, lan truyền chất và bùn cát...
Ứng dụng công nghệ tin học hiện đại nghiên cứu biển và sông rạch vùng ảnh hưởng của thuỷ triều.



LÃ THỊ NHẪN

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 20 - 10 - 1949.
Quê quán: Đồng Du - Bình Lục - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 22B/12 đường Lam Sơn - Quận Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Phó khoa Huyết học Bệnh viện E Hà Nội.
Trưởng khoa Huyết học.
Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp Bệnh viện Thống Nhất thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Huyết học truyền máu Việt Nam.
Hội Miễn dịch học Việt Nam.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Huyết học truyền máu - thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Huyết học truyền máu.

Đề tài luận án

Nghiên cứu nhiễm virut viêm gan B và virut viêm gan C trên một số nhóm người ở miền Nam Việt Nam để góp phần tìm nguồn cho máu.

Nội dung

Nhu cầu về máu phục vụ điều trị thường rất cao so với khả năng cung cấp của các cơ sở truyền máu. Nguồn cấp máu ở nước ta hiện nay chủ yếu ở đối tượng người cho máu chuyên nghiệp, người thân bệnh nhân, người tình nguyện hiến máu nhân đạo mức độ nguy cơ khác nhau, máu thu được từ các nguồn nói trên đều có thể lây nhiễm virut HBV, HCV, HIV, nếu những nguyên tắc an toàn chống nhiễm khuẩn không được tôn trọng nghiêm ngặt, hoặc không có điều kiện kiểm tra sàng lọc. Kết quả nghiên cứu viêm gan sau truyền máu chiếm một tỷ lệ đáng kể, đặc biệt là viêm gan C. Việc khảo sát tình hình nhiễm HBV, HCV trong dân chúng thuộc các nhóm có nguy cơ lây nhiễm khác nhau, đánh giá tình hình dịch tễ nhiễm HVB, HCV của các khu vực mang lại ý nghĩa thiết thực cho việc tìm kiếm nguồn máu an toàn.
Xác định các kiểu xuất hiện đồng thời các dấu ấn là một đóng góp mới của luận án, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn trong nghiên cứu MDH viêm gan do virut, ứng dụng trong công tác an toàn truyền máu.
Kết quả nghiên cứu cho thấy tình hình nhiễm HBV và HCV ở miền Nam Việt Nam là khá cao.
Cần kiểm soát và sàng lọc HBsAg, anti-HBc, anti-HCV ở người cho máu.
Vận động các nhóm nhiễm thấp hiến máu.
Áp dụng văcxin để tăng bảo vệ miễn dịch chống HBV.
Xây dựng bản đồ dịch tễ HBV, HCV của cả nước.

Thành tựu khoa học

Trên 20 nghiên cứu đã đăng trên các tạp chí chuyên ngành.
Thầy thuốc ưu tú (1999)

Dự định khoa học

Nghiên cứu sử dụng kỹ thuật của máy đông máu tự động Coag-A-Matera$_4$ để khảo sát hiện tượng tăng đông máu trong bệnh tim mạch (HA cao, NMCT, HHL, TBMN). Ứng dụng điều trị thuốc chống đông.



VÕ VĂN NHẬT

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 03 - 01 - 1956.
Quê quán: Hương Đồng - Hương Khê - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 14B19 - Láng Hạ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Học trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Kiev.
Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ quốc gia, Varônhét, Liên Xô cũ.
Cán bộ ban Quốc tế, Tổng Công đoàn Lao động Việt Nam.
Cán bộ ban Cán sự Công đoàn Việt Nam tại Maxtcơva.
Nghiên cứu sinh tại Viện Lao động và các vấn đề xã hội, Maxtcơva, Liên bang Nga.
Hiện là Trưởng phòng, Ban Đối ngoại Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Viện Lao động và các vấn đề xã hội, Matxcơva Nga.
Chuyên ngành Sử học.

Đề tài luận án

Công đoàn Nga trong điều kiện chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường (1991 - 1995).

Nội dung

Sau khi Liên Xô sụp đổ, hệ thống XHCN tan vỡ, phong trào công đoàn thế giới có nhiều thay đổi. Các tổ chức công đoàn các nước XHCN trước đây không còn tồn tại và các tổ chức công đoàn mới ra đời với sự thay đổi cơ bản. Công đoàn Liên Xô (cũ) với công đoàn Việt Nam có mối quan hệ hữu nghị truyền thống. Lao động và công đoàn Việt Nam đã luôn nhận được sự giúp đỡ to lớn, quý báu của lao động và công đoàn Liên Xô trong thời gian dài. Lao động, công đoàn Việt Nam luôn trân trọng và ghi nhớ tình cảm, sự giúp đỡ của lao động, công đoàn Liên Xô đã dành cho lao động công đoàn Việt Nam. Công đoàn Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì, phát triển mối quan hệ hợp tác hữu nghị với lao động, công đoàn Liên Xô cũ nói chung và với công đoàn Nga (Liên hiệp công đoàn độc lập Nga) nói riêng trong thời gian tới.
Luận án phân tích những ưu điểm, tồn tại của phong trào Nga trong quá khứ và sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, tính chất, nguyên tắc hoạt động, tổ chức... của công đoàn Nga trong điều kiện mới.
Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, những thay đổi căn bản của công đoàn Nga và triển vọng của nó giúp công đoàn Việt Nam nghiên cứu, rút ra những kinh nghiệm và bài học hữu ích khi Việt Nam đang tiến hành đổi mới.



NGUYỄN VĂN NHỊ

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 10 - 05 - 1932.
Quê quán: Nghĩa Hoà - Tư Nghĩa - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 36/15B Trần Hưng Đạo - Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Đóng tàu thủy Ogecca Liên Xô cũ.
Cán bộ giảng dạy Đại học Giao thông vận tải.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Đóng tàu Ogecca.
Chủ nhiệm khoa, Hiệu phó, Hiệu trưởng Đại học Giao thông thuỷ - Bộ Giao thông Vận tải.
Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Thuỷ sản Chiến Thắng Bộ Thuỷ sản.
Hội viên Hội Khoa học kỹ thuật biển.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972.
Tại Trường Đóng tàu Ogecca Liên Xô.
Ngành Hệ động lực tàu thuỷ.

Đề tài luận án

Ứng xuất nhiệt nhóm xi lanh - pittông của động cơ điêzen tàu thuỷ ở những chế độ chuyển tiếp.

Nội dung

Nghiên cứu về trường nhiệt và ứng xuất nhiệt nhóm xi lanh, pittông của động cơ đốt trong tàu thuỷ khai thác và chọn việc nghiên cứu và tính nghiệm khi khai thác động cơ ở các chế độ chuyển tiếp (không ổn định).
Nghiên cứu các lý thuyết về nhiệt và ứng xuất nhiệt từ phương trình vi phân để giải tính dẫn nhiệt của vật rắn có dòng nhiệt đồng nhất.
Áp dụng phương pháp đồ giải chứng minh cường độ ứng xuất nhiệt xảy ra trong 30-40 giây đầu khi bắt đầu khởi động và khi hạ tải tắc động cơ cương độ hạ nhiệt trong vòng 50-60 giây.
Xây dựng sơ đồ khối giải các phương trình trên máy tính điện tử, từ kết quả tính toán xây dựng đồ thị biểu diễn sự ảnh hưởng giữa nhiệt và ứng xuất nhiệt với các thông số đã chọn.
Thực nghiệm cụ thể trên động cơ C275λ. Sử dụng dây cặp nhiệt bằng crôm với thiết bị đo nhiệt π π các thông số vào trong quá trình tăng tải theo cấp, hạ tải cũng theo cấp chứng minh ứng xuất nhiệt tăng và hạ đều tỷ lệ thuận với tải trọng.
Phần kết luận và đề xuất:
Hoàn toàn có thể lập trình trên máy tính để xác định ứng xuất nhiệt, giữa lý thuyết và thực nghiệm sai lệch không đáng kể (khoảng 5 - 10 %).
Thời gian nung nóng chi tiết không quá 20 phút, thay tải khoảng 3 - 4 cấp khi máy tắt nên giữ bơm làm mát máy sau 1 - 2 phút.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm đề tài:
Ứng dụng vỏ mỏng xi măng lưới thép, lắp đặt hệ thống động lực tàu khách xi măng lưới thép (60 mã lực) ứng dụng xi măng lưới thép vào tàu thuyền, xà lan trong giao thông vận tải thuỷ.

Dự định khoa học

Tham gia giảng dạy đại học, cao học, viết giáo trình về ứng xuất nhiệt nhóm xi lanh, pit tông động cơ tàu thuỷ.



VŨ THỊ NHO

Minh Vân

Tiến sĩ Tâm lý

Sinh ngày: 17 - 4 - 1944.
Quê quán: Diễn Bình - Diễn Châu - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 29 A tổ 5 - Phường Khương Đình - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội.
Cán bộ Vụ Mẫu giáo Bộ Giáo dục.
Cán bộ Viện Khoa học giáo dục.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô.
Hội viên Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983.
Tại Viện Hàn lâm Sư phạm Liên Xô.
Chuyên ngành Tâm lý học trẻ em và sư phạm.

Đề tài luận án

Những đặc điểm tâm lý của việc hình thành hứng thú nhận thức của học sinh phổ thông.

Nội dung

Những đặc điểm tâm lý trong quá trình hình thành hứng thú nhận thức ở học sinh phổ thông cơ sở.
Con đường, những điều khiển hình thành hứng thú nhận thức ở học sinh.
Những ứng dụng có tính sư phạm đối với việc hình thành hứng thú nhận thức.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài cấp Bộ.
Một số đặc điểm tâm lý và trình độ phát triển trí tuệ của học sinh tiểu học.
Sự thích nghi với hoạt động học tập của học sinh tiểu học.
Một số đặc điểm về khả năng tự đánh giá của học sinh cuối bậc tiểu học.
Viết một số giáo trình đại học và cao học về tâm lý.
Tham gia viết một số sách về khoa học giáo dục.
Nhiều bài đăng ở các tạp chí chuyên ngành.
Tham gia một số đề tài nghiên cứu khoa học các cấp.

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học và tham gia đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.



NGUYỄN THỊ NHUNG

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 29 - 11 - 1933.
Quê quán: Phương Liên - Đống Đa - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 43 Nguyễn Bỉnh Khiêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Văn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Giáo viên Trường Sư phạm Trung cấp Hà Đông, Trường phổ thông Nguyễn Huệ Hà Đông.
Cán bộ nghiên cứu Cục Biểu diễn nghệ thuật - Bộ Văn hoá.
Thư ký khoa học, nghiên cứu viên chính Viện Sân khấu - Viện Văn hoá nghệ thuật Việt Nam.
Hội viên Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Viện Văn học Việt Nam.
Ngành Khoa học xã hội - Nhân văn.
Chuyên ngành Ngữ văn.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu lý luận thể loại sân khấu tuồng truyền thống.

Nội dung

Nghiên cứu những đặc điểm và các mối liên hệ của văn học tuồng truyền thống, đã xác định về mặt thể loại và gọi sân khấu này là sân khấu kể chuyện truyền thống.
Tính chất mô tả truyền thống của tuồng theo hướng cách điệu, biểu trưng.
Luận án góp phần xác định vị trí thể loại của sân khấu kể chuyện truyền thống.
Do đặc trưng "sân khấu kể chuyện truyền thống" với phương pháp biểu diễn "phương pháp mô tả truyền thống" là những đặc trưng bền vững, có ý nghĩa thể loại, nên cần được tôn trọng trong quá trình kế thừa và phát triển sân khấu tuồng truyền thống.

Thành tựu khoa học

Đề tài khoa học cấp Bộ:
Bước đầu tìm hiểu sân khấu kể chuyện phương Đông trong mối quan hệ với sân khấu truyền thống Việt Nam.
Công trình đã ứng dụng:
Lý luận về "sân khấu kể chuyện truyền thống" và "phương pháp mô tả truyền thống" đã được Nhà hát Tuồng Việt Nam và một số đoàn nghệ thuật thể nghiệm.
Sách đã xuất bản:
Nghệ sĩ tuồng Nguyễn Lai. Nxb Văn hoá.
Vị trí thể loại sân khấu tuồng truyền thống. Nxb Sân khấu.
Đồng tác giả một số đầu sách.
Trên 40 bài nghiên cứu, phê bình đăng ở các tạp chí, tham luận ở các hội nghị trong và ngoài nước.
Giải thưởng về nghiên cứu lý luận sân khấu, Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam.
Huân chương kháng chiến hạng nhì.



ĐINH THỊ QUỲNH NHƯ

Tiến sĩ Địa lý

Sinh ngày: 19 - 9 - 1950.
Quê quán: Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 621 Cách mạng Tháng 8 - Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Địa lý Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Nghiên cứu sinh Trường Khí tượng thuỷ văn Lêningrat.
Cán bộ nghiên cứu Trung tâm Khí tượng thủy văn phía Nam thuộc Tổng cục Khí tượng thủy văn.
Cán bộ giảng dạy khoa Địa lý Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Trường Khí tượng thủy văn Lêningrat, Liên Xô cũ.
Ngành Địa lý.
Chuyên ngành Khí tượng.

Đề tài luận án

Đặc điểm trường mây ở khu vực Đông Nam Á.

Nội dung

Sự phân bố mây (lượng, dạng mây) bên trên một vùng địa lý có liên quan đến trạng thái vật lý của khí quyển và thời tiết của vùng đó. Bằng kết quả thống kê và so sánh các bức ảnh mây chụp từ vệ tinh tới tình hình thời tiết tại Việt Nam đã rút ra một số kết luận về những đặc điểm của trường mây trên khu vực.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng khí hậu phục vụ nghiên cứu ô nhiễm không khí ở khu vực Nam Bộ.

Dự định khoa học

Tham gia viết giáo trình và giảng dạy chuyên ngành.



TRƯƠNG VĂN NHƯ

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 10 - 10 - 1950.
Quê quán: Tân Minh - Sóc Sơn - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: C1 - Tập thể Viện Sốt rét - Ký sinh trùng và côn trùng Trung ương - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Dược Hà Nội.
Dược sĩ phòng Nghiên cứu lâm sàng, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng và côn trùng Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Dược Hà Nội.
Nghiên cứu viên phòng Nghiên cứu lâm sàng. Viện Sốt rét - Ký sinh trùng và côn trùng Hà Nội.
Phó trưởng khoa Nghiên cứu điều trị sốt rét, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng và côn trùng Trung ương.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Trường Đại học Dược Hà Nội.
Chuyên ngành Thuốc Nam đông dược.

Đề tài luận án

Nghiên cứu cây khổ sâm cho lá và đánh giá tác dụng trên ký sinh trùng sốt rét bằng phương pháp thực nghiệm.

Nội dung

Nghiên cứu cây thuốc có tác dụng trên ký sinh trùng sốt rét, phục vụ phòng chống sốt rét quốc gia và đóng góp vào công tác phòng chống sốt rét chung cho con người.
Nghiên cứu đã, đang được triển khai trong cả nước và các nước trong khu vực có bệnh sốt rét nhằm tìm kiếm thuốc sốt rét có nguồn gốc từ thảo mộc.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài:
Nghiên cứu tác dụng của artemisinin và dẫn xuất bằng đường thấm qua da (cấp Viện).
Nghiên cứu độc tính bán cấp của artemisinin và dẫn xuất (cấp Bộ).
Nghiên cứu ảnh hưởng của artesunate trong quá trình sinh sản của chuột trắng (cấp Bộ).
Nghiên cứu ảnh hưởng của artemisinin gắn Fluor đối với tổ chức gan, thận, não của của động vật thực nghiệm (dự án hợp tác với EC).
Đánh giá chất lượng và tương đương sinh học của artesunete do Việt Nam sản xuất (cấp cơ sở).
Nhiều bằng khen của Bộ Y tế, Tổng Công đoàn Việt Nam.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sản xuất thuốc sốt rét và đông dược của Việt Nam.



TRƯƠNG SỸ NIÊM

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 23 - 12 - 1947.
Quê quán: Diễn Châu - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
Hiện là Phó trưởng khoa Dịch tễ - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
Thành viên Hội Côn trùng quốc gia.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Côn trùng học.

Đề tài luận án

Bọ chét Xenopsylla Cheopis Rothschild 1903 (Aphaniptera Pulicidae) và vai trò truyền dịch hạch ở một số thành phố miền Bắc Việt Nam.

Nội dung

Để góp phần khống chế bệnh dịch hạch do bọ chét truyền, phải giải quyết nhiều vấn đề phức tạp, trong đó việc nghiên cứu sinh thái học của bọ chét X. Cheopis vật trung gian truyền bệnh dịch hạch cho người và động vật là việc quan trọng.
Nghiên cứu sinh học, sinh thái và đặc biệt khả năng sinh sản của bọ chét X. Cheopis trong phòng thí nghiệm.
Tìm hiểu các quy luật phân bố, biến động số lượng của bọ chét X. Cheopis ở một số thành phố lớn Hà Nội và Hải Phòng.
Xác định vai trò truyền bệnh dịch hạch của bọ chét X. Cheopis.
Nghiên cứu đề xuất các biện pháp phòng trừ bọ chét và phòng chống dịch hạch.

Thành tựu khoa học

Chủ trì và tham gia nghiên cứu trên 28 đề tài khoa học cấp Bộ và Viện.
Tham gia nghiên cứu 4 đề tài cấp Nhà nước.
Tham gia viết tài liệu:
Giám sát và phòng chống các vectơ và vật chủ truyền bệnh.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sinh thái học bệnh dịch hạch, các biện pháp phòng chống tiến tới thanh toán bệnh dịch hạch ở Việt Nam.



PHẨM AN NINH

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 01 - 01 - 1957.
Quê quán: Bến Thủ - Long An.
Chỗ ở hiện nay: 34C Cách mạng Tháng 8 - Biên Hoà - Đồng Nai.

Quá trình công tác

Học trường Nguyễn Ái Quốc 9.
Trường Tuyên huấn Trung ương 1.
Phó chủ nhiệm khoa Xây dựng Đảng - Trường Tuyên huấn Trung ương 2.
Chuyên viên Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Đồng Nai.
Trưởng Ban Tuyên giáo, Huyện uỷ kiêm Giám đốc Trung tâm Giáo dục lý luận huyện, kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Thống Nhất.
Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000.
Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Hà Nội.
Chuyên ngành Kinh tế chính trị xã hội chủ nghĩa.

Đề tài luận án

Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Đồng Nai.

Nội dung

Luận án đã làm rõ thực trạng xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Đồng Nai, rút ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của yếu kém, đặc biệt những mâu thuẫn đặt ra cần giải quyết để thúc đẩy xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Đồng Nai. Bước đầu khái quát những xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trong thời gian tới ở một vùng sinh thái đặc thù, gắn với sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu).
Dự báo xu hướng, đưa ra hệ quan điểm và những giải pháp khả thi nhằm đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trong quá trình thực hiện xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài và bài viết đã công bố:
Chuyển dịch cơ cấu sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
Chuyển dịch cơ cấu sản xuất và lao động ở nông thôn miền Đông Nam Bộ. (tham gia).
Chuyển dịch cơ cấu cây trồng ở nông thôn Đồng Nai - Thực trạng, xu hướng và giải pháp.
Nông nghiệp Đồng Nai - Thực trạng và phương hướng phát triển.
Những thành tựu về kinh tế - xã hội Đồng Nai thời kỳ 1986 - 1998 và phương hướng phát triển đến năm 2005.



LÊ VĂN NÔNG

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 04 - 02 - 1936.
Quê quán: Hoà Lộc - Hậu Lộc - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: P5 - A20 Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Nghiên cứu viên chính Viện Nông nghiệp Việt Nam.
Hội viên Hội Côn trùng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.
Chuyên ngành Bảo vệ rừng.

Đề tài luận án

Thành phần họ mọt gỗ chân dài (Platypodidae. Coleoptera) ở Bắc Việt Nam, sinh học một số loài chính và biện pháp phòng trừ.

Nội dung

Mọt hại gỗ chân dài Platypodidae (Coleotera) là một trong những côn trùng cánh cứng hại gỗ nghiêm trọng ở rừng nhiệt đới ẩm, chính họ mọt gỗ này khi xâm nhập vào gỗ còn tươi, ẩm độ gỗ cao, tạo thành những đường hang ngoằn ngoèo có màu đen làm giảm phẩm chất gỗ.

Ở nước ta, gỗ sau khi khai thác còn để ở rừng, chưa kịp vận chuyển ra khỏi rừng đưa về nơi chế biến gỗ thường bị mọt Platypodidae phá hoại nghiêm trọng.
Luận án đã trình bày một cách có hệ thống về phân bố, đặc trưng hình thái, thành phần loài và đặc tính sinh học của 5 giống gồm 25 loài, trong đó có 1 giống mới và 13 loài mới cho khu hệ côn trùng Bắc Việt Nam và 4 loài mới cho khoa học đã được phát hiện ở Bắc Việt Nam.
Trên cơ sở nghiên cứu về sinh học sinh thái họ mọt gỗ chân dài Platypodidae đã đưa ra phương pháp phòng trừ họ mọt gỗ này một cách thích hợp.
Hong phơi gỗ làm cho gỗ nhanh đạt đến ẩm độ thăng bằng từ 12 - 20% là một trong những biện pháp kỹ thuật để phòng chống sự xâm nhập và phá hoại của họ mọt này.
Dùng các loại thuốc bảo quản gỗ: LN-1 với nồng độ 4%, lượng thuốc bột 7kg/m^3, hoặc $CuSO_4$ với nồng độ 40% lượng thuốc bột từ 5 - 7kg/m^3 để tẩm cây đứng cũng có thể hạn chế tốt sự xâm nhập và phá hoại của họ mọt gỗ chân dài Platypodidae.

Thành tựu khoa học

Quy trình bảo quản đồ mộc đã được ứng dụng trong sản xuất.
Sách đã xuất bản:
Côn trùng hại gỗ và biện pháp phòng trừ. Nxb Nông nghiệp.



NGUYỄN NGỌC NÔNG

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 07 - 6 - 1958.
Quê quán: Giang Sơn - Gia Bình - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 986 Tổ 1 phường Quang Vinh - Thành phố Thái Nguyên.

Quá trình công tác

Phó trưởng phòng Khoa học, Phó trưởng phòng Tổng hợp Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên. Hiện là Phó trưởng khoa Trồng trọt - Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Khoa học Đất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.
Chuyên ngành Nông hoá học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu hiệu lực của lân đối với cây lúa trên đất dốc tụ vùng Bắc Thái.

Nội dung

Nghiên cứu hiệu lực của lân đối với cây lúa trên đất dốc tụ vùng Bắc Thái nhằm đánh giá vai trò của lân và các biện pháp kỹ thuật, nâng cao hiệu lực của phân lân, góp phần nâng cao năng suất lúa và hiệu quả đầu tư phân bón.

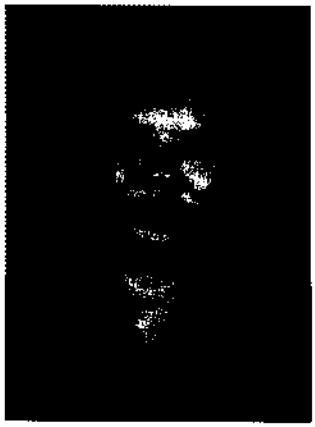
Luận án đã đề xuất các công thức và kỹ thuật bón phân cho lúa đạt năng suất và hiệu quả cao, góp phần giải quyết vấn đề lương thực trong vùng, khai thác và sử dụng có hiệu quả đất dốc tụ, hạn chế đất nương rẫy và phá rừng ổn định để phát triển sản xuất ở vùng núi phía Bắc.

Thành tựu khoa học

Thư ký 2 dự án cấp Nhà nước.
Xây dựng mô hình phát triển kinh tế xã hội nông thôn vùng cao tại huyện Na Rì và Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.
Chủ trì các đề tài:
Đánh giá hiện trạng và nghiên cứu biện pháp kỹ thuật nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên (cấp Bộ).
Nghiên cứu hiệu lực phân bón ở các vùng sinh thái Việt Nam (đề tài nhánh - cấp Nhà nước).
Sách đã xuất bản:
Nông hoá học - Giáo trình đại học.
Nxb Nông nghiệp.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.

Dự định khoa học

Giảng dạy và nghiên cứu khoa học nông nghiệp.



NGUYỄN THỊ NƯƠNG

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 22 - 7 - 1955.

Quê quán: Hoàng Trung - Hoà An - Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: Đề Thám - Hoà An - Thị xã Cao Bằng.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp III Bắc Thái.
Cán bộ nghiên cứu Trại giống lúa Vỏ Đạo Cao Bằng.
Trạm Bảo vệ thực vật trung tâm tỉnh Cao Bằng.
Phó Trạm trưởng Trạm Bảo vệ thực vật.
Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ thực vật Cao Bằng.
Phó Giám đốc Sở Nông Lâm nghiệp Cao Bằng.
Nghiên cứu sinh Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.
Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng.
Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng.
Hiện là Bí thư Thị uỷ thị xã Cao Bằng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998.
Tại Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.
Chuyên ngành Trồng trọt.

Đề tài luận án

Nghiên cứu xây dựng cơ cấu cây trồng hợp lý ở tỉnh Cao Bằng.

Nội dung

Nghiên cứu mối quan hệ giữa các yếu tố khí hậu, đất đai, quần thể cây trồng, quần cư của các dân tộc ít người, phương thức canh tác truyền thống gắn với 3 tiểu vùng sinh thái ở Cao Bằng.
Xác định khả năng chuyển đổi hệ thống cây trồng ở từng tiểu vùng sinh thái của tỉnh Cao Bằng theo hướng nâng cao năng suất, giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích.
Tạo dựng một số mô hình hợp lý và ứng dụng nhân rộng ra những khu vực có điều kiện sinh thái tương tự.

Dự định khoa học

Nghiên cứu cơ cấu cây trồng hợp lý tỉnh Cao Bằng.
Áp dụng vào sản xuất, khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.
Đề xuất một số chính sách để phát huy khoa học kỹ thuật ở địa phương.



NÔNG VĂN PÁO

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 25 - 8 - 1951.
Quê quán: Chí Viễn - Trùng Khánh - Cao Bằng.
Chỗ ở hiện nay: Ngọc Xuân - Thị xã Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Cơ điện Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy khoa Cơ điện Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Nghiên cứu sinh ở Bungari.
Chuyên viên công nghiệp Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.
Giám đốc Công ty Mía đường Cao Bằng.
Hiện là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Đại học Kỹ thuật Tổng hợp Rut Xe, Bungari.
Ngành Ô tô máy kéo

Đề tài luận án

Nghiên cứu sơ đồ cấu trúc của hộp số thuỷ cơ hai nhánh dùng cho ô tô máy kéo.

Nội dung

Hộp số vô cấp thuỷ lực được sử dụng rộng rãi trong ô tô, máy kéo, máy nâng hạ và các máy chuyên dùng khác với nhiều ưu điểm, nhưng hiệu suất truyền động thấp. Với những ưu điểm của hộp số thuỷ lực vô cấp kết hợp hiệu suất truyền động cao của hộp số cơ học, luận án đã nghiên cứu loại hộp số với hai nhánh thuỷ lực và cơ học.
Thông qua nghiên cứu: xây dựng các sơ đồ cấu trúc của hộp số, tính toán tỷ số truyền, hiệu suất truyền động v.v... thiết kế, xây dựng mô hình thí nghiệm và khảo nghiệm trong phòng thí nghiệm. Bằng phương pháp quy hoạch thực nghiệm xác định các thông số tối ưu của hộp và giải các bài toán, xây dựng các đường đặc tính trên máy tính, luận án đưa ra phương án tối ưu: hộp số thuỷ tĩnh - cơ học hai nhánh dùng cho ô tô và máy kéo.



NGUYỄN MẠNH PHA

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 2 - 2 - 1953.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 50 Nguyễn Bỉnh Khiêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu tinh dầu Đại học Dược Hà Nội.
Phụ trách Trung tâm Thông tin thuốc - Thư viện Đại học Dược Hà Nội.
Chuyên viên Vụ Khoa học Đào tạo - Bộ Y tế.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Trường Đại học Dược Hà Nội.
Chuyên ngành Đông dược và thuốc nam

Đề tài luận án

Nghiên cứu tinh dầu hoa và vỏ quả một số chủng loại bưởi [Citrus maxima (J. Burmal) Merrill] ở miền Bắc Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu thành phần hoá học của hoa, lá, quả ba chủng loại bưởi (bưởi trắng chua, bưởi trắng ngọt, bưởi đào) tại một số vùng miền Bắc Việt Nam:
Xác định hàm lượng tinh dầu hoa của các chủng loại và sự thay đổi hàm lượng tinh dầu hoa qua quá trình bảo quản.
Xác định thành phần hoá học của tinh dầu hoa bưởi.
Xác định thành phần hoá học của tinh dầu vỏ quả bưởi.
Thăm dò tác dụng diệt bọ gậy của tinh dầu vỏ quả bưởi trên bốn chủng loại muỗi truyền bệnh (sốt rét, sốt xuất huyết, viêm não Nhật Bản và giun chỉ).
Mô tả và nghiên cứu một số đặc điểm về thực vật của các chủng loại bưởi.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu các đề tài cấp Nhà nước:
Nghiên cứu quy trình trồng và chiết xuất tinh dầu bạc hà.
Nghiên cứu chuyển hoá menthol ceton thành menthol.
Nghiên cứu quy trình trồng và chiết xuất tinh dầu hương nhu.
Nghiên cứu quy trình chiết xuất menthol.
Giải nhất hội nghị khoa học tuổi trẻ các trường đại học y dược toàn quốc lần thứ nhất.



NGUYỄN MẠNH PHAN

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 24 - 8 - 1938.
Quê quán: Ninh Phúc - Hoa Lư - Ninh Bình.
Chỗ ở hiện nay: 306/5 Cách mạng Tháng 8 - Quận Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Bác sĩ Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô Hà Nội.
Bác sĩ bảo vệ sức khoẻ Trung ương cục miền Nam Việt Nam.
Trưởng đoàn thực tập sinh y tế tại Cộng hoà dân chủ Đức.
Bác sĩ Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô Hà Nội.
Phó giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô Hà Nội.
Thực tập sinh cao cấp tại Cộng hoà dân chủ Đức.
Phó giám đốc Bệnh viện Thống nhất thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Giám đốc Bệnh viện Thống nhất thành phố Hồ Chí Minh.
Được phong Giáo sư năm 1996.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Nội khoa Việt Nam.
Phó Chủ tịch Hội Tim mạch học quốc gia Việt Nam.
Chủ tịch Hội Tim mạch học thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học năm 1988.
Tại Viện Hàn lâm Đào tạo sau đại học Cộng hoà dân chủ Đức.
Chuyên ngành Nội khoa tim mạch.

Đề tài luận án

Loạn nhịp tim ở người Việt Nam trưởng thành.

Nội dung

Khảo sát loạn nhịp tim ở người Việt Nam trưởng thành thuộc nhiều đối tượng khác nhau để thấy rõ tỷ lệ loạn nhịp tim, đặc điểm và các thể loạn nhịp ở các loại bệnh: tăng huyết áp, thiếu máu cục bộ cơ tim, thấp khớp cấp, viêm nội tâm mạc bán cấp v.v... Phần cốt yếu đóng góp tư liệu mới về bệnh lý tim mạch là loạn nhịp tim ở bệnh nhân bị bệnh sốt rét (do P. Falciparum hoặc P. Vivax) với tỷ lệ khá cao (20,5%), diễn biến phức tạp, đặc biệt những ca sốt rét nặng hoặc sốt rét ác tính. Từ trước đến nay biểu hiện tim mạch ở bệnh sốt rét ít được nghiên cứu quan tâm vì 3 lý do chính:
Sốt rét thường xảy ra ở vùng nhiệt đới (châu Á, châu Phi...) các quốc gia mà nền y tế chưa phát triển, do vậy không có điều kiện nghiên cứu sâu về các biểu hiện bệnh lý tim mạch.
Những người trực tiếp tiếp xúc với bệnh sốt rét thường làm công tác nghiên cứu dịch tễ học hoặc chuyên khoa sâu về truyền nhiễm nên ít để ý đến các biểu hiện tim mạch.
Biểu hiện tim mạch trong sốt rét thường lẫn lộn nhiều yếu tố như: sốt cao, thiếu máu, tác dụng phụ của thuốc chống sốt rét v.v... do đó ít được phân biệt rạch ròi.

Thành tựu khoa học

Các đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu:
Loạn nhịp tim ở người lớn tuổi.
Loạn nhịp tim chậm: chẩn đoán và điều trị.
48 đề tài khoa học cấp cơ sở: đã báo cáo trong các hội nghị chuyên ngành hoặc đăng trên các tạp chí y học trong nước.
Bằng lao động sáng tạo.
Đề tài kích thích tim qua thực quản.



NGUYỄN XUÂN PHÁCH

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 25 - 5 - 1932.
Quê quán: Phù Khê - Từ Sơn - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 73 Hồ Đắc Di - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Chủ nhiệm Quân y Trung đoàn 174, 98 sư đoàn 316.
Giảng viên, phụ trách phòng Nghiên cứu khoa học Trường Đại học Quân y. Bổ túc bác sĩ chuyên khoa, Học viện Quân y Kirôp Liên Xô.
Chủ nhiệm bộ môn Y học phóng xạ, Đại học Quân y.
Nghiên cứu sinh tại Cộng hoà dân chủ Đức.
Trưởng phòng Nghiên cứu khoa học. Phó giám đốc kiêm Chủ nhiệm bộ môn Y học hạt nhân, Học viện Quân y. Giám đốc Trung tâm Y học hạt nhân và Bảo vệ phóng xạ, Cục Quân y. Hiện là chuyên viên đầu ngành, Cục Quân y. Giáo sư Y học phóng xạ, Nhà giáo ưu tú. Uỷ viên thường vụ Hội Điện quang và Y học hạt nhân Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1980.
Tại Đại học Tổng hợp Ernst - Moritz - Arndt, Greifswald, Cộng hoà dân chủ Đức. Ngành Y học. Chuyên ngành Y học quân sự/ Y học phóng xạ.

Đề tài luận án

Tổn thương hỗn hợp phóng xạ và chất độc chiến tranh và tìm biện pháp phòng chống.

Nội dung

Trong chiến tranh hiện đại, địch có thể sử dụng vũ khí hạt nhân dưới nhiều hình thức và phối hợp chất độc chiến tranh. Đối phó thế nào với thứ vũ khí giết người hàng loạt đó Luận án tập trung vào việc gây bệnh phóng xạ kết hợp với gây nhiễm độc các chất độc thần kinh: sarin, tabun, soman tạo ra bệnh cảnh khác nhau trên hơn 5000 động vật thí nghiệm (chuột bạch, thỏ). Nhiều thứ thuốc điều trị đã được áp dụng trên 500 con vật bị tổn thương hỗn hợp bằng dịch chiết PT. Thí nghiệm đã chứng tỏ dịch chiết PT có tác dụng chống phóng xạ, giải độc, đặc biệt là với chất độc thần kinh. Luận án có những đóng góp mới về y học quân sự.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài cấp Nhà nước:
Nghiên cứu tác dụng tăng đề kháng chống phóng xạ và tăng thải xạ của một số thuốc chế tạo từ dược liệu thực vật và động vật Việt Nam.
Nghiên cứu thuốc sinh thích nghi để đảm bảo an toàn phóng xạ cho các đội bay vũ trụ.
Ứng dụng năng lượng nguyên tử vào lợi ích kinh tế quốc dân.
Chế tạo thuốc bảo vệ phóng xạ có giá trị và đã ứng dụng cho hơn 30 người nước ngoài bị hậu quả của vụ tai nạn lò nguyên tử. Chernobyl, tình nguyện sang Việt Nam điều trị.
Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân tiên tiến để nâng cao chất lượng chẩn đoán và điều trị bệnh.
Nghiên cứu chế tạo một số chất điều biến sinh học (biological response modifier) từ cây con thuốc Việt Nam.
Nghiên cứu xây dựng hệ thiết bị điện toán - điện não ký để tăng cường chất lượng chẩn đoán bệnh tâm thần thần kinh (cấp Bộ).
Ứng dụng máy tính trong giảng dạy (cấp Bộ).
Sách đã xuất bản:
Sử dụng thuốc (đồng tác giả). Cục Quân y. *Chẩn đoán bệnh bằng đồng vị phóng xạ. Tác hại của chất 2, 4, 5 T và 2, 4 D trên sinh vật* (chủ biên). Đại học Quân y. *Một số phương pháp thống kê toán học dùng để đánh giá các kết quả nghiên cứu trong y sinh dược học. Sử dụng đồng vị phóng xạ trong chẩn đoán lâm sàng và nghiên cứu y sinh học.* Học viện Quân y. *Thống kê y học.* Nxb Y học.
Toán thống kê và tin học ứng dụng trong sinh, y, dược (đồng tác giả). Nxb Quân đội nhân dân.
Môi trường và sức khoẻ. Tự bấm huyệt để giữ sức khoẻ và vẻ đẹp (dịch).
Kẻ thù của sức khoẻ. Nxb Phụ nữ.
Hướng dẫn sử dụng EPIINFO Version 5.0 và các thuật toán thống kê có liên quan.
Trung tâm nhân lực - Bộ Y tế.
Vietnamese traditional medicine (đồng tác giả). Nxb Thế giới.
Khoảng 130 công trình đã công bố trên các báo trong và ngoài nước.
Báo cáo khoa học tại nhiều hội nghị quốc tế. Hướng dẫn tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa II.

Dự định khoa học

Viết sách giáo khoa sau đại học về y học hạt nhân.
Nghiên cứu tác hại của vũ khí có chứa U-ran nghèo, tìm biện pháp chữa trị bằng cây, con thuốc Việt Nam.
Hợp tác khoa học với đồng nghiệp các nước.

Lời Tiến sĩ

Rất tiếc ở nước ta hiện nay có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học xuất sắc đã nghiệm thu nhưng không được áp dụng vào thực tiễn.



LÊ ĐÌNH PHÁI

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 16 - 4 - 1938.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 69 ngõ Quan Thổ I - Tôn Đức Thắng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Dược Hà Nội.
Cán bộ Xí nghiệp Dược phẩm Thanh Hoá.
Ty Y tế Thanh Hoá.
Vụ Huấn luyện Bộ Y tế.
Nghiên cứu sinh tại Cộng hoà dân chủ Đức.
Cán bộ Bộ Y tế (Bệnh viện K).
Bộ Quốc phòng (Viện Kỹ thuật quân sự).
Bộ Nông nghiệp (Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y nhà nước).
Thành viên Ban biên tập quốc tế *Tạp chí Acta Biotechnologica* Viện Hàn lâm Khoa học Cộng hoà dân chủ Đức. Được Cộng hoà dân chủ Đức phong Giáo sư năm 1975.
Hội viên Hội Dược học.
Hội Sinh học Cộng hoà dân chủ Đức.
Phó Chủ tịch Hội Hoá sinh học Việt Nam.
Giám đốc Trung tâm Sinh y học phương Đông.
Viện Tư vấn đào tạo và Khoa học công nghệ quốc gia.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1971.
Tại Viện Hàn lâm Khoa học Cộng hoà dân chủ Đức.
Ngành Hoá sinh và sinh vật.
Tiến sĩ Khoa học năm 1975.
Tại Đại học Tổng hợp Jena.

Đề tài luận án

Phản ứng Hydroxyl hoá, khử O-methyl và O - methyl hoá của các Estratrien ở vi khuẩn.

Nội dung

Đã phát hiện những con đường chuyển hoá phổ biến của các Estratrien ở các vi sinh vật theo 3 phản ứng Hydroxyt hoá O - khử - Methyl và O - Methyl hoá.

Luận án Tiến sĩ Khoa học:

Những biến đổi (cơ bản) về mặt hoá sinh ở nấm men chủ yếu về các thành phần Polysaccharid (cấu tạo).

Nội dung

Chứng minh vai trò điều chỉnh của màng nguyên sinh chất đối với sự hình thành các cấu trúc hoá sinh của những bào quan. Từ đó dẫn tới khả năng con người có thể chủ động biến đổi chức năng sinh học của tế bào. Công trình đặc biệt quan tâm đến mối quan hệ màng nguyên sinh chất với các đại phân tử Polysaccharid cấu trúc.
Về thực tiễn: đã phát hiện Diphenylamin như một chất ức chế sinh tổng hợp Glucan, đồng thời là chất kích thích sinh tổng hợp Protein. Công trình được ứng dụng tại Viện Hoá công nghệ (Leipzig).

Thành tựu khoa học

Các công trình đã công bố:
Phát hiện chức năng bảo vệ bức xạ của thành tế bào nấm men (ở Đức).
Phát hiện cơ chế điện sinh học của quá trình bấm huyệt (ở Ba Lan).
Sách đã xuất bản:
Những vấn đề dược học dân tộc. Nxb Đà Nẵng.
Huy chương kháng chiến hạng nhì.
Đồng tác giả giải thưởng Nhà nước với Viện Hoá kỹ thuật của quân đội.

Dự định khoa học

Nghiên cứu triết học và tâm sinh học phương Đông dưới ánh sáng của sinh học hiện đại.



VŨ VĂN PHÁI

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 15 - 6 - 1952.
Quê quán: Hà Giang - Hà Trung - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học Quốc gia Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Bộ đội.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Địa mạo, khoa Địa lý Trường Đại học Khoa học tự nhiên.
Hội viên Hội Địa lý Việt Nam.
Hội Hang động.
Hội Địa mạo - Đệ Tứ.
Hội Trầm tích học.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Hà Nội.
Ngành Địa lý - Địa chất.
Chuyên ngành Địa mạo và Cổ địa lý.

Đề tài luận án

Địa mạo khu bờ biển hiện đại Trung Bộ, Việt Nam (từ Đèo Ngang đến mũi Đá Vách).

Nội dung

Khu bờ biển hiện đại Trung Bộ Việt Nam được chia thành 4 vùng địa mạo khác nhau từ Đèo Ngang đến Hải Vân; từ Hải Vân đến mũi Ba Làng An; từ mũi Ba Làng An đến mũi Đại Lãnh và từ mũi Đại Lãnh đến mũi Đá Vách. Quá trình địa mạo hiện đại giữ vai trò chủ yếu ở đây là mài mòn - xói lở, trong đó đáng quan tâm là xói lở các bờ cát đang diễn ra mạnh mẽ và ngày càng gia tăng liên quan tới những biến động toàn cầu và những thay đổi mang tính khu vực. Đây là loại tai biến thiên nhiên nghiêm trọng ở miền Trung. Luận án đưa ra một số điều kiện địa mạo thuận lợi để phát triển giao thông đường thuỷ, nuôi trồng hải sản, khai thác khoáng sản và du lịch. Tuy nhiên cần nghiên cứu địa mạo chi tiết cho từng khu vực cụ thể thì mới đưa ra được hướng sử dụng một cách hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên ở đây.

Thành tựu khoa học

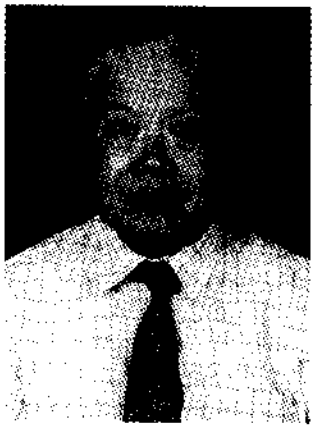
Đã công bố 38 bài báo khoa học trong các tạp chí chuyên ngành, hội nghị khoa học quốc tế và trong nước (đồng tác giả 29 công trình).
Chủ trì 10 đề tài nghiên cứu (8 đề tài đã nghiệm thu).
Tham gia 15 đề tài và chương trình (hợp tác trong nước và quốc tế).

Dự định khoa học

Giảng dạy đại học, sau đại học.
Nghiên cứu các tai biến thiên nhiên.
Địa lý và môi trường biển.
Quản lý thống nhất đới bờ biển.

Lời Tiến sĩ

Nhà nước cần có chính sách đối với khoa học cơ bản, hiện nay rất nhiều người chỉ thích học làm "phần ngọn" trong khi "gốc" không vững.



HOÀNG LONG PHÁT

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 6 - 12 - 1933.
Quê quán: Thuần Hưng - Khoái Châu - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 55b Hàng Bài - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Dược Hà Nội.
Tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp II.
Trưởng khoa Lao Bệnh viện Việt Tiệp kiêm giảng viên Trường Trung cấp y tế Hải Phòng.
Trưởng phòng Y vụ, giảng viên Trường Y sĩ Hải Phòng.
Trưởng khoa Cấp cứu, khoa Nội 1, Nội 4 kiêm Trưởng phòng Quản lý nghiên cứu khoa học - huấn luyện và tuyên truyền Viện Chống lao và bệnh phổi Hà Nội.
Giảng viên kiêm chức Đại học Y Hà Nội, Học viện Quân y.
Uỷ viên Hội đồng khoa học, Viện Chống lao và bệnh phổi.
Uỷ viên Ban thư ký Tổng hội Y Dược học Việt Nam.
Chuyên gia nội khoa ở Angola.
Được phong Phó Giáo sư năm 1992.
Uỷ viên Ban chấp hành: Hội Chống lao và bệnh phổi Việt Nam, Hội Nội khoa Việt Nam, Ban chống tác hại thuốc lá Bộ Y tế.
Thành viên Hội Chống lao và bệnh phổi thế giới.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Học viện Quân y.
Chuyên ngành Bệnh lao.

Đề tài luận án

Đặc điểm lâm sàng, nguyên nhân tử vong ở 114 bệnh nhân lao phổi đối chiếu với giải phẫu bệnh.

Nội dung

Đối chiếu lâm sàng với giải phẫu tử thi 114 ca lao phổi (người lớn) tại các khoa nội lâm sàng Viện lao và bệnh phổi từ 1989 - 1993. Kết quả:
Lâm sàng: bệnh nhân chết thường do các thể lao phổi nặng, thể lao xơ hang nhiều nhất (57,8%), lao tản mạn (24%), lao cấp tính (8,6%), tổn thương lao phá huỷ cả 02 lá phổi 87,7%, phổi có nhiều hang: 49,1%, BK trong đờm 77,9% lao ngoài phổi phối hợp chiếm 14,0%.
Nguyên nhân gây tử vong: chủ yếu do lao chiếm 90,4% (lao phổi: 88,5%, lao ngoài phổi: 1,7%).
Đối chiếu với giải phẫu bệnh: lao phổi chẩn đoán đúng: 70,5%, thể lao tản mạn dễ nhầm với lao xơ hang: 42,4%, chẩn đoán nhầm các thể lao ngoài phổi, biến chứng nội khoa còn cao: sai 35,9% - 40,0%, sót: 52,3% - 56,0%.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm và tham gia trên 80 đề tài khoa học.
Nhiều công trình đã công bố ở trong và ngoài nước.
Sách đã xuất bản (viết chung):
Bài giảng bệnh học nội khoa sau đại học tập 1, 2. Học viện Quân y.
Bài giảng sau đại học lao và bệnh phổi.
Bệnh học lao và bệnh phổi tập 1. Nxb Y học.
Bách khoa thư bệnh học.
Từ điển bách khoa Việt Nam - Trung tâm biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam.
Tìm hiểu bệnh ung thư phổi.
Bệnh lao và phổi tập 2.
Thuốc lá và sức khoẻ.
Bài giảng bệnh học lao và bệnh phổi.
Viết riêng: *Tìm hiểu về bệnh lao.*
Thuốc lá hay sức khoẻ. Nxb Y học.
Các thuốc chữa bệnh lao (sắp xuất bản).
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp sức khoẻ nhân dân.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ và môi trường.
Nhiều bằng khen, giấy khen.

Dự định khoa học

Giảng dạy đại học, sau đại học.
Hướng dẫn tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa.



NGUYỄN VĂN PHÁT

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 27 - 7 - 1961.
Quê quán: Thiệu Vũ - Thiệu Hoá - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 553 Bà Triệu - Thành phố Thanh Hoá.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.
Kiểm định viên Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng Thanh Hoá.
Chuyên viên Sở Khoa học công nghệ và Môi trường Thanh Hoá.
Phó Giám đốc Sở Khoa học công nghệ và Môi trường Thanh Hoá.
Hội Tin học tỉnh Thanh Hoá.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Viện Cơ - Điện nông nghiệp Hà Nội.
Ngành Cơ khí.
Chuyên ngành Cơ khí hoá sản xuất nông nghiệp.

Đề tài luận án

Nghiên cứu một số thông số chính của máy đào rãnh trồng mía.

Nội dung

Nghiên cứu công nghệ làm đất trồng mía và xác định quy trình làm đất thích hợp trong điều kiện trang bị máy động lực, máy kéo nông nghiệp của Việt Nam để nghiên cứu máy đào rãnh trồng mía.
Xác định nguyên lý làm việc của bộ phận phay đào, đề xuất kết cấu bộ phận công tác của máy.
Xây dựng mô hình và thuật toán giải bài toán động lực học của thỏi đất trên và sau khi ra khỏi lưỡi đào tác động vào các bộ phận phụ trợ.
Xác định năng suất tung đất của phay đào làm cơ sở đánh giá khả năng làm việc của máy đào.
Xác định ảnh hưởng của các thông số cấu tạo và chế độ làm việc của phay đào đến chi phí công suất, năng suất chất lượng làm việc của máy.
Ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thiết kế, chế tạo mẫu máy đào rãnh trồng mía.

Thành tựu khoa học

Chương trình đề tài nghiên cứu cấp tỉnh:
Cơ sở khoa học, thị trường và tìm kiếm công nghệ để chế biến đá hoa xuất khẩu.
Điều tra kinh tế xã hội nông thôn Thanh Hoá và xây dựng mô hình điểm.
Xây dựng mô hình ứng dụng cơ khí nhỏ phục vụ sản xuất nông nghiệp và nông thôn Thanh Hoá.
Luận cứ khoa học cho phát triển công nghiệp hoá nông thôn Thanh Hoá.
Nghiên cứu và ứng dụng máy, công cụ để cơ giới hoá sản xuất cây mía đồi Thanh Hoá.
Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ làm đất sâu và đào rãnh trồng mía tại Thanh Hoá.

Dự định khoa học

Nghiên cứu thiết kế chế tạo:
Quy trình công tác mía đồi ở Thanh Hoá.
Một số loại máy trồng mía.
Hệ thống tưới mía vùng đồi di động.
Máy băm lá mía dọn đồng và phân bón.
Xây dựng mô hình cơ giới hoá sản xuất mía đồi.
Đổi mới cơ chế quản lý các chương trình, đề tài khoa học công nghệ.



NGUYỄN DANH PHIÊN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 21 - 1 - 1935.
Quê quán: Phú Lương - Đông Hưng - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Công ty Tư vấn đầu tư mỏ và Công nghiệp thị xã Hà Đông - Hà Tây.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học và nghiên cứu sinh Trường Đại học Mỏ Matxcơva - Liên Xô.
Phó phòng Nghiên cứu.
Trưởng phòng Khai thác hầm lò.
Trưởng phòng Kỹ thuật.
Viện phó kỹ thuật - Viện Nghiên cứu thiết kế mỏ, Bộ Điện và Than.
Tuỳ viên văn hoá, Trưởng ban cán sự công đoàn Việt Nam tại Liên Xô.
Chuyên viên Ban Đối ngoại, Tổng Công đoàn Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1968.
Tại Trường Đại học Mỏ Matxcơva Liên Xô.
Chuyên ngành Phương pháp khai thác hầm lò các khoáng sản than, quặng và không quặng.

Đề tài luận án

Nghiên cứu độ bền lâu dài của đất đá mỏ.

Nội dung

Khai thác mỏ bằng phương pháp hầm lò ở các nước ngày càng phát triển. Khối lượng các đường lò cái và lò chuẩn bị ngày càng được đào nhiều. Để đảm bảo độ bền vững lâu dài của các đường lò cái và lò chuẩn bị cần nghiên cứu phương pháp xác định vùng phá hoại đất đá quanh các đường lò. Để ra biện pháp chống giữ các đường lò hợp lý nhất.
Khi khai thác mỏ xuống sâu thì sự biến dạng của đất đá quanh các đường lò càng tăng, chúng sẽ tạo ra các vùng phá hoại quanh tiết diện các đường lò và làm tăng áp lực lên các vì chống.
Quá trình tạo ra vùng phá hoại đất đá quanh các đường lò liên hệ mật thiết với độ bền lâu dài của đất đá và kích thước vùng bị phá hoại. Những yếu tố này rất quan trọng đối với công việc dự báo độ biến dạng các tiết diện đường lò và áp lực đất đá lên các vì chống.
Nghiên cứu độ bền lâu dài của đất đá mỏ. Phương pháp xác định vùng phá hoại của đất đá quanh các lò cái và lò chuẩn bị.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm đề tài:
Độ cứng đất đá mỏ Quảng Ninh.
Và một số đề tài khác.



NGHIÊM THỊ PHIẾN

Tiến sĩ Sư phạm Tâm lý

Sinh ngày: 10 - 12 - 1946.
Quê quán: Viên An - Ứng Hoà - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 210 B5 Vĩnh Hồ - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Lêningrat, Liên Xô cũ.
Cán bộ nghiên cứu Tâm lý học, Viện Khoa học Giáo dục.
Thực tập sinh tại Đại học Sư phạm Vôrônhét, Liên Xô cũ.
Cán bộ nghiên cứu Tâm lý học, Viện Khoa học Giáo dục, Bộ Giáo dục - Đào tạo.
Thành viên
Hội Hữu nghị Việt - Nga.
Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Viện Khoa học Giáo dục.
Chuyên ngành Tâm lý học trẻ em và Tâm lý học lứa tuổi.

Đề tài luận án

Những điều kiện tâm lý - sư phạm của việc hình thành thái độ trách nhiệm ở học sinh thiếu niên trong hoạt động học tập và hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Nội dung

Cụ thể hoá bản chất, cấu trúc của thái độ trách nhiệm.
Những nguyên nhân, mức độ biểu hiện thái độ trách nhiệm ở học sinh thiếu niên và điều kiện tâm lý sư phạm hình thành thái độ trách nhiệm ở học sinh lứa tuổi này.
Đề xuất một số biện pháp và thiết kế cách tổ chức hoạt động học tập hoạt động ngoài giờ lên lớp để hình thành thái độ trách nhiệm ở học sinh thiếu niên.
Vận dụng những quan điểm tâm lý học hiện đại, quán triệt phương pháp tiếp cận hoạt động - giao tiếp vào việc hình thành phẩm chất nhân cách cho học sinh.
Luận án giúp các thầy cô giáo trường phổ thông hiểu cơ sở tâm lý của quá trình giáo dục đạo đức, giáo dục tính tích cực xã hội, thái độ trách nhiệm ở học sinh thiếu niên.

Thành tựu khoa học

Những công trình nghiên cứu:
Những phản ứng tình cảm của học sinh trong trường hợp thành công và thất bại.
Thực nghiệm về quy luật thực hiện lựa chọn trong tư duy tìm tòi ở các lứa tuổi khác nhau.
Hình thành động cơ xã hội trong các dạng hoạt động tập thể ở học sinh cấp I, II.
Hoạt động tập thể và sự hình thành động cơ xã hội ở học sinh lớp 5, 6.
Một thực nghiệm về sự hình thành động cơ xã hội ở học sinh lớp 5, 6.
Giao lưu và sự hình thành ý thức tập thể của học sinh lớp 6.
Thực nghiệm hình thành thái độ trách nhiệm ở học sinh lớp 6, 7, 8.
Về tổ chức tập thể của học sinh cấp II.
Hình thành tính kỷ luật cho học sinh cấp II.
Tìm hiểu kỷ luật học tập của học sinh lớp 1 tiểu học (cấp Viện).
Hình thành tính kỷ luật ở học sinh lớp 1 tiểu học (cấp Viện).
Tìm hiểu nề nếp học tập của học sinh tiểu học.
Ảnh hưởng của nhóm bạn bè tới sự hình thành những hành vi lệch chuẩn của học sinh thiếu niên (cấp Viện).
Tham gia nghiên cứu một số đề tài khác.

Dự định khoa học

Nghiên cứu vấn đề giao tiếp ở học sinh thiếu niên.



CHU THANH PHONG

Tiến sĩ Quân sự

Sinh ngày: 28 - 8 - 1955.
Quê quán: Chuyên Ngoại - Duy Tiên - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 70 Khương Thượng - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Học viện Chính trị - Quân sự.
Giảng viên khoa học xã hội. Trường Trung cao Không quân.
Phó phi đội trưởng chính trị. Quân chủng Không quân.
Giảng viên khoa học xã hội - Học viện Không quân.
Nghiên cứu sinh Học viện Chính trị - Quân sự.
Giảng viên Học viện Phòng không - Không quân.
Hội viên Hội Tâm lý - giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Học viện Chính trị - Quân sự.
Ngành Tâm lý học.
Chuyên ngành Tâm lý học và Giáo dục học quân sự.

Đề tài luận án

Cơ sở tâm lý của việc củng cố phát triển xu hướng nghề nghiệp quân sự cho phi công tiêm kích thuộc lực lượng không quân nhân dân Việt Nam hiện nay.

Nội dung

Luận án dựa trên thành tựu khoa học của tâm lý học hiện đại, khái quát thành hệ thống lý luận về xu hướng nhân cách, xu hướng nghề nghiệp quân sự của phi công tiêm kích. Nghiên cứu những đặc điểm cơ bản của hoạt động bay; đặc điểm, cấu trúc về xu hướng nghề nghiệp quân sự của phi công tiêm kích. Làm rõ thực trạng, những yếu tố chủ yếu tác động đến sự ổn định, phát triển xu hướng nghề nghiệp quân sự của phi công tiêm kích hiện nay. Tìm những giải pháp khả thi củng cố, phát triển thuộc tính tâm lý này cho phi công tiêm kích.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản (Nxb Quân đội nhân dân):
Một số đặc điểm tâm lý của phi công phản lực chiến đấu với vấn đề đảm bảo chất lượng và an toàn bay.
Hồ Chí Minh với sự nghiệp giáo dục quân sự.
Tâm lý học quân sự.
Tâm lý học trong sự nghiệp xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng.
Tâm lý học bay quân sự.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành.

Dự định khoa học

Nghiên cứu và giảng dạy khoa học chuyên ngành.



ĐÀO NGỌC PHONG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 20 - 9 - 1934.
Quê quán: An Dương - Hải Phòng.
Chỗ ở hiện nay: P210 B1 Tập thể Khương Thượng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy.
Trưởng bộ môn Vệ sinh dịch tễ.
Trưởng bộ môn Vệ sinh môi trường dịch tễ.
Trưởng khoa Y tế công cộng, Đại học Y Hà Nội.
Trưởng tiểu ban Tiêu chuẩn không khí của Tổng cục Tiêu chuẩn Nhà nước.
Thành viên các Hội: Y tế dự phòng, Bảo vệ môi trường, Môi trường đô thị công nghiệp.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1980.
Tại Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Vệ sinh xã hội và tổ chức y tế.

Đề tài luận án

Nhịp sinh học ở người già và mối tương quan với điều kiện khí tượng ở một vùng đồng bằng miền Bắc nước ta.

Nội dung

Nhịp sinh học ngày đêm ở người già 3 pha, ở thanh niên là 2 pha. Nhịp này thường nghịch đảo với thanh niên đặc biệt là vào ban đêm.
Xác định hệ số tương quan giữa nhiệt độ da, nhiệt độ dưới lưỡi với nhiệt độ không khí. Chỉ số tử vong tai biến mạch máu não ở người già cao gấp 10 lần thanh niên. Nguyên nhân chính do huyết áp cao và xơ cứng động mạch (cao nhất vào tháng 1 và nửa đêm về sáng).
Xác định hệ số tương quan tuyến tính và tương quan bội giữa tử vong do tai biến mạch máu não với áp suất khí quyển và nhiệt độ không khí. Xác định nguyên nhân nội tại khác biệt với các cụ ở vùng ôn đới, đưa ra chỉ số thần kinh thực vật, chỉ số điều hoà tim mạch. Dự báo phòng ngừa tai biến mạch máu não, những giải pháp rèn luyện để giữ cân bằng nhịp sinh học ngày đêm và những stress đột ngột của thời tiết về mùa đông gây tai biến mạch máu não.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước:
Ô nhiễm môi trường.
Dioxin và dị tật.
Hội chứng nhà kính.
Ô nhiễm môi trường tại Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.
Và một số đề tài cấp Bộ.
Sách đã xuất bản (chủ biên):
Ô nhiễm môi trường sinh khí tượng.
Vệ sinh xây dựng
Thời tiết và rèn luyện.
Vệ sinh môi trường.
Một số sách giáo khoa đại học, sau đại học chuyên ngành.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Chiến sỹ thi đua liên ngành.
Huy chương Vì sức khoẻ nhân dân
Vì sự nghiệp giáo dục.
Tuổi trẻ sáng tạo.
Nhà giáo nhân dân.

Dự định khoa học

Nghiên cứu giải pháp nâng cao sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường.
Tham gia tổng kết sinh khí tượng Việt Nam.



ĐẶNG XUÂN PHONG

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 27 - 4 - 1937.
Quê quán: Bùi Xá - Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 19B Cổ Nhuế - Từ Liêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Bách khoa, Đại học Mỏ - Địa chất.
Nghiên cứu sinh tại Ba Lan.
Phó chủ nhiệm, quyền Chủ nhiệm bộ môn, Phó phòng Đào tạo, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Chuyên gia giáo dục tại Angiêri.
Hiện là Phó Giáo sư Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Hội viên Hội Khoáng sản Việt Nam.
Hội Địa chất quốc tế.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1971.
Tại Học viện Mỏ luyện kim AGH-Kracovi - Ba Lan.
Ngành Địa chất - khoáng vật học.

Đề tài luận án

Cấu trúc địa chất và sự tạo quặng chì - kẽm mỏ Boleslap - Ba Lan.

Nội dung

Mỏ Boleslap thuộc vùng mỏ chì - kẽm Slonsk - Cracovi là một mỏ lớn đã khai thác hơn 100 năm. Mỏ được thành tạo trong các tầng dolomit bị dăm kết hoá. Tuy đã khai thác từ lâu và được nhiều nhà địa chất nổi tiếng Nga, Đức, Ba Lan nghiên cứu. Nhưng vấn đề điều kiện thành tạo và nguồn gốc khoáng sàng vẫn được tranh luận rất sôi nổi theo 3 luận thuyết chính:
Trầm tích đồng sinh
Nhiệt dịch
Thẩm thấu.
Tác giả đã phát hiện nhiều điểm mới như cấu tạo xâm tán, cấu tạo phân lớp, trứng cá, kết hạch, phát hiện dăm kết kiến tạo chứa mảnh quặng, dăm kết cartơ, thứ tự thành tạo quặng không nhất định... Đặc biệt giải thích tương đối trọn vẹn nguồn gốc mỏ và cơ chế thành tạo của các loại quặng theo 7 giai đoạn thành tạo mỏ.

Thành tựu khoa học

Đồng chủ trì các đề tài cấp Nhà nước:
Bản đồ khoáng sản Việt Nam tỷ lệ 1: 500.000.
Bản đồ khoáng sản Việt Nam - Lào - Campuchia tỷ lệ 1: 500.000.
Giáo trình đã xuất bản:
Cơ sở địa chất và phương pháp tìm kiếm. Đại học Mỏ - Địa chất.
Khoáng sàng (tiếng Pháp).
Cơ sở địa chất (tiếng Pháp). Trường Đại học Tebessa - Angiêri.
Các phương pháp tìm kiếm khoáng sản rắn (chủ biên). Nxb Giao thông vận tải.
Chủ trì nhiều đề tài cấp ngành.
Huy chương chống Mỹ.
Huy chương Vì sự nghiệp địa chất.
Vì sự nghiệp đào tạo.

Dự định khoa học

Tham gia tìm kiếm khoáng sản cho đất nước.
Đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.
Viết tài liệu chuyên ngành.



NGÔ THÀNH PHONG

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 3 - 7 - 1942.
Quê quán: Ninh Hưng - Ninh Hoà - Khánh Hoà.
Chỗ ở hiện nay: 97D Nguyễn Duy Dương - Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học và nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp quốc gia Vôrônhét, Liên Xô cũ.
Phó trưởng bộ môn Cơ học, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Trưởng bộ môn Toán ứng dụng.
Trưởng bộ môn Cơ học, Trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
Trưởng khoa Toán, Trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên gia giáo dục tại Angiêri.
Trưởng bộ môn Cơ học, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
Ủy viên Ban chấp hành.
Hội Cơ học Việt Nam.
Hội Cơ học vật rắn biến dạng Việt Nam.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.
Được phong Phó Giáo sư năm 1984.
Nhà nước Angiêri phong Giáo sư năm 1994.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1970.
Tại Đại học Tổng hợp quốc gia Vôrônhét, Liên Xô cũ.
Ngành Toán - Cơ.
Chuyên ngành Cơ học vật rắn biến dạng.

Đề tài luận án

Một số vấn đề biến dạng của các môi trường có cốt.

Nội dung

Nghiên cứu các đặc tính động học và động lực học của mô hình vật rắn hai thành phần. Thu được phương trình cân bằng và phương trình công của ngoại lực. Mô hình vật liệu có cốt gồm hai thành phần: đàn hồi - dẻo. Đưa ra giả thiết về sự tồn tại mặt chảy dẻo, phát biểu tiên đề suy rộng Drucker, thảo luận vấn đề duy nhất nghiệm của các bài toán biên, xét thí dụ kéo, nén tấm chữ nhật.
Giải bài toán phẳng của vật liệu có cốt với cốt cứng. Thu được nghiệm đàn hồi, đàn hồi - dẻo của bài toán biến dạng phẳng. Sự phân bố ứng suất trong mặt phẳng có lỗ hổng tròn, mở rộng cho trường hợp chất đệm là vật thể đàn hồi - nhớt.
Giải bài toán biên của lý thuyết đàn hồi cho bán không gian. Sử dụng phương pháp biến đổi Fourier, giải bài toán bán không gian khi trên biên cho trước chuyển vị, áp lực pháp. Phân tích bài toán về vết nứt, thu được tiêu chuẩn Griffith. Vết nứt không ổn định khi vết nứt bé. Vết nứt đạt đến độ lớn đặc trưng thì cân bằng ổn định.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố ở trong và ngoài nước:
Các bài toán hai chiều của các môi trường nhiều thành phần. Đại học Tổng hợp quốc gia Vôrônhét (tiếng Nga).
Ứng suất nhiệt trong các môi trường có cốt (đồng tác giả). Đại học Tổng hợp quốc gia Vôrônhét (tiếng Nga).
Mô hình lý thuyết các môi trường có cốt trong sách Cơ học môi trường liên tục và các vấn đề giải tích. Matxcơva (tiếng Nga).
Bài toán lan truyền và khuếch tán nguồn ô nhiễm.
Sách đã xuất bản:
Giáo trình giản yếu giải tích toán học. Nxb Giáo dục thành phố Hồ Chí Minh.
Đại số tuyến tính và quy hoạch tuyến tính. Đại học Khoa học tự nhiên thành phố Hồ Chí Minh.

Dự định khoa học

Nghiên cứu trạng thái ứng suất - biến dạng của các vật liệu composite có tính lưu biến phức tạp.



NGUYỄN DUY PHONG

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 29 - 8 - 1969.
Quê quán: Tân Trụ - Long An.
Chỗ ở hiện nay: 91/47 Sư Vạn Hạnh nối dài - Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Viện Hàn lâm Y học quốc gia Xanh Pêtecbua, Liên bang Nga.
Nghiên cứu sinh tại Viện Hàn lâm Y học quốc gia Xanh Pêtecbua, Liên bang Nga.
Hiện là giảng viên bộ môn Bệnh truyền nhiễm, khoa Y, Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, kiêm bác sĩ điều trị tại khoa Nghiên cứu Sốt rét, Trung tâm Bệnh nhiệt đới thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Gan mật
Hội Y học dự phòng
Hội Y dược học thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Viện Hàn lâm Y học quốc gia Xanh Pêtecbua, Liên bang Nga.
Chuyên ngành Bệnh truyền nhiễm và Dịch tễ học.

Đề tài luận án

So sánh các đặc điểm và tính chất lâm sàng, cận lâm sàng và các yếu tố dịch tễ của bệnh viêm gan siêu vi B, C ở người thuộc lứa tuổi sinh sản tại Việt Nam.

Nội dung

Phân tích các yếu tố dịch tễ của bệnh viêm gan siêu vi (VGSV) tại thành phố Hồ Chí Minh từ 1985 - 1995.
Nghiên cứu căn nguyên của các bệnh viêm gan siêu vi cấp và xác định tỷ lệ mang HBsAg và Anti-HCV ở thai phụ, người cho máu tại thành phố Hồ Chí Minh.
Nghiên cứu tần suất và diễn tiến sự xuất hiện HBsAg ở trẻ em sinh ra từ các bà mẹ mang HBsAg.
Nêu những đặc điểm lâm sàng của viêm gan siêu vi B và C ở phụ nữ trong lứa tuổi sinh sản. Xác định ảnh hưởng của viêm gan siêu vi B đối với thai kỳ, quá trình chuyển dạ và sức khoẻ của trẻ sơ sinh.
Những khuyến cáo trong công tác phòng chống các bệnh viêm gan siêu vi tại Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Công trình nghiên cứu:
Tỉ lệ mang HBsAg và Anti-HCV ở thai phụ và người cho máu tại thành phố Hồ Chí Minh.
Góp phần xây dựng hệ thống giám sát các bệnh viêm gan siêu vi ở dân cư của một thành phố lớn.
Sách đã xuất bản:
Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ. Nxb Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh.

Dự định khoa học

Tham gia hoàn thiện hệ thống giám sát các bệnh viêm gan siêu vi, nhiễm HIV/AIDS.
Nghiên cứu miễn dịch học các bệnh viêm gan siêu vi và mối tương quan giữa các bệnh viêm gan siêu vi và sốt rét tại Việt Nam.



TRẦN VĂN PHƠI

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 1 - 4 - 1960.
Quê quán: Tân Thạnh Đông - Củ Chi - Thành phố Hồ Chí Minh.
Chỗ ở hiện nay: 200 Nhựt Tảo - Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Bác sĩ nội trú Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Trưởng phòng Khoa học - Đào tạo bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Thư ký Hội Phẫu thuật tiêu hoá.
Hội viên Hội Ngoại khoa.
Hội Khoa học tiêu hoá.
Hội Phẫu thuật tim mạch thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Ngành Phẫu thuật đại cương.

Đề tài luận án

Đặc điểm về chẩn đoán và điều trị nang giả tụy.

Nội dung

Nang giả tụy là biến chứng thường gặp của viêm tụy cấp, đây là tên gọi cho những nang không có lớp biểu mô phủ mặt trong nang. Một số nang giả tụy tự biến mất sau viêm tụy cấp, một số khác vẫn tồn tại đòi hỏi phải can thiệp phẫu thuật hoặc các biện pháp ít xâm hại khác nếu không sẽ xảy ra biến chứng. Trong số các biến chứng có thể có nặng và nguy hiểm nhất là xuất huyết. Điều trị bằng phẫu thuật vẫn là phương tiện hữu hiệu trong điều trị nang giả tụy, đặc biệt là phương pháp nối nang tụy - hỗng tràng theo Roux - en - Y hiệu quả và an toàn. Có thể sử dụng phương pháp này khi vách nang dày trên 2 cm và không thấy bằng chứng về sự trào ngược dịch tiêu hoá vào nang sau khi nối.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Viêm tụy cấp - nhận xét qua 28 trường hợp.
Nhận xét về 12 trường hợp tổn thương tụy được mổ tại Bệnh viện Chợ Rẫy từ 1990 - 1994.
Ung thư tụy: chẩn đoán và điều trị phẫu thuật.
Nang giả tụy: đặc điểm chẩn đoán và điều trị.
Nhân 2 trường hợp u quái sau phúc mạc.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phẫu thuật nội soi.
Tham gia ghép gan thực nghiệm tại Bệnh viện Chợ Rẫy.



ĐẶNG HỮU PHÚ

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 7 - 8 - 1942.
Quê quán: Mỹ Hưng - Mỹ Lộc - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 59 Phạm Ngọc Thạch - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Hàng hải Ôdetxa - Liên Xô.
Công tác ở ngành giao thông vận tải.
Nghiên cứu sinh Viện Hàng hải Lêningrat.
Thực tập sinh cao cấp, bảo vệ luận án tiến sĩ khoa học tại Viện Hàng hải Lêningrat.
Cán bộ giảng dạy Đại học Đường thuỷ.
Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Đường sông miền Nam.
Hiện là Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Đường sông miền Nam.
Phó Chủ tịch Hiệp hội Vận tải nội địa Việt Nam, khu vực phía Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982.
Tiến sĩ Khoa học năm 1988.
Tại Viện Hàng hải Lêningrat - Nga.
Ngành Cơ khí
Chuyên ngành Cơ khí tàu thuỷ.

Đề tài luận án

Nghiên cứu phương pháp luận và những kiến nghị thực tiễn để luận chứng và xây dựng kế hoạch phát triển đội tàu sông biển đến năm 2010.

Nội dung

Bài toán bổ sung đội tàu.
Bài toán thiết kế tàu đơn mục tiêu.
Mô hình toán học và cấu tạo bài toán tối ưu đội tàu hàm đa mục tiêu.
Lập chương trình cho một số bài toán tối ưu đa mục tiêu. Sự ràng buộc giữa các chỉ tiêu kỹ thuật - kinh tế - khai thác.
Bài toán tối ưu các đặc trưng cơ bản của tàu thuỷ.
Tính toán các chỉ tiêu kinh tế - khai thác của đội tàu sông, biển.
Những kiến nghị phát triển đội tàu sông, biển Việt Nam đến năm 2010.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước:
Chọn dạng phương tiện vận tải sông phục vụ kế hoạch nhà nước 1986 - 1990.
Trên 37 công trình khoa học đã công bố ở trong và ngoài nước (12 công trình ở nước ngoài).
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học - công nghệ.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các loại phương tiện vận tải thuỷ.
Giảng dạy đại học, trên đại học.
Viết sách, báo.



HÀN ĐỨC PHÚ

Đức Thanh, Thanh Nga

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 20 - 10 - 1936.
Mất ngày: 21 - 3 - 2001 tại Hà Nội.
Quê quán: Thống Nhất - Mỹ Hào - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay của gia đình: B27, 2 tập thể Yên Lãng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Trắc địa và Bản đồ Matxcơva, Liên Xô.
Giảng viên Đại học Bách khoa Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Trắc địa và Bản đồ Matxcơva, Liên Xô.
Trưởng phòng Nghiên cứu huấn luyện; Phó trưởng ban Nghiên cứu khoa học.
Trưởng tiểu ban Xét duyệt nghiên cứu sinh chuyên ngành trắc địa chụp ảnh hàng không Bộ Đại học.
Cán bộ ban Phụ trách xây dựng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.
Chuyên gia giáo dục tại Angiêri.
Công tác tại Trung tâm Địa lý tài nguyên.
Giám đốc Công ty Hợp tác khoa học kỹ thuật với nước ngoài.
Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Hợp tác khoa học công nghệ với các nước đang phát triển.
Ủy viên Ban chấp hành Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam; Ủy viên thường vụ Ban chấp hành Hội Trắc địa Bản đồ Viễn thám Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1968.
Tại Đại học Trắc địa và Bản đồ Matxcơva, Liên Xô.
Chuyên ngành Đo đạc và Bản đồ.

Đề tài luận án

Những vấn đề cơ bản hoàn thiện công tác đo đạc - thiên văn trên lãnh thổ Việt Nam.

Nội dung

Công tác đo đạc thiên văn và địa hình ở Việt Nam trước khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.
Công tác đo đạc thiên văn và địa hình hiện nay tại Việt Nam.
Những biện pháp cơ bản và trước mắt nhằm hoàn thiện mạng lưới toạ độ nhà nước trên lãnh thổ Việt Nam.
Đề xuất phương án giải quyết toàn diện công tác đo đạc, bản đồ Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Mạng lưới toạ độ và độ cao hạng 1, 2 của nhà nước.
Biên soạn các quy phạm Nhà nước:
Địa hình, thành lập bản đồ tỷ lệ 1: 10.000.
Thành lập mạng lưới tam giác hạng I, II, III, IV.
Thành lập mạng lưới thuỷ chuẩn hạng I, II, III, IV.
Thành lập mạng lưới trọng lực Nhà nước.
Sách đã xuất bản:
Trắc lượng phổ thông (dịch). Nxb.Giáo dục.
Từ điển Nga - Việt Trắc địa bản đồ (tham gia biên soạn).
Từ điển Nga - Việt Khoa học và Kỹ thuật (tham gia biên soạn).
Giáo trình:
Trắc địa phổ thông.
Trắc địa cao cấp.
Phương pháp số bình phương nhỏ nhất.
Trắc địa thiên văn.
Thiên văn cấu.
Trắc địa trọng lực.
Trắc địa hàng không.
Nguỵ trang phòng chống địch chụp ảnh trinh sát.
Nhiều nghiên cứu khoa học đã công bố ở trong và ngoài nước.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học.
Được phong Phó Giáo sư.



NGUYỄN NGỌC PHÚ

Tiến sĩ Tâm lý

Sinh ngày: 29 - 7 - 1943.
Quê quán: Bạch Đằng - Thường Tín - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: P101 B3 - tập thể Vĩnh Hồ - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội.
Bộ đội.
Giảng viên tâm lý học quân sự Học viện Chính trị Quân sự.
Phó trung đoàn trưởng chính trị.
Hiện là: Đại tá, Chủ nhiệm khoa Tâm lý học quân sự, Học viện Chính trị Quân sự.
Chủ tịch Hội đồng bộ môn Tâm lý học quân sự, Bộ Quốc phòng.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985.
Tại Học viện Quân chính Lênin, Liên Xô cũ.
Ngành Tâm lý học.

Đề tài luận án

Cơ sở tâm lý học hình thành tính kỷ luật của sĩ quan trẻ quân đội nhân dân Việt Nam.

Nội dung

Tính kỷ luật là một phẩm chất tâm lý của nhân cách. Tác giả đưa ra cấu trúc tâm lý tính kỷ luật của nhân cách quân nhân, chỉ rõ những vấn đề tâm lý của quá trình hình thành tính kỷ luật. Trên cơ sở phân tích hiện trạng kỷ luật của quân đội, luận án đã chỉ rõ nguyên nhân tâm lý của các vụ vi phạm kỷ luật quân đội. Đề xuất biện pháp xã hội - tâm lý và kiến nghị biện pháp củng cố, tăng cường kỷ luật, nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Thanh niên với sự nghiệp bảo vệ tổ quốc (phó chủ nhiệm - cấp Nhà nước).
Đổi mới hoạt động của các tổ chức quần chúng trong quân đội nhằm tăng cường hiệu quả xây dựng quân đội về chính trị trong giai đoạn cách mạng mới (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Sách đã xuất bản:
Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về kỷ luật quân sự.
Một số vấn đề về tâm lý học quân sự trong xây dựng quân đội. Nxb Quân đội Nhân dân.
Chủ biên:
Hồ Chí Minh với sự nghiệp giáo dục quân sự.
Tâm lý học quân sự.
Tâm lý học trong sự nghiệp xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng.
Đổi mới hoạt động các tổ chức quần chúng trong quân đội nhằm tăng cường hiệu quả xây dựng quân đội về chính trị trong giai đoạn cách mạng mới.
Tâm lý học sư phạm quân sự. Nxb Quân đội Nhân dân.
Đồng tác giả:
Tâm lý học xã hội trong công tác lãnh đạo quản lý. Nxb Tư tưởng - Văn hoá.
Chủ nghĩa Mác-Lênin, một số vấn đề cơ bản và cấp bách.
Công tác Đảng, công tác chính trị dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh.
Đổi mới vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nxb Quân đội Nhân dân.
Xu hướng biến đổi tâm lý xã hội trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay. Nxb Chính trị Quốc gia.
Xây dựng Đảng và rèn luyện đảng viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Nxb Quân đội Nhân dân.
Văn hoá Việt Nam - truyền thống và hiện đại. Nxb Văn hoá.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tâm lý học quân sự.



NGUYỄN VĂN PHÚ

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 18 - 7 - 1942.
Quê quán: Đức Hoà - Đức Hoà - Long An.
Chỗ ở hiện nay: 269 Điện Biên Phủ - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Chủ nhiệm bộ môn Kỹ thuật nhiệt, Trường Đại học Giao thông vận tải Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Viện Nghiên cứu động cơ đốt trong Diesel CKD Praha Tiệp Khắc.
Chủ nhiệm bộ môn Động cơ, Nhiệt, Trường Đại học Giao thông vận tải Hà Nội.
Phân viện Trưởng Phân viện Thiết kế tổng hợp Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh.
Phó phòng Kỹ thuật Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh.
Giám đốc Công ty Citroen (Nhà máy ô tô 30-4 - Sở Giao thông vận tải).
Phó Tổng giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Sài Gòn Ô tô.
Hiện là Trưởng phòng Quản lý phương tiện giao thông và người lái.
Sở Giao thông công chính thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1977.
Tại Trường Bách khoa Praha Tiệp Khắc cũ.
Chuyên ngành Máy và Thiết bị năng lượng.

Đề tài luận án

Sự truyền nhiệt từ khí cháy qua thành xy lanh đến nước làm mát của động cơ đốt trong.

Nội dung

Vấn đề làm mát của sơmi xylanh động cơ Diesel là vấn đề thời sự nghiên cứu giới hạn ở động cơ 4 kỳ loại lớn tốc độ trung bình, phần giãn nở nhiệt nhiều nhất của động cơ là Piston. Việc giải quyết cấu trúc của chi tiết này đã được tiến hành ở mức độ không giới hạn công suất động cơ. Chúng ta đã làm mát bằng dầu bôi trơn. Với kích thước công suất riêng ngày càng tăng vấn đề mới được đặt ra là làm mát sơmi xylanh như thế nào. Khi giải quyết vấn đề này chúng ta đã áp dụng những kiến thức nghiên cứu Piston đặc biệt là những kiến thức về sự truyền nhiệt từ khí cháy đến thành sơmi trong không gian làm việc. Vấn đề được xác định là dòng nhiệt đo được ở sơmi xylanh khoảng 1/2 so với tính toán theo cách tính đối với Piston. Câu hỏi về sự khác biệt trong các tài liệu mới đã được thảo luận, cho đến nay cũng chưa được giải thích thoả mãn. Luận án đã góp phần giải quyết vấn đề thời sự này.

Thành tựu khoa học

Bằng lao động sáng tạo
Huy chương sáng tạo về chế tạo mẫu xe Sài Gòn 87.



TRỊNH QUANG PHÚ

Hồng Phú

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 20 - 7 - 1940.
Quê quán: An Chấn - Tuy An - Phú Yên.
Chỗ ở hiện nay: 27 Nguyễn Thị Huỳnh - Quận Phú Nhuận - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Chuyên viên Ban Đối ngoại miền Nam. Trưởng ban Kinh tế tài chính Ủy ban TWMTTQVN, Trợ lý Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ. Hiện là tư vấn Thủ tướng, Ủy viên Hội đồng chính sách kinh tế Ủy ban TW MTTQ VN, Phó Viện trưởng thường trực, Phó Chủ tịch Hội đồng khoa học Viện Nghiên cứu phát triển phương Đông.
Hội viên:
Hội Nhà báo Việt Nam.
Hội Luật gia Việt Nam.
Ủy viên thường vụ Hội cứu trợ trẻ em tàn tật thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000.
Tại Viện Hàn lâm các vấn đề xã hội Nga thuộc Viện Thông tin quốc tế Liên hiệp quốc.
Chuyên ngành Kinh tế thương mại.

Đề tài luận án

Quy hoạch phát triển đặc khu kinh tế mở ở Việt Nam ứng dụng tại Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu).

Nội dung

Sự cần thiết có những vùng và đặc khu kinh tế mở để tạo đòn bẩy đưa nền kinh tế Việt Nam tiến kịp và hoà nhập với các nước.
Phân tích và quy hoạch dự án đặc khu kinh tế mở Côn Đảo để biến một huyện đảo thành một đặc khu kinh tế mở với nhiều ưu thế về du lịch, thuỷ sản, thương cảng quốc tế, bảo tồn lịch sử, thiên nhiên.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Miền Nam trong lòng Bác.
Người là niềm tin.
Đường Bác Hồ đi cứu nước.
Theo Bác đi kháng chiến. Nxb Thanh niên.
Từ Làng Sen đến Bến Nhà Rồng.
Sa vĩ Cà Mau. Nxb Văn học.
Trên 20 đầu sách in chung.
Các công trình nghiên cứu:
Bàn về giá cả.
Cơ chế và con người.
Quy hoạch vùng và lãnh thổ.
Vai trò doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong nền kinh tế chung của đất nước v.v...

Dự định khoa học

Nghiên cứu xây dựng Côn Đảo, theo mô hình đặc khu kinh tế mở.
Tham gia xây dựng Phú Yên, thành tỉnh công nghiệp phát triển.
Nghiên cứu khai thác khả năng của cộng đồng người Việt ở nước ngoài để xây dựng đất nước.
Huy chương chiến thắng.
Huân chương chống Mỹ hạng nhất.
Huân chương chiến công hạng nhất.
Huy chương vàng quốc tế.

Lời Tiến sĩ

Đất nước ta có hưng thịnh hay không là ở cơ chế và con người. Chính con người tạo nên cơ chế và con người thực hiện cơ chế. Nhân dân là nhân tố quyết định cho sự thịnh hưng của đất nước.



HOÀNG VĂN PHỤ

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 10 - 4 - 1958.
Quê quán: Xuân Phương - Phú Bình - Thái Nguyên.
Chỗ ở hiện nay: 42/tổ 29 - phường Hoàng Văn Thụ - Thành phố Thái Nguyên.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Nông lâm Thái Nguyên.
Giảng viên, Phó chủ nhiệm khoa Trồng trọt.
Phó phòng Khoa học Đại học Nông lâm Thái Nguyên.
Học thạc sĩ, Đại học Chiang Mai, Thái Lan.
Nghiên cứu sinh Viện Đại học Philippines, Los Banos.
Hiện là giảng viên chính phòng Khoa học - Quan hệ quốc tế, Đại học Nông lâm Thái Nguyên.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Viện Đại học Philippines, Los Banos, Philippines.
Ngành Nông nghiệp.
Chuyên ngành Nông học.

Đề tài luận án

Phân tích hệ thống canh tác nông hộ vùng miền núi phía Bắc Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu, phân tích các khía cạnh khác nhau của nông nghiệp miền núi phía bắc Việt Nam. Xác định mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng đến các kiểu sử dụng đất hiện tại ở quy mô từ nông hộ tới huyện, và xây dựng hệ thống canh tác đặc thù cho miền núi phía bắc Việt Nam. Hai phương pháp phân tích hệ thống sinh thái nông nghiệp và phân tích thống kê đã được sử dụng trong nghiên cứu. Điều tra sơ khởi và điều tra chính thức với 204 hộ gia đình.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Xây dựng thành công mô hình cao sản lúa cho miền núi phía bắc Việt Nam.
Nghiên cứu các biện pháp canh tác bền vững trên đất dốc cho vùng núi.
Nghiên cứu hệ thống canh tác nông hộ vùng miền núi phía bắc Việt Nam.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.
Bằng lao động sáng tạo và nhiều bằng khen khác.
Giải thưởng về đề tài tiến sĩ xuất sắc nhất, do Viện Đại học Philippines tặng.

Dự định khoa học

Nghiên cứu hệ thống nông nghiệp bền vững vùng miền núi phía bắc Việt Nam.



HOÀNG MỸ PHÚC

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 2 - 5 - 1935.
Quê quán: Xuân Thịnh - Triệu Sơn - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 13 D5 tập thể Giảng Võ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Cơ khí Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
Giáo viên, cán bộ quản lý ở các trường máy kéo và trung học cơ khí nông nghiệp Bộ Nông trường.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Bách khoa I-a-si, Rumani.
Cán bộ Cục Cơ khí - Tổng cục Trang bị kỹ thuật - Bộ Nông nghiệp.
Ban cơ điện và chế biến nông sản - Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1970.
Tại Đại học Bách khoa Gheorghe Asachi, Rumani.
Ngành Cơ khí.
Chuyên ngành Cơ khí nông nghiệp.

Đề tài luận án

Cơ giới hoá các việc gieo và chăm sóc cây ngô trên đồi dốc.

Nội dung

Giới thiệu đặc điểm và các yêu cầu nông học của việc gieo chăm sóc cây ngô trên đồi dốc. Kết hợp lý thuyết và thực nghiệm rút ra kết luận về phương pháp gieo, chăm sóc, các yêu cầu nông học và hiệu quả kinh tế của cây ngô trên đồi dốc (phương pháp chuyển động của liên hợp máy, các loại máy nông nghiệp được dùng, các phương pháp chăm sóc (diệt cỏ bằng phương pháp cơ học, thuốc diệt cỏ). Các yếu tố ảnh hưởng đến việc chăm sóc cây ngô như: độ ẩm, nhiệt độ, chiều cao cây ngô, thời kỳ chăm sóc, liều lượng thuốc diệt cỏ kg/ha, các độ cao của dốc v.v...

Thành tựu khoa học

Những kết quả của công trình nghiên cứu gieo và chăm sóc cây ngô trên đồi dốc đã được ứng dụng ở nhiều nông trường và các trạm cơ khí nông nghiệp trong nhiều năm.
Sách đã xuất bản:
Cơ giới hoá công việc trên đồi dốc (dịch). Nxb Nông nghiệp.
Một số công trình nghiên cứu về nhập và sử dụng các loại máy của nước ngoài vào Việt Nam để cơ giới hoá cây ngô đã được ứng dụng.
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.



LÊ HỮU PHÚC

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 20 - 4 - 1954.
Quê quán: Triệu Lăng - Triệu Phong - Quảng Trị.
Chỗ ở hiện nay: Thị xã Đông Hà - Quảng Trị.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học ở Liên Xô, trợ lý tham mưu của Tổng cục Xây dựng kinh tế - Bộ Quốc phòng.
Cán bộ tổ chức ban Tổ chức chính quyền Bình Trị Thiên.
Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp Ủy ban Kế hoạch tỉnh Bình Trị Thiên.
Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị.
Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Chuyên ngành Kinh tế quản lý và kế hoạch hoá kinh tế quốc dân (Kinh tế Nông nghiệp).

Đề tài luận án

Sử dụng đầy đủ và hợp lý đất vùng gò đồi ở tỉnh Quảng Trị.

Nội dung

Luận án nghiên cứu sự cần thiết phải sử dụng đầy đủ hợp lý đất vùng gò đồi.

Phân tích thực trạng tình hình sử dụng đất vùng gò đồi Quảng Trị, các biện pháp chính sách đã triển khai trong những năm qua. Đặc biệt phân tích làm rõ các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất biểu hiện trên lĩnh vực kinh tế và xã hội.
Đề xuất phương hướng, một số biện pháp cụ thể: bố trí lại sản xuất, phát triển các loại cây con phù hợp với từng tiểu vùng, tổ chức sản xuất, công tác khuyến nông, khuyến lâm. Đặc biệt là đề xuất các chính sách thuế, chính sách đầu tư, chính sách bảo trợ giá nông sản, chính sách vay vốn ưu đãi của Nhà nước, chính sách tín dụng, chính sách hỗ trợ dân đi xây dựng vùng kinh tế mới... nhằm tạo điều kiện để nhân dân yên tâm phát triển sản xuất, mở rộng diện tích, sử dụng đất đai có hiệu quả với phương châm "tấc đất, tấc vàng".

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Một số vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn nước ta hiện nay.
Phát triển nông thôn trong quá trình đổi mới. Nxb Nông nghiệp.



LÊ VĂN PHÚC

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 2 - 9 - 1951.
Quê quán: Sơn Hoà - Hương Sơn - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 56 Nguyễn Văn Cừ - Thành phố Vũng Tàu.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Toán, Đại học Sư phạm Vinh.
Nghiên cứu sinh Đại học quốc gia Sư phạm Matxcơva.
Chủ nhiệm bộ môn Phương pháp giảng dạy toán, Phó trưởng khoa Toán Đại học Sư phạm Vinh.
Thực tập sinh tại Viện Đại học Phuriê thành phố Grơs-nốp Cộng hoà Pháp.
Chủ nhiệm môn Phương pháp giảng dạy toán.
Chủ nhiệm chuyên ngành Đào tạo nghiên cứu sinh phương pháp giảng dạy Toán, Phó trưởng khoa Đào tạo sau đại học.
Chuyên viên Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Bà Rịa.
Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Quyền Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.
Hội giảng dạy Toán học Việt Nam.
Hội Khuyến học Việt Nam.
Hội Tâm lý giáo dục Việt Nam, Ủy viên Ban chấp hành Hội Tâm lý giáo dục tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Đại học Sư phạm quốc gia Matxcơva, Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy toán.

Đề tài luận án

Các phép biến hình là phương tiện phát triển hứng thú nhận thức của học sinh phổ thông Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu lý thuyết tâm lý học, giáo dục học, phương pháp giảng dạy toán về năng lực toán học, hứng thú nhận thức và việc hình thành, kích thích, phát triển hứng thú nhận thức của học sinh phổ thông.
Luận án đã đưa ra một số kết luận về các biện pháp nhằm phát triển hứng thú nhận thức thông qua việc giảng dạy bộ môn toán ở trường phổ thông. Nghiên cứu chủ đề về phép biến hình được trình bày ở phổ thông Việt Nam, Liên Xô cũ và phương pháp dạy học chủ đề này. Nghiên cứu các vấn đề về biến hình được trình bày trong các sách giáo khoa tham khảo. Luận án xây dựng một kế hoạch giảng dạy phép biến hình chi tiết nhằm phát triển hứng thú nhận thức của học sinh phổ thông. Luận án đã được thực hành sư phạm và cho kết quả khả quan.

Thành tựu khoa học

Một số công trình khoa học đã nghiệm thu; Một số bài viết trên các tạp chí.
Sách đã xuất bản:
Véc tơ - biến hình - hàm số và đồ thị - phương pháp tính (đồng tác giả).
Tham gia hướng dẫn luận án thạc sĩ, tiến sĩ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu didactic toán và phương pháp dạy học toán.
Tham gia hướng dẫn luận án thạc sĩ, tiến sĩ và giảng dạy các chuyên đề cho cao học.



NGÔ ĐỨC PHÚC

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 16-11-1943
Quê quán: Đức Thọ - Hà Tĩnh
Chỗ ở hiện nay: 16 Đại Cồ Việt - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Khảo sát, Bộ Kiến trúc, Chủ nhiệm công trình thiết kế lưới đo đạc Hà Nội.
Nghiên cứu sinh ở Hungari.
Phụ trách khối Viễn thám Trung tâm Nghiên cứu không gian - Viện khoa học Việt Nam.
Phó phòng kiêm Trưởng bộ môn Viễn thám. Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
Phụ trách phòng Khoa học Viện Điều tra quy hoạch đất đai - Tổng cục Địa chính.
Hiện là Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin khoa học và đào tạo - Viện Nghiên cứu Địa chính.
Hội viên Hội Khoa học đất Việt Nam, Hội Hữu nghị Việt Nam - Hungari.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1978
Tại Viện Nghiên cứu Trắc địa bản đồ và ảnh hàng không - vũ trụ Hungari.
Chuyên ngành Ảnh hàng không - vũ trụ.

Đề tài luận án

Nghiên cứu các phương pháp phân tích ảnh hàng không - vũ trụ phục vụ làm bản đồ chuyên đề và theo dõi tài nguyên thiên nhiên.

Nội dung

Nghiên cứu các phương pháp bình sai lưới ảnh hàng không.
Nghiên cứu các phương pháp xử lý ảnh hàng không - vũ trụ làm bản đồ chuyên đề.
Theo dõi tài nguyên thiên nhiên bằng ảnh hàng không - vũ trụ.

Thành tựu khoa học

Những công trình nghiên cứu:
Phát triển tiếp phương pháp bình sai chùm tia.
Đánh giá các yếu tố của phương pháp bình sai khối.
Đánh giá độ chính xác bình sai khối ảnh giữa phương pháp tương tự và phương pháp giải tích.
Khả năng ứng dụng các phương pháp bình sai khối ảnh vào việc làm bản đồ ở Việt Nam.
Sử dụng ảnh vệ tinh Landsat làm bản đồ ngập lụt vùng Đồng Tháp Mười.
Sử dụng ảnh Landsat làm bản đồ sử dụng đất vùng đồng bằng sông Cửu Long.
Sử dụng ảnh vệ tinh xây dựng bản đồ hiện trạng nước mặt và sử dụng đất vùng đồng bằng sông Hồng.
Thành lập bản đồ giải thửa bằng phương pháp trắc địa ảnh với ảnh máy bay.
Thành lập bản đồ sinh thái nông nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng tỷ lệ 1/250.000.
Bước đầu tự động hoá quá trình làm bản đồ.
Ứng dụng các tư liệu viễn thám thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
Quy hoạch nông nghiệp và sử dụng đất tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Thái Bình, Đắc Lắc.
Chủ trì đề tài cấp Nhà nước:
Sử dụng tư liệu và kỹ thuật viễn thám hiệu chỉnh bổ sung và xây dựng bản đồ chuyên đề nông nghiệp và rừng.
Điều tra quy hoạch sử dụng đất Tây Nguyên.
Cấp Bộ:
Ứng dụng tư liệu và kỹ thuật viễn thám lập bản đồ sinh thái nông nghiệp đồng bằng sông Hồng.
Sử dụng ảnh máy bay, ảnh vệ tinh làm bản đồ vùng đất trống đồi núi trọc tỉnh Lâm Đồng.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin khai thác sử dụng ảnh máy bay - ảnh vệ tinh theo dõi, quản lý tài nguyên đất đai.



NGUYỄN HỮU PHÚC

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 29 - 8 - 1932
Quê quán: Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: P215 - nhà P21 phường Kim Liên - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học và nghiên cứu sinh tại Liên Xô cũ.
Cán bộ nghiên cứu Viện Hoá học công nghiệp.
Trợ lý kỹ thuật Viện Silicat - Tổng cục Hoá chất.
Phó Giám đốc kỹ thuật, quyền Giám đốc Nhà máy ngói xi măng.
Phó Giám đốc Công ty Gạch ngói sành sứ xây dựng.
Phó Vụ trưởng Vụ vật liệu xây dựng.
Phó Tổng Giám đốc Liên hiệp các xí nghiệp gạch ngói sành sứ xây dựng - Bộ Xây dựng.
Thành viên Hội đồng tuyển sinh sau đại học Trường Đại học Bách khoa.
Thành viên chương trình nghiên cứu nhà nước về Vật liệu xây dựng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1968
Tại Trường Đại học Bách khoa Khắccốp, Ucraina, Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Công nghệ các chất vô cơ (Hoá Silicat)

Đề tài luận án

Khảo sát quá trình tăng mật độ của vật liệu chịu lửa do chất phụ gia hoạt tính bề mặt.

Nội dung

Nghiên cứu tổng hợp lý thuyết và các công trình nghiên cứu về ảnh hưởng của các chất phụ gia hoạt tính bề mặt đến khả năng tăng chất lượng của vật liệu trên cơ sở học thuyết lý hoá cơ học Ouzko - xumtecka, đề xuất nội dung khảo sát thực nghiệm.
Khảo sát thực nghiệm ảnh hưởng của chất phụ gia hoạt tính bề mặt và axit béo hữu cơ trong quá trình nghiền ép và nung ép, nung vật liệu chịu lửa cao nhôm và kiềm tính.
Kết luận về kết quả khảo sát và khả năng ứng dụng trong sản xuất.

Thành tựu khoa học

Góp phần xây dựng nhà máy kính đầu tiên của nước ta.
Đề xuất đầu tư ứng dụng công nghệ, sản xuất kính hiện đại (kính nổi).
Tham gia chọn lựa và đàm phán đầu tư nhà máy vật liệu chịu lửa kiềm tính có trình độ công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại ngang tầm quốc tế...



NGUYỄN VĂN PHÚC

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 9 - 9 - 1938
Quê quán: Linh Hồ - Vị Xuyên - Hà Giang
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Mễ Trì - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Lômônôxốp, Matxcơva, Liên Xô cũ.
Chuyên gia giáo dục tại Angola.
Trao đổi khoa học tại Trung Quốc, Ba Lan, Đức.
Giảng dạy tại khoa Địa chất, Trường Đại học Khoa học tự nhiên Hà Nội.
Hội viên:
Phân hội Cổ sinh và Địa tầng, Hội Địa chất Việt Nam.
Hội Cổ sinh quốc tế.
Viện Hàn lâm Khoa học New York.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1977
Tại Đại học Tổng hợp Lômônôxốp, Matxcơva.
Ngành Địa chất
Chuyên ngành Địa tầng và Cổ sinh vật.

Đề tài luận án

Bút thạch tuổi Ordovic và Silur ở Việt Nam và miền Trung Cadăcxtan.

Nội dung

Bút thạch là một nhóm hoá thạch có ý nghĩa định tầng toàn cầu và phân chia chi tiết các đá trầm tích tuổi Ordovic và Silur.
Luận án đã xác định và mô tả 33 loài bút thạch Ordovic miền Trung Cadăcxtan và 24 loài bút thạch Silur Việt Nam và Cadăcxtan. Trên cơ sở các loài đã được phát hiện, tác giả đã xác lập được 2 đới bút thạch Ordovic là Nemagraptus gracilis và Diplograptus multidens (2 đới dưới cùng của bậc Caradoc, Ordovic) và 5 đới bút thạch Silur: Coronograptus cyphus (bậc Rhuđani, Llandovery), Coronograptus gregarius - Demirastrites triangulatus, Demirastrites convolutus (bậc Aeroni, Llandovery), Spirograptus minor, và Globosograptus crispus (bậc Telychi, Llandovery).

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Atlas cổ sinh vật Việt Nam (đồng chủ biên - cấp Nhà nước).
Các trầm tích Ordovic-Silur-Đevon khu vực Trường Sơn, Việt Nam (chủ trì, cấp Bộ).
Các phân vị địa tầng Việt Nam (chủ trì - cấp Bộ).
Bút thạch tuổi Ordovic muộn và Silur sớm trong một số mặt cắt điển hình ở miền Bắc Việt Nam (chủ trì - cấp Nhà nước).
Cổ sinh và địa tầng Phanerozoi miền Trung Việt Nam (hợp tác Việt Mỹ).
Hoàn thiện thang địa tầng chuẩn Việt Nam (tham gia - cấp Nhà nước).
Lịch sử tiến hoá thành phần vật chất và chế độ địa động lực ở rìa địa khối Kontum (tham gia - cấp Nhà nước).
Bút thạch tuổi Silur muộn và Devon sớm trong một số mặt cắt ở khu vực hạ lưu sông Đà, sông Cả, sông Long Đại (chủ trì - cấp trường).
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Địa tầng học và các phương pháp nghiên cứu. Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

Dự định khoa học

Nghiên cứu cổ sinh, địa tầng, tiến hoá bồn trầm tích trong Paleozoi sớm.
Sinh địa tầng các trầm tích Cambri, Ordovic, Silur.
Bút thạch, cổ địa lý, điều kiện cổ môi trường trong các kỷ Ordovic, Silur.
Viết sách về bút thạch ở Việt Nam.



NGUYỄN VĂN PHÚC

Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 2 - 1 - 1948
Quê quán: Yên Phong - Ý Yên - Nam Định
Chỗ ở hiện nay: 96 Lò Đức - Hà Nội

Quá trình công tác

Học tập và công tác tại Đại học Tổng hợp Hà Nội. Hiện là Trưởng phòng Đạo đức học, Viện Triết học.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994
Tại Viện Triết học, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.
Ngành Triết học.
Chuyên ngành Mỹ học.

Đề tài luận án

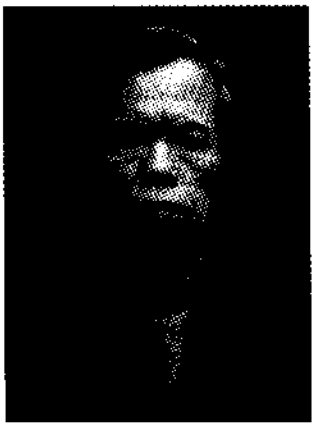
Quan hệ giữa cái thẩm mỹ và cái đạo đức trong cuộc sống và trong nghệ thuật.

Nội dung

Lược khảo hai khuynh hướng tiếp cận vấn đề quan hệ thẩm mỹ - đạo đức trong lịch sử mỹ học trước Mác và ngoài Mácxít: khuynh hướng thừa nhận và khuynh hướng phủ nhận quan hệ thẩm mỹ - đạo đức; chỉ ra những hạt nhân hợp lý và những hạn chế của hai khuynh hướng tiếp cận này.
Phân tích quan hệ biện chứng giữa cái thẩm mỹ và cái đạo đức thông qua việc xem xét cơ sở nội tại, những biểu hiện căn bản của sự thống nhất và tác động qua lại giữa cái thẩm mỹ và cái đạo đức trong cuộc sống và trong nghệ thuật; đồng thời xác định những đặc trưng quy định sự khác biệt giữa chúng.
Xác định những vấn đề bức xúc nhất và những giải pháp định hướng cơ bản nhất với sự phát triển nghệ thuật Việt Nam hiện nay từ phương diện quan hệ thẩm mỹ - đạo đức.
Sách đã xuất bản:
Quan hệ giữa cái thẩm mỹ và cái đạo đức trong cuộc sống và trong nghệ thuật, Nxb Khoa học Xã hội.

Dự định khoa học

Nghiên cứu những vấn đề lý luận nảy sinh từ thực tiễn xây dựng văn hoá đạo đức và thẩm mỹ trong điều kiện hiện đại hoá đất nước.



DƯƠNG HỮU PHÙNG

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 25 - 7 - 1945
Quê quán: Chiến Thắng - Bắc Sơn - Lạng Sơn
Chỗ ở hiện nay: Tổ 15 phường Tân Thịnh - Thành phố Thái Nguyên.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
Kỹ sư, Vụ Khoa học và hợp tác quốc tế Bộ Nông nghiệp.
Cán bộ giảng dạy khoa Trồng trọt Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.
Cán bộ Vụ Đào tạo Bộ Nông nghiệp.
Nghiên cứu sinh Viện Di truyền - Tế bào học. Viện Hàn lâm Khoa học Belorussia - Minsk.
Hiện là cán bộ giảng dạy khoa Trồng trọt Đại học Nông lâm Thái Nguyên.
Hội viên Hội hữu nghị Việt - Nga Hà Nội.
Hội những người công tác giống di truyền thực vật.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984
Tại Viện Di truyền tế bào học, Viện Hàn lâm Khoa học quốc gia Belorussia.
Ngành Di truyền tế bào học.
Chuyên ngành Ưu thế lai thực vật.

Đề tài luận án

Nghiên cứu khả năng phối hợp của những tính trạng số lượng của cây Lupinus. Luteous. L.

Nội dung

Lai tạo là phương pháp phổ biến để cải tạo giống cây trồng và vật nuôi. Con lai năng suất cao hay không phụ thuộc vào vật chất di truyền của bố, mẹ tham gia trong tổ hợp lai.
Nghiên cứu khả năng phối hợp giữa các tính trạng quan trọng của hai bên bố mẹ từ đó chẩn đoán và chọn ra những tổ hợp lai tốt nhất.
Nghiên cứu khả năng phối hợp chung (GCA - General Combining Ability) và khả năng phối hợp riêng (SCA - Special Combining Ability) là những chỉ tiêu đánh giá cực kỳ quan trọng trong nghề tạo giống bằng phương pháp lai tạo.
Nghiên cứu 7 tính trạng quan trọng của cây Lupinus Luteous L. và khả năng phối hợp của 9 giống khác nhau.
Nghiên cứu khả năng phối hợp trong môi trường tối ưu (nhà kính) và môi trường tự nhiên (trại thí nghiệm). Các thí nghiệm được tiến hành tại Viện di truyền tế bào Hàn lâm Belorussia.

Thành tựu khoa học

Đã thực hiện các đề tài:
Nghiên cứu sự biến động một số tính trạng di truyền của 64 dòng lúa cạn nhập từ Viện lúa quốc tế (IRRI) trồng tại Đại học Nông lâm Thái Nguyên (cấp Bộ).
Nghiên cứu phương pháp xây dựng vườn cây ăn quả trên đất dốc vùng núi Đông Bắc Việt Nam.
Nghiên cứu các phương pháp nhân giống vô tính một số cây đặc sản của vùng núi Đông Bắc Việt Nam (hồi, hạt dẻ) (cấp trường).
Nghiên cứu cây dại vùng núi phía Bắc ứng dụng làm hương liệu, dược liệu (cấp Nhà nước).
Tham gia biên soạn giáo trình chọn giống cây trồng.
Di truyền thực vật.

Dự định khoa học

Nhân giống nhanh bằng phương pháp vô tính cây đặc sản vùng (hồi, hạt dẻ), và cây làm thuốc, hương liệu, rau sạch.



PHẠM THẾ PHÙNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 20 - 5 - 1943
Quê quán: Phước Nghĩa - Tuy Phước - Bình Định
Chỗ ở hiện nay: 73 - đường số 7 - Cư xá Đo Đạc. Số 3 đường Trần Não - Quận 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Biên tập viên bản đồ.
Phó Giám đốc Xí nghiệp Đo vẽ bản đồ.
Giám đốc Xí nghiệp Đo vẽ bản đồ - Công ty Trắc địa bản đồ số 3.
Giám đốc chi nhánh Nhà xuất bản Bản đồ tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1977
Tại Trường Trắc địa Bản đồ - Matxcơva.
Chuyên ngành Bản đồ học.

Đề tài luận án

Thành lập tập bản đồ (Atlas) nông nghiệp Việt Nam.

Nội dung

Đặc điểm điều kiện địa lý tự nhiên, dân cư, kinh tế, văn hoá xã hội truyền thống nghề nông của dân tộc Việt Nam.
Hiện trạng phân bổ nông nghiệp Việt Nam, các vùng nguyên liệu và cơ sở chế biến nông phẩm - thuỷ sản (cây công nghiệp, cây lương thực, chăn nuôi, thuỷ sản).
Phân vùng lãnh thổ theo hướng phát triển nông nghiệp - ngư nghiệp trong tương lai.

Thành tựu khoa học

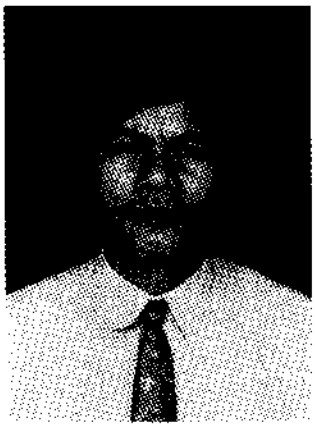
Chủ trì và tham gia đo vẽ, biên tập một số bản đồ Việt Nam thuộc nhiều ngành.

Dự định khoa học

Xây dựng giáo trình bản đồ học và giảng dạy.

Lời Tiến sĩ

Mong muốn truyền đạt kiến thức cho thế hệ sau.



TRẦN VĂN PHÙNG

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 28 - 8 - 1960
Quê quán: Hồng Thái - Ninh Giang - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Chăn nuôi thú y - Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998
Tại Trường Đại học Nông nghiệp Séc, Praha - Cộng hoà Séc.
Ngành Nông nghiệp
Chuyên ngành Chăn nuôi

Đề tài luận án

Xác định nhu cầu duy trì của các axit amin thiết yếu cho lợn sinh trưởng.

Nội dung

Thông qua các thí nghiệm về cân bằng Nitơ để xác định nhu cầu duy trì của các axit amin thiết yếu cho lợn sinh trưởng như Lysine, Threonine, Tryptophan, Methionine + Cystin, Isoleucine, Leucine, Histidine, Phenylalanine + Tyrosine và Valine.
Sự kết hợp giữa các phương pháp thí nghiệm trên cơ thể lợn, các phương pháp phân tích hiện đại trong phòng thí nghiệm và các thuật toán ứng dụng đã giúp tác giả xác định được chính xác nhu cầu duy trì của các axit amin thiết yếu cho lợn sinh trưởng với độ tin cậy cao. Đã xác định được nhu cầu duy trì của Histidine cho lợn sinh trưởng. Đây là một đóng góp mới cho khoa học về dinh dưỡng lợn.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu các đề tài:
Lợn hướng nạc (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu triển khai giống vịt Khakicampbell ở các tỉnh miền núi phía Bắc.
Nghiên cứu sử dụng chế phẩm EM trong chăn nuôi lợn thịt tại Thái Nguyên.
Biên soạn giáo trình chăn nuôi lợn.

Dự định khoa học

Nghiên cứu dinh dưỡng gia súc góp phần phát triển chăn nuôi.



LÊ VĂN PHỦNG

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 25 - 12 - 1954
Quê quán: Quyết Thắng - Thanh Hà - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: 161 Nguyễn Ngọc Nại - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Học sau đại học tại Đại học Y Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp Osaka, Nhật Bản.
Hiện là Phó Chủ nhiệm bộ môn Vi sinh vật học kiêm Trưởng phòng thí nghiệm Trung tâm Y sinh học, Đại học Y Hà Nội.
Hội viên Hội Vi sinh vật học Việt Nam, Hội các bệnh truyền nhiễm Nhật Bản.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Osaka, Nhật Bản.
Ngành Y
Chuyên ngành Vi sinh vật học.

Đề tài luận án

Thành phần Lipid và các acid béo tế bào của các chủng Burkholderia pseudomallei phân lập từ người và môi trường tại Việt Nam.

Nội dung

Burkholderia pseudomallei là một vi khuẩn sống ở các đồng lúa nước, chúng gây ra bệnh melioidosis, một bệnh nhiễm trùng nặng với rất nhiều thể lâm sàng khác nhau nhưng không có triệu chứng nào đặc hiệu cho bệnh, vì vậy, chẩn đoán lâm sàng rất khó khăn.
Luận án đã dùng các chủng vi khuẩn phân lập từ người và từ đồng ruộng ở Việt Nam để phân tích các thành phần lipid và acid béo ở màng tế bào vi khuẩn nhằm tìm ra các đặc điểm khác biệt trên các chủng của Việt Nam nhằm phục vụ cho chẩn đoán bệnh một cách nhanh chóng và chính xác.
Kết quả đã cho thấy: Hàm lượng glycolipid cao và đặc hiệu, có thể dùng làm kháng nguyên cho phản ứng Elisa chẩn đoán melioidosis. Các acid béo đặc trưng là các acid béo không no (2OH-16:1, 2OH-18:1, 2OH-19: CPA) và các acid béo no (14:0, 16:0, 17CPA, 3OH-14:0, 3OH-16:0).
Luận án góp phần nghiên cứu đặc điểm ở các chủng của Việt Nam, tìm ra thành phần đặc hiệu và tinh chế dùng làm kháng nguyên trong chẩn đoán bệnh.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Điều tra tình hình nhiễm Burkholderia pseudomallei ở một số vùng của Hà Nội.
Sách đã xuất bản
Tên vi khuẩn.
Vi sinh vật học.
Bộ câu hỏi và trả lời (dịch, Nxb Y học).
Huy chương tuổi trẻ sáng tạo.

Dự định khoa học

Nghiên cứu cơ chế kháng thuốc của vi khuẩn ở tầm phân tử.



VŨ THỊ PHỤNG

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 10 - 5 - 1959
Quê quán: Đông Xuân - Đông Hưng - Thái Bình
Chỗ ở hiện nay: 8B ngõ 71 - Nguyễn Quý Đức - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Phó Chủ nhiệm khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng.
Phó Chủ nhiệm bộ môn Văn bản và Hành chính học Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hội viên Hội Sử học Việt Nam.
Hội Luật gia Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999
Tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Chuyên ngành Biên soạn lịch sử và sử liệu học.

Đề tài luận án

Văn bản quản lý nhà nước thời Nguyễn (1802 - 1884).

Nội dung

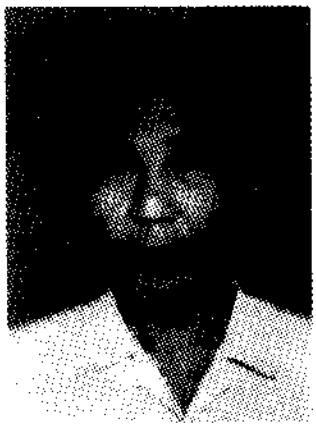
Sưu tầm và giới thiệu một cách có hệ thống các loại hình văn bản đã được sử dụng trong hoạt động quản lý nhà nước thời Nguyễn giai đoạn (1802 - 1884) gồm các văn bản của nhà vua; văn bản của các cơ quan trung ương và địa phương; các loại sổ sách phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước thời Nguyễn.
Luận án làm rõ quá trình hình thành và phân tích những đặc điểm hình thức, nội dung các văn bản quản lý nhà nước thời Nguyễn, giúp các nhà sử học hiểu biết thêm về nguồn sử liệu này giảm bớt những khó khăn trong việc phân loại, xác minh, phê phán và khai thác những thông tin trong đó để phục vụ việc nghiên cứu lịch sử triều Nguyễn và Việt Nam.
Hệ thống những quy định của triều Nguyễn trong lĩnh vực xây dựng, ban hành, quản lý và lưu trữ văn bản; tổng kết và nêu lên một số bài học kinh nghiệm trong lĩnh vực này, góp phần vào cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay.

Thành tựu khoa học

Đã công bố gần 40 công trình nghiên cứu trên các tạp chí về:
Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam.
Công nghệ và kỹ thuật hành chính.
Văn bản học và lưu trữ học.
Tham gia các đề tài cấp Nhà nước:
Hệ thống chính trị ở Việt Nam trong lịch sử.
Nội dung và phương thức tổ chức hoạt động quản lý của bộ máy nhà nước.
Các đề tài cấp Bộ, ngành:
Vấn đề hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của hệ thống quyết định quản lý nhà nước Việt Nam.
Quan điểm và nguyên tắc cải cách nền hành chính quốc gia.
Nghiên cứu những di sản pháp luật dân sự truyền thống của các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỷ XV đến thời Pháp thuộc.
Hoạt động tài phán hành chính ở nước ta qua các thời kỳ lịch sử.
Sự phát triển của hệ thống hành chính ở Việt Nam từ 1945 đến nay.
Chủ trì các đề tài cấp trường:
Vị trí của người phụ nữ trong pháp luật phong kiến Việt Nam.
Hệ thống văn bản quản lý hình thành trong hoạt động của các doanh nghiệp ở Việt Nam.
Sách đã xuất bản:
Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam (từ nguồn gốc đến trước Cách mạng tháng 8-1945) Nxb Khoa học xã hội.
Giáo trình đại học:
Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam (từ nguồn gốc đến năm 1992) Nxb Đại học Quốc gia.
Lý luận và kỹ thuật soạn thảo văn bản, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Nghiệp vụ Thư ký văn phòng, Nxb Đại học Quốc gia.
Giải thưởng khoa học Tài năng trẻ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu di sản pháp luật Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.
Nghiên cứu cải cách bộ máy nhà nước.
Đề xuất ban hành, quản lý, lưu trữ văn bản nhà nước.



PHẠM HỮU PHÚC

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 21 - 8 - 1925
Quê quán: Huỳnh Thúc Kháng - Bình Giang - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: 23 ngách 174/29 - ngõ 174 - Lạc Long quân - Tây Hồ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Đường sắt Matxcơva.
Trưởng phòng thiết kế, Phó ban xây dựng các sân bay Đa Phúc (nay là Nội Bài), Thọ Xuân, Yên Bái.
Nghiên cứu sinh Đại học Đường sắt Matxcơva.
Viện phó Viện Thiết kế giao thông.
Viện trưởng Viện Kỹ thuật giao thông.
Chủ tịch Hội đồng khoa học kinh tế kỹ thuật Bộ Giao thông vận tải.
Cố vấn Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
Phó Chủ tịch các Hội:
Hội Xây dựng, Hội Kết cấu xây dựng, Hội khoa học kỹ thuật cầu đường, Hội Xây dựng sân bay.
Hiện là Uỷ viên Ban chấp hành Hội cầu đường.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1969.
Tại Đại học Đường sắt Matxcơva, Liên Xô cũ.
Người Xây dựng.
Chuyên ngành Cầu hầm.

Đề tài luận án

Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn hoạt tải đoàn tầu trong thiết kế cho cầu đường sắt ở Việt Nam - cộng thêm phần thí nghiệm kết cấu - tính toán thí nghiệm vật liệu tre và kết cấu bê tông cốt tre.

Nội dung

Việt Nam phải xây dựng riêng cho mình một tiêu chuẩn hoạt tải đoàn tàu riêng.
Trong lúc thiếu sắt thép, có thể dùng tre làm cốt.
Cường độ của tre đạt tới R = 3000 kg/cm².
Nhược điểm của cốt tre là độ dính bám với bê tông không cao. Xác định trạng thái giới hạn phá hoại là lúc cốt tre bị tuột, từ đó bê tông làm việc không có cốt và nhanh chóng bị phá hoại.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài:
Áp dụng kết cấu bê tông dự ứng lực trên mô hình thu nhỏ, dùng thiết bị và vật liệu trong nước.
Xây dựng sân bay Đa Phúc vĩnh cửu quy mô lớn đầu tiên ở Việt Nam.
Thi công cầu đúc hẫng cầu đầu tiên ở Việt Nam tại cầu Bía (Hải Dương)
Công nghiệp hoá xây dựng giao thông (cấp Nhà nước).
Nhiệt đới hoá sử dụng ô tô Liên Xô ở Việt Nam (hợp tác với Liên Xô).
Liên tục hoá dầm tĩnh điện thành dầm siêu tĩnh bằng dự ứng lực ngoài.
Thiết kế sửa chữa cầu Niệm bằng dự ứng lực ngoài (hợp tác với Pháp).
Chỉ đạo xây dựng:
Cầu Bo (Thái Bình).
Cầu Bến Thuỷ (Nghệ An)
Cầu Vỹ Dạ (Huế)
Cầu Niệm (Hải Phòng)
Tham gia sửa chữa nâng cấp sân bay Tân Sơn Nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp giao thông vận tải, Vì sự nghiệp khoa học, công nghệ.
Huân chương kháng chiến hạng ba,
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huân chương lao động hạng ba.
Được phong Giáo sư năm 1984.



LÊ THÀNH PHƯỚC

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 22 - 8 - 1942
Quê quán: Đông Hương - Đông Sơn - Thanh Hoá
Chỗ ở hiện nay: 728 Minh Khai - Hà Nội

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Dược Hà Nội
Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng uỷ Trường Đại học Dược Hà Nội.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Hoá đại cương - Vô cơ - Hoá lý, Trường Đại học Dược Hà Nội.
Hội viên Hội Dược học Việt Nam.
Hội hữu nghị Việt - Đức.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1975
Tiến sĩ Khoa học năm 1988

Tại Trường Đại học Tổng hợp Martin-Luther Halle-Wittenberg Cộng hoà liên bang Đức.
Ngành Dược
Chuyên ngành Dược lý - Hoá dược

Đề tài luận án Tiến sĩ

Xác định vi lượng kẽm trong huyết thanh của súc vật thí nghiệm và của người ở điều kiện bình thường và ở các trường hợp bệnh lý.

Luận án Tiến sĩ Khoa học
Nghiên cứu hoá học và dược lý đối với Ethambutol và dẫn chất của nó - Ethylendiiminodibutyric acid (EDDB) trong nhiễm độc chì ở súc vật và ở người.

Nội dung

Tổng hợp hoá học chất EDDB (là dẫn chất chuyển hoá của Ethambutol trong cơ thể).
Nghiên cứu sự tạo phức giữa Ethambutol, EDDB với chì.
Khảo sát trên các mô hình bệnh nhiễm độc chì về khả năng đào thải chì khỏi cơ thể của Ethambutol và của thuốc mới EDDB.

Thành tựu khoa học

Giảng dạy hoá vô cơ.
Biên soạn giáo trình hoá đại cương vô cơ cho sinh viên dược.
Hướng dẫn nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên dược tốt nghiệp.
Thực hiện các đề tài:
Về nhiễm độc chì, kim loại độc và các phối tử tạo phức dùng làm thuốc điều trị.
Về các nguyên tố vi lượng sinh học và gốc tự do trong cơ thể.
Huy chương kháng chiến hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sức khoẻ nhân dân.
Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu thuốc giải độc các kim loại theo cơ chế tạo phức đào thải, đồng thời hoá giải gốc tự do.
Giảng dạy nguyên tố vi lượng sinh học và các chất chống oxy hoá.



ĐÀO THỊ LAN PHƯƠNG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 7 - 6 - 1957
Quê quán: Đa Tốn - Gia Lâm - Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: 36 Thái Hà - Hà Nội

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Dược Hà Nội
Cán bộ Công ty Dược liệu Trung ương I Hà Nội
Nghiên cứu sinh tại Đại học Dược Hà Nội
Hiện công tác tại Tổng công ty Dược Việt Nam
Hội viên Hội Dược học Việt Nam
Hiệp hội các nhà sản xuất kinh doanh dược Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Đại học Dược Hà Nội
Ngành Dược
Chuyên ngành Đông dược và thuốc Nam.

Đề tài luận án

Nghiên cứu một số loài mang tên Sa nhân ở Việt Nam

Nội dung

Nghiên cứu hình thái và giải phẫu thực vật, thành phần tinh dầu quả và các bộ phận lá, thân khí sinh, thân rễ, vỏ quả... một số loài *Amomum Roxb,* mọc hoang và được trồng ở các địa phương.

Xác định tên khoa học của từng loài, nhằm kết luận, sa nhân dùng trên thị trường để làm thuốc thuộc loại nào.
Phát hiện thêm những loài mới tuy không được quy định dùng trong ngành dược, nhưng tinh dầu của nó rất cần đối với các ngành kỹ nghệ khác, nhằm khai thác có hiệu quả nguồn dược liệu mang tên Sa nhân.
Kết quả nghiên cứu đã bổ sung vào hệ thực vật Việt Nam 3 loài sau:
Amomum lappaceum Ridl ở Lào Cai.
Amomum pavieanum Pirre ở Lai Châu.
Amomum aurantiacum H.T.Tsai SW Zhao ở Lai Châu và Hoà Bình.
Bằng các phương pháp sắc ký khí mao quản (CGC) và sắc ký khí - phối phổ liên hợp (GC/MS) đã xác định được nhiều chất có trong thành phần hoá học của tinh dầu nhiều loài sau:
Amomum ovoideum piere.
Amomum longiligulare T.L Wu.
Amomum Schimitti Gagnep
Amomum lappaceum Ridl.
Amomum pavieanum Pirre.
Amomum aurantiacum H.T.Tsai & SW Zhao.
Xác định được các loài Sa nhân Dược dụng.
Amomum ovoideum Piere. Đã được đưa vào *Dược điển Việt Nam.*
Bổ sung thêm 2 loài mới:
Amomum longiligulare T.L.Wu
Amomum villosum var. xanthioides (Wall) T.L. Wu ex Senjen Chen



ĐỖ THANH PHƯƠNG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 16 - 11 - 1953
Quê quán: Tịnh Thiện - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 25 phường Phước Mỹ - Quận Sơn Trà - Thành phố Đà Nẵng

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
Giảng viên Trường Nguyễn Ái Quốc.
Nghiên cứu sinh tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh Hà Nội.
Giảng viên Phân viện Đà Nẵng.
Uỷ viên thường vụ Hội Khoa học kinh tế Đà Nẵng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998.
Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Kinh tế chính trị.

Đề tài luận án

Đặc điểm và phương hướng phát triển kinh tế nông hộ ở Tây Nguyên hiện nay.

Nội dung

Luận giải những quan điểm cơ bản, về tầm quan trọng của kinh tế nông hộ, vai trò của nó trong nền kinh tế - xã hội, trong việc ổn định và phát triển kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên.
Làm rõ những nhân tố tác động đến quá trình hình thành và phát triển kinh tế nông hộ ở Tây Nguyên qua các thời kỳ.

Đặc điểm kinh tế nông hộ ở Tây Nguyên là pha trộn nhiều trình độ, nhiều đối tượng dân cư trong cả nước, từ hộ du canh du cư đến nông trại gia đình hiện đại.
Đa số nông hộ trồng cây công nghiệp, làm lâm nghiệp và chăn nuôi đại gia súc. Hiện nay và nhiều năm nữa, kinh tế nông hộ vẫn là cơ sở quan trọng cho phát triển kinh tế xã hội ở Tây Nguyên.

Thành tựu khoa học

Trên 40 bài viết đã đăng trên các tạp chí.
Chủ nhiệm một số đề tài cấp Bộ về kinh tế miền Trung.
Tham gia một số đề tài nghiên cứu kinh tế xã hội (đã in sách).

Dự định khoa học

Nghiên cứu và giảng dạy kinh tế xã hội Tây Nguyên.



HOÀNG THỊ LAN PHƯƠNG

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 4 - 11 - 1957
Quê quán: Tam Thanh - Tam Kỳ - Quảng Nam
Chỗ ở hiện nay: 429 Tôn Đức Thắng - Đà Nẵng

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn
Học viên cao học, Trường Đại học Sư phạm I Hà Nội
Cán bộ giảng dạy Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Nẵng
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Sư phạm I Hà Nội
Cán bộ phòng Quản lý khoa học Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.
Phó trưởng Ban Quản lý khoa học và đào tạo sau đại học, Đại học Đà Nẵng.
Hội viên Hội Khoa học kỹ thuật Đà Nẵng

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994
Tại Trường Đại học Sư phạm I Hà Nội
Ngành Hoá học
Chuyên ngành Hoá vô cơ.

Đề tài luận án

Nghiên cứu các điều kiện phân chia hỗn hợp nguyên tố đất hiếm phân nhóm YTRI bằng phương pháp sắc ký trao đổi ion.

Nội dung

Nghiên cứu quá trình trao đổi ion ở điều kiện tĩnh trong hệ: Cation đất hiếm - cationit - EDTA khi không có và khi có mặt các axit hữu cơ. Xây dựng cơ chế quá trình trao đổi ion phân chia hỗn hợp các nguyên tố đất hiếm nặng.
Vai trò của các axit hữu cơ trong việc nghiên cứu động học quá trình trao đổi ion nhằm làm tăng hiệu quả quá trình phân chia nguyên tố đất hiếm.
Chứng minh được trong hệ (Ln, Ln') R_3-$NH_{3,5}H0$, $_5$A-HAc, ngoài quá trình trao đổi ion và tạo phức đơn phối tử còn có quá trình tạo phức hỗn hợp giữa complexonat LnA^- với ion axetat, đồng thời đã chứng minh được khả năng thâm nhập của axit này vào pha nhựa hình thành các cation có diện tích bé hơn +3 giữa anion của axit axtic và cation đất hiếm có sẵn khung hữu cơ của hạt nhựa.
Quá trình trao đổi ion trên cột và khảo sát khả năng giải hấp thụ các nguyên tố đất hiếm riêng biệt ở giá trị pH khác nhau, nồng độ khác nhau của hỗn hợp dung dịch rửa giải.
Đã tách thành công hỗn hợp các nguyên tố đất hiếm phân nhóm Ytri có trong quặng Yên Phú và Monazite sa khoáng ven biển miền Trung. Đã thu được các nguyên tố Yb; Er; Ho; Dy và Y có độ tinh khiết > 99,5% với hiệu suất phân chia 8; 85; 48; 81 và 70% tương ứng.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Tổng hợp phức chất của một số nguyên tố đất hiếm với các phối tử xylendacam, EDTA, CH_3COOH.
Nghiên cứu quá trình phân chia nguyên tố đất hiếm bằng phương pháp sắc ký trao đổi ion.
Nghiên cứu sử dụng các nguyên tố đất hiếm làm phân vi lượng để bón cho cây trồng.
Nghiên cứu đề xuất giải pháp giảm ô nhiễm môi trường một số khu công nghiệp du lịch và dân cư ở Quảng Nam.

Dự định khoa học

Nghiên cứu môi trường và sử dụng phân vi lượng đất hiếm.



LÊ THỊ PHƯƠNG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 23 - 12 - 1949
Quê quán: Đông Hoàng - Đông Sơn - Thanh Hoá
Chỗ ở hiện nay: B13 - 103 Tập thể Bệnh viện Bạch Mai - Hà Nội

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học tại Tiệp Khắc cũ.
Hiện là Trưởng khoa Xét nghiệm Viện Da liễu, Bệnh viện Bạch Mai, Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Viện Vệ sinh dịch tễ Hà Nội.
Chuyên ngành Vi sinh học.

Đề tài luận án

Tìm hiểu tình hình nhiễm lậu cầu và một số vi sinh vật gây bệnh đường sinh dục mạn tính tại Viện Da liễu Trung ương từ năm 1989 đến 1993.

Nội dung

Từ những bệnh nhân viêm niệu đạo, âm đạo và kết mạc mắt trẻ sơ sinh đã tiến hành soi trực tiếp tìm song cầu khuẩn lậu, nuôi cấy, phân lập xác định lậu cầu và thử tính nhạy cảm với kháng sinh của các chủng phân lập được. Từ những bệnh phẩm lấy từ niệu đạo (nam) và âm đạo (nữ) tiến hành soi tươi tìm trùng roi và nấm candida. Xét nghiệm huyết thanh phát hiện kháng thể IgG kháng chlamydia trachomatis.
Xác định tỷ lệ phân lập lậu cầu dương tính đường sinh dục 9,09%. Soi tươi phát hiện tỷ lệ nhiễm trichomoras vaginalis và candida đường sinh dục là: 4,94% và 11,93%. Nhiễm chlamydia trachomatis: 26%.
Nam bị bệnh lậu 72,60%, nữ 27,40%.
Bệnh lậu và các căn nguyên gây bệnh viêm đường tiết niệu, sinh dục tập trung cao ở tuổi 21 đến 40 (88,04%).
Xác định tỷ lệ các mầm bệnh gây viêm niệu đạo, âm đạo thường gặp: lậu cầu, chlamydia trachomatis, candida và trichomoras vaginalis.
Đã xác định được sự nhạy cảm và kháng lại kháng sinh của lậu cầu với các loại kháng sinh sử dụng trong điều trị bệnh lậu. Dựa vào sự giám sát kháng thuốc này có thể áp dụng điều trị bệnh lậu ở những nơi chưa có điều kiện và phương tiện giám sát kháng kháng sinh của chúng.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu (tác giả và đồng tác giả):
Tình hình bệnh ngoài da và hoa liễu ở một trại phạm nhân nữ Lào Cai.
Kết quả điều tra bệnh hoa liễu ở khu sản xuất Phú Lương.
Nhận xét qua theo dõi điều trị bệnh lậu trong 4 năm (1978 - 1981) tại khoa Da liễu, Bệnh viện Bạch Mai.
Giá trị của xét nghiệm nước tiểu tìm lậu cầu trong bệnh lậu mạn tính.
Sự kháng lại kháng sinh của các chủng lậu cầu phân lập được tại Viện Da liễu Việt Nam năm 1989.
Mức độ nhạy cảm của lậu cầu với kháng sinh tại Viện Da liễu 1991.
Sự nhạy cảm và kháng lại penicillin có sản xuất men Bêta-lactamaza của các chủng lậu cầu.
Tìm hiểu tình hình viêm niệu đạo, âm đạo do chlamydia trachomatis ở Hà Nội.
Tình hình kháng kháng sinh của lậu cầu tại Hà Nội năm 1993.
Tính nhạy cảm và đề kháng kháng sinh của chủng lậu cầu với thuốc điều trị tại Hà Nội 1994-1995.
Tính đề kháng kháng sinh với thuốc điều trị của các chủng lậu cầu phân lập được tại Viện Da liễu Trung ương 1996-1997.
Góp phần nghiên cứu tính chất đề kháng kháng sinh của vi khuẩn lậu với phân lập tại Hà Nội 1998.
Thăm dò tỷ lệ nhiễm chlamydia trachomatis ở phụ nữ tuổi sinh đẻ tại Hà Nội bằng thử nghiệm miễn dịch men năm 1998 - 1999.
Sách, tài liệu đã xuất bản:
Kỹ thuật xét nghiệm phát hiện căn nguyên gây các bệnh nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục.
Kỹ thuật xét nghiệm tìm vi trùng phong.
Tài liệu tập huấn vi sinh lâm sàng.



NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG

Tiến sĩ Tin học

Sinh ngày: 15 - 12 - 1971
Quê quán: An Giang
Chỗ ở hiện nay: 102A Nguyễn Đình Chiểu - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng viên khoa Công nghệ Thông tin, Chủ nhiệm dự án Trường Cao đẳng Hoa Sen, thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Tin học thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998.
Tại Học viện Quốc gia về Nghệ thuật và Nghề nghiệp Paris.
Ngành Công nghệ Thông tin.
Chuyên ngành Công nghệ phần mềm.

Đề tài luận án

Chuyển đổi từ đặc tả bán hình thức sang đặc tả hình thức một hệ thống thông tin.

Nội dung

Những phương pháp được sử dụng trong thiết kế hệ thống thông tin hầu hết được xây dựng trên cơ sở những ngôn ngữ bán hình thức như mô hình lớp, mô hình chuyển đổi trạng thái, mô hình tuần tự... Những mô hình này có những lợi thế không thể phủ nhận: khả năng biểu thị trực quan và tổng hợp của hệ thống thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền thông với người sử dụng. Tuy nhiên, so với những phương pháp được xây dựng trên ngôn ngữ hình thức, nhược điểm của những mô hình này là thiếu tính chặt chẽ và khả năng chứng minh tính đúng đắn của hệ thống. Nghiên cứu việc tích hợp tính ưu việt của những phương pháp thuộc hai trường phái trên bằng cách đưa ra những luật cho phép chuyển đổi từ đặc tả bán hình thức sang đặc tả hình thức của hệ thống thông tin.

Thành tựu khoa học

Các nghiên cứu khoa học đã tham gia:
Nghiên cứu những luật chuyển đổi từ ngôn ngữ tự nhiên sang các câu lệnh truy vấn trên cơ sở dữ liệu.
Nghiên cứu những ngôn ngữ bán hình thức và hình thức.
Nghiên cứu chuyển đổi từ đặc tả bán hình thức sang đặc tả hình thức hệ thống thông tin.
Xây dựng hệ thống chương trình quản lý đào tạo mang tính tích hợp ứng dụng cho các trường đại học và cao đẳng.

Dự định khoa học

Ứng dụng tin học vào quản lý và giảng dạy.



PHAN HỒNG PHƯƠNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 25 - 6 - 1966
Quê quán: Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: 270/38 Lý Thường Kiệt - Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Viện Vật lý nhiệt kỹ thuật Viện Hàn lâm Khoa học quốc gia Ucraina.
Hiện là giảng viên khoa Viễn thông, Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông, cơ sở thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Trường Đại học Bách khoa Kiep, Ucraina.
Chuyên ngành Điện tử chất rắn và Vi điện tử.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của các yếu tố không ổn định đến đặc tính bộ khuếch đại siêu cao tần đầu vào của hệ thống thông tin vệ tinh.

Nội dung

Phân tích ảnh hưởng của một số yếu tố không ổn định (nhiệt độ, độ ẩm, các tia phóng xạ, nhiễu) đến đặc tính hoạt động của mạch khuếch đại siêu cao tần trong các thiết bị đầu vào của hệ thống thông tin vệ tinh.

Xây dựng mô hình toán, lý và mạch của các transistor bán dẫn và của mạch khuếch đại tần số siêu cao, có tính đến ảnh hưởng của nhiệt độ, các tia phóng xạ và nhiễu, kiểm chứng kết quả bằng thực nghiệm.
Dựa trên kết quả tính toán mô phỏng, đề nghị giải pháp làm giảm ảnh hưởng của các yếu tố không ổn định trên.

Thành tựu khoa học

Trên 10 bài nghiên cứu đăng ở các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu điện tử viễn thông
Lập nhóm nghiên cứu thiết kế vi mạch ở tần số siêu cao.



TẠ HOÀ PHƯƠNG

Tạ Phương

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 20 - 10 - 1949
Quê quán: Dũng Tiến - Vĩnh Bảo - Hải Phòng
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học Quốc gia - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Phó Chủ nhiệm khoa Địa chất Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Cổ sinh - Địa tầng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988
Tại Trường Đại học Tổng hợp Novosibirsk Liên Xô cũ.
Ngành Địa chất và khoáng vật học.

Đề tài luận án

Favositina, Thamnoporina (Tabulata) ở Bắc Bộ (Việt Nam) và ý nghĩa địa tầng của chúng.

Nội dung

Nghiên cứu chuyên khảo hai phụ bộ Favositina và Thamnoporina, xác định vị trí phân loại của 126 loài, mô tả 36 loài san hô thuộc 15 giống, 5 họ, trong số đó có một giống mới và 9 loài mới. Trình bày sơ đồ phân loại vi cấu trúc vách của Tabulata, trong đó tác giả đề xuất một kiểu vi cấu trúc mới và xét lại một số kiểu khác. Đã xác lập quan hệ huyết thống giữa các giống Favosites, Pachyfavosites và Thamnopora. Trên cơ sở nghiên cứu vi cấu trúc vách đã rà xét lại một số hàng phân loại của Tabulata.
Luận án nêu bật tính đa dạng, phong phú của các phức hệ Favositina và Thamnoporia ở Bắc Bộ và chia lịch sử phát triển nhóm hoá thạch này thành 4 giai đoạn, tạo cơ sở đối sánh chúng với một số khu vực khác trên thế giới.
Các kết quả nghiên cứu về địa tầng của luận án đã được sử dụng trong công tác thực tế đo vẽ bản đồ địa chất nước ta.

Thành tựu khoa học

Trên 40 công trình nghiên cứu đã công bố ở trong và ngoài nước.
Một số công trình tiêu biểu:
Trái đất và sự sống. Nxb Khoa học kỹ thuật.
Địa tầng và ruột khoang Devon ở Việt Nam. 2 tập, Nxb Nauka, Novosibirsk (tiếng Nga) - đồng tác giả.
Ranh giới Frasni/Famen (Đevon thượng) trong khối đá vôi Xóm Nha, vùng Quỳ Đạt, Quảng Bình (đồng tác giả).
Tổng quan về trầm tích Famen ở Việt Nam (đồng tác giả).
Địa tầng Devon, Carbon trong mặt cắt Đồng Văn.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chi tiết địa tầng Devon và Carbon ở Việt Nam trên cơ sở các nhóm hoá thạch Conodonta Tentaculita và Tabulata.
Nghiên cứu phát hiện các ranh giới thời địa tầng Givet/Frasni, Frasni/Famen và Devon/Carbon ở Việt Nam. Đối sách địa tầng Devon, Carbon Việt Nam với khu vực khác trên thế giới.



TRẦN THANH PHƯƠNG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 20 - 9 - 1948
Quê quán: Tây Mỗ - Từ Liêm - Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: 10 ngõ Thi Sách - Hà Nội

Quá trình công tác

Thư ký thường trực ấn phẩm *"Tóm tắt tài liệu khoa học - kỹ thuật Việt Nam ra tiếng Anh"* và nhiều ấn phẩm khác của Trung tâm Thông tin tư liệu khoa học và công nghệ quốc gia.
Phiên dịch tại Học viện Quản lý Matxcơva và Viện Hàn lâm Kinh tế quốc dân Liên Xô.
Phó trưởng phòng Thông tin chiến lược phát triển.
Trưởng phòng Nghiên cứu và phân tích thông tin.
Phó Tổng biên tập bản tin *"Khoa học - Công nghệ - Môi trường"*.
Tổng thư ký Ban soạn thảo sách trắng *Khoa học - công nghệ Việt Nam*.
Phụ trách nhiều ấn phẩm điện tử.
Trung tâm Thông tin tư liệu khoa học và công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học Công nghệ.
Thành viên Câu lạc bộ Khoa học - Công nghệ - Truyền hình (KCT).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Kinh tế chính trị tư bản chủ nghĩa.

Đề tài luận án

Tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đối với nền kinh tế của các nước tư bản phát triển - Một số gợi mở về thời cơ và thách thức đối với Việt Nam.

Nội dung

Phân tích xu hướng phát triển hiện nay của cuộc cách mạng khoa học công nghệ.
Vai trò và sự tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ tới sự phát triển kinh tế - xã hội ở các nước tư bản phát triển.
Đề xuất một số gợi mở về chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam, để tranh thủ cơ hội và ứng phó với những thách thức của cuộc cách mạng khoa học công nghệ mới.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Quan hệ đối ngoại và chính sách đối ngoại của nước ta.
Sự tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại và những hệ quả kinh tế - xã hội, chính trị của nó đối với tình hình thế giới và quan hệ quốc tế (chủ biên - cấp Nhà nước).
Dự án "Vịnh Hạ Long năm 2000".
Tiến bộ khoa học - kỹ thuật và hiệu quả (đồng tác giả), Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
Khoa học - kỹ thuật - công nghệ trong lịch sử văn minh nhân loại trong sách *"Almanac các nền văn minh thế giới"*. Nxb, Văn hoá Thông tin.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Khảo cứu về các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ III, IV đang và sẽ diễn ra trong thế kỷ 21.



TRƯƠNG PHƯƠNG

Tiến sĩ Dược học

Sinh ngày: 23 - 4 - 1955
Quê quán: Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: 451/15 Hai Bà Trưng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Trường Đại học Y - Dược Lvop - Ucraina Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Hoá dược

Đề tài luận án

Tổng hợp và hoạt tính sinh học của một số dẫn chất thiazolidin 2 vòng không ngưng tụ.

Nội dung

Trên cơ sở p-phenylendiamin và benzidin bằng phương pháp dithiocarbamat đã tổng hợp 2 nhân cơ bản 1,4-phenylendirhodanin và 3,3' (4,4'-diphenylen) bisrhodanin. Trên cơ sở 2 chất ban đầu bằng các phương pháp ngưng tụ khác nhau tạo ra 64 dẫn chất thiazolidin 2 vòng không ngưng tụ. Các chất thu được được tinh chế và xác định cấu trúc bằng các phương pháp hoá lý: đo nhiệt độ nóng chảy, UV, IR, phân tích nguyên tố. Kết quả thử tác dụng sinh học cho thấy các chất tổng hợp có tác dụng kháng nấm và kháng khuẩn tốt.

Thành tựu khoa học

Một số công trình nghiên cứu đã công bố:
ZN Undecylenat sản xuất kem funga trị nấm gây bệnh ngoài da.
Tổng hợp và hoạt tính kháng khuẩn và kháng nấm của các dẫn chất bromosa licylanilid.
Sát hydrogen hoá berberin tạo thành tetrabydro berberin.
Tổng hợp monobenzon trong điều kiện Việt Nam.
Tổng hợp và thử hoạt tính kháng khuẩn và kháng nấm của các dẫn chất notrosa licylanilid.
Tổng hợp và thử hoạt tính kháng khuẩn và kháng nấm của các dẫn chất iodosalicylanilid.
Điều chế một số muối gluconat dùng trong ngành dược bằng phương pháp điện hoá.
Tổng hợp và hoạt tính sinh học của các dẫn chất clorosalicylanilid.
Tổng hợp và thử hoạt tính kháng khuẩn và kháng nấm của các dẫn chất 3-salicylaminorhodanin.
Tổng hợp mequinon trong điều kiện Việt Nam.
Nghiên cứu tác dụng kháng khuẩn của lá bình bát.
Tổng hợp và hoạt tính kháng khuẩn và kháng nấm của các dẫn chất thiure.
Tổng hợp và hoạt tính kháng khuẩn và kháng nấm của các dẫn chất thiazan.
Tổng hợp và hoạt tính kháng khuẩn và kháng nấm của các dẫn chất clorosali cylrhodanin.
Tổng hợp và hoạt tính kháng khuẩn và kháng nấm của một số dẫn chất clorothioure clorothiose micarbazid.
Nghiên cứu tác dụng kháng khuẩn của dịch chiết ether vỏ thân bình bát.
Tổng hợp và hoạt tính kháng khuẩn và kháng nấm của các dẫn chất p-phenylendithioure.
Nhiều công trình đã báo cáo tại các hội nghị khoa học, đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.
Tham gia xây dựng chuyên luận Dược điển Việt Nam.
Hướng dẫn tốt nghiệp đại học, trên đại học.
Giải thưởng sáng tạo kỹ thuật VIFOTEC - 1999, 2000.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.



VŨ THỊ PHƯƠNG

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 19 - 5 - 1952.
Quê quán: Hải Hậu - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 15 Vĩnh Phúc - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội
Chuyên ngành Hoá sinh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Tại Cộng hoà Liên bang Nga
Chuyên ngành Hoá sinh y học.

Đề tài luận án

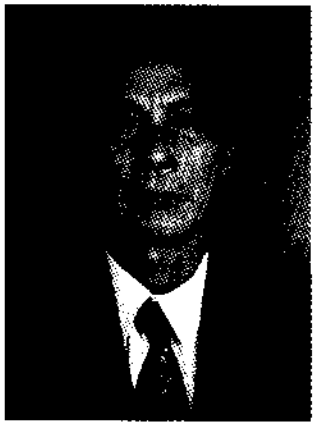
Nghiên cứu so sánh miễn dịch các protein đặc hiệu và không đặc hiệu của tinh dịch trong các trường hợp bình thường và bệnh lý cơ quan sinh sản.

Nội dung

Trong tinh dịch chứa rất nhiều protein khác nhau. Có những protein chỉ do cơ quan sinh sản tổng hợp nên, cũng có những protein giống như ở trong huyết thanh và các tổ chức khác. Quá trình tổng hợp các protein này được điều hoà bởi nhiều yếu tố trong đó có vai trò của các hormon sinh dục. Các protein nếu bình thường, có vai trò nhất định trong các quá trình thụ tinh và phát triển của thai. Trong các trường hợp bệnh lý cơ quan sinh sản, chúng có thể thay đổi nồng độ và chức năng. Người ta có thể dựa vào nồng độ của chúng để giúp phụ trợ cho việc chuẩn đoán các trường hợp bệnh lý cơ quan sinh sản. Đặc biệt trong các trường hợp bệnh lý cơ quan sinh sản. Đặc biệt trong các trường hợp vô sinh do vô tinh, giảm khả năng sống và hoạt động của tinh trùng bởi nhiều nguyên nhân khác nhau.
Các protein được nghiên cứu:
α 2 Microglobulin sinh sản.
α Globulin bền với nhiệt của nước bọt và tinh dịch.
Lactofferin.
Kháng nguyên hoà tan của Leucocit.

Thành tựu khoa học

Chủ trì đề tài khoa học cấp cơ sở:
Điều tra tình trạng tăng lipid máu của phụ nữ trường Đại học Y Hà Nội lứa tuổi trên 40.
Thư ký đề tài khoa học cấp Bộ:
Mối tương quan của chất chuyển hoá 2-3 DPG với các enzym then chốt trong hồng cầu.
Thư ký đề mục cấp Nhà nước của đề tài nghiên cứu cơ bản:
Mối tương quan của các enzym chuyển hoá của hồng cầu ở các đối tượng khác nhau.
Nhiều bài nghiên cứu đã đăng trên các báo.
Tham gia viết sách:
Chuyên đề hoá sinh, tập IV.
Những vấn đề hoá sinh học hiện đại.
Hoá sinh học.



VŨ XUÂN PHƯƠNG

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 6 - 1 - 1944.
Quê quán: Thành phố Việt Trì - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 19 - phường Nghĩa Đô - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ Uỷ ban Khoa học kỹ thuật Nhà nước.
Công tác biệt phái tại Cục Quân nhu Tổng cục Hậu cần. Chiến trường B1, Nam Bộ.
Thực tập tại Lêningrat Liên Xô cũ.
Trưởng phòng Thực vật, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Hội viên Hội Sinh vật.
Hội Thực vật Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.
Tại Viện Sinh vật học Hà Nội.
Chuyên ngành Thực vật học.

Đề tài luận án

Phân loại họ Bạc hà (Lamiaceae Lindl) ở Việt Nam.

Nội dung

Đã phân loại và mô tả 41 chi 144 loài, 22 thứ của họ Bạc hà ở Việt Nam. Bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam 3 chi, 44 loài 10 thứ, công bố 4 loài và 1 thứ mới cho khoa học. Công bố 6 tổ hợp tên mới, chỉnh lý danh pháp cho phù hợp với luật danh pháp quốc tế. Luận án là cơ sở góp phần biên soạn *Thực vật chí Việt Nam* sau này.

Thành tựu khoa học

Đã công bố trên 35 công trình khoa học (tác giả 18 công trình, đồng tác giả 17 công trình).
4 công trình được công bố ở nước ngoài.
Tham gia viết sách:
Sổ tay rau rừng.
Danh lục thực vật Tây Nguyên.
Sách Đỏ Việt Nam.
Một số rau dại ăn được ở Việt Nam.
Plant Resources of South Easth Asia tập 1. 12.
Tên cây rừng Việt Nam.
Thực vật chí Việt Nam - tập 2 (họ Bạc hà - Lamiaceae (tác giả).
Tham gia các chương trình cấp Nhà nước, cấp Bộ:
Điều tra rau rừng phục vụ quân đội.
Điều tra tổng hợp Tây Nguyên.
Điều tra thực vật Đồng bằng sông Cửu Long.
Soạn thảo *Sách đỏ Việt Nam.*
Nghiên cứu khảo sát quần đảo Trường Sa.
Soạn thảo *Thực vật chí Việt Nam.*
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học.
Huy chương kháng chiến hạng nhất.
Huy chương quyết thắng.

Dự định khoa học

Biên soạn các họ thực vật cho *Thực vật chí Việt Nam.*
Tham gia biên soạn lại *Sách đỏ Việt Nam.*
Tham gia các chương trình điều tra nghiên cứu thực vật nhằm bảo vệ và khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý.
Đào tạo cán bộ chuyên ngành thực vật.



ĐỒNG VĂN PHƯỜNG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 25 - 4 - 1957.
Quê quán: Liên Hoà - Kim Thành - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: Số 5-A1-C4 tập thể Phân viện Báo chí Tuyên truyền - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên khoa Khoa học xã hội Trường Sĩ quan pháo binh.
Giảng viên chính, thư ký khoa học khoa Quản lý kinh tế - Phân viện Báo chí Tuyên truyền.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999
Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Kinh tế - chính trị.

Đề tài luận án

Thực tiễn giá cả - nhìn từ góc độ thuyết giá trị lao động.

Nội dung

Giá cả trong các giai đoạn phát triển lưu thông hàng hoá. Dựa vào cơ sở vật chất của phạm trù giá trị là năng suất lao động xã hội, đưa ra cách tiếp cận mới làm sáng tỏ mối quan hệ giữa giá cả và giá trị, những vấn đề liên quan đến giá trong trao đổi.
Thực tiễn điều tiết giá cả của nhà nước trong cơ chế thị trường.
Luận giải, minh chứng định tính, định lượng các biện pháp điều tiết giá của chính phủ trong cơ chế thị trường.
Đánh giá những mâu thuẫn, bất cập giữa kinh tế học hiện đại và thực tiễn; bất cập giữa nguyên tắc tiền tệ của Miltol Fried Man và thực tiễn chính sách tiền tệ, mâu thuẫn giữa quan điểm về khối lượng tiền lưu thông trong kinh tế học và vai trò của lãi suất tiền gửi tiết kiệm đối với việc bình ổn giá cả trong thực tế, sự mâu thuẫn của chính sách tiền tệ trong giai đoạn kinh tế tăng trưởng và khủng hoảng cũng như sự bất cập giữa những quy định của luật pháp về cạnh tranh và độc quyền với thực tiễn về hai vấn đề đó mà các nhà kinh tế phát hiện v.v...
Luận giải, đánh giá mới về những thành công và chưa thành công trong các biện pháp giá cả ở Việt Nam trước và sau thời kỳ đổi mới.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Khống chế tổng mức giá cả và cơ sở của chính sách tiền tệ.
Giá cả cạnh tranh và giá cả độc quyền trong cơ chế thị trường.
Mức giá giá trị và vai trò của nhà nước trong cơ chế thị trường.
Tiền lưu thông và vai trò thực tế của lãi suất tiền gửi tiết kiệm.
Chính sách tiền tệ trong giai đoạn kinh tế tăng trưởng và khủng hoảng.
Hàng hoá cơ bản để tạo lập thị trường chứng khoán.
Sách đã xuất bản:
Nguyên lý quản lý kinh tế (đồng tác giả), Nxb Chính trị quốc gia.
Kinh tế phát triển (đồng tác giả), Nxb Thống kê.

Dự định khoa học

Biên soạn các sách:
Giá cả và cơ sở của những can thiệp nhà nước.
Bàn về những bất cập của kinh tế học.



NGUYỄN THỊ PHƯỢNG

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 19 - 8 - 1946.
Quê quán: Triệu Đại - Triệu Phong - Quảng Trị.
Chỗ ở hiện nay: P206 B1 - Tập thể Đại học Y - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy, Phó trưởng bộ môn Nhi Đại học Y Hà Nội.
Hội viên Hội Nhi khoa Việt Nam.
Hội Nội tiết đái tháo đường Hà Nội.
Hội Di truyền Việt Nam.
Ủy viên Ban chấp hành chi hội Nhi khoa Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989
Tại khoa Nhi Đại học Tổng hợp Karlova - Praha - Tiệp Khắc cũ.
Chuyên ngành Di truyền y học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu về lâm sàng và di truyền tế bào ở hội chứng Turner.

Nội dung

30 bệnh nhân hội chứng Turner tuổi từ 4 đến 43 đã được nghiên cứu về hình ảnh lâm sàng và thay đổi nhiễm sắc thể bằng kỹ thuật nuôi cấy BCLP máu ngoại biên và kết hợp với phương pháp nuôi cấy Môda sinh thiết nhuộm băng G.

So sánh kết quả 2 phương pháp nuôi cấy:
50% trường hợp cấy máu và cấy mô da không phát hiện thể khảm 45, X. Có 3 trường hợp bệnh nhân cấy máu không phát hiện ra thể khảm - cấy mô phát hiện. Có 4 bệnh nhân cấy máu phát hiện thể khảm cấy mô không phát hiện.
Cho nên để chẩn đoán hội chứng Turner trong trường hợp lâm sàng không rõ ràng, cần phối hợp hai phương pháp cấy máu và cấy mô thì sẽ chẩn đoán được hội chứng Turner thể khảm, để điều trị, giúp bệnh nhân sinh đẻ bình thường.

Thành tựu khoa học

Tham gia 2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước.
Chủ trì 1 đề tài nhánh của đề tài cấp Nhà nước.
Chủ trì 10 đề tài cấp cơ sở.
Tham gia 19 đề tài cấp cơ sở.
Nhiều báo cáo khoa học, bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành.
Tham gia đào tạo nghiên cứu sinh, bác sĩ nội trú.
Tham gia viết sách:
Bài giảng nhi khoa.
Bác sĩ gia đình. Nxb Y học.
Bài giảng hỗ trợ đào tạo y tế cơ sở. Trường ĐH Y Hà Nội.
Bài giảng đào tạo y sĩ sản nhi, Chăm sóc sức khoẻ sinh sản.
Bài giảng đào tạo y tế cơ sở cho tổ chức phi chính phủ GOAL.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì thế hệ trẻ.
Nhà giáo ưu tú (2000).

Dự định khoa học

Nghiên cứu bệnh di truyền của trẻ em Việt Nam:
Cơ chế bệnh sinh.
Phát hiện đột biến gen gây bệnh.
Các biện pháp phòng bệnh cho nhóm bệnh di truyền và dị tật bẩm sinh.
Sàng lọc phát hiện bệnh sớm, phát hiện dị hợp tử.
Tư vấn di truyền.
Giáo dục y tế.
Chẩn đoán trước sinh.



TRẦN THANH PÔN

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 15 - 10 - 1940
Quê quán: Hưng Hội - Vĩnh Lợi - Bạc Liêu.
Chỗ ở hiện nay: 64 Lê Thánh Tôn - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Trung cấp Sư phạm Sơn Tây.
Chuyên viên nghiên cứu Vụ Giáo dục miền núi Bộ Giáo dục.
Giảng viên Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc.
Chuyên viên Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.
Trưởng phòng Giáo dục Dân tộc, Văn phòng II Bộ Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh.
Phó Ban điều hành trại viết sách giáo khoa chữ Khmer (cấp I) của Bộ Giáo dục.
Chuyên gia giáo dục tại Campuchia.
Trưởng Ban Giáo dục Dân tộc, Viện Nghiên cứu giáo dục và đào tạo phía Nam.
Hiện là nghiên cứu viên cao cấp Viện Nghiên cứu giáo dục Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.
Phó chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thành phố Hồ Chí Minh.
Phó giám đốc Trung tâm Bảo trợ sinh viên các dân tộc thành phố Hồ Chí Minh.
Chi hội trưởng Chi hội Văn học Nghệ thuật dân tộc Khmer thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1970
Tại Trường Đại học Sư phạm Lênin Matxcơva, Liên Xô cũ.
Ngành Sư phạm
Chuyên ngành Tâm lý - Giáo dục học dân tộc.

Đề tài luận án

Sự phát triển giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (1945 - 1969).

Nội dung

Nền giáo dục và trường học ở nước Việt Nam trong thời kỳ trước cách mạng tháng 8-1945.
Sự phát triển hệ thống giáo dục và trường phổ thông ở nước Việt Nam dân chủ cộng hoà trong giai đoạn cách mạng tháng 8-1945 đến năm 1969.
Sự phát triển trường phổ thông dân tộc ở nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (1945 - 1969).

Thành tựu khoa học

Tham gia biên tập:
Củng cố và phát triển giáo dục vùng dân tộc Khmer tại Trà Vinh.
Giáo dục ngôn ngữ và sự phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số phía Nam.
Nâng cao chất lượng học tập của sinh viên các dân tộc học tại thành phố Hồ Chí Minh.
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Một số vấn đề giáo dục tiểu học
Dạy môn tiếng Việt tiểu học
Quản lý giáo dục tiểu học
Danh lam thắng cảnh đồng bằng sông Cửu Long
Quê hương đất nước con người dân tộc vùng đồng bằng sông Cửu Long.
Thỏ và rùa. Anh em nhà quạ. Chùa Khmer. Đua ghe Ngo. Dàn nhạc ngũ âm. Hoa sen im lặng.
Từ điển học sinh Việt - Khmer và Khmer - Việt
Tục ngữ Thành ngữ Ca dao và Câu đố Khmer (song ngữ).
Sách giáo khoa chữ Khmer tập 1, 2.
Bác Hồ với miền Nam, miền Nam với Bác Hồ.
Sáng tạo và bảo tồn giá trị văn hoá, văn nghệ các dân tộc thiểu số Việt Nam.
Bước đầu tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc ở Việt Nam.
Chủ biên:
Phương pháp dạy chữ Khmer.
Phương pháp dạy môn tiếng Khmer bậc tiểu học.
Hình thành phương pháp dạy song ngữ Việt - Khmer.
Tinh thần cách mạng của người Khmer Nam Bộ.
Lời ru của đất.
Tiếng chim chèo bẻo.
Chủ nhiệm nhiều đề tài nghiên cứu cấp Bộ, Viện, Thành phố.
Viết trên 10 tài liệu bồi dưỡng giáo viên dân tộc Khmer.



BÙI GIA QUANG

Tiến sĩ Sư phạm Tâm lý

Sinh ngày: 03 - 8 - 1941.
Quê quán: Cát Văn - Thanh Chương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Khối 6 - phường Bến Thuỷ - Thành phố Vinh - Nghệ An.

Quá trình công tác

Trưởng bộ môn Phương pháp giảng dạy toán.
Trưởng khoa Toán.
Chủ nhiệm bộ môn Sau đại học.
Chủ nhiệm chuyên ngành Phương pháp giảng dạy toán đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ.
Phó chủ tịch Hội đồng khoa học khoa Toán.
Uỷ viên Hội đồng khoa học Trường Đại học Sư phạm Vinh.
Hiện là Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên
Uỷ viên Hội đồng khoa học Trường Đại học Vinh.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.
Hội giảng dạy toán Việt Nam, Hội Tâm lý học - Giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987
Tại Viện Khoa học giáo dục Việt Nam
Chuyên ngành Sư phạm Tâm lý.

Đề tài luận án

Sử dụng các tổ hợp đồ dùng dạy học để dạy phần hình học không gian ở lớp cuối bậc trung học cơ sở trong cải cách giáo dục.

Nội dung

Định hình khái niệm tổ hợp đồ dùng dạy học hình học không gian, thể hiện qua các tổ hợp đồ dùng dạy học tương ứng với các bài giảng đầu tiên phần hình học không gian ở lớp cuối bậc trung học cơ sở.
Tổ hợp gồm nhiều nhóm, mỗi nhóm có một số tối thiểu cần thiết đồ dùng dạy học. Tổ hợp không cố định mà có tính chất động, tương ứng với nội dung yêu cầu từng bài giảng cụ thể, được lập thành phù hợp với các nhiệm vụ dạy học hình học.
Giáo viên toán có thể tham khảo để sử dụng các tổ hợp đồ dùng dạy học phục vụ việc giảng dạy có hiệu quả - Phần hình học không gian ở lớp cuối bậc trung học cơ sở.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Hoàn thiện nội dung và phương pháp dạy học toán - tin học cho giáo viên bậc phổ thông trung học các tỉnh phía Bắc Trung Bộ (cấp Bộ).
Bàn về việc xây dựng giáo trình phương pháp dạy học đại số - giải tích ở trường phổ thông (cấp Trường).
Sách, giáo trình đã xuất bản:
Các phép biến đổi đồng nhất trong đại số và lượng giác.
Hàm số và đồ thị.
Phương trình và bất phương trình (đồng tác giả).
Véc tơ - biến hình - hàm số - các phương pháp và kỹ thuật tính toán (đồng tác giả).
Giáo trình cao học *Phương tiện dạy học toán.*

Dự định khoa học

Tham gia đào tạo hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ.
Biên soạn giáo trình đại học, sau đại học ngành toán.



ĐẶNG VĂN QUANG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 02 - 06 - 1958.
Quê quán: Mỹ Lộc - Phù Mỹ - Bình Định.
Chỗ ở hiện nay: 117 Hùng Vương - Thành phố Pleiku - Tỉnh Gia Lai.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán thành phố Hồ Chí Minh.
Công tác tại Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng tỉnh Gialai - Kontum.
Hiện là Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999
Tại Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
Ngành Kinh tế.
Chuyên ngành Tài chính, tín dụng và lưu thông tiền tệ.

Đề tài luận án

Hoàn thiện hệ thống tín dụng nông thôn đáp ứng nhu cầu vốn phát triển nông nghiệp các tỉnh miền núi Tây Nguyên.

Nội dung

Làm sáng tỏ những luận cứ khoa học về sự cần thiết và vai trò của hệ thống tín dụng nông thôn đối với quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Tây Nguyên.
Đề cập thực trạng phát triển nông nghiệp, nông thôn và phân tích thực trạng hoạt động của hệ thống tín dụng nông thôn Tây Nguyên từ năm 1991 trở lại đây và nêu lên những hạn chế tồn tại cần giải quyết.
Đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện các tổ chức tín dụng nông thôn trên các mặt như cơ cấu tổ chức, huy động vốn, mở rộng và nâng cao hiệu quả đầu tư tín dụng, và những giải pháp hỗ trợ khác ở tầm vĩ mô để các tổ chức tín dụng nông thôn ở Tây Nguyên hoạt động có hiệu quả.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp tín dụng trong hoạt động ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn nhằm góp phần khai thác tiềm năng và phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Gia Lai.



ĐỖ HUY QUANG

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 14 - 8 - 1945.
Quê quán: Dục Tú - Đông Anh - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 Mê Linh - Vĩnh Phúc

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Ngữ văn Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hiệu trưởng Trường cấp 3 Cao Bình, Cao Bằng.
Tổ trưởng chuyên môn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Phó chủ nhiệm, Chủ nhiệm khoa Ngữ văn Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Thực tập khoa học tại Liên bang Nga.
Hội viên Hội Tâm lý học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Sư phạm Tâm lý
Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy văn học.

Đề tài luận án

Những hình thức hoạt động của học sinh trong giờ dạy học tác phẩm văn học ở trường phổ thông trung học.

Nội dung

Dạy văn nhằm chuyển tri thức và năng lực văn của dân tộc và nhân loại kết tinh trong tác phẩm văn học thành tri thức và năng lực văn cho mỗi học sinh. Dạy văn là một khoa học và nghệ thuật. Trong lịch sử giáo dục đã xuất hiện nhiều phương pháp dạy văn, nhưng chủ yếu là những phương pháp lấy thầy giáo làm trung tâm. Giáo dục hiện đại vẫn đề cao vai trò thầy giáo, coi thầy giáo là tác giả của mọi nền giáo dục, nhưng đồng thời phải chú ý đến học sinh. Dạy học phải hướng đến học sinh, vì học sinh, làm cho học sinh phát triển. Học sinh là nhân vật trung tâm. Học sinh tự làm ra con người tinh thần, con người trí tuệ của mình bằng lao động học tập của mỗi học sinh. Dạy văn phải chuyển dần từ phương pháp thông tin thông báo, giảng giải thành phương pháp tổ chức hoạt động học tập để học sinh tự cảm thụ, tự tiếp nhận tác phẩm bằng năng lực văn của chính học sinh. Luận án đã góp phần hiện đại hoá phương pháp dạy văn ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Đi tìm chất văn trong thơ Hồ Chí Minh (chuyên luận).
Bài soạn Văn - Tiếng Việt (2 tập) Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Thiết kế bài giảng tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông.
Đổi mới phương pháp dạy học văn ở trường trung học phổ thông Nxb Giáo dục.
Trên 20 bài viết đăng ở các tạp chí, kỷ yếu hội nghị khoa học.
Đề tài đang nghiên cứu:
Dạy học đối thoại, kiểu dạy học của thời đại thông tin.
Nhà giáo ưu tú (1997).
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Dự định khoa học

Xây dựng hệ thống lý thuyết và tổ chức thực nghiệm dạy học đối thoại ở phổ thông và đại học. Đây là kiểu dạy học của thời đại công nghệ thông tin, nhằm tạo ra một cách nhìn, một cách tư duy, một cách tiếp nhận không thụ động ở học sinh, sinh viên. Bởi vì, học tập không chỉ để biết mà chủ yếu là để cải tạo, đổi mới, sáng tạo từ cái biết đó.



HUỲNH QUANG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 23 - 4 - 1937.
Quê quán: An Định - Tuy An - Phú Yên.
Chỗ ở hiện nay: 6/13 đường 3/2 - Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Học viện Quân sự APTA - Liên Xô cũ.
Công tác tại Tổng cục Hậu cần - Tổng cục Kỹ thuật.
Nghiên cứu sinh tại Học viện Quân sự VAAZ - Tiệp Khắc.
Công tác tại Viện Kỹ thuật quân sự và Cơ quan Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị.
Đại tá, Phó Tổng giám đốc Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga, Giám đốc Chi nhánh phía Nam.
Hiện là chuyên viên khoa học Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981
Tại Học viện Quân sự VAAZ - Tiệp Khắc.
Ngành Vô tuyến điện tử
Chuyên ngành Rada quân sự

Đề tài luận án

Hệ thống anten rada hai dải tần số.

Nội dung

Từ kinh nghiệm thực tiễn trong chiến tranh ở Việt Nam và những vấn đề khoa học hiện thời về các hệ thống anten nhiều dải tần, luận án tập trung nghiên cứu các loại anten thấu kính vô tuyến mạng pha hai dải tần số. Bao gồm các loại anten thấu kính có hệ số khúc xạ sóng vô tuyến không đổi và biến đổi. Các thấu kính có mặt chiếu xạ và mặt phát xạ là các mặt cong bậc 2 - mặt cầu, mặt trụ, mặt parabol. Đặc điểm tần số và giản đồ hướng.
Nghiên cứu các loa phát xạ tuyến tính, các bộ biến đổi pha sóng điện từ trên đường truyền từ loa phát xạ qua thấu kính vô tuyến.
Nghiên cứu hiện tượng phản xạ sóng điện từ từ các mặt bức xạ, mặt phát xạ và ảnh hưởng qua lại giữa các phần tử ống dẫn sóng của thấu kính đến đặc tính của anten thấu kính vô tuyến.

Thành tựu khoa học

Tham gia các chương trình nghiên cứu cấp Bộ:
Cải tiến rada pháo phòng không đánh máy bay AC-130 của Mỹ trên tuyến đường 559 (các mẫu rada K-102, K-103, K-104).
Chế tạo min nam châm MB-2.
Nghiên cứu công nghệ chế tạo xe phá bom từ trường BTR.
Chủ trì nghiên cứu:
Công nghệ chế tạo máy ức chế bom từ trường NH-72 lắp trên các xe chở cán bộ cao cấp đi chiến trường.
Công nghệ chế tạo máy phát điện quay tay cho các đài quan sát trên núi cao.
Nghiên cứu độ bền nhiệt đới (tham gia).
Nghiên cứu chế tạo anten rada quản sự.
Một số sản phẩm anten đang được sử dụng trong trang bị của các quân chủng.
Huân chương quân công hạng ba.



LÊ NGUYỄN MINH QUANG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 14 - 2 - 1966.
Quê quán: Đức Hoà - Long An.
Chỗ ở hiện nay: 425/45 Nguyễn Đình Chiểu - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Kỹ sư - Công ty Thiết kế và xây dựng số 2 - Bộ Công nghiệp nhẹ.
Học cao học và hoàn thành luận án tiến sĩ tại Pháp.
Giám đốc dự án - Công ty Bachy Solétanche - Group Việt Nam.
Phó Tổng giám đốc Công ty Bachy Solétanche Việt Nam.
Hội viên Hội Doanh nghiệp trẻ thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Trường Ecole Centrale Paris - Pháp.
Chuyên ngành Cơ học đất và kết cấu

Đề tài luận án

Nghiên cứu vật liệu dùng cho kết cấu lọc chất thải đặt ngầm trong đất - Ứng dụng phương pháp kế hoạch thí nghiệm Taguchi.

Thành tựu khoa học

Vào chung kết cuộc thi Prix René Houpert những nhà nghiên cứu trẻ 1995 tại Pháp.

Báo cáo khoa học tại Pháp, Ý và một số hội thảo khoa học trong nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học chuyên ngành

Lời Tiến sĩ

Việt Nam đang trên con đường xây dựng đất nước từ một xuất phát điểm rất thấp và rất muộn so với các nước trong khu vực và thế giới. Vì vậy, phải chắt chiu từng vốn quý của xã hội mà vốn quý nhất là con người.
Quốc sách là phải biết sử dụng có hiệu quả đội ngũ trí thức không phân biệt nguồn gốc, thành phần, miễn là họ có lòng yêu quê hương, thực sự muốn đóng góp trí lực cho Tổ quốc.



NGUYỄN BÁ QUANG

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 14 - 9 - 1959.
Quê quán: Bình Định - Lương Tài - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 33/126 Kim Hoa - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Bác sĩ chuyên khoa cấp I.
Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp - Viện Châm cứu Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Châm cứu Việt Nam.
Giảng viên kiêm nhiệm khoa Y học cổ truyền - Đại học Y Hà Nội.
Phó ban Y tế Hội cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam.
Hội viên Hội Sinh lý, Hội Dị ứng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000
Tại Học viện Quân y.
Ngành Y dược.
Chuyên ngành Sinh lý học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu tác dụng của châm tê kết hợp thuốc hỗ trợ trong phẫu thuật bướu tuyến giáp.

Nội dung

Luận án tìm hiểu cơ chế tác dụng của châm tê kết hợp thuốc hỗ trợ (liều thấp) và đưa ra một quy trình phẫu thuật bướu tuyến giáp có thể áp dụng rộng rãi ở các tuyến cơ sở.

Châm tê kết hợp thuốc hỗ trợ cho kết quả tốt hơn nhiều so với châm tê đơn thuần.
Chế độ kích thích đặc biệt là tần số các xung điện có ý nghĩa quan trọng đối với tác dụng giảm đau: Tần số 50 Hz làm tăng ngưỡng chịu đau cao hơn so với tần số 3-5 Hz.
Hiệu quả giảm đau do điện châm các huyệt thuộc hệ thống kinh lạc liên quan với sự tăng tiết β-endorphin và catecholamin, trong đó giữa ngưỡng đau và hàm lượng các chất nói trên có mối liên quan thuận và chặt.
Điện châm có tác dụng hoạt hoá hệ thần kinh trung ương, trong đó có hệ thần kinh thực vật, dẫn đến sự biến đổi chức năng trong nhiều hệ thống cơ quan phù hợp với trạng thái chức năng chung của cơ thể bệnh nhân trong điều kiện phẫu thuật.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài:
Nghiên cứu kết hợp châm tê với thuốc hỗ trợ nhẹ trong vô cảm phẫu thuật bướu tuyến giáp đơn thuần tại Viện Châm cứu Việt Nam.
Sự biến đổi acetylcholin và catecholamin trong châm tê kết hợp thuốc hỗ trợ trên bệnh nhân phẫu thuật bướu tuyến giáp.
Góp phần nghiên cứu vô cảm bằng phương pháp châm tế kết hợp thuốc hỗ trợ trong phẫu thuật bướu tuyến giáp.
Nghiên cứu hàm lượng β-endorphin trong máu bệnh nhân được châm tê phẫu thuật bướu tuyến giáp (tác giả).
Nghiên cứu kết hợp điện châm với thuốc hỗ trợ trong phẫu thuật bướu cổ.
Nghiên cứu tác dụng của điện châm hỗ trợ cai nghiện ma tuý (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu châm tê trong phẫu thuật dạ dày và bướu tuyến giáp (cấp Nhà nước).
Sách đã xuất bản (tham gia biên soạn):
Tranh châm cứu.
Hướng dẫn quy trình kỹ thuật bệnh viện - tập I Nxb Y học.

Dự định khoa học

Ứng dụng những thành tựu khoa học của y học mới về xét nghiệm cận lâm sàng vào châm cứu, châm tê.
Nghiên cứu châm cứu điều trị bệnh và phẫu thuật bằng châm tê.



NGUYỄN HỮU QUANG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 16 - 02 - 1934.
Quê quán: Lạng Sơn - Anh Sơn - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 73 Tô Hiến Thành - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học và nghiên cứu sinh ở Liên Xô.
Chủ nhiệm khoa, Trường Đại học Lâm nghiệp.
Viện trưởng Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng, Bộ Lâm nghiệp.
Thứ trưởng Bộ Lâm nghiệp.
Trưởng ban, Bí thư Ban Cán sự Đảng ngoài nước.
Đại biểu Quốc hội khoá VI.
Chủ tịch Hội đồng khoa học Bộ Lâm nghiệp,
Chủ tịch Hội khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp.
Hiện là hội viên Hội khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp.
Được phong Phó Giáo sư năm 1980

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1964
Tại Trường Đại học Kỹ thuật lâm nghiệp Matxcơva Liên Xô cũ.
Ngành Kỹ thuật lâm nghiệp.
Chuyên ngành Chế biến gỗ.

Đề tài luận án

Nghiên cứu công nghệ sản xuất ván dăm gỗ chịu ẩm, chống sự phá hoại của nấm, mối, mọt trong điều kiện nhiệt đới Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu chọn các chất chống ẩm, giảm hút nước và độ trương nở của ván dăm.
Nghiên cứu chọn các loại thuốc bảo quản cho ván dăm gỗ không bị mục, mối, mọt phá hoại.
Nghiên cứu công nghệ (phương pháp ngâm tẩm, chế độ dán ép ván dăm) cho loại vật liệu (ván dăm) có chất lượng cao này.
Nghiên cứu phương pháp thử kiểm tra chất lượng ván cực nhanh (giảm thời gian thí nghiệm) bằng áp dụng chất phóng xạ đồng vị.
Lần đầu tiên thí nghiệm dùng phế liệu gỗ cứng, gỗ bóc Việt Nam làm lớp phủ bề mặt cho ván dăm có chất lượng cao.

Thành tựu khoa học

Giảng dạy đại học, trên đại học.
Chỉ đạo, tổ chức, nghiên cứu và hoạt động khoa học của ngành.
Chủ nhiệm chương trình: Lâm nghiệp tổng hợp.
Tham gia chương trình: Phủ xanh đất trống, đồi núi trọc (cấp Nhà nước).

Dự định khoa học

Nghiên cứu tạo vật liệu mới có chất lượng từ nguyên liệu của rừng Việt Nam.
Tham gia đào tạo cán bộ khoa học chuyên ngành.



NGUYỄN NHẬT QUANG

Nhật Quang

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 26 - 2 - 1935.
Quê quán: Tiến Thịnh - Mê Linh - Vĩnh Phúc.
Chỗ ở hiện nay: 403/E7 phường Bách khoa Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm.
Cán bộ Sở Giáo dục Hà Nội.
Cán sự Vụ Đại học chuyên nghiệp - Bộ Giáo dục.
Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp.
Nghiên cứu sinh ở Tiệp Khắc.
Phó Vụ trưởng - Bộ Đại học - trung học chuyên nghiệp.
Trưởng đoàn chuyên gia Bộ Đại học tại Campuchia.
Phó Vụ trưởng - Bộ Đại học trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.
Phó Vụ trưởng - Bộ Giáo dục Đào tạo.
Tổng biên tập *Tạp chí Giáo dục thường xuyên.*
Hiện là Uỷ viên Hội đồng khoa học - Viện Nghiên cứu Hợp tác khoa học kỹ thuật châu Á - Thái Bình Dương (Liên hiệp Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1978
Tại Trường Đại học Kỹ thuật Tiệp Khắc, Praha.
Chuyên ngành Công nghệ điện

Đề tài luận án

Khảo sát điện môi trên dây chuyền công nghệ bằng phương pháp ứng dòng với điện áp tam giác.

Nội dung

Trình bày nguyên tắc và cấu tạo thiết bị đã được thiết kế. Phương pháp chọn mẫu, quá trình đo và phân tích kết quả đo một số vật liệu. Đề xuất một phương pháp đo (không phá huỷ) đáp ứng dòng với áp tam giác điều chỉnh được biên độ và chu kỳ. Do sự thuận tiện và tổng hợp của phương pháp, nêu khả năng áp dụng trong thực tiễn để kiểm tra (đo thông số cơ bản của điện môi) trên dây chuyền sản xuất vật liệu điện.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu đã ứng dụng.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.



NGUYỄN TUYÊN QUANG

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 15 - 10 - 1949.
Quê quán: Liên Bão - Tiên Du - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Viện Sốt rét - Ký sinh trùng và côn trùng Trung ương - Lương Thế Vinh - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Sốt rét - Ký sinh trùng và côn trùng Trung ương.
Đội nghiên cứu thí điểm tiêu diệt sốt rét Vân Canh tỉnh Bình Định.
Chuyên gia sốt rét tại Lào.
Cán bộ nghiên cứu tham gia các đề tài nghiên cứu về muỗi truyền sốt rét.
Các biện pháp phòng chống sốt rét tại các tỉnh phía Bắc và miền Trung.
Đội trưởng Đội Nghiên cứu sốt rét tỉnh Khánh Hoà.
Hội viên Hội Côn trùng học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Ngành Sinh học
Chuyên ngành Côn trùng học

Đề tài luận án

Nghiên cứu muỗi truyền sốt rét chủ yếu và một số yếu tố môi trường, con người ảnh hưởng tới tình hình bệnh sốt rét tại huyện Vân Canh, Bình Định.

Nội dung

Tổng hợp các đặc điểm sinh học của 2 loài muỗi truyền sốt rét mạnh nhất tại các khu vực rừng núi Việt Nam: Anopheles minimus và Anopheles dirus. Mô tả khá chính xác ổ sinh đẻ của An. dirus, giúp cho việc nghiên cứu loài muỗi này dễ dàng hơn. Đây là loài muỗi rừng sâu, rất khó tiếp cận trong nghiên cứu.
Đánh giá vai trò của 3 hoá chất phòng chống sốt rét: phun tồn lưu DDT và ICON, tẩm màn bằng permethrin DDT là hoá chất hiện tại đã bị cấm sử dụng, ICON có thể thay thế tốt cho DDT. Hai hoá chất sau hiện đang được áp dụng rộng trong phòng chống sốt rét tại Việt Nam.
Áp dụng các mô hình toán để mô tả các vùng dịch tễ sốt rét, đánh giá ảnh hưởng của yếu tố môi trường (bao gồm môi trường tự nhiên và môi trường xã hội) lên sự lan truyền sốt rét trong một khu vực, đánh giá định lượng mức thành công của các biện pháp phòng chống sốt rét.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu đã công bố:
Nhiều báo cáo nghiên cứu về muỗi Anopheles minimus miền Trung Việt Nam. Những đặc điểm sinh học, phân loại học, vai trò truyền bệnh, sự phục hồi sau khi ngừng phun DDT (5 báo cáo) đã đăng trong các tạp chí.
Kỷ yếu các công trình khoa học:
Nghiên cứu vai trò thứ yếu truyền sốt rét của các loài muỗi Anopheles tại Việt Nam.
Nghiên cứu ứng dụng hoá chất ICON và K-Othrine trong phòng chống bệnh sốt rét tại Việt Nam.
Dịch tễ học bệnh sốt rét trong một vùng có sự lan truyền đặc biệt cao tại Việt Nam.
Bệnh sốt rét ở trẻ em lứa tuổi từ 0 đến 5.
Bệnh sốt rét ở phụ nữ có thai.
Sốt rét bẩm sinh.
Triệu chứng bệnh sốt rét trong cộng đồng người đang có sự lan truyền bệnh rất cao.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phòng chống bệnh sốt rét.



PHẠM HỒNG QUANG

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 27 - 11 - 1958.
Quê quán: Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 3B ngõ 477 Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Vật lý Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Hiện công tác tại bộ môn Vật lý nhiệt độ thấp Trường Đại học Khoa học tự nhiên.
Thành viên Hội Vật lý Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành Vật lý điện tử.

Đề tài luận án

Tính chất từ của hệ hợp chất $RFe_{11}Ti$ (R = các nguyên tố đất hiếm).

Nội dung

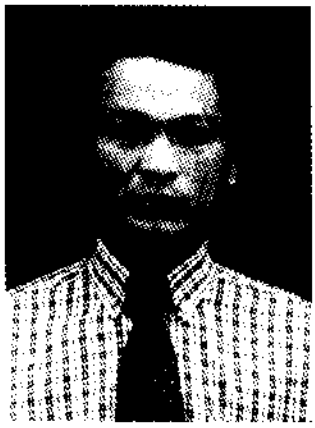
Đã chế tạo được hệ hợp chất $RFe_{11}Ti$ là loại vật liệu mới được phát hiện, có khả năng được sử dụng để chế tạo nam châm vĩnh cửu. Đã xây dựng hệ đo từ độ có khả năng đo cả thành phần song song (II) và vuông góc ($\perp$) của mômen từ của mẫu đối với từ trường ngoài. Nhờ phép đo trên, kết hợp với phép đo từ độ, hệ số từ hoá động như một hàm của nhiệt độ, đã xác định sự thay đổi cấu trúc từ khi nhiệt độ thay đổi (hiện tượng tái định hướng spin). Các kết quả thực nghiệm phù hợp với tính toán lý thuyết dựa trên mô hình trường tinh thể.

Thành tựu khoa học

Tham gia nhiều đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp trường.
Đã công bố gần 30 công trình khoa học trên các tạp chí trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học và giảng dạy chuyên ngành.



PHẠM HỒNG QUANG

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 18 - 02 - 1964.
Quê quán: Vĩnh Hào - Vụ Bản - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên - Thành phố Thái Nguyên.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Ngữ văn Đại học Sư phạm Hà Nội.
Giảng dạy Đại học Sư phạm Hà Nội.
Học thạc sĩ giáo dục - Tại Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Nghiên cứu sinh Đại học Sư phạm Hà Nội.
Phó trưởng phòng Đào tạo khoa học quan hệ quốc tế, Thư ký Hội đồng khoa học Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.
Thư ký Chi hội Tâm lý giáo dục học.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Lý luận và Lịch sử sư phạm học.
Chuyên ngành Giáo dục học

Đề tài luận án

Ứng dụng một số biện pháp tổ chức học tập ngoài giờ lên lớp cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú các tỉnh phía Bắc (thực hiện trên môn tiếng Việt).

Nội dung

Nghiên cứu cơ sở lý luận của vấn đề tổ chức học tập ngoài giờ lên lớp.
Nghiên cứu khảo sát thực trạng tổ chức học tập ngoài giờ lên lớp ở một số trường phổ thông dân tộc nội trú phía Bắc Việt Nam.
Ứng dụng một số biện pháp thực nghiệm trên môn tiếng Việt.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài cấp Bộ:
Nghiên cứu các biện pháp tổ chức tự học cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.
Khảo sát thực trạng nhận thức của sinh viên một số trường đại học miền núi phía Bắc Việt Nam về bản sắc văn hoá các dân tộc thiểu số và các giải pháp giáo dục.
Trên 50 công trình khoa học đã đăng trên các tạp chí và kỷ yếu.

Dự định khoa học

Nghiên cứu đặc điểm tâm lý học sinh dân tộc miền núi để cải tiến nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy.
Viết sách về giáo dục học.



PHẠM VĂN QUANG

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 14 - 9 - 1934.
Quê quán: Thành phố Việt Trì.
Chỗ ở hiện nay: 32b Lò Đúc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Đội trưởng Đội Bản đồ địa chất số 3 đoàn 20.
Quyền Đoàn trưởng Đoàn 207.
Cán bộ nghiên cứu Đoàn 45.
Nghiên cứu địa chất viễn thám tại Viện Viễn thám Ấn Độ.
Trưởng phòng Bản đồ địa chất - Địa chất Viễn thám Viện Địa chất và Khoáng sản.
Hiện là Phó Viện trưởng Viện Địa chất và Môi trường kiêm Giám đốc Trung tâm Địa chất Viễn thám.
Hội viên Hội Địa chất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990
Tại Viện Địa chất và Khoáng sản
Chuyên ngành Địa lý - Địa chất.

Đề tài luận án

Đặc điểm kiến trúc địa chất Việt Nam và các khoáng sản liên quan.

Nội dung

Sử dụng các phương pháp phân tích cấu trúc địa lý, các tài liệu chụp từ vũ trụ và các tài liệu khác đã có... gồm cả kiểm tra ở thực địa đã thành lập được: bản đồ cấu trúc địa chất Việt Nam tỷ lệ một triệu. Sơ đồ 4 hệ thống đứt gãy hành tinh Đông Dương tỷ lệ hai triệu và bản đồ mạng lưới đứt gẫy Việt Nam tỷ lệ một triệu. Đã phân chia được các phức hệ vật chất cấu trúc gồm các đại, bậc và phụ bậc... từ tiền Cambri đến đệ tứ, các hệ thống đứt gẫy theo thời gian và không gian, các thành tạo măcma đã hình thành liên quan với chúng. Khẳng định và nêu ra được nhiều hệ thống cấu trúc vòm nâng, võng sụt. Luận giải được tính chất, đặc điểm quy luật phân bố và nguyên nhân biến dạng của các yếu tố kiến trúc - kiến tạo ở lãnh thổ Việt Nam, làm rõ vị trí phát triển và mối liên quan của chúng trong bình đồ kiến trúc hiện đại ở Đông Nam Á. Kế thừa phát triển khái niệm và các kiến trúc tạo núi - khối - uốn nếp ở Việt Nam, chúng đã nảy sinh chủ yếu trong Pz3 - Kz trên những vùng có vỏ lục địa đã trưởng thành... bước đầu đã nêu lên được mối liên quan giữa các thành tạo khoáng sản với các yếu tố cấu trúc - kiến tạo.

Thành tựu khoa học

Đồng tác giả:
Bản đồ địa chất miền Bắc Việt Nam tỷ lệ 1: 500.000
Bản đồ địa chất bể than Đông Bắc Bắc Bộ tỉ lệ 1: 200.000 (chủ biên).
Geological Map of the Area Around Nahan Sirmur District Himachal Pradesh scale 1: 25.000 đã in tại Ấn Độ (đồng tác giả).
Bản đồ cấu trúc địa chất miền Bắc Việt Nam, tỷ lệ 1: 500.000 (chủ biên).
Bản đồ cấu trúc địa chất Việt Nam tỉ lệ 1: 1.000.000 (chủ biên).
Geological Map of the area Nam Thuen, Project - Lao - Pdr, scale 1: 100.000.
Geological Map of the Houay Ho Project - Lao - Prd, scale 1: 50.000.
Sách đã xuất bản:
Cấu trúc địa chất miền Bắc Việt Nam (chủ biên) Nxb Khoa học kỹ thuật.
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp địa chất.
Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.

Dự định khoa học

Dự án trị thuỷ sông Mê Kông. Sẽ đào một con sông ngang Đông Dương dài 13 km ở Khe Sanh để chuyển nước sông MêKông qua sông Xê Băng Hiêng (Lào) rồi nhập vào sông Quảng Trị đổ ra biển Đông ở Cửa Việt. Có thể giảm được 1/3 nước lũ ở đồng bằng sông Cửu Long, khoảng 200 tỷ m^3/năm. Kinh phí khoảng 6 tỷ USD.
Dự án trị thuỷ sông Hồng, sông Cả và cải tạo lãnh thổ duyên hải Quảng Ninh.
Thành lập các bản đồ cấu trúc kiến tạo Việt Nam và Đông Nam Á.

Lời Tiến sĩ

Chỉ có lao động sáng tạo mới làm cho đất nước phồn vinh.



THÁI THUẦN QUANG

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 01 - 01 - 1966.
Quê quán: Phổ Thạnh - Đức Phổ - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 60 Đường Biên Cương - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Toán - Đại học Sư phạm Quy Nhơn.
Công tác tại khoa Toán - Đại học Sư phạm Quy Nhơn.
Học sau đại học và nghiên cứu sinh tại Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Giải tích, khoa Toán - Đại học Sư phạm Quy Nhơn.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Toán giải tích

Đề tài luận án

Tính đều và sự thác triển hàm nguyên, ánh xạ nguyên

Nội dung

Nghiên cứu tính thác triển được của các hàm nguyên, hàm nguyên loại bị chặn giá trị Fréchet từ bao tuyến tính E_B của tập bị chặn B lên toàn bộ không gian. Đưa ra các đặc trưng cho các hàm nguyên loại bị chặn đều giá trị Fréchet trên không gian Fréchet và trên các tích tensor dưới dạng các biến chất tôpô tuyến tính.
Các đặc trưng về tính đều của các ánh xạ nguyên trên không gian Fréchet với giá trị trong không gian giả lồi có một cấu xạ Stein vào trong một nhóm Lie phức và đưa ra định lý thác triển dạng Hahn - Banach đối với ánh xạ nguyên loại đều trên không gian lồi địa phương hạch, giá trị đa tạp Banach phức.
Các đặc trưng của một miền Riemann D trên không gian Fréchet để cho các ánh xạ nguyên trên các không gian Fréchet, không gian (DFC) nhận giá trị trong D là loại đều.

Thành tựu khoa học

Trên 10 công trình đã công bố ở trong và ngoài nước.
Đề tài nghiên cứu:
Các bất biến tôpô tuyến tính và biểu diễn Dirichlet các hàm chỉnh hình.



TRẦN HỒNG QUANG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 5 - 12 - 1953.
Quê quán: Ngọc Thanh - Kim Động - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 30 tổ 30 - Ngọc Hà - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Kỹ sư trắc địa Cục Đo đạc bản đồ Nhà nước.
Nghiên cứu sinh Viện Trắc địa Trường Đại học Kỹ thuật Buđapet, Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.
Cộng tác viên khoa học Viện Trắc địa Trường Đại học Kỹ thuật Buđapet, Công ty Thí công công nghiệp trắc địa Argon, Hungari.
Công tác tại Ban Thanh tra, Cục Đo đạc bản đồ Nhà nước.
Cán bộ nghiên cứu Viện Khoa học - Công nghệ Địa chính.
Phó giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng sản phẩm đo đạc bản đồ, Tổng cục Địa chính.
Hội viên Hội Sở hữu công nghiệp Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Viện Trắc địa Trường Đại học Kỹ thuật Buđapet, Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.
Chuyên ngành Trắc địa.

Đề tài luận án

Nghiên cứu các phương pháp nâng cao hiệu quả và độ chính xác của máy đo xạ điện quang.

Nội dung

Nghiên cứu xác định mô hình tính toán, phương pháp đo để nâng cao hiệu quả và độ chính xác kết quả đo bằng máy đo xạ điện quang.
Luận án đề cập tới các nguồn sai số của máy đo xạ điện quang, phương pháp kiểm định máy, xử lý dữ liệu để loại trừ sai số, nâng cao độ chính xác. Đề xuất cho hai loại máy đo ở khoảng cách dài và ngắn, tác giả đã thử nghiệm và chứng minh tính đúng đắn của mô hình: độ chính xác kết quả đo trong sản xuất sau khi xử lý bằng các mô hình toán học đều được nâng cao.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài:
Tự động hoá công tác thành lập bản đồ địa chính (cấp Tổng cục).
Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên đất (chương trình quốc gia).
Nghiên cứu xây dựng bản đồ cơ sở cho hệ thống thông tin địa lý (Gis) của ngành địa chính (cấp Tổng cục).
Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo công nghệ ảnh số (chủ nhiệm - cấp Tổng cục).

Dự định khoa học

Nghiên cứu thông tin địa lý, chất lượng dữ liệu thông tin địa lý, áp dụng hệ thống ISO 9000 trong quản lý chất lượng sản phẩm đo đạc bản đồ.



NGUYỄN VĂN QUẢNG

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 19 - 1 - 1957.
Quê quán: Sơn An - Hương Sơn - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: K7 phường Trường Thi - Thành phố Vinh - Nghệ An.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Toán Lý - Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Nẵng (nay là Đại học Sư phạm Đà Nẵng).
Cán bộ giảng dạy khoa Tự nhiên, Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An.
Cán bộ giảng dạy khoa Toán, Trường Đại học Vinh.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Tại Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành Toán
Chuyên ngành Xác suất - Thống kê

Đề tài luận án

Một số định lý giới hạn dạng luật số lớn trong lý thuyết xác suất không giao hoán.

Nội dung

Luận án đã chỉ ra được một số định lý giới hạn dạng luật yếu tố lớn, luật mạnh số lớn và luật số lớn dạng Hsu - Robbins đối với dãy một chỉ số và nhiều chỉ số các toán tử đo được độc lập: Martingale hiệu và dạng toàn phương các toán tử đo được.

Thành tựu khoa học

Chủ trì đề tài cấp Bộ:
Một số vấn đề của lý thuyết xác suất và điều khối tối ưu.
Trên 10 bài nghiên cứu đã công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước.
Biên soạn giáo trình lý thuyết xác suất (dùng cho hệ cử nhân khoa học ngành toán)

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học theo hướng đã chọn. Kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo đại học, sau đại học và trên đại học.



VÕ QUẢNG

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 16 - 10 - 1938.
Quê quán: Đức·Phong - Mộ Đức - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: E15 phố Chợ Hoàng Hoa Thám - Quận Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y.
Cán bộ giảng dạy bộ môn Nội - Trường Đại học Y Dược Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Tiệp Khắc.
Cán bộ giảng dạy bộ môn Nội - Tim mạch - Đại học Y Hà Nội.
Phó Viện trưởng Viện Tim mạch quốc gia.
Phó Giám đốc Trung tâm Tim mạch Bệnh viện Thống Nhất thành phố Hồ Chí Minh.
Uỷ viên Hội đồng khoa học Hội Tim mạch Việt Nam.
Uỷ viên thường vụ Hội Tim mạch thành phố Hồ Chí Minh.
Thư ký toà soạn *Tạp chí Thời sự tim mạch học* thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1978
Tại Viện Nghiên cứu lâm sàng và thực nghiệm Y học Tiệp Khắc cũ.
Ngành Nội khoa
Chuyên ngành Tim mạch.

Đề tài luận án

Đánh giá sự chảy thông dòng máu qua cầu nối chủ vành bằng siêu âm Doppler.

Nội dung

Mổ làm cầu nối động mạch chủ - động mạch vành dưới chỗ động mạch vành bị hẹp hoặc bị tắc là phương pháp điều trị ngoại khoa tim.
Đánh giá dòng máu chảy qua các động mạch và cầu nối chủ vành thường phải chụp động mạch vành và cầu nối. Phương pháp gây chảy máu và nguy hiểm đối với bệnh nhân.
Siêu âm Doppler mạch máu xác định dòng máu chảy trong mạch máu bằng những sóng tâm thu, máu chảy trong động mạch vành và cầu nối bằng những sóng tâm trương.
Trên cơ sở nguyên lý đó thiết kế phương pháp đánh giá sự chảy thông của dòng máu qua cầu nối chủ vành bằng phương pháp siêu âm Dopppler, một phương pháp không gây chảy máu, an toàn, rẻ tiền nhưng có độ chính xác cao.
Đã tiến hành nghiên cứu 301 bệnh nhân.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu:
Bệnh động mạch vành (cấp Bộ).
Chụp và nong động mạch vành và mở làm cầu nối chủ vành.
Được phong Phó Giáo sư năm 1992.
Thầy thuốc ưu tú.



PHẠM ĐÌNH QUẮC

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 6 - 6 - 1937.
Quê quán: Phù Vân - Kim Bảng - Thị xã Phủ Lý - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: G23/P310 Thành Công - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp.
Cán bộ Vụ Quản lý ruộng đất, Bộ Nông nghiệp.
Đội trưởng Đội điều tra thổ nhưỡng, Vụ Quản lý ruộng đất.
Trưởng đoàn Điều tra xây dựng bản đồ thổ nhưỡng cho các tỉnh Phú Thọ, Yên Bái, Lạng Sơn, Hoà Bình, Lào Cai.
Nghiên cứu sinh tại Rumani.
Tổ trưởng nghiên cứu đất mặn, đất phèn, Viện Thổ nhưỡng nông hoá.
Trưởng bộ môn Điều tra, cải tạo đất, Viện Thổ nhưỡng nông hoá, thường trực Ban biên tập Bản đồ thổ nhưỡng toàn quốc.
Cán bộ Tổng cục Quản lý ruộng đất.
Hội viên Hội Địa lý tự nhiên Việt Nam
Thành viên Ban phân vùng, địa lý tự nhiên Việt Nam.
Uỷ viên Hội đồng khoa học Viện Thổ nhưỡng nông hoá, Ủy viên Hội đồng chấm thi tuyển nghiên cứu sinh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1971
Tại Đại học Nông nghiệp Nicolae Bălcescu, Bucarest Rumani.
Ngành Nông nghiệp
Chuyên ngành Cải tạo thổ nhưỡng

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu đất mặn và đất kiềm mặn ở đồng bằng Rumani và cải tạo các loại đất đó.

Nội dung

Đất mặn và đất kiềm mặn trên thế giới.
Đất mặn và kiềm mặn ở châu Âu, châu Á, Việt Nam, châu Phi, châu Mỹ, châu Úc.
Nguồn gốc, phân loại đất mặn và đất kiềm mặn.
Nguồn gốc các loại muối hoà tan.
Sự tích luỹ và tập trung muối ở trong đất và trong nước ngầm.
Những loại đất mặn và kiềm mặn chủ yếu.
Những đặc điểm sản xuất nông nghiệp của đất mặn và đất kiềm mặn vật lý, hoá học, sinh học, tác động của muối tan đối với cây trồng, khả năng chịu đựng của cây trồng đối với muối tan.
Phân bố, phân loại, cải tạo đất mặn và kiềm mặn ở Rumani.

Thành tựu khoa học

Chú giải bản đồ thổ nhưỡng tỉnh Phú Thọ.
Bản đồ thổ nhưỡng Yên Bái, Lạng Sơn, Hoà Bình, Lào Cai.
Bản đồ thổ nhưỡng toàn quốc tỷ lệ một triệu (đồng tác giả).
Chú giải bản đồ thổ nhưỡng Việt Nam.
Giáo trình nông hoá học (chương biện pháp nông hoá cải tạo đất mặn và đất phèn).
Phân vùng địa lý thổ nhưỡng Việt Nam (chủ biên).
Phân vùng nông nghiệp tự nhiên Việt Nam.
Đất các tỉnh phía Nam.
Đất phèn Việt Nam, những đặc điểm và vấn đề sử dụng cải tạo.
Quy hoạch sử dụng đất, một biện pháp quản lý nhà nước về đất đai.
Đất ngập nước và lúa nước Việt Nam.
Đất phèn đồng bằng sông Hồng, những đặc điểm chẩn đoán và nhận dạng.

Dự định khoa học

Biên soạn, xuất bản tập bản đồ tổng hợp.



ĐỖ TRUNG QUÂN

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 29 - 08 - 1960.
Quê quán: Bình Bộ - Phù Ninh - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: 4b tập thể Bệnh viện Bạch Mai.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Tốt nghiệp bác sĩ nội trú Đại học Y Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Y Hà Nội.
Phó chủ nhiệm khoa Điều trị Bệnh viện Nội tiết Hà Nội.
Hiện là giảng viên bộ môn Nội tổng hợp Đại học Y Hà Nội.
Hội viên Hội Nội tiết - đái tháo đường Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Ngành Nội tổng hợp.
Chuyên ngành Nội tiết.

Đề tài luận án

Góp phần chẩn đoán và điều trị hội chứng Cushing.

Nội dung

Hội chứng Cushing là một bệnh nội tiết không thường gặp vì vậy các thầy thuốc ít chú ý. Người bệnh thường được chẩn đoán và điều trị muộn, nhiều trường hợp biến chứng rất nặng thậm chí tử vong.
Luận án là công trình nghiên cứu bệnh lý tuyến thượng thận đầy đủ và chi tiết. Đã đưa ra sơ đồ chẩn đoán đơn giản và phương pháp điều trị tối ưu.
Nghiên cứu áp dụng các phương pháp chẩn đoán hình ảnh tiên tiến: siêu âm màu, cắt lớp vi tính và phương pháp Bhsfm là phương pháp có thể áp dụng được ở các cơ sở y tế.
Đánh giá được ưu nhược điểm của từng phương pháp điều trị: ngoại khoa, nội khoa.

Thành tựu khoa học

Gần 20 công trình nghiên cứu khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành.
Sách đã xuất bản:
Đái tháo đường - một số vấn đề bạn cần biết.
Bệnh đái tháo đường. Nxb Y học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu điều trị bệnh đái tháo đường.
Rối loạn nội tiết sinh dục nữ tuổi mãn kinh.
Bệnh lý tuyến yên - tuyến sinh dục.
Bệnh lý nhiễm sắc thể - nội tiết.



PHẠM QUỐC QUÂN

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 17 - 10 - 1954.
Quê quán: Quang Minh - Gia Lộc - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 15 thị trấn Đức Giang - Gia Lâm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học ở Liên Xô cũ.
Cán bộ nghiên cứu Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động.
Hiện là Giám đốc Trung tâm Khoa học công nghệ môi trường Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động.
Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm Môi trường công nghiệp Nga.
Hội viên Hội Kỹ sư vật lý xây dựng, thông gió và điều hoà không khí Cộng hoà liên bang Nga.
Hội Môi trường xây dựng Việt Nam.
Hội khoa học kỹ thuật An toàn và Vệ sinh lao động Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tiến sĩ Khoa học năm 1997
Tại Trường Đại học Tổng hợp xây dựng quốc gia Matxcơva, Nga.
Chuyên ngành Cấp nhiệt, thông gió, điều hoà không khí, cấp khí đốt và chiếu sáng.

Đề tài luận án

Phát triển lý thuyết hiệu quả của các hệ thống điều hoà vi khí hậu công trình và ứng dụng của nó vào thông gió công nghiệp, đảm bảo điều kiện lao động và bảo vệ bầu khí quyển trong điều kiện Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu tổng hợp các biện pháp điều hoà vi khí hậu công trình, tác giả đưa ra lý thuyết đánh giá chất lượng - hiệu quả toàn hệ thống, làm cơ sở cho các giải pháp kỹ thuật điều hoà vi khí hậu. Trong điều kiện nghiên cứu lý thuyết, tác giả đã xây dựng lý thuyết tối ưu hoá các hệ điều hoà vi khí hậu công trình.

Thành tựu khoa học

Tham gia và chủ nhiệm nhiều đề tài cấp Nhà nước về cải thiện môi trường lao động.
Nghiên cứu các vấn đề cơ bản của khoa học công nghệ môi trường.
Đã công bố trên 20 bài viết và báo cáo tại các hội nghị khoa học Nga và quốc tế.

Dự định khoa học

Nghiên cứu an toàn môi trường và phát triển bền vững. Những vấn đề chiến lược môi trường quốc gia và chiến lược hội nhập.



NGÔ VĂN QUẾ

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 08 - 8 - 1938.
Quê quán: Phú Lâm - Tiên Du - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 401/27B3 Cát Linh - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế tài chính.
Cán bộ Vụ Kỹ thuật, Cục Cơ khí - Bộ Công nghiệp nhẹ.
Cán bộ quản lý lưu học sinh tại Cộng hoà dân chủ Đức.
Cán bộ Vụ Giáo viên - Tổng cục Dạy nghề.
Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức lao động tiền lương và đào tạo Bộ Công nghiệp thực phẩm.
Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức lao động đào tạo Bộ Công nghiệp nhẹ.
Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ đào tạo Bộ Công nghiệp.
Hiện là cán bộ giảng dạy Đại học Bách khoa Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
Ngành Kinh tế

Đề tài luận án

Đổi mới quản lý tiền lương ở các doanh nghiệp nhà nước ngành công nghiệp cho phù hợp với quan hệ cung - cầu sức lao động.

Nội dung

Trong thời bao cấp chế độ tiền lương được tính theo mức lương bình quân và lao động bình quân, đã được quy định, không trả theo hiệu quả sản xuất kinh doanh.
Khi nền kinh tế nước ta chuyển sang kinh tế thị trường, thị trường sức lao động phải được hình thành. Giá cả sức lao động là tiêu chuẩn để trả công lao động.
Tiền lương phải được tính toán theo quan hệ cung cầu sức lao động, phải bảo đảm tái sản xuất sức lao động. Nhà nước quy định mức lương tối thiểu, doanh nghiệp trực tiếp trả lương cho người lao động theo kết quả lao động.
Luận án đã đề xuất những công thức tính toán và các biện pháp quản lý tiền lương trong các doanh nghiệp nhà nước ngành công nghiệp góp phần tạo thêm căn cứ khoa học cho chủ trương đổi mới chính sách tiền lương.

Thành tựu khoa học

24 công trình khoa học đã công bố trên các tạp chí.
Phó chủ nhiệm đề tài: Xây dựng mô hình đào tạo cao đẳng công nghiệp ngành công nghiệp năm 1994 (cấp Bộ).
Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ: Chiến lược đào tạo nhân lực phục vụ sự phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2010.
Sách đã xuất bản:
Sách học hàn xì - Nxb Công nghiệp.
Phát huy nguồn nhân lực yếu tố con người trong sản xuất kinh doanh - Nxb Giáo dục.
Công ty cổ phần và thị trường tài chính.
Phát triển nguồn nhân lực và phương pháp dùng người Nxb - Lao động.
Quản lý con người trong doanh nghiệp - Nxb Giáo dục.
Quản lý chuyển giao công nghệ và chất lượng sản phẩm.
Tài chính, tiền tệ, tín dụng ngân hàng - Nxb Khoa học kỹ thuật.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp phát triển công nghiệp.
Huân chương chống Mỹ hạng hai.
Nhà giáo ưu tú (1996).



NGUYỄN ANH QUẾ

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 2 - 12 - 1938
Mất tháng 1 - 2001
Quê quán: Tràng Sơn - Đô Lương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay của gia đình: 8N3 ngõ 86 Tô Vĩnh Diện - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Ngữ văn Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chủ nhiệm khoa Tiếng Việt Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hội viên Hội Ngôn ngữ học Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành Ngữ văn

Đề tài luận án

Một số vấn đề về hư từ trong tiếng Việt hiện đại.

Nội dung

Nguyên tắc cơ sở của việc phân định và phân loại hư từ trong tiếng Việt.
Ý nghĩa và chức năng của hư từ.
Hư từ và vấn đề từ loại, phân loại hư từ.
Các hư từ chuyên dùng làm thành tố phụ đoản ngữ.
Các hư tư không làm thành tố phụ đoản ngữ.
Các hư từ nằm ngoài đoản ngữ.
Các hư từ phụ trợ.
Kết luận

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Hư từ trong tiếng Việt hiện đại Nxb Khoa học xã hội.
Tiếng Việt cho người nước ngoài.
Ngữ pháp tiếng Việt.
Tiếng Việt - Vietnamese - upper Intemediata Nxb Giáo dục Hà Nội (viết chung).
Một số bài đăng trên các tạp chí:
Một vài suy nghĩ xung quanh khái niệm tĩnh lược.
Một vài suy nghĩ xung quanh nội dung ngôn ngữ học giảng dạy cho sinh viên.
Cấu trúc đoạn hội thoại.
Bước đầu so sánh thành phần chủ ngữ trong câu tiếng Việt và tiếng Anh.
Về khái niệm ngữ pháp hoá và câu ghép không liên từ.
Một số đặc điểm của phát ngôn đơn có phần dư.
Phát ngôn đa vị tính và quan hệ giao tiếp khẩu ngữ.



NGUYỄN ĐĂNG QUẾ

Tiến sĩ Khí tượng

Sinh ngày: 20 - 2 - 1949.
Quê quán: Ngọc Sơn - Thanh Chương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: P3 C6 tập thể Khí tượng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Tổng cục Khí tượng Thuỷ văn.
Trưởng phòng Kỹ thuật, Trung tâm Tư liệu khí tượng thuỷ văn.
Phó Giám đốc Trung tâm Tư liệu khí tượng thuỷ văn.
Hội viên Hội Cơ học Việt Nam.
Huy chương Vì sự nghiệp khí tượng thuỷ văn.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Tại Trường Đại học Khí tượng thuỷ văn quốc gia Xanh Pêtecbua Nga.
Ngành Khí tượng học

Đề tài luận án

Phân tích khách quan trường các đại lượng khí tượng vùng Đông Nam Á.

Nội dung

Dựa trên bộ số liệu quan trắc khí tượng lâu năm trên vùng địa lý bao gồm phía đông, phía nam lục địa châu Á, phía tây Thái Bình Dương đã tính toán nghiên cứu và thu được các quy luật cơ bản về cấu trúc thống kê trường các đại lượng khí tượng như: áp suất bề mặt, độ cao địa thế vị, nhiệt độ không khí, các thành phần kinh vĩ hướng của tốc độ gió trên các mực đẳng áp chuẩn trong tầng đối lưu khí quyển.
Trên cơ sở phương pháp nội dung tối ưu và kết quả nghiên cứu cấu trúc thống kê nêu trên đã thiết kế và xây dựng sơ đồ phân tích khách quan trường các đại lượng khí tượng cơ bản (độ cao địa thế vị, nhiệt độ không khí các thành phần kinh và vĩ hướng của gió) trên các mực đẳng áp chuẩn tại khu vực Đông Nam Á.
Một thủ tục hoà hợp 2 bước trên cơ sở phương pháp biến phân đã được xây dựng để hoà hợp trường độ cao địa thế vị và các thành phần tốc gió tại khu vực địa lý đang nghiên cứu trong đó có một phần địa lý thuộc vùng nhiệt đới.
Sơ đồ phân tích khách quan được xây dựng có thể áp dụng để chuẩn bị trường ban đầu cho các mô hình dự báo thời tiết bằng phương pháp số trị tại các trung tâm dự báo thời tiết để phục vụ công tác kiểm tra chỉnh lý số liệu tại các trung tâm lưu trữ tư liệu khí tượng thuỷ văn.

Dự định khoa học

Nghiên cứu và đào tạo cán bộ khoa học khí tượng.



NGUYỄN VĂN QUẾ

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 1 - 12 - 1958.
Quê quán: Sơn An - Hương Sơn - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Đường Vương Thừa Vũ 146/11/7 Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên khoa Cơ bản, Học viện Phòng không - Không quân.
Hội viên Hội Cơ học thuỷ khí.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Viện Cơ học Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Ngành Toán Lý.
Chuyên ngành Cơ học thuỷ khí.

Đề tài luận án

Chuyển động đối lưu nhiệt tự do của chất lỏng phi Niutơn.

Nội dung

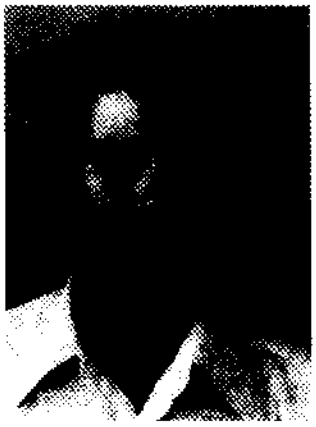
Nghiên cứu các bài toán đối lưu nhiệt tự do của chất lỏng phi Niutơn dạng quy luật mũ trong các kênh phẳng, kênh trụ, có chiều cao vô hạn hoặc hữu hạn, có hoặc không có bề dày.
Các bài toán đều được lập trình và giữ số trên máy tính.

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài nghiên cứu cơ bản:
Cơ học thuỷ khí với môi trường (cấp Nhà nước).
Tham gia dự án:
Công nghệ mô phỏng số phòng chống lũ lụt đồng bằng sông Hồng - Thái Bình.

Dự định khoa học

Tham gia các dự án về phòng chống lũ lụt, bài toán vỡ đập... trên mạng sông thực.
Các bài toán mô phỏng trong quân sự.



PHẠM THẾ QUẾ

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 26 - 7 - 1949.
Quê quán: Quỳnh Lưu - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 12 ngõ Văn Chương - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Tổng hợp Budapet, Hungari.
Thượng uý Trung tâm máy tính, Cục Tài chính, Bộ Quốc phòng.
Công tác tại Công ty Điện toán và Truyền số liệu Bưu điện (VDC).
Hiện là Phó trưởng khoa Công nghệ thông tin, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990.
Tại Viện Công nghệ thông tin.
Chuyên ngành Toán - Lý.

Đề tài luận án

Một cách tiếp cận mới tới việc nghiên cứu khoá của lược đồ quan hệ.

Nội dung

Luận án trình bày kết quả nghiên cứu về một cách tiếp cận mới tới khả năng tìm kiếm tập tất cả khoá của lược đồ quan hệ trên cơ sở khảo sát, nghiên cứu các tính chất của M-phủ tối thiểu, cấu trúc các hệ Sperner đầy đủ và các mối quan hệ ràng buộc giữa các thực thể trong hệ thống.
Đề xuất các thuật toán xác định khoá của lược đồ quan hệ, giảm nhẹ công sức, thời gian của người sử dụng, tăng hiệu quả tổ chức, khai thác các hệ thống thông tin.
Luận án trình bày khái niệm mới về M-phủ tối tiểu, hệ Sperner đầy đủ, tập đại diện và Sp-phản tập...
Tập khoá của lược đồ quan hệ cũng là tập Sperner đầy đủ trên tập các thuộc tính cho trước, vì vậy nó thoả mãn tất cả những tính chất của tập đại diện M-phủ tối tiểu.
Đề xuất một số thuật toán xác định khoá lược đồ quan hệ với độ phức tạp là một đa thức bậc bằng số các thuộc tính của quan hệ.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu ứng dụng máy tính điện tử IBM 360/20 cho quân đội.
Nghiên cứu ứng dụng máy tính thanh toán hoá đơn bưu điện phí.
Thiết kế và cài đặt truyền số liệu cho các ngành: điện lực, ngân hàng, hàng không, xuất nhập cảnh, giám định và thương mại.
Nghiên cứu thiết kế và cài đặt mạng máy tính bưu điện Quảng Ninh, Hải Phòng.

Dự định khoa học

Giảng dạy, nghiên cứu ứng dụng các thành tựu công nghệ thông tin.



ĐỖ KIẾN QUỐC

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 6 - 9 - 1954.
Quê quán: Đồng Hới - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: 149X, 20 Tô Hiến Thành - Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng dạy tại Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Sức bền - Kết cấu, khoa Kỹ thuật xây dựng.
Hội viên Hội Cơ học Việt Nam, Hội Xây dựng Việt Nam.
Tốt nghiệp thạc sĩ tại Thái Lan năm 1986

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Đề tài luận án

Phương pháp mới dự báo tuổi thọ mỏi của kết cấu kim loại.

Nội dung

Dự báo tuổi thọ mỏi của kết cấu kim loại là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong nhiều lĩnh vực như: xây dựng, giao thông, khai thác dầu khí, hàng không... Các phương pháp hiện nay đều có những hạn chế nhất định. Đề xuất một phương pháp bao gồm ưu điểm của các phương pháp hiện có, trong đó quá trình lan truyền vết nứt cho đến lúc phá hoại được làm sáng tỏ trên quan điểm của cơ học phá huỷ. Đề xuất một số khái niệm mới và phương pháp xây dựng đường cong tổn thương dựa trên các định luật thực nghiệm (đường cong mỏi, luật lan truyền vết nứt Paris), thể hiện sự suy giảm độ bền theo tổn thương mỏi do ảnh hưởng của tải trọng, ăn mòn của môi trường và ứng suất nhiệt do hàn. Đường cong tổn thương làm cơ sở cho việc xác định tuổi thọ mỏi của từng phần tử và toàn bộ kết cấu.

Thành tựu khoa học

Trên 30 bài đăng trong các tuyển tập hội nghị khoa học trong nước và quốc tế.
Đề tài nghiên cứu: Phương pháp số phân tích dao động phi tuyến (cấp Bộ).
Phân tích kết cấu dàn khoan theo mô hình vỏ mỏng (cấp Cơ sở).
Sách đã xuất bản:
Đàn hồi ứng dụng. Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
Hướng dẫn nhiều luận văn cao học, đại học, giải VIFOTEC, giải EUREKA.
Bồi dưỡng nhiều sinh viên đạt giải cao trong các cuộc thi Olympic cơ học toàn quốc.
Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Dự định khoa học

Thực hiện các đề tài nghiên cứu.
Giảng dạy, viết sách phục vụ sinh viên đại học và cao học.

Lời Tiến sĩ

Mong sao đất nước có nhiều nhân tài thực sự, đủ sức đưa nền giáo dục, khoa học và công nghệ của nước nhà ngang tầm thời đại.



ĐÀO THỊ QUY

Tiến sĩ Ngôn ngữ học

Sinh ngày: 23 - 5 - 1952.
Quê quán: Cổ Am - Vĩnh Bảo - Hải Phòng.
Chỗ ở hiện nay: 57 Nguyên Hồng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa Lodzơ Ba Lan, khoa Hoá thực phẩm.
Công tác tại Thư viện Khoa học kỹ thuật Trung ương.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Vacxava, Ba Lan.
Hiện công tác tại Trung tâm Thông tin tư liệu khoa học và công nghệ quốc gia (Bộ Khoa học Công nghệ).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Đại học Tổng hợp Vacxava, Ba Lan.
Ngành Thông tin - Thư viện.
Chuyên ngành Ngôn ngữ tìm tin.

Đề tài luận án

Phương pháp luận xây dựng ngôn ngữ tìm tin cho hệ thống thông tin chuyên ngành (lấy mẫu về thông tin ngành công nghệ chế phẩm enzym).

Nội dung

Phân tích, so sánh ưu nhược điểm của các loại ngôn ngữ tìm tin khác nhau như: ngôn ngữ phân loại, ngôn ngữ chủ đề, ngôn ngữ từ khoá tự do, ngôn ngữ từ chuẩn để lựa chọn một loại ngôn ngữ tìm tin phù hợp (ngôn ngữ dạng từ chuẩn) đáp ứng yêu cầu hệ thống thông tin chuyên ngành.
Luận án đã đưa ra phương pháp luận thu thập, lựa chọn xây dựng bộ thuật ngữ từ điển từ chuẩn bằng kết hợp hai phương pháp diễn giải và quy nạp các thuật ngữ từ các tài liệu, từ điển chuyên ngành để xây dựng phần phân loại hệ thống hoá các thuật ngữ. Trên cơ sở bộ khung phân loại thuật ngữ này quy nạp các thuật ngữ từ 1000 mẫu phân tích tài liệu chuyên ngành, thiết lập và xác định được các mối quan hệ biến hoá hệ thống của các thuật ngữ.
Trong đó các mối quan hệ theo trật tự thứ bậc rút ra từ các mối quan hệ rộng và hẹp, mối quan hệ tương đương để loại trừ những từ đồng nghĩa, đa nghĩa và sự thường xuyên xuất hiện đồng thời các cặp thuật ngữ trong các mẫu tài liệu để tìm mối quan hệ gốc rễ của những cặp thuật ngữ đó.

Thành tựu khoa học

Tham gia hiệu đính các thuật ngữ khoa học trong bộ thuật ngữ khoa học công nghệ dùng để đánh từ khoá cho các tập tin của Trung tâm Thông tin tư liệu khoa học công nghệ quốc gia và hệ thống thông tin (cấp Bộ).
Tham gia xây dựng và hiệu đính bộ thuật ngữ trong bảng tra cứu chỉ mục khung phân loại sản phẩm thiết bị công nghệ công nghiệp ở dạng tra cứu trên mạng máy tính của Trung tâm Thông tin tư liệu khoa học công nghệ quốc gia.
Đang tham gia đề tài: Nghiên cứu và đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ thông tin cho doanh nghiệp.



TRỊNH VĂN QUỲ

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 16 - 12 - 1941.
Quê quán: Hoằng Lộc - Hoằng Hoá - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: C10 - tổ 91 Ô Chợ Dừa - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Dược Hà Nội.
Trưởng trạm Kiểm nghiệm Dược phẩm tỉnh Thanh Hoá.
Nghiên cứu sinh tại Tiệp Khắc.
Trưởng phòng Kiểm nghiệm Hoá, Lý.
Viện trưởng Viện Kiểm nghiệm Bộ Y tế.
Cán bộ giảng dạy kiêm chức Trường Đại học Dược Hà Nội.
Ủy viên Hội đồng khoa học kỹ thuật Bộ Y tế, Phó trưởng ban thư ký Hội đồng Dược điển Việt Nam kiêm Trưởng ban Phương pháp phân tích, Thuốc thử và chất đối chiếu thường trực của Hội đồng Dược điển Việt Nam.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.
Ủy viên thường vụ Ban chấp hành Hội Dược học Việt Nam.
Hội Khoa học phân tích hoá, lý và sinh học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Comenicus Bratislava Tiệp Khắc cũ.
Ngành Hoá học.
Chuyên ngành Hoá học phân tích.

Đề tài luận án

Nghiên cứu một số chất tạo phức (complexon) có nhóm chức aminomethylphos phonic: tổng hợp, phân tích cấu trúc, các tính chất tạo phức và ứng dụng trong phân tích.

Nội dung

Trong nghiên cứu các chất tạo phức (complexon) có 2 vấn đề cần quan tâm nhất, đó là độ bền của phức chất tạo thành và tính đặc hiệu tạo chelat của chất tạo phức. Các chất tạo phức kinh điển đã giải quyết vấn đề thứ nhất (độ bền), còn việc tạo ra những chất tạo phức mới có tính chọn lọc cao (đặc hiệu) luôn là vấn đề thu hút đối với các nhà khoa học về complexon. Luận án đã tổng hợp, nghiên cứu những complexon mà các nhóm chức aminoaxetic truyền thống được thay thế một phần hoặc toàn bộ bằng nhóm aminomethylphosphonic. 4 chất tạo phức mới, viết tắt là MPIDA, GDP, HADP và DADP đã được tổng hợp dựa trên phản ứng kiểu Mannich giữa một amin, formaldehyd và acid phosphorơ, hiệu suất cao từ 80 - 90%. Các chất tổng hợp được đã được xác nhận về cấu trúc bằng phân tích nguyên tố, phổ hồng ngoại và phổ cộng hưởng từ hạt nhân. Những complexon mới này đã được khảo nghiệm về khả năng và tính chất tạo phức chất, cho thấy chúng tạo ra được những phức chất với các ion kim loại ở các môi trường khác nhau từ vùng acid mạnh đến vùng bazơ mạnh. Bằng phương pháp điện di đã thu được kết quả là các phức chất của MPIDA, của GDP với những ion kim loại rất gần nhau, như các nguyên tố họ lan than, có thể được chia tách ra rõ rệt.

Thành tựu khoa học

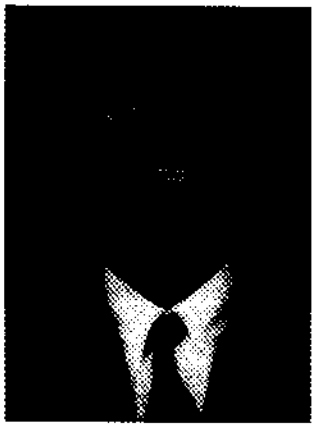
Một số đề tài nghiên cứu:
Phân tích thành phần dung dịch bảo quản thi thể của đề tài ướp bảo quản thi thể, phục vụ việc giữ gìn lâu dài thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh (tham gia - cấp Nhà nước).
Quang phổ UV/VIS đạo hàm và đạo hàm tỷ đối ứng dụng trong phân tích kiểm nghiệm các thuốc nhiều thành phần (cấp Bộ).
Sắc ký lỏng hiệu năng cao và quang phổ UV/VIS hiện đại ứng dụng trong phân tích kiểm nghiệm các thuốc nhiều thành phần.
Sách xuất bản:
Dược điển Việt Nam II.
Các phản ứng có hại của thuốc.
Từ điển bách khoa Dược học.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.
Vì sức khoẻ nhân dân.

Dự định khoa học

Ứng dụng kỹ thuật phân tích hiện đại vào những đối tượng thuốc chưa được khám phá nhiều trên thế giới, đó là thuốc cổ truyền phương Đông.

Lời Tiến sĩ

Thuốc chữa bệnh cho người là một loại sản phẩm đặc biệt vì có liên quan đến sức khoẻ và tính mạng con người. Chăm lo đến chất lượng thuốc chữa bệnh là việc hệ trọng mà bất cứ quốc gia nào cũng không thể coi thường. Người kiểm nghiệm thuốc phải có cái tâm trong sáng và trình độ chuyên môn cao, thiếu nó có thể đem đến nhiều tai hại cho con người.



ĐÀO HUY QUÝ

Đào Duy Quý

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 23 - 5 - 1945.
Quê quán: Liên Minh - Vụ Bản - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: Số 12G - Liên cơ Hùng Vương - Thành phố Nam Định.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Học viện Kỹ thuật quân sự Ba Lan.
Thiếu uý - kỹ sư, trợ lý kỹ thuật Cục Kỹ thuật Bộ Tư lệnh Hải quân.
Trung uý, thượng uý - Giáo viên kỹ thuật Học viện Hải quân.
Đại uý, nghiên cứu sinh Học viện Hải quân Liên Xô cũ.
Thiếu tá - Trưởng ngành Vũ khí - khí tài Viện Nghiên cứu Kỹ thuật Hải quân.
Chánh văn phòng - tổng hợp Ủy ban Thanh tra tỉnh Hà Nam Ninh.
Học viên Học viện Chính trị Quốc gia Nguyễn Ái Quốc.
Phó giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Nam Hà.
Giám đốc Sở Khoa học công nghệ và Môi trường tỉnh Nam Định.
Hội viên Hội Khoa học kinh tế thành phố Nam Định.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983.
Tại Học viện Hải quân Gretrơkô, Lêningrat, Liên Xô cũ.
Ngành Kỹ thuật.

Đề tài luận án

Đánh giá hiệu quả quan sát các mục tiêu trên không và mục tiêu mặt nước của hệ thống rađa quan sát biển của nước Việt Nam có tính đến các điều kiện bất thường truyền lan sóng vô tuyến.

Nội dung

Hiệu quả sử dụng lực lượng và các trang thiết bị của hạm đội hải quân phụ thuộc vào các yếu tố khác nhau, một trong yếu tố quan trọng nhất là độ tin cậy, thời gian phát hiện các mục tiêu trên không và mặt nước của đối phương. Điều kiện khí tượng - thuỷ văn ở vùng biển nơi các đài rađa hoạt động, có tác động đến tầm hoạt động thực tế của rađa.
Phân tích yếu tố khí tượng thuỷ văn ở các vùng biển khác nhau của Việt Nam (nhiệt độ, độ ẩm, ảnh hưởng giông bão trong tầng bình lưu và chế độ sóng - gió).
Nghiên cứu các điều kiện bất thường khi truyền lan sóng vô tuyến trên vùng biển và xác định những ảnh hưởng của chúng khi tính toán tầm hoạt động của rađa.
Xác định hiệu quả quan sát bằng rađa bờ biển đối với các mục tiêu trên không và mặt nước ở những vùng biển khác nhau của Việt Nam.
Đưa ra những kết luận liên quan đến việc bố trí lực lượng tác chiến và sử dụng hệ thống rađa quan sát biển của Hạm đội Hải quân Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố ở trong và ngoài nước:
Sự tính toán ảnh hưởng của khúc xạ khí quyển đến sự truyền lan sóng radiô (đồng tác giả - ở Liên Xô).
Phương pháp năng lượng nhiễu tia tính hàm suy giảm trường điện tử trong dải tần rađa (ở Liên Xô).
Ảnh hưởng của các cơn bão nhiệt đới đến công tác của các đài rađa tàu hoạt động trong vùng biển Đông.
Chủ nhiệm đề tài cấp tỉnh:
Nghiên cứu cải tiến máy phát thanh FM, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.
Một số báo cáo khoa học về quản lý ngành khoa học - công nghệ và môi trường cấp Tỉnh.
Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất.
Huân chương chống Mỹ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu nền kinh tế tri thức và áp dụng trong điều kiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Lời Tiến sĩ

Phải giữ cho tâm hồn luôn trong sáng.
Vì sự nghiệp khoa học chân chính, không vụ lợi, không vị kỷ.
Kiên nhẫn học tập suốt đời.



HOÀNG VĂN QUÝ

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 25 - 10 - 1950.
Quê quán: Trung Dũng - Tiên Lữ - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 257 Trương Công Định - Thành phố Vũng Tàu.

Quá trình công tác

Phó phòng Địa vật lý Viện Dầu khí Việt Nam.
Nghiên cứu sinh tại Bacu Liên Xô cũ.
Chuyên viên Viện Dầu khí Việt Nam.
Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Khoa học và Thiết kế thuộc Liên doanh Dầu khí Việt - Xô.
Giám đốc Xí nghiệp Địa vật lý giếng khoan.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Địa vật lý Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Trường Dầu hoá Adecbaidăng, Bacu Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Địa vật lý giếng khoan.

Đề tài luận án

Nghiên cứu mức độ chứa khí của trầm tích Mioxen miền võng Hà Nội bằng các phương pháp địa vật lý giếng khoan.

Nội dung

Miền võng Hà Nội thuộc bể trầm tích sông Hồng có tiềm năng chứa khí đáng được quan tâm, trong đó trầm tích Mioxen là đối tượng có nhiều triển vọng hơn cả. Trong tổ hợp các phương pháp nghiên cứu mức độ chứa khí của trầm tích, các phương pháp địa vật lý giếng khoan đóng vai trò đặc biệt quan trọng, không thể thiếu. Luận án đã đề xuất các phương pháp phân tích và xử lý tài liệu cùng với phần mềm tương ứng nhằm nâng cao độ chính xác, xác định mức độ chứa khí, áp dụng cho trầm tích Mioxen miền võng Hà Nội.

Thành tựu khoa học

Tham gia và chủ biên các đề tài:
Tính lại trữ lượng dầu và khí hoà tan mỏ Bạch Hổ tới thời điểm 1-1-1996.
Tính trữ lượng dầu và khí hoà tan mỏ Rồng tới thời điểm 1-1-1997.
Hai phần mềm xử lý tài liệu địa vật lý giếng khoan đã được công nhận tại Tổng công ty Dầu khí Việt Nam và Liên bang Nga, đưa vào sử dụng trong Liên doanh Dầu khí Việt - Xô từ năm 1996: Basroc và Terroc.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phương pháp mới khảo sát địa vật lý giếng khoan, tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí.
Tham gia viết giáo trình địa vật lý giếng khoan với Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.



HỒ SĨ QUÝ

Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 06 - 5 - 1953.
Quê quán: Việt Thuận - Vũ Thư - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 17 Phùng Chí Kiên - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình Công tác

Tốt nghiệp khoa Triết học Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ nghiên cứu, phòng Duy vật lịch sử, Viện Triết học, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.
Hiện công tác tại Viện Nghiên cứu con người, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.
Hội viên Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Rôstôp-Nga.
Ngành Triết học
Chuyên ngành Triết học xã hội

Đề tài luận án

Đặc thù vùng với tính cách là vấn đề triết học văn hoá.

Nội dung

Đặc thù vùng (lãnh thổ) trong văn hoá là một đối tượng nghiên cứu không bao giờ cũ. Đặc thù vùng hình thành khi con người sống trong những điều kiện đặc biệt của tự nhiên, chịu sự chi phối của những "tính quy định tự nhiên" (Hêghen) lâu dần trở thành những nét độc đáo trong tập quán xã hội và trong đời sống tinh thần. Nhiều cộng đồng cư dân đã trở nên đặc biệt độc đáo về mặt văn hoá khi định hình được lối sống, lối tư duy dựa trên những nét đặc thù vùng lãnh thổ. Ở Nga, đó là cộng đồng người Côdắc, người Kavkaz, người Tatarxtan v.v... Ở Việt Nam, luận án đặt vấn đề rằng, cộng đồng cư dân miền duyên hải, cộng đồng cư dân Thanh Hoá, cộng đồng cư dân Nghệ Tĩnh, cộng đồng cư dân đồng bằng sông Cửu Long... là những cộng đồng đặc thù như vậy.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm và tham gia nghiên cứu nhiều đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ.
Hướng dẫn nhiều luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ.
Tham gia viết giáo trình chuẩn quốc gia về triết học.
Đã xuất bản một số đầu sách.
Đã in nhiều công trình khoa học trên các tạp chí chuyên ngành.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sâu hơn về con người.

Lời Tiến sĩ

Xin đừng hoài nghi trí thông minh người Việt!



NGUYỄN MẠNH QUÝ

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 28 - 8 - 1938.
Quê quán: Thanh Trì - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: C15 - 419 - Thanh Xuân Bắc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Tổng hợp và Trường Đại học Sư phạm Vinh
Nghiên cứu sinh tại Tiệp Khắc.
Chuyên viên Bộ Giáo dục (Cục Đào tạo bồi dưỡng và Ban Nghiên cứu cải cách sư phạm).
Chuyên gia ở Côngô và Angiêri.
Nghiên cứu viên cao cấp Viện Khoa học Giáo dục - Bộ Giáo dục.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1973.
Tại Trường Đại học Karlôva - Praha - Tiệp Khắc cũ.
Chuyên ngành Toán - Tôpô.

Đề tài luận án

Bàn về vật con.

Nội dung

Trong các phạm trù thông thường, vật con được hiểu là tập hợp con, nhóm con, không gian con... và có những định nghĩa riêng.

Một định nghĩa theo kiểu phạm trù của khái niệm vật con phải đảm bảo các yêu cầu sau:
Có thể áp dụng vào nhiều phạm trù thông thường.
Giữ được một số tính chất cơ bản, thông thường của khái niệm như: đóng đối với phép hợp thành, phép giao và níu (pullback).
Công trình đã nghiên cứu:
Hệ thống lại một loạt các định nghĩa đã có và chứng tỏ định nghĩa nào thích hợp với không gian Haoxđoóc (Hausdorff). Sau đó lại chỉ ra rằng không thể mở rộng theo hướng của các định nghĩa đó để đạt yêu cầu trên.
Đưa ra một định nghĩa theo kiểm mới: g - đơn cấu (g - monomorphism) và chứng tỏ: định nghĩa đó không những thích hợp với nhiều cấu trúc tôpô (kể cả không gian Haoxđoóc và không gian đều (uniform), các cấu trúc đại số thông thường, mà cả với một lớp rộng rải các phạm trù mà công trình đã xây dựng nên - phạm trù S [(Fi)i ε J].

Thành tựu khoa học

Một số bài đăng ở tạp chí nước ngoài.
Sách đã xuất bản (tác giả và đồng tác giả) - Nxb Giáo dục:
Giáo trình số học, tập 2.
Hướng dẫn học chương trình trung học sư phạm hoàn chỉnh tập 1.
Toán tập 1, 2.
Số học.
Toán cao cấp A_2.
Từ điển thuật ngữ toán học - Nxb Từ điển bách khoa. Sách dịch
Phép tính vi phân tập 1, 2, 3.
Phương trình vi phân tập 1, 2.
Nhập môn đại số tuyến tính và quy hoạch tuyến tính.
Logic toán.
Các phương pháp toán học trong hoá học, tập 1, 2.
Một số quan điểm triết học trong toán học.
Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ "Chương trình đào tạo nối tiếp giáo viên trung học cơ sở có trình độ cao đẳng sư phạm lên trình độ đại học sư phạm".
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.



NGUYỄN NGỌC QUÝ

Tiến sĩ Quân sự

Sinh ngày: 19 - 10 - 1940.
Quê quán: Tứ Xã - Lâm Thao - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 7 phường Khương Mai - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Giảng viên Trường Đại học Tài chính Hà Nội.
Bộ đội Binh chủng Tên lửa Quân chủng Phòng không - Không quân.
Trưởng ban Kỹ thuật Nhà máy Tên lửa Quân chủng Phòng không - Không quân.
Nghiên cứu sinh quân sự tại Cộng hoà dân chủ Đức.
Trợ lý nghiên cứu khoa học Quân chủng Phòng không.
Trưởng khoa Trường Trung cao chỉ huy - tham mưu phòng không.
Phó phòng Khoa học công nghệ - môi trường Quân chủng Phòng không Không quân.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.
Tại Học viện Quân sự Ăngghen Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Ngành Khoa học quân sự.

Đề tài luận án

Mô hình toán và phương pháp phân tích quá trình, kết quả hoạt động tác chiến của lực lượng phòng không.

Nội dung

Phân tích các yếu tố tác động vào quá trình tác chiến và hiệu quả hoạt động tác chiến của lực lượng phòng không, đi sâu phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố với nhau từ kinh nghiệm thực tiễn chiến tranh và những vấn đề cơ bản của nghệ thuật tác chiến phòng không độc đáo của Việt Nam trong chống chiến tranh phá hoại miền Bắc. Luận án nghiên cứu lựa chọn hàm mục tiêu đánh giá hiệu quả tác chiến của lực lượng phòng không trong các nhiệm vụ cơ bản khác nhau, xây dựng hệ điều kiện của bài toán và lựa chọn phương pháp giải thích hợp. Nghiên cứu mô hình toán trong cả hai trường hợp có chỉ huy tập trung thống nhất các đơn vị phòng không tham gia tác chiến và trường hợp không đủ điều kiện chỉ huy tập trung, từng đơn vị thực hiện tác chiến độc lập.

Thành tựu khoa học

Những công trình đã công bố:
Đánh giá kết quả bắn mục tiêu tốp của lực lượng phòng không. Học viện Quân sự Ăngghen (Đức) xuất bản 2 tập 1981.
Một số vấn đề tính toán chiến thuật chiến dịch của lực lượng phòng không.
Tổ chức và sử dụng lực lượng phòng không tác chiến đánh trả TCĐK ở độ cao thấp.
Vai trò của phòng không tầm thấp trong tác chiến phòng không tương lai.
Nghệ thuật chiến dịch phòng không Việt Nam trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc.
Nghệ thuật tác chiến phòng không trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc.
Lịch sử nghệ thuật chiến dịch phòng không tháng 12-1972 (chủ biên).
Tổng kết chiến thuật phòng không Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (chủ biên).
Một số vấn đề về hệ thống định vị toàn cầu và điều khiển phương tiện tiến công đường không nhờ hệ GPS (chuyên đề).
Tham gia giảng dạy nghiên cứu sinh và cao học, hướng dẫn luận án tiến sĩ.
Tham gia nhiều Hội đồng chấm luận án tiến sĩ.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.
Huân chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.

Dự định khoa học

Hoàn thành đề tài: Nghệ thuật tác chiến của lực lượng phòng không - không quân trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (chủ biên).
Tham gia "Tổng kết nghệ thuật chiến dịch Việt Nam, trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ".
Nghiên cứu những kinh nghiệm độc đáo của Việt Nam trong mặt trận đối không qua kháng chiến chống Mỹ.

Lời Tiến sĩ

Trí tuệ của các nhà khoa học là một tài sản vô giá của đất nước.



PHẠM NGỌC QUÝ

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 1 - 4 - 1953.
Quê quán: Ninh Mỹ - Hoa Lư - Ninh Bình.
Chỗ ở hiện nay: 84/33 ngõ 131 Thái Hà - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Thuỷ lợi.
Nghiên cứu sinh tại Bratiscava - Tiệp Khắc cũ.
Phó phòng Đào tạo Trường Đại học Thuỷ lợi.
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Thuỷ lợi.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.
Hội viên Hội Thuỷ lợi.
Hội Cơ học chất lỏng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Trường Đại học Kỹ thuật Slôvakia, Bratislava, Tiệp Khắc cũ.
Ngành Công trình thuỷ lợi.

Đề tài luận án

Sự xuất hiện của xói sau đập tràn cột nước thấp không có bể tiêu năng.

Nội dung

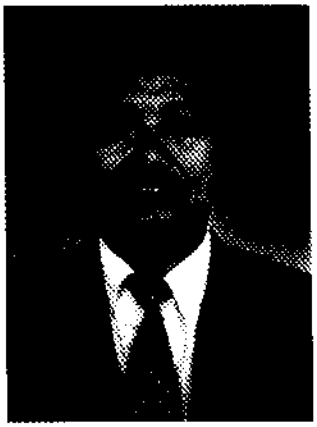
Tổng quan chung về nối tiếp tiêu năng hạ lưu, về xói cục bộ sau công trình thuỷ lợi.
Phân tích các nguyên nhân, bản chất của xói sau công trình thuỷ lợi.
Thí nghiệm xói trên công thức thực nghiệm.

Thành tựu khoa học

Viết bài giảng đại học, cao học về thuỷ công.
Tham gia một số đề tài khoa học các công trình, dự án của thuỷ lợi.

Dự định khoa học

Quản lý và giảng dạy chuyên ngành.



TRẦN DUY QUÝ

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 29 - 3 - 1948.
Quê quán: Bình Lục - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: Xóm 6B Cổ Nhuế - Từ Liêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Tổ trưởng tổ Di truyền - Viện Khoa học Việt Nam.
Nghiên cứu sinh Viện Sinh học phát triển - Viện Hàn lâm Khoa học Nga.
Trưởng phòng Di truyền tế bào và đột biến thực nghiệm. Viện Di truyền Nông nghiệp.
Thực tập sinh cao cấp Viện Di truyền Đại cương - Viện Hàn lâm Khoa học Nga.
Viện trưởng Viện Di truyền Nông nghiệp.
Tổng biên tập *Tạp chí Công nghệ sinh học ứng dụng.*
Phó chủ tịch Hội Di truyền học Việt Nam.
Thành viên Viện Hàn lâm Khoa học New York.
Hội viên các Hội: Hội Chọn giống châu Á.
Hội Sinh học phân tử quốc tế.
Hội Di truyền quốc tế.
Được phong Phó Giáo sư.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983.
Tại Viện Sinh học Phát triển - Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô cũ.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Di truyền học.

Đề tài luận án

Phát sinh đột biến thực nghiệm ở lúa.

Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học năm 1993.
Tại Viện Di truyền Đại cương - Viện Hàn lâm Khoa học Nga.

Đề tài luận án

Sử dụng đột biến nhân tạo vào công tác nghiên cứu di truyền và chọn giống lúa O. Sativa L.

Nội dung

Nghiên cứu quy luật phát sinh đột biến thực nghiệm và bản chất di truyền của các đột biến thu được để điều khiển quá trình đột biến có định hướng ở thực vật, cụ thể là cây lúa nhằm thu được tần số đột biến cao, phổ đột biến rộng phục vụ cho công tác nghiên cứu di truyền và chọn tạo giống lúa mới.
Xác lập bản đồ các nhóm liên kết gen ở lúa làm cơ sở cho việc xác lập bản đồ phân tử các gen ở cây lúa.
Nghiên cứu tính đặc hiệu của các tác nhân gây đột biến vật lý và hoá học, các liều lượng tối ưu, quy luật phát sinh đột biến ở lúa khi xử lý hạt khô và hạt nảy mầm.
Miêu tả, phân loại 1250 thể đột biến và sử dụng các đột biến thu được vào nghiên cứu sự di truyền các tính trạng chất lượng, số lượng và chọn giống lúa năng suất cao, chống chịu sâu bệnh và các điều kiện bất thuận của môi trường.
Nghiên cứu được quy luật phát sinh đột biến thực nghiệm ở mức nhiễm sắc thể, tế bào, cá thể và quần thể.
Tạo ra được 2 giống lúa quốc gia, 4 giống khu vực hoá: DT10, DT11, A20, ĐV2, ĐCM4, ĐCM2.
Luận án đã có những đóng góp mới cho khoa học.

Thành tựu khoa học

Giám đốc các dự án:
Công nghệ sinh học và đa dạng sinh học của Việt Nam (hợp tác quốc tế).
Bảo tồn và cải tiến giống ngô bằng công nghệ sinh học.
Xác lập bản đồ phân tử một số đặc tính chống chịu rầy, chịu mặn ở lúa (hợp tác với Bỉ).
Sử dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo giống lúa.
Sử dụng công nghệ sinh học trong chẩn đoán bệnh hại cây trồng chính ở Việt Nam.
Sử dụng kỹ thuật hạt nhân trong chọn tạo giống cây trồng: lúa, ngô, đậu tương, lạc.
Sử dụng kỹ thuật gen vào chọn tạo giống cây trồng ở Việt Nam (chủ nhiệm đề tài - cấp Nhà nước).
Bảo tồn insitu các cây trồng bản địa và họ hàng hoang dại của chúng ở Việt Nam (tác giả và đồng tác giả 17 giống lúa mới và 4 quy trình tiến bộ kỹ thuật).
Chủ nhiệm chương trình sinh học quốc gia.
Sách đã xuất bản:
Các phương pháp mới trong tạo giống cây trồng.
Cơ sở di truyền và kỹ thuật sản xuất lúa lai.
Đã đăng trên 120 bài báo khoa học chuyên ngành ở trong và ngoài nước.
Tham dự nhiều hội thảo, hội nghị quốc tế.
Tham gia đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.
Giải thưởng của Tổ chức Phát triển nông nghiệp châu Á - Thái Bình Dương (1995).
Giải nhì VIFOTEX 1997 về chọn tạo các giống lúa thuần và lúa lai.
Giải khuyến khích VIFOTEX về quy trình nhân nhanh các giống mía cao sản và lúa lai.
4 Huy chương vàng, 1 cúp vàng, 2 Bông lúa vàng tại Hội chợ triển lãm quốc tế Cần Thơ.
Huy chương Vì sự nghiệp nông nghiệp và nông dân.
Chiến sĩ thi đua ngành nông nghiệp nhiều năm.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng phương pháp di truyền và công nghệ sinh học hiện đại chọn tạo những giống cây trồng mới.



VŨ DƯƠNG QUÝ

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 2 - 4 - 1942
Quê quán: Phúc La - Thị xã Hà Đông - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 520/43 Sư Vạn Hạnh - Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Giảng viên bộ môn Sinh lý bệnh, Trường Đại học Y Hà Nội.
Giảng viên Học viện Quân y.
Giảng viên chính, Phó chủ nhiệm bộ môn Miễn dịch học, Học viện Quân y.
Chỉ huy trưởng Trung tâm huấn luyện - nghiên cứu y học quân sự phía Nam, Học viện Quân y.
Hội viên hội Sinh lý học Việt Nam.
Thành viên tiểu ban miễn dịch - huyết học, Uỷ ban ghép thận quốc gia.
Thành viên hội đồng ghép thận phía Nam, Bộ Y tế.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.
Nhà giáo ưu tú năm 1998.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990.
Tại Học viện Quân y.
Ngành Y - Dược.
Chuyên ngành Sinh lý bệnh - miễn dịch.

Đề tài luận án

Xác định một số loại thụ thể bề mặt của bạch cầu trung tính và sự thay đổi của các thụ thể này trong một số trường hợp nhiễm khuẩn cấp tính.

Nội dung

Trên bề mặt tế bào thực bào nói chung và bạch cầu đa nhân trung tính nói riêng có các thụ thể (Receptor) dành cho Fc và bổ thể (c). Các thụ thể này giúp cho tế bào thực bào thực hiện chức năng của chúng. Vậy trong các trường hợp nhiễm trùng cấp, sau khi thực bào thì sự biến đổi của các thực thể này xảy ra như thế nào? Liệu có thể sử dụng các thụ thể này góp phần vào việc tiên lượng bệnh?
Bằng kỹ thuật tạo hoa hồng EA và EAC để xác định thụ thể dành cho Fc và C trên bề mặt bạch cầu đa nhân trung tính của bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết do tụ cầu trùng vàng, các thử nghiệm được tiến hành trước và sau điều trị. Kết quả nghiên cứu cho thấy:
Trong nhiễm khuẩn cấp các thụ thể dành cho Fc và C đều giảm tỷ lệ thuận với mức độ của bệnh và phụ thuộc vào độc lực và vi khuẩn.
Sau điều trị các thụ thể trên hồi phục dần, như vậy có thể sử dụng các loại thụ thể này để tiên lượng bệnh trước và sau điều trị nhiễm khuẩn cấp tính.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu (tham gia):
Đặc điểm tổn thương do chất độc hoá học và biện pháp chống cho người (cấp Bộ).
Đặc điểm và tác dụng sinh lý của huyết hợp cốc, nội quan (Học viện Quân y).
Xác định thành phần Flavonoid trong một số vị và cây thuốc Việt Nam, ảnh hưởng của chúng trên hệ thống miễn dịch.
Xây dựng mô hình ghép thận thực nghiệm trên chuột (đề tài nhánh thuộc chương trình ghép thận - cấp quốc gia).
Bước đầu nghiên cứu các khía cạnh miễn dịch phục vụ cho ghép thận ở Việt Nam (đề tài nhánh - cấp quốc gia).
Nghiên cứu sản xuất kháng thể kháng HLA để định tuýp HLA trong ghép tạng (đề tài nhánh - cấp Nhà nước).
Sách đã xuất bản:
Hoá miễn dịch và sinh tổng hợp kháng thể (dịch) - Nxb Khoa học kỹ thuật.
Miễn dịch học - Nxb Y học.
Huy chương kháng chiến hạng hai.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ - môi trường.
Vì sự nghiệp giáo dục.
Bằng lao động sáng tạo.
Giải thưởng VIFOTEC - 1977.
Nhà giáo ưu tú.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, sản xuất các kháng thể HLA để phục vụ cho chương trình ghép tạng.



ĐỖ HỮU QUYẾT

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 11 - 1 - 1952.
Quê quán: Đồng Nguyên - Từ Sơn - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Trường Đại học Nông nghiệp I - Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Cơ điện, Trường Đại học Nông nghiệp I.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Kỹ sư cơ điện nông nghiệp Matxcơva.
Cán bộ giảng dạy khoa Cơ điện, Trường Đại học Nông nghiệp I.
Chủ nhiệm bộ môn Cơ học kỹ thuật, khoa Cơ điện.
Phó trưởng phòng Công tác sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp I.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Trường Đại học Kỹ sư cơ điện nông nghiệp Matxcova, Nga.
Ngành Cơ khí hoá nông nghiệp.
Chuyên ngành Máy nông nghiệp.

Đề tài luận án

Nghiên cứu các quá trình và chế độ làm việc của bộ phận đập lúa kiểu tuốt chải.

Nội dung

Việc phân ly hạt khỏi bông lúa bằng phương pháp tuốt chải một chiều được sử dụng phổ biến trên các máy thu hoạch lúa cỡ nhỏ và trung bình của Nhật. Chúng có ưu điểm nổi bật so với các loại bộ phận đập toàn khối lúa là cho chất lượng hạt tốt và chi phí năng lượng thấp, nhưng khi thu hoạch lúa đổ, đổ rối thì độ sót hạt lớn. Luận án nghiên cứu về bộ phận tuốt chải 2 chiều, cho phép khắc phục được nhược điểm trên khi thu hoạch lúa (đổ, đổ rối) và một số loại cây có bông khác. Luận án đã xây dựng cơ sở xác định các thông số chính của bộ phận tuốt chải 2 chiều, nghiên cứu quy luật thay đổi các chỉ tiêu năng lượng, chất lượng theo các thông số và chế độ làm việc của bộ phận tuốt chải đã nêu.

Thành tựu khoa học

Giáo trình:
Bài tập chi tiết máy, máy nâng hạ và vận chuyển. Trường Đại học Nông nghiệp I (đồng tác giả).
Tham gia đề tài cấp Nhà nước:
Nghiên cứu thiết kế các máy móc cơ giới hoá cây màu có củ.
Nghiên cứu thiết kế các mẫu máy móc cơ giới hoá canh tác dứa.
Chủ đề mục:
"Phay lên luống" trong đề tài cấp Bộ: Nghiên cứu các công cụ cơ khí nhỏ phục vụ canh tác cây trồng cạn đối với hộ nông dân.

Dự định khoa học

Nghiên cứu thiết kế máy đáp ứng những yêu cầu thiết thực của sản xuất nông nghiệp Việt Nam.



NGÔ VĂN QUYẾT

Nguyễn Văn Quyết

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 2 - 8 - 1942.
Quê quán: Hiệp Thịnh - Hiệp Hoà - Bắc Giang.
Chỗ ở hiện nay: 51 nhà A10 Bắc Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Bách khoa, Liên Xô cũ.
Giáo viên Trường Đại học Kỹ thuật Quân sự.
Đại tá, Phó Giáo sư Học viện Kỹ thuật Quân sự.
Hội viên Hội Cơ học.
Hội Ứng dụng Toán học.
Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.
Ủy viên BCH TƯ Hội Cơ học máy Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1975.
Tại Trường Đại học Bách khoa Ôđétxa, Liên Xô cũ.
Ngành Chế tạo máy.
Chuyên ngành Chế tạo máy đại cương và chi tiết máy.

Đề tài luận án

Nghiên cứu độ bền và tuổi thọ của chi tiết máy theo các chỉ tiêu phá huỷ hiện đại.

Nội dung

Nghiên cứu chỉ tiêu vật lý hiện đại về sự đồng dạng phá huỷ mỏi do Sêrensen - Côgaev đề xướng. Đề xuất một chỉ tiêu đồng dạng mới không thứ nguyên về sự phá huỷ mỏi.

Xác định vai trò của non tải trong việc gây ra tích luỹ phá huỷ mỏi. Đề xuất công thức tính giới hạn dưới của non tải để tính tuổi thọ của chi tiết máy trong chế độ tải trọng không ổn định.
Nghiên cứu sức chống phá huỷ mỏi và phá huỷ giòn của vật liệu kim loại ở nhiệt độ thấp. Đề xuất công thức mô tả sự ứng xử của các đặc trưng cơ học chủ yếu.
Nghiên cứu những phương pháp xác định hệ số cường độ ứng suất tới hạn K_{Ic} - một trong số những chỉ tiêu mới quan trọng của cơ học phá huỷ.
Áp dụng những chỉ tiêu đồng dạng phá huỷ mỏi vào tính toán độ bền của chi tiết máy thực (trục truyền).
Đề xuất trình tự phương pháp tính độ bền mỏi của chi tiết máy theo xác suất phá huỷ và phương pháp dự báo tuổi thọ của chi tiết máy theo phương trình phát triển vết nứt mỏi.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu các phương tiện kỹ thuật phục vụ huấn luyện quân sự (đồng chủ nhiệm - cấp Bộ).
Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật TEST trong giáo dục - huấn luyện ở hệ thống nhà trường quân sự (tham gia - cấp Cục).
Phương pháp xây dựng phần mềm dạy học (tham gia - cấp Cục).
Nghiên cứu những giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ở bậc cao học (tham gia - cấp Học viện).
Đổi mới toàn diện chương trình môn học nguyên lý - chi tiết máy theo tinh thần cải cách giáo dục (chủ trì - cấp Học viện).
Sách đã xuất bản:
Những lời khuyên học sinh đại học (dịch). Nxb Thanh niên.
Phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại trong nhà trường quân sự.
Phương pháp giảng dạy môn học.
Một số vấn đề hiện đại của giáo dục đại học.
Đào tạo cán bộ giảng dạy đại học trong các nước xã hội chủ nghĩa. Học viện Kỹ thuật Quân sự.
Nhập môn Cơ học phá huỷ. Hội Cơ học Việt Nam.
Ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê trong tính toán độ bền mỏi chi tiết máy (đồng tác giả) - Học viện Kỹ thuật Quân sự.
Cơ sở lý thuyết mỏi. Nxb Giáo dục.
Trên 60 bài báo đã công bố.
Tham gia nhiều hội nghị khoa học trong và ngoài nước.
Huân chương chiến sĩ vẻ vang.
Huy chương kháng chiến hạng nhất.
Huân chương chiến công hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Giảng dạy, nghiên cứu, ứng dụng lý thuyết độ bền mỏi và lý thuyết cơ học phá huỷ.



NGUYỄN XUÂN QUỲNH

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 1 - 1 - 1943.
Quê quán: Xuân Lâm - Nam Đàn - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 131 Minh Khai - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tiến sĩ và tiến sĩ khoa học tại Ba Lan.
Chủ nhiệm bộ môn Kỹ thuật điện tử, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Điện tử và Kỹ thuật tin học kiêm Tổng Giám đốc Công ty máy tính Việt Nam.
Viện trưởng Viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hoá Việt Nam.
Ủy viên thường vụ Hội Vô tuyến - Điện tử Việt Nam.
Ủy viên Ban biên tập tạp chí quốc tế Journal of Applied Computer Science của Ba Lan.
Ủy viên ban chương trình của 7 Hội nghị quốc tế về Hệ thống - Mô hình hoá - Điều khiển; 5 Hội nghị quốc tế về máy tính trong y học.
Trưởng ban chỉ đạo chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước về tự động hoá khoa học công nghệ - 04.
Ủy viên Hội đồng chính sách và khoa học công nghệ quốc gia.
Giáo sư, Chủ tịch Hội đồng Học hàm liên ngành Điện tử - Tự động hoá.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1975
Tại Trường Đại học Bách khoa Lôtzơ, Ba Lan.
Ngành Công nghệ thông tin
Tiến sĩ Khoa học năm 1979.
Tại Học viện Mỏ luyện kim Krakôp, Ba Lan.
Ngành Công nghệ tự động hoá.

Đề tài luận án

Thuật toán phát hiện và định vị sai trong hệ logic của máy tính.

Nội dung

Luận án đưa ra các thuật toán để phát hiện những định vị sai cho các hệ logic trong máy tính. Các thuật toán này dựa trên cơ sở những định lý về đạo hàm và vi phân Boole do tác giả đưa ra và chứng minh. Luận án đã nhận được giải thưởng quốc gia của Ba Lan.

Luận án Tiến sĩ Khoa học
Tự động hoá quá trình chẩn đoán sai trong các hệ thống lớn và vấn đề mã hoá tối ưu tự động hoá sửa sai.

Nội dung

Xây dựng một loạt các định lý mới làm cơ sở cho việc tự động hoá hoàn toàn quá trình phát hiện và định vị sai cho các hệ thống kỹ thuật số lớn. Mặt khác tác giả đã xây dựng cấu trúc sửa sai tự động tối ưu.
Luận án được giải thưởng quốc gia của Ba Lan.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm 8 đề tài khoa học cấp Nhà nước thuộc các chương trình điện tử, tự động hoá với 3 giải thưởng khoa học của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường.
Chủ nhiệm 2 chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước về tự động hoá.
Hướng dẫn 30 luận án tiến sĩ (có 3 tiến sĩ người nước ngoài).
Công bố 89 công trình khoa học, trong đó 70 công trình ở: Ba Lan, Đức, Bungari, Malayxia, Nga, Ấn Độ v.v...
Sách đã xuất bản:
Điện tử công nghiệp, tập I, II.
Lý thuyết độ tin cậy.
Lý thuyết mạch logic.
Cơ sở toán rời rạc và ứng dụng.
Mạch logic và kỹ thuật số.
Tự động chẩn đoán sai trong các hệ thống lớn.

Dự định khoa học

Tổng hợp và phân tích các hệ thống tự động hoá lớn trên cơ sở kỹ thuật số. Đặc biệt đi sâu vào các hệ thống có cấu trúc Nơron và phỏng sinh học, các hệ thống xử lý thông tin trên nguyên lý cấu trúc siêu song song.

Lời Tiến sĩ

Khoa học là một quá trình liên tục, nghiêm túc và gian khổ. Cần không ngừng học tập và rèn luyện suốt đời. Đất nước cũng như xã hội đối xử với trí thức, với khoa học càng trân trọng thì dân tộc càng nhanh chóng tiến tới văn minh, hiện đại.



PHẠM HUY QUỲNH

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 25 - 10 - 1942.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 404 đường Sông Lừ - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Chuẩn uý - Đội trưởng đội nhiên liệu tên lửa.
Thiếu uý - Trợ lý đạn tên lửa phòng Tên lửa, Cục kỹ thuật Quân chủng Phòng không - Không quân.
Trung uý - Trợ lý công nghệ hoá chất, Cục Kỹ thuật Phòng không - Không quân.
Hiện là Đại tá, Trưởng phòng Vật liệu hàng không và Nhiên liệu tên lửa, Viện Kỹ thuật Quân chủng Phòng không - Không quân.
Thành viên Hội đồng Phòng không - Không quân Bộ Quốc phòng.
Ủy viên Hội đồng khoa học kỹ thuật Quân chủng Phòng không - Không quân.
Viện kỹ thuật Quân sự Phòng không - Không quân.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Viện Kỹ thuật Quân sự - Bộ Quốc phòng.
Ngành Hoá học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu chế tạo sơn trong suốt điện từ trên cơ sở nhựa Epoxycacdanol - hecxamin dùng trong bảo quản vũ khí trang bị quân sự.

Nội dung

Trên cơ sở lý thuyết về hấp thụ năng lượng sóng cao tần của vật liệu để tài nghiên cứu chế tạo sơn trong suốt điện từ - không hấp thụ năng lượng sóng đồng thời vẫn có tính bảo vệ cao. Khảo sát các phản ứng tổng hợp epoxy - cacdanol, hecxamin - cacdanol, tổng hợp nhựa epoxy - cacdanol - hecxamin - dầu trẩu - loại nhựa có tính năng cách điện cao, tổn hao điện môi và hằng số điện môi nhỏ. Thí nghiệm các bột màu, dung môi, các phụ gia, đồng thời thiết kế, gia công lắp đặt dây chuyền sản xuất sơn cách điện, sơn trong suốt điện từ với năng suất 70 tấn/năm.
Xây dựng phương pháp đo độ trong suốt điện từ, hệ số hấp thụ năng lượng sóng của màng sơn. Sơn trong suốt điện từ mới chế tạo có độ trong suốt tương đương sơn đặc chủng Liên Xô trước đây.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài, dự án:
Nghiên cứu sử dụng đạn quá hạn (cấp Quân chủng).
Nghiên cứu chống mốc, mục vải bạt (cấp Quân chủng).
Sử dụng keo epoxy - laccol để dán chi tiết máy bay (cấp Cục).
Nghiên cứu chế tạo băng dính bảo quản (cấp Quân chủng).
Xây dựng dây chuyền sản xuất sơn chịu mặn (cấp Bộ).
Nghiên cứu chế tạo sơn trong suốt điện từ (cấp Bộ).
Nâng cao chất lượng và triển khai sản xuất vật liệu bảo quản (cấp Quân chủng).
Xây dựng tiêu chuẩn vật liệu bảo quản (cấp Bộ).
Sản xuất thử và hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất sơn trong suốt điện từ, sơn cách điện (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu chống xuống cấp và phục hồi nâng cấp chất O (cấp Bộ).
Nghiên cứu phục hồi nâng cấp nhiên liệu (cấp Bộ).
Nghiên cứu chế tạo sơn cách điện cao tần, cao áp (cấp Quân chủng).
Triển khai phục hồi thử nghiệm nhiên liệu tên lửa O, G (cấp Bộ).
Nghiên cứu công nghệ bảo vệ thùng chứa O chống ăn, chống mòn tạo cặn (cấp Bộ).
Dự án nâng cấp, đổi mới PTN nhiên liệu tên lửa lỏng.
Nhiều bài đã công bố ở các tạp chí, hội thảo khoa học.
Bằng lao động sáng tạo.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học kỹ thuật.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chế tạo nhiên liệu tên lửa.



HỒ VĂN QUÝNH

Hồ Vũ

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 13 - 6 - 1943.
Quê quán: Phạm Ngũ Lão - Kim Động - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay:
210 nhà D5 - Tập thể Giảng Võ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Văn phòng Trung ương Đảng.
Chuyên viên Cục Lưu trữ Nhà nước trực thuộc Phủ Thủ tướng.
Nghiên cứu viên chính Trung tâm Nghiên cứu khoa học Cục Lưu trữ Nhà nước.
Phó trưởng phòng Khoa học kỹ thuật Cục Lưu trữ Nhà nước; Thường trực Hội đồng khoa học Cục Lưu trữ Nhà nước.
Hội viên Hội Sử học.
Hội Lưu trữ học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chuyên ngành Sử liệu học.

Đề tài luận án

Phòng lưu trữ Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội (1954 - 1975) - Nguồn sử liệu chữ viết nghiên cứu lịch sử Thủ đô.

Nội dung

Phương pháp phân loại nguồn sử liệu chữ viết. Nhà sử học phân loại sử liệu xuất phát từ mục tiêu nghiên cứu đối tượng.

Phân loại nội dung và hình thức của sử liệu theo:
Thời kỳ lịch sử.
Các mặt hoạt động xã hội.
Các chuyên đề
Các loại hình văn bản.
Tác giả.
Đánh giá nguồn sử liệu phòng lưu trữ Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội giai đoạn 1954 - 1975.
Hình thức sử liệu.
Thể loại văn bản của sử liệu.
Hình thức xuất xứ của sử liệu.
Nội dung sử liệu phòng lưu trữ Uỷ bản nhân dân thành phố Hà Nội theo 2 phương pháp: so sánh và phân tích tổng hợp.
Với hơn 8000 hồ sơ, phòng lưu trữ UBND thành phố Hà Nội 1954 - 1975 là nguồn sử liệu chữ viết vô cùng quý giá lưu giữ đầy đủ từ khi Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long (1010) cho đến nay.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu đã ứng dụng:
Xây dựng danh mục đầy đủ và tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức ngành lưu trữ.
Nội dung phương pháp biên soạn sách tra cứu sử liệu.
Các tiêu chuẩn thành lập phòng lưu trữ cá nhân.
Lý luận và thực tiễn tổ chức màng lưới lưu trữ Việt Nam.
Cơ sở lý luận quản lý ngành lưu trữ Việt Nam.
Sách đã xuất bản:
Đồng tác giả:
Bác Hồ con người và phong cách tập I, II, III. Nxb Lao động.
Bác Hồ với chiến sĩ tập I, II, III. Nxb Quân đội nhân dân.
Pháp luật và quản lý xã, phường theo pháp luật.
Sổ tay pháp luật của chính quyền xã, phường, thị trấn. Nxb Chính trị quốc gia.
Tác giả:
Sổ tay soạn thảo văn bản xã, phường. Nxb Chính trị quốc gia.
Giáo trình soạn thảo văn bản quản lý nhà nước. Trường Cao đẳng Lao động - Xã hội.
Giáo trình tiêu chuẩn hoá Trường Kinh tế quốc dân.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí

Dự định khoa học

Sẽ viết sách: *Sổ tay soạn thảo văn bản* của cán bộ văn phòng chính quyền địa phương.
Lịch sử Thăng Long - Hà Nội.
Hoàn thiện công trình xác định thể loại và kết cấu văn bản hành chính Nhà nước...



PHAN VĂN QUÝNH

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 1 - 10 - 1943.
Quê quán:
Hồng Thuỷ - Hương Thuỷ - Thừa Thiên Huế.
Chỗ ở hiện nay: 28 Nguyễn Huy Tự - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Mỏ - Địa chất; Đại học Tổng hợp.
Chủ nhiệm bộ môn Địa chất lịch sử, Viễn thám, Phó chủ nhiệm khoa Địa lý.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Địa chất Dầu khí khoa Địa chất, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia, Hà Nội.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Địa chất Việt Nam, Hội Kiến tạo.
Hội viên Hội Khoa học New York.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979.
Tiến sĩ Khoa học năm 1989.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Leningrat, Liên Xô cũ.
Ngành Địa chất.
Chuyên ngành Kiến tạo - Sinh khoáng.

Đề tài luận án

Kiến tạo và sinh khoáng Việt Nam.

Nội dung

Lãnh thổ Việt Nam kết thúc quá trình phát triển từ vỏ đại dương thành vỏ lục địa vào Paleozoi sớm. Từ Paleozoi muộn đến nay là quá trình biến cải kiến tạo, hình thành các cấu trúc khối khảm điển hình, trong đó có 3 giai đoạn chính: phá huỷ vỏ lục địa (C_3 - T_1), tạo núi Indosini (T_2 - I_1), tạo núi Yên Sơn (J_2 - K), tạo núi Hymalaia (K_2).
Phụ thuộc vào quy luật kiến tạo đã hình thành các giai đoạn tạo khoáng và phân bố của các đới sinh khoáng.
Đề xuất nguyên tắc phân vùng kiến tạo nhiều cấp để áp dụng cho lãnh thổ đa pha kiến tạo như Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu các công trình về cấu trúc kiến tạo lãnh thổ Việt Nam phục vụ nghiên cứu sinh khoáng và tìm kiếm thăm dò quặng bauxit, antimon, mangan, than, cấu trúc kiến tạo phục vụ cho công trình thuỷ điện Hoà Bình, thuỷ điện Sơn La.
Kiến tạo và sinh khoáng Urani.
Kiến tạo biển Đông và tiềm năng dầu khí.
Bản đồ Địa chất và Khoáng sản tỷ lệ 1: 1.500.000. Nxb Giáo dục.

Dự định khoa học

Hoàn thành công trình nghiên cứu kiến tạo và sinh khoáng lãnh thổ, lãnh hải Việt Nam, đề xuất phương hướng đánh giá tìm kiếm khoáng sản có ích.

Lời Tiến sĩ

Ước vọng lớn nhất của nhà khoa học là đạt được các thành tựu nghiên cứu đem lại lợi ích lớn cho đồng bào mình, tổ quốc mình và nhân loại. Nhà khoa học phải biết quên mình, kiên trì, nhẫn nại, trung thực.



TRƯƠNG HỮU QUÝNH

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 23 - 7 - 1935.
Quê quán: Thạch Sơn - Thạch Hà - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 405 - nhà E2 - Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên, tổ trưởng tổ Lịch sử Việt Nam, kiêm Phó chủ nhiệm khoa
Chủ nhiệm khoa Sử Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ủy viên chấp hành Hội Sử học Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1973.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Lịch sử

Đề tài luận án

Chế độ ruộng đất ở Việt Nam - thế kỷ XIII - XV.

Nội dung

Sự phát triển của các hình thức sở hữu, chính sách ruộng đất của nhà nước dưới thời Trần và Lê sơ. Xác định rõ sự hình thành bản chất sự phát triển của các hình thức sở hữu đặc trưng về ruộng đất thời Trần (thái ấp, điền trang, ruộng tư hữu), các chính sách ruộng đất cơ bản của nhà Lê sơ (ruộng công thần, lộc điền, quân điền). Qua đó xác định tiến trình biến chuyển của chế độ ruộng đất phong kiến từ thế kỷ XIII - XV, một giai đoạn quan trọng của chế độ phong kiến Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Chế độ ruộng đất ở Việt Nam - thế kỷ XIII - XV (2 tập). Nxb Khoa học xã hội.
Giáo trình lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc - 1858 (chủ biên).
Đại cương lịch sử Việt Nam tập 2 (chủ biên). Nxb Giáo dục.
Giáo dục truyền thống yêu nước, bảo vệ tổ quốc (chủ biên). Nxb Quân đội.
Giáo trình *Phương pháp luận sử học, Lịch sử địa phương*. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Phong trào Tây Sơn dưới mắt người nước ngoài (chủ biên). Nxb Nghĩa Bình.
Tự điển nhân vật lịch sử Việt Nam (chủ biên). Nxb Giáo dục.
Đề tài lịch sử nền hành chính Việt Nam (trước 1945) (chủ biên).

Dự định khoa học

Tham gia biên soạn bộ *Lịch sử Việt Nam*
Biên soạn bộ *Lịch sử nhà nước Việt Nam thời phong kiến.*



ĐỖ ĐÌNH RÃNG

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 20 - 10 - 1938.
Quê quán: Mạn Lạn - Thanh Ba - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội - 106 Hoàng Quốc Việt - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Cộng hoà dân chủ Đức.
Trưởng bộ môn Hoá hữu cơ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Thành viên Hội Hoá học Việt Nam.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1971
Tại Trường Fiedrich Schiller Universitat Jena, Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Ngành Hoá học.
Chuyên ngành Hoá hữu cơ.

Đề tài luận án

Nghiên cứu tính chất phản ứng của các ion cacboni - những giai đoạn trung gian - ở phản ứng deamin hoá bởi các nitrosyl halogenua.

Nội dung

Đề cập tới phản ứng đeamin hoá 8 amin khác nhau bằng nitrosyl clorua và nitrosyl bromua trong các dung môi ete, cacbontetraclorua, n-hexan và clorofom. Từ tỷ lệ các sản phẩm là dẫn xuất halogen và ancol cũng như sản phẩm tách tạo thành có thể đánh giá tính chất phản ứng của các ion cacboni trung gian phụ thuộc vào các yếu tố điện tử, lập thể và dung môi. Kết hợp với việc tính toán các chỉ số cảm ứng I của các gốc R (Ar) có thể đánh giá anthalpic $\Delta_R H$ của phản ứng là tổng năng lượng các quá trình phân ly, ion hoá (gốc R tách e, gốc Br nhận e) và phù hợp với thực nghiệm.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước:
Nghiên cứu thành phần hoá học của tinh dầu và cây thuốc dân gian Việt Nam.
Nghiên cứu thành phần hoá học của tinh dầu, cây thuốc dân gian Việt Nam và tổng hợp một số hợp chất dãy dị vòng.
Sách đã xuất bản:
Hoá học lập thể (giáo trình).
Bài tập lý thuyết hoá hữu cơ (giáo trình) - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hoá học hữu cơ tập 1, 2. Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hoá học 11.
Bài tập hoá học 11.
Hướng dẫn dạy hoá học 11.
Hướng dẫn giải bài tập hoá học 11, Nxb Giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, ứng dụng khoa học chuyên ngành hoá học.



ĐỖ THỊ THANH REN

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 12 - 10 - 1945.
Quê quán: Thạnh Phú Đông - Giồng Trôm - Bến Tre.
Chỗ ở hiện nay: Cư xá Đại học Cần Thơ - đường 30/4 - Thành phố Cần Thơ.

Quá trình công tác

Cán bộ Vụ Quản lý ruộng đất, Viện Nông hoá - Thổ nhưỡng Hà Nội.
Trưởng phòng thí nghiệm, Đại học Nông nghiệp III Thái Nguyên.
Trưởng phòng thí nghiệm Nông hoá - Thổ nhưỡng.
Trưởng bộ môn Khoa học Đất.
Phó trưởng khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Khoa học Đất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994
Tại Trường Đại học Cần Thơ.
Chuyên ngành Nông hoá học.

Đề tài luận án

Hiệu quả của phân lân đối với lúa trên đất phèn nặng (Sulfaquepts).

Nội dung

Có diện tích đất phèn có nhiều đặc tính bất lợi cho sự sinh trưởng của cây trồng. Luận án nghiên cứu sử dụng hợp lý đất phèn và xác định hiệu quả phân lân đối với lúa. Kết quả thí nghiệm cho thấy:
Đất phèn có khả năng cố định lân cao dưới điều kiện oxy hoá hơn dưới điều kiện khử oxy. Lượng lân cố định được tìm thấy dưới dạng $MnHPO_4$, $[Fe_3(PO_4)_2.8H_2O]$ và phosphate nhôm vô định hình. Lượng lân cố định có tương quan thuận với hàm lượng nhôm hoà tan trong dung dịch đất và chất hữu cơ trong đất, tương quan nghịch với pH đất. Dưới điều kiện khử, lượng lân giải phóng vào dung dịch đất thấp, chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu của cây lúa. Phân superphosphate, thermophosphate, apatite, và DAP (18-46-0) đều có hiệu quả cao đối với lúa trên đất phèn khi bón với liều lượng 30, 60, 90, 120, 180 kg P_2O_5/ha, nhưng hiệu quả cao nhất ở liều lượng 30 và 60 kg P_2O_5/ha.

Thành tựu khoa học

Những đề tài nghiên cứu:
Khả năng phát triển và sử dụng bèo hoa dâu (Azolla Pinnata) và một số loại cây phân xanh, phân hữu cơ ở đồng bằng sông Cửu Long.
Quản trị phân bón cho lúa trên đất phèn, đặc biệt là phân lân.
Hiệu quả của phân N-P-K đối với cây cam mật, nhãn và mía.
Hàm lượng một số nguyên tố vi lượng trong đất vùng đồng bằng sông Cửu Long và đáp ứng của chúng đối với cây trồng.
Sách đã xuất bản:
Đồng tác giả:
Đất và cây trồng.
Kỹ thuật nông nghiệp lớp 9. Nxb Giáo dục.
Phì nhiêu đất và phân bón, Trường Đại học Cần Thơ (tác giả).
Một số nghiên cứu đã công bố (đồng tác giả):
Bón phân cho ngô lai số 5 ở miền núi.
Ảnh hưởng của độ ẩm và thời kỳ bón phân apatite, thermophosphate đến năng suất lúa trồng trên đất phèn tỉnh Hậu Giang.
Ảnh hưởng của dạng và lượng phân lân đến năng suất lúa NN7A trồng trên đất phèn nặng tỉnh Hậu Giang.
Huy chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.
Nhà giáo ưu tú năm 1998.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, viết giáo trình, sách ngành trồng trọt, nông học và quản lý đất đai.



NGUYỄN VĂN RIỄN

Hoàng Vinh

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 9 - 7 - 1934.
Quê quán: Trực Đông - Trực Ninh - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: B1/P8 tập thể Trường Đại học Văn hoá - 418 La Thành - Hà Nội

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội
Cán bộ nghiên cứu Viện Mỹ thuật, mỹ nghệ - Bộ Văn hoá.
Thực tập sinh, nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp Lômônôxốp Mátxơva, Liên Xô cũ.
Giảng viên Trường Lý luận nghiệp vụ - Bộ Văn hoá.
Chuyên viên Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.
Chuyên viên Ban Văn hoá văn nghệ Trung ương.
Giảng viên - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Phó hiệu trưởng, Bí thư Đảng uỷ Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.
Phó trưởng khoa Văn hoá XHCN - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1973
Tại Viện các nước Á - Phi, Trường Đại học Tổng hợp Lômônôxốp, Mátxcơva, Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Lịch sử văn hoá.

Đề tài luận án

Trống đồng Đông Sơn - nguồn tư liệu lịch sử để nghiên cứu lịch sử văn hoá cổ đại Việt Nam.

Nội dung

Trống đồng Đông Sơn là nguồn tư liệu lịch sử quan trọng gắn với thời kỳ lịch sử cổ đại nước ta - thời kỳ Văn Lang - Âu Lạc. Dựa trên những hình khắc trên trống đồng Đông Sơn, kết hợp với các tư liệu lịch sử dân tộc học, luận án dựng lại những đường nét cơ bản diện mạo xã hội Văn Lang - Âu Lạc vào thời kỳ phát triển rực rỡ của văn hoá Đông Sơn. Đó là nền văn hoá nông nghiệp dùng cày, canh tác lúa nước, đã tạo ra sản phẩm thặng dư, giúp cho thủ công nghiệp, thương nghiệp nguyên thuỷ ra đời. Nền nghệ thuật Đông Sơn độc đáo, với kỹ thuật chạm khắc, đúc đồng. Cùng với nghệ thuật là tín ngưỡng thờ mặt trời, nhân thần, các động vật thiêng... Sự tiến bộ về kỹ thuật quân sự thúc đẩy chiến tranh phân hoá giàu nghèo. Thực trạng trên đây là điều kiện cho sự ra đời của nhà nước Văn Lang - Âu Lạc - một hình thái nhà nước phôi phai của phương thức sản xuất châu Á.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Những trống đồng Đông Sơn đã phát hiện ở Việt Nam (đồng tác giả). Viện Bảo tàng Lịch sử.
Trống Đông Sơn (tiếng Anh - đồng tác giả). Nxb Đông Sơn, Hồng Công.
Một số vấn đề lý luận văn hoá thời kỳ đổi mới (chủ biên).
Vấn đề bảo tồn và phát triển di sản văn hoá dân tộc (tác giả). Nxb Chính trị quốc gia.
Xã hội hoá và sự nghiệp phát triển văn hoá (đồng tác giả).
Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hoá ở nước ta (tác giả). Nxb Văn hoá Thông tin.
Đề tài khoa học:
Chính sách bảo tồn và phát triển di sản văn hoá dân tộc.
Đại cương lịch sử văn hoá Việt Nam (cấp Bộ).
Thể chế xã hội trong lĩnh vực văn hoá - văn nghệ ở nước ta (cấp Bộ).

Dự định khoa học

Biên soạn những vấn đề văn hoá trong lịch sử truyền thống Việt Nam.
Văn hoá học và xã hội học văn hoá.

Lời Tiến sĩ

Trước dòng xoáy ào ạt của xu thế toàn cầu hoá, văn hoá dân tộc càng phải chứng tỏ bản lĩnh vững vàng trong vai trò ổn định xã hội. Văn hoá không phải là thứ hoa lá trang trí cho cỗ máy công nghiệp khô khan, mà nó được coi như "chốt an toàn", như "chìa khoá", "động lực" của phát triển (UNESCO).



ĐẶNG NGỌC RIỆP

Tiến sĩ Tâm lý

Sinh ngày: 1 - 1 - 1943.
Quê quán: Đông Giang - Đông Hưng - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 197 Tây Sơn - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Lêningrát, Liên Xô cũ.
Cán bộ nghiên cứu Viện Khoa học giáo dục, Bộ Giáo dục.
Nghiên cứu sinh tại Viện Hàn lâm Khoa học giáo dục Liên Xô cũ.
Giám đốc Trung tâm Công nghệ giáo dục, Bộ Giáo dục - Đào tạo.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982
Tại Viện Tâm lý học đại cương và sư phạm, Viện Hàn lâm Khoa học giáo dục Liên Xô.
Chuyên ngành Tâm lý

Đề tài luận án

Những điều kiện tâm lý và sư phạm của việc hình thành hành động khái quát trên giờ lao động (kỹ thuật).

Nội dung

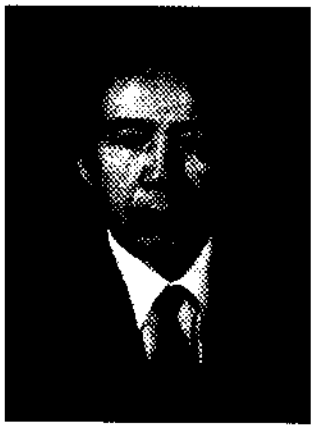
Hệ thống các quan điểm về quá trình khái quát hoá và hình thành khái niệm mà tâm lý học sư phạm và lý luận dạy học truyền thống đã sử dụng trong nhà trường. Luận án đã chỉ ra những điều kiện tâm lý và sư phạm hình thành hành động khái quát, phát triển tư duy lý luận ở học sinh. Khẳng định thêm phương pháp nghiên cứu tâm lý học có hiệu quả cao là phương pháp thực nghiệm hình thành. Phương pháp này nghiên cứu trẻ em không phải như là yếu tố đã có sẵn mà là yếu tố đang phát triển. Sự phát triển ấy không diễn ra ngẫu nhiên, mà diễn ra dưới sự tác động của nhà tâm lý, nhà sư phạm.

Thành tựu khoa học

Các công trình đã công bố:
Thực nghiệm hình thành trong giáo dục.
Công nghệ giáo dục một thành tựu mới, một hướng đi mới của khoa học giáo dục hiện đại.
Công nghệ giáo dục đi vào cuộc sống.
Từng bước chuyển giao công nghệ giáo dục vào các trường tiểu học trên phạm vi cả nước.
Chặng đường 10 năm thực nghiệm, chuyển giao công nghệ giáo dục tiểu học.
Sách đã xuất bản:
Tâm lý học. Nxb Giáo dục.
Chủ nhiệm và tham gia một số đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước.
Nhiều báo cáo khoa học, bài viết trên các tạp chí, kỷ yếu...

Dự định khoa học

Nghiên cứu tâm lý học trẻ em và sư phạm.



LÊ ĐÌNH ROANH

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 2 - 12 - 1941.
Quê quán: Mỹ Thành - Mỹ Lộc - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 30/308 Minh Khai - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Y Hà Nội.
Hiện là Phó trưởng bộ môn Giải phẫu bệnh (bệnh học) Trường Đại học Y Hà Nội.
Hội viên Hội Giải phẫu bệnh - Y pháp Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Karlov, Praha, Tiệp Khắc.
Chuyên ngành Giải phẫu bệnh và y pháp.

Đề tài luận án

Men Alpha naphtyl acetat esterase (ANAE) acid không đặc hiệu kháng E600 trong việc phát hiện lympho bào T.

Nội dung

Phản ứng ANAE (alpha rapthtyl acetat esterase) như một dấu ấn của lympho bào T đã được nghiên cứu, đánh giá. Khi ức chế phản ứng bằng E600 93,4% các lympho bào tạo hoa hồng với hồng cầu cừu dương tính với phản ứng trong khi chỉ có 12,9% các lympho bào không tạo hoa hồng dương tính.

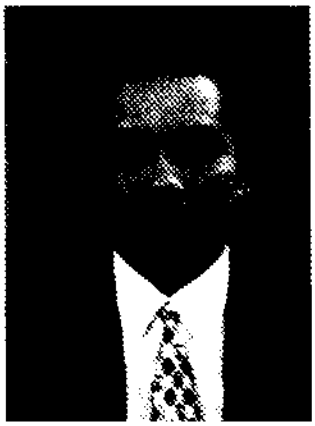
Phản ứng hoá mô miễn dịch của ANAE kháng E600 trên mô amiđan bình thường cho thấy các tế bào dương tính nằm ở vùng T. Trong trường hợp u lympho ác tính thể nang của tế bào B, phản ứng dương tính ở vùng ngoài nang. Theo kết quả đạt được ANAE kháng E600 thuộc loại esterase A và là dấu ấn rất đáng tin cậy của lympho bào T. Kỹ thuật đơn giản dễ áp dụng.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu mô hoá học men alpha naphtyl acetat esteraza axit trong việc xác định lympho T ở người.
Nghiên cứu hoá mô miễn dịch trong chẩn đoán các khối u ở người.
Nghiên cứu siêu cấu trúc các bệnh thận, ung thư vòm, ung thư vú.
Gần 10 đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp cơ sở đã nghiệm thu.
Tham gia một đề tài hợp tác quốc tế.
Trên 100 công trình đã công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước.
Hướng dẫn tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ.
Biên soạn một số sách giáo khoa, sách chuyên đề.
Tham gia biên soạn 7 sách giáo khoa và chuyên đề khác.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sức khoẻ nhân dân.
Nhà giáo ưu tú.
Phó Giáo sư.

Dự định khoa học

Nghiên cứu hoá mô miễn dịch (kỹ thuật sinh học phân tử hiện đại) để chẩn đoán, điều trị bệnh.



NGUYỄN MINH SANG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 11 - 1 - 1954.
Quê quán: Đức Hoà - Mộ Đức - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 504A/B6 Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Phó Văn phòng, Phó Trưởng ban Kinh tế Tỉnh uỷ Sông Bé.
Phó Vụ trưởng Văn phòng Chính phủ.
Hiện là Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế Địa phương và Lãnh thổ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Kinh tế - Tài chính.

Đề tài luận án

Xây dựng và cân đối ngân sách nhà nước cấp tỉnh trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Nội dung

Ngân sách nhà nước đổi mới phải thể hiện được việc xoá bao cấp trong thu, chi. Thông qua quan hệ thu - chi ngân sách phải phản ánh đầy đủ những chức năng đa diện của ngân sách trong tư cách vừa là công cụ động viên các nguồn lực, vừa là công cụ điều hành nền kinh tế quốc gia. Ngân sách nhà nước được xây dựng và quản lý theo nguyên tắc: thống nhất, tập trung dân chủ, theo luật pháp và kết hợp chặt chẽ với thị trường.
Hoàn thiện hệ thống ngân sách cấp tỉnh là hoàn thiện cơ cấu thu - chi và cân đối ngân sách. Hệ thống ngân sách nhà nước gồm: ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, thành phố (huyện là đơn vị dự toán của ngân sách cấp tỉnh) và ngân sách cơ sở (ngân sách xã và ngân sách đô thị). Ngân sách nhà nước phải được hoàn thiện các nguồn thu, hệ thống các khoản chi, loại bỏ các khoản chi không hợp lý, tập trung cho các khoản chi cần thiết để thúc đẩy nền kinh tế phát triển cân đối, hài hoà; Hoàn thiện đổi mới việc phân cấp ngân sách và mối quan hệ ngân sách giữa các cấp...

Thành tựu khoa học

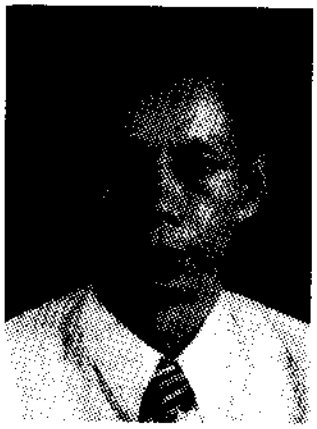
Nhiều bài viết về lãnh vực kinh tế đăng trên các tạp chí.

Dự định khoa học

Nghiên cứu hoàn thiện việc cân đối ngân sách nhà nước cấp tỉnh trong nền kinh tế thị trường ở nước ta.

Lời Tiến sĩ

Tương lai đất nước cần có những nhà khoa học giỏi về lĩnh vực tài chính, ngân sách.



HỒ TẤN SÁNG

Hoàng Phương
Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 1 - 6 - 1953.
Quê quán: Thanh Chương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Phường An Hải Bắc - Quận Sơn Trà - Thành phố Đà Nẵng.

Quá trình công tác

Cán bộ Trường Tuyên huấn Trung ương II - Đà Nẵng.
Cán bộ giảng dạy Trường Nguyễn Ái Quốc III - Đà Nẵng.
Nghiên cứu sinh tại Học viện Nguyễn Ái Quốc Hà Nội.
Trưởng khoa Chính trị học Phân viện Đà Nẵng - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991
Tại Học viện Nguyễn Ái Quốc - Hà Nội.
Ngành Triết.
Chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Đề tài luận án

Dân chủ hoá trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Nội dung

Phân tích diễn trình lịch sử, xác định ngoại diện và nội hàm của phạm trù dân chủ. Đặc điểm hình thành và thực trạng nền dân chủ ở nước ta, khẳng định tính tất yếu khách quan của quá trình dân chủ hoá đã, đang và sẽ tiếp tục diễn ra ở Việt Nam.
Dân chủ hoá để tạo lập nền dân chủ đích thực vì con người, vì nhân dân là giải pháp hữu hiệu để khơi dậy tiềm năng sáng tạo của mỗi con người và của toàn dân.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài cấp Bộ:
Vấn đề dân tộc ở Tây Nguyên và sự ổn định chính trị.
Những giá trị văn hoá Tây Nguyên với việc giữ vững ổn định chính trị ở Tây Nguyên hiện nay.
Ảnh hưởng của tôn giáo đối với việc giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội ở Tây Nguyên.
Ảnh hưởng của tôn giáo và hoạt động tôn giáo đối với đời sống văn hoá - tinh thần ở Tây Nguyên.
Đặc điểm xu hướng vận động của Phật giáo ở miền Trung và một số kiến nghị về chính sách đối với Phật giáo trong giai đoạn hiện nay.
Cấp Cơ sở:
Một số nhân tố ảnh hưởng đến sự ổn định chính trị - Khảo sát thực tế ở một số tỉnh miền Trung.
Động lực chính trị với tư cách là một phạm trù cơ bản của chính trị học.
Trên 40 công trình đã đăng trong sách, báo, tạp chí.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chính trị học.



NGUYỄN VĂN SÁNG

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 20 - 1 - 1943.
Quê quán: Đồng Tiến - Quỳnh Phụ - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 224c - nhà C5 - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ: Viện Khoa học tự nhiên, Uỷ ban Khoa học và Kỹ thuật nhà nước.
Trung tâm Nghiên cứu Khoa học tự nhiên - Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật nhà nước.
Viện Sinh vật học - Viện Khoa học Việt Nam.
Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật - Viện Khoa học Việt Nam, sau là Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Phó trưởng phòng Động vật - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.
Hội viên Hội động vật Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982
Tại Viện Sinh học - Viện Khoa học Việt Nam.
Ngành Động vật học.
Chuyên ngành Động vật có xương sống.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu khu hệ rắn miền Bắc Việt Nam (trừ họ rắn biển).

Nội dung

Nghiên cứu rắn miền Bắc Việt Nam (trừ họ rắn biển), gồm 89 loài, có 6 loài lần đầu tiên được bổ sung, thuộc 36 giống, 6 họ.
Cung cấp những dấu hiệu quý về sự phân bố của các loài rắn theo địa hình (đồng bằng, trung du và miền núi), theo 7 cảnh quan (ven biển ngập nước mặn và lợ; đồng ruộng; khu dân cư, gò đống vùng đồng bằng; khu dân cư, nương bãi vùng trung du và vùng núi; rừng thứ sinh; rừng nguyên sinh); theo nơi sống (nước, đất khô ẩm, vừa ở nước vừa ở cạn, trên mặt đất, vừa trên mặt đất vừa trên cây, trên cây); theo các nhóm hoạt động (chủ yếu ngày, chủ yếu đêm, cả ngày và đêm); đặc tính địa động vật học của khu hệ rắn miền Bắc Việt Nam.
Xây dựng khoá định tên các giống, loài và mô tả 89 loài rắn là cơ sở góp phần cho quá trình viết động vật chí (phần rắn) sau này.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Động vật kinh tế tỉnh Hoà Bình - Ban Khoa học kỹ thuật Hoà Bình.
Đời sống ếch nhái.
Kết quả điều tra cơ bản bò sát, ếch nhái miền Bắc Việt Nam, trong sách *"Kết quả điều tra cơ bản động vật miền Bắc Việt Nam (1955-1975)".*
Sách Đỏ Việt Nam (phần bò sát, ếch nhái).
Danh lục bò sát và ếch nhái Việt Nam - Nxb Khoa học và kỹ thuật.
Bảo vệ và phát triển lâu bền nguồn tài nguyên Động vật rừng Việt Nam - Nxb Giáo dục.
Nhận dạng động vật hoang dã bị buôn bán - Nxb Nông nghiệp.
Trên 40 công trình in trong tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước, kỷ yếu hội nghị chuyên đề.

Dự định khoa học

Nghiên cứu rắn và loài bò sát ếch nhái.
Tham gia viết sách về khu hệ bò sát và ếch nhái Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Tài nguyên động vật ở nước ta đang cạn kiệt, Nhà nước cần xây dựng một bảo tàng tự nhiên về động vật trong đó có loài bò sát và ếch nhái.



PHẠM QUANG SÁNG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 21 - 3 - 1952.
Quê quán: Nam Hưng - Tiền Hải - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: D4/17 - Thanh Xuân Bắc - Hà Nội

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế Kế hoạch.
Cán bộ giảng dạy khoa Kinh tế, Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng.
Phó trưởng phòng Tổng hợp.
Phụ trách Ban Nghiên cứu Phát triển hệ thống giáo dục quốc dân.
Hiện là Trưởng phòng Tổ chức - Quản trị - Tài vụ, Viện Nghiên cứu Phát triển giáo dục.
Hội viên Hội Giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Kinh tế và tổ chức lao động.

Đề tài luận án

Đổi mới đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn lao động có trình độ cao đẳng và đại học nhằm phát triển thị trường lao động Việt Nam.

Nội dung

Mối quan hệ giữa đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nguồn lao động có trình độ cao đẳng và đại học với cung - cầu của thị trường lao động chất xám, trong kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.
Thực trạng đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo lại, sử dụng, các chính sách tuyển dụng lao động có trình độ cao đẳng và đại học và rút ra những tồn tại.
Để tác động mạnh vào cung lao động có trình độ đại học và cao đẳng, luận án đã giải quyết 3 vấn đề:
Tốc độ phát triển và cơ cấu người nghề đào tạo.
Chất lượng đầu ra của các quá trình đào tạo và bồi dưỡng.
Các chính sách sử dụng không được gây ảnh hưởng xấu đến sự phân bổ có hiệu quả của thị trường lao động.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài cấp Bộ:
Đổi mới cơ chế kế hoạch hoá đào tạo lao động kỹ thuật trong điều kiện nền kinh tế chuyển đổi ở Việt Nam.
Cơ sở lý luận và thực tiễn của các chính sách phát triển trường lớp dân lập, tư thục trong giáo dục đại học và dạy nghề Việt Nam.
Hiện trạng và giải pháp phân cấp trong quản lý tài chính cho các trường đại học công lập ở Việt Nam.
Thực trạng và đề xuất về cơ chế giám sát của Nhà nước đối với các trường đại học dân lập ở Việt Nam.
Sách đã xuất bản:
Đồng tác giả:
Higher Education in Vietnam - Change and response; Singapore.
Những vấn đề chiến lược phát triển giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá - Nxb Giáo dục.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí.
Huy chương chiến sỹ vẻ vang,
Huy chương Kháng chiến hạng nhì.

Dự định khoa học

Nghiên cứu kinh tế và tài chính của giáo dục.



DƯƠNG VĂN SAO

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 6 - 5 - 1953.
Quê quán: Tiên Hưng - Lục Nam - Bắc Giang.
Chỗ ở hiện nay: 8 ngõ 169 Tây Sơn - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Trưởng khoa Lý luận và nghiệp vụ công đoàn - Trường Đại học Công đoàn.
Hiện là Viện trưởng Viện Công nhân và Công đoàn, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989
Tại Trường Công đoàn Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Kinh tế lao động.

Đề tài luận án

Hoàn thiện các phương pháp kế hoạch hoá tiền lương trong các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam.

Nội dung

Ý nghĩa kinh tế - xã hội của công tác kế hoạch hoá tiền lương trong điều kiện chủ nghĩa xã hội, phân tích, đánh giá thực trạng công tác kế hoạch hoá tiền lương trong các doanh nghiệp công nghiệp ở Việt Nam. Đề xuất các phương hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế hoạch hoá tiền lương trong các doanh nghiệp công nghiệp ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài:
Xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ trong công nhân.
Các giải pháp thực hiện quy chế dân chủ trong doanh nghiệp nhà nước và vai trò công đoàn.
Dự báo xu hướng biến động giai cấp công nhân trong những năm đầu thế kỷ XXI...
Tham gia biên soạn:
Giáo trình lý luận và nghiệp vụ công đoàn Trường Đại học Công đoàn.
Tài liệu tập huấn cán bộ công đoàn cơ sở.
Tài liệu đào tạo chủ tịch công đoàn cơ sở (chủ biên).
Nhiều bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí chuyên ngành và một số sách (nhiều tác giả).

Dự định khoa học

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về công nhân, công đoàn trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.



NGUYỄN VĂN SÁU

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 21 - 11 - 1942
Quê quán: Đồng Nguyên - Từ Sơn - Bắc Ninh
Chỗ ở hiện nay: K2, Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

Quá trình công tác

Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc.
Phó Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Bí thư Đảng uỷ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Bí thư Đảng uỷ Khối Tư tưởng Văn hoá Trung ương.
Hội viên Hội Kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Quản lý kinh tế.

Đề tài luận án

Phát huy nhân tố con người trong đổi mới quản lý kinh tế.

Nội dung

Trong quản lý kinh tế, nhân tố con người ngày càng được đề cao. Ở nước ta, việc phát huy nhân tố con người, giải phóng sức sáng tạo của con người đã được Đảng ta ngày một quan tâm. Con người đã trở thành trung tâm chiến lược trong quản lý kinh tế.
Quản lý kinh tế suy đến cùng là quản lý con người. Luận án đã đề cập các giải pháp nhằm phát huy nhân tố con người như: xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, đổi mới chính sách lao động và thu nhập, phát huy tính chủ động sáng tạo của người lao động v.v...

Thành tựu khoa học

Đã xuất bản một số đầu sách.
Trên 60 bài đăng trên các báo, tạp chí.
Chủ nhiệm một số đề tài khoa học cấp Bộ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu kinh tế và con người.



TRỊNH SÂM

Trịnh Hoàng Mai

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 5 - 5 - 1955.
Quê quán: Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 92/B4 Hùng Vương - Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Sinh viên Trường Đại học Văn khoa Sài Gòn.
Tốt nghiệp Trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
Cán bộ giảng dạy Ngôn ngữ học, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn.
Chủ nhiệm bộ môn Ngôn ngữ học.
Phó Trưởng khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
Phó Tổng thư ký Hội Ngôn ngữ thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Ngữ văn (Ngôn ngữ học).

Đề tài luận án

Tiêu đề văn bản tiếng Việt và sự phát triển của nó từ 1865 đến nay (1994).

Nội dung

Tiêu đề và tiêu đề văn bản, miêu tả và phân loại hệ thống tiêu đề nói chung, khảo sát tiêu đề văn bản trên bình diện lý thuyết.
Cấu trúc - chức năng của tiêu đề văn bản, tiếp cận đối tượng từ hai góc độ: một yếu tố của một chỉnh thể tĩnh tại; một yếu tố của một chỉnh thể trong quá trình giao tiếp.
Những điều kiện để thiết lập một tiêu đề văn bản đúng và hay, xác lập các tiêu chí thẩm mỹ của tiêu đề văn bản trong các phong cách chức năng.
Tổng quan về đặc điểm phát triển của tiêu đề văn bản từ 1865 đến 1994, tiếp cận lịch đại về tiêu đề văn bản thông qua 5 giai đoạn cụ thể, mỗi giai đoạn đều xác lập đặc điểm về cấu trúc - chức năng của từng tiểu hệ thống lịch đại, so sánh và tìm ra những quy luật phát triển.

Thành tựu khoa học

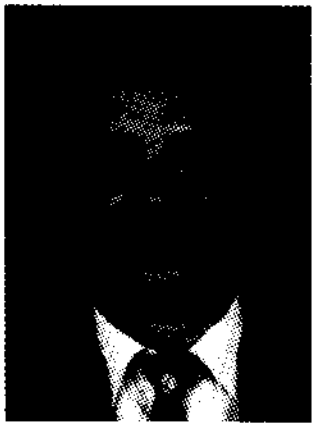
Sách đã xuất bản:
Ngữ pháp văn bản - Hỏi đáp (viết chung) - Trường Cao đẳng Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
Dạy và học tiếng Việt lớp 9 (viết chung) - Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
Tiếng Việt thực hành và kỹ thuật soạn thảo văn bản (viết chung), Trường Đại học dân lập Kỹ thuật Công nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.
Tiêu đề văn bản tiếng Việt, Nxb Giáo dục.
Đi tìm bản sắc của tiếng Việt, Nxb Trẻ.
Đã in gần 30 bài nghiên cứu (3 bài ở nước ngoài).

Dự định khoa học

Hoàn tất công trình ngữ pháp văn bản trên cứ liệu tiếng Việt, tìm hiểu bản sắc của tiếng Việt qua ngộn ngữ của văn học dân gian.

Lời Tiến sĩ

Quê hương, đất nước đã rèn luyện cho tôi đức tính cần cù, ngôn ngữ học đã cho tôi phương pháp làm việc khoa học.



TRỊNH XUÂN SÉN

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 3 - 1 - 1935
Quê quán: Yên Phong - Yên Định - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 46 Thợ Nhuộm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Hoá Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Hoá lý, khoa Hoá, Trường Đại học Khoa học tự nhiên Hà Nội.
Hội viên Hội Hoá học Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Ăn mòn và bảo vệ kim loại Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1976
Tại Trường Đại học Hoá kỹ thuật Praha, Tiệp Khắc cũ.
Ngành Hoá lý kim loại.

Đề tài luận án

Nghiên cứu động học điện hoá của phản ứng ôxi hoá khử hệ Ferroferricyanua trên các kim loại thụ động.

Nội dung

Bằng phương pháp đo điện trở phân cực và đo đường cong phân cực nghiên cứu động học điện hoá của phản ứng oxi hoá khử ferroferricyanua trong dung dịch 0,1M NaOH trên các điện cực thụ động của các kim loại và hợp kim:
Pt, Ni, Cr, Fe và các hợp kim của sắt...
Xác định được các thông số điện hoá: dòng trao đổi i_0, các hệ số chuyển x và β của hệ oxi hoá khử nghiên cứu trên các loại điện cực đã nêu trên.
Có thể dùng giá trị dòng i_0 để đánh giá khả năng trao đổi electron của màng thụ động, đánh giá hoạt tính xúc tác của vật liệu. Khẳng định các màng thụ động của hợp kim FeC1, FeNiC1 có khả năng trao đổi electron cao hơn màng thụ động của sắt tinh khiết.

Thành tựu khoa học

Đề tài cấp Nhà nước:
Nghiên cứu áp dụng biện pháp nâng cao độ bền chống ăn mòn, mài mòn kim loại do môi trường gây ra.
Nâng cao hiệu quả bảo vệ kim loại và góp phần bảo vệ môi trường trong quá trình mạ đồng với sự có mặt của các chất phụ gia.
Quan hệ hoạt tính xúc tác và tính chất điện hoá của điện cực.
Chất tạo chất ức chế chống ăn mòn kim loại cho quá trình tẩy rửa và nước làm mát của hệ thống làm mát của máy diezel GM2100.
Nghiên cứu hoạt tính xúc tác điện hoá của các điện cực oxit kim loại.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục và đào tạo.
Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
Sách đã xuất bản:
Điện hoá học

Dự định khoa học

Nghiên cứu chống ăn mòn kim loại trong xây dựng và khai thác dầu khí.



LÊ XUÂN SINH

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 10 - 11 - 1964
Quê quán: Định Tân - Thiện Yên - Thanh Hoá
Chỗ ở hiện nay: 7 ngách 40/18 Tô Vĩnh Diện - Thanh Xuân - Hà Nội

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu.
Tốt nghiệp đại học và nghiên cứu sinh Học viện Lao động và các quan hệ xã hội Mátxcơva, Liên bang Nga.
Hiện là giảng viên Trường Đại học Công đoàn Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000
Tại Học viện Lao động và các quan hệ xã hội Cộng hoà liên bang Nga.
Ngành Kinh tế lao động.

Đề tài luận án

Vấn đề thất nghiệp trong thời kỳ chuyển đổi sang quan hệ thị trường ở Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu một cách có hệ thống các vấn đề liên quan đến thất nghiệp. Phân tích các điều kiện và đặc điểm hình thành thị trường lao động, thực trạng và diễn biến việc làm, thất nghiệp ở Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi sang kinh tế thị trường những năm 90, làm rõ những nguyên nhân và yếu tố ảnh hưởng đến việc làm và tỉ lệ thất nghiệp.
Đề xuất và xây dựng các giải pháp nhằm tạo công ăn, việc làm cho người lao động, kìm chế và giảm thiểu tỉ lệ thất nghiệp, chú trọng các giải pháp hoàn thiện chính sách việc làm; thuế; chính sách đầu tư mở rộng và phát triển sản xuất, tạo việc làm; hoàn thiện cơ chế quản lý lao động; mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, xúc tiến các hoạt động dịch vụ việc làm v.v...

Dự định khoa học

Nghiên cứu lĩnh vực sử dụng và phát triển nguồn nhân lực, phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Lời Tiến sĩ

Trí tuệ và tiềm năng con người là vô tận. Nếu biết khai thác và sử dụng hợp lý nó sẽ trở thành tài sản vô giá của mỗi con người và mỗi quốc gia.



NGUYỄN MỘNG SINH

Mộng Sinh

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 15 - 4 - 1939
Quê quán: Cam Mỹ - Cam Lộ - Quảng Trị
Chỗ ở hiện nay: 29/8 Yersin - Đà Lạt - Lâm Đồng

Quá trình công tác

Cán bộ Uỷ ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước.
Viện Vật lý, Viện Khoa học Việt Nam.
Cộng tác viên khoa học tại Viện Liên hợp Nghiên cứu hạt nhân Đúpna Liên Xô cũ.
Trưởng phòng Hoá phóng xạ.
Phó Viện trưởng.
Giám đốc Trung tâm Phân tích và Nghiên cứu môi trường.
Trưởng ban Quản lý công trình Viện Nghiên cứu hạt nhân.
Ban Quản lý công trình tổng kiểm tra, đại tu các hệ công nghệ lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt.
Uỷ viên Hội đồng Khoa học và Công nghệ Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam.
Chủ tịch Hội đồng Khoa học Công nghệ Viện Nghiên cứu hạt nhân.
Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng.
Uỷ viên Ban Thường vụ Hội Khoa học kỹ thuật phân tích Lý - Hoá - Sinh Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1968
Tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Kiep - Ucraina - Liên Xô cũ.
Ngành Hoá học

Đề tài luận án

Ứng dụng Safranin I trong phân tích.

Nội dung

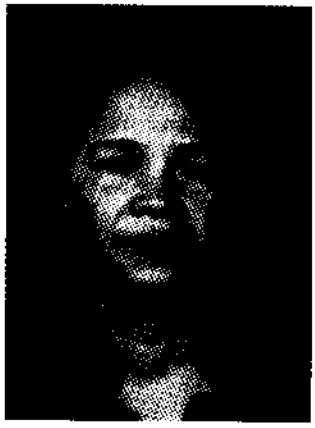
Nghiên cứu tương tác của một trong các thuốc nhuộm hữu cơ có tính bazơ của nhóm Azin với các anion phức khác nhau của các kim loại như ReO4-, SbCl6-, TlBr4-, AuCl4... Dùng phương pháp hoá lượng tử MOLCAD (phương pháp quỹ đạo phân tử là tổ hợp tuyến tính của các quỹ đạo nguyên tử) để tính toán mật độ π-electron của một loạt thuốc nhuộm hữu cơ (trong đó có Safranin I) từ đó luận giải về các đầu mối tương tác kết hợp của các phân tử thuốc nhuộm hữu cơ có tính bazơ với các anion phức của kim loại. Thông thường các đầu mối tương tác là các nguyên tử nơi có độ tập trung mật độ điện tích dương lớn nhất trong phân tử.
Đã tiến hành nghiên cứu một cách toàn diện các tính chất của Safranin I trong dung dịch có môi trường khác nhau, nghiên cứu sự chiết các phức bậc ba bởi các dung môi khác nhau, đặc biệt dùng chỉ thị phóng xạ để xác định các quy luật phân bố đặc trưng trong chiết phức bậc ba.
Xây dựng một số phương pháp chiết trắc quang để xác định Rhenium trong quặng Molipdenit; antimeăng trong thép và xác định Thalium trong hỗn hợp với Gallium và Indium.

Thành tựu khoa học

Đồng tác giả các công trình:
Nghiên cứu các phản ứng hạt nhân dưới tác dụng của các ion được gia tốc của Germani, Kripton, Xenon sử dụng trong tổng hợp các nguyên tố siêu nặng (giải thưởng khoa học của Viện Liên hợp Nghiên cứu hạt nhân Đúpna 1973).
Khôi phục, mở rộng, đưa vào vận hành lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt (1977 - 1984).
Xây dựng các phương pháp phân tích hạt nhân.
Điều chế đồng vị phóng xạ và hợp chất đánh dấu.
Nghiên cứu tác dụng bức xạ ion hoá lên các hệ hoá học và vật liệu.
Xây dựng trung tâm phân tích bên cạnh lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt.
Nghiên cứu xử lý bã thải phóng xạ.
Nghiên cứu nâng cao tính chọn lọc và khả năng sử dụng các phương pháp phân tích hạt nhân.
Quy hoạch các cơ quan R&D hỗ trợ cho chương trình phát triển năng lượng hạt nhân (cấp Nhà nước).
Ứng dụng các phương pháp phân tích hạt nhân để nghiên cứu ô nhiễm chất thải (hợp tác quốc tế).
Nghiên cứu sự thâm nhập và hàm lượng một số nguyên tố có ý nghĩa quan trọng đối với bảo vệ phóng xạ trong cơ thể người (hợp tác quốc tế).
Văn hoá an toàn hạt nhân trong hoạt động khai thác ứng dụng kỹ thuật hạt nhân.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu áp dụng khoa học hạt nhân vào mục đích hoà bình tạo nguồn điện nguyên tử cho đất nước.



NGUYỄN THỊ SINH

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 4 - 3 - 1947.
Quê quán
Quảng Hưng - Quảng Điền - Thừa Thiên - Huế.
Chỗ ở hiện nay
2E2 Văn Chương - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Dược Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy bộ môn Thực vật, Trường Đại học Dược Hà Nội.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Dược Hà Nội.
Giảng viên chính.
Phó trưởng bộ môn Thực vật Trường Đại học Dược Hà Nội.
Hội viên Hội Dược học, Dược học cổ truyền, Dược liệu Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987
Tại Trường Đại học Dược Hà Nội.
Chuyên ngành Dược liệu

Đề tài luận án

Nghiên cứu hệ vi nấm đặc trưng trên dược liệu ở kho.

Nội dung

Lựa chọn 10 dược liệu thường dùng tại kho dược liệu trung ương, phân lập, xác định thường kỳ và thu được hệ vi nấm đặc trưng.

Theo dõi điều kiện nhiệt độ, độ ẩm ở kho để xác định chu trình phát triển của hệ vi nấm.
Xây dựng phòng vi khí hậu theo dõi độ ẩm, xây dựng điều kiện bảo quản dược liệu.
Xác định hệ men ngoại bào của hệ vi nấm, lựa chọn được các chủng có hệ men amylaza, xenluloza và proteaza cao.
Phân loại học chi nấm Aspergillus bằng phương pháp toán phân loại, công bố được hơn 10 loài vi nấm mới cho hệ vi nấm ở Việt Nam và mô tả một loài vi nấm mới.

Thành tựu khoa học

Hướng dẫn thạc sĩ, dược sỹ cao cấp và nhiều sinh viên tốt nghiệp.
Tham gia và chủ trì một số đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ.
Đồng tác giả sách:
Lý thuyết thực vật,
Thực tập thực vật,
Một số bài giảng cao học...
Huy chương kháng chiến hạng nhì
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sức khoẻ của nhân dân.
Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ...

Dự định khoa học

Nghiên cứu sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước làm thuốc kháng nấm bệnh.



PHẠM XUÂN SINH

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 1 - 7 - 1942.
Quê quán: Bình Minh - Kiến Xương - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Trường Đại học Dược - 17A Thọ Lão - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy môn Y dược học cổ truyền Trường Đại học Dược Hà Nội.
Hiện là Trưởng bộ môn Dược học cổ truyền Trường Đại học Dược Hà Nội.
Hội viên Hội Đông y.
Hội Dược học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988.
Tại Trường Đại học Dược Hà Nội.
Chuyên ngành Dược liệu và dược học cổ truyền.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu những cây thuốc trong chi Xương bồ (Acorus L.) ở một số tỉnh phía Bắc Việt Nam.

Nội dung

Phát hiện thạch xương bồ mới ở Thái Nguyên (Acorus gramineus var. Variegatus Hort).
Xác định tên thứ cho thạch xương bồ lá to: Acorus Gramineus Soland var. macrospa diceus cho thuỷ xương bồ Việt Nam Acorus calamus L. var. Angustatus Bess.
Định lượng và xác định thành phần tinh dầu của xương bồ.
Xác định LD_{50} cao cồn thuỷ xương bồ 7,8g/kg (chuột), nước sắc 135 g/kg (chuột). Độc tính bán cấp cao cồn thuỷ xương bồ 1,5 g/kg (chuột). Với liều 0,1 ml/kg tinh dầu, làm giảm hoạt động tự phát của chuột, đối lập với chất amphetamin, tác động hiệp đồng với thuốc ngủ hexobarbital. Dạng cao cồn của thuỷ xương bồ làm giảm nhịp tim ếch với thời gian lâu nhất, còn cao cồn làm giảm nhanh, song hồi phục cũng nhanh.

Đề tài khoa học

Nghiên cứu vị thuốc và bài thuốc y học cổ truyền chữa bệnh viêm phế quản mạn tính.
Nghiên cứu phương thuốc tam tử thang.
Nghiên cứu quy trình chế biến: trạch tả, mẫu đơn bì, táo nhục, đẳng sâm, ba kích...
Khoảng 60 bài đã công bố trên các tạp chí ngành góp phần xây dựng sách giáo khoa dược học cổ truyền.
Sách đã xuất bản:
Phương pháp chế biến thuốc cổ truyền.
Dược học cổ truyền.
Thuốc cổ truyền phòng trị bệnh tăng huyết áp.
Nxb Y học.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sức khoẻ nhân dân.
Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.
Nhà giáo ưu tú (2000).

Dự định khoa học

Nghiên cứu và viết sách về dược học cổ truyền.

Lời Tiến sĩ

Y học cổ truyền Việt Nam có truyền thống lâu đời và là một bộ phận của văn hóa Việt Nam nhất là dược học cổ truyền.



NGUYỄN VĂN SIÊM

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 11 - 12 - 1934.
Quê quán: Khánh Hà - Thường Tín - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 42 tổ 3 phường Phúc Tân - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Liên tục công tác tại Bệnh viện Tâm thần Trung ương (thầy thuốc điều trị, phụ trách các khoa Lâm sàng và phòng Đào tạo chỉ đạo chuyên khoa).
Hiện là Chủ tịch Hội đồng Khoa học Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý trẻ em.
Hội viên Hội Tâm thần học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Tâm thần học

Đề tài luận án

Nghiên cứu dịch tễ lâm sàng bệnh tâm thần phân liệt tại cộng đồng.

Nội dung

CIDI là công cụ nghiên cứu dịch tễ học rối loạn tâm thần mới nhất của Tổ chức Y tế thế giới (1989) nhưng rất khó áp dụng ở các nước đang phát triển.
Từ năm 1992, sau khi nghiên cứu công cụ này, tác giả đã chọn lọc các phần tích cực, bổ sung các nhược điểm, kết hợp với kinh nghiệm điều tra dịch tễ học các rối loạn tâm thần thiết kế thành hai công cụ để "điều tra sàng lọc" và "điều tra chuyên khoa" từng bệnh tâm thần.
Lần đầu ở Việt Nam, có một nghiên cứu dịch tễ học bệnh tâm thần phân liệt được tiến hành với phương pháp khoa học ở thành thị, nông thôn đồng bằng sông Hồng, trung du miền núi), dân số 23758 người.
Có 131 bệnh nhân tâm thần phân liệt được phát hiện và đưa vào phân tích thống kê.
Luận án đã đưa ra các chỉ số dịch tễ học về bệnh tâm thần phân liệt, phân tích sâu các nhân tố nguy cơ, sự thuyên giảm và tái phát (các tỉ lệ, các nhân tố ảnh hưởng); phân tích sự tiến triển và tiên lượng (các tỉ lệ, các nhân tố dự báo, các nhân tố ảnh hưởng).
Phương pháp trên đã áp dụng trong "Dự án nghiên cứu dịch tễ học các rối loạn tâm thần" được ngành tâm thần triển khai ở hầu hết các tỉnh thành trong nước.

Thành tựu khoa học

Các công trình khoa học đã nghiệm thu:
Loạn thần ở trẻ em và thanh thiếu niên thuộc đề tài "Bước đầu nhận dạng và phân loại những biểu hiện tâm bệnh lý thường gặp 1996 ở trẻ em Việt Nam trong giai đoạn hiện nay" (tham gia).
Nghiên cứu dịch tễ lâm sàng các rối loạn trầm cảm tại một số quần thể ở cộng đồng (đề tài nhánh cấp Nhà nước).
Nghiên cứu dịch tễ lâm sàng các rối loạn trầm cảm tại xã Quất Động thuộc vùng đồng bằng sông Hồng (cấp Bộ).
Điều trị bệnh nhân trầm cảm nặng và trung bình không có triệu chứng loạn thần bằng Tianeptine trong thời gian hai tháng (hợp tác quốc tế).
Trên 70 bài báo và báo cáo khoa học đã công bố.
Tham gia đào tạo bác sĩ chuyên khoa tâm thần.
Tham gia hướng dẫn luận văn và chấm thi sau đại học.
Tham dự một số hội nghị khoa học quốc tế.
Dịch một số sách tâm thần học.
Tham gia viết:
Bách khoa thư bệnh học.
Sổ tay thầy thuốc thực hành Nxb Y học.
Từ điển tâm lý lâm sàng (Pháp - Anh - Việt, Nxb Thế giới).
Từ điển tâm thần học và tâm lý y học - Nxb Từ điển Bách khoa.
Thầy thuốc ưu tú 1998.

Dự định khoa học

Nghiên cứu dịch tễ học rối loạn trầm cảm, đề xuất mô hình quản lý rối loạn trầm cảm tại cộng đồng.
Nghiên cứu tâm bệnh lý trẻ em về các rối loạn hành vi, các rối loạn tâm thể, các rối loạn khác do căn nguyên tâm lý và xã hội.



MÔNG KÝ SLAY

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 3 - 4 - 1951
Quê quán: Hoàng Việt - Văn Lãng - Lạng Sơn
Chỗ ở hiện nay
16, D4 Hoàng Mai - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Sở Giáo dục Việt Bắc.
Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc.
Viện Khoa học giáo dục.
Hiện là Phó giám đốc Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc, Viện Khoa học giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Hội viên Hội Văn hoá Nghệ thuật các Dân tộc thiểu số.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Viện Ngôn ngữ - Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn.
Chuyên ngành Ngữ văn

Đề tài luận án

Khảo sát các đặc điểm ngữ văn Nùng trên tư liệu Nùng Cháo.

Nội dung

Trong kết cấu âm tiết tiếng Nùng, phần khởi âm được xem là bắt buộc. Trên cơ sở khu biệt theo các nét: nguyên âm tính/ phụ âm tính/ phi âm tiết tính, phụ âm tiếng Nùng được xác lập bởi hai tiểu hệ khởi âm đơn và kép. Chúng có sự trùng hợp khá cân đối về bộ vị cấu âm. Một số cụm khởi âm chỉ xuất hiện trong các hình tiết đã mờ nghĩa hoặc vô nghĩa bao giờ cũng tồn tại hai dạng ngữ âm của cùng một từ...
Vần được coi như một phần của nguyên khối âm tiết, bao giờ cũng có lối kết, dù đó là lối kết nguyên âm tính. Hệ thống nguyên âm tiếng Nùng khá cân đối và được khu biệt với ba dòng theo hình tam giác ngược, còn bảo lưu được hệ thống đối lập nguyên âm ngắn - dài trên cả ba cực (ii/i-uu/u-aa/a).
Thanh điệu tiếng Nùng với tư cách là một thành tố siêu đoạn, được phân xuất âm vị học và kiểm tra trên máy cho ta 6 thanh vị cùng những biến thể của nó với một chùm tiêu chí khu biệt gồm độ cao, đường nét và sinh âm. Sự tồn tại 4 thanh trong các âm tiết khép tiếng Nùng lần đầu tiên được khẳng định.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Chủ biên:
Bộ sách giáo khoa *Tiếng Việt* (lớp 1 đến lớp 5) cho học sinh dân tộc - Nxb Giáo dục.
Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học ở vùng dân tộc - Nxb Đại học Quốc gia.
Tiếng Việt 1 Jrai - Việt, Dự án Giáo dục tiểu học.
Một số bài đã công bố trên các sách, tạp chí:
Chữ Tày Nùng với học sinh dân tộc Nùng.
Đại từ nhân xưng tiếng Nùng.
La langue Nùng et l' Écriture Tày - Nùng.
Thử tìm giải pháp giáo dục song ngữ trong trường tiểu học vùng dân tộc.
Vài nhận xét về song ngữ với giáo dục song ngữ ở vùng dân tộc.
Ngôn ngữ trẻ thơ qua đồng dao Nùng.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tiếng Nùng và văn hoá Nùng.
Biên soạn chương trình, sách giáo khoa dạy tiếng Việt và tiếng dân tộc cho học sinh dân tộc thiểu số.



PHẠM QUÝ SOẠN

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 6 - 11 - 1931.
Quê quán: Cẩm Chế - Thanh Hà - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: 18, ngõ 44 Võ Thị Sáu - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Viện Vệ sinh dịch tễ học Hà Nội.
Chuyên gia y tế tại Lào.
Quyền trưởng phòng chỉ đạo chuyên khoa Viện Y học lao động - Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Y khoa Luanda - Ăngôla.
Cán bộ nghiên cứu Viện Y học lao động.
Hội viên Hội Vệ sinh dịch tễ học.
Hội Sinh lý học - Việt Nam.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984.
Tại Viện Vệ sinh dịch tễ học Hà Nội.
Ngành Y Dược.

Đề tài luận án

Thăng bằng nước - muối NaCl của công nhân lao động ở điều kiện vi khí hậu nóng và những dấu hiệu phát hiện sớm rối loạn.

Nội dung

Nghiên cứu điều kiện vi khí hậu nóng tại nơi làm việc của một số công nhân và nông dân.
Theo dõi sự biến đổi của các chỉ tiêu sinh lý: cân nặng, tần số nhịp tim, nhiệt độ cơ thể, nhiệt độ da, lượng mồ hôi, nước tiểu, nước uống, thức ăn trong lao động và ngoài lao động.
Phân tích hàm lượng NaCl trong mồ hôi, nước tiểu, khẩu phần ăn.
Kết quả nghiên cứu có thể giúp phát hiện sớm các rối loạn chuyển hoá nước - muối NaCl để có biện pháp bổ sung kịp thời bằng cách theo dõi lượng nước tiểu trong 8 giờ lao động có ít hơn 200ml.

Thành tựu khoa học

Luận văn chuyên khoa cấp II:
Tiêu hao năng lượng của các thao tác lao động ở công nhân một số ngành, nghề luyện gang thép, đúc gang, thăm dò dầu khí, lái xe vận tải, làm muối, dệt, may và nông dân.
Được Bộ Lao động sử dụng để phân loại lao động các ngành nghề, tiêu chuẩn tuyển chọn người lao động và có chế độ bồi dưỡng thích hợp.
Tham gia nghiên cứu đo các chỉ số ecgonômi của người lao động Việt Nam để tổ chức nơi làm việc và thiết kế công cụ, thiết bị phù hợp với cỡ người Việt Nam.



NGUYỄN NGỌC SONG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 23 - 4 - 1963.
Quê quán: Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Học viện Hậu cần - Gia Lâm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội
Giáo viên khoa Kế toán - Trường Sỹ quan Tài chính - Học viện Hậu cần.
Kế toán trưởng Trường Đại học Ngoại thương.
Thành viên Câu lạc bộ Kế toán trưởng Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Trường Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Kế toán - Tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế.

Đề tài luận án

Hoàn thiện công tác kế toán trong các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài áp dụng chế độ kế toán Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về liên doanh với nước ngoài và công tác kế toán ở xí nghiệp liên doanh.

Phân tích tính tất yếu của đầu tư quốc tế, vai trò, tác dụng và đặc điểm của đầu tư quốc tế hiện nay.
Tổng quan về bối cảnh kinh tế của nước ta, cơ chế quản lý tài chính ở xí nghiệp liên doanh với nước ngoài.
Thực trạng về đầu tư nước ngoài và công tác kế toán ở xí nghiệp liên doanh tại Việt Nam.
Hoàn thiện công tác kế toán ở các xí nghiệp liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài.
Những yêu cầu cơ bản xây dựng và hoàn thiện công tác kế toán.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về quản lý tài chính - kế toán đối với các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vốn ra nước ngoài.



LÊ VĂN SƠ

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 15 - 7 - 1951.
Quê quán: Liên Thuỷ - Lệ Thuỷ - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: 14 Sương Nguyệt Ánh - Thành phố Đà Lạt - Lâm Đồng

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học và cao học tại Trường Đại học Veszprém, Hungari.
Làm việc tại Viện Nghiên cứu Hạt nhân (Đà Lạt).
Nghiên cứu sinh tại Viện Đồng vị, Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.
Trưởng phòng Đồng vị phóng xạ.
Thành viên Hội đồng Khoa học công nghệ - Viện Nghiên cứu Hạt nhân.
Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985
Tại Viện Đồng vị, Viện Hàn lâm Khoa học Hungari.
Ngành Hoá học.
Chuyên ngành Hoá hạt nhân.

Đề tài luận án

Nghiên cứu điều chế và tính chất, khả năng ứng dụng của các chất trao đổi ion vô cơ Ammonium-Molybdophotphat, Mangan-dioxide và Zirconium-photphat dạng tinh thể trên nền matrix silicagel.

Nội dung

Nghiên cứu qui trình công nghệ tổng hợp các chất trao đổi ion vô cơ dạng tinh thể Zirconium-photphat, Ammonium-Molybdiphotphat và Mangan-dioxide được cấy ghép trên nền matrix silicagel để tạo nên kích thước hạt đủ lớn để có thể ứng dụng để nhồi cột sắc ký sử dụng vào mục đích tách ly hoá phóng xạ nói riêng và tách ly hoá học nói chung.
Các công thức thành phần, cấu tạo, cấu trúc tinh thể, diện tích bề mặt riêng, tính chất hấp thụ và trao đổi ion, dung lượng trao đổi ion, độ bền cơ học, độ bền hoá học, các tính chất hoá lý khác của các chất trao đổi ion đã được nghiên cứu chi tiết tạo cơ sở dữ liệu cho việc ứng dụng tách ly hoá phóng xạ.
Ứng dụng chất Si-ZrP-50-180 để chế tạo máy phát đồng vị ^{99m}Tc sử dụng trong Y học hạt nhân chẩn đoán bệnh.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu áp dụng quy trình sản xuất đồng vị phóng xạ P-32, Cr-51, Tc-99m và các hợp chất đánh dấu (cấp Nhà nước).
Điều chế và cung cấp chất đồng vị phóng xạ cho chẩn đoán và điều trị bệnh (cấp Bộ).
Điều chế các đồng vị phóng xạ sống ngắn In-113m, Tc-99m dưới dạng máy phát đồng vị và các quy trình đánh dấu đồng vị vào hợp chất sinh học (cấp Bộ).
Nghiên cứu điều chế đồng vị phóng xạ Sm-153, Re-186 và dược chất phóng xạ để điều trị ung thư và điều chế các kit miễn dịch phóng xạ (RIA) tính chất, T4 và các kit invivo HmPAO, MIBG-I-131, Sm-EDTMP (cấp Bộ).
48 công trình khoa học đã công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu polymer vô cơ và ứng dụng trong công nghiệp hoá học.
Nghiên cứu dược chất phóng xạ để điều trị bệnh bằng kỹ thuật y học hạt nhân.

Lời Tiến sĩ

Một dân tộc không thể có sự phồn vinh nếu sự sáng tạo của con người không được cổ vũ và trân trọng.



DƯƠNG VĂN SƠN

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 15 - 8 - 1960.
Quê quán: Phú Bình - Thái Nguyên.
Chỗ ở hiện nay: Phường Quang Trung - Thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình công tác

Giáo viên.
Nghiên cứu sinh Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.
Hiện là Phó trưởng bộ môn Cây trồng, khoa Trồng trọt, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.
Thành viên Trung tâm Môi trường - Tài nguyên miền núi, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.
Chuyên ngành Chọn giống và nhân giống cây trồng.

Đề tài luận án

Nghiên cứu một số vật liệu ngô chịu hạn phục vụ công tác chọn tạo giống.

Nội dung

Khảo sát, đánh giá 15 vật liệu ngô chịu hạn trên đồng ruộng.
Đánh giá khả năng chịu hạn của các vật liệu thí nghiệm trong điều kiện phòng thí nghiệm.
Lai thử các vật liệu ngô theo phương pháp lai đỉnh.
Chọn lọc giống ngô chịu hạn và ứng dụng ra sản xuất ở một số địa phương miền núi phía Bắc Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Xây dựng phương pháp xác định khả năng chịu hạn của cây ngô bằng chỉ số chịu hạn tương đối.
Xác định tính trạng đặc trưng của cây ngô chịu hạn là có sự chênh lệch thời gian trỗ cờ tung phấn và phun râu ngắn.
Ứng dụng ghép lai thử để chọn tạo 2 giống ngô chịu hạn BT1 và BT2. Các giống này được đưa trồng khảo nghiệm trong mạng lưới khảo nghiệm ngô quốc gia.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phát triển ngô và chọn tạo giống ngô chịu hạn phục vụ cho sản xuất ở miền núi phía Bắc.



ĐÀO MẠNH SƠN

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 14 - 2 - 1949.
Quê quán: Cổ Am - Vĩnh Bảo - Hải Phòng.
Chỗ ở hiện nay: 58/30 Trần Nguyên Hãn - Hải Phòng.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Nghiên cứu Hải sản.
Thực tập sinh Viện Nghiên cứu biển Bergen, Nauy
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Tổng hợp Wilhelm-Pieck Rostock, Cộng hoà dân chủ Đức.
Trưởng phòng NL Viện Nghiên cứu Hải sản.
Phó Viện trưởng, Bí thư Đảng uỷ Viện Nghiên cứu Hải sản.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Trường Đại học Tổng hợp Wilhelm - Pieck Rostock, Cộng hoà dân chủ Đức.
Chuyên ngành Sinh học nghề cá.

Đề tài luận án

Nghiên cứu tình hình nguồn lợi ấu trùng cá trích vùng biển phía đông đảo Ruygen và ý nghĩa của chúng đối với việc tái bổ sung quần đàn.

Nội dung

Nghiên cứu tình hình nguồn lợi ấu trùng của cá trích Đại Tây Dương (Clupa harengus L.) bao gồm: số lượng, kích cỡ, phân bố, mùa vụ xuất hiện và tình hình biến động hàng năm của ấu trùng và cá bột tại vùng biển phía đông đảo Ruygen (Cộng hoà dân chủ Đức) và ý nghĩa của chúng đối với việc tái bổ sung quần đàn cá trích ở vùng biển này.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài, dự án cấp Nhà nước:
Nghiên cứu kỹ thuật vớt, sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá song, cá cam và cá vược.
Thăm dò khai thác nguồn lợi hải sản phục vụ phát triển nghề cá xa bờ.
Điều tra nguồn lợi hải sản hợp tác với tổ chức SEAFDEC tại vùng biển Việt Nam (điều phối viên).
Nghiên cứu thăm dò nguồn lợi hải sản và lựa chọn công nghệ khai thác phù hợp phục vụ phát triển nghề cá xa bờ của Việt Nam.
Giải thưởng khoa học Nguyễn Bỉnh Khiêm về đề tài nuôi và sản xuất giống nhân tạo cá biển.
Bằng lao động sáng tạo.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, phát triển nguồn lợi cá biển và hải sản có giá trị của Việt Nam.



ĐẶNG TRƯỜNG SƠN

Tiến sĩ Tin học

Sinh ngày: 1 - 9 - 1966.
Quê quán: Song An - Vũ Thư - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 402 Lô C c/c Ngô Tất Tố - Quận Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Quyền Trưởng khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học dân lập Ngoại ngữ - Tin học, thành phố Hồ Chí Minh (HUFLIT).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Trường Đại học Quốc gia Kiep, Ucraina
Chuyên ngành Phần mềm trong máy tính và mạng.

Đề tài luận án

Soạn thảo hệ thống lập trình thông minh.

Nội dung

Quá trình giải một bài toán trên computer thường có những bước sau:
Mô tả bài toán bằng ngôn ngữ tự nhiên, sau đó bằng ngôn ngữ toán học.
Tìm thuật giải cho bài toán.
Lập trình thuật giải.
Chạy chương trình để nhận được kết quả bài toán.
Nghiên cứu việc sử dụng computer trong toàn bộ quá trình giải bài toán.

Soạn thảo hệ thống tự động lập trình giải bài toán trên cơ sở kết hợp phương pháp suy luận ngược, sử dụng công nghệ lập trình hệ thống - tổng hợp với các hệ cơ sở tri thức. Đầu vào của hệ thống là mô tả bài toán trên cơ sở tương tác với computer. Đầu ra là chương trình giải bài toàn trên ngôn ngữ Pascal.
Trong quá trình thực hiện hệ thống đã tối ưu hoá bộ nhớ cho thuật toán Seti-Ullman dùng để dịch các biểu thức số học.
Phương pháp đã được thử nghiệm bằng một hệ thống bao gồm giao diện người sử dụng, hệ cơ sở tri thức để giải các bài toán tính toán hình học phẳng.
Chương trình được viết trên Turbo-Pascal 6.0

Thành tựu khoa học

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu trong luận án đã có 03 bài báo được đăng tại các tạp chí khoa học ở Liên Xô.

Dự định khoa học

Tham gia giảng dạy, đào tạo trong lĩnh vực tin học. Nghiên cứu các hệ trí tuệ nhân tạo đang phát triển rất mạnh trên thế giới để áp dụng vào Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Nếu ta muốn tiến bộ nhanh trong công nghệ thông tin, cần phải:
Giảm giá truy cập Internet.
Tăng tốc độ truyền thông tin bằng cách sử dụng công nghệ mới.
Mở rộng cổng Internet Việt Nam.
Xoá bỏ độc quyền của ngành bưu điện trong lĩnh vực thông tin.
Sớm có luật về bản quyền trí tuệ.
Khuyến khích tư nhân trong công nghệ thông tin, nhất là công nghệ phần mềm.



GIANG THỊ SƠN

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 15 - 2 - 1946.
Quê quán: Đường Lâm - Ba Vì - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Trường Đại học Dược - 9-17A Thọ Lão - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên chính bộ môn Hoá hữu cơ, Trường Đại học Dược Hà Nội.
Hội viên Hội Dược học.
Hội Hoá học hữu cơ Việt Nam.
Hội Dược sĩ ngoài quốc doanh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988
Tại Trường Đại học Dược Hà Nội
Ngành Y dược

Đề tài luận án

Nghiên cứu tổng hợp một số hợp chất thuộc dãy β Aminoceton và sơ bộ thăm dò tác dụng sinh học của chúng.

Nội dung

Tổng hợp 20 baseazomethin từ aldehyd thơm và dẫn chất với các amin thơm khác nhau. Sản phẩm được kiểm tra cấu trúc bằng phổ IR, UV, đo nhiệt độ nóng chảy...
Tổng hợp 2 ceton thơm có Hα (CH_3-CO-Ar): $C_6H_5COCH_3$; CH_3-C_6H_4-$COCH_3$.

Từ các baseazomethin và ceton có Hα, làm phản ứng ngưng tụ trong dung môi alcol ethylic tuyệt đối với xúc tác, thu được 36 chất có cấu trúc β Aminoceton trong đó có 34 chất chưa thấy trong các tài liệu, kiểm tra cấu trúc bằng phổ IR, UV và nhiệt độ nóng chảy, độ tan.
Kết quả cho thấy β Aminoceton tổng hợp được có tác dụng sinh học về các lĩnh vực kháng khuẩn, kháng nấm, chống viêm, giảm đau, gây tê, chống phân bào ở các mức độ khác nhau.
Kết quả thăm dò độc tính cấp cho thấy chúng có độc tính cao, đặc biệt là các chất có chứa nhóm - NO_2. Tác dụng chống phân bào mạnh, có 6/36 cất có % kìm hãm đạt trên 80%.

Thành tựu khoa học

Đề tài cấp Trường:
Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất iodosoja - một thuốc iod hữu cơ dùng chữa bệnh bướu cổ do thiếu iốt.
Trên 20 bài đăng trên các tạp chí, báo cáo tại các hội nghị khoa học.
Tham gia viết các giáo trình:
Hoá hữu cơ giai đoạn I
Hoá hữu cơ dược.
Thực tập hoá hữu cơ.
Hướng dẫn nghiên cứu sinh.
Huy chương Vì sức khoẻ nhân dân.
Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Tham gia đào tạo trên đại học.



LÊ KIM SƠN

Tiến sĩ Trắc địa

Sinh ngày: 8 - 10 - 1948.
Quê quán: Thạch Long - Thạch Hà - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 57/42 phường Quốc Tử Giám - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Trắc địa Bản đồ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Đội trưởng lưới Toạ độ, Liên đoàn Đại địa, Cục Đo đạc bản đồ Nhà nước.
Nghiên cứu sinh tại Viện Nghiên cứu Trắc địa, Cục Đo đạc bản đồ Nhà nước.
Nghiên cứu sinh tại Viện Nghiên cứu Trắc địa - Bản đồ, Budapet, Hungari.
Trưởng ban biên tập *Tạp chí Trắc địa - Bản đồ.*
Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học và Hợp tác quốc tế, Tổng cục Địa chính.
Phó Tổng biên tập *Tạp chí Trắc địa - Bản đồ.*
Vụ trưởng Vụ Khoa học và Hợp tác quốc tế, Tổng cục Địa chính (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường).
Hội viên Hội Trắc địa - Bản đồ - Viễn thám Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985
Tại Viện Nghiên cứu Trắc địa - Bản đồ, Budapet, Hungari.

Đề tài luận án

Phương án tối ưu xây dựng lưới toạ độ ở Việt Nam bằng phương pháp Doppler.

Nội dung

Lưới trắc địa là một hệ thống các điểm toạ độ được phân bố đều trên một khu vực lãnh thổ phục vụ nghiên cứu các tham số hình học của trái đất, làm cơ sở toạ độ phục vụ công việc đo đạc và lập bản đồ.
Toạ độ các điểm của lưới trắc địa được xác định một cách chính xác khi người ta đo các đại lượng liên kết giữa các điểm của lưới như chiều dài cạnh, góc phương vị, góc giữa hai cạnh v.v... với độ chính xác cao bằng các thiết bị đo mặt đất hoặc quan trắc vệ tinh. Phương pháp quan trắc vệ tinh (ứng dụng hiệu ứng Doppler) để xây dựng mạng lưới trắc địa khắc phục được một số hạn chế do điều kiện địa hình và thời tiết mà phương pháp cổ truyền thường phải đầu tư nhiều về kinh phí và thời gian.
Luận án nghiên cứu các dạng mô hình lưới khác nhau, phân tích đặc điểm phân bố sai số, đề xuất mạng lưới trắc địa hỗn hợp (lưới mặt đất - lưới Doppler) tối ưu ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Tham gia xây dựng mạng lưới toạ độ hạng I, II, III, IV ở Việt Nam bằng công nghệ cổ truyền.
Xây dựng lưới toạ độ bằng phương pháp Doppler vệ tinh ở Việt Nam.
Tham gia xây dựng hệ quy chiếu và hệ toạ độ quốc gia Việt Nam.
Tham gia một số đề tài cấp Nhà nước, chủ nhiệm một số đề tài cấp Bộ.
Nhiều bài báo và báo cáo khoa học đã công bố ở Hungari và Việt Nam.

Dự định khoa học

Nghiên cứu hiện đại hoá mạng thông tin đất đai.



NGUYỄN HỒNG SƠN

Trung Hiếu - Hồng Châu

Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 1 - 1 - 1952.
Quê quán: Quế Phong - Quế Sơn - Quảng Nam.
Chỗ ở hiện nay: An Hải Bắc - Sơn Trà - thành phố Đà Nẵng.

Quá trình công tác

Chánh văn phòng Binh vận.
Phó văn phòng Huyện uỷ.
Phó trưởng phòng Văn hoá Thông tin.
Quyền trưởng ban Tuyên huấn huyện Quế Sơn.
Hiệu trưởng Trường Đảng huyện Quế Sơn.
Hiện là giảng viên khoa Triết học Trường Nguyễn Ái Quốc IV, III, Trưởng khoa Văn hoá xã hội chủ nghĩa - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Phân viện Đà Nẵng.
Thành viên:
Hội đồng khoa học Phân viện Đà Nẵng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Hội đồng Khoa học xã hội nhân văn, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Đà Nẵng.
Hội Tâm lý và giáo dục thành phố Đà Nẵng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Đề tài luận án

Biện chứng giữa văn hoá và phát triển xã hội trong quá trình định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Nội dung

Làm sáng tỏ vai trò của văn hoá đối với sự phát triển xã hội đương đại cũng như sự tác động giữa văn hoá với chính trị, văn hoá với kinh tế - xã hội ở Việt Nam, góp phần luận chứng cơ sở khoa học quan điểm: văn hoá là nền tảng tinh thần xã hội, là động lực, mục tiêu thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.
Đề xuất phương hướng, giải pháp chủ yếu về kinh tế, chính trị, văn hoá để thực hiện tốt mối quan hệ biện chứng giữa văn hoá và phát triển ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm một số đề tài cấp Bộ, cấp Phân viện, và cơ sở,
Tham gia thực hiện 2 đề tài cấp Nhà nước, 6 đề tài cấp Bộ.
Sách đã xuất bản:
Giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá Tây Nguyên - Nxb Chính trị quốc gia.
Đồng tác giả 14 tuyển tập sách Nxb Đà Nẵng.
Chủ biên các giáo trình:
Lý luận văn hoá
Tiếng Việt thực hành.
Truyền thông đại chúng trong công tác lãnh đạo quản lý.
Mỹ học
Cơ sở Văn hoá Việt Nam
Giáo trình Triết học cho các lớp đào tạo cán bộ các dân tộc thiểu số.
Công bố trên 100 bài nghiên cứu khoa học trên các tạp chí.

Dự định khoa học

Viết sách về văn hoá Việt Nam từ cách nhìn triết học phương Đông.
Xây dựng văn hoá Tây Nguyên.



PHẠM MINH SƠN

Tiến sĩ Chính trị học

Sinh ngày: 16 - 5 - 1968
Quê quán
Quảng Lợi - Quảng Điền - Thừa Thiên-Huế.
Chỗ ở hiện nay
22/B18 Nam Thành Công - Đống Đa - Hà Nội

Quá trình công tác

Cán bộ khoa Quan hệ quốc tế, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998
Tại Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Mátxcơva Liên bang Nga.
Ngành Chính trị học.
Chuyên ngành Các tổ chức chính trị và quá trình chính trị.

Đề tài luận án

Những vấn đề ổn định chính trị của Việt Nam trong giai đoạn chuyển từ nền kinh tế bao cấp sang kinh tế thị trường.

Nội dung

Phân tích những vấn đề trong quá trình hiện đại hoá, hệ thống chính trị Việt Nam trong giai đoạn đổi mới: những thành tựu, vướng mắc, phương pháp giải quyết và triển vọng.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Đảng Cộng sản Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỷ 21.
Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỷ 21 - các vấn đề và triển vọng. Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Mátxcơva.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về hệ thống chính trị của Việt Nam và các nước, tính hiệu quả và khả năng thích ứng.



PHAN QUỲNH SƠN

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 17 - 11 - 1956.
Quê quán: Yên Thành - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 4/1 đường D, tập thể Trường Đại học Nông nghiệp I - Gia Lâm - Hà Nội

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Nông nghiệp I.
Nghiên cứu sinh Học viện Nông nghiệp Timiriazep.
Cán bộ giảng dạy.
Phó chủ nhiệm khoa Sau đại học
Hiện là Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp I.
Thành viên Hội Di truyền.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985
Tại Học viện Nông nghiệp Timiriazep, Mátxcơva, Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Chọn tạo và nhân giống cây trồng.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của các chất hoá học gây đột biến tới biến dị các tính trạng của cây mận (Prunus L.).

Nội dung

Nghiên cứu các dạng mận 9-114, 10-121, 11-116 và 13-113 có khả năng sinh trưởng, phát triển và cho năng suất trong điều kiện vùng Mátxcơva.

Các tính trạng sinh trưởng sớm, kích thước quả không lớn và dễ rụng khi chín.
Độ nhạy cảm đối với các chất hoá học gây đột biến phụ thuộc vào việc chọn các cơ quan của chúng để xử lý (hạt nảy mầm, cành giâm hay cành ghép).
Hạt nảy mầm của giống mận Iatrnaia xinaia nhạy cảm hơn với các chất hoá học gây đột biến so với mận lưỡng bội.
Các chất gây đột biến có ảnh hưởng lớn tới sinh trưởng và sự biến dị các tính trạng hình thái của cây con các loài mận.
Thời gian xử lý DMS và NEU 15 giờ làm giảm mạnh tỷ lệ sống sót của cành giâm giống mận Iatrnaia xinaia.
Tỷ lệ sống sót cành ghép các giống sau xử lý bằng hoá chất gây đột biến tương đối cao.
Sự biến dị các tính trạng ở các cấp cành của Iatrnaia xinaia Xkorop Iodnaia và mận nhị bội phản ứng khác nhau khi xử lý cành ghép bằng DMS và NEU.
Mức độ hoá chất gây đột biến trong xử lý các bộ phận của cây, xử lý IAA khác nhau.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài đã nghiệm thu:
Nghiên cứu chọn tạo giống cây ăn quả thích nghi với một số vùng sinh thái Việt Nam.
Chọn tạo và nhân giống một số loại cây ăn quả (hồng, cam, quít, đu đủ, vải, nhãn,...)
Nghiên cứu bộ nhiễm sắc thể của cây táo.
Chế độ phân bón cho cây vải (tham gia).
Ứng dụng phản ứng chuỗi trùng hợp (PCR) tìm kiếm các chỉ thị phân tử để đánh giá tập đoàn dâu tây tại Trường Đại học Michigân (Mỹ) (tham gia dự án).
Xây dựng tập đoàn vật liệu khởi đầu cây táo ta và dâu tây tại Trường Đại học Nông nghiệp I (tham gia).
Hướng dẫn nghiên cứu sinh và học viên cao học.

Dự định khoa học

Ứng dụng các kỹ thuật mới vào để chọn tạo và nhân giống cây trồng.



PHAN XUÂN SƠN

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 16 - 10 - 1954.
Quê quán: Duy Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: P506 K1 tập thể Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ Tỉnh uỷ Bình Trị Thiên.
Nghiên cứu sinh Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Nghiên cứu sinh Viện Hàn lâm quản lý Liên Xô cũ.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Liên hiệp khoa học kỹ thuật Việt Nam tại Liên bang Nga.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Tại Viện Hàn lâm công vụ Liên bang Nga.
Ngành Sử học
Chuyên ngành Chính trị học

Đề tài luận án

Chính sách kinh tế mới (NEP) và ý nghĩa của nó đối với Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học năm 1997

Tại Đại học Tổng hợp xã hội quốc gia Mátxcơva.
Ngành Chính trị học
Chuyên ngành Các quá trình và thể chế chính trị.

Đề tài luận án

Tối ưu hoá mô hình phát triển kinh tế, chính trị, xã hội Việt Nam.

Nội dung

Những khuynh hướng phát triển của thế giới trên các mặt: kinh tế, chính trị, xã hội trong những năm nửa cuối thế kỷ XX.
Đặc điểm phát triển của xã hội Việt Nam trong lịch sử.
Những xu hướng phát triển khách quan và đặc điểm phát triển của Việt Nam, lựa chọn mô hình phát triển, mô hình hoá và tối ưu hoá mô hình phát triển Việt Nam.
Lần đầu tiên một tác giả Việt Nam đã phân tích "mô hình hoá phát triển", "tối ưu hoá mô hình phát triển", "các lực lượng kinh tế - xã hội", "mô hình chính trị mở...".
Lý luận này được coi là đóng góp mới đối với khoa học chính trị, đặc biệt là đối với các nước đang thực hiện chuyển đổi các mô hình phát triển kinh tế, chính trị, xã hội.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Việt Nam con đường đổi mới, Nxb Liên hiệp, Mátxcơva (tiếng Nga).
Đề tài cấp Bộ: Vai trò các đoàn thể nhân dân trong việc đảm bảo dân chủ ở cơ sở.
Tham gia nhiều đề tài các cấp, các dự án hợp tác khoa học với nước ngoài.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Giảng dạy, nghiên cứu khoa học chính trị ở Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Nếu mỗi người Việt Nam biết tư duy và ứng xử có khoa học thì chắc chắn văn hiến Việt Nam sẽ được hun đúc và toả sáng.



TÔN THẤT SƠN

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 20 - 12 - 1950.
Quê quán: Phú Ân - Phú Vang - Thừa Thiên - Huế.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Trường Đại học Nông nghiệp I - Gia Lâm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Lahabana - Cu Ba.
Cán bộ giảng dạy môn Dinh dưỡng - Thức ăn gia súc, khoa Chăn nuôi - Thú y, Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội.
Phó Trưởng bộ môn Thức ăn - Vi sinh - Đồng cỏ, khoa Chăn nuôi - Thú y.
Phó Trưởng phòng Khoa học, Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội.
Hội viên Hội Chăn nuôi Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994
Tại Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội.
Chuyên ngành Chăn nuôi động vật nông nghiệp.

Đề tài luận án

Nghiên cứu sử dụng bèo hoa dâu (Azolla sp.) làm thức ăn cho gà nuôi công nghiệp.

Nội dung

Nghiên cứu chế biến bột bèo hoa dâu: phơi, sấy bằng dàn sấy năng lượng mặt trời, than, dầu. Đã sản xuất được bột thức ăn xanh từ bèo hoa dâu đạt tiêu chuẩn loại một.
Sử dụng bột bèo hoa dâu cho gà đẻ nuôi công nghiệp: bổ sung 5% trong khẩu phần ăn cho gà đẻ giống thịt; 4, 5 và 6% trong khẩu phần ăn cho gà đẻ trứng thương phẩm làm tăng tỷ lệ đẻ, chất lượng trứng giống, tăng tỷ lệ ấp nở và gà con loại một, màu lòng đỏ trứng đỏ hơn, giảm chi phí thức ăn cho đẻ trứng.
Sản xuất được thức ăn bổ sung carovimix giàu protein, vitamin, caroten, xantofil, đảm bảo an toàn thực phẩm.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài cấp Bộ:
Nghiên cứu sử dụng bèo hoa dâu và điền thanh làm thức ăn cho gia súc.
Nghiên cứu thức ăn cho dê.
Chế biến, sử dụng phế phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho loài nhai lại.
Nghiên cứu sản xuất Rumivimix thức ăn bổ sung cho gia súc gia cầm.
Tham gia các đề tài, chương trình phát triển nông thôn, miền núi, bảo vệ môi trường...
Giáo trình đã xuất bản:
Dinh dưỡng và thức ăn gia súc (tham gia - Nxb Nông nghiệp).
Chăn nuôi 1 (chủ biên).
Các tiêu chuẩn phân tích thức ăn gia súc.
Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học.
Huy chương Vì sự nghiệp đào tạo.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.
Nghiên cứu phát triển nguồn quỹ gen các giống gia súc, gia cầm quý.



TRẦN SƠN

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 15 - 5 - 1941.
Quê quán: Gio Lễ - Gio Linh - Quảng Trị.
Chỗ ở hiện nay
Tập thể Trường Đại học Cần Thơ - tỉnh Cần Thơ.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học ngành Hoá.
Giáo viên Trường phổ thông trung học tại Ninh Bình.
Giảng viên Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh ở Ba Lan.
Phó trưởng khoa, Trưởng bộ môn Trường Đại học Cần Thơ.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Những người giảng dạy hoá học Việt Nam.
Thành viên Hội đồng khoa học Trường Đại học Cần Thơ.
Hội viên Hội Hoá học thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Poznan, Ba Lan.
Ngành Hoá học
Chuyên ngành Hoá lý.

Đề tài luận án

Nghiên cứu cơ chế phản ứng oxy hoá của Silan khi có mặt của $AgClO_4$ trong benzen.

Nội dung

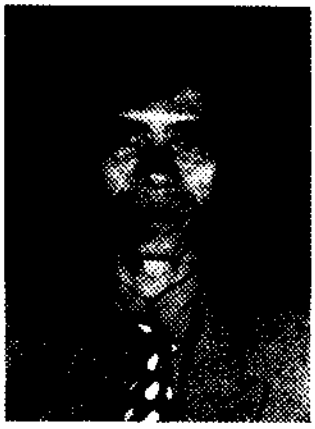
Tổng hợp các Silan (Si - H)
Khảo sát phản ứng giữa Silan với oxy khi có mặt AgClO4 trong benzen bằng phương pháp động hoá học (nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng của nồng độ, nhiệt độ, hiệu ứng thế, hiệu ứng đồng vị, hiệu ứng muối, chất xúc tác lên tốc độ phản ứng) và bằng phương pháp không động hoá học (UV, IR, NMR, sắc kí khí).
Khảo sát chất trung gian, trạng thái chuyển tiếp, lập giản đồ năng lượng - diễn biến phản ứng bằng EPR, khối phổ...
Xử lý số liệu bằng điện toán (máy tính ODRA, ngôn ngữ Algol 60).
Dự thảo cơ chế phản ứng.
Công trình đóng góp vào lĩnh vực nghiên cứu phản ứng oxy hoá Silan bằng muối của một số kim loại chuyển tiếp Cu và Ag, có nhiều ứng dụng trong ngành Silicon.

Thành tựu khoa học

Luận án đã được báo cáo tại nhiều hội nghị chuyên ngành quốc tế, đăng trong các tạp chí của Viện Hàn lâm Khoa học Ba Lan, Mỹ, Đức, Tiệp Khắc (cũ), Nhà xuất bản Sigma, Catalogue đã in thành sách.
Tham gia 7 đề tài cấp Nhà nước và nhiều đề tài cấp Trường.
Nhiều đề tài đã được ứng dụng ở Nhà máy Hoá chất Trà Nóc, Xí nghiệp Dược Hậu Giang, Công ty Rượu Bia Cần Thơ.
Biên soạn 7 giáo trình
2 đầu sách Nxb - Khoa học và kỹ thuật.

Dự định khoa học

Biên soạn giáo trình bài tập hoá lý.



TRẦN ĐÌNH SƠN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 13 - 4 - 1958.
Quê quán: Tân Hội - Đan Phượng - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Cơ lý thuyết.
Phó Chủ nhiệm bộ môn Trường Đại học.
Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Hội viên Hội Cơ học Việt Nam.
Phó Tổng thư ký Hội Cơ học chuyên ngành, Động lực học và điều khiển các hệ cơ học.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Chuyên ngành Động lực học và độ bền máy.

Đề tài luận án

Tính toán dao động xoắn của hệ có nhiều khối lượng thu gọn biến đổi.

Nội dung

Thiết lập phương trình dao động tham số phi tuyến của hệ dao động xoắn có nhiều khối lượng thu gọn biến đổi.
Sử dụng phương pháp tham số bé để khảo sát nghiệm và sự ổn định nghiệm của hệ dao động xoắn.
Sử dụng phương pháp mô phỏng số để tính toán nghiệm của hệ dao động xoắn, kiểm tra tính ổn định của nghiệm đã thu được bằng phương pháp giải tích.
Dùng phương pháp số để khảo sát sự ổn định của hệ dao động xoắn phi tuyến mạnh theo tiêu chuẩn số mỹ đặc tưng Liapunov.
Tính toán dao động xoắn cho trục khuỷu của động cơ đốt trong. Có thể sử dụng phương pháp này để tính toán, thiết kế trục khuỷu của động cơ đốt trong.

Thành tựu khoa học

Đã đăng trên 10 bài báo trong các tạp chí.
Báo cáo khoa học trong một số hội nghị khoa học quốc tế và Việt Nam.
Chủ trì một đề tài khoa học cấp Bộ, tham gia 2 đề tài cấp Nhà nước và một đề tài cấp Bộ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu hệ dao động phi tuyến yếu và mạnh.
Nghiên cứu lý thuyết rẽ nhánh và sự ổn định của các hệ phi tuyến.
Nghiên cứu các hệ dao động máy ứng dụng vào công nghiệp chế tạo máy.



TRẦN HỮU SƠN

Thuỳ Dương

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 8 - 10 - 1956.
Quê quán
Phương Tích Sơn - thị xã Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc
Chỗ ở hiện nay
11 Lê Lai - thị xã Lào Cai - tỉnh Lào Cai.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Sử Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Công tác tại Sở Văn hoá Thông tin Hoàng Liên Sơn.
Học cao học tại Viện Nghiên cứu văn hoá.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Hiện là Phó giám đốc Sở Văn hoá Thông tin thể thao tỉnh Lào Cai.
Uỷ viên BCH Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.
Hội Liên hiệp Khoa học kỹ thuật tỉnh Lào Cai.
Hội Văn nghệ tỉnh Lào Cai.
Tổng Biên tập *Tạp chí Văn nghệ Lào Cai.*
Hội viên Hội Dân tộc học Việt Nam.
Hội Nhà báo Việt Nam.
Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Chuyên ngành Dân tộc học khoa học lịch sử.

Đề tài luận án

Đời sống văn hoá tinh thần của người Mông ở Lào Cai (truyền thống và hiện đại).

Nội dung

Các thành tố văn hoá tinh thần truyền thống của Mông (tôn giáo, tín ngưỡng, văn học dân gian, phong tục lễ hội, nghệ thuật tạo hình và trang trí dân gian, ngôn ngữ...). Phân tích cơ chế vận hành, những đặc điểm của đời sống văn hoá tinh thần của người Mông.
Sự biến đổi trong đời sống văn hoá tinh thần của người Mông. Phân tích quá trình thâm nhập của đạo Kitô giáo và các hiện tượng "Vàng chứ" vào đời sống tinh thần người Mông. Những vấn đề bức xúc và các giải pháp nhằm nâng cao đời sống tinh thần người Mông.

Thành tựu khoa học

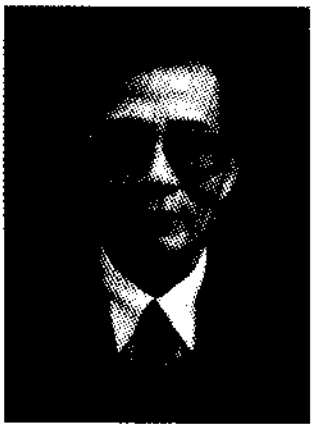
Công bố trên 40 bài báo, tiểu luận trên các tạp chí.
Sách đã xuất bản:
Văn hoá Mông.
Văn hoá dân gian Lào Cai.
Tục ngữ, câu đối dân tộc Dao. Nxb Văn hoá dân tộc.
Lịch sử thông tin liên lạc Lào Cai. Nxb Bưu điện.
Lịch sử ngân hàng tỉnh Lào Cai. Nxb Ngân hàng.
In chung:
Vấn đề người Hmông theo đạo thiên chúa - Ban dân vận tỉnh uỷ Lào Cai.
Lễ hội Lào Cai (chủ biên) - Nxb Văn hoá dân tộc.
Du lịch Lào Cai (chủ biên) - Sở Thương mại Du lịch Lào Cai.
Lịch sử Đảng bộ Lào Cai, tập 1 2. Nxb Chính trị Quốc gia.
Lịch sử công đoàn và phong trào công nhân Lào Cai - Công đoàn Lào Cai.
Địa chí Lào Cai (khái lược) - Tỉnh uỷ Lào Cai.
Các đề tài cấp Tỉnh:
Mô hình thiết chế văn hoá vùng cao.
Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá Lào Cai.
Mô hình làng văn hoá phục vụ du lịch.
Giải nhì về tác phẩm *Văn hoá dân gian Lào Cai* của Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam 1997.
Giải ba của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam 1997 về công trình nghiên cứu *Lễ hội cổ truyền Lào Cai.*
Giải ba Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam 1998 về tác phẩm *Tục ngữ, câu đối dân tộc Dao.*
Giải A Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai về tác phẩm *Văn hoá Mông* 1996.
Hai giải B của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai về các công trình nghiên cứu văn hoá dân gian năm 1997, 1999.
Huy chương Văn nghệ dân gian Việt Nam.

Dự định khoa học

Nghiên cứu văn hoá dân tộc người Mông, Dao.

Lời Tiến sĩ

Làm sao để các nhà khoa học sống được bằng công trình của mình, dành thời gian và tâm huyết cho khoa học, không nhất thiết phải làm quản lý, phải làm "quan" mới có điều kiện làm khoa học.



VÕ KIM SƠN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 1 - 5 - 1948
Quê quán: Tùng Ảnh - Đức Thọ - Hà Tĩnh
Chỗ ở hiện nay
15 tổ 43 phường Ngọc Hà - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Giao thông đường thuỷ
Nghiên cứu sinh tại Ba Lan
Làm việc tại Viện Phân vùng kinh tế Trung ương, Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước.
Hiện là Trưởng khoa Khoa học Hành chính, Học viện Hành chính Quốc gia.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985
Tại Trường Đại học Tổng hợp Gdansk - Ba Lan
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Kinh tế vận tải biển

Đề tài luận án

Những biện pháp kinh tế kỹ thuật nhằm giảm thời gian của tàu tại các cảng biển.

Nội dung

Nghiên cứu các nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến thời gian của tàu tại các cảng biển Việt Nam, Ba Lan, Bungari. Chỉ ra một số kết luận, trong đó thời gian chờ đợi để cập tàu trong điều kiện mớn nước của tàu không thích ứng với độ sâu của luồng lạch ra vào cảng. Tìm kiếm các phương thức khác nhau để giảm thời gian đậu tàu tại các cảng biển, khi hệ thống trang thiết bị của các cảng biển Việt Nam hạn chế về công suất, sức nâng và khả năng thích ứng với các loại hàng hoá và hầm tàu. Khuyến nghị:
Các phương án giải quyết sự chờ đợi của tàu.
Phương án chuyển tải
Phương pháp tính toán mối quan hệ giữa chuyển thẳng, chuyển qua kho.

Thành tựu khoa học

Các đề tài cấp Nhà nước đã tham gia:
Gợi ý về phương hướng của kế hoạch dài hạn phát triển kinh tế xã hội đến năm 2005 của Campuchia (cấp Nhà nước).
Một số hướng ưu tiên phát triển giao thông vận tải và thông tin liên lạc Việt Nam đến năm 2005 (cấp Nhà nước).
Cấp Bộ:
Phòng chống bom laze bảo vệ các công trình giao thông (GH).
Những vấn đề lý luận, nguyên tắc xây dựng và cải cách nền hành chính nhà nước Việt Nam.
Nội dung và phương thức tổ chức hoạt động quản lý của bộ máy nhà nước trong quá độ lên CNXH.
Tổ chức, thể chế và phương thức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước địa phương.
Cải cách bộ máy hành chính nhà nước Việt Nam.
Quản lý nhà nước về đô thị.
Cải cách thủ tục hành chính nhằm phục vụ nhân dân.
Quản lý khu vực công.
Đánh giá nhận thức và vai trò của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính nhà nước các cấp trong việc thực hiện các chính sách dân số - KHHGĐ (đồng chủ nhiệm).
Hành chính phát triển và cải cách hành chính.
Quản lý đầu tư phát triển (chủ nhiệm).
Mô hình tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.
Quản lý dịch vụ tư vấn công ích (chủ nhiệm).
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Dân số và phát triển cho các nhà quản lý - Nxb Thống kê.
Thủ tục hành chính (giáo trình)- Học viện Hành chính Quốc gia.
Quản lý dự án đầu tư - Nxb Thống kê.
Một số vấn đề về xây dựng và cải cách nền hành chính Nhà nước Việt Nam - Nxb Chính trị Quốc gia.
Tài liệu ôn thi chuyển ngạch công chức từ chuyên viên lên hệ chuyên viên chính.
Hành chính phát triển và cải cách hành chính (giáo trình cao học) - Học viện Hành chính Quốc gia.
Hành chính học đại cương.
Thiết kế tổ chức các cơ quan quản lý nhà nước - Nxb Chính trị Quốc gia.
Quản lý khu vực công - Nxb Khoa học và kỹ thuật.
Phương pháp phân tích và dự báo kinh tế - xã hội cho các nhà quản lý (chủ biên) - Nxb Khoa học và kỹ thuật.
Quản lý học đại cương (chủ biên) - Nxb Giáo dục.
Chương trình bồi dưỡng chuyên viên.
Chương trình bồi dưỡng cán bộ cao cấp - Học viện Hành chính Quốc gia.
Bồi dưỡng về quản lý nhà nước cho cán bộ chính quyền cấp xã vùng nghèo đói - Nxb Chính trị Quốc gia.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, giảng dạy khoa học hành chính và cải cách hành chính.



VŨ THƯỜNG SƠN

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 9 - 11 - 1959.
Quê quán: Lâm Thao - Lương Tài - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 206 Lò Đúc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Trưởng khoa Điều trị nội trú Viện Châm cứu.
Hội viên Hội Châm cứu Việt Nam
Hội Sinh lý Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Học viện Quân y.
Chuyên ngành Y học dân tộc.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu điện châm phục hồi chức năng vận động trên bệnh nhân tai biến thiếu máu não cục bộ hệ động mạch cảnh trong, sau giai đoạn cấp.

Nội dung

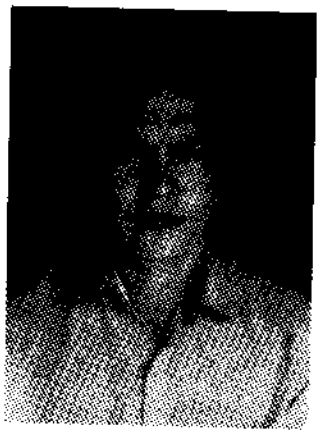
Tai biến mạch máu não (TBMMN) đã được nhiều nhà khoa học nghiên cứu về bệnh căn, chẩn đoán, điều trị, dự phòng đã cứu sống được nhiều bệnh nhân. Tuy nhiên vẫn còn để lại tổn thương liệt nửa người, mất tiếng.
Phục hồi liệt sẽ giúp cho bệnh nhân trở lại sinh hoạt bình thường.
Châm cứu đã trở thành phương pháp điều trị hữu hiệu.
Dựa trên cơ sở y lý của y học cổ truyền luận án đã tiến hành nghiên cứu tác dụng, hiệu quả điều trị thực tế của điện châm trong phục hồi liệt tai biến thiếu máu não cục bộ hệ động mạch cảnh trong.
Nghiên cứu trên 240 bệnh nhân. Trong đó 120 bệnh nhân được điều trị bằng châm cứu, 120 bệnh nhân được điều trị bằng thuốc tây y để đối chiếu giữa hai phương pháp điều trị.
Luận án còn sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế, điện cơ, điện não, lưu huyết não để đánh giá khách quan kết quả điều trị.
Kết luận:
Điện châm với kỹ thuật kim dài, châm sâu, xuyên huyệt kết quả phục hồi tốt cho bệnh nhân sau TBMMN. So với điều trị tây y, kết quả tương đương. Tuy nhiên ngày điều trị của điện châm kéo dài hơn 16,57 ngày.
Số bệnh nhân giảm 3 độ liệt: 7,5%, 2 độ liệt: 32,49%, 1 độ liệt: 37,46%.
Phương pháp dễ tiến hành, không gây tai biến, thực hiện được ở mọi tuyến y tế ngay sau giai đoạn cấp, khi bệnh nhân còn liệt hoàn toàn trên giường bệnh.

Thành tựu khoa học

Đề tài cấp Bộ:
Nghiên cứu phục hồi liệt trên bệnh nhân tai biến mạch máu não bằng điện châm.
Nghiên cứu biến đổi điện não, điện cơ trên bệnh nhân phục hồi liệt do tai biến mạch máu não bằng điện châm.
Tham gia biên soạn:
Châm cứu (sau đại học).
Kỷ yếu công trình nghiên cứu châm cứu 10 năm (1982 - 1992).
Nhiều bài viết trên *Tạp chí Châm cứu.*

Dự định khoa học

Nghiên cứu chữa bệnh bằng châm cứu.



PHẠM HỮU SY

Vinh Đạt

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 1 - 11 - 1954
Quê quán: Phong Thuỷ - Lệ Thuỷ - Quảng Bình
Chỗ ở hiện nay: 6/12C Tập thể Trường Đại học Thuỷ lợi.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa Taskent Uzbêkixtan.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Địa chất thăm dò Mátxcơva, Nga.
Hiện là cán bộ giảng dạy Trường Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.
Thành viên Hội Địa chất công trình Việt Nam, Hội Cơ học đá Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991
Tại Trường Đại học Địa chất thăm dò Mátxcơva, Liên bang Nga.
Chuyên ngành Địa chất công trình.

Đề tài luận án

Dự báo quá trình phong hoá đá trong điều kiện nhiệt đới ẩm Việt Nam.

Nội dung

Phong hoá là quá trình diễn ra lâu dài, xảy ra với tất cả các loại đá, làm giảm tính chất xây dựng của đá, làm mất ổn định các công trình xây dựng trên nó.
Tốc độ phong hoá và dự báo quá trình đó trong tương lai ở trong nước hoàn toàn chưa được nghiên cứu, ở nước ngoài cũng còn rất sơ khai vì đây là một vấn đề khó do tốc độ của quá trình quá chậm.
Luận án nghiên cứu quá trình phong hoá đá của một số vùng của Việt Nam. Nghiên cứu thực địa và nghiên cứu trong phòng trên mô hình. Bằng thí nghiệm mô hình vật lý rút gọn thời gian, đưa ra được tỷ lệ mô hình thời gian, "thực tiễn" hoá kết quả nghiên cứu trong phòng, dự báo được tốc độ phong hoá, sản phẩm phong hoá sau một khoảng thời gian xác định.
Kết quả nghiên cứu giúp cho việc tính toán ổn định công trình trên nền đá theo thời gian.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu và dự báo hiệu quả khả thi về kinh tế xã hội, môi trường của dự án thuỷ lợi Cà Giây tỉnh Bình Thuận (cấp Bộ - tham gia).
Quy trình kỹ thuật thi công giếng giảm áp, phương pháp kiểm tra (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Báo cáo khoa học:
Dự báo quá trình phong hoá đá trong điều kiện nhiệt đới ẩm Việt Nam phục vụ công tác xây dựng.

Dự định khoa học

Nghiên cứu quan hệ lý thuyết thay thế quan hệ thực nghiệm để xử lý kết quả xuyên, làm tăng hiệu quả của phương pháp khảo sát xuyên tĩnh.



ĐINH NGỌC SỸ

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 6 - 9 - 1953.
Quê quán: Thái Tân - Nam Sách - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay
53/C4 khu Nam Đồng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Quân y.
Bác sĩ Viện Quân y 103.
Giảng viên Học viện Quân y.
Nghiên cứu sinh Học viện Quân y.
Thực tập sinh cao cấp tại Ukraina.
Phó Trưởng khoa Lao và Bệnh phổi Viện Quân y 103.
Hiện là Giám đốc Bệnh viện 74 Bộ Y tế.
Uỷ viên BCH Hội Lao và Bệnh phổi quốc gia.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990
Tại Học viện Quân y
Chuyên ngành Bệnh học nội khoa.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu chẩn đoán lâm sàng, Xquang vi khuẩn học của viêm phổi cấp do phế cầu và do tụ cầu vàng ở người lớn.

Nội dung

Nghiên cứu 90 viêm phổi cấp tính, bằng các phương pháp lâm sàng, Xquang, kỹ thuật lấy bệnh phẩm phân lập vi khuẩn, xây dựng bảng tiêu chuẩn chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt, kết quả 80% các viêm phổi cộng đồng là do phế cầu khẩn, còn nhạy cảm với peniciline. Các triệu chứng lâm sàng và Xquang có thể giúp chẩn đoán xác định căn nguyên với loại viêm phổi này. Viêm phổi do tụ cầu vàng (15%) với bệnh cảnh nặng nề, nhiều biến chứng, kháng với hầu hết các kháng sinh, còn nhạy cảm với Methiciline. Các vi khuẩn khác (trực khuẩn mủ xanh, E.coli, B.Catarhalis) ít gặp hơn. Luận án đưa ra bảng điểm chẩn đoán cho các tuyến y tế, giúp phân biệt và định hướng vi khuẩn gây viêm phổi và cho các chỉ định áp dụng kỹ thuật xâm nhập lấy bệnh phẩm đường hô hấp để chẩn đoán vi khuẩn học.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu tiêu biểu:
Nghiên cứu giá trị của các phương pháp lấy bệnh phẩm xét nghiệm vi khuẩn trong nhiễm khuẩn phổi cấp tính ở người lớn.
Các kỹ thuật nội soi sinh thiết chọc hút khí quản chẩn đoán bệnh hô hấp.
Phương pháp chọc hút qua màng giáp nhẫn khí quản lấy bệnh phẩm đường hô hấp dưới nhân 120 trường hợp.
Reographie động mạch chủ và động mạch phổi trong thực hành lâm sàng.
Cơ cấu và đặc điểm lâm sàng các bệnh phổi quân đội tại khoa phổi Viện 103 (1975-1983).
Đặc điểm viêm phổi cấp ở người lớn qua 90 bệnh nhân.
Nhân 3 trường hợp viêm phổi do xăng dầu.
Cơ cấu bệnh hô hấp trong 10 năm (1984-1993) tại khoa lao và bệnh phổi Viện 103.
Hiệu quả 444 lần lấy bệnh phẩm bằng phương pháp xâm nhập để chẩn đoán bệnh phổi phế quản.
Nhận xét đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng vi khuẩn học trong các đợt bội nhiễm của VPQM và dãn phế quản.
Bước đầu nghiên cứu giá trị của Bilirubin dịch màng phổi trong chẩn đoán nguyên nhân tràn dịch.
Nhận xét về chức năng gan của bệnh nhân lao phổi điều trị bằng phác đồ ngắn hạn.
Kết quả ghi mạch phổi từng vùng ở người lớn.
Nghiên cứu khả năng chẩn đoán nguyên nhân của viêm phổi cấp bằng lâm sàng, X quang.
Bước đầu áp dụng đo tốc độ dòng thở ra cực đại để đánh giá rối loạn và tiến triển của thông khí phổi trong bệnh phổi phế quản tắc nghẽn mạn tính.
Nghiên cứu sự thay đổi đáp ứng miễn dịch tế bào dưới ảnh hưởng của Levamisol trên bệnh nhân tràn dịch màng phổi có phản ứng Mantoux âm tính
Thông báo lâm sàng ung thư phổi khó chẩn đoán.
Bước đầu nghiên cứu sự phân bố nhóm máu ở bệnh nhân lao phổi.
Nghiên cứu giá trị chẩn đoán phân biệt tràn dịch màng phổi dịch thấm và dịch tiết...
Huân chương chiến sĩ vẻ vang
Bằng lao động sáng tạo
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
Huy chương Vì sức khoẻ nhân dân.
Thầy thuốc ưu tú 1999.

Dự định khoa học

Góp phần thanh toán bệnh lao.



VŨ VĂN SỸ

Ly Xuân Vũ
Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 2 - 9 - 1946.
Quê quán: Chân Lý - Lý Nhân - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Viện Văn học - Dốc 174 Lạc Long Quân - Tây Hồ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Công tác tại Ban Văn học Việt Nam hiện đại - Viện Văn học, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.
Thực tập sinh tại Viện Hàn lâm Khoa học Nga.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Viện Văn học Việt Nam.

Đề tài luận án

Yếu tố tự sự trong thơ trữ tình Việt Nam từ sau năm 1945

Nội dung

Nghiên cứu, phân tích vai trò của yếu tố tự sự và sự thâm nhập của nó ở các cấp độ tác phẩm và thể loại, tìm những lý do hiện diện của yếu tố tự sự trong hệ thống thẩm mĩ của cấu trúc tác phẩm, những nguyên nhân văn hoá - lịch sử để yếu tố tự sự từ cái chung trở thành cái riêng, cái đặc thù, của thơ trữ tình một giai đoạn văn học có ý tiến hoá của loại hình trữ tình.
Thơ Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám trực tiếp kế thừa nghệ thuật tự sự truyền thống, nhưng chúng được chuyển sang một hệ thống thẩm mĩ mới, gắn với những nguyên tắc nhận thức và cắt nghĩa con người thời đại. Việc mở rộng các yếu tố tự sự trong thơ trữ tình Việt Nam là phương tiện thuận lợi nhất để nhà thơ bộc lộ mình, bộc lộ nhân cách xã hội trong dòng những sự kiện và biến cố lịch sử.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Về một đặc trưng thi pháp thơ Việt Nam (chuyên luận) Nxb Khoa học xã hội.
Sách in chung:
Về một vùng văn học.
Nhà thơ Việt Nam hiện đại.
Văn học về đề tài công nhân, 2 tập.
Cách mạng, kháng chiến và đời sống văn học 2 tập.
Nhà văn các dân tộc thiểu số Việt Nam.
Khánh Hoà - 45 năm văn học (1945-1990).
Nhà văn Nghệ Tĩnh hiện đại.
Nhà văn Hà Nam Ninh.
Nửa thế kỷ văn học.
Những vấn đề lý luận và lịch sử văn học.
Một thế kỷ văn học.
Biên soạn chung:
Nam Cao (con người và tác phẩm).
Từ điển tiểu thuyết (1930 - 1945).
Tú Xương - về tác gia và tác phẩm.
Tuyển tập truyện ngắn nửa đầu thế kỷ XX, 4 tập.



BÙI THỊ TÁM

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 10 - 7 - 1962.
Quê quán: Thị xã Đồng Hới - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: 24 Phùng Hưng - Thành phố Huế.

Quá trình công tác

Hiện là Phó trưởng khoa Kinh tế - Đại học Huế.
Thành viên Tổ chức các nhà khoa học nữ các nước thế giới thứ ba (TWOWS).
Thành viên Hiệp hội Du lịch châu Á - Thái Bình Dương (APTA).
Thành viên Viện Khoa học công viên và giải trí, Singapo.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000
Tại Đại học Công nghệ Nang Yang - Singapo.

Đề tài luận án

Động thái du lịch và phát triển du lịch bền vững - nguyên lý và vận dụng ở Đông Nam Á.

Thành tựu khoa học

Chủ trì và tham gia nhiều dự án phát triển.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước về kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn, kinh tế du lịch và phát triển bền vững.
Xây dựng quan hệ hợp tác thông qua hoạch định kế hoạch tổng thể để phát triển du lịch bền vững (Tuyển tập hội nghị Hiệp hội du lịch châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 5 tại Hồng Kông, 1999 tiếng Anh).
Kế hoạch chiến lược cho phát triển bền vững - trường hợp Singapo và Huế - Tạp chí Việt Nam Học - Đại học Nam Queensland, Úc.
Nâng cao năng lực và cải thiện thu nhập cho phụ nữ Quảng Công - Thừa thiên - Huế, (Báo cáo kết thúc dự án phát triển Canada Fund, 1997).
Vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế nông hộ và nông thôn ở miền Trung Việt Nam (đồng tác giả).
Tình nguyện viên quốc gia (NUNV) về chương trình phát triển miền núi của Liên hợp quốc tại Thừa Thiên - Huế.
Giáo trình *Nguyên lý kế toán* (đồng tác giả).

Lời Tiến sĩ

Là một nhà nghiên cứu và giáo dục, rất mong được làm việc hết sức mình vì sự nghiệp phát triển của nước nhà.
Nhà nước cần đổi mới công tác giáo dục, đào tạo, đặc biệt ở đại học và sau đại học theo hướng nâng cao chất lượng, phát huy tính chủ động sáng tạo cá nhân (cả người dạy và người học).



MAI DI TÁM

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 20 - 11 - 1954
Quê quán: Đại Hợp - Kiến Thụy - Hải Phòng.
Chỗ ở hiện nay: 34/1 Kỳ Con - Phú Nhuận - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp bảo hành số 1.
Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Phát triển và Kinh doanh thành phố Hồ Chí Minh.
Phó ban Quản lý dự án.
Hội viên Hội Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999
Tại Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Ngành Công trình trên đất yếu
Chuyên ngành Cơ học đất - Cơ học nền móng - Công trình ngầm.

Đề tài luận án

Nghiên cứu giải pháp nền móng hợp lý cho các loại nhà dân dụng từ 5-7 tầng xây dựng trên vùng đất yếu có chiều dày lớn ở đồng bằng sông Cửu Long và thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung

Nghiên cứu đất sét yếu bão hoà nước ở thành phố Hồ Chí Minh và đồng bằng sông Cửu Long.

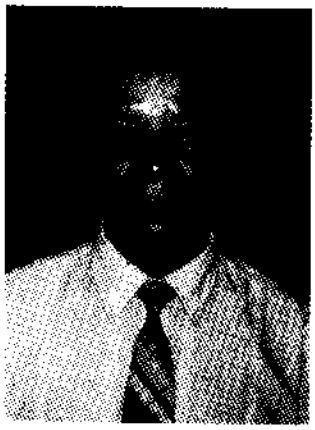
Tìm ra chỉ tiêu cố kết "n" phụ thuộc vào thành phần (I_p) và trạng thái (I_L) của đất sét yếu.
Xác định được gradien ban đầu cho đất sét yếu ở đồng bằng sông Cửu Long.
Tìm được các công thức tính toán độ lún theo thời gian cho nền đất yếu có xử lý hệ thống giếng cát thoát nước hoặc chỉ có đệm cát thoát nước phối hợp với tải trọng phụ tạm thời cho bài toán một chiều, phẳng và không gian quy đổi.
Tìm được công thức tính toán độ lún do biến dạng từ biến do ứng suất pháp tuyến cho bài toán một chiều, phẳng và không gian quy đổi.
Xác lập mô hình nền Winkler mở rộng cho đất nền làm việc trong điều kiện tuyến tính và phi tuyến nhưng chưa vượt quá trị tải trọng giới hạn (Q_{gh}) và trị độ lún giới hạn (S_{gh}).
Xác lập phương pháp tính toán kết cấu khung nhà và kết cấu nền móng bằng phương pháp phần tử hữu hạn áp dụng cho bài toán phẳng phần tử bậc cao cho bài toán không gian.
Kết cấu trên và dưới cho trị độ lún công trình trên nền đất sét yếu nhỏ hơn so với phương pháp tính tách riêng.
Ứng dụng kỹ thuật hiện đại để đo các loại ứng suất, chuyển vị và độ lún công trình cho tải tĩnh và tải động.
Kiến nghị đối với nhà từ 3÷5 tầng trên nền đất yếu nên chọn móng băng hoặc móng bè trên nền đất được xử lý bằng giếng cát hoặc bấc thấm, với nhà từ 5÷7 tầng nên chọn móng cọc ma sát loại tiết diện nhỏ.

Thành tựu khoa học

Chủ trì thiết kế trên 200 công trình xây dựng nhà ở.
Chủ trì nghiên cứu các biện pháp khắc phục thấm, lún, nứt của nhiều công trình xây dựng nhà ở.
Chủ trì các đề tài:
Giải hệ khung phẳng.
Giải hệ khung không gian.
Giải móng băng trên nền đàn hồi.
Tính toán móng bè trên các nền mềm.
Tính toán và kiểm tra ổn định cho các công trình trên nền đất yếu.
Chủ trì và điều hành nhiều dự án xây dựng khu dân cư.
Tham dự nhiều hội nghị khoa học trong và ngoài nước.
Bằng lao động sáng tạo.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tình hình xây dựng dân dụng và công nghiệp trên đất yếu của thành phố Hồ Chí Minh.



BÙI MINH TÂM

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 02 - 08 - 1944
Quê quán: Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: P301-C3 - Hoàng Ngọc Phách - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội.
Cán bộ Ban Thí nghiệm Tổng cục Địa chất.
Phòng Thạch học Đoàn Nghiên cứu địa chất.
Nghiên cứu sinh tại Hungari.
Hiện là Trưởng phòng Nghiên cứu Thạch luận.
Trưởng ban Đào tạo sau đại học, Viện Nghiên cứu Địa chất và khoáng sản.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Địa chất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1975
Tại Trường Đại học Khoa học Eötvös Larán, Budapet, Hungari.
Chuyên ngành Thạch luận các đá magma.

Đề tài luận án

Những biến đổi sau magma của các đá granitoid vùng núi Velence - Hungari.

Nội dung

Núi Velence (Hungari) được cấu thành chủ yếu bởi các đá granitoid, liên quan với chúng là quặng hoá sulfur, trong đó đáng quan tâm hơn cả là khoáng hoá Cu, Mo, Pb, Zn, Au...
Trên cơ sở nghiên cứu chi tiết về đặc điểm địa chất, thạch học, địa hoá học của các đá granitoid và đặc biệt là quá trình biến đổi sau magma (thạch anh hoá, sericit hoá, albit hoá, microclin hoá...) của các đá vây quanh mạch quặng, đã bước đầu làm sáng tỏ được mối liên quan về nguồn gốc giữa quặng hoá với các đá granitoid, đã xác lập được các dấu hiệu, tiền đề tìm kiếm và quy luật phân bố của quặng hoá Cu-Mo, Pb-Zn, Au-Ag... trong vùng nghiên cứu.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài:
Đặc điểm thạch địa hoá các đá granitoid vùng Việt Bắc.
Các thành hệ magma miền Nam Việt Nam.
Loạt ngang các thành hệ địa chất Việt Nam.
Tác giả và đồng tác giả trên 40 báo cáo khoa học, bài viết đã đăng.
Nhiều công trình đã ứng dụng.
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Các thành hệ địa chất và địa động lực Việt Nam Nxb khoa học kỹ thuật.
Tài nguyên khoáng sản Việt Nam - Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam.
Huy chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp địa chất.

Dự định khoa học

Nghiên cứu thạch luận các đá magma theo hướng định lượng hiện đại trên quan điểm kiến tạo mảng (kiến tạo động) nhằm phân loại một cách chính xác hơn các tổ hợp đá magma.



NGUYỄN NĂNG TÂM

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 01 - 3 - 1953
Quê quán: Nguyên Xá - Đông Hưng - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Vacsava - Ba Lan.
Bộ đội - Bộ Tư lệnh pháo binh.
Giảng viên khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Làm việc tại khoa Toán ứng dụng - Đại học Quốc gia Pukyong Pusan (Hàn Quốc).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000
Tại Viện Toán học - Việt Nam.
Chuyên ngành Điều khiển học toán học

Đề tài luận án

Vấn đề ổn định trong các bài toán quy hoạch toàn phương

Nội dung

Nghiên cứu định tính các bài toán quy hoạch toàn phương dạng tổng quát.
Kết quả:
Thiết lập được những điều kiện cần và đủ cho tính nửa liên tục trên và tính nửa liên tục dưới của ánh xạ tập điểm Karush - Kuhn - Jucker.
Đặc trưng được tính liên tục của ánh xạ nghiệm.
Đặc trưng được tính liên tục của hàm giá trị tối ưu.
Đưa ra được một điều kiện đủ để hàm giá trị tối ưu khả vi theo hướng và một công thức hiển để tính đạo hàm đó.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Về tính liên tục của ánh xạ nghiệm trong các bài toán quy hoạch toàn phương dạng tổng quát.
Một phép dãn trong lớp các không gian tôpô có cấu trúc liên thông địa phương LC^n.
Giáo trình hình học giải tích.
Giáo trình hình học afin và oclit.
Giáo trình đại số tuyến tính - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Và một số bài đăng trên các tạp chí nước ngoài.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các bài toán quy hoạch toàn phương dạng tổng quát và các bài toán bất đẳng thức biến phân afin.
Tìm hiểu một số vấn đề về giải tích không trơn và giải tích đa trị để tiếp cận với những vấn đề nghiên cứu mới.



NGUYỄN THỊ MINH TÂM

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 12 - 4 - 1933.
Quê quán: Mai Dịch - Từ Liêm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 50 Hàng Tre - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Giảng viên.
Phó chủ nhiệm bộ môn.
Chủ nhiệm bộ môn Ký sinh trùng - Trường Đại học Y Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Ký sinh trùng y học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu ứng dụng một số kỹ thuật miễn dịch vào chẩn đoán các bệnh amip, ấu trùng sán lợn, sán lá gan ở người.

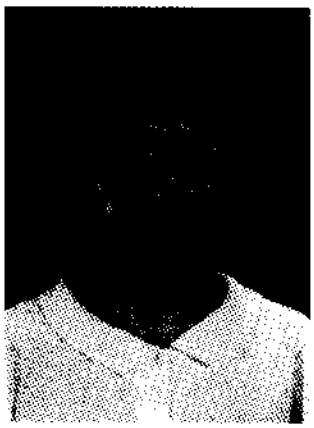
Nội dung

Trước đây, để chẩn đoán bệnh ký sinh trùng người ta thường dùng các phương pháp xét nghiệm trực tiếp để tìm ký sinh trùng trong các bệnh phẩm như phân, máu hoặc xét nghiệm sinh thiết... Nhưng, một số bệnh khó hoặc không thể tìm thấy ký sinh trùng bằng các phương pháp xét nghiệm trực tiếp thì các phương pháp gián tiếp sẽ bổ sung cho điểm yếu trên.

Luận án nghiên cứu ứng dụng một số phương pháp gián tiếp là các kỹ thuật miễn dịch giúp cho chẩn đoán một số bệnh ký sinh trùng khó chẩn đoán như bệnh áp xe gan do amip, bệnh sán lá gan và bệnh ấu trùng sán lợn ở người.
Các kết quả nghiên cứu đã cho thấy kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang, kỹ thuật miễn dịch men (Elisa) và kỹ thuật cố định bổ thể khá đặc hiệu và có độ nhạy cao có thể dùng chẩn đoán ba bệnh nói trên. Các kỹ thuật này đã được ứng dụng và đánh giá cao ở một số cơ sở nghiên cứu, giảng dạy.

Thành tựu khoa học

50 đề tài nghiên cứu đã được tổng kết và báo cáo tại các hội nghị khoa học về các bệnh ký sinh trùng, y học nhiệt đới, vệ sinh dịch tễ từ năm 1960 - 1998.
Tham gia viết 8 sách giáo khoa và chuyên khảo về ký sinh trùng y học cho đại học và sau đại học.
Tham gia viết phần Bệnh học *ký sinh trùng trong Bách khoa toàn thư.*
Huân chương chống Mỹ cứu nước.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục đào tạo.
Được phong Giáo sư năm 1984.
Nhà giáo ưu tú.



PHẠM MINH TÂM

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 25 - 12 - 1948
Quê quán: Hương Điểm - Bến Tre.
Chỗ ở hiện nay: 48/7 đường số 5 - Quận Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học tại Liên Xô.
Cán bộ giảng dạy Đại học Bách khoa Hà Nội.
Hiện là giảng viên Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Dizon, Cộng hoà Pháp.
Thực tập sau tiến sĩ tại Pháp.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986
Tại Đại học Dizon, Cộng hoà Pháp.
Ngành Hoá sinh thực phẩm.
Chuyên ngành Enzym học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu các tính chất protease của nấm men saccharomyces bayanus và ứng dụng trong sản xuất bánh mì.

Nội dung

Nghiên cứu quá trình tách, chiết enzym protease của nấm men.
Nghiên cứu thành phần hoá học, tính chất sinh học của protease.
Ứng dụng protease vào sản xuất bánh mì.

Thành tựu khoa học

Hoàn thành đề tài cấp thành phố:
"Nghiên cứu sản xuất bột dinh dưỡng cho trẻ em trên cơ sở đậu nành" năm 1987 và đã áp dụng vào hai nhà máy (ở thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai).
Sách đã xuất bản:
An toàn và vệ sinh thực phẩm - Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
Thí nghiệm hoá sinh học thực phẩm - Đại học Bách khoa.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tính chất, chức năng protein của một số thực vật.
Nghiên cứu và ứng dụng các sản phẩm mứt dẻo bằng phương pháp thẩm thấu.



ĐÀO XUÂN TÂN

Anh Đào

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 27 - 9 - 1951.
Quê quán: Đồng Nguyên - Từ Sơn - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học Sư phạm 2 Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm 1 Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Đại học Sư phạm 2 Hà Nội.
Học sau đại học tại Đại học Sư phạm 1 Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Đại học Sư phạm 2 Hà Nội.
Nghiên cứu sinh - Đại học Sư phạm 1 Hà Nội.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Di truyền - Giáo dục pháp khoa Sinh - Kinh tế nông nghiệp - Trường Đại học Sư phạm 2 Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Trường Đại học Sư phạm 1 Hà Nội.
Ngành Sinh học
Chuyên ngành Di truyền học

Đề tài luận án

Sự phát sinh và di truyền một số đột biến trên lúa nếp do xử lý tia gamma (Co^{60}) vào hạt nảy mầm.

Nội dung

Góp phần xác định tính quy luật các sự phát sinh một số đột biến trên lúa nếp khi xử lý bằng tia gamma (Co^{60}) vào các thời điểm nảy mầm khác nhau của hạt.
Làm rõ sự di truyền một số đột biến vừa xuất hiện, qua đó hiểu được bản chất di truyền của một số tính trạng của các giống lúa nếp trong thí nghiệm.
Tạo vật liệu khởi đầu cho công tác cải tiến một số giống lúa nếp đặc sản và lai tạo giống lúa nếp mới.

Thành tựu khoa học

Một số kết quả nghiên cứu:
Quy luật của sự phát sinh đột biến trội và thường biến phóng xạ ở thế hệ thứ nhất (M1), sự phát sinh đột biến ở thế hệ thứ 2 (M2) trên lúa nếp khi xử lý tia gamma (Co^{60}) vào các thời điểm khác nhau trong quá trình hạt nảy mầm.
Xác định được đặc điểm di truyền và cơ chế di truyền của một số tính trạng nông - sinh học của một số giống lúa nếp.
Tạo được một số dòng đột biến có dạng hình cải tiến từ các giống nếp trong thí nghiệm (nếp Hoa vàng, nếp Bắc).
Sử dụng con lai của một thể đột biến, đem lai với giống gốc; tạo được các thể lai, chọn được một dòng lai (nếp) cứng cây, ít nhiễm bệnh, cấy 2 vụ, đã gieo trồng tại nhiều vùng ở các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Hà Nội.
Hiện tham gia hệ thống khảo nghiệm của Trung tâm khảo nghiệm giống quốc gia.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tính quy luật của sự phát sinh đột biến thực nghiệm, tham qua việc xử lý đột biến bằng các tác nhân vật lý, hoá học.
Góp phần tạo vật liệu khởi đầu cũng như chọn lọc các dòng đột biến lúa.



ĐOÀN PHAN TÂN

Tiến sĩ Toán lý

Sinh ngày: 20 - 8 - 1942
Quê quán: Hữu Hoà - Thanh Trì - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay:
26/7 ngõ 898 đường Láng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên văn hoá, Tiểu đoàn 26, Quân khu Tây Bắc.
Sinh viên khoa Toán, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Giảng viên, Chủ nhiệm bộ môn Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.
Hiện là Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.
Uỷ viên Thường vụ Ban chấp hành Hội Thông tin - Tư liệu khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994
Tại Viện Công nghệ Thông tin
Ngành Toán lý
Chuyên ngành Bảo đảm toán học cho máy tính và các hệ thống tính toán.

Đề tài luận án

Mô hình hoá quá trình lưu trữ, tìm kiếm thông tin và quá trình phục vụ người đọc ở một thư viện.

Nội dung

Ngày nay hoạt động thông tin khoa học đã trở thành một ngành hoạt động khoa học mang tính dịch vụ và kinh tế có vai trò quyết định mọi sự phát triển.
Luận án tập trung nghiên cứu dây chuyền thông tin tư liệu. Đó là quá trình lưu trữ, tìm kiếm và phổ biến thông tin.
Tác giả đã sử dụng các phương pháp tổng quát của toán học và tin học để nghiên cứu cấu trúc của ngôn ngữ tư liệu, hình thức hoá toán học các nguyên tắc lưu trữ và biểu diễn thông tin. Từ đó xây dựng mô hình chung cho quá trình lưu trữ và tìm kiếm thông tin. Nội dung của luận án còn trình bày những kết quả nghiên cứu ứng dụng lý thuyết sắp hàng để xây dựng mô hình toán học cho quá trình phục vụ người đọc ở một thư viện, xây dựng thuật toán và lập chương trình mô phỏng quá trình đó trên máy vi tính.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Cơ sở thông tin học.
Một số phương pháp toán học trong công tác thư viện và thông tin, Đại học Văn hoá Hà Nội.
Tin học trong hoạt động Thông tin - Thư viện, Nxb Văn hoá - Thông tin.
Trên 20 bài nghiên cứu đã đăng trên các tạp chí chuyên ngành.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.
Vì sự nghiệp giáo dục.
Được phong Nhà giáo ưu tú (1994).
Phó Giáo sư (1996).

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học thông tin và hoạt động thông tin khoa học.
Nghiên cứu Khả năng ứng dụng toán học và công nghệ thông tin hiện đại trong hoạt động thông tin - thư viện, đặc biệt là tự động hoá hoạt động thông tin - thư viện.
Tham gia đào tạo cán bộ thông tin - thư viện đại học, sau đại học.
Hướng dẫn nghiên cứu sinh.
Viết giáo trình.



MAI THANH TÂN

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 15 - 4 - 1944
Quê quán: Xuân Đan - Nghi Xuân - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 117/71/6 Thái Hà - Hà Nội.

Quá trình công tác

Phó Chủ nhiệm bộ môn Địa Vật lý.
Phó Chủ nhiệm khoa Dầu khí.
Trưởng phòng Quản lý Khoa học
Phó Hiệu trưởng kiêm Chủ nhiệm khoa Dầu khí.
Hiện là Chủ nhiệm khoa Dầu khí Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Địa chất Việt Nam.
Thường vụ Hội KHKT Địa Vật lý Việt Nam.
Hội viên Hội Địa Vật lý quốc tế SEG.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982
Tại Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Ngành Toán lý
Chuyên ngành Địa vật lý

Tiến sĩ Khoa học năm 1990.
Tại Học viện Mỏ luyện kim Kracôp, Ba Lan.
Chuyên ngành Địa Vật lý thăm dò.

Đề tài luận án Tiến sĩ

Nguyên nhân hạn chế chiều sâu nghiên cứu của phương pháp địa chấn phản xạ ở miền võng Hà Nội và các biện pháp khắc phục.

Luận án Tiến sĩ Khoa học
Nâng cao hiệu quả phương pháp thăm dò địa chấn trong điều kiện các bể trầm tích thềm lục địa Việt Nam.

Nội dung luận án Tiến sĩ Khoa học

Làm sáng tỏ đặc điểm phức tạp của môi trường địa chất thềm lục địa Việt Nam, phân chia các phức hệ địa chấn - địa chất, các loại mô hình tốc độ truyền sóng, đặc điểm môi trường phân lớp mỏng... Đã giải bài toán động lực học lý thuyết nghiên cứu sự suy giảm năng lượng sóng địa chấn và xác định tỷ số tín hiệu/nhiễu. Sử dụng có hiệu quả phương pháp địa chấn - địa tầng xác định sự phát triển trầm tích, phân bố tướng môi trường, phát hiện các dạng bẫy dầu khí... Kết quả nghiên cứu đã đưa ra các luận cứ khoa học nâng cao hiệu quả thăm dò địa chấn tìm kiếm dầu khí ở thềm lục địa Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài nghiên cứu:
Nghiên cứu phương pháp thăm dò địa chấn trong điều kiện các bể trầm tích Hà Nội, Cửu Long nhằm phát hiện các bẫy dầu khí không vòm (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu phương pháp xử lý thông tin trong tổng hợp tài liệu địa vật lý tìm kiếm dầu khí (cấp Bộ).
Đặc điểm môi trường trầm tích của các thành tạo Kainozoi bồn trũng Cửu Long (cấp Bộ).
Nghiên cứu đặc điểm từ hoá nghiêng trong phân tích tài liệu thăm dò từ miền vĩ độ thấp (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu đặc điểm móng trước Kz Nam Việt Nam trên cơ sở tài liệu địa vật lý (tác giả, cấp Nhà nước).
Địa động lực Kainozoi và sự hình thành các bể hydrocarbon Bắc Việt Nam.
Nghiên cứu đặc điểm địa động lực móng trước Kz và mối quan hệ với tiềm năng dầu khí (tác giả, cấp Nhà nước).
Nghiên cứu các thành tạo địa chất phần cấu trúc nông (Pliocen - Đệ tứ) thềm lục địa Việt Nam phục vụ đánh giá điều kiện xây dựng công trình biển (cấp Nhà nước).
Trên 50 bài báo và báo cáo khoa học đăng trong các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.
Báo cáo khoa học tại Hàn Quốc, Malaysia, Phillipin, Mỹ.
Sách *Kiến giải lượng thuốc nổ trong thăm dò dầu khí.*
Bản quyền tác giả "Xử lý thông tin trong thăm dò địa vật lý dầu khí".

Dự định khoa học

Nghiên cứu địa vật lý và địa chất vùng biển Việt Nam.
Hướng dẫn nghiên cứu sinh.

Lời Tiến sĩ

Nghiên cứu khoa học là sự nghiệp khó khăn gian khổ đòi hỏi sự kiên trì và nỗ lực suốt đời.



NGUYỄN VĂN TÂN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 16 - 6 - 1941
Quê quán: Thuận Thành - Phổ Yên - Thái Nguyên.
Chỗ ở hiện nay: Giai Phạm - Yên Mỹ - Hưng Yên.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Nông lâm Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy, Tổ trưởng bộ môn khoa Công nghiệp cá Trường Đại học Thuỷ sản.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học nghề cá Acmpaxahb Liên Xô cũ.
Cán bộ kỹ thuật.
Trưởng phòng Kỹ thuật hàng hải khai thác.
Phó Giám đốc, Tổng Công ty Thuỷ sản Hạ Long.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985
Tại Viện Nghiên cứu Hải dương và Nghề cá Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Khai thác thuỷ sản.

Đề tài luận án

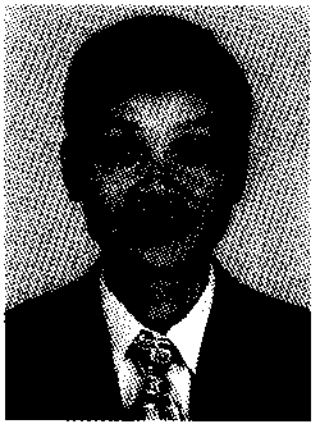
Xác định hệ số hiệu quả đánh bắt của lưới rùng

Nội dung

Trên cơ sở công cụ và kỹ thuật khai thác cá lưới rùng hiện có trên thế giới, đối tượng khai thác, ngư trường khai thác... nghiên cứu thiết lập công thức toán học tính toán hệ số hiệu quả đánh bắt của lưới rùng;
Chọn phương pháp và vị trí thực nghiệm tối ưu kiểm chứng lại lý thuyết đảm bảo độ tin cậy cần thiết.

Thành tựu khoa học

Biên soạn giáo trình *Hàng hải địa văn và la bàn từ* - Đại học Thuỷ sản.
Hoàn thiện tài liệu thiết kế thi công, kỹ thuật khai thác thuỷ sản cho Xí nghiệp Liên hợp Thuỷ sản Hạ Long.
Biên soạn giáo trình và giảng dạy cao học Khai thác thuỷ sản các môn:
Kỹ thuật điều khiển tàu an toàn.
Các công ước quốc tế về an toàn hàng hải.
Luật hàng hải quốc tế.
Nghiên cứu cải tiến lưới kéo đơn tàu Nauy 600CV.
Nghiên cứu áp dụng nghề lưới kéo đôi cho loại tàu VT 250CV đang làm nghề lưới kéo đơn.
Bằng lao động sáng tạo.



NGUYỄN VĂN TÂN

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 13 - 10 - 1951.
Quê quán: Thắng Lợi - Thường Tín - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 50 ngõ 461 Minh Khai - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Thổ nhưỡng Nông hoá, Bộ Nông nghiệp.
Cán bộ Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp.
Giám đốc Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
Thành viên Hội Khoa học Đất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Viện Khoa học và Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.
Ngành Thổ nhưỡng học.

Đề tài luận án

Đánh giá, phân hạng đất nâu đỏ và nâu vàng phát triển trên đá mẹ bazan ở tỉnh Quảng Trị.

Nội dung

Đất nâu đỏ và nâu vàng phát triển trên đá mẹ bazan ở tỉnh Quảng Trị có tổng diện tích 20.074ha. Trong đó: đất nâu đỏ 15.900ha (79%) và đất nâu vàng 4.174ha (21%), phân bố ở 4 vùng: Hồ Xá - Vĩnh Linh: 6.950ha (34,5%), Cồn Tiên - Dốc Miếu: 7.019ha (35,0%), Tân Lâm - Cùa: 3.193ha (16,0%) và Khe Sanh - Hướng Phùng: 2.912ha (14,5%).
Đây là các loại đất có vỏ phong hoá sâu, tầng đất dày, địa hình phần lớn bằng phẳng, lượn sóng nhẹ, ít phân cắt. Đất thể hiện rõ tính chất nhiệt đới ẩm, độ phì nhiêu ở mức độ khá, rất thích hợp với trồng cây công nghiệp dài ngày.
Kết quả phân hạng đã xác định được: 95,4% diện tích thích hợp với trồng cây cao su, cà phê và hồ tiêu.
Hướng bố trí sử dụng:
Vùng Hồ Xá - Vĩnh Linh: trồng hồ tiêu và cà phê ở địa hình thấp, trồng cao su ở địa hình cao.
Trọng tâm:
Vùng Cồn Tiên - Dốc Miếu: Cao su.
Vùng Tân Lâm - Cùa: Hồ tiêu.
Vùng Khe Sanh - Hướng Phùng: Cà Phê.

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài:
Đánh giá hiện trạng sử dụng đất ở nước ta theo quan điểm sinh thái và phát triển lâu bền (cấp Nhà nước).
Sách đã xuất bản:
Sổ tay điều tra, phân loại đánh giá đất. Nxb Nông nghiệp.
Bằng lao động sáng tạo.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về đất, phân hạng và sử dụng.



PHẠM VĂN TÂN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 16 - 1 - 1953.
Quê quán: Phúc Thành - Vũ Thư - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 154 đường Minh Cầu - thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Xây dựng Bucaret Rumani.
Cán bộ giảng dạy Đại học Xây dựng Hà Nội.
Cán bộ Cục Hợp tác lao động quốc tế, làm việc tại Bungari.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Sôfia, Bungari.
Chuyên viên Kinh tế đối ngoại Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Thái.
Trưởng phòng Kinh tế đối ngoại Ban Đối ngoại tỉnh Bắc Thái.
Phó giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Thái (sau là Thái Nguyên).
Hiện là Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Bungari.
Chuyên ngành Kỹ thuật Môi trường.

Đề tài luận án

Nghiên cứu độ kín của đường ống dẫn khí với các loại mặt bích nối ghép ống khác nhau

Nội dung

Trong các hệ thống đường ống dẫn không khí, các đoạn ống được nối ghép với nhau bằng các mặt bích. Do cấu tạo các mối nối đó thường không thể kín, khít một cách tuyệt đối, luôn có xu hướng tạo ra sự tổn thất về lưu lượng, nhiệt trong quá trình không khí được vận chuyển trong đường ống.
Công trình nghiên cứu đã xác định được sự tổn thất không khí (tổn thất lưu lượng, nhiệt) qua các mặt bích nối ghép ống phụ thuộc vào vận tốc không khí chuyển động trong đường ống, vào diện tích tiết diện ống, vào hình dạng tiết diện và loại mặt bích được cấu tạo.
Kết quả nghiên cứu đóng góp vào việc thiết kế, chế tạo và vận hành có hiệu quả các hệ thống dẫn khí, thông gió và điều hoà khí hậu.

Lời Tiến sĩ

Cơ hội phát triển đất nước chỉ có thể có được khi xã hội tạo cho từng cá nhân điều kiện để phát huy hết khả năng của mình.



PHẠM VĂN TẦN

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 08 - 4 - 1958
Quê quán: Thị xã Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học Y Thái Bình.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Thái Bình.
Hiện là bác sĩ, giảng viên bộ môn Mắt Trường Đại học Y Thái Bình.
Thành viên Hội Nhãn khoa tỉnh Thái Bình.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.

Đề tài luận án

Điều trị phục hồi thị giác hai mắt trong phức hợp điều trị lác cơ năng

Nội dung

Lác cơ năng là một bệnh hay gặp: có khoảng từ 2% - 4% dân số mỗi nước bị bệnh này.
Lác cơ năng đưa đến những hậu quả rất đáng tiếc, ảnh hưởng xấu đến mỹ quan người bị lác và làm giảm thị lực mắt lác đồng thời gây rối loạn sự phối hợp thị giác hai mát.
Đề tài nhằm mục đích:
Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng của lác cơ năng.
Nghiên cứu điều trị lác cơ năng ở trẻ em một cách có hệ thống: Điều trị nhược thị, điều trị phẫu thuật và điều trị phục hồi thị giác hai mắt (điều trị chỉnh thị).
Rút ra những chỉ định và chống chỉ định của kỹ thuật điều trị chỉnh thị trong lác cơ năng.
Đề xuất giải pháp khả thi về tổ chức điều trị chỉnh thị ở các cơ sở nhãn khoa trong cả nước phù hợp với hoàn cảnh kinh tế xã hội nước ta.

Dự định khoa học

Triển khai kết quả đề tài luận án vào thực tiễn.
Nghiên cứu chuyên ngành.



LÊ HỮU TẦNG

Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 9 - 2 - 1940.
Quê quán: Thụy Dân - Thái Thụy - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: A1b - 25 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Phó trưởng ban Triết học trong khoa học tự nhiên - Viện Triết học.
Trưởng ban Duy vật biện chứng kiêm Thư ký Khoa học Viện Triết học.
Phó Viện trưởng Viện Triết học.
Viện trưởng Viện Triết học.
Phó Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.
Phó Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia.
Uỷ viên Hội đồng lý luận Trung ương.
Phó Chủ tịch Uỷ ban quốc gia UNESCO của Việt Nam.
Hội viên Hội Nhà Báo Việt Nam.
Được phong Giáo sư năm 1991.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.
Tại Viện Triết học - Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.
Ngành Triết học.

Đề tài luận án

Chức năng phương pháp luận của các phạm trù khả năng và thực hiện.

Nội dung

Trên cơ sở làm rõ nội hàm của các phạm trù "phương pháp luận" và "chức năng phương pháp luận", "khả năng" và "hiện thực", đồng thời trên cơ sở phân tích mối quan hệ biện chứng giữa khả năng và hiện thực, tác giả đề xuất các nguyên tắc phương pháp luận định hướng cho chủ thể trong hoạt động nhận thức và hoạt động cải tạo thực tiễn, đặc biệt là trong việc xác định, lựa chọn và thực hiện khả năng.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Con người Việt Nam - Mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. (19 đề tài - đồng chủ nhiệm-chương trình cấp Nhà nước).
Đã in thành sách: *Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.* - Nxb Chính trị Quốc gia.
Vấn đề phát huy và sử dụng đúng đắn vai trò động lực của con người trong sự phát triển kinh tế, xã hội.
Đã in thành sách: *Về động lực sự phát triển kinh tế - xã hội.* Nxb Khoa học xã hội.
Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (10 đề tài - phó chủ nhiệm - cấp Nhà nước).
Chủ nghĩa xã hội: Từ lý luận đến thực tiễn. Những bài học kinh nghiệm chủ yếu. (chủ nhiệm - cấp Nhà nước).
Chính sách xã hội. (chủ nhiệm dự án, hợp tác với Canada).
Sách đã xuất bản:
Tác giả:
Vấn đề xác định, lựa chọn và thực hiện khả năng.
Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Vấn đề nguồn gốc và động lực.
Đồng tác giả:
C.Mác, F.Enghen, V.I.Lênin - về mối quan hệ giữa triết học và khoa học tự nhiên.
Vai trò của phương pháp luận triết học Mac - Lênin đối với sự phát triển của khoa học tự nhiên.
Tìm hiểu chủ nghĩa duy vật biện chứng. Nxb Khoa học xã hội.
Từ điển triết học giản yếu. Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
Câu hỏi và bài tập triết học, tập III. Nxb Sách giáo khoa.
Triết học với sự nghiệp đổi mới. Nxb Sự thật.
Đồng tác giả của 31 đầu sách khác, trên 40 bài báo đã đăng ở trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu động lực phát triển kinh tế, xã hội.



NGUYỄN ĐĂNG TẾ

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 24 - 3 - 1956
Quê quán:
Thụy Lôi - Thụy Lâm - Đông Anh - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Khu Tập thể Trường Đại học Mỏ - Địa chất - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Liên hiệp các Xí nghiệp thi công cơ giới.
Trưởng phòng Thi công - Xí nghiệp thi công cơ giới số 9 Biên Hoà - Đồng Nai.
Trưởng phòng Công nghệ.
Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu kinh tế kỹ thuật - Liên hiệp các Xí nghiệp thi công cơ giới.
Học viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
Hiện là Phó Giám đốc Công ty Cơ giới và Xây lắp số 13 Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng - Bộ Xây dựng.
Cộng tác viên Hội Mỏ Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Chuyên ngành Khai thác lộ thiên và vận hành mỏ than, quặng, phi quặng và than bùn.

Đề tài luận án

Nghiên cứu hoàn thiện những thông số cơ bản của phương pháp nổ mìn buồng trong thi công xây dựng đường ở một số mỏ đá Việt Nam.

Nội dung

Phân tích đặc điểm của phương pháp nổ mìn buồng trên sườn dốc, từ đó nghiên cứu hoàn thiện những thông số cơ bản của phương pháp nổ mìn buồng trên sườn dốc khi xây dựng đường ở các mỏ khai thác đá.
Kết quả: Lần đầu tiên phân tích đặc điểm của phương pháp nổ mìn buồng khi thi công xây dựng trên sườn dốc và phân loại các dạng mặt cắt ngang của tuyến đường phục vụ cho việc hoàn thiện các thông số cơ bản của phương pháp nổ mìn buồng.
Tìm ra quy luật thay đổi của chỉ số tác dụng nổ và các thông số khác của phương pháp nổ mìn buồng khi thay đổi góc nghiêng của sườn núi.
Xác định điều kiện nổ thuận lợi nhất khi tạo được nền đường trên sườn dốc và đề xuất phương pháp xác định các thông số buồng nổ mìn buồng hợp lý.
Trên cơ sở so sánh kết quả nghiên cứu lý thuyết với thực nghiệm, đã khẳng định được nghiên cứu trị số hợp lý của các thông số nổ mìn buồng tạo nền đường đối với điều kiện cụ thể của mỏ đá Bỉm Sơn.
Luận án đã đóng góp cơ sở khoa học về phương pháp xác định các thông số nổ mìn buồng tạo nền đường trên sườn dốc ở các mỏ khai thác đá của Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Tổng kết công tác khoan nổ mìn ở đường mỏ đá Bỉm Sơn - Thanh Hoá.
Phương pháp gia cố xử lý nền đất yếu bằng các loại cọc bản nhựa, cọc cát và cọc xi măng đất.
Tổng kết công tác khoan nổ mìn khi thi công đường và bãi khai thác ở mỏ đá Bỉm Sơn.
Xây dựng tiêu chuẩn ngành: Quy trình thi công và nghiệm thu công tác gia cố nền bằng cọc cát rung.
Biên soạn sách: *Khoan - nổ mìn.*
Nhiều bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí.
Bằng chuyên gia xây dựng trẻ.
Bằng lao động sáng tạo.

Dự định khoa học

Nghiên cứu lựa chọn phương án thi công hợp lý trong xây dựng đường giao thông trên sườn núi.
Nghiên cứu lựa chọn quy trình công nghệ khai thác hợp lý các mỏ đá vôi ở Việt Nam, nhằm nâng cao hiệu quả khai thác đá phục vụ nhu cầu xây dựng và cho công nghiệp sản xuất xi măng.



NGUYỄN VĂN THẠC

Tiến sĩ Tâm lý học

Sinh ngày: 2 - 12 - 1942.
Quê quán: Xương Lâm - Lạng Giang - Bắc Giang.
Chỗ ở hiện nay: 106/5/28 Hoàng Quốc Việt - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ quản lý, giảng dạy và nghiên cứu tâm lý học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Hiện là Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ Mẫu giáo Trung ương I.
Thành viên Hội Tâm lý Giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Lêningrat Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Tâm lý học sư phạm và lứa tuổi.

Đề tài luận án

Nghiên cứu động thái hình thành tính độc lập trong hoạt động học tập của sinh viên Việt Nam.

Nội dung

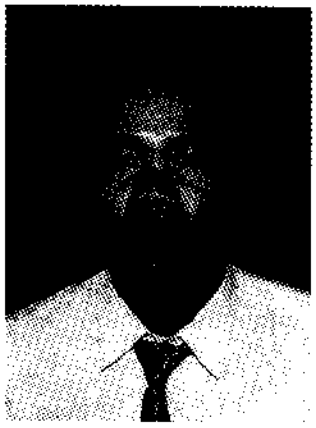
Nghiên cứu những yếu tố tạo nên tính độc lập trong hoạt động học tập của sinh viên Việt Nam trong điều kiện văn hoá nước ngoài:
Nhu cầu thành đạt, nhu cầu giao tiếp.
Xu hướng nhân cách xu hướng nghề nghiệp và trình độ tiếng Nga trong quá trình sinh viên học tập tại các trường Đại học Tổng hợp, Bách khoa và Đại học Sư phạm ở Nga.

Thành tựu khoa học

Một số bài nghiên cứu đã công bố:
Tác động của một số yếu tố hình thành nhân cách.
Tìm hiểu đặc điểm quá trình hình thành ý thức về động cơ học tập.
Tình hình nghiên cứu tính cách sinh viên trong các nước xã hội chủ nghĩa.
Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên.
Vấn đề chuẩn bị cho sinh viên về giao tiếp sư phạm.
Vài thực nghiệm về kỹ năng giao tiếp sư phạm của sinh viên có nhu cầu giao tiếp khác nhau.
Một số vấn đề xây dựng kỹ thuật ankét trong nghiên cứu xã hội học.
Nghiên cứu chẩn đoán sự phát triển trí tuệ của học sinh.
Sự định hướng xã hội của nhân cách.
Tiếng kêu cứu của giáo dục trước tuổi học đường.
Đặc điểm trí nhớ của trẻ em mẫu giáo 5- 6 tuổi.
Khả năng quan sát của trẻ em qua một thực nghiệm tâm lý học.
Trên 20 báo cáo khoa học đã công bố tại các hội nghị, kỷ yếu, hội thảo khoa học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tâm lý học phát triển.



HÀ XUÂN THẠCH

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 27 - 3 - 1964.
Quê quán: Nhơn Hạnh - An Nhơn - Bình Định.
Chỗ ở hiện nay: 137/61 Lê Văn Sỹ - Quận Phú Nhuận - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng viên khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ tự động hóa (ROBOCORPORATION).
Hội viên Hội Kế toán Việt Nam.
Thành viên Ban đào tạo Hội Kế toán thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
Ngành Kinh tế.
Chuyên ngành Kế toán tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế.

Đề tài luận án

Hoàn thiện việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu cơ sở lý luận kế toán chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm công nghiệp truyền thống và bổ sung các phương pháp mới.
Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm công nghiệp Việt Nam ở tầm vĩ mô và vi mô.
Các biện pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm.
Bổ sung và xây dựng mới một số nội dung:
Kế toán chi phí sản xuất thông dụng (normal cost).
Kế toán chi phí sản xuất định mức (standard cost).
Phương pháp tính giá thành sản phẩm trên cơ sở hoạt động (ABC)
Các giải pháp đồng bộ từ cấp vĩ mô đến vi mô.

Thành tựu khoa học

Một số bài nghiên cứu đã công bố:
Một số ý kiến về phương pháp hạch toán của hệ thống tài khoản kế toán mới.
Một số ý kiến về phát triển kiểm toán nội bộ tại các doanh nghiệp Việt Nam.
Một số ý kiến về kế toán các khoản thiệt hại trong sản xuất của hệ thống kế toán Việt Nam hiện nay.
Xây dựng kế toán chi phí sản xuất Việt Nam linh hoạt.
Về đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp ước lượng tại các doanh nghiệp công nghiệp.
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Những nguyên tắc kế toán Mỹ (dịch) - Nxb Thống kê.
Hướng dẫn thực hành kế toán theo hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp năm 1995. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
100 bài tập và bài giải toán tài chính (tác giả). Nxb Thống kê.
Bài tập và bài giải kế toán đại cương - Nxb Thống kê.
Kế toán thương mại (tác giả).
Kế toán thương mại và dịch vụ (tác giả) - Nxb Tài chính.
Kế toán tài chính.
Bài tập kế toán tài chính. Nxb Thống kê.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí định mức (Standard cost) tại các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam.
Hệ thống chứng từ điện tử trong hoạt động kinh tế của Việt Nam hiện nay.



PHẠM HỒNG THÁI

Tiến sĩ Luật học

Sinh ngày: 3 - 2 - 1953.
Quê quán: Thái Phúc - Thái Thụy - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 4 Điện Biên Phủ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Luật, Đại học Quốc gia Cu ban, Craxnôdar Liên Xô cũ.
Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật – Học viện Hành chính Quốc gia.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Lý luận nhà nước và pháp quyền.

Đề tài luận án

Đổi mới tổ chức và hoạt động của chính phủ theo hướng xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Nội dung

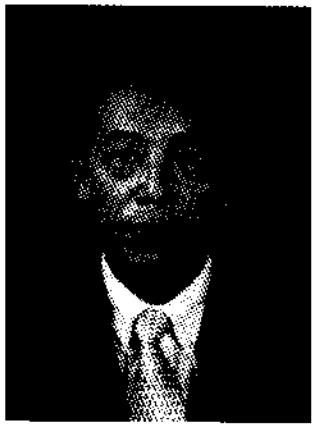
Nghiên cứu vấn đề lý thuyết và nhà nước pháp quyền: sự hình thành tư tưởng nhà nước pháp quyền; quan hệ giữa nhà nước với pháp luật; tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước trong nhà nước pháp quyền và vị trí của quyền hành pháp trong cơ cấu quyền lực; cơ sở hiến pháp của chính phủ theo hiến pháp; địa vị chính trị – pháp lý của chính phủ theo hiến pháp; vấn đề đổi mới tổ chức và hoạt động của chính phủ, hoàn thiện hoạt động xây dựng và ban hành quyết định quản lý nhà nước của chính phủ và việc đổi mới công tác bồi dưỡng, đào tạo công chức hành chính của chính phủ.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm một số đề tài khoa học cấp Bộ đã ứng dụng vào giảng dạy tại Học viện Hành chính Quốc gia.
Gần 30 công trình nghiên cứu khoa học gồm các bài báo, sách (đồng tác giả, chủ biên) đã xuất bản.
Huy chương kháng chiến hạng nhì.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về chế độ công vụ, công chức nhà nước; tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và vấn đề cải cách hành chính ở Việt Nam.



TRỊNH QUỐC THÁI

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 2 - 2 - 1958.
Quê quán: Sơn Đông - Lập Thạch - Vĩnh Phúc.
Chỗ ở hiện nay: 5/20 ngõ 331 - Trần Khát Chân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Sư phạm Hà Nội II.
Trung uý, giảng viên Trường Đảng, Quân khu Thủ đô Hà nội.
Giảng viên chính Trường Cán bộ quản lý giáo dục Trung ương I.
Hiện là Phó Vụ trưởng Vụ Tiểu học Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Hội viên Hội Tâm lý học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
Ngành Tâm lý học.
Chuyên ngành Tâm lý học giáo dục trẻ em và Tâm lý học lứa tuổi.

Đề tài luận án

Nghiên cứu động cơ học tập của học sinh lớp 1 dưới ảnh hưởng của phương pháp nhà trường.

Nội dung

Động cơ học tập là yếu tố quan trọng trong hoạt động học tập của học sinh. Luận án phát hiện mối liên hệ phụ thuộc của động cơ học tập ở học sinh lớp 1 và Phương pháp nhà trường (nội dung, phương pháp, tổ chức, giáo viên,...).
Động cơ học tập của học sinh lớp 1 bao gồm một hệ thống các động cơ có mối quan hệ qua lại sắp xếp theo một thứ bậc nhất định. Có thể chia thành 3 loại chính: Động cơ nhận thức, động cơ xã hội và động cơ phức hợp được hình thành từ những yếu tố vừa có tính nhận thức vừa có tính xã hội kết tinh ở giáo viên. Các loại động cơ này thúc đẩy học sinh học tập, chúng chỉ được hình thành, sắp xếp lại và cụ thể hoá khi học sinh tiến hành hoạt động học tập. Điều này tuỳ thuộc vào hoạt động học tập của trẻ được tổ chức như thế nào. Nếu tổ chức theo nguyên tắc thầy tổ chức - trò hành động thì sớm được hình thành và động cơ nhận thức thường giữ vị trí thứ bậc cao và ổn định.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phương pháp nhà trường nhằm góp phần vào sự nghiệp đổi mới giáo dục tiểu học đáp ứng yêu cầu của xã hội trong thời kỳ mới.

Lời Tiến sĩ

Dân tộc Việt Nam có truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, lấy đạo học làm gốc. Đất nước muốn hưng thịnh phải lấy dân làm gốc, học là gốc tạo nên sự hưng thịnh của quốc gia.



NGUYỄN VĂN THÀNG

Tiến sĩ Tâm lý học

Sinh ngày: 5 - 4 - 1935.
Quê quán: Liêm Túc - Thanh Liêm - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay:
65 tổ 39 - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Toán Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô cũ.
Phó chủ nhiệm khoa Tâm lý giáo dục.
Hiện là giảng viên chính, Phó giáo sư Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1974.
Tại Viện Tâm lý học đại cương và sư phạm Viện Hàn lâm Khoa học giáo dục Liên Xô cũ.
Ngành Tâm lý học.
Chuyên ngành Tâm lý học sư phạm.

Đề tài luận án

Những chức năng mô hình hoá trong quá trình giải bài tập.

Nội dung

Khả năng sử dụng mô hình để giải các bài tập toán là năng lực tư duy sáng tạo của học sinh trong quá trình giải bài tập. Luận án tìm hiểu những chức năng của mô hình trong quá trình giải bài tập toán. Quá trình giải bài tập là một quá trình tư duy biến đổi, đưa bài tập cần giải về dạng quen thuộc để vận dụng tri thức và phương pháp đã biết vào giải bài tập. Thực chất của quá trình đó là người giải xây dựng những mô hình khác nhau của bài tập.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Hình ảnh tâm lý và mô hình.
Đánh giá kết quả giảng dạy giáo dục dân số ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Bước đầu tìm hiểu cơ sở lý luận và thực tiễn cần thiết để xây dựng bộ trắc nghiệm tâm lý đo đầu vào của sinh viên sư phạm.
Bước đầu xây dựng các nguyên tắc cơ bản để xây dựng bộ trắc nghiệm tâm lý.
Kết quả bước đầu đo nghiệm bộ trắc nghiệm tâm lý.
Chức năng mô hình hoá trong quá trình giải bài tập sáng tạo (tiếng Nga).
Mô hình và chức năng của nó trong quá trình giải bài tập.
Tình thương của cha mẹ đối với con.
Xây dựng những bài tập trắc nghiệm tâm lý của sinh viên mới vào Đại học Sư phạm Hà Nội.
Một vài suy nghĩ về đổi mới đào tạo của khoa Tâm lý giáo dục.
Vấn đề dạy tâm lý học ở các khoa cơ bản.
Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, (đồng tác giả). Nxb Đại học Quốc gia.
Hướng dẫn tốt nghiệp đại học sau đại học.
Đề tài nghiên cứu:
Đánh giá chất lượng giảng dạy dân số học cho sinh viên Đại học Sư phạm Hà Nội (chủ nhiệm, cấp Trường).
Xây dựng bộ trắc nghiệm đo đầu vào của sinh viên Đại học Sư phạm Hà Nội (chủ nhiệm, cấp Bộ).
Mô hình Phổ thông trung học vừa học vừa làm Hoằng Trinh - Thanh Hoá (tham gia).
Thực hiện dân số và kế hoạch hoá gia đình của đồng bào công giáo (tham gia).
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy hiệu Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Giảng dạy và nghiên cứu tâm lý học.



ĐINH VĂN THANH

Tiến sĩ Luật học

Sinh ngày: 10 - 6 - 1954.
Quê quán: Kim Tân - Thạch Thành - Thanh hoá.
Chỗ ở hiện nay: 286 La Thành - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Luật Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Giảng viên khoa Tư pháp Trường Đại học Luật Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô cũ.
Trưởng tiểu ban Luật dân sự sau đại học Trường Đại học Luật Hà Nội.
Luật sư kiêm nhiệm Đoàn Luật sư Hải Phòng.
Phó giám đốc Trung tâm Thông tin khoa học.
Trưởng phòng Quản lý khoa học Trường Đại học Luật Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Trường Đại học Luật Hà Nội.
Trường Đại học Tổng hợp Xanh Petecbua Liên bang Nga
Chuyên ngành Luật dân sự.

Đề tài luận án

Khối lượng trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Nội dung

Phân tích tính chất và những đặc điểm của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định của Luật dân sự.
Các loại trách nhiệm thường được áp dụng tại các toà án thuộc liên bang Nga.
Luận án Phân tích vai trò, ý nghĩa của các thiệt hại về tinh thần và các tiêu chí để xác định bồi thường thiệt hại về tinh thần theo bộ luật dân sự sửa đổi mà trước đây liên bang Nga chưa quy định.
Phân tích thực trạng áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tại liên bang Nga giai đoạn 1991 - 1993.
Kinh nghiệm của Việt Nam khi áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong điều kiện trượt giá.
Một phần nội dung của luận án đã được đưa vào bộ Luật dân sự của Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Đồng tác giả:
Giáo trình *Luật dân sự Việt Nam*. Nxb Công an Nhân dân.
Hỏi và đáp về pháp luật thừa kế.
Một số vấn đề về pháp luật dân sự Việt Nam từ thế kỷ XV đến thời kỳ Pháp thuộc.
Một số vấn đề cơ bản của bộ luật dân sự.
Sổ tay luật sư.
Sổ tay hội thẩm nhân dân (Bộ Tư pháp).
Sổ tay luật sư.
Sổ tay thẩm phán (Bộ Tư pháp).
Các bài nghiên cứu đã công bố:
Vấn đề lạm quyền dân sự.
Hiệu lực và thời điểm có hiệu lực của hợp đồng dân sự.
Toạ đàm Việt - Nhật về phương pháp sửa bộ luật dân sự.
Luật dân sự Việt Nam giai đoạn 1945 - 1960.
50 năm luật dân sự Việt Nam.



ĐOÀN DUY THANH

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 10 - 6 - 1955.
Quê quán: Thụy Hồng - Thụy Anh - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 32 - Yên Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Nghiên cứu viên, Viện Di truyền Nông nghiệp.
Nghiên cứu sinh Trường Tổng hợp Nông nghiệp quốc gia Crasnodar (KYAY) Liên bang Nga.
Nghiên cứu viên, bộ môn Nuôi cấy mô tế bào thực vật, Viện Di truyền Nông nghiệp.
Hiện là nghiên cứu viên Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia về công nghệ tế bào thực vật.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Trường Tổng hợp Nông nghiệp quốc gia Crasnodar Liên bang Nga.
Ngành Nông nghiệp.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của những yếu tố môi trường đến hoạt động quang hợp và năng suất của một số giống lúa.

Nội dung

Nghiên cứu động thái chế độ dinh dưỡng và muối (Ca^{2+}, Na^{+}, Cl^{-}, So_4^{2-}, H^{+}...) trong sự phụ thuộc vào liều lượng bón phân N và mức độ mặn của đất.
Ảnh hưởng của các yếu tố muối gây mặn đất và hàm lượng nitơ của đất đến hoạt tính hút thu của hệ thống rễ trong suốt quá trình phát triển cá thể 4 giống lúa (Spantric, liman, culon, zolotristui).
Động thái sinh trưởng và quá trình hình thành các cơ quan trên mặt đất của các giống lúa phụ thuộc vào các muối gây mặn đất, liều lượng phân nitơ, chế độ nước tưới và cường độ ánh sáng.
Phản ứng đặc trưng hoạt động quang hợp của các giống lúa trong quá trình phát triển cá thể đối với các yếu tố nghiên cứu trên.
Xác định năng suất quang hợp thuần, năng suất sinh học và năng suất hạt phụ thuộc vào các yếu tố môi trường.
Ảnh hưởng các yếu tố sinh thái - đất (các muối gây mặn đất, liều lượng nitơ, chế độ nước và chế độ chiếu sáng đến sự hình thành các yếu tố năng suất.

Thành tựu khoa học

Ứng dụng quy trình nhân giống vô tính một số cây ăn quả quý có sử dụng các chất kích thích sinh trưởng ở Huế.
Ứng dụng quy trình nhân giống vô tính các cây lâm nghiệp thông và quế ở Đà Nẵng.
Quy trình sản xuất hạt bắp cải chịu nhiệt cho khu vực miền Trung (tham gia).
Ứng dụng kỹ thuật haploid trong chọn tạo các giống lúa có năng suất cao, phẩm chất tốt và tạo dòng bất dục đực cảm ứng nhiệt độ (TGMS) và dòng CMS phục vụ công tác chọn tạo giống lúa lai.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tế bào trong công tác chọn tạo giống lúa năng suất và chất lượng cao.

Lời Tiến sĩ

Bản thân cảm thấy hổ thẹn vì chưa đóng góp được gì nhiều cho đất nước.
Do hám danh lợi, nhiều người bỏ chữ tâm để đạt danh, cầu lợi, đó là gốc của cái hại, thật đau xót.



ĐỖ VĂN THANH

Đỗ Thanh

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 2 - 10 - 1936.
Quê quán: Hoàng Long - Phú Xuyên - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 206 - Tập thể Nguyễn Công Trứ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy tổ Tiếng Việt, khoa Văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô.
Cán bộ giảng dạy tại Đại học Tổng hợp Phnômpênh.
Cán bộ giảng dạy khoa Tiếng Việt Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hội viên Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1978.
Tại Viện Á Phi Đại học Tổng hợp Matxcơva.
Ngành Ngữ Văn học.

Đề tài luận án

Các tương ứng ngữ nghĩa trong việc dịch từ tiếng Nga sang tiếng Việt (tư liệu: dịch văn học).

Nội dung

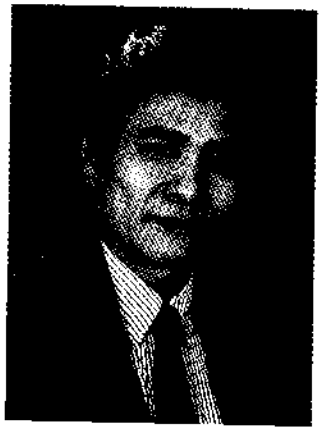
Nghiên cứu các tương ứng ngữ nghĩa khi dịch từ tiếng Nga sang tiếng Việt: dịch các nghĩa sự vật, nghĩa ngữ dụng, nghĩa kết cấu.
Các biến đổi dịch: nghiên cứu các thủ pháp dịch như: đổi trật tự, thay thế, thêm, bớt và việc cấu tạo câu trong dịch...
Luận án cũng đề cập tới lịch sử phiên dịch; các giai đoạn của quá trình dịch; các hình thức dịch; ý nghĩa và phiên dịch; phương pháp dịch; thủ pháp dịch; dịch thành ngữ; tục ngữ; đánh giá bản dịch; mô hình dịch; sử dụng từ điển; chọn từ, đặt câu trong dịch; dịch thơ...

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Từ điển từ công cụ tiếng Việt. Nxb Giáo dục.
Lý luận dịch (giáo trình).
Khoảng 15 đầu sách dịch về văn học, tâm lý học, ngôn ngữ học...
Hàng nghìn bài dịch đăng trên các báo tạp chí...

Dự định khoa học

Sẽ xuất bản: *Lý luận và thực hành dịch.*



HOÀNG NGỌC THANH

Hồng Ngọc

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 30-9-1954
Quê quán: Thị trấn Quế - Kim Bảng - Hà Nam
Chỗ ở hiện nay: 64 Ngõ 169 Tây Sơn - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ nghiên cứu Ban Sử, Tổng Công đoàn Việt Nam.
Cán bộ nghiên cứu và giảng dạy Trung tâm Sử, Đại học Công đoàn.
Hiện là chuyên viên cao cấp, Uỷ viên Ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
Phó Chánh Văn phòng Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Viện Mác Lênin - Tư tưởng Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Đề tài luận án

Tổ chức và hoạt động của Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam (1961 - 1975).

Nội dung

Dựng lại bức tranh chân thực về quá trình hình thành, phát triển của Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam Việt Nam; làm rõ vai trò của tổ chức này trong phong trào đấu tranh của công nhân, lao động miền Nam. Góp phần khẳng định vị trí của giai cấp công nhân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
Đề tài rút ra một số bài học kinh nghiệm có thể vận dụng trong tổ chức, hoạt động của công đoàn Việt Nam ngày nay, góp phần vào công tác giáo dục truyền thống trong giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn, vào việc nghiên cứu, giảng dạy lịch sử công nhân, công đoàn Việt Nam trong trường học.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản (đồng tác giả) Nxb Lao động:
Một số vấn đề biên soạn lịch sử xí nghiệp, lịch sử công đoàn địa phương và công đoàn ngành.
Công đoàn Việt Nam những chặng đường lịch sử.
Phong trào công nhân và hoạt động Công đoàn giải phóng miền Nam Việt Nam (1954 - 1975).
Phong trào nữ công nhân lao động và hoạt động nữ công công đoàn Việt Nam (chủ biên).
Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam Việt Nam.
Hoạt động của Công đoàn Thái Bình 1945 - 1954, LHCĐ Thái Bình.
45 năm Trường Cao cấp Công đoàn Việt Nam.
Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn các tỉnh: Lai Châu, Việt Trì, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc, Yên Bái, Lào Cai, Thanh Hoá, Hà Tây...
Huy chương danh dự Trung ương đoàn Thanh niên CS Hồ Chí Minh.
Huy chương vì sự nghiệp xây dựng tổ chức công đoàn và nhiều bằng khen khác.

Dự định khoa học

Sẽ xuất bản:
Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn Việt Nam 1975 - 2000.



LÊ VĂN THANH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 20 - 11 - 1951.
Quê quán: Triệu Trạch - Triệu Phong - Quảng Trị.
Chỗ ở hiện nay:
114 - B22 - Kim Liên - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Công nghệ Hoá học Menđêlêep Matxcơva, Liên Xô cũ.
Cán bộ Viện Vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Công nghệ Hoá học Menđêlêep Matxcơva, Liên Xô cũ.
Cán bộ Công ty Tư vấn xây dựng công nghiệp đô thị Việt Nam, Bộ Xây dựng.
Hội viên Hội Xây dựng và cấu kiện xây dựng, Hiệp hội Gốm sứ Xây dựng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Đại học Công nghệ Hoá học Menđêlêep Matxcơva, Liên Xô cũ.
Ngành Công nghệ Hoá học.
Chuyên ngành Công nghệ vật liệu silicat và kim loại khó nóng chảy.

Đề tài luận án

Tạo hình gốm kỹ thuật bằng phương pháp đúc áp lực có sử dụng các hợp chất nhiệt cứng.

Nội dung

Xác định đặc tính tạo thành cấu trúc các hệ phân tán trên bột gốm kỹ thuật và huyền phù H_2O - hợp chất nhiệt cứng.
Khi đốt nóng gián tiếp ở nhiệt độ tối ưu 80°C, thời gian đóng rắn khoảng 25 - 45 phút phụ thuộc vào thành phần pha lỏng của hồ gốm ban đầu và tăng lên với độ pha loãng bằng H_2O. Sử dụng phương pháp đốt nóng bằng tiếp điện thể tích bán thành phẩm sẽ giảm thời gian đóng rắn tới 10 lần.
Sự khử nhiệt các chất kết dính công nghệ tạm thời hợp chất nhiệt cứng khi nung bán thành phẩm không ảnh hưởng đến quá trình kết khối gốm và những đặc tính cuối cùng của sản phẩm.
Thiết lập công nghệ tạo hình sản phẩm gốm kỹ thuật bằng phương pháp đúc áp lực với chất kết dính công nghệ là hợp chất nhiệt cứng. Độ bền bán thành phẩm đạt được do đóng rắn thể tích hợp chất nhiệt cứng dưới tác động của trường điện tần số công nghiệp.
Công nghệ thiết lập đã tạo điều kiện gộp các quá trình khử nhiệt chất kết dính công nghệ tạm thời và nung bán thành phẩm vào một công đoạn, giảm năng lượng và chi phí lao động so với công nghệ "đúc nóng" 20% và giảm chất độc thải ra môi trường.
Công trình được Liên Xô cấp bằng tác giả.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Kỹ thuật sản xuất men trắng đục cho gạch men thay thế men trắng đục nhập của Nhật Bản (cấp Nhà nước, chủ nhiệm).
Nghiên cứu khả năng sử dụng các loại nhiên liệu thích hợp để nấu frit trong lò quay tại nhà máy Gạch men Thanh Thanh. (cấp Bộ, chủ nhiệm).
Kỹ thuật sản xuất men trắng đục cho gốm sứ trên cơ sở silicat Zircon Việt Nam. (cấp Nhà nước, cộng tác).
Kỹ thuật sản xuất gạch men nung một lần trên cơ sở nguồn nguyên liệu Việt Nam. (cấp Cơ sở).
Kỹ thuật sản xuất gốm vệ sinh nhẹ lửa. (cấp Nhà nước, cộng tác).
Khả năng sử dụng đá cao silic Quảng Ninh thay thế pirophilit Nhật Bản để sản xuất cốt liệu gạch men. (cấp Nhà nước, cộng tác).
Kỹ thuật sản xuất màu men gốm sứ. (cấp Bộ, cộng tác).
Kỹ thuật sản xuất sứ vệ sinh nung ở nhiệt độ < 1200°C bằng nguyên liệu Việt Nam. (cấp Cơ sở, chủ nhiệm).
Điều tra, đánh giá công nghệ và hiệu quả đầu tư các nhà máy xi măng lò đứng với thiết bị nhập ngoại.(cấp Bộ, chủ nhiệm dự án).
Điều tra, đánh giá hiện trạng công nghệ các dây chuyền sản xuất gạch ốp lát hiện có ở Việt Nam và định hướng phát triển gạch ốp lát tới năm 2010. (cấp Bộ, chủ nhiệm dự án).
Chuyên gia công nghệ trong một số dự án đầu tư xây dựng nhà máy xi măng và vật liệu xây dựng.

Dự định khoa học

Viết, biên dịch sách chuyên ngành và tư vấn xây dựng các công trình về vật liệu silicat và phi kim loại khó nóng chảy.



NGUYỄN CHÍ THANH

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 1 - 2 - 1935.
Quê quán: Tự Nhiên - Thường Tín -Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay:
Tổ 29 phường Trung Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Học viện Nông Lâm.
Cán bộ Viện Khoa học Lâm nghiệp.
Trưởng phòng Nghiên cứu bảo quản lâm sản, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.
Hiện là Giám đốc Trung tâm Phát triển công nghệ lâm sản, Hội Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.
Hội viên Hội Khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.
Chuyên ngành Sinh học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu phương pháp diệt và phòng mối, (Copt. Formosanus Shir.) không cần tìm tổ cho công trình, nhà cửa đã xây dựng.

Nội dung

Mối là côn trùng gây hại rất nhiều, đặc biệt là các công trình xây dựng. Mối chúa (con cái) có chức năng sinh sản, ít khi rời khỏi tổ ngầm trong nền công trình. Vì vậy các phương pháp xử lý trong nước và trên thế giới đều phải sử dụng trang thiết bị như phát dòng điện siêu âm hoặc dùng chất phóng xạ đánh dấu tìm tổ. Khi phát hiện được tổ thì khoan, đào để xử lý diệt.
Với giải pháp được nghiên cứu đã lợi dụng các đặc điểm sinh học của mối như sự quan hệ giữa các thành phần đi kiếm ăn và tổ chính, đặc biệt là sự cân bằng sinh thái, tiểu khí hậu trong tổ. Phá vỡ được sự cân bằng sinh thái do một bộ phận mối thợ về tổ chết, nấm hoại sinh trên xác mối phát triển, nhiệt độ và ẩm độ tăng đột ngột. Hệ thống tổ bị tiêu diệt không cần phải xác định vị trí tổ. Công nghệ không đòi hỏi trang thiết bị phức tạp nên được áp dụng rộng rãi, ít tốn kém, bảo vệ được môi trường, hiệu quả cao

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Bảo quản lâm sản (cấp Nhà nước).
Bảo quản tre, luồng, với phương pháp tẩm dựng.
Chống mối cho cây trồng.
Bảo quản gỗ sau khi khai thác, chế biến.
Phòng mối cho công trình xây dựng mới.
Pha chế các chế phẩm bảo quản: TC-1, PMĐ-4, PMC, CMM...
Phương pháp tẩm cây đứng.
Phương pháp tẩm thẩm thấu chân tường phòng mối cho công trình đã xây dựng...
Sách đã xuất bản:
Phòng trừ mối cho công trình xây dựng và kho tàng. Nxb Nông thôn.
Quy phạm phòng trừ - Trừ mối cho công trình xây dựng số 16 – 79. Uỷ ban Xây dựng cơ bản Nhà nước.
Chống mối. Nxb Nông nghiệp.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí và báo.
Huân chương kháng chiến hạng ba.
Huân chương lao động hạng ba.
Bằng lao động sáng tạo.
Huy chương Vì sự nghiệp lâm nghiệp.
Vì sự nghiệp khoa học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phòng chống hà cho tàu thuyền gỗ dùng ở biển.
Bảo quản gỗ rừng trồng phục vụ các ngành công nghiệp.



NGUYỄN VIẾT THANH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 8 - 8 - 1939.
Quê quán: Nghi Hoa - Nghi Lộc - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Điện Matxcơva.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Điện Matxcơva.
Chuyên viên kỹ thuật Vụ Kỹ thuật - Bộ Điện và Than.
Phân viện phó Phân viện Thuỷ điện, Viện Quy hoạch và Thiết kế điện.
Trưởng phòng Cơ điện Trung tâm Nghiên cứu và Thiết kế thuỷ điện.
Trưởng phòng Kinh tế Viện Quy hoạch kinh tế điện.
Học quản lý kinh tế tại Trường Kỹ sư kinh tế Lêningrat Liên Xô cũ.
Chuyên viên Ban Năng lượng Chính phủ.
Hiện là Trưởng phòng Kinh tế, Viện Năng lượng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1971.
Tại Đại học Điện Matxcơva.

Đề tài luận án

Một số vấn đề về tối ưu hoá chế độ làm việc ngày đêm nhà máy thuỷ điện trong hệ thống điện.

Nội dung

Thông thường các chế độ làm việc tối ưu thường nằm trong vùng ràng buộc, với các hàm mục tiêu không liên tục. Vì vậy, việc áp dụng các điều kiện tối ưu rất khó khăn. Trong một số trường hợp là không thể áp dụng được.
Luận án đã nghiên cứu áp dụng phương pháp Maximum để tìm miền tối ưu trong miền ràng buộc nêu trên.
Đã tìm được các điều kiện tối ưu một cách tổng quát phù hợp với kết quả tương tự trong các điều kiện cụ thể.
Khảo sát các ảnh hưởng độ không chính xác các thông tin đầu vào đến kết quả tính toán tối ưu để đưa ra các kiến nghị trong việc chuẩn bị các thông tin tính toán.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm những công trình khoa học:
Quy trình tạm thời điều tiết hồ chứa nước Thác Bà.
Phương pháp xác định cơ cấu phát triển hợp lý các nguồn năng lượng nhiên liệu có tính đến ảnh hưởng các hộ tiêu thụ lớn (3 tập).
Chi phí biên dài hạn ngành than.
Tần suất thiết kế thuỷ điện.(cấp Bộ).
Đề tài cấp Tổng công ty:
Nghiên cứu chế độ khai thác hợp lý các nhà máy thuỷ điện trong hệ thống điện toàn quốc.
Giá điện hai thành phần.
Giá bán buôn trong Tổng công ty Điện lực Việt Nam.
Phân tích chế độ huy động nguồn.
Tham gia nghiên cứu tài chính, giá cả sơ đồ phát triển điện lực Việt Nam.

Dự định khoa học

Nghiên cứu vận hành kinh tế hệ thống điện và giá điện ở Việt Nam.



CAO NGỌC THÀNH

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 8 - 5 - 1958.
Quê quán:
Điền Hải - Phong Điền - Thừa Thiên Huế.
Chỗ ở hiện nay: 67 Nguyễn Huệ - Thành phố Huế.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Huế.
Cán bộ giảng dạy.
Phó chủ nhiệm.
Chủ nhiệm bộ môn Phụ sản Trường Đại học Y Huế.
Hiện là Phó chủ nhiệm khoa Phụ sản Bệnh viện Trung ương Huế.
Uỷ viên Thường vụ Hội sản phụ khoa Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Đại học Y Hà Nội.
Ngành Y học.
Chuyên ngành Sản phụ khoa.

Đề tài luận án

Kích thích phóng noãn trong điều trị vô sinh.

Nội dung

Kích thích phóng noãn trong điều trị vô sinh là một vấn đề mới, một nhu cầu cấp thiết trong điều trị vô sinh.
Luận án đặt ra ba nhiệm vụ chính:
Chọn lựa phương pháp điều trị kích thích phóng noãn thích hợp cho từng loại bệnh nhân.
Theo dõi và đánh giá trong quá trình kích thích phóng noãn.
Đề phòng các tai biến như quá kích thích buồng trứng, nhiều thai.
Chọn bệnh nhân điều trị theo 7 tiêu chuẩn.
Kích thích phóng noãn theo 4 phác đồ:
Kích thích phóng noãn bằng hiệu ứng nhảy vọt sau ức chế.
Kích thích phóng noãn bằng Clomifen citrat.
Kích thích phóng noãn bằng Hormon hướng sinh dục: hMG-hCG.
Điều trị Bromocriptin cho các bệnh nhân vô sinh, vô kinh tiết sữa, prolactin trong máu cao.
Đề tài đã nêu lên một số phương pháp đơn giản và thực tế, có thể áp dụng được ở các tuyến tỉnh, huyện.

Thành tựu khoa học

Tham gia báo cáo khoa học và tổ chức nhiều hội nghị khoa học trong nước và quốc tế.
Tham gia và chủ nhiệm một số đề tài nghiên cứu khoa học các cấp.
Huy chương tuổi trẻ sáng tạo.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến phụ khoa nội tiết - vô sinh, thụ tinh trong ống nghiệm tại Huế và khu vực miền Trung, Tây Nguyên.



ĐẶNG TRƯỜNG THÀNH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 6 - 10 - 1946.
Quê quán: Bắc Sơn - Ân Thi - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 307 Y3 - ngõ 135 Núi Trúc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Trưởng phòng Quy hoạch Sở Xây dựng Yên Bái.
Phó phòng Nghiên cứu Quy hoạch vùng và phòng Nghiên cứu Khoa học, Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Xây dựng.
Thực tập sinh ở Liên Xô cũ.
Công tác ở Văn phòng kiến trúc sư trưởng thành phố Hà Nội.
Hiện là Trưởng phòng Lý luận phê bình kiến trúc, Viện Nghiên cứu Kiến trúc, Bộ Xây dựng.
Hội viên Hội Kiến trúc sư Việt Nam.
Hội Xây dựng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Đại học Xây dựng Tổng hợp quốc gia Matxcơva Liên bang Nga.
Ngành Tổ chức không gian quy hoạch đô thị và nông thôn.

Đề tài luận án

Lập mô hình tổ chức không gian quy hoạch đô thị trung bình ở Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu quy hoạch các đô thị trung bình ở Việt Nam và trên thế giới.
Cơ sở lý luận về cấu trúc và nghiên cứu các yếu tố khoa học để hình thành, phát triển cấu trúc đô thị Việt Nam: cơ sở kinh tế học, cơ sở xã hội học.
Nghiên cứu giao tiếp và đối tượng giao tiếp, dùng phương pháp toán học chứng minh bằng định tính và định lượng (hệ thống trung tâm dịch vụ công cộng là cơ sở cấu thành của cấu trúc).
Đề xuất các mô hình cấu trúc cho các vùng đô thị có đặc thù kinh tế địa lý khác nhau ở Việt Nam gồm vùng núi, đồng bằng, ven biển, thành phố lớn.
Áp dụng lý thuyết nghiên cứu cho 3 đô thị: thị xã Yên Bái, Sơn Tây và Bắc Ninh.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài:
Mạng lưới dân cư miền Tây Nam Bộ (9 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long) (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu mạng lưới dân cư miền Đông Nam Bộ.
Điều tra đánh giá chất lượng kiến trúc các công trình cao tầng và đề xuất chính sách phát triển kiến trúc cao tầng trong các đô thị lớn ở Việt Nam trong quá trình đô thị hoá (cấp Ngành).
Điều tra đánh giá kiến trúc các công trình công cộng có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam (cấp Ngành).
Nghiên cứu các điểm dân cư tập trung phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Lào Cai.
Nghiên cứu kiến trúc nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá áp dụng cho đồng bằng và trung du Bắc Bộ (hợp tác với Bungari).
Đang soạn thảo sách *Kiến trúc thời kỳ mở cửa.*
Huy chương Vì sự nghiệp xây dựng.
Huy chương chống Mỹ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu và viết sách về kiến trúc.



HÀ THỊ THÀNH

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 8 - 1 - 1954.
Quê quán: Thắng Lợi - Thường Tín - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Số 3 - tập thể Trường Đại học Tuyên giáo - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội 1.
Cán bộ giảng dạy khoa Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp, Trường Đại học Sư phạm 1 Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Trường Cán bộ quản lý giáo dục Trung ương, Hà Nội.
Hiện là giảng viên chính Phân viện Báo chí Tuyên truyền Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Đại học Sư phạm 1 Hà Nội.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Sinh lý thực vật.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của Co, Mo, Na_2SO_3 và hỗn hợp của chúng đến một số chỉ tiêu sinh lý – hoá sinh và năng suất của cây đậu tương (glycine – max (L) Merrill) trên vùng đất đồi Hà Tây.

Nội dung

Nghiên cứu ảnh hưởng của Co, Mo, Na_2SO_3 và hỗn hợp của chúng (với phương thức ngâm hạt trước khi gieo và phun trực tiếp lên lá) đến một số chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý - hoá sinh năng suất, phẩm chất của hạt đậu tương trên nền đất đồi Hà Tây.
Bổ sung một số tài liệu mới về vai trò của hai nguyên tố vi lượng Co, Mo và Na_2SO_3 đối với cây đậu tương.

Thành tựu khoa học

Sử dụng Co, Mo và chế phẩm của chúng.
Sách đã xuất bản:
Logic học đại cương.
Sinh học đại cương, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền.
Một số công trình đăng trên các tạp chí:
Vận dụng dạy học nêu vấn đề vào giảng dạy logic ở đại học.
Vận dụng suy luận tương tự vào giảng dạy logic học ở đại học.
Khoa học môi trường và ý nghĩa của nó trong chương trình đào tạo đại học.
Vấn đề dạy và học khoa học môi trường.
Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp văn hoá tư tưởng.

Dự định khoa học

Viết giáo trình *Môi trường - con người.*
Tái bản nâng cao sách *Logic học đại cương.*



KHUẤT HUY THÀNH

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 27 - 8 - 1955.
Quê quán: Đại Đồng - Thạch Thất - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Trường Đại học Cần Thơ.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội 1.
Cán bộ giảng dạy khoa Xã hội, Trường Đại học Cần Thơ.
Học cao học tại Đại học Sư phạm Hà Nội 1.
Giảng viên khoa Sử - Địa Trường Đại học Cần Thơ.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Sư phạm Hà Nội 1.
Hiện là Phó chủ nhiệm bộ môn Địa lý, khoa Sư phạm Trường Đại học Cần Thơ.
Hội viên Chi hội Địa lý Cần Thơ.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1.
Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy địa lý

Đề tài luận án

Phương pháp xây dựng và sử dụng biểu đồ trong dạy học địa lý kinh tế - xã hội ở trường phổ thông trung học.

Nội dung

Đề cập một số quan niệm về biểu đồ, những đặc điểm chung về bản chất của biểu đồ, lấy đó làm cơ sở lý luận cho việc xây dựng và sử dụng biểu đồ dạy học địa lý kinh tế - xã hội.
Dựa trên cơ sở lý luận dạy học địa lý hiện đại và thực tiễn, luận án đã xác định quy trình, các bước cần thiết giúp học sinh xây dựng biểu đồ để học tập địa lý kinh tế - xã hội.
Xác lập cơ sở lý luận, thực tiễn, hệ thống, nội dung, các bước và quy trình sử dụng biểu đồ trong dạy học địa lý kinh tế - xã hội.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Các phương pháp dạy học địa lý cụ thể theo chương trình cải cách giáo dục (chủ trì - cấp Trường).
Cải tiến sách giáo khoa địa lý 10 phục vụ cải cách giáo dục (tham gia - cấp Trường).
Hướng phát triển các phương pháp giảng dạy địa lý kinh tế - xã hội (chủ trì - cấp Bộ).
Biên soạn địa lý địa phương tỉnh Cần Thơ (tham gia - cấp tỉnh).
Tham gia biên soạn *Địa chí tỉnh Cần Thơ.*
Giáo trình đã xuất bản:
Lý luận dạy học địa lý (phần đại cương).
Phương pháp giảng dạy địa lý kinh tế - xã hội.
Kỹ thuật dạy học địa lý.
Tài liệu tham khảo về phương pháp giảng dạy địa lý lớp 11.
Bài giảng phân tích chương trình địa lý phổ thông-Trường Đại học Cần Thơ.
Trên 20 bài viết và công trình đã đăng trong các tạp chí, kỷ yếu khoa học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu nâng cao chất lượng dạy học địa lý.



LÊ ĐÌNH THÀNH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 9 - 9 - 1954.
Quê quán: Tân Ninh - Triệu Sơn - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 301 C2 - Quan Nhân - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Thuỷ lợi.
Học thạc sĩ tại Trường Đại học Tổng hợp Roorkee, Ấn Độ.
Hiện là Phó chủ nhiệm khoa Thuỷ văn - Môi trường - Trường Đại học Thuỷ lợi.
Hội viên Hội Xây dựng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.
Ngành Thuỷ lực học.
Chuyên ngành Thuỷ văn công trình và Thuỷ lợi.

Đề tài luận án

Nghiên cứu ứng dụng tính mưa và lũ lớn nhất khả năng ở Việt Nam.

Nội dung

Mưa và lũ lớn nhất khả năng là quan điểm nguyên nhân hình thành trong tiêu chuẩn tính mưa và lũ thiết kế. Luận án đã tổng hợp các quan điểm về tiêu chuẩn lũ thiết kế, phương pháp tính mưa, lũ thiết kế trên thế giới, và Việt Nam. Tổng kết các nguyên nhân gây mưa lũ ở Việt Nam. Phương pháp luận tính toán mưa lớn nhất khả năng được đề cập chi tiết, theo phương pháp hiệu chỉnh cực đại trận mưa lớn thực đo được. Phân tích các điều kiện thích hợp của các lưu vực sông vừa và lớn ở Việt Nam. Năm lưu vực điển hình (sông Đà, Lô - Gâm, sông Hương, Sê San và thượng lưu sông Đồng Nai). Tính toán mưa và lũ lớn nhất khả năng. Kết luận về điều kiện ứng dụng phương pháp, quy trình tính toán mưa và lũ lớn nhất khả năng cho các lưu vực sông Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Chương trình kiểm tra hồ chứa Việt Nam.
Tính toán lũ thiết kế tần suất 0,01% và lũ cực hạn cho công trình thuỷ điện Hoà Bình.
Tham gia và chủ trì nhiều đề tài nhánh của 5 đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước.
Giáo trình thuỷ văn công trình (đồng tác giả) - Nxb Nông nghiệp.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng khoa học quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực ở Việt Nam.
Tham gia xây dựng và đào tạo chuyên ngành quản lý tổng hợp vùng bờ biển Việt Nam.



NGÔ VĂN THÀNH

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 4 - 6 - 1949.
Quê quán: Tam Sơn - Từ Sơn - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Học viện Quân y - Phúc La - Hà Đông.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Quốc gia Varônhet Nga.
Cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Trưởng phòng Thí nghiệm lý sinh, khoa Sinh học, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Hiện là Trưởng phòng Lý sinh phóng xạ – Y sinh học phóng xạ, Học viện Quân y.
Uỷ viên Hội đồng y học quân sự Bộ Quốc phòng.
Hội viên Hội Y học lao động, Y học hạt nhân, Y học phóng xạ.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Học viện Quân y.
Ngành Y dược.
Chuyên ngành Y học phóng xạ.

Đề tài luận án

Nghiên cứu tác dụng bảo vệ phóng xạ của chế phẩm sinh học PG-2 từ rễ củ Tam thất bắc, (Lào Cai, Việt Nam) trên động vật thực nghiệm.

Nội dung

Bằng phương pháp kích hoạt nơtron đã xác định và định lượng được trong thành phần PG-2 có hơn 17 nguyên tố hoá học đa lượng và vi lượng như: Fe, Cu, Zn, Mn, Co, K, Cr, Sc, Cs, Ca, Th, Au, Mg, Na, Br, Rp,... và các thành phần SaPonin, triterpenoid, acid amin, acid hữu cơ, đường khử, tanin, tinh bột.
Chế phẩm PG-2 không gây nhiễm độc cấp trên động vật thực nghiệm, không xác định được LD/50.
PG-2 có hiệu lực bảo vệ phóng xạ mạnh ở cả hai đường tiêm và uống. Bằng các chỉ tiêu lý, hoá sinh chứng minh được một số cơ chế phân tử tác dụng bảo vệ phóng xạ của PG-2 như: tăng nhóm SH (thiol) phi Protein nội sinh, giảm tăng manolic dialdehyd; ADN, ARN trong các mô và máu, tăng thế điện động hồng cầu, ức chế sự tăng ADN ase, ARN ase, desoxycitidin trong một số mô và nước tiểu; có hoạt tính chống gốc tự do cao thông qua giảm nồng độ gốc tự do bền DPPH.

Thành tựu khoa học

Thư ký và tham gia 4 đề tài cấp Nhà nước, 5 đề tài cấp Bộ, 2 đề tài hợp đồng cấp Nhà nước về thuốc bảo vệ phóng xạ từ cây con thuốc Việt Nam, thuốc tẩy xạ, thải xạ, các chất chống ôxi hoá, chống gốc tự do; tổn thương do phóng xạ; đảm bảo quân y khi sử dụng vũ khí NBC, dư lượng tồn lưu hoá chất bảo vệ thực vật,...
Sách đã xuất bản:
Vật lý sinh vật học đại cương, tập 1, 2.
Thực tập nhỏ lý sinh.
Bài giảng Phóng nguyên.
Bài giảng thực tập Phóng nguyên - Nxb Đại học Quân y.
Vệ sinh dinh dưỡng, độc học - Cục Quân y.
Tổn thương do vũ khí hoá học, vũ khí hạt nhân và biện pháp phòng chống.
Độc học và phóng xạ quân sự - Nxb Học viện Quân y.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí, nhiều báo cáo tại các hội nghị khoa học.
Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì thế hệ trẻ.
Giải thưởng VIFOTEC.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chế tạo thuốc bảo vệ phóng xạ, thải xạ, tẩy xạ, chống nôn từ dược liệu Việt Nam. Ứng dụng kỹ thuật y học hạt nhân, lade, huyết học, hoá sinh, lý sinh, miễn dịch phóng xạ, sinh học phân tử để chẩn đoán bệnh phóng xạ, bệnh ung thư.



NGUYỄN ĐỨC THÀNH

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 30 - 3 - 1939.
Quê quán: Hợp Thành - Thuỷ Nguyên - Hải Phòng.
Chỗ ở hiện nay:
312, B5 - Đồng Xa - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm II Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Sư phạm II Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Phương pháp dạy học Sinh học - Kỹ thuật nông nghiệp Trường Đại học Sư phạm II Hà Nội.
Hội viên Hội Sinh học Hà Nội.
Hội Những người giảng dạy sinh học.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Sư phạm - Tâm lý.
Chuyên ngành Phương pháp dạy học Sinh học.

Đề tài luận án

Góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy các định luật di truyền lớp 12 phổ thông.

Nội dung

Xác định cơ sở lý luận của con đường suy diễn lý thuyết trong nhận thức, dạy học để vận dụng giảng dạy các định luật di truyền lớp 12 phổ thông.

Xây dựng cơ sở lý thuyết về quy luật, định luật trong khoa học và sinh học. Nguyên tắc diễn đạt các quy luật sinh học nói chung và định luật di truyền nói riêng.
Xác định con đường hình thành các định luật di truyền bằng suy diễn lý thuyết nhằm rút ngắn thời gian và dễ dàng lĩnh hội kiến thức.
Qua thực nghiệm khẳng định ngoài con đường diễn dịch, con đường suy diễn lý thuyết có hiệu quả cao trong dạy học các định luật di truyền lớp 12 phổ thông.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài:
VAC trong nhà trường phổ thông theo hướng giáo dục - dạy nghề - kinh tế.
Chuyển giao một số tiến bộ sinh học và bảo vệ môi trường đến hộ nông dân.
Đổi mới quy trình đào tạo sinh viên khoa Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp trường trung học cơ sở và Đại học Sư phạm.
Hình thành kỹ năng dạy học sinh học - kỹ thuật nông nghiệp cho sinh viên khoa Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp, Đại học Sư phạm.
Phát triển và ứng dụng công nghệ dạy học trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên (tham gia).
Sách đã xuất bản:
Lý luận dạy học sinh học (đồng tác giả).
Nâng cao kiến thức kỹ thuật 12 (chăn nuôi).
Phương pháp tích cực trong dạy học kỹ thuật nông nghiệp, trường trung học cơ sở.
Phương pháp dạy học kỹ thuật nông nghiệp, trường trung học cơ sở. Tập I, II. Nxb Giáo dục.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí, nhiều báo cáo trong các hội thảo khoa học.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Đào tạo giáo viên sinh học.
Viết giáo trình phương pháp dạy học bộ môn sinh học, kỹ thuật nông nghiệp.
Tham gia đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.



PHẠM VỌNG THÀNH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 15 - 10 - 1949.
Quê quán: Nam Đông - Nam Đàn - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Ô Chợ Dừa - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy, Phó chủ nhiệm bộ môn Trắc địa ảnh, Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Thực tập sinh tại Trường Đại học Trắc địa - Bản đồ Matxcơva Liên Xô cũ.
Phó chủ nhiệm khoa Trắc địa Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Trắc địa ảnh Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Trắc địa - Bản đồ - Viễn thám Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Chuyên ngành Ảnh hàng không, đo vẽ địa hình bằng ảnh hàng không.

Đề tài luận án

Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ xây dựng bộ ảnh mẫu điều vẽ dùng cho công tác thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10 000 – 1/25 000 ở nước ta.

Nội dung

Để thành lập bản đồ địa hình theo phương pháp đo vẽ ảnh, trước tiên cần đoán đọc điều vẽ ảnh nhằm xác định các định tính, định lượng yếu tố nội dung của bản đồ địa hình.
Điểm qua bộ ảnh mẫu điều vẽ của thế giới và Việt Nam, phân tích ưu nhược điểm, đề xuất phương án hoàn thiện quy trình công nghệ xây dựng bộ ảnh mẫu điều vẽ ở nước ta.
Dùng các phần của cặp ảnh lập thể để xây dựng ảnh mẫu điều vẽ cho từng yếu tố riêng biệt.
Kết hợp ảnh mẫu điều vẽ riêng biệt với ảnh mẫu điều vẽ tổng hợp nhiều yếu tố để xây dựng một bộ ảnh mẫu điều vẽ vừa thể hiện được tính đặc trưng điển hình của từng yếu tố điều vẽ vừa thể hiện được mối quan hệ đặc trưng của các yếu tố trong bộ ảnh mẫu điều vẽ.
Sắp xếp các ảnh mẫu điều vẽ theo thứ tự công tác tiến hành khi đoán đọc điều vẽ trong phòng để thuận lợi cho việc tra cứu và tạo điều kiện cho việc kiểm tra tính chính xác, tính đầy đủ của việc đoán đọc điều vẽ.

Thành tựu khoa học

Chủ trì một số đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ.
Sách đã xuất bản:
Cơ sở hệ thống thông tin địa lý GIS trong quy hoạch và quản lý đô thị (đồng tác giả) - Nxb Xây dựng.
Đoán đọc điều vẽ ảnh.
Cơ sở chụp ảnh và chụp ảnh hàng không. Nxb Giao thông.
Cơ sở viễn thám (sau đại học).
Cơ sở hệ thống thông tin địa lý cho công tác bản đồ. Ứng dụng của tài liệu hàng không - vũ trụ trong công tác bản đồ. Đại học Mỏ - Địa chất.
Giải đoán ảnh hàng không (đồng tác giả) - Nxb Đại học Quốc gia.
Trên 20 bài báo đăng trên các tạp chí, tuyển tập công trình khoa học.
Bằng tuổi trẻ sáng tạo khoa học.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng các tư liệu hàng không – vũ trụ vào công tác phòng chống thiên tai và công tác đánh giá tiềm năng nước ngầm ở nước ta.
Nghiên cứu ứng dụng máy ảnh kỹ thuật số vào mục đích phi địa hình (xây dựng, kiến trúc, an toàn giao thông...).



PHAN XUÂN THÀNH

Thành Phan

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 5 - 9 - 1960.
Quê quán: Vĩnh Thành - Yên Thành - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 210 E5 - Thanh Xuân Bắc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Viện Ngôn ngữ học, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia.
Hiện là Phó trưởng ban Nhà xuất bản Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Hội viên Hội Ngôn ngữ học.
Hội Giảng dạy tiếng Việt phổ thông.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Viện Ngôn ngữ học Việt Nam.
Ngành Ngữ văn.
Chuyên ngành Ngôn ngữ học.

Đề tài luận án

Loại từ tiếng Lào.

Nội dung

Loại từ tiếng Lào được nghiên cứu với tư cách là một yếu tố phụ hoạt động trong kết cấu danh từ với nhiều đặc điểm riêng và chung của các ngôn ngữ trong khu vực. Luận án làm rõ chức năng của loại từ tiếng Lào, lập danh sách các loại từ với sự phân nhóm và tiểu nhóm.

Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ loại hình, loại từ trong các nhóm, các hệ ngôn ngữ Đông Nam Á giúp giải quyết những vấn đề đang tồn nghi trong việc nghiên cứu loại từ các ngôn ngữ khác.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài:
Quy tắc viết tên người, tên địa lý nước ngoài trên sách giáo khoa Việt Nam (cấp Bộ).
Quy định tạm thời cách viết thuật ngữ và tên riêng trong sách giáo khoa (cấp Bộ).
Sách đã xuất bản (tham gia):
Sách học tiếng Pakôh - Taôih, Uỷ ban nhân dân Bình Trị Thiên - Viện Ngôn ngữ học.
Những vấn đề ngôn ngữ học về các ngôn ngữ phương Đông - Viện Ngôn ngữ học.
Những vấn đề ngôn ngữ học các dân tộc ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.
Tiếng Việt và các ngôn ngữ Đông Nam Á.
Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam - Nxb Khoa học xã hội.
Học vần tiếng Việt - Trung tâm Hỗ trợ giáo dục không chính quy Việt Nam và Viện Ngôn ngữ học.
Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ (3 tập) - Nxb Khoa học xã hội.
Từ điển thành ngữ Việt Nam - Nxb Văn hoá - Thông tin.
Từ điển tiếng Việt thông dụng.
Từ điển giải thích thành ngữ tiếng Việt.
Từ điển giải thích thành ngữ gốc Hán - Nxb Văn hoá.
Từ điển giáo khoa tiếng Việt tiểu học.
Từ điển tiếng Việt cho học sinh dân tộc.
Từ điển chính tả tiếng Việt cho học sinh dân tộc.
Từ điển tiếng Việt căn bản.
Từ điển đối chiếu từ địa phương. Nxb Giáo dục.
Đại từ điển tiếng Việt. Nxb Văn hoá.
Từ điển Việt - Mông.
Tập tô tập viết - Nxb Giáo dục.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành ở Việt Nam và Lào.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ngôn ngữ.
Biên soạn từ điển, sách giáo khoa tiếng Việt và tiếng dân tộc ít người.



TRẦN QUỐC THÀNH

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 9 - 9 - 1952.
Quê quán: Mỹ Xá - Thành phố Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 12 B10 - tập thể Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Địa lý Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy khoa Tâm lý - Giáo dục.
Phó trưởng khoa Tâm lý - Giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Thành viên Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Sư phạm - Tâm lý.
Chuyên ngành Tâm lý học.

Đề tài luận án

Kỹ năng tổ chức trò chơi của chi đội trưởng chi đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

Nội dung

Luận án nghiên cứu cấu trúc kỹ năng tổ chức hoạt động trò chơi của chi đội trưởng bao gồm 25 kỹ năng trong 5 yếu tố: nhận thức, thiết kế, phân công phối hợp, giao tiếp, điều hành và kiểm tra.

Luận án đã chỉ ra thực trạng kỹ năng tổ chức trò chơi của 300 chi đội trưởng đạt mức yếu: 2/5 (có 5 mức độ kỹ năng). Nguyên nhân chính là phương pháp huấn luyện chưa phù hợp. Muốn hình thành kỹ năng tổ chức trò chơi cho chi đội trưởng phải lấy các tri thức trò chơi làm nội dung chính để huấn luyện. Ngoài ra nhà giáo dục phải rút dần vai trò phụ trách để người học tự tổ chức hoạt động thì kết quả hình thành kỹ năng sẽ cao hơn.

Thành tựu khoa học

Tham gia 4 đề tài cấp Nhà nước, 15 đề tài cấp Bộ.
Chủ trì một số đề tài cấp cơ sở.
Giải thưởng hội thi tuổi trẻ sáng tạo thủ đô 1983.
Trên 30 báo cáo khoa học đã công bố.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí, thông báo khoa học.
Đồng tác giả 5 đầu sách.
Tham gia hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ.

Dự định khoa học

Tham gia đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.
Viết sách cho đại học, trên đại học.



TRỊNH CÔNG THÀNH

Tiến sĩ Thú y

Sinh ngày: 21 - 5 - 1950
Quê quán: Yên Thọ - Đông Triều - Quảng Ninh.
Chỗ ở hiện nay: L4 bis Thất Sơn - cư xá Bắc Hải - Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.
Giảng viên Trường Đại học Nông nghiệp IV Thủ Đức.
Nghiên cứu sinh Viện Hàn lâm Thú y Matxcơva.
Phó phòng Quản lý nghiên cứu khoa học.
Phó phòng Hợp tác quốc tế và Đào tạo sau đại học.
Hiện là Giám đốc thư viện.
Giảng viên chính Trường Đại học Nông Lâm Thủ Đức.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988
Tại Viện Hàn lâm Thú y Matxcơva, Liên Xô cũ.
Ngành Chăn nuôi.
Chuyên ngành Di truyền chọn giống động vật.

Đề tài luận án

Việc đánh giá ngoại hình và cấu trúc bên trong của gà con một ngày tuổi các dòng gà Bêlarút - 9.

Nội dung

So sánh phẩm chất trứng ấp, kết quả ấp nở của 3 dòng gà Bêlarút - 9 và một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả ấp nở.
Nghiên cứu một số chỉ tiêu về hình thái, sinh hoá, miễn dịch ở gà con một ngày tuổi của 3 dòng gà Bêlarút - 9.
Đánh giá phẩm chất gà con một ngày tuổi của 3 dòng gà Bêlarút - 9 liên quan đến thể trọng.
Đánh giá phẩm chất gà con dòng 4 liên quan đến các chỉ tiêu ngoại hình.
Nghiên cứu các chỉ tiêu về di truyền tế bào học ở gà con khoẻ mạnh và gà con dị tật của dòng 4.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Xây dựng hệ thống quản lý giống theo quy trình công nghệ tiên tiến nâng cao phẩm chất giống bò sữa tại thành phố Hồ Chí Minh.

Dự định khoa học

Xây dựng hệ thống đánh giá di truyền heo hỗ trợ các trại trong việc xây dựng các dòng heo có phẩm chất tốt tại thành phố Hồ Chí Minh.

Lời Tiến sĩ

Cần có một cuộc cải cách sâu rộng trong giáo dục, đào tạo hiện nay.



VŨ ĐÌNH THÀNH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 20 - 5 - 1959.
Quê quán: Làng Bưởi - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay:
77 Bàn Cờ - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Điện - Điện tử, Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Bách khoa Grenoble, Pháp.
Chủ nhiệm bộ môn Viễn thông, khoa Điện - Điện tử, Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Phó chủ nhiệm khoa Điện - Điện tử, Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Vô tuyến Điện - Điện tử thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Trường Đại học Bách khoa Grenoble, Pháp.
Ngành Điện tử.
Chuyên ngành Siêu cao tần và Quang điện tử.

Đề tài luận án

Mô phỏng hiệu ứng truyền dẫn ghép và có tổn hao dùng phần mềm mô phỏng mạch SPICE.

Nội dung

Hiện tượng truyền dẫn ghép và có tổn hao thường xảy ra trên các loại vi mạch có mật độ tích hợp lớn (kích thước linh kiện và μm) hoạt động ở tần số siêu cao (vùng GHz), nơi xảy ra hiện tượng tổn hao (do hiệu ứng bì) và hiện tượng ghép ký sinh tín hiệu giữa các dây dẫn (được đặt rất gần nhau). Việc tìm các đáp ứng tần số và thời gian của vi mạch là rất khó khăn, cần dùng đến nhiều công cụ toán học (phép biến đổi Fourier, phép tính tensor trên ma trận...). Ngoài ra, nếu vi mạch được nối với các phần tử phi tuyến (diode, transistor, cổng luận lý...) thì các tính toán trên (dùng các toán tử tuyến tính) là không thể thực hiện được. Luận án đề xuất một phương án mô hình hoá các hiện tượng trên bằng mạch điện tương đương và dùng phần mềm SPICE mô phỏng tín hiệu trên kênh truyền. Các kết quả mô phỏng đạt độ chính xác cao, thời gian mô phỏng tương đối nhanh và đáp ứng mọi đối tượng của tải.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Nâng cao chất lượng ảnh bằng phương pháp xử lý histogram (cấp cơ sở).
Nâng cao chất lượng ảnh fax truyền trên mạng thoại (cấp Bộ).
Thiết kế thử nghiệm anten vi dải cự ly nhỏ (cấp Bộ).
Sách đã xuất bản:
Hệ thống viễn thông.
Lý thuyết cơ sở kỹ thuật siêu cao tần.
Mạch siêu cao tần. Nxb Khoa học kỹ thuật.
Nhiều bài công bố trên các tạp chí, hội nghị khoa học.

Dự định khoa học

Giảng dạy và nghiên cứu các lĩnh vực:
Siêu cao tần.
Truyền sóng.
Xử lý tín hiệu.



PHẠM NGỌC THAO

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 25 - 8 - 1934.
Quê quán: Thượng Hiền - Kiến Xương - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 264 Bà Triệu - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Toán - Cơ, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Tổ trưởng tổ bộ môn Giải tích, tổ bộ môn Tôpô - đại số - hình học.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1969
Tại Viện Toán V.A.Steklôp, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.

Tiến sĩ Khoa học năm 1981.
Tại Viện Toán, Trường Đại học Iaghielonski Krakôp - Ba Lan.
Chuyên ngành Phương trình vi phân riêng.

Đề tài luận án Tiến sĩ

Toán tử vi phân tự nhiên trên đa tập compac.

Nội dung

Trên đa tập Rieman, định nghĩa và phân loại một lớp các toán tử vi phân (gọi là tự nhiên) theo tính giải chuẩn khác nhau (elliptic, tựa elliptic) của chúng trong hệ các không gian siboler các dạng vi phân (với biên kiện "tự nhiên", nếu đa tập có biên).

Tiến sĩ Khoa học

Bài toán bờ của toán tử vi phân tự nhiên trên đa tập Rieman.

Nội dung

Nghiên cứu tính giải chuẩn khác nhau (elliptic, elliptic trong không gian con) của bài toán biên với biên kiện tổng quát của toán tử vi phân tự nhiên.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Giải tích II - Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Toán đại cương - giải tích - Đại học Quốc gia Hà Nội (đồng tác giả).
Toán cao cấp - Nxb Giáo dục (đồng tác giả).
Huân chương lao động hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp khoa học và môi trường.



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 16 - 4 - 1953.
Quê quán: Hữu Bằng - Thạch Thất - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 28 ngách 3/40 Thái Hà - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Sinh vật học Viện Khoa học Việt Nam.
Cán bộ Trung tâm Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.
Hiện công tác tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia.
Hội viên Hội Thực vật Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990.
Tại Viện Sinh vật học, Viện Khoa học Việt Nam.
Ngành Sinh vật học.
Chuyên ngành Thực vật học.

Đề tài luận án

Đặc tính sinh học và hoá học của cây é (Ocimum basilicum L. var.pilosum (willd) Benth) ở Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu cơ sở khoa học để sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thực vật trong nước nhằm đáp ứng các nhu cầu của con người trong cuộc sống.
Những số liệu mới về sinh trưởng, phát triển và nhịp điệu tích luỹ chất khô của cây é trong quá trình phát sinh cá thể.
Xác định thành phần hoá học của tinh dầu é. Bằng phương pháp ký khí - khối phổ, ngoài citral (a, b) và linalool lần đầu tiên đã nhận được các chất khác là: metyl heptenon, metyl chavicol, geraniol, β-caryophylen và α-Bergamoten trong tinh dầu é.
Xác định thời vụ gieo trồng, thu hái và năng suất tinh dầu é ở điều kiện đồng bằng sông Hồng.
Sự biến dị với biên độ rộng về năng suất, hàm lượng, chất lượng tinh dầu é khi nhân giống bằng hạt mở ra nhiều triển vọng trong việc chọn giống é mới có hàm lượng và chất lượng tinh dầu cao trong tương lai.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Nghiên cứu tài nguyên thực vật cây dầu nhựa.
Nghiên cứu phát triển nguồn tinh dầu xuất khẩu.
Nghiên cứu tiêu chuẩn giống đương qui, bạch chỉ, ngưu tất và bạc hà.
Tài nguyên thực vật Đông Nam Á.
Khảo nghiệm vùng sinh thái phát triển cỏ ngọt (Stevia rebaudiana) ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.
Khai thác và sử dụng các chất sinh học từ thực vật để chống sâu hại côn trùng.
Bảo tồn nguồn gen cây thuốc Việt Nam.
Các cơ sở khoa học để phát triển một số loài cây tinh dầu và cây thuốc.
Biện pháp nhân nhanh giống bạc hà TN-26 có năng suất cao, chất lượng tốt.
Xây dựng vườn cây thuốc nam ở làng Hữu Nghị Hoài Đức, Vân Canh, Hà Tây.
Sách đã xuất bản:
Tài nguyên cây tinh dầu của Việt Nam (đồng tác giả).
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu bảo tồn nguồn gen và giống cây thuốc.
Nghiên cứu phát triển và bảo tồn tri thức, kinh nghiệm sử dụng thực vật của các cộng đồng thiểu số Việt Nam.



TRẦN VĂN THẢO

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 21 - 9 - 1958.
Quê quán: Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 327/11 Nguyễn Đình Chiểu - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Phó trưởng bộ môn Kế toán - Thương mại, Trường Đại học Tài chính - Kế toán thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Phó trưởng bộ môn Lý thuyết kế toán, khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Kế toán Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Kế toán - Tài vụ - Phân tích hoạt động kinh tế.

Đề tài luận án

Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán và hình thức kế toán trong điều kiện mới.

Nội dung

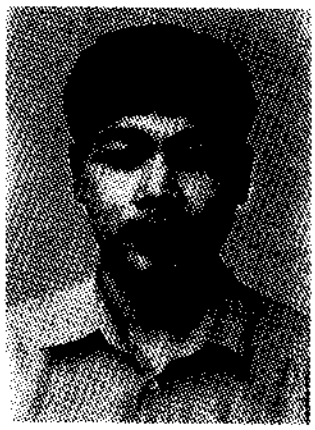
Bổ sung lý luận về chứng từ kế toán và hình thức kế toán trong điều kiện tin học hoá công tác kế toán.
Hoàn thiện chứng từ kế toán nhằm đáp ứng yêu cầu của cơ chế thị trường và tin học hoá công tác kế toán: bổ sung cấu trúc chứng từ, hợp pháp hoá cho thông tin ghi nhận trên đĩa từ, cơ chế kiểm soát tính hợp pháp.
Hoàn thiện hình thức kế toán nhằm đáp ứng yêu cầu của tin học hoá công tác kế toán: thông tin kế toán lưu giữ trên đĩa từ có giá trị như ghi trên sổ, xây dựng quy trình kế toán bằng máy và các giải pháp khác.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu các đề tài:
Hoàn thiện cơ chế quản lý và các công cụ quản lý ở Công ty Cao su Đắc Lắc (cấp tỉnh).
Phần mềm kế toán quản lý toàn công ty.
Biên soạn giáo trình:
Hạch toán kế toán trong công ty thương mại - Nxb Thống kê.
Thực hành kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ.
Lý thuyết kế toán.
Kế toán Mỹ.
Kế toán Mỹ đối chiếu.

Dự định khoa học

Nghiên cứu những vấn đề của kế toán trong điều kiện kế toán bằng máy và thương mại điện tử.



CAO THẮNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 1 - 12 - 1967.
Quê quán:
Điền Hải - Phong Điền - Thừa Thiên Huế.
Chỗ ở hiện nay: 10 ngõ Thuỷ Lợi 8 - Trung Liệt - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Năng lượng Matxcơva, Liên Xô.
Nghiên cứu sinh Đại học Bách khoa Vacxava, Ba Lan.
Cộng tác viên khoa học Viện Năng lượng, Bộ Công nghiệp Ba Lan.
Cán bộ Công ty Chế tạo biến thế ABB.
Trưởng phòng Thiết kế máy biến thế truyền tải điện áp > 110 kV.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Trường Đại học Bách khoa Vacxava, Ba Lan.

Đề tài luận án

Sự phụ thuộc của quá trình qua độ cực nhanh vào các chi tiết và cấu trúc của trạm điện SF6-GIS.

Nội dung

Phân tích ảnh hưởng của các thiết bị và mô hình trạm điện có chất cách điện là khí SF6 đến các thông số của quá trình vượt thế cực nhanh được hình thành bởi sự phóng điện ngắt quãng liên tục khi đóng cắt mạch hoặc cắt dòng nhỏ không phụ tải. Có tham khảo, nghiên cứu các công ty điện lực lớn như: ABB, SIEMENS, TOSHIBA, HITACHI.
Đánh giá sự ảnh hưởng của các thiết bị đến độ vượt thế bằng cách đơn giản hoá mô hình trạm điện SF6.
Đánh giá sự ảnh hưởng giải tần số của quá trình vượt thế cực nhanh đến biên độ điện thế, điện trở lõi dẫn, điện trở bề mặt bộ chia điện SF6.
Đánh giá sự ảnh hưởng của hệ thống nối đất đến thông số của quá trình vượt thế cực nhanh.
Tối ưu hoá mô hình trạm SF6.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Lập mô hình toán và mô phỏng quá trình sóng trên đường dây tải điện 500 kV khi có sự cố 1 pha, 2 pha ảnh hưởng của sét đánh. Căn cứ trên kết quả thu được các bước tính toán để xác định điểm sự cố đã được thiết lập (ở Liên Xô).
Lập mô hình toán và mô phỏng quá trình sự cố điện 1 pha trong lưới điện phân phối. Phân tích và đánh giá khả năng chịu đựng của máy cắt khi thao tác trong lưới có mật độ phân bố tải dày đặc ở Ba Lan.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chống sét đối với lưới điện quốc gia.



NGUYỄN QUANG THẮNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 15 - 7 - 1955.
Quê quán: Nam Hồng - Nam Trực - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: Số 1 ngõ 218/27/8 Lạc Long Quân - Tây Hồ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Trưởng bộ môn Trắc địa Trường Trung học kỹ thuật Mỏ.
Nghiên cứu sinh tại khoa Trắc địa, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Thực tập sinh khoa học tại Trường Đại học Trắc địa, Ảnh và Bản đồ Matxcơva.
Hiện là Phó trưởng khoa Sau đại học, Phó trưởng bộ môn Trắc địa công trình, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Thành viên Hội Trắc địa, Bản đồ và Viễn thám Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Đại học Trắc địa, Ảnh và Bản đồ Matxcơva.
Chuyên ngành Kỹ thuật.

Đề tài luận án

Phân tích, so sánh và lựa chọn các phương pháp xử lý những mạng lưới trắc địa mặt đất trên lãnh thổ Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu các phương pháp xử lý những mạng lưới trắc địa mặt đất trong các hệ toạ độ không gian và hệ toạ độ phẳng.
Khảo sát những đặc điểm xây dựng và bình sai các mạng lưới thiên văn - trắc địa ở Việt Nam.
Nghiên cứu lý thuyết các phương pháp xử lý những mạng lưới trắc địa mặt đất trong các hệ toạ độ không gian và hệ toạ độ phẳng.
Thành lập các sơ đồ và chương trình tính toán bình sai.
Tiến hành các tính toán thực nghiệm.
Lựa chọn phương án hợp lý để xử lý các mạng lưới trắc địa trên mặt đất.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Xây dựng phương án điều tra, đo vẽ công trình ngầm dân dụng thành phố Hà Nội (tham gia - cấp Thành phố).
Một số bài đăng trên các tạp chí.
Đồng chủ trì biên soạn giáo trình: *Trắc địa công trình.*
Chủ trì và tham gia 20 đề tài phục vụ sản xuất.
Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Dự định khoa học

Hoàn thiện công nghệ trắc địa trong xây dựng các công trình.



NGUYỄN VĂN THẮNG

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 8 - 8 - 1955.
Quê quán: Phúc Khánh - Hưng Hà - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 9B ngõ 6 - phố Ao Sen - thị xã Hà Đông.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
Giảng viên Trường Quản lý kinh tế xây dựng, Đại học Kiến trúc Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn, Phó chủ nhiệm khoa.
Hiện là Phó hiệu trưởng Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ ngành Xây dựng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990.
Tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Chuyên ngành Tổ chức sản xuất và quản lý.

Đề tài luận án

Hoàn thiện công tác bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế cho cán bộ ngành xây dựng.

Nội dung

Phân tích những đòi hỏi bức xúc khách quan phải đào tạo, bồi dưỡng lại kiến thức quản lý kinh tế cho đội ngũ cán bộ ngành xây dựng trong cơ chế quản lý mới. Nghiên cứu thực trạng đội ngũ cán bộ, công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế. Xác định những quan điểm, mục tiêu và các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế cho cán bộ ngành xây dựng.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Kinh tế tổ chức và kế hoạch hoá xí nghiệp công nghiệp.
Công ty cổ phần và thị trường chứng khoán.
Pháp luật trong quản lý kinh tế.
Một số vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp.
Tham gia biên tập:
Chế độ chính sách quản lý đô thị. Nxb Xây dựng.
Chân dung các nhà doanh nghiệp.
Tình huống quản lý kinh doanh.
Đáp án các tình huống quản lý kinh doanh. Nxb Nông nghiệp.
Tham gia biên soạn:
Hiệu quả kinh tế.
Lý thuyết hệ thống ứng dụng trong quản lý kinh tế.
Các đề tài nghiên cứu:
Sự hình thành các loại hình doanh nghiệp nước ta trong giai đoạn hiện nay và các giải pháp quản lý thích ứng (cấp Bộ).
Mô hình và phương pháp đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh doanh ngành xây dựng (cấp Trường).
Nghiên cứu chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý xây dựng cho cán bộ quản lý xây dựng nông thôn (cấp Bộ).
Huy chương Vì sự nghiệp xây dựng.
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, giảng dạy thuộc lĩnh vực tổ chức sản xuất và quản lý xây dựng.



PHẠM TẤT THẮNG

Lưu Phương
Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 1 - 12 - 1953.
Quê quán: Tây Phong - Tiền Hải - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 38/tổ 13 Khương Trung - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ Viện Ngôn ngữ học - Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.
Hội viên Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.
Hội Ngôn ngữ học Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Viện Ngôn ngữ học.
Chuyên ngành Ngữ văn.

Đề tài luận án

Đặc điểm tên riêng chỉ người trong tiếng Việt.

Nội dung

Khảo sát và miêu tả tên gọi của người Việt (chính danh) một cách có hệ thống trên tất cả các mặt cấu trúc - chức năng đặc điểm hoạt động. Trên quan điểm đồng đại, luận án đã xem tên gọi chính thức của người Việt như là một tổ hợp định danh có cấu trúc chặt chẽ cả về âm và nghĩa. Lần đầu tiên nghĩa của tên riêng chỉ người trong tiếng Việt được xem xét như mặt nội dung - cái được biểu hiện của ký hiệu tên gọi. Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ bản chất của lớp tên riêng chỉ người trong hệ thống ngôn ngữ. Giải quyết một số vấn đề của thực tiễn: vấn đề tìm hiểu những giá trị lịch sử, văn hoá, xã hội... của cộng đồng người Việt thông qua tên gọi và cách gọi, vấn đề chính tả viết hoa tên riêng, vấn đề biên soạn từ điển tên riêng v.v...

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Vài nhận xét về yếu tố "đệm" trong tên gọi người Việt, trong *Tiếng Việt và các ngôn ngữ Đông Nam Á*. Nxb Khoa học Xã hội.
Bước đầu tìm hiểu năng lực song ngữ Mường - Việt của người Mường Cao Răm, Lương Sơn, Hoà Bình. Viện Ngôn ngữ học.
Tên người Việt và cách sử dụng chúng trong giao tiếp gia đình, trong *Ứng xử ngôn ngữ trong giao tiếp gia đình người Việt*. Nxb Văn hoá Thông tin.
Ý nghĩa tên riêng. Viện Ngôn ngữ học.
Về số phận của các họ ghép và họ kép của người Việt.



PHẠM TRƯỜNG THẮNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 11 - 7 - 1954.
Quê quán: Yên Phương - Ý Yên - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 19 ngõ 371 Kim Mã - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải.
Trung tâm Thông tin khoa học kỹ thuật - Bộ Giao thông vận tải.
Công ty Tư vấn đầu tư xây dựng - Liên hiệp Đường sắt Việt Nam.
Hiện là Trưởng phòng Giao thông đô thị và địa phương, Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải.
Hội viên Hội Cơ khí Việt Nam.
Hội Đầu máy toa xe Việt Nam.
Hội Nghiên cứu giao thông vận tải Đông Á.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Đại học Giao thông vận tải Hà Nội.
Ngành Cơ khí chế tạo máy.
Chuyên ngành Chế tạo toa xe và ngành toa xe.

Đề tài luận án

Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao tính năng động lực học của giá chuyển hướng toa xe khách.

Nội dung

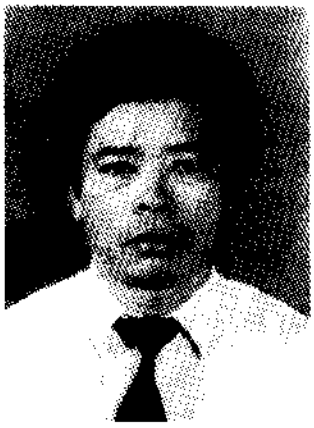
Tổng quan kết cấu, tính năng động lực và tình hình sử dụng giá chuyển hướng toa xe khách.
Thông số của các cụm chi tiết chính giá chuyển hướng ảnh hưởng đến tính năng động lực toa xe khách.
Các bài toán động lực học của toa xe khách theo các phương thẳng đứng và nằm ngang.
Đánh giá chất lượng động lực học của giá chuyển hướng toa xe khách.
Tính toán, lựa chọn loại hình kết cấu và các thông số kỹ thuật cho giá chuyển hướng toa xe khách Việt Nam.
Những đóng góp mới của luận án: đánh giá độ êm dịu thông qua thời gian mỏi mệt và giải các bài toán với các phương án thay đổi hệ số cản của giảm chấn theo phương nằm ngang.

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài cấp Nhà nước:
Nghiên cứu, thiết kế, chế thử giá chuyển hướng toa xe hàng và khách.
Nghiên cứu, thiết kế và chế thử máy phát điện bằng gió.
Các giải pháp kỹ thuật để ứng dụng điện khí hoá vận tải đường sắt.
Cấp Bộ:
Những vấn đề khoa học kỹ thuật chủ yếu và một số yếu tố trong phương pháp luận khi xét điện khí hoá một đoạn đường sắt.
Phương pháp luận đo kiểm đường sắt.
Phương pháp đánh giá chất lượng giảm chấn thuỷ lực toa xe và ô tô khách (chủ nhiệm).
Lựa chọn các loại hình phương tiện giao thông đô thị cho các thành phố lớn Việt Nam.
Lựa chọn những yêu cầu kỹ thuật cho đoàn tàu khách nhẹ (chủ nhiệm).
Lựa chọn những yêu cầu kỹ thuật cho tàu điện ngầm ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.
Nghiên cứu vật liệu tại chỗ xây dựng đường giao thông nông thôn (thư ký).
Chủ nhiệm dự án:
Xây dựng hệ thống cáp treo chùa Hương.
Xây dựng hệ thống cáp treo Tam Đảo.
Phát triển vận tải hành khách công cộng ở thủ đô Hà Nội giai đoạn 2001 - 2005 (phó chủ nhiệm).

Dự định khoa học

Nghiên cứu giao thông đô thị đặc biệt là phương tiện giao thông bánh sắt, những vấn đề về an toàn giao thông, giao thông thông minh.



THÁI VĨNH THẮNG

Tiến sĩ Luật học

Sinh ngày: 25 - 10 - 1954.
Quê quán: Vĩnh Thuỷ - Vĩnh Linh - Quảng Trị.
Chỗ ở hiện nay: 126 đường sông Lử - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Pháp lý Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Luật đất đai - Đại học Luật Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô cũ.
Học Trường Đào tạo thẩm phán Bordeaux Pháp.
Hiện là Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước thuộc khoa Hành chính - Nhà nước, Đại học Luật Hà Nội.
Luật sư đoàn luật sư Hà Bắc.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989.
Tại Đại học Tổng hợp Adecbaidăng Liên Xô cũ.
Ngành Luật học.
Chuyên ngành Lý luận nhà nước và pháp luật.

Đề tài luận án

Sự phát triển của nền lập hiến Việt Nam.

Nội dung

Luận án nghiên cứu các tư tưởng lập hiến ở Việt Nam và quá trình hình thành và phát triển của các hiến pháp 1946, 1959, 1980 và nhu cầu sửa đổi hiến pháp 1980.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm đề tài:
Cơ sở khoa học và nội dung chương trình môn học luật hiến pháp nước ngoài (cấp trường).
Sách đã xuất bản:
Giáo trình luật hiến pháp nước ngoài (chủ biên).
Lịch sử lập hiến Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia.
Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật - Huế (đồng tác giả).
Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam - Hà Nội (đồng tác giả).
Trên 10 công trình khoa học đăng trong các tạp chí.

Dự định khoa học

Biên soạn *Tổ chức và hoạt động của nghị viện các nước trên thế giới.*

Lời Tiến sĩ

Trong nền kinh tế tri thức, trí thức Việt Nam phải là lực lượng tiên phong.



LÊ VĂN THÂN

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 21 - 11 - 1940.
Quê quán: Vân Bán - Sông Thao - Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: 138/ngõ 211 Khương Trung - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Mỏ địa chất Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Công tác tại Vụ Kỹ thuật, Tổng cục Địa chất.
Hiện công tác tại phòng Khoáng vật, phòng Kim loại, Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản, Bộ Công nghiệp.
Ủy viên Hội đồng khoa học, thư ký Hội đồng chấm luận án tiến sĩ của viện.
Tổng Giám đốc Công ty Kỹ nghệ đá quý Việt Nam.
Thành viên Hội Địa chất Việt Nam. Phó chủ tịch Chi hội nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990.
Tại Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
Ngành Địa lý - Địa chất.

Đề tài luận án

Những thành hệ quặng thiếc chủ yếu ở Việt Nam và ý nghĩa công nghiệp của chúng.

Nội dung

Thành hệ quặng là tập hợp tự nhiên những tích tụ khoáng sản có thành phần vật chất giống nhau, hình thành trong điều kiện địa chất và hoá lý như nhau, có mối liên quan cộng sinh hay nguồn gốc với thành hệ địa chất xác định. Tác giả đã xác lập được 3 dãy thành hệ quặng thiếc ở Việt Nam với 8 kiểu thành hệ quặng. Trong đó caxiterit-volframit - thạch anh, caxiterit-silicat, caxiterit-sunfur và sa khoáng caxiterit là 4 thành hệ quặng thiếc chủ yếu, có giá trị không những về thiếc mà còn về các kim loại đi kèm: W, Bi, Au-Ag, Pb-Zn, Ta-Nb... đá quý và bán quý. Những dãy thành hệ và kiểu thành hệ nêu trên được hình thành ở 3 thời đoạn chính: Triat giữa - muộn, Kreta và Kreta-Paleogen.
Với đặc tính sinh khoáng chồng (đa kỳ, đa thành hệ) làm cho Việt Nam trở thành lãnh thổ quặng thiếc giàu có về trữ lượng, phong phú về khoáng sản đi kèm với 4 vùng quặng thiếc: Tĩnh Túc - Ngân Sơn, Tam Đảo, Nghệ Tĩnh và Đà Lạt - Ninh Thuận.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm - chủ biên nhiều đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, ngành:
Sinh khoáng thiếc vùng Cao Bằng;
Kiến tạo và sinh khoáng Bắc Trung Bộ.
Một số phát hiện mới về địa chất và khoáng sản đã công bố.
Thành hệ caxiterit kiểu riolit ở vùng quặng thiếc Tam Đảo.
Granit chứa kim loại hiếm Đảo Mắt (tuổi Kreta - Paleogen), ven biển vịnh Bắc Bộ.
Tham gia nhiều công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Tham gia nghiên cứu kiến tạo và sinh khoáng Việt Nam theo quan điểm kiến tạo mảng.



NGUYỄN TƯ THẾ

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 20 - 12 - 1952.
Quê quán: Văn Hoá - Tuyên Hoá - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: 53 Võ Thị Sáu - Thành phố Huế.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Tai Mũi Họng Đại học Y Huế.
Phó chủ nhiệm khoa Tai Mũi Họng Bệnh viện Trung ương Huế.
Uỷ viên
Ban chấp hành Hội Tai Mũi Họng Việt Nam.
Hội đồng Khoa học giáo dục Đại học Y Huế.
Hội đồng Học hàm cơ sở Đại học Y Huế.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.
Tại Đại học Tổng hợp Leipzig - Cộng hoà liên bang Đức.
Chuyên ngành Tai Mũi Họng - Chuyên khoa Tai Mũi Họng trẻ em.

Đề tài luận án

Nghiên cứu so sánh bệnh Tai Mũi Họng trẻ em điều trị nội trú giữa Bệnh viện Trung ương Huế và Bệnh viện Aue Cộng hoà liên bang Đức.

Nội dung

Tỷ lệ bệnh tai mũi họng trẻ em điều trị nội trú/ người lớn ở Huế thấp hơn so với Aue.

Bệnh có xu hướng tăng theo tuổi ở Huế và ngược lại giảm dần ở Aue.
Tỷ lệ các nhóm bệnh giống nhau ở cả 2 bệnh viện: đứng đầu là họng - thanh quản, nhì là tai và ít nhất là nhóm mũi xoang. Mặc dù ở từng nhóm tỷ lệ bệnh có khác nhau, nhưng không có sự khác biệt bệnh tai mũi họng trẻ em theo giới.
Huế có nhiều bệnh nhiễm trùng và các biến chứng nhiễm trùng, tỷ lệ điều trị bằng phẫu thuật thấp hơn Aue. Aue có nhiều chấn thương, tỷ lệ vào viện để phẫu thuật cao với các mục đích: điều trị, thẩm mỹ, phục hồi chức năng, chẩn đoán...
Tỷ lệ bệnh nhi vào điều trị cấp cứu tai mũi họng ở Huế cao hơn Aue.

Thành tựu khoa học

Hoàn thành gần 30 công trình nghiên cứu khoa học (cá nhân và cộng sự) đã đăng trong các tạp chí.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sâu về tai mũi họng trẻ em.
Viết sách về chuyên khoa tai mũi họng.



NGÔ THẾ THI

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 31 - 8 - 1939.
Quê quán: Ý Yên - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 20 B17 - Nguyên Hồng - Nam Thành Công - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Đại học Bách khoa Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Cộng hoà dân chủ Đức.
Cán bộ giảng dạy Đại học Xây dựng Hà Nội.
Thực tập sinh cao cấp ở Cộng hoà dân chủ Đức.
Chủ nhiệm bộ môn Kiến trúc công nghiệp.
Chủ nhiệm khoa Kiến trúc, Đại học Xây dựng.
Hiện là Giám đốc Trung tâm Kiến trúc - Quy hoạch, Đại học Xây dựng.
Hội viên Hội Kiến trúc sư Việt Nam.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Quy hoạch và Phát triển đô thị Việt Nam.
Ủy viên thường trực Hội đồng Học hàm liên ngành xây dựng - kiến trúc.
Phó Chủ tịch Hội đồng chức danh giáo sư liên ngành xây dựng - kiến trúc.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1970.
Tiến sĩ Khoa học năm 1987.
Tại Đại học Kiến trúc Weimar, Cộng hoà dân chủ Đức.
Chuyên ngành Kiến trúc.

Đề tài luận án Tiến sĩ

Tiêu chuẩn hoá thiết kế kiến trúc nhà công nghiệp.
Luận án Tiến sĩ Khoa học
Tổ chức môi trường lao động.

Thành tựu khoa học

Biên soạn và giảng dạy nhiều giáo trình đại học, sau đại học.
Hướng dẫn đồ án tốt nghiệp, hàng trăm sinh viên, trong đó có những đồ án đoạt giải xuất sắc của Hội Kiến trúc sư Việt Nam (1A, 1B, 2C) và Hội Xây dựng Việt Nam (1A) và giải Loa thành (2 giải nhì).
Hướng dẫn trên 10 luận văn cao học kiến trúc.
Hướng dẫn chính nhiều nghiên cứu sinh.
Chủ trì và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học: 9 cấp Nhà nước, 6 cấp Bộ và cấp Thành phố.
Trên 40 bài báo khoa học đăng ở các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước.
Huân chương lao động hạng ba.
Huy chương kháng chiến hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp xây dựng.
Vì thế hệ trẻ.
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và nhiều bằng khen khác.
Nhà giáo ưu tú.
Được phong Giáo sư năm 1991.



896

NGUYỄN VIẾT THI

Tiến sĩ Địa lý

Sinh ngày: 20 - 1 - 1949.
Quê quán: Thị trấn Lim - Tiên Du - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 308 A5 Thành Công - Hà Nội.

Quá trình công tác

Kỹ sư - Dự báo viên thuỷ văn, Cục Thuỷ văn, Bộ thuỷ lợi.
Tổ trưởng tổ Nghiên cứu dự báo Thuỷ văn, Cục Dự báo khí tượng thuỷ văn.
Hiện là Trưởng phòng Dự báo thuỷ văn, Trung tâm quốc gia dự báo khí tượng thủy văn.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984.
Tại Trường Đại học Khí tượng - Thuỷ văn Xanh Pêtecbua Liên bang Nga.
Ngành Thuỷ văn, tài nguyên nước.
Chuyên ngành Dự báo thuỷ văn.

Đề tài luận án

Phân tích, dự báo siêu dài hạn biến đổi nhiều năm dòng chảy nhỏ nhất thời kỳ hè thu.

Nội dung

Sử dụng phương pháp thống kê xử lý, đánh giá, xác định cấu trúc nội tại của quá trình dòng chảy nhỏ nhất thời kỳ hè thu. Nghiên cứu quy luật hình thành và phát triển của quá trình thuỷ văn. Ứng dụng các phương pháp chuẩn hoá, logarit hoá, hàm trược giao tự nhiên để xử lý thông tin đầu vào của phương pháp dự báo hạn dài và siêu dài. Ứng dụng phương pháp động lực thống kê xây dựng các mô hình dự báo hạn dài, siêu dài (từ 1 năm trở lên) dòng chảy nhỏ nhất thời kỳ hè thu.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Nghiên cứu ứng dụng phương pháp động lực thông kế dự báo đỉnh lũ sông Hồng (cấp Cục).
Nghiên cứu áp dụng hàm phân lớn xây dựng mô hình dự báo đỉnh lũ sông Hồng (cấp Cục).
Dự báo hạn dài dòng chảy sông lớn (cấp Tổng cục).
Nghiên cứu công nghệ dự báo lũ hạ du sông Hồng - Thái Bình (cấp Cục).
Xây dựng công nghệ dự báo dòng chảy tháng đến hồ Hoà Bình bằng phương pháp phân tích tổng hợp (cấp Trung tâm).
Xây dựng phương pháp cảnh báo lũ lớn diện rộng miền Trung từ hình thế thời tiết (Tổng cục).
Phương pháp phân tích tổng hợp trong dự báo thuỷ văn.
Dự báo hạn dài đỉnh lũ năm của sông Hồng (cấp Tổng cục).
Chuyên đề nghiên cứu thiên tai lũ (dự báo UNDP VIE).
Đánh giá ảnh hưởng của ENSO đến đỉnh lũ năm các sông Việt Nam và khả năng dự báo lũ lớn (cấp Trung tâm).
Chủ nhiệm phần công việc (trong các dự án, chương trình):
Nhận dạng lũ lớn và đặc biệt lớn từ các hình thế thời tiết.
Xây dựng phương pháp cảnh báo lũ quét.
Lũ lụt ở Việt Nam và những căn cứ khoa học tăng cường dự báo lũ.
Hoàn thiện và tin học hoá các công cụ dự báo trên hệ thống sông Hồng - Thái Bình phục vụ công tác phòng chống khi có phân, chậm lũ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phát triển bộ môn dự báo thuỷ văn theo hướng mô hình và tự động hoá.



TRẦN MINH THI

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 24 - 3 - 1953.
Quê quán: Vũ Bản - Bình Lục - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 55 Cửa Nam - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Trưởng bộ môn Vật lý kỹ thuật.
Phó trưởng khoa Vật lý Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Thành viên Hội Vật lý Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1.
Ngành Toán - Lý.
Chuyên ngành Vật lý chất rắn.

Đề tài luận án

Nghiên cứu tính chất điện, từ và liên kết yếu fosephson trên hệ gốm siêu dẫn $(YBa_2Cu_3O_{7-y})_{1-x}Agx$

Nội dung

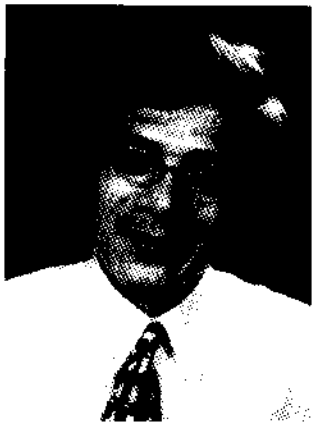
Nghiên cứu chế tạo vật liệu gốm siêu dẫn hệ 1, 2, 3 pha Ag có phẩm chất tốt.
Nghiên cứu các tuýt chất điện, tuýp chất từ, sự liên kết yếu biên hạt trong gốm siêu dẫn đã chế tạo.
Bước đầu nghiên cứu khả năng ứng dụng của vật liệu siêu dẫn hệ 1, 2, 3 pha Ag.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp trường về khoa học cơ bản và ứng dụng.
Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ: Siêu dẫn nhiệt độ cao.
Thành viên đề tài cấp Nhà nước mã số 4.3.5 (siêu dẫn).
Các giáo trình, bài giảng:
Thực hành điện đại cương (đồng tác giả). Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Dao động ký điện tử và ứng dụng (sách bồi dưỡng giáo viên phổ thông trung học). Nxb Giáo dục.
Một số bài báo đã công bố:
Ảnh hưởng của Ag và điều kiện chế tạo lên tính liên kết yếu giữa các hạt siêu dẫn trong gốm siêu dẫn YBCO.
Từ độ của mẫu và mật độ dòng tới hạn của nội hạt trong gốm siêu dẫn YBCO-Ag
Lực Levitation trên hệ gốm siêu dẫn $(YBCO)_{1-x}$ Agx (đồng tác giả).
Một số tính chất điện từ và ảnh hưởng của nó tới hiệu ứng Levitation trên hệ mẫu gốm siêu dẫn Y 1.2.3.
Đồng tác giả:
Khảo sát và ghép nối bộ khống chế nhiệt độ với lò nung.
Về sự thay đổi tính siêu dẫn của hợp chất $Bi_{1,7}P_{b0,4}Sr_2Ca_2Cu_3O_7$ trong quá trình ủ nhiệt.
Hệ đo mật độ dòng tới hạn bằng xung dòng và ảnh hưởng của tiết diện mẫu tới mật độ dòng tới hạn.

Dự định khoa học

Nghiên cứu vật lý chất rắn và tham gia giảng dạy vật lý.



KHỔNG ĐỨC THIÊM

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 18 - 3 - 1946.
Quê quán: Châu Xuyên - Phủ Lạng Thương - Tỉnh Bắc Giang.
Chỗ ở hiện nay: 1/684 Hoàng Hoa Thám - Tây Hồ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên Trường Lý luận Nghiệp vụ, Bộ Công nghiệp nhẹ. Trưởng phòng Bảo tàng, Sở Văn hoá Thông tin Hà Bắc. Chuyên viên Hội đồng Lịch sử Hải Phòng. Chuyên viên Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Hà Bắc. Chuyên viên chính Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Khoa học lịch sử Việt Nam.
Hội Văn hoá Dân gian Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
Ngành Lịch sử
Chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đề tài luận án

Sự hình thành Đảng bộ Bắc Ninh - Bắc Giang từ năm 1926 đến năm 1930 đối với việc chuẩn bị đội ngũ cán bộ.

Nội dung

Sự ra đời Đảng bộ Bắc Ninh - Bắc Giang là yêu cầu tất yếu của sự phát triển cách mạng. Tuy nằm trong quy luật phát triển cách mạng chung của cả nước nhưng do đặc điểm địa lý, kinh tế, chính trị và xã hội đã tạo ra những nét riêng.
Đội ngũ cán bộ cách mạng Bắc Ninh - Bắc Giang đã phân tích hệ thống chính sách của đế quốc, cơ cấu đế quốc và mâu thuẫn xã hội. Xác định rõ đối tượng của cách mạng, tính chất, nhiệm vụ và lực lượng cách mạng nhằm đề ra biện pháp thích hợp trong công tác tuyên truyền kết hợp với công tác cổ động chính trị. Chính họ đã góp phần tạo ra bước ngoặt cơ bản để chấm dứt một thời kỳ khủng hoảng, bế tắc về đường lối, chuẩn bị những điều kiện có tính chất quyết định xác lập vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Thành tựu khoa học

Giải nhì sưu tầm văn hoá dân gian (phương ngôn xứ Bắc). Hội Văn hoá Dân gian Việt Nam.
Chủ nhiệm đề tài khoa học:
Đổi mới phương pháp nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ địa phương trong tình hình hiện nay.
Biên soạn lịch sử đảng bộ các tỉnh, thành phố phía Bắc từ 1986 đến nay - thực trạng và giải pháp.
Sách đã xuất bản:
Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác bảo vệ sức khoẻ (đồng tác giả). *Lịch sử Đảng bộ huyện Yên Định* (đồng tác giả). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Nam Định* (đồng tác giả). *Lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất thành phố Hà Nội* (chủ biên), *Văn kiện Đảng toàn tập* (đồng biên soạn, tập 13). Nxb Chính trị Quốc gia.
Khởi nghĩa Yên Thế (đồng tác giả) Hội khoa học lịch sử Việt Nam.
Phương ngôn xứ Bắc (đồng tác giả) - Nxb Văn hoá dân tộc.
Một số vấn đề lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp ở Liên khu IV (đồng tác giả) Viện lịch sử Đảng.
Biên niên sự kiện lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tập I, 2001).
Nhiều sách xuất bản ở địa phương.
Khảo cứu, lịch sử đảng tỉnh, huyện, địa chí tỉnh, thành phố... nhiều bài đăng trên các tạp chí.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, biên soạn lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng.



ĐÀO KIẾN THIẾT

Tiến sĩ Toán Lý

Sinh ngày: 24 - 12 - 1950.
Quê quán: Liên Hoà - Phú Xuyên - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 8/50 Đinh Tiên Hoàng - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Xây dựng Hà Nội, Kỹ sư xây dựng chuyên ngành Kết cấu.
Kỹ sư Viện Thiết kế công trình kỹ thuật thành phố - nay là Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam - Bộ Xây dựng.
Phó giám đốc Chi nhánh công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và Bà Rịa Vũng Tàu.
Trưởng phòng Tổng hợp phía Nam.
Phó giám đốc Trung tâm Nghiên cứu khoa học cấp thoát nước.
Hiện là Phó giám đốc Công ty Xây dựng cấp thoát nước số 2 - Bộ Xây dựng.
Hội viên Hội Kết cấu xây dựng Việt Nam.

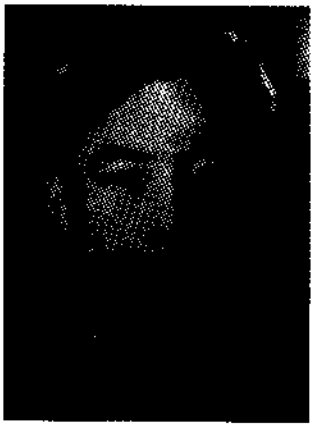
Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990
Tại Đại học Xây dựng Kiép Ucraina - Liên Xô.
Ngành Lý thuyết đàn hồi - Cơ học kết cấu (toán lý).

Đề tài luận án

Trạng thái ứng suất biến dạng của vật thể khối trong vùng tập trung ứng suất.

Nội dung

Phát triển phương pháp phương trình tích phân biên tại vùng tập trung ứng suất.
Nâng cao kết quả tính toán bằng phân tích chuyển vị bậc hai tại bề mặt biên của phân tố.
Sử dụng phương pháp thế năng cực tiểu của lý thuyết đàn hồi, giải các phương trình tích phân biên bằng cách rời rạc hoá các phần tử biên.
Phương pháp phương trình tích phân biên là một trong số phương án hiệu quả và phù hợp để giải bài toán phương trình cơ bản của lý thuyết đàn hồi, cho phép miêu tả hàm phải tìm dưới dạng tích phân biên.
Lập mô hình toán học cho bài toán thế năng của lý thuyết đàn hồi trên cơ sở định luật tương hỗ Beti, sử dụng lời giải nền móng Kenvanh, biểu thị tích phân Xômilian.
Giải hệ phương trình tích phân biên.
Nâng cao độ chính xác của kết quả bằng phương pháp phân tích chuyển vị bậc hai tại các phần tử biên.
Giải trên máy tính các bài toán vật thể khối có khoét nhiều khối cầu, nhiều khối lập phương, chịu các loại tải trọng khác nhau.
Thiết lập mối quan hệ giữa kích thước, khoảng cách hình học với hiệu ứng tập trung ứng suất và quy luật thay đổi của ứng suất.
Đề tài là một phần của chương trình nghiên cứu cấp Nhà nước của Viện Cơ học, Ukraina đã áp dụng vào thực tế cho các công trình:
Khai thác mỏ vàng Karaganda (Liên Xô) mà không phải văng chống hầm lò.
Thiết kế tuabin nhà máy điện.
Thiết kế các công trình ngầm, dưới đất, dưới biển, các bể chứa nước, chứa dầu hình thành bởi phương pháp nổ mìn trong lòng đất, tại Liên Xô.



ĐỖ TRỌNG THIỀU

Tiến sĩ Địa lý

Sinh ngày: 10 - 8 - 1942.
Quê quán: Thuy Trình - Thái Thuy - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 73/tổ 23 Bồ Xuyên - Thái Bình.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Kinh tế - Kế hoạch (nay là Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội).
Trưởng phòng, Uỷ ban Kế hoạch tỉnh Thái Bình.
Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh Thái Bình.
Uỷ viên Hội đồng Trung ương Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979
Tại Trường Đại học Tổng hợp Lômônôxốp, Matxcơva, Liên Xô cũ.
Khoa Địa lý.
Ngành Địa lý - Kinh tế.

Đề tài luận án

Xí nghiệp phần tử tổ hợp sản xuất - lãnh thổ

Nội dung

Thực thể khách quan của vùng kinh tế (tỉnh, huyện...) là tổ hợp sản xuất - lãnh thổ hình thành, phát triển dựa trên các yếu tố và điều kiện tự nhiên, dân số, lao động, lịch sử, địa lý, kinh tế - xã hội... gồm 4 loại sản xuất chính:
Ngành chuyên môn hoá: thế mạnh của vùng, sản xuất và cung cấp hàng hoá cho ngoài vùng.
Ngành bổ trợ: bảo đảm trực tiếp cho ngành chuyên môn hoá hoạt động.
Ngành phục vụ (công cộng).
Ngành sản xuất phụ: khai thác, tận dụng các lợi thế còn lại, chủ yếu phục vụ nhu cầu trong vùng.
Chức năng, nhiệm vụ của các loại ngành nêu trên do các xí nghiệp cụ thể đảm nhận. Chúng là phân tử tạo lập cơ cấu hợp lý - có hiệu quả của tổ hợp sản xuất - lãnh thổ.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình đến 2010.
Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển Thái Bình thời kỳ 1986 - 1996.
Chính sách phát triển kinh tế biển Thái Bình.
Sách đã xuất bản:
Phân vùng kinh tế (4 tập dịch) - Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
Hiện trạng và các giải pháp sử dụng hiệu quả lao động khoa học và công nghệ ở Thái Bình.

Dự định khoa học

Nghiên cứu kinh tế vùng.
Và nghiên cứu Việt Nam phát triển như thế nào?

Lời Tiến sĩ

Tri thức làm cho đất nước giàu mạnh, văn minh. Cần thật sự coi trọng tri thức.



ĐẶNG THỊ THÌN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 01 - 05 - 1953
Quê quán: Yển Khê - Thanh Ba - Phú Thọ
Chỗ ở hiện nay: 227 Tô Hiệu - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Phó trưởng phòng Giá vật liệu xây dựng thuộc Viện Kinh tế xây dựng, Bộ Xây dựng.
Chuyên viên chính phòng Kế hoạch - Đầu tư, Công ty Phát triển kỹ thuật xây dựng-Tổng công ty Xây dựng Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987
Tại Trường Đại học Kỹ thuật Leipzig, Cộng hoà dân chủ Đức.
Ngành Khoa học kinh tế
Chuyên ngành Kinh tế quốc dân

Đề tài luận án

Xác định hao phí lao động xã hội cần thiết trong hình thành giá bán buôn công nghiệp có kế hoạch đối với sản phẩm vật liệu xây dựng và những kết luận áp dụng cho thực tế Việt Nam.

Nội dung

Cơ sở hình thành giá bán buôn công nghiệp là mức hao phí lao động xã hội cần thiết. Để xác định mức hao phí lao động xã hội cần thiết trong ngành công nghiệp vật liệu xây dựng luận án đã phân tích và xác định những ảnh hưởng tác động của điều kiện sản xuất trong ngành công nghiệp vật liệu xây dựng. Đặc biệt là những ảnh hưởng tác động của vị trí, địa điểm và chất lượng nguồn nguyên vật liệu, có chú ý đến trình độ phát triển của mỗi nước.
So sánh, phân tích kết cấu sơ đồ khoản mục giá thành cũng như phương pháp xác định các khoản mục giá thành của 2 nước, thông qua đó có những kết luận nhằm cải tiến việc tính toán giá thành, giá bán buôn xí nghiệp và giá bán buôn công nghiệp các sản phẩm vật liệu xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam.
Cần thực hiện cải cách giá bán buôn công nghiệp cũng như những đợt điều chỉnh, thay đổi giá bán buôn công nghiệp để mức giá bán buôn công nghiệp và sản phẩm công nghiệp nói chung, các sản phẩm vật liệu xây dựng nói riêng ngày càng phản ánh sát mức hao phí lao động xã hội.

Thành tựu khoa học

Tham gia xây dựng nhiều phương án giá bán buôn công nghiệp cho các sản phẩm vật liệu xây dựng, cơ khí xây dựng và khi nhà nước có những thay đổi về chế độ tính chi phí khấu hao, chi phí tiền lương, chi phí quản lý v.v...
Tham gia đề tài:
Cải tiến các biện pháp quản lý trong công tác sửa chữa lớn ở nhà máy xi măng Bỉm Sơn.
Những chính sách kinh tế trong việc cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Xây dựng.
Tham gia soạn thảo các chính sách kinh tế đối với các sản phẩm vật liệu xây dựng, cơ khí xây dựng trong thời kỳ cải cách kinh tế.
Tham gia soạn thảo các chính sách, chế độ về quản lý kinh tế trong thời kỳ quá độ chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch sang nền kinh tế thị trường.
Một số bài đăng trên các tập san chuyên ngành.



VŨ QUANG THỌ

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 13 - 8 - 1958.
Quê quán: Quỳnh Hồng - Quỳnh Phụ - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 12A Lý Nam Đế - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế - Kế hoạch Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Trường Cao cấp Công đoàn Việt Nam.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Kinh tế Quốc dân.
Phó chủ nhiệm bộ môn Kinh tế Trường Đại học Công đoàn.
Hiện là Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Công đoàn.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Ngành Kinh tế và tổ chức lao động.

Đề tài luận án

Về chi phí tiền lương theo kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường.

Nội dung

Bằng số liệu chọn lọc từ các doanh nghiệp điển hình, đại diện cho hơn 5000 doanh nghiệp nhà nước, luận án phân tích mức chi phí tiền lương tính trên doanh thu của các doanh nghiệp được khảo sát. Phân tích sự vận động của mức chi phí tiền lương trong thực tiễn sản xuất kinh doanh. Tiết kiệm chi phí tiền lương và cải thiện tiền lương, tăng thu nhập cho người lao động, về hình thức là hai xu hướng mâu thuẫn, nhưng thực tế là một quy luật. Tiết kiệm chi phí tiền lương trên cơ sở tăng năng suất, giảm chi phí lao động cho mỗi đơn vị kết quả sản xuất kinh doanh, là điều kiện trực tiếp để tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận doanh nghiệp. Tiết kiệm chi phí tiền lương không loại bỏ mà còn là điều kiện cần thiết để tăng tiền công cho người lao động. Luận án đã phân tích những tiến bộ, mâu thuẫn trong cơ chế quản lý chi phí tiền lương hiện hành của các cấp chủ quản doanh nghiệp. Đây là vấn đề còn gây nhiều lúng túng bất cập trong quản lý và làm cho tiền lương mất đi vai trò động lực trong sản xuất kinh doanh.

Thành tựu khoa học

Một số bài đăng trên các tạp chí:
Nguyên tắc xác định mức sản lượng cần sản xuất để tối ưu hoá lợi nhuận.
Nguyên tắc xác định mức thuê lao động và mức tiền lương tối ưu.
Về chính sách tiền lương trong các doanh nghiệp nhà nước.
Tiền lương và tiền thưởng trong các doanh nghiệp nhà nước.
Sách đã xuất bản:
Chi phí tiền lương của các doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường.
Một số vấn đề cơ bản của kinh tế bảo hiểm - Nxb Chính trị Quốc gia.



LƯƠNG THỊ THOA

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 07 - 9 - 1951.
Quê quán: Cấp Tiến - Tiên Lãng - Hải Phòng.
Chỗ ở hiện nay: 30 B10 - Tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

Nghiên cứu và giảng dạy lịch sử.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Trường Đại học Sư phạm quốc gia Lênin Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Lịch sử Việt Nam cổ trung đại.

Đề tài luận án

Lịch sử sử học Việt Nam hiện đại về những vấn đề cơ bản của lịch sử cổ đại Việt Nam.

Nội dung

Việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản của lịch sử cổ đại Việt Nam cho phép chúng ta hiểu sâu hơn quá trình phát triển kinh tế, xã hội, chính trị đang diễn ra trên đất nước và đưa lại một nguồn tư liệu đầy đủ về các quá trình tương tự trong lịch sử một loạt các nước khác ở vùng Viễn đông và Đông Nam Á.
Nhiệm vụ cơ bản của đề tài là xem xét, nghiên cứu quan điểm của các nhà sử học Việt Nam về vấn đề phân kỳ lịch sử cổ đại Việt Nam, sự hình thành nhà nước và giai cấp trong cư dân Lạc Việt, tính chất của chế độ xã hội Việt Nam thời cổ đại...

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Đồng tác giả.
Một số vấn đề lịch sử thế giới. Nxb Giáo dục.
Lịch sử thế giới cổ đại (giáo trình dành cho sinh viên các trường cao đẳng và trung học chuyên nghiệp) Nxb Giáo dục.
Hồ Chí Minh với sử học. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
Tác giả: *Lịch sử ba tôn giáo thế giới* (tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên phổ thông trung học). Nxb Giáo dục.
Một số bài đăng trên các tạp chí.
Về giao lưu văn hoá Đông - Tây trong tình hình hiện nay.
Các cuộc ly khai trong giáo hội Kitô trong thời cổ trung đại.
Quá trình truyền bá đạo Tin lành, Vàng Chứ vào người H'Mông trong những năm gần đây.

Dự định khoa học

Nghiên cứu lịch sử và viết giáo trình chuyên đề: Vấn đề tôn giáo trong lịch sử cổ trung đại thế giới.



BÙI XUÂN THÔNG

Tiến sĩ Khí tượng - Thuỷ văn

Sinh ngày: 26 - 3 - 1949.
Quê quán: Xuân Lôi - Lập Thạch - Vĩnh Phúc.
Chỗ ở hiện nay: 132 Nguyễn Khuyến - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Khí tượng Thuỷ văn Lêningrat Liên Xô cũ.
Làm việc tại Nha Khí tượng (nay là Tổng cục Khí tượng Thuỷ văn).
Học thạc sĩ và tiến sĩ tại Đại học Tổng hợp Philipin - Trung tâm Đào tạo Khí tượng của Tổ chức Khí tượng thế giới.
Hiện là Phó giám đốc Trung tâm Khí tượng Thuỷ văn biển, Tổng cục Khí tượng Thuỷ Văn.
Hội viên Hội Cơ học chất khí và chất lỏng, Hội Biển Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995
Tại Trường Đại học Tổng hợp Philippin.
Ngành Khí tượng
Chuyên ngành Khí tượng biển

Đề tài luận án

Mô hình dự báo nước dâng bão sử dụng hệ lưới lồng.

Nội dung

Xây dựng một mô hình số trị dự báo nước dâng trên cơ sở giải gần đúng hệ phương trình chuyển động dưới dạng sai phân. Đóng góp mới của luận án: tự xây dựng một hệ lưới thô và lưới nhỏ lồng ghép với nhau đảm bảo tính liên tục và ổn định sơ đồ sai phân, kiểm tra bằng số liệu thực tế của 5 cơn bão đổ bộ vào Việt Nam và cơn bão Hugo đổ bộ vào vùng bờ đông nước Mỹ có số liệu đo mực nước, các kết quả đều đạt tốt.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước:
Đánh giá quy luật biến động của một số trường khí tượng cơ bản biển Đông thuộc chương trình điều tra nghiên cứu biển giai đoạn 1996 - 2000.
Tham gia nhiều đề tài khoa học cấp Nhà nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu khí tượng biển Đông: số liệu, tư liệu và dự báo khí tượng biển.

Lời Tiến sĩ

Tốt nghiệp tiến sĩ quá muộn, khi được tiếp xúc với nền khoa học khí tượng tiên tiến theo hệ của Mỹ, tôi nhận thấy cần phải áp dụng ngay vào điều kiện thực tế của Việt Nam.



LÊ VĂN THÔNG

Lê Thông

Tiến sĩ Địa lý

Sinh ngày: 12 - 02 - 1947.
Quê quán: Văn Khê - Thị xã Hà Đông - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 7/313 Quan Nhân - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Địa lý Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Xôfia, Bungari.
Phó chủ nhiệm, Chủ nhiệm khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Làm master về giáo dục dân số tại Trường Đại học Dilima, Philipin.
Hiện là cán bộ giảng dạy khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Kiêm Phó chủ nhiệm khoa Du lịch - Viện Đại học Mở Hà Nội.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Địa lý Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979
Tại Đại học Tổng hợp Xôfia, Bungari.
Ngành Địa lý
Chuyên ngành Địa lý kinh tế - chính trị

Đề tài luận án

Các vấn đề địa lý kinh tế của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp nước Cộng hoà nhân dân Bungari (lấy thí dụ APK Belaxisa, Petric).

Nội dung

Đề tập tới một trong những hướng nghiên cứu quan trọng hàng đầu của khoa học địa lý là tổ chức lãnh thổ (gắn với một ngành cụ thể nông nghiệp). Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu đã có, luận án làm rõ quan niệm, các nhân tố ảnh hưởng, các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp trên thế giới và vận dụng chúng vào địa bàn nghiên cứu.
Dựa vào nguồn tài liệu gốc đã thu thập được từ các đợt khảo sát thực địa và các cơ quan chức năng của Nhà nước, luận án phân tích thực trạng tổ chức lãnh thổ nông nghiệp của Bungari, những mặt đã đạt được và những tồn tại cần khắc phục. Từ kinh nghiệm của Bungari, luận án liên hệ với thực tiễn tổ chức lãnh thổ nông nghiệp của Việt Nam.
Từ bình diện vĩ mô, luận án nghiên cứu sâu về tổ chức lãnh thổ nông nghiệp của APK Belaxisa, một mô hình tiêu biểu trong thời kỳ đó của Bungari.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Chủ biên
Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam.
Dân số môi trường, tài nguyên.
Địa lý lớp 12.
Địa lý lớp 11.
Tổ chức lãnh thổ sản xuất nông nghiệp trên thế giới.
Tổ chức lãnh thổ du lịch.
Tổ chức lãnh thổ công nghiệp Việt Nam.
Địa lý các tỉnh và thành phố Việt Nam tập 1, 2 - Nxb Giáo dục.
Địa lý kinh tế Việt Nam - Nxb Thống kê.
Nhập môn địa lý nhân văn Đại học Sư phạm Hà Nội.
Đồng tác giả.
Có một Việt Nam như thế - Nxb Chính trị Quốc gia.
Địa lý du lịch. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
Tham gia biên soạn hàng chục đầu sách khác.
Đã công bố trên 20 bài báo khoa học trong các tạp chí và thông báo khoa học ở trong và ngoài nước.
Chủ nhiệm một số đề tài:
Tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam (cấp Tổng cục).
Quy hoạch phát triển du lịch vùng Đông Bắc (cấp Bộ).
Luận chứng khoa học kỹ thuật xây dựng và phát triển hệ thống du lịch biển Việt Nam (cấp Nhà nước).
Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, lãnh thổ (lấy thí dụ ở một tỉnh) cấp Đại học Quốc gia và tham gia hàng chục đề tài khác.

Dự định khoa học

Biên soạn sách địa lý kinh tế - xã hội.
Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ.



NGUYỄN NGỌC THÔNG

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 13 - 12 - 1937.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 12/tổ 23 Hoàng Văn Thụ - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu.
Tổ trưởng tổ Bức xạ mặt trời, Đài Khí tượng Trung ương Hà Nội.
Cục Kỹ thuật điều tra cơ bản khí tượng thuỷ văn, Hà Nội.
Nghiên cứu viên
Tổ nghiên cứu Bức xạ mặt trời.
Phòng Khí hậu ứng dụng.
Phòng Nghiên cứu Môi trường không khí Trung tâm Nghiên cứu Môi trường không khí và nước - Viện Khí tượng Thuỷ văn Hà Nội.
Thành viên Trung tâm Sinh thái môi trường chăn nuôi.
Hội viên Hội Toán học ứng dụng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996
Tại Viện Khí tượng Thuỷ văn Việt Nam.
Chuyên ngành Khí tượng và Khí hậu học

Đề tài luận án

Phân bố bức xạ quang hợp hữu hiệu trên lãnh thổ Việt Nam.

Nội dung

Chỉnh lý số liệu bức xạ và số liệu nắng làm giàu số liệu bức xạ quang hợp nhằm chi tiết và chính xác hoá các bản đồ phân bố bức xạ quang hợp.
Xác định các công thức thực nghiệp tính bức xạ theo số giờ nắng và lượng mây.
Phương pháp đo bức xa quang hợp khảo sát thực nghiệm, đo và quy toán bức xạ quang hợp. Xác định các hệ số chuyển đổi để tính bức xạ quang hợp theo bức xạ toàn phần.
Tính bức xạ quang hợp cho các trạm đo nắng và đo bức xạ (gần 100 trạm).
Phân tích các đặc trưng bức xạ quang hợp và diễn biến theo thời gian, không gian. Lập các bản đồ phân bố trực xạ, tán xạ, tổng xạ quang hợp theo tháng và năm, theo các cấp nhiệt độ.
Dự báo sản lượng mùa màng và tính sản lượng tiềm tàng cây trồng ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Khí hậu Sơn La.
Phân vùng khí hậu tỉnh Sơn La.
Hướng dẫn quan trắc bức xạ.
Phân bố bức xạ quang hợp trên lãnh thổ Việt Nam (cấp Tổng cục).
Bức xạ trong mưa và sương mù. Một số công thức thực nghiệm bức xạ.
Xác định hệ số chuyển đổi để tính bức xạ quang hợp theo bức xạ toàn phần.
Xây dựng tập số liệu bức xạ Việt Nam (cấp Tổng cục).
Các đề mục:
Sử dụng mô hình toán để nghiên cứu sự phân bố nồng độ khí SO_2 và bụi ở vùng đồng bằng sông Hồng.
Các mô hình dự báo nhiễm bẩn không khí. Giới thiệu chương trình tính toán lan truyền chất nhiễm bẩn không khí theo mô hình Gauss.
Phân bố nồng độ khí sulfua điôxyt và bụi vùng đồng bằng sông Hồng.
2 tập số liệu khảo sát tiểu khí hậu vùng hồ Hoà Bình.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí.



NGUYỄN VÕ THÔNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 22 - 11 - 1955.
Quê quán: Đức Bùi - Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 53 ngõ 25 Vũ Ngọc Phan - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.
Nghiên cứu viên - Viện Khoa học công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
Học cao học tại Đại học Xây dựng Hà Nội.
Nghiên cứu sinh - Viện Khoa học công nghệ Xây dựng.
Hiện là Phó trưởng phòng Kết cấu - Viện Khoa học công nghệ Xây dựng.
Hội viên Hội Xây dựng Việt Nam.
Hội Kết cấu xây dựng Việt Nam.
Hội Cơ học vật rắn biến dạng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000
Tại Viện Khoa học công nghệ Xây dựng.
Chuyên ngành Kết cấu xây dựng.

Đề tài luận án

Nghiên cứu điều kiện mất ổn định khí động của các công trình cao dưới tác động của tải trọng gió.

Nội dung

Các công trình cao và kết cấu mềm dễ bị mất ổn định khí động do tác động của gió. Dựa vào các mô hình lực khí động đã được thừa nhận, tác giả đi sâu nghiên cứu và phát hiện ra một số hiệu ứng mất ổn định khí động do kích động xoáy đối với công trình dạng trụ tròn và galioping đối với công trình dạng lăng trụ. Để xuất một số dạng lực khí động mới nhằm nghiên cứu đầy đủ hơn về hiện tượng mất ổn định khí động.
Các hiệu ứng được phát hiện trong luận án làm phong phú và hoàn thiện thêm các kết quả đã có hiện tượng này. Đồng thời giải thích được một số hiện tượng mất ổn định khí động xảy ra trong thực tế và là cơ sở định hướng cho các nghiên cứu thực nghiệm, cơ sở để biên soạn các tài liệu, chỉ dẫn tính toán thiết kế về ổn định khí động cho các công trình cao và kết cấu mềm.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài:
Biên soạn chỉ dẫn tính toán thành phần động của tải trọng gió theo TCVN 2737-95 (cấp Bộ).
Soát xét tiêu chuẩn kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574-91 (cấp Tổng cục).
Chủ trì để mục trong các đề tài:
Lập ra và đưa vào sử dụng những kết cấu xây dựng có hiệu quả và đáng tin cậy trong xây dựng nhà ở (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu phương pháp tính toán công trình có kể đến tải trọng động đất và gió bão (cấp Nhà nước).
Dự án khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ ứng lực trước cho kết cấu sàn nhà và silô (cấp Bộ - tham gia).
Biên soạn hướng dẫn xây dựng, sửa chữa hư hỏng nhà và công trình trong vùng có động đất tỉnh Lai Châu (cấp Bộ).
Soát xét TCVN 2737 (cấp Tổng cục).
Giải pháp kỹ thuật và biện pháp xử lý gia cố mối nối nhà ở lắp ghép tấm lớn Hà Nội (cấp Sở).
Dự án nghiên cứu điều tra chất lượng nhà chung cư ở Hà Nội (cấp Sở).
Đã công bố một số bài nghiên cứu trên các tạp chí, hội nghị khoa học trong và ngoài nước.
Huy chương Vì sự nghiệp xây dựng.

Dự định khoa học

Đi sâu nghiên cứu các điều kiện mất ổn định khí động của các công trình cao dưới tác động của tải trọng gió.

Lời Tiến sĩ

Mong Việt Nam sớm có những trung tâm nghiên cứu về gió với những thiết bị thí nghiệm hiện đại.



TÔ THỊ MINH THÔNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 19 - 06 - 1940.
Quê quán: Nghĩa Trụ - Văn Giang - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 102 H5 - tổ 98 Kim Liên - Hà Nội.

Quá trình công tác

Phó Viện trưởng Viện Quy hoạch Đô thị - Nông thôn. Bộ Xây dựng.
Uỷ viên Trung ương Hội Xây dựng Việt Nam. Hội viên Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Hội Quy hoạch Đô thị - Nông thôn Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1978
Tại Trường Đại học Kiến trúc - Xây dựng Weimar Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Ngành Xây dựng đô thị
Chuyên ngành Quy hoạch kiến trúc đô thị.

Đề tài luận án

Nghiên cứu kinh nghiệm của Cộng hoà dân chủ Đức và thế giới về sự phát triển của quy hoạch hệ thống trung tâm đô thị, đặc biệt là trung tâm các khu nhà ở và sự vận dụng vào Việt Nam.

Nội dung

Trung tâm là nơi có các điều kiện đáp ứng nhu cầu dịch vụ công cộng, vui chơi giải trí hoạt động văn hoá xã hội, giáo dục đào tạo... cho người dân đô thị.
Sự phát triển về lối sống nhân dân với xây dựng và quy hoạch đô thị, ý nghĩa của hệ thống trung tâm đối với quá trình phát triển lối sống. Chức năng và công tác dịch vụ xã hội với nhu cầu của đời sống không ngừng ảnh hưởng tới phát triển hệ trung tâm. Hệ thống trung tâm đô thị bao hàm mối quan hệ giữa ở, làm việc, nghỉ ngơi và tác động của nó tới cấu trúc hệ trung tâm. Hệ thống trung tâm theo tầng bậc và sự phê phán những sơ cứng của nó. Các xu hướng, lý thuyết mới trên thế giới và kinh nghiệm của Cộng hoà dân chủ Đức.
Trung tâm khu ở, tầm quan trọng, cơ cấu quy hoạch và các công trình cần có. Đề xuất cho trung tâm khu ở của Việt Nam, hệ trung tâm đối với các loại đô thị. Trung tâm tối thiểu (đơn vị ở) và bố trí quy hoạch của nó.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài:
Lập và đưa vào sử dụng quy hoạch khu nhà ở thấp tầng (cấp Nhà nước).
Xây dựng tiêu chuẩn quy phạm thiết kế quy hoạch đô thị - nông thôn. Từ tiêu chuẩn nhỏ lên tiêu chuẩn Việt Nam (cấp Quốc gia).
Nghiên cứu phương pháp dự báo dân cư đô thị theo điều kiện của Việt Nam.
Phân cấp phân loại và hệ thống hoá các điểm dân cư đô thị - nông thôn (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu môi sinh - môi trường và dự án dân sinh kinh tế vùng hồ thuỷ điện Sơn La.
Nghiên cứu di dân và tái định cư vùng hồ thuỷ điện Sơn La.
Xã hội học trong quy hoạch quản lý đô thị (cấp Nhà nước).
Giám đốc dự án: Nâng cao năng lực nghiên cứu và soạn thảo các chính sách dân số - lao động và đô thị hoá Viện quy hoạch Đô thị - Nông thôn (hợp tác với Úc).
Quy hoạch đô thị với kinh tế thị trường (hợp tác với Canada).
Chủ nhiệm dự án: Nghiên cứu, luận chứng dân sinh kinh tế và phân bố lại dân cư vùng hồ thuỷ điện Sơn La.
Giám đốc dự án nhánh: Nghiên cứu mối quan hệ giữa dân số và môi trường ở đô thị Việt Nam.
Nghiên cứu và kiến nghị chính sách về cải thiện điều kiện ở cho người nghèo ở đô thị Việt Nam.
Lập dự án quy hoạch cải tạo và phát triển mạng lưới chợ Hà Nội đến năm 2020 (chủ nhiệm).
Nhiều công trình đã ứng dụng trong xây dựng, quản lý, quy hoạch đô thị Việt Nam.
Sách đã xuất bản:
Chủ biên và đồng tác giả.
Cẩm nang dân số - đô thị hoá toàn quốc.
Cẩm nang dân số và đô thị hoá thành phố Hồ Chí Minh.
Dân số và môi trường ở Hà Nội (tiếng Việt và Anh).
Hướng dẫn điều tra xây dựng học phục vụ quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị Nxb Xây dựng.
Xã hội học trong quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị.
Huy chương chống Mỹ hạng nhất.
Huy chương lao động sáng tạo.
Huy chương 40 năm ngành xây dựng.
Nhiều bằng khen, giải thưởng...

Dự định khoa học

Tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh và các hội đồng khoa học.



ĐỖ THỊ THU

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 04 - 08 - 1953.
Quê quán: Khánh Tiên - Yên Khánh - Ninh Bình.
Chỗ ở hiện nay: 1/24 Kim Đồng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Giảng viên bộ môn Hoá - Hoá sinh Đại học Y Hà Nội.
Học Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Bungari.
Hiện là giảng viên bộ môn Hoá - Hoá sinh, Đại học Y Hà Nội.
Hội viên Hội Hoá sinh y dược học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Tại Viện Y - Sinh học, Viện Hàn lâm Y học Sôphia, Bungari.
Ngành Y học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu về Methemoglobin reductase ở người khoẻ mạnh và một số bệnh nhân mắc bệnh về máu.

Nội dung

Trong máu, hồng cầu đảm nhiệm nhiều chức năng quan trọng. Đặc biệt là chức năng vận chuyển oxi từ phổi tới các mô của cơ thể nhờ vào Hemoglobin có trong hồng cầu. Khi Hemoglobin bị oxi hoá thành Methemoglobin, hồng cầu không còn khả năng vận chuyển oxi nữa.
Trong hồng cầu có enzym Methemoglobin reductase xúc tác phản ứng khử Methemoglobin, phục hồi Hemoglobin vì vậy mà lượng Methemoglobin trong máu tương đối thấp.
Do có vai trò đặc biệt quan trọng nên trên thế giới có rất nhiều nghiên cứu về enzym này ở nhiều khía cạnh khác nhau. Tác giả đã tiến hành nghiên cứu về đặc điểm chủng tộc, sự khác nhau giữa các giới và bước đầu tìm hiểu enzym này ở một số bệnh nhân mắc bệnh về máu.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài cấp Bộ:
Mối tương quan của một số enzym then chốt và chất chuyển hoá 2,3 - DPG trong chuyển hoá hồng cầu.
Nghiên cứu mối liên quan giữa 2,3 - DPG với một số enzym then chốt của quá trình chuyển hoá glucose của hồng cầu bình thường và hồng cầu bệnh lý.
Công trình khoa học đã xuất bản:
Đồng tác giả.
Hoạt độ của Methemoglobin reductase ở người Việt Nam và người Bungari.
Diaphorase và nồng độ Methemoglobin ở người lớn và trẻ em.
Tác giả.
Tìm hiểu về enzym Methemogloben reductase tại Đông Âu.
Methemiglobin reductase và những bệnh lý liên quan.



ĐINH THỊ BÍCH THU

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 22 - 10 - 1942.
Quê quán: Sơn Hoà - Hương Sơn - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 411 B1 Khương Thượng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy bộ môn Nhi Trường Đại học Y Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Praha Tiệp Khắc.
Giảng viên Trường Đại học Tây Nguyên.
Bệnh viện Đắc Lắc.
Cán bộ giảng dạy bộ môn Nhi Trường Đại học Y Hà Nội.
Hiện là bác sĩ Phòng khám đa khoa y cao.
Hội viên Hội Nhi khoa.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984
Tại Trường Đại học Tổng hợp Praha UK Tiệp Khắc.
Chuyên ngành Huyết học nhi khoa.

Đề tài luận án

Những đặc điểm sinh học của tế bào leucose trong mối quan hệ với lâm sàng và điều trị bệnh bạch cầu cấp ở trẻ em.

Nội dung

Đặc điểm dịch tễ học, phân loại bệnh theo hình thái tế bào, hoá học tế bào, miễn dịch tế bào, thời gian sống của bệnh nhân, yếu tố tiêu lượng bệnh, phân nhóm tiên lượng, điều trị bệnh bạch cầu cấp. Kết luận và đề xuất

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu (cấp bệnh viện):
Thiếu máu giun móc ở trẻ em.
Sự phát triển tinh thần và vận động ở trẻ em.
102 trường hợp scholein henosh ở trẻ em.
Sự phát triển chiều cao cân nặng, vòng đầu, vòng ngực ở trẻ sơ sinh đủ tháng.
Cân nặng, chiều cao trẻ sơ sinh đủ tháng ở nhà hộ sinh Đống Đa, các yếu tố ảnh hưởng.
Tình hình nhiễm virus viêm gan trong truyền máu tại Viện Nhi Trung ương.
Tình hình bệnh bạch cầu cấp ở khoa huyết học lâm sàng Viện Nhi Trung ương.
Đề tài cấp bộ:
Tình hình thiếu máu ở trẻ em lứa tuổi học đường tại Hà Nội.
Hằng số sinh học của người Việt Nam (cân nặng, chiều cao, vòng đầu, vòng ngực trẻ sơ sinh đủ tháng) cấp Nhà nước.
Ảnh hưởng của môi trường đến sức khoẻ con người (tham gia 3 đề tài nhánh).
Hướng dẫn thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp 2.
Sách đã xuất bản:
Nhi khoa, tập 2.
Sức khoẻ sinh sản Vụ Bảo vệ sức khoẻ trẻ em, Bộ Y tế.

Những dự định khoa học

Nghiên cứu mô hình bệnh tật trẻ em tại Phòng khám đa khoa y cao.



NGUYỄN NGÔ THỊ HOÀI THU

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 8 - 11 - 1952.
Quê quán: Đức Sơn - Anh Sơn - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 189/81 Hoàng Hoa Thám - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Phó trưởng phòng Vụ Ngân sách nhà nước Bộ Tài chính.
Phó Văn phòng Tổng cục Đầu tư phát triển, Bộ Tài chính.
Hiện là Phó giám đốc Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng cán bộ và hỗ trợ đào tạo, Bộ Tài chính.
Thành viên Hội Kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
Chuyên ngành Tài chính - Lưu thông tiền tệ - Tín dụng.

Đề tài luận án

Một số vấn đề về đổi mới hoạt động của ngân sách nhà nước trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường.

Nội dung

Thực hiện đường lối đổi mới từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung chuyển sang nền kinh tế thị trường.

Ngân sách nhà nước phải từng bước xoá bỏ bao cấp trong thu chi, cấp phát, góp phần hình thành nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia hoạt động bình đẳng.
Đổi mới thu chi ngân sách nhà nước, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bồi dưỡng phát triển nguồn thu, nâng cao hiệu quả các khoản chi. Khuyến khích trách nhiệm về tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn, tài sản nhà nước.
Đổi mới trong thu ngân sách, tiến hành cải cách hệ thống chính sách thuế, từng bước đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường, khuyến khích hình thành khu vực kinh tế không thuộc sở hữu nhà nước, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài.
Tác giả đã làm rõ một số quan điểm, giải pháp nhằm đổi mới cơ chế cấp phát nguồn vốn ngân sách nhà nước. Sắp xếp lại các doanh nghiệp kinh tế quốc doanh những ngành, những cơ sở không giữ vị trí chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, những doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả... nên cho phá sản, giải thể, bán, khoán, cho thuê... kể cả các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh có hiệu quả, nhưng không cần thuộc sở hữu nhà nước.
Thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực hoạt động y tế, giáo dục, văn hoá thể thao... từng bước giảm dần tính bao cấp của ngân sách nhà nước.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện phân cấp quản lý ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền trong điều kiện mới (chủ nhiệm - cấp Bộ).
Một số giải pháp tài chính để phát triển làng nghề ở Việt Nam (tham gia - cấp Học viện).

Dự định khoa học

Tham gia nghiên cứu xây dựng chiến lược tài chính trong nền kinh tế thị trường. Chiến lược đào tạo bồi dưỡng cán bộ ngành tài chính giai đoạn 2003 - 2010.
Viết sách, nghiên cứu và giảng dạy đại học, sau đại học ngành tài chính.



NGUYỄN THỊ XUÂN THU

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 12 - 4 - 1961.
Quê quán: Xuân Thành - Thọ Xuân - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 33 Đặng Tất - Nha Trang - Khánh Hoà.

Quá trình công tác

Nghiên cứu viên.
Phó giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Thuỷ sản 3.
Chủ tịch Hội đồng khoa học Trung tâm Nghiên cứu Thuỷ sản 3.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999
Tại Trường Đại học Thuỷ sản Nha Trang.
Ngành Thuỷ sản
Chuyên ngành Nuôi cá biển và nghề cá biển nước mặn lợ.

Đề tài luận án

Nghiên cứu đặc điểm sinh sản, sinh trưởng và kỹ thuật sản xuất giống nhân tạo Điệp quạt (Chlamys nobilis Reeve, 1852).

Nội dung

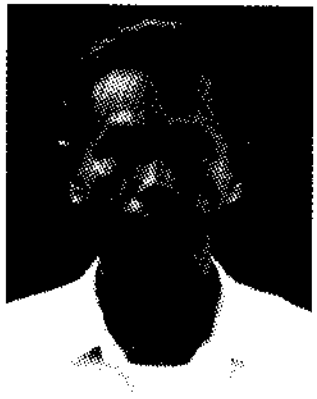
Nghiên cứu đặc điểm sinh sản, sinh trưởng của Điệp quạt nhằm theo dõi biến động quần thể loài làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các biện pháp bảo vệ nguồn lợi và giải quyết các vấn đề công nghệ nuôi. Nghiên cứu các biện pháp bảo vệ nguồn lợi và giải quyết các vấn đề công nghệ nuôi. Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật xây dựng quy trình sản xuất giống nhân tạo và nuôi Điệp quạt. Thử nghiệm di giống tạo quần đàn mới ở một số vùng ven biển miền Trung và đánh giá triển vọng của nghề nuôi Điệp quạt ở vùng biển Nam Trung Bộ.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu công nghệ sản xuất giống tôm sú Penaeus monodon (tham gia - cấp Nhà nước).
Nghiên cứu kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm điệp, hải sản (phó chủ nhiệm - cấp Nhà nước).
Chủ nhiệm các đề tài cấp Bộ:
Nghiên cứu kỹ thuật nuôi phát dục thành thục tôm sú bố mẹ.
Xây dựng quy trình nuôi điệp thương phẩm đạt hiệu quả kinh tế.
Nghiên cứu đặc điểm sinh học, kỹ thuật sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm ốc hương (Babylonia areolata).
Nghiên cứu nuôi hải sâm kết hợp trong ao nuôi tôm sú nhằm cải thiện môi trường.
Điều phối viên dự án hợp tác nghiên cứu sản xuất giống và nuôi hải sâm của ICLARM.

Dự định khoa học

Nghiên cứu công nghệ sản xuất giống và nuôi động vật thân mềm có giá trị kinh tế như: hầu, mực, ốc...
Phát triển nuôi biển: điệp, sò huyết, ốc hương...
Giải quyết nguồn con giống cung cấp cho các vùng nuôi, nhằm tận dụng mặt nước và nguồn thức ăn trên biển, tạo ra mặt hàng xuất khẩu có giá trị.



TÔ VĂN THỤ

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 12 - 01 - 1938.
Quê quán: Thạch Mỹ - Thạch Hà - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 31 Hàng Bài - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ kỹ thuật Đoàn địa chất 2, Đoàn 29 Tổng cục Địa chất.
Tổ trưởng kỹ thuật.
Đoàn trưởng, Đoàn 20 G Cục Bản đồ, Tổng cục Địa chất.
Phó phòng Địa chất - Mỏ.
Trưởng phòng Phân tích thí nghiệm, Trưởng phòng Kỹ thuật.
Phó Liên đoàn trưởng kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật - Kế hoạch Liên đoàn Intergeo Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
Hội viên Hội Địa chất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988
Tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.
Ngành Địa chất
Chuyên ngành Địa chất học tìm kiếm và thăm dò khoáng sản kim loại và phi kim loại.

Đề tài luận án

Đặc điểm thạch học trầm tích evaporit vùng A và Đ.

Nội dung

Từ lâu thành tạo trầm tích màu đỏ chứa muối tuổi Creta nói chung và trầm tích evaporit nói riêng ở Đông Nam Á đã được các nhà địa chất nghiên cứu; song do bị hạn chế về nhiều mặt nên việc nghiên cứu thực tế và lý luận chưa được làm sáng tỏ. Để hiểu biết về thành phần vật chất, quy luật phân bố, cơ chế thành tạo, lịch sử phát triển, các chu kỳ trầm tích cũng như điều kiện cổ địa lý v.v... từ đó làm cơ sở cho việc tìm kiếm, thăm dò các khoáng sản liên quan đến trầm tích này, đề tài nghiên cứu các vấn đề trên.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề án:
Lập bản đồ địa chất và khoáng sản nhóm tờ Sầm Nưa, tỷ lệ 1: 200.000.
Lập bản đồ địa chất và khoáng sản vùng Sầm Nưa, tỷ lệ 1: 200.000 (chủ phần khoáng sản).
Lập bản đồ địa chất và khoáng sản nhóm tờ Phong Phổ tỷ lệ 1: 50.000.
Đề tài:
Đặc điểm các thành tạo magma và khoáng sản liên quan thuộc nhóm tờ Phong Thổ.
Đặc điểm các thành tạo quặng kim loại thuộc nhóm tờ Phong Thổ.
Thu hồi vàng ở NaPái - Tô Hiệu bằng phương pháp tuyển khoáng.
Chủ trì và tham gia một số đề án ở trong và ngoài nước về địa chất và khoáng sản.
Một số bài công bố ở tạp chí và các hội nghị khoa học địa chất, khoáng sản.
Huân chương tự do hạng nhất (Chính phủ Lào tặng).
Huân chương kháng chiến hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp địa chất.
Vì sự nghiệp công nghiệp Việt Nam.
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các thành tạo trầm tích evaporit ở Việt Nam - Lào - Thái Lan.
Nghiên cứu và tìm kiếm một số khoáng sản quý, hiếm.



NGÔ TRỌNG THUẬN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 10 - 06 - 1947.
Quê quán: Nhân Chính - Từ Liêm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 2 - phố Quan Nhân - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Cục Thuỷ văn - Bộ Thuỷ lợi
Nghiên cứu sinh tại Đại học Kỹ thuật Dresden - Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Trưởng phòng Nghiên cứu Thuỷ văn đồng bằng - Viện Khí tượng Thuỷ văn.
Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Thuỷ văn - Viện Khí tượng Thuỷ văn.
Hiệu trưởng Trường Cán bộ Khí tượng - Thuỷ văn.
Hiện là Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học Kỹ thuật, Tổng cục Khí tượng Thuỷ văn.
Hội viên Hội Cơ học và Cơ học thuỷ khí.
Báo cáo viên của Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979
Tại Trường Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden - Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Chuyên ngành Thuỷ văn

Đề tài luận án

Xây dựng phương pháp để mô phỏng và dự báo dòng chảy trong sông ngòi.

Nội dung

Trên cơ sở phân tích các phương pháp thuỷ văn để diễn toán lũ trong sông (bể chứa đơn tuyến tính, bể chứa tuyến tính bậc thang, phương pháp Kalinin - Miljukov, mô hình vận động - khuếch tán, phương pháp Muskingum) và các sơ đồ sai phân ẩn, sai phân hiện. Xây dựng một mô hình ghép nối, mô hình thuỷ lực và một mô hình thuỷ văn cho phép mô phỏng, dự báo dòng chảy lũ trong sông.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài cấp Tổng cục:
Dòng chảy cát bùn sông ngoài Việt Nam.
Xây dựng mô hình tính toán diễn biến lòng sông vùng hạ lưu các sông lớn phục vụ cho việc khai thác tài nguyên nước vùng tam giác châu.
Nghiên cứu phương pháp tính toán lưu lượng từ mực nước vùng sông chịu ảnh hưởng thuỷ triều.
Nghiên cứu tính toán lượng nước tràn ngập Đồng Tháp Mười trong mùa lũ.
Tình hình xói lở hạ lưu đập thuỷ điện trong phạm vi tỉnh Hoà Bình (cấp tỉnh).
Nghiên cứu xác định tiêu chuẩn xây dựng phục vụ cho dự án thuỷ điện Sơn La (tham gia - cấp Bộ).
Tính toán thuỷ văn phục vụ thiết kế cầu Khe Tiên - Quảng Ninh, cầu Quang Trung - Cần Thơ và cầu Minh An - Yên Bái.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
Huy chương chống Mỹ hạng nhì.
Vì sự nghiệp khí tượng thuỷ văn.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.

Dự định khoa học

Tham gia nghiên cứu môi trường vùng hồ thuỷ điện Sơn La.
Và quy hoạch lũ cho đồng bằng sông Cửu Long.



NGUYỄN KIM THUẬN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 27 - 4 - 1949.
Quê quán: Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: 12/370 Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Giao thông vận tải, Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Giao thông Zilina, Tiệp Khắc.
Phó trưởng bộ môn Kinh tế tổ chức vận tải ô tô, Hà Nội.
Trưởng bộ môn Khai thác vận tải ô tô, Trường Đại học Giao thông vận tải Hà Nội.
Trưởng phòng Đào tạo - Quản lý khoa học. Phó hiệu trưởng Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức ngành giao thông vận tải.
Hiệu trưởng, Bí thư Đảng uỷ, Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức ngành giao thông vận tải.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987
Tại Trường Đại học Giao thông Zilina, Tiệp Khắc.
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Kinh tế vận tải

Đề tài luận án

Phương pháp tổ chức vận chuyển hàng hoá hợp lý bằng vận tải đường bộ ở thành phố Hà Nội.

Nội dung

Xây dựng mô hình và phương pháp lựa chọn phương án tổ chức vận chuyển hàng hoá bằng vận tải đường bộ ở thành phố Hà Nội sao cho có hiệu quả kinh tế nhất và đảm bảo an toàn giao thông.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài:
Xây dựng phương pháp luận để lựa chọn phương án tổ chức vận chuyển tối ưu cho vùng Tây Nguyên.
Xác định hiệu quả cải tạo phương tiện thay thế động cơ xăng bằng động cơ điezen.
Xây dựng mô hình bài toán lựa chọn hành trình vận chuyển hàng lẻ có xét đến ràng buộc về trọng tải của phương tiện.
Sử dụng hiệu quả ôtô có trọng tải lớn ở Việt Nam.
Xây dựng phương pháp xác định mức thu phí giao thông đường bộ hợp lý ở Việt Nam.
Lựa chọn và xác định cơ cấu phương tiện vận tải hợp lý ở doanh nghiệp vận tải ôtô.
Tham gia: Xây dựng luận cứ khoa học phát triển và tổ chức mạng lưới giao thông vận tải của thủ đô Hà Nội.
Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và công chức nhà nước ngành giao thông vận tải.
Những tài liệu đã viết:
Vận tải hành khách thành phố.
Kinh tế vi mô.
Tổ chức công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực ngành giao thông vận tải.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu xây dựng mô hình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ngành giao thông vận tải trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Lời Tiến sĩ

Tục ngữ Việt Nam có câu: "Một kho vàng không bằng một nang chữ". Vì vậy, muốn đất nước phát triển nhanh và bền vững, toàn xã hội phải thật sự coi trọng giáo dục, đào tạo.



NGUYỄN THỊ MINH THUẬN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 22 - 3 - 1942
Quê quán: Lý Ninh - Thị xã Đồng Hới - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: Nhà 3 - Tập thể Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

Quá trình công tác

Phó Giáo sư - giảng dạy và nghiên cứu tại bộ môn Máy nông nghiệp khoa Cơ điện Trường Đại học Nông nghiệp I.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1988
Tại Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Chuyên ngành Cơ khí hoá sản xuất nông nghiệp

Đề tài luận án

Nghiên cứu ảnh hưởng của một số thông số đến chất lượng làm việc và năng lượng tiêu thụ của máy trộn bột thức ăn gia súc khô kiểu vít đứng.

Nội dung

Đề xuất cải tiến thiết kế mẫu máy trộn kiểu vít đứng trong đó ống bao vít được cải tiến có các lỗ cửa sổ. Đã chế tạo mẫu máy, khảo nghiệm trong phòng thí nghiệm trong sản xuất và cung cấp cho một số cơ sở chế biến thức ăn gia súc (8 máy).
Đã tính toán cơ sở lý thuyết cải tiến mẫu máy.

Xây dựng dàn khảo nghiệm tiến hành thực nghiệm mẫu máy theo phương pháp quy hoạch thực nghiệm. Đề ra các phương trình toán mô tả các ảnh hưởng của một số thông số cấu tạo và sử dụng năng lượng tiêu thụ điện năng riêng, độ trộn đều, phân tích để cải tiến thiết kế.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Nghiên cứu máy trộn bột vít đứng.
Nghiên cứu thiết kế máy ấp trứng gia cầm.
Bằng lao động sáng tạo.
Huy chương bạc Hội chợ triển lãm khoa học kỹ thuật toàn quốc 1987.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Đã xuất bản 3 giáo trình - Nxb Giáo dục.
Nhiều bài báo và công trình khoa học đã công bố.
Giảng dạy và hướng dẫn tốt nghiệp đại học, trên đại học.



NGUYỄN VĂN THỤC

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 18 - 5 - 1945.
Quê quán: Hoàng Lương - Hiệp Hoà - Bắc Giang.
Chỗ ở hiện nay: 4/8/83 đường Trường Chinh - Hà Nội.

Quá trình công tác

Phó phòng Viện Kinh tế xây dựng.
Phân viện trưởng Phân viện Kinh tế xây dựng miền Nam.
Phó Viện trưởng Viện Kinh tế xây dựng.
Phó Hiệu trưởng Trường Quản lý kinh tế xây dựng.
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
Hiện là Hiệu trưởng Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ ngành xây dựng.
Hội viên Hội Xây dựng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Chuyên ngành Tổ chức và quản lý sản xuất.

Đề tài luận án

Nâng cao năng lực quản lý của cán bộ lãnh đạo các cơ sở sản xuất kinh doanh ngành xây dựng.

Nội dung

Đánh giá thực trạng trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cơ sở sản xuất kinh doanh của ngành xây dựng.

Tác giả đề ra những giải pháp đào tạo bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực quản lý kinh doanh cho cán bộ lãnh đạo các cơ sở sản xuất của ngành.

Thành tựu khoa học

Giáo trình
Đồng tác giả:
Đội xây dựng và công tác kế hoạch kinh tế đội.
Bài tập tình huống quản lý kinh doanh.
Chân dung các nhà doanh nghiệp.
Đáp án tình huống quản lý kinh doanh.
Chủ nhiệm các đề tài:
Lập phương án đánh giá và so sánh kinh tế việc cải tạo nhà cũ và xây dựng nhà mới (cấp Nhà nước).
Xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh doanh cho giám đốc các doanh nghiệp ngành xây dựng (cấp Bộ).
Mô hình và phương pháp đào tạo bồi dưỡng cán bộ kinh doanh xây dựng (cấp Bộ).
Chiến lược đào tạo bồi dưỡng cán bộ - công chức ngành xây dựng đến năm 2000 và một số năm tiếp theo (cấp Bộ).
Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản trị trong các doanh nghiệp cổ phần thuộc ngành xây dựng (tham gia - cấp Bộ).
Những giải pháp đào tạo bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý chất lượng công trình xây dựng (cấp Bộ).
Chủ nhiệm dự án:
Điều tra đánh giá thực trạng đội ngũ công chức cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật ngành xây dựng. Đề xuất kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức đến năm 2005, định hướng đào tạo đến 2010.
Nhiều bài đăng trên các tạp chí

Dự định khoa học

Nghiên cứu và giảng dạy chuyên ngành.



NGUYỄN ĐÌNH THUÔNG

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 10 - 9 - 1935.
Quê quán: Nghi Xá - Nghi Lộc - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Khối 8 - phường Quang Trung - Thành phố Vinh - Nghệ An.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy, Trưởng bộ môn Hoá vô cơ, Chủ nhiệm khoa, Uỷ viên thường trực Hội đồng khoa học trường, Chủ nhiệm chuyên ngành sau đại học Đại học Sư phạm Vinh, Uỷ viên Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ tỉnh Nghệ An.
Hiện là Ủy viên Ban chấp hành phân hội giảng dạy hoá học Việt Nam, Uỷ viên Ban chấp hành Hội Hoá học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972
Tại Trường Đại học Hoá công nghệ Pavdubice, Tiệp Khắc cũ.
Ngành Hoá
Chuyên ngành Hoá vô cơ

Đề tài luận án

Quang phổ hồng ngoại của các dẫn xuất feroxen.

Nội dung

Nghiên cứu tổng hợp các dẫn xuất của feroxen: tổng hợp di-π-xiclopentadienyl sắt $(\pi\text{-}C_5H_5)_2Fe$. Thực hiện các phản ứng thế để điều chế các dẫn xuất của feroxen, mono và 1,1' dicloro feroxen, mono và 1,1' dibromo feroxen, mono và 1,1' diiodo feroxen, mono và 1,1' dixiano feroxen, etyl và 1,1' dietyl feroxen, các dẫn xuất trên của merkur feroxen, các dẫn xuất detri hoá hidro của vòng và của nhóm thế... Tinh chế các sản phẩm điều chế, xác định độ tinh khiết của các sản phẩm đó. Đo quang phổ hồng ngoại của các dẫn xuất feroxen điều chế được trong vùng tần số 3.200 cm^{-1} đến 400 cm^{-1}. Phân tích, xác định và phân lập các loại dao động. Xác định cấu trúc phân tử của các dẫn xuất nghiên cứu. Kết luận về những thay đổi (tần số hấp thụ và cấu trúc phân tử) khi xảy ra sự thế ở vị trí khác nhau trong phân tử dẫn đến sự thay đổi tính chất lý, hoá học của hợp chất.

Thành tựu khoa học

Chủ trì 3 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.
Biên soạn nhiều giáo trình và tài liệu học tập cho sinh viên nghiên cứu sinh chuyên ngành hoá vô cơ.
Huân chương kháng chiến hạng ba.
Huân chương lao động hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.
Nhà giáo ưu tú năm 1994.



LỘC PHƯƠNG THỦY

Phương Thuỷ - Phương Lộc

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 03 - 01 - 1949
Quê quán: Hưng Đạo - Hoà An - Cao Bằng.
Chỗ ở hiện nay: B3 - P101 tập thể Vĩnh Hồ - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Văn, Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc, Thái Nguyên.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Lêningrát.
Cán bộ nghiên cứu Ban Văn học nước ngoài, Viện Văn học, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.
Hiện là Trưởng Ban Văn học nước ngoài, Viện Văn học.
Thư ký khoa học Viện Văn học.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981
Tại Trường Đại học Tổng hợp Lêningrát, Liên Xô cũ.
Ngành Khoa học Ngữ văn

Đề tài luận án

Đề tài công xã Paris trong kịch Pháp.

Nội dung

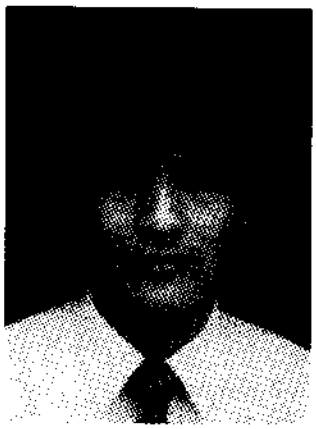
Nghiên cứu các vở kịch đã đề cập đến sự kiện công xã Paris của những người chứng kiến sự kiện đó, dù với từ cách là người trong hay ngoài cuộc. Jules Vallès và vở kịch công xã Paris nghiên cứu một tác giả nổi tiếng của văn học công xã Paris vở kịch kể trực tiếp về những sự kiện ông đã từng chứng kiến.
Đề tài công xã Paris trong kịch Pháp thế kỷ XX đề cập đến những vở kịch tiếp tục đề tài công xã trong thế kỷ XX tại Pháp.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản (in chung):
Nghiên cứu:
Victo Huygô ở Việt Nam.
Văn hoá nghệ thuật và phụ nữ Việt Nam.
Lịch sử văn học Pháp thế kỷ XIX.
Lịch sử văn học Pháp thế kỷ XX, Nxb Ngoại văn,
Thạch Lam, văn chương và cái đẹp, Nxb Hội nhà văn.
Phê bình văn học Pháp thế kỷ XX (chủ biên), Nxb Văn học.
Hải Triều - Nhà lý luận tiên phong, Nxb Chính trị Quốc gia.
Văn học Pháp thế kỷ XIX, XX - Tập II, Nxb Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.
Những vấn đề lý luận và lịch sử văn học, Viện Văn học, Nxb Khoa học xã hội.
Dịch thuật:
Đường vào văn hoá Phần Lan, Nxb Văn học.
Lịch sử văn học Pháp thế kỷ XIX, tuyển tác phẩm, Nxb Thế giới.
Le Clézio: *Vòng xoáy,* Nxb Văn học.
Sách in riêng:
Từ một góc nhìn về giao lưu văn học Việt - Pháp.
André Gide - Đời văn và tác phẩm Nxb Khoa học xã hội.

Dự định khoa học

Nghiên cứu văn học Pháp thế kỷ XX.
Tham gia đào tạo sau đại học.



ĐỖ VĂN THUYẾT

Tiến sĩ Luật học

Sinh ngày: 2 - 6 - 1952
Quê quán: Trung Lương - Bình Lục - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: 14 ngõ 11 Khương Trung - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Học các trường: Ngoại ngữ, Nghiệp vụ Công an, Học viện Chính trị Quốc gia, Đại học Luật.
Công tác tại Tổng cục An ninh - Bộ Công an.
Tham gia đào tạo sau đại học tại Đại học An ninh nhân dân.
Trưởng phòng Thuộc Tổng cục An ninh, Phó trưởng Ban (Phó Viện trưởng) V25 - Bộ Công an.
Hội viên Hội Luật gia Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Ngành Luật học
Chuyên ngành Lý luận Nhà nước và pháp quyền.

Đề tài luận án

Đổi mới và hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước và an ninh kinh tế đối ngoại ở Việt Nam hiện nay.

Nội dung

Các thế lực thù địch đã và đang thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình" đối với nước ta. Chúng ra sức lợi dụng những sơ hở trong công tác quản lý nhà nước để hoạt động phá hoại trên nhiều lĩnh vực, bằng nhiều phương thức, thủ đoạn khác nhau. Chúng triệt để khai thác, lợi dụng chính sách mở cửa của ta để thâm nhập phá hoại các hoạt động kinh tế đối ngoại. Mặt khác, trong hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế đối ngoại nói chung và an ninh kinh tế đối ngoại nói riêng ở nước ta còn bộc lộ nhiều sơ hở, thiếu sót. Hệ thống pháp luật về an ninh kinh tế đối ngoại còn thiếu và chưa đồng bộ, chưa trở thành phương tiện có hiệu lực và hiệu quả cho hoạt động quản lý nhà nước về an ninh quốc gia trên lĩnh vực kinh tế quan trọng này.
Luận án nghiên cứu hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật trong quản lý nhà nước về an ninh kinh tế đối ngoại. Làm rõ những nội dung, đặc điểm của quản lý nhà nước về an ninh kinh tế đối ngoại. Phân tích vai trò, thực trạng của pháp luật trong quản lý nhà nước trên lĩnh vực này. Đưa ra các giải pháp khoa học khả thi góp phần đổi mới, hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước về an ninh kinh tế đối ngoại ở Việt Nam hiện nay.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm và thư ký nghiên cứu biên soạn trên 15 công trình thuộc các lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia và xây dựng lực lượng công an nhân dân... đã nghiệm thu và công bố.

Dự định khoa học

Nghiên cứu và quản lý khoa học, chuyên ngành công an.



NGUYỄN THỨ

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 20 - 10 - 1935.
Quê quán: Điện Quang - Điện Bàn - Quảng Nam
Chỗ ở hiện nay: 18/B5 tập thể Đại học Giao thông - Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy bộ môn Cầu đường Trường Đại học Giao thông Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Đường sắt Mátxcơva
Trưởng đoàn thực tập sinh về thi công công trình ngầm tại Tiệp Khắc
Phó Giám đốc Xí nghiệp Liên hiệp công trình đường sắt Huế.
Trưởng phòng Kỹ thuật Cty cầu lớn - hầm Viện thiết kế Giao thông.
Phó Giám đốc Cty Xây dựng cơ bản, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Uỷ viên Hội đồng Khoa học kỹ thuật Bộ Giao thông Vận tải.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1973
Tại Trường Đại học Đường sắt Mátxcơva Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Kết cấu, Xây dựng công trình giao thông.

Đề tài luận án

Chọn một dạng kết cấu tối ưu của vỏ hầm và phương pháp thi công hợp lý của loại kết cấu đó trong điều kiện địa chất Việt Nam.

Nội dung

Giải bài toán tính vỏ hầm bằng phương pháp biến hình bảo giác và dùng mô hình thí nghiệm bằng quang đàn hồi để kiểm tra lại bài toán trong các giai đoạn thi công cũng như khai thác. So sánh chỉ tiêu kinh tế của dạng kết cấu, đề xuất, so với dạng kết cấu cổ điển.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Chống ô nhiễm do khói của đầu máy hơi nước xả ra trong hầm Pắc Khánh (cấp Bộ).
Phương pháp gia cố kéo dài tuổi thọ cho kết cấu vỏ hầm trên tuyến đường sắt Thống nhất.
Hướng dẫn nghiên cứu sinh.

Dự định khoa học

Nghiên cứu xây dựng và sửa chữa công trình ngầm.



NGUYỄN XUÂN THỨC

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 2 - 1 - 1958.
Quê quán: Cổ Nhuế - Từ Liêm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: N6-3 tập thể Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy khoa Tâm lý - Giáo dục Đại học Sư phạm Hà Nội
Học cao học và nghiên cứu sinh tại Đại học Sư phạm Hà Nội
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn - Đại học Sư phạm Hà Nội
Thành viên Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Chuyên ngành Tâm lý học

Đề tài luận án

Nghiên cứu tính tích cực giao tiếp của trẻ em mẫu giáo 5-6 tuổi trong hoạt động vui chơi.

Nội dung

Nghiên cứu các vấn đề lý luận giao tiếp, tính tích cực, tính tích cực giao tiếp trong triết học, tâm lý học... và thực trạng tính tich cực giao tiếp của trẻ em mẫu giáo 5-6 tuổi; (nhu cầu giao tiếp, tính chủ động giao tiếp và sự hoà nhập vào nhóm giao tiếp bè bạn) và các yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực giao tiếp của trẻ em mẫu giáo Việt Nam hiện nay: cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trẻ em mẫu giáo, cách thức và mức độ tổ chức hoạt động vui chơi của cô giáo mầm non, mức độ xung đột trong giao tiếp và cách thức giải quyết xung đột của cô giáo, không khí tâm lý gia đình, mức độ phát triển ngôn ngữ của trẻ em.
Thử nghiệm và khẳng định một biện pháp - thay đổi cách thức giải quyết xung đột giữa trẻ em với nhau trong vui chơi của cô giáo mầm non là con đường nâng cao tính tích cực giao tiếp của trẻ em.

Thành tựu khoa học

Chủ trì và tham gia 8 đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước:
Giao tiếp sinh viên
Nghiên cứu và chẩn đoán tư vấn giáo dục.
Xây dựng trắc nghiệm tâm lý thăm dò một số phẩm chất nhân cách của sinh viên năm thứ nhất.
Tính đa dạng của các mô hình chăm sóc giáo dục trẻ em mồ côi Hà Nội (đề tài nhánh cấp Nhà nước).
Đặc điểm giao tiếp của trẻ em mẫu giáo 5 - 6 tuổi.
Nghiên cứu đặc điểm sự phát triển trí tuệ của trẻ em mẫu giáo.
Nghiên cứu đặc điểm nhân cách của trẻ em mẫu giáo.
Sử dụng các mô hình dạy học nhằm tạo ra tình huống có vấn đề trong dạy học tiểu học hiện nay.
Trên 60 bài đăng trong các kỷ yếu, tạp chí khoa học chuyên ngành.
Bằng tuổi trẻ sáng tạo.

Dự định khoa học

Giảng dạy và nghiên cứu khoa học - ứng dụng thành quả tâm lý học vào giáo dục và cuộc sống.



THÁI DUY THỨC

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 15 - 10 - 1944.
Quê quán: Xuân Thành - Yên Thành - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Số 3 tập thể Viện Vật lý Hạt nhân - Cầu Giấy - Hà Nội

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Nghiên cứu sinh tại Ba Lan.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Điện khí hoá.
Uỷ viên Hội đồng khoa học Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
Hội viên Hội Khoa học kỹ thuật Mỏ Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984

Tại khoa Điện tử và tự động hoá Học viện Mỏ - Luyện kim (AGH) Cracốp - Ba Lan.
Ngành Tự động hoá
Chuyên ngành Truyền động điện tự động.

Đề tài luận án

Nghiên cứu trên mô hình toán các hiện tượng động học xảy ra dọc đoàn tầu điện mỏ khi hãm động năng bởi hai đầu tàu.

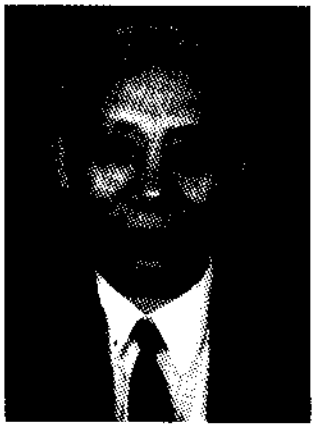
Nội dung

Để tăng khả năng thông qua của vận tải trong trường hợp mỏ tiến sâu thì phương án khả thi là thành lập đoàn tàu dài được truyền động bởi nhiều đầu tàu.
Lập mô hình toán mô tả động học của đoàn tàu dài, được truyền động bởi nhiều đầu tàu bố trí ở các vị trí khác nhau dọc đoàn tàu.
Mô phỏng trên máy tính số biết được các tính chất động học dọc đoàn tàu khi khởi động, hãm động năng và điều chỉnh tốc độ.
Kết quả đã ứng dụng để thiết kế đầu tàu điện, toa, các giảm chấn ở móc nối. Thiết kế hệ truyền động điện và điều khiển chúng, đảm bảo được độ ổn định của đoàn tàu khi chuyển động. Đảm bảo các chỉ tiêu an toàn v.v...

Thành tựu khoa học

Các đề tài đã nghiệm thu:
Ứng dụng hệ thống thông tin cao tàu cho mỏ Mạo Khê - Tràng Bạch.
Chế tạo hệ thống khởi động tự động bơm có công suất lớn của mỏ Mạo Khê.
Chế tạo thiết bị ổn áp tự động cho nguồn dự phòng mỏ Mạo Khê.
Hoàn thiện hệ thống điều khiển và bảo vệ máy xúc của mỏ Đèo Nai, Hà Tu Quảng Ninh.
Chế tạo thiết bị đo đếm tự động thời gian làm việc có tải và thời gian làm việc không tải của các thiết bị truyền động bằng động cơ đốt trong của mỏ Khánh Hoà.
Chế tạo thiết bị bảo vệ rò điện cho các mỏ nhỏ.
Nghiên cứu xác định các thông số hợp lý của máy tuyển điện (cấp bộ).

Sách đã xuất bản:
Truyền động điện tự động
Bài tập truyền động điện
Giáo trình truyền động điện (dùng cho cao học ngành chế tạo máy mỏ).
Giáo trình truyền động điện tự động (dùng cho cao học ngành điện khí hoá và tự động hoá). Đại học Mỏ.
Thiết kế truyền động điện tự động (t1). Nxb Giao thông.
Cơ sở lý thuyết truyền động điện tự động (t1). Nxb Giao thông vận tải.
Huy chương chống Mỹ hạng hai.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.



ĐINH HẠNH THƯNG

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 3 - 6 - 1942
Quê quán: Khả Phong - Kim Bảng - Hà Nam
Chỗ ở hiện nay: P408 - nhà 5b - Tập thể Đại học Công đoàn, 167/37 Tây Sơn, Hà Nội.

Quá trình công tác
Cán bộ kỹ thuật Mỏ than Đèo Nai
Cán bộ Viện Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động
Trưởng phòng Kỹ thuật An toàn điện
Trưởng phòng Tổng hợp kế hoạch
Phó Viện trưởng
Bí thư Đảng uỷ Viện Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Hữu nghị Việt - Đức thành phố Hà Nội.
Hội An toàn và vệ sinh lao động Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1976.
Tại Trường Đại học kỹ thuật thành phố Các Mác, CHDC Đức cũ.
Chuyên ngành Khoa học kỹ thuật điện.

Đề tài luận án

Góp phần soạn thảo chiến lược bảo vệ các bộ đổi điện nối với lưới điện và thí nghiệm bộ bảo vệ quá dòng bằng máy cắt cơ khí điều khiển điện tử.

Nội dung

Bộ đổi điện nằm giữa lưới điện và tải, bị tác động bởi quá áp và quá dòng phát sinh do khí quyển và do đóng cắt trong lưới điện. Luận án đưa ra các khả năng phát sinh quá dòng và quá áp đồng thời đưa ra các linh kiện hạn chế quá có so sánh theo chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật. Các khả năng xuất hiện quá dòng, so sánh các linh kiện hạn chế và cắt quá dòng theo yêu cầu kinh tế - kỹ thuật. Cầu chì và áp-tô-mát là thích hợp bảo vệ quá dòng. Với sự trợ giúp của máy tính analog, đã tính t_1, I^2t và I_0 là hàm số của R, L, di.dt, tv, B khi U=500V, t = 5ms và 15ms. Bảo vệ lý tưởng đòi hỏi thời gian trễ không quá 1 ms, độ tăng điện áp hồ quang không quá 100V/ms. Kết quả thử nghiệm cho thấy khả năng áp dụng áp-tô-mát có bộ điều khiển điện tử là thích hợp bảo vệ các bộ đổi điện công suất từ 10 đến 500 kW.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài:
Máy đo điện trở mạch pha - dây không (cấp Viện).
Nghiên cứu và ứng dụng thiết bị cắt điện tự động để bảo vệ người làm việc ở các thiết bị và dụng cụ điện di động (cấp Nhà nước).
Nghiên cứu cơ sở khoa học và các giải pháp kỹ thuật bảo hộ lao động ứng dụng vào sản xuất (thư ký).
Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp kỹ thuật xử lý ô nhiễm gây ra bởi khí thải công nghiệp và giảm nhẹ tiếng ồn trong khu vực sản xuất (cấp Nhà nước).
Sơ bộ đánh giá tình hình an toàn, vệ sinh lao động trong sản xuất nông nghiệp (cấp Bộ).
Khảo sát đánh giá tình hình thực hiện kỹ thuật an toàn trong một số cơ sở sản xuất công nghiệp giai đoạn 1991 - 2000, (2000 - 2002) (cấp Bộ).
Trên 25 công trình khoa học khác đã công bố.
Sách đã xuất bản
An toàn điện trong sản xuất và đời sống. Nxb Giáo dục.
Vấn đề an toàn vệ sinh lao động trong hoạt động sản xuất nông nghiệp (đồng tác giả). Nxb Lao động.
Giáo trình kỹ thuật an toàn điện. Nxb Khoa học và kỹ thuật.
Bằng sáng chế máy đo điện trở mạch pha dây không (đồng tác giả).
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các mạch bảo vệ bằng bán dẫn để bảo vệ người và gia súc trong sản xuất, đời sống để tránh điện giật.



TRẦN LINH THƯỚC

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 6 - 10 - 1960.
Quê quán: Bùi Xá - Đức Thọ - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay:
105 Quang Trung - Gò Vấp - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Nghiên cứu viên, Phân Viện Khoa học Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.
Giảng viên Trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
Giám đốc Trung tâm Khoa học và Công nghệ Sinh học.
Trưởng khoa Sinh học.
Trưởng PTN Công nghệ Sinh học phân tử, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Sinh học thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995

Tại Đại học Kyoto Nhật Bản
Ngành Nông nghiệp
Chuyên ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm.

Đề tài luận án

Nghiên cứu về một dạng glutathione peroxidase mới cảm ứng bởi stress ôxy hoá ở Hanselula mrakii.

Nội dung

Sử dụng các phương pháp vi sinh vật, hoá sinh, di truyền, sinh học phân tử và mô hình tế bào nấm men để nghiên cứu cơ chế thích ứng của tế bào nhân thật đối với các stress ôxi hoá.
Dùng stress ôxi hoá là lipid hydroperoxide và hệ thống sinh các dẫn xuất độc tính cao của ôxi (gốc tự do OH-, O^{2-}) in vitro, đã tuyển chọn được chủng nấm men Hansenula mrakii có tính kháng cao đối với stress ôxi hoá. Dùng các đột biến nhạy cảm với stress ôxi hoá, đã chứng minh được enzyme glutathione peroxidase có vai trò thiết yếu trong sự thích ứng của nấm men này đối với stress ôxi hoá. Đã tinh chế được enzyme glutathione peroxidase này. Các nghiên cứu về đặc tính cơ chất, sự hiện diện trong tế bào cho thấy đây là một glutathione peroxidase mới, có hoạt tính cao đối với cơ chất lipid hydroxide của màng và gắn trong màng tế bào chất và ti thể.
Đã đề xuất mô hình giải thích cơ chế thích ứng đối với stress ôxi hoá ở nấm men H.mrakii.
Dựa trên các trình tự mucleotide bảo tồn cao của các gen mã hoá cho glutathione peroxidase đã được công bố ở các loài khác, dùng kỹ thuật PCR, đã dòng hoá thành công trình tự gen mã hoá cho enzyme này.

Thành tựu khoa học

Một số công trình nghiên cứu đã công bố ở nước ngoài:
Cảm ứng glutathione peroxidase bởi linoleic acid hydroperoxide ở Hansenula mrakii.
Tinh sạch và đặc trưng hoá glyoxalase I của Hansenula mrakii.
Tinh sạch và đặc trưng hoá methylglyoxal reductase của Hansenula mrakii.
Sản xuất liên tục S-lactoyl glutathione bằng glyoxalase I bất động của Hansenula mrakii.
Đặc tính kiểu hình của một thể đột biến kháng lipid hydroxide: quan hệ giữa sự kết tụ và tính kháng lipid hydroperoxide ở Saccharomyces cerevisiae.
Vai trò kháng stress ôxy hoá của glutathione peroxidase ở nấm men: đặc tính kiểu hình của các thể đột biến từ Hansenula mrakii nhạy cảm với lipid hydroperoxide.
Tinh sạch và một số đặc tính của một glutathione peroxidase liên kết với màng ở Hansenula mrakii.
Tính kháng lipid hydroperoxide.
Gen kháng lipid hydroperoxide ở Saccharomyces cerevisiae: sử dụng làm gen đánh dấu chọn lọc trong biến nạp nấm men.
Vai trò của stress ôxy hoá trong sự phát bệnh AIDS.
Nghiên cứu vi khuẩn sinh acetic acid trong giấm nuôi: tuyển chọn và đánh giá các chủng phân lập.
Rượu cần ở Việt Nam.
Tuyển chọn và sử dụng bền vững tài nguyên gen vi sinh vật ở Việt Nam.
Nhiều công trình đã công bố ở trong nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu vi sinh vật.



NGUYỄN THƯỢC

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 30 - 12 - 1936.
Quê quán: Đức Thạch - Mộ Đức - Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: 119/61 Giáp Bát - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Xây dựng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
Cán bộ nghiên cứu Tổng cục Xây dựng cơ bản, Phủ Thủ tướng.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Xây dựng Sôfia - Bungari.
Trưởng phòng Viện Khoa học kỹ thuật xây dựng.
Viện phó Viện Khoa học kỹ thuật xây dựng.
Vụ phó Vụ Khoa học kỹ thuật - Bộ Xây dựng.
Viện trưởng Viện Khoa học kỹ thuật xây dựng - Ủy ban xây dựng cơ bản Nhà nước.
Vụ trưởng Vụ Khoa học kỹ thuật - Bộ Xây dựng.
Giám đốc Trung tâm Chuyển giao công nghệ xây dựng thích hợp.
Giám đốc Công ty Phát triển kỹ thuật xây dựng.
Hội viên Hội Kiến trúc sư Việt Nam
Hội Xây dựng Việt Nam
Phó Chủ tịch Hội địa kỹ thuật Việt Nam.
Tham gia Hội địa kỹ thuật quốc tế.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1971

Tại Đại học Xây dựng Sofia - Bungari.
Chuyên ngành Cơ học đất - nền móng

Đề tài luận án

Cố kết và lưu biến của đất sét bão hoà nước.

Nội dung

Nghiên cứu cố kết của đất sét bão hoà nước, đề xuất chương trình thí nghiệm cố kết và lưu biến của đất sét đặc trưng ở Sofia - Bungari. Đề xuất mô hình cố kết thấm của Terzaghi với mô hình lưu biến dạng Bingham - Swedoft đối với kết cấu chung của đất sét, giải thích đặc trưng cố kết và lưu biến của đất sét, đất sét bão hoà nước là một môi trường liên tục mang đặc trưng đàn hồi - nhớt - dẻo.
Phân tích quan hệ giữa ứng suất và biến dạng ở các giai đoạn khác nhau, điều kiện ban đầu và điều kiện giới hạn thành lập phương trình trạng thái quá trình cố kết và lưu biến của đất sét bão hoà nước cho bài toán tổng quát và giải bài toán cụ thể cho trường hợp cố kết 3 hướng đối xứng.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các chương trình:
Xây dựng công trình trên nền đất yếu.
Công nghệ xây dựng bằng vật liệu địa phương, vật liệu tại chỗ.
Phụ trách 2 chuyên đề: xây dựng trong vùng gió bão và vấn đề xây dựng trong vùng có động đất của Viện Khoa học kỹ thuật xây dựng cơ bản.
Tham gia hội thảo quốc tế về giảm nhẹ tác hại của gió bão đối với công trình xây dựng của Liên hợp quốc tại Ấn Độ.
Ứng dụng thành công các đề tài gia cố đất yếu bằng điện hoá, bằng cột balát kết hợp với gia cố xi măng, bằng cố kết động, giải pháp móng thích hợp với nền gia cố đã áp dụng trên nhiều công trình.

Dự định khoa học

Nghiên cứu gia cố đất nền, ứng dụng công nghệ gia cố đất bằng cột xi măng - đất cho nền móng công tình, màng chống thấm.
Áp dụng bê tông cốt kim, bê tông chất lượng cao.



PHẠM THƯỢC

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 23 - 12 - 1936
Quê quán: Tự Tân - Vũ Thư - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể Viện Nghiên cứu Hải sản - 170 Lê Lai - Hải Phòng.

Quá trình công tác

Cán bộ Trạm Nghiên cứu Cá biển Hải Phòng.
Nghiên cứu sinh tại Ba Lan.
Trưởng phòng Nguồn lợi - Viện Nghiên cứu Hải sản.
Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hải sản.
Nghiên cứu sinh bậc hai tại Ba Lan.
Nghiên cứu viên cao cấp Viện Nghiên cứu Hải sản.
Ủy viên ban chấp hành hội Bảo vệ thiên nhiên môi trường Việt Nam.
Thường vụ Hội Nghề cá Hải Phòng.
Được phong Phó giáo sư năm 1984.

Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học năm 1987

Tại Học viện Nông nghiệp Szdczecin Ba Lan.
Chuyên ngành Sinh vật học cá biển.

Đề tài luận án

Trữ lượng cá biển Việt Nam, đặc điểm sinh vật học nghề cá, xác định trữ lượng và khả năng khai thác.

Nội dung

Bờ biển Việt Nam dài khoảng 3260 km. Vùng nước lợ ven biển có thể nuôi trồng nhiều loại đặc sản có giá trị kinh tế. Ngoài nguồn lợi cá tầng trên và cá tầng đáy, biển Việt Nam còn có nhiều loài hải sản có giá trị kinh tế cao: tôm, cua, tôm hùm, mực... Khu hệ cá biển Việt Nam rất phong phú, không có vùng tập trung lớn, cá thường sống phân tán, sản lượng không cao.
Vùng biển vịnh Bắc Bộ, Đông và Tây Nam Bộ độ sâu không lớn. Vùng đáy biển tương đối thuận lợi cho kéo lưới đáy. Khí hậu có hai mùa, bão thường xảy ra vào mùa hè ảnh hưởng lớn tới các điều kiện khí tượng thủy văn biển.
Luận án đã xác định được 1269 loài cá, thuộc 190 họ. Chiều dài trung bình các loài cá từ 100 - 200mm, chu kỳ đời ngắn, sống từ 3-4 năm. Mùa đẻ kéo dài, sức sinh sản cao. Thành phần thức ăn rộng rãi. Trữ lượng cá tầng đáy ước khoảng 1,8 triệu tấn. Tầng trên khoảng 1,7 triệu tấn. Tổng trữ lượng cá biển Việt Nam ước khoảng 3,5 triệu tấn, khả năng khai thác hàng năm khoảng 1,3 triệu tấn. Bảo vệ nguồn lợi thủy sản hiện nay là nhiệm vụ quan trọng đối với nghề cá Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm một số đề tài:
Nghiên cứu xác định khu vực cấm và hạn chế đánh bắt để bảo vệ nguồn lợi thủy sản (cấp Nhà nước).
Điều tra nguồn lợi cá tầng đáy biển Việt Nam.
Chủ nhiệm Chương trình hợp tác nghiên cứu thăm dò nguồn lợi cá biển giữa Việt Nam và Liên Xô.
Giải thưởng nhà nước về cụm công trình "Nghiên cứu đánh giá nguồn lợi hải sản vùng biển Việt Nam".
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp phát triển nghề cá.

Dự định khoa học

Nghiên cứu nguồn lợi và môi trường biển.
Nghiên cứu đa dạng sinh học.
Tham gia xây dựng các khu bảo tồn biển.



PHAN VĂN TÍCH

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 4 - 4 - 1937
Quê quán: Bắc Hồng - Đông Anh - Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

Quá trình công tác

Giáo viên Trường Bổ túc văn hoá cán bộ lãnh đạo Vĩnh Phúc.
Giảng viên chính.
Chuyên viên cao cấp Trường Đại học Kinh tế - Kế hoạch Hà Nội.
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989
Tại Học viện Nguyễn Ái Quốc
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Kinh tế chính trị.

Đề tài luận án

Củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN trong nông nghiệp tập thể ở đồng bằng Bắc Bộ nước ta.

Nội dung

Luận án đã kiến nghị giao khoán hẳn tư liệu sản xuất chủ yếu (ruộng đất, ao, đầm, đồi, rừng, trâu bò) cho các hộ gia đình để người nông dân thực sự làm chủ sản xuất kinh doanh.
Thực hiện đấu thầu để phát triển sản xuất hàng hoá quy mô lớn.
Khôi phục các ngành nghề truyền thống và mở mang các ngành nghề mới.
Xoá bỏ thói quen bình quân, bao cấp.
Nhà nước cần có những chính sách mới tạo thuận lợi cho nông dân về phương thức mua bán; giá cả, tăng đầu tư cho nông nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng sản xuất.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu trên 10 đề tài khoa học cấp Bộ, cấp Nhà nước.
Viết 6 tổng luận khoa học với 14 nghiên cứu chuyên đề đã nghiệm thu và ứng dụng.
Tham gia viết 4 đầu sách đã xuất bản.
Đã đăng trên 20 bài nghiên cứu trong các tạp chí chuyên ngành.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu những vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc.



VÕ TIỀM

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 20 - 11 - 1937.
Quê quán: Song Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Hà Nội

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Công nghiệp cá Astrakhan Liên Xô.
Nghiên cứu sinh Đại học Kỹ sư Hàng hải Ôđestxa Liên Xô.
Phụ trách phòng Quy hoạch cơ khí thuỷ sản, Bộ Thuỷ sản.
Phó ban Tổng hợp kinh tế nghề cá và xây dựng huyện - Bộ thuỷ sản.
Học quản lý kinh tế ở Liên Xô.
Viện trưởng Viện kinh tế và quy hoạch thuỷ sản.
Hội viên Hội Kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1976

Tại Đại học Kỹ sư Hàng hải Ôđetxa Liên Xô
Ngành Công nghệ đóng, sửa chữa tàu biển.

Đề tài luận án

Nghiên cứu kế hoạch hoá sản xuất sửa chữa đội tàu biển bằng phương pháp tính toán kinh tế và sử dụng máy tính, áp dụng vào điều kiện của Việt Nam.

Nội dung

Những nguyên tắc và phương pháp kế hoạch hoá sản xuất sửa chữa tàu biển ở Liên Xô.
Hoàn thiện công tác kế hoạch hoá sản xuất ở các Xí nghiệp đóng và sửa tàu biển.
Đề xuất các mô hình toán và sử dụng máy tính để lập kế hoạch sửa chữa tàu, vận dụng trong điều kiện của Việt Nam.
Tính năng lực sản xuất sửa tàu của doanh nghiệp.
Lựa chọn hợp lý khối lượng sửa chữa tàu hàng năm.
Sơ đồ tác nghiệp, tháng, 10 ngày, hàng ngày.
Tính định mức tổng hợp theo đơn vị sửa chữa.
Thuật toán để điều chỉnh kế hoạch và dự phòng rủi ro.
Hệ thống biểu bảng để thu thập thông tin thực tế.

Thành tựu khoa học

Giáo trình *Tổ chức công nghệ và kế hoạch hoá đóng, sửa tàu cá.*
Một số công trình nghiên cứu:
Đánh giá tổng quan về tổ chức sửa chữa đội tàu đánh cá của Liên Xô.
Quy hoạch nghề cá các huyện trọng điểm.
Chiến lược phát triển thuỷ sản.
Tổng quan hiện trạng và xu hướng phát triển nghề cá thế giới.
Chiến lược phát triển kinh tế biển đến năm 2010 (phần thuỷ sản).
Chiến lược phát triển nghề cá Nam Bộ đến năm 2010 (chủ biên).
Quy hoạch phát triển nghề cá đồng bằng sông Hồng đến năm 2010.
Quy hoạch phát triển nghề cá Bắc Trung Bộ.
Chiến lược phát triển nghề cá 1996 - 2010 (chủ biên).
Quy hoạch phát triển nghề cá đến năm 2010 (chủ dự án).



ĐINH VĂN TIẾN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 18 - 10 - 1951.
Quê quán: Tiên Lãng - Hải Phòng.
Chỗ ở hiện nay: Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Vụ Kế hoạch vật tư kỹ thuật - Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Kinh tế Berlin - Cộng hoà liên bang Đức.
Trưởng phòng Nghiên cứu các lĩnh vực tổng hợp - Viện Nghiên cứu kế hoạch hoá - Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước.
Uỷ viên Hội đồng khoa học - Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước.
Giảng viên kiêm chức Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Trường Hành chính, Quản lý nhà nước Hà Nội.
Trưởng khoa Hành chính Doanh nghiệp - Học viện Hành chính Quốc gia.
Phó trưởng khoa Hành chính Doanh nghiệp - Đại học Quản lý và Kinh doanh Hà Nội.
Uỷ viên Hội đồng Khoa học - Học viện Hành chính Quốc gia.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983.
Tại Đại học Kinh tế Berlin CHLB Đức.

Đề tài luận án

Kế hoạch hoá nhu cầu vật tư kỹ thuật về phía người tiêu dùng.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Hành chính doanh nghiệp - tạo lập và vận hành. Nxb Chính trị Quốc gia.
Tìm hiểu để hợp tác kinh doanh với Mỹ. Nxb Thống kê.
Nghệ thuật đàm phán và kinh doanh. Nxb Chính trị Quốc gia.
Cải cách hành chính doanh nghiệp. Nxb Giáo dục.
Tâm lý ứng dụng trong quản lý kinh doanh. Nxb Chính trị Quốc gia.
Kỹ năng giao tiếp trong hành chính. Nxb Lao động.
Đồng tác giả:
Sổ tay phương pháp sư phạm hành chính. Nxb Thống kê.
Phương pháp sư phạm thực hành. Nxb Công an Nhân dân.
Từ điển thuật ngữ kinh tế học. Nxb Từ điển Bách khoa.
Giáo trình:
Kế hoạch hoá kinh tế quốc dân.
Quản lý nhà nước.
Hành chính doanh nghiệp.
Chủ nhiệm 04 đề tài cấp Bộ, 03 đề tài cấp Nhà nước.
Hướng dẫn tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ.
Huy chương vì thành tích nghiên cứu khoa học.



MẠC VĂN TIẾN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 14 - 9 - 1955.
Quê quán: Thị trấn Chũ - Lục Ngạn - Bắc Giang.
Chỗ ở hiện nay: 5/12 Hương Viên - Hà Nội.

Quá trình công tác

Học Đại học tại Liên Xô cũ; Công tác tại Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam; Giảng viên Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội; Trưởng phòng, Viện Khoa học Lao động và các vấn đề xã hội; Phó vụ trưởng Vụ Bảo hiểm xã hội.
Hiện là Phó Tổng biên tập *Tạp chí Lao động - Xã hội* - Bộ Lao động Thương binh & Xã hội; Hội viên Hội nhà báo Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993. Tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội. Chuyên ngành Thống kê.

Đề tài luận án

Ứng dụng một số phương pháp thống kê trong nghiên cứu bảo hiểm xã hội ở Việt Nam.

Nội dung

Khái quát một số vấn đề lý luận về bảo hiểm xã hội (BHXH) trong nền kinh tế thị trường; Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê BHXH; các phương pháp tính và thu thập thông tin. Các chỉ tiêu về tài chính và BHXH; Vận dụng phương pháp thống kê phân tích, dự báo các hiện tượng và quá trình BHXH; Đề xuất một số nội dung đổi mới hệ thống BHXH ở Việt Nam. Kiến nghị chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động đã được đưa vào Dự luật BHXH.

Thành tựu khoa học

Đề tài cấp nhà nước:
Luận cứ khoa học xây dựng chính sách bảo đảm xã hội ở Việt Nam (thư ký); Đổi mới chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động trong các thành phần kinh tế ở Việt Nam. (thư ký); Luận cứ khoa học cho việc đổi mới chính sách cứu trợ xã hội ở Việt Nam (đồng chủ nhiệm); Luận cứ khoa học cho việc đưa chính sách xã hội vào thực tiễn cuộc sống (tham gia); Luận cứ khoa học cho việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở Việt Nam. (tham gia); Quản lý sự phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng trong điều kiện nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa.
Chủ nhiệm các đề tài cấp Bộ:
Nghiên cứu các hình thức trợ giúp xã hội ở Việt Nam.
Cơ sở phương pháp luận xác định độ tuổi nghỉ hưu ở Việt Nam.
Cơ sở lý luận và phương pháp luận xây dựng chính sách đối với người nghỉ hưu ở Việt Nam; Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chính sách bảo hiểm y tế đối với thương bệnh binh.
Đồng chủ nhiệm:
Đánh giá hiện trạng phân bố dân, lao động, các vấn đề xã hội và dự báo dân số đến năm 2000; Kinh nghiệm quản lý bảo hiểm xã hội của nước ngoài và sự vận dụng vào Việt Nam; Điều tra cơ bản về lao động và các vấn đề xã hội các vùng kinh tế; Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê về thế giới ở Việt Nam.
Sách đã xuất bản:
Đồng tác giả và chủ biên:
Người cao tuổi ở Việt Nam. Nxb Khoa học Xã hội.
Kinh tế thị trường, lý thuyết và thực tiễn (dịch). Nxb Hà Nội.
Lý thuyết giá cả và sự vận dụng. Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
Góp phần đổi mới và hoàn thiện chính sách bảo đảm xã hội ở Việt Nam.
Vấn đề việc làm cho người tàn tật ở Việt Nam.
Đổi mới chính sách xã hội.
Một số vấn đề cơ bản về kinh tế bảo hiểm.
Những điều cần biết về các chế độ bảo hiểm xã hội.
Đổi mới chính sách bảo hiểm xã hội đối với người lao động. Nxb Chính trị Quốc gia.
Làm thế nào để vay vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm. Nxb Tài chính.
Hỏi đáp về bảo hiểm xã hội.
Hỏi đáp về xuất khẩu lao động. Nxb Lao động Xã hội.
Sổ tay thống kê thông tin thị trường lao động ở Việt Nam. Nxb Chính trị quốc gia.
Hàng trăm bài viết, báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí.
Tham gia giảng dạy đại học và hướng dẫn học viên cao học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, giảng dạy và viết sách về bảo hiểm xã hội.



VŨ HỒNG TIẾN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 3 - 2 - 1956.
Quê quán: Thụy Phong - Thái Thụy - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 3, A1 - Tập thể Quân đội - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Giáo dục chính trị Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Giảng viên khoa Giáo dục chính trị Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh Trường Kinh tế quốc dân Ôđétxa Liên Xô cũ.
Chủ nhiệm bộ môn Kinh tế chính trị, Phó Chủ nhiệm khoa, Đại học Sư phạm Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.

Tại Đại học Kinh tế quốc dân Ôđétxa, Ucraina Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Kinh tế chính trị.

Đề tài luận án

Tính quy luật kinh tế của việc cải biến nền kinh tế tiểu nông thành kinh tế hợp tác, vận dụng vào Việt Nam.

Nội dung

Hợp tác hoá kinh tế tiểu nông là một quy luật kinh tế khách quan.
Khái quát nguyên tắc và mô hình hợp tác hoá ở Liên Xô cũ và một số nước trên thế giới.
Đách giá quá trình hợp tác hoá ở Việt Nam - Thành tựu và những vấn đề đặt ra.
Những quan điểm, phương hướng, giải pháp cơ bản để tiến hành hợp tác hoá theo đúng quy luật vốn có của nó.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Những vấn đề cơ bản của lịch sử các học thuyết kinh tế. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
Lý luận và thực tiễn thương mại quốc tế. Nxb Thống kê (đồng tác giả).
Chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề lý luận, thực tiễn ở Việt Nam. Nxb Đại học Quốc gia.
Hướng dẫn ôn tập môn kinh tế chính trị (chủ biên) Nxb Giáo dục.
Bồi dưỡng nội dung và phương pháp giảng dạy giáo dục công dân 10, 11, 12. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
Các nguyên lý kinh tế vĩ mô (đồng tác giả).
Phương pháp giảng dạy kinh tế chính trị ở các trường đại học và cao đẳng - Tập 1. Nxb Giáo dục (đồng chủ biên).
Một số bài đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, hướng dẫn nghiên cứu sinh, cao học chuyên ngành.



NGUYỄN THỊ TĨNH

Tiến sĩ Toán lý

Sinh ngày: 15 - 5 - 1956.
Quê quán: Nam Quan - Nam Trực - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay:
B9 - Tập thể Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội.
Giảng viên khoa Toán Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Viện Toán học Việt Nam.
Học sau đại học tại Trường Đại học Tổng hợp Canberra Australia.
Hiện là chủ nhiệm bộ môn Tin học, khoa Toán - Tin, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.

Tại Viện Toán học Việt Nam.
Ngành Toán - lý.
Chuyên ngành Toán giải tích.

Đề tài luận án

Biểu diễn các đa thức Legendre qua các đa thức Bernoulli và Euler.

Nội dung

Luận án đưa ra những phép biểu diễn các đa thức Legendre qua các đa thức Bernoulli và Euler. Góp phần làm phong phú thêm lý thuyết các hàm đặc biệt và đóng góp vào việc nghiên cứu các đa thức trực giao.
Luận án cũng đưa ra một số công thức tổng hữu hạn về các số Bernoulli và Euler. Những công thức này có ý nghĩa trong lĩnh vực giải tích và phương pháp tính.

Dự định khoa học

Nghiên cứu những ứng dụng của tin học vào toán học, đặc biệt là các phần mềm dạy học môn toán.

Lời Tiến sĩ

Khi còn trẻ đừng vì lợi ích trước mắt mà bỏ phí sự nghiệp. Khi đã có địa vị, quyền lực, đừng kiêu căng độc đoán với thế hệ trẻ.



ĐỖ THỊ TÍNH

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 16 - 2 - 1959.
Quê quán: Vụ Bản - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay:
21/159 Nguyễn Đức Cảnh - Hải Phòng.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy bộ môn Nội, Trường Đại học Y Hải Phòng.
Giáo vụ bộ môn Nội, Trường Đại học Y Hải Phòng.
Hiện là phó trưởng khoa Thận - Nội tiết, Bệnh viện Đa khoa Việt - Tiệp, Hải Phòng.
Hội viên:
Hội Nội khoa.
Hội Thận - Tiết niệu.
Hội Tiêu hoá Việt Nam.
Hội Nội tiết Hà Nội.
Hội Tim mạch Hải Phòng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998.

Tại Học viện Quân y Việt Nam.
Chuyên ngành Bệnh học Nội khoa.

Đề tài luận án

Nghiên cứu yếu tố nguy cơ Aflatoxin và một số yếu tố nguy cơ khác ở bệnh nhân ung thư gan nguyên phát.

Nội dung

Bằng phương pháp nghiên cứu bệnh chứng, trên 50 bệnh nhân ung thư gan nguyên phát và 50 người khoẻ mạnh không bị ung thư gan, nghiên cứu các yếu tố nguy cơ chính là Aflatoxin, viêm gan virut B, nghiện rượu, ăn thực phẩm mốc... Sử dụng phương pháp sắc ký lỏng cao áp để định lượng Aflatoxin trong nước tiểu và dịch màng bụng, tổ chức gan trong ung thư gan. Phương pháp ELISA xác định HB_3Ag...
Kết quả:
Phát hiện 26,9% bệnh ung thư gan có Aflatoxin trong nước tiểu với hàm lượng 0,04 - 0,18ppb. Tỉ lệ này trong dịch màng bụng là 33,3%, hàm lượng 0,75ppb. Tỉ suất chênh OR = 6,9 và RR = 5,3 so với người bình thường.
Tỉ lệ mang HB_3Ag ở tronh ung thư gan là 74%; tỉ suất chênh là 12,96 và RR = 4,1 so với người bình thường.
Tỉ lệ nghiện rượu ở trong ung thư gan là 36%, cao hơn có ý nghĩa so với nhóm chứng. Nam giới mắc ung thư gan chiếm 88%, độ tuổi gặp nhiều nhất 40 - 60.
Chưa tìm thấy sự phối hợp làm tăng nguy cơ gây ung thư gan của các yếu tố nguy cơ chính (Aflatoxin, HBV, rượu).

Thành tựu khoa học

Những đề tài đã nghiệm thu:
Phát hiện độc tố Aflatoxin trong nước tiểu bệnh ung thư gan.
Tần suất mang AB_3Ag trong huyết thanh bệnh nhân ung thư gan nguyên phát.
Phát hiện độc tố Aflatoxin trong dịch màng bụng trong ung thư gan nguyên phát.
Tìm hiểu mối liên quan giữa nhóm máu với bệnh ung thư gan nguyên phát.
Aflatoxin và một số yếu tố nguy cơ gây ung thư gan.
Tổn thương thận ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại Hải Phòng.
Tình hình mắc bệnh đái tháo đường tại Bệnh viện Việt - Tiệp, Hải Phòng 1999 - 2000.
Một số biến chứng thường gặp ở bệnh nhân đái tháo đường tại Hải Phòng.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, viết giáo trình nội khoa cho sinh viên.
Nghiên cứu điều trị bệnh đái tháo đường, các bệnh tuyến giáp và bệnh thận.



TRẦN KIM TÍNH

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 4 - 4 - 1957.
Quê quán: Trường Thành - Ô Môn - Cần Thơ.
Chỗ ở hiện nay: 156 đường 30-4 - Thành phố Cần Thơ.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Cần Thơ.
Trưởng bộ môn Khoa học đất, khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.
Hiện là trưởng Phòng thí nghiệm chuyên sâu.
Tổ trưởng tổ Hoá lý và Phi nhiêu đất, bộ môn Khoa học đất Trường Đại học Cần Thơ.
Thành viên Hội Khoa học đất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.

Tại Đại học Nông nghiệp Thuy Điển,
Chuyên ngành Hoá học đất.

Đề tài luận án

Hoá học đất phèn ngập nước (dưới tác động của việc canh tác lúa).

Nội dung

Luận án được thực hiện trên 4 biểu loại đất phèn trồng lúa và không trồng lúa ở đồng bằng sông Cửu Long, với mục đích xem đặc tính khử của đất ở hai tầng (tầng mặt và tầng B (hoặc tầng AB), Đặc tính khử trong điều kiện có 8 ppm và không có O_2. Ảnh hưởng của chất hữu cơ và tác động của việc canh tác lúa.
Luận án cho thấy chất hữu cơ (DOC) đóng vai trò quan trọng đến tiến trình khử ở đất phèn như là cơ chất. Sự khuếch tán Fe^{2+} từ lớp bùn ở ruộngvà bị oxy hoá ở lớp nước mặt là một yếu tố quan trọng làm trễ sự khử SO_4^{2-}, điều này rất quan trọng vì nó ảnh hưởng đến tăng trưởng và năng xuất lúa. Oxy tiết ra từ rễ lúa thay đổi tuỳ theo giống lúa và loại rễ trên cùng một cây, lúa nảy mầm yếm khí và háo khí làm thay đổi lượng oxy tiết ra từ rễ.
Trong thực tế, giữ nước trong ruộng lúa ở các độ sâu khác nhau sẽ làm thay đổi tăng trưởng, năng suất rõ rệt vì nước ngập sâu, cạn làm thay đổi lượng oxy tiết ra từ rễ lúa. Oxy tiết ra cũng làm thay đổi thành phần hoá học của vùng rễ lúa, ngập càng sâu khử càng mạnh và năng suất lúa giảm. Gia tăng lượng oxy tiết ra là gia tăng Fe^{2+} hoà tan, tăng tính oxy hoá (pe + pH), tăng SO_4^{2-} và làm trễ sự khử SO_4^{2-}.

Thành tựu khoa học

6 báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí thế giới. (đồng tác giả).
Một số bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành.
Giáo trình thổ nhưỡng (chủ biên).

Dự định khoa học

Tìm biện pháp tăng năng suất cây trồng trên đất phèn theo hướng giảm nhẹ tính khử và tăng hiệu quả của phân P.
Nghiên cứu đặc tính hoá học của môi trường nuôi tôm (đất và nước).
Tìm hiểu động thái của các kim loại nặng trong phân rác tử thành phố.



ĐỒNG NGỌC TOÀN

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 22 - 6 - 1955.
Quê quán: Vân Hà - Đông Anh - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay:
49 đường Khương Hạ - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Cán bộ nghiên cứu Viện Khoa học giáo dục.
Hội viên Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.

Tại Viện Khoa học giáo dục.
Ngành Sư phạm - Tâm lý.

Đề tài luận án

Phát triển tư duy lý luận của học sinh lớp 6 qua việc giảng dạy môn sinh học.

Nội dung

Vận dụng lý thuyết tâm lý học và lý luận dạy học hiện đại tổ chức dạy học thực nghiệm môn sinh học lớp 6 nhằm nâng cao trình độ nắm vững tri thức và hình thành, phát triển tư duy lý luận ở học sinh lứa tuổi này.
Đối tượng nghiên cứu là một số đặc điểm của tư duy lý luận.
Phương pháp chủ yếu là thực nghiệm sư phạm, bao gồm việc xây dựng nội dung chương trình sinh học lớp 6.
Dựa trên những nguyên tắc cơ bản của khái quát hoá nội dung và tổ chức các hành động học tập một cách hợp lý, để học sinh chủ động chiếm lĩnh các khái niệm khoa học. Đồng thời hình thành và phát triển ở họ khả năng tư duy lý luận.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh trong giảng dạy sinh học lớp 6.
Hình thành các hành động học tập một biện pháp nâng cao chất lượng học bộ môn.
Sự phát triển khái quát hoá lý luận ở học sinh lớp 6.
Tham gia một số đề tài cấp Bộ:
Một số đặc điểm về khả năng tự đánh giá của học sinh cuối bậc tiểu học (lớp 4, 5).
Trình độ phát triển trí tuệ của học sinh tiểu học.
Xác định mức độ tác động định hướng của một số giá trị đối với hoạt động của học sinh trung học phổ thông.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các chỉ số tâm lý của trẻ em Việt Nam và đặc điểm trí tuệ của học sinh phổ thông.



LÊ VĂN TOÀN

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 15 - 6 - 1935
Quê quán: Ba Đình - Nga Sơn - Thanh Hoá
Chỗ ở hiện nay:
B102/76 Kim Mã Thượng - Hà Nội

Quá trình công tác

Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kế hoạch Hà Nội
Tổng Cục trưởng Tổng cục Thống kê
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Dân lập Quản lý và Kinh doanh Hà Nội.
Hội viên Hội Kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984

Tại Trường Đại học Thống kê - Kinh tế Mátxcơva.
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Thống kê.

Đề tài luận án

Phương pháp luận nghiên cứu kinh tế và thống kê giá thành nông sản của các nông trang Liên Xô và khả năng áp dụng vào điều kiện Việt Nam.

Nội dung

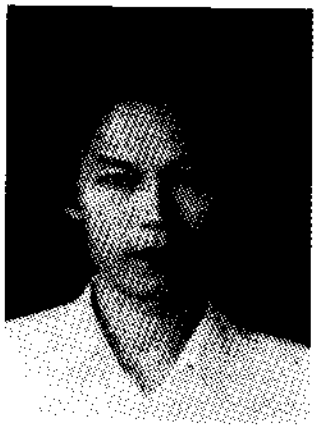
Nghiên cứu phạm trù chi phí xã hội và chi phí của từng nhà tư bản làm rõ giá thành sản phẩm không chỉ bao gồm chi phí vật chất và tiền công mà cả chi phí lãi suất tiền vay, tiền thuê đất, tư liệu lao động v.v...
Phân tích nhược điểm của cơ chế xây dựng giá cả nông sản ở Liên Xô (cũ), dẫn đến hậu quả là thù lao không gắn với năng suất lao động, giá cả thoát ly giá trị, có tình trạng lãi giả lỗ thật hoặc ngược lại, không khuyến khích chuyên môn hoá sản xuất v.v...
Chứng minh sự cần thiết tính giá thành theo mức thù lao thực tế để thực hiện hạch toán kinh tế cần tính giá thành theo mức thù lao bình quân cả nước làm cơ sở cho việc xác định giá nông sản.
Áp dụng phương pháp phân tổ thống kê, tương quan và hồi qui đa nhân tố để phân tích ảnh hưởng của các yếu tố giảm giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Thành tựu khoa học

Thành viên Ban chủ nhiệm chương trình khoa học cấp Nhà nước:
Những vấn đề chủ yếu trong hệ thống kinh tế Việt Nam.
Chủ nhiệm đề tài nhánh:
Những căn cứ lý luận và thực tiễn để cải tiến hệ thống hạch toán và thống kê nhằm đáp ứng những yêu cầu thông tin cho công tác quản lý kinh tế.
Sách đã xuất bản:
Giáo trình thống kê nông nghiệp (chủ biên và đồng tác giả). Nxb Đại học.
Kinh tế ASEAN và khả năng hội nhập của Việt Nam (đồng tác giả). Nxb Thống kê.
Kinh tế NICs Đông Á - Những kinh nghiệm và bài học đối với Việt Nam (đồng tác giả). Nxb Thống kê.
Trên 20 bài đăng ở các tạp chí.
Huân chương lao động hạng nhất
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục
Vì sự nghiệp khoa học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu một số vấn đề kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế hỗn hợp để vận dụng vào điều kiện nước ta.



NGUYỄN HỮU TOÀN

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 10 - 11 - 1962.
Quê quán:
Thuỷ Vân - Hương Thuỷ - Thừa Thiên - Huế.
Chỗ ở hiện nay:
Tổ 5 - khu vực 2 - Vĩ Dạ - Thành phố Huế.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Huế.
Bác sĩ khoa Huyết học - Truyền máu, Bệnh viện Trung ương Huế.
Tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa 1 Huyết học, Đại học Y Huế.
Nghiên cứu sinh, Học viện Quân y, Viện Huyết học - truyền máu Việt Nam.
Nghiên cứu tại Viện Tim - Phổi và Máu thuộc Viện Sức khoẻ Hoa kỳ.
Hiện là Phó trưởng khoa Huyết học lâm sàng, Bệnh viện Trung ương Huế.
Hội viên Hội Huyết học - Truyền máu Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998.
Tại Viện Huyết học truyền máu và Học viện Quân y Việt Nam.
Ngành Y học.
Chuyên ngành Dị ứng và miễn dịch.

Đề tài luận án

Nghiên cứu phân loại Leukemia cấp người lớn, rối loạn tạo máu và tế bào miễn dịch ở các thể M1, M2, M3.

Nội dung

Leukemia cấp (ung thư máu) gây tổn thương nặng nề hệ thống tạo máu, miễn dịch và toàn thể; tử vong còn cao, điều trị khó khăn, phụ thuộc thể bệnh, các yếu tố tiên lượng và chưa có phương pháp nào tối ưu.
Tác giả phân tích giá trị của các phương pháp phân loại đang áp dụng trên thế giới để ứng dụng vào Việt Nam.
Đánh giá mức độ rối loạn tạo máu, rối loạn miễn dịch cho thấy các thể bệnh dòng hạt đơn thuần có tổn thương nặng nề các hệ thống này và cần được nâng đỡ tích cực để bệnh nhân có thể trải qua trị liệu và tạo được lui bệnh hoàn toàn.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu khoa học đã tiến hành.
Khoảng 15 bài nghiên cứu đã đăng trên các tạp chí về bệnh học tạo máu, đặc biệt là leukemia cấp.
Sách đã xuất bản:
Từ tiền leukemia đến leukemia cấp (đồng tác giả). Nxb Y học.
Một số tài liệu về huyết học.

Dự định khoa học

Góp phần xây dựng ngành huyết học Việt Nam hiện đại.
Nghiên cứu bệnh học tạo máu; ứng dụng kỹ thuật hiện đại kết hợp với y học cổ truyền vào điều trị các bệnh lý tạo máu.

Lời Tiến sĩ

Tôi mong đất nước đẩy mạnh hơn nữa công cuộc cải cách và mở cửa, mạnh dạn học hỏi những gương sáng của các dân tộc tiên tiến, không bảo thủ, giáo điều và đặt lợi ích của tổ quốc lên trên hết.
Dân chủ là một quá trình không thể đảo ngược và là động lực to lớn nhất cho sự phát triển của xã hội.



NGUYỄN VĂN TOÀN

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 19 - 8 - 1952
Quê quán: Xuân Thịnh - Triệu Sơn - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 5 ngõ 1 Nguyễn An Ninh - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Thổ nhưỡng Nông hoá.
Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
Hội viên Hội Khoa học đất Việt Nam.
Giám đốc Trung tâm Khoa học đất và phân bón.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam.
Ngành Nông nghiệp.
Chuyên ngành Nông hoá học.

Đề tài luận án

Hiệu lực của lân đối với một số giống lúa mới trên một số loại đất ở phía Bắc.

Nội dung

Nghiên cứu chế độ lân trong một số loại đất trồng lúa chính ở miền Bắc; lân tổng số; sự cố định lân của đất và một số yếu tố chi phối sự cố định lân; lân dễ tiêu và khả năng cung cấp lân dễ tiêu của đất trồng lúa.

Dinh dưỡng lân của lúa: động thái hàm lượng lân của lúa; đánh giá nhu cầu lân của lúa theo hàm lượng lân trong cây và trong hạt; khả năng hấp thụ lân từ phân bón và từ đất của các giống lúa; ảnh hưởng của lân đến khả năng chống chịu độc tố nhôm trên đất phèn.
Hiệu lực của lân đối với các giống lúa mới: tiến hành trên một số loại đất trồng lúa chính trong những mùa vụ khác nhau; nghiên cứu sự hấp thụ các nguyên tố đồng hành đạm, kali, canxi với hấp thụ lân của lúa.
Khả năng hấp thụ lân từ phân lân khó tan của các giống lúa và hiệu lực của các dạng phân lân.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Thuyết minh bản đồ đất tỉnh Bình - Trị - Thiên.
Hiệu lực của phân lân nung chảy Ninh Bình đối với lúa trên một số loại đất ở phía Bắc.
Hiệu lực của phân superphosphat Lâm Thao đối với một số giống lúa mới trên đất phù sa trung tính sông Hồng.
Nghiên cứu tính chịu thiếu lân của các giống lúa trên đất phèn bằng kỹ thuật đồng vị đánh dấu P32.
Khả năng mở rộng đất nông nghiệp ở Việt Nam giai đoạn 2000 - 2010.
Tài nguyên đất duyên hải Bắc Trung Bộ.
Một số tính chất hoá học của đất gieo trồng giống lúa cổ truyền ở Việt Nam.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sử dụng bền vững hiệu quả đất nông nghiệp.



TÔ THỊ TOÀN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 21 - 11 - 1947.
Quê quán: Mỹ Văn - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 4 Yết Kiêu - Hà Nội.

Quá trình công tác

Trưởng phòng quản lý chất lượng kỹ thuật.
Uỷ viên Ban kiểm tra Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Kiến trúc sư Việt Nam.
Phó Tổng thư ký Hội Kiến trúc sư Hà Nội.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Bảo tồn di sản Thăng Long Hà Nội.
Đại biểu quốc hội khoá X. Ủy viên Ban Khoa học công nghệ và môi trường của Quốc hội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.
Tại Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.
Ngành Kiến trúc.
Chuyên ngành Quy hoạch không gian và xây dựng đô thị.

Đề tài luận án

Một số vấn đề định hướng qui hoạch cải tạo phố cổ Hà Nội.

Nội dung

Nhiều cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước đã nghiên cứu đề xuất các giải pháp qui hoạch cải tạo phố cổ Hà Nội song hầu như không khả thi. Dựa trên sự hình thành phát triển phố cổ, khảo sát đánh giá hiện trạng phố cổ Hà Nội về kiến trúc hạ tầng, xã hội, khảo sát nghiên cứu đề xuất một số định hướng cải tạo thí điểm thiết kế quy hoạch chế tạo bảo tồn một ô phố cổ Hà Nội. Đề xuất phương pháp luận về bảo tồn, tôn tạo phố cổ Hà Nội và các đô thị cổ Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Chủ trì thiết kế:
50 công trình dân dụng (nhà ở, trường học, trụ sở làm việc, khách sạn, nhà ở cho người nước ngoài, văn phòng đại diện v.v...).
10 công trình qui hoạch.
Chủ trì thiết kế, thi công: 6 công trình nội ngoại thất.
Chủ nhiệm 3 đề tài, tham gia10 đề tài cấp thành phố.
Chủ nhiệm 1 dự án.
Tham gia thẩm định thiết kế.
Quản lý kỹ thuật nhiều công trình kiến trúc cơ quan.
Bằng lao động sáng tạo.
Bằng chuyên gia trẻ.
Bằng chủ nhiệm đồ án loại 1.
Bằng khen phụ nữ xuất sắc thủ đô.
Giải thưởng kiến trúc năm 2000. Và nhiều giải thưởng khác.

Dự định khoa học

Nghiên cứu bảo tồn tôn tạo phát triển phố cổ Hà Nội.



VÕ ĐÌNH TOÀN

Tiến sĩ Luật học

Sinh ngày: 2 - 1 - 1961.
Quê quán: Sơn Tây - Hương Sơn - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: 10/A7 - Tập thể Tổng cục Chính trị - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Pháp lý Hà Nội.
Giáo viên khoa Pháp luật kinh tế Trường Đại học Pháp lý Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại khoa Luật, Đại học Tổng hợp quốc gia Sepchencô Kiep, Ucraina.
Trưởng bộ môn Luật tài chính - Ngân hàng - Chứng khoán, khoa Pháp luật kinh tế Trường Đại học Luật Hà Nội.
Luật sư, Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Sepchencô Kiep, Ucraina.
Ngành Luật.

Đề tài luận án

Cơ sở pháp lý của hệ thống thuế ở Việt Nam.

Nội dung

So sánh chế độ thuế ở các nước phát triển, các nước có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng và quá trình đổi mới nhận thức về việc sử dụng pháp luật thuế ở Việt Nam, luận án làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn và điều chỉnh bằng pháp luật quan hệ thuế giữa nhà nước và xã hội.
So sánh pháp luật thuế Việt Nam với nhiều nước, kết quả phân tích thực trạng pháp luật và điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam. Luận án nghiên cứu mô hình pháp luật thuế Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế. Nghiên cứu các biện pháp bảo đảm hiệu quả của pháp luật, kết luận mang tính nguyên lý cho quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật và thực hiện pháp luật thuế trong điều kiện nền kinh tế thị trường.

Thành tựu khoa học

Chủ biên và đồng tác giả
Các công trình đã công bố:
Tập bài giảng luật tài chính và luật ngân hàng. Nxb Giáo dục.
Giáo trình luật tài chính Việt Nam.
Giáo trình luật ngân hàng Việt Nam. Nxb Công an nhân dân.
Từ điển giải thích thuật ngữ luật học. Trường Đại học Luật Hà Nội. Nxb Công an nhân dân.
Tác giả:
Luật ngân sách nhà nước, nhân tố thúc đẩy vai trò của ngân sách nhà nước.
Những nét mới của luật ngân hàng nhà nước Việt Nam.
Hoàn thiện pháp luật thuế.
Một số vấn đề về bảo lãnh.
Một số vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng mô hình ngân hàng trung ương ở một số nước.
Đồng tác giả đề tài cấp ngành:
Tạo dựng môi trường pháp lý cho sự nghiệp tiếp tục đổi mới hoạt động ngân hàng.
Bằng khen giáo viên dạy giỏi.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, giảng dạy luật tài chính - ngân hàng - chứng khoán.

Lời Tiến sĩ

Tích luỹ tri thức là tạo nguyên liệu, còn say mê là tạo năng lượng cho quá trình sáng tạo khoa học.



TRẦN ĐÌNH TOÁN

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 24 - 10 - 1954.
Quê quán: Vạn Điểm - Thường Tín - Hà Tây.
Chổ ở hiện nay: 15/30 Phan Đình Giót - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Bác sĩ Trạm Vệ sinh phòng dịch tỉnh Hà Sơn Bình.
Trung uý Đội điều trị 201, Cục Hậu cần.
Thượng uý, Trưởng khoa Dinh dưỡng Viện Quân Y 203.
Hiện là Trưởng khoa Dinh dưỡng Bệnh viện Hữu nghị Hà Nội.
Tham gia giảng dạy tại Đại học Y Hà Nội.
Hội viên Hội Y học Dự phòng.
Uỷ viên Hội đồng biên tập tạp chí *Văn hoá Nghệ thuật ăn uống.*
Ủy viên Ủy ban CODEX thực phẩm Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Đại học Y Hà Nội.
Ngành Y.
Chuyên ngành Dinh dưỡng và Tiết chế.

Đề tài luận án

Chỉ số khối cơ thể (body mass index - BMI) ở cán bộ viên chức trên 45 tuổi và mối liên quan giữa BMI với một số chỉ tiêu sức khoẻ, bệnh tật.

Nội dung

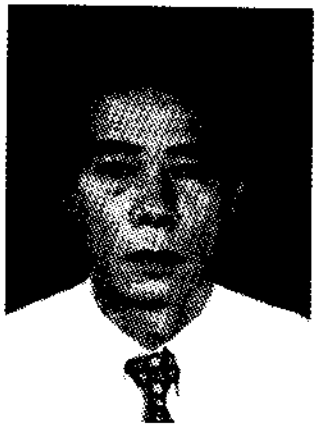
Nghiên cứu 4468 đối tượng từ 45 tuổi trở lên cho thấy:
BMI trung bình nằm trong khoảng từ 19 - 21, cao nhất ở nhóm tuổi 45 - 59 và giảm dần theo tuổi già.
Có sự tương quan giữa BMI với các thành phần lipoprotein huyết thanh nhưng chỉ ở mức độ thấp, khi BMI tăng, trị số trung bình (X ± SD) của các thành phần lipoprotein huyết thanh cũng tăng lên, hoặc giảm đi. Nhưng khi BMI từ 20 – 21,4 trở lên, các tỉ lệ này mới tăng cao hơn tỉ lệ chung của từng quần thể.
BMI(X ± SD) của người đái tháo đường(ĐTĐ) và của người tăng huyết áp (THA) đều cao hơn của người bình thường cùng quần thể. Trong số những người ĐTĐ và những người THA, tỉ lệ thiếu năng lượng trường diễn(CED) thấp hơn, tỉ lệ béo cao hơn so với những người khác cùng quần thể với p < 0,01 và 0,001.
Tỉ lệ ĐTĐ và THA đều tăng lên khi BMI tăng. Khi BMI từ 21,5 – 22,9 trở lên, tỉ lệ ĐTĐ và THA bắt đầu tăng cao hơn tỉ lệ chung của cùng quần thể. Khi BMI trên 25, tỉ lệ ĐTĐ là 7,02% tăng gấp 3,5 lần (p < 0,001) và tỉ lệ THA là 54,39% tăng gấp gần 2 lần (p < 0,001) so với tỉ lệ chung của từng quần thể nghiên cứu.

Thành tựu khoa học

Trên 30 đề tài đã công bố trong các tạp chí chuyên ngành.
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Thực đơn chế độ ăn trong một số bệnh nội khoa.
Tăng cholesteron máu - bệnh thời đại.
Hỏi đáp dinh dưỡng. Nxb Y học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ảnh hưởng của dinh dưỡng đối với các bệnh mãn tính không lây (tim mạch, đái tháo đường, bệnh gút...).



ĐỖ ĐÌNH TỐNG

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 26 - 11 - 1947.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 3 Nguyễn Bỉnh Khiêm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Nga, Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội.
Nghiên cứu sinh Viện Tiếng Nga Puskin, Matxcơva.
Chủ nhiệm bộ môn Thực hành tiếng 3-4-5, khoa Nga, Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Giáo học pháp, khoa Tiếng Nga, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Phó chủ nhiệm khoa Tiếng Nga, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Phó chủ tịch Hội đồng bộ môn Tiếng Nga Bộ Giáo dục Đào tạo.
Uỷ viên tiểu ban chỉ đạo và bồi dưỡng phân ban phổ thông trung học, Bộ Giáo dục Đào tạo.
Tổng chủ biên bộ sách giáo khoa tiếng Nga cho phổ thông trung học cơ sở.
Chủ tịch Hội đồng bộ môn Tiếng Nga Bộ Giáo dục Đào tạo.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982.

Tại Viện Tiếng Nga Puskin, Matxcơva, Liên bang Nga.

Ngành Phương pháp giảng dạy (lý luận sách giáo khoa).

Đề tài luận án

Thể nghiệm phương hướng giao tiếp cá thể hoá vào sách giáo khoa tiếng Nga cho các trường phổ thông Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu lý luận sách giáo khoa tiếng Nga hiện đại, xây dựng một hệ lý luận sách giáo khoa tiếng Nga hoàn chỉnh, phù hợp với mức phát triển của giáo học pháp ngoại ngữ hiện đại. Đề xuất và mô tả những đường hướng, phương thức vận dụng trong thực tiễn dạy - học.
Tác giả nghiên cứu, đề xuất những khái niệm xác định tính giao tiếp của quá trình dạy - học; xem xét chiến lược học cùng những yếu tố cấu thành; đề ra những phương thức triển khai tính giao tiếp và các thể hoá dạy - học trong sách giáo khoa tiếng Nga cho các trường phổ thông Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Đã biên soạn:
Bộ giáo trình giáo học pháp cho sinh viên tiếng Nga hệ sư phạm.
Bộ sách giáo khoa hệ cải cách giáo dục cho các trường phổ thông trung học toàn quốc.
Bộ sách giáo khoa cho các trường phổ thông trung học chuyên ban toàn quốc.
Tổng chủ biên bộ sách giáo khoa cho các trường phổ thông trung học cơ sở toàn quốc (lớp 6 - 7).
Nhiều tài liệu bồi dưỡng, tập huấn giáo viên toàn quốc.
Bộ đề thi, để luyện thi vào các trường cao đẳng, đại học.
Tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Đại học Quốc gia.
Nhiều bài báo khoa học.
2 chương trình "Tiếng Nga trên truyền hình".

Dự định khoa học

Biên soạn sách giáo khoa tiếng Nga phổ thông, đại học và chương trình "Tiếng Nga trên truyền hình".



NGUYỄN KHẮC TRÀ

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 20 - 3 - 1946.
Quê quán: Thành phố Vinh - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Đường Trường Chinh - Hà Nội.

Quá trình công tác

Uỷ viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty Xây dựng Hà Nội, Bộ Xây dựng.
Hiện là Uỷ viên Hội đồng cố vấn Câu lạc bộ doanh nghiệp Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.
Chuyên ngành Tài chính lưu thông tiền tệ tín dụng.

Đề tài luận án

Những giải pháp về vốn để xây dựng và phát triển nhà ở đô thị ở Việt Nam hiện nay.

Nội dung

Tầm quan trọng của vấn đề nhà ở đô thị. Những vấn đề liên quan đến đô thị, tụ điểm dân cư, phân loại đô thị, sự hình thành và phát triển đô thị ở nước ta.
Vốn và nguồn vốn là điều kiện tiên quyết để xây dựng và phát triển nhà ở đô thị. Các kênh vốn trong xây dựng nhà ở như đầu tư qua ngân sách nhà nước, quỹ của các ngành và doanh nghiệp, dẫn vốn qua ngân hàng và các tổ chức trung gian, tự huy động vốn và vốn từ các tổ chức cộng đồng v.v...

Thực trạng về vốn đầu tư xây dựng và phát triển nhà ở đô thị nước ta, chính sách nhà ở trong những năm qua, tình hình khai thác, quản lý và sử dụng các nguồn vốn cho xây dựng nhà ở đô thị. Bài học kinh nghiệm của các nước giải quyết vốn.

Xác định những phương hướng và giải pháp chủ yếu về vốn đầu tư xây dựng và phát triển nhà ở đô thị. Thiết lập quỹ nhà ở quốc gia, kinh doanh nhà ở theo dự án đầu tư, thiết lập các công ty tài chính xây dựng nhà ở đô thị.

Những điều kiện thực hiện các giải pháp về vốn đầu tư phát triển nhà và đô thị.

Thể chế hoá chính sách xã hội về nhà ở, các phương thức hỗ trợ và tạo điều kiện cho người có thu nhập thấp, cơ chế giám sát kiểm tra, quy hoạch việc xây dựng nhà ở, chính sách về nhà đất.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:

Tham gia nhóm nghiên cứu đề tài cấp Nhà nước KX030800.

Phát triển môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghiệp hoạt động có hiệu quả.

Một số bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí.

Dự định khoa học

Nghiên cứu giải pháp thu hút nguồn vốn phát triển hạ tầng đô thị và nhà ở.
Quản lý các khu đô thị mới.



BÙI ĐẠT TRÂM

Tiến sĩ Kỹ thuật.

Sinh ngày: 1 - 7 - 1948.
Quê quán: Nam Lộc - Nam Đàn - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 48 Lương Văn Cừ - Thành phố Long Xuyên.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Thuỷ Lợi Hà Nội.
Công tác tại Đài Khí tượng thuỷ văn tỉnh Hải Hưng, tỉnh An Giang.
Học tập tại Italia.
Hiện là Giám đốc Trung tâm Dự báo khí tượng thuỷ văn tỉnh An Giang.
Uỷ viên Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.

Tại Đại học Thuỷ lợi Hà Nội.
Chuyên ngành Thuỷ lực học - Thuỷ văn công trình và thuỷ lợi.

Đề tài luận án

Nghiên cứu chế độ thuỷ văn và phương án khai thác hợp lý tài nguyên nước vùng tứ giác Long Xuyên.

Nội dung

Trong các vùng trũng của các châu thổ lớn, hàng năm bị tác động mạnh mẽ của chế độ thuỷ văn, ảnh hưởng rất lớn đến chế độ sản xuất và đời sống, song chưa được nghiên cứu cơ bản và hệ thống. Luận án đã lập được phương pháp tối ưu nghiên cứu chế độ thủy văn vùng trũng có nhiều quá trình thuỷ văn hoạt động đan xen, chồng lấn, xáo trộn, diễn biến phức tạp theo không gian và thời gian. Tác giả đã áp dụng phương pháp này vào vùng trũng tứ giác Long Xuyên diện tích gần 4500km^2 thuộc hạ lưu sông Mê Kông để xác lập quy luật vận động của từng yếu tố thuỷ văn đơn tính và tổng hợp.
Nghiên cứu phương án khai thác tài nguyên nước, hợp lý, đóng góp vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai trong tứ giác Long Xuyên.

Thành tựu khoa học

Một đề tài cấp Nhà nước và 18 đề tài cấp tỉnh đã nghiệm thu.
4 công trình nghiên cứu đã được ứng dụng.
Đã xuất bản 3 đầu sách.
Bằng lao động sáng tạo.

Dự định khoa học

Nghiên cứu sự biến đổi các quá trình thuỷ văn dưới tác động của tự nhiên và con người, tìm phương án phòng chống lũ lụt và sạt lở đất bờ sông ở đồng bằng sông Cửu Long.



NGUYỄN TẤT TRÂM

Trung Hậu, Kim Anh

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 13 - 7 - 1938.
Quê quán: Tân Sơn - Đô Lương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: 504 - nhà V3³ - Tập thể Đại học Giao thông vận tải - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Mỏ - Địa chất, Đại học Bách Khoa Hà Nội.
Phó chủ nhiệm khoa Địa chất.
Trưởng phòng Đào tạo Đại học Mỏ - Địa chất.
Trợ lý hiệu trưởng, phụ trách thanh tra giáo dục.
Hội viên Hội Địa chất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1973.

Tại Đại học Tổng hợp quốc gia Lêningrat, Liên Xô cũ.
Ngành Địa chất - Khoáng vật.
Chuyên ngành Tinh thể học và hoá học tinh thể.

Đề tài luận án

Nghiên cứu sự biến đổi pha và cấu trúc của Kaolinite và moutmorillonite trong môi trường carbonate và sulfate nhiệt dịch bằng tia rơnghen.

Nội dung

Lấy các khoáng vật Kaolinite và moutmorillonite đem trộn lần lượt với Na_2CO_3, K_2CO_3, $MgCO_3$, $CaCO_3$, Na_2SO_4, K_2SO_4, $MgSO_4$ và $CaSO_4$ theo những tỉ lệ khác nhau. Sau đó cho vào môi trường nhiệt dịch: áp xuất PH_2O =1000^{at}, nhiệt độ thay đổi từ 100°C trong thời gian từ 24 - 72 giờ. Sản phẩm thu được, được phân tích bằng các phương pháp rơnghen và kính hiển vi điện tử. Kết quả nghiên cứu đã chứng minh rằng: Trong quá trình biến đổi từ pha cũ sang pha mới khung cấu trúc được kế thừa. Ví dụ khi cho Kaolinite kết hợp với $MgCO_3$ thu được corpentine. Cấu trúc của corpentine là kế thừa cấu trúc của Kaolinite, chỉ khác ở chỗ trong tầng tổng tâm mặt $_2Al^{3+}$ đã được thế bởi $_3Mg^{2+}$. Trong số những pha mới có Jeolite thu được khi cho moutmorillonite kết hợp với Na_2CO_3. Jeolite là nguyên liệu được dùng trong công nghệ lọc dầu.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu đã ứng dụng phương pháp hiện đại để nghiên cứu đặc điểm các loại sét Kaoline ở một số mỏ trọng điểm ở miền Bắc Việt Nam, phục vụ cho công nghiệp giấy, sứ cao cấp và vật liệu chịu lửa.
Trên 20 công trình được đăng trong các tạp chí khoa học ở Liên Xô, Cộng hoà dân chủ Đức và Việt Nam.
Sách đã xuất bản:
Tinh thể học đại cương (đồng tác giả). Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
Tinh thể - Khoáng vật học (đồng tác giả). Đại học Mỏ - Địa chất.
Huân chương kháng chiến hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp địa chất Việt Nam.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các loại sét Kaoline trên lãnh thổ Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Ở nước ta hiện nay đang tồn tại một nghịch cảnh: ở các trường đại học tập trung rất nhiều cán bộ khoa học giỏi, nhưng các thầy phải dạy chay vì trang thiết bị phòng thí nghiệm hết sức nghèo nàn; trong khi ở một số cơ sở sản xuất được trang bị những phòng thí nghiệm rất hiện đại nhưng lại thiếu cán bộ sử dụng. Có khá nhiều viện nghiên cứu hoặc ít cán bộ khoa học giỏi hoặc không có việc làm, hiệu quả công tác không cao. Nên chăng chỉ để một số viện nghiên cứu lớn, trong tương lai chúng thuộc hệ thống các viện nghiên cứu của Viện Hàn lâm khoa học nước nhà. Còn lại hãy giải thể bớt và tập trung tất cả các cán bộ khoa học giỏi về các trường đại học. Trong các trường đại học bên cạnh các khoa chuyên môn cho tồn tại một viện nghiên cứu nhà trường sẽ làm hai nhiệm vụ: Đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, phục vụ sản xuất. Nhà nước tập trung kinh phí đầu tư cho các trường có được những phòng thí nghiệm hiện đại; tránh lãng phí chất xám và trang thiết bị.
Nên tổ chức các trường đại học theo hướng sáp nhập những trường có thể sáp nhập được.



NGUYỄN THỊ TRÂM

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 14 - 3 - 1944.
Quê quán: Tiên Tân - Duy Tiên - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học Nông nghiệp 1 - Gia Lâm - Hà Nội.

Quá trình công tác

Nghiên cứu viên Viện Cây lương thực và cây thực phẩm, Bộ Nông nghiệp.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô cũ.
Hiện là Trưởng phòng Nghiên cứu và ứng dụng ưu thế lai.
Phó Viện trưởng Viện Sinh học Nông nghiệp, Đại học Nông nghiệp 1, Hà Nội.
Hội viên Hội Di truyền học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984.

Tại Đại học Nông nghiệp Kuban, Liên Xô cũ.
Ngành Nông nghiệp.
Chuyên ngành Chọn giống và nhân giống cây trồng.

Đề tài luận án

Lúa lùn và sử dụng lúa lùn trong chọn tạo giống lúa thâm canh.

Nội dung

Đặc điểm nông sinh học, đặc điểm giải phẫu cấu trúc thân (đốt, lóng, bẹ lá) của tập đoàn các giống lúa lùn tự nhiên, tập đoàn lúa lùn do đột biến, tập đoàn các giống lúa bán lùn, tập đoàn các giống lúa cao cây, đã tìm ra sự khác biệt về cấu tạo giải phẫu giữa các giống có chiều cao cây khác nhau và nhận định rằng các giống lúa bán lùn có cấu tạo thân phù hợp nhất để đạt năng suất cao.

Tìm ra mối quan hệ giữa kiểu cây có chiều dài thân khác nhau với các yếu tố cấu thành và năng suất.

Phát hiện ba kiểu cấu trúc đốt và lóng của các giống lúa lùn tự nhiên của Châu Âu, tập đoàn lúa lùn đột biến và quan hệ giữa các kiểu cấu trúc thân với cấu trúc bông, số lượng gié cấp 1, cấp 2, số lượng hoa trên bông lúa.

Nghiên cứu đặc điểm di truyền của các giống lúa có chiều cao cây khác nhau. Tiến hành lai tạo giữa chúng để tạo ra các giống lúa mới thấp cây, có cấu trúc thân vững chắc, chịu thâm canh cao, chống đổ tốt, thích hợp với điều kiện thâm canh và cơ giới hoá khâu thu hoạch.

Thành tựu khoa học

Nhiều đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu

Một số công trình khoa học đã ứng dụng

Sách đã xuất bản:

Chọn giống cây trồng (đồng tác giả).

Chọn giống lúa lai.

Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ VIFOTEC 1998.

Bằng tác giả sáng chế giống lúa NN 75 - 6.

Bằng lao động sáng tạo.

Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Vì thế hệ trẻ.

Huân chương lao động hạng ba.

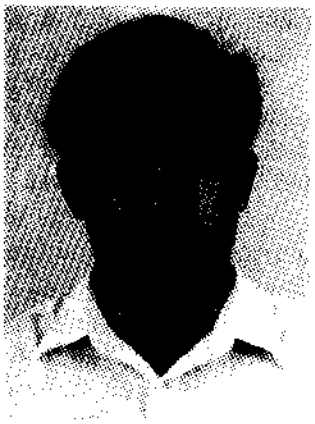
Nhà giáo ưu tú.

Dự định khoa học

Chọn tạo giống lúa và lúa lai.

Lời Tiến sĩ

Việt Nam là một nước nông nghiệp nên rất cần các nhà khoa học có tâm huyết, có tình yêu đối với những người nông dân nghèo khổ.



NGUYỄN ĐỨC TRÍ

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 10 - 7 - 1966.
Quê quán: Sài Gòn.
Chỗ ở hiện nay: 595/37/1 Xô Viết Nghệ Tĩnh - Quận Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Nhân viên phòng Kế hoạch, Công ty Mía Đường, Sở Nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.
Giảng viên Marketing, khoa Thương Mại - Du Lịch, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000.

Tại Đại học Công nghệ Nanyang, Singapo.
Chuyên ngành Chiến lược Marketing quốc tế.

Đề tài luận án

Tiếp thu nguồn tài nguyên chuyển giao từ đối tác nước ngoài trong các liên doanh quốc tế: điển hình tại Việt Nam.

Nội dung

Tiếp thu với ý nghĩa là hấp thụ và làm chủ được nguồn tài nguyên chuyển giao từ đối tác nước ngoài luôn là một thử thách đối với các liên doanh quốc tế. Kết quả tiếp thu tuỳ thuộc rất nhiều vào tổ chức nội bộ của công ty, sự quyết tâm của đối tác nước ngoài và tính chất các mâu thuẫn xảy ra giữa các đối tác. Tác giả dùng phương pháp thống kê hồi qui để xử lý dữ liệu thu thập được từ 85 liên doanh quốc tế tại Việt Nam trong tổng số 1.126 liên doanh hiện có tại thời điểm nghiên cứu. Kết quả cho thấy quyết tâm của đối tác nước ngoài, sự minh bạch về mục tiêu kinh doanh của liên doanh và sự nhạy cảm về sự khác biệt văn hoá của đối tác địa phương là nhân tố có ảnh hưởng đáng kể đến thành quả tiếp thu tài nguyên của liên doanh; khi tài nguyên được tiếp thu tốt sẽ tạo lợi thế cạnh tranh cho liên doanh; và kinh nghiệm là yếu tố then chốt để chuyển từ lợi thế cạnh tranh sang thành quả chiến lược cao.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Hỏi - Đáp về thương mại điện tử (đồng tác giả). Nxb Thống kê.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng thương mại điện tử vào chiến lược tiếp thị cho các doanh nghiệp tại Việt Nam.

Lời Tiến sĩ

Cần tập hợp và phổ biến các luận án tiến sĩ với lớp người học sau để các công trình nghiên cứu có thể kế thừa và tránh sự trùng lắp.



LÊ VÂN TRÌNH

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 21 - 9 - 1951.
Quê quán: Phú Vang - Thừa Thiên - Huế.
Chỗ ở hiện nay: 48 Tăng Bạt Hổ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Nghiên cứu viên Công nghệ môi trường, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
Nghiên cứu sinh Đại học Kỹ thuật Quốc gia Praha, Cộng hoà Séc.
Nghiên cứu viên Phân Viện Môi trường không khí Praha, trợ lý giảng dạy khoa Kỹ thuật môi trường, Đại học Kỹ thuật Quốc gia Praha, Cộng hoà Séc.
Nghiên cứu viên chính
Trưởng phòng Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
Hiện là Viện trưởng Viện Bảo hộ lao động, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
Phó Chủ tịch: Hội Khoa học kỹ thuật An toàn và Vệ sinh lao động Việt Nam.
Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam.
Hội viên: Hiệp hội An toàn và Vệ sinh lao động khu vực châu Á - Thái Bình Dương (APOSHO).
Hội Cơ học thuỷ khí Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990
Tại Trường Đại học Kỹ thuật Quốc gia Praha, Cộng hoà Séc.
Chuyên ngành Kỹ thuật môi trường.

Đề tài luận án

Tối ưu hoá các thiết bị xử lý không khí.

Nội dung

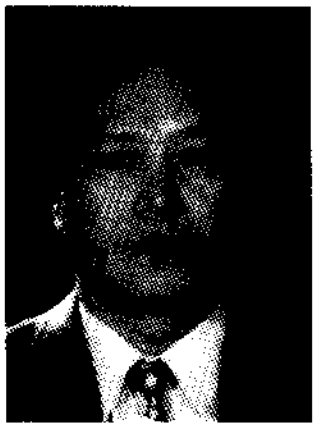
Đánh giá phân tích các thiết bị xử lý không khí hiện có trên thế giới, luận án đã thiết lập các phương trình tính toán với các dữ liệu đầu vào lựa chọn theo các hệ số bảo đảm nhằm đáp ứng được các thông số ra theo yêu cầu để có được các kích thước tối ưu của thiết bị. Tác giả đã tính toán thử nghiệm một loại thiết bị xử lý môi trường nhiệt ẩm đã được chế tạo ở Công ty Janka Praha và đưa vào sử dụng với kết quả khả quan.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài cấp Bộ:
Hạn chế bức xạ nhiệt qua mái vào nhà.
Môi trường và sức khoẻ cộng đồng khu vực khai thác than.
Hệ thống và chỉ số quản lý an toàn vệ sinh lao động.
Môi trường trong các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ.
Phó chủ nhiệm các đề tài cấp Nhà nước:
Chống nóng cho các nhà máy cơ khí ở Việt Nam.
Các giải pháp kỹ thuật giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí.
Ô nhiễm môi trường lao động và sức khoẻ người lao động ở một số khu công nghiệp.
Sách đã xuất bản:
Bảo vệ và làm sạch môi trường trong công tác bảo hộ lao động.
Kỹ thuật thông gió
Bảo vệ môi trường. Viện Bảo hộ lao động.
Một số biện pháp cải thiện môi trường sống và điều kiện làm việc cho người lao động nông nghiệp. Nxb Lao động.
Nhiều bài viết, báo cáo khoa học đã công bố trong và ngoài nước.

Dự định khoa học

Nghiên cứu về vệ sinh an toàn lao động và bảo vệ sức khoẻ người lao động.
Công nghệ xử lý môi trường, đặc biệt là môi trường lao động.



NGUYỄN ĐỨC TRỌNG

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 20 - 3 - 1956
Quê quán: Lê Lợi - An Hải - Hải Phòng
Chỗ ở hiện nay:
33 Vân Hồ 2 - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Hoá sinh - khoa Y, Đại học Tây Nguyên.
Nghiên cứu viên - Phòng vệ sinh Lao động và Ecgo, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật - Bảo hộ lao động - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
Phó trưởng phòng vệ sinh lao động và Ecgo - Viện Bảo hộ lao động.
Hiện là Trưởng khoa Bảo hộ lao động Trường Đại học Công đoàn.
Uỷ viên Hội đồng khoa học, Trường Đại học Công đoàn.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội khoa học kỹ thuật an toàn và vệ sinh lao động.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Học viện Quân y - Bộ Quốc phòng.
Chuyên ngành Hoá sinh độc chất học
Ngành Y học lao động bệnh nghề nghiệp.

Đề tài luận án

Nghiên cứu sự thay đổi các chỉ tiêu sinh hoá của công nhân tiếp xúc trực tiếp với nhiệt độ và bức xạ nhiệt cao.

Nội dung

Nghiên cứu điều kiện làm việc, vi khí hậu môi trường lao động của công nhân sản xuất vật liệu chịu lửa - khu gang thép Thái Nguyên.
Khảo sát, đánh giá biến đổi các chỉ số sinh lý của công nhân:
Nhiệt độ da; thân nhiệt; biến đổi mạch, huyết áp; tổng lượng mồ hôi và tỉnh trung bình theo giờ; Nghiên cứu sự giảm thể trọng của công nhân sau lao động.
Biến đổi các chỉ số hoá sinh: Thể tích khối hồng cầu; Biến đổi các chỉ số điện giải; Biến đổi hàm lượng Na^+, K^+, protein, Urê, Crêatinin, glucoza trong huyết thanh, mồ hôi và nước tiểu.
Hoạt tính enzym AST, ALT.
Kết quả "Combur 10 tests"...
Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học để đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm cải thiện môi trường lao động, giảm thiểu các yếu tố độc hại, chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ của công nhân tiếp xúc trực tiếp với nhiệt độ, bức xạ nhiệt cao và các yếu tố vật lý có hại phát sinh trong quá trình sản xuất.
Chủ nhiệm các đề tài:
Nghiên cứu biến đổi sinh hoá nhu cầu tiêu hao năng lượng của công nhân rèn đúc luyện kim.
Tình hình nhiễm độc chì của công nhân ngành in, thử áp dụng thải chì tại cơ sở sản xuất.
Nghiên cứu ảnh hưởng "Heat stress" tới sức khoẻ công nhân sản xuất vật liệu chịu lửa và sử dụng chế phẩm bù trả nước và điện giải cho công nhân.
Thư ký các đề tài:
Nghiên cứu tình hình sức khoẻ, bệnh tật nữ công nhân trong một số ngành nặng nhọc, độc hại, các giải pháp phục hồi sức khoẻ nữ công nhân.
Ảnh hưởng điều kiện lao động tới sức khoẻ công nhân sản xuất thuốc Artemicilin và giải pháp cải thiện điều kiện làm việc...
Khảo sát điều kiện lao động... bảo vệ sức khoẻ cho nữ lao động... (cấp Nhà nước).
Phòng chống các yếu tố độc hại trong môi trường lao động (thành viên - Dự án quốc tế).
Nâng cao hiểu biết và hoạt động an toàn - vệ sinh lao động cho ngành thuỷ sản và xây dựng Việt Nam (thư ký - Dự án quốc tế).
Nghiên cứu tình hình sức khoẻ, bệnh tật của nữ giáo viên (chủ nhiệm).
Nghiên cứu thực trạng và điều kiện lao động và bệnh tật nữ công nhân ngành dệt Việt Nam (thành viên).

Dự định khoa học

Nghiên cứu an toàn - vệ sinh lao động.



ĐÀM QUỐC TRỤ

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 1 - 7 - 1936.
Quê quán: Hương Mặc - Từ Sơn - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 28A - Trần Hưng Đạo - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học và nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Giao thông Vận tải Đường sắt Matxcơva, Liên Xô cũ.
Cán bộ giảng dạy, Chủ nhiệm bộ môn, Phó chủ nhiệm khoa Cơ khí - Điện Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội.
Thực tập sinh cao cấp tại Trường Đại học Giao thông Vận tải Đường sắt Matxcơva, Liên Xô cũ.
Phó hiệu trưởng kiêm Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và dịch vụ khoa học kỹ thuật, Đại học Giao thông Vận tải.
Cán bộ mời giảng Trường Đại học Giao thông Vận tải Đường sắt Matxcơva, Liên Bang Nga.
Hiện là Ủy viên Hội đồng quản trị, Chánh văn phòng Trường Đại học Quản lý và Kinh doanh Hà Nội.
Được phong Phó Giáo sư năm 1990.
Nhà nước Nga phong Phó Giáo sư năm 1992.
Hội viên Hội Kinh tế Việt Nam.
Hội viên Hội hữu nghị Việt - Nga.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1968.
Tại Đại học Giao thông Vận tải Đường sắt Matxcơva, Liên Xô cũ.
Ngành Điện khí hoá đường sắt.
Chuyên ngành Cung cấp điện vận tải đường sắt.

Đề tài luận án

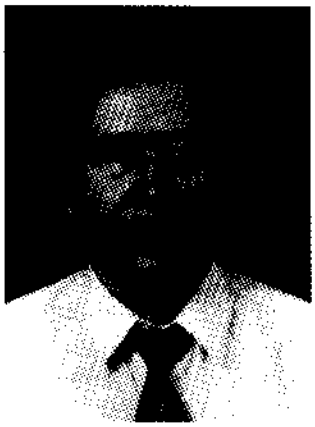
Nghiên cứu ảnh hưởng của thiết bị bù tụ điện tĩnh một pha tới các chỉ tiêu chất lượng điện năng trong các trạm điện kéo.

Nội dung

Áp dụng hệ thống điện khí hoá dòng điện xoay chiều 1 pha khi sử dụng đầu máy điện chỉnh lưu gây ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật năng lượng điện trên thanh cái các trạm điện kéo, như hệ số công xuất giảm, tăng tổn thất điện năng trong hệ thống, tăng không đối xứng dòng điện và điện áp của hệ thống điện ba pha, giảm điện áp lưới điện tiếp xúc.
Sử dụng thiết bị bù tụ điện tĩnh mắc vào pha chậm sau của trạm điện kéo ngoài việc nâng cao hệ số công xuất cos φ, giảm tổn thất điện năng trong lưới điện cung cấp còn nâng cao điện áp trong mạng điện kéo đồng thời làm giảm hệ số không đối xứng dòng và điện áp lưới điện ba pha. Góp phần nâng cao các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của hệ thống điện khí hoá xuay chiều 1 pha 25 KV tần số 50Hz đang được sử dụng.

Thành tựu khoa học

Tham gia và chủ trì các đề tài:
Các giải pháp kỹ thuật để ứng dụng điện khí hoá vận tải đường sắt và vận tải công cộng thành phố. (cấp Nhà nước).
Cấp Bộ:
So sánh kinh tế - kỹ thuật về áp dụng sức kéo cho đường sắt Việt Nam.
Áp dụng sức kéo điện vào đường sắt Việt Nam, vận tải công cộng thành phố.
Các giải pháp nâng cao chất lượng điện năng của các thiết bị điện.
Lưới điện phục vụ xây dựng và khai thác giao thông vận tải và tổ chức đào tạo chuyên gia ngành giao thông vận tải.
Nhiều bài công bố trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.
Huy chương Vì sự nghiệp giao thông vận tải.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.



BÙI TRUNG

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 19 - 8 - 1945.
Quê quán: Thanh Liệt - Thanh Trì - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 840/13 Điện Biên Phủ - Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ nghiên cứu Viện Hoá học - Viện khoa học Việt Nam.
Hiện là Phó Viện trưởng, Viện Công nghệ Hoá học - Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Phân tích Lý - Hoá - Sinh Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Vinatest.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982
Tại Viện Hoá lý Trung tâm - Viện Hàn lâm Khoa học Cộng hoà dân chủ Đức.
Ngành Hoá học phân tích.

Đề tài luận án

Đặc trưng hoá Silicagel biến tính bởi Perfourcarbon trong sắc ký lỏng áp suất cao (HPCL) để tách nhóm các alkyl thơm.

Nội dung

Nghiên cứu biến tính silicagel bằng hợp chất Perflourcarbon và khảo sát đặc tính của chất mang này dùng cho sắc ký lỏng cao áp (HPLC) để tách nhóm các dẫn xuất thế alkyl của hydrocarbon thơm.
Sử dụng các alkan khan làm dung môi tách, ảnh hưởng của các nhóm thế alkyl của chất thơm đơn nhân và đa nhân đến thời gian lưu là rất nhỏ. Do vậy các hydrocarbon thơm có thể được tách theo thứ tự của sự tăng mức năng lượng electron π, được đặc trưng bởi mối quan hệ tuyến tính giữa logarit của thời gian lưu tương đối ($\ln k'$) và lượng cộng hưởng. Phương pháp này được ứng dụng hiệu quả để tách các phân đoạn cất của dầu mỏ thành nhóm theo số vòng thơm

Thành tựu khoa học

Xây dựng 22 tiêu chuẩn Việt Nam về phân tích các quặng bauxit, cromit, thiếc, đất hiếm.
Chủ nhiệm các đề tài cấp Nhà nước:
Phân tích đất hiếm.
Nghiên cứu chế tạo bột trợ lọc từ khoáng Diatomit Phú Yên Việt Nam.
Nghiên cứu công nghệ xử lý nước thải y tế.
Nghiên cứu chế tạo chất keo tụ PAC từ Al (OH)3 (cấp thành phố).
Nhiều bài đăng trên các tạp chí, tuyển tập báo cáo khoa học chuyên ngành.
Giải ba hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.
Giải ba hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật toàn quốc (VIFOTEC).
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chế tạo các vật liệu tiên tiến, hiệu quả cao dùng trong xử lý nước và ô nhiễm môi trường.
Xây dựng các công trình xử lý nước thải hiệu quả cao.
Đào tạo cao học và nghiên cứu sinh lĩnh vực vật liệu và xử lý ô nhiễm môi trường.



PHẠM NGỌC TRUNG

Tiến sĩ Nghệ thuật

Sinh ngày: 26 - 3 - 1953.
Quê quán: Trung Nghĩa - Tiên Lữ - Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: 62 Trần Hưng Đạo - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ Viện nghiên cứu Mỹ thuật - Bộ Văn hoá - Thông tin.
Nghiên cứu sinh tại Bungari.
Cộng tác viên khoa học Đại học Tổng hợp Mátxcơva.
Hiện là Phó giám đốc Trung tâm Du lịch lữ hành, Công ty Du lịch Công đoàn Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1990
Tại Viện Hàn lâm Nghệ thuật quốc gia Sôphia Bungari.
Ngành Lịch sử văn hoá - nghệ thuật.
Chuyên ngành Triết - Mỹ

Đề tài luận án

Nghệ thuật Chăm pa - Cội nguồn và quá trình phát triển.

Nội dung

Thông qua những phát hiện mới về khảo cổ học luận án chứng minh nguồn gốc bản địa của nghệ thuật Chămpa, đồng thời chứng minh sự phát triển liên tục lôgic của nền văn hoá Chămpa trong giao lưu với các nền văn hoá trong khu vực.
Nghệ thuật Chămpa là một bộ phận không thể tách rời của nghệ thuật Việt Nam. Hàng trăm đền tháp Chămpa cùng các tượng và phù điêu còn rải rác ở các tỉnh miền Trung Việt Nam là những kiệt tác của nghệ thuật Việt Nam và là một trong những đỉnh cao của văn minh nhân loại.
Nghệ thuật Chămpa xứng đáng được công nhận là di sản văn hoá thế giới.

Thành tựu khoa học

Một số công trình tiêu biểu:
Làng Báng và Đình Báng.
Nghệ thuật Chămpa: Voi Chàm - Voi làng Vạc.

Dự định khoa học

Viết sách về văn hoá Việt Nam.



ĐOÀN NHẬT TRƯỞNG

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 11 - 9 - 1950
Quê quán: Hoài Thanh - Hoài Nhơn - Bình Định.
Chỗ ở hiện nay: 78-B19 tập thể Kim Liên - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Nghiên cứu viên chính phòng Cổ sinh - Địa tầng, Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Cổ sinh - Địa tầng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản.
Ngành Cổ sinh - Địa tầng.

Đề tài luận án

Sinh địa tầng và hoá thạch foraminifera của trầm tích đevon thượng, carbon hạ ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Nội dung

Thang sinh địa tầng chi tiết cho các trầm tích đevon thượng - carbon hạ được xây dựng, gồm 5 đới foraninifera, 10 đới conodonta, 2 đới rugosa, 2 đới stromatoporoidea và 1 đới brachiopoda.
48 loài và dạng foraminifera đã được mô tả (có 2 loài mới).

90% số loài và dạng được mô tả lần đầu ở Việt Nam.

Hai sinh tướng conodonta - tentaculita (pelagic) và san hô - stromatoporoidea (benthic) được xác lập chỉ thị cho sự tồn tại đồng thời của hai môi trường trầm đọng - nước sâu và nước nông với hai kiểu tướng trầm tích tương ứng. Hai hệ tầng được lập mới và hai hệ tầng được khôi phục.

Ranh giới đevon/carbon ở Việt Nam được nghiên cứu lần đầu trên cơ sở foraminifera, nằm giữa đới quasiendothyra và phụ đới bisphaera malevkensis ở tướng nước nông hoặc giữa đới quasiendothyra và đới chernyshinella ở tướng nước sâu.

Lịch sử tiến hoá địa chất của khu vực Bắc Bộ được phác hoạ lại với các sự kiện địa chất:

a) sự phân dị của đáy biển thành những vùng nước nông và sâu xảy ra vào khoảng đầu frasni; b) biển thoái xảy ra trong famen, bắt đầu vào khoảng đới rhomboidea - margifera.

Thành tựu khoa học

Đồng tác giả 6 đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu. Trên 20 công trình đã công bố ở trong và ngoài nước.

Một số công trình tiêu biểu:

Bàn về phức hệ hoá đá trùng lỗ "parathurammina - archaesphaera" ở Việt Nam.

Một số trùng lỗ (foraminifera) đevon ở Kinh Môn, Hải Hưng.

Một số Trùng lỗ (foraminifera) điệp Bản Cải ở mặt chắt thượng nguồn sông Mua, Hoàng Liên Sơn.

Trùng lỗ (foraminifera) đevon hoá thạch đặc trưng ở miền Nam Việt Nam.

Sinh địa tầng các trầm tích đevon thượng - carbon hạ vùng Quảng Bình và Hải Phòng (đồng tác giả).

Tài liệu mới về trầm tích đevon thượng - carbon hạ vùng Trà Lĩnh Cao Bằng (đồng tác giả).

Dự định khoa học

Nghiên cứu sinh địa tầng và hoá thạch foraminifera ở ranh giới đevon/carbon và permi/trias.



LÊ VĂN TRƯỞNG

Tiến sĩ Địa lý - Địa chất

Sinh ngày: 18 - 9 - 1958
Quê quán
Thị trấn Vạn Hà - Thiệu Hoá - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay
4 Đặng Tất - Thành phố Thanh Hoá.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Giáo viên Trường cấp III Ngọc Lặc, Thanh Hoá.
Học sau đại học và nghiên cứu sinh tại Đại học Sư phạm Hà Nội 1.
Giáo viên Trường PTTH Lam Sơn, Thanh Hoá.
Giáo viên Trường Cao đẳng Sư phạm Thanh Hoá.
Hiện là Trưởng khoa Khoa học xã hội, Trường Đại học Hồng Đức.
Thành viên Chi hội Khoa học Lịch sử Thanh Hoá.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.

Tại Đại học Sư phạm Hà Nội 1.
Ngành Địa lý - Địa chất.
Chuyên ngành Địa lý kinh tế và chính trị.

Đề tài luận án

Sự thay đổi dân số trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Thanh Hoá.

Nội dung

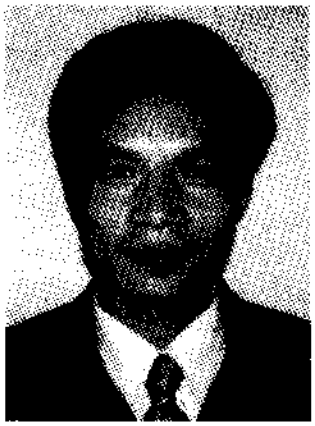
Nghiên cứu sự thay đổi dân số trong quá trình phát triển dân số ở Thanh Hoá giai đoạn 1945 - 1993. Sự thay đổi dân số của mọi lãnh thổ đều diễn theo những bước quá độ. Nếu như công nghiệp hoá và đô thị hoá là hai nhân tố quy định sự quá độ dân số ở các nước phương Tây trước đây thì nhân tố quy định sự quá độ dân số ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam ngày nay là chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình diễn ra trong bối cảnh có sự tác động mạnh của cá thể chế chính trị; sự phát triển giáo dục, y tế; sự gia tăng mức sống, tính cơ động xã hội, dư luận xã hội, sự tự do cá nhân và đặc điểm riêng của mỗi cộng đồng. Công nghiệp hoá và đô thị hoá là điều kiện cần chứ chưa đủ để tạo nên những bước quá độ dân số đa dạng và mạnh mẽ như hiện nay.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Địa lý Thanh Hoá.
Địa chí Thanh Hoá - tập 1 (đồng tác giả). Nxb Văn hoá thông tin.
Nhiều bài đăng trên các tập san khoa học.
Giám sát viên nghiên cứu khả thi các dự án cấp thoát nước và vệ sinh tại các thành phố, thị xã: Sầm Sơn - Thanh Hoá; Thái Nguyên, Đông Hà (Quảng Trị).
Chủ trì các đề tài cấp trường:
Sưu tầm, phân loại các mẫu khoáng sản phục vụ cho việc giảng dạy địa lý ở trường cao đẳng sư phạm.
Sưu tầm, phân loại các mẫu nham thạch phục vụ cho việc giảng dạy địa lý ở trường đại học sư phạm.
Viết giáo trình đại học địa lý đại cương, địa lý kinh tế - xã hội đại cương, đại cương về trái đất.
Đang thực hiện đề tài: Những xu hướng thay đổi của quần cư nông thôn Thanh Hoá.

Dự định khoa học

Nghiên cứu biên soạn một số công trình địa lý Thanh Hoá.
Xây dựng chương trình đào tạo sư phạm địa lý ở Đại học Hồng Đức.



MAI TRỌNG TÚ

Tiến sĩ Địa chất

Sinh ngày: 19 - 6 - 1963.
Quê quán: Liên Sơn - Đô Lương - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 3 phường Khương Đình - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Địa chất, Đại học Tổng hợp quốc gia LVOV - Liên Xô.
Cán bộ phòng Kỹ thuật - Liên đoàn Địa chất 10.
Cán bộ phòng Địa hoá - Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản.
Nghiên cứu sinh tại Học viện Địa chất và Thăm dò Matxcơva - Liên bang Nga.
Phó Trưởng phòng Nghiên cứu Địa Hoá.
Hiện là Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học - kỹ thuật, Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản.
Hội viên Hội Địa chất Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.

Tại Học viện Địa chất - Thăm dò quốc gia Matxcơva - Liên bang Nga.
Ngành Địa chất - Khoáng vật.

Đề tài luận án

Quy luật phân bố và triển vọng khoáng hoá vàng vùng Quảng Nam - Đà Nẵng.

Nội dung

Làm sáng tỏ quy luật phân bố theo thời gian và không gian của khoáng hoá vàng vùng Quảng Nam - Đà Nẵng.
Xác định dạng tồn tại của vàng. Xác định các tiền đề và dấu hiệu tìm kiếm vàng trong diện tích nghiên cứu.
Thành lập bản đồ chẩn đoán triển vọng vàng trên cơ sở đánh giá tổng lượng thông tin của các tiền đề và dấu hiệu tìm kiếm.

Thành tựu khoa học

Tham gia các đề tài:
Tìm kiếm nguyên tố phóng xạ và các nguyên tố đất hiếm vùng Quảng Nam - Đà Nẵng, Cao Bằng.
Đô thị vùng Quảng Nam - Đà Nẵng, Điện Biên.
Một số bài viết về khoáng sản, môi trường đã công bố

Dự định khoa học

Nghiên cứu tiềm năng và hiện trạng tài nguyên khoáng sản Việt Nam.



NGUYỄN HUY TÚ

Tiến sĩ Sư phạm Tâm lý

Sinh ngày: 27 - 9 - 1941
Quê quán: Trường Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: E2-208 - Thanh Xuân Bắc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên tâm lý học, Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tâm lý học tại Viện Hàn lâm Khoa học Giáo dục Cộng hoà dân chủ Đức.
Hiện là cán bộ nghiên cứu khoa học tâm lý Viện Khoa học Giáo dục.
Hội viên Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.

Tại Viện Tâm lý học sư phạm, Viện Hàn lâm các khoa học sư phạm Cộng hoà dân chủ Đức.
Chuyên ngành Tâm lý học sư phạm.

Đề tài luận án

Nghiên cứu những ảnh hưởng của niềm tự tin đến sự điều khiển hành vi và những khả năng tác động đến niềm tự tin của con người.

Nội dung

Niềm tự tin là hiện tượng tâm lý có quan hệ chặt chẽ với tự ý thức, tự nhận thức, tự đánh giá và là một trong những yếu tố tâm lý quyết định kết quả hoạt động con người. Tuỳ theo sự tự đánh giá là cao hơn, thấp hơn hay phù hợp với khả năng thực của bản thân mà một người có niềm tự tin cao đến quá cao, thấp đến quá thấp hay phù hợp. Thực nghiệm trên học sinh ở Berlin năm 1979 cho thấy những em có niềm tự tin phù hợp (và hơi thấp) thường có kết quả hoạt động cao hơn những em có khả năng tương tự nhưng có tự niềm tin quá cao hay quá thấp.

Có nhiều cách làm cho niềm tự tin phù hợp với khả năng của cá nhân, nếu trước khi làm một công việc, học sinh được tự phân tích yêu cầu công việc và đánh giá khả năng của mình rồi thuyết phục giáo viên rằng em sẽ làm được công việc ấy, thì niềm tự tin của em tăng lên đáng kể và kết quả công việc cũng tốt lên tương ứng!

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:

Các mối quan hệ xã hội của học sinh và sự hình thành nhân cách của các em (cấp Bộ).

Quan niệm về năng khiếu, tài năng và quy trình tuyển chọn học sinh, sinh viên cho trường năng khiếu, trường chất lượng cao (cấp Nhà nước).

Sáng tạo: Bản chất tâm lý, phương pháp chuẩn đoán và giáo dục (cấp Bộ).

Dự định khoa học

Nghiên cứu những quan niệm về trí tuệ con người trong tâm lý học.



LÊ MINH TUÂN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 19 - 8 - 1954
Quê quán: Hoằng Phú - Hoằng Hoá - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: Thị xã Quảng Ngãi.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng.
Cán bộ Trường Đào tạo công nhân viên cho Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro.
Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Khoa học và thiết kế dầu khí biển, Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro.
Hiện là Phó tổng giám đốc Công ty Liên doanh Nhà máy lọc dầu Việt Nga.
Thành viên tiểu ban kinh tế Hội đồng khoa học ngành Dầu khí Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.

Tại Viện Nghiên cứu Tổng hợp các vấn đề nhiên liệu và năng lượng Liên Bang Nga, Matxcơva.
Chuyên ngành Kinh tế, kế hoạch và quản lý.

Đề tài luận án

Hiệu quả khai thác nguồn tài nguyên dầu khí tại thềm lục địa phía Nam Việt Nam.

Nội dung

Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới chi phí khai thác các mỏ dầu khí tại thềm lục địa Việt Nam.
Nghiên cứu đưa ra phương pháp luận xác định vốn đầu tư và chi phí thường xuyên khi khai thác các mỏ dầu khí tại thềm lục địa Việt Nam.
Lập luận và đưa ra các phương pháp phân tích kinh tế để đánh giá hiệu quả khi khai thác các mỏ dầu khí tại thềm lục địa Việt Nam.
Xây dựng và đề xuất các phương pháp hoàn thiện phân tích kinh tế có tính tới hệ thống thuế trong cơ chế thị trường đối với ngành dầu khí.
Đề xuất và hoàn thiện phương pháp xác định giá vốn đầu tư áp dụng trong ngành dầu khí nhằm giúp các công ty dầu khí xác định đúng đắn chính sách đầu tư và lựa chọn phương án khai thác hiệu quả nhất.

Thành tựu khoa học

Nội dung nghiên cứu đã được đăng trên các tạp chí chuyên ngành của Việt Nam và Liên bang Nga.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các vấn đề hiệu quả đầu tư trong phát triển ngành dầu khí Việt Nam.



LƯƠNG HỮU TUẤN

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 12 - 4 - 1964
Quê quán: Đồng Tháp.
Chỗ ở hiện nay: 228 Nguyễn Chí Thanh - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Công tác tại bộ môn Cơ sở kỹ thuật điện, khoa Điện, Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.
Nghiên cứu sinh tại Viện Quốc gia Bách khoa Grenoble, Cộng hoà Pháp.
Hiện công tác tại bộ môn Cơ sở kỹ thuật điện, khoa Điện, Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997.

Tại Viện Quốc gia Bách khoa Grenoble, Cộng hoà Pháp.
Chuyên ngành Kỹ thuật điện.

Đề tài luận án

Cải thiện phương pháp tính trường dùng thế từ vô hướng. Khái quát hoá cho bài toán liên kết các phương trình trường và mạch.

Nội dung

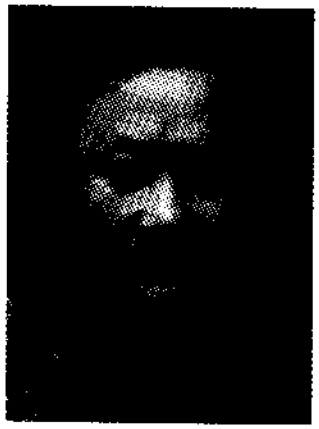
Mô hình hoá các hiện tượng điện tử bằng phương pháp phần tử hữu hạn đóng một vai trò quan trọng trong kỹ thuật điện hiện đại, trong đó việc dùng thế từ vô hướng là một giải pháp đáng chú ý.

Luận án nghiên cứu nâng cao chất lượng tính toán dùng thế từ vô hướng trong một số bài toán mà tính toán chính xác thường khó thực hiện, như bài toán có độ thẩm từ cao và bài toán có phân bố thế gián đoạn. Khái quát hoá mô hình cho bài toán liên kết các phương trình trường và mạch. Kết quả nghiên cứu đã được khẳng định khi áp dụng cho nhiều bài toán công nghiệp.

Một công cụ mạnh được xây dựng để quản lý các điều kiện biên phức tạp và một ngôn ngữ điều khiển cao cũng được phát triển nhằm tự động hoá quá trình mô hình hoá.

Dự định khoa học

Việc phát triển lâu dài các phương pháp mô hình hoá trong lĩnh vực kỹ thuật điện sẽ không thể thực hiện tốt nếu chỉ dựa vào các phần mềm viết sẵn của nước ngoài. Vì vậy xây dựng một phần mềm có chất lượng tốt của Việt Nam dùng trong mô hình hoá các thiết bị điện và điện tử là việc làm cần thiết và cấp bách.



NGUYỄN DOÃN TUẤN

Tiến sĩ Toán học

Sinh ngày: 15 - 5 - 1951.
Quê quán: Ngọc Mỹ - Quốc Oai - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 8/B10 tổ 43 Quan Hoa - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Toán, Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô cũ.
Phó chủ nhiệm khoa Toán, Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên gia giáo dục tại Angiêri.
Trưởng phòng Đào tạo Đại học Đại cương, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hiện là cán bộ giảng dạy khoa Toán, Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.

Tại Đại học Sư phạm Lênin, Matxcơva, Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Hình học vi phân.

Đề tài luận án

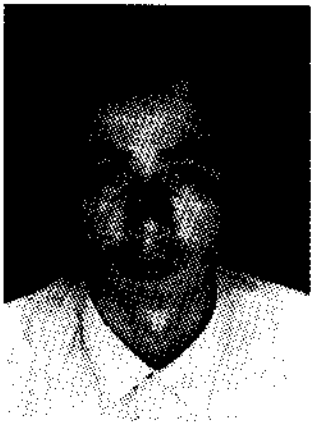
3 - mạng nhiều chiều kiểu W (P, P, Q).

Nội dung

Hình học mạng (Web geometry) là một nhánh của hình học vi phân, nghiên cứu các bất biến của nhóm các biến đổi vi phôi địa phương trên đa tạp vi phân.
Nền móng của Web geometry đã được xây dựng bởi nhà toán học Đức Blaschke. W vào những năm 30 của thế kỷ 20, và đã tìm được nhiều mối liên hệ với các lý thuyết toán học khác nhau.
3 - mạng nhiều chiều được nghiên cứu trong luận án là phân lá trên các đa tạp khả vi n - chiều M (n = P + Q) bởi 3 họ S_1, S_2, S_3 các mặt với số chiều P, P, Q tương ứng sao cho qua mỗi điểm x của M có đúng một mặt V_1, V_2, V_3 của mỗi họ đi qua, và x là giao điểm duy nhất (về địa phương) của V_1 và V_3 cũng như V_2, V_3.
Luận án đã xây dựng được phương trình cấu trúc của các 3 - mạng dạng nêu trên, đã tìm được ví dụ minh hoạ khi M là nhóm Lie. Xác định được tương ứng giữa các thớ, gắn với cấu trúc bảo giác hoặc cấu trúc Afin.

Thành tựu khoa học

Tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tiến sĩ.



NGUYỄN NGỌC TUẤN

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 5 - 11 - 1964
Quê quán: Trung Tú - Ứng Hoà - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp bác sĩ nội trú Học viện Quân y.
Công tác tại Viện Bỏng Quốc gia.
Thực tập sinh tại Cộng hoà Pháp.
Hiện là Chủ nhiệm khoa Chữa bỏng trẻ em - Viện Bỏng Quốc gia.
Hội viên Hội Bỏng Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Học viện Quân y - Hà Nội.
Ngành Y học

Đề tài luận án

Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và tác dụng điều trị tại chỗ vết bỏng do vôi tôi nóng của thuốc mỡ Maduxin.

Nội dung

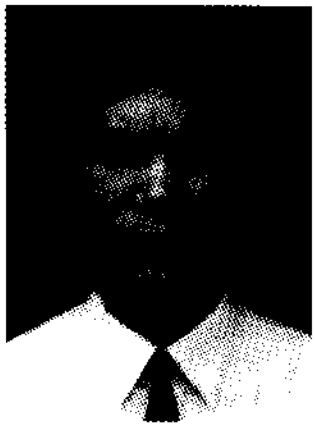
Bỏng vôi tôi nóng hay gặp ở một số nước dùng vôi để xây dựng; ở Việt Nam gần đây có xu hướng gia tăng. Ít có y văn mô tả loại bỏng này.
Nghiên cứu cho thấy tổn thương bỏng vôi tôi nóng do 2 yếu tố nhiệt ướt và kiềm mạnh, có sự ngấm sâu của hoá chất vào mô kéo dài 2 - 3 ngày sau bỏng. Vết bỏng có đặc điểm là phù nề; xung huyết mạch; tiết dịch nhiều; tổn thương bỏng nông sâu xen kẽ, hay có hoại tử ướt. Pseudomonas aeruginose là vi khuẩn hàng đầu gây nhiễm khuẩn vết bỏng và gây nhiễm khuẩn huyết dẫn tới tử vong.
Thuốc Maduxin chế từ cây sến (Madhuca pasquieri H.J. Lam, họ Sapotaceae) điều trị tại vết bỏng vôi tôi nóng đã chuyển hoại tử ướt thành hoại tử khô, làm giảm nhiễm độc bỏng. Thuốc làm giảm nhiễm khuẩn Pseudomonas aeruginose và Staphylococcus aureus và giảm số lượng vi khuẩn tại vết bỏng; kích thích quá trình tái tạo và biểu mô hoá (làm tăng phân bào, tăng tổng hợp chất mucopolysaccharid và collagen...). Thuốc không gây tác dụng phụ tại chỗ và toàn thân.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài cấp Bộ:
Nghiên cứu ứng dụng vải carbon carpema kết hợp với thuốc đông y VM1 để điều trị vết thương bỏng.
Hoàn thiện quy trình sản xuất thuốc cream VM1, đánh giá tác dụng điều trị tại vết bỏng.
Nghiên cứu sử dụng da đồng loại lấy từ người thân của bệnh nhân điều trị bệnh nhân bỏng sâu diện rộng.
Sáng kiến cải tiến kỹ thuật: cắt hoại tử sớm, ghép da tự thân điều trị bỏng sâu dưới garô (giải nhì tại hội thao kỹ thuật sáng tạo tuổi trẻ ngành y năm 2000).

Dự định khoa học

Nghiên cứu:
Các biện pháp dự phòng nhằm giảm tai nạn bỏng, đặc biệt ở trẻ em.
Các vật liệu thay thế da, nuôi cấy tế bào sừng để cứu sống các trường hợp bỏng nặng.
Các loại thuốc điều chế từ dược liệu trong nước để điều trị bỏng.
Ứng dụng kỹ thuật mới trong chẩn đoán bỏng.
Các kỹ thuật điều trị nhằm hạn chế sớm di chứng bỏng.



NGUYỄN VĂN TUẤN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 20 - 6 - 1952.
Quê quán: Trung Kênh - Lương Tài - Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: 203/B1 - Tập thể Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Hiện là giảng viên Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội Khoa học kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993.
Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Kinh tế chính trị xã hội chủ nghĩa.

Đề tài luận án

Dịch vụ sản xuất nông nghiệp cho hộ tự chủ sản xuất kinh doanh.

Nội dung

Đánh giá thực trạng dịch vụ sản xuất cho hộ trồng lúa ở đồng bằng Bắc Bộ hiện nay; rút ra những nguyên tắc, yêu cầu, phương hướng đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị dịch vụ cho hộ nông dân phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng.

Dịch vụ sản xuất nông nghiệp của các đơn vị quốc doanh, hợp tác xã các đại lý và tư nhân làm dịch vụ trong các khâu làm đất, tưới, tiêu nước, bảo vệ thực vật, cung ứng vật tư phân bón, cung ứng giống, cho vay vốn, tiêu thụ sản phẩm.

Những kiến nghị đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động: đa dạng hoá các thành phần kinh tế. Cạnh tranh lành mạnh và liên kết tự nguyện, tôn trọng quyền tự chủ.

Thành tựu khoa học

Một số bài viết đã công bố:

Vấn đề phát triển dịch vụ sản xuất nông nghiệp cho hộ tự chủ sản xuất kinh doanh.

Hướng chuyển đổi cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp ở bộ phận thuần nông.

Hợp tác xã cung ứng tiêu thụ Trung Quốc trong cải cách kinh tế.

Nông thôn Hải Hưng: Kinh tế, xã hội, chính sách.

Khoán sản phẩm và những vấn đề đặt ra sau khoán gọn.

Bước đầu tìm hiểu thị trường hàng hoá sức lao động ở nông thôn.

Vấn đề phát triển ngành nghề ở nông thôn.

Sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế - xã hội và những vấn đề kinh tế - xã hội nảy sinh trong nông nghiệp, nông thôn.

Hưu nông dân một vấn đề bức xúc đặt ra ở nước ta hiện nay.

Sách đã xuất bản (đồng tác giả):

Ninh Hiệp truyền thống và phát triển. Nxb Chính trị Quốc gia.

Sự phát triển của làng xã hiện nay (ở đồng bằng sông Hồng). Nxb Khoa học xã hội.

Nhìn nhận của xã hội với thị trường và kinh doanh. Nxb Thống kê.



TRƯƠNG QUANG TUẤN

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 4 - 9 - 1940.
Quê quán: Trường Bình, Cần Giuộc, Long An.
Chỗ ở hiện nay: 166/13K - Phạm Phú Thứ - Quận 6 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ phiên dịch tiếng Anh, Trợ lý giám đốc Sở Công nghiệp Long An.
Trợ lý Tổng giám đốc, Tổng công ty Lương thực miền Nam.
Giảng viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại một số trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học năm 2001.
Tại Đại học SCUPS California, Hoa Kỳ.
Chuyên ngành Quản trị kinh doanh quốc tế.

Đề tài luận án

Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á: nguyên nhân, tác động và liệu pháp khắc phục.

Nội dung

Khủng hoảng tài chính không phải là điều mới mẻ đối với các nước phát triển và đang phát triển. Tuy nhiên cuộc khủng hoảng tài chính ở châu Á năm 1997 (xuất phát từ Thái Lan) là một thách thức tài chính lớn nhất mà thế giới phải đối mặt trong những năm cuối của thế kỷ 20.

Một số nét đặc trưng:
Cuộc khủng hoảng đã xảy ra tại những nước có sự phát triển kinh tế phi thường trong khoảng thời gian dài, có nền kinh tế đặt trọng tâm vào xuất khẩu và có cơ cấu kinh tế vĩ mô rất vững chắc.
Có nhiều nguyên nhân cả bên trong và bên ngoài của mỗi nước đã dẫn đến cuộc khủng hoảng. Tuy nhiên có hai nguyên nhân nổi bật. Một là, cuộc khủng hoảng dây chuyền có liên quan đến dòng lưu chuyển tự do của đồng vốn tư nhân ngắn hạn, ở mức độ thái quá khiến cán cân thanh toán bị mất quân bình trầm trọng. Hai là, do sự yếu kém ở cấp quản lý vĩ mô, khiến nền kinh tế "bong bóng" có cơ phát triển và sự thiếu trong sáng của thị trường tài chính mỗi nước nên nền kinh tế suy yếu từ bên trong.
Cuộc khủng hoảng tài chính trên quy mô lớn cho thấy tiến trình toàn cầu hoá là có hai mặt: mang lại cơ hội và cả rủi ro.
Vấn đề đặt ra cho mỗi quốc gia là không phải phủ nhận tiến trình toàn cầu hoá mà là phải ý thức rằng trong thời đại ngày nay có sự phụ thuộc lẫn nhau nhiều hơn giữa các quốc gia. Các quốc gia sẽ hưởng lợi nhiều hơn và hạn chế đến mức tối thiểu các rủi ro (như trường hợp Singapo) nếu nền kinh tế của đất nước được quản lý tốt ở phạm vi vĩ mô, có thị trường tài chính lành mạnh và trong sáng. Vì tài chính luôn luôn là huyết mạch của nền kinh tế.
Luận án cũng phân tích những biện pháp khác nhau được áp dụng tại mỗi nước để khắc phục khủng hoảng với sự giúp đỡ hoặc không có sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế như IMF và WB.

Dự định khoa học

Giảng dạy quản trị kinh doanh.



NGUYỄN THỊ MINH TUỆ

Tiến sĩ Địa lý

Sinh ngày: 7 - 4 - 1949
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay:
7/313 Quan Nhân - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Sôphia, Bungari.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Địa lý kinh tế, khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Địa lý Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.
Tại Đại học Tổng hợp Sôphia, Bungari.
Ngành Địa lý.
Chuyên ngành Địa lý kinh tế - Chính trị.

Đề tài luận án

Vùng công nghiệp dệt Sôphia - Những đặc điểm và vấn đề địa lý kinh tế.

Nội dung

Nghiên cứu ngành công nghiệp dệt, một ngành kinh tế quan trọng của Bungari dưới góc độ địa lý.
Luận án đã phân tích các đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố lãnh thổ của ngành công nghiệp dệt nói chung, đánh giá vị trí của ngành công nghiệp dệt trong hệ thống các ngành công nghiệp của Bungari.

Nghiên cứu sâu về tổ chức lãnh thổ công nghiệp dệt của vùng Xôphia, quá trình hình thành, phát triển của vùng công nghiệp dệt điển hình của Bungari, cơ cấu sản xuất và lãnh thổ bên trong vùng ngành này. Kết quả nghiên cứu là những kinh nghiệm để tổ chức lãnh thổ công nghiệp dệt ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Một số đề tài nghiên cứu:
Tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam (cấp Tổng cục - tham gia).
Quy hoạch tổng thể chỉ đạo phát triển du lịch Hà Nội (cấp Thành phố).
Luận chứng khoa học kỹ thuật xây dựng và phát triển hệ thống du lịch biển Việt Nam (cấp Nhà nước, chủ nhiệm đề tài nhánh).
Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và lãnh thổ (cấp ĐHQG - thư ký).
Điều tra kinh tế - xã hội vùng ven biển Việt Nam (chủ nhiệm đề tài nhánh).
Một số bài viết đã công bố ở trong và ngoài nước:
Những đặc điểm và vấn đề phân bố lãnh thổ công nghiệp dệt ở thành phố Xamôcốp (Bungari).
Bước đầu tìm hiểu cụm công nghiệp.
Phương pháp xác định mức độ tập trung di tích lịch sử - văn hoá theo lãnh thổ trong nghiên cứu địa lý du lịch.
Du lịch quốc tế từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay.
Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Yên Bái.
Thực trạng đói nghèo và giải pháp xoá đói giảm nghèo ở tỉnh Bình Định.
Mức sinh trong cộng đồng các dân tộc tỉnh Cao Bằng.
Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam. Nxb Giáo dục.
Địa lý kinh tế Việt Nam. Nxb Thống kê.
Dân số học và địa lý dân cư.
Dân số và phát triển kinh tế - xã hội.
Địa lý 10. Nxb Giáo dục.
Địa lý du lịch (chủ biên). Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
Dân số học đại cương (chủ biên). Nxb Đại học Quốc gia.
Một số vấn đề về địa lý công nghiệp.
Tổ chức lãnh thổ du lịch.
Tổ chức lãnh thổ công nghiệp Việt Nam.
Địa lý các tỉnh và thành phố Việt Nam, tập 1, 2. Nxb Giáo dục.

Dự định khoa học

Giảng dạy, nghiên cứu và viết sách địa lý kinh tế - xã hội.



PHẠM TRÍ TUỆ

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 5 - 9 - 1940.
Quê quán: Hải Hưng.
Chỗ ở hiện nay:
5-M7 - Nguyễn An Ninh - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Y Hà Nội.
Thực tập khoa học tại Hà Lan, Anh.
Giảng dạy tại Đại học Y Agostinho Nesto Angôla.
Nghiên cứu khoa học tại Thái Lan, Mỹ.
Hiện là cán bộ giảng dạy Trường Đại học Y Hà Nội
Được phong Phó Giáo sư năm 1992.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.

Đề tài luận án

Nghiên cứu ứng dụng phản ứng miễn dịch để chẩn đoán một số bệnh ký sinh trùng.

Thành tựu khoa học

Một số công trình tiêu biểu đã công bố:
Tình hình nhiễm đơn bào đường tiêu hoá tại một bệnh viện ở Hà Nội (1989 - 1993).
Hình thái amip ký sinh đường tiêu hoá.
Nghiên cứu áp dụng các phác đồ điều trị bệnh Toxoplasma ở mắt.
Áp dụng phương pháp chuẩn độ Lowry cho một số kháng nguyên ký sinh trùng sử dụng cho phản ứng ELISA.
Sử dụng thuốc hợp lý trong các bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng.
Nghiên cứu phản ứng ngưng kết hồng cầu gián tiếp và ngưng kết Latex để chẩn đoán bệnh áp xe gan do amip.
Một số quy chuẩn cho quy trình phản ứng miễn dịch men (ELISA) để chẩn đoán huyết thanh bệnh ký sinh trùng.
Đánh giá hiệu quả áp dụng kỹ thuật miễn dịch để chẩn đoán một số bệnh ký sinh trùng.
Phản ứng ELISA để chẩn đoán huyết thanh bệnh Toxoplasma.
Xác định nồng độ protein của một số kháng nguyên ký sinh trùng sử dụng cho phản ứng ELISA.
Nghiên cứu kháng nguyên Toxoplasma cho phản ứng ELISA.
Ứng dụng kỹ thuật miễn dịch chẩn đoán bệnh ký sinh trùng.
Nghiên cứu một số bệnh nhiễm ký sinh trùng cơ hội.
Ứng dụng phản ứng ngưng kết miễn dịch để chẩn đoán một số bệnh nấm phổi (tham gia).

Dự định khoa học

Nghiên cứu và giảng dạy y học.



NGUYỄN VĂN TUYÊN

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 20 - 11 - 1941.
Quê quán: Phú Xuyên - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 150/31 Trần Tuấn Khải - Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Giảng viên khoa Sinh, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Phục vụ trong quân đội.
Phó chủ nhiệm khoa Sinh, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
Ủy viên Ban chấp hành Hội Sinh học thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành Sinh học.
Chuyên ngành Thực vật bậc thấp.

Đề tài luận án

Dẫn liệu về khu hệ tảo nước ngọt miền Bắc Việt Nam.

Nội dung

Phát hiện gần một ngàn loài tảo nước ngọt ở các tỉnh miền Bắc Việt Nam.
Khu hệ nhiệt đới cổ Đông Nam Á thuộc vùng Inđônêxia, Malaixia, bắc Ôtxtrâylia.

Vùng đồng bằng Bắc Bộ và giáp Trung Quốc là vùng đệm giữa nhiệt đới điển hình và cận nhiệt đới.

Khu hệ tảo nước ngọt Việt Nam rất gần với Inđônêxia, Thái Lan, Malaixia, Miến Điện, Philippin và Bắc Ôtxtrâylia.

Đó là khu hệ có độ đa dạng sinh học cao, nhiều triển vọng được thế giới đánh giá cao.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:

Phát hiện sự tồn lưu của dioxin trong môi trường, gây đột biến dị dạng và nhiều hậu quả khác trên các thực vật thuỷ sinh.

Các tảo ở Đồng Tháp Mười và triển vọng ứng dụng.

Phát hiện 500 loài tảo ở khu dự trữ sinh quyển nam Cát Tiên.

Xử lý nước thải thành phố bằng biện pháp sinh học ở Việt Nam.

Sách đã xuất bản:

Bộ Desmidiales ở Việt Nam trong *Thực vật chí Việt Nam.*

Sinh thái đại cương. Nxb Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

Sinh thái và môi trường. Nxb Giáo dục.

Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Huy chương chiến công vẻ vang.

Huân chương kháng chiến hạng ba.

Dự định khoa học

Xuất bản sách *"Tảo nước ngọt Việt Nam và triển vọng ứng dụng".*

Đưa kết quả nghiên cứu xử lý nước thải thành phố bằng biện pháp sinh học vào thực tiễn.

Hệ thống các sinh vật chỉ thị để kiểm tra và đánh giá chất lượng nước.

Điều khiển các môi trường nuôi thuỷ sản (ngoài thực địa).

Lời Tiến sĩ

Việt Nam nên thành lập ngay Viện Bảo tàng tự nhiên.



VĂN TẤT TUYÊN

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 2 - 3 - 1941
Quê quán: An Lão - Bình Lục - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay:
Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Phó đoàn chuyên gia nông nghiệp tại Thanh Hoá.
Giảng dạy tại Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Liên Xô cũ.
Chuyên gia nông nghiệp tại Sênêgan.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983.
Tại Trường Nông nghiệp Cuban, Liên Xô cũ.
Ngành Trồng trọt.

Đề tài luận án

Nghiên cứu điều kiện khí hậu và kỹ thuật trồng ngô lấy hạt trên đất có tưới, sau khi thu hoạch lúa mạch đông ở đồng bằng sông Cuban.

Nội dung

Thời kỳ từ sau thu hoạch lúa mạch mùa đông đến khi xuất hiện băng tuyết còn khoảng 120 đến 140 ngày, với chế độ bức xạ, chế nhiệt của đồng bằng sông Cuban còn đủ để sản xuất một vụ ngô, lấy hạt trên các vùng đất có tưới.

Đề tài đã xác định được vùng trồng ngô có hiệu quả kinh tế cao.

Giải quyết được hệ thống các biện pháp kỹ thuật, thời vụ trồng, giống ngô đặc thù cho vụ này, kỹ thuật tưới nước, phân bón...

Kết quả nghiên cứu đã được áp dụng sản xuất hàng nghìn ha ở các nông trường vùng đồng bằng sông Cuban, cho năng suất cao 6-7 tấn ngô hạt 1ha, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các vùng đất có tưới.

Thành tựu khoa học

Chủ trì các đề tài:

Nghiên cứu sinh thái khí hậu cây ngô ở đồng bằng Bắc Bộ.

Nghiên cứu sinh thái khí hậu cây đậu tương ở đồng bằng Bắc Bộ.

Sản xuất ngô ở đồng bằng Bắc Bộ.

Tham gia:

Chương trình khuyến nông ở Hà Giang (cấp Bộ).

Chương trình nhập nội giống cây quả ôn đới ở Hà Giang (cấp Nhà nước).

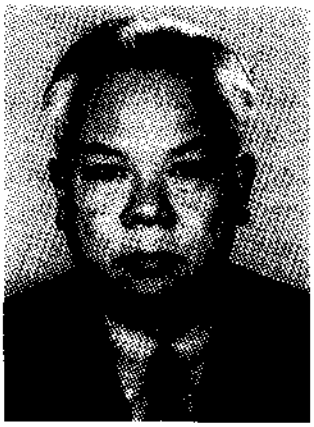
Chương trình an toàn lương thực ở Sênêgan.

Viết giáo trình khí tượng nông nghiệp.

Dạy cao học và hướng dẫn nghiên cứu sinh.

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học nông nghiệp.



ĐẶNG VĂN TUYẾN

Đặng Quốc Tuyến

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 26 - 5 - 1943.
Quê quán: Hà Trì - Hà Đông - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 189/81 Hoàng Hoa Thám - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy, Chủ nhiệm bộ môn Thu và Ngân sách nhà nước, Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.
Trưởng phòng, Viện Nghiên cứu Khoa học Tài chính, Bộ Tài chính.
Vụ phó, Học viện Hành chính quốc gia.
Hiện là Trưởng phòng, Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính.
Hội viên Hội Kinh tế Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984.
Tại Trường Đại học Kinh tế Bratislava, Tiệp Khắc cũ.
Chuyên ngành Tài chính lưu thông tiền tệ và tín dụng.

Đề tài luận án

Cấp phát tài chính cho phát triển khoa học kỹ thuật.

Nội dung

Công nghiệp hoá đem lại nền sản xuất có năng suất chất lượng cao. Để tiến hành công nghiệp hoá đòi hỏi phải phát triển khoa học và công nghệ. Vì thế phải có chính sách đầu tư tài chính đúng. Sử dụng tổng hợp các nguồn vốn: ngân sách nhà nước, vốn của các doanh nghiệp, vốn tư nhân... Đồng thời phải có kế hoạch cấp phát đúng, quản lý tốt trong quá trình sử dụng để nâng cao hiệu quả đồng vốn chi vào lĩnh vực phát triển khoa học kỹ thuật.

Luận án đi sâu phân tích:

Các mục tiêu cơ bản phát triển khoa học kỹ thuật, các nhu cầu vốn cần cho phát triển lĩnh vực này.

Phân định các nguồn vốn, các hướng chính trong đầu tư phát triển khoa học kỹ thuật.

Các giải pháp phối hợp giữa các nguồn vốn khác nhau đáp ứng nhu cầu chi để phát triển khoa học kỹ thuật.

Chiến lược đầu tư đào tạo con người đáp ứng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Các biện pháp tăng cường quản lý trong quá trình sử dụng các nguồn cho đầu tư phát triển khoa học kỹ thuật.

Các giải pháp khai thác, sử dụng các nguồn vốn để thực hiện mục tiêu trên.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:

Chính sách quốc gia (phó chủ nhiệm - cấp Nhà nước).

Một số vấn đề về hướng hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính ở Việt Nam (chủ nhiệm - cấp Bộ).

Sách đã xuất bản:

Chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Giáo trình thuế và phương pháp tính thuế đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Huy chương chống Mỹ hạng nhất.

Dự định khoa học

Nghiên cứu chiến lược tài chính và thuế trong nền kinh tế thị trường.

Viết sách, giảng dạy kinh tế đại học và sau đại học.



NGUYỄN VĂN TUYẾN

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 24 - 4 - 1958.
Quê quán: Giao Hoành - Giao Thuỷ - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội 2 - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Nghiên cứu sinh tại Cộng hoà Liên bang Nga.
Trưởng phòng Quản lý khoa học - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Đại học Tổng hợp quốc gia Lômônôxốp, Matxcơva - Liên bang Nga.
Ngành Hoá học.
Chuyên ngành Hoá lý.

Đề tài luận án

Sự hình thành bề mặt hoạt động của các chất xúc tác chứa Pd và Cu có cấu trúc Perovxkit.

Nội dung

Nghiên cứu sự hình thành các tâm hoạt động xúc tác trên bề mặt chất mang là các oxit kim loại có cấu trúc dạng perovxkit trong phản ứng phân huỷ N_2O.

Tìm hiểu cơ chế của phản ứng phân huỷ N_2O xảy ra trên bề mặt xúc tác có chứa Pd và Cu với các chất mang là các oxít kim loại có cấu trúc perovxkit.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu: Nghiên cứu cấu trúc và hoạt tính xúc tác của hệ kim loại - chất mang phản ứng oxy hoá các hợp chất sunfua (cấp Bộ).
Các công trình khoa học đã công bố (đồng tác giả):
Về hoạt tính xúc tác của hệ Pt - Ir và Pt-Ir-Al_2O_3.
Sự ổn định của các trạng thái ion paladi trong hệ Pd/ZrO_2
Sự hình thành các trạng thái ion của Paladi được mang trên các xúc tác trên cơ sở của oxit ZnO_2.
Tính chất hấp phụ và xúc tác của các xúc tác - kim loại - polyme được điều chế trên cơ sở polyacrimig bằng phương pháp hấp thụ các ion Fe (III), Ni (II), Cu (II).
Tương tác của hydro với các chất xúc tác chứa kim loại trên cơ sở perovxkit.
Tương tác của hydro với các chất xúc tác chứa kim loại trên cơ sở perovxkit. II - Các đường cong hấp thụ H_2 của các mẫu ở các nhiệt độ khác nhau.
Sự tạo thành anion - gốc superokcit khi phân huỷ xúc tác N_2O trên Pd/ZnO_2.
Ảnh hưởng của chất khâu mạch đến hoạt tính xúc tác phức kim loại - polyme.
Một số nghiên cứu về xúc tác phức kim loại - polyme trên cơ sở N - Metylenchitosan.
Sự hình thành tâm hoạt tính của xúc tác phức Cu (II) trên chất mang N-Metylenchitosan trong phản ứng oxy hoá Na_2S bằng oxy phân tử.
Nghiên cứu hiệu ứng tập thể của hệ xúc tác Cu (II) - Ni (II), Co (II) - Ni (II) và Cu (II) - Co (II) - Ni (II) trên chất mang N-Metylenchitosan trong phản ứng oxy hoá Na_2S bằng oxy phân tử.
Hiệu ứng sunfua hoá xúc tác phức kim loại - polyme trên cơ sở N-Mchs.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các chất xúc tác phân huỷ các khí và nước thải, góp phần bảo vệ môi trường.



NGUYỄN ÁNH TUYẾT

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 2 - 10 - 1936
Quê quán: Tân Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình.
Chỗ ở hiện nay: 305-N2 - Vạn Bảo - Ba Đình - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tổ trưởng bộ môn tâm lý học nhân cách, khoa Tâm lý - Giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chủ nhiệm khoa Giáo dục mầm non Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu trẻ em trước tuổi học - Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Chủ tịch Hội đồng khoa học giáo dục mầm non - Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Hội viên Hội Tâm lý - Giáo dục Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1979.
Tại Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Tâm lý học.
Chuyên ngành Sư phạm - Tâm lý.

Đề tài luận án

Đặc trưng tâm lý của trẻ em có năng khiếu thơ.

Nội dung

Năng khiếu thơ được coi là tổ hợp tâm lý của một em bé phù hợp với việc sáng tạo thơ, hình thành tự nhiên trong cuộc sống, khi chưa được đào tạo một cách chuyên biệt về cách làm thơ.
Từ năng khiếu thơ đến tài năng thơ là cả một quá trình học tập, bồi dưỡng lâu dài, nhưng không phải bất cứ một em bé nào có năng khiếu thơ đều trở thành một tài năng thơ, có trường hợp năng khiếu bị mất đi hoặc lúc ẩn lúc hiện, điều đó tuỳ theo cuộc sống và cách nuôi dưỡng năng khiếu thơ cho trẻ em.
Năng khiếu thơ bao gồm:
Trí tưởng tượng sáng tạo nghệ thuật.
Óc quan sát nhanh nhạy và tinh tế; tư duy bằng hình tượng.
Tính dễ xúc cảm và dễ đồng cảm; giàu lòng yêu thương.
Ngôn ngữ giàu hình tượng và giàu nhạc điệu.
Văn hoá gia đình giàu âm hưởng thơ ca là điều kiện tác động mạnh đối với sự hình thành năng khiếu thơ của trẻ em (nghiên cứu gần 100 nhà thơ Việt Nam thấy hơn 90% nhà thơ được sinh ra trong gia đình có người làm thơ hoặc thường đọc thơ, hát ru, kể chuyện cổ tích và thường sử dụng ca dao tục ngữ).

Thành tựu khoa học

Công trình nghiên cứu tiêu biểu:
Xu hướng nghề nghiệp của học sinh lớp 10 Việt Nam.
Hồ Chí Minh với vấn đề nhân cách.
Người mẹ với những mầm non nghệ thuật.
Những quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non.
Vai trò giáo dục thẩm mỹ trong quá trình hình thành nhân cách của trẻ mẫu giáo.
Hoạt động vui chơi với sự phát triển của trẻ mẫu giáo.
Hình thành tính linh hoạt trong tư duy cho trẻ mẫu giáo qua biến thể của các hình học.
Quan điểm tích hợp trong giáo dục mầm non.
Chiến lược giáo dục mầm non nông thôn.
Trẻ mẫu giáo dân tộc ít người học tiếng Việt như học ngôn ngữ thứ hai.
Sách đã xuất bản:
Tâm lý học. Giáo trình dùng trong các trường đại học sư phạm (viết chung). Nxb Giáo dục.
Giáo dục cái đẹp trong gia đình. Nxb Phụ nữ.
Giáo dục trẻ mẫu giáo trong nhóm bạn bè. Nxb Giáo dục.
Những điều cần biết về sự phát triển của trẻ thơ. Nxb Sự thật.
Khi con đã lớn. Nxb Phụ nữ.
Những tình huống trong giáo dục mầm non. Nxb Giáo dục.
Tâm lý học trẻ em tuổi mầm non (từ lọt lòng đến 6 tuổi) giáo trình dùng trong các khoa giáo dục mầm non trường đại học sư phạm. Nxb Đại học Quốc gia.
Tâm lý học trẻ em (giáo trình dùng trong các trường sư phạm mầm non). Nxb Giáo dục.
Hoạt động vui chơi với trẻ em. Nxb Phụ nữ.
Phương pháp nghiên cứu trẻ em. Nxb Đại học Quốc gia.

Lời Tiến sĩ

Mong mọi người hãy quan tâm xây dựng nền khoa học giáo dục mầm non của nước nhà.



LÊ ĐÌNH TƯ

Tiến sĩ Ngôn ngữ học

Sinh ngày: 22 - 2 - 1950.
Quê quán: Thiệu Đô - Thiệu Hoá - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 5 Hương Viên - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Tổng hợp Vacxava, Ba Lan.
Chủ nhiệm bộ môn Tiếng Ba Lan, Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
Cán bộ phòng Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
Tổ trưởng tổ chuyên gia tiếng Việt tại Đại học Kinh tế Phnômpênh, Cămpuchia.
Chuyên gia tiếng Việt tại Đại học Tổng hợp Wisconsin, Mỹ.
Chủ nhiệm bộ môn Ngữ văn Việt Nam tại Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
Hội viên Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984.
Tại Trường Đại học Tổng hợp Vacxava, Ba Lan.
Chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng.

Đề tài luận án

Giảng dạy từ vựng dưới ánh sáng các lý thuyết giáo học pháp ngoại ngữ hiện đại.

Nội dung

Giảng dạy từ vựng là một trong những vấn đề khó khăn nhất trong giáo học pháp ngoại ngữ, bởi vì từ vựng là một hiện tượng đa diện, liên quan đến nhiều mặt của hoạt động giao tiếp ngôn ngữ.
Trên cơ sở phân tích và đánh giá các kết quả nghiên cứu ngôn ngữ học, tâm lý - ngôn ngữ học, xã hội - ngôn ngữ học và giáo học pháp ngoại ngữ dưới góc độ giảng dạy từ vựng, phân tích các cứ liệu thu thập được trong hoạt động giảng dạy ngoại ngữ, tác giả đã lý giải những hiện tượng và quá trình diễn ra trong hoạt động giảng dạy và học từ vựng.
Dưới góc độ lý thuyết giao tiếp và ngữ dụng học, luận án nêu lên những nhận định và giải pháp cho vấn đề giảng dạy từ vựng hiệu quả và hợp lý nhất; giải quyết những vấn đề chủ yếu: lựa chọn và chuẩn bị từ vựng; sắp xếp từ vựng; giới thiệu và truyền đạt từ vựng; các loại bài tập từ vựng và những vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu giải quyết triệt để toàn bộ việc giảng dạy từ vựng.

Thành tựu khoa học

Biên soạn các giáo trình:
Giáo trình tiếng Ba Lan (đồng tác giả).
Dẫn luận ngôn ngữ học (đồng tác giả).
Tiếng Việt thực hành cho người nước ngoài.
Văn học Việt Nam cho người nước ngoài.
Nhập môn ngôn ngữ học (chủ biên).

Dự định khoa học

Nghiên cứu ngữ dụng học và biên soạn các tài liệu giảng dạy bộ môn.



LÊ VĂN TƯ

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 15 - 5 - 1933.
Quê quán: Phú Mỹ - Châu Thành - Tiền Giang.
Chỗ ở hiện nay: 220/50A/2A - Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ Vụ Kinh tế - Kế hoạch Ngân hàng Nhà nước.
Phó phòng thư ký Vụ Ngân hàng Nhà nước.
Trưởng đoàn cán bộ ngân hàng tham gia tiếp quản và xây dựng ngân hàng miền Nam.
Tổng thư ký Ngân hàng quốc gia Việt Nam.
Viện trưởng Viện Khoa học Tiền tệ ngân hàng.
Tổng biên tập *Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Khoa học ngân hàng.*
Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
Thành viên tổ chức tư vấn của Thủ tướng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1970.
Tại Đại học Kinh tế - Thống kê Mátxcơva, Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Tài chính, tín dụng và lưu thông tiền tệ.

Đề tài luận án

Bảng cân đối thu chi tiền tệ của dân cư.

Thành tựu khoa học

Tham gia đề án đổi mới căn bản hệ thống ngân hàng.
Nhiều bài nghiên cứu lý luận về tiền tệ ngân hàng đăng ở các tạp chí.
Sách đã xuất bản:
Tác giả:
Ngân hàng và nền kinh tế hàng hoá. Viện Khoa học Ngân hàng.
Hệ thống ngân hàng các nước công nghiệp phát triển - Viện Tiền tệ, tín dụng.
Tiền tệ, tín dụng, ngân hàng.
Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
Đồng tác giả:
Từ điển thống kê.
Từ điển tài chính tín dụng.
30 năm ngân hàng (Ngân hàng Nhà nước).
Thị trường chứng khoán.
Tín dụng tài trợ xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại tệ.
Hiểu và sử dụng thị trường chứng khoán.
Tỷ giá hối đoái.
Ngân hàng thương mại.
Tiền tệ, ngân hàng, thị trường tài chính.
Thị trường hối đoái. Nxb Thống kê.
Huân chương chống Pháp hạng ba.
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học.
Vì sự nghiệp ngân hàng.

Dự định khoa học

Sẽ xuất bản:
Thị trường tài chính.
Hướng dẫn nghiên cứu sinh.
Giảng dạy đại học.



MAI VĂN TƯ

Tiến sĩ Toán lý

Sinh ngày: 1 - 10 - 1956
Quê quán: Thạch Đài - Thạch Hà - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Khối 22 phường Hưng Bình - Thành phố Vinh - Nghệ An.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Toán, Trường Đại học Vinh.
Trưởng khối phổ thông trung học chuyên toán - tin Trường Đại học Vinh.
Hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Trường Đại học Vinh.
Chuyên ngành Đại số - lý thuyết số.

Đề tài luận án

Lý thuyết Nevanlinna - Cartan và không gian hyperbolic brody P-adic.

Nội dung

Lý thuyết Nevanlinna trên trường số phức được đánh giá như là một trong những thành tựu toán học của thế kỷ XX. Nó có nhiều ứng dụng quan trọng trong các lĩnh vực khác nhau của toán học. Luận án nghiên cứu lý thuyết trên trường định giá không acsimét.

Xây dựng lý thuyết Nevanlinna P-adic nhiều chiều trong một trường hợp quan trọng là lý thuyết phân phối giá trị của các đường cong chỉnh hình P-adic. Ứng dụng lý thuyết Nevanlinna P-adic vào việc xây dựng các không gian hyperbolic Brody. Đây là một hướng nghiên cứu có triển vọng giải quyết giả thuyết nổi tiếng của S.Lang: Một đa tạp xạ ảnh trên trường k (mở rộng hữu hạn của trường số hữu tỷ) có hữu hạn điểm hữu tỷ khi và chỉ khi đa tạp đó là hyperbolic Brody.

Thành tựu khoa học

Nhiều công trình khoa học đã công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước.
Hoàn thành một số đề tài nghiên cứu khoa học.

Dự định khoa học

Tiếp tục khám phá các ứng dụng quan trọng khác của lý thuyết Nevanlinna trên trường phức và trường các số P-adic.

Lời Tiến sĩ

Các bậc hiền tài Việt Nam có nhiều, nếu Nhà nước biết tận dụng khuyến khích thì chẳng bao lâu nữa Việt Nam sẽ trở thành một cường quốc về kinh tế, khoa học, công nghệ.



PHẠM VĂN TƯ

Phạm Tư

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 4 - 5 - 1938.
Quê quán: Trực Hưng - Trực Ninh - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: Thịnh Liệt - Thanh Trì - Hà Nội.

Quá trình công tác

Trưởng phòng Phổ thông, Sở Giáo dục - Đào tạo Hà Nam Ninh, Nam Hà, Nam Định.
Giám đốc Trung tâm Phương pháp - Sở Giáo dục - Đào tạo Hà Nam Ninh.
Phó Văn phòng
Thư ký Trung ương Hội Hoá học Việt Nam.
Phó Chủ tịch phân hội giảng dạy - Hội Hoá học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985.
Tại Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Hoá học.
Chuyên ngành Tâm lý - Sư phạm.

Đề tài luận án

Dùng grap nội dung bài lên lớp để dạy và học chương nitơ - phốt pho lớp 11 trường trung học phổ thông.

Nội dung

Kế thừa hướng nghiên cứu của nhiều nhà khoa học đi trước phát triển, đề xuất việc chuyển hoá phương pháp grap trong toán học thành phương pháp dạy học trong bài lên lớp với ba khái niệm cơ bản:
Grap nội dung bài lên lớp.
Grap của tình huống dạy học.
Phương pháp dạy học dùng grap nội dung.
Trên cơ sở đó, xây dựng quy trình áp dụng phương pháp grap vào dạy học hoá học với giáo viên:
Lập grap nội dung;
Soạn grap bài giảng;
Triển khai trên lớp;
Kiểm tra và đánh giá với học sinh:
Lĩnh hội trên lớp;
Tự học ở lớp và ở nhà;
Tự kiểm tra, đánh giá.
Thực nghiệm khẳng định: giáo viên dễ thực hiện và có hiệu quả, học sinh được rèn khả năng khái quát tư duy, cách tự học độc lập, sáng tạo.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Grap nội dung dạy học hoá học lớp 8 trung học cơ sở. Nxb Giáo dục.
Grap nội dung dạy học hoá học lớp 9 trung học cơ sở - Sở Giáo dục - Đào tạo Hà Nam Ninh, Nam Định.
Bài soạn dạy hoá lớp 8 có đưa phương pháp grap. Nxb Giáo dục.
Grap nội dung hoá học hữu cơ -
Sở Giáo dục Hà Nam Ninh.
Bài tập chọn lọc hoá học lớp 10.
Nâng cao và mở rộng kiến thức hoá học trung học phổ thông.
Olympic hoá học Việt Nam và quốc tế tập I.
Nxb Giáo dục.
Các công trình nghiên cứu đã công bố:
Dùng grap trong giảng dạy hoá học ở trường phổ thông trung học.
Một số nhận xét về giảng dạy hoá học ở Hà Nam Ninh.
Cơ sở lý luận và thực tiễn bài lên lớp hoá học ở trường phổ thông trung học.
Chỉ đạo bộ môn Hoá học của cán bộ chỉ đạo, Sở Giáo dục Hà Nam Ninh.
Một số kết quả nghiên cứu của giáo viên hoá học Hà Nam Ninh.
Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên giỏi bộ môn hoá.
Bài soạn lớp 8, 10 (cũ) PTTH.
Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy học hoá học lớp 8, lớp 9 trường THCS.
Bằng khen của Chính phủ.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì sự nghiệp khoa học.
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Huân chương lao động hạng ba.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, hướng dẫn giảng dạy biên soạn tài liệu hoá học.
Áp dụng phương pháp grap trong giảng dạy.



TRỊNH QUANG TỪ

Tiến sĩ Sư phạm - Tâm lý

Sinh ngày: 2 - 9 - 1954.
Quê quán: Nam Điền - Nam Trực - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 1/184 Vương Thừa Vũ - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giáo viên học viện Kỹ thuật Quân sự.
Phó chủ nhiệm khoa Khoa học xã hội, kiêm Chủ nhiệm bộ môn Tâm lý - Giáo dục, Học viện Kỹ thuật Quân sự.
Hội viên Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Ngành Sư phạm - Tâm lý.
Chuyên ngành Lý luận và lịch sử sư phạm học

Đề tài luận án

Những phương hướng tổ chức hoạt động tự học của sinh viên các trường quân sự.

Nội dung

Tự học là con đường cơ bản để con người liên tục tự hoàn thiện. Năng lực tự học là một nội dung quan trọng của mục tiêu đào tạo. Tổ chức hoạt động tự học của sinh viên sẽ nâng cao chất lượng đào tạo. Cần hình thành cho sinh viên hệ thống kỹ năng tự học; tổ chức rèn luyện kỹ năng tự học thông qua hệ thống bài tập nhận thức có mức độ khó ngày càng cao, đồng thời thực hiện kiểm tra, đánh giá với tự kiểm tra, tự đánh giá kết quả tự học là những biện pháp tổ chức hoạt động tự học của sinh viên có hiệu quả tốt.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Phát huy tính tích cực nhận thức của học viên.
Thực trạng hoạt động tự học của sinh viên các trường quân sự.
Tổ chức tốt quá trình tự học của học viên
Một số biện pháp nâng cao chất lượng tự học của học viên các trường quân sự.
Về việc tự học của sinh viên các trường quân sự.
Bồi dưỡng năng lực tự kiểm tra, tự đánh giá cho sinh viên.
Nâng cao chất lượng tự học các môn khoa học xã hội.
Đổi mới dạy và học các môn Tâm lý - Giáo dục trong điều kiện hiện nay.
Vấn đề tự học của sinh viên quân sự.
Phương pháp tự học. Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
Đề tài nghiên cứu:
Giải pháp sư phạm nâng cao tính tích cực nhận thức trong tự học của học viên Học viện Kỹ thuật Quân sự (cấp học viện).
Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các môn khoa học xã hội và nhân văn theo hướng kích thích tính tích cực nhận thức của Học viện Kỹ thuật Quân sự (cấp Học viện).
Đổi mới phương pháp dạy học trong các trường đại học quân sự (cấp Bộ tham gia).
Nâng cao chất lượng giáo dục chính trị trong huấn luyện kỹ thuật quân sự (đề tài nhánh cấp Bộ, chủ nhiệm).
Ứng dụng kỹ thuật trắc nghiệm để kiểm tra, đánh giá các môn khoa học xã hội (đề tài nhánh cấp Cục - chủ trì).
Nhiều bài đăng trên các tạp chí.

Dự định khoa học

Nghiên cứu:
Lý luận dạy học đại học.
Giáo dục chính trị tư tưởng trong quân đội.
Tâm lý học kỹ sư và tâm lý học lao động kỹ thuật quân sự.



VŨ HUY TỪ

Minh Nguyệt

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 12 - 11 - 1937.
Quê quán: Chí Hoà, Hưng Hà, Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 2A/4A - Tập thể Văn phòng Chính phủ - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Kinh tế quốc dân Kiep Liên Xô cũ.
Chủ nhiệm bộ môn Kinh tế, xí nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Thực tập sinh cao cấp tại Đại học Plekhanov Matxcơva Liên Xô cũ.
Phó chủ nhiệm Văn phòng chính phủ.
Phó giám đốc Học viện Hành chính quốc gia, kiêm Tổng biên tập *Tạp chí quản lý Nhà nước*, Chủ tịch Hội đồng Khoa học Học viện.
Hiện là Phó hiệu trưởng, Chủ nhiệm khoa Quản lý doanh nghiệp, thành viên sáng lập, thành viên hội đồng quản trị trường Đại học Dân lập Quản lý Kinh doanh Hà Nội.
Ủy viên thường vụ Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam.
Giám đốc Câu lạc bộ doanh nghiệp Việt Nam.
Hội viên các Hội Hữu nghị Việt Nam - Ucraina, Việt - Nga.
Hội Nhà Báo Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học năm 1983.
Tại Đại học Kinh tế quốc dân Plekhanov - Matxcơva Liên Xô cũ.
Ngành Kinh tế. Chuyên ngành Tổ chức quản lý và kế hoạch hoá kinh tế quốc dân.

Đề tài luận án

Những vấn đề hoàn thiện quản lý công nghiệp Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Nội dung

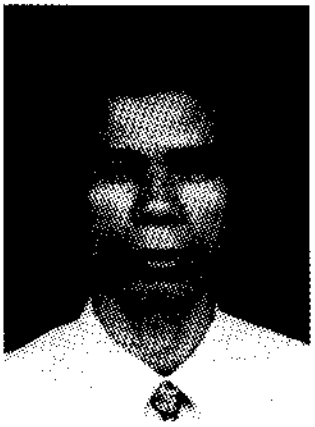
Nghiên cứu quy luật kinh tế và vận dụng các quy luật đó; các hình thức và phương pháp kế hoạch hoá sản xuất công nghiệp; sử dụng quan hệ hàng - tiền và các đòn bẩy kinh tế trong quản lý kinh tế theo kế hoạch; đánh giá hệ thống quản lý công nghiệp theo kế hoạch ở Việt Nam qua các thời kỳ 1960 - 1981, những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân. Xây dựng cơ sở thông tin - định mức cho công tác kế hoạch; thiết kế hệ thống kế hoạch sản xuất công nghiệp phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Tham gia nhiều đề tài cấp Nhà nước; chủ biên nhiều đề tài cấp Bộ. Đăng hơn 100bài trên các báo, tạp chí. Sách đã xuất bản (đồng tác giả): *Tổ chức, kế hoạch hoá xí nghiệp công nghiệp quốc doanh.* Đại học Kinh tế quốc dân; *Quản lý hành chính Nhà nước.* Nxb Chính trị quốc gia.
Chủ biên, đồng tác giả: *Quản lý khu vực công.* Nxb Khoa học kỹ thuật; *Quản lý Nhà nước và hành chính doanh nghiệp; Quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp; Vai trò quản lý Nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp; Hành chính học và cải cách hành chính.* Nxb Chính trị Quốc gia; *Tìm hiểu điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh.* Nxb Lao động; *Sổ tay giám đốc xí nghiệp công nghiệp quốc doanh.* Nxb Sự thật; *Những vấn đề kinh tế cơ bản của thời kỳ quá độ.* NXB Nông nghiệp; *Cơ sở lý luận và phương pháp luận đổi mới kinh tế ở Việt Nam.* Nxb Pháp lý; *Một số vấn đề pháp lý về bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở.* Nxb Pháp lý; *Quyền tự chủ kinh doanh của xí nghiệp quốc doanh.* Nxb Sự thật; *Về vấn đề quản lý kinh tế ở Liên Xô và Việt Nam.* ĐHKTQD; *Tìm hiểu điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh; Kế hoạch hoá và quan hệ thị trường.* NXB Sự thật; *Sổ tay kiến thức và quản lý doanh nghiệp công nghiệp ngoài quốc doanh.* Nxb Pháp lý; *Những điều cần biết về tổ chức quản lý và điều hành các doanh nghiệp.* Nxb Thống kê; *Đổi mới và phát triển các thành phần kinh tế; Doanh nghiệp Nhà nước trong cơ chế thị trường ở Việt Nam* (tác giả); *Lý luận và nghiệp vụ công tác tổ chức cán bộ.* Nxb Chính trị quốc gia; *Giáo trình đào tạo chuyên viên chính.* Học viện HCQG; *Sổ tay phương pháp sư phạm hành chính.* Nxb Thống kê; *Các giải pháp thúc đẩy cải cách hành chính ở Việt Nam.* Nxb Chính trị quốc gia; Huy chương chống Mỹ hạng nhất; Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, giảng dạy kinh tế học.



NGUYỄN VĂN TỨ

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 26 - 1 - 1958.
Quê quán: Cẩm Dương - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay:
Khối 6 - phường Bến Thủy - thành phố Vinh - Nghệ An.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp cao học Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Vinh.
Cán bộ giảng dạy khoa ngữ văn - Trường Đại học Sư phạm Vinh.
Thành viên Hội đồng khoa học.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Vinh.
Hội viên Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1999.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.
Chuyên ngành Giáo dục (phương pháp dạy học tiếng Việt).

Đề tài luận án

Sử dụng ngữ liệu văn học dân gian trong dạy học tiếng Việt.

Nội dung

Ngữ liệu sử dụng trong dạy học tiếng Việt là một trong những yếu tố góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

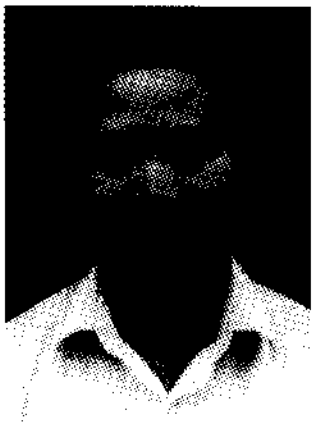
Ngữ liệu văn học dân gian có tác dụng trên nhiều phương diện: cung cấp tri thức, rèn luyện kỹ năng, giáo dục tư tưởng, tình cảm... và các tác dụng khác. Với những nội dung, hình thức và quy trình sử dụng cụ thể, tính hiệu quả của việc sử dụng ngữ liệu văn học dân gian đã được khẳng định, chứng minh bằng cả lý luận và thực tiễn dạy học môn tiếng Việt trong nhà trường hiện nay.

Thành tựu khoa học

Đã công bố hàng chục bài viết, công trình, trên các tạp chí.
Sách đã xuất bản:
Chuyện vui chữ ngôn ngữ. Nxb Nghệ An;
Chuyện ngôn ngữ. Nxb Văn hoá - Thông tin.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, giảng dạy phương pháp dạy học tiếng Việt trong nhà trường theo nguyên tắc tích hợp.
Nghiên cứu ngôn ngữ học dân gian, văn hoá ngôn ngữ,...



PHẠM HỮU TỰ

Tiến sĩ Toán lý

Sinh ngày: 20 - 9 - 1948.
Quê quán: Nghĩa Hải - Nghĩa Hưng - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 19 ngõ 210 Đội Cấn - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Ôđetxa, Liên Xô.
Cán bộ nghiên cứu Viện Cơ học.
Nghiên cứu sinh tại Viện các vấn đề cơ học.
Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.
Hiện là cán bộ nghiên cứu Viện Cơ học.
Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Viện Các vấn đề cơ học, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.
Chuyên ngành Cơ thuỷ - đàn hồi.

Đề tài luận án

Các vấn đề động lực học ống dẫn biển.

Nội dung

Thiết lập mô hình toán học mô tả động lực học ống dẫn dầu chịu tác động của môi trường nước biển.
Giải quyết bài toán ổn định của ống dẫn đứng trong nước biển.
Giải bài toán về lắp đặt ống dẫn ở biển.
Giải bài toán về dao động của ống dẫn trong nước biển.

Thành tựu khoa học

Đã tham gia các đề tài cấp Nhà nước:
Tương tác biển và công trình
Cơ sở khoa học cho việc soạn thảo quy phạm xây dựng công trình biển.
Một số công trình đã công bố trên các tạp chí, Hội nghị khoa học.
Các công trình khoa học đã ứng dụng:
Tính toán độ bền và ổn định của các cột điện vượt sông thuộc hệ 500 kV.
Tính toán độ bền ống dẫn dầu ở biển.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu giải quyết các bài toán liên quan đến xác định độ bền của các ống dẫn dòng dầu chịu các tải trọng khác nhau của nước biển.



NGUYỄN TY

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 26 - 12 - 1942.
Quê quán: Thọ Xương - thị xã Bắc Giang.
Chỗ ở hiện nay: 401/B1 - Nhà công vụ Văn phòng Chính phủ - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Cán bộ Ủy ban Kế hoạch tỉnh Hà Bắc.
Học Trường Đảng cao cấp Matxcơva, Liên Xô.
Chánh văn phòng Tỉnh uỷ Hà Bắc.
Bí thư thị uỷ Bắc Giang,
Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hà Bắc.
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ Hà Bắc.
Hiện là Chủ tịch Liên minh hợp tác xã Việt Nam.
Thành viên Liên minh hợp tác xã quốc tế (ICA).
Ủy viên thường trực Hiệp hội các xí nghiệp vừa và nhỏ thế giới (WASME).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Chuyên ngành Khoa học quản lý kinh tế.

Đề tài luận án

Một số vấn đề cơ bản về sự phát triển tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn Việt Nam.

Nội dung

Lịch sử hình thành và quá trình phát triển tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn Việt Nam. Thực trạng phát triển tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn Việt Nam trong những năm qua, những hạn chế, trở ngại ảnh hưởng đến quá trình phát triển, những định hướng phát triển và các giải pháp bảo đảm cho sự phát triển đó.
Phát triển tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn Việt Nam là một xu thế tất yếu khách quan. Chỉ có trên cơ sở phát triển mạnh tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn Việt Nam mới chuyển dịch được cơ cấu kinh tế, phân công lại lao động, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế quốc dân ở nước ta.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Quy hoạch tổng thể 10 tỉnh đồng bằng sông Hồng (đồng chủ nhiệm - cấp Nhà nước).
Xây dựng luận cứ khoa học hình thành khung chính sách, tổ chức quản lý và hệ thống hỗ trợ thúc đẩy đổi mới công nghệ sản xuất đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ (chủ nhiệm - cấp Nhà nước).
Công trình khoa học đã ứng dụng:
Phương pháp chuyển đổi mô hình hợp tác xã kiểu cũ sang mô hình hợp tác xã kiểu mới.
Xây dựng quỹ bảo lãnh tín dụng giúp cho các hợp tác xã, các doanh nghiệp nhỏ và vừa khi có nhu cầu vay vốn ở ngân hàng nhưng không đủ tài sản thế chấp thì quỹ này đứng ra bảo lãnh cho các cơ sở được vay.
Sách đã xuất bản:
Sự bình đẳng về cơ hội kinh tế của phụ nữ trong pháp luật và thực tiễn thi hành ở Việt Nam (đồng tác giả).
Huy chương kháng chiến hạng nhất.

Dự định khoa học

Nghiên cứu pháp lý và các công cụ tư vấn hỗ trợ để phát triển các hợp tác xã Việt Nam.



NGUYỄN QUANG UẨN

Tiến sĩ Tâm lý

Sinh ngày: 10 - 6 - 1943.
Quê quán: Hoa Sơn - Ứng Hoà - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay
4/H1 tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Viện Hàn lâm Khoa học giáo dục Liên Xô, Mátxcơva.
Chủ nhiệm khoa Tâm lý - Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Phó chủ tịch Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam.
Được phong Phó Giáo sư năm 1991.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1997
Tại Viện Tâm lý học đại cương và Tâm lý học sư phạm, Viện Hàn lâm Khoa học giáo dục Liên Xô, Mátxcơva.
Ngành Tâm lý học.

Đề án luận án

Nghiên cứu mối tương quan giữa tri giác và tư duy trong quá trình giải các bài toán tổ hợp không gian.

Nội dung

Mối tương quan giữa tri giác và tư duy trong quá trình giải bài toán là một trong những vấn đề lý luận và thực tiễn của tâm lý học. Trong lịch sử tâm lý phương tây (tâm lý học liên tưởng, trường phái Vútxbua, tâm lý học gestalt v.v...) có nhiều quan điểm khác nhau. Thực nghiệm bằng hệ thống các bài toán đặt ra trên "bàn cờ tướng Việt Nam" dành cho đối tượng là người Nga, nhằm chứng minh giả thuyết về sự tồn tại các mức độ điều chỉnh khác nhau giữa tri giác và tư duy trong hoạt động nhận thức con người, sự khác nhau về chất giữa hai quá trình này. Kết quả công trình đã chứng minh sự thống nhất cơ chế tư duy khi giải các bài toán trực quan gắn liền tri giác và tư duy. Cung cấp cơ sở tâm lý học cho việc rèn luyện khả năng tri giác và tư duy con người trong quá trình giải quyết các bài toán tổ hợp không gian.

Thành tựu khoa học

Chủ biên và đồng tác giả 11 đầu sách giáo khoa, nhiều giáo trình, tài liệu tâm lý học cho các trường sư phạm.
Chủ trì và tham gia các đề tài:
Hình thành nhân cách sinh viên (cấp Bộ).
Điều tra chất lượng giáo dục ở Hà Nội (cấp thành phố).
Xây dựng mô hình nhân cách sinh viên sư phạm (cấp Bộ).
Cải tiến phương pháp dạy học đại học (cấp Bộ).
Nghiên cứu phục vụ Quốc hội khoá VIII và IX.
Xây dựng mô hình giáo dục thanh thiếu niên ở cấp quận (cấp thành phố).
Đặc trưng và xu hướng phát triển nhân cách con người Việt Nam (cấp Nhà nước).
Xây dựng mô hình giáo dục đặc biệt ở nông thôn Việt Nam.
Xây dựng lối sống và đạo đức cho sinh viên sư phạm Đại học Quốc gia Hà Nội.
Xây dựng các hình thức thực hành chuyên môn giành cho sinh viên đào tạo giáo viên cử nhân ngành giáo dục trẻ khuyết tật (cấp trường).
Tổng giám đốc dự án quốc gia: Hỗ trợ can thiệp sớm cho trẻ khiếm thính Việt Nam.
Xây dựng chương trình đào tạo giáo viên có trình độ cử nhân về giáo dục đặc biệt.
Hướng dẫn tốt nghiệp đại học, trên đại học.
Huy chương kháng chiến hạng nhất.
Huy chương hữu nghị (Campuchia).
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Vì thế hệ trẻ.
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tâm lý học.



NINH THỊ ỨNG

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 3 - 10 - 1953.
Quê quán: Ý Yên - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: P8/F15 ngõ Thái Hà - Hà Nội.

Quá trình công tác

Trưởng khoa Thần kinh, Viện Nhi Hà Nội.
Hội viên Hội Thần kinh Nhi thế giới.
Hội trưởng Hội Thần kinh Nhi Châu Á của Việt Nam.
Hội viên Hội giúp đỡ trẻ em tàn tật thế giới.
Hội Thần kinh Việt Nam.
Ủy viên thư ký Hội Nhi khoa Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.
Tại Đại học Y Pirogova Matxcova.
Chuyên ngành Bệnh học thần kinh trẻ em.

Đề tài luận án

Nghiên cứu lâm sàng điện sinh lý tăng trương lực cơ dạng tic ở trẻ em.

Nội dung

Nghiên cứu lâm sàng điện sinh lý thần kinh ở 117 bệnh nhân tăng trương lực cơ dạng *tic*, phát hiện được mức độ tổn thương ở cấu trúc trung ương và ngoại biên của hệ thống thần kinh. Hội chứng Torette cho thấy có tổn thương dưới vỏ và thân não qua phương pháp ghi điện thế thân não cực ngắn bằng kích thích giác. Thay đổi điện cơ ở dạng từng chập điện thế, có tính chất tổn thương dưới vỏ tăng tốc độ dẫn truyền xung động của dây thần kinh ngoại vi. Thay đổi chu kỳ tiềm tàng, khoảng cách giữa các ngọn sóng, biên độ và hình dạng sóng của phương pháp gây điện thế cực ngắn thân não ở *tic* toàn thân nghĩa là có tổn thương vùng gian não (2 củ sinh tư dưới).
Phương pháp điều trị cơ chế bệnh sinh tăng trưởng lực cơ dạng *tic* là áp dụng an thần phối hợp với thuốc tăng cường chuyển hoá não. Điều trị Pimo zid có kết quả được khẳng định là trạng thái chức năng của thần kinh não tốt lên và cải thiện cơ quan thần kinh vận động.

Thành tựu khoa học

Uỷ viên đề tài cấp Bộ về xuất huyết não trẻ em.
Đã công bố trên 50 đề tài về bệnh thần kinh trẻ em trong các tạp chí y học trong nước.
Giảng viên kiêm nhiệm bộ môn Nhi Đại học Y Hà Nội.
Sách đã xuất bản:
Bệnh động kinh trẻ em. Nxb Y học.
Viết chương *"Bệnh thần kinh"* trong bộ giáo khoa đại học y.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phòng, chữa bệnh trẻ em.
Tham gia đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ về thần kinh nhi.



TRẦN QUANG UY

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 1 - 12 - 1948.
Quê quán: Đông La - Hoài Đức - Hà Tây
Chỗ ở hiện nay: 191/38 Lạc Long Quân - Hà Nội

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy đại học.
Nghiên cứu sinh tại Tiệp Khắc
Trưởng phòng Nghiệp vụ đo lường, Trung tâm Đo lường quốc gia - Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng.
Uỷ viên Ban chấp hành Hội Đo lường Việt Nam.
Thành viên Ban soạn thảo Tiêu chuẩn Việt Nam về đại lượng và đơn vị đo TC12; TC69.
Ban tư vấn kỹ thuật dự án quốc tế về xây dựng Trung tâm thử nghiệm vật liệu mới ACMET_APEC.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1983.
Tại Đại học Kỹ thuật Slovakia - Tiệp Khắc cũ.
Chuyên ngành Vật lý kỹ thuật.

Đề án luận án

Nghiên cứu ảnh hưởng tương tác điện từ đến từ tính của vật liệu sắt từ cấu trúc định hướng.

Nội dung

Vật liệu sắt từ mềm cấu trúc định hướng có nhiều ứng dụng trong kỹ thuật điện - điện tử. Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết các mô hình tương tác điện từ và bằng thực nghiệm khảo sát ảnh hưởng của các yếu tố công nghệ đến đặc trưng từ của vật liệu sắt từ đề xuất các giải pháp công nghệ cải thiện đặc tính từ của các vật liệu nói trên khi đưa vào ứng dụng. Kết quả đã đưa ra giải pháp công nghệ giảm tổn hao sắt từ trong công nghệ chế tạo máy biến áp điện lực.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:

Chương trình nghiên cứu khoa học đo lường 1986 - 1990 (phó chủ nhiệm).

Ảnh hưởng trường điện từ gần đến con người - đề tài thuộc chương trình Nhà nước (phó chủ nhiệm).

Nghiên cứu xây dựng văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam (chủ nhiệm - cấp Bộ).

Sách đã xuất bản (đồng tác giả):

Đo lường học và cơ sở kỹ thuật đo điện. Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng.

Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.



ĐÀM THỊ UYÊN

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 4 - 1 - 1969
Quê quán: Quốc Toản - Trà Lĩnh - Cao Bằng
Chỗ ở hiện nay: Tổ 8B - Hoàng Văn Thụ - Thành phố Thái Nguyên

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Lịch sử Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
Học thạc sĩ tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hiện công tác tại khoa Lịch sử, Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000
Tại Đại học Sư phạm Hà Nội.
Ngành Lịch sử.
Chuyên ngành Lịch sử cổ trung đại Việt Nam.

Đề tài luận án

Huyện Quảng Hoà (tỉnh Cao Bằng) từ khi thành lập đến giữa thế kỷ XIX.

Nội dung

Luận án là công trình nghiên cứu về Quảng Hoà trong giai đoạn lịch sử trung đại Việt Nam. Nội dung giải quyết các vấn đề:

Diễn biến duyên cách hành chính huyện Quảng Hoà từ khi thành lập dưới thời Lý (thế kỷ XI) tiếp nối qua các vương triều Trần, Lê, Nguyễn...
Tộc người và quá trình tộc người.
Chế độ ruộng đất, các loại hình kinh tế truyền thống.
Thiết chế chính trị - xã hội ở miền núi nói chung và Quảng Hoà nói riêng.
Văn hoá tộc người.
Cái chung và cái riêng trong hội nhập văn hoá địa phương.
Vai trò phên dậu quốc gia của các dân tộc ở Quảng Hoà trong thời phong kiến.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu:
Tổng lạc giáo qua tư liệu địa bạ 1805-1830.
Những bài viết đã công bố:
Nhà nước Lý - Trần với các tộc người biên giới phía Bắc.
Nguồn gốc lịch sử các dân tộc Tày, Nùng ở Việt Nam.
Tình hình sở hữu ruộng đất tổng Lực Nông, châu Quảng Uyên, Cao Bằng (cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX) qua địa bạ triều Nguyễn.
Sách đã xuất bản:
Chính sách dân tộc của các triều đại phong kiến Việt Nam (từ thế kỷ XI - XIX), Nxb Văn hoá Dân tộc.
Luận án Tiến sĩ đạt giải nhì do Hội khoa học Lịch sử Việt Nam và quỹ giải thưởng Phạm Thận Duật tặng năm 2000.

Dự định khoa học

Tiếp tục nghiên cứu: nguồn gốc lịch sử kinh tế, văn hoá, chính trị, xã hội của các tộc người thiểu số phía Bắc; đặc biệt là khu vực Đông Bắc.



ĐÀO THỊ UYÊN

Đào Tố Uyên

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 26 - 7 - 1952.
Quê quán: Cẩm Đình - Phúc Thọ - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 14/H2 - Tập thể Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Lịch sử - Đại học Sư phạm Hà Nội.
Thành viên Trung tâm nghiên cứu về phụ nữ - Đại học Sư phạm Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1991.
Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Chuyên ngành Lịch sử cổ trung đại Việt Nam.

Đề tài luận án

Công cuộc khẩn hoang thành lập huyện Kim Sơn (1829)

Nội dung

Khái quát tình hình kinh tế nông nghiệp và xã hội Việt Nam trong những năm nửa đầu thế kỷ XIX đã dẫn đến chủ trương khai hoang của Nguyễn Công Trứ.
Công cuộc khẩn hoang thành lập huyện Kim Sơn.
Vị trí địa lý, đặc điểm sinh thái của huyện Kim Sơn trước công cuộc khẩn hoang năm 1829. Các lực lượng tham gia khai hoang và công việc đào sông đắp đê, xây dựng hệ thống thuỷ nông.
Những thành quả của công cuộc khẩn hoang.

Thành tựu khoa học

Nhiều bài báo đăng trong các sách, tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học.
Chủ trì đề tài cấp Đại học Quốc gia:
Phụ nữ Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc.
Thư ký 3 đề tài cấp Bộ.
Tham gia 2 đề tài đặc biệt cấp Đại học Quốc gia. và một số đề tài khác.
Tham gia viết giáo trình:
Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến nay.
Nxb Đại học Quốc gia.
Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XI đến 1858.
Các nền văn minh lớn trên đất nước Việt Nam.
Nxb Giáo dục.
Công cuộc khẩn hoang thành lập huyện Kim Sơn (1829)
40 năm xây dựng và trưởng thành của ngành nông nghiệp thủ đô.
Tham gia biên soạn từ điển:
Thuật ngữ lịch sử phổ thông.
Từ điển các nghề thủ công truyền thống.

Dự định khoa học

Nghiên cứu lịch sử cổ trung đại Việt Nam.
Những đóng góp của phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.



LÊ THÀNH UYÊN

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 1 - 5 - 1936.
Mất ngày: 12 - 7 - 1993.
Quê quán: Nguyên Lý - Lý Nhân - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay của gia đình: 3A chợ Ngọc Hà - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy Đại học Y Hà Nội.
Trưởng phòng giáo vụ Trường Y sỹ trung cấp Nghệ An.
Thực tập sinh khoa học, Viện Dinh dưỡng Viện Hàn lâm Y học Liên Xô.
Chủ nhiệm bộ môn Sinh lý học, Trường Đại học Y Hà Nội.
Uỷ viên Hội đồng khoa học và giáo dục.
Hội đồng chức danh.
Hội đồng xét tặng danh hiệu nhà giáo nhân dân - ưu tú Đại học Y Hà Nội.
Tổng thư ký Hội Sinh lý học Việt Nam.
Hội viên Hội nghiên cứu các bệnh chuyển hoá và đái tháo đường các nước nói tiếng Pháp (ALFEDIAM).

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1981
Tại Đại học Y Hà Nội.
Ngành Y - Dược
Chuyên ngành Sinh lý học.

Đề tài luận án

Một số biến đổi sinh học ở động vật thực nghiệm ăn chế độ hàm lượng Protein thấp.

Nội dung

Trong tình trạng chế độ ăn có hàm lượng Protein thấp, cơ thể đã phản ứng thay đổi theo giai đoạn và các mức độ suy dinh dưỡng - Protein năng lượng ở trẻ em có thể là những giai đoạn khác nhau của phản ứng.
Luận án là tập hợp một số công trình thực nghiệm trên động vật từ năm 1968 - 1972 tại Viện dinh dưỡng Liên Xô và bộ môn Sinh lý trường Đại học Y Hà Nội.
Góp phần giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng Protein năng lượng ở trẻ em.
Theo dõi 14 chỉ số sinh học liên quan tới chuyển hoá Protein trong cơ thể và so sánh 2 lô bằng thuật toán thống kê y học. Luận án đã chỉ ra một số hướng nghiên cứu tiếp theo:
Phương pháp can thiệp vào chuyển hoá Protein trong phòng và chữa bệnh.
Xác định chỉ số cụ thể giữa các giai đoạn phản ứng.
Xác định sớm suy dinh dưỡng Protein năng lượng ở trẻ em.

Thành tựu khoa học

Gần 100 công trình nghiên cứu khoa học đã công bố trên các tạp chí Việt Nam, Liên Xô, Pháp...
Sách đã xuất bản:
Những vấn đề cơ sở sinh lý học của dinh dưỡng. Nxb Y học Hà Nội.
Đồng tác giả:
Hằng số sinh học người Việt Nam;
Chuyên đề sinh lý học.
Bài giảng sinh lý học.
Thực tập sinh lý học.
Một số thăm dò chức năng sinh lý học.
Những vấn đề hoá sinh dinh dưỡng động vật.
Về những thông số sinh học người Việt Nam.
Dịch và hiệu đính:
Sinh lý học của cấu tạo lưới.
Những vấn đề hoá sinh dinh dưỡng.
Dinh dưỡng cho người và gia súc.
Sinh lý hoá sinh động vật nhai lại.
Soạn 27 mục từ cho *Bách khoa toàn thư phổ thông.*
Huân chương chống Mỹ hạng nhì.
Huy chương Vì thế hệ trẻ
Chiến sĩ thi đua ngành y tế.
Nhiều bằng khen...
Được phong Giáo sư, Nhà giáo ưu tú năm 1991.



NGUYỄN TRỌNG UYÊN

Nguyễn Quyền

Tiến sĩ Địa lý

Sinh ngày: 26 - 4 - 1930
Quê quán: Xuân Phương - Từ Liêm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 11 Điện Biên Phủ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Hoá - Sinh - Địa, Đại học Sư phạm Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy địa lý Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Lêningrat Liên Xô cũ.
Phó Vụ trưởng, Trưởng ban, chuyên viên cao cấp, Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước.
Uỷ viên Hội đồng Trung ương Hội Địa lý Việt Nam khoá I.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972
Tại Đại học Tổng hợp Quốc gia Giơđanôva - Liên Xô cũ.

Đề tài luận án

Kinh tế nông nghiệp nước Cộng hoà tự trị Apkhadia và những vấn đề cơ sở phát triển của nó.

Nội dung

Nước Cộng hoà tự trị Apkhadia nằm trong nước Cộng hoà Grudia, thuộc vùng ngoài dãy núi Cápcadơ sát bờ biển Đen. Apkhadia hình thành ba vùng tự nhiên là núi, trước núi và bờ biển, thấp dần từ đỉnh dãy Capcadơ ra bờ biển. Rừng núi chiếm 55%. Ngoài hai sông lớn (Côđôri và Bdưv) có nhiều suối chảy từ đỉnh núi xuống. Apkhadia nằm trong vùng khí hậu Á nhiệt đới ẩm. Sự tác động qua lại giữa khí hậu, địa hình đất đai tạo nên một lớp thổ nhưỡng dày, phong hoá, phù hợp với những tập đoàn cây trồng Á nhiệt đới ẩm và vật nuôi thích ứng. Cây trồng chính: chè, trẩu, thuốc lá, cây có dầu, nho, cây có múi, ngô và các cây Á nhiệt đới ẩm khác. Một số cây đã trở thành nguyên liệu tại chỗ cho ngành chế biến công nghiệp nhẹ.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài cấp Nhà nước:
Dự án phân vùng kinh tế lớn của Việt Nam.
Đánh giá kinh tế tổng hợp tài nguyên thiên nhiên.
Đánh giá khả năng khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên Việt Nam phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.
Tham gia đề tài "Gợi ý sơ bộ về phương hướng kế hoạch dài hạn cho phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2005 của nước Cộng hoà nhân dân Campuchia".
Chủ biên tập bản đồ: *Việt Nam tài nguyên thiên nhiên - kinh tế - xã hội*. Tỉ lệ 1/1.500.000.



NGUYỄN NGỌC UYỂN

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 1 - 5 - 1935.
Quê quán: Thị xã Ninh Giang - Hải Dương
Chỗ ở hiện nay: Tân Thành - Kiến Thụy - Hải Phòng

Quá trình công tác

Tổ trưởng Nghiên cứu khoa học - Trạm nghiên cứu nuôi thuỷ sản nước ngọt.
Nghiên cứu sinh ở Liên Xô cũ.
Trưởng phòng Nghiên cứu, Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học kỹ thuật. Viện Nghiên cứu nuôi trồng thuỷ sản nước lợ.
Trưởng đoàn chuyên gia Việt Nam hợp tác với UNDP thực hiện dự án VIE 76 tại miền Bắc Việt Nam.
Thành viên Hội Động vật Việt Nam.
Hội Sinh học Hải Phòng.
Hội đồng Khoa học kỹ thuật thủy sản miền Trung.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1971
Tại Liên Xô cũ

Đề tài luận án

Những sản phẩm chuyển hoá và ảnh hưởng đến môi trường sống của cá.

Nội dung

Nghiên cứu một số sản phẩm chuyển hoá của cá và ảnh hưởng đến môi trường sống của cá và TSV khác (nhằm áp dụng cho nghề nuôi cá cao sản, và hạn chế sự nhiễm bẩn do nghề nuôi cá gây ra).

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu sản xuất thức ăn cho tôm biển.
Kỹ thuật nuôi tôm rảo nước lợ.
Thức ăn và sinh trưởng của tôm he, tôm rảo, tôm sú, tôm nương.
Ứng dụng kỹ thuật nuôi tôm rảo tại Thái Bình.
Huy chương Vì sự nghiệp phát triển nghề cá.



TRỊNH HỮU VÁCH

Tiến sĩ Sinh học

Sinh ngày: 3 - 2 - 1953.
Quê quán: Yên Trường - Yên Định - Thanh Hoá.
Chỗ ở hiện nay: 9/43/17 Kim Đồng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Giảng viên Trường Đại học Y Thái Bình.
Nghiên cứu sinh Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Thực tập sinh tại Đại học Tổng hợp Maxtcơva, Liên Xô cũ.
Hiện là Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu dân số và sức khoẻ nông thôn, kiêm Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng cấp nước và vệ sinh môi trường, Trường Đại học Y Thái Bình.
Thành viên Hội Hình thái học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.

Tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Ngành sinh học.
Chuyên ngành Nhân học.

Đề tài luận án

Góp phần nghiên cứu đặc điểm hình thái thể lực người Việt lứa tuổi trưởng thành.

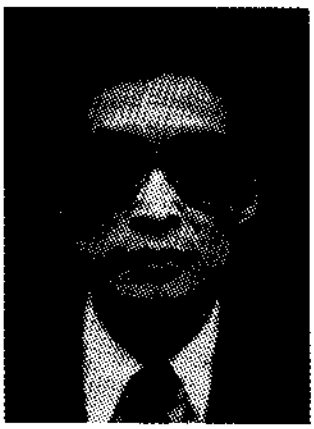
Nội dung

Nghiên cứu 5.642 người Việt, Chill, Mường ở các vùng sinh thái khác nhau. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và điều kiện lao động của các nhóm dân cư.
Sử dụng toán thống kê sinh học để phân tích và đưa ra kết luận:
Các số đo hình thái, thể lực người Việt đạt cao nhất ở nhóm tuổi 26 - 40 hoặc 18 - 25, rồi giảm dần theo tuổi. Cân nặng và các kích thước vòng cơ thể giảm nhanh ở lớp tuổi sau 40.
Các số đo hình thái, thể lực của người Việt nhỏ hơn người Chill, người Mường ở nhóm tuổi 18 - 40, nhưng lại cao hơn ở nhóm tuổi trên 55.
So với thế giới người Việt Nam thuộc loại thấp bé, nhẹ cân.
Lao động của cư dân Việt Nam chủ yếu là thủ công, nặng nhọc, tiêu hao năng lượng cơ bắp lớn, điều kiện ăn uống thiếu cả lượng và chất dinh dưỡng. Điều đó đã ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của người Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Hướng dẫn tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ y học.
Chủ trì các đề tài nghiên cứu:
Thiết kế mẫu công trình vệ sinh trường học.
Nghiên cứu giảm giá thành công trình vệ sinh trường học.
Đánh giá hệ thống công trình vệ sinh trường học.
Đánh giá chất lượng nước sinh hoạt ở nông thôn Việt Nam.
Huy động cộng đồng tham gia chương trình vệ sinh môi trường ở huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình.
Chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình ở tỉnh Thái Bình.
Điều tra cơ bản về vệ sinh môi trường ở 10 tỉnh của Việt Nam.
Đánh giá chương trình bảo vệ bà mẹ trẻ em kế hoạch hoá gia đình tại hai huyện tỉnh Vĩnh Phú.
Giám sát tính an toàn lâu dài việc đặt quinacrine qua cổ tử cung gây tắc ống dẫn.
Tử vong mẹ ở Việt Nam.
Ảnh hưởng của vệ sinh môi trường lên sức khoẻ người dân.
Hiệu quả về mặt sức khoẻ và kinh tế việc sử dụng test thử thai trong dịch vụ kế hoạch hoá gia đình ở Việt Nam.
Sức khoẻ vị thành niên ở 5 tỉnh của Việt Nam.
Hiệu quả can thiệp phòng chống giun bằng biện pháp vệ sinh môi trường và điều trị ở đồng bằng sông Hồng.
Nghiên cứu dọc tai biến do nạo thai tại Nam Định và Thái Bình.
Thực trạng và vai trò của đội bảo vệ bà mẹ trẻ em, kế hoạch hoá gia đình và y tế thôn bản ở tỉnh Hà Giang và Yên Bái.
Hỗ trợ kỹ thuật cho chương trình vệ sinh môi trường do UNICEF tài trợ.

Sách đã xuất bản:
Đồng tác giả
Mấy vấn đề về y sinh học phụ nữ nông thôn Việt Nam. Nxb Nông nghiệp.
Ruồi gần người, muỗi truyền xuất huyết và các biện pháp phòng chống.
Tử vong mẹ ở Việt Nam. Nxb Y học.



NGUYỄN TRUNG VÃN

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 15 - 7 - 1946.
Quê quán: Cẩm Giàng - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: Nhà 99 - Tập thể Đại học Ngoại thương - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội.
Giáo viên khoa Nghiệp vụ Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội.
Thực tập sinh khoa học Trường Quan hệ quốc tế Matxcơva, Liên Xô cũ.
Giảng viên khoa Kinh tế ngoại thương Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội.
Trưởng ban vận động thành lập Hội Từ thiện nạn nhân chiến tranh, Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.

Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
Chuyên ngành Kinh tế quản lý - Kế hoạch hoá kinh tế quốc dân.

Đề tài luận án

Phát triển sản xuất lúa và những giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh xuất khẩu gạo của Việt Nam.

Nội dung

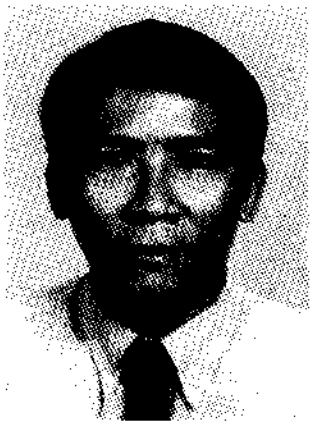
Lý giải 3 cơ sở khoa học chủ yếu cho việc đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu gạo của Việt Nam (Vị trí của lúa gạo trong nền kinh tế thế giới và Việt Nam; mức nhập khẩu gạo của thị trường thế giới; sự cần thiết phải xuất khẩu gạo của Việt Nam).
Kiểm chứng khả năng thực tế ở trong nước bằng việc phân tích đánh giá toàn diện thực trạng sản xuất và xuất khẩu gạo của Việt Nam qua các thời kỳ, đặc biệt từ 1989 - 1996.
Các định hướng và giải pháp chủ yếu để đảm bảo tính khả thi cho việc đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu gạo của Việt Nam thời kỳ 1997 - 2010.

Thành tựu khoa học

Chủ trì đề tài:
Xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tình hình an ninh lương thực quốc gia và toàn cầu.
Sách đã xuất bản:
Lúa gạo Việt Nam thời đổi mới hướng xuất khẩu.
Nxb Chính trị quốc gia.
Vấn đề định hướng và giải pháp xuất khẩu gạo của Việt Nam.
Trên 40 bài đăng trên các báo, tạp chí.

Dự định khoa học

Nghiên cứu nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng dệt may xuất khẩu Việt Nam.
Định hướng phát triển sản xuất và xuất khẩu dầu khí của Việt Nam đến năm 2020.
Giải pháp khai thông cà phê xuất khẩu của Việt Nam trước biến động thu hẹp của thị trường cà phê thế giới.
Viết giáo trình:
Marketing quốc tế.
Quản trị Marketing quốc tế.



PHẠM HÙNG VÂN

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 18 - 10 - 1953.
Quê quán: Duy Xuyên - Quảng Nam.
Chỗ ở hiện nay: 69 Châu Văn Liêm - Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Đại học Y khoa.

Cán bộ giảng dạy bộ môn Vi sinh, khoa Y.

Phó phòng thí nghiệm Y sinh học.

Hiện là Tổ trưởng tổ bộ môn Vi sinh, khoa Điều dưỡng và kỹ thuật y học, Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.

Hội viên Hiệp Hội Vi sinh Hoa Kỳ.

Thành viên Mạng Á Châu nghiên cứu tác nhân vi khuẩn kháng kháng sinh.

Hội đồng Tham vấn quốc tế của tổ chức Châu Á Thái Bình Dương nghiên cứu bệnh nhiễm trùng.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.

Tại Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Vệ sinh dịch tễ.

Đề tài luận án

Chế tạo thuốc thử hoá miễn dịch để phát hiện nhanh các vi khuẩn thường gây viêm màng não mủ.

Nội dung

Bằng các kỹ thuật miễn dịch học, tác giả đã chế tạo thành công bộ thuốc thử hoá miễn dịch phát hiện nhanh các vi khuẩn thường gây viêm màng não mủ (VMNM), một bệnh lý nhiễm trùng rất nguy hiểm. Bộ thuốc thử hoá miễn dịch hoạt động theo nguyên tắc phản ứng tụ latex, đồng tụ, hay miễn dịch đối lưu nhằm phát hiện kháng nguyên hoà tan của vi khuẩn gây bệnh có mặt trong bệnh phẩm thử nghiệm là dịch não tuỷ bệnh nhân. Bộ thuốc thử hoá miễn dịch hoạt động theo nguyên tắc tụ latex có độ nhạy cảm và độ đặc hiệu cao nhất: > 95%. Bộ thuốc thử hoá miễn dịch này cũng rất hữu dụng trong các trường hợp VMNM đã điều trị kháng sinh dang dở trước khi bệnh nhân nhập viện. Giá thành rẻ hơn các bộ thuốc thử nhập ngoại nhiều lần.

Thành tựu khoa học

Công trình nghiên cứu:
Chế tạo các bộ xét nghiệm vi sinh áp dụng trong các phòng thí nghiệm vi sinh lâm sàng (cấp Bộ).
Công trình khoa học đã ứng dụng:
MENINGITEX, bộ thuốc thử hoá miễn dịch giúp phát hiện nhanh các vi khuẩn thường gây bệnh viêm màng não mủ.
Chế tạo các bộ xét nghiệm vi sinh dùng trong các phòng thí nghiệm vi sinh lâm sàng tại các tuyến điều trị.
IDP GNR, phần mềm giúp định danh, hướng dẫn định danh các trực khuẩn Gram [-] và giúp trả lời, quản lý các kết quả xét nghiệm vi sinh lâm sàng.
Áp dụng thử nghiệm PCR và RT-PCR thành thường qui chẩn đoán phát hiện các tác nhân vi sinh vật gây bệnh trong các bệnh phẩm khác nhau.
Giải nhì hội nghị khoa học và sáng tạo tuổi trẻ các trường đại học y dược toàn quốc lần thứ II.
Giải B hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh năm 1995.
Huy chương Vì thế hệ trẻ.

Dự định khoa học

Phát triển và hoàn thiện xét nghiệm vi sinh lâm sàng.
Tham gia xây dựng một công ty công nghệ sinh học.



PHẠM THỊ KHÁNH VÂN

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày 23 - 3 - 1956.
Quê quán: Hải Phòng.
Chỗ ở hiện nay: 101 Yên Phụ - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học y tại Ôđetxa, Liên Xô cũ.
Bác sĩ, cán bộ giảng dạy tại bộ môn Mắt, Trường Đại học Y Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp Y, Matxcơva, Cộng hoà Nga.
Bác sĩ, giảng viên chính bộ môn Mắt, Trường Đại học Y Hà Nội.
Hội viên Hội Nhãn khoa Việt Nam.
Hội Hữu nghị Việt - Nga thành phố Hà Nội.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1994.

Tại Trường Đại học Tổng hợp Y Matxcơva, Liên Xô cũ.
Ngành Y khoa.
Chuyên ngành Nhãn khoa.

Đề tài luận án

Điều trị bệnh cận thị nặng tiến triển bằng ghép đột củng mạc bằng collagen phối hợp đưa thuốc vào sau nhãn cầu.

Nội dung

Cận thị là một trong những nguyên nhân gây mù loà, đặc biệt là cận thị nặng tiến triển có tổn hại ở đáy mắt.

Có nhiều phương pháp điều trị ghép củng mạc với những chất liệu khác nhau (củng mạc tử thi, cân cơ đùi, màng não cứng, collagen...) để củng cố củng mạc, rút ngắn trục nhãn cầu ngăn ngừa sự tiến triển của cận thị và làm tốt hơn chức năng dinh dưỡng của mắt cận thị.
Nghiên cứu 78 bệnh nhân (154 mắt), từ 16 đến 24 tuổi cận thị nặng tiến triển, nhóm 1 - 26 bệnh nhân (50 mắt) điều trị bằng phẫu thuật ghép đột củng mạc bằng collagen phối hợp đưa thuốc vào sau nhãn cầu. nhóm 2 - 32 bệnh nhân (64 mắt) điều trị bằng phẫu thuật ghép đột củng mạc bằng collagen đơn thuần. Nhóm 3 - 20 bệnh nhân (40 mắt) được điều trị nội khoa. Trong và sau phẫu thuật không xảy ra biến chứng gì đáng kể.
Kết quả phẫu thuật: 80% bệnh nhân thị lực tăng, độ cận thị ổn định ở 96% số bệnh nhân sau 1 - 2 năm theo dõi, thị trường trung tâm và chu biên được mở rộng, các chỉ số về điện sinh lý chức năng của võng mạc tốt hơn. Chỉ số khúc xạ giảm từ 1,0 đến 4,0dp. Và giữ nguyên sau 1 - 2 năm theo dõi.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố ở Nga:
Mối liên quan của các đặc tính của góc tiền phòng trong bệnh cận thị.
Các chỉ số về thị trường (thị trường kế Humphury) ở bệnh nhân cận thị nặng tiến triển sau điều trị bằng điều trị phẫu thuật ghép đột củng mạc
Ở Trong nước:
Ghép đắp củng mạc bằng collagen trong điều trị cận thị nặng tiến triển.
Nghiên cứu sử dụng vạt màng xương trong phẫu thuật nối thông túi lệ mũi.
Lợi ích và chỉ định đặt ống silicon trong điều trị tắc lệ đạo.
Nhận xét tình hình bệnh mắt trong công nhân một số xí nghiệp, nhà máy ở Hà Nội.
Điều trị mộng bằng phẫu thuật ghép kết mạc tự thân phối hợp áp Mitomycin C.
Sách đã xuất bản:
Mắt, tai, mũi, họng - Răng - hàm - mặt. (phần: chẩn đoán các nguyên nhân đỏ mắt, các viêm kết mạc; *Chẩn đoán nguyên nhân mờ mắt; viêm và loét giác mạc.* Nxb Y học.

Dự định khoa học

Nghiên cứu điều trị các bệnh về mắt.



TRẦN THANH VÂN

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 5 - 5 - 1964.
Quê quán: Thành phố Thái Nguyên.
Chỗ ở hiện nay
Thịnh Đán - Thành phố Thái Nguyên.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Nông nghiệp, ngành Chăn nuôi thú y.
Phó trưởng trại thực tập thí nghiệm, Trường Đại học Nông nghiệp 3.
Giảng viên khoa Chăn nuôi thú y, Trường Đại học Nông nghiệp 3.
Nghiên cứu sinh tại Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.
Hiện là Trưởng bộ môn Chăn nuôi tiểu gia súc - động vật, khoa Chăn nuôi thú y, Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.
Hội viên Hội Chăn nuôi Việt Nam.
Hội Thú y Việt Nam.
Hội Khoa học gia cầm thế giới.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998.

Tại Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.
Chuyên ngành Chăn nuôi động vật nông nghiệp.

Đề tài luận án

Nghiên cứu khả năng sản xuất của vịt Khakicampbell và vịt lai F_1 (Khakicampbell x Cỏ) nuôi chăn thả tại Thái Nguyên.

Nội dung

Xác định đặc điểm sản xuất của vịt khakicampbell nuôi chăn thả ở khu vực trung du miền núi phía Bắc.

Xác định đặc điểm sản xuất của vịt lai F_1 (cái khakicampbell x đực cỏ) và F_1 (cái cỏ x đực khakicampbell) nuôi chăn thả.

So sánh sức sản xuất của vịt khakicampbell, con lai F_1 của nó với vịt cỏ cánh sẻ và vịt cỏ cánh sẻ thuần nuôi chăn thả tại Thái Nguyên.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:

Nghiên cứu và phát triển chăn nuôi vịt ở Việt Nam. (thành viên - cấp Nhà nước).

Phát triển chăn nuôi vịt chuyên trứng khakicampbell ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam (chủ trì - cấp Bộ).

Chủ trì nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường và tham gia một số đề tài nghiên cứu cấp Bộ.

Sách đã xuất bản (đồng tác giả):

Chăn nuôi gia cầm. Nxb Nông nghiệp.

Bệnh phổ biến ở gà và cách phòng trị.
Nxb Văn hoá - Thông tin.

Dự định khoa học

Nghiên cứu ứng dụng phát triển chăn nuôi gia súc - gia cầm ở trung du, miền núi phía Bắc.



CHU VĂN VỆ

Tiến sĩ Kỹ thuật

Sinh ngày: 18 - 1 - 1950.
Quê quán: Yên Tân - Ý Yên - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 134 Quan Nhân - Thanh Xuân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Làm việc tại Trung tâm thông tin vi ba Tổng cục Bưu điện.
Trưởng Trung tâm Chuyển mạch quốc tế Hà Nội.
Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó giám đốc Trung tâm Viễn thông quốc tế khu vực 1.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000.
Tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
Ngành Kỹ thuật thông tin vi tính, phát thanh và vô tuyến truyền hình.

Đề tài luận án

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin vệ tinh quốc tế Việt Nam.

Nội dung

Nghiên cứu năng lượng đường truyền dẫn vệ tinh quy trình tính năng lượng đường truyền vệ tinh và các yếu tố ảnh hưởng. Nghiên cứu các ảnh hưởng của suy hao do mưa và đưa ra dự trữ năng lượng đường truyền cho thông tin vệ tinh quốc tế hiện nay và nội địa sau này, tối ưu công xuất bộ phát đáp trên vệ tinh cho vệ tinh riêng của Việt Nam (VinaSat). Nghiên cứu đo nhiệt tạp âm anten trạm mặt đất thông tin vệ tinh ở Việt Nam.

$T_{ac}(\theta) = 21 + \frac{200}{\theta}$ (trong đó θ là góc ngẩng anten)

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:

Đề tài cấp Nhà nước 38-02.

Nghiên cứu xác định nhiệt tạp âm anten trạm mặt đất thông tin vệ tinh ở băng tần C, Ku và băng X ở Việt Nam. (cấp ngành).

Nghiên cứu xây dựng phương pháp thẩm định và đề xuất với nhà nước phương án phóng vệ tinh riêng của Việt Nam. (cấp Nhà nước).

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến năng lượng đường truyền vệ tinh ở băng tần 18 - 20GHz.

Nghiên cứu điện thoại truyền bằng thủ tục Internet (IP) qua vệ tinh.



NGUYỄN HỮU VIÊM

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 1 - 8 - 1949.
Quê quán: Vũ Thư - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: Jana Pawla 64/8 - 00-170 - Vacxava, Cộng hoà Ba Lan.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Giao thông vận tải.
Nghiên cứu sinh tại Cộng hoà Ba Lan.
Chủ nhiệm bộ môn Cơ học lý thuyết, khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Giao thông vận tải.
Cán bộ nghiên cứu tại Viện các vấn đề khoa học cơ bản trong kỹ thuật, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Ba Lan, Swietokrzyska, Vacxava.
Giáo sư bộ môn Cơ học, khoa Xây dựng, Trường Đại học Bách khoa Lublin, Hà Lan.
Hội viên Hội Cơ học Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984.
Tiến sĩ Khoa học năm 2000.
Tại Viện các vấn đề cơ bản trong khoa học kỹ thuật, Viện Hàn lâm Khoa học Ba Lan, Swietokrzyska, Vacxava.
Ngành Cơ học.
Chuyên ngành Cơ học vật rắn biến dạng.

Đề tài luận án

Các sóng gia tốc đẳng nhiệt và đoạn nhiệt trong môi trường đàn-dẻo với biến dạng lớn.

Luận án Tiến sĩ Khoa học

Tác dụng tương hỗ cơ-nhiệt trong quá trình biến dạng lớn đàn-dẻo của kim loại.

Nội dung

Đề tài luận án liên quan đến các tác dụng tương hỗ cơ-nhiệt trong quá trình biến dạng lớn đàn-dẻo của kim loại dưới áp suất cao. Áp suất lớn sẽ làm nảy sinh một số vấn đề mới. Trước hết, không chỉ thành phần biến dạng dẻo là hữu hạn mà cả thành phần biến dạng đàn hồi cũng vậy. Điểm thứ hai là các đặc trưng cơ học của vật liệu lúc này thay đổi phụ thuộc vào áp lực. Ngoài ra, khi đó có thể xảy ra việc thay đổi cấu trúc của vật liệu. Các quá trình như vậy thường gặp khi gia công áp lực kim loại, chế tạo các vật liệu mới bằng phương pháp nén nổ dưới áp lực cao v.v... Để giải quyết vấn đề này tác giả đã xây dựng một mô hình cơ-nhiệt của vật thể đàn-dẻo với biến dạng lớn, trong điều kiện áp lực cao, sau đó áp dụng mô hình lý thuyết này vào giải một số bài toán động lực học.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu và trao đổi khoa học tại Pháp, Bungari
Giảng bài tại Đại học Bách khoa Lublin, Viện Hàn lâm khoa học Ba Lan.
Báo cáo ở nhiều hội nghị khoa học quốc tế, nhiều công trình công bố ở nước ngoài.
Tham gia viết các giáo trình:
Cơ học lý thuyết.
Bài tập cơ học lý thuyết.
Phép tính ten-xơ và tooc-xơ.
Cơ học môi trường liên tục.

Dự định khoa học

Giảng dạy, nghiên cứu và hướng dẫn nghiên cứu sinh.

Lời Tiến sĩ

Tôi vui mừng khi nước ta có một lớp trẻ tài năng. Nếu được đào tạo tốt và điều kiện làm việc hợp lý thì đất nước sẽ có những thay đổi đáng kể.



VŨ VĂN VIÊN

Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 15 - 10 - 1952.
Quê quán: Yên Mô - Ninh Bình
Chỗ ở hiện nay: 107/C2 - Tập thể Tân Mai - Hà Nội.

Quá trình công tác

Công tác tại Viện Triết học; Nghiên cứu sinh tại Liên Xô; Phó trưởng phòng Duy vật biện chứng; Trưởng phòng Logic học; Thư ký hội đồng khoa học Viện Triết học; Hiện là Phó viện trưởng Viện triết học; Được phong Phó Giáo sư năm 1996

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986

Tại Viện Triết học - Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô. Ngành Triết học. Chuyên ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Đề tài luận án

Cấu trúc và các chức năng của các lý thuyết khoa học.

Nội dung

Chức năng cơ bản của các lý thuyết khoa học mô tả hệ thống hoá, thông tin, giải thích, tiên đoán. Các cách tiếp cận đối với việc phân tích cấu trúc của các lý thuyết khoa học như: cách tiếp cận tiên đề, cách tiếp cận giả thuyết - diễn dịch; mối quan hệ giữa cấu trúc và các chức năng cơ bản.
Các lý thuyết khoa học, cấu trúc toán học và cấu trúc khoa học kinh nghiệm. Phân tích 3 loại cấu trúc toán học cơ bản: cấu trúc đại số, cấu trúc thứ tự, cấu trúc tôpô, và các cấu trúc dẫn xuất (sinh thành). Một số nguyên tắc gợi mở cơ bản trong quá trình xây dựng các lý thuyết khoa học mới.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Sự tiến triển của phong cách tư duy khoa học tự nhiên; Sự thống nhất giữa khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật; Một số khía cạnh logic - phương pháp luận trong việc xây dựng lý thuyết khoa học mới; Phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể trong việc phân tích sự tương tác giữa các khoa học; Tương tác giữa các khoa học và tiến bộ khoa học - kỹ thuật, tiến bộ kinh tế - xã hội; Khủng hoảng nghịch lý và một số bài học về nhận thức khoa học; Về khả năng thông qua một hình thái kinh tế - xã hội; Đẩy mạnh sự tương tác, liên kết giữa các khoa học trong sự nghiệp đổi mới; Liên kết khoa học, kỹ thuật và sản xuất là động lực quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và khoa học - kỹ thuật: Logic học hình thức và tư duy chính xác; Góp phần làm rõ quan niệm về logic học hình thức và logic biện chứng; Rèn luyện và nâng cao năng lực tư duy khoa học trong sinh viên, học sinh; Vấn đề khắc phục thực trạng yếu kém của ngành logic học; Suy nghĩ về những định hướng lớn trong nghiên cứu và giảng dạy logic học; Vấn đề thực chất của tư duy khoa học; Sự chuyển đổi mô hình kinh tế ở nước ta hiện nay và quan niệm của Mác về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; Đôi điều suy nghĩ về quá trình xây dựng của giả thuyết khoa học; Vấn đề đào tạo phương pháp luận cho nghiên cứu sinh khoa học xã hội; Về quá trình khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp; Quan niệm của Kant về bản chất của nhận thức; Biên soạn 80 từ trong *Từ điển Bách khoa*. Nxb Khoa học xã hội; Giả thuyết với tư cách là hình thức phát triển tri thức khoa học; Thực hiện các chuyên đề: Về khả năng đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa; Tri thức và việc phát huy tính tích cực của con người; Tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan (trong đề tài cấp Nhà nước); Học thuyết Atinomia và logic tiên nghiệm của Kant; Để khoa học phát huy được vai trò động lực của mình trong sự phát triển kinh tế - xã hội; *Triết học Arixtốt*. Nxb Khoa học xã hội; Vấn đề chính xác hoá các quy luật cơ bản của logic hình thức; Sự hình thành và phát triển của khái niệm; Một số vấn đề cơ bản của logic nghiên cứu khoa học; Logic mệnh đề và ý nghĩa nhận thức của nó.

Dự định khoa học: Nghiên cứu triết học.



NGUYỄN NGÔ VIỆT

Mai Việt, Việt Hưng

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 29 - 11 - 1955.
Quê quán: Đức Sơn - Anh Sơn - Nghệ An
Chỗ ở hiện nay: 71 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp toán Trường Đại học Tổng hợp Kossuth Lajos, Debrecen, Hungari.
Cán bộ nghiên cứu, Viện Kinh tế bưu điện, Tổng cục Bưu điện.
Tốt nghiệp Đại học Kỹ thuật thông tin liên lạc.
Nghiên cứu sinh ở Hungari.
Bị tai nạn và sau khi điều trị phải ngồi xe đẩy từ đó tới nay.
Làm hợp đồng cho Hội đồng chính phủ, Bộ Tài chính và Tổng công ty Bưu chính Viễn thông.
Làm việc tại Viện Kinh tế bưu điện, Học viện công nghệ Bưu chính Viễn thông, Tổng công ty Bưu chính Viễn thông.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1993

Tại Viện Hàn lâm Khoa học Hungari
Ngành Kinh tế
Chuyên ngành Kinh tế bưu điện.

Đề tài luận án

Chính sách giá cước viễn thông

Nội dung

Nghiên cứu cơ sở xây dựng chính sách giá cước viễn thông, đặc biệt chú trọng đến các yếu tố thị trường.
Góp phần làm giàu lý thuyết kinh tế viễn thông và lý thuyết các ngành cơ sở hạ tầng.
Kết quả nghiên cứu đã làm sáng tỏ các nội dung:
Ý nghĩa và khả năng áp dụng các lý thuyết thị trường.
Vai trò của các thị trường có thể tấn công trong quản lý thị tường viễn thông.
Khái niệm về độc quyền tự nhiên và sự tồn tại của nó.
Các tình huống cạnh tranh trong viễn thông.
Nhu cầu quản lý viễn thông xuất phát từ khái niệm dịch vụ phổ cập.
Các khía cạnh lựa chọn mô hình quản lý giá cước.
Tự do đầu tư là một yếu tố quan trọng của việc xây dựng thị trường.
Cước dựa trên chi phí giá thành.
Sự cần thiết phải có các cơ cấu giá cước linh hoạt.
Sự phát triển mạng viễn thông ở các nước đang phát triển là một nhiệm vụ chưa từng có trong lịch sử.

Thành tựu khoa học

Tham gia chương trình: Quy hoạch mạng lưới bưu chính viễn thông 38.06.
Sách đã xuất bản (biên soạn, biên dịch và hiệu đính).
Hệ thống thông tin quang/vô tuyến. Nxb Thanh niên.
Tiếng Việt nâng cao cho người nước ngoài.
Nxb Giáo dục.
Hệ thống tính cước và chăm sóc khách hàng.
Các xu thế hiện tại của viễn thông thế giới.
Intranet, một công cụ quản lý mới.
Vai trò của viễn thông trong phát triển kinh tế.
Kết nối toàn cầu - cơ sở hạ tầng viễn thông quốc tế và chính sách.
Kinh tế Internet.
Sổ tay quản lý viễn thông. Nxb Bưu điện.
Kinh tế chính trị và cuộc cách mạng truyền thông toàn cầu (Bộ khoa học công nghệ và môi trường - chương trình điện tử tin học).
Sẽ xuất bản:
Cạnh tranh trong viễn thông.
Định giá cước viễn thông - lý thuyết và thực tiễn (Trung tâm thông tin bưu điện).
Marketing chiến lược trong viễn thông.
Kế hoạch hoá viễn thông.

Dự định khoa học

Nghiên cứu kinh tế bưu điện.

Lời Tiến sĩ

Đất nước cần dân chủ thực sự. Có dân chủ thực sự thì mọi vấn đề sẽ được giải quyết một cách dễ dàng và minh bạch.



NGUYỄN VĂN VIỆT

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 4 - 10 - 1948.
Quê quán: Bắc Ninh.
Chỗ ở hiện nay: Số 4 tổ 37 Khương Thượng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ Viện Công nghiệp Thực phẩm.
Nghiên cứu sinh tại Đại học Lômônôxốp, Liên Xô cũ.
Chủ nhiệm bộ môn Thực phẩm, Đồ uống.
Phó Viện trưởng Viện Công nghiệp Thực phẩm.
Hiện là Viện trưởng Viện nghiên cứu Rượu Bia nước giải khát. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Rượu Bia nước giải khát Việt Nam.
Chủ tịch Hiệp hội Rượu Bia nước giải khát Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Hiệp hội Bia châu Á - Thái Bình Dương

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1982

Tại Đại học Tổng hợp Lômônôxốp, Liên Xô cũ.
Ngành Hoá học
Chuyên ngành Hoá sinh

Đề tài luận án

Các quá trình động học thuỷ phân xenluloza bằng anzym trong thiết bị phản ứng dạng cột.

Nội dung

Nghiên cứu động học quá trình thuỷ phân xenluloza để thu nhận glucoza bằng các chế phẩm enzym vi sinh vật từ các chủng G. Candidum, Asp. Foetidus, Rapidas... Xác định được cơ chế kết hợp giữa enzym và cơ chất. Đã tiến hành quá trình thuỷ phân xenluloza bằng phương pháp cố định các chế phẩm enzym xenlulaza trong thiết bị phản ứng dạng cột. Kết quả xác định được hai kiểu kết hợp giữa enzym và cơ chất. Trong quá trình thuỷ phân xenluloza, nếu kết hợp cả hai kiểu liên kết đó thì hiệu suất chuyển hoá đạt trên 70% và glucoza đạt trên 90% trong tổng hàm lượng đường.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm các đề tài, dự án.
Xây dựng mô hình tổ chức và trang bị kỹ thuật trạm chế biến lương thực thực phẩm phục vụ bữa ăn.
Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất bia.
Nghiên cứu sử dụng Maltto - Dextrin trong sản xuất thức ăn trẻ em.
Công nghệ xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học.
Dự án: chuyển giao công nghệ xử lý nước thải và trình diễn sản xuất sạch (hợp tác với Úc, Asean).
Nghiên cứu sản xuất chế phẩm α-amylase quy mô công nghiệp.
Nghiên cứu sử dụng chế phẩm enzym trong sản xuất bia.
Chế biến sử dụng ngô trong sản xuất bia.
Sưu tập, lưu giữ các loại chủng giống men bia và enzym công nghiệp thực phẩm.
Nghiên cứu nâng cao chất lượng bia địa phương.
Sản xuất bia và nước giải khát hương bia sử dụng giống nấm men đặc chủng.
Sản xuất thử nghiệm sử dụng nguyên liệu thay thế 40% malt trong sản xuất bia.
Nghiên cứu đánh giá và sử dụng các loại Malt để sản xuất bia chất lượng cao.
Giải thưởng khoa học VIFOTEC năm 1997.
Bằng khen của Chính phủ và nhiều bằng khen khác.
Bằng lao động sáng tạo.

Dự định khoa học

Áp dụng công nghệ sinh học tạo các chủng giống men mới. Ứng dụng các chế phẩm enzym trong sản xuất bia, nước giải khát để thay thế nguyên liệu nhập ngoại.



PHẠM HÙNG VIỆT

Tiến sĩ Hoá học

Sinh ngày: 1 - 8 - 1953.
Quê quán: Bái Dương - Nam Trực - Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: 125D Lò Đúc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Hoá kỹ thuật và môi trường.
Trưởng phòng Thí nghiệm khoa học Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Hiện là Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu công nghệ môi trường và phát triển bền vững, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội; Được phong Phó Giáo sư năm 1996; Uỷ viên Ban chấp hành Hội Khoa học kỹ thuật phân tích hoá-lý-sinh học Việt Nam.
Hội viên: Hội Hoá học Việt Nam; Hội Hoá học Mỹ, Đức; Hiệp hội nước quốc tế; Liên hiệp Hội môi trường nước của Mỹ; Hội Độc chất học và hoá học môi trường Châu Âu; Hội Địa hoá và Y học môi trường quốc tế.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.

Tại Đại học Kỹ thuật Zurich, Thụy Sĩ. Ngành Hoá học.

Đề tài luận án

Nghiên cứu tương tác phân tử của các hợp chất cơ thiếc với Anion và khả năng sử dụng các hợp chất này làm Ionopho trong điện cực chọn lọc anion màng lỏng.

Nội dung

Các đặc trưng cơ bản về tương tác phân tử của hợp chất cơ thiếc với anion đã được khảo sát trong các ứng dụng với vai trò là chất mang trung tính sử dụng trong điện cực chọn lọc ion màng lỏng trên cơ sở phương pháp đo điện thế. Nghiên cứu mở rộng về các tính chất cho - nhận và hiện tượng phân li của hợp chất cơ thiếc cho thấy rằng chỉ có các hợp chất trialkyl thiếc mới có thể là các phối tử phù hợp. Trong phạm vi đề tài này các nghiên cứu được tiến hành trên 20 các hợp chất cơ thiếc đã được tổng hợp và tinh chế.

Thành tựu khoa học

Đề tài nghiên cứu:
Phân tích các chỉ tiêu dầu mỏ. (Tham gia - cấp Nhà nước).
Tách n-paraphin từ các phân đoạn dầu mỏ có nhiệt độ sôi tới 350°C. (Thành viên - cấp Nhà nước); Chế tạo điện cực pH màng lỏng. (Chủ trì - cấp Bộ); Chế tạo và ứng dụng điện cực chọn lọc ion màng lỏng và các loại sensor điện hoá. (Chủ nhiệm nhánh - cấp Nhà nước); Đổi mới cơ bản quy trình đào tạo và nội dung chương trình các môn học ngành hoá. (Thành viên); Nghiên cứu sản xuất vật liệu răng-hàm-mặt (thành viên - cấp Nhà nước); Nghiên cứu chế tạo điện cực nitrat màng lỏng (chủ trì - cấp Bộ); Nghiên cứu chế tạo hệ thống phân tích dòng chảy xách tay (chủ trì - cấp Trường); Nghiên cứu chế tạo cảm biến điện hoá và sinh học làn detector cho thiết bị phân tích dòng chảy (chủ trì - cấp Trường).
Các đề tài hợp tác quốc tế:
Hoá công nghệ và môi trường (chủ nhiệm dự án); Phân tích và giám sát môi trường, đất và không khí khu vực Đông Á (chủ nhiệm dự án - Trường Đại học UNU tài trợ); Hoá học môi trường (chủ nhiệm nhánh - Thụy sỹ); Khoa học và công nghệ môi trường trái đất (pha 1) (điều phối viên - Nhật); Ứng dụng phương pháp ELISSA trong phân tích dư lượng thuốc trừ sâu nông nghiệp (chủ nhiệm nhánh - AusAid).
Giáo trình (đồng tác giả):
Cơ sở lý thuyết của phương pháp sắc ký khí.
Bài tập hoá kỹ thuật. Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Các phương pháp sắc ký. Nxb Khoa học kỹ thuật.
Hoá học môi trường cơ sở.
Hoá kỹ thuật cơ sở. Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Giải nhì về Nghiên cứu khoa học cán bộ trẻ, Trường Đại học Tổng hợp.

Dự định khoa học

Nghiên cứu, phân tích và quan trắc môi trường. Biên soạn giáo trình.



VƯƠNG VĂN VIỆT

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 06 - 9 - 1953
Quê quán: Minh Tân - Nam Sách - Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: 8 ngõ 17 Phùng Chí Kiên - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Học đại học tại Matxcơva Liên Xô.
Chuyên viên Ban Quốc tế, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
Nghiên cứu sinh tại Matxcơva, Liên Xô.
Chuyên viên Ban Đối ngoại, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
Hiện là Chuyên viên cao cấp, Phó trưởng Ban Đối ngoại Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
Uỷ viên Ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khoá VIII.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998

Tại Trường Cao cấp Công đoàn Matxcơva, Liên Xô.
Chuyên ngành Lịch sử.

Đề tài luận án

Hoạt động quốc tế của công đoàn Việt Nam những năm 1976 - 1988

Nội dung

Mục tiêu, nhiệm vụ của công đoàn Việt Nam trong lĩnh vực hoạt động đối ngoại.
Mối quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế của những người lao động và công đoàn Việt Nam với những người lao động và các tổ chức công đoàn các nước đang phát triển đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Tình đoàn kết giữa công đoàn Việt Nam và công đoàn các nước phát triển, công đoàn các quốc gia có khuynh hướng và hội tịch khác nhau trên thế giới đấu tranh chống áp bức, bóc lột vì quyền và lợi ích những người lao động, vì dân sinh, dân chủ, công bằng xã hội.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
50 năm hoạt động quốc tế của công đoàn Việt Nam.
Các tổ chức công đoàn trên thế giới.
Một số đề tài nghiên cứu:
Hoạt động đối ngoại của công đoàn Việt Nam trong những năm đổi mới.
Những giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại của công đoàn Việt Nam.

Dự định khoa học

Tham gia biên soạn *Lịch sử công đoàn Việt Nam 1945 - 1954.*
Nghiên cứu kinh nghiệm hoạt động đối ngoại của công đoàn Việt Nam và những thành tựu đạt được sau hơn 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới ở Việt Nam.



TRẦN THỊ VINH

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 20 - 1 - 1953.
Quê quán: Tiên Khoán - Bình Lục - Hà Nam.
Chỗ ở hiện nay: Số 3 đường 4 Khu A - Nam Thành Công - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Nghiên cứu sinh tại Liên Xô cũ.
Phó chủ nhiệm bộ môn Lịch sử thế giới.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Lịch sử thế giới, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Hội viên Hội Sử học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1987.

Tại Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Lịch sử đại cương.

Đề tài luận án

Cách mạng Việt Nam và phong trào giải phóng dân tộc Đông Nam Á.

Nội dung

Sự sụp đổ của chính quyền ngụy Sài Gòn, quá trình thống nhất Việt Nam và thắng lợi cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam. Thắng lợi đó đã mở ra một thời kỳ phát triển mới trong khu vực Đông Nam Á, thời kỳ hoàn thành cuộc đấu tranh dành độc lập dân tộc, đồng thời tác động mạnh mẽ, sâu sắc đến cục diện chính trị trong khu vực. Trong toàn bộ lịch sử phát triển của khu vực Đông Nam Á, thắng lợi của cách mạng Việt Nam được xem như một trong những thắng lợi quan trọng nhất.

Thành tựu khoa học

Tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước: Tư tưởng Hồ Chí Minh với thế giới.
Tham gia một số đề tài nghiên cứu về: lịch sử Đông Nam Á; quan hệ quốc tế; quan hệ khu vực...
Sách đã xuất bản (tham gia):
Giáo trình lịch sử thế giới hiện đại.
Lịch sử Đông Nam Á. Nxb Giáo dục.
Lịch sử Nhật Bản. Nxb Văn hoá - Thông tin.
Bách khoa toàn thư Việt Nam (phần lịch sử thế giới).
Lịch sử lớp 12. Nxb Giáo dục.
Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai (giáo trình Đại học Huế).

Dự định khoa học

Xây dựng bộ giáo trình *Lịch sử Đông Nam Á hiện đại* (đại học và cao đẳng).
Hoàn thiện bộ giáo trình *Lịch sử thế giới hiện đại (1917-1995).*



ĐẶNG HÙNG VÕ

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 25 - 11 - 1946.
Quê quán: Đa Tốn - Gia Lâm - Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 68B Nguyễn Hữu Huân - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội; Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Mỏ - Địa chất; Nghiên cứu sinh Trường Bách khoa Vácxava, Ba Lan.
Nghiên cứu sinh bậc cao tại Học viện Mỏ - Luyện kim Krakốp, Ba Lan; Trưởng phòng Hợp tác quốc tế; Giám đốc công ty Kỹ thuật trắc địa - bản đồ; Tổng giám đốc Liên hiệp Khoa học - Sản xuất - trắc địa - bản đồ; Phó Tổng cục trưởng, Chủ tịch Hội đồng khoa học Tổng cục Địa chính.
Tổng biên tập *Tạp chí Trắc địa - Bản đồ*; Chủ tịch Uỷ ban Chuẩn quốc gia về dữ liệu đồ hoạ máy tính; Phó Chủ tịch Hội Trắc địa - Bản đồ - Viễn thám Việt Nam; Thành viên Hội các nhà đo đạc Australia; Uỷ viên Hội đồng biên tập tạp chí quốc tế *Thông tin địa tin học*; Uỷ viên Uỷ ban thường trực về hạ tầng thông tin địa lý Châu Á - Thái Bình Dương.
Uỷ viên Hiệp hội Trắc địa quốc tế; Được phong Giáo sư năm 1992.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1984.
Tại Đại học Bách khoa Vácxava, Ba Lan.

Tiến sĩ Khoa học năm 1988.
Tại Học viện Mỏ - Luyện kim Krakốp, Ba Lan.
Chuyên ngành Trắc địa.

Đề tài luận án

Phương pháp ước lượng tham số của mô hình phi tuyến các lưới trắc địa lớn.

Nội dung

Lưới trắc địa là hệ thống các điểm toạ độ phân bố đều trên một khu vực lãnh thổ phục vụ nghiên cứu các tham số hình học của trái đất, làm cơ sở tạo độ phục vụ công việc đo đạc và lập bản đồ. Người ta không đo được chính xác tọa độ các điểm của lưới mà chỉ có thể đo các đại lượng liên kết giữa các điểm của lưới như: chiều dài cạnh, góc phương vị, góc giữa hai cạnh, gia số tọa độ v.v... với độ chính xác cao bằng các thiết bị đo mặt đất hoặc quan trắc vệ tinh. Vấn đề ước lượng tham số của lưới trắc địa là bài toán tính giá trị tin cậy nhất của sai số đo, toạ độ điểm và sai số các yếu tố hình học của lưới. Lưới trắc địa càng lớn thì bài toán ước lượng tham số của lưới càng phức tạp vì khối lượng dữ liệu lớn và độ phức tạp của mô hình. Thông thường, người ta tuyến tính hoá mô hình và giải quyết bài toán dưới dạng mô hình tuyến tính của thống kê toán học.
Luận án giải quyết bài toán trong dạng ước lượng tham số của mô hình phi tuyến như bài toán tìm lời giải tối ưu của một quá trình phi tuyến. Tác giả đã phát triển lý thuyết xử lý dữ liệu mô hình phi tuyến là mô hình thực của lưới trắc địa, đồng thời đưa ra phương pháp thực tiễn xử lý các lưới trắc địa cực lớn cỡ lục địa hoặc toàn cầu.

Thành tựu khoa học

Các công trình, đề tài khoa học tiêu biểu đã hoàn thành:
Tính chuyển toạ độ giữa hệ thống toạ độ quốc gia ở miền Bắc và hệ thống toạ độ của Mỹ ở miền Nam nước ta.
Đo nối và thống nhất hệ thống toạ độ hai miền Bắc - Nam sau khi thống nhất đất nước.
Một số vấn đề về lưới thiên văn - trắc địa - vệ tinh.
Hoàn chỉnh và xuất bản Atlas quốc gia đầu tiên của Việt Nam.
Ứng dụng công nghệ định vị vệ tinh toàn cầu GPS vào điều kiện Việt Nam.
Xây dựng hệ quy chiếu và hệ toạ độ quốc gia Việt Nam.
Sách đã xuất bản:
Một số vấn đề về trắc địa lý thuyết và khả năng ứng dụng ở Việt Nam.
Trắc địa lý thuyết. Đại học Mỏ - Địa chất.
Lý thuyết bình sai lưới tam giác (đồng tác giả). Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
Phương pháp ước lượng tham số của mô hình phi tuyến các lưới trắc địa lớn. Học viện Mỏ - Luyện kim Krakốp, Ba Lan.
Khoảng 80 bài báo, báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.
Huân chương lao động hạng ba; Huân chương hữu nghị của Lào; Giải thưởng khoa học tại Ba Lan.

Dự định khoa học

Nghiên cứ xây dựng mặt Géoid độ chính xác cao trên lãnh thổ Việt Nam; Hiện đại hóa công nghệ thông tin ngành địa chính.



NGUYỄN TIẾN VỮNG

Tiến sĩ Dược học

Sinh ngày: 22 - 11 - 1957.
Quê quán: Văn Bình - Thường Tín - Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 57 Chùa Hà - Cầu Giấy - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp đại học và nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Dược Hà Nội.
Hiện công tác tại Viện Kiểm nghiệm, Bộ Y tế.
Hội viên Hội Dược học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000

Tại Trường Đại học Dược Hà Nội.
Ngành Dược.
Chuyên ngành Đông dược và thuốc nam.

Đề tài luận án

Nghiên cứu về thực vật, hoá học và tác dụng sinh học của một số loài thuộc chi Stephania ở Việt Nam.

Nội dung

Về thực vật: mô tả đặc điểm thực vật, nghiên cứu đặc điểm vi phẫu và đặc điểm bột của 3 loài thuộc chi Stephania. Định danh loài Stephania glabra(Roxb.) Miers và loài Stephania kuinanensis H.S.Lo et M.Yang, còn một số loài Stephania sp_3 chưa xác định được tên khoa học.

Về hoá học: đã định lượng hàm lượng alcaloid toàn phần loài Stephania kuinanensis H.S.Lo et M.Yang ở Lạng Sơn là 4,41% ± 0,01, hàm lượng L-tetrahydropalmatin 3,06 ± 0,02. Loài Stephania glabra(Roxb.) Miers ở Ninh Bình có hàm lượng alcaloid toàn phần 2,96% ± 0,21, hàm lượng L-tetrahydropalmatin 0,59% ± 0,01. Loài Stephania sp_3 ở Quảng Ninh có hàm lượng alcaloid toàn phần 2,32% ± 0,07, hàm lượng L-tetrahydropalmatin 1,52% ± 0,02.

Về sinh học: đã nghiên cứu độc tính cấp của alcaloid toàn phần loài Stephania glabra(Roxb.) Miers và độc tính cấp của L-tetrahydropalmatin. Đã thử tác dụng của L-tetrahydropalmatin trên điện não đồ và điện tim thỏ với một liều duy nhất bằng khoảng 1/2 liều LD_{50}, L-tetrahydropalmatin không gây đột biến cả ở tế bào tuỷ xương tế bào tinh hoàn chuột nhắt trắng.

Đã nhân giống vô tính bằng các đoạn thân cây 3 loài nghiên cứu, sau 1 năm gốc thân phát triển thành củ. Kết quả cho thấy có thể nhân giống hữu tính hoặc vô tính các loài thuộc chi Stephania ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Nghiên cứu một số dược liệu có tác dụng lên thần kinh trung ương làm thuốc.

Dự định khoa học

Thu thập mẫu cây và định danh những loài Stephania ở Việt Nam có hàm lượng L-tetrahydropalmatin cao, những loài có chứa Cepharanthin.

Nhân giống bằng phương pháp hữu tính và vô tính để định danh loài, bảo tồn và phát triển các loài thuộc chi Stephania có hoạt tính sinh học cần khai thác dùng làm thuốc.

Ứng dụng các phương pháp phân tích hiện đại: phổ khối (MS), phổ cộng hưởng từ hạt nhân(NMR) trong kiểm nghiệm thuốc và giám định các mẫu độc chất y pháp.



TRƯƠNG NHƯ VƯƠNG

Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 20 - 5 - 1955
Quê quán: Nghệ An
Chỗ ở hiện nay: Hà Nội

Quá trình công tác

Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu chiến lược và khoa học công an - Bộ Công an.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998

Chuyên ngành Lịch sử triết học
Tại Viện Triết học - Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.

Đề tài luận án

Góp phần tìm hiểu tư tưởng đạo đức trong Kinh thánh.

Nội dung

Nguồn gốc, quá trình hình thành, cấu trúc và nội dung cơ bản của bộ Kinh thánh để lý giải những quan niệm về đạo đức. Luận án đã đề cập đến một số vấn đề về nguồn gốc loài người, thể xác, linh hồn sống và chết. Trình bày những quan niệm về giá trị đạo đức, phản ánh thái độ của cá nhân đối với lợi ích của cá nhân khác và xã hội theo các phạm trù: thiện ác, hạnh phúc, lương tâm, công bằng, quan niệm về lao động, của cải.

Những quan niệm về chuẩn mực đạo đức như: yêu người (đức ái), những chuẩn mực quan hệ gia đình (cha mẹ - con cái, vợ - chồng), đối với tổ quốc, những giới răn không giết người, không tà dâm, không trộm cắp, không tham lam, không gian dối... Luận án đã nhận xét, đánh giá những giá trị tích cực và hạn chế của các quan niệm đạo đức trong Kinh thánh.
Kinh thánh là sản phẩm của ý thức xã hội, của con người, phản ánh tồn tại xã hội thời đại mình góp phần khẳng định quan điểm của chủ nghĩa duy vật, con người sinh ra tôn giáo, đồng thời hiểu thêm về đồng bào Kitô giáo ở Việt Nam.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Khi chủ nghĩa xã hội khủng hoảng, Vaticăng được gì?
Vaticăng với diễn biến chính trị xảy ra ở Đông Âu và Liên Xô.
Suy nghĩ về tình hình đào tạo linh mục trái phép và những kiến nghị.
Đất thánh với hoà bình.
Cần tìm hiểu giáo luận công giáo để vận dụng vào công tác an ninh.
Vài nét về sự phân hoá của đạo Thiên chúa
Tại sao đạo Tin lành được người Mông đón nhận dễ dàng.
Về thuật ngữ *Thiên chúa giáo* và sự hình thành các đạo thờ cúng Chúa trời.
Bước đầu tìm hiểu nhận thức của các nhà nho Việt Nam thế kỷ XIX đối với Công giáo.
Thư ký đề tài cấp Bộ: Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ an ninh trật tự.
Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết tôn giáo.
Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ: Đạo Hoà hảo - Những vấn đề đặt ra cho công tác an ninh trật tự hiện nay.
Góp phần tìm hiểu quan niệm về tội lỗi trong tư tưởng đạo đức của Kinh thánh.
Biên soạn 105 mục từ về thần học, giáo lý, giáo luật Kitô giáo trong *Từ điển bách khoa nghiệp vụ công an*, Nxb Công an nhân dân.

Dự định khoa học

Nghiên cứu khoa học an ninh, tôn giáo, lịch sử triết học.



NGUYỄN VIẾT VƯỢNG

Tiến sĩ Sử học

Sinh ngày: 4 - 1 - 1949.
Quê quán: Quỳnh Thọ - Quỳnh Phụ - Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: 110 ngõ 169 Tây Sơn - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Cao cấp Công đoàn Liên Xô.
Giảng viên, Phó chủ nhiệm khoa Kinh tế lao động Trường Đại học Công đoàn Việt Nam.
Nghiên cứu sinh Trường Cao cấp Công đoàn Liên Xô (nay là Học viện Lao động và Quan hệ xã hội Liên bang Nga).
Chủ nhiệm khoa Lý luận và nghiệp vụ công đoàn.
Phó hiệu trưởng.
Hiện là Hiệu trưởng, Phó bí thư Đảng uỷ Trường Đại học Công đoàn.
Uỷ viên Ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khoá VI, VII.
Uỷ viên đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khoá VIII.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985.
Tại Trường Cao cấp Công đoàn Liên Xô.
Ngành Lịch sử.

Đề tài luận án

Công đoàn tham gia quản lý sản xuất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Nội dung

Làm rõ căn cứ khoa học, cơ sở lý luận và thực tiễn công đoàn tham gia quản lý sản xuất, quản lý kinh tế. Nêu thực trạng, nội dung, hình thức tham gia quản lý sản xuất của công đoàn Việt Nam và đề ra các giải pháp đẩy mạnh hoạt động, tham gia quản lý của công đoàn Việt Nam trong thời kỳ qúa độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thành tựu khoa học

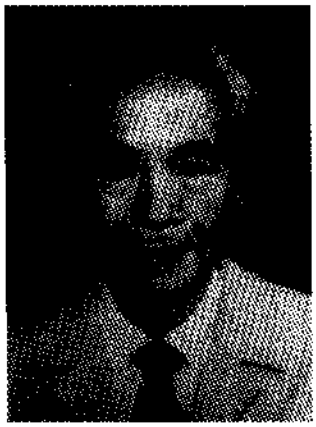
Chủ nhiệm các đề tài cấp Nhà nước:
Vị trí, tính chất hoạt động của mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức xã hội trong hệ thống chính trị (cấp Nhà nước).
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và sự phát triển giai cấp công dân. Những chính sách, giải pháp xây dựng giai cấp công nhân, củng cố và tăng cường vị trí giai cấp công dân trong xã hội (cấp Nhà nước).
Cấp Tổng liên đoàn:
Phát triển tổ chức công đoàn trong các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.
Phong trào công dân và công đoàn giải phóng miền Nam (1954 - 1975).
Nhiệm vụ của công đoàn trong giai đoạn hiện nay.
Mối quan hệ phối hợp giữa công đoàn - nhà nước - giới chủ.
Một số vấn đề đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước.
Dự án khảo sát lao động nữ khu vực phi kết cấu.
Chủ biên các sách và giáo trình:
Những hiểu biết cần thiết của cán bộ công đoàn cơ sở.
Tài liệu tập huấn cán bộ công đoàn cơ sở
Lý luận và nghiệp vụ công đoàn.
Những vấn đề cơ bản về công đoàn Việt Nam.
Công đoàn tham gia quản lý nhà nước.
Một số vấn đề về công đoàn CGT (Pháp).
Các đoàn thể nhân dân trong cơ chế thị trường.
Trường Đại học Công đoàn Việt Nam - những chặng đường lịch sử.
Logic học hình thức.
Bài tập logic hình thức.
Huân chương lao động hạng ba.
Huy chương kháng chiến hạng nhất.
Huy chương Vì sự nghiệp công đoàn.
Vì sự nghiệp văn hoá.
Vì thế hệ trẻ.

Dự định khoa học

Nghiên cứu hệ thống chính trị Việt Nam, về giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn Việt Nam trong kinh tế thị trường, trong sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

Lời Tiến sĩ

Nhân tài, nhà khoa học là vốn quý của đất nước. Nhà nước trọng dụng và tạo điều kiện cho họ phát huy năng lực của mình để xây dựng đất nước.



NGUYỄN VĂN XANG

Tiến sĩ Y học

Sinh ngày: 2 - 6 - 1930.
Quê quán: Văn Thành - Yên Thành - Nghệ An
Chỗ ở hiện nay: 168 Kim Ngưu - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Dược Hà Nội.
Cán bộ giảng dạy, Trưởng phòng Giáo vụ Đại học Y Dược Hà Nội.
Nghiên cứu sinh ở Tiệp Khắc.
Phó trưởng bộ môn Nội tổng hợp, kiêm Trưởng khoa Thận Bệnh viện Bạch Mai, chuyên viên thận Bệnh viện Hữu nghị Việt Xô.
Giám đốc Bệnh viện Thanh Nhàn Hà Nội.
Chuyên gia giảng dạy Đại học Y Dược, Phnôm Pênh - Campuchia.
Tổ trưởng chuyên gia đào tạo Bộ Y tế Campuchia.
Giảng viên sau đại học.
Uỷ viên Hội đồng Tư vấn ghép tạng Việt Nam.
Phó ban kỹ thuật Ban chấp hành Hội Nội khoa Việt Nam.
Phó chủ tịch Hội Tiết niệu - Thận học Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1972
Tại Viện Y học lâm sàng và thực nghiệm Praha, Viện Hàn lâm Khoa học Tiệp Khắc.
Chuyên ngành Bệnh học nội khoa.

Đề tài luận án

Lọc máu qua màng bụng và ảnh hưởng của lọc máu qua màng bụng đến chức năng tồn dư của thận suy.

Nội dung

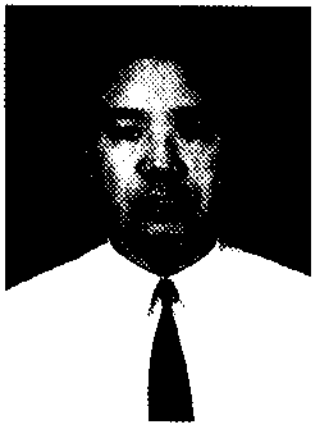
Dung dịch để lọc máu qua màng bụng cần phải chuẩn hoá để không gây rối loạn cân bằng của nội môi và có tác dụng tốt đến chức năng tồn dư của thận suy. Công trình nhằm đánh giá tác dụng, ảnh hưởng của một số dịch lọc đặc biệt là dịch lọc có chứa mannitol một lợi tiểu thẩm thấu thường được sử dụng trong điều trị suy thận cấp.
Các dịch lọc có chứa mannitol có tác dụng gây bài xuất nước và các ion, chủ yếu là Na+ và K+ mà có ít tác dụng bài xuất nitơ - phi-protein.

Thành tựu khoa học

Công trình đã ứng dụng:
Thăm dò chức năng thận để đánh giá thận suy.
Kỹ thuật lọc máu qua màng bụng.
Chế độ ăn UGG giảm đạm để điều trị bảo tồn suy thận mạn.
Sách đã xuất bản:
Bách khoa thư bệnh học tập 1, 2, 3 (tham gia).
Nội khoa cơ sở (chương thận - tiết niệu).
Chế độ ăn trong một số bệnh rối loạn chuyển hoá. Nxb Y học.
Đồng tác giả một số sách về ăn điều trị và tham gia dịch một số sách về nội khoa, nhiều tài liệu cho bác sĩ nội khoa.
Tham gia đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp 1, 2.
Bằng lao động sáng tạo.
Huy chương Vì thế hệ trẻ và nhiều bằng khen khác.

Dự định khoa học

Nghiên cứu điều trị bệnh thận - tiết niệu và ghép thận.



NGÔ ĐÌNH XÂY

Tiến sĩ Triết học

Sinh ngày: 7 - 9 - 1959
Quê quán: Minh Thọ - Nông Cống - Thanh Hoá
Chỗ ở hiện nay: P21/38/210 Đội Cấn - Ba Đình - Hà Nội

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
Cán bộ ban Nghiên cứu lý luận Trung ương.
Nghiên cứu sinh Viện Triết học - Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô Matxcơva.
Nghiên cứu viên - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1992
Tại Viện Triết học - Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô cũ.
Chuyên ngành Triết học.

Đề tài luận án

Vấn đề phương pháp trong sự phát triển nhận thức khoa học.

Nội dung

Phương pháp nhận thức khoa học là một trong những vấn đề hàng đầu của triết học, là yếu tố có tác dụng quyết định đến hoạt động nhận thức và cải tạo hiện thực. Với ý nghĩa đó, trong lịch sử tư tưởng triết học, vấn đề phương pháp đã được lý giải với các góc độ, mức độ khác nhau.
Từ cách tiếp cận lịch sử triết học, luận án chủ yếu xem xét tính quy luật của sự hình thành, tiến hoá các quan điểm triết học về phương pháp. Nêu rõ đặc trưng qua mỗi giai đoạn, phân tích một số phương pháp cơ bản của khoa học hiện đại, đưa ra vai trò gợi mở - sáng tạo của chúng trong quá trình phát triển nhận thức khoa học.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Về phương pháp nhận thức khoa học.
Sức sống của một tác phẩm (đồng tác giả), Nxb Chính trị Quốc gia.
Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp Bộ:
Những quan điểm cơ bản của các nhà kinh điển Mácxít về trí thức và yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đối với đội ngũ trí thức Việt Nam hiện nay.
Tham gia nhiều đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ.
Khoảng 20 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí.

Dự định khoa học

Nghiên cứu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học hiện đại, về tư duy, tư duy lý luận.
Vai trò của trí thức.
Triết học văn hóa...



ĐỖ VĂN XÊ

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 31 - 12 - 1957.
Quê quán: Vị Thanh - Cần Thơ.
Chỗ ở hiện nay
67/2 Mậu Thân - Thành phố Cần Thơ.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Cần Thơ.
Hiện là Trưởng phòng Quản lý khoa học - Đào tạo sau đại học - Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Cần Thơ.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2000.
Tại Trường Oklahoma State Univesity, Hoa Kỳ.
Ngành Kinh tế nông nghiệp.

Đề tài luận án

Phát triển kinh tế vùng: đánh giá ảnh hưởng của việc nuôi heo tập trung tại quận Texas, tiểu bang Oklahoma, Hoa Kỳ.

Nội dung

Nghiên cứu ảnh hưởng của việc mở rộng chăn nuôi heo và chế biến thịt heo đến mức độ an sinh của người dân tại quận Texas, tiểu bang Oklahoma, Hoa Kỳ. Mô hình cân bằng tổng thể vùng được sử dụng để mô phỏng hoạt động của công ty chế biến thịt heo và ghi nhận sự thay đổi của các ngành công nghiệp khác, sự thay đổi của giá cả hàng hoá và thu nhập của hộ gia đình. Các ảnh hưởng được đánh giá dựa trên các chỉ tiêu đo lường về an sinh toàn vùng và của hộ gia đình.

Kết quả của mô hình ở mức ngắn hạn, khi sản phẩm ngành chế biến thịt tăng 10 lần thì sản phẩm heo tăng 11,54 lần trong khi số lượng sản phẩm của các ngành khác thay đổi rất ít và tất cả giá của các loại hàng hoá gia tăng. Tiền lương ổn định, thu nhập của hộ gia đình tăng rất ít không bù đắp được sự ảnh hưởng của tăng giá. Các chỉ tiêu về an sinh của vùng như: tổng sản phẩm tăng 7,21%, thuế thương mại tăng 8,33% và số người có việc làm tăng 10,47%.

Kết quả ở mức dài hạn.

Sản phẩm heo tăng 35,04 lần. Sản phẩm của các loại gia cầm giảm 47% giá của các nhập liệu trung gian tăng. Mức độ tăng của thu nhập gia đình không đáng kể nhưng giá của các nhu cầu yếu phẩm giảm làm cho chỉ số an sinh tăng từ 0,34 đến 0,55%. Tổng sản phẩm trong vùng tăng 11,48%, thuế thương mại tăng 9,55%, số người có việc làm tăng 24,71%.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Giới thiệu về kinh tế lượng. Nxb Sóc Trăng.

Dự định khoa học

Giảng dạy và nghiên cứu kinh tế Việt Nam.



VŨ XUÂN XIỂN

Tiến sĩ Vật lý

Sinh ngày: 1 - 6 - 1942.
Quê quán: Quốc Tuấn - Nam Sách - Hải Dương
Chỗ ở hiện nay: 12 ngõ 80 Lê Trọng Tấn - Thanh Xuân - Hà Nội

Quá trình công tác

Tổ trưởng bộ môn Vật lý Trường Đại học Kỹ thuật Thông tin liên lạc, Tổng cục Bưu điện.
Phó chủ nhiệm khoa Cơ bản Học viện Kỹ thuật quân sự.
Hiện công tác tại Trường Đại học dân lập Đông Đô.
Thành viên Hội Vật lý Việt Nam

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986.

Tại Trường Đại học Tổng hợp Ôđétxa.
Ngành Vật lý
Chuyên ngành Bán dẫn và điện môi.

Đề tài luận án

Nghiên cứu sự lão hoá của pin mặt trời CdS/Cu_2S trên cơ sở màng mỏng CdS nhân bằng phương pháp phun điện động dung dịch hoá học.

Nội dung

Luận án nêu ra một phương pháp mới chế tạo các pin mặt trời màng mỏng CdS/Cu_2S có hiệu suất cao. Song kết quả nghiên cứu cũng cho thấy các tính chất tốt của pin mặt trời CdS/Cu_2S chế tạo trên cơ sở màng mỏng bị suy giảm nhanh theo thời gian khi chúng làm việc ở ngoài không khí và đặc biệt là ở môi trường có độ ẩm cao. Luận án chỉ rõ những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự lão hoá các đặc trưng quang điện của pin mặt trời CdS/Cu_2S là sự khuếch tán đồng từ lớp Cu_2S sang CdS và ôxy hoá Cu_2S do tác dụng với ôxy của không khí. Sự giảm hàm lượng đồng trong sunphua đồng dẫn đến giảm độ dài khuyếch tán của các điện tử không cân bằng do ánh sáng tạo ra trong vật liệu này. Độ ẩm cao của môi trường đã tăng tốc quá trình khuyếch tán đồng từ sunphua đồng sang sunphua cadimi cho nên tăng tốc quá trình lão hoá pin mặt trời. Lần đầu tiên tác giả đã đưa ra mô hình giải thích cơ chế tăng tốc lão hoá này. Sau khi tìm ra nguyên nhân cơ bản của quá trình lão hoá, tác giả nêu phương án kỹ thuật để chống lão hoá bằng cách pha tạp nhôm (Al) vào lớp CdS trong quá trình chế tạo kết hợp với bảo vệ bề mặt pin khỏi ôxy của không khí nhờ những phương pháp khác nhau. Tính toán qua lão hoá tăng tốc thấy rằng các pin mặt trời CdS/Cu_2S được bảo vệ bằng các phương pháp kết hợp nêu trên có thể làm việc trong môi trường không khí hàng chục năm, đáp ứng yêu cầu thực tế sử dụng.

Thành tựu khoa học

Huy chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ.
Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu các màng mỏng bán dẫn ứng dụng trong lĩnh vực chế tạo pin mặt trời, các sen sơ bán dẫn nhạy khí.



DƯƠNG HOA XÔ

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 9 - 12 - 1960
Quê quán: Bình Chánh - Thành phố Hồ Chí Minh.
Chỗ ở hiện nay: 44/3 Điện Biên Phủ - Quận Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Học viện Nông nghiệp Mátxcơva Liên Xô cũ.
Thực tập sinh tại Học viện Nông nghiệp Mátxcơva Liên Xô cũ.
Đại học Louvain La Neuve.
Nghiên cứu sinh tại Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam.
Trưởng phòng Thực nghiệm.
Trưởng phòng Nghiên cứu chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp - Trung tâm Nghiên cứu khoa học kỹ thuật và Khuyến nông - Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Trưởng phòng Nông nghiệp - Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1996.
Tại Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam.
Chuyên ngành Nông hoá học.

Đề tài luận án

Ảnh hưởng của phân lân đến sự biến đổi hoá học đất và năng suất lúa trên đất phèn vùng thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung

Đánh giá ảnh hưởng việc bón phân lân liên tục đến sự biến đổi một số chỉ tiêu hoá học quan trọng của đất phèn từ trạng thái đất tự nhiên (chưa canh tác) sang trạng thái đất được canh tác lúa nhiều vụ liên tục. Tìm hiểu sự chuyển hoá của P trong các loại phân lân bón vào sang các dạng photphat trong đất phèn. Đề xuất việc sử dụng một số loại phân lân phối chế từ phân super lân với các nguyên liệu có sẵn trong nước để nâng cao hiệu lực của phân lân bón cho lúa trên đất phèn.

Thành tựu khoa học

Các đề tài nghiên cứu:
Nghiên cứu sự biến đổi một số chỉ tiêu nông hoá của đất phèn trồng thơm (chủ nhiệm).
Nghiên cứu sự hút lân của cây thơm trên đất phèn bằng phương pháp ứng dụng đồng vị phóng xạ P32 (tham gia).
Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp trên vùng thuỷ lợi kênh đông Củ Chi (tham gia).
Xây dựng kỹ thuật bón đạm, lân cho lúa trên một số loại đất chính của thành phố Hồ Chí Minh (chủ nhiệm).
Bước đầu trồng thử nghiệm một số loại cây có múi trên một số dạng đất thành phố Hồ Chí Minh (chủ nhiệm).
Khảo nghiệm một số giống mía mới cho vùng trồng mía thành phố Hồ Chí Minh (chủ nhiệm).
Sử dụng phương pháp xử lý đột biến phóng xạ để chọn tạo giống từ một số giống lúa đặc sản (tham gia).

Dự định khoa học

Ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp. Nghiên cứu sản xuất rau sạch, rau hữu cơ và các mô hình vườn cây ăn trái hiện đại.



NGUYỄN NGỌC XUÂN

Tiến sĩ Nông nghiệp

Sinh ngày: 12 - 11 - 1933.
Quê quán: An Ninh Tây - Tuy An - Phú Yên
Chỗ ở hiện nay: K276/28 phố Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng.

Quá trình công tác

Trưởng phòng Phân đất Uỷ ban Nông nghiệp tỉnh Hà Tây.
Nghiên cứu sinh tại Hungari.
Trưởng phòng Phân hữu cơ, Viện Thổ nhưỡng Nông hoá Bộ Nông nghiệp.
Giám đốc Sở Nông nghiệp tỉnh Phú Khánh.
Giám đốc Sở Nông nghiệp tỉnh Phú Yên.
Tổng thư ký Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh Phú Yên.
Chủ tịch Hội Khoa học đất tỉnh Phú Yên.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1975
Tại Viện Thổ nhưỡng Nông hoá Hungari.
Ngành Thổ nhưỡng - Nông hoá.
Chuyên ngành Nông hoá - Thổ nhưỡng.

Đề tài luận án

Tác dụng của phân chuồng và phân hoá học đến sản phẩm và hàm lượng dinh dưỡng của đất qua thí nghiệm dài hạn 14 - 15 năm trên đất, Cernijom Hungari.

Nội dung

Để cho năng suất cao phải cung cấp đạm thích hợp cho cây trồng.
Hiệu lực của phân chuồng khi bón với phân hoá học đầy đủ 3 yếu tố N, P, K thì không cao bằng khi bón phân hoá học không đủ 3 yếu tố (NK, NP hoặc PK).
Đất bón phân chuồng qua 14 - 15 năm mùn được tăng lên 0,12 - 0,30%, bón phân hoá học mà có sản phẩm cao thì mùn cũng được tăng lên.
Bón phân chuồng tăng độ pH, giảm độ chua thuỷ phân của đất, bón phân hoá học thì ngược lại.
Lân của phân chuồng còn để lại trong đất 40 - 50% ở dạng lân hữu cơ.
Mối quan hệ giữa chất dinh dưỡng cân đối trong đất và chất dinh dưỡng cho kết quả phân tích đất bằng phương pháp hoá học khác nhau có sự tương quan chặt chẽ.
Ở tầng đất canh tác (0 - 20cm) nếu lượng lân cân đối trong đất còn lại 100 kg/ha thì lân tổng số trong đất sẽ tăng lên 2,5 mg% lân và Kali dễ tiêu theo phương pháp Al sẽ tăng lên 0,9 mg% đối với lân và 0,45 mg% đối với Kali, nhưng lân phân tích theo phương pháp Olsen sẽ tăng lên 0,45 mg%.

Thành tựu khoa học

Một số công trình đã công bố:
Lúa vụ xuân qua 6 năm phát triển ở Hà Tây.
Ảnh hưởng của phân bón đến năng suất cây trồng và hàm lượng dinh dưỡng của đất qua 14 - 15 năm thí nghiệm đất cernozem.
Tình hình nghiên cứu và sử dụng phân hữu cơ các tỉnh phía Nam.
Một số kết quả nghiên cứu về phân chuồng.
Đất tỉnh Phú Khánh, những loại đất chính, phương hướng sử dụng và cải tạo.
Sách: *Hỏi đáp về sử dụng phân bón*. Sở Nông nghiệp Phú Yên.

Dự định khoa học

Nghiên cứu tác dụng của phân bón đến tính chất đất và phẩm chất của nông sản.



NGUYỄN VĂN XUÂN

Nguyễn Tấn Việt

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 3 - 3 - 1936.
Quê quán: Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: B16/5 Yên Lãng - Đống Đa - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp khoa Ngữ văn Trường Đại học Trung ương - Liên bang Nga, Mátxcơva, Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội.
Phó chủ nhiệm bộ môn Ngoại ngữ Đại học Bách khoa Hà Nội.
Chủ nhiệm bộ môn Ngoại ngữ Đại học Xây dựng Hà Nội.
Giảng viên khoa Nga Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
Hiệu trưởng Trường Bổ túc Văn hóa, Trường Đảng cao cấp, Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1986
Tại Viện tiếng Nga Puskin Mátxcơva, Liên Xô.
Chuyên ngành Ngữ văn.

Đề tài luận án

Các kết cấu chỉ nguyên nhân và những kết cấu đồng nghĩa của chúng trong tiếng Nga văn học hiện đại.

Nội dung

Luận án là một công trình khoa học hoàn chỉnh, xem xét một cách hệ thống những phương tiện biểu đạt khác nhau phạm trù cú pháp chỉ nguyên nhân đồng thời chú ý tới những đặc điểm ngữ nghĩa và cấu trúc.
Công trình mô tả đầy đủ những phương thức biểu đạt phạm trù nguyên nhân trong tiếng Nga... Giá trị thực tiễn của luận án là đã cung cấp ngữ liệu được lựa chọn chu đáo và hệ thống hoá lôgic nên các nhà phương pháp luận giảng dạy tiếng Nga có thể sử dụng để biên soạn sách giáo khoa...

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản (đồng tác giả):
Sách dạy tiếng Nga. Nxb Giáo dục.
Tóm tắt ngữ pháp tiếng Nga - Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
Chúng tôi nói tiếng Nga.
Cú pháp tiếng Nga - Nxb Giáo dục.
Tiếng Việt thực hành (giáo trình cho học viên Lào, Campuchia).
Từ điển xây dựng Nga - Việt (đồng biên soạn). Nxb Khoa học kỹ thuật.
Chủ nhiệm các đề tài:
Các phương pháp rèn luyện kĩ năng nói tiếng nước ngoài cho học viên cử nhân, cao học và nghiên cứu sinh.
Chương trình và đề cương bài giảng ngoại ngữ hệ cao học và nghiên cứu sinh.
Những đặc điểm và cấu trúc đặc trưng của phong cách chính luận - phong cách báo chí tiếng Nga - tiếng Anh hiện đại.
Huy chương kháng chiến hạng nhất
Huân chương chống Mỹ hạng nhất
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.

Dự định khoa học

Nghiên cứu lý thuyết cú pháp đồng nghĩa, cú pháp tiếng Việt hiện đại.

Biên soạn từ điển chính trị Anh - Nga - Pháp - Việt.



PHẠM XUÂN

Tiến sĩ Khoa học

Sinh ngày: 26 - 6 - 1939.
Quê quán: Phúc Đồng - Hương Khê - Hà Tĩnh
Chỗ ở hiện nay: 503/B5 Thanh Xuân Bắc - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Bách khoa, công tác tại Bộ Giao thông.
Chuyên viên Uỷ ban xây dựng cơ bản Nhà nước.
Chuyên viên cao cấp Bộ Xây dựng.
Hiện là chuyên viên cao cấp cho các doanh nghiệp.
Uỷ viên thường vụ Hội Địa chất Việt Nam.
Chủ tịch Hội Địa chất công trình.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1970.

Tiến sĩ Khoa học năm 1987.
Tại Trường Đại học Mỏ Lêningrat, Liên Xô cũ.
Ngành Địa - Khoáng.
Chuyên ngành Địa chất công trình.

Đề tài luận án

Nghiên cứu từ biến và độ bền lâu dài của trầm tích Litorin ở khu vực Lêningrat.

Luận án Tiến sĩ Khoa học

Quy luật hình thành và biến đổi thành phần, trạng thái và các tính chất cơ - lý của đất Đệ tứ ở các đồng bằng Việt Nam.

Nội dung

Đới khí hậu (điều kiện trao đổi nhiệt - ẩm) và địa chất khu vực (chế độ kiến tạo, địa hình, cấu trúc địa chất) là hai nhóm nhân tố quyết định sự hình thành, biến đổi thành phần, trạng thái và tính chất của trầm tích.
Các đồng bằng Việt Nam vốn là các bồn trũng, được trầm tích Đệ Tứ có nguồn gốc và tuổi khác nhau lấp đầy. Đó là sản phẩm từ các kiểu vỏ phong hoá đá gốc bị lôi cuốn đến lắng đọng ở đấy, với thành phần, khối lượng khác nhau.
Tương tác giữa đới khí hậu và địa chất khu vực ở các thời kỳ tạo ra các dạng vật lắng từ thô đến mịn, chứa ít hoặc nhiều hữu cơ, dày hoặc mỏng.
Các quá trình hoá lý, sinh hoá làm vật lắng rời xốp hoặc mềm dính thành đất nén chặt trọng lực, co rút, chèn ép hoặc tách giãn do kiến tạo - gây biến đổi các tính chất, nhất là độ chặt, độ bền, tính biến dạng, tính thấm nước - những đặc trưng được quan tâm hàng đầu khi sử dụng đất để xây dựng.

Thành tựu khoa học

Chủ trì 3 đề tài cấp Nhà nước, 6 đề tài cấp Bộ.
Biên soạn 3 tiêu chuẩn xây dựng.
Sách đã xuất bản:
Đồng tác giả 3 đầu sách chuyên khảo.
Tác giả của 2 đầu sách phổ biến kiến thức.
Dịch giả và đồng dịch giả 11 đầu sách từ tiếng Nga và tiếng Anh.
Tham gia biên soạn *Từ điển xây dựng* (giải thích, đối chiếu Việt - Anh, Anh - Việt) viết 50 mục từ trong *Từ điển Bách khoa Việt Nam.*
Công bố hơn 40 bài báo, báo cáo khoa học trên các tạp chí, tài liệu hội nghị.
Tham gia đào tạo tiến sĩ.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.

Dự định khoa học

Viết sách về địa chất công trình và địa kỹ thuật.
Tham gia đào tạo tiến sĩ chuyên ngành.

Lời Tiến sĩ

Người làm công tác khoa học phải có ý chí và lòng say mê. Nên lấy tự học làm chính, học qua sách và học những người biết hơn mình.
Để cán bộ khoa học làm quản lý cũng cần thiết, nhưng không nên coi đó là sự ưu tiên, biệt đãi; tránh tình trạng đua chen nhau giành chức quyền, sao nhãng chuyên môn. Việc sử dụng, đãi ngộ cán bộ quản lý và cán bộ khoa học nên công bằng, hài hoà. Người giỏi thực chất và có đức độ phải được coi trọng.



DƯƠNG NHƯ XUYÊN

Tiến sĩ Giáo dục

Sinh ngày: 15 - 10 - 1942
Quê quán: Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu - Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể Đại học Vinh - Thành phố Vinh - Nghệ An.

Quá trình công tác

Giáo viên Trường Phổ thông cấp 3 Thuận Thành, Hà Bắc.
Trường Trung học Sư phạm miền núi Nghệ An.
Nghiên cứu sinh tại Viện Hàn lâm Sư phạm, Cộng hoà dân chủ Đức cũ.
Cán bộ giảng dạy, chủ nhiệm bộ môn Tâm lý - giáo dục Đại học Sư phạm Vinh.
Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên Nghệ An.
Hội viên Hội Tâm lý - giáo dục Việt Nam
Hội Y học cổ truyền Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1978

Tại Viện Hàn lâm Sư phạm Cộng hoà dân chủ Đức.
Chuyên ngành Tâm lý học sư phạm.

Đề tài luận án

Sự hình thành tư duy lý luận và hứng thú nhận thức của học sinh trong chiến lược dạy học chuyển từ trừu tượng đến cụ thể thông qua việc nhập môn vật lý.

Nội dung

Nghiên cứu sự hình thành những đặc điểm của tư duy lý luận và hứng thú nhận thức của học sinh lớp 5 trong việc dạy học thực nghiệm vật lý theo chiến lược chuyển từ trừu tượng đến cụ thể (đi từ cái chung đến cái riêng).
Luận án đã có những đóng góp về lý luận và thực tiễn.

Thành tựu khoa học

Một số công trình khoa học đã công bố:
Sự xuất hiện của tư duy lý luận và hứng thú nhận thức trong nhập môn vật lý, Berlin, Mátxcova.
Tìm hiểu những quan điểm lý luận dạy học của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
Tìm hiểu một số khía cạnh về giáo dục trong gia đình I-găng đi.
Bàn thêm về cấu trúc của hoạt động.
Về tính tích cực học tập của sinh viên trong qui trình đào tạo mới.
Một số cơ sở tâm lý của việc đào tạo tay nghề sư phạm trong qui trình đào tạo mới.
Bước đầu tìm hiểu chất lượng lĩnh hội tri thức toán học và sự phát triển năng lực trí tuệ của học sinh lớp 3 và 4.
Một số biểu hiện tâm lý của sinh viên sư phạm hiện nay.
Về phương pháp dạy học ở tiểu học với phương châm lấy học sinh làm trọng tâm.
Bồi dưỡng hứng thú nhận thức cho trẻ em.
Phương pháp mới trong giáo dục trẻ em.
Đồng tác giả một số giáo trình tâm lý học đại cương, tâm lý học sư phạm và lứa tuổi, tâm lý học hiện đại.
Chủ trì một số đề tài khoa học cấp trường, đồng tác giả một số đề tài cấp bộ, cấp tỉnh.

Huy chương chống Mỹ hạng nhì
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục
Nhà giáo ưu tú.



KHÚC XUYỀN

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 3 - 9 - 1942.
Quê quán: Thạch Bàn - Gia Lâm - Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: 31 Hàm Long - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Giám đốc Trạm Vệ sinh phòng dịch Ty Y tế khu vực Vĩnh Linh.
Trưởng phòng Y tế, Trưởng phòng khám Đa khoa khu vực Hà Nội, Công ty Cao su Sao vàng - Tổng cục Hoá chất.
Phó phòng nghiên cứu Bệnh nghề nghiệp, Viện Y học lao động, Bộ Y tế.
Trưởng phòng Chỉ đạo chuyên khoa, Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Viện Y học lao động và Vệ sinh môi trường, Bộ Y tế.
Giám định viên quốc gia bệnh nghề nghiệp, bệnh da nghề nghiệp.
Uỷ viên Hội đồng khoa học Viện Y học lao động và Vệ sinh môi trường.
Hội viên Hội Tài nguyên môi trường Việt Nam.
Hội Y tế dự phòng Việt Nam.
Hội Mạng lưới xanh thế giới.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1995.
Tại Trường Đại học Y Hà Nội.
Chuyên ngành Bệnh nghề nghiệp.

Đề tài luận án

Nghiên cứu khả năng gây bệnh da nghề nghiệp do Crôm và tác dụng của Natri Hyposunfit trong điều trị thực nghiệm tổn thương da do Crôm.

Nội dung

Xác định được các loại bệnh da do Crôm gây nên có tính đặc trưng nghề nghiệp với những căn cứ và cơ sở khoa học để đưa các bệnh này vào danh mục các bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm ở Việt Nam.
Góp phần xây dựng tiêu chuẩn chẩn đoán, giám định bệnh da nghề nghiệp do Crôm.
Đề xuất loại thuốc dự phòng và điều trị phù hợp đối với người làm việc trong môi trường tiếp xúc với Crôm.

Thành tựu khoa học

Tham gia nghiên cứu, tổ chức phòng, chống chiến tranh hoá học trong kháng chiến chống Mỹ.
Chủ trì các đề tài cấp Bộ:
Dự phòng và điều trị bệnh sạm da do xăng dầu.
Điều tra thực trạng sức khoẻ công nhân hầm lò.
Nghiên cứu điều trị bệnh nấm da trong ngành cao su.
Khảo sát môi trường lao động ảnh hưởng tới sức khoẻ công nhân ngành dệt sợi, ngành vật liệu xây dựng.
Khảo sát thực trạng sức khoẻ người lao động tiếp xúc với vi sinh vật nguy hiểm.
Nghiên cứu bệnh nốt dầu ở công nhân đường sắt.
Đồng tác giả 6 đầu sách chuyên ngành.
Công bố trên 60 bài viết, báo cáo khoa học ở trong và ngoài nước.
Tham gia giảng dạy đại học, trên đại học.
Huân chương lao động hạng ba.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sức khoẻ nhân dân.
Giải nhất: Báo cáo khoa học hay nhất tại hội nghị khoa học quốc tế lần 9 ở Đài Loan.
Chiến sĩ thi đua ngành y tế.
Thày thuốc ưu tú (1996).

Dự định khoa học

Nghiên cứu điều trị bệnh nghề nghiệp.
Sản xuất thuốc điều trị bệnh da nghề nghiệp.



ĐINH KIM XUYẾN

Tiến sĩ Y Dược

Sinh ngày: 19 - 12 - 1949.
Quê quán: Đồng Thắng - Triệu Sơn - Thanh Hoá
Chỗ ở hiện nay: B6/101B - Tập thể Lạc Trung - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
Làm tại Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
Hiện là Phó chủ nhiệm thường trực dự án Phòng chống bệnh dại quốc gia.
Uỷ viên Ban chấp hành Hiệp hội UNESCO văn hóa gia đình.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1985.
Tại Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
Ngành Y học
Chuyên ngành Dịch tễ học.

Đề tài luận án

Thử nghiệm phòng chống Aedes aegypti - trung gian truyền bệnh Dengue xuất huyết ở Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu sinh học muỗi Toxrhynchites Splendens (Wiedemann 1819).

Nội dung

Toxorhynchites thuộc họ Culicidae có đặc tính nổi bật là không hút máu, thức ăn là mật hoa. Bọ gậy muỗi Toxorhynchites có khả năng ăn bọ gậy các loại muỗi khác. Việt Nam, loại muỗi Toxorhynchites sống ở môi trường thiên nhiên một số vùng.

Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học muỗi Toxorhynchites Splendens (T. splendens) chủng Việt Nam trong điều kiện phòng thí nghiệm.

Đánh giá khả năng diệt bọ gậy Ae.aegypti của bọ gậy T.splendens trong phòng thí nghiệm.

Đánh giá khả năng chống chế mật độ quần thể Ae.aegypti bằng bọ gậy T. splendensowr ở thực địa nhỏ.

Xây dựng một quy trình nhân nuôi T.splendens trong phòng thí nghiệm.

Kết quả nghiên cứu cho thấy T.splendens chủng Việt Nam có thể nhân nuôi thuận lợi trong phòng thí nghiệm. Bọ gậy T.splendens có khả năng diệt bọ gậy Ae.aegypti, và có thể khống chế mật độ bọ gậy Ae.aegypti ở mức độ thấp bằng biện pháp thả trực tiếp bọ gậy T.splendens vào ổ bọ gậy Ae.aegypti. Biện pháp sử dụng T.splendens trong đấu tranh sinh học chống Ae.aegypti - trung gian truyền bệnh Dengue xuất huyết có thể thực hiện được khi có sự đầu tư, nghiên cứu, thử nghiệm một cách đầy đủ với quy mô lớn hơn.

Thành tựu khoa học

Chủ nhiệm 18 đề tài nghiên cứu khoa học cấp viện và 2 đề tài cấp Bộ.
Huy chương Vì sự nghiệp khoa học công nghệ.
Vì sức khoẻ nhân dân.
Thầy thuốc ưu tú.
Được phong Phó Giáo sư năm 1996.

Dự định khoa học

Hợp tác với Nhật Bản nghiên cứu các bệnh truyền từ súc vật sang người.
Hợp tác với Tổ chức Y tế thế giới nghiên cứu phòng chống bệnh dại ở Việt Nam và Châu Á.



LƯƠNG TRỌNG YÊM

Tiến sĩ Kinh tế

Sinh ngày: 14 - 3 - 1937.
Quê quán: Diễn Bình - Diễn Châu - Nghệ An
Chỗ ở hiện nay: C8A Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội

Quá trình công tác

Tốt nghiệp Trường Đại học Kinh Tài (nay là Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội).
Giảng viên Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Nghiên cứu sinh tại Bungari.
Vụ trưởng, Trưởng ban giáo vụ, Bí thư Đảng uỷ Học viện Hành chính Quốc gia.
Hiện là Chủ nhiệm khoa Tài chính - Kế toán Trường Đại học Quản lý và Kinh doanh Hà Nội.
Thành viên Hội Khoa học kinh tế Việt Nam.
Được phong Giáo sư năm 1996.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1976

Tại Trường Đại học Kinh tế Các Mác - Sofia - Bungari.
Chuyên ngành Tài chính - Tín dụng.

Đề tài luận án

Sự tham gia của tín dụng vào trong định mức vốn lưu động của các xí nghiệp công nghiệp.

Nội dung

Phân tích đặc điểm chu chuyển của vốn lưu động định mức trong các xí nghiệp công nghiệp, sự cần thiết phải tham gia của tín dụng ngân hàng. Chứng minh và rút ra những công thức tính về sự tham gia của tín dụng trong quá trình hình thành định mức vốn lưu động của xí nghiệp công nghiệp. Giải pháp ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp.

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Giáo trình.
Lưu thông tiền tệ và tín dụng Việt Nam. Đại học Kinh tế kế hoạch.
Công vụ và công chức. Học viện Hành chính Quốc gia.
Thể chế hành chính các nước trên thế giới.
Tổ chức hành chính các nước ASEAN.
Hành chính học đại cương. Nxb Chính trị Quốc gia.
Tham gia soạn: *Từ điển Pháp Việt về hành chính và pháp lý.*
Quản lý nhà nước về tài chính - tiền tệ.
Nhiều bài nghiên cứu trên các tạp chí trong và ngoài nước.
Chủ trì đề tài: Xây dựng đội ngũ công chức (cấp Bộ).
Tham gia về hệ thống chính trị Việt Nam (cấp Nhà nước).
Hướng dẫn nghiên cứu sinh.
Tham gia Hội đồng chấm luận án và đề tài khoa học.
Huân chương chống Mỹ hạng ba.
Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
Nhà giáo ưu tú.

Dự định khoa học

Viết giáo trình tài chính - kế toán, công vụ, công chức...
Hướng dẫn nghiên cứu sinh.

Lời Tiến sĩ

Sự hưng thịnh của quốc gia tuỳ thuộc rất lớn vào tài năng và phẩm chất của con người. Nhân tài là báu vật của đất nước. Muốn có nhân tài phải đào tạo, chăm chút và tạo điều kiện cho nhân tài phát triển. Xu hướng thị trường hoá giáo dục đào tạo đang nảy nở nhanh chóng làm băng hoại trí tuệ con người. Đó là một nguy cơ. Bởi vậy, phải chấn hưng nền giáo dục, chấn hưng đạo đức.



LÊ THU YẾN

Tiến sĩ Ngữ văn

Sinh ngày: 29 - 10 - 1958.
Quê quán: Thành phố Hồ Chí Minh
Chỗ ở hiện nay: 288/9 An Dương Vương - Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác

Cán bộ giảng dạy khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện là Chủ nhiệm bộ môn Văn học Việt Nam, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
Hội viên Hội nghiên cứu giảng dạy văn học.

Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1998.

Tại Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
Chuyên ngành Ngữ văn.

Đề tài luận án

Khảo sát một số đặc điểm thơ chữ Hán Nguyễn Du.

Nội dung

Những vấn đề liên quan đến văn bản thơ chữ Hán Nguyễn Du; Quá trình thu thập di cảo thơ chữ Hán Nguyễn Du; Tình trạng các văn bản hiện có; Các sắp xếp cụ thể từng phần trong tập thơ; Sự sai biệt về từ ngữ và vấn đề dịch nghĩa trong các văn bản thơ chữ Hán Nguyễn Du; Hình tượng nghệ thuật về con người, thời gian nghệ thuật, không gian nghệ thuật.
Hình tượng nghệ thuật về con người:
Con người lãng mạn, lo âu, đau khổ; Thời gian nghệ thuật; Thời gian ủa tàn; Thời gian ký ức; Thời gian - khoảnh khắc; Không gian nghệ thuật; Không gian nhỏ hẹp; Không gian rộng lớn
Ngôn ngữ nghệ thuật:
Câu thơ; Câu trần thuật; Câu nghi vấn; Câu cảm thán; Câu cầu khiến; Câu đảo trang; Từ ngữ; Hư từ; Từ tự xưng; Từ mang chức năng biểu cảm; Từ mang ý nghĩa triết lý; Một số từ đặc biệt thường thấy; Kết luận

Thành tựu khoa học

Sách đã xuất bản:
Thơ văn Đồng Tháp, tập I, II, (đồng tác giả). Nxb Tổng hợp Đồng Tháp; *Về cuốn sách Chinh phụ ngâm và tâm thức lãng mạn của kẻ lưu đày* của Lê Tuyên; *Cao Bá Quát, một tiếng thơ về lòng chung thuỷ*. Kỷ yếu; *Vấn đề dịch nghĩa trong các văn bản thơ chữ Hán Nguyễn Du*. Trường Đại học Sư phạm; *Nguyễn Du toàn tập*, tập I, II (đồng tác giả), Nxb Văn học - Trung tâm Quốc học thành phố Hồ Chí Minh; *Văn học trung đại Việt Nam* (đồng tác giả). Giáo trình Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh; *Thơ thu Nguyễn Du*. Kỷ yếu Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh; *Thời gian nghệ thuật trong thơ chữ Hán Nguyễn Du* (tạp chí Văn học); *Đặc điểm nghệ thuật thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Nxb Thanh niên, thành phố Hồ Chí Minh; *Không gian nghệ thuật trong thơ chữ Hán Nguyễn Du* (tạp chí Văn học); *Văn học Việt Nam, văn học Trung đại - những công trình nghiên cứu* (chủ biên), Nxb Giáo dục, thành phố Hồ Chí Minh; *Nguyễn Du và truyện Kiều trong cảm hứng thơ người đời sau*, Nxb Giáo dục, thành phố Hồ Chí Minh; *Nguyễn Du, nhà văn trong nhà trường*, Nxb Giáo dục, thành phố Hồ Chí Minh (sắp in).

Dự định khoa học

Viết giáo trình đại học và nghiên cứu văn học trung đại.

MỤC LỤC

TIẾN SĨ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI - TẬP HAI

STT	HỌ TÊN	Trang
	A	
1	ĐỖ VĂN ÁI	17
2	TRƯƠNG CÔNG AM	18
3	ĐẶNG THỊ AN	19
4	HOÀNG TƯ AN	20
5	HOÀNG VĂN AN	21
6	NGUYỄN HỮU AN	22
7	NGUYỄN MẠNH AN	23
8	NGUYỄN THÚC AN	24
9	PHAN AN	25
10	ĐẶNG ANH	26
11	HOÀNG THỊ ANH	27
12	LÊ HOÀNG ANH	28
13	NGUYỄN NGỌC ANH	29
14	PHẠM KỲ ANH	30
15	PHẠM THỊ KIM ANH	31
16	PHAN THỊ THU ANH	32
17	VŨ QUANG ANH	33
18	ĐÀO TUẤN ẢNH	34
19	ĐÀO THANH ÂM	35
20	HÀ ĐẢM ÂN	36
21	NGUYỄN BÁ ÂN	37
22	TRẦN VĂN ÂN	38
23	VŨ HOÀI ÂN	39
24	CHÂU NGỌC ẨN	40
	B	
25	ĐẶNG VĂN BA	41
26	TRẦN VĂN BA	42
27	ĐỖ TRỌNG BÁ	43
28	LÊ HUY BÁ	44
29	NGUYỄN BÁ	45
30	NGUYỄN QUANG BÀI	46
31	THÁI TRẦN BÁI	47
32	LƯƠNG GIA BAN	48
33	ĐÀO TIẾN BẢN	49
34	MAI VĂN BẠN	50
35	ĐẶNG TRẦN BẢNG	51
36	ĐỖ VĂN BẢNG	52
37	NGUYỄN ĐÌNH BẢNG	53
38	PHẠM QUỐC BẢO	54
39	TRẦN BẢO	55
40	TRẦN KIM BẢO	56
41	LÊ THÁI BẠT	57
42	ĐÀO ĐÌNH BẮC	58
43	NGUYỄN DUY BẮC	59
44	PHẠM VĂN BẮC	60
45	TRẦN ĐÌNH BẮC	61
46	ĐỖ KIM BẰNG	62
47	LÊ VĂN BẨM	63
48	NGUYỄN TIẾN BẢN	64
49	NGUYỄN ĐÌNH BÉ	65
50	ĐÀO HUY BÍCH	66
51	HÀ VĂN BÍCH	67
52	NGUYỄN NGỌC BÍCH	68
53	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	69
54	PHẠM THỊ NGỌC BÍCH	70
55	LÊ KIM BIÊN	71
56	CAO DUY BÌNH	72
57	ĐỖ QUANG BÌNH	73
58	ĐỖ QUỐC BÌNH	74
59	ĐỖ THANH BÌNH	75
60	HÀ THỊ THANH BÌNH	76
61	HOÀNG NGUYỄN BÌNH	77
62	NGUYỄN BÌNH	78
63	NGUYỄN VĂN BÌNH	79
64	NGUYỄN VĂN BÌNH	80
65	PHẠM THANH BÌNH	81
66	TRẦN THỊ THANH BÌNH	82
67	VŨ THỊ BÌNH	83
68	LÊ TRẦN BỈNH	84
69	NGUYỄN HỒNG BỈNH	85
70	NGÔ ĐÌNH BÍNH	86

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
71	VŨ THƯỜNG BỐI	87	112	ĐINH VĂN CHIẾN	128
72	LÊ THỊ BỪNG	88	113	LÊ VĂN CHIẾN	129
73	NGÔ VĂN BƯU	89	114	NGUYỄN CHIẾN	130
74	NGUYỄN TIẾN BỬU	90	115	VIÊN CHINH CHIẾN	131
			116	ĐẶNG CHIỂU	132
	C		117	HỒ VĂN CHIỂU	133
			118	ĐẶNG NAM CHINH	134
75	PHẠM VĂN CA	91	119	LÊ VĂN CHINH	135
76	BÙI DUY CAM	92	120	NGUYỄN HỮU CHINH	136
77	NGUYỄN CAM	93	121	NÔNG QUỐC CHINH	137
78	NGUYỄN THƠ CÁC	94	122	BÙI XUÂN CHỈNH	138
79	VÕ TỬ CAN	95	123	ĐINH VĂN CHỈNH	139
80	NGUYỄN TRUNG CANG	96	124	HOÀNG THỊ CHỈNH	140
81	NGUYỄN TIẾN CẢNH	97	125	NGUYỄN HỮU CHỈNH	141
82	ĐỖ MINH CAO	98	126	VŨ ĐÀO CHỈNH	142
83	NGÔ ĐỨC CÁT	99	127	LÊ ĐỨC CHÍNH	143
84	VŨ NGỌC CẦN	100	128	LÊ VĂN CHÍNH	144
85	ĐẶNG NGỌC CẦN	101	129	NGUYỄN CHÍNH	145
86	LÊ HỮU CẦN	102	130	NGUYỄN THỊ CHÍNH	146
87	LƯƠNG SỸ CẦN	103	131	PHẠM LIÊM CHÍNH	147
88	PHAN VĨNH CẨN	104	132	PHẠM QUỐC CHÍNH	148
89	NGUYỄN TRẦN CẤU	105	133	TRẦN VĂN CHÍNH	149
90	PHAN ĐĂNG CẤU	106	134	VŨ ĐÌNH CHÍNH	150
91	NGUYỄN CHÁNH	107	136	VŨ ĐÌNH CHÍNH	151
92	ĐÀO NGỌC CHẨN	108	136	NGUYỄN HỮU CHU	152
93	HOÀNG MINH CHÂU	109	137	THÁI BÁ CHU	153
94	LÊ THỊ CHÂU	110	138	TRẦN VĂN CHU	154
95	NGÔ QUÝ CHÂU	111	139	BÙI ĐÌNH CHỦ	155
96	NGUYỄN NGỌC CHÂU	112	140	NGUYỄN TRỌNG CHUẨN	156
97	NGUYỄN THỊ DIỄM CHÂU	113	141	LƯU VĂN CHÚC	157
98	NGUYỄN VĂN CHÂU	114	142	BÙI ĐÌNH CHUNG	158
99	NGUYỄN VĂN CHÂU	115	143	ĐẶNG HỮU CHUNG	159
100	NGUYỄN VĂN CHÂU	116	144	HOÀNG CHUNG	160
101	PHAN ĐÌNH CHÂU	117	145	NGUYỄN THỊ CHUNG	161
102	TRẦN ĐÌNH CHÂU	118	146	NGUYỄN VĂN CHỪNG	162
103	TRẦN THỌ CHÂU	119	147	NGUYỄN VĂN CHƯƠNG	163
104	TRỊNH NGỌC CHÂU	120	148	NGUYỄN VĂN CHƯƠNG	164
105	VÕ TRUNG CHÂU	121	149	PHẠM ĐỨC CHƯƠNG	165
106	ĐẶNG XUÂN CHẾ	122	150	PHẠM KHẮC CHƯƠNG	166
107	NGÔ THẾ CHI	123	151	TRƯƠNG VĂN CÓ	167
108	CAO VĂN CHÍ	124	152	NGUYỄN THỊ CÔI	168
109	NGUYỄN HỮU CHÍ	125	153	NGUYỄN NGỌC CƠ	169
110	NGUYỄN TRUNG CHÍ	126	154	PHAN TỪ CƠ	170
111	ĐẶNG NGỌC CHIẾN	127	155	TRẦN VĂN CƠ	171

STT	HỌ TÊN	Trang
156	PHẠM THỊ CÚC	172
157	TẠ THU CÚC	173
158	PHAN TRỌNG CUNG	174
159	BÙI QUANG CỪ	175
160	LƯU ĐÀM CƯ	176
161	LƯƠNG MINH CỪ	177
162	NGUYỄN CỬ	178
163	ĐẶNG VĂN CƯƠNG	179
164	HUỲNH CƯỜNG	180
165	LÊ VĂN CƯỜNG	181
166	NGUYỄN TẤN CƯỜNG	182
167	TÔN QUANG CƯỜNG	183
168	TRẦN TIẾN CƯỜNG	184
169	TRẦN VĂN CƯỜNG	185
170	TRẦN VĂN CƯỜNG	186
171	TRỊNH HÙNG CƯỜNG	187
172	TRƯƠNG QUỐC CƯỜNG	188
173	VŨ CÔNG CƯỜNG	189
	D	
174	LÊ VINH DANH	190
175	NGUYỄN THỊ NGỌC DAO	191
176	NGUYỄN CÔNG DÂN	192
177	NGUYỄN VI DÂN	193
178	VŨ VĂN DÂN	194
179	CÙ XUÂN DẦN	195
180	TRẦN VĂN DẦN	196
181	VÕ QUANG DIỆM	197
182	VŨ DIỄN	198
183	TRỊNH QUANG DIỆN	199
184	VŨ VĂN DIỆN	200
185	DƯƠNG TUẤN DIỆP	201
186	ĐÀO THỊ PHƯƠNG DIỆP	202
187	NGUYỄN ĐỨC DOANH	203
188	LÊ ĐÌNH DON	204
189	TRẦN ĐĂNG DONG	205
190	LÂM QUANG DỐC	206
191	NGUYỄN ĐĂNG DỜN	207
192	NGUYỄN QUANG DU	208
193	LÊ DỤ	209
194	NGUYỄN VĂN DỤC	210
195	NGUYỄN VĂN DỤC	211
196	PHAN HUY DỤC	212
197	ĐOÀN MINH DUỆ	213
198	ĐỖ THỊ NGỌC DUNG	214
199	LÂM THỊ MỸ DUNG	215
200	LÊ THỊ NGỌC DUNG	216
201	NGÔ THỊ THU DUNG	217
202	NGUYỄN DUNG	218
203	NGUYỄN HUY DUNG	219
204	NGUYỄN THỊ DUNG	220
205	NGUYỄN TINH DUNG	221
206	TRẦN THỊ DUNG	222
207	TRẦN THỊ KIM DUNG	223
208	VĂN MỸ DUNG	224
209	ĐÀO VĂN DŨNG	225
210	HỒ THƯỢNG DŨNG	226
211	LÊ ANH DŨNG	227
212	LÊ BÁ DŨNG	228
213	LÊ PHƯỚC DŨNG	229
214	LÊ VIỆT DŨNG	230
215	NGUYỄN ANH DŨNG	231
216	NGUYỄN CHÍ DŨNG	232
217	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	233
218	NGUYỄN ĐỒNG DŨNG	234
219	NGUYỄN TIẾN DŨNG	235
220	NGUYỄN TRÍ DŨNG	236
221	NGUYỄN VIỆT DŨNG	237
222	PHẠM TIẾN DŨNG	238
223	TRẦN MẠNH DŨNG	239
224	VÕ DŨNG	240
225	VŨ VĂN DŨNG	241
226	HÀ THỊ DỤNG	242
227	ĐẶNG TRẦN DUY	243
228	HUỲNH VĂN DUYÊN	244
229	PHẠM ĐẮC DUYÊN	245
230	BÙI THANH DUYẾN	246
231	NGUYỄN HỒNG DƯ	247
232	NGUYỄN THỊ DƯ	248
233	NGUYỄN HỮU DỰC	249
234	ĐỖ HOÀI DƯƠNG	250
235	LÊ VĂN DƯƠNG	251
236	NGÔ QUANG DƯƠNG	252
237	NGUYỄN CAO DƯƠNG	253

STT	HỌ TÊN	Trang
	Đ	
238	HOÀNG VĂN ĐA	254
239	TRẦN THỊ ĐÀ	255
240	BÙI ĐẠI	256
241	TÔ NGỌC ĐẠI	257
242	TÔN THẤT ĐẠI	258
243	DƯƠNG QUÝ ĐÀM	259
244	ĐỖ TRUNG ĐÀM	260
245	NGUYỄN QUÝ ĐÀM	261
246	ĐINH VĂN ĐÀN	262
247	NGUYỄN VĂN ĐÀN	263
248	TRẦN TRỌNG ĐĂNG ĐÀN	264
249	NGUYỄN DƯƠNG ĐÁN	265
250	VŨ ĐỨC ĐÁN	266
251	LÊ ĐĂNG ĐẢNH	267
252	ĐẶNG VĂN ĐẠM	268
253	PHẠM VĂN ĐẠO	269
254	TRẦN MINH ĐẠO	270
255	ĐẶNG THỊ ĐÁP	271
256	ĐẶNG TUẤN ĐẠT	272
257	ĐỖ NGỌC ĐẠT	273
258	TRẦN TẤT ĐẠT	274
259	HOÀNG CÔNG ĐẮC	275
260	NGUYỄN LÊ ĐẮC	276
261	PHẠM VĂN ĐẮC	277
262	TRẦN QUỐC ĐẮC	278
263	TRẦN ĐÌNH ĐẲNG	279
264	NGUYỄN XUÂN ĐẶNG	280
265	TRẦN BÁ ĐỆ	281
266	NGUYỄN ĐẠI ĐIỀN	282
267	ĐẶNG QUANG ĐIỀU	283
268	VŨ BẰNG ĐÌNH	284
269	NGUYỄN HỮU ĐÌNH	285
270	LÊ VĂN ĐÍNH	286
271	ĐINH XUÂN ĐỊNH	287
272	NGUYỄN XUÂN ĐỊNH	288
273	PHẠM VĂN ĐỊNH	289
274	THÁI KHẮC ĐỊNH	290
275	NGUYỄN XUÂN ĐÓA	291
276	NGUYỄN HUY ĐOAN	292
277	NGUYỄN XUÂN ĐOAN	293
278	NGUYỄN VĂN ĐOAN	294
279	NGUYỄN THÀNH ĐÔ	295
280	NGUYỄN KHẮC ĐỖ	296
281	NGUYỄN VĂN ĐỘ	297
282	VŨ XUÂN ĐỘ	298
283	TRẦN ĐÌNH ĐÔNG	299
284	HOÀNG NGỌC ĐỒNG	300
285	NGUYỄN HỮU ĐỒNG	301
286	DƯ ĐÌNH ĐỘNG	302
287	ĐINH VĂN ĐỨC	303
288	ĐỖ THỊ MINH ĐỨC	304
289	ĐỖ VĂN ĐỨC	305
290	HÀ ĐÌNH ĐỨC	306
291	HOÀNG ĐỨC	307
292	HOÀNG SĨ ĐỨC	308
293	KIỀU THẾ ĐỨC	309
294	LÊ VĂN ĐỨC	310
295	NGUYỄN BÁ ĐỨC	311
296	NGUYỄN ĐỒNG ĐỨC	312
297	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	313
298	NGUYỄN HỮU ĐỨC	314
299	NGUYỄN HỮU ĐỨC	315
300	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	316
301	PHẠM THỊ ĐỨC	317
302	TRẦN MINH ĐỨC	318
303	NGUYỄN MINH ĐƯỜNG	319
304	HOÀNG NGỌC ĐƯỜNG	320
305	NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG	321
	G	
306	HUỲNH THỊ GẤM	322
307	NGUYỄN DUY GIA	323
308	BÙI MINH GIÁM	324
309	VŨ ĐÌNH GIÁM	325
310	NGUYỄN ĐÌNH GIANG	326
311	VŨ MINH GIANG	327
312	ĐẶNG VĂN GIÁP	328
313	NGÔ ĐÌNH GIAO	329
	H	
314	ĐẶNG THANH HÀ	330
315	NGUYỄN NHƯ HÀ	331
316	NGUYỄN THỊ HÀ	332
317	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	333
318	NGUYỄN TRỌNG HÀ	334
319	PHẠM MINH HÀ	335
320	TRẦN NGỌC HÀ	336

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
321	HOÀNG VĂN HẠCH	337	365	NGUYỄN THÁI HÒA	381
322	TẠ VĂN HẢI	338	366	TRẦN THÁI HÒA	382
323	AN NHƯ HẢI	339	367	TRỊNH MẠNH HÒA	383
324	HOÀNG HẢI	340	368	BÙI VĂN HOAN	384
325	HOÀNG THANH HẢI	341	369	NGUYỄN DUY HOAN	385
326	HỒ THANH HẢI	342	370	THIỀU VĂN HOAN	386
327	LƯU ĐỨC HẢI	343	371	TRẦN CÔNG HOAN	387
328	LƯU ĐỨC HẢI	344	372	NGUYỄN THẾ HOÀN	388
329	LƯƠNG ĐÌNH HẢI	345	373	ĐINH HUY HOÀNG	389
330	NGUYỄN HẢI	346	374	ĐOÀN DUY HOÀNG	390
331	PHAN VĂN HẢI	347	375	NGUYỄN ANH HOÀNG	391
332	LÊ QUỐC HÁN	348	376	TRẦN BÁ HOÀNH	392
333	TRẦN TRỌNG HANH	349	377	ĐẶNG VŨ HOẠT	393
334	VÕ HÀNH	350	378	ĐÀO XUÂN HỌC	394
335	LÊ THỊ ĐỨC HẠNH	351	379	PHAN VĂN HOẶC	395
336	NGUYỄN NGỌC HẠNH	352	380	ĐỖ NGỌC HOÈ	396
337	NGUYỄN NGỌC HẠNH	353	381	NGUYỄN ĐÌNH HOÈ	397
338	NGUYỄN VĂN HẠNH	354	382	TRỊNH NGỌC HỒ	398
339	NGUYỄN ĐÌNH HÀO	355	383	HUỲNH THỊ KIM HỐI	399
340	TRƯƠNG THỊ THÚY HẰNG	356	384	LÊ XUÂN HỒNG	400
341	TRỊNH HÂN	357	385	NGUYỄN PHÙNG HỒNG	401
342	NGUYỄN ĐỨC HẬN	358	386	NGUYỄN THỊ LƯƠNG HỒNG	402
343	CHÂU QUANG HIỀN	359	387	NGUYỄN THỊ MAI HỒNG	403
344	HOÀNG THỊ MINH HIẾN	360	388	NGUYỄN VIẾT HỒNG	404
345	NGUYỄN MẠNH HIẾN	361	389	ĐÀO XUÂN HỢI	405
346	TRẦN DIỄN HIỂN	362	390	NGUYỄN NGỌC HỢI	406
347	TRỊNH ĐỨC HIỂN	363	391	TRẦN MINH HỢI	407
348	TRỊNH VINH HIỂN	364	392	MAI ĐÌNH HỢP	408
349	PHÙNG MINH HIẾN	365	393	TRẦN VĂN HỢP	409
350	NGUYỄN TIẾN HIỆP	366	394	PHẠM MINH HUÂN	410
351	VŨ VĂN HIẾU	367	395	PHAN THÚC HUÂN	411
352	TRẦN VĂN HIẾU	368	396	LÊ THANH HUẤN	412
353	LÊ ĐỨC HINH	369	397	PHẠM QUANG HUẤN	413
354	PHI TUYẾT HINH	370	398	TRẦN HỮU HUÊ	414
355	TRẦN DUY HINH	371	399	BÙI VĂN HUỆ	415
356	HỒ BÁ HOA	372	400	NGUYỄN CẢNH HUỆ	416
357	LÊ THỊ TUYẾT HOA	373	401	NGUYỄN ĐỨC HUỆ	417
358	TRẦN THÁI HOA	374	402	TRỊNH NGỌC HUỆ	418
359	VŨ HOÀNG HOA	375	403	VÕ THỊ KIM HUỆ	419
360	ĐINH CÔNG HÒA	376	404	ĐÀO TRỌNG HÙNG	420
361	ĐINH THỊ PHƯƠNG HÒA	377	405	ĐẶNG NGỌC HÙNG	421
362	HOÀNG NGỌC HÒA	378	406	HÀ MINH HÙNG	422
363	NGUYỄN CHÍ HÒA	379	407	NGUYỄN BÍCH HÙNG	423
364	NGUYỄN ĐỨC HÒA	380	408	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	424

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
409	NGUYỄN MẠNH HÙNG	425	449	NGUYỄN XUÂN KHANG	465
410	NGUYỄN QUANG HÙNG	426	450	TỐNG ĐỨC KHANG	466
411	NGUYỄN QUỐC HÙNG	427	451	VŨ VĂN KHANG	467
412	PHẠM MINH HÙNG	428	452	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNG	468
413	PHẠM TRẦN HÙNG	429	453	NGUYỄN VĂN KHÁNG	469
414	QUẢN TRỌNG HÙNG	430	454	NGUYỄN CÔNG KHANH	470
415	TRẦN MẠNH HÙNG	431	455	NGUYỄN CÔNG KHANH	471
416	VÕ TRỌNG HÙNG	432	456	NGUYỄN NHƯ KHANH	472
417	VŨ MẠNH HÙNG	433	457	NGÔ ĐỒNG KHANH	473
418	ĐỖ QUANG HUY	434	458	DƯƠNG VĂN KHÁNH	474
419	TRẦN TINH HUY	435	459	LÊ ĐÌNH KHÁNH	475
420	DƯƠNG ĐỨC HUYỀN	436	460	NGUYỄN GIA KHÁNH	476
421	KIM NGỌC HUỲNH	437	461	NGUYỄN KIM KHÁNH	477
422	LÊ HUỲNH	438	462	NGUYỄN TRỌNG KHÁNH	478
423	LÊ CÔNG HUỲNH	439	463	TRẦN CÔNG KHÁNH	479
424	NGUYỄN ĐỨC HUỲNH	440	464	TRẦN QUANG KHÁNH	480
425	VÕ HUỲNH	441	465	VƯƠNG ĐÌNH KHÁNH	481
426	BÙI VĂN HỨC	442	466	NGÔ VĂN KHẾ	482
427	ĐẶNG VĂN HƯNG	443	467	ĐỖ TUẤN KHIÊM	483
428	ĐỖ CHÍ HƯNG	444	468	TRƯƠNG XUÂN KHIÊM	484
429	LÊ NGỌC HƯNG	445	469	NGUYỄN XUÂN KHIÊN	485
430	LÊ VĂN HƯNG	446	470	PHẠM VĂN KHIÊN	486
431	NGUYỄN ĐẮC HƯNG	447	471	VŨ THANH KHIẾT	487
432	NGUYỄN VŨ QUỐC HƯNG	448	472	MAI TRỌNG KHOA	488
433	NGÔ NGỌC HƯNG	449	473	NGUYỄN ĐÌNH KHOA	489
434	PHÙNG BÁ HƯNG	450	474	NGUYỄN XUÂN KHOA	490
435	LÊ THIÊN HƯƠNG	451	475	VŨ ĐĂNG KHOA	491
436	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	452	476	LÊ TRỌNG KHOAN	492
437	HUỲNH ĐĂNG HY	453	477	VŨ KHẮC KHOAN	493
438	NGUYỄN PHỤ HY	454	478	HÀ HUY KHÔI	494
	K		479	LÊ VĂN KHÔI	495
			480	LÊ VŨ KHÔI	496
			481	NGUYỄN HỮU KHÔI	497
439	LÊ HỒNG KẾ	455	482	NGUYỄN KHẮC KHÔI	498
440	NGUYỄN NGỌC KHA	456	483	NGUYỄN VĂN KHÔI	499
441	PHAN VĂN KHA	457	484	PHẠM XUÂN KHÔI	500
442	ĐỖ MINH KHAI	458	485	VŨ XUÂN KHÔI	501
443	NGUYỄN HỮU KHẢI	459	486	CAO TẤN KHỔNG	502
444	PHẠM NGỌC KHÁI	460	487	NGUYỄN XUÂN KHU	503
445	ĐÀO KHANG	461	488	ĐẶNG VŨ KHÚC	504
446	LÊ VĂN KHANG	462	489	ĐỖ VĂN KHƯƠNG	505
447	NGUYỄN KHANG	463	490	TRẦN HẬU KIÊM	506
448	NGUYỄN QUÝ KHANG	464	491	NGUYỄN ĐÌNH KIỆM	507

STT	HỌ TÊN	Trang
492	LÊ CHÍ KIÊN	508
493	TRẦN KIÊN	509
494	NGUYỄN NGỌC KIỂNG	510
495	NGUYỄN ANH KIỆT	511
496	HOÀNG ĐỨC KIỆT	512
497	PHẠM VĂN KIỀU	513
498	BÙI VĂN KIM	514
499	HOÀNG TRỌNG KIM	515
500	NGUYỄN HUY KIM	516
501	NGUYỄN NHƯỢC KIM	517
502	PHAN THỊ KIM	518
503	HOÀNG VĂN KỲ	519
504	TRƯƠNG THẾ KỶ	520
505	HÀ KÝ	521
506	LÊ ĐÌNH KÝ	522
	L	
507	NGUYỄN ĐỨC LA	523
508	TRƯƠNG VĂN LÃ	524
509	NGUYỄN CAO LẠC	525
510	LÊ NHƯ LAI	526
511	NGUYỄN ĐẠI LAI	527
512	NGUYỄN VĂN LAI	528
513	DƯƠNG DANH LAM	529
514	NGUYỄN LÃM	530
515	NGUYỄN THỊ LAN	531
516	NGUYỄN VĂN LAN	532
517	PHẠM PHƯƠNG LAN	533
518	TRẦN NGỌC LAN	534
519	NGUYỄN XUÂN LẠN	535
520	PHẠM THỊ NGUYỆT LĂNG	536
521	NGUYỄN VĂN LẠP	537
522	LÊ HÙNG LÂM	538
523	NGUYỄN VĂN LÂM	539
524	THÁI QUÝ LÂM	540
525	TRẦN QUANG LÂM	541
526	TRƯƠNG MỘC LÂM	542
527	CAO NGỌC LẦN	543
528	DƯƠNG ĐỨC LẦN	544
529	NGUYỄN LẦN	545
530	NGUYỄN HỮU LẦN	546
531	NGUYỄN KHOA LẦN	547
532	NGUYỄN VĂN LẦN	548
533	PHẠM HOÀNG LÂN	549
534	NGUYỄN VĂN LÊ	550
535	TRẦN THỊ LỆ	551
536	PHẠM SỸ LIÊM	552
537	PHAN LIÊM	553
538	HUỲNH THỊ PHƯƠNG LIÊN	554
539	NGUYỄN NGỌC LIÊN	555
540	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	556
541	PHẠM THỊ LIÊN	557
542	TRẦN HỒNG LIÊN	558
543	VŨ KHẮC LIÊN	559
544	LÊ ĐẮC LIỄU	560
545	TRẦN VĂN LIỄU	561
546	ĐẶNG VĂN LIỄU	562
547	PHAN VĂN LINH	563
548	NGUYỄN THỊ LOAN	564
549	CAO ANH LONG	565
550	ĐINH ĐOÀN LONG	566
551	KHUẤT ĐĂNG LONG	567
552	NGUYỄN ĐÌNH LONG	568
553	NGUYỄN NGỌC LONG	569
554	NGUYỄN NGỌC LONG	570
555	TÔ ĐỨC LONG	571
556	TRẦN ĐÌNH LONG	572
557	VÕ KIM LONG	573
558	BÙI QUÝ LỘ	574
559	PHẠM ĐỨC LỘ	575
560	LÂM TÔ LỘC	576
561	LƯU CẨM LỘC	577
562	NGUYỄN BÁ LỘC	578
563	NGUYỄN NGÔ LỘC	579
564	NGUYỄN THỊ LỘC	580
565	NGUYỄN TIẾN LỘC	581
566	NÔNG THỊ LỘC	582
567	TRIỆU QUỐC LỘC	583
568	NGUYỄN HUY LỢI	584
569	LÊ THỊ LUẬN	585
570	PHẠM HỒNG LUẬN	586
571	TRƯƠNG XUÂN LUẬN	587
572	NGUYỄN VĂN LUẬT	588
573	NGUYỄN ĐÌNH LỤC	589
574	NGUYỄN ĐỨC LUNG	590
575	PHẠM VŨ LUYẾN	591

STT	HỌ TÊN	Trang
576	TRẦN HỮU LUYẾN	592
577	ĐÀO LUYỆN	593
578	ĐINH VĂN LUYỆN	594
579	NGUYỄN VĂN LUYỆN	595
580	THÁI THÀNH LƯỢM	596
581	HOÀNG LƯƠNG	597
582	HOÀNG LƯƠNG	598
583	LÊ LƯƠNG	599
584	NGUYỄN AN LƯƠNG	600
585	VÕ ĐÌNH LƯƠNG	601
586	NGUYỄN ĐỨC LƯỢNG	602
587	ĐÀO VĂN LƯỢNG	603
588	ĐỖ QUẾ LƯỢNG	604
589	LÊ VIẾT LƯỢNG	605
590	LƯU LƯỢNG	606
591	BÙI DANH LƯU	607
592	NGUYỄN VĂN LƯU	608
593	TRẦN VIẾT LƯU	609
594	LÊ QUỐC LÝ	610
595	TRẦN ĐÌNH LÝ	611
	M	
596	NGUYỄN VĂN MÃ	612
597	ĐẶNG MAI	613
598	HOÀNG THỊ MAI	614
599	NGUYỄN QUANG MAI	615
600	NGUYỄN THỊ THANH MAI	616
601	NGUYỄN XUÂN MAI	617
602	VŨ THỊ MAI	618
603	NGUYỄN XUÂN MÃN	619
604	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	620
605	PHẠM ĐỨC MẠNH	621
606	VŨ QUANG MẠNH	622
607	NGUYỄN SĨ MÃO	623
608	NGUYỄN VĂN MẠO	624
609	NGUYỄN PHƯƠNG MẬU	625
610	NGUYỄN VĂN MẬU	626
611	PHAN TÙNG MẬU	627
612	NGUYỄN MỄ	628
613	TÔN THỊ THẢO MIÊN	629
614	PHAN MIÊNG	630
615	DƯƠNG THỊ NGUYỆT MINH	631
616	HOÀNG QUANG MINH	632
617	HOÀNG TUYẾT MINH	633
618	HOÀNG VĂN MINH	634
619	LÊ QUANG MINH	635
620	NGUYỄN BÌNH MINH	636
621	NGUYỄN CẢNH MINH	637
622	NGUYỄN CÔNG MINH	638
623	NGUYỄN HỒNG MINH	639
624	NGUYỄN HỒNG MINH	640
625	NGUYỄN NGHIÊM MINH	641
626	NGUYỄN NGỌC MINH	642
627	NGUYỄN NGỌC MINH	643
628	NGUYỄN TUYẾT MINH	644
629	NGUYỄN VĂN MINH	645
630	PHẠM QUANG MINH	646
631	PHẠM THỊ NGỌC MINH	647
632	PHAN CAO MINH	648
633	PHAN THỊ NGUYỆT MINH	649
634	TRẦN THỊ LIÊN MINH	650
635	TRẦN VĂN MINH	651
636	NGUYỄN MỘNG	652
637	LÊ VĂN MỘT	653
638	LÃ ĐÌNH MỚI	654
639	NGUYỄN THỊ MÙI	655
640	LÊ MỰC	656
641	HOÀNG TIẾN MỸ	657
642	NGUYỄN HUY MỸ	658
643	NGUYỄN QUANG MỸ	659
	N	
644	ĐỖ THỊ NA	660
645	ĐẶNG GIA NẢI	661
646	ĐẶNG QUỐC NAM	662
647	ĐỖ VĂN NAM	663
648	NGUYỄN HOÀI NAM	664
649	TRẦN THU NAM	665
650	TRẦN VĂN NAM	666
651	VŨ NAM	667
652	LÊ NĂM	668
653	CAO MINH NGA	669
654	LÊ HOÀNG NGA	670
655	LƯƠNG THỊ KIM NGA	671

STT	HỌ TÊN	Trang
656	NGUYỄN THỊ KIM NGA	672
657	TRẦN BÍCH NGA	673
658	TRẦN THỊ THUÝ NGA	674
659	NGUYỄN VĂN NGANG	675
660	PHẠM GIA NGÂN	676
661	NGUYỄN NGHI	677
662	ĐOÀN HỮU NGHỊ	678
663	ĐỖ HỮU NGHỊ	679
664	TRẦN VIẾT NGHỊ	680
665	DƯƠNG HOÀI NGHĨA	681
666	NGUYỄN NGHĨA	682
667	NGUYỄN HỮU NGHĨA	683
668	NGUYỄN VIẾT NGHĨA	684
669	PHẠM ĐẮC NGHIÊM	685
670	PHẠM VĂN NGHIÊN	686
671	NGUYỄN VĂN NGỌ	687
672	NGUYỄN BẠCH NGỌC	688
673	NGUYỄN HỮU NGỌC	689
674	NGUYỄN THỊ BẠCH NGỌC	690
675	NGUYỄN VĂN NGỌC	691
676	TRỊNH THỊ KIM NGỌC	692
677	TRẦN SĨ NGUYÊN	693
678	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	694
679	LÊ MỸ NGỮ	695
680	LÊ VĂN NGỰ	696
681	NGÔ TRỰC NHÃ	697
682	TRẦN ĐÌNH NHÃ	698
683	ĐOÀN HẠNH NHÂN	699
684	NGUYỄN HỮU NHÂN	700
685	LÃ THỊ NHẪN	701
686	VÕ VĂN NHẬT	702
687	NGUYỄN VĂN NHỊ	703
688	VŨ THỊ NHO	704
689	NGUYỄN THỊ NHUNG	705
690	ĐINH THỊ QUỲNH NHƯ	706
691	TRƯƠNG VĂN NHƯ	707
692	TRƯƠNG SỸ NIÊM	708
693	PHẨM AN NINH	709
694	LÊ VĂN NÔNG	710
695	NGUYỄN NGỌC NÔNG	711
696	NGUYỄN THỊ NƯƠNG	712

P

STT	HỌ TÊN	Trang
697	NÔNG VĂN PÁO	713
698	NGUYỄN MẠNH PHA	714
699	NGUYỄN MẠNH PHAN	715
700	NGUYỄN XUÂN PHÁCH	716
701	LÊ ĐÌNH PHÁI	717
702	VŨ VĂN PHÁI	718
703	HOÀNG LONG PHÁT	719
704	NGUYỄN VĂN PHÁT	720
705	NGUYỄN DANH PHIÊN	721
706	NGHIÊM THỊ PHIẾN	722
707	CHU THANH PHONG	723
708	ĐÀO NGỌC PHONG	724
709	ĐẶNG XUÂN PHONG	725
710	NGÔ THÀNH PHONG	726
711	NGUYỄN DUY PHONG	727
712	TRẦN VĂN PHƠI	728
713	ĐẶNG HỮU PHÚ	729
714	HÀN ĐỨC PHÚ	730
715	NGUYỄN NGỌC PHÚ	731
716	NGUYỄN VĂN PHÚ	732
717	TRỊNH QUANG PHÚ	733
718	HOÀNG VĂN PHỤ	734
719	HOÀNG MỸ PHÚC	735
720	LÊ HỮU PHÚC	736
721	LÊ VĂN PHÚC	737
722	NGÔ ĐỨC PHÚC	738
723	NGUYỄN HỮU PHÚC	739
724	NGUYỄN VĂN PHÚC	740
725	NGUYỄN VĂN PHÚC	741
726	DƯƠNG HỮU PHÙNG	742
727	PHẠM THẾ PHÙNG	743
728	TRẦN VĂN PHÙNG	744
729	LÊ VĂN PHỦNG	745
730	VŨ THỊ PHỤNG	746
731	PHẠM HỮU PHỨC	747
732	LÊ THÀNH PHƯỚC	748
733	ĐÀO THỊ LAN PHƯƠNG	749
734	ĐỖ THANH PHƯƠNG	750
735	HOÀNG THỊ LAN PHƯƠNG	751
736	LÊ THỊ PHƯƠNG	752
737	NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG	753

STT	HỌ TÊN	Trang
738	PHAN HỒNG PHƯƠNG	754
739	TẠ HOÀ PHƯƠNG	755
740	TRẦN THANH PHƯƠNG	756
741	TRƯƠNG PHƯƠNG	757
742	VŨ THỊ PHƯƠNG	758
743	VŨ XUÂN PHƯƠNG	759
744	ĐỒNG VĂN PHƯỜNG	760
745	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	761
746	TRẦN THANH PÔN	762
	Q	
747	BÙI GIA QUANG	763
748	ĐẶNG VĂN QUANG	764
749	ĐỖ HUY QUANG	765
750	HUỲNH QUANG	766
751	LÊ NGUYỄN MINH QUANG	767
752	NGUYỄN BÁ QUANG	768
753	NGUYỄN HỮU QUANG	769
754	NGUYỄN NHẬT QUANG	770
755	NGUYỄN TUYÊN QUANG	771
756	PHẠM HỒNG QUANG	772
757	PHẠM HỒNG QUANG	773
758	PHẠM VĂN QUANG	774
759	THÁI THUẦN QUANG	775
760	TRẦN HỒNG QUANG	776
761	NGUYỄN VĂN QUẢNG	777
762	VÕ QUẢNG	778
763	PHẠM ĐÌNH QUẮC	779
764	ĐỖ TRUNG QUÂN	780
765	PHẠM QUỐC QUÂN	781
766	NGÔ VĂN QUẾ	782
767	NGUYỄN ANH QUẾ	783
768	NGUYỄN ĐĂNG QUẾ	784
769	NGUYỄN VĂN QUẾ	785
770	PHẠM THẾ QUẾ	786
771	ĐỖ KIẾN QUỐC	787
772	ĐÀO THỊ QUY	788
773	TRỊNH VĂN QUỲ	789
774	ĐÀO HUY QUÝ	790
775	HOÀNG VĂN QUÝ	791
776	HỒ SĨ QUÝ	792
777	NGUYỄN MẠNH QUÝ	793
778	NGUYỄN NGỌC QUÝ	794
779	PHẠM NGỌC QUÝ	795
780	TRẦN DUY QUÝ	796
781	VŨ DƯƠNG QUỲ	797
782	ĐỖ HỮU QUYẾT	798
783	NGÔ VĂN QUYẾT	799
784	NGUYỄN XUÂN QUỲNH	800
785	PHẠM HUY QUỲNH	801
786	HỒ VĂN QUỲNH	802
787	PHAN VĂN QUỲNH	803
788	TRƯƠNG HỮU QUỲNH	804
	R	
789	ĐỖ ĐÌNH RĂNG	805
790	ĐỖ THỊ THANH REN	806
791	NGUYỄN VĂN RIỀN	807
792	ĐẶNG NGỌC RIỆP	808
793	LÊ ĐÌNH ROANH	809
	S	
794	NGUYỄN MINH SANG	810
795	HỒ TẤN SÁNG	811
796	NGUYỄN VĂN SÁNG	812
797	PHẠM QUANG SÁNG	813
798	DƯƠNG VĂN SAO	814
799	NGUYỄN VĂN SÁU	815
800	TRỊNH SÂM	816
801	TRỊNH XUÂN SÉN	817
802	LÊ XUÂN SINH	818
803	NGUYỄN MỘNG SINH	819
804	NGUYỄN THỊ SINH	820
805	PHẠM XUÂN SINH	821
806	NGUYỄN VĂN SIÊM	822
807	MÔNG KÝ SLAY	823
808	PHẠM QUÝ SOẠN	824
809	NGUYỄN NGỌC SONG	825
810	LÊ VĂN SƠ	826
811	DƯƠNG VĂN SƠN	827
812	ĐÀO MẠNH SƠN	828
813	ĐẶNG TRƯỜNG SƠN	829

STT	HỌ TÊN	Trang
814	GIANG THỊ SƠN	830
815	LÊ KIM SƠN	831
816	NGUYỄN HỒNG SƠN	832
817	PHẠM MINH SƠN	833
818	PHAN QUỲNH SƠN	834
819	PHAN XUÂN SƠN	835
820	TÔN THẤT SƠN	836
821	TRẦN SƠN	837
822	TRẦN ĐÌNH SƠN	838
823	TRẦN HỮU SƠN	839
824	VÕ KIM SƠN	840
825	VŨ TRƯỜNG SƠN	841
826	PHẠM HỮU SY	842
827	ĐINH NGỌC SỸ	843
828	VŨ VĂN SỸ	844
	T	
829	BÙI THỊ TÁM	845
830	MAI DI TÁM	846
831	BÙI MINH TÂM	847
832	NGUYỄN NĂNG TÀM	848
833	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	849
834	PHẠM MINH TÂM	850
835	ĐÀO XUÂN TẤN	851
836	ĐOÀN PHAN TẤN	852
837	MAI THANH TẤN	853
838	NGUYỄN VĂN TẤN	854
839	NGUYỄN VĂN TẤN	855
840	PHẠM VĂN TẤN	856
841	PHẠM VĂN TẤN	857
842	LÊ HỮU TẦNG	858
843	NGUYỄN ĐĂNG TẾ	859
844	NGUYỄN VĂN THẠC	860
845	HÀ XUÂN THẠCH	861
846	PHẠM HỒNG THÁI	862
847	TRỊNH QUỐC THÁI	863
848	NGUYỄN VĂN THẮNG	864
849	ĐINH VĂN THANH	865
850	ĐOÀN DUY THANH	866
851	ĐỖ VĂN THANH	867
852	HOÀNG NGỌC THANH	868
853	LÊ VĂN THANH	869
854	NGUYỄN CHÍ THANH	870
855	NGUYỄT VIẾT THANH	871
856	CAO NGỌC THÀNH	872
857	ĐẶNG TRƯỜNG THÀNH	873
858	HÀ THỊ THÀNH	874
859	KHUẤT HUY THÀNH	875
860	LÊ ĐÌNH THÀNH	876
861	NGÔ VĂN THÀNH	877
862	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	878
863	PHẠM VỌNG THÀNH	879
864	PHAN XUÂN THÀNH	880
865	TRẦN QUỐC THÀNH	881
866	TRỊNH CÔNG THÀNH	882
867	VŨ ĐÌNH THÀNH	883
868	PHẠM NGỌC THẠO	884
869	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	885
870	TRẦN VĂN THẢO	886
871	CAO THẮNG	887
872	NGUYỄN QUANG THẮNG	888
873	NGUYỄN VĂN THẮNG	889
874	PHẠM TẤT THẮNG	890
875	PHẠM TRƯỜNG THẮNG	891
876	THÁI VĨNH THẮNG	892
877	LÊ VĂN THÂN	893
878	NGUYỄN TƯ THẾ	894
879	NGÔ THẾ THI	895
880	NGUYỄN VIẾT THI	896
881	TRẦN MINH THI	897
882	KHỔNG ĐỨC THIÊM	898
883	ĐÀO KIẾN THIẾT	899
884	ĐỖ TRỌNG THIỀU	900
885	ĐẶNG THỊ THÌN	901
886	VŨ QUANG THỌ	902
887	LƯƠNG THỊ THOA	903
888	BÙI XUÂN THÔNG	904
889	LÊ VĂN THÔNG	905
890	NGUYỄN NGỌC THÔNG	906
891	NGUYỄN VÕ THÔNG	907
892	TÔ THỊ MINH THÔNG	908
893	ĐỖ THỊ THU	909
894	ĐINH THỊ BÍCH THU	910
895	NGUYỄN NGÔ THỊ HOÀI THU	911
896	NGUYỄN THỊ XUÂN THU	912
897	TÔ VĂN THỤ	913

STT	HỌ TÊN	Trang
898	NGÔ TRỌNG THUẬN	914
899	NGUYỄN KIM THUẬN	915
900	NGUYỄN THỊ MINH THUẬN	916
901	NGUYỄN VĂN THỤC	917
902	NGUYỄN ĐÌNH THUỒNG	918
903	LỘC PHƯƠNG THUỶ	919
904	ĐỖ VĂN THUYẾT	920
905	NGUYỄN THỨ	921
906	NGUYỄN XUÂN THỨC	922
907	THÁI DUY THỨC	923
908	ĐINH HẠNH THƯNG	924
909	TRẦN LINH THƯỚC	925
910	NGUYỄN THƯỢC	926
911	PHẠM THƯỢC	927
912	PHAN VĂN TÍCH	928
913	VÕ TIẾM	929
914	ĐINH VĂN TIẾN	930
915	MẠC VĂN TIẾN	931
916	VŨ HỒNG TIẾN	932
917	NGUYỄN THỊ TĨNH	933
918	ĐỖ THỊ TÍNH	934
919	TRẦN KIM TÍNH	935
920	ĐỒNG NGỌC TOÀN	936
921	LÊ VĂN TOÀN	937
922	NGUYỄN HỮU TOÀN	938
923	NGUYỄN VĂN TOÀN	939
924	TÔ THỊ TOÀN	940
925	VÕ ĐÌNH TOÀN	941
926	TRẦN ĐÌNH TOÁN	942
927	ĐỖ ĐÌNH TỐNG	943
928	NGUYỄN KHẮC TRÀ	944
929	BÙI ĐẠT TRÂM	945
930	NGUYỄN TẤT TRÂM	946
931	NGUYỄN THỊ TRÂM	947
932	NGUYỄN ĐỨC TRÍ	948
933	LÊ VĂN TRÌNH	949
934	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	950
935	ĐÀM QUỐC TRỤ	951
936	BÙI TRUNG	952
937	PHẠM NGỌC TRUNG	953
938	ĐOÀN NHẬT TRƯỜNG	954
939	LÊ VĂN TRƯỜNG	955
940	MAI TRỌNG TÚ	956
941	NGUYỄN HUY TÚ	957
942	LÊ MINH TUẤN	958
943	LƯƠNG HỮU TUẤN	959
944	NGUYỄN DOÃN TUẤN	960
945	NGUYỄN NGỌC TUẤN	961
946	NGUYỄN VĂN TUẤN	962
947	TRƯƠNG QUANG TUẤN	963
948	NGUYỄN THỊ MINH TUỆ	964
949	PHẠM TRÍ TUỆ	965
950	NGUYỄN VĂN TUYÊN	966
951	VĂN TẤT TUYÊN	967
952	ĐẶNG VĂN TUYẾN	968
953	NGUYỄN VĂN TUYẾN	969
954	NGUYỄN ÁNH TUYẾT	970
955	LÊ ĐÌNH TƯ	971
956	LÊ VĂN TƯ	972
957	MAI VĂN TƯ	973
958	PHẠM VĂN TƯ	974
959	TRỊNH QUANG TỪ	975
960	VŨ HUY TỪ	976
961	NGUYỄN VĂN TỨ	977
962	PHẠM HỮU TỰ	978
963	NGUYỄN TY	979
	U	
964	NGUYỄN QUANG UẨN	980
965	NINH THỊ ỨNG	981
966	TRẦN QUANG UY	982
967	ĐÀM THỊ UYÊN	983
968	ĐÀO THỊ UYÊN	984
969	LÊ THÀNH UYÊN	985
970	NGUYỄN TRỌNG UYÊN	986
971	NGUYỄN TRỌNG UYỂN	987
	V	
972	TRỊNH HỮU VÁCH	988
973	NGUYỄN TRUNG VÂN	989
974	PHẠM HÙNG VÂN	990
975	PHẠM THỊ KHÁNH VÂN	991
976	TRẦN THANH VÂN	992
977	CHU VĂN VỆ	993

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
978	NGUYỄN HỮU VIÊM	994	992	VŨ XUÂN XIỂN	1008
979	VŨ VĂN VIÊN	995	993	DƯƠNG HOA XÔ	1009
980	NGUYỄN NGÔ VIỆT	996	994	NGUYỄN NGỌC XUÂN	1010
981	NGUYỄN VĂN VIỆT	997	995	NGUYỄN VĂN XUÂN	1011
982	PHẠM HÙNG VIỆT	998	996	PHẠM XUÂN	1012
983	VƯƠNG VĂN VIỆT	999	997	DƯƠNG NHƯ XUYÊN	1013
984	TRẦN THỊ VINH	1000	998	KHÚC XUYẾN	1014
985	ĐẶNG HÙNG VÕ	1001	999	ĐINH KIM XUYẾN	1015
986	NGUYỄN TIẾN VỮNG	1002			
987	TRƯƠNG NHƯ VƯƠNG	1003		Y	
988	NGUYỄN VIẾT VƯỢNG	1004			
	X		1000	LƯƠNG TRỌNG YÊM	1016
			1001	LÊ THU YẾN	1017
989	NGUYỄN VĂN XANG	1005			
990	NGÔ ĐÌNH XÁY	1006			
991	ĐỖ VĂN XÊ	1007			

MỤC LỤC

TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH

TIẾN SĨ KHOA HỌC

STT	HỌ TÊN	Ngành	Trang	STT	HỌ TÊN	Ngành	Trang
1	PHAN AN	*Sinh học*	25	39	TRƯƠNG MỘC LÂM	*Kinh tế*	542
2	PHẠM KỲ ANH	*Toán học*	30	40	PHẠM HOÀNG LÂN	*Trắc địa*	549
3	LÊ HUY BÁ	*Nông nghiệp*	44	41	TRẦN ĐÌNH LONG	*Sinh học*	572
4	THÁI TRẦN BÁI	*Sinh học*	47	42	LÂM TÔ LỘC	*Nghệ thuật*	576
5	TRẦN KIM BẢO	*Ngôn ngữ*	56	43	LƯU CẨM LỘC	*Hoá học*	577
6	NGUYỄN TIẾN BÂN	*Sinh học*	64	44	ĐINH VĂN LUYỆN	*Sinh học*	594
7	ĐÀO HUY BÍCH	*Toán lý*	66	45	VÕ ĐÌNH LƯƠNG	*Hoá học*	601
8	NGÔ VĂN BƯU	*Địa chất*	89	46	TRẦN ĐÌNH LÝ	*Sinh học*	611
9	NGUYỄN TIẾN CẢNH	*Sinh học*	97	47	NGUYỄN SỸ MÃO	*Kỹ thuật*	623
10	PHAN ĐÌNH CHÂU	*Hoá học*	117	48	NGUYỄN VĂN MẬU	*Toán học*	626
11	CAO VĂN CHÍ	*Kỹ thuật*	124	49	HOÀNG QUANG MINH	*Sinh học*	632
12	BÙI ĐÌNH CHUNG	*Sinh học*	158	50	LÊ QUANG MINH	*Nông nghiệp*	635
13	NGUYỄN VĂN CHƯƠNG	*Kinh tế*	163	51	NGUYỄN NGHIÊM MINH	*Địa chất*	641
14	TRẦN VĂN CƠ	*Ngữ văn*	171	52	NGUYỄN TUYẾT MINH	*Ngôn ngữ*	644
15	CÙ XUÂN DẦN	*Nông nghiệp*	195	53	NGUYỄN HUY MỸ	*Tin học*	658
16	VÕ QUANG DIỆM	*Kỹ thuật*	197	54	NGUYỄN QUANG MỸ	*Địa lý*	659
17	LÊ VIỆT DŨNG	*Nông nghiệp*	230	55	ĐỖ VĂN NAM	*Kỹ thuật*	663
18	BÙI ĐẠI	*Y học*	256	56	TRỊNH THỊ KIM NGỌC	*Ngữ văn*	692
19	ĐỖ TRUNG ĐÀM	*Dược học*	260	57	NGUYỄN MẠNH PHAN	*Y học*	715
20	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	*Kỹ thuật*	313	58	NGUYỄN XUÂN PHÁCH	*Y học*	716
21	NGUYỄN MINH ĐƯỜNG	*Kỹ thuật*	319	59	LÊ ĐÌNH PHÁI	*Sinh học*	717
22	NGUYỄN DUY GIA	*Kinh tế*	323	60	ĐẶNG HỮU PHÚ	*Kỹ thuật*	729
23	VŨ MINH GIANG	*Sử học*	327	61	LÊ THÀNH PHƯỚC	*Dược học*	748
24	NGÔ ĐÌNH GIAO	*Kinh tế*	329	62	PHẠM QUỐC QUÁN	*Kỹ thuật*	781
25	LƯƠNG ĐÌNH HẢI	*Triết học*	345	63	TRẦN DUY QUÝ	*Sinh học*	796
26	NGUYỄN HẢI	*Kỹ thuật*	346	64	NGUYỄN XUÂN QUỲNH	*Kỹ thuật*	800
27	NGUYỄN ĐÌNH HÀO	*Kỹ thuật*	355	65	PHAN VĂN QUỲNH	*Địa chất*	803
28	NGUYỄN ĐỨC HÀN	*Ngữ văn*	358	66	PHAN XUÂN SƠN	*Sử học*	835
29	PHAN VĂN HOẠC	*Địa lý*	395	67	MAI THANH TÂN	*Toán lý*	853
30	NGUYỄN ĐỨC HUỆ	*Hoá học*	417	68	PHẠM NGỌC THAO	*Toán học*	884
31	ĐÀO TRỌNG HÙNG	*Sinh học*	420	69	NGÔ THẾ THI	*Kiến trúc*	895
32	TRẦN MẠNH HÙNG	*Dược học*	431	70	PHẠM THƯỢC	*Sinh học*	927
33	TRẦN CÔNG KHÁNH	*Sinh học*	479	71	LÊ VĂN TOÀN	*Kinh tế*	937
34	NGUYỄN ĐÌNH KHOA	*Nhân học*	489	72	TRƯƠNG QUANG TUẤN	*Kinh tế*	963
35	HÀ HUY KHÔI	*Y học*	494	73	VŨ HUY TỪ	*Kinh tế*	976
36	ĐẶNG VŨ KHÚC	*Địa chất*	504	74	NGUYỄN HỮU VIÊM	*Kỹ thuật*	994
37	TRẦN KIÊN	*Sinh học*	509	75	ĐẶNG HÙNG VÕ	*Trắc địa*	1001
38	LÊ NHƯ LAI	*Địa chất*	526	76	PHẠM XUÂN	*Địa chất*	1012

TIẾN SĨ ĐỊA CHẤT

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	ĐỖ VĂN ÁI	17	11	NGUYỄN NGỌC LIÊN	555
2	NGUYỄN VĂN BÌNH	80	12	ĐẶNG XUÂN PHONG	725
3	NGUYỄN TRUNG CHÍ	126	13	NGUYỄN VĂN PHÚC	740
4	PHAN TỪ CƠ	170	14	TẠ HOÀ PHƯƠNG	755
5	NGUYỄN TIẾN DŨNG	235	15	HOÀNG VĂN QUÝ	791
6	VŨ XUÂN ĐỘ	298	16	LÊ KIM SƠN	831
7	NGUYỄN HỮU ĐỨC	314	17	PHẠM HỮU SY	842
8	LƯU ĐỨC HẢI	344	18	BÙI MINH TÂM	847
9	TRỊNH HẦN	357	19	NGUYỄN TẤT TRÂM	946
10	TRỊNH NGỌC HUỆ	418	20	MAI TRỌNG TÚ	956

TIẾN SĨ ĐỊA LÝ

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	ĐÀO ĐÌNH BẮC	58	9	NÔNG THỊ LỘC	582
2	NGUYỄN THƠ CÁC	94	10	LÊ MỰC	656
3	NGUYỄN TRẦN CẦU	105	11	ĐINH THỊ QUỲNH NHƯ	706
4	NGUYỄN VI DÂN	193	12	NGUYỄN VIẾT THI	896
5	LÊ ANH DŨNG	227	13	ĐỖ TRỌNG THIỀU	900
6	NGUYỄN THỊ HÀ	332	14	LÊ VĂN THÔNG	905
7	VŨ HOÀNG HOA	375	15	NGUYỄN THỊ MINH TUỆ	964
8	ĐÀO KHANG	461	16	NGUYỄN TRỌNG UYÊN	986

TIẾN SĨ ĐỊA LÝ - ĐỊA CHẤT

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	ĐẶNG TRẦN BẢNG	51	12	TRƯƠNG XUÂN LUẬN	587
2	ĐỖ QUỐC BÌNH	74	13	PHẠM VŨ LUYẾN	591
3	ĐẶNG TRẦN DUY	243	14	ĐẶNG MAI	613
4	ĐỖ THỊ MINH ĐỨC	304	15	VŨ VĂN PHÁI	718
5	NGUYỄN ĐÌNH GIANG	326	16	PHẠM VĂN QUANG	774
6	NGUYỄN ĐÌNH HOÈ	397	17	LÊ VĂN THÀN	893
7	LÊ XUÂN HỒNG	400	18	NGUYỄN NGỌC THÔNG	906
8	LÊ HUỲNH	438	19	TÔ VĂN THỤ	913
9	NGUYỄN XUÂN KHIỂN	485	20	ĐOÀN NHẬT TRƯỞNG	954
10	NGUYỄN VĂN LÂM	539	21	LÊ VĂN TRƯỜNG	955
11	THÁI QUÝ LÂM	540			

TIẾN SĨ GIÁO DỤC

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	NGUYỄN NGỌC ANH	29	13	PHẠM PHƯƠNG LAN	533
2	PHẠM THỊ KIM ANH	31	14	TRẦN NGỌC LAN	534
3	CAO DUY BÌNH	72	15	TRẦN VIẾT LƯU	609
4	NGUYỄN HỮU CHÍ	125	16	HOÀNG THỊ MAI	614
5	PHẠM KHẮC CHƯƠNG	166	17	PHẠM THỊ NGỌC MINH	647
6	NGUYỄN THỊ CÔI	168	18	LÊ VĂN PHÚC	737
7	TRẦN VĂN CƯỜNG	186	19	TRẦN THANH PÔN	762
8	VŨ VĂN DẦN	194	20	PHẠM HỒNG QUANG	773
9	VŨ ĐÌNH GIÁM	325	21	ĐỖ ĐÌNH TỐNG	943
10	HOÀNG THANH HẢI	341	22	NGUYỄN VĂN TỨ	977
11	ĐẶNG VŨ HOẠT	393	23	DƯƠNG NHƯ XUYÊN	1013
12	LÊ TRỌNG KHOAN	492			

TIẾN SĨ HÓA HỌC

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	NGUYỄN ĐÌNH BẢNG	53	24	ĐẶNG VĂN LIỄU	562
2	BÙI DUY CAM	92	25	ĐINH ĐOÀN LONG	566
3	HOÀNG MINH CHÂU	109	26	NGUYỄN NGÔ LỘC	579
4	NGUYỄN VĂN CHÂU	114	27	ĐÀO VĂN LƯỢNG	603
5	TRỊNH NGỌC CHÂU	120	28	ĐẶNG QUỐC NAM	662
6	BÙI QUANG CƯ	175	29	TRẦN THU NAM	665
7	VŨ CÔNG CƯỜNG	189	30	TRẦN BÍCH NGA	673
8	ĐÀO THỊ PHƯƠNG DIỆP	202	31	NGUYỄN VĂN NGỌ	687
9	NGUYỄN VĂN DỤC	211	32	LÊ MỸ NGỮ	695
10	NGUYỄN THỊ DUNG	220	33	HOÀNG THỊ LAN PHƯƠNG	751
11	NGUYỄN TINH DUNG	221	34	TRỊNH VĂN QUY	789
12	NGUYỄN THỊ DƯ	248	35	PHẠM HUY QUỲNH	801
13	TRẦN THỊ ĐÀ	255	36	ĐỖ ĐÌNH RÃNG	805
14	NGUYỄN HỮU ĐÍNH	285	37	TRỊNH XUÂN SÉN	817
15	ĐINH XUÂN ĐỊNH	287	38	NGUYỄN MỘNG SINH	819
16	DƯ ĐÌNH ĐỘNG	302	39	LÊ VĂN SƠ	826
17	NGUYỄN NGỌC HẠNH	352	40	TRẦN SƠN	837
18	TRẦN HỮU HUẾ	414	41	NGUYỄN ĐÌNH THUỐNG	918
19	ĐỖ QUANG HUY	434	42	BÙI TRUNG	952
20	NGUYỄN ĐỨC HUỲNH	440	43	NGUYỄN VĂN TUYỂN	969
21	NGUYỄN XUÂN KHOA	490	44	NGUYỄN TRỌNG UYỂN	987
22	LÊ CHÍ KIÊN	508	45	NGUYỄN VĂN VIỆT	997
23	TRƯƠNG THẾ KỶ	520	46	PHẠM HÙNG VIỆT	998

TIẾN SĨ KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	DƯƠNG VĂN KHÁNH	474	3	NGUYỄN ĐĂNG QUẾ	784
2	PHẠM VĂN NGHIÊN	686	4	BÙI XUÂN THÔNG	904

TIẾN SĨ KIẾN TRÚC

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	TRẦN TRỌNG HANH	349	3	HUỲNH ĐĂNG HY	453
2	THIỀU VĂN HOAN	386	4	NGUYỄN LÂN	545

TIẾN SĨ KINH TẾ

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	LÊ HOÀNG ANH	28	38	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	294
2	VŨ QUANG ANH	33	39	ĐỖ VĂN ĐỨC	305
3	NGUYỄN BÁ ÂN	37	40	HOÀNG ĐỨC	307
4	ĐỖ TRỌNG BÁ	43	41	ĐẶNG THANH HÀ	330
5	ĐÀO TIẾN BẢN	49	42	HOÀNG VĂN HẠCH	337
6	MAI VĂN BẠN	50	43	AN NHƯ HẢI	339
7	TRẦN BẢO	55	44	HOÀNG HẢI	340
8	LÊ VĂN BẰM	63	45	TRƯƠNG THỊ THUÝ HẰNG	356
9	VÕ TỬ CAN	95	46	LÊ THỊ TUYẾT HOA	373
10	NGUYỄN TRUNG CANG	96	47	HOÀNG NGỌC HOÀ	378
11	NGÔ ĐỨC CÁT	99	48	NGUYỄN ANH HOÀNG	391
12	NGUYỄN THỊ DIỄM CHÂU	113	49	TRỊNH NGỌC HỒ	398
13	NGUYỄN VĂN CHÂU	115	50	NGUYỄN VIẾT HỒNG	404
14	NGÔ THẾ CHI	123	51	MAI ĐỊNH HỢP	408
15	ĐẶNG NGỌC CHIẾN	127	52	PHẠM MINH HUÂN	410
16	LÊ VĂN CHINH	135	53	PHAN THÚC HUÂN	411
17	BÙI XUÂN CHỈNH	138	54	PHẠM QUANG HUẤN	413
18	HOÀNG THỊ CHỈNH	140	55	KIM NGỌC HUỲNH	437
19	LÊ VĂN CHÍNH	144	56	NGUYỄN ĐẮC HƯNG	447
20	NGUYỄN CHÍNH	145	57	VŨ VĂN KHANG	467
21	PHẠM QUỐC CHÍNH	148	58	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNG	468
22	TRẦN VĂN CHU	154	59	NGUYỄN TRỌNG KHÁNH	478
23	BÙI ĐÌNH CHỦ	155	60	CAO TẤN KHỐNG	502
24	HUỲNH CƯỜNG	180	61	NGUYỄN ĐÌNH KIỆM	507
25	TRẦN TIẾN CƯỜNG	184	62	NGUYỄN ĐẠI LAI	527
26	TRƯƠNG QUỐC CƯỜNG	188	63	NGUYỄN VĂN LAI	528
27	LÊ VINH DANH	190	64	TRẦN QUANG LÂM	541
28	VŨ VĂN DIỄN	200	65	CAO NGỌC LÂN	543
29	DƯƠNG TẤN DIỆP	201	66	DƯƠNG ĐỨC LÂN	544
30	NGUYỄN ĐĂNG ĐỜN	207	67	PHẠM THỊ LIÊN	557
31	TRẦN MẠNH DŨNG	239	68	NGUYỄN ĐÌNH LONG	568
32	HUỲNH VĂN DUYÊN	244	69	NGUYỄN NGỌC LONG	569
33	PHẠM ĐẮC DUYÊN	245	70	NGUYỄN TIẾN LỘC	581
34	NGUYỄN DƯƠNG ĐÁN	265	71	ĐỖ QUẾ LƯỢNG	604
35	PHẠM VĂN ĐẮC	277	72	NGUYỄN VĂN LƯU	608
36	TRẦN ĐÌNH ĐẰNG	279	73	LÊ QUỐC LÝ	610
37	ĐẶNG QUANG ĐIỀU	283	74	VŨ THỊ MAI	618

75	PHAN TÙNG MẬU	627	97	HÀ XUÂN THẠCH	861
76	NGUYỄN HỒNG MINH	639	98	TRẦN VĂN THẢO	886
77	NGUYỄN NGỌC MINH	642	99	NGUYỄN VĂN THẮNG	889
78	PHẠM QUANG MINH	646	100	ĐẶNG THỊ THÌN	901
79	TRẦN VĂN NAM	666	101	VŨ QUANG THỌ	902
80	LÊ HOÀNG NGA	670	102	NGUYỄN NGÔ THỊ HOÀI THU	911
81	PHẨM AN NINH	709	103	NGUYỄN KIM THUẬN	915
82	TRỊNH QUANG PHÚ	733	104	NGUYỄN VĂN THỤC	917
83	LÊ HỮU PHÚC	736	105	PHAN VĂN TÍCH	928
84	ĐỖ THANH PHƯƠNG	750	106	ĐINH VĂN TIẾN	930
85	TRẦN THANH PHƯƠNG	756	107	MẠC VĂN TIẾN	931
86	ĐỒNG VĂN PHƯỜNG	760	108	VŨ HỒNG TIẾN	932
87	ĐẶNG VĂN QUANG	764	109	NGUYỄN KHẮC TRÀ	944
88	NGÔ VĂN QUẾ	782	110	NGUYỄN ĐỨC TRÍ	948
89	NGUYỄN MINH SANG	810	111	LÊ MINH TUẤN	958
90	PHẠM QUANG SÁNG	813	112	NGUYỄN VĂN TUẤN	962
91	DƯƠNG VĂN SAO	814	113	ĐẶNG VĂN TUYẾN	968
92	NGUYỄN VĂN SÁU	815	114	LÊ VĂN TƯ	972
93	LÊ XUÂN SINH	818	115	NGUYỄN TY	979
94	NGUYỄN NGỌC SONG	825	116	NGUYỄN TRUNG VĂN	989
95	VÕ KIM SƠN	840	117	NGUYỄN NGÔ VIỆT	996
96	BÙI THỊ TÁM	845	118	LƯƠNG TRỌNG YÊM	1016

TIẾN SĨ KỸ THUẬT

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	HOÀNG TƯ AN	20	20	NGUYỄN TIẾN BỬU	90
2	NGUYỄN HỮU AN	22	21	PHAN VĨNH CẢN	104
3	NGUYỄN THÚC AN	24	22	ĐÀO NGỌC CHÂN	108
4	HÀ ĐÀM ÂN	36	23	VÕ TRUNG CHÂU	121
5	VŨ HOÀI ÂN	39	24	ĐẶNG XUÂN CHẾ	122
6	CHÂU NGỌC ẨN	40	25	ĐINH VĂN CHIẾN	128
7	ĐẶNG VĂN BA	41	26	NGUYỄN CHIẾN	130
8	PHẠM VĂN BẮC	60	27	ĐẶNG NAM CHINH	134
9	TRẦN ĐÌNH BẮC	61	28	TRẦN VĂN CHÍNH	149
10	ĐỖ KIM BẰNG	62	29	NGUYỄN HỮU CHU	152
11	NGUYỄN ĐÌNH BÉ	65	30	THÁI BÁ CHU	153
12	HÀ VĂN BÍCH	67	31	LƯU VĂN CHÚC	157
13	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	69	32	ĐẶNG VĂN CƯƠNG	179
14	NGUYỄN BÌNH	78	33	NGUYỄN CÔNG DÂN	192
15	NGUYỄN VĂN BÌNH	79	34	TRẦN THỊ DUNG	222
16	PHẠM THANH BÌNH	81	35	LÊ PHƯỚC DŨNG	229
17	LÊ TRẦN BỈNH	84	36	NGUYỄN ANH DŨNG	231
18	NGUYỄN HỒNG BỈNH	85	37	NGUYỄN VIỆT DŨNG	237
19	VŨ THƯỜNG BỐI	87	38	VÕ DŨNG	240

39	NGUYỄN HỒNG DƯ	247	86	VƯƠNG ĐÌNH KHÁNH	481
40	NGUYỄN CAO DƯƠNG	253	87	TRƯƠNG XUÂN KHIÊM	484
41	TÔN THẤT ĐẠI	258	88	NGUYỄN XUÂN KHU	503
42	DƯƠNG QUÝ ĐÀM	259	89	BÙI VĂN KIM	514
43	NGUYỄN QUÝ ĐÀM	261	90	NGUYỄN HUY KIM	516
44	ĐINH VĂN ĐÀN	262	91	HOÀNG VĂN KỲ	519
45	PHẠM VĂN ĐẠO	269	92	NGUYỄN ĐỨC LA	523
46	TRẦN TẤT ĐẠT	274	93	NGUYỄN CAO LẠC	525
47	HOÀNG CÔNG ĐẮC	275	94	DƯƠNG DANH LAM	529
48	TRẦN BÁ ĐỆ	281	95	NGUYỄN VĂN LẠP	537
49	NGUYỄN ĐẠI ĐIỂN	282	96	NGUYỄN HỮU LÂN	546
50	LÊ VĂN ĐÍNH	286	97	NGUYỄN VĂN LÂN	548
51	NGUYỄN XUÂN ĐỊNH	288	98	PHẠM SỸ LIÊM	552
52	HOÀNG NGỌC ĐỒNG	300	99	VŨ KHẮC LIÊN	559
53	HOÀNG SĨ ĐỨC	308	100	PHAN VĂN LINH	563
54	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	316	101	NGUYỄN THỊ LOAN	564
55	TRẦN MINH ĐỨC	318	102	TÔ ĐỨC LONG	571
56	NGUYỄN TRỌNG HÀ	334	103	VÕ KIM LONG	573
57	PHẠM MINH HÀ	335	104	TRIỆU QUỐC LỘC	583
58	TRẦN NGỌC HÀ	336	105	PHẠM HỒNG LUÂN	586
59	TẠ VĂN HÀI	338	106	HOÀNG LƯƠNG	598
60	LƯU ĐỨC HẢI	343	107	LÊ LƯƠNG	599
61	PHAN VĂN HẢI	347	108	NGUYỄN AN LƯƠNG	600
62	NGUYỄN NGỌC HẠNH	353	109	NGUYỄN ĐỨC LƯỢNG	602
63	NGUYỄN VĂN HẠNH	354	110	LÊ VIẾT LƯỢNG	605
64	VŨ VĂN HIỂU	367	111	LƯU LƯỢNG	606
65	ĐINH CÔNG HOÀ	376	112	BÙI DANH LƯU	607
66	TRỊNH MẠNH HOÀ	383	113	NGUYỄN XUÂN MAI	617
67	TRẦN CÔNG HOAN	387	114	NGUYỄN XUÂN MẪN	619
68	LÊ THANH HUẤN	412	115	NGUYỄN VĂN MẠO	624
69	HÀ MINH HÙNG	422	116	NGUYỄN PHƯƠNG MẬU	625
70	QUẢN TRỌNG HÙNG	430	117	PHAN MIÊNG	630
71	VÕ TRỌNG HÙNG	432	118	NGUYỄN HỒNG MINH	640
72	LÊ CÔNG HUỲNH	439	119	NGUYỄN VĂN MINH	645
73	VÕ HUỲNH	441	120	PHAN CAO MINH	648
74	BÙI VĂN HỨC	442	121	LÊ VĂN MỘT	653
75	ĐẶNG VĂN HƯNG	443	122	ĐẶNG GIA NẢI	661
76	LÊ VĂN HƯNG	446	123	NGUYỄN HOÀI NAM	664
77	PHÙNG BÁ HƯNG	450	124	NGUYỄN VĂN NGANG	675
78	LÊ HỒNG KẾ	455	125	NGUYỄN NGHI	677
79	ĐỖ MINH KHAI	458	126	DƯƠNG HOÀI NGHĨA	681
80	NGUYỄN HỮU KHẢI	459	127	NGUYỄN NGHĨA	682
81	NGUYỄN XUÂN KHANG	465	128	NGUYỄN VIẾT NGHĨA	684
82	TỐNG ĐỨC KHANG	466	129	PHẠM ĐẮC NGHIÊM	685
83	NGUYỄN VĂN KHÁNG	469	130	LÊ VĂN NGƯ	696
84	NGUYỄN KIM KHÁNH	477	131	NGUYỄN VĂN NHỊ	703
85	TRẦN QUANG KHÁNH	480	132	NÔNG VĂN PÁO	713

133	NGUYỄN VĂN PHÁT	720	158	LÊ VĂN THANH	869
134	NGUYỄN DANH PHIÊN	721	159	NGUYỄN VIẾT THANH	871
135	HÀN ĐỨC PHÚ	730	160	ĐẶNG TRƯỜNG THÀNH	873
136	NGUYỄN VĂN PHÚ	732	161	LÊ ĐÌNH THÀNH	876
137	HOÀNG MỸ PHÚC	735	162	PHẠM VỌNG THÀNH	879
138	NGÔ ĐỨC PHÚC	738	163	VŨ ĐÌNH THÀNH	883
139	NGUYỄN HỮU PHÚC	739	164	CAO THẮNG	887
140	PHẠM THẾ PHÙNG	743	165	NGUYỄN QUANG THẮNG	888
141	PHẠM HỮU PHỨC	747	166	PHẠM TRƯỜNG THẮNG	891
142	PHAN HỒNG PHƯƠNG	754	167	NGUYỄN VÕ THÔNG	907
143	HUỲNH QUANG	766	168	TÔ THỊ MINH THÔNG	908
144	LÊ NGUYỄN MINH QUANG	767	169	NGÔ TRỌNG THUẬN	914
145	NGUYỄN HỮU QUANG	769	170	NGUYỄN THỊ MINH THUẬN	916
146	NGUYỄN NHẬT QUANG	770	171	NGUYỄN THỨ	921
147	TRẦN HỒNG QUANG	776	172	THÁI DUY THỨC	923
148	ĐỖ KIẾN QUỐC	787	173	ĐINH HẠNH THƯNG	924
149	ĐÀO HUY QUÝ	790	174	NGUYỄN THƯỢC	926
150	PHẠM NGỌC QUÝ	795	175	VÕ TIẾM	929
151	ĐỖ HỮU QUYẾT	798	176	TÔ THỊ TOÀN	940
152	NGÔ VĂN QUYẾT	799	177	BÙI ĐẠT TRÂM	945
153	TRẦN ĐÌNH SƠN	838	178	LÊ VĂN TRÌNH	949
154	MAI DI TÁM	846	179	ĐÀM QUỐC TRỤ	951
155	NGUYỄN VĂN TÂN	854	180	LƯƠNG HỮU TUẤN	959
156	PHẠM VĂN TÂN	856	181	TRẦN QUANG UY	982
157	NGUYỄN ĐĂNG TẾ	859	182	CHU VĂN VỆ	993

TIẾN SĨ LUẬT HỌC

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	TRƯƠNG CÔNG AM	18	9	NGUYỄN ĐÌNH LỤC	589
2	ĐẶNG ANH	26	10	NGUYỄN VĂN NGỌC	691
3	LÊ THỊ CHÂU	110	11	TRẦN ĐÌNH NHÃ	698
4	PHẠM LIÊM CHÍNH	147	12	PHẠM HỒNG THÁI	862
5	VŨ ĐỨC ĐÁN	266	13	ĐINH VĂN THANH	865
6	BÙI MINH GIÁM	324	14	THÁI VĨNH THẮNG	892
7	NGUYỄN PHÙNG HỒNG	401	15	ĐỖ VĂN THUYẾT	920
8	NGUYỄN VĂN LAN	532	16	VÕ ĐÌNH TOÀN	941

TIẾN SĨ NGÔN NGỮ

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	VŨ NGỌC CÂN	100	4	NGUYỄN CHÍ DŨNG	232
2	NGUYỄN HỮU CHINH	136	5	ĐÀO THỊ QUY	788
3	TÔN QUANG CƯỜNG	183	6	LÊ ĐÌNH TƯ	971

TIẾN SĨ NGỮ VĂN

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	HOÀNG VĂN AN	21	15	PHẠM TRẦN HÙNG	429
2	ĐÀO TUẤN ẢNH	34	16	NGUYỄN XUÂN LẠN	535
3	NGUYỄN DUY BẮC	59	17	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	694
4	TRẦN TRỌNG ĐĂNG ĐÀN	264	18	NGUYỄN THỊ NHUNG	705
5	ĐẶNG VĂN ĐẠM	268	19	NGUYỄN ANH QUẾ	783
6	NGUYỄN VĂN ĐỘ	297	20	TRỊNH SÂM	816
7	LÊ THỊ ĐỨC HẠNH	351	21	MÔNG KÝ SLAY	823
8	TRỊNH ĐỨC HIỂN	363	22	VŨ VĂN SỸ	844
9	PHÙNG MINH HIẾN	365	23	ĐỖ VĂN THANH	867
10	TRẦN VĂN HIẾU	368	24	PHAN XUÂN THÀNH	880
11	PHI TUYẾT HINH	370	25	PHẠM TẤT THẮNG	890
12	HỒ BÁ HOA	372	26	LỘC PHƯƠNG THỦY	919
13	NGUYỄN CHÍ HOÀ	379	27	NGUYỄN VĂN XUÂN	1011
14	NGUYỄN THÁI HOÀ	381	28	LÊ THU YẾN	1017

TIẾN SĨ NÔNG NGHIỆP

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	ĐỖ VĂN BẢNG	52	30	THÁI THÀNH LƯỢM	596
2	LÊ THÁI BẠT	57	31	HOÀNG TUYẾT MINH	633
3	HÀ THỊ THANH BÌNH	76	32	PHAN THỊ NGUYỆT MINH	649
4	VŨ THỊ BÌNH	83	33	TRẦN VĂN MINH	651
5	LÊ HỮU CẦN	102	34	NGUYỄN MỘNG	652
6	LÊ VĂN CHIẾN	129	35	LÊ VĂN NÔNG	710
7	ĐINH VĂN CHỈNH	139	36	NGUYỄN NGỌC NÔNG	711
8	VŨ ĐÌNH CHÍNH	151	37	NGUYỄN THỊ NƯƠNG	712
9	TẠ THU CÚC	173	38	HOÀNG VĂN PHỤ	734
10	VĂN MỸ DUNG	224	39	TRẦN VĂN PHÙNG	744
11	PHẠM TIẾN DŨNG	238	40	PHẠM ĐÌNH QUẮC	779
12	TÔ NGỌC ĐẠI	257	41	ĐỖ THỊ THANH REN	806
13	LÊ ĐĂNG ĐÁNH	267	42	DƯƠNG VĂN SƠN	827
14	TRẦN ĐÌNH ĐỒNG	299	43	PHAN QUỲNH SƠN	834
15	ĐINH VĂN ĐỨC	303	44	TÔN THẤT SƠN	836
16	LÊ VĂN ĐỨC	310	45	NGUYỄN VĂN TÂN	855
17	HOÀNG NGỌC ĐƯỜNG	320	46	ĐOÀN DUY THANH	866
18	NGUYỄN NHƯ HÀ	331	47	NGUYỄN CHÍ THANH	870
19	ĐÀO XUÂN HỌC	394	48	NGUYỄN THỊ XUÂN THU	912
20	ĐỖ NGỌC HOÈ	396	49	TRẦN LINH THƯỚC	925
21	NGUYỄN THỊ LƯƠNG HỒNG	402	50	TRẦN KIM TÍNH	935
22	NGÔ NGỌC HƯNG	449	51	NGUYỄN VĂN TOÀN	939
23	ĐỖ TUẤN KHIÊM	483	52	NGUYỄN THỊ TRÂM	947
24	NGUYỄN NGỌC KIỂNG	510	53	VĂN TẤT TUYÊN	967
25	NGUYỄN THỊ LAN	531	54	TRẦN THANH VÂN	992
26	TRẦN THỊ LỆ	551	55	ĐỖ VĂN XÊ	1007
27	CAO ANH LONG	565	56	DƯƠNG HOA XÔ	1009
28	PHẠM ĐỨC LỘ	575	57	NGUYỄN NGỌC XUÂN	1010
29	NGUYỄN VĂN LUẬT	588			

TIẾN SĨ QUÂN SỰ

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	BÙI THANH DUYẾN	246	5	LÊ ĐÌNH KÝ	522
2	PHẠM VĂN ĐỊNH	289	6	CHU THANH PHONG	723
3	NGUYỄN XUÂN ĐOÁ	291	7	NGUYỄN NGỌC QUÝ	794
4	ĐOÀN DUY HOÀNG	390			

TIẾN SĨ SINH HỌC

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	ĐẶNG THỊ AN	19	33	TRỊNH VINH HIỂN	364
2	TRẦN VĂN BA	42	34	NGUYỄN TIẾN HIỆP	366
3	NGUYỄN BÁ	45	35	TRẦN THÁI HOÀ	382
4	LÊ KIM BIÊN	71	36	NGUYỄN DUY HOAN	385
5	HOÀNG NGUYỄN BÌNH	77	37	HUỲNH THỊ KIM HỐI	399
6	TRẦN THỊ THANH BÌNH	82	38	NGUYỄN NGỌC HỢI	406
7	NGÔ ĐÌNH BÍNH	86	39	TRẦN MINH HỢI	407
8	ĐẶNG NGỌC CẨN	101	40	DƯƠNG ĐỨC HUYỀN	436
9	NGUYỄN NGỌC CHÂU	112	41	ĐỖ CHÍ HƯNG	444
10	NGUYỄN VĂN CHÂU	116	42	NGUYỄN NHƯ KHANH	472
11	HOÀNG CHUNG	160	43	NGÔ VĂN KHẾ	482
12	TRƯƠNG VĂN CÓ	167	44	VŨ ĐĂNG KHOA	491
13	PHAN TRỌNG CUNG	174	45	LÊ VŨ KHÔI	496
14	LƯU ĐÀM CƯ	176	46	NGUYỄN KHẮC KHÔI	498
15	NGUYỄN CỬ	178	47	PHẠM XUÂN KHÔI	500
16	NGUYỄN THỊ NGỌC DAO	191	48	VŨ XUÂN KHÔI	501
17	NGUYỄN ĐỨC DOANH	203	49	ĐỖ VĂN KHƯƠNG	505
18	LÊ DỤ	209	50	HÀ KỲ	521
19	NGUYỄN VĂN DỤC	210	51	TRƯƠNG VĂN LÃ	524
20	PHAN HUY DỤC	212	52	NGUYỄN KHOA LÂN	547
21	LÊ BÁ DŨNG	228	53	LÊ ĐẮC LIỆU	560
22	VŨ VĂN DŨNG	241	54	KHUẤT ĐĂNG LONG	567
23	HÀ THỊ DỤNG	242	55	NGUYỄN BÁ LỘC	578
24	NGUYỄN HỮU DỰC	249	56	NGUYỄN THỊ LỘC	580
25	ĐẶNG THỊ ĐÁP	271	57	NGUYỄN VĂN MÃ	612
26	NGUYỄN XUÂN ĐẶNG	280	58	NGUYỄN QUANG MAI	615
27	NGUYỄN KHẮC ĐỖ	296	59	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	620
28	NGUYỄN HỮU ĐỐNG	301	60	VŨ QUANG MẠNH	622
29	HÀ ĐÌNH ĐỨC	306	61	LÃ ĐÌNH MỚI	654
30	HỒ THANH HẢI	342	62	TRẦN THỊ THUÝ NGA	674
31	VÕ HÀNH	350	63	PHẠM GIA NGÂN	676
32	CHÂU QUANG HIỂN	359	64	NGUYỄN THỊ BẠCH NGỌC	690

65	NGÔ TRỰC NHÃ	697	72	PHẠM THỊ TÂM	850
66	TRƯƠNG SỸ NIỆM	708	73	ĐÀO XUÂN TẢN	851
67	DƯƠNG HỮU PHÙNG	742	74	HÀ THỊ THÀNH	874
68	VŨ XUÂN PHƯƠNG	759	75	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	885
69	NGUYỄN TUYÊN QUANG	771	76	NGUYỄN VĂN TUYÊN	966
70	NGUYỄN VĂN SÁNG	812	77	TRỊNH HỮU VÁCH	988
71	ĐÀO MẠNH SƠN	828			

TIẾN SĨ SƯ PHẠM - TÂM LÝ

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	HOÀNG THỊ ANH	27	18	NGUYỄN THỊ MÙI	655
2	ĐÀO THANH ÂM	35	19	LƯƠNG THỊ KIM NGA	671
3	LÊ THỊ BỪNG	88	20	TRẦN SĨ NGUYÊN	693
4	VŨ ĐÀO CHỈNH	142	21	NGHIÊM THỊ PHIẾN	722
5	LÂM QUANG ĐỐC	206	22	BÙI GIA QUANG	763
6	NGÔ THỊ THU DUNG	217	23	ĐỖ HUY QUANG	765
7	ĐỖ NGỌC ĐẠT	273	24	TRỊNH QUỐC THÁI	863
8	NGUYỄN LÊ ĐẮC	276	25	KHUẤT HUY THÀNH	875
9	TRẦN QUỐC ĐẮC	278	26	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	878
10	NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG	321	27	TRẦN QUỐC THÀNH	881
11	TRẦN BÁ HOÀNH	392	28	NGUYỄN XUÂN THỨC	922
12	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	424	29	ĐỒNG NGỌC TOÀN	936
13	PHẠM MINH HÙNG	428	30	NGUYỄN HUY TÚ	957
14	PHAN VĂN KHA	457	31	NGUYỄN ÁNH TUYẾT	970
15	NGUYỄN VĂN KHÔI	499	32	PHẠM VĂN TƯ	974
16	PHẠM THỊ NGUYỆT LÃNG	536	33	TRỊNH QUANG TỪ	975
17	NGUYỄN VĂN LÊ	550			

TIẾN SĨ SỬ HỌC

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	ĐỖ THANH BÌNH	75	11	HOÀNG LƯƠNG	597
2	ĐỖ MINH CAO	98	12	PHẠM ĐỨC MẠNH	621
3	NGUYỄN NGỌC CƠ	169	13	NGUYỄN CẢNH MINH	637
4	LÂM THỊ MỸ DUNG	215	14	VÕ VĂN NHẬT	702
5	LÊ VĂN DƯƠNG	251	15	VŨ THỊ PHỤNG	746
6	HUỲNH THỊ GẤM	322	16	HỒ VÃ QUỲNH	802
7	NGUYỄN CẢNH HUỆ	416	17	TRƯƠNG HỮU QUỲNH	804
8	NGUYỄN QUỐC HÙNG	427	18	NGUYỄN VĂN RIỄN	807
9	TRẦN HỒNG LIÊN	558	19	TRẦN HỮU SƠN	839
10	BÙI QUÝ LỘ	574	20	HOÀNG NGỌC THANH	868

21	KHỔNG ĐỨC THIÊM	898	25	DƯƠNG VĂN VIỆT	999
22	LƯƠNG THỊ THOA	903	26	TRẦN THỊ VINH	1000
23	ĐÀM THỊ UYÊN	983	27	NGUYỄN VIẾT VƯỢNG	1004
24	ĐÀO THỊ UYÊN	984			

TIẾN SĨ TÂM LÝ

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	PHẠM THỊ ĐỨC	317	7	NGUYỄN NGỌC PHÚ	731
2	BÙI VĂN HUỆ	415	8	ĐẶNG NGỌC RIỆP	808
3	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	453	9	NGUYỄN VĂN THẠC	860
4	NGUYỄN CÔNG KHANH	471	10	NGUYỄN VĂN THÀNG	864
5	TRẦN HỮU LUYẾN	592	11	NGUYỄN QUANG UẨN	980
6	VŨ THỊ NHO	704			

TIẾN SĨ TOÁN HỌC

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	PHAN ĐĂNG CẦU	106	11	PHẠM VĂN KIỀU	513
2	NÔNG QUỐC CHINH	137	12	NGUYỄN LÃM	530
3	LÊ ĐÌNH DON	204	13	NGUYỄN HUY LỢI	584
4	NGUYỄN HUY ĐOAN	292	14	ĐÀO LUYỆN	593
5	TRẦN DIÊN HIỂN	362	15	NGÔ THÀNH PHONG	726
6	ĐINH HUY HOÀNG	389	16	THÁI THUẦN QUANG	775
7	NGUYỄN VŨ QUỐC HƯNG	448	17	NGUYỄN MẠNH QUÝ	793
8	LÊ THIÊN HƯƠNG	451	18	NGUYỄN NĂNG TÂM	848
9	NGUYỄN QUÝ KHANG	464	19	NGUYỄN DOÃN TUẤN	960
10	NGUYỄN ANH KIỆT	511			

TIẾN SĨ TOÁN LÝ

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	NGUYỄN MẠNH AN	23	10	NGUYỄN ĐỒNG DŨNG	234
2	TRẦN VĂN ÂN	38	11	ĐỖ HOÀI DƯƠNG	250
3	ĐỖ QUANG BÌNH	73	12	HOÀNG VĂN ĐA	254
4	NGUYỄN CAM	93	13	THÁI KHẮC ĐỊNH	290
5	TRẦN THỌ CHÂU	119	14	KIỀU THẾ ĐỨC	309
6	ĐẶNG CHIỂU	132	15	NGUYỄN HỮU ĐỨC	315
7	ĐẶNG HỮU CHUNG	159	16	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	333
8	ĐÀO VĂN DŨNG	225	17	LÊ QUỐC HÁN	348
9	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	233	18	TRẦN THÁI HOA	374

19	NGUYỄN ĐỨC HOÀ	380	27	PHẠM THẾ QUẾ	786
20	NGUYỄN THẾ HOÀN	388	28	ĐOÀN PHAN TẤN	852
21	NGUYỄN PHỤ HY	454	29	TRẦN MINH THI	897
22	VŨ THANH KHIẾT	487	30	ĐÀO KIẾN THIẾT	899
23	NGUYỄN HỮU NHÂN	700	31	NGUYỄN THỊ TÍNH	933
24	PHẠM HỒNG QUANG	772	32	MAI VĂN TƯ	973
25	NGUYỄN VĂN QUẢNG	777	33	PHẠM HỮU TỰ	978
26	NGUYỄN VĂN QUẾ	785			

TIẾN SĨ TIN HỌC

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG	753	2	ĐẶNG TRƯỜNG SƠN	829

TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	LƯƠNG GIA BAN	48	10	TRẦN HẬU KIÊM	506
2	TRẦN ĐÌNH CHÂU	118	11	NGUYỄN VĂN PHÚC	741
3	HỒ VĂN CHIỂU	133	12	HỒ SĨ QUÝ	792
4	NGUYỄN TRỌNG CHUẨN	156	13	HỒ TẤN SÁNG	811
5	LƯƠNG MINH CỪ	177	14	NGUYỄN HỒNG SƠN	832
6	NGUYỄN QUANG DU	208	15	LÊ HỮU TẦNG	858
7	ĐOÀN MINH DUỆ	213	16	VŨ VĂN VIÊN	995
8	NGUYỄN ĐỒNG ĐỨC	312	17	TRƯƠNG NHƯ VƯƠNG	1003
9	NGUYỄN THỊ MAI HỒNG	403	18	NGÔ ĐÌNH XÂY	1006

TIẾN SĨ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT - XÃ HỘI - CHÍNH TRỊ

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	NGUYỄN MẠNH HIỂN	361	4	PHẠM MINH SƠN	833
2	TRẦN DUY HINH	371	5	PHẠM NGỌC TRUNG	953
3	TÔN THỊ THẢO MIÊN	629			

TIẾN SĨ VẬT LÝ

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	ĐÀO XUÂN HỢI	405	5	PHAN LIÊM	553
2	NGUYỄN BÍCH HÙNG	423	6	NGUYỄN NGỌC LONG	570
3	VŨ MẠNH HÙNG	433	7	VŨ XUÂN XIỂM	1008
4	LÊ VĂN KHÔI	495			

TIẾN SĨ Y HỌC

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	PHAN THỊ THU ANH	32	31	NGUYỄN THỊ THANH MAI	616
2	LƯƠNG SỸ CẦN	103	32	NGUYỄN MỄ	628
3	NGUYỄN HỮU CHỈNH	141	33	HOÀNG TIẾN MỸ	657
4	NGUYỄN THỊ CHÍNH	146	34	LÊ NĂM	668
5	NGUYỄN VĂN CHƯƠNG	164	35	CAO MINH NGA	669
6	PHẠM ĐỨC CHƯƠNG	165	36	NGUYỄN THỊ KIM NGA	672
7	VŨ DIỄN	198	37	TRẦN VIẾT NGHỊ	680
8	NGUYỄN HUY DUNG	219	38	NGUYỄN HỮU NGHĨA	683
9	HỒ THƯỢNG DŨNG	226	39	NGUYỄN BẠCH NGỌC	688
10	NGUYỄN TRÍ DŨNG	236	40	ĐOÀN HẠNH NHÂN	699
11	VŨ BẰNG ĐÌNH	284	41	HOÀNG LONG PHÁT	719
12	NGUYỄN XUÂN ĐOAN	293	42	NGUYỄN DUY PHONG	727
13	HOÀNG THỊ MINH HIỀN	360	43	LÊ VĂN PHỦNG	745
14	ĐINH THỊ PHƯƠNG HOÀ	377	44	VŨ THỊ PHƯƠNG	758
15	BÙI VĂN HOAN	384	45	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	761
16	TRẦN VĂN HỢP	409	46	NGUYỄN BÁ QUANG	768
17	VÕ THỊ KIM HUỆ	419	47	VÕ QUẢNG	778
18	ĐẶNG NGỌC HÙNG	421	48	LÊ ĐÌNH ROANH	809
19	NGUYỄN MẠNH HÙNG	425	49	PHẠM VĂN TẤN	857
20	NGUYỄN QUANG HÙNG	426	50	TRỊNH CÔNG THÀNH	882
21	TRẦN TINH HUY	435	51	NGUYỄN TƯ THẾ	894
22	NGUYỄN NGỌC KHA	456	52	ĐỖ THỊ THU	909
23	NGÔ ĐỒNG KHANH	473	53	ĐINH THỊ BÍCH THU	910
24	HOÀNG ĐỨC KIỆT	512	54	ĐỖ THỊ TÍNH	934
25	PHAN THỊ KIM	518	55	NGUYỄN HỮU TOÀN	938
26	LÊ HÙNG LÂM	538	56	NGUYỄN NGỌC TUẤN	961
27	HUỲNH THỊ PHƯƠNG LIÊN	554	57	NINH THỊ ỨNG	981
28	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	556	58	PHẠM THỊ KHÁNH VÂN	991
29	TRẦN VĂN LIỄU	561	59	NGUYỄN VĂN XANG	1005
30	NGUYỄN VĂN LUYỆN	595			

TIẾN SĨ Y DƯỢC

STT	HỌ TÊN	Trang	STT	HỌ TÊN	Trang
1	NGUYỄN QUANG BÀI	46	10	VŨ ĐÌNH CHÍNH	150
2	PHẠM QUỐC BẢO	54	11	NGUYỄN THỊ CHUNG	161
3	NGUYỄN NGỌC BÍCH	68	12	NGUYỄN VĂN CHỪNG	162
4	PHẠM THỊ NGỌC BÍCH	70	13	PHẠM THỊ CÚC	172
5	PHẠM VĂN CA	91	14	LÊ VĂN CƯỜNG	181
6	NGUYỄN CHÁNH	107	15	NGUYỄN TẤN CƯỜNG	182
7	NGÔ QUÝ CHÂU	111	16	TRẦN VĂN CƯỜNG	185
8	VIÊN CHINH CHIẾN	131	17	TRỊNH HÙNG CƯỜNG	187
9	LÊ ĐỨC CHÍNH	143	18	TRẦN VĂN DẪN	196

19	TRỊNH QUANG DIỆN	199	53	TRẦN THỊ LIÊN MINH	650
20	TRẦN ĐĂNG DONG	205	54	ĐỖ THỊ NA	660
21	ĐỖ THỊ NGỌC DUNG	214	55	VŨ NAM	667
22	LÊ THỊ NGỌC DUNG	216	56	ĐOÀN HỮU NGHỊ	678
23	NGUYỄN DUNG	218	57	ĐỖ HỮU NGHỊ	679
24	TRẦN THỊ KIM DUNG	223	58	NGUYỄN HỮU NGỌC	689
25	NGÔ QUANG DƯƠNG	252	59	LÃ THỊ NHẪN	701
26	NGUYỄN VĂN ĐÀN	263	60	TRƯƠNG VĂN NHƯ	707
27	TRẦN MINH ĐẠO	270	61	NGUYỄN MẠNH PHA	714
28	ĐẶNG TUẤN ĐẠT	272	62	ĐÀO NGỌC PHONG	724
29	NGUYỄN THÀNH ĐÔ	295	63	TRẦN VĂN PHƠI	728
30	NGUYỄN BÁ ĐỨC	311	64	ĐÀO THỊ LAN PHƯƠNG	749
31	ĐẶNG VĂN GIÁP	328	65	LÊ THỊ PHƯƠNG	752
32	LÊ ĐỨC HINH	369	66	TRƯƠNG PHƯƠNG	757
33	LÊ NGỌC HƯNG	445	67	ĐỖ TRUNG QUÂN	780
34	PHẠM NGỌC KHÁI	460	68	VŨ DƯƠNG QUÝ	797
35	LÊ VĂN KHANG	462	69	NGUYỄN THỊ SINH	820
36	NGUYỄN KHANG	463	70	PHẠM XUÂN SINH	821
37	NGUYỄN CÔNG KHANH	470	71	NGUYỄN VĂN SIÊM	822
38	LÊ ĐÌNH KHÁNH	475	72	PHẠM QUÝ SOẠN	824
39	NGUYỄN GIA KHÁNH	476	73	GIANG THỊ SƠN	830
40	PHẠM VĂN KHIỂN	486	74	VŨ THƯỜNG SƠN	841
41	MAI TRỌNG KHOA	488	75	ĐINH NGỌC SỸ	843
42	VŨ KHẮC KHOAN	493	76	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	849
43	NGUYỄN HỮU KHÔI	497	77	CAO NGỌC THÀNH	872
44	HOÀNG TRỌNG KIM	515	78	NGÔ VĂN THÀNH	877
45	NGUYỄN NHƯỢC KIM	517	79	TRẦN ĐÌNH TOÁN	942
46	LÊ THỊ LUẬN	585	80	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	950
47	NGUYỄN ĐỨC LUNG	590	81	PHẠM TRÍ TUỆ	965
48	DƯƠNG THỊ NGUYỆT MINH	631	82	LÊ THÀNH UYÊN	985
49	HOÀNG VĂN MINH	634	83	PHẠM HÙNG VÂN	990
50	NGUYỄN BÌNH MINH	636	84	NGUYỄN TIẾN VỮNG	1002
51	NGUYỄN CÔNG MINH	638	85	KHÚC XUYÊN	1014
52	NGUYỄN NGỌC MINH	643	86	ĐINH KIM XUYẾN	1015

TRUNG TÂM BIÊN SOẠN SÁCH

TIẾN SĨ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

KÍNH BÁO

Trung tâm biên soạn sách *Tiến sĩ Việt Nam hiện đại* vẫn tiếp tục nhận hồ sơ của những tiến sĩ chưa kịp gửi. Hồ sơ gồm:

I - Một tấm bằng tiến sĩ photô có công chứng Nhà nước hoặc xác nhận của cơ quan nơi công tác.

II - Hai ảnh chân dung 4 x 6cm ghi rõ họ tên phía sau.

III - Một tờ khai tóm lược tiểu sử và hoạt động khoa học theo nội dung:

1. Họ tên
2. Bút danh hoặc các tên khác
3. Ngày, tháng, năm sinh
4. Quê quán
5. Chỗ ở hiện nay
6. Quá trình công tác và các chức vụ đã, đang đảm nhiệm
7. Là thành viên, hội viên các tổ chức, hội nghề nghiệp
8. Năm tốt nghiệp tiến sĩ *(ghi rõ tiến sĩ khoa học hay phó tiến sĩ cũ)*
9. Tại trường / viện / nước.
10. Ngành, chuyên ngành của văn bằng tiến sĩ.
11. Đề tài luận án tiến sĩ.
12. Tóm tắt nội dung chính luận án tiến sĩ *(dài nhất 250 chữ)*.
13. Những thành tựu khoa học tiêu biểu đã đạt được gồm: đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu, công trình khoa học đã ứng dụng, sách đã xuất bản, giải thưởng khoa học, bằng phát minh sáng chế, huân chương, huy chương.
14. Những dự định khoa học tương lai của tiến sĩ *(dài nhất 100 chữ)*.
15. Những lời tâm huyết của tiến sĩ với đất nước và khoa học *(nếu có - dài nhất 100 chữ)*.
16. Điện thoại liên lạc.

(Những thông tin thuộc bí mật quốc gia không ghi vào tờ khai này).

Đối với những tiến sĩ đang ở nước ngoài hoặc những tiến sĩ đã qua đời, chúng tôi kính nhờ thân nhân gần nhất hoặc cơ quan của tiến sĩ khai giúp.

Hồ sơ *(đánh máy vi tính rõ ràng)* có thể gửi cá nhân hoặc tập thể qua đường bưu điện theo địa chỉ:

Trung tâm biên soạn sách Tiến sĩ Việt Nam hiện đại - 18 Trần Duy Hưng - Quận Cầu Giấy - Hà Nội. Điện thoại: 04.7841178.

Chúng tôi rất mong nhận được sự hưởng ứng của các tiến sĩ và sự giúp đỡ của các cấp chính quyền, cơ quan, đoàn thể để bộ sách *Tiến sĩ Việt Nam hiện đại* đạt chất lượng cao. Vì không biết hết địa chỉ để gửi giấy mời riêng, thông báo này thay cho giấy mời của chúng tôi gửi tới các tiến sĩ với tất cả tấm lòng trân trọng.

Hà Nội, 2003

TRUNG TÂM BIÊN SOẠN

TIẾN SĨ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

TẬP 2

PHẠM VĨNH

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN
HÀ NỘI 2003

Chịu trách nhiệm xuất bản
VŨ AN CHƯƠNG

Chịu trách nhiệm bản thảo
PHẠM NGỌC LUẬT

Biên tập
PHẠM LỆ BÌNH
TẤT HOÀ

Kỹ thuật vi tính
HOÀNG LONG
TT BIÊN SOẠN SÁCH TSVNHĐ

Trình bày sách
NGỌC TUẤN

Sửa bản in
TT BIÊN SOẠN SÁCH TSVNHĐ

In 1.000 cuốn, khổ 19x26,5 cm, tại Công ty In Công Đoàn Việt Nam 167 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.
Giấy phép xuất bản số: 1166/XB - QLXB/33 - VHTT. In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2003.

TÁC PHẨM ĐÃ ĐĂNG KÍ BẢN QUYỀN TÁC GIẢ TẠI CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ - BỘ VĂN HOÁ - THÔNG TIN, NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM NGÀY 14 THÁNG 6 NĂM 2002.
GIẤY CHỨNG NHẬN BẢN QUYỀN TÁC GIẢ SỐ : 354 / 2002 / QTG.
MỌI HÌNH THỨC IN ẤN, SAO CHỤP HOẶC SỬ DỤNG TƯ LIỆU TRONG TÁC PHẨM NÀY PHẢI ĐƯỢC SỰ ĐỒNG Ý CỦA TÁC GIẢ.

Giá: 280.000đ

tiến sĩ việt nam hiện đại t2
1 003071 000060
280.000 VNĐ

PHÁT HÀNH TẠI
VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM
HÀ NỘI

Giá : **280.000**đ